



# Phước huệ tập 1

## 福慧集 (一)

Thích Hậu Quán  
釋厚觀 著述

Việt dịch: Thích Vạn Lợi, Thích nữ Lệ Trúc, Thích nữ Hạnh Quang,  
Thích nữ Vạn Nghĩa, Thích nữ Hạnh Tín

越南文翻譯：釋萬利，釋麗竺，釋行光，釋萬義，釋行信



**Printed and donated by**

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

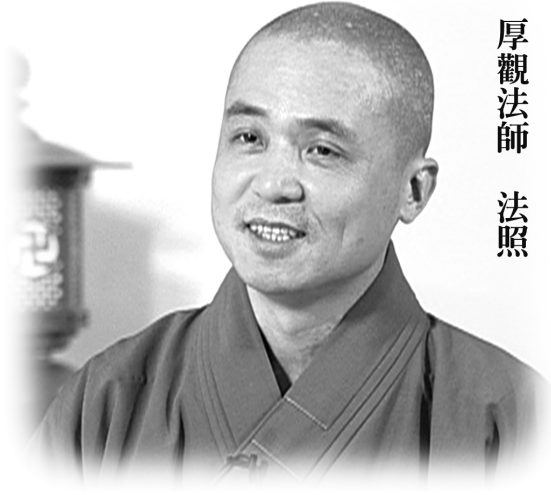
**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**

**KINH ẨM TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN**

# LỜI TỰA

THÍCH HẬU QUÁN

Từ năm 1996  
bút giả du học  
Nhật Bản trở về  
nước giảng dạy  
đến nay, trong  
chóp mắt đã trải  
qua 15 năm.  
Những tháng năm  
đó, từ tháng 6 năm  
1999 đến tháng 6  
năm 2006 đảm



厚  
觀  
法  
師  
法  
照

nhiệm qua trụ trì tịnh xá Phước Nghiêm nhiệm kỳ 12 và 13, kiêm viện trưởng Phật học viện Phước Nghiêm; kế tiếp từ tháng 7 năm 2006 đến tháng 6 năm 2010 đảm nhiệm chức trụ trì giảng đường Huệ Nhật ở Đài Bắc nhiệm kỳ thứ 13. Tháng 6 năm nay (năm 2010), bút giả trụ trì giảng đường Huệ Nhật nhiệm kỳ bốn năm đã mãn, lại được Tăng đoàn Phước Huệ đề cử làm trụ trì tịnh xá Phước Nghiêm nhiệm kỳ thứ 15, kiêm viện trưởng Phật học viện này. Ngày nhận trụ trì ở tịnh xá Phước Nghiêm, bút giả suy nghĩ nên có “lễ vật” gì để mang tặng mọi

người. Do đó, nghĩ đến trước đây khi bút giả ở hai đạo tràng “Phước Nghiêm và Huệ Nhật” đã giảng dạy qua hoặc tuyển chọn những bài văn ngắn kết tập thành sách, một mặt chia sẻ cùng với đại chúng, mặt khác là để hướng dẫn mọi người.

Cuốn sách “PHƯỚC HUỆ TẬP” này, chủ yếu có hai mục đích:

1. Trong khoảng thời gian trước, bút giả thường dạy học, hoằng pháp ở tịnh xá Phước Nghiêm và giảng đường Huệ Nhật, hoặc được mời đến diễn giảng ở những tự viện, hay các đoàn thể học Phật, cuốn sách này gồm những bài văn tuyển chọn phần nhiều dạy ở hai đạo tràng “Phước Nghiêm và Huệ Nhật”, bao hàm những lời khuyến khích các vị Sa di trong mỗi nửa tháng tụng giới tại tịnh xá Phước Nghiêm, hoặc trong khi nghiên cứu thảo luận lúc lên lớp Phật học viện, và khi giảng dạy cho tín chúng ở giảng đường Huệ Nhật, vì thế đặt tên “PHƯỚC HUỆ TẬP”.

2. Hiện tại lấy tên “PHƯỚC HUỆ TẬP”, còn có một ý nghĩa khác, đó là hi vọng khích lệ cùng đại chúng, nguyện cho mọi người đều có khả năng “quảng tập phước đức, trí huệ tư lương”. Và trong “Đại Trí Độ Luận” dạy: “Muốn thành tựu Phật đạo, phải đủ hai

phương diện: Một là phước đức, hai là trí huệ”<sup>1</sup>. Và Cổ Đức cũng khuyên: “Vào đạo phải lấy trí tuệ làm căn bản, trí tuệ phải lấy phước đức làm cơ sở. Giống như con chim có đôi cánh bay vun vút trên bầu trời, chiếc xe có hai bánh chạy xa ngàn dặm”<sup>2</sup>. Đức Phật có lòng từ bi trí tuệ song toàn, phước huệ viên mãn, nên chúng ta học Phật, cũng phải phát tâm từ bi, lấy ba thiện căn không tham, không sân và không si tu tập tất cả thiện pháp, đem đến lợi ích cho chúng sanh, nhằm tu tập phước đức tư lương; và lấy văn, tư, tu huệ để quảng tập trí huệ tư lương, cứu cánh Phật quả cuối cùng viên thành “phước đức trang nghiêm, trí huệ viên mãn”.

Từ hai lý do trên, nhân đây mới lấy tên cuốn sách là “PHƯỚC HUỆ TẬP”.

Còn những bài giảng dạy và ghi chép khác, vì chưa có thời gian chỉnh lý, nên trước tiên phát hành “PHƯỚC HUỆ TẬP 1”, hi vọng ngày sau, khi nhân duyên đầy đủ, có thể xuất bản các tập tiếp theo.

Giảng đường Huệ Nhật, ngày 12 tháng 6 năm 2010

---

1 “Đại Trí Độ Luận”, quyển 15, Đại Chánh tập 1, trang 72b.11~12.

2 Đồi Lương, Huệ Hiệu soạn, “Cao Tăng truyện” quyển 13, Đại Chánh tập 50, trang 413b11~13.

## **Mục lục**

LỜI TỰA.....	3
THIỆN THỨ NHẤT: NHƯ THUYẾT TU HÀNH .....	7
ỨNG NIỆM TAM BẢO .....	9
ĐEM ĐẠO TÂM ĐỂ HỌC .....	1 3
LUÔN LUÔN THỨC TỈNH TRƯỞNG DƯỠNG HUỆ MẠNG .....	2 2
ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO .....	2 4
TÙY HỖ SÁM HỐI CÓ TẠO TÁC CÓ TÍCH TẬP .....	2 6
PHƯỚC ĐỨC CÙNG PHƯỚC BÁO .....	2 9
QUÝ VỊ LÀ THIỆN NAM TỬ THIỆN NỮ NHON PHẢI KHÔNG?... ..	3 5
LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI VIỆC ĐỀU NHƯ Ý .....	4 2
PHÁP MÔN KHÔNG HAI .....	4 5
TU HÀNH NHƯ ĐỐI DIỆN TRƯỚC VỰC THẨM, NHƯ ĐI TRÊN BĂNG MỎNG .....	4 8
TÂM NIỆM CÙNG NGHIỆP BÁO .....	7 2
THIỆN THỨ HAI BỒ-TÁT CHÁNH HẠNH .....	1 3 0
BỒ-TÁT ĐỒNG HỌC.....	1 3 1
PHƯƠNG PHÁP TU NHẪN NHỤC .....	1 3 7
BỒ-TÁT KHÔNG KHỞI TÂM KHINH MẠN.....	1 9 2
TỰ LỢI LỢI THA .....	2 0 0
VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA .....	2 1 5
THANH VẤN VÀ BÍCH CHI PHẬT CÓ KHÁC PHẬT KHÔNG? .	2 2 4
KHI NÀO MỚI ĐƯỢC GIẢI THOÁT THÀNH PHẬT.....	2 3 4

**THIÊN THỨ  
NHẤT: NHƯ  
THUYẾT TU  
HÀNH**





## ỨC NIỆM TAM BẢO

Một năm nữa trôi qua, về phương diện tốt, thì kinh nghiệm của chúng ta tăng trưởng theo ngày tháng; còn đứng từ góc độ khác, thì *“thời gian tồn tại của mạng sống giảm dần, như cá trong hồ nước càng lúc khô đi”*. Nên Đại sư Ấn Thuận trong bài văn “Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới” nhắc nhở: “Khi chúng ta còn chưa đạt được địa vị cứu cánh, thì mọi người giống như nhau, đều ở trong quá trình tạo nghiệp nhân rồi thọ nhận quả báo”<sup>1</sup>. Nhân như thế nào thì quả như thế đó. Nếu ai phóng dật, lười biếng, một khi thân người mất đi, khó gặp được Phật nghe chánh pháp. Vì vậy muốn đời đời kiếp kiếp được thuận duyên này, thì ngay bây giờ chúng ta cần phải gieo duyên thâm sâu với Tam bảo!

### I. Đối với Đức Phật

Có ai mong muốn đời sau sanh ra nơi không có Phật pháp đâu? Vì thế hiện tại chúng ta phải tinh cần kính lễ, tán thán, nhớ nghĩ về chư Phật! Còn nếu chúng ta không tu học, ngược lại giả dối chư Phật, thì việc thấy Phật nghe pháp sẽ rất khó khăn.

Nên Bồ-tát Long Thọ trong “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa”

---

1 Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Phật Pháp Ánh Sáng Của Thế Gian” bài ‘Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới’, trang 250.

dạy: “Giả dối chúng sanh là giả dối chư Phật”<sup>2</sup>. Chúng ta thật trọng ghi nhớ lời khuyên này. Bởi vì chư Phật không có gì chẳng biết, nên dù muốn dối cũng đâu dễ. Và chúng sanh khác là đối tượng hóa độ của chư Phật, tương lai họ sẽ thành Phật, nên chúng ta lừa dối chúng sanh, thì chư Phật đâu hoan hỷ. Một khi đã gieo duyên xấu với chúng sanh, thì tương lai chúng ta muốn hóa độ họ sợ không đơn giản.

## II. Đối với giáo pháp

Ở trong “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa” nêu ra bốn nguyên nhân làm mất trí tuệ: “1. Không kính trọng giáo pháp và người giảng dạy giáo pháp. 2. Đối với giáo pháp quan trọng nuối tiếc cất giấu không truyền đạt. 3. Đối với người ham thích giáo pháp, lại gây trở ngại làm mất tâm mong cầu của họ. 4. Mang lòng kiêu ngạo tự cao chê bai người khác”<sup>3</sup>. Nếu như không muốn bị thôi thất trí huệ, đối với vấn đề quan trọng trước nhất là “kính trọng giáo pháp”, phải phản tỉnh lại, chúng ta có “kính trọng, lắng nghe, học hỏi và nương theo đó thực hành” hay chưa? Vì thế chúng ta mong muốn không xảy ra “nạn tiêu diệt giáo pháp”, thì cùng nhau tích cực “hộ trì giáo pháp, hoằng

---

<sup>2</sup> “Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa” quyển 2, ‘phẩm thứ 4 Tịnh Địa’, Đại Chánh tập 26, trang 30a5.

<sup>3</sup> Đại Chánh tập 26, trang 65c.29~66a.

dương chánh pháp”!

### III. Đối với chúng Tăng

“Tăng” có nghĩa là chúng hòa hợp. Ai đâu mong muốn đi một mình trên hành trình tu học? Hay thích xung quanh đều là người mang tâm tánh hơn thua? Còn nếu hy vọng có người thiện tri thức cùng chí hướng hạnh nguyện đồng hành, thì chúng ta hiện tại phải quảng kết thiện duyên.

Nên trong “Đại Trí Độ Luận” dạy: “Chúng ta xem vị thầy như chính Đức Phật; nếu không gặp được thiện tri thức, thì chỉ trách chính mình nhân duyên phước đức chưa vẹn toàn, chứ đừng trách người khác!”<sup>4</sup> Chúng ta học tập ưu điểm của thiện tri thức, không phải vì mục đích tìm kiếm điều sai lầm của họ. Nếu làm được như vậy, đến nơi đâu cũng có vị thầy để thân cận, đến nơi đâu cũng đạt được lợi ích. Nên hy vọng các vị đều “kính trọng Tăng”, “hộ trì Tăng”, “tán thán Tăng”, đồng lòng gieo duyên thiện pháp!

Cuối cùng, “Đức Phật như y vương, giáo pháp là thuốc tốt, Tăng là người chăm sóc bệnh nhân”<sup>5</sup>. Chúng ta quảng kết thiện duyên thâm sâu với Tam bảo bao nhiêu,

4 “Đại Trí Độ Luận” quyển 96, ‘phẩm 87 Niết Bàn Như Hóa’ Đại Chánh tập 25, trang 733b-c.

5 “Đại Trí Độ Luận” quyển 22, ‘phẩm Tự’ Đại Chánh tập 25, trang 224a22.

thì cơ duyên được gặp Phật nghe pháp thân cận thiện tri thức càng lớn, điều này không những hỗ trợ cho đạo nghiệp được tăng trưởng, mà còn làm cho chánh pháp cửu trụ ở thế gian.

Hy vọng mọi người cùng nhau sách tấn tăng tiến.

# ĐEM ĐẠO TÂM ĐỂ HỌC

Ngày 15 tháng 12 năm 1987

## 1. Lời căn dặn của sư trưởng

Trước khi đến Nhật Bản, thầy Ấn Thuận có căn dặn ba điều : “1. *Cần phải vì Phật pháp mà học, 2. Không được quên bổn phận của người xuất gia, 3. Phải biết sử dụng học vấn, không để cho học vấn sử dụng, nên chú trọng sức khỏe ...*” Và thầy Thánh Nghiêm sở trưởng sở nghiên cứu Phật học Trung Hoa cũng khuyên: “Thứ nhất đạo tâm, thứ hai sức khỏe, thứ ba học vấn”. Nghĩ lại ba năm sinh hoạt ở sở nghiên cứu Phật học, suy tư và hy vọng về nền giáo dục Phật giáo trong tương lai, không làm sao ngăn được những dòng cảm xúc và lúc đó lại được cư sĩ Trần Tú Lan (bạn học ở sở nghiên cứu Phật học) hiện làm chủ biên tờ báo “Nhân Sanh” muốn tôi viết bài, từ các nhân duyên này nên tôi trình bày những điều suy tư dưới đây để cùng sách tấn với các vị nghiên cứu Phật học.

## 2. Tu hành và nghiên cứu giáo lý

*“Phật pháp vốn xuất phát từ sự chánh giác của Đức Phật. Ngài vì thích ứng thời cơ giảng dạy giáo pháp, tùy nghi thiết lập quy chế, nên điều đó không thể đồng đẳng với sự chánh giác của Đức Phật ... Mà còn thích hợp với*

*thời gian, không gian và con người”*<sup>1</sup>. Đức Phật khi còn tại thế, tùy thời gian, không gian và đối tượng mà giảng dạy thiết lập quy chế, hơn nữa chúng ta chưa tận tai nghe Đức Phật thuyết pháp, về thời gian thì cách Đức Phật tại thế đã hơn hai ngàn năm, về không gian Phật pháp truyền từ Ấn Độ đến Trung Quốc, mà hai nền văn hóa đó không giống nhau; còn về phương diện nhân vật, trải qua biết bao đời các vị Tổ sư trao truyền, do vì các yếu tố đó, nên tùy theo thời gian, không gian và con người mà có sự thay đổi, có sự phát triển. Tuy đệ tử đức Phật tu tập lấy mục đích đạt đến chánh giác làm chính, song đối diện với ngoại đạo tà giáo, nội đạo dị thuyết hỗn tạp, nên tu hành như thế nào, và phương pháp tu tập đó có chính xác hay không, muốn không bị các yếu tố đó chi phối thì phải nương vào “giáo lý” để tu hành và phá tà hiển chánh. Chúng ta căn cứ vào giáo lý để tu hành, lấy việc tu hành thể nghiệm chứng minh lời dạy trong giáo lý, hai điều đó hỗ tương nhau thành tựu.

Vì vậy trong “Trung Quán Luận” ‘Phẩm Quán Tứ Đế’ ghi: *“Chư Phật nương vào hai đế, mà vì chúng sanh thuyết pháp, một là lấy thế tục đế, hai là đệ nhất nghĩa đế. Nếu ai không thể biết được, phân biệt hai loại*

---

<sup>1</sup> Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Vi Chủ Đích Luận Thư Dữ Luận Sư Chi Nghiên Cứu” (Lời Tựa), trang 2.

*đế này, tức ở trong Phật pháp thâm sâu, không biết được ý nghĩa chơn thật. Nếu không nương thế tục đế, không đạt được đệ nhất nghĩa, tức không đạt được Niết-bàn.”<sup>2</sup>*

### III. Phật giáo học và Phật giáo

Trăm năm gần đây, Nhật Bản dựa trên cơ sở Phật giáo Trung Quốc, kết hợp phương pháp nghiên cứu hiện đại, nên việc nghiên cứu Phật học có rất nhiều thành tựu. Như thông qua phương pháp nghiên cứu lịch sử Phật giáo “Kinh A Hàm” được đánh giá cao. Nhưng trong lúc mọi người tích cực nghiên cứu văn bản, cũng có người chú ý đến nguy cơ tiềm tàng trong vấn đề này. Nên giáo sư Bình Xuyên Chương (Akira Hirakawa) trong tác phẩm “Phật Giáo Nghiên Cứu Nhập Môn” (trang 28~29) chỉ ra vấn đề:

Muốn khách quan tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, thì không thể thiếu việc nghiên cứu văn bản tư liệu, song nghiên cứu văn bản tư liệu với mục đích hỗ trợ cho việc tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, nếu chỉ lấy việc nghiên cứu văn bản tư liệu chỉ để phục vụ nghiên cứu văn bản tư liệu, đối với nhân loại không có một chút công hiến nào, thì “Phật giáo học” không có cách duy trì lâu dài, sớm

---

<sup>2</sup> “Trung Luận” quyển 4, “24 Phẩm Quán Tứ Đế”, Đại Chánh tập 30, trang 32c.16~33a3.

muộn cũng bị mai một. Bởi vì tuy “Phật giáo học” được hưng thịnh, nhưng “Phật giáo” bị suy vi, giả sử “Phật giáo” không còn tồn tại, thì có thể mong đợi “Phật giáo học” phát triển để làm gì?

Những năm gần đây, không ít người chân chính nghiên cứu Phật học, không kể trong nước hay ngoài nước. Nếu mọi người đều xem trọng việc hiểu rõ “phương pháp tu hành”, và sự diễn biến lịch sử, qua đó ghi nhớ bài học thịnh suy của Phật giáo, để ôn cố tri tân, rút ra bài học của quá khứ áp dụng cho tương lai, nghiên cứu như vậy còn có ý nghĩa hơn.

Do phát hiện nguyên gốc bản văn bản tiếng Phạn, một số học giả chuyên hướng chú ý đến đó, quên đi giá trị của bản dịch chữ Hán. Kỳ thật bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập và những bản dịch trước đó, đã căn cứ vào bản tiếng Phạn, sớm hơn so với bản hiện còn của thế kỷ thứ VII, điểm khác nhau của hai bản này rất đáng để được nghiên cứu. Thầy Ấn Thuận nói: “Phật giáo Trung Quốc (ở đây không bao hàm Thiên Thai, Thiền v.v...) vẫn còn nhiều điều cần nghiên cứu, điều đó chính là việc nghiên cứu đối chiếu các bản dịch này”. Ngoài ra, sự tồn tại của Phật giáo, không chỉ người tu chứng thôi, như khi xem chur Phật thời xưa, vì không y vào giới luật để thống



niếp Tăng đoàn, do đó chánh pháp tồn tại không lâu dài. Nghiêm túc mà nói, hiện tại Tăng đoàn của Trung Quốc sinh hoạt chưa căn cứ vào giới luật, như vậy “chúng ta người xuất gia cần phải phát tâm nghiên cứu về ý nghĩa chân chánh của giới luật.”<sup>3</sup>

#### IV. Dạy học, nghiên cứu và giáo hóa

Giáo dục đại học có ba chức năng: dạy học, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Đem việc nghiên cứu của đại học Y dược Đông Kinh Nhật Bản làm ví dụ. Giáo sư và sinh viên phải làm thực nghiệm nghiên cứu, học trên lớp tương đối ít, việc “dạy học” là thực thi việc nghiên cứu, nếu xã hội có liên quan đến vấn đề sức khỏe và điều trị, thường thì phỏng vấn các giáo sư đại học, và ứng dụng truyền thông công cộng như báo chí truyền hình v.v... để đăng tải cho mọi người được tiếp cận thông tin, nhằm mục đích “phục vụ xã hội”; mà vấn đề vừa phát sinh, cũng chính là đề tài nghiên cứu mới. Hay nói cách khác: nghiên cứu là vì mục đích giải quyết các vấn đề cần thiết của xã hội con người. Giáo dục Phật giáo cũng như vậy, ngoài thời gian lên lớp ra, chúng ta cần nghiên cứu các vấn đề về lĩnh vực giáo lý, tu chứng và Tăng

---

<sup>3</sup> Pháp sư Ấn Thuận trước, “Hoa Vũ Tập” quyển thứ 5, ‘Phương Pháp và Lập Trường Nghiên Cứu Phật pháp’, trang 71.

đoàn v.v...

Nếu chỉ có một thiếu số tu chứng hay nghiên cứu mà thiếu đi người làm công tác “giáo hóa” phục vụ xã hội, thì cũng khó mà đem Phật pháp phổ cập trong nhân quần. Khiếm khuyết mạch nước ngầm này, thì Phật pháp có nguy cơ bị đứt đoạn. Vì vậy những nhà nghiên cứu Phật học, nên xem trọng các người làm việc giáo hóa, từ thiện. Bởi vì họ đem lý luận và tu chứng biểu hiện cụ thể trong cách làm người và xử lý công việc, thực tiễn hoằng hóa Phật pháp?

Giáo hóa chúng sanh, phải có phương tiện, nhưng điều đáng để chúng ta chú ý là: người sử dụng phương tiện nếu chỉ lấy thể tục, mà quên đi mục đích “giải thoát, thành Phật” của Phật pháp làm nét đặt trung, thì không trở thành “Phật giáo”. Ngoài ra, người nghiên cứu nếu chỉ cao đàm khoát luận, quên đi việc giáo hóa chúng sanh, thì cũng dễ đạp trên vết xe đổ của Phật giáo thời A-tỳ-đàm.

Vốn các luận sư A-tỳ-đàm tích cực nghiên cứu về “pháp” đây là điều thích đáng; bởi vì Đức Phật đã diệt độ, đệ tử Ngài không thể trực tiếp thừa hỏi các vấn đề lên quan đến tu tập và chứng ngộ, song họ phát hiện, căn cứ vào “pháp” do Đức Phật dạy để tu hành, cũng đạt

đến giải thoát. Họ cho rằng: đối với “pháp” có nhận thức càng thấu triệt, càng hiểu được chơn lý, càng tiếp cận đến giải thoát. Do vậy họ hết sức tích cực chỉnh lý quy nạp, tổ chức hóa, thứ tự hóa những lời dạy thích ứng của Đức Phật. Nghiên cứu thảo luận đưa ra các vấn đề quan trọng, thật là công lao không thể kể hết của họ. Nhưng càng về sau, vì để tranh luận với các bộ phái khác, nên các chuyện như tại sao con người có hai con mắt, mà một cái miệng cũng đem ra thảo luận. Từ đó, Phật pháp trở thành công cụ tư duy biện luận của thiểu số, ngược lại mất đi công năng làm lợi ích cho chúng sanh.

Vì thế, giáo dục Phật giáo cần phải đào tạo giảng dạy: người làm công tác giảng dạy; thực hiện các việc “giáo hóa”; và người “nghiên cứu” các vấn đề liên quan đến phương pháp tu chứng và vấn đề của Tăng đoàn, ba mục đích đó liên quan rất mật thiết. Nền giáo dục Phật giáo như thế mới có sự cống hiến cho Phật giáo và đem đến lợi ích cho chính mình.

## V. Vì “Phật pháp” mà học

Có lần thưa thầy Ân Thuận về quan điểm giáo dục của Tăng đoàn, Ngài dạy: *“Đã là giáo dục Tăng đoàn, chính là giáo dục người xuất gia, nhất định phải*

*‘nghiêm khắc’*. Tuy các lớp sơ cấp, cao cấp hay nghiên cứu sinh khác nhau, nhưng vấn đề cơ bản *‘bồi dưỡng kiện toàn Tăng cách’ không có khác*”. Trước đây tôi có hướng dẫn một số sinh viên đại học đến tham dự lớp sơ cấp của Phật học viện Phước Nghiêm, ban đầu họ cảm thấy kỳ lạ, nhưng sau đó dần hiểu, bồi dưỡng kiện toàn Tăng cách (bao hàm người tại gia kiện toàn phẩm cách), càng quan trọng hơn là giáo dục đào tạo ra các nhà học giả có tâm cao ngạo. Muốn trở thành người chánh nhân quân tử trong đời đã khó, huống gì trở thành một vị Thánh hiền xuất thế! Bởi vậy nền giáo dục Phật giáo, chẳng luận là “giảng dạy”, “nghiên cứu”, “giáo hóa”, đều lấy vấn đề đó làm trọng tâm.

Cách đây không lâu thầy Ấn Thuận có tặng tấm hình, và ghi trên đó vài lời nhắc nhở:

*“Vì lợi ích cứu giúp nhân quần mà học, vì thanh tịnh tâm mình mà học.*

*Vì tìm cầu Phật pháp thâm sâu mà xuất ngoại du học, chớ suy nghĩ vì học vấn thế gian.”*

Thầy Huệ Không bạn cùng lớp ở sở nghiên cứu Phật học Trung Hoa từng nói: *“Học vấn trong đời so sánh, thua người một chút có gì đâu”*. Chính xác như vậy, vì mục đích hơn thua học vấn bên ngoài, mà quên mất ý

nghĩa chơn thật của Phật pháp, chẳng những vô ích đối với nhân quần, ngược lại tăng thêm phiền não ngã mạn, gây tổn thất rất lớn.

Có người gọi tám vị nghiên cứu sinh khóa thứ II của sở nghiên cứu là “bát tiên quá hải”, biển học của khóa đã vượt qua, hiện tại phải vượt qua biển để đến Nhật cầu học, song chơn chánh của cái “khô hải kiếp nhân sanh” còn đợi việc tinh tấn tu hành khắc phục nó!

Sự nghiệp của Phật giáo cần chúng ta cùng nhau thực hiện, bởi vì cá nhân tài hèn phước mỏng, nên các vấn đề đưa ra chưa thể thực hiện được, song hy vọng nhân cơ hội này mà cùng nhau khích lệ, nếu có gì chưa thích đáng, xin các vị chỉ giáo.

## LUÔN LUÔN THỨC TỈNH TRƯỞNG DƯỠNG HUỆ MẠNG

Trong tuần trước, cùng nhau tham dự ngôi thiền ba ngày, đại chúng cảm thấy trong tâm có an ổn thanh tịnh không? Hay tâm viên ý mã, vọng tưởng tạp loạn, tà niệm xuất hiện không ngừng? Nên chúng ta tự nhìn lại chính mình, tâm chưa có biện pháp điều phục khiến nó thanh tịnh, thì cuối cùng nguyên nhân đó nằm ở đâu?

Có phải từ quá khứ đến nay, tập khí của chúng ta tích lũy nặng, hay trong hiện tại huân tập nhiễm ô nhiều, khiến cho tâm chúng ta bị ảnh hưởng, khó áp dụng phương pháp điều phục? Hay chúng ta đối với phương pháp tu tập chưa thông hiểu thấu đáo? Hay chúng ta đã am tường rồi, mà chưa đem toàn tâm toàn lực thực tập, hay cả ba vấn đề này đều tồn tại? Nếu tập khí tạp nhiễm nặng nề, phương pháp tu tập chưa tinh thông và không đem toàn tâm toàn lực áp dụng, thì kết quả đương nhiên đã biết.

Đã như vậy, chúng ta làm sao đối trị? Tôi nghĩ, chỉ có cách chính mình phải tự nỗ lực, người khác không thể giúp đỡ được việc này. Như một người muốn hấp thu dinh dưỡng, thì phải ăn uống những đồ vật có ích, mới duy trì nuôi dưỡng được thân thể. Ngược lại nếu ăn vào

toàn độc tố, tiếp xúc với hoàn cảnh không lành mạnh sẽ làm cho thân tâm bị tổn thương, thì chúng ta sẽ biết mạng sống của người đó đâu có lâu dài!

Cũng vậy, chúng ta nên duy trì huệ mạng bằng “giới, định, tuệ”, làm cho ngày càng tăng trưởng. Còn nếu tiếp xúc những việc liên quan với sanh tử tạp nhiễm, hấp thụ toàn những thứ như vậy, thế thì, chúng ta biết được huệ mạng của người đó không dài rồi!

Hiện tại, chúng ta đã hiểu được cần phải xuất gia học Phật, những việc khó làm như vậy rất đáng trân quý, hy vọng mọi người phải nỗ lực thành công.

# ĐOẠN TRỪ PHIỀN NÃO

Sách tấn các vị Sa di

Phiền não có rất nhiều tên gọi, trong đó có tên là “lậu” (roi rớt, mai một). Khi chúng đắc A-la-hán lậu tận là những vị tham, sân, si v.v... đã hoàn toàn đoạn sạch. Nên chúng ta phát hiện phiền não, cần tức khắc đoạn trừ, nếu không công đức sẽ mai một, như thế đến lúc nào mới được viên mãn?

Con người ai đâu muốn khổ đau, nhưng thật kỳ lạ, họ lại rất thích tích tập các nguyên nhân gây đau khổ. Nguyên nhân đó chính là phiền não và nghiệp. Ba loại hoặc, nghiệp và khổ này không ngừng chuyển động luân phiên tuần hoàn. Vì vậy chúng ta phải làm chủ từng hành động, từng cử chỉ. Mỗi khi khởi tâm động niệm, chúng ta cần có tính cảnh giác cao; mới biết được rõ ràng phiền não gì đang hiện hành, hoặc hiểu được đang tạo nghiệp gì tương lai sẽ chịu quả báo ra sao.

Khi thấy được phiền não sanh khởi, cần phải đoạn trừ, nếu buông lơi không sửa đổi, thì theo “Du Già Sư Địa Luận”<sup>1</sup> nói, có một số nghiệp lực tiềm ẩn sẽ phát khởi

---

<sup>1</sup> “Du Già Sư Địa Luận” quyển 95: “Thực hành như thế là không tốt, vì ở trong đời này các phiền não chưa sanh khởi sẽ phát sanh; phiền não đã phát sanh còn nhỏ, thì sẽ phát triển lớn, phiền não lớn, thì phát triển lớn hơn, do điều đó làm nhân, sinh khởi tất cả các loại khổ lão bệnh tử. Như



hiện hành, phiền não nhỏ sẽ trở thành phiền não lớn; tiếp tục buông lơi không sửa đổi, thì phiền não lớn này sẽ trở thành phiền não lớn hơn, tiếp tục sẽ dẫn đến cuộc đời này của chúng ta chịu muôn ngàn khổ đau, và còn đem lại khổ đau cho đời sau nữa.

Do đó, hy vọng mọi người bất cứ lúc nào bất kỳ chỗ nào nên lưu ý thân, khẩu, ý của mình và luôn cố gắng diệt trừ tham, sân và si.

# TÙY HỖ SÁM HỐI CÓ TẠO TÁC CÓ TÍCH TẬP

Sách tấn Sa di (28/03/2006)

Trong “Đại Trí Độ Luận” có nhiều đoạn văn mang nhiều giá trị đáng để suy nghĩ, nên hôm nay tôi trích ra, nhằm sách tấn các vị sinh viên. Còn nghiên cứu sinh và các sinh viên năm cuối nên ôn lại, ký ức sẽ càng khắc sâu hơn.

Trong “Đại Trí Độ Luận” nói “nghiệp” của chúng ta ngoài “tạo tác” còn có “tích tập”, và “Thành Thật Luận” cũng đề cập đến bốn loại nghiệp.<sup>1</sup>

Loại thứ nhất “có tạo tác, có tích tập”, là tự tạo tác lại sanh tâm hoan hỷ. Ví dụ như khi không có người đến nhà bếp nấu ăn, lúc đó nếu có ai tự mình phát tâm đi làm việc; đây là có tạo tác; trong lòng lại cảm thấy rất hoan hỷ. Người này đem tâm hoan hỷ để phục vụ đại chúng, chính

---

1 “Thành Thật Luận” quyển 7: “Nghiệp có bốn loại: có tạo tác không có tích tập, có tích tập không có tạo tác, có tạo tác và có tích tập, không có tạo tác không có tích tập. Có tạo tác không có tích tập là như sau khi tạo nghiệp sát v.v... sinh tâm hối hận, hay làm các việc bố thí sau đó tâm cũng hối hận, hay làm các việc xong tâm không nhớ nghĩ, thì đó gọi là có tạo tác không có tích tập. Có tích tập không có tạo tác là nếu có người khác tạo nghiệp sát v.v... sinh lòng vui mừng, hay người khác bố thí v.v... sinh lòng vui mừng. Có tạo tác có tích tập là làm các việc sát hại v.v... hoặc các việc bố thí v.v... sinh lòng vui mừng. Không tạo tác không tích tập là không tạo tác cũng không sinh lòng vui mừng. Ở trong đó, có tạo tác có tích tập tất thọ báo. Như trong Kinh dạy: ‘Nếu nghiệp do tạo tác và tích tập, thì nghiệp này tất thọ quả báo.’ Cho nên nghiệp báo có tạo tác có tích tập, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc về sau thọ báo, hoặc đời sau thọ báo.” Đại Chánh tập 32, trang 290c8~18.

là “có tạo tác có tích tập”.

Loại thứ hai “có tạo tác, không có tích tập” tuy đã làm rồi, nhưng trong lòng không vui hoặc sau lại hối hận, đây chính là “có tạo tác không có tích tập”.

Loại thứ ba “không có tạo tác, có tích tập”. Tự mình không thể làm, thấy người khác làm, anh ta rất vui, còn khen ngợi họ, không nói lời soi mói bóng bẩy: “Rất may là có bạn làm việc này”, mà trong lòng thâm nghĩ, “nếu có năng lực, có thời gian, tôi cũng muốn phát tâm như thế”. Bằng tấm lòng chân thật tán thán, hoan hỷ, tuy anh ta không trực tiếp làm, nhưng sự tùy hỷ đó cũng có công đức vô lượng.

Loại thứ tư “không tạo tác, không tích tập” .

Do đó có thể biết, tuy tạo tác là “nghiệp”, nhưng “tích tập” cũng khiến cho phước đức của chúng ta tăng trưởng. Giả như chúng ta thấy người khác làm, trong tâm chẳng những không tán thán tùy hỷ, mà ngược lại còn nói lời soi mói bóng bẩy, làm cho người kia thối thất đạo tâm, chướng ngại việc phát tâm tu hành, theo “Đại Trí Độ Luận” thì hôm nay chúng ta làm cho người khác gặp chướng ngại, tương lai trên phương diện tu học Phật pháp chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, càng nghiêm trọng hơn, thậm chí sẽ sanh vào nơi “bát nạn”, chướng ngại chúng ta

nghe học Phật pháp. Đây là điều khiến chúng ta càng thận trọng. Giới pháp cũng như vậy, tự mình thực hiện không tốt, đáng lẽ nên sanh tâm hổ thẹn, nếu ngược lại còn xem thường, hủy báng giới pháp, tội càng thêm nặng. Do đó, hy vọng mọi người ngày ngày nên phản tỉnh, nhìn lại chính mình. Nói đến “tùy hỷ” thì nghe rất đơn giản, nhưng khi thực hiện không dễ dàng, phải hết sức cố gắng mới được.

# PHƯỚC ĐỨC CÙNG PHƯỚC BÁO

Phước đức trang nghiêm huệ nhật phổ chiếu

Đức Phật có phước đức trí huệ viên mãn, vì vậy chúng ta muốn thành Phật, thì phước đức và trí huệ phải đầy đủ mới được. Nên khi thầy Ấn Thuận xây dựng tịnh xá Phước Nghiêm và giảng đường Huệ Nhật, hy vọng mọi người được “phước đức trang nghiêm, huệ nhật phổ chiếu”, phước huệ song tu. Nhưng thế nào là phước đức? Thế nào là phước báo? Phước đức và phước báo có gì khác nhau? “Đại Trí Độ Luận” có một vài đoạn văn đáng để chúng ta suy nghĩ về vấn đề này.

II. Phước đức là tất cả những thiện pháp, tương ưng với không tham, không sân, không si

Liên quan đến định nghĩa “phước đức”, “Đại Trí Độ Luận” có đoạn văn rất đáng chú ý:

*Từ khi mới phát tâm lập nguyện: “Ta sẽ độ hết thảy chúng sanh”. Tâm ấy tương ưng với ba thiện căn: không tham, không sân, không si; thiện căn tương ưng các thiện pháp, và thiện căn khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp, hòa hợp pháp ấy gọi là phước đức.<sup>1</sup>*

Chư Bồ-tát phát tâm độ hết tất cả chúng sanh, phát tâm

---

1 “Đại Trí Độ Luận” quyển 61 Đại Chánh tập 25, trang 488b18~21.

như vậy ba thiện căn tương ưng với không tham, không sân, không si mới được. Chỗ căn của thiện căn chính là căn bản gốc rễ, không phải cành lá. Nếu chúng ta chú trọng tu tập ở hình thức thân nghiệp khẩu nghiệp thuộc bên ngoài, mà không có triệt để tịnh hóa nội tâm, như thế chẳng qua là nhánh ngọn cành lá. Trên phương diện khác, nếu chỉ là trong tâm phát nguyện làm thiện, như thế vẫn chưa đủ, mà cần phải dùng hành động thực tế phát khởi từ thiện căn của thân nghiệp, khẩu nghiệp mang lợi ích cho chúng sanh. Như trong tâm không tham, nhưng chỉ trong tâm không tham vẫn chưa đủ, mà trên thực tiễn chúng ta cần mong muốn thực hành bố thí. Do đó “Đại Trí Độ Luận” định nghĩa hoàn chỉnh về phước đức là: phát tâm độ hết tất cả chúng sanh, phát tâm này tương ưng với ba thiện căn không tham không si và tương ưng với rất nhiều thiện pháp khác, như thế tâm thanh tịnh không ô nhiễm hòa hợp với thiện căn của thân nghiệp và khẩu nghiệp tạo ra.

Tương phản với “ba thiện căn” là ba “bất thiện căn”, tức ba độc tham, sân và si, tất cả bất thiện pháp cũng từ đây mà ra. Nếu trong hành vi xen lẫn tham, sân, si, thì “căn” bản này sẽ khiến cho việc làm bố thí v.v... cũng trở thành tạp nhiễm.

III. Bồ thí chẳng phải là phước, như kim dẫn chỉ may áo, kim chẳng phải là đường may

“Đại Trí Độ Luận” nói:

*Bồ thí chẳng phải là phước, nhưng bồ thí phá bỏ xan tham, mở cửa thiện pháp; thiện căn mới gọi là phước; như kim dẫn chỉ may áo, kim chẳng phải là đường may thành áo.<sup>2</sup>*

Có người cho rằng bồ thí nhiều sẽ được phước báo lớn, nhưng “Đại Trí Độ Luận” nói, không phải bồ thí là phước, mà do nương vào bồ thí để phá trừ loại phiền não tham lam, mở bày cánh cửa thiện pháp khép lại cánh cửa bất thiện, thiện căn hòa hợp với không tham không sân không si, như thế mới là phước đức. Giống như đem kim xỏ chỉ may đồ, cây kim là một loại dụng cụ, có kim mà không có chỉ thì chẳng thể may được áo; cũng như vậy, bồ thí cũng là một loại phương pháp mà thôi, dựa vào đó để trừ bỏ các loại phiền não tham lam, lại trồng thiện căn sâu dày là phước! Nếu chúng ta bồ thí mà mong cầu báo đáp, hoặc là muốn có tiếng tăm, như vậy không xứng đáng gọi là phước đức.

*Bồ-tát thực hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, ba việc*

---

2 “Đại Trí Độ Luận” quyển 30 Đại Chánh tập 25, trang 282a29~b2.

*này gọi là cửa ngõ phước đức.*<sup>3</sup>

Thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, các điều này chỉ là “cửa ngõ phước đức” mà thôi, chưa thể trực tiếp vào trong căn nhà, nếu chưa trừ bỏ các loại phiền não tham lam, sân nhuế v.v.. chưa tương ưng cùng ba thiện căn, thì không thể gọi là “phước đức”.

#### IV. Phước đức và phước báo

Có người cho rằng, ai mà được đồ ăn mặc, của tiền đầy đủ, thật là có “phước báo”. “Phước báo” như thế là “phước đức” phải không? Trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 61, có một đoạn văn nói rất rõ sự khác nhau giữa “phước đức” và “phước báo” nói:

*Ấy là quả báo có thể đem cho hết thảy chúng sanh, là do trong quả nói nhân, nên nói phước đức với chúng sanh cùng hưởng. Nếu phước đức có thể đem cho người, thì chư Phật từ khi mới phát tâm tích tập phước đức, đem cho người hết, về sau tạo lại. Thế thiện pháp không thể đem cho người, nay chính dùng sức vô úy không nào hại cho chúng sanh.*<sup>4</sup>

Đoạn này có liên quan đến vấn đề “hồi hướng”. Có

---

3 “Đại Trí Độ Luận” quyển 17 Đại Chánh tập 25, trang 180b26~27.

4 Đại Chánh tập 25, trang 488a9~13.



người nói: “Bạn tinh tấn tu hành, rồi đem công đức tu tập của bạn hồi hướng cho tôi, sau đó bạn lại tiếp tục tu tập”. Thử hỏi như vậy có được không? Trong “Luận Đại Trí Độ” đề cập đến một quan niệm rất quan trọng, “*chung với hết thảy chúng sanh, là phước đức ấy không thể đem cho hết thảy chúng sanh, mà có thể cho quả báo*”<sup>5</sup> là “phước đức” không thể chia sẻ cho chúng sanh, song “quả báo” đạt được từ phước đức lại có thể chia sẻ cùng chúng sanh.

“Phước đức” là một loại “thể thiện pháp”, loại thiện pháp này, không phải là quả báo. Như trên đã nói, nó cùng ba thiện căn tương ưng quảng hành hết thảy thiện pháp của thân, khẩu và ý nghiệp, “thể thiện pháp” như vậy cũng không phải là công cụ vật chất, thì làm sao có thể chuyển cho người khác được? Nếu có thể cho người khác, đó là do thể thiện pháp cảm hóa ra quả báo, loại quả báo này gọi là “phước báo”

Ví dụ Bồ-tát đem tâm không tham, không sân, không si, để làm việc bố thí, thì “thể thiện pháp” này sẽ cảm hóa được vật chất, có thể đem những vật chất đó làm lợi ích chúng sanh; hoặc Bồ-tát dùng ba thiện căn này để trì giới,

---

5 “Đại Trí Độ Luận” quyển 61, ‘phẩm 39 Tùy Hỷ Hồi Hướng’ Đại Chánh tập 25, trang 487c28-488a1.

nhẫn nhục, Bát-nhã v.v... Chiêu cảm tướng mạo trang nghiêm, đạt được trí huệ sáng suốt, biện tài vô ngại. Nếu Bồ-tát có nói pháp, chúng sanh hoan hỷ tin tưởng thọ trì. Do đó kinh dạy “phước đức với chúng sanh cùng hưởng”, đây là từ trong nhân mà nói quả; còn một cách nghiêm túc, thì Bồ-tát thông qua thể thiện pháp của phước đức như vậy mới cảm hóa được quả báo (phước báo) cùng chia sẻ mang đến lợi ích cho chúng sanh.

Muốn có phước báo lớn, phải không ngừng tích lũy “phước đức”, ngược lại nếu không tiếp tục tích lũy phước đức, thì phước báo dù lớn như thế nào đi nữa thì cũng có ngày sử dụng hết.

# QUÝ VỊ LÀ THIỆN NAM TỬ THIỆN NỮ NHƠN PHẢI KHÔNG?

Bài nói chuyện tại Giảng đường Huệ Nhật  
nhân ngày pháp hội Dược Sư, 14/11/ 2009

Trong kinh Phật giáo thường gọi “Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam tử, thiện nữ nhơn”, song đệ tử của Đức Phật, có phải tất cả người nam đều là thiện nam tử, còn tất cả người nữ đều là thiện nữ nhơn chăng? Kỳ thật không nhất định. Đã gọi là “thiện”, thì phải có đủ đặc tính của thiện. Trong “Đại Trí Độ Luận”<sup>1</sup> có đưa ra một số đặc tính của thiện, qua đó chúng ta xem lại: mình có phải là chơn chánh thiện nam, chơn chánh thiện nữ không?

“Đại Trí Độ Luận” quyển 35 ‘Phẩm 2 Báo Ứng’ nói:

*“Đặc trưng của người thiện là có tâm từ bi, nhẫn chịu la mắng. Như trong (Kinh Pháp Cú phẩm La Mắng) nói: “Ai nhẫn được người khác la mắng, đó là người hơn người khác! Ví như con ngựa tốt, nhà vua dùng cỡi nó”.*<sup>2</sup>

Trước hết “đặc trưng của người thiện là có tâm từ bi, nhẫn chịu la mắng”. Chúng ta có thể nhẫn được sự la mắng không, hay người khác nói nặng một chút, hoặc chỉ

---

1 “Đại Trí Độ Luận” quyển 35, ‘Phẩm 2 Báo Ứng’ Đại Chánh tập 25, trang 316a11~23.

2 Đại Chánh tập 25, trang 316 a11~14.

có cái nhìn thiếu thiện cảm, thì trong tâm đã cảm thấy vô cùng khó chịu. Như “Kinh Pháp Cú phẩm La Mãng” có dạy “ai nhẫn được người khác chửi mắng, đó là người hơn người khác!” Người như thế mới gọi là người hơn người khác. Vì vậy, chúng ta tôn xưng họ là “mỗ mỗ thượng nhân”, điều này có ý nghĩa họ có đức tính phẩm hạnh cao hơn chúng ta. “Ví như con ngựa tốt, nhà vua dùng cỡi nó” là loại ngựa đặc biệt tốt mới có thể đủ khả năng cho vua cỡi.

“Đại Độ Trí Luận” quyển 35 nói: *“Lại nữa, cho dù bị năm loại tà ngữ và đánh đập, bức hại, trói cột, cũng không làm hủy hoại được tâm họ, đó gọi là đặc tính của người thiện”*<sup>3</sup>.

Và người thiên nam tử thiên nữ nhơn cần có đầy đủ những đặc trưng của thiện: thì dù bị người khác đem năm loại tà ngữ nói lỗi lầm của chúng ta, hoặc mang dây trói cột, cho đến dùng cây gậy đánh đập, chúng ta vẫn không thay đổi chí hướng tu học Phật pháp, cũng không thay đổi quan điểm và hành động đúng đắn của chính mình, nếu được đầy đủ đức tính như vậy, mới xứng đáng là người thiên nam tử thiên nữ nhơn.

Năm loại tà ngữ là những gì? Thứ nhất là vọng ngữ nói

---

3 Đại Chánh tập 25, trang 316 a11~14.

lỗi của người khác, hai là ác khẩu nói điếm sai của người, ba là không thích hợp thời cơ để nói lỗi người mà đi nói lỗi của người, bốn là ác tâm nói lỗi, năm là nói lỗi không vì lợi ích.<sup>4</sup>

Chúng ta một mặt không vì năm loại tà ngữ của đối phương mà thối chí, mặt khác khi chúng ta chỉ ra lỗi lầm, hoặc khuyên dạy người khác, nên cần có đủ năm điều kiện quan trọng dưới đây<sup>5</sup>:

Thứ nhất, người đó thực sự có phạm lỗi, chẳng phải do mình ác ý muốn hủy báng họ. Chúng ta cần xác nhận đối tượng phạm tội, điều đó là sự thật, nếu chưa rõ ràng đừng nên thêm tội danh, càng không tự ý hủy báng.

Thứ hai, cần phải lựa chọn thời cơ thích hợp, nếu chưa phải lúc thì không nên nói. Vì như nói trong cơ hội chưa đúng, thì không những hiệu quả khó đạt được, mà còn có tác dụng ngược lại.

Thứ ba, có ý nghĩa lợi ích, đích thật vì lợi ích của người khác mà đến nhắc nhở, hy vọng người đó bỏ điều

---

<sup>4</sup> Cưu-ma-la-thập dịch “Thiền Pháp Yếu Giải” quyển thượng: “Năm loại tà ngữ không thể tổn hoại đến tâm. Năm loại đó là: 1. Nói lỗi bằng cách dối trá, 2. Nói lỗi bằng lời thô ác, 3. Nói lỗi không đúng lúc, 4. Nói lỗi với ác tâm, 5. Nói lỗi không có lợi ích.” Đại Chánh tập 15, trang 290c19~21.

<sup>5</sup> “Kinh Tạp A-hàm” quyển 18, Kinh số 497, Đại Chánh tập 2, trang 129b28~c3. Đức Phật dạy Xá-lợi-phất: “Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyễn, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận.” Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác.”

xấu làm việc thiện. Nhưng có khi chúng ta khuyên người khác, không phải vì lợi ích cho họ, mà tại mình cảm thấy vô cùng khó chịu, mượn cơ hội này trút giận cho bỏ ghét. Điều này tự mình nên phản tỉnh, đem tâm thái như vậy khuyên người khác có mang lại lợi ích chăng, hay chỉ đưa đến tác dụng phụ tạo thêm phiền não.

Thứ tư, thái độ ôn hòa, lời nói nhẹ nhàng, không nên chửi bới hay đem lời khắc khe mỉa mai mắng người. Chúng ta nói lỗi người khác, chủ yếu vì mục đích hy vọng họ thay đổi, chứ không phải để cho chúng ta trút giận. Nếu chúng ta thấy người khác sai phạm, mà tự mình rất bực bội, lại dùng lời mỉa mai làm tổn thương họ, như vậy càng không tốt.

Thứ năm, đem thiện tâm từ bi xuất phát trong lòng, không nên khởi ác tâm. Chúng ta nên tự phản tỉnh lúc chỉ bảo sai lầm cho người khác, có khởi thiện niệm không hay chỉ khởi ác niệm?

Chúng ta nghĩ lại mình có được đầy đủ các điều kiện như vậy không? Trong đạo tràng có người trả lời có, thật đáng mừng! Hy vọng, mọi người đạt được như thế.

Ngoài ra, “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 lại dạy:

*Lại nữa, ba nghiệp không có lỗi lầm, thích làm việc thiện, không hủy báng người khác làm thiện, không phô*

*trương đức mình; tùy thuận mọi người, không nói lỗi người; không đả trước cái vui thế gian, không cầu danh dự, tin tưởng vui thích niềm vui đạo đức; nghiệp mình thanh tịnh, không nã hại chúng sanh; tâm quý trọng pháp chơn thật, xem nhẹ các việc thế sự, chỉ thích lời thẳng thắn, không theo người gian dối, vì niềm vui của tất cả chúng sanh, mà hy sinh niềm vui của mình, vì muốn tất cả chúng sanh được là khổ, dù cho đem thân mình thay thế.*

“Ba nghiệp không có lỗi lầm”, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đều không có lỗi lầm. Chúng ta có lúc khởi tâm động niệm, muốn không có lỗi lầm, thật là việc không đơn giản. “Thích làm việc thiện”, chúng ta còn thích giúp đỡ hỗ trợ người khác. “Không hủy báng người khác làm thiện”, khi chúng ta thấy người khác làm việc thiện, phải tùy hỷ xưng dương tán thán, chứ chẳng cố ý đê bẹp họ, hoặc nói lời chê trách bóng bẩy v.v... “Không phô trương đức mình”, khi chính mình có sự tu dưỡng đức hạnh tốt, cũng không nên đặc biệt phô trương cao ngạo; “tùy thuận mọi người, không nói lỗi người”, không nên tùy tiện chê trách người khác; “không đả trước cái vui thế gian, không cầu danh dự, tin tưởng vui thích niềm vui đạo đức”, không đả trước niềm vui thế tục và ham cầu danh dự, chỉ mong thích niềm vui đạo đức; “nghiệp

mình thanh tịnh”, nghiệp của chính mình (hành vi) thanh tịnh. “Không nã hại chúng sanh”, phải phản tỉnh chính mình, khi tâm trong trạng thái không tốt, làm phiền phức người khác. Do đó, chúng ta tự mình có phiền nã thì điều phục dần dần, không nên gây phiền hà chúng sanh; “tâm quý trọng pháp chơn thật, xem nhẹ các việc thế sự”, trong tâm của chúng ta tôn trọng thật tướng của các pháp, còn đối với việc thế sự thì xem nhẹ hơn; “chỉ thích lời thẳng thắn, không theo người gian dối”, chúng ta phải phân biệt chánh trực, làm người đáng tin cậy, không bị lời nói ngon ngọt hoa mỹ của người khác lừa dối, tự mình có trí huệ phán đoán; “vì niềm vui của tất cả chúng sanh, mà hy sinh niềm vui của mình, vì cho tất cả chúng sanh được lìa khổ, dù đem thân mình thay thế”, chính là xả kỷ vị tha, hy vọng tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, thì chúng ta dù có chịu khổ thay thế cũng cam lòng. Như thế, đầy đủ rất nhiều điểm tốt này, “mới gọi là đặc trưng của người thiện”.

Phải có tâm từ bi, nhẫn chịu lời nói tà vọng, đánh đập của người khác; và ba nghiệp phải thanh tịnh, vui thích hỗ trợ người khác; kính trọng tôn sùng Phật pháp, không cần danh vọng hão huyền v.v...; không nã loạn chúng sanh; khiến chúng sanh lìa khổ được vui, không chỉ vì một mình mong cầu an lạc. Nếu ai có các đặc điểm này



chính người đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

# LÀM THẾ NÀO ĐỂ MỌI VIỆC ĐỀU NHƯ Ý

Sách tân Sa-di (01/11/2005)

Tục ngữ có câu: “Việc không như ý trong đời, mười đã có tám chín”. Điều này có nghĩa: trong cuộc thường mười việc đã có chín việc không như ý. Việc không như ý của chúng ta rất nhiều, đơn cử như: muốn vật chất, thì không có vật chất, muốn tư lương, thì không có tư lương, muốn trí huệ, thì không có trí huệ, muốn có người thiện tri thức, thì không có người thiện tri thức. Thế thì các việc không như ý đó làm sao để trở thành như ý? Đối với vấn đề này, trong “Đại Trí Độ Luận”<sup>1</sup> có đưa ra một số phương pháp, rất đáng để chúng ta học hỏi.

Thứ nhất, gieo trồng nhân duyên thiện căn phước đức. “Thiện căn” là ba loại thiện căn: không tham, không sân, không si. Do vậy, chúng ta phải cố gắng không chấp trước tất cả pháp; vì không chấp trước tất cả pháp, thì phiền não ít, thân tâm sẽ được nhẹ nhàng. Và phiền não càng ít, thì tự nhiên thiện căn dần thâm sâu.

Thứ hai, bồi dưỡng từ bi, phước đức và trí huệ liên tục trong thời gian dài, mới có khả năng khắc phục chướng

---

<sup>1</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 37, ‘Phẩm 3 Tập Tương Ứng’ Đại Chánh tập 25, 332b-333a1.

ngại, tránh khỏi phát sanh các sự việc không như ý.

Thứ ba, thiện tâm không ngừng huân tu tiến triển, thì được chư Phật hộ niệm. Nếu như chúng ta phù hợp với “đạo”, thì chẳng những chư Phật Bồ-tát hoan hỷ hộ niệm, mà còn thiên thân, cũng kính ái hộ trì. Ngược lại, nếu phiền não của chúng ta nặng nề, ma sẽ đến làm nhiễu loạn, thì việc không như ý sẽ theo đó mà đến (Ma có rất nhiều loại, như: tử ma, ngũ ấm ma, phiền não ma, thiên ma v.v...) Một khi phiền não của chúng ta sanh khởi, thì phát sanh sự chấp trước đối với nhiều việc; hơn thế nữa, các ác niệm khác cũng theo đó sanh khởi, hoặc là phạm giới v.v... Một khi Đức Phật không hộ niệm, ma thừa cơ hội xâm nhập, rất nhiều sự tình sẽ không như ý. Bởi vậy, chúng ta cần phải có thiện căn thâm hậu, hy vọng mọi việc đều như ý, thì phải thường chú ý các nguyên nhân trên.

Nhưng có một số sự việc không hoàn toàn là do ma bên ngoài làm rối loạn, mà ma của chính mình. Tự mình suy nghĩ mộng tưởng: chấp trước hư vọng, rồi gây ra nhiều việc cực đoan, đây cũng chính là nhân tố tạo thành sự việc không như ý.

Do đó, những phương pháp trong “Đại Trí Độ Luận” đưa ra để khiến chúng ta đạt mọi việc như ý là: chúng ta

không nên chấp trước tất cả pháp, cố gắng tương ưng với tánh Không, thì phiền não sẽ tự nhiên giảm thiểu; phiền não giảm thiểu, thì thiện căn tự nhiên thâm sâu; thiện căn thâm sâu, thì phước đức tự nhiên tăng trưởng. Vả lại, cần có thời gian dài bồi dưỡng trí huệ, từ bi, phước đức, quảng kết thiện duyên. Không còn bị sự nhiễu loạn của chính mình, luôn luôn giữ gìn tâm thanh tịnh mới có khả năng tương ưng với Phật pháp, sẽ được chư Phật hộ niệm, quý thân tương trợ.

Hôm nay nói về các điều trên để khích lệ quý vị.

# PHÁP MÔN KHÔNG HAI

Sách tấn Sa di (03/12/2002)

Trong Phật giáo thường đề cập đến “pháp môn không hai”, chính là muốn tiêu trừ sự đối lập giữa các cặp mâu thuẫn khác nhau, giữa chủ thể và đối tượng. “Pháp môn không hai” này cũng có thể ứng dụng trong việc hành trì giới luật, căn cứ vào trong các vấn đề liên quan đến “con người, sự việc, thời gian, không gian, đồ vật”, tự mình quán chiếu “hành động, lời nói” của mình có trước sau như một hay không.

Thí dụ trên phương diện “con người”: trước mặt mọi người chúng ta biểu hiện như một vị chánh nhân quân tử, thể nhưng khi ở một mình thì thân tâm phóng dật, đầy những ý nghĩ bất chánh, hoặc ở trước Sư trưởng cung kính, nhưng sau lưng lại phê bình, hay là thái độ đối với Sư trưởng thì như thế này, nhưng với bạn bè lại thế kia, giữa người này và người kia có một sự phân biệt theo chủ quan tốt xấu của cá nhân rất lớn, hoặc với người có uy quyền và người bình dân, người già và trẻ em, nam và nữ v.v..., ý nghĩ của mình trước sau có giữ “chánh niệm, chánh trí” không?

Trên phương diện “sự việc”, trong cá nhân khi nghe tiếng khen lòng cảm thấy nhẹ nhàng vui thích, nhưng khi

nghe chê bai thì tỏ thái độ phần hận bất bình.

Trên phương diện “thời gian”: không kể ngày hay đêm, tự mình có siêng năng tinh tấn hay không, hoặc ban đêm lại trì trệ ? So sánh lúc xuất gia rồi với khi còn tại gia, sự phát tâm hộ trì Phật pháp có còn giống nhau không? Hoặc thọ giới lâu năm so với khi mới thọ giới, đối với giới luật còn cung kính thọ trì không, hay càng ngày càng xem nhẹ, cho rằng không nhất thiết phải gìn giữ?

Về phương diện “không gian”: khi ở trên chánh điện hai thời tụng kinh, trước Phật Bô-tát biểu hiện hết sức kiên thành cung kính, nhưng lúc về phòng nghỉ lại phóng dật giải đãi, không duy trì việc tu dưỡng “người quân tử càng thận trọng khi sống đơn độc”?

Về phương diện “đồ vật”, đối với đồ vật mình thích, trong tâm nảy sinh tham ái chấp trước, còn đồ vật không phù hợp với mình, lại cảm thấy chán ngán, bất cần.

Hy vọng mọi người lấy các việc trên để xét lại chính mình, xem “lời nói và việc làm” hợp nhất không? Trong tâm nghĩ với việc làm có “nhất như” không? Hỏi đạo tâm của chính mình có “chân thành không hai”? Đem các điều đó tự phản tỉnh, và tự thân quý vị sách tấn.

Hy vọng mọi người đều đạt được “pháp môn không hai”, để lời nói nhất trí với việc làm của mình, trở thành

một người tu hành oai nghi hợp với giới luật.

# TU HÀNH NHƯ ĐỐI DIỆN TRƯỚC VỰC THẨM, NHƯ ĐI TRÊN BĂNG MỎNG

I. Mang tâm cảm ơn và phản tỉnh, cùng nhau tinh tấn trưởng thành

Ba ngày nay, rất cảm ơn phòng học vụ đã sắp xếp kế hoạch và các vị đánh pháp khí hết lòng phục vụ, mặc dù bận rộn nhiều việc, thân tâm dẫn đến không nhẹ nhàng thoải mái, nhưng quý vị đã hy sinh việc cá nhân để góp phần thành tựu đạo nghiệp cho mọi người. Các ban hương đăng, ban vệ sinh cũng vậy, đều dốc hết tâm lực làm việc, vô cùng vất vả. Một lần nữa cảm ơn tất cả các vị tham dự và các vị nội đàn ngoại hộ.

Để một nhân duyên được thành tựu, ngoài tự mình phát tâm ra, thiện tri thức đóng vai trò rất quan trọng, kể cả người thầy hướng dẫn, cho đến thiện tri thức hộ trì bên ngoài, cần phải có rất nhiều nhân duyên hội tụ đầy đủ mới thành. Do đó chúng ta nên giữ gìn và trân quý nhân duyên này, chúng ta nên suy nghĩ, nếu một mình tự tu tập như thế có thể thường xuyên tinh tấn và đạt được thành tích tốt không? Nếu như làm được, thì kính chúc quý vị đã có năng lực tự chủ. Ngược lại, cần dựa vào năng lượng của đại chúng. Nếu chúng ta uể oải, biếng nhác, thì nên



suy nghĩ hai tâm niệm: thứ nhất là tâm biết ơn, cảm ơn chúng sanh đã giúp cho đạo nghiệp chúng ta được thành tựu. Cho dù cùng mọi người tu tập có thể có một vài việc bất như ý, nhưng xét ra đó là tăng thượng duyên rất tốt, nên cần phải trân quý. Thứ hai là phải có tâm cảnh giác, tự mình nên cảnh giác và phải sớm bồi dưỡng mình khả năng độc lập tu tập mới được. Nếu chúng ta không bồi dưỡng khả năng tự lập cho chính mình, để rồi khi vô thường đến, lúc xả bỏ thân mạng sẽ quá muộn màng. Do đó, khi chúng ta tu hành một mình, nên luôn luôn phản tỉnh tự thân hoàn thiện những điều chưa đủ. Khi cùng nhau tu hành, chúng ta cần đem tâm cảm ơn để học tập.

Lúc chúng ta cùng nhau tu hành, mình và người đều hướng thượng, đồng trưởng thành, chung đi trên con thuyền sanh tử, nên sách tấn và giúp đỡ lẫn nhau. Nếu chúng ta làm tổn thương, hay xách nhiễu người khác, như thế cũng như tự mình làm cho mình khổ đau. Chúng ta nên xem như anh em một nhà, khi có người bị thương hay bị bệnh nặng, những người khác đều chịu ảnh hưởng. Vì vậy, hy vọng mọi người giúp đỡ lẫn nhau, trên tinh thần hoà hợp, an lạc, thanh tịnh, cùng tinh tấn.

Thời gian vô cùng quý báu, nên dù bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không oán trách, để cho tâm được an trụ, không

cần để ý vị làm chủ lễ, người đánh mõ thế nào, những việc đó có ban tổ chức lo hướng dẫn. Quan trọng chính là chúng ta nắm bắt được hiện tại.

Tâm của chúng ta là “tâm viên ý mã” khó điều phục, thân thể thì nặng nề, không được nhẹ nhàng. Do đó trong quá trình niệm Phật, nếu cảm thấy tự mình chưa được viên mãn, nên sanh lòng hổ thẹn, ngày ngày tinh tấn, khi ngồi thiền cố gắng ngồi kiết già, nhiếp tâm luyện tập.

Có khi chúng ta cảm thấy ngoại cảnh quá nhiều tiếng ồn, nhưng nếu để ý bên ngoài, cứ tìm kiếm tiếng ồn ở chỗ này chỗ nọ, khởi niệm muốn ngăn chặn nó, nhưng trên thực tế không làm được, chỉ làm cho tâm càng thêm rối loạn. Chúng ta muốn ngoại cảnh được như ý, thích mọi người thuận theo với mình, sự thật đó rất khó toại nguyện. Nếu cứ vọng tưởng muốn thay đổi hoàn cảnh bên ngoài, chẳng bằng tự mình thay đổi tâm cá nhân.

## II. Niệm Phật như bắn cung

Athens (thủ đô Hi Lạp) cử hành Olympic, vừa mới bế mạc, tuyển thủ Đài Loan lần này giành được huy chương bạc trong môn bắn cung. Mượn hình ảnh này, tôi lấy công phu rèn luyện thành một người bắn cung, để bàn luận cách tu hành tinh tấn trong ba ngày niệm Phật.

Một tuyển thủ bắn cung muốn đạt được thành tích tốt,

tâm cần phải lưu ý 3 điều quan trọng: Thứ 1. Mỗi ngày đều không ngừng tập luyện, tập nhuần nhuyễn trở thành điều luyện. Thứ 2: Lúc ra thi đấu cần phải ổn định, bình tĩnh, bỏ qua áp lực thắng thua. Thứ 3: Thường xuyên tinh cần rèn luyện với mục đích chân chánh, để áp dụng đúng thời cơ!

Trước hết, việc luyện tập hằng ngày chỉ là ôn tập lại những động tác cũ, nhưng tại sao tuyển thủ cần thường xuyên rèn luyện chẳng lẽ không biết nhàm chán hay sao? Từ cái nhìn theo quan điểm Phật pháp nếu có phát sanh nhàm chán, cảm giác nhạt nhẽo, thì đó là do tâm niệm của chúng ta quá thô thiển. Sự thật, nhân duyên thay đổi biến hoá từng sát-na đều có sự khác nhau của nó, các cầu thủ không ngừng rèn luyện tập trung, khiến cho thân tâm tương tận những thay đổi đó, mới có thể khoan thai đối diện với hoàn cảnh trong mỗi trường hợp khác nhau. Kỳ thật tu hành cũng vậy, có lẽ vài vị cảm thấy ba ngày, đều chỉ đọc cùng một câu niệm Phật, sanh tâm chán nản! Kỳ thật, khi thành thực sẽ hoàn toàn nhất tâm, vì một câu niệm Phật của mỗi người dụng tâm không giống nhau, nên kết quả có sự khác nhau!

Lại nữa, khi lâm trận tâm cảnh không loạn, chính là có công phu thiền định, trong tâm chuyên chú nơi phương

pháp và kỹ xảo, đem sự thắng thua tạm thời gác qua một bên. Tuyên thủ bản cung mục đích cuối cùng là bản trúng đích.

Như thế chúng ta thấy niệm Phật và bản cung có liên quan gì. Đạo sư Ấn Thuận từng nhắc nhở: *“Phàm chưa đạt đến cứu cánh, tất cả mọi người đều trong quá trình tạo nhân và nhận kết quả, tạo nghiệp thọ báo như nhau. Nếu không nỗ lực hướng thượng, thì ai cũng bị thối lui, nếu nỗ lực hướng thượng, thì ai cũng được tiến bộ”*<sup>1</sup>. Tu học Phật pháp nếu không đạt được cứu cánh (ít nhất là không còn thối lui), thì mọi người đều trong quá trình tạo nhân thọ quả báo, bởi vậy, càng phải hiểu và tìm cách làm sao để nhân duyên tốt của chúng ta luôn tiếp tục phát triển.

Lấy ví dụ bản cung này để bàn luận, giống như chúng ta mỗi ngày cần không ngừng luyện tập để thiện pháp sanh khởi, bỏ đi tâm đờm mất, chuyên một lòng niệm Phật, thâm tín thiện pháp càng sâu, có thể làm cho chính mình đối diện với giờ phút lâm trận, sanh tử không tán loạn. Mỗi niệm, mỗi niệm duy trì thiện niệm, như thế mới ngăn được nghiệp lực từ vô thỉ làm chướng ngại, đạt tự

---

<sup>1</sup> Pháp sư Ấn Thuận trước, “Phật Pháp Ánh Sáng Của Thế Gian”, bài ‘Năm Mới Cần Có Quan Niệm Mới’, trang 250.

tại giải thoát.

Chúng ta là phàm phu trong dục giới, có ba loại phiền não đặc biệt hùng hực cháy: thứ 1. Tham dục, thứ 2. Tán loạn, thứ 3. Sân nhuế. Đối diện với vô số cảnh giới, bởi vì thường hay tư duy không chân chánh, theo đó sanh khởi phiền não thô trọng. Đối với phàm phu nếu không luyện tập thì sẽ tương ưng với phiền não. Ngược lại, nếu duy trì thiện niệm chân chánh, giữ tâm thanh tịnh, tương ưng với thiên định, không ngừng luyện tập, ra sức công phu mới có thể thành tựu được. Như Khổng Tử tán thán Nhan Hồi: *“Nhan Hồi, tâm của ông ấy trường kỳ không có trái ngược với nhân đức. Còn người khác chỉ có trong thời gian ngắn thôi”*. Có Tăng sinh lớp trước, đã tham gia qua nhiều lần pháp hội niệm Phật, nhưng tham gia niệm Phật càng nhiều lần thì công phu càng thuần thực phải không? Không nhất định, nếu không dụng tâm niệm Phật, không nắm bắt được phương pháp, hoặc là không giữ được tâm thanh tịnh, đều có thể như người mới khởi đầu. Chúng ta suy nghĩ lại xem mình đã tiến bộ chưa? Nếu có thì tiếp tục nỗ lực tinh tấn, giả như thối lui, phải lập tức quay trở lại điểm xuất phát, từng bước từng bước cố gắng giữ.

III. Cả ngày tịnh niệm liên tục – phát triển chất và lượng của việc tu hành

Học Phật chính là hy vọng ở trên “chất” và “lượng” có thể đạt được thế giới thanh tịnh và viên mãn của chư Phật. Ở phương diện “chất” có đầy đủ từ bi, trí tuệ, thiền định của chư Phật v.v... nâng cao thân, khẩu, ý thanh tịnh cùng với chư Phật không khác. Trên phương diện “lượng” chính là hy vọng chánh niệm tương tục, để cho tự thân ở mỗi sát-na, hoặc một giây, một phút ... thậm chí trong cả ngày đều có thể giữ được chánh niệm, chánh tri. Chúng ta lúc cùng nhau tu niệm Phật, lạy Phật, đi kinh hành dù nhanh hay chậm, trong tâm nên vắng lặng, hay khi làm việc, dùng cơm hay đi ngủ cần phải thường giữ gìn chánh niệm, chánh tri.

Có một vị cư sĩ nói với tôi rằng, lúc tham gia thiền trong bảy ngày, người bạn bên cạnh hình dáng như thế nào cũng không nhớ, chỉ luôn luôn vận dụng phương pháp để quán chiếu tự tâm. Đại chúng ở trong thời gian niệm Phật cũng như vậy, không cần suy nghĩ tiếng tụng kinh của vị chủ lễ, hoặc tiếng mõ như thế nào và cũng không cần ghét tiếng ồn ở bên ngoài, chỉ cần thu nhiếp thân tâm, miệng niệm Phật tâm tưởng Phật.

Nhân như vậy, quả như vậy. Người phàm và Thánh nhân có sự khác nhau, chính là ở chỗ có chấp ngã hay không. Chúng ta nếu khởi tâm động niệm vì tự ngã cái tôi

cá nhân, như vậy đương nhiên là phạm phu. Giả như chúng ta phát tâm có sự chấp trước, liền xuất hiện sự so sánh có dài ngắn, cao thấp, thắng thua. Nếu chúng ta đi đâu cũng nghĩ về bản thân, nên “chỉ làm những việc mình thích” mà không nghĩ đến “còn nhiều việc cần phải làm” nhưng chưa có người làm. Có ngã chấp sẽ phát sanh so sánh thế này thế nọ, dẫn đến sự đấu tranh biểu hiện bên ngoài, hoặc đấu tranh ngầm ngấm bên trong. Chúng ta tốt nhất cần phải tự mình phản tỉnh, nếu hành vi như thế, người khác còn không thích, thì Đức Phật có thể hoan hỷ sao? Lúc gặp nghịch cảnh, nên suy nghĩ, nếu là Đức Phật ngài sẽ xử lý ra sao?

**IV. Trân trọng yêu quý giữ gìn thân tâm kiện toàn, chuyên chú trong hiện tại, toàn tâm hết lòng tu hành**

Mọi người đều không thích khổ đau, nhưng tại sao cứ một mực gom góp những nguyên nhân gây khổ đau? Quả báo không thể cùng nhân duyên mâu thuẫn với nhau, chúng ta không tin nhân quả điều này cũng chẳng sao, nhưng nhân quả luôn tin chúng ta.

Khi khởi niệm giải đãi, tán loạn, cần phải lập tức phát khởi tâm tinh tấn, tự nghĩ mình muốn tiến lên hay thích thối lui? Muốn thanh tịnh an lạc hay muốn nhiễm ô. Vận

động viên nhiều lần tập đi tập lại một động tác, còn chưa nắm chắc đạt thành tích tốt, Thiền tông Cổ đức tham thiền cho tới ngày cuối cùng, cũng chưa chắc đã khai ngộ, lúc còn có thời gian, nếu không biết trân quý, đem toàn tâm tu hành, đến việc khai ngộ còn chưa đạt được, thì đừng nói gì đến tịnh hóa thân tâm!

Nhớ lúc du học ở Nhật Bản, nghe có một vị Thiền sư tĩnh tọa trên cành cây, tôi liền cùng thầy Huệ Mẫn đến thăm nơi đó. Song vị trụ trì địa phương đó nói cây đã không còn, nhưng chúng tôi cảm thấy, dù cho thân cây đã khô mục, đến tưởng nhớ nơi ở cũ ngày trước của vị Thiền sư đã tinh tấn tu tập cũng tốt. Sau đó, chúng tôi đã tận mắt nhìn thấy gốc cây đó còn sót lại thân cây ở dưới vách núi hiểm yếu sâu thăm thẳm, mới hiểu được cổ đức đã hoàn toàn đem sanh tử gạt qua bên, một lòng tu hành mong cầu khai ngộ, như đứng trước vực thẩm, như đi trên băng mỏng. Do đó nhìn lại, tu hành muốn có thành quả, cần phải chuyên tâm nhất ý, dốc hết tâm lực!

“Chín loại trụ tâm” là quá trình tu học thiền định, thứ 1 là trụ bên trong, điểm chính là nắm được phương hướng chính xác, không hướng bên ngoài thân nhiếp bên trong, thứ 2 là tiếp tục trụ, đối với người mới tu học, tâm tán loạn đến đến đi đi cần phải có thời gian dài mới kéo giữ



lại được, còn tiếp tục trụ không những thâm nhiếp bên trong tâm mà còn để cho nó tiếp tục an trụ; thứ 3 là an trụ, trong tâm an trú, có tán loạn lập tức cảnh giác, sức cảnh giác này hơn phần trước; thứ 4 cận trụ, tiến bộ hơn, nâng cao năng lực, cảnh giác vọng niệm sắp khởi không cho khởi, đề phòng không để xảy ra.

Khi chúng ta ngồi thiền hay niệm Phật, có khi cảm thấy hoàn cảnh xung quanh ồn ào. Kỳ thật, sự ồn ào của chúng ta là từ trong tâm mình! Chúng ta thường tự nói, cái này đáng ghét, cái kia không thích, lời nói trong tâm rất ồn! Tất cả chẳng qua là tự mình làm ồn mà thôi. Do đó chúng ta tu hành cần chuyên tâm chú ý, muốn đạt được nhất tâm bất loạn, thì cần không ngừng luyện tập mới có thể đạt được, chuyên tâm chú ý giống như hơi nước vậy, nếu tập trung sức lực thì năng lượng có thể kéo chiếc tàu hoả chuyển động, tâm niệm của chúng ta cũng như vậy, tập trung tâm lực lại, tự nhiên liền có sức mạnh, tán loạn không đến được.

Chúng ta niệm Phật khi hồi hướng “nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi Tịnh Độ, trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường”. Nếu tâm chúng ta tán loạn, miệng nói lời không đúng pháp, như thế chúng ta lấy đâu ra công đức để báo bốn trọng ân? Lại làm sao có công

đức để cứu khổ ba đường? “Kinh A Di Đà” dạy: “*Người thiện căn ít, phước đức mỏng không thể sanh về cõi Tịnh Độ*”<sup>2</sup>. Chúng ta có đầy đủ tư lương phước đức và trí tuệ rồi không? Thiện căn đã sâu dày chưa? Chỉ vì quá khứ không trồng thiện căn mà cứ buồn rầu hối hận, nên bây giờ cần phải trồng xuống những hạt giống thiện cho mai sau còn thực tế hơn.

Bất kỳ làm việc gì, đặc biệt lúc cùng nhau tu tập, cần chuyên tâm nhất ý, chú ý là vô cùng căn bản, trong Kinh điển Tịnh Độ cũng có giảng, chúng ta muốn nhất tâm bất loạn, muốn tâm không điên đảo, đặc biệt lúc lâm chung cần phải khởi phát chánh niệm. Có những Tăng sinh mới và có vị nhiều lần tham gia hoạt động cùng nhau tu tập như vậy, có lẽ cảm thấy “đau lưng mỗi cổ”, “thời khóa rất chặt chẽ”. Lúc chúng ta đang niệm Phật, lại sanh ra một ý nghĩ “chân rất đau, rất nhức”, “thời gian sao lâu hết vậy?”, “Vị chủ lễ tại sao còn chưa đánh chuông kết thúc”, như vậy đã ba tâm hai ý, làm sao có thể đạt được nhất tâm bất loạn?

Trước đây, lúc tôi tham gia tu thiền bảy ngày của Hoà thượng Thánh Nghiêm hướng dẫn, có một thiền sinh hỏi “ngồi thiền bảy ngày chân rất đau nhức, tê mỗi thì làm

---

<sup>2</sup> “Kinh Phật Thuyết A Di Đà” quyển 1, Đại Chánh tập 12, trang 347b9~10.

sao?” Thiên Sư liền trả lời: “Không chỉ con biết đau nhức tê mõi, Thầy cũng biết vậy! Bỏ qua tất cả, không cần quan tâm!” Các loại cảm thọ như thế, thì một số người cho rằng đây là loại “thọ khổ”, muốn chống cự né tránh. Có lần, tôi gặp người công tác trong bệnh viện Từ Tế, anh ta kể về một bệnh án, bệnh nhân bị tai nạn xe, xương cột sống bị thương nặng, tê liệt bán thân, bị mũi nhọn của đồ vật đâm trúng, hoặc va phải nước nóng phùn phụt, nhưng chân mất cảm giác, gặp nguy hiểm không thể kịp thời xử lý, nên thương tích trên tay chân đầy đầy, có một vài chỗ lở loét trầm trọng. Do đó suy nghĩ lại, chúng ta còn cảm giác đau, cảm giác tê nhức cũng tốt. Vì chúng minh là hệ thần kinh của chúng ta vẫn còn phản ứng chính xác. Đại chúng cần phải trân quý, thân thể chúng ta vẫn còn khoẻ mạnh, không cần phải suy nghĩ lung tung “làm sao cho thân thể tôi càng khỏe ..., đợi tôi khỏe rồi, lại tiếp tục tinh tấn, sẽ tu tập tốt hơn.”

Kỳ thật, chúng ta suy nghĩ kỹ càng, dù bảo dưỡng và giữ gìn như thế nào cuối cùng cũng không trốn khỏi luật vô thường. Nếu cứ nghĩ khi khỏe mạnh mới tu hành, tại sao lại không nắm lấy hiện tại? Do đó khi ngồi thiền niệm Phật cần phải chuyên chú lúc này, không cần phải đi tìm quá khứ. Bất luận nó có tốt đẹp cách mấy đi nữa, hoặc là có đau buồn cỡ nào đi nữa thì tất cả những thứ này đã đi

qua rồi, không cần phải nhớ lại. Nghĩ đến tương lai, chỉ nghĩ suông thôi không mang lợi ích gì. Chúng ta có thể làm được gì, nên cần bắt tay vào làm, bởi vì nhân quả là do nhân duyên tương tục mà có. Nếu chúng ta có thể nắm bắt được hiện tại, gieo xuống một hạt giống thiện, tự nhiên khi nhân duyên đầy đủ, tương lai sẽ thu hoạch được quả tốt đẹp. Chúng ta bây giờ trồng nhân ác, nhất định tương lai sẽ nhận quả báo xấu.

#### V. Vận dụng thân, tai, miệng, ý niệm Phật, không nên lấy phương tiện làm mục đích

Học tập các loại kỹ năng, nếu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý có thể cùng nhau phối hợp được, kết quả sẽ tốt hơn. Như muốn học thuộc từ vựng tiếng Anh, không chỉ trong tâm đọc thầm, nếu phát âm ra tai nghe được, tay viết chữ, như vậy làm cho ấn tượng càng sâu. Đối với việc học tập có một lợi ích rất lớn, niệm Phật cũng như vậy!

Lúc chúng ta cùng nhau tham gia tu tập, kỳ thật mọi người trong tâm đã nắm chắc, chân chánh niệm Phật, nên tự mình niệm ra tiếng (miệng), tự mình nghe tiếng mình đang niệm Phật (tai), cung kính lễ Phật (thân), mà còn nhiếp tâm (tâm), giữ cho tâm nhẹ nhàng, vững vàng mới từ từ tiến vào tịnh niệm tương tục. Nhưng có một số vị, tự mình không niệm ra tiếng, nghe tiếng niệm của đại chúng,

có khi xảy ra sự hiểu lầm, cho rằng mình niệm cũng không quá tệ! Sự thật nếu chỉ có một mình, thì có được đủ sức mạnh như vậy không?

Cũng có những người chỉ dùng miệng niệm, không kết hợp với tâm, có người trong tâm dần dần tương ứng, nhưng gián đoạn không liên tục, có người cung kính hết mực, đầy đủ tín nguyện, tự trong tâm thành khẩn niệm ra, sự khác nhau này rất rõ ràng.

Không kể là phương pháp niệm Phật, pháp môn Thiên, hoặc là bái sám, tụng kinh v.v... vô số pháp môn không giống nhau, nhưng mục đích chủ yếu là để cho chúng ta thanh lọc thân tâm, đạt được giới, định, tuệ. Phương pháp quan trọng nhất cần phải “thành thực trở thành thiện xảo” mới có thể thành tựu được, cần phải không ngừng luyện tập, mới có thể thường xuyên giữ vững phong độ.

Bất cứ học pháp môn nào cũng tốt cả, cuối cùng pháp môn chỉ là phương tiện, chúng ta không nên lấy phương tiện làm mục đích, không phải chúng ta lái trên một chiếc xe đất tiền, thì nhất định được đến nơi bình an, cần xem các yếu tố của mình như: có quen đường, đường có dễ đi, tay lái, nếu đi đường xa cần có đủ sức khoẻ để điều khiển xe, tình trạng tâm lý, ý chí có vững chắc không? Trên đường gặp những chướng ngại, có thể tùy thời khắc phục,

để dẹp bỏ những chướng ngại. Có đủ những yếu tố như vậy, mới có thể đến nơi bình an. Dù làm bất cứ việc gì, nếu không kiên trì cho đến phút cuối, thì không thể thọ nhận được kết quả mỹ mãn. Do đó, không cần nói “tôi tham thiền sẽ tuyệt vời hơn bạn niệm Phật”. Trên sự thật, pháp môn nào, nếu không học đến “chỗ cuối cùng” của nó, mà chỉ hơn thua tranh chấp, thì đều là bàn luận cho vui!

Cách đây vài ngày, tôi giảng dạy cho Tăng sinh mới vô trường, cùng họ bàn đến trạng thái tâm lý khác nhau giữa “tinh tấn” và “cạnh tranh”. Nếu chúng ta tu hành theo kiểu so sánh, “việc của tôi làm thì tốt hơn họ, bất cứ phương diện nào tôi cũng đều tốt hơn người khác cả”, đây chính là “cạnh tranh” không phải là “tinh tấn” chỉ là “chấp ngã” làm hại, rồi sanh ra “ngã mạn, ngã si”. Chân thật “tinh tấn”, không phải ở chỗ “người so với người”, mà là phản tỉnh chúng ta, phiền não của chúng ta có giảm đi được chút nào chưa, thiện pháp có tăng trưởng từng ngày không. Ý nghĩa thật của tinh tấn không ngoài “bỏ ác, làm lành”. Nếu là một người suốt ngày không ngừng niệm Phật, mà trong tâm phiền não cũng không giảm, thì những điều này chẳng qua là một loại hình thức, đích thật của tinh tấn là quyết định chúng ta đã bỏ bao nhiêu việc ác, tu được bao nhiêu việc lành, nếu không đạt được mục

tiêu, thì không xứng đáng với tiêu chuẩn tinh tấn của Phật giáo. Có một số người học Phật, lấy việc “một ngày lạy Phật bao nhiêu lạy, ngòai thiền hết vài cây hương” để nhận định là tu hành. Đương nhiên siêng năng như vậy cũng tốt, so với làm biếng thì tốt hơn nhiều, nhưng nếu chúng ta đem “phương thức tu hành” này, cho rằng tự mình đã “thành tựu của tu hành” như thế sẽ bị lạc vào cạm bẫy “ngộ nhận phương tiện làm mục đích” chúng ta phải đặc biệt cẩn thận.

## VI. Niệm Phật có thể tương ứng với giới, định, tuệ tam vô lậu học

Niệm Phật là pháp môn mà người thâm sâu sẽ hiểu thâm sâu, người cạn cợt sẽ hiểu cạn cợt. Bởi vì niệm Phật có thể cùng sám hối và giới học tương ứng; thông qua niệm Phật sám hối những nghiệp ác trong quá khứ, nhất tâm nhiếp niệm giữ gìn giới pháp thanh tịnh, không phạm giới trọng. Lại nữa niệm Phật cũng có thể cùng định học tương ứng, giống như “Kinh A Di Đà” có nói nhất tâm bất loạn, tức là giúp tương tục thanh tịnh niệm Phật, tâm đạt đến chuyên chú một cảnh. Hơn nữa, niệm Phật cũng có thể cùng huệ học tương ứng. Như trong Kinh Luận nói: *“nếu thấy duyên khởi tức thấy pháp tánh, nếu thấy pháp*

*tánh tức thấy chư Phật*”<sup>3</sup>. Nếu thay đổi góc độ, thì niệm duyên khởi tức niệm Phật, từ “xung danh niệm Phật” dần vào “thật tướng niệm Phật”, trong quá trình này cần phải bồi dưỡng năng lực quán chiếu duyên khởi, chỉ cần một niệm tương ưng với trí tuệ tánh Không, tức tự thân có thể đạt được giải thoát .

## VII. Muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp, trước hết phải phục vụ chúng sanh

Chúng ta nếu không biết khéo dùng đời này tích lũy phước đức trí tuệ, thì đời sau chẳng có gì! Nhân lúc mọi người còn trẻ, biết học Phật rồi, có sao không nắm bắt cơ hội này tự mình tăng cường thêm tư lương phước đức trí huệ. “Muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp, trước hết phải phục vụ chúng sanh”, chúng ta khi phục vụ, hoặc là làm một vài công việc của học viện không sợ cực nhọc, hoặc bị chỉ trích và thất bại, trên thực tế chúng ta tận tâm tận lực phải dũng cảm đảm nhận, trong tiềm thức chúng ta đã rèn luyện ý chí, vun bồi nhiều năng lực khác nhau, cũng có thể tùy thời ứng biến, thích hợp với nhiều việc đổi thay. Những việc làm nhỏ đó, đều là cơ hội hiếm có để chúng ta trưởng thành hơn, chúng ta tại sao né tránh bỏ qua? Thường ngày nói tu hành có nhiều công lực rất

---

<sup>3</sup> “Phật Địa Kinh Luận” quyển 5, Đại Chánh tập 26, trang 314a21~22.



tốt, nó biểu hiện qua tiếp đãi người và vật, xử lý công việc, nên thông qua đó kiểm tra lại năng lực của chính mình. Khổng Tử nói: “*khi tôi còn nhỏ gia cảnh khó khăn, nên việc khó nhọc gì cũng làm được*”<sup>4</sup>. Chính muốn nói Khổng Tử cũng xuất thân nhà khó khăn, làm qua nhiều việc nhỏ nhặt, mà người khác không thích làm. Và sau này Khổng Tử đã trở thành thánh nhân, có rất nhiều học trò hiền triết kiệt xuất. Trên thực tế những công việc không thích mấy, nhưng chỉ cần chúng ta dùng tâm thể nghiệm, kỳ thật đó đang mài luyện chí, kiểm tra năng lực tu hành của chúng ta.

Có người khi mới phát tâm “không từ khó nhọc, chấp nhận oán hờn” dù lao tâm lao lực, hay có người oán trách vẫn cứ bình thản. Nhưng từ từ, trở thành “không từ khó nhọc, nhưng không chấp nhận oán hờn”, làm thì làm, nhưng có ai oán hờn, thì họ không vui! Cuối cùng tâm nguội lạnh, biến thành “không chịu khó nhọc, không chấp nhận oán hờn”! Đây chính là dấu hiệu của sự thối lui.

Giống như vậy, chúng ta muốn đạt đến giải thoát, thành Phật, mục tiêu này vô cùng cao thượng, chúng ta không thể chỉ tưởng tượng, mà cần có sự chuẩn bị rất lớn.

---

<sup>4</sup> “Luận Ngữ” ‘Tứ Hãn’

Ví dụ lập định mục tiêu là muốn giải thoát. Cuối cùng cần phải có tư lương gì, điều kiện gì mới được giải thoát? Nếu thân tâm chúng ta không hoàn toàn tịnh hóa, thì không thể giải thoát được, cho dù bất kỳ hình thức nào hay hoàn cảnh thay đổi đều đâu có ý nghĩa gì, giống như một người đang ở trong nhà lao, không ngừng thay đổi vị trí, thì cũng đâu có ý nghĩa.

Chúng ta lập chí muốn thành Phật, mà Phật có đủ những tư lương, công đức gì? Chúng ta đọc trong tác phẩm “Con Đường Thành Phật” sẽ thấy rõ, Đức Phật có “đoạn đức” đoạn hết tất cả phiền não, ngã chấp, kiến hoặc, vô minh, tập khí v.v... Chúng ta không nên quá chủ quan, vì phiền não không kể số lượng nhiều hay ít, chỉ cần còn, đang tiềm ẩn thì có thể dẫn đến sanh tử luân hồi vô tận. Và Đức Phật có đủ “trí đức” trí tuệ thâm sâu, thấu hiểu cộng tướng và biệt tướng. Biết được tự mình cần làm gì để được thanh tịnh, giải thoát, cũng tùy căn tánh của chúng sanh, mà chỉ bày pháp môn khế lý khế cơ. Ngoài ra, Đức Phật có đủ “ân đức” từ bi và nguyện lực sâu dày, hóa độ bình đẳng tất cả chúng sanh. Chúng ta cần phải cảm niệm lòng từ bi của Đức Phật, ân Tam Bảo và ân của chúng sanh. Ngoài ba đức này, công đức của Ngài không có ngần mé, tất cả chúng ta cần nên học tập tinh thần “muốn trở thành Long Tượng của Phật pháp,

trước hết phải phục vụ chúng sanh”, chúng ta muốn thành rừng cột, thì phải lớn từ cành cây non, chịu sự khắc nghiệt của gió mưa, phải tích lũy tháng ngày mới thành được trụ cột vững chắc, muốn thành Long Tượng, chúng ta không phải bắt đầu điều khiển mọi người, chinh phục người khác! Mà trước hết tinh cần phục vụ mọi người, thay họ chịu khổ. Do đó chúng ta bất cứ làm việc gì, ở học viện phục vụ đại chúng, không sanh một tí oán trách hoặc bất mãn, tính toán hơn thua. Kỳ thật chúng ta làm việc như thế không phải là việc của cá nhân mình hay sao? Làm việc chính là làm cho mình, để có phước đức, người khác muốn lấy cũng không được. Chúng ta cần phải học tập trong lúc phục vụ đại chúng, phối hợp tương ưng với trí tuệ tánh Không. Đồng thời tu phước đức, trí tuệ thì dần dần điều phục được phiền não tham, sân, si.

#### VIII. Bởi vì tu hành mà chịu khổ, điều đó là giá trị

Tu hành, khổ tránh phải chịu cực khổ, bởi vì tu hành nên chịu khổ, đây chính là giá trị! Nếu chúng ta phóng dật, ham thích hưởng thụ ngũ dục, rồi chịu cái khổ địa ngục, luân hồi, khổ như đây không đáng giá! Một người làm việc gì, nếu vì sợ khổ không thể tinh tấn tu hành, thì phải trở về lại, chịu vô số lần sanh tử. Nói cách khác, nếu tu hành sợ khổ, tự nhiên không có tìm phương pháp vượt

qua chướng ngại. Đã không có phương pháp vượt qua chướng ngại, thì chỉ còn cách tiếp tục trở lại thế gian, trải qua vô tận sanh tử, lập lại luân hồi không ý nghĩa này. Chúng ta tịnh tâm nghĩ lại một chút. Nếu chúng ta chết rồi sau đó sẽ như thế nào? Kỳ thật câu trả lời rất rõ ràng, cũng chính là trong hiện tại tâm chúng ta đang tồn tại như thế nào, thì sau khi chết nó sẽ như thế đó!

Đạo Phật giảng pháp nhân duyên. Quả báo nhất định phù hợp với nhân duyên. Chúng ta đã không muốn thọ nhiều quả báo khổ, tại sao cứ một mực đi gieo nhân khổ đau? Đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta “hoặc, nghiệp và khổ”. Chúng ta cảm thọ đến khổ, chúng ta cần phải hiểu rõ nguyên nhân của khổ đó, vì đã tạo rất nhiều ác nghiệp. Nguồn gốc của ác nghiệp, chính là ở vô số phiền não. Do không suy nghĩ đúng đắn, mới dẫn thân khẩu ý tạo ác nghiệp, có ác nghiệp, tự nhiên sẽ thọ nhận quả báo khổ. Do đó, chúng ta nếu không muốn thọ khổ, chúng ta đã biết rất rõ ràng, thì phải đoạn trừ xa lìa các nhân xấu ác này.

IX. Như lý tư duy, mục tiêu cần rộng lớn, tu hành phải chân thật, đây là điều dụng tâm của Bồ-tát

Người thường ngày biết dụng tâm, bất kể nhất cử nhất động đều khởi tâm quán tưởng, như “Kinh Hoa Nghiêm-

phẩm Tịnh Hành”, nói khi chúng ta tiểu tiện, cần phải quán tưởng bỏ đi những cấu uế; khi chúng ta thấy đường không bằng phẳng, cần phải quán tưởng trừ đi tâm tà vạy; sinh hoạt trong ngày như đánh răng rửa mặt, tất cả lời nói việc làm, nhìn người và sự vật, đối với người có dụng tâm, thì qua đó phát khởi tâm từ bi. Nếu không dụng tâm, đâu đâu cũng thích lợi dụng, thường lừa dối người khác, thậm chí lừa dối chư Phật, nhưng cuối cùng chính mình lừa không nổi với mình .

Thầy Ấn Thuận dạy: *“lấy việc niệm tụng, sám hối v.v... để bồi dưỡng niềm tin tôn giáo, tự mình được ở trong Tăng đoàn, cần học tập tư duy giáo pháp bồi dưỡng trí huệ, không cầu mau thành, chỉ đợi nhân duyên đầy đủ”*<sup>5</sup>. Rất nhiều Tăng sinh lớp trước “nghe” không ít giáo pháp, nhưng có “như lý tư duy” không? Phải cố gắng nhiều hơn nữa. Còn niềm tin tôn giáo, chúng ta còn có tâm kiên định như khi mới phát tâm, cao quý thanh khiết như vậy không? Nếu không như vậy, thì lời dạy trên của Ngài lại một lần nữa phản tỉnh chúng ta.

Tôi trước khi đến Nhật Bản học tập, thầy Ấn Thuận dạy: “cần phải vì Phật pháp mà học, không được quên đi

---

<sup>5</sup> Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Giáo Chế Giáo Điển Và Giáo Học” bài ‘Luận Về Bồi Dưỡng Tăng Tài’, trang 153.

bổn phận của người xuất gia!” Chúng ta đã xuất gia cần phải bỏ sự ham muốn của thế tục, không nên tranh danh đoạt lợi. Có người nhìn danh lợi của người thế tục một cách nhạt nhẽo, nhưng khi đến cửa Phật, cũng tranh lợi ích cùng danh vị trong Phật giáo, như thế đâu phải người chân thật xuất gia? Các vị cổ đức sau khi xuất gia mỗi ngày sờ đầu ba lần, để không quên đi trách nhiệm của bản thân!

Ngày hai thời tụng Kinh, lúc niệm Phật, nên đem hết tâm tụng niệm, chúng ta niệm danh hiệu Phật Bồ-tát, nên tùy hỷ cung kính mới phải! Giống như chúng ta đang đối diện một vị mà mình vô cùng ngưỡng mộ cung kính, như vậy thì chúng ta có hoan hỷ, cung kính không? Cũng như vậy chúng ta niệm danh hiệu Phật Bồ-tát là đối diện với các vị Thánh, như thế tại sao không có tâm hoan hỷ? Chúng ta tại sao lại dùng tâm sân hận, tạp nhiễm, hôn trầm để niệm?

Thành quả của sự tu hành không thể đem thời gian ra so sánh, thời gian dài không nhất định là đạt được thành tựu. Đối với thành tựu Phật đạo, trọng điểm chính là hết lòng trong từng giây phút vun bồi tâm xuất ly và tâm Bồ-đề.

Nên thầy Ấn Thuận dạy: “tu học Phật pháp lập chí

muốn thành Phật, mục tiêu cần phải cao, phải xa, nhưng thật thế tu hành cần phải bước từng bước vững chắc, cần mẫn chất phác”. Niệm Phật cũng vậy, không thể chỉ cầu hạ phẩm hạ sanh, bởi vì mong cầu thượng phẩm có khi đạt được trung phẩm, mong cầu trung phẩm có khi đạt được hạ phẩm, do đó mục tiêu cần phải cao, phải xa.

Hy vọng chúng ta nắm bắt cơ hội của cuộc đời này. Nghĩ lại, nếu mạng sống chỉ còn lại một ngày, như thế chúng ta sẽ làm gì trong ngày đó. Cổ đức Trung Quốc nói: “Sáng nghe đạo lý, chiều mất đi cũng an lòng!” Nếu chúng ta mỗi ngày làm việc hợp chân lý tâm an ổn, đến khi vãng sanh được thân nhiên tự tại. Trái lại, tâm lo lắng vì từng làm chuyện trái lương tâm, khi vô thường đến, sẽ tạo thành nỗi hoang mang sợ hãi.

Lời cuối tôi kính chúc quý vị hòa hợp, thanh tịnh và an lạc.

# TÂM NIỆM CÙNG NGHIỆP BÁO

## I. Lời nói đầu

Giữa tâm niệm và nghiệp báo có mối liên quan rất mật thiết, có sức ảnh hưởng quan trọng đối với tương lai của chúng ta, vì vậy, đáng để tư duy nghiên cứu, về những nhân tố chính nhân tố phụ nào ảnh hưởng đến nghiệp báo?

Ví dụ: cùng là tội “sát hại” nhưng sát hại Phật, A-la-hán, cha mẹ hoặc súc sanh, do đối tượng sát hại không đồng, nên quả báo nhận lấy cũng khác. Ngoài ra, do động cơ, hành vi thủ đoạn phương pháp v.v... khác nhau nên tạo thành nghiệp báo cũng không giống nhau.

Cùng làm một việc, nhưng thế nào để năng lực bỏ ra ít mà thành tích hiệu quả cao, tăng thêm lợi ích cho chúng sanh, và tiêu trừ phiền não của chính mình, người hiểu thì hiểu sâu, còn người chưa hiểu thì nhìn nhận cạn cợt hơn. Chúng ta vốn đều vui vẻ phát tâm làm việc thiện nguyện, nhưng ngày đó trải qua lâu rồi, có người bắt đầu khởi phiền não, đối với công việc được phân chia thì kén chọn, có lúc đang làm thì trong tâm lại khởi lên rất nhiều tạp niệm, như là tâm tham, tâm kiêu mạn, khiến cho chính mình càng làm càng không vui. Nếu như chúng ta học tập trong công việc, rèn luyện ý chí



của chính mình, mọi lúc mọi nơi đều quán sát tâm niệm, phát hiện khuyết điểm, đoạn trừ các loại phiền não tâm tham lam, kiêu mạn. Với chí hướng làm việc như vậy thì mới thật là lợi mình lợi người.

## II. Như thế nào là nghiệp và báo?

Muốn hiểu được sự quan hệ giữa “tâm niệm và nghiệp báo” thì trước tiên chúng ta phải hiểu thế nào là nghiệp, thế nào là báo?

### 1. Nghiệp: hành vi, tạo tác.

Do hoạt động của thân, khẩu, ý mà chiêu cảm năng lực tiềm ẩn đưa đến quả báo.

“Nghiệp” là động tác hành vi. Cái gì do lực ý chí phát động đều là nghiệp. Ở đây nói “nghiệp” chủ yếu chỉ về ý niệm khởi lên trong tâm chúng ta, miệng phát ngôn, thân hành động, dẫn đến phát sinh ra một động lực; mà động lực này tương lai có thể chiêu cảm một loại quả báo nào đó. Ví dụ như: có người nổi giận, la mắng, thậm chí còn đánh người. Động tác như vậy, nó chiêu cảm đến quả báo ác nào đó. Hơn nữa, không phải là nói thành lời ra động tác mới tính, ngay cả nội tại của hoạt động ý niệm “nổi giận” này cũng chiêu cảm quả báo! Phạm hoạt động của thân, khẩu, ý có một loại chiêu cảm năng lực tiềm ẩn của quả báo trong tương lai; đó gọi là “nghiệp”

## 2. “ Báo”: quả báo, dị thực

“Quả báo” do nghiệp lực chiêu cảm, lại gọi là “dị thực quả”, tức “dị loại nhi thực”. Tại sao gọi là “dị loại nhi thực”? Có nghĩa là chúng ta làm việc thiện thì chiêu cảm quả báo thiện, tạo nghiệp ác thì chiêu cảm quả báo ác. Mọi người thường nghe “thiện có thiện báo, ác có ác báo”, thật ra đây là cách nhận định thông thường, chính xác thì “thiện có quả báo an vui, ác có quả báo khổ đau”. Trước khi nghiệp chưa chiêu cảm báo, nếu không tu tập chúng đắc giải thoát, thì năng lực tiềm ẩn của nghiệp vẫn tồn tại, dù trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp lực vẫn không mất. Chỉ cần nhân duyên hội đủ, thì nghiệp lực sẽ chiêu cảm quả báo.

Tuy nhiên, không phải vừa tạo nghiệp lập tức cảm quả. Từ lúc tạo nghiệp đến cảm quả cần thời gian, thời gian này dài ngắn khác nhau, có người đời này tạo nghiệp thì liền cảm quả “hiện báo nghiệp”, có người đời này tạo nghiệp đời sau mới thọ báo “sanh báo nghiệp” có người đời này tạo nghiệp, cách một đời hoặc nhiều đời mới thọ báo “hậu báo nghiệp”. Chúng ta có thể đưa ra ví dụ, nghiệp giống như hạt giống, có loại khi trồng xuống nửa năm ra hoa kết quả, có loại trồng một năm, có loại trồng hơn một năm mới trở quả.

Hạt giống sau khi trồng thì nhất định có kết quả hay sao? Điều này cũng không nhất định, vì trong thời gian trở quả cần nhiều điều kiện, như ánh sáng, nước, đất, chất dinh dưỡng v.v... Chúng ta gieo xuống hạt giống xấu, nếu cắt hết tất cả trợ duyên thì nó sẽ hư hoại mầm mống. Cũng như, chúng ta tạo ác nghiệp cũng cần các loại trợ duyên mới kết quả, trợ duyên này là gì? Đó là phiền não. Nếu chúng ta đoạn tận phiền não, nhân duyên thiếu, quả ác không thành thực. Cho nên, điều cốt yếu của việc tu hành chẳng phải tiêu diệt báo khổ trong thân, mà không tạo ác nghiệp, quan trọng nhất là đoạn trừ phiền não.

### III. Các loại nghiệp

Sau khi tìm hiểu sơ lược tính chất của nghiệp, tiếp đến chúng ta phân loại nghiệp.

#### 1. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp

Trước tiên, từ đối tượng để nghiệp căn cứ, thì chia thành ba loại nghiệp “thân, ngữ và ý”. Hoặc có người nghĩ: “nghiệp biểu hiện ra bên ngoài từ thân và ngữ mới nặng, còn nếu chỉ là trong tâm suy nghĩ linh tinh chắc không có gì đáng lo ngại”. Kỳ thật không như thế, ý niệm mới là chủ yếu nhất, bởi vì ý nghĩ từ nội tâm sẽ quyết định nghiệp đó tạo ra thiện hay ác; nhẹ hoặc nặng. Như trong “Thành Thật Luận” quyển 9 ‘Phẩm Ba Nghiệp

## Nặng Nhẹ thứ 119’:

*Trong ba nghiệp, nghiệp nào nặng hơn? Thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp? ... Đáp: ... Trong Kinh Đức Phật dạy: “tâm là gốc các pháp, tâm cao tốt, tâm dẫn đường, tâm nghĩ thiện ác, tức nói tức làm”. Cho nên biết ý nghiệp là nặng ...*

*Lại nghiệp của ý hơn nghiệp của thân và khẩu, như trong “Kinh Hòa Lợi” dạy: “Ngoại đạo thân tiên, một khi nổi giận lên liền tiêu diệt nước Na-la-vu-đà”.<sup>1</sup>*

“Kinh Hòa Lợi” dẫn chứng trên tương hợp với “Trung A Hàm” quyển 32 (Kinh số 133) “Kinh Ưu Ba Ly”<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup> Đại Chánh tập 32, trang 307a5–b24.

<sup>2</sup> “Kinh Trung A-hàm” quyển 32, (kinh 133) Đại Chánh tập 1, trang 628b24–630a1 :

Ni-kiền Trường Khổ Hạnh hỏi: “Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?”

Thế Tôn lại đáp: “Này Khổ Hạnh, ba nghiệp này tương tự như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy.”

Cư sĩ, ông nghĩ sao, giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: ‘Trong một ngày tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt’. Cư sĩ, ông nghĩ sao, người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-nan-đà này chất thành đồng thịt, làm thành một khối thịt không?”

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp: “Không thể. Vì sao như vậy? Xứ Na-nan-đà này quá giàu có an vui, nhân dân đông đúc, cho nên người ấy chắc chắn không thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đồng thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích.”

Đức Thế Tôn bảo: “Cư sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-môn, Phạm chí đến, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như vậy: ‘Ta chỉ khởi một niệm sân, làm cho cả xứ Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro’. Này Cư sĩ, ông nghĩ sao? Sa-môn, Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-nan-đà này thiêu rụi thành tro không?”

Trong Kinh nói: giả sử có người cầm dao thật bén giết chúng sanh trong nước Na-nan-đà từ tối đến sáng, dù cho giết cả ngày cũng không hết; nhưng có người tu thiền định, phát khởi tâm sân họ sử dụng lực thần thông làm cho chúng sanh trong nước ấy có thể thành tro bụi! Vậy trong ba nghiệp thân, khẩu và ý, thì ý nghiệp là nặng nhất.

## 2. Thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp

Trên nguyên tắc, thiện bao hàm hai tầng ý nghĩa: một là chúng ta phát tâm hành thiện, hai là làm cho người khác được lợi ích. Nếu như chu toàn đến hai ý nghĩa này thì đương nhiên tốt nhất. Như ở trước đã nói: “thiện nghiệp chiêu cảm quả báo an vui, ác nghiệp chiêu cảm quả báo khổ đau”. Ngoài thiện nghiệp, ác nghiệp ra, còn có một loại không thiện không ác, đó là “vô ký nghiệp”.

Ngoài ra, còn có “bất động nghiệp” loại nghiệp này tương ứng với thiền định, cõi sắc giới định hoặc vô sắc giới định, nên đây là thiện. Do đặc trưng của thiền định là bất động nên nghiệp tạo thành cũng “bất động nghiệp”.

---

Cư sĩ Ưu-ba-ly đáp: “Thưa Cù-đàm, đâu phải chỉ một Na-nan-đà, đâu phải chỉ hai hoặc ba, hoặc bốn; mà thưa Cù-đàm, Sa-môn Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, nếu khởi lên niệm sân thì có thể làm cho hết thủy các nước, hết thủy nhân dân thiêu rụi thành tro, sá gì một Na-nan-đà?”

Mà loại này có thể chiêu cảm đến sanh tử của cõi sắc giới, vô sắc giới; còn nghiệp thiện nghiệp ác là nghiệp lực cảm quả sanh tử ở cõi dục giới.

### 3. Định nghiệp, bất định nghiệp

Như thế nào gọi là định nghiệp? Là sức mạnh cố ý tạo tác của nghiệp nhất định dẫn đến loại quả báo nào đó. Trong “Kinh Trung A hàm, Kinh Tư”<sup>3</sup> ghi chép, nếu cố ý tạo nghiệp, Đức Phật nói nhất định thọ báo; nếu không cố ý tạo tác, thì không nhất định thọ báo.

Trên sự thật, nhất định thọ báo và không nhất định thọ báo của nghiệp, có khi xem chúng ta có đủ thời gian hồi cải hay không, như “Kinh Trung A Hàm”<sup>4</sup> nói: ví có một bao muối nặng 1 kg và một bao 20 kg, nếu như đem 1 kg muối bỏ vào ly nước, 20 kg muối đổ xuống sông lớn thì nước ở đâu mặn hơn? Đương nhiên là nước trong ly mặn hơn, nhưng muối ở đâu nhiều hơn? Muối bỏ trong sông lớn nhiều hơn. Đây muốn nói, dù cho nghiệp ác nặng, có đủ thời gian hồi cải, như là thọ mạng dài, lại gặp được thiện tri thức, tinh tấn học tập Phật pháp, chuyên cần tu giới định huệ, thì nghiệp nặng thành nhẹ hoặc trở thành

---

<sup>3</sup> “Kinh Trung A-hàm” quyển 3, (kinh thứ 15) ‘Kinh Tư’: “Nếu ai cố ý tạo nghiệp, ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo, hoặc thọ trong đời hiện tại, hoặc thọ ở đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ báo”. Đại Chánh tập 1, trang 437b.

<sup>4</sup> “Kinh Trung A-hàm” quyển 3, (kinh thứ 11) “Kinh Diêm Dụ” Đại Chánh tập 1, trang 433a~434a.

bất định nghiệp. Ngược lại, cố ý tạo ác lại không hối cải, hoặc là hoàn toàn không biết ăn năn, như vậy nhất định thọ quả báo khổ.

Trong “Kinh Kim Cang” có đoạn: *“Nếu có người thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khác khinh chê, nên biết người này do tội nghiệp đời trước, lẽ ra phải đọa trong đường ác, cho nên đời này bị người khác khinh chê, khi nào tội nghiệp đời trước được tiêu trừ, người ấy sẽ thành tựu quả vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”*<sup>5</sup>

Có người sau khi tụng trì “Kinh Kim Cang”, ngược lại bị người khác khinh dễ si nhục. Người ấy nghĩ: “Mình không tụng Kinh vẫn tốt, đã tụng mà lại bị khinh dễ, si nhục, dứt khoát không cần trì tụng nữa!” Thật ra, nếu ai cũng suy nghĩ như vậy là không đúng. Ý của “Kinh Kim Cang” là do cá nhân đời trước tạo nghiệp ác, lẽ ra đọa vào đường xấu trong cõi địa ngục, súc sanh, ác quỷ, nhưng do công đức đọc tụng “Kinh Kim Cang” làm cho quả báo nhẹ, hiện tại chỉ bị người khác coi thường, nhưng đời sau khỏi bị chiêu cảm quả báo của ba đường ác đạo!

#### 4. Cộng nghiệp, bất cộng nghiệp

Bất cộng nghiệp là nghiệp mà tự bản thân mình chịu

---

<sup>5</sup> Đại Chánh tập 8, trang 750c24-27.

ảnh hưởng, cũng gọi là biệt nghiệp; cùng một lúc mà mình và người khác ảnh hưởng thì gọi là cộng nghiệp. Ví dụ như, một nhà có ba người con gái, hoàn cảnh trưởng thành trước khi lập gia đình đều giống nhau. Nhưng sau khi lớn lên thì mỗi người được gả vào một gia đình khác, mỗi người có sự nghiệp phát triển không đồng, đây gọi là bất cộng nghiệp của mỗi người.

Cộng nghiệp của mọi người, ảnh hưởng qua lại, tác động lẫn nhau, hình thành mối quan hệ rất phức tạp. Giống như chúng ta đối với mọi người luôn nở nụ cười tươi, thì họ sẽ có ấn tượng tốt với chúng ta; còn ngược lại lúc nào mặt mày nhăn nhó khó chịu, thì người khác không vui, mọi trường hợp đều có mối quan hệ lẫn nhau.

Nếu có thể hiểu biết sâu sắc giáo lý cộng nghiệp của Phật giáo, thì tìm ra nguyên nhân để đối phó, tùy bệnh cho thuốc điều trị, sẽ kịp thời xoay chuyển cộng nghiệp của mọi người. Như môi trường sinh sống ô nhiễm, rác chất thành đống khắp nơi, vi trùng sinh sôi nảy nở, tạo nguyên nhân gây bệnh sốt rét. Muốn giải quyết triệt để loại bệnh này, đâu chỉ làm sạch sẽ đồ chứa nước của mỗi nhà mà có thể được, cần toàn thể xã hội, cho đến thôn xóm làng xã huyện thị cùng giữ gìn môi trường trong sạch, thì mới có thể tiêu diệt các mầm bệnh lây lan này.



Theo nguyên tắc “cùng làm cùng chịu”, cộng nghiệp của mọi người, thì phải đồng tâm hiệp lực thay đổi, nếu không, cho dù Thánh nhân cũng đành bất lực. Bồ-tát muốn thiết lập tịnh độ trong nhân gian, song tịnh độ chân chánh, không chỉ tịnh hoá thân tâm chính mình thôi, mà cần làm trong sạch nội tâm của chúng sanh, thì cõi Phật mới chân chánh thanh tịnh.

### 5. Dẫn nghiệp, mãn nghiệp

Dẫn nghiệp là một loại nghiệp lực đặc biệt mạnh, dẫn dắt chúng sanh đến thọ một quả báo tổng thể, trở thành trời, người, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục một trong năm cõi, nghiệp này đặc biệt mạnh nên gọi là “dẫn nghiệp”. Ví dụ: Đê-bà-đạt-đa chuyên tâm trì giới, tu tập khổ hạnh, cũng đắc thiên định đủ thần thông, nhưng vì ác tâm làm thân Phật chảy máu, ác nghiệp như vậy rất nặng nên dẫn đến đọa địa ngục.

Ngoài ra còn có mãn nghiệp. Nghiệp này không mạnh bằng dẫn nghiệp, tuy không dẫn dắt chúng sanh chiêu cảm quả báo tổng thể, nhưng ảnh hưởng báo thân của chúng ta viên mãn hay không. Ví dụ, sáu căn đầy đủ, tướng mạo trang nghiêm, âm thanh dịu dàng hay không, ảnh hưởng đến điều này là mãn nghiệp.

Trong “Câu Xá Luận”<sup>6</sup> đưa ra ví dụ, có nhà họa sĩ, trước tiên dùng một màu vẽ ra hình tượng, sau khi hoàn thành việc này, thì điểm tô thêm nhiều màu sắc. “Dẫn nghiệp” là đồng một màu vẽ ra một hình người hoặc một con vật; “mãn nghiệp” như bức hình tô điểm nhiều màu sắc. Chúng ta cùng là con người, nhưng tướng mạo, tư chất, âm thanh cho đến tri thức của mỗi người không giống nhau. Đây gọi là mãn nghiệp.

#### IV. Sự khác biệt giữa người và người là do nghiệp nào tạo thành

Chúng ta đều là con người nhưng giữa con người có những loại khác biệt, điều này do những nhân tố nào hình thành? Quy nạp các yếu tố đó thì có ba loại chính:

- (1) Mãn nghiệp từ đời quá khứ
- (2) Biệt nghiệp của đời hiện tại
- (3) Cộng nghiệp trong hiện tại

##### 1. Mãn nghiệp từ đời quá khứ

Chúng ta là người, đời quá khứ tạo qua những dẫn nghiệp đưa đến làm người, bất luận là người da đen, người da trắng nhưng một đôi mắt, một lỗ mũi, đều giống nhau. Nhưng kiểu dáng đẹp xấu không đồng, tức là do

---

<sup>6</sup> “A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận” quyển 17, Đại Chánh tập 29, trang 92b.

ảnh hưởng của mẫn nghiệp ở quá khứ.

Từ “dẫn nghiệp” mà nói: đầu thai vào làm người tốt hơn đờng súc sanh, nhưng làm người nhất định có phước báo hơn súc sanh không? Điều này không nhất định, có người sanh nơi chiến tranh loạn lạc, cuộc sống khó khăn đói khát, thân người gầy ốm còn da bọc xương; còn có người nuôi chiều súc vật, tuy súc sanh nhưng hưởng thụ cuộc sống rất tốt, chủ nhân không chỉ chuẩn bị rất nhiều món ăn ngon mà còn tắm rửa, dẫn dắt đi chơi. Vì vậy, động vật được nuôi dưỡng này dẫn nghiệp trong đời quá khứ tuy không tốt giống người, nhưng đối với mẫn nghiệp ngược lại rất có phước báo nhận được sự quan tâm của chủ nhân.

Ví như mọi người cùng bố thí, thực hành bố thí được quả báo nhân thiên, đại thể giống nhau, nhưng mẫn nghiệp khác nhau rất lớn. Có người lúc bố thí khởi tâm kiêu mạn tự cao gây khó chịu cho người nhận, có người cung kính tận tay bố thí; có người đợi giàu có mới bố thí, có người nghèo khó có thể bố thí. Mẫn nghiệp này có các loại không đồng, quả báo tự nhiên cảm được cũng có khác biệt! Cùng là người giàu, có người rất nhân nhả, nguồn thu nhập của cải không ngừng, mọi người đối xử rất tốt, còn người cũng giàu có nhưng bận rộn âu lo, cạnh

tranh quyết liệt, mọi người khắp nơi oán trách, luôn sợ bị người khác cướp bóc, hay bỏ thuốc độc ám hại. Vì vậy, chúng ta nên lưu ý: cùng làm một việc, song tâm niệm phát sanh bên trong và hành vi của thân khẩu, khác biệt từng li từng tí, tất cả đều đưa đến chiêu cảm quả báo không đồng!

## 2. Biệt nghiệp của đời hiện tại

Mục thứ hai này đặc biệt quan trọng “biệt nghiệp của đời hiện tại (bất cộng nghiệp)”. Vì mãn nghiệp trong đời quá khứ, tuy nghiệp ở quá khứ quyết định một phần của đời sống, nhưng nếu đời hiện tại hoàn cảnh không giống nhau, hoặc là nỗ lực của mỗi người không giống nhau, nhân duyên vẫn thay đổi được! Như anh em sinh đôi, tướng mạo thể hình đều tương tự, nhưng một người sống có quy luật, chú trọng bảo vệ giữ gìn sức khỏe. Ngược lại người kia cách sống hoàn toàn ngược lại, như vậy kết quả của họ dẫn đến không giống nhau.

Có người sống cuộc đời không mấy như ý, nhưng nghiệp trong đời quá khứ đã tạo, hết cách cải đổi, chỉ buồn rầu cũng đâu có ý nghĩa, như vậy chúng ta phải bắt đầu làm lại từ đâu? Thật ra, điều mà cần nỗ lực chính đó là “biệt nghiệp của đời hiện tại”!

Trước đây, có một người già đến tham quan miếu

Khổng Tử, người này cảm nhận các phương diện như học vấn, đức hạnh, giáo dục của Khổng tử rất tuyệt vời, xứng đáng là “Chí Thánh Tiên Sư”. Nhân đó ông cụ rất ngưỡng mộ, lập chí học theo Thánh nhân, song mọi người lại chế giễu ông rằng: “Đã già 70, 80 tuổi rồi mà vẫn muốn học Thánh nhân? Khổng tử 15 tuổi chuyên tâm vào việc học, 30 tuổi thì có thể tự lập, 40 tuổi mới có thể hiểu thấu mọi sự lý trong xã hội, 50 tuổi có thể thông suốt chân lý của tạo hoá hiểu được mệnh trời, 60 tuổi thì mới không cảm thấy chướng ngại mê mờ, 70 tuổi làm việc gì thì tự nhiên thể hiện đúng với chủ tâm của mình. Ông tuổi đã cao mà lại còn muốn mô phỏng Khổng Tử thì há không dễ lắm sao?” Ông ta trả lời rằng: “Mặc dù tôi chạy không nhanh bằng Khổng Tử, nhưng đuổi theo vài bước cũng tốt rồi”

“Đuổi theo vài bước cũng tốt” thật là có chí khí! Bỏ nhiều thời gian tinh thần tìm về quá khứ, không bằng trong đời hiện tại siêng năng dụng tâm!

### 3. Cộng nghiệp trong đời hiện tại

Mục thứ ba là “cộng nghiệp trong đời hiện tại”. Dù tự mình rất nỗ lực, có lúc vẫn không chống lại sự khắc nghiệt của hoàn cảnh bên ngoài. Giống như có người rất siêng năng làm việc muốn kiếm được nhiều tiền, nếu nền kinh tế chung không được thuận lợi thì nguyện vọng khó

mà thành hiện thực. Như nói tư chất tối ưu của trẻ em, không phải trời sanh bộ não tốt là nhất định thành tựu. Tư chất tối ưu của trẻ em muốn thành tựu thì cần rất nhiều yếu tố như: cha mẹ là người biết nhìn xa trông rộng và hiểu được con, chọn đúng chí hướng giáo dục cho con, có thầy cô giỏi giảng dạy hướng dẫn. Và lại, muốn trở thành người tài đức cũng không phải một bước là có thể thành công, cần trải qua thời gian dài bồi dưỡng, vì vậy cần có thể lực, nhẫn nại, kiên trì thì mới được.

Có người lúc nào cũng ảo não buồn rầu nghiệp chướng nặng, đem những nguyên nhân tạo nên các chuyện không như ý, đều đổ thừa cho về đời trước. Kỳ thật, ba loại nghiệp đó quyết định cuộc sống hiện tại của mình, nghiệp tạo từ quá khứ chỉ đóng một phần nhỏ, chẳng phải toàn bộ. Nghiệp tạo từ quá khứ đã trở thành quá khứ, còn muốn thay đổi thì chỉ có cách từ biệt nghiệp của chúng ta trong đời hiện tại, thứ đến là cộng nghiệp của chúng sanh. Chỉ có hiện tại nỗ lực sửa đổi “biệt nghiệp của cá nhân” và “cộng nghiệp của chúng sanh”, thì mới có khả năng giải quyết trực tiếp vấn đề. Vì vậy, thay vì ảo não buồn rầu quá khứ tại sao không thực hiện tốt, thì đâu bằng nỗ lực cố gắng trên nhiều phương diện trong hiện tại! Nhờ hiểu nhân quả nghiệp báo, và học tập chánh tri chánh kiến của Phật pháp, thì có thể đối bệnh kê thuốc.

## V. Tù nghiệp thọ báo

Chúng ta trong một đời tạo nghiệp rất nhiều, thiện có, ác cũng có. Tạo thiện nghiệp được quả báo nhân thiên; tạo nghiệp ác đọa vào ba đường ác: súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Chúng ta tạo nhiều thiện nghiệp và ác nghiệp, cuối cùng theo những nghiệp nào, đầu thai vào đường nào? Nói cho cùng, theo nghiệp thọ báo chủ yếu có ba loại: tùy nghiệp nặng, tùy tập tính, tùy ức niệm.

### 1. Tùy nghiệp nặng

“Tùy nghiệp nặng” tức bất luận là nghiệp thiện, ác nhưng trong đó có nghiệp lực đặc biệt mạnh, như tạo nghiệp thiện nhiều hay tạo nghiệp ác mạnh, sau khi thân mạng kết thúc lập tức đi thọ báo. Đối với người tạo nghiệp thiện mạnh thì dù chúng ta không hộ niệm giúp người này nhưng người này cũng sớm sanh lên cõi trời, hoặc chuyển kiếp đến nhân gian.

### 2. Tùy tập tính

Tùy tập tính là tùy thuộc vào thói quen, do thói quen thiện hay ác mà hình thành một loại ảnh hưởng của quán tánh. Trong “Kinh Tạp A Hàm”<sup>7</sup> ghi lại câu chuyện của

---

7 “Kinh Tạp-a-hàm”, quyển 33, (kinh 930) Đại Chánh tập 2, trang 237b-c.

Một thời Đức Phật ở trong vườn Ni-câu-luật, tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, Ma-ha-nam họ Thích đến chỗ Phật cuối đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật: “Bạch

một vị trưởng lão nổi tiếng, trong đó nói rõ thói quen chủ yếu thường ngày phải nuôi dưỡng tập tính tánh thiện. Vị trưởng lão này hằng ngày niệm Phật một cách thành kính, có một ngày ông ta thỉnh cầu Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nếu có một ngày con đang đi trên ngã tư đường không cẩn thận nên bị tai nạn, lúc đó con không kịp niệm Phật, thế thì con có bị đọa địa ngục không? Hay các con đường ác đạo không? Đức Phật trả lời: “Ông sanh thời có tập tính thiện, ông yên tâm, khi đó không kịp niệm Phật, thì vẫn được vãng sanh đến con đường thiện, giống như cây cỏ thụ sanh trưởng theo hướng về phía Đông Nam khi đổ gãy vẫn theo hướng Đông Nam mà ngã.”

Vì vậy, hằng ngày giữ gìn cho tâm trong sạch thanh tịnh, thì lúc này chánh niệm sanh khởi, đã có tập tính

---

Thế Tôn, nước Ca-tỳ-la-vệ này, đang an ổn thịnh vượng, nhân dân phát đạt. Mỗi khi con ra vào người vật theo hai bên, nào voi điên, người điên, xe điên, thường cùng đi với chúng. Con tự sợ là mình cùng sống, cùng chết với bọn điên cuồng này mà quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng. Con tự nghĩ sau khi mạng chung sanh vào thế giới nào?

Phật bảo Ma-ha-nam: “Đừng sợ hãi, đừng sợ hãi, Sau khi chết ông không sanh vào đường dữ, cũng không chết dữ. Ví như cây lớn thuận gió, nghiêng xuống, chúi xuống, nếu chặt gốc rễ sẽ ngã về nơi nào?”

Ma-ha-nam bạch Phật: “về phía thuận gió, nghiêng xuống, chúi xuống”

Phật bảo Ma-ha-nam: “Ma-ha-nam cũng như vậy, khi mạng chung không sanh đường dữ, cũng không chết đường dữ. Vì sao, vì ông đã lâu dài nhất tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, nên sau khi mạng chung thân này bị hoả thiêu, hay bỏ ngoài nghĩa địa, bị gió táp, nắng thiêu lâu ngày thành tro bụi, nhưng vì tâm ý thức từ trước được huân tập bởi chánh tín, bởi tịnh giới, bởi thí, đa văn, trí huệ nên thần thức hướng lên cõi an lạc, đời sau sanh về cõi trời.”

Sau khi Ma-ha-nam nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, đánh lễ rồi lui ra.



thiện thì sẽ sanh vào đường lành. Ngược lại, thường ngày nuôi dưỡng tập tánh tham, đến khi xả bỏ thân mạng, cảnh tượng huyền hóa hiện ra, thì một niệm chấp trước đi theo đầu thai vào đường súc sanh hoặc đường ác đạo.

### 3. Tùy ức niệm

Tùy ức niệm là tùy thuộc vào tâm niệm hồi tưởng trong lúc lâm chung. Nếu như, đời trước không tạo nghiệp thiện, ác đặc biệt lớn, cũng không có tập tánh thiện hay tập tánh ác đặc biệt mạnh, lúc này muốn vãng sanh nơi nào đều có thể! Nếu lúc mạng chung hồi tưởng việc thiện, thì nghiệp thiện dẫn dắt sanh vào đường nhân thiên; hồi tưởng việc ác thì nghiệp ác dẫn dắt vào ba đường ác đạo. “Hộ niệm lúc lâm chung” chủ yếu là hướng vào người đó mà hộ niệm trợ giúp cho phần nào đó. Nhưng người này nghiệp ác quá nặng, hoặc là hằng ngày có tập tính ác quá sâu dày, thì cho dù có người trợ niệm, người này không dễ thọ nhận được!

## VI. Lâm chung nhất niệm

Trong “Đại Trí Độ Luận” khi nói về nhân duyên nghiệp báo, lấy ví như người họa sĩ, nhấn mạnh người tạo nghiệp chân chánh thì được quả báo tốt; ngược lại, người tạo nghiệp tà vạy thì nhận quả báo xấu. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 24 nói:

*“Khi mạng chung nghiệp ấy đến phủ kín tâm người này, như bóng râm của ngọn núi lớn che mọi vật. Nghiệp ấy hay cho các loại thân, như thợ vẽ, vẽ các hình tượng. Nếu người nào hành nghiệp chánh hạnh thì quả báo tốt, còn nếu hành nghiệp tà hạnh thì có quả báo xấu. Như người làm việc cho nhà vua, thì theo công việc mà được thù đáp. Như vậy là phân biệt quả báo của các nghiệp chướng.*

*Lại nữa, như trong “Kinh Phân Biệt Nghiệp”, Phật bảo A-nan: “người làm ác sanh nơi tốt, người làm thiện sanh nơi xấu”.*

*A-nan thưa: “Việc ấy như thế nào?”*

*Phật dạy: “Người ác tội nghiệp đời này chưa chín, mà nghiệp lành đời trước đã chín, do nhân duyên đó, mà đời này tuy ác mà sanh nơi tốt, hoặc khi sắp chết tâm tâm số pháp lành phát sanh, do nhân duyên ấy cũng sanh được nơi tốt. Người làm lành sanh chỗ xấu, vì nghiệp lành đời này chưa chín mà nghiệp ác đời trước đã chín muồi, do nhân duyên ấy mà đời nay làm lành mà sanh nơi xấu, hoặc khi chết tâm tâm số pháp bất thiện phát sanh, do nhân ấy nên cũng sanh chỗ xấu.”<sup>8</sup>*

*Người họa sĩ là chỉ những người biết vẽ hình người,*

---

<sup>8</sup> Đại Chánh tập 25, trang 238b11~23.

hình cảnh vật. Thật ra, làm cho thọ nhận thân người hoặc súc sanh đều do nghiệp của chúng ta tự tạo ra. Như trong “Đại Trí Độ Luận” trích dẫn “Kinh Phân Biệt Nghiệp” tường thuật lại Đức Phật đã từng nói với A-nan rằng: “Người làm ác, nhưng sanh vào nơi tốt, người làm lành mà sanh vào nơi xấu”.

A-nan cảm thấy rất kỳ lạ, điều này trái với câu nói thường ngày “thiện có thiện báo (quả báo vui), ác có ác báo (quả báo khổ)” trái lại sao?

Đức Phật trả lời: người làm ác, đầu thai vào nơi tốt, có hai nguyên nhân: một là vì người ác này tội nghiệp đời này vẫn chưa thành thực, nghiệp thiện đời quá khứ đã thành thực rồi; hai là khi sắp chết, sanh khởi tâm tâm sở pháp thiện mạnh.

Ngược lại, người làm lành đầu thai vào chỗ không tốt, cũng có hai nguyên nhân: những người này thiện căn đời nay vẫn chưa thành thực, mà nghiệp ác trong đời quá khứ đã thành thực; hai là khi sắp chết khởi tâm tâm sở bất thiện pháp mạnh.

Tiếp theo “Đại Trí Độ Luận” lại có một đoạn nghi vấn thật thâm thúy:

*Hỏi: Nghiệp chín chưa chín có thể như vậy, còn tâm phát sanh trong thời gian ngắn ngủi khi sắp chết làm*

*sao thắng được nghiệp lực gây ra suốt cả đời?*

*Đáp: Tâm ấy tuy trong thời gian khoảnh khắc, mà tâm lực mãnh liệt, như lửa như chất độc, tuy ít nhưng có tác dụng rất lớn. Trong khi sắp chết, tâm đó quyết định mãnh liệt kiên cố, cho nên thắng nghiệp lực tạo ra trong trăm năm.<sup>9</sup>*

Có người hỏi: nếu nói tội nghiệp thành thực hoặc chưa thành thực dẫn tới nơi nào thọ báo, cách này tôi đồng ý; nhưng mà, lúc lâm chung tâm niệm rất ngắn, làm sao có thể chống chọi cho được nghiệp thiện hoặc nghiệp ác trong một đời?

Giống như trong “Đại Trí Độ Luận” trả lời, Bồ-tát Long Thọ nói: Tâm niệm này tuy rất ngắn nhưng sức mạnh mãnh liệt như lửa, như độc. Giống như lửa vô minh có thể thiêu sạch cả rừng công đức. Cho dù chúng ta trải qua nhiều năm làm thiện tạo ra công đức, nhưng chỉ trong một niệm sân khởi lên có thể đốt cháy hết tất cả! Thử nghĩ xem, một người cần lao khổ nhọc trong ba năm đốn cây chất đầy nhà, rồi đem một ngọn lửa đốt nó thì có cần ba năm mới cháy hết không? Chắc chắn là không, mà ngược lại chỉ trong một khoảnh khắc thôi đã cháy tan thành tro bụi. Còn chất độc? Cũng như vậy, tuy

---

<sup>9</sup> Đại Chánh tập 25, trang 238b23~27.

liều lượng rất ít, chẳng cần ăn tới no, chỉ một giọt nhỏ cũng đủ lấy đi thân mạng. Nếu như trước khi lâm chung, tâm niệm vững mạnh giống như ngọn lửa, thuốc độc, “quyết định mãnh liệt kiên cố, cho nên thắng nghiệp lực tạo ra trong trăm năm.”

Bởi vậy, cùng là một niệm cuối trước khi lâm chung, xem chúng ta là niệm thiện hay niệm ác, niệm cuối cùng này có sức mạnh như thế nào. Nếu niệm này đặc biệt mạnh đến nỗi chống lại được những nghiệp thông thường, mà khiến chúng ta đi thọ báo theo niệm này trước, vấn đề đó chúng ta cần lưu ý!

## VII. Tội phước đều do “tâm” sanh phân biệt

Cùng thực hiện một việc, nhưng do phát tâm không giống nhau, nên quả báo nhận được tội phước khác nhau. Như “Thành Thật Luận” quyển 7 nói:

*Do có tâm phân biệt nên thành ra có tội, nếu không có thì cũng không, tất cả các nghiệp đều do tâm sai biệt mà có cao thấp. Nếu đã không có tâm phân biệt thì cao thấp từ đâu sanh? Giống như lương y hay không phải lương y đều làm người khổ, do tâm lực mà sanh ra tội phước sai khác; lại giống như đứa trẻ bú sữa mẹ thì không có tội gì cả, vì nó không có tâm ô nhiễm. Ngược lại thì có tội, thế nên biết rằng tội phước đều do tâm mà*

*sanh ra.*<sup>10</sup>

Nếu cố ý làm việc ác nên có tội, ngược lại không ác tâm thì không nhất định có tội. “Cố ý tạo nghiệp” và tùy vào tâm niệm thiện ác mạnh hay yếu mà quả báo có sự khác biệt. Ví như Lương y trị bệnh cho bệnh nhân, có lúc dùng kim chích, xoa bóp hoặc bó xương v.v..., làm cho bệnh nhân tiếng khóc đau buồn, nhưng lương y vì trị bệnh cho bệnh nhân; ngoài ra có người không phải lương y nhưng lại có ác ý muốn hại người, làm cho người đau khổ nói không nên lời. Ở đây là do sự phát tâm không đồng, mục đích không giống nhau, lương y trị bệnh cho người thì được phước, không phải lương y mà lại tâm ác hại người thì có tội. Cũng như trẻ em bú sữa mẹ với tâm không ô nhiễm nên không có tội, nếu như người ngoài có tâm ô nhiễm thì đương nhiên có tội. Vì vậy, tội phước không phải đem hành vi của thân, khẩu xét đoán, chủ yếu là nơi tâm, tâm thiện ác, hoặc là cố ý, không cố ý mà quyết định tội phước.

“Thành Thật Luận” quyển 7 lại ghi rằng:

*“Nhu có ba người cùng nhiều thác: người thứ nhất là có muốn có công đức niệm Phật, người thứ hai phạm tội trộm cắp, người thứ ba là hóng mát. Tuy thân nghiệp*

---

<sup>10</sup> Đại Chánh tập 32, trang 294a18~23.

*giống nhau, mà thiện, bất thiện, vô ký khác biệt là ở trong tâm”.*<sup>11</sup>

Ví dụ nói ba người cùng đi nhiều tháp, người thứ nhất là vì công đức niệm Phật; người thứ hai là vì muốn lấy trộm tiền trong thùng công đức; người thứ ba là không phải khởi tâm niệm thiện ác đặc biệt mà chỉ vì muốn đến nơi thờ Phật trong sạch này để đi hóng mát. Ba người này tuy thân nghiệp giống nhau nhưng tâm niệm thì khác, do đó có thiện, bất thiện và vô ký khác nhau. Nhưng biết được tội phước là do tâm mà tạo ra sự khác biệt, tâm niệm rất quan trọng!

VIII. Do năm nhân duyên quyết định sự khác nhau phạm tội thượng, trung, hạ phẩm

“Tâm” quyết định rất nhiều yếu tố thọ báo nặng nhẹ, nhưng tội nghiệp nặng nhẹ có khác, vậy do những yếu tố nào quyết định? Theo nghiệp ác mà nói, trong “Du Già Sư Địa Luận” quyển 99 đưa ra năm loại nhân duyên:

*“Do năm nhân duyên, mà biết được phạm tội thượng, trung, hạ phẩm khác nhau. Thế nào là năm? Một là do tự tánh, hai là do hủy phạm, ba là do ý thích, bốn là do sự việc, năm là do tích tập.*

---

<sup>11</sup> Đại Chánh tập 32, trang 294b2~4.

1. Do tự tánh (tánh tội) là: Tha tánh tội là Thượng phẩm tội; Chúng dư tội tự là Trung phẩm tội; Sở dư tội tự là Hạ phẩm tội.

Lại có sự khác nhau, Bỉ thắng và Chúng dư là Trọng phẩm tội; Văn trụ và Biệt hối là Trung phẩm tội; Ác tác tội tự là Khinh phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì tự tánh, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ khác nhau.

2. Do hủy phạm: Phạm tội do vô tri và phóng dật là Hạ phẩm tội; do vì phiền não mạnh là Trung phẩm tội; do vì khinh mạn, là Thượng phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì hủy phạm, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

3. Do ý thích: Phạm tội do vì hạ phẩm tham, sân, si triền, là Hạ phẩm tội; nếu do trung phẩm thì Trung phẩm tội; do vì thượng phẩm, là Thượng phẩm tội. Nên biết như vậy, do vì ý thích, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

4. Do vì sự việc: Tuy là phạm tội tương tự với phần ý thích, nhưng do sự việc không giống nhau, nên biết phạm đó hình thành thượng trung hạ khác biệt. Do vì sân triền cố ý sát hại chúng sanh, thì phạm Văn trụ tội; cũng vì sân triền mà giết hại người khác không phải cha mẹ, thì phạm Tha thắng tội, không bị vô gián tội; cũng



vì sân triền mà giết hại cha mẹ, thì phạm Tha thắng tội và vô gián tội. Nên biết như vậy, do vì sự việc, mà phạm tội Thượng, Trung, Hạ phẩm khác nhau.

5. Do tích tập: Phạm một tội không như pháp sám hối, hoặc phạm hai cho đến năm tội, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Hạ phẩm tội. Từ đó về sau, nếu phạm mười, hai mươi, ba mươi, rất nhiều lần, không như pháp sám hối, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Trung phẩm tội. Nếu phạm số lượng không thể tính hết, nên biết, do tích tập như thế, trở thành Thượng phẩm tội.<sup>12</sup>

“Du Già Sư Địa Luận” nói: có năm nhân duyên quyết định tội mà phạm Hạ phẩm tội, Trung phẩm tội, Thượng phẩm tội: do tự tánh, hủy phạm, ý thích, sự việc, và do tích tập, dưới đây giải thích cụ thể.

## 1. Nhân duyên thứ nhất: “do tự tánh”

Phần “Tự tánh” có 2 cách lý giải:

### A. Cách thứ nhất:

- a. Thượng phẩm tội: “Tha thắng tội tự”, lại gọi là “Ba-la-di”, thuộc tội nặng nhất, như cố ý phạm tội sát sanh, trộm cắp, tà dâm, hoặc cố ý đại

---

<sup>12</sup> Đại Chánh tập 30, trang 870b7~c9.

vọng ngữ: không chúng đắ thiên định mà nói là đã chúng đắ; không chúng quả mà cô ý nói chúng quả. Những loại tội tương tự như vậy đều phạm tội rất nặng, đây gọi là thượng phẩm tội.

- b. Trung phẩm tội: “Chúng dư tội tự” lại gọi là “Tăng tàn”, “chúng” là “tăng”, “dư” là sót lại (tàn), đây là tội trọng thứ hai trong giới luật của người xuất gia.
- c. Hạ phẩm tội: “Sở dư tội tự” tức là ngoài tội Ba-la-di và Tăng tàn. Như tiểu vọng ngữ, giết súc sanh, hoặc tội khác nữa.

### **B. Cách thứ 2:**

- a. Thượng phẩm tội: “Tha thắng tội tự”, “chúng dư tội tự”. Đây là tội nặng thứ nhất cùng tội nặng thứ hai trong giới luật của Tỳ-kheo.
- b. Trung phẩm tội: “Vãn trụ”, “biệt hối”, đây là loại tội “Ba-dật-đề” và “Ba-la-đề-đề-xá-ni” trong luật. Như Phật quy định trong chúng xuất gia mỗi người chỉ được cất giữ một cái bát, nhưng có người tâm tham lam cất giữ nhiều cái, thì phạm tội này.
- c. Hạ phẩm tội: “Ác tác tội tự”. Như ăn mặc

không nghiêm túc, đi đứng nằm ngồi không có oai nghi v.v., đây là hạ phẩm.

Do giới pháp không đồng, như vậy mà tội nặng nhẹ khác nhau. Đây gọi là “do tự tánh”, tội phạm thành thượng, trung, hạ phẩm khác nhau.

## 2. Nhân duyên thứ hai: “Do hủy phạm”

A. Thượng phẩm tội: Khinh mạn, tâm nghi ngờ, hận thù, tức là coi thường, nghi ngờ hận thù chúng sanh. Bản phận của Bồ-tát là từ bi tiếp dẫn chúng sanh, nhưng ngược lại chúng sanh có tâm coi thường, nghi hoặc, hận thù, các loại này vi phạm nghiêm trọng đến tinh thần của Bồ-tát. Vì thế bỏ rơi chúng sanh, đây thuộc về thượng phẩm tội.

B. Trung phẩm tội: Phiền não hưng thịnh. Tuy đối với chúng sanh không nảy sanh tâm khinh mạn, nghi ngờ, hận thù, nhưng phiền não còn hỷ hưng, não loạn chúng sanh, khiến chúng sanh khởi phiền não, đây là trung phẩm tội.

C. Hạ phẩm tội: Vô tri, phóng dật. Do không có trí huệ, lười biếng giải đãi tạo ra sai lầm.

Cùng làm hành động giống nhau, nhưng tâm niệm hủy phạm không giống, thì tội báo nặng nhẹ khác nhau.

### 3. Nhân duyên thứ 3: “Do ý thích”

- A. Thượng phẩm tội: tham, sân, si phiền não thượng phẩm.
- B. Trung phẩm tội: tham, sân, si phiền não trung phẩm.
- C. Hạ phẩm tội: tham, sân, si phiền não hạ phẩm.

Ví như, cùng là phiền não của sân, nhưng có sự khác biệt thượng phẩm sân, trung phẩm sân, hạ phẩm sân.

Sân thượng phẩm, tâm sân hận rất mạnh, dài lâu không dứt, thậm chí đến đời sau, đợi đủ cơ hội báo thù, niệm sân này mạnh lại dài lâu nên tội báo rất nặng.

Sân trung phẩm, tâm sân hận không mạnh mẽ, kéo dài giống thượng phẩm, nhưng đối trước người này sám hối, họ vẫn không tha thứ.

Sân hạ phẩm, tâm sân này mới khởi lên, trải qua không lâu thì biến mất.

### 4. Nhân duyên thứ 4: “Do sự việc”

- A. Thượng phẩm tội: như đem tâm sân hận cố ý giết cha mẹ, sư trưởng, Thánh nhân, là phạm Tha thắng tội (Ba-la-di) cho đến vô gián tội.
- B. Trung phẩm tội: Tâm sân hận cố ý giết người trừ cha mẹ, sư trưởng, Thánh nhân, là phạm

Tha thắng tội (Ba-la-di).

C. Hạ phẩm tội: Tâm sân hận cố ý giết súc sanh, tội Văn trụ (Ba-dật-đề).

Cùng là phiền não giống nhau, nhưng đối tượng gây hại không giống nhau, nên tội nặng nhẹ khác.

### 5. Nhân duyên thứ 5: “do tích tập”

A. Thượng phẩm tội: Phạm tội nhiều vô lượng.

B. Trung phẩm tội: Phạm một vài lần rồi dừng. (Như ăn trộm vài lần rồi dừng).

C. Hạ phẩm tội: phạm ít thì dừng.

“Tích tập”, nói số lượng phạm tội mà chúng ta đã mắc phải. Có người nghĩ: Ta đã trộm cắp rồi, một thì không làm, hai đã làm rồi thì không dừng lại, tiếp tục trộm cắp nữa! Hoặc có người nghĩ rằng: giết người thì sẽ bị chém đầu, nhưng giết rồi, thì giết thêm nhiều người nữa cũng vậy, đây là tà kiến! Họ chỉ thấy kết quả hiện tiền của hành vi giết người là bị tử hình, chứ không thấy được hậu quả của nó là phải bị sa đọa vào ác đạo và trong tương lai còn bị trầm luân nơi thế giới khổ đau, suy nghĩ của họ thật nông cạn.

Ví dụ rằng, giống như áo quần vừa làm dơ chút, lập tức đi giặt liền thì mau sạch; nếu làm dơ nhiều mà lại để lâu

mới giặt thì khó sạch. Có hai người rất lười biếng, một người nói: “Tôi chuẩn bị vớ mặc trong hai tuần, bên phải mặc rồi, thì lật qua bên trái mặc tiếp”. Người còn lại nói: “Như vậy chưa là gì! Tôi đem áo quần ngâm, đợi khi tôi nghĩ tới là đã khô rồi!” Nghĩ thử xem, áo quần mà ngâm trong nước xà phòng, để đến lúc khô rồi thì như thế nào? Vẫn có thể mặc được không? Áo quần dơ ít thì rất dễ giặt, dơ nhiều thì rất khó giặt. Đồ dơ mà lập tức giặt tẩy cùng với đồ mà sau khi ô-xy hoá rồi mới giặt thì bao nhiêu sức lực bỏ ra không giống nhau.

## IX. Giai đoạn từ đầu, đương lúc và sau đó

Giai đoạn đầu của Kinh điển đại thừa, như “Kinh Đại Phẩm Bát-nhã”, “Kinh Hoa Nghiêm” đều nói đến sáu loại Ba-la-mật hay mười loại Ba-la-mật, trong đó “Thi-la Ba-la-mật” là giới hạnh của Bồ-tát, mà trong những Kinh này nói giới Bồ-tát chủ yếu là “Thập thiện đạo”. Thập thiện đạo là: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm (chúng xuất gia là không dâm dục), không vọng ngữ, không nói hai lời, không nói lời ác khẩu, không ý ngữ, không tham lam, không sân giận, không tà kiến (chánh kiến).

Có người đưa ra câu hỏi: Thập thiện đạo gồm mười giới điều, còn “không uống rượu”, “không ăn phi thời”,

“không dùng gậy đánh chúng sanh” những điều giới trong Thập thiện đạo không có bao hàm, nếu nói chỉ có Thập thiện đạo là Thi-la Ba-la-mật của Bồ-tát thì không phải là quá ít sao? Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 46 ghi:

*Hỏi rằng: Thi-la Ba-la-mật tức là bao gồm tất cả giới pháp, giống như các sông đều chảy ra biển lớn, cho nên giới không uống rượu, không ăn phi thời, không dùng gậy đánh chúng sanh, trong thập thiện đạo không nói đến, tại sao chỉ nói thập thiện thôi?*<sup>13</sup>

“Đại Trí Độ Luận” trả lời vấn đề này như sau:

*Đáp: Phật nói tổng tướng Ba-la-mật, mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngộ... xếp vào trong điều thiện không tham; không giết hại chúng sinh xếp vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà xếp theo sau.*<sup>14</sup>

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, cho

<sup>13</sup> Đại Chánh tập 25, trang 395b18~21.

<sup>14</sup> Đại Chánh tập 25, trang 395 b21~29.

đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn từ đầu. Sau khi chết bắt đầu ăn uống, vui mừng đều gọi là giai đoạn lúc sau. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói mười thiện đạo thời thu nhiếp hết thủy giới.

“Không uống rượu” và “không ăn quá ngọt” giới điều trong Thập thiện đạo không nói, nhưng nó được hàm nhiếp trong giới “không tham”; “không giết hại chúng sanh” được hàm nhiếp trong “không sân”, còn giới sát sanh là không phải giới hạn trong “cướp thân mạng chúng sanh” mà thôi, vì thân, khẩu, ý trước khi sát sanh và sau khi sát sanh đều bao hàm trong tội “cướp thân mạng chúng sanh”. Trước khi sát sanh thì tâm sát sanh khởi lên trước (tâm nghiệp), ác khẩu, chửi mắng (khẩu nghiệp), đánh đập hành hạ (thân nghiệp); cho đến sau khi chúng sanh chết lại vui mừng (tâm nghiệp), tán thán (khẩu nghiệp), ăn thịt đánh xác chết (thân nghiệp) v.v... đều bao hàm trong giới sát sanh. Như vậy, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ đối với “đương lúc” “từ đầu” cho “sau đó” kết thúc đều là như vậy. “Từ đầu, đương lúc và sau đó” ở trên vừa nói, theo Huyền Trang dịch là “Gia Hành, Căn bản, Hậu khởi”.



“Luận Đại Tỳ Bà Sa”<sup>15</sup> tường thuật cụ thể sự liên quan của ba quá trình này trong Thập bất thiện đạo, ở đây chỉ đơn cử giới cấm sát sanh, trộm cắp, dâm dục “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 113 ghi rằng:

*Hiện tại đề cập đến ba khía cạnh khác nhau từ đầu, đương lúc và sau đó của Thập bất thiện nghiệp. Người làm việc giết hại trải qua ba giai đoạn: Nghĩa là khi muốn giết một con dê, trước tiên anh ta đến chỗ nuôi dê, hoặc mua, hoặc trói buộc, hoặc đánh đập cho đến gần chết. Giai đoạn này, nếu có những hành vi hay lời nói liên quan tới việc giết hại đều thuộc về giai đoạn “từ đầu” của việc giết hại. Đương lúc đem tâm giết hại, dùng biểu nghiệp, trong thời gian sát-na nghiệp đó, đoạn thân mạng gọi là “đương lúc”. Từ đó về sau, phạm những việc lột da, xẻ thịt, hoặc bán, hoặc ăn cho đến những biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp liên quan đến thân và miệng đều thuộc về giai đoạn “sau đó” của việc giết hại.<sup>16</sup>*

“Luận Đại Tỳ Bà Sa” quyển 113 lại nói:

*Giới không cho mà lấy có ba giai đoạn: chẳng hạn như*

---

<sup>15</sup> “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 113, Đại Chánh tập 27, 583b-584a ; “Câu Xá Luận” quyển 16, Đại Chánh tập 29, trang 84c-85a ; “Kinh Ưu-bà-tắc Giới” quyển 6, Đại Chánh tập 24, trang 1067a-c.

<sup>16</sup> Đại Chánh 27, trang 583b12~19.

*khi mới khởi tâm trộm cắp nhưng thân đang ở nơi khác, đang lên kế hoạch, dò thám, khoét vách, mở khóa, trộm lấy tài vật của người cho đến lấy được vật song chưa di dời chỗ khác. Những hành vi bất thiện về thân miệng, trong giai đoạn này đều thuộc giai đoạn “từ đầu” của giới không cho mà lấy. Nếu dùng tâm trộm cắp mà lấy vật của người rồi di dời đi nơi khác thì tất cả những hành vi thuộc về biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp của thân ý cho đến khoảnh khắc của một sát-na trong giai đoạn này gọi là “đương lúc” của tội trộm cắp. Từ đó về sau, hoặc là vật chủ biết được, cho đến bắt nhốt, giam cầm, hoặc giết hại vật chủ, thì phạm “đương lúc” giới sát sanh và “sau đó” giới trộm cắp, hoặc vật chủ không biết, rồi phân chia sử dụng những hành vi đó dù thuộc về biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp của thân và miệng thì đều được gọi là giai đoạn “sau đó” của việc trộm cắp.<sup>17</sup>*

“Luận Đại Tỳ Bà Sa” quyển 113 lại ghi:

*Giới tà dâm chia ra ba giai đoạn: nghĩa là do bị lửa ái dục thiêu đốt, hoặc thông qua thư từ, tranh vẽ, thức ăn uống, tài vật mà biểu hiện lòng khát ái của mình rồi đụng chạm, cho đến chưa giao cấu với đối tượng đó, những hành vi bất thiện của thân miệng ấy đều thuộc giai đoạn*

---

<sup>17</sup> Đại Chánh 27, trang 583b19~27.

*“từ đầu” của giới tà dâm. Nếu ở những thời điểm nào đó, thực hiện những hành vi bất thiện về thân, hoặc là giao cấu cho đến khởi lên ý niệm nghĩ tà dâm trong chừng khoảng sát-na đều liên quan đến “đương lúc” của giới tà dâm. Từ đây về sau, y theo này mà khởi lên những hành vi bất thiện về thân miệng dù thuộc biểu nghiệp hay vô biểu nghiệp có liên quan đến ái dục thì đều thuộc giai đoạn “sau đó” của giới tà hạnh.<sup>18</sup>*

### 1. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của sự giết hại:

Trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 46 đã nói rõ những vấn đề liên quan của sự giết hại. Giết hại không chỉ khiến cho đoạn thân mạng thôi, mà khi phát khởi tâm trong giai đoạn “từ đầu, đương lúc, sau đó” cũng thuộc về việc giết hại.

### 2. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của việc trộm cắp:

Ý nghĩa của sự trộm cắp là “không cho mà lấy”, tức vật người không cho mà tự động lấy về cho mình. Ở đây cũng phân ra ba giai đoạn:

#### A. Ban đầu: Nhìn thấy vật mà khởi tâm tham, trước

---

<sup>18</sup> Đại Chánh tập 27, trang 583b27~c6.

tiên phải quan sát chung quanh, dò thám, phá tường, cho đến chưa di dời vật đi nơi khác thì thuộc giai đoạn “ban đầu”.

B. Đương lúc: Lấy vật di dời đi nơi khác trong khoảng chừng một sát-na, giai đoạn này gọi là “đương lúc”.

C. Sau đó: Sau khi lấy được vật thì bị chủ nhân phát hiện rồi bắt trói lại cho đến bị giết hại vật chủ, đây là giai đoạn “sau đó” của sự trộm cắp, là giai đoạn “từ đầu” của tội giết hại, nếu giết hại chủ nhân thì thuộc về giai đoạn “đương lúc” của sát sanh. Nếu vật lấy được mà không bị chủ nhân phát hiện, rồi đem vật ra tự sử dụng hoặc phân chia cho mọi người cùng sử dụng, biểu hiện những hành vi bất thiện về thân, ý dù biểu nghiệp hoặc vô biểu nghiệp đều thuộc giai đoạn “sau đó” của việc trộm cắp.

3. Ba giai đoạn từ đầu, đương lúc, sau đó của việc tà dâm:

“Tà dâm” là ưa thích việc tà hạnh, đối với giới điều của tại gia thì không tà dâm, còn người xuất gia thì không dâm dục.

A. Từ đầu: Khi tâm tham dục khởi lên nghĩ ra đủ

phương thức để diễn tả tâm yêu thương của mình như: gửi thư từ, tặng hoa, đồ ăn uống, tiền tài của báu, hoặc xúc chạm thân thể v.v... tất cả những hành động này đều thuộc giai đoạn “từ đầu”.

B. Đương lúc: Hai căn của nam nữ hòa hợp nhau trong một sát-na, đây là giai đoạn “đương lúc”.

C. Sau đó: Thân nghiệp, khẩu nghiệp trong giai đoạn sau của sự ham muốn tà hạnh đều thuộc “sau đó”.

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” là luận thư của Nhất Thiết Hữu bộ, nói giai đoạn “ban đầu và sau đó” thuộc về thân nghiệp, khẩu nghiệp; nhưng “Đại Trí Độ Luận” của Đại thừa thì bao hàm ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nói cách khác, không chỉ một sát-na khi hai căn nam nữ hòa hợp mới phạm tà dâm, khi đụng chạm, miệng nói, trong tâm khởi tâm tham dục v.v...đều là “dục tà hạnh”.

Y vào đây, mà suy ra các loại vọng ngữ, lưỡng thiệt (đến người này nói chuyện người kia, đến người kia nói chuyện người này), nói lời ác khẩu, kỳ thị v.v... cũng như thế.

Từ đây, ta có thể nói Thập thiện đạo là nền móng căn bản, nó không chỉ giới hạn trên văn tự liệt kê ra mười hạng mục, mà tất cả “ban đầu và sau đó” đều bao hàm trong giới pháp này. Phân tích theo ý nghĩa, thì Thập

thiện đạo là tổng giới tướng, bao hàm tất cả giới pháp, hàm chứa năm giới, tám giới, thậm chí giới của Tỳ-kheo v.v..., Bồ-tát giới phải đầy đủ Thi-la Ba-la-mật, nên nắm lấy những nguyên tắc này, nếu chỉ thọ trì mười giới thì công năng của giới hạnh làm sao viên mãn được?

Tại sao chúng ta lại đề cập đến giai đoạn “từ đầu và sau đó”? Vì giai đoạn “từ đầu và sau đó” có ảnh hưởng mật thiết tới việc nặng nhẹ của nghiệp báo. Ví dụ như, thời Phật còn tại thế có một người nghèo, trong vườn ra được một ít nho, nên muốn đem cúng dường chúng Tăng, nhưng nhân duyên không thành. Vì cùng lúc đó, nhà vua lại muốn cúng dường ẩm thực cho đại chúng trong một tháng. Người này suy nghĩ rằng: Nhà vua đã hứa trước rồi, nên tháng này mình không cúng dường được! Người này đợi qua một tháng, cũng may gặp được vị Tỳ-kheo và thưa: “Tôi đã đợi một tháng rồi, lúc nào thì mới có thể cúng dường được?”. Vị Tỳ-kheo trả lời: “Không phải bây giờ thí chủ mới bố thí, mà đã bố thí cả tháng này rồi”<sup>19</sup>.

Tuy chưa đem của bố thí nhưng trong tâm đã chuẩn bị trước, không phải đợi đến nơi mới khởi ý niệm bố thí.

---

<sup>19</sup> “Kinh Tạp Thí Dụ”, Đại Chánh tập 4, trang 502 a1~7. “Pháp Uyển Châu Lâm” quyển 41, Đại Chánh tập 53, trang 609b.

Đây là nói đến giai đoạn “từ đầu”. Có người ở nhà, thấy người nghèo tới xin thì mới bố thí; có người thì ăn xin tới nhà xin lại không cho; có người ở trong nhà nhưng nghĩ tới những người nghèo đang đói khát, lạnh cóng ngoài đường nên chủ động đi cứu giúp. Cùng là một việc bố thí, nhưng tâm niệm bố thí, thái độ, phương thức, tâm từ bi đều không giống nhau. Vì vậy, giai đoạn “từ đầu” rất quan trọng, đối với quả báo có ảnh hưởng lớn.

Giai đoạn “sau đó” cũng vậy. Chúng ta khởi tâm làm việc thiện, không nhất định là mọi người đều cảm kích được việc làm của chúng ta. Có lúc bố thí cho người họ lại chê ít nhiều! Có người trong tâm lại nghĩ: “Bố thí cho người là việc làm không sai, nếu như người nhận vẫn với thái độ như vậy thì lần sau không thèm để ý đến người đó nữa”! Có người vẫn tiếp tục bố thí nhưng lại mang tâm oán hận, thái độ bố thí thay đổi. Nếu như vậy thì phước đức giảm đi! Vì vậy, giai đoạn “sau đó” của hành động bố thí cũng rất quan trọng, như thế nào làm cho sự phát tâm của ta không thối lui, sau khi bố thí không hối hận, ngược lại khởi tâm hoan hỷ, mỗi ngày tăng trưởng liên tục không ngừng, đều này phải dựa vào sự dụng công của bản thân mỗi người!

Tóm lại, giai đoạn “từ đầu, đương lúc và sau đó” giai

đoạn nào cũng đều ảnh hưởng tới nghiệp báo nặng nhẹ của chúng ta.

## X. Nhân tố ảnh hưởng đến nghiệp báo

Nhân tố ảnh hưởng đến nghiệp báo rất nhiều, ở đây chỉ nói sơ lược mấy nhân tố căn bản:

### 1. “Cố ý tạo nghiệp” hay “không cố ý tạo nghiệp”

Cố ý tạo nghiệp và không cố ý tạo nghiệp có sự khác nhau rất lớn. Ví như người cha từ dưới đất ném viên gạch lên lầu cho người con, nhưng người con bắt không được viên gạch nên bị rơi xuống đầu người cha và chết. Vấn đề này cùng với tội cố ý giết người, giết cha mẹ, quả báo nghịch tội này khác nhau khá lớn.

### 2. Trạng thái tinh thần khi tạo nghiệp

Tạo nghiệp trong “trạng thái tinh thần bình tĩnh” hay “trạng thái tinh thần hỗn loạn” không giống nhau. Đối với luật pháp xã hội cũng như vậy, với người có tinh thần không ổn định thì hình phạt nhẹ, có lúc được miễn hình phạt, Phật giáo cũng thế.

### 3. Động cơ phát tâm

Động cơ phát tâm bao hàm rất rộng, bao gồm các loại tâm niệm từ trước khi thực hiện. Ví như bố thí, có hay không sự chấp trước về chính mình, về người nhận và vật



bố thí? Bố thí có mong cầu, hay không có mong cầu?

Ví dụ có người bố thí mà muốn người nhớ ân huệ của mình, đây gọi là chấp trước chính mình.

Hoặc người thấy thích thì bố thí nhiều, ngược lại thấy người không thích thì bố thí ít, hoặc hoàn toàn không bố thí, đây là tâm mình đối với người nhận vật bố thí còn có sự so sánh.

Hoặc có người đem giày dép, truyền hình, tủ bàn cũ v.v... như vậy có phải là thật tâm bố thí không? Hoặc có người đem rác cho người? Nếu còn chấp trước “vật bố thí” thì đối với đồ vật mình ưa thích, quý trọng khó mà đưa được! Ngược lại, nếu như có người đem vật quý của mình cho người khác, thì quả báo này so với việc đem rác cho người đương nhiên hơn nhiều.

Lại có người, không chỉ xả bỏ vật mà trong lúc bố thí còn xả bỏ tâm phiền não tham, sân, si v.v... đây không phải là bố thí của phàm phu mà tương ưng cùng với giải thoát đạo Nhị thừa! Cao hơn nữa, không chỉ cầu độ thân mạng chúng sanh mà dùng trí huệ Bát-nhã hoá độ huệ mạng của chúng sanh, hướng dẫn phương pháp tu hành, đoạn trừ phiền não, làm việc lợi tha, đây tương ưng với Bồ-tát Đại thừa!

Phần trên đối với vấn đề thiện nghiệp đã nói qua, còn

với bất thiện nghiệp thì phát tâm tương ưng với tham, sân, si, nặng hoặc nhẹ, thì hậu quả sẽ khác nhau.

#### 4. Phương pháp, hành động

Phương pháp hành động, hành thiện và tạo ác cũng rất khác nhau. Cùng là cách giết người, có người giết người rất nhanh, có người trước dùng lời nhục mạ, mang roi đánh đập làm cho người kia giầy vò đến sắp chết. Đây gọi là hành động, phương pháp không đồng, quả báo thọ nhận sẽ khác!

Cũng như, lúc người bố thí tỏ thái độ có thành khẩn hay không? Tận tay bố thí hay mượn người khác bố thí giúp? Khi cứu giúp người nghèo về mặt có hiền hoà không? Hay dùng lời chế nhạo, ra vẻ khó khăn với mọi người? Có người tâm tụy ái rất cao, thà là chịu chết đói chứ không chịu nhận đồ của người bố thí. Có người càng bố thí thì tâm kiêu căng ngã mạn càng cao, nếu có người làm hơn mình thì tâm oán hận dâng trào. Như vậy, khi chúng ta làm công việc từ thiện nên đặc biệt chú ý.

Thật ra, chúng ta có thể suy nghĩ rằng: bố thí cho người nghèo không phải quan niệm từ trên cho xuống dưới, đây là cơ hội để mọi người gieo trồng phước lành. Vì vậy, bố thí tuyệt đối không có quan niệm từ trên cho xuống dưới mà là đồng thể đại bi. Không những có tâm từ, lại còn

xem mọi người như Phật, cung kính dâng biểu phẩm vật, như vậy mới không tùy tiện ngạo mạn đem đồ cho người khác.

Tuy đồ bố thí giống nhau, nhưng tùy tâm niệm và phương thức thái độ bố thí của mỗi người không giống nhau, nên sự khác biệt của quả báo cũng lớn.

### 5. Sự việc thành hoặc chưa thành

Sự việc thành rồi hay chưa đạt được mục tiêu, quả báo cũng có những cái khác biệt. Như quả báo của tội giết người chết rồi và tội giết người chưa được không giống nhau. Lại có người, tuy có tâm thiện, nhưng chần chừ không chịu thực hiện, còn có người đi sâu trong lòng xã hội hòa nhập cộng đồng, làm lợi ích cho chúng sanh, quả báo của hai loại này cũng khác nhau.

### 6. Đối tượng phục vụ hoặc đối tượng xâm hại

Đối tượng phục vụ hoặc đối tượng xâm hại không giống nhau nên quả báo cũng không giống nhau. Cùng là một hạt giống nhưng khi đem gieo ở vùng đất khô cằn sỏi đá và đem gieo ở vùng đất màu mỡ phì nhiêu, thì kết quả thu hoạch cũng khác nhau. Đối với giới luật của người xuất gia, cố ý giết súc sanh thì phạm Ba-dật-đề, là phạm tội đọa, cố ý giết cha mẹ thì phạm Ba-la-di, tức là tội ngũ nghịch!

Ở đây có đặt ra vấn đề: lúc bố thí Bồ-tát nên bố thí cho đối tượng nào trước? Giả sử, chỉ có một phần thức ăn, cùng lúc xuất hiện trước mặt mình hai người, một là vị cao tăng đạo đức, vị kia là kẻ lang thang khổ rách áo ôm, vậy nên bố thí cho người nào?

Thông thường là do sự phát tâm, cách nghĩ của mỗi người khác nhau mà có cách làm khác nhau. Có người cho rằng trước nên bố thí cho vị cao tăng, có người lại nghĩ nên bố thí cho kẻ lang thang, cũng có người phân ra thành 2 phần, hoặc xem tình cảnh lúc đó rồi quyết định. Như vậy, cuối cùng bố thí cho ai là đúng? “Đại Trí Độ Luận” nêu ra 3 phương pháp:

- (1). Người có tâm phân biệt nhiều thì trước cúng dường Phật, Bồ-tát... (phước điền lớn mà tâm thí nhỏ hơn).
- (2). Người có tâm từ bi lớn thì trước bố thí cho người nghèo người ác ... (phước điền nhỏ mà tâm thí lớn).
- (3). Người đạt được thật tướng trí huệ Bát-nhã phương tiện đầy đủ thì tùy nhân duyên hành bố thí, thương xót chúng sanh, xem họ như Phật.

Như “Trí Độ Luận” quyển 87 (Đại Chánh tập 25, trang 669b2~c21) ghi rằng:

Hỏi: Bồ-tát khi bố thí, trước tiên thí cho người nào?

Đáp: Bồ-tát tuy vì chúng sinh khởi tâm đại bi, song Bồ-tát bố thí trước tiên cúng dường Phật, Bồ-tát, A-la-hán và các thánh nhân; nếu không có thánh nhân thì thứ lớp bố thí cho người trì giới, tinh tấn thiền định, trí tuệ, ly dục; nếu không có các người này thì thí cho các đệ tử xuất gia của Phật; nếu không có người này thì bố thí cho người thọ trì ngũ giới, tu mười thiện đạo và thọ trì tam quy giới một ngày; nếu không có người này thì thí cho hạng người bình thường chẳng phải chánh, chẳng phải tà; nếu không có người này thì bố thí cho người ác tạo tội ngũ nghịch và súc sinh; không thể không cho. Bồ-tát lấy việc bố thí nhiếp thủ hết thảy chúng sinh. Có người nói: Nên trước tiên bố thí cho người tạo tội ngũ nghịch dứt thiện căn, người nghèo cùng, già bệnh, hạ tiện, hành khát, cho đến súc sinh; thí như người mẹ hiền có nhiều con, trước tiên nghĩ đến đứa ốm yếu, bệnh hoạn, cấp cho sự cần dùng; lại như Bồ-tát vì thấy cạp đói muốn ăn con mình nên đem thân bố thí.

Hỏi: Vì sao nên trước hết bố thí cho các hạng như vậy?

Đáp: Vì hết thảy chúng sinh đều là ruộng phước của Bồ-tát. Vì sinh tâm đại bi, Bồ-tát thường muốn đem Vô thượng chánh đẳng chánh giác thí cho chúng sinh, hưởng gì cơm áo mà còn có phân biệt! Lại, Bồ-tát được vô sinh

pháp nhẫn bình đẳng không sai khác, người chưa được vô sinh nhẫn hoặc tâm từ bi nhiều, hoặc tâm phân biệt nhiều, hai tâm ấy không thể đồng hành. Người có tâm từ bi nhiều trước tiên bố thí cho người nghèo cùng, hung ác, nghĩ rằng: Gieo vào ruộng phước được quả báo tuy lớn, song vì lòng thương xót chúng sinh nên trước tiên làm lợi ích cho người nghèo cùng. Như vậy, thửa ruộng tuy không tốt, nhưng do lòng từ bi nên được quả báo lớn. Người có tâm phân biệt nhiều nghĩ rằng: Chư Phật có vô lượng công đức nên trước tiên cúng dường Phật, vì phân biệt các pháp, chấp trước thân Phật nên tâm nhỏ. Tâm tuy nhỏ mà ruộng phước lớn nên công đức cũng lớn. Nếu hiểu được thật tướng các pháp, vào trong Bát-nhã Ba-la-mật và sức phương tiện không được tự tại, cả hai việc cùng làm, thương xót chúng sinh và xem chúng sinh như Phật. Như vậy, Bồ-tát tùy theo nhân duyên mà hành bố thí.

Phước điền thường gồm có “kính điền” và “bi điền”

Trong Kinh<sup>20</sup> có ghi: công đức cúng dường một vị Phật lớn hơn công đức cúng dường trăm vị A-la-hán. Công đức cúng dường một vị A-la-hán lớn hơn công

---

<sup>20</sup> “Trung A-hàm” quyển 39, (kinh155) “Kinh Tu-đạt-đa” Đại Chánh tập 1, trang 677b23~c13; “Trung A-hàm” quyển 47, (kinh 180) “Kinh Cù-đàm-di” Đại Chánh tập 1, trang 722b20~26.

đức cúng dường trăm vị thánh Tăng; bố thí cho phàm phu hơn hẳn bố thí cho súc sanh. Do vì Phật có công đức hoá độ chúng sanh lớn nên phước điền lớn. Đây là nói về phương diện “kính điền”, kính điền lớn thì phước điền nhiều.

Phương diện khác là nói về “bi điền”, có bộ Kinh chủ trương trước bố thí cho những người nghèo khổ nhất, đáng thương nhất, phước báo này lớn. Giống như người mẹ sanh mấy người con, trong số các người con đó có người ốm yếu nhất, nhiều bệnh tật, lúc này người mẹ thường chăm sóc người con này; cũng như, nếu chúng ta không nhanh chóng hoá độ những người làm ác, thì ai là người độ họ? Nếu kẻ lang thang đói gần chết, mà chúng ta có thể nhẫn tâm không cứu sao?

Vấn đề quan trọng là nếu vị cao Tăng và kẻ lang thang cùng đói gần chết, thì chúng ta nên bố thí cho ai? Có người đưa ra một phương án, nói rằng: “Thánh tăng có trí huệ cao, nên cúng dường trước, vì trong hoàn cảnh này Thánh tăng cần nhắc nên phân ra một ít bố thí cho kẻ lang thang. Nếu chúng ta bố thí cho kẻ lang thang trước thì người này có thể chiếm ăn hết không nghĩ đến Thánh tăng thì sao?” Cách giải quyết này cũng có ý nghĩa.

“Đại Trí Độ Luận” đưa ra ba phương pháp: “nếu chúng đắc thật tướng các pháp, nhập vào lục phương tiện Bát-nhã Ba-la-mật, tâm được tự tại, hai việc đầy đủ, thương xót chúng sanh, coi chúng sanh như Phật. Như chư Bồ-tát tùy nhân duyên hành bố thí”. Cũng như Bồ-tát chúng đắc thật tướng các pháp, không còn tướng chúng sanh, không phân biệt thiện ác, tâm từ trí huệ đầy đủ, tùy duyên bố thí. Khi bố thí cho kẻ lang thang vô đức, không chỉ có tâm từ bi lớn mà còn xem họ như Phật, tâm cung kính, tâm từ bi để cúng dường, từ bi trí huệ đầy đủ vô ngại, như vậy phước đức tăng gấp bội!

## 7. Số lượng, phẩm chất, tâm thường xuyên

Số lần hay số lượng hành thiện, tạo ác có sự quan hệ mật thiết với quả báo.

Mọi người thường nghĩ, bố thí nhiều thì phước đức càng lớn. Chúng ta không chỉ nhìn vào “số lượng”, còn “chất lượng” tốt xấu cũng phải chú ý. Cũng như chẳng thà cho một trái táo tươi còn hơn dâng thùng chuối rữa.

“Số lượng” hoặc “tâm thường xuyên” cũng không kém phần quan trọng, có người bố thí rất hào phóng, nhưng chỉ một lần. Có người bố thí vật phẩm tuy không nhiều nhưng nhiều lần, tâm bố thí liên tục thường xuyên không ngừng, cũng như khi chúng ta niệm Phật, ngày ngày luôn



nhất tâm niệm Phật, lâu ngày sẽ thấy được công phu.

Có người khởi phiền não một cách mãnh liệt, nhưng lại rất mau tiêu diệt; có người khởi phiền não không mạnh, nhưng miên mật, thường xuyên không dứt. Trường hợp này là việc ác lớn không phạm, việc ác nhỏ không đoạn, đây cũng chướng ngại cho việc tu hành.

Lúc Phật còn tại thế, người trộm cắp 5 tiền là phạm tội chết, nhân đó mà Phật chế giới luật: “trộm 5 tiền là phạm tội Ba-la-di, không thể hối cải, phải trục xuất khỏi Tăng đoàn; trộm dưới 5 tiền có thể sám hối.” Có vị Tỳ-kheo nghĩ: “nếu một lần trộm đúng 5 tiền, phạm tội Ba-la-di, phải trục xuất khỏi Tăng đoàn, không giống như phân ra năm lần trộm, một lần trộm 1 tiền”. Phật hỏi: “Lúc trộm cắp có sanh tâm liên tục không? Nếu có thì cũng phạm tội Ba-la-di; nếu không thì tội nhẹ hơn”.

Từ đây ta có thể nghĩ: trừ số lượng, giá trị vật phẩm ra, số lượng nhiều ít, có thường xuyên hay không, thì quả báo cũng có ảnh hưởng rất quan trọng, đặc biệt đáng được lưu tâm!

Nói đến “số lượng”, ngoài “số lượng vật phẩm” ra “tâm lượng” cũng nghiệp báo cũng có liên quan. Như có cô gái nghèo, dùng sức lực làm việc của mình, để đổi lấy cây đèn dầu nhỏ đốt cúng dường Phật, bên cạnh đó có

những người giàu cũng đốt đèn cúng Phật nhưng chỉ có ngọn đèn của cô gái nghèo đó vẫn sáng.<sup>21</sup> Từ đây ta có thể nói, tuy lượng dầu trong đèn rất ít nhưng tâm của cô gái nghèo so với những người giàu rất lớn, nên quả báo nhận được cũng lớn.

### 8. Thiện hành hoặc ác hành thọ dụng, không thọ dụng tạo ra ảnh hưởng của quả báo

Chúng ta hành thiện mà đối phương có thọ nhận hay không, thì cũng liên quan đến quả báo. Trong “Trung Luận” Bồ-tát Long Thọ nói rằng: “*Từ dụng sanh phước đức, tội sanh cũng như vậy*”<sup>22</sup>. Có nghĩa là: thiện nghiệp, ác nghiệp mỗi thứ đều có hai loại: một là nghiệp đã thành khi tạo, hai là nghiệp khởi lên khi thọ dụng. Như anh A bỏ thí cho anh B phẩm vật, ngay lúc đó, anh A tạo được một thiện nghiệp; sau đó anh B sử dụng vật này, thì anh A lại được một lần thiện nghiệp nữa. Luận sư Thanh Mục đem “ví dụ bắn cung” để nói: người bắn cung khi bắn mũi tên ra là đã tạo ác nghiệp, bắn chết đối phương, thì người bắn cung đó chịu một ác nghiệp nữa; nếu bắn

---

21 “Kinh hiền Ngụ” quyển 3, “Bản Nữ Nan Đà phẩm thứ 20” Đại Chánh tập 4, trang 370c~371c.

22 “Trung Luận” quyển 3, “phẩm thứ 17 Quán Nghiệp” Đại Chánh tập 30, trang 21c15; Pháp Sư Ấn Thuận “Trung Quán Luận Tụng Giảng Ký” trang 276; “Cam Lộ Vị Luận” quyển thượng, Đại Chánh tập 28, trang 966a27~29; “Câu Xá Luận” quyển 18 “phẩm thứ 4 Phân Biệt Nghiệp”, Đại Chánh tập 29, trang 97a16~b6; “Ưu Bà Tắc Giới Kinh” quyển 5, Đại Chánh tập 2, trang 109a8~11.

không bị chết, thì chỉ có tội bán, không có tội sát hại.

Bởi vậy, đối với việc bố thí, trừ giá trị bản chất của vật phẩm ra, người nhận đồ vật, sử dụng được hay không cũng quan trọng. Ví như ở giữa mùa hè nóng bức, có người đem áo ấm cho người khác, không phải không có giá trị, người kia nóng bức chịu không được rồi, thì đem cho áo ấm làm chi? Cũng như đem đồ chơi điện tử cho người xuất gia vốn sống thanh đạm ít ham muốn, thì những thứ đó đối với người xuất gia có hữu dụng gì?

Có người kiên quyết muốn cho mình đồ vật, nhưng mình dùng không đến, đem cho người khác, khiến người cho không vui. Cho nên khi mình bố thí, phải vận dụng trí huệ, suy nghĩ đồ vật mình cho với người nhận có hữu dụng không?

Ngoài ra, hành vi của chúng ta cũng ảnh hưởng đến đời phương, cũng chi phối nghiệp báo nặng nhẹ. Ví như, trộm đồ của người giàu thì ảnh hưởng của sự mất mát không đáng giá; ngược lại, trộm của người nghèo thì ảnh hưởng của sự mất mát này rất lớn, cuộc sống của họ có thể không còn gì để sống. Hoặc là khi giết một người, không chỉ một người chết mà con cái, người thân hoặc người khác cũng bị ảnh hưởng. Nếu như sát hại một nhà từ thiện lớn, thì người được sự giúp đỡ của người này, bị

ảnh hưởng rất nhiều.

Hành vi ảnh hưởng đối với “xã hội quần chúng” cũng rất quan trọng. Có người sáng tạo làm ra vũ khí có thể giết hại hàng loạt; hoặc khởi lên hành vi trái với phong tục hiền lương, khiến mọi người tranh nhau bắt chước, tạo thành một cảnh tượng không tốt trong xã hội. Lại như có những người xuất gia, oai nghi không có, làm người khác sanh tâm chê bai, gây ảnh hưởng tới việc đánh giá phê bình hình tượng thanh tịnh của Tăng đoàn.

## 9. Tánh tội, giá tội

Tánh tội là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, chủ yếu là những tội thuộc về “phạm quy đạo đức”. Đây là lập trường của nghiệp đạo thiện hay ác, bất kể thọ giới hay không thọ giới, bất luận tại gia hay xuất gia, nam nữ già trẻ, phạm điều này đều là tội ác, phải thọ quả báo.

Giá tội vốn không nhất định có tội, nhưng có thể làm chướng ngại cho việc tu hành, như uống rượu, hoặc qui phạm nội quy của Tăng đoàn, như việc ăn mặc, đi đứng.

Theo quan điểm nghiệp báo thì phạm tánh tội nghiêm trọng hơn giá tội.

## 10. Sám hối

Sau khi tạo ác nghiệp, khiến ý nghĩ về nghiệp ác khởi

ra liên tục, hoặc là lập tức sám hối, quả báo này cũng có ảnh hưởng lớn. Có người phạm tội rồi trốn đông trốn tây; có người lập tức ra đầu thú, thành thật hối lỗi. Cũng như đồ bị hôi, càng gói kín lại thì lâu ngày càng hôi thối. Ngược lại, nếu đem đi rửa, phơi nắng, thì sẽ khô sạch không còn mùi. Vậy phát lồ sám hối thì tội ác tiêu, tâm hướng thiện nhanh.

Cũng là việc sám hối, nhưng có thành tâm hay không, hay là chỉ làm theo hình thức, có quyết tâm phát nguyện từ nay về sau không phạm tội trọng không? Hiệu quả này cũng không giống nhau.

Trong Kinh thường đưa ra 3 phương pháp sám hối: tác pháp sám, thủ tướng sám và vô sanh sám.

### **A. Tác pháp sám**

Căn cứ theo giới luật Phật quy định, tự phát lồ sám hối tội lỗi của mình, gọi là “tác pháp sám”. Như Tỳ-kheo phạm tội nhẹ, nên hướng trước một vị Tỳ-kheo khác sám hối; tội nặng hơn thì hướng trước ba vị Tỳ-kheo, cho đến hai mươi vị Tỳ-kheo thanh tịnh để phát lồ sám hối. Sau khi làm pháp sám hối xong, người đó được thân tâm thanh tịnh, và người khác không được nhắc lại lỗi lầm này, nếu ai nhắc thì phạm giới. Làm được như vậy thì Tăng đoàn sẽ hoà hợp hết sức lý tưởng!

Tuy nói tác pháp sám có thể được thanh tịnh, nhưng trong “Đại Trí Độ Luận” có một đoạn cần lưu ý: “Tỳ-kheo giết súc sanh, tuy đã khắc phục sám hối, nhưng tội báo vẫn không tiêu trừ”<sup>23</sup>. Đối với giới luật Tỳ-kheo, cố ý giết người phải trục xuất ra khỏi Tăng đoàn; giết súc sanh tuy không nghiêm trọng như giết người, nếu hành tác pháp sám hối thì vẫn còn thân phận của vị Tỳ-kheo, vẫn có thể ở trong Tăng đoàn; nhưng theo quan niệm nghiệp báo, tội giết hại chúng sanh, đời sau vẫn phải thọ quả báo.

### **B. Thủ tướng sám**

Ngày đêm đối trước Phật tượng Kinh, thành kính lễ bái sám hối, đến lúc thấy Phật phóng hào quang, hoặc mộng thấy Phật, thấy tướng tốt của Phật, tức được thanh tịnh. Có những tội nặng, nhưng trong thời mật pháp tìm ra hai mươi vị Tỳ-kheo thanh tịnh không đơn giản. Do nhân duyên không đầy đủ đó, đành phải trước Phật thực hiện thủ tướng sám hối. Phương pháp này tương ứng với thiền định, thật không dễ làm được.

### **C. Vô sanh sám**

“Vô sanh sám” người đạt đến mức thể hội được các pháp vô sanh vô diệt, hiểu được bản chất Không của tâm

---

<sup>23</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 46, Đại Chánh tập 25, trang 395c.

tánh, tội phước không có hình tướng, tất cả pháp đều Không tịch vắng lặng, cho đến tánh tội, thì tội nặng nhưng thọ báo nhẹ, thậm chí tội không hiện hành. Ở đây nói “Không” không phải là không có nghiệp báo, mà từ nghiệp sanh ra quả báo là pháp tùy thuộc vào nhân duyên sanh, các pháp từ nhân duyên sanh, các pháp từ nhân duyên diệt. Sau khi phạm tội rồi mới ăn năn hối lỗi thì chẳng có ích lợi, sám hối thống thiết thành khẩn, tinh tấn tu hành, thể ngộ vô ngã tánh Không mới là quan trọng.

Ba phương pháp sám hối nói trên, trong đó “tác pháp sám” liên quan với “giới luật”; “thủ tướng sám” liên quan với “thiền định”; “vô pháp sám” liên quan với “trí huệ”.

Vậy ta có thể nói, chẳng phải sám hối là ác báo nhất định không hiện ra, phải xem tội phạm thuộc về tánh tội hay giá tội; sám hối hình thức, hay chân thành; dùng phương pháp nào sám hối, tác pháp sám, thủ tướng sám hay vô sanh sám; có liên quan với giới, định, huệ không, hiệu quả của những phương pháp này có sự khác nhau rất lớn.

## XI. Kết luận

Yếu tố gây ra nghiệp báo rất nhiều, trong đó tâm niệm là một trong những yếu tố quan trọng và phức tạp nhất.

Đối với việc bố thí, thường nghĩ đến: nếu gieo trồng

“ruộng phước” nhiều thì phước đức càng dày. Nhưng trừ “ruộng phước” ra sự quan trọng là “tâm niệm”! Sự khác biệt của tâm niệm có lúc vượt qua cả sự lớn nhỏ của phước điền. Ở đây nêu ra ví dụ để thấy rõ hơn, một ngày nọ Ngài Xá-lợi-phất bưng com cúng dường Đức Phật, Đức Phật đem một phần cho chó ăn, Phật hỏi Xá-lợi-phất rằng: “Công đức cúng com cho Phật lớn, hay công đức ta đem com cho con chó lớn?” Xá-lợi-phất trả lời: “Căn cứ theo sự hiểu biết của đệ tử, thì công đức Phật bố thí com cho chó lớn”. Đức Phật nói: “Ông nói đúng”<sup>24</sup>!

Do vậy, “phước điền” chỉ là một nhân tố mà thôi, nhưng yếu tố ảnh hưởng để tạo ra nghiệp báo rất nhiều, như bố thí thì phải có: phẩm chất số lượng của vật thí; phương thức bố thí, người thọ bố thí có ích lợi hay không v.v... điều quan trọng vẫn là “tâm niệm” bố thí. Nếu với niệm thiện thanh tịnh, phát tâm không cầu trả ơn, áp ủ lòng từ bi, thái độ khiêm tốn, cúng kính mà bố thí, hơn nữa sau khi bố thí không sanh tâm hối hận, khiến niệm thiện và tâm hoan hỷ liên tục tăng trưởng, bố thí liên tục không gián đoạn, thì phước đức bố thí tăng trưởng rộng rãi không ngừng. Tiến thêm bước nữa, lúc bố thí, không những xả bỏ tài vật, lại có thể xả bỏ phiền não tâm tham,

---

<sup>24</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 32, Đại Chánh 25, trang 301b2~12.



thâm nhập trí huệ vô ngã, chuyển hữu lậu thành vô lậu, chuyển hữu tướng của phước đức hồi hướng vô thượng Bồ-đề, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, ở đây có liên quan với “Tâm” mà cũng gọi là “khéo léo vận dụng, ở cái tâm này”!

**THIÊN THỨ HAI  
BỒ-TÁT CHÁNH  
HẠNH**

# BỒ-TÁT ĐỒNG HỌC

Giảng tại giảng đường Huệ Nhật

trong ngày pháp hội Dược Sư 14/11/2009

Thông thường cùng học một trường thì gọi nhau là “đồng học” (bạn học), và trong sách vở Phật giáo cũng có nói đến từ “Bồ-tát đồng học”. Như “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật”<sup>1</sup>, có lần A-nan thỉnh vấn Đức Phật: “Các vị Bồ-tát cùng ở chung với nhau phải nên như thế nào?” Đức Phật bảo A-nan: “Các vị Bồ-tát ở chung với nhau nên cung kính đối phương như cung kính Phật”. Không nên nhìn bằng đôi mắt phân biệt hơn thua, phải xem họ như Đức Phật, và họ cũng xem mình như Đức Phật, cùng cung kính lẫn nhau. Bồ-tát phải suy nghĩ, chúng ta có nhân duyên cùng nhau tu tập, hoặc thành vợ chồng, cha con v.v...; cũng có thể là bạn đồng tu, hoặc là huynh đệ, thầy trò v.v... Tất cả đều có nhân duyên với nhau. Mọi người cùng sống chung với chúng ta, những vị Bồ-tát này đều là bạn tốt của ta. Chúng ta cùng đi trên một chiếc

---

<sup>1</sup> “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 19, ‘phẩm Ma Sầu thứ 62’, Đại Chánh tập 8, trang 356 c29~357a7.

A-nan thưa Đức Phật: “Bach đức Thế Tôn! Bồ-tát với Bồ-tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn. Tại vì sao? Vì

Đức Phật bảo A-nan: “Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn. Tại vì sao? Vì Bồ-tát ma-ha-tát nên nghĩ rằng: “Đó là bạn thật của ta, đi chung một con thuyền. Họ học ta cũng học bổ thí ba-la-mật cho đến nhất thiết chủng trí. Nếu Bồ-tát tạt hạnh, lia tâm nhất thiết trí, ta không nên học như vậy. Nếu Bồ-tát không có tạt hạnh, không lia tâm nhất thiết trí, ta nên học như vậy. Bồ-tát học như vậy, là bạn học.

thuyền, mọi người cùng học tập lẫn nhau.

Và nội dung để chúng ta cần phải học là gì? Chúng ta phải học lục độ vạn hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ ba-la-mật, cho đến nhất thiết chủng trí của Đức Phật. Nếu Bồ-tát tu tập “tạp hạnh”, tức là có lúc tu lục độ, có lúc tu ác hạnh, thì họ đã xa lìa tâm bồ-đề Đại thừa, thì mình không nên cùng với người đó tu học. Cho nên “bạn học” là nên học điều hay tốt của họ; còn những điều không tốt, chúng ta không nên học. Nếu học những điều không tốt thì không thể gọi là đồng học. Ngược lại Bồ-tát không tu tập tạp hạnh, không rời bỏ tâm bồ-đề Đại thừa, thì chúng ta nên học với họ. Bồ-tát Đại sỹ có thể học đầy đủ như thế, thì gọi là bạn học Bồ-tát. Như trong “Luận Đại Trí Độ” quyển 77 ‘phẩm Đồng Học thứ 62’ nói:

*(A-nan) thưa Đức Phật: “Bồ-tát cùng ở chung nên như thế nào? Dem tâm cung kính như thế nào?” Đức Phật dạy: “Bồ-tát nên cung kính cúng dường, xem nhau như Phật” vì họ là Phật vị lai. Sau đó Đức Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát ở chung nên nghĩ rằng: “Đây là bạn chơn thật của ta, cùng đến Phật đạo, cùng đi trên một con thuyền. Thuyền là sáu Ba-la-mật; ba cõi và ba lậu là nước; bờ kia là Phật đạo. Điều người kia học ta cũng nên*

*học, đó là sáu Ba-la-mật, đồng giới, đồng kiến, đồng đạo. Như anh em một nhà, không nên đấu nhau; ta và họ là anh em đồng pháp, không nên tranh nhau. Nếu Bồ-tát kia tu tạt hạnh, lìa tâm nhất thiết trí, ta không nên học như vậy. Tại vì sao? Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ”<sup>2</sup>. Bồ-tát nếu học được như vậy, thì việc khinh mạn, sân hận chấm dứt; mới gọi là Bồ-tát bạn học.*

Nếu như Bồ-tát cùng ở chung, nên đem tâm cung kính như thế nào? Đức Phật dạy: “Cung kính cúng dường, xem nhau như Phật”. Chúng ta cung kính cúng dường họ, xem như Đức Phật, vì trong tương lai họ sẽ thành Phật. “Sau đó Đức Phật tự nói nhân duyên: Bồ-tát ở chung nên nghĩ rằng: đây là bạn chơn thật của ta, cùng đến Phật đạo, cùng đi trên một con thuyền”. Đức Phật dạy các vị Bồ-tát cùng ở chung nên nghĩ: Bồ-tát là bạn lành chơn thật của ta, cùng mục đích chứng đắc đạo quả bồ-đề thành Phật. Nên hiện tại chúng ta cùng nhau tu học, đi trên một chiếc thuyền. Vì thuyền này là thuyền pháp, chiếc thuyền “lục ba-la-mật”. Lúc chúng ta cùng nhau chèo thuyền, tuyệt đối đừng để cho người khác cố sức một mình, còn cá nhân lại đứng bên cạnh hóng mát, chỉ biết hô hào: “Cố lên! Cố lên! ...” Đâu phải chỉ dùng sức

---

<sup>2</sup> Đại Chánh tập 25, trang 604b20~c1.

hồ hào thôi đã đủ. Chúng ta không nên hóng mát một mình, mà phải cùng nhau chèo lái. Và cũng không thể mọi người chèo về phía trước còn mình lại chèo về phía sau, hoặc đục lỗ, làm thuyền thấm nước, điều này đâu có được, đúng không? Chúng ta phải đồng cam cộng khổ.

Chúng ta cùng nhau ngồi trên chiếc thuyền pháp này, mục tiêu là bờ giải thoát thành Phật, vượt qua dòng sông, biển lớn “ba cõi và ba lậu là nước”. Ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và các loại dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, những phiền não này chúng ta cần phải khắc phục vượt qua. Từ bờ này đến bờ kia, “bờ kia là Phật đạo”, mà chúng ta phải tu học là lục ba-la-mật, “đồng giới, đồng kiến, đồng đạo”. Trong “Phật Pháp Khái Luận”<sup>3</sup> Ngài Ấn Thuận có nhắc đến lục hòa kính. Lục hòa kính là trên sự hiểu biết nhận thức, chúng ta phải “kiến hòa đồng giải”, quan điểm của mỗi người đều nhất trí. Không nên khởi tâm phân biệt pháp môn của tôi tu học mới là tốt nhất, pháp môn của bạn là tà thuyết dị đoan, hoặc pháp môn của bạn không hay, không cứu cánh, kỳ thật mọi người

---

<sup>3</sup> Pháp sư Ấn Thuận trước tác, “Phật Pháp Khái Luận”, trang 21-23: Chánh pháp cứu trụ, cần phải có người tu hành thật chứng, người tín ngưỡng rộng sâu, đây là điều phải nương vào Tăng đoàn thanh tịnh hòa hợp an lạc mới thực hiện được. Tăng đoàn kiện toàn hài hòa, là do sự hòa hợp làm cơ sở. Y cứ vào luật chế mà chư Tăng hòa hợp, đức Thích Tôn từng nói đến cương lĩnh, đó chính là lục hòa kính. Trong lục hòa kính, “kiến hòa đồng giải”, “giới hòa đồng hành”, “lợi hòa đồng quân”, là bản chất của hòa hợp; “ý hòa đồng duyệt”, “thân hòa đồng trú”, “ngữ hòa vô tranh”, là biểu hiện của hòa hợp.

nên kiến lập một quan niệm chính xác. Về hành vi thì phải “giới hòa đồng tu”, tức mọi cùng nhau tuân thủ giới luật, không có chuyện ngoại lệ. Trên vấn đề kinh tế, phải “lợi hòa đồng quân”, mọi người cùng nhau chia sẻ, không thể so đo phần bạn nhiều, phần tôi ít. Những điều vừa nêu trên là bản chất của sự hòa hợp. Biểu hiện ở thân khẩu ý, thì phải “ý hòa đồng duyệt”, trong lòng thường vui vẻ, không nên luôn luôn khởi tâm sân hận, bất mãn. “Thân hòa đồng trú”, mọi người phải cùng sống chung với nhau, không nên vì một tí giận hờn mà tự mình bỏ ra ở riêng. Nếu như bạn ở riêng, người khác cũng như vậy, mọi người đều ở riêng, kết quả là mọi người không thể sống hòa hợp với nhau, như thế thật không tốt. Trên vấn đề ngôn ngữ, mọi người phải “ngữ hòa vô tranh”, vô cùng hòa thuận, không cãi vã nhau. Đó là biểu hiện của sự hòa hợp.

“Như anh em một nhà, không nên đấu nhau”, đã là anh em trong nhà, không nên đấu đá lẫn nhau, huống chi chúng ta là huynh đệ cùng tu, thì càng không nên tranh chấp lẫn nhau. “Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ”, điều tốt cùng học với họ; điều xấu, chúng ta nên uyển chuyển khéo léo khuyên họ. Nếu như Bồ-tát có thể học với tinh thần như thế, đôi bên cùng học tập lẫn nhau, những việc như khinh mạn, sân hận tất cả đều trừ sạch,

đây gọi là Bồ-tát bạn học.

Xin hỏi các vị Bồ-tát bạn học, tâm sân hận, tâm khinh mạn của chúng ta đã được trừ sạch rồi chưa? Nếu như vẫn còn, chúng ta phải cố gắng nhiều hơn nữa.



# PHƯƠNG PHÁP TU NHÃN NHỤC

Giảng tại viện nghiên cứu Công Thương

ngày 27/11/2003

Mọi người thật tinh tấn, tranh thủ thời gian nghỉ trưa để trao đổi Phật pháp. Và hôm nay, chúng ta cùng nhau thảo luận về chủ đề, liên quan cách khắc phục việc không vừa ý mà chúng ta thường gặp phải trong cuộc sống, hay dẫn đến tâm lý kích động thiếu làm chủ được, đó chính là “phương pháp tu nhẫn nhục”

Bồ-tát hạnh có rất nhiều loại, nhưng chung quy là lục độ, tức sáu loại Ba-la-mật, đó là trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, mà nhẫn nhục thuộc một trong điều trên. Cho nên, nhẫn nhục là một pháp môn tu hành rất quan trọng của Bồ-tát.

Nếu như có người làm trái ý chúng ta, khiến mình cảm thấy bị sỉ nhục, điều này nên hóa giải như thế nào, do vậy hôm nay tôi trích tư liệu từ “Đại Trí Độ Luận” của Bồ-tát Long Thọ, trong đó có nêu ra 25 loại phương pháp, vì để thích ứng cho chúng sanh có căn tánh không đồng mà chọn lựa phương pháp phù hợp với bản thân họ. Ví như “trò xiếc ai cũng có cách biến hóa riêng, và kỹ xảo của mỗi người lại khác nhau”, nghĩa là không nhất định mỗi loại pháp môn đều thích hợp với chúng ta, nhưng chỉ cần

trong đó có một pháp môn giúp ta tự mình hóa giải, thì đã đủ giá trị. Có lúc phải tùy theo trường hợp mà dùng các phương pháp không giống nhau. Đó chỉ là cách hướng dẫn, còn vận dụng như thế nào để từ điều này hiểu ra nhiều điều khác, thì phải xem sự nỗ lực của chính bản thân chúng ta.

Ý nghĩa chữ “Nhẫn” trong Phật giáo, tôi sẽ phân tích từ nhiều góc độ. Sau đó mới nói đến những nguyên nhân hoặc tình huống nào khiến chúng ta không thể nhẫn được? Bởi vì “người cột dây phải tự mở”, sau khi chúng ta biết rõ nguyên nhân và nguồn gốc làm kích động tinh thần ta, thì có thể tìm ra phương pháp đối trị. Cuối cùng, nói đến việc nếu như chúng ta không tu nhẫn, thì sẽ có những hậu quả, những sai lầm gì? Và phương pháp đối trị như thế nào? Tôi sẽ cùng quý vị thảo luận các phương diện đó.

### I. Ý nghĩa của “Nhẫn”<sup>1</sup>

*Vì nhiếp hộ chúng sanh, Bồ-tát tu nhẫn độ.*

*Nại oán an nhẫn khổ, và để sát pháp nhẫn.*

Hạnh của Bồ-tát là vì mục đích thành tựu Phật đạo. Thành Phật nhất định phải nhiếp hóa chúng sanh, hộ niệm chúng sanh; tu tập bố thí để nhiếp hóa chúng sanh,

---

<sup>1</sup> Đoạn văn trích trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 295~297 của Đại sư Ấn Thuận.

trì tịnh giới để hộ niệm chúng sanh, đem đến lợi ích cho chúng sanh, như vậy sau đó mới thành Phật. Nhưng chúng sanh lại ngu muội, nhận sự bố thí không biết cảm ơn, ngược lại thù oán gây tổn hại; trì giới hộ niệm vì chúng sanh, nhưng ngược lại chúng sanh gây nhiễu loạn. Nếu như không thể kiên nhẫn, công đức của bố thí và trì giới đều sẽ vì đó mà tổn hoại. Thế gian còn phải “vì đất nước mà cùng nhau khắc chế nhẫn nhịn”, “việc nhỏ không nhẫn được thì sẽ khó thành tựu việc lớn”, hướng chi ở trong ngàn kiếp sanh tử vì việc lớn nhất là độ chúng sanh và thành Phật đạo, thì có ai chẳng tu nhẫn mà thành tựu đâu! Cho nên Bồ-tát không tu nhẫn thì không được, mà nhẫn là một trong các hạnh lớn của Bồ-tát.

Trước tiên, chúng ta nghĩ đến những việc hằng ngày trong cuộc sống, phạm vi của “nhẫn” bao gồm những gì. Ví dụ, có một số người nhìn thấy những đồ vật tốt, hoặc những đồ vật mà mình thích, không nghĩ hậu quả, rút tiền trong thẻ ngân hàng trả trước rồi tính sau, đến ngày nào đó phải bù tiền thẻ lại thì nhận lấy hậu quả khổ đau.

Phạm vi của “nhẫn”, ngoài những việc như bị trái nghịch, hà khắc, không cần lý lẽ, khiến chúng ta cảm thấy khôn khổ, khó chịu, cần phải nhẫn; mà còn phải đối với những đồ vật tốt, đẹp cho đến có người vô cùng cung

kính chúng ta, đối với chúng ta rất tốt, có lúc vì thế tâm chúng ta không còn được an nhiên tự tại, khởi lên sự tham nhiễm, điều này cũng cần phải nhẫn. Như trong “Con Đường Thành Phật” của Đại sư Ấn Thuận có dạy: “Nhẫn là nhẫn nại, nhẫn nhục, đó là quan trọng nhất trong “nhẫn”. Nhẫn là ý chí kiên cường, vượt qua được sự đả kích, chịu đựng được sự khó khăn, trắc trở gian khổ, giữ vững lập trường, không chịu sự ảnh hưởng bên ngoài mà thay đổi phương hướng, hoặc gây ra tội lỗi ....”

Cho nên, chữ “Nhẫn” trong Phật giáo có thể chia thành ba loại lớn:

### **1. Nhẫn chịu sự oán hại**

*Như có người oán thù đến làm tổn hại, dùng dao gậy đánh đập, hoặc đem lời xấu ác phỉ báng, gây tổn hại danh dự, lợi dưỡng. Như thế khiến cho nhiều người rất khó nhẫn chịu, nhưng Bồ-tát nên tu an nhẫn: thương xót người làm tổn hại mình, nhận biết rằng người ấy vì phiền não bức bách, hay bị thế lực xấu lợi dụng thúc dục; nên nhẫn chịu sự tổn hại của oán thù mà không khởi tâm sân, không nghĩ đến việc trả thù.*

Lấy ví dụ câu chuyện ông Tiên tu hạnh nhẫn nhục mà chúng ta thường nghe, xưa kia đức Thế Tôn tu hạnh Bồ-tát, từng là ông Tiên tu hành nhẫn nhục. Khi vị Tiên

đó ở trong rừng sâu tu hành, có lần nhà vua dẫn các cung nữ vào rừng du ngoạn, nhân lúc nhà vua nghỉ trưa, toàn bộ cung nữ đều tìm đến nơi ông, nhà vua thức dậy vô cùng tức giận, cho rằng ông không giữ phạm hạnh, dụ dỗ cung nữ, nên chặt đứt tay chân của ông, nhưng ông không hề khởi tâm sân giận.

Cách đây 2500 năm, Đức Thế Tôn cũng đã chịu đựng qua biết bao nhiêu sự gian khổ. Lúc giòng tộc Thích-ca sắp bị hủy diệt, đối diện trước nạn nước mất nhà tan, Ngài vượt qua như thế nào? Thế Tôn đã biết trước việc này, nhưng không dùng phương pháp kháng cự, Ngài ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây trơ trọi lá, dùng đức hạnh để cảm hóa quân địch. Ngoài ra, đệ tử của Ngài là Đề-bà-đạt-đa, cũng chính em họ Ngài, một người rất thân cận, sau lại phản bội, muốn hại Ngài. Cho đến, có lần người nữ Bà-la-môn giả dạng có thai để hủy báng Thế Tôn. Những việc tương tự như thế, đều làm cho tâm con người có sự kích động mạnh, đây là thuộc loại “nhân chịu sự oán hại”.

## **2. An thọ khổ nhân**

*Khổ có rất nhiều loại, có những nỗi khổ do từ những vật vô tình bên ngoài mang đến, như gió mưa, nóng lạnh v.v... có thứ khổ do những vật hữu tình đưa đến, như rắn,*

*bò cạp, muỗi, chí rận v.v... Ngoài ra, cũng có thứ khổ do chính tự thân mình đem đến, như là đi tu, khát thực, giáo hóa, tu hành, cũng đều mang lại khổ đau. Những điều này cần phải mài luyện ý chí, an tâm nhẫn chịu; nhẫn không được, thì sẽ phát khởi phiền não, tội ác, làm chướng ngại sự tu hành của bản thân.*

“Nại oán hại khổ” là chỉ đối với vô số những sự trái nghịch mà chúng ta phải nhẫn, “an thọ nhẫn khổ”, là chỉ một số hiện tượng tự nhiên phải nhẫn. Cho đến những việc chẳng phải do yếu tố con người gây ra như rắn, bò cạp, muỗi, sâu bọ v.v... từ những loài hữu tình cũng tạo cho chúng ta những sự thống khổ. Chúng ta phải rèn luyện tâm trí, an tâm nhẫn thọ.

Có câu chuyện, vào một mùa hè nóng bức, một vị lão Hòa thượng phát tâm bố thí thân mình cho muỗi đốt. Đêm đó, các đệ tử gõ chuông đánh trống vô cùng tán phục, muốn xem lão Hòa thượng làm cách nào thực hiện điều này. Kết quả, lão Hòa thượng cởi áo, cho muỗi đốt lưng mình, trong lúc đệ tử ca ngợi không ngớt, đột nhiên nghe “bốp” một tiếng, thì ra lão Hòa thượng đập nát bét con muỗi. Các đệ tử cảm thấy ngạc nhiên hỏi: “Lão Hòa thượng! Chẳng phải Ngài muốn bố thí cho muỗi đốt sao? Lão hòa thượng trả lời: “Con muỗi này thật đáng ghét,

mới vừa dứt xong, bây giờ lại đến tiếp”. Cho nên, sự tu nhân nhục của chúng ta phải lâu dài, bền bỉ, mới có thể thấy được kết quả.

Ngoài ra, đức Thế Tôn trước khi thành đạo đã từng tu qua sáu năm khổ hạnh, cổ đức Trung Quốc có viết một bài thơ ca ngợi mà tôi rất thích:

*Xương tợ cây khô tâm băng giá,  
Sáu năm đói rét khổ hằng sa,  
Ai biết tinh mơ sao mai mọc,  
Ngộ đắc lý chơn mỉm cười ra.*

Không biết các vị đã đến Ấn Độ, hay nhìn thấy tượng Phật Ấn Độ chưa? Toàn thân Thế Tôn chỉ da bọc xương, ngực ép sát lưng, hầu như không còn chút thịt. Ngài tu khổ hạnh, tròn sáu năm, một ngày chỉ ăn một hạt mè và một hạt gạo. Sau đó Ngài từ bỏ tu khổ hạnh, thọ nhận bát sữa của người con gái chăn dê cúng dường, khôi phục lại thể lực, trong đêm dưới gốc cây Bồ-đề lúc sao mai mọc Ngài ngộ đạo, cuối cùng thì khổ đau đã hết niềm vui mang đến. Cho nên, nếu như Thế Tôn sớm từ bỏ con đường tầm đạo, không nhẫn nại đến cùng, thì không thể thành tựu Phật quả.

### **3. Đế sát pháp nhãn**

*Pháp là Phật pháp, nghiên cứu tường tận thấu hiểu Phật pháp, ý nghĩa của nhĩn là tâm an định nhập vào thể ngộ chơn lý. Nếu như chỉ thoáng qua như cái bóng, tâm không thể thâm nhập được, thì không thể lĩnh hội được lợi ích sâu rộng của giáo pháp.*

Đề tức là chân lý. Chữ “nhĩn” ở phần này không giống với chữ “nhĩn” ở phần trên. Chữ nhĩn ở hai phần trên chủ yếu chỉ ra sự tội luyện của tình cảm và ý chí; phần này chỉ ra một loại thể nhận thâm sâu, phải dựa vào cái nhìn trí tuệ và tri kiến chính xác, cải đổi những quan niệm sai lầm, hoặc thay đổi tư tưởng không tốt. Hai phần trên muốn trong vấn đề tình cảm có chút thăng hoa, hoặc kiên nhĩn rèn luyện ý chí, về mặt tinh thần có thể đem sự thô lỗ chuyển đổi thành nhu hòa, cho đến biến nó thành những thói quen tốt. Do đó có thể biết: “nhĩn” gồm có ý chí, tình cảm, nhận thức và sự hiểu biết, cho nên thường thường một quan niệm thay đổi, thì tất cả đều có sự chuyển đổi mới.

Tôi nhớ đến câu chuyện Hàn Bá Du trong “Hán Thư”, người mẹ thường dùng roi đánh Hàn Bá Du, ông đều âm thầm nhĩn chịu. Cho đến một hôm, lúc mẹ đánh ông, đột nhiên ông bật khóc thật to. Mẹ ông cảm thấy rất kỳ lạ: “hay là Bá Du không thể tiếp tục chịu đựng được nữa”?



Sự thật thì hoàn toàn ngược lại, ông khóc vì trước kia mẹ ông đánh rất đau rất mạnh, điều đó biểu hiện mẹ còn khỏe mạnh; nhưng bây giờ, mẹ đánh không còn lực nữa, có nghĩa là mẹ đã già rồi, sẽ sống chẳng được bao lâu, vì thế ông đau lòng. Câu chuyện “Bá Du khóc vì đòn roi” nổi tiếng từ đó.

Chúng ta làm cách nào để chuyển hóa sự kích động của tinh thần, có thể điều chỉnh từ quan niệm, hay thăng hoa từ tình cảm, như tình cảm kính ái đối với mẹ, làm chúng ta vượt qua được nỗi đau thân xác.

Ngoài ra, có câu chuyện ở Nhật Bản. Nơi thôn quê vô cùng nghèo khổ nọ, có một phong tục rất tàn nhẫn, họ đem những người già yếu bỏ ở nơi không có người, để cho họ từ từ chết đi. Vào ngày kia, một người thanh niên chuẩn bị kéo xe đưa người mẹ già của mình bỏ vào rừng sâu, nhưng trên đường đi phải băng qua những rừng cây nhỏ, thì anh ta luôn nghe tiếng mẹ mình bẻ cành cây. Anh ta nghĩ: “Có phải mẹ bẻ cây làm dấu bên đường đi, để sau khi mình bỏ lại, bà ấy biết đường về nhà? Nếu là như vậy, mình sẽ đẩy bà ấy đi càng xa hơn nữa, cho khỏi biết đường về nhà”! Kết quả, anh ta vô tình bị lạc giữa đường. Trước khi anh ta bỏ mẹ mình, anh ta tàn nhẫn nói với mẹ: “Bà già à! Chúng ta chia tay ở đây!” Người mẹ nhìn núp

ruột mình sinh ra nói: “Con à! Mẹ làm khổ con rồi, mẹ sợ con không biết đường về nhà, nên dọc theo hai bên đường mẹ có bẻ cây làm dấu cho con, con men theo đó để đi”! Phải thăng hoa tình cảm như thế, hoặc thay đổi quan niệm nhận thức, thường có thể hóa giải được những sự thiếu quân bình trong lòng chúng ta.

Ý nghĩa của “nhãn”, đã bao quát phương diện tình cảm và phương diện nhận thức, chúng ta thử suy nghĩ xem những chuyện như thế nào khiến tình cảm mình đổi thay? Có một loại là chúng ta khởi lòng tham đối với vật chất bên ngoài, như gặp phải những món hàng hóa nổi tiếng thì đặt biệt mong muốn; ngoài ra đối với mọi người, chúng ta yêu cầu hơi hà khắc, như cấp trên đối với cấp dưới yêu cầu quá cao, hoặc cấp dưới đối với cấp trên quá nhiều hy vọng và lý tưởng hóa, muốn tìm một cấp trên thân thiện hòa nhã và dễ thương lượng hòa đồng; có người đối với bạn bè thì rất tốt, nhưng người thân thì không có lòng bao dung thông cảm. Hơn nữa, lại đòi hỏi sự hoàn mỹ cao tạo ra rất nhiều sự khó khăn.

Có người không đành lòng nhìn chúng sanh chịu khổ, nghe nói có lần tổng thống Mỹ Abraham Lincoln (1809~1865) trên đường đi tham dự hội nghị, nhìn thấy một con heo bị rớt dưới đầm lầy, nhưng vì phải đến nơi

gấp nên ông vẫn cứ cho xe chạy, nhưng trong lòng cảm thấy khó chịu, ông đành phải quay lại đưa chú heo may mắn lên bờ rồi tiếp tục hành trình. Đó là biểu hiện lòng từ bi thương xót với chúng sanh.

Ngoài ra, còn sự va chạm với người có tính tình nóng nảy hấp tấp, cũng sẽ tạo cho tinh thần dao động. Loại nóng vội này thì trong thường ngày phải hình thành thói quen khoan hồng độ lượng, mới tạo ra được một không gian êm dịu, nếu không khi gặp phải tình huống đột xuất bất ngờ, tính tình rất dễ dàng bộc phát ra ngoài. Muốn khắc phục vấn đề này, tự mình phải lưu ý nhiều! Có câu chuyện, một cô gái mới tập lái xe, kỹ thuật còn yếu, khi đi đến đoạn đường hẻm nhỏ, đột nhiên xe tắt máy. Không may mắn là sau lưng có một chiếc tắc-xi đang đến, chú tài xế cứ bám còi thật to. Cô gái càng căng thẳng càng không thể nào khởi động máy được, tài xế xe tắc-xi chạy đến trách la, trong đầu cô gái vụt sáng lên một ý nghĩ, cô bảo bác tài xế: “Bác ơi! Bác đến giúp tôi khởi động xe, tôi sẽ giúp bác bám còi!” Bởi vì cứ đứng đó bám còi cũng chẳng được gì. Do đó, sau khi trí não chúng ta chuyển biến linh hoạt, thì có thể hóa giải được rất nhiều vấn đề khó khăn.

Từ đó hiểu được: làm cho tinh thần của chúng ta dao

động, một là do sự chấp trước đối với vật bên ngoài, hai là do cá nhân yêu cầu đối với con người (không luận đối với chính mình hay đối với chúng sanh).

Đức Thế Tôn có trí tuệ vô cùng, Ngài dạy: “Nguyên nhân nào đưa đến các loại tham trước và sự kích động tinh thần? Truy tìm cội gốc là do không hiểu rõ vô thường, vô ngã”.

Chúng ta phải quán chiếu “các hành vô thường”, “hành” tức là tất cả các pháp hữu vi, nếu như thấu hiểu triệt để điều đó, sẽ giảm đi rất nhiều những sự chấp trước đối với thế giới bên ngoài, mà nguồn gốc của sự sai lầm là ở “chấp ngã” - sự chấp trước của mình, phía sau sự chấp trước của mình, thì có “ngã sở” - tất cả những gì mà ta có, hoặc là chỗ chúng ta nương vào - như tài sản của tôi, danh dự của tôi, người thân của tôi, thân thể của tôi, cho đến sinh mệnh của tôi v.v... những thứ ngoại vật này cho đến bạn bè thân thích v.v... Bởi vì mình chấp “ngã”, mà mình đối với các thứ “ngã sở” này kết hợp rất mật thiết, do đó chỉ cần động đến một tí bên ngoài cũng sẽ động đến mình. Như khi xảy ra sự thay đổi, vốn dĩ là của mình, sau này biến thành của người khác, hoặc từ tốt biến thành xấu, thì sẽ tạo thành sự biến động. Nếu như chấp trước càng ít, thì càng an nhiên, sự kích động tinh thần càng ít.

Khi tôi học đại học, lúc đó chưa xuất gia, có một lần gội đầu xong tôi muốn xấy cho khô tóc, máy xấy tóc để ở trong tủ com-mốt nhỏ, đặt sâu bên trong, tôi kéo nhẹ không ra được, cho nên tôi phải dùng lực, không ngờ cả ngăn tủ rơi xuống, làm cho cái bình gốm kỷ niệm mà người ta tặng cho bạn tôi rơi bể. Trong lòng tôi rất lo lắng, nhưng cũng không có nơi nào có thể mua được cái bình giống như vậy để trả lại, cuối cùng đành phải thành thật xin lỗi với bạn. Bạn tôi nói: “Không nên ray rức làm gì! Phàm việc gì cũng có thành tựu hoặc không, sớm muộn gì cũng phải bể, bạn không nên bận tâm về chuyện đó”! Cho nên, chính mình đang chấp trước, áp ủ những gì, đối với vô thường có chỉ cần hiểu rõ được, thì có thể giảm nhẹ được rất nhiều sự kích động tinh thần. Giống như trước kia các vị hoàng đế từng có biết bao nhiêu lý tưởng, nhưng bây giờ chỉ là một đồng xương tàn mà thôi, danh tiếng các vị đế vương đến bây giờ của chúng ta có thể biết được, kỳ thật chẳng có mấy người.

Ngoài ra, chỉ cần thể nghiệm được “các pháp vô ngã”. Như Đức Thích Tôn đem tất cả nguồn gốc của phiền não đều quy về “chấp ngã”, mà sự khác nhau giữa phàm phu và thánh nhân là có phá ngã chấp hay không. Đối với người thường, thì quan niệm về thương và hận hoàn toàn đối lập, tương phản nhau; nhưng với Đức Phật, thì nguồn

gốc của thương và hận là có sự sai lầm giống nhau, khác ở chỗ phương thức biểu hiện mà thôi. Nếu có thể từ cội nguồn mà tìm cách giải quyết, dựa vào sự hiểu biết, trí tuệ hiểu rõ vô ngã, vô thường, thì có thể chuyển được rất nhiều sự biến động về mặt tinh thần, tình cảm.

## II. Năm lỗi của sân nhuế và năm đức của tu nhẫn<sup>2</sup>

Mọi người ưa thích vật gì, khi chưa có thì rất muốn đạt được, sau đó lại sợ nó hư hoại, mất đi, hoặc bị người khác cướp đoạt. Cho nên, Đức Phật nói tám khổ đều do tham trước. Tham trước đối với ngoại vật mà sinh ra “cầu bất đắc khổ”; tham trước trong mối quan hệ giữa người với người, thì có “ái biệt ly khổ”; có người mới gặp đã thấy khác, gặp lại thì càng thêm đau lòng, người mà mình oán hận ngày ngày phải gặp nhau, đây là “oán tăng hội khổ”. Kỳ thật, nguồn gốc của những phiền não này là bởi vì chúng ta chấp trước ngũ uẩn, chấp trước thân tâm này đối với sự ham muốn bên ngoài, truy cầu của con người v.v... Khi chúng ta gặp phải sự hủy báng, nghịch cảnh, rất dễ dàng khởi tâm sân hận, như trong “Con Đường Thành Phật” nhắc đến năm lỗi của sân hận.

*“Giận người có ích chi?”*

---

<sup>2</sup> Đoạn văn phía dưới là trích trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 297~ 299 của Đại sư Ấn Thuận.

*Hai bên thêm sầu khổ*

*Lửa sân thiêu căn lành*

*Nhẫn nhục năm đức sinh.”*

Đây là nói sân giận đối với người khác, chúng ta cuối cùng cũng có được lợi gì đâu? Không những tự mình tăng thêm đau khổ, đối với người khác cũng khổ thêm chất chồng. Nếu như có thể tu nhẫn, thì sẽ có năm loại công đức.

Như không nhẫn mà giận người đó, tìm người đó trả thù, vậy cuối cùng rồi được lợi ích gì? Nên không cần phải giận.

Ví như trên lớp học tự mình muốn biểu hiện “hạc lập kê quân” (con chim hạc đứng giữa đàn gà) thì phải tự mình đứng lên, hoặc mình cao lớn một tí! Nhưng có người không làm như vậy, mà lại đê người khác xuống thấp. Nhưng đê người khác xuống thấp, chẳng lẽ mình cao hơn mọi người hay sao? Kỳ thật đâu có điều đó! Chẳng những tự mình không tiến bộ, ngược lại còn rất dễ dẫn đến sự phản kháng của người khác.

Nên biết sự thất bại của bản thân, nhất định không chỉ do sự phá hoại của người khác, chủ yếu là do bản thân chưa kiện toàn.

Phật giáo giảng dạy pháp nhân duyên, vì thế chúng ta muốn thành công, trên thực tế cần phải có đầy đủ rất nhiều nhân duyên; cùng một đạo lý như vậy, chúng ta thất bại cũng bởi vì có rất nhiều điều kiện không đầy đủ, không phải chỉ sự phá hoại của người khác mà dẫn đến thất bại, nguyên nhân chính là do bản thân không kiện toàn, đây là một nhân tố chủ yếu! Trong “Luận Đại Trí Độ” có ví dụ: “Nếu như da thịt của chúng ta không bị tổn thương, thì vi trùng không thể xâm nhập vào trong cơ thể được; lúc nào đó bản thân mình có tì vết, vi khuẩn lập tức xâm nhập. Cũng vậy, cùng một áp lực nhưng không phải đối với mỗi người đều bị sự tổn thương giống nhau, một người có sự chịu đựng rất kiên cường, là có sức đề kháng mạnh; mà người có sức đề kháng kém, chỉ cần áp lực một chút, thì tạo thành sự tổn thương gần mất mạng”.

Hay nói cách khác, chính mình mới có thể tổn hại mình. Người xưa nói “người quân tử có nỗi lo cả đời, chứ không phải sợ sự họa hoạn của một ngày đột nhiên phát sinh”. Hiện tại chịu sự tổn hại trước mắt, chịu sự oan khốc, nhưng nỗ lực cố gắng tinh tấn tu hành, thì chẳng có điều gì mà người khác không hiểu rõ và trả lại sự nguyên vẹn. Chỉ có việc tự mình không hướng thượng, đến khi chết mà đức nghiệp không thành, đó mới là nỗi lo lắng.



Chúng ta phải lo nghĩ là cuộc đời này của mình không có gì thành tựu, chứ không phải có những chuyện nhỏ nhặt trước mắt thôi đâu.

Theo Phật pháp, không nên quá quan trọng cái hoạn nạn của một ngày, hay sự oan ức, uất nhục, hi sinh của một đời, vì so với quá trình sanh tử vô tận bao kiếp, điều đó có đáng gì đâu? Nếu không hướng đến Phật đạo, mà chỉ vĩnh viễn ra vào trong sanh tử luân hồi, mới thật là bi thương! Vì vậy không nên sân giận báo thù, mà cần nhẫn chịu. Và lại, tìm kẻ địch báo thù, cũng chẳng khôi phục được sự tổn hại đã nhận. Không nhẫn mà sân hận báo thù, đương nhiên khiến cho mình và người tăng thêm rất nhiều đau khổ.

Đoạn văn này biểu hiện Phật giáo đối với quan niệm thời gian, với sự sâu rộng của ý nghĩa giáo pháp. Nếu từ góc độ của nhà Nho hoặc những người bình thường, thì luôn hy vọng cuộc đời này có thể “trả lại sự thanh bạch cho tôi”; nhưng theo Phật pháp, thì một đời chịu sự oan khuất cũng chẳng là gì cả. So với một người tu hạnh Bồ-tát lâu dài, đời này chịu oan khuất, cũng chẳng phải là chuyện gì to lớn; vấn đề quan trọng hơn, là chúng ta làm như thế nào trong quá trình hướng đến Phật đạo, có thể từng bước từng bước vững vàng hướng thượng. Cho nên,

Bồ-tát suy nghĩ rất sâu sắc, việc làm của Bồ-tát là có lúc phải xả thân để làm lợi ích cho chúng sanh.

Trong kinh Phật có câu chuyện: ngày kia một thầy Tỳ-kheo đi khát thực, đến cửa nhà người cư sĩ buôn bán châu báu, chủ nhân đáp ứng cúng dường, bảo vị này đợi ông ta vào lấy cơm. Ngay lúc ấy, viên ngọc trên bàn bị chú ngỗng bên cạnh nuốt mất. Người chủ đi ra không thấy viên ngọc, cho rằng thầy Tỳ-kheo lấy trộm, lập tức chửi đánh, buột thầy đó trả lại viên ngọc. Nếu như người khác thì sẽ nói: “không nên vu oan cho tôi, do con ngỗng nuốt”. Nhưng nếu nói như vậy, thì con ngỗng sẽ mất mạng. Thầy Tỳ-kheo này vì giữ gìn mạng sống cho con ngỗng, mà không nói ra sự thật. Con ngỗng nuốt viên ngọc rồi không lâu sau đó lìa đời, lúc này thầy Tỳ-kheo mới nói ra sự thật. Người chủ mổ bụng con ngỗng, quả thật có viên ngọc bên trong, ông biết đã hiểu lầm thầy Tỳ-kheo. Cho nên, trong suốt quá trình tu tập Bồ-tát đạo, có lúc cho đến một đời chịu oan khuất, nhẫn chịu được thật là điều rất khó.

Trả thù người đó, đương nhiên người đó chịu đau khổ, mà mình sân tâm nổi lên, dẫn đến thân tâm bất an, có lúc không để tâm đến mọi thứ, tạo thành sai lầm càng lớn, gây nên tổn hại càng lớn. Lấy oán trả oán, như vậy không

thể giải quyết được vấn đề. Cho nên nói: “*không nên lấy oán báo oán, oán nọ biết bao giờ ngừng. Nhân nhĩn thì oán dứt, đó mới là pháp của Như Lai*”. (Kinh Xuất Diệu)

“Kinh Pháp Cú” hoặc “Kinh Xuất Diệu” có nói: “không nên lấy oán báo oán, như thế không bao giờ dứt”. Nếu như không thể tu nhân nhĩn, sau khi nổi giận, nhiều lắm là cảm thấy thích thú nhất thời mà thôi, nhưng nếu việc đó dẫn đến hậu quả - oán kết giữa người với người không hóa giải được, đời này sẽ vướng víu chưa xong, không chừng đời sau lại tiếp diễn, vĩnh viễn không có ngày chấm dứt.

Tu bố thí, trì giới, thật không dễ, nhưng do một niệm không nhân, tâm sân phát khởi, toàn bộ đều bị phá hoại. Như nói: “nếu các Phật tử có tâm sân nhuế, trăm kiếp khéo tu bố thí, trì giới, có thể hư hoại trong sát-na”. Cho nên hình dung sân giận giống như ngọn lửa, có thể thiêu đốt hết tất cả công đức lành, không hạ quyết tâm tu nhân là không được! Giả sử biết được sai lầm của sân giận, công đức của sự an nhĩn, nên khảo sát thật nhiều, tự mình lấy lý trí để điều phục sân giận và phiền não. Thế thì sân nhuế có những lỗi làm gì?

Chúng ta tu bố thí, trì giới thật không dễ gì tích được một ít công đức, nếu chỉ vì một niệm không nhân, tâm

sân phát khởi, thì “liền đem một ngọn lửa vô minh, thiêu đốt mọi rừng công đức”. Mà còn, trăm kiếp tu các pháp lành bố thí, trì giới, toàn bộ đều bị mất sạch trong một sát-na. Do đó, chúng ta phải phản tỉnh: cuối cùng thì sân giận có thể giải quyết được việc gì không? Sân giận đem đến lỗi lầm gì? Ở đây chúng ta có những phương pháp khác nhau từ trong Kinh Luận quy nạp thành năm lỗi lầm:

### 1. Tướng mạo xấu xí

Tâm sân hận vừa khởi lên, sắc mặt lập tức biến đổi thật khó coi, có ai sau khi nổi giận trở nên dễ thương hơn không? Đương nhiên không rồi! Cho nên, tâm sân vừa khởi, toàn thân huyết mạch sôi sục, sắc mặt lập tức biến thành hình dạng xấu xí, mà còn dễ lão hóa. Nghe nói người mẹ khi sân giận, em bé bú sữa cũng ảnh hưởng sức khỏe.

### 2. Biện luận bất minh

Tâm sân hận khởi lên, lúc này cảm tính làm chủ lý trí, đến nỗi ý nghĩa lời nói của đối phương nghe hiểu không rõ ràng. Căng thẳng lên cao, đương nhiên mất đi khả năng biện luận, tự mình đi khiêu nại, cũng có lúc nói sai.

Vốn dĩ họ rất có tài biện luận, nhưng khi tinh thần kích động, lời nói thiếu rõ ràng, đầu óc suy nghĩ mất tinh tế.

### 3. Bạn hiền xa lánh

“Phàm người có tính tình nóng nảy, bộp chộp, những người bạn tốt đều vì không muốn kết oán mà xa lánh”.

Có người sau khi nổi giận, tính tình nóng nảy, không nhận ra người thân thích, để khỏi vạ lây, người bên cạnh nhìn thấy thì lập tức bỏ đi. Cho nên, nếu như người thường hay nổi giận, người bên cạnh không thích thân cận, bạn lành xa lánh.

### 4. Phạm giới

“Khi sân hận phát khởi, chỉ mưu tính kế hoạch đạt được mục đích báo thù, bất chấp tất cả. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, không việc ác nào mà từ bỏ”.

Có người khi tâm sân phát khởi, vì muốn đạt được mục đích báo thù mà không từ một thủ đoạn nào, những việc trái ngược đạo đức như: sát, đạo, dâm, vọng, không việc gì từ bỏ cả.

### 5. Đọa lạc

“Tích tập nghiệp sân hận như vậy, khi già chết đến, còn đâu quả báo lành, chỉ có đọa lạc vào đường xấu”.

Nếu như chúng ta tích tập nghiệp sân giận, tạo thành rất nhiều ác hạnh, sau khi chết sẽ bị đọa lạc.

Ngược lại, nếu như chúng ta có thể tu nhẫn nhục, thì có

được năm đức, tướng mạo đoan nghiêm, biện luận rõ ràng, bạn tốt thân cận, không phạm cấm giới, hơn nữa còn có thể sinh ở cõi người, cõi trời, thậm chí hướng đến đạo Phật.

Dưới đây chúng ta tham khảo trong “Đại Trí Độ Luận”, đề cập đến các phương pháp tu nhẫn nhục.

### III. Tu nhẫn nhục như thế nào?<sup>3</sup>

#### 1. Suy nghĩ quả báo xấu do nghiệp đời trước gây tạo, đời này vui vẻ hoàn trả.

*“Thế nào là người trong lúc sân giận mà nhẫn nhục được? Nên tự suy nghĩ: tất cả chúng sanh có tội lỗi nhân duyên của nó, nên xâm hại lẫn nhau. Đời này ta chịu khổ não cũng do nhân duyên của hành nghiệp cũ, tuy chẳng phải tạo tác ở đời này, mà là ác báo đời trước của ta, ta nay đến trả, hãy nên cam chịu, đâu có thể trái được! Ví như mắc nợ, chủ nợ đến đòi, phải vui vẻ trả nợ, đâu thể nổi giận”<sup>4</sup>.*

Duyên phận giữa người với người khác nhau, có người mới gặp, giống như đã từng quen biết, có một cảm giác thân thiện; nhưng lại có người vừa mới gặp, thì có cảm giác không thích hợp, cảm thấy khó chịu. Từ đó chúng ta

---

<sup>3</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166 b27~168 a27.

<sup>4</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166b27~c2.

suy nghĩ, có rất nhiều việc chúng ta phải khéo léo xử lý, người ta chửi, đánh, chúng ta hóa giải như thế nào không làm cho tình huống xấu hơn; nhiều khi phải phòng ngừa trước tai vạ. Nếu công phu thật sâu, bất cứ ai đến chửi mắng, vẫn an nhiên vượt qua, thế thì không có vấn đề gì. Nhưng nếu như công phu còn chưa vững, lúc có nhân duyên làm cho sự việc phát sinh, phải nên chú ý không nên làm cho sự việc xấu đi.

Phật giáo dạy “nhân như thế nào, quả như thế ấy”, nên tìm cách phòng ngừa trước khi tai vạ xảy ra. Nguyên tắc cơ bản đó là quảng kết thiện duyên. Bình thường nếu không tranh phần hơn về mình, người đó có thể chịu thiệt thòi ít, thì sẽ không chịu thiệt thòi nhiều. Người chịu thiệt thòi ít, thì họ tích được âm đức, phước đức, dần tích lũy một tư lương rất tốt.

Hiện tại, chúng ta nhìn thấy tượng Bồ-tát Từ Hàng trang nghiêm, giống tượng Phật Di Lặc, nghe nói trước kia Ngài rất ốm. Lúc còn trẻ, có lần đi vệ sinh, nhưng lại quên đem giấy, vừa lúc bên cạnh có người, Ngài xin họ ít giấy. Song, người ấy đưa cho giấy đã sử dụng qua, nhưng Ngài vẫn thản nhiên sử dụng. Từ đó về sau, Ngài bắt đầu phát phước tướng. Cho nên, bình thường người chịu thiệt thòi ít thì sẽ không bị thiệt thòi nhiều. Còn người tham lợi

nhỏ, nhìn thấy trước mắt, anh ta chiếm được chút ít lợi ích, nhưng từ góc độ nhân quả của Phật giáo, thì không phải dựa vào sức lực hoặc phước đức của mình, nếu chiếm được lợi ích càng lớn, nghĩa là mắc nợ càng nhiều.

Trước kia, lúc Ngài Thánh Nghiêm ở Pháp Cổ Sơn muốn đi Nhật Bản cầu học, hòa thượng Trí Quang có khuyên vài lời: *“Thầy đi Nhật Bản cầu học, có rất nhiều người tán thán, nhưng không nên cho rằng: ‘Trước kia mình tu tập cũng khá! Phước báo nhiều, nên nhiều người ca ngợi mình’. Phải suy nghĩ ngược lại: ‘bây giờ có nhiều người ca ngợi mình, không phải trước kia mình tu tập tốt, để hưởng quả tốt đó, mà đây là những nghiệp mình mới tạo, mình mượn của mọi người. Tạo thành cái nhân ‘nợ’, tương lai phải trả quả báo đó. Không nên đảo ngược nhân thành quả’<sup>5</sup>!*

Bây giờ chúng ta được phước báo, chẳng nên dương dương tự đắc, cảm thấy trước kia mình làm rất tốt! Thật ra không phải, mà là mượn của người khác trước. Cho nên, Lão Tử từng nói “kiến giả như thâu” (tạo dựng phước đức cẩn thận như người ăn trộm). Kẻ trộm là lén lén lút lút cắp đồ, lo sợ người khác biết được; chúng ta tạo lập công đức, thì cũng phải giống như người ăn trộm.

---

<sup>5</sup> Thánh Nghiêm pháp sư “Pháp Cổ Toàn Tập” tập thứ 3, bài số 4, ‘lưu nhật kiến văn’ trang 79.



Nếu như chỉ làm một việc nhỏ mà lo người trên thế giới không biết, cố sức khoe khoan, thì đâu có bao nhiêu công đức, tích âm đức mới là phước báo chân chánh.

Cho nên chúng ta có thể tư duy từ góc độ này: vì sao người ấy đối với tôi như vậy? Có phải trước kia tôi đối với mọi người chưa tốt? Không nhất định đời này, có khi nhân duyên của nhiều đời trước tích lũy lại. Và “ta nay chịu khổ, do hành nghiệp của nhân duyên đời trước”, đó là những gì trước kia chúng ta đã làm. “Tuy không phải những gì làm trong đời này, mà là ác báo của đời trước, ta nay phải trả, nên cam chịu, không thể tránh được! Ví như mượn nợ, chủ nợ đến đòi, nên vui vẻ trả nợ, đâu thể giận được”.

Tuy nhiên có người nghĩ như vậy, nhưng vẫn cảm thấy rất khó chấp nhận. Ví như nói người trốn nợ, hoặc bỗng dưng có người đến xin tiền, cho một ít tiền và tìm cách đuổi anh ta đi rồi, nhưng không hiểu vì sao anh ta cứ thường xuyên đến? Tôi cho một ví dụ để thuyết minh: nếu như hôm qua tôi mượn bạn một trăm triệu, hôm nay ngủ dậy tôi lại chẳng nhớ, nên không trả cho bạn, nhưng bạn không quên nên tìm tôi lấy tiền, và tôi chỉ trả cho bạn hai triệu, đương nhiên bạn vẫn tiếp tục tìm tôi lấy tiền. Con người đều quên đời trước khi đầu thai, đời trước

chúng ta nợ người một trăm triệu, trải qua đầu thai lại thì quên mất, lúc chủ nợ đến đòi, tuy nhiên chúng ta trả một ít, vẫn chưa trả hết, nhưng lại tự cho rằng: “vì sao cứ đến đòi nợ hoài”? Cho nên, chúng ta phải suy nghĩ: Có thể ta chưa trả hết nợ cho người ta, tôi phải đem tâm trả nợ, vui lòng chấp nhận.

Song có người nghĩ: “làm không khéo, chúng ta trả quá số nợ thì làm sao”? Vậy thì biến thành họ nợ bạn rồi, đời sau lúc bạn cần thì có thể tìm họ mà lấy.

## 2. Người thường hành từ tâm

*“Lại nữa, người thường hành từ tâm, tuy có nã loạn bức thân, đều có thể nhẫn chịu. Giống như ông tiên trong rừng sâu, tu hạnh nhẫn nhục từ bi....”<sup>6</sup>*

Đây là câu chuyện Tiên Nhân Nhẫn Nhục, ông ta dùng tâm từ bi để chuyển hóa hận thù.

## 3. Suy nghĩ tất cả chúng sanh thường có các khổ, vì thế không muốn tăng thêm khổ

*“Lại nữa, Bồ-tát tu hành bi tâm, tất cả chúng sanh thường có các khổ: Trong thai bức trở, chịu các khổ đau; lúc sanh ra thì bức bách, xương thịt như bị phá vỡ, gió lạnh chạm thân, đau hơn dao cắt. Cho nên Phật nói:*

---

<sup>6</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c2~21.

*“trong hét thảy khổ, sanh khổ hạng nhất”. Như vậy, già, bệnh, chết khổ, đủ thứ khổ ách, thì tại sao có người lại còn làm tăng thêm khổ cho họ? Giống như chỗ mụn nhọt còn lấy dao phá hoại”<sup>7</sup>.*

Chúng sanh đều có phiền não, nhà nhà đều có cái khó của mỗi nhà. Chúng sanh có nhiều sự chống trái, chúng ta phải dùng tâm từ bi, nếu không nhẫn để hóa giải được thì thôi, không nên làm cho họ tăng thêm sự đau khổ.

#### 4. Tự nghĩ không giống như người khác

*“Tổn hại đến thì sân hận, lợi ích đến thì vui mừng”, tăng trưởng tâm đại bi, “não hại không sân hận, cung kính cúng dường không vui mừng”.*

Lại nữa, Bồ-tát tự suy nghĩ: *“Ta không giống như người khác, thường trôi theo dòng sanh tử, ta phải ngược dòng để tìm đến tận nguồn, vào đạo Niết-bàn. Đa số người phàm, bị tổn hại đến thì nổi sân, lợi ích đến thì vui mừng, gặp phải khó khăn thì sợ sệt. Ta là Bồ-tát, không thể như họ, tuy chưa đoạn kiết sử, nên tự ức chế; tu hành nhẫn nhục, bị não hại không sân giận, được cung kính cúng dường không vui mừng, các khổ gian nan không*

---

<sup>7</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c21~26.

*nên sợ sệt, hãy vì chúng sanh, hưng khởi tâm đại bi”<sup>8</sup>.*

Một số người bị cuốn trôi theo dòng sanh tử, người tu hành không nên như vậy, phải đi ngược lại, để vào đạo Niết-bàn. Phàm phu vừa gặp sân não lập tức nổi sân, đối với họ có lợi ích thì họ cảm thấy rất vui thích, nếu như làm họ cảm thấy bất an, họ lập tức lo sợ.

Tôi là Bồ-tát, không thể như vậy, tuy chưa đoạn kiết hoặc, nên tự ức chế; tu hạnh nhẫn nhục, bị não hại không sân hận, được cung kính cúng dường không vui mừng, các việc gian nan khổ nhọc không có sợ sệt; nên vì chúng sanh khởi tâm đại bi!

Bồ-tát hoặc người tu hành, muốn cầu giải thoát, không nên giống như phàm nhân. Kiết sử là phiền não, như tâm có nhiều mối kết. Tuy nhiên chúng ta chưa đoạn trừ hết phiền não, nhưng vẫn cần ức chế khắc phục, tu hạnh nhẫn nhục. Có người não hại đến, chúng ta không nên khởi sân tâm, ngược lại nếu có người cung kính, cúng dường cũng không nên đắc ý quên mình hoặc sanh tâm ái nhiễm, ngược lại chúng ta nên khởi tâm đại bi đối với người khác.

## 5. Nên nghĩ chúng sanh thường giúp chúng ta tu hạnh nhẫn, họ là thầy của ta

---

<sup>8</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 166c26~167a2.

*"Lại nữa, nếu thấy chúng sanh đến làm não loạn, nên nghĩ như thế này: Đó là người thân hậu của ta, cũng là thầy ta, nên tăng thêm lòng thương yêu, cung kính đối đãi. Vì sao vậy? Vì nếu họ không tăng thêm các sự não hại cho ta, thì ta không thành tựu nhẫn nhục. Do lẽ đó, nên nói họ là thân hậu của ta, cũng là thầy ta".<sup>9</sup>*

Đây giống như phương pháp quán giả tưởng. Trước kia lúc tôi mới học Phật, có một vị thầy dạy rằng: "Su phụ đánh con, la con, đó là cúng dường con!" Bồ-tát phải làm được những việc khó làm, nhẫn được những điều khó nhẫn, cũng cần phải mài luyện. Lúc chúng sanh đến não loạn, chúng ta phải quán tưởng: "Họ đều là thân hậu của ta và cũng là thầy ta, ta càng nên kính ái họ, nếu như họ không tăng thêm các sự khổ não cho ta, thì ta không thể thành tựu viên mãn nhẫn nhục Ba-la-mật, cho nên phải xem họ như nghịch tăng thượng duyên của ta, là thiện tri thức, là thầy của ta". Lúc mới bắt đầu đương nhiên là không dễ dàng gì, nhưng phải từ từ luyện tập thêm.

6. Nhớ nghĩ chúng sanh đã từng nhiều đời làm quyến thuộc của nhau

*"Lại nữa, Bồ-tát nên biết, như Phật từng dạy: "Chúng*

---

<sup>9</sup> "Đại Trí Độ Luận" quyển 14, Đại Chánh tập 25, 167a2-6.

*sanh vô thi, thế giới vô biên, qua lại năm đường, luân hồi vô lượng. Ta cũng từng làm cha mẹ anh em của chúng sanh; chúng sanh cũng từng làm cha mẹ anh em của ta, tương lai cũng vậy. Lấy đó mà suy, không nên ác tâm ôm lòng sân hận”<sup>10</sup>.*

Các chúng sanh này từ vô thi kiếp từng làm cha mẹ, anh em, con ta. Bây giờ chúng ta đối với họ tốt, tương lai họ còn có thể báo đáp bạn; bây giờ bạn đối với họ không tốt, tương lai họ sẽ đem những điều không hay đến trả lại bạn. Vì vậy, không nên ôm lòng sân hận với họ.

**7. Nhớ nghĩ trong chúng sanh có Phật tánh, nếu đối với họ sân hận, thì sân hận đức Phật**

*Lại nữa, suy nghĩ trong hàng chúng sanh, có rất nhiều hạt giống Phật, nếu ta đem ý sân hận đến họ, tức là sân hận đức Phật; nếu ta sân hận đức Phật, thì không còn gì để bàn! Như truyện nói: “chim bồ câu sẽ được làm Phật”, nay tuy là loài gia cầm, cũng không thể khinh được.<sup>11</sup>*

Từ phần thứ 7 đến phần thứ 9, đều có liên quan đến tâm sân hận.

Ý ở đây muốn nói: “theo quan điểm của Phật Giáo, mỗi chúng sanh đều có khả năng thành Phật, nếu như bạn

---

<sup>10</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a6~10.

<sup>11</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a10~13.

sân giận với họ, thì cũng giống như bạn khởi tâm sân giận với Đức Phật. Nếu như tương lai họ thành Phật trước, nhưng chúng ta từng kết ác duyên với họ, thì rất khó học hỏi với họ, họ muốn độ chúng ta cũng không dễ. Ngược lại nếu chúng ta thành Phật trước, cũng khó độ họ.

Trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” của Bồ-tát Long Thọ có nói đến: “Chúng ta không nên đánh lừa chư Phật. Có rất nhiều người trước Phật phát nguyện “Tôi muốn thực hiện như thế này, thực hiện như thế nọ ...”, nhưng những gì họ làm thì không như vậy. Kỳ thật, Đức Phật là nhất thiết chủng trí, bạn muốn giả dối cũng không thể làm được. Như thế nào gọi là giả dối chư Phật? Bồ-tát Long Thọ dạy: giả dối chúng sanh tức là giả dối chư Phật. Điều này có hai ý nghĩa:

(1) Tất cả chúng sanh đều là đối tượng Đức Phật hóa độ, nếu dối chúng sanh, đó không phải là chúng ta đang xướng lên điệu hát ngược với Phật sao? Đức Phật muốn hóa độ chúng sanh, chúng ta không hỗ trợ Ngài thì thôi, tại sao lại làm như thế? Như vậy Phật sẽ không vui đâu.

(2) Chúng ta muốn kết ác duyên với họ, tương lai không cần biết ai độ cho ai, đều bị chướng ngại.

8. Nhớ nghĩ các loại phiền não tâm sân hận nặng nhất, các loại quả báo bất thiện, quả báo do tâm

sân hận gây nên là nặng nhất

*Trong tất cả những phiền não, tâm sân hận là lớn nhất, không chỉ kết ác duyên với mọi người, mà tất cả những công đức đều có thể vì đó bị diệt mất. Trong tất cả những quả báo bất thiện, quả báo do tâm sân hận lớn nhất, những phiền não khác không có gì nặng như sân giận.<sup>12</sup>*

Bồ-tát nên suy nghĩ như thế này: “Tôi muốn thực hành từ bi, vì lợi ích cho chúng sanh. Giận là tổn hoại mất mọi điều thiện, tiêu hủy tất cả. Chúng ta muốn tích lũy công đức đã không dễ dàng rồi, nếu như lại tạo sân giận, thì đến bao giờ công đức mới viên mãn? Muốn công đức viên mãn, thì cho đến một chỗ khiếm khuyết nhỏ cũng phải bù đắp, huống chi sân giận sẽ làm cho phước đức của mình tiêu tổn hết.

9. Chư Phật và Bồ-tát lấy đại bi làm gốc, sân giận là thứ độc tiêu diệt đại bi

*Lại nữa, chư Phật Bồ-tát lấy đại bi làm gốc, do đại bi mà ra; sân giận là thứ độc hại tiêu diệt đại bi, đặc biệt không hợp nhau, nếu gốc đại bi bị hủy hoại, thì không thể gọi là Bồ-tát? Bồ-tát từ đâu mà ra? Vì lẽ đó nên tu nhĩn nhục.<sup>13</sup>*

---

<sup>12</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a13-26.

<sup>13</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167a26-b2.



Nếu chúng sanh gây thêm các sự sân não cho mình, thì hãy nghĩ đến công đức của họ. Hiện chúng sanh này đang bị sai lầm, song vẫn còn có các việc tốt khác, vì vậy không nên sân giận.

Đây cũng phương thức thực hành quán giả tưởng, nghĩa là không có một người nào xấu toàn bộ; dù như thế nào đi nữa họ cũng có phần tốt, cho đến bản thân chúng ta cũng có tốt có xấu, không phải toàn là thuần nhất tốt đẹp mà không có cái xấu ác. Cho nên khi chúng sanh đối với ta không tốt, chúng ta phải nghĩ như thế này: “người ấy còn có nhiều điều tốt!” Không nên chỉ vì một người có gì đó chưa viên mãn, thì phủ nhận hết những điểm tốt của họ, như vậy là kết oán với họ mất.

Không có người hoàn mỹ, mỗi người đều có khuyết điểm. Trước kia em gái tôi có nói: “Như thế nào là tròn 100 điểm? 38 cộng thêm 49, ngoài ra phải cộng thêm 13 mới tròn 100 điểm”. Nếu như chúng ta dựa vào những ưu điểm của người khác mà học hỏi, tiếp thu, thì có thể biết được rất nhiều điều hay. Chúng ta không nên dùng kính phóng đại mà nhìn khuyết điểm, tìm điều chưa vẹn toàn của người khác; cuộc sống vốn dĩ đã khó khăn rồi, việc gì bản thân mình lại gây khó khăn nữa? Cho nên phải thường xuyên quan sát đức tính tốt của chúng sanh.

10. Nghĩ người khác rèn luyện mình, như thợ luyện vàng, cẩu bản đi theo lửa, chỉ còn vàng ròng

*Lại nữa, nếu người đó đánh ta, chửi ta, ấy là tại ta. Ví như thợ luyện vàng, cẩu bản ra đi theo lửa, chỉ có vàng thật ở lại. Đây cũng giống như vậy, nếu ta có tội, ấy là do nhân duyên đời trước, nay phải đền trả, không nên sân hận, nên tu nhĩn nhục!*<sup>14</sup>

Đây là nói đem sự nã hại của chúng sanh đối với chúng ta, nên nghĩ họ đang cúng dường, mài dũa ta giống như luyện kim, mỗi người chúng ta cũng cần phải chịu sự tội luyện mới thành vật hữu dụng.

11. Nguyện của Bồ-tát là muốn chúng sanh an vui

*Lại nữa, Bồ-tát thường nghĩ chúng sanh như con thơ. Người ở cõi Diêm-phù-đề nhiều các ưu sầu, ít có ngày vui, nếu có đến mắng nhiếc hoặc gièm pha mà tâm họ hoan lạc, cái vui đó khó được, để mặc cho người mắng, vì sao vậy? Vì ta vốn phát tâm muốn làm cho chúng sanh hoan hỷ.*<sup>15</sup>

Bồ-tát phát nguyện muốn cứu độ chúng sanh, xem như

---

<sup>14</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b2–b5.

<sup>15</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b5–9.

con mình. Là người ai cũng có lòng trắc ẩn, ít nhiều lòng từ bi, chẳng qua chúng sanh vì chấp trước, cho nên sinh nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, cách biệt giữa mình và người. Đối với một người mình thích, bỏ ra bao nhiêu công sức cũng không sao, giống như cha mẹ vì con đến hy sinh thân mạng đâu tiếc nuôi, nhưng đối với con của người khác, thì tuyệt đối không có chuyện đó xảy ra. Hoặc giống như khi chúng ta xem phim chiến tranh, cảm thấy đánh không được hấp dẫn lắm, nhưng nếu bạn là người trong cuộc, chắc có lẽ sẽ không cảm thấy như vậy, nên dùng tấm lòng đối với tấm lòng.

Làm thế nào vượt qua để đạt được điều đó? Ngoài việc bồi dưỡng tâm từ ra, chủ yếu là phải phá ngã chấp, tu quán ngã Không, nhân Không, chúng sanh Không. Nên giống như Bồ-tát Quán Thế Âm đem lòng từ bi bình đẳng với tất cả chúng sanh.

## 12. Nghĩ chúng sanh bị bệnh, cái chết theo sát, nên tăng thêm lòng từ bi

*Lại nữa, chúng sanh ở thế gian, bị các bệnh tật bức nã, lại bị giặc chết chực chờ, ví như oan gia thường rình chờ sơ hở; làm sao người thiện không thương xót mà còn muốn gây thêm nỗi khổ cho họ? Khổ chưa tới người mà mình đã chịu hại trước. Suy nghĩ như vậy, không nên*

*giận họ, nên tu nhĩn nhục.*<sup>16</sup>

Vì chúng sanh chịu sanh lão bệnh tử, có chúng sanh thân đã khổ, tâm cũng khổ, lại không biết đạo tu hành, không hiểu rõ lý vô thường, không biết giặc chết thường bên cạnh rình chờ. Do đó, Bồ-tát hoặc người biết tu hành, không nên gia tăng sự khổ cho chúng sanh, vì vậy không nên sân giận họ mà nên tu nhĩn nhục.

### 13. Suy nghĩ tội lỗi của sân nhuế vô cùng sâu nặng

*Lại nữa, nên suy nghĩ tội lỗi của sân nhuế vô cùng sâu nặng ... Khó trị nhất trong các tâm bệnh. Người sân nhuế, không biết như thế nào là thiện ác, tội và phước, lợi hại, không tự nhớ nghĩ, sẽ bị đọa địa ngục! Quên mất thiện ngôn, không tiếc danh xưng, không biết người khác phiền não, không kể thân tâm mình mệt nhọc, phiền não; sân giận làm che mắt trí tuệ, chuyên làm não hại người khác. Như tiên nhân có ngũ thông, vì lòng sân nhuế, tuy tu tịnh hạnh, mà giết hại một nước Chiên-đà-la.*<sup>17</sup>

Một số thần thông có thể là hiện tượng thần bí, đối với Phật giáo, thần thông lấy thiền định làm cơ sở, cần phải có thiền định mới có thần thông. Ở đây trình bày sơ lược

---

<sup>16</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 15, trang 167b9~13.

<sup>17</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b13~20.

câu chuyện Tiên Nhân ngũ thông.

Tiên nhân ngũ thông là một người tu hành ngoại đạo, chưa đạt được lậu tận thông. Lúc tu hành, có người ném phân lên người, Ông vẫn nghĩ: “Không có vấn đề gì, ném phân là chuyện của họ, ngồi thiền là chuyện của tôi”. Nhưng người kia sau khi thấy vậy, lại tiếp tục ném phân lên người Tiên nhân. Ông chịu không nổi nữa, liền sanh khởi tâm sân hận, hiện thân thông hủy diệt thân đó. Kinh văn có nói: “Vì sân nhuế, tuy tu tịnh hạnh, sát hại một nước như Chiên-đà-la”, thì giống như sát hại nô lệ, tiện nhân vậy.

Ngoài ra có câu chuyện nói: “khi Tiên nhân ngũ thông ngồi thiền ở dưới gốc cây, thì có chim đến nhiều loạn, lúc đến bờ sông ngồi thiền, lại có các thứ cá đến náo loạn. Không có thân thông còn được, nhưng người có thân thông một khi sân tâm khởi lên, thì sức phá hoại vô cùng to lớn.

14. Người sân nhuế, người khác không muốn gặp, người tích lũy tâm sân giận, thậm chí không tiếp nhận lời Phật dạy

*Lại nữa, người sân nhuế, giống như hổ sói, khó thể ở chung. Lại như mụn độc, dễ phát, dễ hoại. Người sân nhuế, giống như rắn độc, không ai ưa thấy. Người chứa*

*tánh giận, tâm ác lớn dần, đến việc không thể đến, như giết cha, giết vua, ác ý đối với Phật. Như chúng Tỳ-kheo ở nước Câu-diệm-di, vì nhân duyên nhỏ, tâm sân hận lớn dần, chia thành hai nhóm ... Tội lỗi của sân giận như vậy, thậm chí không tiếp nhận lời Phật. Vì lẽ đó nên phải trừ sân hận, tu hạnh nhẫn nhục.*<sup>18</sup>

Trong “Tứ Phần Luật” có câu chuyện: “Đức Phật hy vọng Tăng đoàn có thể hòa hợp, nếu không hòa hợp là một sự bất hạnh cho Phật giáo, các người cư sĩ cũng không nên “thêm dầu vào lửa” đối với chúng Tỳ-kheo. Tốt nhất là hộ trì một cách bình đẳng. Cho nên, lúc Tăng đoàn bắt đầu phân hóa, có cư sĩ cảm thấy khó xử: “Rốt cuộc thì tôi phải hộ trì bên nào mới đúng”? Do đó bèn thỉnh giáo Thế Tôn. Ngài dạy: “Tăng đoàn giống như cây bằng vàng, nếu như bất hạnh phân thành hai hoặc ba đoạn, mỗi đoạn cũng đều là vàng, cho nên hy vọng các cư sĩ đều bình đẳng hộ trì, không nên gây chia rẽ”.

Cho nên, người có tâm sân hận, thì đối với người có ân với mình, không kể là cha mẹ, thầy tổ, ân nhân đê bạt công việc của mình, nhưng khi tâm sân hận khởi lên, thì quên ân phụ nghĩa, quả báo này đương nhiên rất nặng.

## 15. Tu nhẫn nhục để thành tựu từ bi, để thành

---

<sup>18</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167b20~c8.

## tự Phậ đạo

*Lại nữa, tu đượ nhẫ nhục, thì từ bi dễ thành tự; người thành tự đượ từ bi, thì đượ đượ Phậ đạo.*<sup>19</sup>

16. Thà bị người thiếu trí huệ khinh thị, không để cho Thánh hiền chê trách

Điều này nói rất có lý! Ở phần dưới sẽ sử dụng phương pháp vấn đáp để giải thích rõ:

*Hỏi: Phương thức tu nhẫ nhục rất tốt, nhưng có một chuyện chưa thỏa đáng: kẻ tiểu nhân khinh mạn, coi mình sợ họ; bởi vì điều này, nên không thể nhẫ.*<sup>20</sup>

Câu đó muốn nói: “Bạn nói pháp tu nhẫ nhục tuy rất có ích, song có một chuyện mà tôi không thể nghĩ tường tận. Nếu như bạn cứ tu nhẫ nhục như vậy, làm cho người khác cảm thấy bạn là người nhát gan, không có chí khí, sẽ bị kẻ tiểu nhân khinh chê, vì họ cho bạn sợ họ. Bởi vậy, lúc đó bạn không nên tu nhẫ nhục nữa”.

Trả lời: Nếu lý do vì kẻ tiểu nhân khinh chê, coi mình sợ họ mà không muốn nhẫ, nhưng tội do không nhẫ gây ra còn lớn hơn đó! Tại vì sao vậy? Người không tu nhẫ, bị Thánh hiền người tốt chê cười; người tu nhẫ, bị kẻ tiểu nhân khinh mạn; trong hai điều đó, thà bị người

<sup>19</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c9~17.

<sup>20</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c9~17.

thiếu trí tuệ khinh thị, không để cho Thánh hiền chê trách. Tại sao vậy? Người thiếu trí tuệ, khinh điều không đáng khinh, còn Thánh nhân, cười điều đáng cười. Bởi vì như vậy, nên tu nhẫn nhục.

Bồ-tát Long Thọ trả lời: “Nếu lý do vì kẻ tiểu nhân khinh chê, coi mình sợ họ mà không muốn nhẫn, nhưng tội do không nhẫn gây ra còn lớn hơn đó”. Nếu bạn nhẫn nhục, thì họ chỉ cười bạn là người không có chí khí thôi, song nếu lúc bạn không nhẫn, thì tội lỗi tạo ra sẽ lớn hơn nhiều. Tại sao như vậy? “Người không tu nhẫn, bị Thánh hiền người tốt chê cười”. Nếu như chúng ta khởi lên tâm sân hận, không có tu hành nhẫn nhục, bậc Thánh hiền chê cười bạn. Bởi vì tu hành vốn là phải tu nhẫn nhục, nhưng vì một việc nhỏ mà không nhẫn, thì sẽ bị chê cười.

Nếu như có thể an nhẫn, các bậc Thánh khen ngợi, sẽ khinh những người tiểu nhân coi thường bạn. Bất luận bạn có tu nhẫn nhục hay không, đều có người khinh thường bạn, nên bạn tự quyết định để cho người nào khinh thường mình. Để kẻ tiểu nhân khinh thường thì không có vấn đề gì, bạn không nên có sự hiểu biết như họ. Tuyệt đối không nên làm những hành vi không hợp đạo đức, như vậy không những tổn hại phước đức của mình, mà còn khiến cho Thánh nhân coi thường. Nếu để cho



người coi thường, thì bạn sẽ chọn hạng người nào? Cho nên chỉ có tu nhẫn nhục thôi! Tu nhẫn nhục, là điều Thánh nhân tán thán, dù đó bị những kẻ tiểu nhân hủy báng thì cũng chẳng đáng gì, bởi vì họ là người thiếu đạo đức mà! Những kẻ tiểu nhân không có trí tuệ, họ khinh thị những điều không đáng khinh thị; nhưng bậc Thánh hiền có trí tuệ, họ khinh tiện những người tiểu nhân đáng khinh tiện, cho nên chúng ta phải tu nhẫn nhục.

Quán tướng như vậy rất là tốt, nếu như bạn sợ người khác cười bạn không có chí khí, bạn có thể suy nghĩ như trên!

### 17. Người tu nhẫn nhục, thường sanh lên trời

*Lại nữa, người tu nhẫn nhục, tuy không thực hành bố thí, thiền định, lại thường được công đức vi diệu, tương lai được sanh cõi trời, cõi người, sau được thành Phật đạo. Tại vì sao vậy? Vì tâm nhu nhuyễn.<sup>21</sup>*

Bởi vì tu nhẫn nhục, điều phục tâm nhu nhuyễn, nên có vô lượng công đức.

### 18. Không tu nhẫn nhục, thường đọa vào đường ác

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Đời nay người bức nã, hủy*

---

<sup>21</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c17~19.

*nhục, đoạt lợi, khinh mắng, trói buộc, ta đều phải nhẫn. Nếu ta không nhẫn, sẽ đọa địa ngục, thành sắt đất nóng, chịu vô lượng khổ, đốt, nướng, sấy, nấu, không thể nói hết! Do đó nên biết, tuy bị kẻ tiểu nhân vô trí khinh mà quý, nếu không nhẫn mà dương oai, tuy vui mà hèn. Thế nên Bồ-tát phải tu nhẫn nhục”.*<sup>22</sup>

Có một số tiểu nhân không biết phân biệt phải trái không có trí huệ, hay khinh thường người khác; Bồ-tát tuy bị tiểu nhân khinh thường, nhưng như thế càng tăng thêm sự tôn quý của Bồ-tát. Ngược lại, nếu như chúng ta không tu nhẫn nhục, mà dùng các loại uy thế khiến người khác không thể xâm phạm được, tuy có thể biểu hiện vui thích trong phút chốc, nhưng lại lộ ra sự thấp hèn của bản thân, cho nên Bồ-tát phải tu nhẫn nhục.

19. Nghĩ chúng sanh vì sân hận não hại, nên dùng phương tiện đối trị, không nên hiềm trách

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta ban đầu phát tâm thế nguyện vì chúng sanh, trị tâm bệnh cho họ. Nay chúng sanh bị sân nhuế kiết sử, ta hãy trị bệnh đó, có sao mình lại sanh bệnh đó? Hãy nên nhẫn nhục?”*<sup>23</sup>

Bồ-tát ban đầu phát tâm không chỉ điều phục tâm tánh

---

<sup>22</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c19~24.

<sup>23</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 167c24~a2.

của mình, còn hy vọng giúp đỡ chúng sanh. Kiết và sử đều là tên gọi của phiền não. Chúng sanh đều bị phiền não của sân nhuế trói buộc dắt dẫn, chúng ta nên giúp họ hóa giải mới đúng; không nên vốn dĩ vì độ người, nhưng lại nổi tâm sân hận đối với người.

Giống như vị thầy thuốc trị các bệnh, nếu như gặp bệnh quý nhập, rút đao mắng nhiếc, không biết phân biệt tốt xấu, thầy thuốc biết bệnh, chỉ vì trị bệnh chứ không sân nhuế.

Bồ-tát nếu bị chúng sanh sân não chửi mắng, biết vì họ bị các phiền não sân nhuế sai khiến, cuồng tâm sai sử, thì phải khéo léo chữa trị, không nên hiềm trách, cũng như vậy.

Nếu người mắc phải bệnh quý ám, thân không do mình làm chủ nữa, thầy thuốc nên đem lòng từ bi trị bệnh, chẳng nên đối với các hành vi không hợp lý của họ mà sinh khởi tâm sân hận.

Nếu Bồ-tát bị chúng sanh sân não chửi đánh, nên thông cảm là vì họ bị các phiền não trói buộc, bị tâm cuồng điên sai sử, Bồ-tát dùng các phương tiện trị liệu cho họ, không nên hiềm trách.

20. Bồ-tát thương yêu chúng sanh như con, vì còn trẻ thơ, tuy có lỗi lầm nhưng không vì đó mà

sân giận.

*Lại nữa, Bồ-tát nuôi dưỡng hết thầy, thương yêu như con; nếu có chúng sanh đến não hại Bồ-tát, Bồ-tát thương mà không giận, không trách. Giống như cha lành nuôi dưỡng con cháu, con cháu thơ dại chưa có biết gì, hoặc có khi mắng nhiếc, đánh đập, không kính, không sợ, cha vẫn thương nó nhỏ dại, càng thương yêu hơn. Tuy có tội lỗi, không giận, không buồn. Bồ-tát nhẫn nhục cũng như vậy.*<sup>24</sup>

Bồ-tát thương yêu tất cả chúng sanh, giống như cha mẹ thương yêu con thơ. Con thơ chưa hiểu, nói lời thiếu suy nghĩ, có lúc không kính cha mẹ, mạo phạm bậc trưởng bối. Cha mẹ thương con nhỏ dại, khoan dung tha thứ lỗi lầm. Bồ-tát thương yêu chúng sanh cũng như vậy, chúng sanh tuy có làm lỗi, nhưng không nên trách móc với họ làm gì.

21. Nếu không nhẫn đời này khổ, đời sau đọa ác đạo khổ càng nhiều.

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu chúng sanh đem sân não đến cho ta, ta nên nhẫn nhục. Nếu chúng ta không nhẫn, thì đời này tâm hối hận, đời sau vào địa ngục, chịu rất nhiều khổ đau. Nếu sanh trong hàng súc sanh thì làm*

---

<sup>24</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a2-7.

*ròng độc, rắn dữ, sư tử, cọp, sói. Nếu làm ngựa quý, thì lửa từ miệng tuôn ra. Thí như người bị lửa đốt, khi đốt đau nhẹ, sau đó chuyển nặng”.*<sup>25</sup>

Có thể Bồ-tát Long Thọ đã từng bị lửa bỏng, nên rất có kinh nghiệm. Câu văn “lúc bị lửa đốt đau nhẹ, sau chuyển thành nặng” là đang ví dụ, đời này chúng ta phiền muộn hồi hận, đó cũng chỉ là chuyện nhỏ. Nếu như chúng ta không tu nhẫn nhục mà khởi tâm sân hận, đọa vào ba đường ác, chịu khổ càng thêm nặng.

## 22. Nếu không tu nhẫn nhục, thì không gọi là Bồ-tát

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta là Bồ-tát, muốn làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu ta không thể nhẫn, thì không gọi là Bồ-tát, mà gọi là người xấu”.*<sup>26</sup>

Nếu như không tu nhẫn nhục, thì không thể xưng là Bồ-tát. Không gọi là Bồ-tát thì so với người bình thường không có gì khác, mà là người xấu.

## 23. Ban đầu phát tâm thệ nguyện vì hết thảy chúng sanh, vì sao khởi tâm sân giận

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Trong đời có hai loại: Một là chúng sanh, hai là không phải chúng sanh. Ta ban đầu*

<sup>25</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a7~11.

<sup>26</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a11~13.

*phát tâm, thệ nguyện vì hết thấy chúng sanh. Nếu có những loại không phải chúng sanh như: núi đá, cây cỏ, gió rét, lạnh nóng, nước, mưa xâm hại, thì chỉ lo chế ngự, không chút sân nhuế. Nay những chúng sanh này chính ta vì họ, họ đem điều xấu đến ta, ta nên nhẫn chịu, tại sao lại sân”?*<sup>27</sup>

Bồ-tát ban đầu phát tâm là vì độ hết thấy chúng sanh, cho nên không được khởi tâm sân giận. Thế gian có thể phân làm hai loại “chúng sanh có tình thức” và “chúng sanh không có tình thức”, những vật vô tình như gió rét, lạnh nóng v.v.. Cũng là nói đừng oán trời trách người, giận thời tiết lạnh nóng, Bồ-tát đối với những điều như thế phải an nhẫn.

#### 24. Biết chúng sanh vì nhân duyên giả hợp, đâu có ai để giận

*Lại nữa, Bồ-tát biết từ trước đến nay, do nhân duyên hòa hợp, giả đặt tên là người, không thật có con người độc lập, thì có ai để giận? Trong đó chỉ có xương máu, da thịt, giống như bờ gạch, lại như người gỗ, do máy móc động tác mà có đi có lại. Biết rõ như vậy, không nên có sân hận, nếu ta sân hận, thì là ngu si, tự chịu tội khổ. Vì lẽ*

---

<sup>27</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a13~17.

đó, nên tu nhẫn nhục.<sup>28</sup>

Đây là chúng ta dùng trí huệ để tu tập quán Không, chúng sanh Không. Bồ-tát không nhẫn chịu được, là bởi vì còn có chúng sanh tướng, thấy người này như thế này, người kia như thế kia, thường hay phát sinh các nhận xét, cách nhìn khác nhau. Lúc này, nên có sự quan sát sâu sắc: “Từ trước đến nay, nhân duyên hòa hợp, giả đặt tên là người”, do vô số nhân duyên tụ hợp như: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chẳng qua là giả tướng, một lớp da bao bọc mà thôi. Nếu lột bỏ lớp da này, thì có gì phân biệt đâu là đẹp xấu? Tiến thêm bước quán chúng sanh Không.

25. Chư vị Bồ-tát đều trước tiên tu “sanh nhẫn”, kế đến tu “pháp nhẫn”, sau đó mới thành Phật

*Lại nữa, Bồ-tát suy nghĩ: “Vô lượng hằng hà sa số chư Phật thời quá khứ, lúc hành Bồ-tát đạo, đều trước hết thực hành “sanh nhẫn”, sau mới tu “pháp nhẫn”.*<sup>29</sup>

“Sanh nhẫn” tức là chúng sanh nhẫn, chúng ta phải tu nhẫn nhục với mọi sự khinh nhục, hủy báng, thậm chí họ đối với mình đặc biệt tốt, đặc biệt cung kính, tuyệt đối là những gì có thể hấp dẫn mình, không nên sinh tâm ái nhiễm. Đối với những tâm ái nhiễm như vậy, “Đại Trí Độ

<sup>28</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a15~22.

<sup>29</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 14, Đại Chánh tập 25, trang 168a22~27.

Luận” gọi đó là “giặc nhu nhuẩn”, không chỉ có nước muối mà nước đường cũng làm cho sắt rỉ vậy.

“Nay cầu học Phật, nên như các pháp của Phật; không nên khởi tâm sân nhuế, như pháp của cảnh giới ma. Vì vậy phải tu nhĩn nhục”.

Nếu như chúng ta khởi tâm sân hận, thì so với ma có khác gì. Chúng ta muốn học pháp của Phật, chứ không phải học pháp của ma. Cho nên phải tu nhĩn nhục.

Dưới đây có câu nói này tôi rất thích, cùng chia sẻ với mọi người!

“Sự thông minh tài trí của con người, phần nhiều không dùng để trách chính mình, mà dùng để trách người khác; phần nhiều không dùng tập hợp phát huy các ưu điểm, mà dùng để che giấu khuyết điểm của chính mình”.

Câu nói này tôi rất thích! Người rất thông minh nhưng thường dùng sai phương hướng, không dùng để phản tỉnh chính mình, mà thường dùng để trách người khác. Nếu như chuyên đổi phương hướng “việc làm có khi không được kết quả, nên tự trách bản thân mình”, trên thực tế có thể cải thiện được rất nhiều chỗ. Nếu đem sự thông minh ấy dùng để tích tập các sở trường, đem sở trường của mỗi người thu thập lại, sau khi tích lũy được nhiều rồi, thì bạn rất giàu có, công đức viên mãn rồi. Nhưng người thông



minh thường dùng để che giấu lỗi lầm của mình, dùng vô số thủ đoạn khéo léo để che giấu, không muốn người khác biết, đây giống như đem một vật hôi thối gói chặt trong hộp, niêm phong lại, thế thì càng lâu càng hôi, không biến thành thơm được.

Thường nói “trung ngôn nghịch nhĩ” nếu như chúng ta muốn các phương diện đều có thể tiến bộ, không kể là trí thức hoặc tài năng v.v... Bởi vì chính mình nhất định có quá nhiều điểm chưa tròn vẹn, cho nên phải nhớ kỹ sự chỉ bày của thiện tri thức. Muốn chính mình trưởng thành thì phải có hai điều kiện: thứ nhất là năng lực phản tỉnh lớn, thậm chí không có thầy dạy cũng hiểu được; thứ hai là nhờ sự giúp đỡ bên ngoài của thiện tri thức. Khi sức phản tỉnh của mình không mạnh, năng lực không tốt, không có thầy thì không thông hiểu được, đương nhiên nhờ đến sự giúp sức của thiện tri thức. Cho nên, nếu như có người đến khuyên bảo, thì chúng ta cảm kích họ còn không hết, chứ lại bảo “bạn dựa vào tư cách gì mà nói tôi”.

Cho nên, chúng ta không ngại đem sự thông minh tài trí của mình dùng cho chính mình, tự trách không trách người; dùng để tích tập sở trường, có lỗi lầm thì lập tức sám hối, thì quả báo xấu mới không tăng trưởng thêm. Có

lúc lời nói thật hay nhưng làm người nghe chướng tai, cảm thấy rất khó chịu, lúc ấy suy nghĩ câu nói này.

“Người nói lỗi của ta, chẳng phải đều là người không có lỗi, nếu tìm người không có lỗi mới đủ tư cách chỉ trách mình, thì suốt đời không nghe được vậy!”

Khi người khác chỉ cho chúng ta biết lỗi lầm của mình, nếu như họ dùng thái độ vô cùng hòa nhã, chúng ta còn có thể tiếp nhận. Nếu như họ dùng phương pháp thật gay gắt, hoặc giữa đám đông nói những điều không đúng của chúng ta, thì tự mình cảm thấy mất mặt, vô cùng khó chịu, có thể sẽ xuất hiện một ý nghĩ tự an ủi: “Nếu như tôi xấu như vậy, thế thì họ tốt đến mức độ nào? Hay là kẻ bốn chín người năm mươi”. Nhưng nếu muốn mình tiến bộ, không nên suy nghĩ diễn dịch miễn cưỡng như vậy. Nếu như yêu cầu một người hoàn toàn không có lỗi làm đến khuyên nhủ, thế thì đời này không có người đủ tư cách đến khuyên rỗi. Chúng ta là hàng Thánh ở cõi trời nào hạ sanh xuống đây? Muốn tìm một người hoàn toàn không có lỗi làm đến nhắc nhở bạn, thì người như thế không những khó tìm, mà bạn cũng chẳng có đủ phước đức gặp? Cho nên, chúng ta phải cảm niệm sự khuyên bảo của người khác. Nếu như có lợi ích đối với mình, lời họ nói đều là chân thành, thì chúng ta nên ghi nhớ ứng dụng.

Cho dù họ là người có lỗi làm hay không đó là một chuyện khác.

“Dùng gương để soi thấy dung nhan, dùng tâm để quán chiếu tốt xấu”.

Nhìn vào gương thấy được dung nhan của chúng ta như thế nào. Có người thích coi bói số, đoán mạng, đó là sự hiếu kỳ của con người đối với tương lai, hoặc trước kia mình đã từng làm những chuyện không tốt, nên đi xem coi tương lai mình có bị quả báo hay không, chỉ là một loại tâm lý bất an nên muốn biết trước sự việc. Kỳ thật, muốn biết tốt xấu một cách chân chính, thì hỏi lòng mình là rõ ràng nhất, không cần hỏi người khác.

Muốn tốt, thì tâm phải thanh tịnh, vốn dĩ sự việc lúc không thành công, thì nên tự trách mình. Nếu như sau khi soi gương, không vừa ý người trong gương, nổi giận với người ấy, hoặc trách gương lời lỗm không bằng, như thế thì có ích gì? Phật giáo giảng “nhân như thế nào, quả như thế ấy”, phải thay đổi từ căn bản nhân duyên của nó.

“Đuổi giặc ở trên núi dễ, trừ giặc ở trong tâm khó”

Có người nói: “Học Phật tâm tốt là được, việc gì phải ăn chay, làm điều thiện?” Kỳ thật, muốn tâm tốt rất khó. Một số người trước mặt nhiều người không dám làm việc xấu, thân miệng biểu hiện giống như một người chánh

nhân quân tử, như thế cũng rất dễ làm, nhưng muốn làm cho được toàn tâm không có tạp niệm vọng tưởng, mỗi một niệm đều là thiện niệm thì mới khó. Cho nên, muốn trừ giặc trên núi dễ, ngược lại trừ giặc trong tâm khó, cần phải áp dụng đến giới, định và tuệ.

“Một ngọn lửa vô minh, đốt sạch rừng công đức”.

“Ba năm đốn củi, một ngày đốt ra tro”.

Chúng ta tốt nhất là học Bồ-tát Di Lặc, “bụng lớn năng dung, dung hết mọi chuyện trong nhân gian; mặt đầy hoan hỷ, cười tan nỗi buồn xưa nay của thiên hạ”. Nụ cười có thể hóa giải được rất nhiều ưu buồn.

Dưới đây có thể quy nạp lại. Chúng ta làm bất cứ việc gì, không nên chỉ suy nghĩ đến cái lợi trước mắt, mà phải suy tính đến quả báo sau này. “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”, một số người lo sợ sau này họ nhận những quả báo xấu, Bồ-tát lo sợ họ gieo những nhân xấu, bởi vì Bồ-tát biết gieo nhân xấu gì thì nhất định sẽ có quả xấu đó. Đôi khi, chúng ta xem Kinh Phật, cứ nghĩ không thừa nhận nhân quả là của ngoại đạo, kỳ thật tự phản tỉnh: chúng ta gieo một nhân không tốt, rồi lúc nào cũng trốn chạy, có lúc tồn tại một loại tâm lý kiêu hãnh “có lẽ quả báo xấu sẽ không đến”. Nghiêm túc mà nói, lối suy nghĩ không thừa nhận nhân quả, sự thật thì so với tà kiến của

ngoại đạo chẳng có gì khác biệt. Cho nên, không xem nhẹ nhân quả, chúng ta xem chính mình đã làm loại hành vi gì, nó sẽ dẫn đến rất nhiều hậu quả. Nhân duyên thay đổi rất nhanh chóng, chúng ta nên suy nghĩ tự mình đã tạo nhân sân hận, tương lai sẽ nảy sinh quả xấu đó. Nếu như cố gắng chuyển đổi, cho đến thể nghiệm một cách triệt để lý vô thường, vô ngã trong Phật pháp, mới có thể hiểu rõ thật tướng của các pháp, hiểu rõ chân tướng, trạng thái quy luật của nhân quả mà tránh đi những nguyên nhân gây quả báo xấu.

Phiền não có hai loại “Kiến hoặc” và “Tu hoặc”. “Kiến hoặc” thuộc về vấn đề quan niệm của chúng ta; “Tu hoặc” là vấn đề thuộc về ý chí hoặc tình cảm. Ví như có người biết rằng hút thuốc sẽ tổn thương đến phổi, uống rượu sẽ tổn thương gan, bác sĩ đối với những kiến thức thông thường đó biết rõ hơn ai hết, nhưng có một số bác sĩ không cai được thuốc, đây là ý chí không đủ kiên cường. Cho nên, khi chúng ta xem xét sự việc hoặc gặp phải những điều không như ý, là “tôi biết, tôi biết”, nhưng biết rõ mà cố phạm. Đây đúng là “biết thì sâu, mà hành thì cạn”, có người biết không nhiều, cho nên thực hành cũng không kỹ. Bạn nói bạn biết, nhưng thực tế là bạn biết chưa nhiều, cho nên về phần kiến thức phải bổ sung thêm. Có người tuy hiểu rõ, nhưng trên vấn đề tình

cảm, ý chí dưỡng thành một thói quen, phải lập tức dừng ngay. Thông thường chúng ta biết rõ nhưng vẫn cố phạm, đó là một thói quen không tốt. Muốn đổi trị các tập khí xấu, thì phải cố gắng đến cùng, nên dùng những thói quen tốt chuyển hóa những thói quen xấu. Cho nên “giới” có nghĩa “thi-la” tức là thói quen tốt, đó mới là giới thể. “Thi-la” là thói quen, nên biến thói quen thành tự nhiên.

Chúng ta hồi tưởng sự xung đột với người khác trong quá khứ, không kể là với cha mẹ, bậc trưởng bối, cấp trên hoặc cấp dưới, dẫn đến việc khởi lên sân si, luôn luôn cãi với họ những việc thông thường, những việc đó bây giờ không đáng gì cả, nhưng lúc đó chúng ta cảm thấy không thể bỏ qua được. Từ đó suy ra, khi gặp phải những điều không như ý, sau hồi nghĩ lại, thật không đáng gì cả. Chúng ta không nên vì những việc nhỏ nhặt mà làm tổn thương tình cảm, và tự mình nhận sự ray rức.

Lại nữa, chúng ta “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, không nên tái tạo tai ương mới”, không để cho ác duyên lặp lại. Những gì đã phát sinh rồi, thì khéo léo xử lý, những gì chưa phát sinh, nên cẩn thận đề phòng, quảng kết thiện duyên. Hơn nữa, thông thường lúc chúng ta mới phát tâm, thì “không từ khó nhọc, không ngại oán hờn”, nhưng không lâu sau, chỉ còn “không từ khó nhọc, nhưng sợ oán

hòn”, sau một giai đoạn nữa thì trở thành “tử khó nhọc, ngại oán hòn” và đã bật đèn đỏ cảnh báo rồi, lúc này phải phản tỉnh lại.

Hôm nay chúng ta từ nhiều góc độ nhìn nhận “nhẫn”, có một số việc dựa trên vấn đề thể lực, có số việc dựa trên vấn đề tình cảm và lý trí. Ví như chạy việt dã, đoạn đường dài 42 km, người chạy ngoài thể lực để thi đấu ra, còn ý chí thật cao. Có người chân tuy đã bị chuột rút rồi, nhưng vẫn cố gắng chạy đến đích. Cho nên, nhẫn nhục dựa trên thể lực mài luyện, dựa trên ý chí mà tăng cường, dựa trên tình cảm mà thăng hoa, lại dựa trên kiến thức mà tăng cường sự thể nhận vô thường, vô ngã, hóa giải toàn bộ cội gốc của phiền não phát sinh từ ngã chấp, từ nơi này hạ thủ công phu, nhất định thành công.

Hôm nay, chúng ta thảo luận tới đây, nếu còn vấn đề gì thì sau này tìm thời gian tiếp tục thảo luận, chân thành cảm ơn mọi người!

## BỒ-TÁT KHÔNG KHỞI TÂM KHINH MẠN

Lúc chúng ta nghiên cứu, thảo luận “Đại Trí Độ Luận”, thường phát hiện trong đó có nhiều đạo lý, rất giá trị cho chúng ta tham khảo tu tập. Tôi nghĩ nhân cơ hội này, nêu ra để mọi người cùng nhau tham khảo.

Trong “Đại Trí Độ Luận” có trích dẫn một bộ Kinh, nhắc đến Bồ-tát không được khởi tâm khinh mạn. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 39 chép:

*Như trong “Kinh” có nói: “Bồ-tát khinh thường Bồ-tát khác, thì xa rời Phật đạo suốt trong một kiếp, trải qua kiếp đó cần phải tu hành nhiều hơn. Vì lẽ đó mà không nên tự cao, cũng không khinh thường người khác”<sup>30</sup>.*

Những gì nói ở đây là trong “Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật”. Nếu như Bồ-tát khởi tâm khinh mạn các vị Bồ-tát khác, chỉ cần khởi một tâm khinh mạn, thì bị xa rời Phật đạo trong một kiếp. Một kiếp chỉ đơn vị thời gian rất dài, thật đáng sợ! Chỉ cần khởi một niệm khinh mạn, thì mất đi một kiếp, khởi hai niệm, thì mất đi hai kiếp. Nếu như không thối tâm Bồ-đề, vẫn muốn tu học Phật

---

<sup>30</sup> Đại Chánh tập 25, trang 344c6~9.



đạo, thì xem chúng ta khởi bao nhiêu niệm, phải trải qua bao nhiêu kiếp thì mới có thể tìm lại được những công đức đã mất đi. Cho nên, khuyên chúng ta không nên khởi tâm khinh mạn, coi thường người khác.

Đoạn văn vừa dẫn ở “Đại Trí Độ Luận”, trong “Kinh Đại Bát-nhã” do Ngài Huyền Trang dịch trong đó nói rất cụ thể, như “Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 455:

*“Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát chưa được sự thọ ký của Phật, khởi tâm sân hận, đấu tranh, khinh thị, mạ nhục, phỉ báng đối với Bồ-tát đã được thọ ký, Bồ-tát Ma-ha-tát đó đã khởi bao nhiêu niệm không lợi ích, phải trả bao nhiêu kiếp từng tu hạnh lành, khi thời gian đó xa rời bạn lành, còn phải chịu rất nhiều sự trói buộc của sanh tử luân hồi. Nếu còn tâm đại Bồ-đề, siêng năng tu hạnh lành không ngừng nghỉ, sau đó mới bù vào những công đức đã mất”.*<sup>31</sup>

Kinh nói rất rõ ràng, nếu như có Bồ-tát chưa được sự thọ ký của Phật, mà khởi tâm sân hận, đấu tranh, khinh thị, nhục mạ, hủy báng đối với vị Bồ-tát đã được sự thọ ký của Phật, thì vị ấy chỉ cần khởi bất cứ bao nhiêu niệm không tốt nào, thì sẽ bị mất đi những công đức thù thắng trong bao nhiêu kiếp. Lúc đó, vị ấy sẽ xa rời thiện tri thức,

---

<sup>31</sup> Đại Chánh tập 7, trang 297a13-20.

và chịu vô lượng sanh tử luân hồi. Nếu như vị ấy vẫn còn hy vọng thành tựu quả vị vô thượng Bồ-đề, mà chưa thôi tâm Bồ-đề, thế thì phải tinh tấn tu hành bù lại những công đức đã mất.

Ngoài ra, còn tham cứu thảo luận vấn đề, nếu Bồ-tát khởi ác tâm với các Bồ-tát khác, làm cách nào sám hối được? Trong “Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật” quyển 19 Đại Chánh tập 8, trang 356c13~29 dạy:

*Phật dạy: “A-nan! Nếu Bồ-tát chưa thọ ký khởi ác tâm, đấu tranh, chửi mắng đối với Bồ-tát đã thọ ký, tùy khởi niệm bao nhiêu kiếp, nếu liên quan đến kiếp số, nếu không bỏ nhất thiết chủng trí, sau đó phải bù lại bằng những kiếp đại trang nghiêm”.*

*A-nan thưa: “Thế Tôn! Ác tâm đó trải qua bao kiếp số không gián đoạn, mới có thể trừ sạch?”*

*Phật bảo A-nan: “Tuy ta nói người cầu Bồ-tát đạo và Thanh văn được hết tội. A-nan! Nếu người cùng cầu đạo Bồ-tát đấu tranh, sân giận chửi mắng, ôm hận, không hối cải, không bỏ qua với nhau, ta không nói hết tội, mà phải chịu nhiều hơn những kiếp số đã tạo; nếu không từ bỏ Nhất thiết trí, cho đến kiếp Đại Trang Nghiêm. A-nan! Nếu Bồ-tát đó sau khi đấu tranh, sân giận chửi mắng, rồi tự sám hối và suy nghĩ: “Ta vì sai lầm lớn! Ta nên vì hết*

*thầy chúng sanh chịu khổ nhục, đời này, đời sau đều như vậy, ta nên nhẫn thọ tất cả những sự dâm đạp của chúng sanh như cầu, như câm, như điếc, làm sao lấy lời ác báo hại người? Ta không nên làm hư hoại tâm vô thượng Bồ-đề sâu dày này, mà khi ta đạt được đạo quả, phải độ hết tất cả khổ não của chúng sanh, sao lại khởi tâm sân hận?”<sup>32</sup>*

A-nan thưa Đức Phật: “Bồ-tát khởi ác tâm, trải qua vô số kiếp, có thể trừ bỏ tội lỗi không?” Đức Phật nói với A-nan: “Tuy ta nói người cầu đạo Bồ-tát và Thanh văn có thể hết tội”. Hết tội, nghĩa là sau khi phạm tội người đó thành tâm sám hối, thì tội nghiệp mới có thể tiêu trừ. Song Đức Phật dạy: “A-nan! Nếu như người cầu đạo Bồ-tát cùng với người khác đấu tranh, khởi tâm sân hận mà chửi mắng, ôm hận, không sám hối v.v... không sám hối, nếu những ác tâm đó không xả bỏ, thì tội nghiệp đó không có cách nào hết được”, “phải chịu nhiều hơn những kiếp số đã tạo” thì phải trải qua thời gian rất dài chịu nghiệp báo luân hồi sanh tử, và cũng không có thiện tri thức. Nếu như còn phát nguyện thành tựu Nhất thiết chủng trí, thì phải bù lại những gì đã mất đi. A-nan! Nếu như Bồ-tát khởi tâm niệm đấu tranh, chửi mắng, không

---

<sup>32</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 77, Đại Chánh tập 25, trang 603 b21~c7.

sám hối, sau đó họ khởi tâm nghĩ: “Tội lỗi của ta thật quá lớn”, “ta nên vì tất cả chúng sanh chịu khổ nhục”, tức ý muốn nói từ nay trở về sau, nguyện vì hết thảy chúng sanh phục vụ lao dịch, không kết oán với mọi người, không chỉ có ở “đời này, cho đến đời sau đều hòa giải như vậy”, vị Bồ-tát đó còn phải phát tâm, “nhẫn chịu hết thảy những sự dẫm đạp của chúng sanh giống như cây cầu”, tức vị Bồ-tát đó chịu đựng mọi người muốn dẫm qua đạp lại như cây cầu, đều có thể an nhẫn, “như câ, như điếc thì làm sao có lời ác hại người”? Nghĩa là nếu có người ác tâm chửi vị ấy, vị ấy giống như người câm, người điếc, có người chửi họ, họ cũng không chửi lại, không như bạn chửi tôi một câu, tôi chửi lại bạn ba câu, bạn đánh tôi một đấm, tôi đấm lại bạn ba cái, Bồ-tát không như vậy, họ an nhẫn đối với tất cả chúng sanh. Ta không nên phá hoại tâm vô thượng Bồ-đề này, mà nên phát nguyện khi tôi đạt được vô thượng Bồ-đề, sẽ độ hết thảy chúng sanh khổ não, thì làm sao tự mình có thể khởi tâm sân hận được?

Chúng tôi lại xem “Đại Trí Độ Luận” đối với đoạn văn này giải thích như sau, “Đại Trí Độ Luận” quyển 77 chép:

*Phật đáp: “Pháp của ta tuy có phương pháp làm hết*

*tội, nếu Bồ-tát cùng đấu tranh, kết hận, không chịu xả bỏ thì không thể hết được”. Vì sao vậy? Vì vị Bồ-tát đó tâm sân hận, khinh mạn sâu dày đối với Bồ-tát khác. Vì sân, vì kiêu mạn cho nên không chịu sám hối, mà muốn hành những công đức khác cầu diệt tội ấy”.*

*Phật nói: “Tội ấy không thể hết, nếu ôm lòng hận, tuy làm phước đức khác, đều không thanh tịnh, vì không thanh tịnh nên không có năng lực, vì không có năng lực nên không diệt tội. Nếu người ấy muốn thành Phật, không rời bỏ Nhất thiết trí, quyết tâm sám hối, bù lại những kiếp trước cho đến phát đại trang nghiêm”.*<sup>33</sup>

Đức Phật dạy: Trong Phật pháp, tuy sám hối có thể tiêu trừ tội nghiệp, nhưng phải chú ý, nếu như Bồ-tát cùng với mọi người đấu tranh, kết oán, “không chịu tức thời từ bỏ, thì không thể hết”. Từ bỏ, thì tâm ác, sân hận phải lập tức bỏ. Không được sau khi nổi trận lôi đình xong, thì bệnh tim của mình muốn phát tác rồi, lúc đó mới sám hối thì không được, phải lập tức từ bỏ, không từ bỏ thì không hết tội. Vì sao vậy? “Bồ-tát tâm khinh mạn sâu dày”, giận Bồ-tát khác, vì khởi tâm sân hận, khinh mạn, không thể thành khẩn mong cầu sám hối, cho dù muốn tu hành những công đức khác, hy vọng có thể trừ được những tội

---

<sup>33</sup> Đại Chánh tập 25, trang 604 b9~c17.

lỗi như thế, nhưng Đức Phật dạy: “Tội đó không thể hết”. Vì sao vậy? “Vì ôm hận”. Cho nên nếu như tâm hận thù không bỏ, tu nhiều công đức, tội đó cũng không có cách nào tiêu được, tuy tu những phước đức khác, cũng đều không sạch được. Bởi vì tâm hận thù chưa trừ bỏ, làm những phước đức khác cũng không thanh tịnh. Vì không thanh tịnh, cho nên đạo lực không mạnh, không có sức mạnh để diệt vô số các tội lỗi, tội đó không có cách nào tiêu trừ, vì vậy không nên khởi ác tâm, sân hận tâm. Nếu người “muốn làm Phật, không bỏ Nhất thiết trí”, tức không bỏ tâm Bồ-đề, còn cuối mình thành khẩn mong cầu sám hối, thế còn phải bù những công đức mà vị Bồ-tát đó đã mất mới có thể được.

“Kinh Đại Bát-nhã” và “Đại Trí Độ Luận” đều nhắc đến điểm này, rất có giá trị cho việc cảnh giác tu hành của chúng ta, trên con đường tu hành, không nên nói là khởi những phiền não thô trọng, thậm chí không nên khởi tâm khinh mạn đối với người khác, vì đó là gieo nhân xa rời Phật đạo. Nếu chúng ta chỉ vì cái vui một thời, thì đã xa rời Phật đạo, không biết phải mất bao nhiêu thời gian, tinh thần, mới có thể bù đủ những công đức trước kia đã mất, thực tại là được một mất mười!

Hôm nay đem vài đoạn Kinh cùng mọi người thảo

luận!

## TỰ LỢI LỢI THA

“Thập Trụ Tỳ Bà Luận” nói “cộng lợi mới là thượng nhân”, cộng lợi đó là tự lợi lợi tha; nhưng “Đại Trí Độ Luận” nói “chỉ có lợi tha mới là thượng nhân”, như thế hai bộ Luận này có gì mâu thuẫn hay không, hay là điểm xuất phát chính không đồng, chúng ta chủ yếu thảo luận vấn đề này.

### I. “Thập Trụ Tỳ Bà Luận” quyển 1<sup>34</sup>

*“Trên đời có bốn loại người: một là tự lợi, hai là lợi tha, ba là cộng lợi, bốn là không cộng lợi”.* Ở đây nói đến bốn loại người, trong đó lấy “cộng lợi là thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân, gọi là thượng nhân”. Thượng nhân là người thực hiện tự lợi lợi tha. Song chúng ta nên chú ý định nghĩa về “cộng lợi”, là nhấn mạnh “thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân”. Hay nói cách khác, cộng lợi là ưu tiên lợi tha trước, từ trong lợi tha thì chính mình đạt được tự lợi. Ví dụ như, bạn xịt nước hoa cho người khác, thì chính mình cũng có thơm lây. Lợi tha như thế, thì tự mình cũng có phần lợi ích.

### II. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 7<sup>35</sup>

“Chuyện thế gian không buồn vui, xả bỏ phần tự lợi,

---

<sup>34</sup> Đại Chánh 26, trang 20b26~b28.

<sup>35</sup> Đại Chánh 26, trang 56a12~b2.



luôn tinh cần thực hành lợi tha, biết ơn cảm ơn. Việc thế gian là lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui, ở trong các việc này tâm không hề buồn”. Dưới đây sẽ giải thích cụ thể, “chuyện thế gian” chính là các việc trong đời như “lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui”, thường cho đó là tám ngọn gió. Tô Đông Pha nói về “tám ngọn gió thổi không lay động”, không phải chỉ Đông Tây Nam Bắc, mà “tám ngọn gió” lợi suy, hủy báng danh dự, ca ngợi chê trách, khổ vui. “Xả bỏ tự lợi, tinh cần thực hành lợi tha, Bồ-tát chưa từng quen biết, chưa từng có nhân duyên với họ, nhưng họ thực hành thiện, thì xả bỏ tự lợi, hỗ trợ việc thiện của họ”. Bồ-tát trước đó chưa quen biết họ, không có nhân duyên đặc biệt gì, cũng xả bỏ lợi ích để làm lợi ích tha nhân. Dưới đây có các vấn đề.

“Hỏi rằng: bỏ tự lợi tinh cần thực hành lợi tha, việc đó không thể”. Người ngoài đưa ra lời chất vấn: Muốn lợi tha, tại sao phải xả bỏ tự lợi? “Như Đức Phật nói: tuy là lợi ích cho người rất nhiều, nhưng không xả bỏ tự lợi. Như nói: xả bỏ một người để thành tựu nhà, xả bỏ một nhà để thành tựu một xóm làng, xả bỏ một xóm làng, để thành tựu một quốc gia, xả bỏ một quốc gia để thành thân mình, xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp”.

Xả bỏ một người để thành tựu một gia đình, hình như xả bỏ nhỏ một chút để thành tựu càng lớn hơn, xả bỏ một nhà để thành tựu một xóm làng, xả bỏ một xóm làng để thành tựu một quốc gia. Từ đó cho thấy, xả bỏ một người không phải là xả bỏ chính bản thân mình, có thể là “chết bạn còn mình thì sống”. Cho đến xả một quốc gia để thành tựu chính mình, cũng là vì cá nhân, xả bỏ cá nhân để thành tựu chánh pháp.

Câu nói này có thể là rút ra từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” quyển 31 có một câu nói: “*Vì gia đình hy sinh một người, vì xóm làng hy sinh một gia đình, vì quốc gia hy sinh một xóm làng, vì thân mình mà hy sinh thế gian*”<sup>36</sup>. Chỉ có nói đến đây, còn câu “xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp” không có nhắc đến. Tôi hiện tại không xác định “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” dẫn dụng câu Kinh này, có phải là trích từ “Kinh Tăng Nhất A-hàm”. Kinh này miêu tả câu chuyện sợi dây chuyền bằng ngón tay của Tỳ-kheo Ương-quật-ma-la. Câu chuyện này tôi nghĩ rất nhiều người đã nghe qua.

Ương-quật-ma-la là con quỷ giết người, sau đó xuất gia với Đức Phật, chứng quả A-la-hán. Trước đây là ngoại đạo, thầy của ông là một Bà-la-môn ngoại đạo tà

---

<sup>36</sup> Đại Chánh tập 2, trang 722c2-3.

kiến, nói: “sau khi con giết được một ngàn người, thì có thể được sanh lên trời”. Hấn đã giết được rất nhiều người, sau khi giết người rồi đem chặt đầu ngón tay xỏ thành vòng hoa đeo cổ. Cuối cùng, sau khi giết được chín trăm chín mươi chín người, vẫn còn thiếu một người, hấn đi tìm khắp nơi nhưng không có ai. Lúc đó mẹ hấn đem cơm cho hấn, hấn nghĩ: “Chỉ còn lại một người này”. Rồi muốn giết mẹ của hấn. Vì hấn nghe thầy ngoại đạo nói, giết mẹ có thể sanh lên cõi trời cao hơn. Lúc hấn muốn giết mẹ, đột nhiên Phật lại xuất hiện. Lúc Phật xuất hiện, hấn vẫn chưa thấy, chỉ thấy luồn ánh sáng chiếu lòa. Lúc ban đầu rất lo lắng, nghĩ rằng nhà vua dẫn binh lính muốn giết hấn, vì vậy là ánh sáng của gươm dao. Nhưng hấn lại nghĩ chắc không phải. Nếu như nhà vua dẫn quân lính đến, thì chim thú ở đây nhất định rất sợ hãi chạy trốn, nhưng chúng nó hát âm thanh rất dịu dàng, thánh thót. Vậy cuối cùng là ánh sáng gì? Mẹ hấn biết đây là Đức Thế Tôn, bèn nói: “Đức Phật đến rồi”. Hấn nghĩ: “Vậy càng tốt!” Ngoại đạo nghĩ rằng: “Phật giống như Chuyển Luân Thánh Vương rất khó xuất hiện ở đời, nếu có thể giết Phật, thì càng sanh lên cõi trời cao hơn”. Hấn bèn hắt mẹ một bên, chuyển qua đuổi theo Phật. Nhưng càng chạy càng cách xa, vĩnh viễn đuổi không kịp, cuối cùng hấn hét lên: “Dừng ngay lại! Dừng ngay lại!”.

“Ta đã dừng, do người không dừng”. Ta đã ngừng lại, chỉ là người tự mình chưa có dừng thôi. Ương-quật-ma-la trong tâm nghĩ, đây nhất định không phải là người thường, liền tự sám hối giác ngộ. Ông ta liền theo Đức Phật xuất gia, sau đó chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, vì từ trước đã giết hại quá nhiều, nên mọi người hận ông ta, lúc đi khất thực, không ai bố thí thức ăn, mà còn dùng dao gậy đá gạch hành hạ ông, nhưng ông ta vẫn nhẫn chịu. Có người thắc mắc: “Đồ giết người xấu xa này, sao Đức Phật còn giáo hóa? Ông ta có lợi căn gì mà mau chứng quả A-la-hán”? Nhân cơ hội này đức Phật nói về nguồn gốc của Ương-quật-ma-la.

Ương-quật-ma-la đời trước là một vương tử. Có một vị Quốc Vương về già vẫn chưa có con trai, đi khắp nơi đến thần cây, thần thổ địa, thần núi để cầu, sau mới cảm được đứa con này. Quốc Vương nghĩ: “Ta đã già rồi, phải mau cưới vợ cho nó để có cháu”. Vương tử tới lúc lớn tuổi vẫn chưa muốn lập gia đình. Quốc Vương rất lo lắng, muốn tìm người có biện pháp khiến cho Vương tử sinh hoạt bình thường như người thế tục, ta liền ban thưởng cho người đó. Tiếp có một đoạn nữa, câu chuyện này mọi người tự xem. Vương tử sau khi sống cuộc đời thế tục, có quá nhiều cô gái bị lạm dụng, nên họ muốn báo thù. Họ liền đi tìm Quốc Vương và nói: “Bây giờ có hai con

đường để chọn, nếu Ngài muốn bảo toàn tính mạng thì phải giết Vương tử, còn nếu bảo toàn tính mạng của Vương tử thì chúng tôi sẽ giết Ngài”. Ở thời điểm chọn lựa đó, Quốc Vương nói: “Xả một quốc độ để thành tựu thân”.

“Xả một quốc độ để thành tựu thân” là nói ra trong lúc này, câu tiếp “xả bỏ thân mình để thành tựu chánh pháp”, không thấy có ở trong “Kinh Tăng Nhất A-hàm”. Nếu như chỉ coi một câu “xả một quốc độ để thành tựu thân”, đứng ở góc độ phàm phu, thì cuối cùng vẫn tiếc nuối sanh mạng của mình. Người ngoài trích dẫn đoạn này, muốn thành lập riêng chủ trương: “khi muốn lợi ích cho người khác, không nên xả bỏ lợi của mình”. Họ đã trích dẫn một đoạn “như Phật nói: tuy vì lợi ích của nhiều người, không nên xả bỏ lợi ích của chính mình”. Cho rằng đoạn này là ý của Phật.

Song, xem xét kỹ “Kinh Tăng Nhất A-hàm” thật ra những lời này không phải Phật nói. Người ngoài muốn lợi dụng một đoạn như vậy ở trong Kinh để thành lập riêng chủ trương của mình: “muốn lợi ích người khác, có thể không cần xả bỏ lợi ích của mình”. Chủ yếu là họ muốn thành lập luận đề này, vậy thì người ngoài lại nói: “trước tiên làm lợi chính mình, sau đó mới làm lợi

người khác,” sau khi chúng ta lợi ích cho mình mới làm lợi ích cho người khác. Nếu như xả lợi ích của mình mà làm lợi ích cho người, “sau đó sinh hối hận” cuối cùng có thể mình hối hận. “Xả bỏ tự lợi lợi tha, tự cho mình là có trí huệ”, nếu như chúng ta tự cho là có trí huệ, vậy thì chúng ta ở trong thế giới này “là người ngu si nhất”. Đây là quan điểm của người ngoài, vậy chúng ta xem Bồ-tát Long Thọ trả lời như thế nào.

“Đáp: ở trong thế gian, mong cầu lợi ích vì tha nhân, được xưng tán là thiện, tâm kiên cố như vậy. Huống gì việc làm của Bồ-tát, vượt qua thế gian. Nếu lợi tha, tức là tự lợi”.

Ở đây Bồ-tát Long Thọ đứng ở một góc độ khác nhìn, nếu như chúng ta hành lợi tha, kỳ thật tự mình đã được lợi rồi. “Bồ-tát đối với việc của tha nhân, tâm ý không có sai khác”, câu nói này rất quan trọng, tức là Bồ-tát lúc tự lợi lợi tha, khi đối diện với sự chọn lựa, có rất nhiều người trước lo cho mình, lo cho mình xong rồi, sau đó còn sức lực của cải mới lo cho người khác. Nhưng chúng ta chú ý câu nói này của Bồ-tát Long Thọ: “Bồ-tát đối với việc của tha nhân, tâm ý không có sai khác”, tức là khiến bạn lúc đối diện thời điểm quan trọng, khi đối diện sự lựa chọn, việc lợi tha tuyệt đối không có bị giảm bớt.

“Phát tâm bồ-đề, lợi tha tức tự lợi. Ý nghĩa này trong phân Sơ phẩm đã nói rõ.”

Phần trên có nhắc đến tự lợi, cộng lợi gọi là thượng nhân, ở đây không nói cụ thể nữa. Có một vài câu văn trong “Đại Trí Độ Luận” nói về tự lợi lợi tha, chúng ta cùng nhau so sánh.

### III. “Đại Trí Độ Luận” quyển 95<sup>37</sup>

“Hỏi rằng: ngoài ra có nói Bồ-tát tự lợi ích, cũng lợi ích chúng sanh”, ở các chỗ khác có nói Bồ-tát tự lợi, vẫn có lợi ích chúng sanh, song tại sao ở đây “chỉ nói lợi ích chúng sanh, không nói tự lợi? Tự lợi lợi tha có gì sai lầm?” Chỉ nói thuần túy lợi ích chúng sanh, mà không nói tự lợi. Chúng tôi nói tự lợi lợi tha có gì sai lầm? Chúng ta xem Bồ-tát Long Thọ trả lời.

“Trả lời: Bồ-tát thực hành thiện đạo vì tất cả chúng sanh, đây là ý nghĩa chơn thật”; Bồ-tát thực hành thiện pháp, vì chúng sanh, không phải vì lợi ích của riêng mình. Vì vậy thành tựu Chánh giác, họ cũng vì chúng sanh; chứ không phải muốn tôi cao hơn người Nhị thừa, nên mới thành tựu Chánh giác, họ không có tâm so sánh cao thấp. “Có chỗ nói tự lợi, cũng lợi ích chúng sanh, là vì phạm phu mà nói, sau đó khuyến họ thực hành Bồ-tát

---

<sup>37</sup> Đại Chánh tập 25, trang 726b26~c23.

đạo”. “Đại Trí Độ Luận” nói rất rõ ràng, trong Kinh có chỗ nói tự lợi lại lợi ích chúng sanh, đây là phương tiện thiện xảo dẫn dắt người phàm phu. Vì sao phải như vậy? Vì một người khi mới bắt đầu, nếu như cố gắng rất nhiều, bản thân không có chút gặt hái gì, người bình thường không dễ gì làm được. Vì vậy khi mới bắt đầu, nếu nói tự lợi có thể lợi tha, đó là việc vui sao lại không thực hiện? Có dẫn dắt như vậy, sau mới có thể hành Bồ-tát đạo.

Dưới đây phân biệt cụ thể: “Người vào đạo có hạng người bậc thượng, trung, hạ. Hạng người bậc hạ chỉ vì tự độ mà thực hành thiện pháp; hạng người bậc trung vì mình và vì người; hạng người bậc thượng chỉ vì tha nhân mà thực hành thiện pháp”. Vì vậy theo lập trường của Bồ-tát Long Thọ, thuần túy lợi tha mới là chơn chánh thượng nhân; nếu như có một chút vì mình, cao nhất là “trung”.

Người ngoài đương nhiên không cho là như vậy, “hỏi rằng: việc đó không như vậy! Hạng người bậc hạ là chỉ vì chính mình”; điều này không có vấn đề gì. “Hạng người bậc trung là chỉ vì chúng sanh”; người ngoài cho là bạn chỉ vì lợi ích chúng sanh, đây là hạng người bậc trung; “hạng người bậc thượng là tự lợi cũng lợi tha nhân”. Nếu như chỉ là lợi tha, không thể tự lợi, thì sao là



hạng người bậc thượng? Phần đông người đều có cách nghĩ như vậy.

Bồ-tát Long Thọ trả lời: “Không phải như thế! Pháp thế gian cũng vậy, tự cúng dường cho chính mình không được phước báo đó”, chúng ta từ thế gian pháp lại xem, tự mình cúng dường bản thân không có gì phước báo, phước báo của chúng ta thật sự là làm lợi ích chúng sanh, mới là phước báo chân chính. Bạn thích ăn đều để dành lại cho mình ăn, thì có phước báo gì chứ? Đối với chúng sanh không có lợi ích nào, thì làm gì có phước báo. “Tự hại mình thì đâu có tội”; câu nói này phải tư duy thêm. Ví dụ nói: chúng ta thọ giới lấy nghiệp sát trong các giới sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu để nói, thật sự phạm giới sát, cần phải đầy đủ các điều kiện: thứ nhất, khởi lên tâm sát; thứ hai, đối phương là chúng sanh; thứ ba, nghĩ đó là chúng sanh. Có khi vốn là chúng sanh, nhưng bạn cho là khúc gỗ, không biết đó là chúng sanh, vậy chưa đủ; thứ tư, dùng phương pháp, như dao gậy, thuốc độc, đào hầm hố v.v...; thứ năm, đoạn đi tính mạng. Có khi chỉ là giết nhưng chưa thành mà thôi. Các điều kiện như vậy hội đủ, mới phạm giới sát.

Năm loại giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di v.v... đây là giới thọ suốt đời, giới thể này tồn tại theo thân mạng. Lấy

tự sát lại nói, đương nhiên trong Phật giáo không tán thành việc tự sát, nhưng A-la-hán (các việc làm đã xong thì ngoại lệ). Có người tự sát, sau khi đoạn mất mạng căn, thì giới thể cũng mất đi. Vì vậy từ giới pháp của người xuất gia để phán đoán, người tự sát, người cố ý giết những chúng sanh khác, đó là phạm Ba-la-di, nhưng tự giết không có phạm Ba-la-di, không phải hoàn toàn không phạm, là phạm tội ngu si. Từ ý nghĩa này, thì “tự hại mình thì đâu có tội”, tội không có nặng như Ba-la-di. Cũng vậy, chúng ta cúng dường Phật có công đức rất lớn, cúng dường tự mình thì không có công đức gì cả. “Vì vậy, vì tự thân mà hành đạo, gọi là hạng người bậc hạ. Tất cả người trong đời chỉ vì tự lợi cho mình, không vì lợi tha; nếu vì tự thân mà hành đạo, là bị giảm bớt, vì ái trước chính mình”; vì tự mình tham ái bản thân, thực hiện đến đây thì dừng, nên chỉ là hạng người bậc hạ.

Phần dưới này nói đến hạng người bậc thượng, “nếu tự mình xả bỏ lợi lạc, chỉ vì tất cả chúng sanh mà hành thiện pháp, thì họ là hạng người bậc thượng”, đó là thuần túy lợi tha, là vì khác với tất cả chúng sanh. “Nếu chỉ vì tất cả chúng sanh mà hành thiện pháp, chúng sanh chưa thành tựu xong, tự lợi đã được đầy đủ”, chúng ta thuần túy vì chúng sanh mà hành các thiện pháp, tức chúng sanh chưa có thành tựu, tự lợi của chúng ta kỳ thật đã đầy

đủ rồi; vì vậy chúng ta đang làm các việc thiện, người khéo léo kỳ thật lúc tu phước báo cũng có thể tu Không huệ. Ví dụ như ngày 17 tháng 09 năm 2001 có rất nhiều nơi xảy ra lụt lội, nhà mình đã ngập nước, song còn ra ngoài cứu những người khác, trong lúc khốn khổ làm lợi ích như vậy, bản thân không phân biệt giữa anh và tôi. Mà cũng không đợi họ cần tôi mới đến cứu, rồi biểu hiện rất kiêu ngạo. Nếu như cảnh giác tới điểm này mà phá trừ ngã tướng, tham sân v.v.. các thứ chấp trước, thì trong lúc tu phước báo có thể kiêm tu Không huệ, thì thật là phước huệ song tu. Vì vậy, khi lợi ích chúng sanh, mà có thể tu phước huệ, kỳ thật tự lợi đã đầy đủ, có phước lại có huệ.

Tiếp theo, “nếu tự lợi ích, lại vì chúng sanh, thì đó là tạp hành”. Tạp hành là hỗn tạp, không phải hoàn toàn lợi tha một cách thuần túy.

Cũng vậy, “có ba loại người cầu Phật đạo: Một là (hạng người bậc hạ) chỉ vì ái niệm Đức Phật, tự mong muốn bản thân thành Phật. Hai là (hạng người bậc trung) vì chính bản thân cũng vì chúng sanh. Ba là (hạng người bậc thượng), chỉ vì chúng sanh, là người thanh tịnh hành đạo, phá ngã điên đảo”.

Đoạn dưới này là hình dung bậc thượng nhân:

“Là khi Bồ-tát hành bát-nhã ba-la-mật, không có

chúng sanh cho đến không có tri giả, không có kiến giả”, chính là không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả tướng, “an trụ trong đó, đưa tánh cam lộ cứu giúp chúng sanh” đây là lợi ích chúng sanh. “Tánh cam lộ là tất cả pháp trợ đạo. Tại sao vậy? Vì thực hành pháp ấy đạt được Niết-bàn, Niết-bàn có tên gọi là cam lộ”. Tất cả pháp trợ đạo bao quát rất nhiều, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba môn giải thoát v.v... đều là pháp trợ đạo. “Đạo” nghĩa khác là “bồ-đề”, ba mươi bảy đạo phẩm dùng văn tiếng Phạn hoặc Pali là pháp ba mươi bảy bồ-đề phần, vì vậy chữ “đạo” của tiếng Trung tuy có nghĩa là con đường, nhưng cũng có nói “bồ-đề” có ý nghĩa là “chánh giác”, “pháp trợ đạo” tức là pháp trợ giúp bồ-đề. “An trụ trong tánh cam lộ, vọng tưởng về ngã v.v... không tái sanh khởi”. Chính là không có nhân ngã kiến. “Là Bồ-tát tự đạt được vô sở trước, cũng khiến chúng sanh đạt được vô sở trước, gọi là lợi ích chúng sanh đệ nhất”, đây là lấy ba loại tâm tương ưng, lấy chí cầu vô thượng bồ-đề là chí nguyện, đại bi đi đầu, và vô sở đắc làm phương tiện.

Chúng ta so sánh từ hai bộ luận này, “Đại Trí Độ Luận” toàn nhấn mạnh lợi tha là bậc thượng nhân, mà còn nhấn mạnh hơn khi lợi ích chúng sanh không có chấp trước, không có sự khác biệt giữa ngã và nhân. Nhưng chúng ta thấy “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” không đặc biệt

nhấn mạnh khi lợi ích chúng sanh không chấp trước, mà nhấn mạnh kết quả, bạn không tự hại mình, cũng không hại người khác, mà hai bên cùng có lợi, là từ chỗ lợi ích này mà xét. Vì vậy về mặt chữ nghĩa hình như không giống, trên sự thật hai bộ Luận nhấn mạnh điểm quan trọng không giống nhau, nhưng không có mâu thuẫn, điểm này hy vọng mọi người hiểu rõ.

#### VI. Pháp sư Ấn Thuận “Bảo Tích Kinh Giảng Ký” (trang.152)

“Bồ-tát tuy lấy lợi tha làm chính”, không phải nói hoàn toàn lợi ích chúng sanh, mà làm hại đến mình, một chút lợi ích cũng không có, hoặc tự mình thành nhân, không phải như vậy, trên thật tế “tự lợi lợi tha hỗ tương thành tựu. Như quảng tu đại chánh hạnh, đều có lợi ích với chúng sanh. Mà hiện tại muốn nói phương tiện giáo hóa, đều là tự mình tu tập đạt được”. Chúng ta đều hy vọng tự lợi như thế nào, thì cũng đi lợi tha như thế đó, “do đó Bồ-tát là trong nguyên tắc lợi tha làm đầu, để thực hiện tự lợi lợi tha, thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh”.

#### V. Pháp sư Ấn Thuận “Bảo Tích Kinh Giảng Ký” (trang 275)

“Bồ-tát tu học Phật pháp, là vì chúng sanh”. Khi

chúng ta muốn làm lợi ích chúng sanh, thì mình phải gương mẫu, như mình không làm tấm gương tốt, mà chỉ hy vọng người khác lo tu học Phật pháp, thì không dễ khiến cho mọi người sanh tín tâm. Vì vậy chúng ta “muốn lợi ích chúng sanh, thì cá nhân phải tu trì ngộ nhập”, tự đối trị phiền não của mình. Vì vậy “Bồ-tát là vì lợi tha mà tự lợi, từ trong lợi tha hoàn thành tự lợi”, nếu như chỉ chuyên lo cho mình, thì đó không phải phong cách của Bồ-tát mà là Thanh văn.

Vì vậy, Thanh văn và Bồ-tát, không phải nói tất cả Thanh văn đều không có lợi tha, mà khi bắt đầu, Thanh văn chủ yếu ở tự lợi, sau khi chứng ngộ, tùy duyên mới lợi tha, đây là phát tâm của Thanh văn. Nhưng Bồ-tát không cầu mình chứng ngộ trước, mà lợi ích chúng sanh trước. Từ trong lợi tha tự mình dần thể nghiệm lĩnh hội tánh Không, tu phước báo, trí huệ, từ trong lợi tha thành tựu mình. Trong tác phẩm “Học Phật Tam Yếu” và “Ngã Chi Tôn Giáo Quán” có đoạn giải thích rất hay, mọi người tự tham khảo trong “Ngã Chi Tôn Giáo Quán” từ trang 62 đến trang 65; trong “Học Phật Tam Yếu” bài ‘Tự Lợi Với Lợi Tha’ từ trang 141 đến trang 154.

# VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

I. Tam thừa đều nhập vô dư Niết-bàn, Bồ-tát sao phải cần khổ tu học Thập địa, không như Nhị thừa sớm chứng giải thoát?

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói Thanh văn, Duyên giác và Phật ba thừa Thánh giả này đều có thể đoạn tận phiền não, cũng đắc vô dư Niết-bàn; đã là không có khác nhau, vậy thì Bồ-tát hà tất phải trong hằng sa đại kiếp qua lại trong đường sanh tử tu học Đại thừa?

Như “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói: *“Hỏi: Tam thừa tu học đều vì vô dư Niết-bàn, nếu vô dư Niết-bàn không có gì khác nhau, ta và mọi người tại sao phải mất số đại kiếp nhiều như cát sông Hằng qua lại trong đường sanh tử đầy đủ Thập địa, không như Thanh văn, Bích Chi Phật thừa sớm diệt các khổ?”*<sup>38</sup>

Trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói “Tam thừa tu học đều vì vô dư Niết-bàn”, theo “Kinh Bát Nhã” cũng vậy: “Ba thừa đều nhập vô dư Niết-bàn”; nhưng cũng có Kinh Luận nói: “Bồ-tát không trụ ở Niết-bàn”; liên quan

---

<sup>38</sup> Đại Chánh tập 26, trang 20b15~19.

đến vấn đề này, các bộ Kinh Luận có những cách nói khác nhau. Ở “Kinh Bát Nhã” và Bồ-tát Long Thọ trên cơ bản là chủ trương “Ba thừa đều nhập vô dư Niết-bàn”.

Liên quan đến “nhập vô dư Niết-bàn”, trong Kinh Luận thường thấy ví dụ: nhập vô Niết-bàn, giống như nước ở các sông ngòi chảy vào biển lớn đều đồng một vị mặn.<sup>39</sup> Căn cứ vào ví dụ nhập Niết-bàn như thế, thì Niết-bàn là tâm ý hành động đều diệt, ngôn ngữ đều dứt, không còn có thể phân biệt ai Niết-bàn cao, ai Niết-bàn thấp nữa.

Từ Nguyên thủy Phật giáo đến nay, Kinh điển giải thích Niết-bàn, đại bộ phận đều dùng từ phủ định như: “không đến, không đi, không có, không vô, không sanh, không diệt” v.v., dùng phương thức vẽ áng mây hồng

---

<sup>39</sup> 1. Pháp sư Ấn Thuận “Học Phật Tam Yếu” bài ‘Phật giáo chi Niết-bàn quán’ trang 123: Đã đắc được Niết bàn, như cục đá lạnh nhỏ lớn bỏ vào biển lớn sao còn có thể phân biệt gì! Đến bờ Niết-bàn, tất đồng một vị, bình đẳng bình đẳng. Trong Kinh nói: “Diệt là không thể lường”. Niết-bàn (diệt) không có phân lường, không có thời gian và không gian để phân lường so sánh. Trong bình đẳng pháp tánh hải như thế, không thể phân biệt, không thể dùng các việc trong đời để so sánh: như phân biệt từng chủng loại, nặng nhẹ, dài ngắn.

2. Pháp sư Ấn Thuận “Ấn Độ Phật Giáo Tư Tưởng Sử” trang 96: Niết-bàn là siêu vượt bình thường, không có chủ thể và đối tượng, không có tướng trạng thời gian và không gian, không có số lượng hay đây kia (gần với kinh nghiệm siêu việt), không thể lấy tâm tư ngôn ngữ biểu thị. ... Từ Niết-bàn, chân như, pháp giới v.v tức là tất cả mà vượt qua tất cả, không có sự khác nhau để diễn đạt, do đó nói “pháp môn không hai”, “nhất chơn pháp giới”. ... Lấy ví dụ: “muôn ngàn sông suối, đều có tên riêng, cuối cùng chảy về biển lớn, đều cùng một vị mặn.” “Kinh Tu Chân Thiên Tử” quyển 4, Đại Chánh tập 15, trang 111a; “như thân có các loại màu sắc, nhưng khi đến bên núi chúa Tu di, đều đồng một màu.” Ma-ha Bát nhã ba la mật kinh” quyển 21, Đại Chánh tập 8, trang 369c.



trước mặt trắng để biểu đạt “Niết-bàn”, mà không trực tiếp nói Niết-bàn là như thế nào. Nếu tích cực biểu hiện, chúng sanh rất dễ sanh chấp trước, lại tưởng tượng Niết-bàn cuối cùng là cái gì. Vì vậy thường nói, Niết-bàn đã là không thể nghĩ, không thể bàn, thì tưởng tượng không ra, không thể dùng ngôn ngữ biểu đạt. Niết-bàn có đặc tính như vậy, nên không luận là Thanh văn, Duyên giác, Phật, đều nhập vô dư Niết-bàn, thì không có cách nào so sánh được, không có sự khác nhau cao thấp. Nếu nhất định muốn nói Thanh văn, Duyên giác, Phật có sự khác nhau, thông thường hay dẫn ngữ từ khác đến để biểu đạt, một là “Niết-bàn”, đây là từ chung của Tam thừa, ngoài ra “vô thượng bồ-đề”, là từ dùng riêng cho Đại thừa. Đã là vô dư Niết-bàn thì bản thân nó là không có sự khác nhau.

Vì vậy có người hỏi: Nếu như vô dư Niết-bàn không có sự khác nhau, chúng ta mất số đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng để qua lại trong đường sanh tử? Một đại kiếp đã đủ dài rồi, nếu như đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng, thì càng nhiều nữa! Nếu qua lại đường trong sanh tử nhiều như vậy, tu học Bồ-tát thập địa<sup>40</sup>, thì quá cực khổ, quá khó rồi, không như Thanh văn, Bích chi

---

<sup>40</sup> “Kinh Hoa Nghiêm” Bồ tát thập địa: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiên huệ địa, Pháp vân địa.

Phật thừa mau diệt các khổ, sớm được giải thoát!

2. Tất cả Thanh văn, Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có chư Phật thì từ đâu có?

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói tiếp:

*“Đáp: là lời nói nhu nhược, chẳng phải lời có ích cho đại bi. Nếu như các vị Bồ-tát học theo đó, không có ý nguyện từ bi, không tinh cần tu Thập địa, thì hàng Thanh văn, Bích chi Phật từ đâu để được hóa độ, cũng không có được sự khác nhau của ba thừa. Tại vì sao vậy? Tất cả Thanh văn và Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có Phật, thì họ từ đâu mà có? Nếu không tu Thập địa, làm sao có chư Phật? Nếu không có chư Phật, thì không có Pháp và Tăng. Vì thế lời nói đó, làm đoạn mất hạt giống Tam bảo, chẳng phải lời nói của người có trí tuệ, không cần nghe và suy nghĩ. Tại sao như vậy? Trong đời có bốn hạng người: Một là tự lợi, hai là lợi tha, ba là tự lợi lợi tha, bốn là không tự lợi lợi tha. Trong đó tự lợi lợi tha là thực hiện từ bi lợi ích cho tha nhân, gọi là hàng thượng nhân.... Như vậy giải thoát phiền não giữa Thanh văn, Bích chi Phật và Phật tuy không có gì khác nhau, song hóa độ vô lượng chúng sanh, trú trong sanh tử lâu dài, đạt được nhiều lợi ích, đầy đủ Bồ-tát Thập địa, thì điều này có khác nhau*

lớn”.<sup>41</sup>

Bồ-tát Long Thọ trả lời rất nghiêm túc: “Là lời nói nhu nhược, chẳng phải lời có ích cho đại bi”. Nếu như chư Bồ-tát đều phát tâm Tiểu thừa giống như thế, không có ý chí từ bi, không thể tinh cần tu học Bồ-tát Thập địa, vậy thì Thanh văn, Bích chi Phật làm sao có thể được độ? Nếu như mọi người đều giống thế, chánh pháp từ đâu mà nghe? Mọi người chỉ cầu khai ngộ, thì ai hoằng pháp? Nếu như mọi người chỉ lo cho riêng mình, vậy thì Phật pháp làm sao có thể lâu dài?

Bồ-tát Long Thọ nói: “Tất cả Thanh văn và Bích chi Phật đều từ Phật mà có, nếu không có Phật, thì họ từ đâu mà có?”

Thanh văn là nghe âm thanh ngộ đạo; Bích chi Phật tuy nói khi không có Phật không thấy tự ngộ, nhưng thông thường: khi Phật ở đời họ đã trồng nhân duyên được độ, nhưng lúc đó chưa được giải thoát, cách mấy đời sau mới được giải thoát, khi Phật không có ra đời, thì họ là Bích chi Phật. Vì vậy trên căn bản Bích chi Phật cũng là từ nơi Bồ-tát trồng xuống nhân duyên mà được độ. Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ-đề không thấy tự ngộ, nói nghiêm túc thì đó là căn tánh Độc giác, nếu như

---

<sup>41</sup> Đại Chánh tập 26, p.20b19~c23.

VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH  
TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

xem bốn sanh của Đức Thế tôn, như được Phật Nhiên Đăng thọ ký v.v... ít nhiều cũng có thể thấy Đức Thế tôn cũng từ Phật, Bồ-tát ở đời trước đã trồng xuống nhân duyên được độ.

Từ ý nghĩa này lại nói, là cần có người phát nguyện xả bỏ thân mình vì hoằng dương Phật pháp; nếu như mỗi người chỉ lo cho mình, không có ý nguyện từ bi độ chúng sanh, vậy mọi người làm sao có thể được độ? Giả sử không có cách nào nghe Phật pháp, không thể hiểu đạo giải thoát, đương nhiên là không có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thì không có sự khác nhau của ba thừa.

Bồ-tát là phát tâm bồ-đề, từ từ tu học Thập địa thành Phật. Nếu như không có Bồ-tát tu học Thập địa, đương nhiên là không có Phật rồi! Nếu như không có “Phật”, đương nhiên cũng không có ai thể ngộ vô thượng diệu pháp, càng không có ai tổ chức “Tăng đoàn”! Vì vậy không có Phật, cũng là không có Pháp, không có Tăng, vậy là không có Tam bảo rồi. Nhân đây Bồ-tát Long Thọ nói: “Vì thế lời nói của ông, làm đoạn mất chủng tử Tam bảo, chẳng phải lời nói của người có trí tuệ, không cần nghe và suy nghĩ.” Câu nói này đầy sự nghiêm khắc. Ý nghĩa là: nếu như theo cách nói của ông, mọi người đều giống như thế không phát tâm bồ-đề, thì sự truyền thừa

Phật pháp đoạn tuyệt, phần đông chúng sanh trong luân hồi phải nên làm thế nào?

III. Từ trí huệ, từ bi nguyện lực, đoạn tập khí và công đức đầy đủ để xem sự khác nhau của Nhị thừa, Đại thừa

Thanh văn, Bích chi Phật và Phật, tuy “đoạn phiền não, đạt được giải thoát” không có gì khác, nhưng đứng ở những góc độ khác, thì vẫn có điểm không đồng.

1. Trí huệ: Tam thừa Thánh giả đều đoạn ngã chấp, chứng đắc “ngã không”, “bát nhã huệ” không khác bao nhiêu; song “phương tiện huệ” để độ hóa chúng sanh, đương nhiên là Bồ-tát thiện xảo hơn; vì Nhị thừa chú trọng ở giải thoát “cộng tướng”, mà Bồ-tát thâm nhập hiểu rõ “cộng tướng” ra, và nhân vì độ chúng sanh không đồng, tất phải đối với thiện xảo ứng dụng “biệt tướng” (tự tướng) phương tiện nhiều hơn.
2. Từ bi nguyện lực tuy A-la-hán sau khi chứng ngộ tùy duyên hóa độ chúng sanh, nhưng vì A-la-hán phiền não trong ba cõi đều đoạn tận, một khi nhập diệt thì không muốn trở lại đây thọ sanh nữa, dù họ rất tích cực độ chúng sanh, nhiều lắm cũng chỉ một đời. Còn Bồ-tát phát nguyện đối với vô lượng kiếp

VÌ SAO BỒ-TÁT TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUA LẠI TRONG ĐƯỜNG SANH  
TỬ TU HỌC ĐẠI THỪA

ở trong sanh tử, lấy tâm đại bi độ vô lượng chúng sanh, thời gian đặc biệt dài, số lượng độ hóa chúng sanh cũng rất nhiều.

3. Đoạn phiền não, tập khí: Thanh văn, Duyên giác tu đoạn tận “phiền não”, nhưng tập khí chưa trừ 42; Phật không chỉ đoạn tận tất cả phiền não, mà còn đoạn tận tất cả tập khí.

4. Đầy đủ công đức: Phật đầy đủ công đức thập lực<sup>43</sup>, tứ vô sở úy<sup>44</sup>, thập bát bất cộng pháp<sup>45</sup>, đại từ đại bi v.v..., đây là hàng Nhị thừa không có.

Tóm lại, rất nhiều người đề ra vấn đề này “cũng đồng là xuất tam giới đắc giải thoát, Bồ-tát hà tất phải cực khổ

---

<sup>42</sup> “Đại Tỳ Bà Luận” quyển 16, Đại Chánh tập 27, trang 77a24~b4; “Đại Trí Độ Luận” quyển 27, Đại Chánh tập 25, trang 260c2~c25.

<sup>43</sup> Thập lực: 1. Xứ phi xứ trí lực, 2. Nghiệp dị thực trí lực, 3. Tịnh lực giải thoát đẳng trí đẳng chí trí lực, 4. Căn thắng liệt trí lực, 5. Chủng chủng thắng giải trí lực, 6. Chủng chủng giới trí lực, 7. Biến thú hành trí lực, 8. Túc trụ tùy niệm trí lực, 9. Sanh tử trí lực, 10. Lậu tận trí lực. Xem “Kinh Đại Bát Nhã” quyển 24 ‘Phẩm Tứ Nhiếp Thứ 78’ Đại Chánh tập 8, trang 395a10~18; “Đại Trí Độ Luận” quyển 24 Đại Chánh tập 25, trang 235c22~241b; “Đại Trí Độ Luận” quyển 25 Đại Chánh tập 25, trang 245c6~246a13; Pháp sư Ấn Thuận trước tác “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 421.

<sup>44</sup> Tứ vô sở úy: 1. Thuyết nhất thiết trí vô sở úy, 2. Thuyết lậu tận vô sở úy, 3. Thuyết tặc khổ đạo vô sở úy, 4. Thuyết chương đạo vô sở úy.

<sup>45</sup> Thập bát bất cộng pháp: 1. Thân vô thất, 2. Ngữ vô thất, 3. Niệm vô thất, 4. Vô dị tưởng, 5. Vô bất định tâm, 6. Vô bất trí dĩ trí, 7. Dục vô diệt, 8. Tinh tấn vô diệt, 9. Niệm vô diệt, 10. Huệ vô diệt, 11. Giải thoát vô diệt, 12. Giải thoát trí kiến vô diệt, 13. Trí trí quá khứ vô trước vô ngại, 14. Trí trí vị lai vô trước vô ngại, 15. Trí trí hiện tại vô trước vô ngại, 16. Thân nghiệp tùy trí huệ hành, 17. Ngữ nghiệp tùy trí huệ hành, 18. Ý nghiệp tùy trí huệ hành. Xem “Đại Trí Độ Luận” quyển 26, Đại Chánh tập 25, trang 247b~255b25; Pháp sư Ấn Thuận trước tác “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 422.

vô lượng kiếp lại tu học pháp Đại thừa”, chúng ta từ trong lời đáp án của Bồ-tát Long Thọ, có thể hiểu được tâm từ bi của Ngài, đã vì “không đành nhìn Thánh giáo suy, không nỡ thấy chúng sanh khổ”, mọi người cùng phát đại tâm!

## THANH VĂN VÀ BÍCH CHI PHẬT CÓ KHÁC PHẬT KHÔNG?

Thông thường nói “Thanh văn và Bích chi Phật” là Nhị thừa, “Bồ-tát và Phật” là Đại thừa, thế thì cứu cánh A-la-hán và Bích chi Phật có khác Phật không?

1. Chỉ có chư Phật đoạn hết ba thứ chướng ngại: phiền não chướng, thiên định chướng, nhất thiết pháp chướng, gọi là vô ngại giải thoát

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói:

*“Thanh văn, Bích Chi Phật và Phật đều đến bờ bên kia, ở trong sự giải thoát đó có khác nhau gì không?”*

*Đáp: vấn đề này cần nên phân tích, trong sự đoạn phiền não đạt giải thoát thì không có gì khác; vì giải thoát nhập vào vô dư Niết-bàn, trong đó cũng không có gì khác, đều là vô tướng. Song chư Phật giải thoát được thiên định chướng thâm sâu và nhất thiết pháp chướng, thì vấn đề này hàng Thanh văn và Bích chi Phật có khác, khó nói hết được, cũng chẳng thể dùng thí dụ để hiểu”.*<sup>46</sup>

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” đáp rằng: Nếu như hỏi đến sự giải thoát của Thanh văn, Duyên giác và Phật có

---

<sup>46</sup> Đại Chánh tập 26, trang 20b9~15.



khác nhau không, ở đây nên phân biệt trình bày: Nếu từ “phiền não chướng”, thì nhân vì Thanh văn A-la-hán, Bích chi Phật, Phật đoạn tận phiền não; đã nhập vô dư Niết-bàn đều là vô tướng, vì vậy cả ba không có gì khác nhau.

Nhưng ngoài “phiền não chướng” ra, còn có “thiền định chướng” và “nhất thiết pháp chướng”. Từ điểm này thì Thanh văn, Duyên giác và Phật so ra có khác. Chư Phật đạt được thiền định thâm sâu, không có chướng ngại thiền định; cũng triệt để chứng ngộ chúng sanh Không pháp Không, đối với chấp trước ngã, đối với chướng ngại nhất thiết pháp, Phật đều triệt để giải thoát, điều này hàng Nhị thừa không thể so sánh được.

Liên quan đến “phiền não chướng, thiền định chướng, nhất thiết pháp chướng”, trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 11 có dẫn đoạn văn rất tường tận:

*“Vô ngại giải thoát là giải thoát có ba loại: Một là giải thoát phiền não chướng ngại. Hai là giải thoát định chướng ngại. Ba là giải thoát nhất thiết pháp chướng ngại. Trong đó Huệ giải thoát A-la-hán, đạt được giải thoát lìa phiền não chướng ngại. Cộng giải thoát A-la-hán và Bích chi Phật, đạt được giải thoát phiền não chướng ngại và giải thoát khỏi thiền định chướng ngại.*

*Chỉ có chư Phật mới đạt được ba loại giải thoát phiền não chướng ngại, thiên định chướng ngại, nhất thiết pháp chướng ngại, tóm lại là tất cả ba loại giải thoát, nên chư Phật gọi là đạt được vô ngại giải thoát”.*<sup>47</sup>

A-la-hán có hai loại: Một là huệ giải thoát A-la-hán, hai là cụ giải thoát A-la-hán. Huệ giải thoát A-la-hán có thể lìa phiền não chướng; cộng giải thoát A-la-hán là cụ giải thoát A-la-hán. Nếu định nghĩa nghiêm túc, thì cụ giải thoát A-la-hán là đầy đủ A-la-hán diệt tận định, họ đã đạt đến định tối cao rồi, không còn chướng ngại của thiên định nữa. Huệ giải thoát A-la-hán, như chỉ có đạt được Vị đáo định, họ đối với sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên vẫn còn có điều chướng ngại.

Cụ giải thoát A-la-hán và Bích chi Phật giải thoát “phiền não chướng” và “thiên định chướng”; chỉ có Đức Phật đầy đủ ba loại giải thoát. Từ phương diện “giải thoát phiền não chướng” không còn trở lại thế gian luân hồi, không tái sinh, ba bậc Thanh văn, Bích chi Phật và Phật là bình đẳng; nhưng từ phương diện “giải thoát nhất thiết pháp chướng” và các công đức độ chúng sanh v.v..., Thanh văn, Bích chi Phật và Phật đương nhiên là vẫn có khác.

---

<sup>47</sup> Đại Chánh tập 26, trang 83a24~b3.

Sự khác nhau của Thanh văn và Phật, thường dùng hai từ “Niết-bàn” và “vô thượng bồ-đề” để phân biệt. Vô thượng bồ-đề cũng chính là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề, “Tâm Kinh Bát Nhã” cũng có câu nói này: “Bồ-đề tát-đỏa, y Bát nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn”. “Tam thế chư Phật, y Bát nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam bồ-đề”. Từ “Niết-bàn” thì ba thừa đều sử dụng chung, còn “vô thượng bồ-đề” là điểm đặc biệt của Đại thừa, đây là chỗ không đồng.

2. Đạo trí của Bồ-tát, bi nguyện độ vô lượng chúng sanh, các công đức của Phật, đều hơn Nhị thừa

Ngoài ra, “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” cũng có nói đến sự khác nhau của Thanh văn, Bích chi Phật và Phật. Như “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 1 “Tập ứng phẩm thứ 3” nói:

*Xá-lợi-phất thưa Đức Phật: “Thế Tôn! Tất cả trí huệ của Thanh văn, như trí huệ của Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích chi Phật, trí huệ Phật, là ở trong các loại trí tuệ đó không có gì khác nhau, đều không có trái ngược với tánh Không vô sanh. Nếu pháp mà không có trái ngược với tánh Không vô sanh, là pháp*

*đó không có khác nhau; tại sao Thế Tôn nói Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, vượt hơn Thanh văn và Bích chi Phật?”<sup>48</sup>*

Trí huệ đệ nhất Xá-lợi-phất thừa Thế Tôn, các vị đó đã chứng được giải thoát, đều thể nghiệm chúng sanh Không (ngã Không), thì không còn có gì khác nhau nữa! Nhưng sao Thế Tôn lại nói “Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, vượt hơn Thanh văn và Bích chi Phật?” Ngài rất nhạy cảm về việc trí huệ của Nhị thừa và Phật như nhau, tại sao Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật một ngày, lại hơn hàng Nhị thừa? Đức Phật trả lời:

*Phật bảo Xá-lợi-phất: “Ý thầy nghĩ sao? Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu trí huệ, tâm niệm: ta hành đạo huệ lợi ích tất cả chúng sanh, nên đem nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, độ tất cả chúng sanh. Trí huệ của Thanh văn và Bích chi Phật, có việc như thế hay không?”*

*Xá-lợi-phất thưa: “Không có vậy! Thế Tôn!”<sup>49</sup>*

Những gì nói về “đạo huệ” ở đây là trí huệ Bồ-tát, đó là đạo trí, hoặc gọi là đạo chủng trí. Trong “Kinh Đại

---

<sup>48</sup> Đại Chánh tập 8, trang 222a10~15.

<sup>49</sup> Đại Chánh tập 8, trang 222a15~20.

Phẩm Bát Nhã, phẩm Tam Huệ” nói đến: Trí huệ Thanh văn là “nhất thiết trí”; trí huệ Bồ-tát là “đạo trí” hoặc là “đạo chủng trí”, ở đây gọi là “đạo huệ”; trí huệ của Phật là “nhất thiết chủng trí”.

Trí huệ của Thanh văn, thông thường chú trọng ở “cộng tướng” - cộng tướng của các pháp, như: vô thường, Không, vô ngã. Đạo trí của Bồ-tát, nhân vì hóa độ vô lượng chúng sanh, vì vậy biết các loại thiện xảo không giống nhau, đối với “biệt tướng”, cũng phải hiểu rõ, phải cần có các thứ thiện xảo phương tiện khác nhau.

Vì vậy Phật mới hỏi: “khi Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, muốn lấy đạo huệ làm lợi ích tất cả chúng sanh, tương lai còn phải đạt được nhất thiết chủng trí của Phật, biết tất cả pháp, độ tất cả chúng sanh. Thử hỏi Thanh văn, Bích chi Phật các ông có đạo huệ này không? Có phát nguyện muốn hóa độ tất cả chúng sanh không? Có muốn biết tất cả pháp tánh Không hay chẳng?” Xá-Lợi-Phất thành thật trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” lại nói:

*“Xá-lợi-phất! Ý thầy như thế nào? Các Thanh văn, Bích chi Phật có nghĩ như thế này: Ta khi chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, độ tất cả chúng sanh, khiến họ được vô dư Niết-bàn không?”*

*Xá-lợi-phất trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”*<sup>50</sup>

Phật dạy Xá-lợi-phất: “Vi nhân duyên như thế, nên biết trí huệ của Thanh văn và Bích chi Phật, muốn so với trí huệ của Bồ-tát ma-ha-tát, không bằng một phần trăm, cho đến không thể nào dùng toán số để ví dụ được”.

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói:

*“Xá-lợi-phất! Ý thầy như thế nào? Các Thanh văn, Bích chi Phật có nghĩ như thế này: Ta hành lục độ ba-la-mật thành tựu chúng sanh, trang nghiêm thế giới, viên mãn thập lực của chư Phật, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp, độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh, khiến họ đạt được Niết-bàn không?”*

*“Xá-lợi-phất trả lời: “Thưa không! Thế Tôn!”*<sup>51</sup>

Phật lại hỏi: “Các hàng Nhị thừa có phát nguyện muốn thành tựu chúng sanh, muốn trang nghiêm cõi Phật không?”

Phật giáo nguyên thủy chú trọng giải thoát hữu tình, hóa độ chúng sanh; còn đối với thành tựu cõi Phật, kiến thiết thế giới Phật trang nghiêm, ít nói đến, Đại thừa nhắc đến nhiều hơn.

---

<sup>50</sup> Đại Chánh tập 8, trang 222a20~26.

<sup>51</sup> Đại Chánh tập 8, trang 222a26~b2.

Phật lại hỏi: “Các ông có phát nguyện muốn đầy đủ các công đức của Phật không? Có muốn độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh khiến đạt được Niết-bàn?” Phật thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bát cọng pháp, đây đều là công đức của Phật. Phát nguyện muốn độ thoát vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh, mà không chỉ là độ một hai người. Nhân vì đạo trí của Bồ-tát, bi nguyện độ vô lượng chúng sanh, các công đức của Phật, bậc Nhị thừa đều không có các công đức đó, vì vậy chỉ có lặng im chấp nhận, trí huệ của Nhị thừa không bằng Bồ-tát hành bát-nhã-ba-la-mật trong một ngày.

### 3. Thanh văn hiểu về Không như “khoảng không của lỗ chân lông, Đức Phật Bồ-tát hiểu Không như “thái hư không”

Liên quan đến sự so sánh trí huệ của Nhị thừa và Phật, trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 đối với vấn đề đó có một đoạn giải thích:

*Hỏi rằng: Đức Phật đã nói Bồ-tát ma-ha-tát tu trí huệ, vượt qua Thanh văn và Bích chi Phật, nay Xá-lợi-phất tại sao hỏi lại?*

*Đáp: không hỏi trí huệ về khả năng thế lực độ chúng sanh, nay chỉ hỏi trí huệ của Phật và đệ tử, thể tánh của*

*pháp đó không có khác nhau. Vì trí huệ của chư vị hiền thánh, đều là trí huệ thật tướng các pháp, đều là trí huệ của Tứ đế và ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đều là xuất ly tam giới, nhập vào ba môn giải thoát, thành tựu quả huệ ba thừa, vì vậy nên nói, không có khác nhau.*<sup>52</sup>

Xá-lợi-phất chủ yếu là chú trọng trên thể tánh trí huệ, chú trọng đoạn phiền não, xuất ly tam giới, đạt được giải thoát, vì vậy chủ trương trí huệ của ba thừa không có khác nhau.

Tiếp theo “Đại Trí Độ Luận” quyển 35 lại nói:

*Xá-lợi-phất muốn đem sự giải thoát của Tu-đà-hoàn, chư Phật và Bồ-tát cho là bằng nhau, Đức Phật không đồng ý. Ví dụ như có người, muốn lấy khoảng không của lỗ chân lông cho là bằng với khoảng không của hư không; vì như thế, Đức Phật chú trọng ở tính chất sự việc. Lại nữa, tuy cùng là một việc, nhưng ý nghĩa lại khác nhau. Trước nói trí huệ, vì tất cả chúng sanh; nên nói các thầy có từng nghĩ, ta khi thành tựu chánh đẳng chánh giác, khiến tất cả chúng sanh đạt được vô dư Niết-bàn.*<sup>53</sup>

Tuy Xá-lợi-phất cho rằng sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả Thanh văn Thánh giả đều chứng đắc giải thoát giống

---

<sup>52</sup> Đại Chánh tập 25, trang 320c26~321a4.

<sup>53</sup> Đại Chánh tập 25, trang 322a8~14.



nhau. Sự trả lời của Phật là chú trọng ở Thanh văn có bi nguyện muốn độ hóa chúng sanh, có muốn hiểu rõ tất cả pháp đều Không, có phát nguyện muốn viên mãn tất cả công đức Phật? Hay nói cách khác, chúng ta nếu như đem trí huệ lại xem, một là “bát nhã huệ”, một là “phương tiện huệ”. Xá-lợi-phất cho rằng Tam thừa giống nhau, Ngài chú trọng ở phương diện ngã Không, bát-nhã Không; nhưng Đức Phật nhấn mạnh phương tiện thiện xảo hóa độ chúng sanh, hiểu rõ các loại biệt tướng, đây đương nhiên là hơn Nhị thừa.

Ở đây “Đại Trí Độ Luận” nêu lên một ví dụ: “Ví dụ như có người, muốn lấy khoảng không của lỗ chân lông cho là bằng với khoảng không của hư không”; Thanh văn hiểu về Không như “khoảng không của lỗ chân lông, Đức Phật Bỏ-tất hiểu Không như “thái hư không”, hiểu đều là “Không”, tuy “chất” thì như nhau, nhưng “lượng” không đồng. “Khoảng không của lỗ chân lông” và “khoảng không của hư không”, trong các tác phẩm của đạo sư Ấn Thuận thường sử dụng.

# KHI NÀO MỚI ĐƯỢC GIẢI THOÁT THÀNH PHẬT

Trong các luận diễn “Đại Tỳ Bà Sa Luận”, “Đại Trí Độ Luận” và “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận”, nhắc đến vấn đề “người hàng Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa phải trải qua thời gian bao lâu mới đắc cứu cánh giải thoát, người tu Phật thừa phải trải qua bao lâu mới thành Phật đạo”.

I. Người hành Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, khi nào được độ qua biển lớn sanh tử?

## 1. “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101

*Theo con đường nhỏ hẹp mà đạt được giải thoát, gọi là thời giải thoát. Người tu theo con đường nhỏ hẹp đó, nhanh nhất là một đời trồng thiện căn, trong đời thứ hai thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát; ngoài ra không quyết định.*

*Theo con đường rộng lớn mà đạt được giải thoát, gọi là bất thời giải thoát. Người tu theo con đường rộng lớn đó, Thanh văn thừa nếu chậm nhất, thì trải qua sáu mươi kiếp đạt được giải thoát, như Ngài Xá-lợi tử.*

*Độc giác thừa, trải qua trăm kiếp đạt được giải thoát, như Lâm giác dụ.<sup>54</sup>*

---

<sup>54</sup> Đại Chánh tập 27, trang 525b14~20.

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” là luận thư thuộc Thuyết Nhất Thiết hữu bộ, ở đây nói đến: “Theo con đường nhỏ hẹp mà đạt được giải thoát, gọi là thời giải thoát”. “Thời giải thoát” là đợi khi gặp được thiện tri thức, nhân duyên khế hợp đầy đủ, họ mới được giải thoát, A-la-hán này đốn căn hơn. Ngoài ra một loại gọi là “bất thời giải thoát”, là lợi căn A-la-hán, có khả năng tự lực, nhân duyên bên ngoài ít tác động đến, đây gọi là “bất thời giải thoát”. Người tu theo con đường nhỏ hẹp đó, nhanh nhất là một đời trông thiện căn, trong đời thứ hai khiến nó thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát; đây là điều mà trong tác phẩm “Con đường Thành Phật” của pháp sư Ấn Thuận nói đến “gieo trồng, thành thực, giải thoát”. Ngoài ra, “theo con đường rộng lớn mà đạt được giải thoát, gọi là bất thời giải thoát”, hoặc gọi là “phi thời giải thoát”. Thanh văn thừa tu theo con đường rộng lớn này, chậm nhất là trải qua sáu mươi kiếp đạt được giải thoát, nhân vật đại biểu là Ngài Xá-lợi-phất.

Bích chi Phật thừa cũng là Độc giác thừa, độc giác phân thành hai loại: một loại là “lân giác dụ độc giác”, còn loại kia là “bộ hành độc giác”. Lân giác dụ độc giác chính là một mình tự tới tự đi, còn bộ hành độc giác có khi còn bạn đồng hành. Lân giác dụ độc giác là trải qua trăm kiếp mới được giải thoát.

## 2. “Đại Trí Độ Luận” quyển 28

*Có Bích chi Phật, nhanh nhất là bốn đời, chậm cho đến một trăm kiếp; Thanh văn nhanh nhất ba đời, chậm nhất sáu mươi kiếp.*<sup>55</sup>

“Đại Trí Độ Luận” chủ trương: người hành Thanh văn thừa, mau thì ba đời được giải thoát, chậm thì sáu mươi kiếp. Người hành Bích chi Phật thừa, mau nhất phải cần bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp. Cách nói của “Đại Trí Độ Luận” và “Đại Tỳ Bà Sa Luận” giống nhau, cũng là Thanh văn tu theo con đường nhỏ hẹp, mau nhất là ba đời; nhưng trong Thanh văn cũng có tu theo con đường rộng lớn, như ngài Xá-lợi-phất, qua sáu mươi kiếp mới được giải thoát.

## 3. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1

*Hỏi: Người hành Thanh văn, Bích chi Phật thừa, khi nào mới vượt qua sanh tử đại hải?*

*Đáp: Người hành Thanh văn, hoặc là một đời đạt được, hoặc là hai đời, hoặc là hơn thế nữa, tùy theo căn cơ lợi hay đốn. Và do nhân duyên tu hành đời trước. Người hành Bích chi Phật, hoặc là bảy đời đạt được, hoặc là tám đời.*<sup>56</sup>

---

<sup>55</sup> Đại Chánh tập 25, trang 266c14~15.

<sup>56</sup> Đại Chánh tập 26, trang 20b1~6.

“Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” nói: Người hành Thanh văn thừa hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc nhiều hơn mới đạt được giải thoát, nhanh chậm không nhất định, đây là tùy theo căn cơ lợi đôn và nhân duyên tu hành đời trước mà có khác nhau. Nếu như đời quá khứ trồng nhân duyên rất sâu, thì giải thoát càng mau. Người hành Bích chi Phật thừa, cần bảy đời hay tám đời đắc độ, cách nói của “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” và “Đại Trí Độ Luận” có chút khác nhau.

## II. Người hành Đại thừa khi nào đắc thành Phật đạo?

### 1. “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101

*Phật thừa, trải qua ba vô số kiếp mới đạt được giải thoát.*<sup>57</sup>

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” nói: người tu Phật thừa, trải qua vô số kiếp đạt được giải thoát. Nói nghiêm túc, theo cách của Nhất Thiết Hữu Bộ, là ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu phước huệ, trăm kiếp tu tướng hảo, sau cùng mới ở dưới cội bồ-đề đoạn tận phiền não chứng thành Phật đạo.

### 2. “Đại Trí Độ Luận” quyển 4

*Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp làm công đức, vì*

---

<sup>57</sup> Đại Chánh tập 27, trang 525b20~21.

*độ chúng sanh, sao lại chỉ nói ba A-tăng-kỳ kiếp? Ba A-tăng-kỳ kiếp có giới hạn có số lượng.*<sup>58</sup>

### 3. “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1

*Nếu người hành Đại thừa: hoặc một Hằng hà sa đại kiếp, hoặc hai, ba, bốn cho đến mười, trăm, ngàn, vạn, ức, hoặc hơn số này, tu hành sau đó mới đạt được đầy đủ Thập địa thành tựu Phật đạo, cũng tùy theo căn cơ lợi鈍, và do nhân duyên tu hành đời trước.*<sup>59</sup>

Theo cách nói của “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” Đại thừa Bồ-tát hoặc một, hoặc hai, ba, bốn, trăm, ngàn, vạn, ức “hằng hà sa đại kiếp”, hoặc hơn số đó mới thành Phật đạo. Câu nói “hoặc hơn số đó”, là con số không thể tính được, cũng có thể nói là vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. “Đại Trí Độ Luận” nói đến: “Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp làm công đức, vì độ chúng sanh,... Ba A-tăng-kỳ kiếp có giới hạn có số lượng”. Cũng là nói, Bồ-tát nên phát tâm độ chúng sanh vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” cũng có cách nói tương tự như vậy, như “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 4 , ‘phẩm Kim Cang (phẩm Ma-ha-tát) thứ 13’ nói:

*Tu-bồ-đề thừa Đức Phật: “Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát*

---

<sup>58</sup> Đại Chánh tập 25, trang 92b7-9.

<sup>59</sup> Đại Chánh tập 26, trang 20b6-9.

sanh khởi đại tâm như thế nào, mà không thể hư hoại như kim cương?”

Đức Phật dạy Tu-bồ-đề: “Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh khởi tâm như thế này: ta nên vì trong vô lượng sanh tử đại thế trang nghiêm; ta nên xả hết tất cả những gì có, tâm ta nên bình đẳng với tất cả chúng sanh; ta nên dùng ba thừa độ thoát tất cả chúng sanh, khiến nhập vào vô dư Niết-bàn. Ta độ tất cả chúng sanh xong, không có cho đến một người nhập vào vô dư Niết-bàn; ta nên hiểu tướng bất sanh của tất cả pháp; ta nên thuận đem tâm tát-bà-nhã hành lục ba-la-mật; ta nên học trí huệ hiểu rõ tất cả pháp, ta nên hiểu rõ nhất tướng trí môn các pháp; ta nên hiểu rõ cho đến vô lượng tướng trí môn”.

Tu-bồ-đề! Đó là Bồ-tát ma-ha-tát sanh khởi đại tâm, không hư hoại như kim cương. Bồ-tát ma-ha-tát trụ trong tâm như vậy, ở trong chúng sanh nhất định đứng đầu trong chúng sanh, là pháp dụng không có sở đắc.

Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát nên sanh khởi tâm như vậy: Ta nên thay vì tất cả chúng sanh trong mười phương, nếu có chúng sanh trong cõi địa ngục, chúng sanh trong cõi súc sanh, chúng sanh trong cõi ngạ quỷ chịu các loại khổ đau; ta thay thế mỗi một chúng sanh chịu khổ địa ngục trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, cho đến khi chúng

*sanh nhập vào vô dư Niết-bàn. Thực hiện như vậy, vì các chúng sanh chịu sự cần lao khổ cực; khi chúng sanh nhập vào vô dư Niết-bàn, sau đó tự trồng thiện căn, vô lượng trăm ngàn vạn ức A-tăng-kỳ kiếp chúng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Tu-bồ-đề! Bồ-tát ma-ha-tát đại tâm không thể hoại như kim cang. Trụ ở trong tâm đó nhất định đứng đầu trong chúng sanh”<sup>60</sup>.*

Ở đây “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói về Bồ-tát, đem tâm đại bi, đại trí huệ trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp trước độ chúng sanh nhập vào vô dư Niết-bàn, sau đó tự mình mới thành Phật. “Đại Trí Độ Luận” đã nói “Phật nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp độ chúng sanh”, có thể là dẫn dụng từ “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”.

III. Vì sao người càng lợi căn lại càng chậm chứng đắc giải thoát?

Ở đây có hai vấn đề:

1. Xá-lợi-phất vì sao phải trải qua sáu mươi kiếp mới chứng đắc giải thoát?

Phần trên nói qua “người hành Thanh văn thừa, sớm là ba đời; chậm thì sáu mươi kiếp, như Xá-lợi tử”. Xá-lợi-phất là “trí huệ đệ nhất” trong hàng Thanh văn,

---

<sup>60</sup> Đại Chánh tập 8, trang 243b~c.



vì sao mà chậm giải thoát như vậy?

Liên quan đến Xá-lợi-phất, có một câu chuyện rất nổi tiếng, đó là sự tích mọc tròng mắt. Như trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 12 kể<sup>61</sup>:

Như khi ngài Xá-lợi-phất, trong sáu mươi kiếp hành đạo Bồ-tát, muốn vượt qua sông bồ thí, bấy giờ có kẻ ăn xin đến xin con mắt. Ngài nói: “Con mắt không dùng được chi, xin nó làm gì? Nếu cần thân tôi và tài vật, thời tôi sẽ đem cho!” Người kia đáp: “Không cần thân ông và tài vật, chỉ muốn được con mắt thôi. Nếu ông thực hành bồ thí, hãy lấy con mắt cho tôi”. Bấy giờ, Ngài móc một con mắt cho, người ăn xin được mắt, liền ở trước mặt Ngài, người rồi chê thối, nhổ nước miếng xong quăng xuống đất; lại lấy chân chà đạp. Xá-lợi-phất suy nghĩ rằng: “Hạng người tệ như vậy, khó có thể độ được. Con mắt thật vô dụng, mà cố xin cho được, được rồi quăng đi, lại lấy chân chà đạp, sao tệ lắm thế. Hạng người như vậy, không thể độ được; chẳng bằng tự điều phục, sớm thoát vòng sanh tử”. Suy nghĩ thế xong, thôi lui đạo Bồ-tát đổi hướng về Tiểu thừa.

Xá-lợi-phất trước đó vốn phát tâm tu hành Đại thừa quảng đại hạnh, sau đó thối tâm chứng quả Thanh văn,

---

<sup>61</sup> Đại Chánh tập 25, trang 145a18~29.

do đó Ngài chứng đắc giải thoát chậm hơn, cần phải sáu mươi kiếp.

## 2. Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa ai lợi căn nhất?

Mọi người đều biết, Phật thừa là lợi căn nhất, trung căn là Bích chi Phật, hạ căn là Thanh văn. Nhưng vì sao Đại thừa Bồ-tát càng lợi căn, càng thượng căn, ngược lại chậm đắc giải thoát như vậy? Thật ra “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 101 đã cho chúng ta lời giải đáp:

*Người tu theo con đường nhỏ hẹp đó, nhanh nhất là một đời trông thiện căn, trong đời thứ hai khiến nó thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát; ngoài ra không quyết định...*

*Người tu theo con đường rộng lớn đó, Thanh văn thừa nếu chậm nhất, thì trải qua sáu mươi kiếp đạt được giải thoát, như Ngài Xá-lợi tử.*

*Độc giác thừa, trải qua trăm kiếp đạt được giải thoát, như Lâm giác dụ. Phật thừa, trải qua ba vô số kiếp mới đạt được giải thoát.<sup>62</sup>*

Lại như “Đại Tỳ Bà Sa Luận” quyển 83 nói:

*Đạt được đại gia hành nên gọi là đại bi, chẳng phải*

---

<sup>62</sup> Đại Chánh tập 27, trang 525b15~21.

*như Thanh văn Bồ-đề chỉ trải qua sáu mươi kiếp tu gia hành đạt được, Độc giác Bồ-đề chỉ trải qua trăm kiếp tu gia hành đạt được. Như Lai đại bi ba vô số kiếp, tu tập trăm ngàn nan hành khổ hạnh mới đạt được, nên gọi là đại bi.*<sup>63</sup>

Cũng là nói hàng Thanh văn tu theo con đường nhỏ hẹp, chỉ chú trọng giải thoát của mình, vì vậy mau chóng đắc giải thoát; mà Đại thừa Bồ-tát tu theo con đường rộng lớn, họ không chỉ tự mình chứng đắc giải thoát mà còn lấy tâm đại bi hóa độ chúng sanh. Tuy nhiên hàng Thanh văn cũng có tu theo con đường rộng lớn như Xá-lợi-phất, trong sáu mươi kiếp tu gia hành, có “bi” tâm, nhưng không thể so với Như Lai trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu tập trăm ngàn nan hành khổ hạnh mà đạt được “đại bi”. Tuy nhiên cuối cùng đều là đắc giải thoát, nhưng “bi” và “đại bi” không đồng, thời kiếp tu hành cũng có những chỗ khác nhau.

Chúng ta nêu một ví dụ, một căn phòng, phía trong có rất nhiều người, đột nhiên căn phòng bị cháy, có người rất nhanh chạy ra ngoài, sau khi chạy ra ngoài rồi không còn trở lại nữa. Có người sau khi căn phòng bị cháy, họ dẫn theo hai người cùng chạy. Có người chỉ dẫn mọi

---

<sup>63</sup> Đại Chánh tập 27, trang 428b26~29.

người thoát thân, sau khi dẫn người thoát thân xong rồi lại quay trở lại, ra lại vào, vào lại ra, cho đến cuối cùng, khi bất đắc dĩ mới từ bỏ. Ví dụ này, tôi nghĩ mọi người có thể hiểu, tuy cuối cùng mọi người đều có thể ra ngoài, đều được giải thoát, nhưng Bồ-tát vì làm nhiều lợi ích cho chúng sanh, họ bỏ thời gian ra rất dài, họ để mình ở sau cùng. Sẽ có người nói, cuối cùng đều được giải thoát, vì sao họ phải bỏ ra thời gian dài như vậy? Trên sự thật họ không phải lo bản thân mà vì chúng sanh.

#### IV. Có phải nhất định trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật đạo?

Phần trên nói đến: “Đại Tỳ Bà Sa Luận” chủ trương người tu Phật thừa, trải ba vô số kiếp mới được giải thoát; “Đại Trí Độ Luận” thì nói Bồ-tát phải trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Nhưng “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”, “Đại Trí Độ Luận” cũng nhắc đến chúng sanh lợi căn, như Bồ-tát thừa thần thông hành, họ rất mau đạt thành tựu.

##### 1. “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”: Bồ-tát lợi căn có ba loại

“Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” quyển 2 ‘Vãng Sanh phẩm thứ 4’ (Đại Chánh tập 8, trang 226a6~15) nói:

*Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, hành*

*lục ba-la-mật, đạt được Bồ-tát vị, chứng đắc Bát thối địa.*

*Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, liền được vô thượng chánh đẳng chánh giác, chuyển pháp luân, với vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh làm lợi ích sâu dày xong, nhập vào vô dư Niết-bàn; là Phật sau khi nhập Niết-bàn, giáo pháp còn lại trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp.*

*Xá-lợi-phất! Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, tương ưng với Bát-nhã ba-la-mật, với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ quốc độ Phật này đến quốc độ Phật kia, vì tịnh Phật quốc độ.<sup>64</sup>*

“Vãng Sanh phẩm” trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” nói đến hơn bốn mươi loại Bồ-tát, trong đó có ba loại Bồ-tát này rất lợi căn.

#### **A. Loại Bồ-tát lợi căn thứ nhất**

“Bồ-tát ma-ha-tát” đó là Bồ-tát đại sĩ. Có một loại Bồ-tát “khi mới phát ý”, thì có thể “hành lục ba-la-mật, đạt được Bồ-tát vị”. “Bồ-tát vị” và “Bồ-tát địa” ở đây không giống nhau, chỗ này ngài Cưu-ma-la-thập dịch “Bồ-tát vị” là “Bồ-tát chánh tánh ly sanh”, “Đại Trí Độ Luận” đối với “Bồ-tát vị” có nhiều cách giải thích, trong

---

<sup>64</sup> “Đại Trí Độ Luận” quyển 38, Đại Chánh tập 25, trang 342b20-27.

đó một loại tương đương với kiến đạo vị của Đại thừa, giai đoạn chứng đắc vô sanh pháp nhẫn. Bồ-tát chánh tánh ly sanh, “chứng đắc bất thối địa”. Vì vậy loại Bồ-tát này rất lợi căn, họ không phát tâm thì thôi, một khi phát tâm thì có thể hành lục ba-la-mật, chứng đắc đến Bất thối chuyển địa, họ cũng không lo sợ thối chuyển xuống Nhị thừa.

### **B. Loại Bồ-tát lợi căn thứ hai**

“Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát tâm, liền được vô thượng chánh đẳng chánh giác”, Bồ-tát này rất lợi căn, một khi phát tâm liền đắc vô thượng bồ-đề, “chuyển pháp luân, với vô lượng A-tăng-kỳ chúng sanh làm lợi ích sâu dày xong, nhập vào vô dư Niết-bàn”; khi họ còn ở đời chuyển pháp luân, sau mới nhập vô dư Niết-bàn. Mà sau khi nhập vô dư Niết-bàn, “giáo pháp còn lại trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp”. Bản Tôn sau khi nhập diệt, còn lưu lại hóa Phật độ hóa chúng sanh khoảng một kiếp. Đây trong Kinh Luận thường nói như vậy.

### **C. Loại Bồ-tát lợi căn thứ ba**

“Khi Bồ-tát ma-ha-tát mới phát ý, tương ưng với Bát nhã ba-la-mật, với vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ quốc độ Phật này đến quốc độ Phật kia, vì tịnh Phật quốc độ”. Những vị Bồ-tát này là có thần thông, từ một Phật quốc

này đến từ một Phật quốc khác, họ dùng thần thông bay tới lui, không phải bên đây ăn, bên kia uống lo du ngoạn thôi, mà vì cúng dường chư Phật, tịnh thể giới Phật, đi học hỏi các tướng tốt đẹp ở các nơi, lựa chọn các thú tịnh diệu trang nghiêm thể giới khác, trang nghiêm quốc độ của mình.

## 2. Năm loại Bồ-tát trong “Đại Trí Độ Luận”

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 đối với lợi căn Bồ-tát trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, phẩm Vãng Sanh” giải thích như sau:

*Có ba loại Bồ-tát, lợi căn tâm kiên cố, trước khi chưa phát tâm, từ lâu đã tích tập vô lượng phước đức trí huệ; người này gặp Phật, nghe pháp Đại thừa, phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức thời hành lục độ ba-la-mật, nhập vào Bồ-tát vị, chứng đắc Bất thối địa. Tại vì sao vậy? Trước tích tập vô lượng phước đức, lợi căn tâm kiên cố, từ Phật nghe giáo Pháp. Ví như đi xa, 1. Hoặc cỡi dê để đi, 2. Hoặc cỡi ngựa để đi, 3. Hoặc dùng thần thông đi.*

*Người cỡi dê đi lâu mới đến; người cỡi ngựa đến nhanh hơn; người dùng thần thông, trong thời gian một ý niệm đã đến nơi. Như vậy không thể nói trong thời gian một ý niệm đã đến nơi? Vì sử dụng thần thông,*

*không nên sanh tâm nghi ngờ! Bồ-tát cũng như vậy, khi phát vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức nhập vào Bồ-tát địa.<sup>65</sup>*

“Đại Trí Độ Luận” nói: Bồ-tát có lợi căn tâm kiên cố, trước khi chưa phát tâm có thể chưa nghe đến pháp Đại thừa, chưa có chân chánh phát tâm đại bồ-đề, nhưng những việc làm của họ, đã tích lũy phước đức trí huệ tu lương. Lúc trước khi gặp Phật, họ còn không biết pháp Đại thừa chân chánh là gì, nhưng sau khi gặp Phật, lắng nghe pháp Đại thừa, lập tức liền phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, hành lục ba-la-mật, còn rất nhanh nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh, chứng đắc đến bất thối chuyển. Giống như có người trước khi bước vào cửa Phật, ở thế gian họ đã làm các việc thiện, phục vụ nhân quần, những người này đã tích lũy rất nhiều phước đức trí huệ, sau khi bước vào cửa Phật liền tiến bộ rất nhanh.

Có người cảm thấy kỳ lạ, vì sao Bồ-tát mau chứng đắc bất thối chuyển? “Đại Trí Độ Luận” đã dẫn một bộ Kinh, đời Nguyên Ngụy Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi đã dịch “Kinh Nhập Định Bất Định Ấn”<sup>66</sup>, phù hợp cùng với đây, bộ Kinh nói về “bất tất định nhập” và “định nhập”. Ý

---

<sup>65</sup> Đại Chánh tập 25, trang 342b28~c9.

<sup>66</sup> Đại Chánh tập 15, trang 699c.



nghĩa của “định nhập” là nhất định thành Phật, “bất tất định nhập” là không nhất định thành Phật, khi nào thành Phật còn chưa biết rõ.

Dưới đây “Đại Trí Độ Luận” nói về đi xe dê, đi xe ngựa, dùng thần thông đi, dẫn dụng từ bộ kinh này. Ở đây nói: người đi xe dê rất lâu mới tới, người đi xe ngựa nhanh hơn một chút, người đi bằng thần thông một khi khởi tâm động niệm rất nhanh là tới rồi. Lợi căn Bồ-tát cũng giống như thần thông, một khi phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức nhập vào Bồ-tát vị. Tiếp theo thuận theo đó nói đến đi xe dê và đi xe ngựa.

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38<sup>67</sup> nói:

A. Có Bồ-tát khi mới phát ý, ban đầu tâm tốt, sau đó lẫn tạp các điều không tốt, lúc nào cũng nghĩ, ta cầu Phật đạo, đem công đức này hồi hướng về vô thượng chánh đẳng chánh giác; người này trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp rất lâu, hoặc đến hoặc không đến. Đòi trước phước đức nhân duyên ít, mà lại đôn căn, tâm không kiên cố, như người đi bằng xe dê.

B. Có người đòi trước, có chút phước đức lợi căn, phát tâm từ từ hành lục ba-la-mật, trải qua hoặc ba, hoặc mười, hoặc trăm A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc vô thượng

---

<sup>67</sup> Đại Chánh tập 25, trang 342c9~18.

chánh đấng chánh giác; như đi bằng xe ngựa nhất định đến nơi.

C. Có người dùng thần thông để đi, như trên đã nói qua.

Là ba loại phát tâm: một là tội nhiều phước ít, hai là phước nhiều tội ít, ba là chỉ hành thanh tịnh phước đức.

### **1. Loại Bồ-tát thứ nhất: như Bồ-tát đi bằng xe dê**

Loại Bồ-tát này, lúc mới phát tâm đương nhiên là tốt, nhưng không phải niệm niệm đều thuần là thiện, có khi thiện, có khi không tốt, vì vậy nói “sau đó lẫn tạp các điều không tốt”. Loại Bồ-tát này, nhân vì đời trước phước đức nhân duyên mỏng, căn tánh lại chậm lụt, tâm không kiên cố, trải qua rất lâu vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành, có thể đạt được vô thượng chánh đấng chánh giác, có thể không được, trong kinh ví dụ là “như người đi bằng xe dê”. Bồ-tát đi xe dê này là “bất tất định nhập”, cũng không nhất định là thành Phật.

### **2. Loại Bồ-tát thứ hai: như Bồ-tát đi bằng xe ngựa**

Loại Bồ-tát này căn tánh lanh lợi hơn, phước đức cũng tốt hơn, “phát tâm từ từ hành lục ba-la-mật, trải qua hoặc ba, hoặc mười, hoặc trăm A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc vô thượng chánh đấng chánh giác; như đi bằng xe ngựa nhất định đến nơi”. Bồ-tát đi bằng xe ngựa này là

“định nhập”, tuy nhiên là chậm một chút, nhưng họ nhất định sẽ thành Phật.

### 3. Loại Bồ-tát thứ ba: Bồ-tát lợi căn nhập nguyệt thần thông hành (hạ phẩm)

Bồ-tát đi bằng thần thông, đã hành phước đức thanh tịnh, một khi phát đại bồ-đề tâm, rất nhanh chóng đắc bất thối chuyển. Cũng là thần thông hành, lại có phân hạ, trung, thượng không đồng, “Kinh Nhập Định Bất Định Ấn” phân biệt đặt thêm tên gọi: Nhật nguyệt thần thông hành, Thanh văn thần thông hành, Như lai thần thông hành. Như “Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

*“Thanh tịnh có hai loại: một là khi sơ phát tâm, tức chứng đắc Bồ-tát đạo, hai là Tiểu trụ; cúng dường mười phương chư Phật, thông đạt Bồ-tát đạo, nhập vào Bồ-tát vị, tức là Bất thối địa. Ý nghĩa Bồ-tát Bất thối địa, phần trên đã nói qua”*.<sup>68</sup>

Bồ-tát này tương đương với lợi căn Bồ-tát thứ nhất trong “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã”, “Đại Trí Độ Luận” lại phân thành hai loại: một loại là khi phát tâm lập tức liền chứng đắc Bất thối chuyển, loại thứ hai là chậm hơn một chút. Vì vậy gọi là “Tiểu trụ”, phải cúng dường mười phương Phật, sau khi thông đạt Bồ-tát đạo, mới nhập vào

<sup>68</sup> Đại Chánh tập 25, trang 342c18~21.

Bồ-tát vị.

**4. Loại Bồ-tát thứ tư: Lợi căn Bồ-tát Thanh văn thần thông hành (trung phẩm)**

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

*Có Bồ-tát, rất chán thế gian, đời đời đến nay, thường thích chơn thật, ghét sự giả dối. Bồ-tát này cũng lợi căn, tâm kiên cố, tích tập lâu dài phước đức trí huệ, khi sơ phát tâm, liền chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức thời chuyển pháp luân, độ vô lượng chúng sanh, nhập vô dư Niết-bàn; pháp trụ một kiếp, hoặc gần một kiếp, lưu lại hóa thân Phật để độ chúng sanh. Phật có hai loại thần thông lực: một là khi còn ở đời; hai là sau khi nhập diệt. Ý nghĩa của kiếp, phần trên đã nói qua. Trong thời gian kiếp đó, hóa độ chúng sanh rất nhiều.<sup>69</sup>*

Loại Bồ-tát này cũng là lợi căn tâm kiên cố, tích tập rất lâu vô lượng phước đức trí huệ, khi ban đầu mới phát tâm, liền chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức chuyển pháp luân độ chúng sanh; sau khi nhập vào vô dư Niết-bàn, thần thông lực vẫn còn lưu lại hóa thân Phật để độ chúng sanh, khiến cho Phật pháp còn trụ thế một kiếp, hoặc gần một kiếp. “Kiếp” là đơn vị tính

---

<sup>69</sup> Đại Chánh tập 25, trang 342 c21~28.

toán thời gian của Phật giáo, một đơn vị thời gian rất dài.

**5. Loại Bồ-tát thứ năm: Lợi căn Bồ-tát Như lai thần thông hành (thượng phẩm)**

“Đại Trí Độ Luận” quyển 38 nói:

*Có Bồ-tát lợi căn tâm kiên cố, tích tập phước đức lâu dài, phát tâm liền tương ưng với Bát nhã ba-la-mật, đạt được sáu loại thần thông; với vô lượng chúng sanh, cùng xem mười phương thế giới thanh tịnh, để trang nghiêm quốc độ mình. Như Đức Phật A Di Đà, đời trước là Tỳ-kheo Pháp Tạng, đi đến khắp mười phương, xem quốc độ thanh tịnh, chọn lựa quốc độ thanh tịnh vi diệu, để trang nghiêm quốc độ mình.<sup>70</sup>*

“Đại Trí Độ Luận” nêu lên một ví dụ thực tế, “Như Đức Phật A Di Đà” là thuộc về Bồ-tát lợi căn này. “Đời trước là Tỳ-kheo Pháp Tạng, đi đến khắp mười phương, xem quốc độ thanh tịnh, chọn lựa quốc độ thanh tịnh vi diệu, để trang nghiêm quốc độ mình”. Bồ-tát khi phát tâm, liền cùng với rất nhiều vị Bồ-tát từ Phật độ này đến Phật độ khác, không phải vì du ngoạn, trên thực tế là họ đến các nơi Phật quốc thanh tịnh, tuyển chọn các thứ tịnh diệu đến trang nghiêm thế giới cực lạc, đây không phải là

---

<sup>70</sup> Đại Chánh tập 25, trang 342 c28~343a4.

trang sức thôi, trên thực tế muốn cho chúng sanh có một hoàn cảnh tu học tốt đẹp.

Chúng ta từ “Đại Trí Độ Luận” đã nêu đi bằng xe dê, đi bằng xe ngựa và loại thứ ba là đi bằng thần thông, tất cả có năm loại Bồ-tát, trong đó loại Bồ-tát thứ ba Nhật nguyệt thần thông hành, loại Bồ-tát thứ tư Thanh văn thần thông hành, loại Bồ-tát thứ năm Như lai thần thông hành, tức là “Kinh Đại Phẩm Bát Nhã” đã nói ba loại lợi căn Bồ-tát. Liên quan đến ba loại lợi căn Bồ-tát này, Ngài Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” từ trang thứ 414 đến 415 giải thích cụ thể. Ngài đem Nhật nguyệt thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Đảnh vị”, đem Thanh văn thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Sơ địa”, đem Như lai thần thông hành xếp ở “Bồ-tát Sơ địa trở lên”, các vị có thể tham khảo.

## V. Cách nhìn của “Đại thừa Khởi Tín Luận” đối với thời gian kiếp số để thành Phật

“Đại Tỳ Bà Sa Luận” của Nhất thiết hữu bộ chủ trương ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật; “Đại Trí Độ Luận” tuy nói đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo, cũng có nói tới lợi căn Bồ-tát có thể mau chóng thành Phật; Chân Đế dịch “Nhiếp Đại Thừa Luận”, cũng nói là ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng cũng có người chủ trương bảy

A-tăng-kỳ kiếp hoặc ba mươi ba A-tăng-kỳ kiếp.<sup>71</sup> “Đại Thừa Khởi Tín luận” quyển 11 nêu lên cách nói khác:

*Vị Bồ-tát ấy trong khoảng một niệm, có thể đến khắp thập phương thế giới không có thiếu sót, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, chỉ vì để khai thị dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nương với văn tự. Hoặc khi vì các chúng sanh khiếm nhược, thị hiện siêu việt tất cả địa mà sớm thành chánh giác. Hoặc khi vì những chúng sanh giải đãi, ngã mạn, mà nói rằng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về sau, mới thành Phật đạo. Lại có thể thị hiện vô số phương tiện, như thế không thể nghĩ bàn. Nhưng sự thật thì các vị Bồ-tát chủng tánh và căn cơ đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chứng được cũng bình đẳng, không có cái pháp vượt bậc. Do tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau.<sup>72</sup>*

“Đại Thừa Khởi Tín Luận” nói: “Vị Bồ-tát ấy trong khoảng một niệm, có thể đến khắp thập phương thế giới không có thiếu sót, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển

---

<sup>71</sup> Chân Đế dịch “Nhiếp Đại Thừa Luận Thích” quyển 11, Đại Chánh tập 31, trang 229b14~19; Đại Chánh tập 31, trang 230a25~28; Đại Chánh tập 31, trang 231b23~27.

<sup>72</sup> Đại Chánh tập 32, trang 581a29~b9.

pháp luân, chỉ vì để khai thị dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nương với văn tự. Hoặc khi vì các chúng sanh khiếp nhược, thị hiện siêu việt tất cả địa mà sớm thành chánh giác”. Đây là vì có chúng sanh khiếp nhược, một khi nghe đến tu hành phải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, họ liền thối chí nản lòng, nói không có hy vọng gì! Để vì chỉ dạy chúng sanh này, nói rất nhanh là có thể thành chánh giác, để cho họ có một chút tín tâm.

Ngoài ra, có một loại chúng sanh giải đãi, kiêu ngạo một chút, họ thấy có Bồ-tát mau thành Phật, vậy thì ta cũng nhất định rất mau, nên giải đãi. Họ nghĩ thành Phật đã nhanh như vậy, ta làm biếng một chút, đợi khi nào muốn thành Phật, ta cũng rất mau có thể thành tựu. Nhưng trên sự thật làm gì mà dễ dàng như vậy, nếu như hiện tại chúng ta không cất bước, đợi mười năm, hai mươi năm sau, tức khiến trăm, kiếp ngàn kiếp sau đều không thấy đến thành tích! Vì vậy đối với loại chúng sanh giải đãi, kiêu ngạo này, Phật mới nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật đạo.

Đây là đứng trên lập trường của chúng sanh mà hiển thị những cách không đồng, có khi hiển thị mau thành Phật, có khi hiển thị chậm một chút, nên nói “có thể thị hiện vô số phương tiện, như thế không thể nghĩ bàn”. Sự



hiện thị đối với chúng sanh như thế.

Dưới đây là nói đến bản thân Bồ-tát tu hành.

“Nhưng sự thật thì các vị Bồ-tát chủng tánh và căn cơ đều bình đẳng, phát tâm cũng bình đẳng, chứng được cũng bình đẳng”, căn là thiện căn, chủng tánh và thiện căn bình đẳng, mà phát tâm cũng giống nhau, chứng đắc cũng giống nhau. “Không có cái pháp vượt bậc”, là nói mỗi người phiền não nhiều, phải trải qua lộ trình dài, cần phải tích lũy phước đức trí huệ tư lương đều giống nhau, không có nói người nào đó có thể tu ít hơn chút, không có chuyện đó! Mọi người đều giống nhau, vì vậy không có pháp nào vượt bậc.

Do tất cả Bồ-tát đều trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau.

Tóm lại, “Đại thừa Khởi Tín Luận” có một cách nhìn đặc biệt: không quản là cách thuyết pháp của Kinh Luận có nhiều bất đồng, thì thật mà nói, nhất định là ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo; nhưng tùy theo căn tánh của chúng sanh, các sự ham thích không đồng, sự thị hiện về thời gian thành Phật đạo cũng dài ngắn không giống nhau, có khi chậm một chút, có khi nhanh một chút.

Lời giải thích trích ở trang 334 trong “Đại Thừa Khởi Tín Luận Giảng Ký” của đạo sư Ấn Thuận, để cho đại chúng tham khảo.

Bởi vì “tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp” mới thành Phật, đây là điều mà tất cả Bồ-tát đều như thế. Từ Sơ trụ cho đến viên mãn Thập hồi hướng, là A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất; từ Sơ địa cho đến Thất địa mãn tâm, là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai; từ Bát địa cho đến Thập địa viên mãn, là A-tăng-kỳ kiếp thứ ba. Chủng tánh, thiện căn, phát tâm, chứng ngộ, đều là giống nhau; đến khi viên mãn thành Phật, thì chư Phật bình đẳng với chư Phật. “Chỉ do tùy thuận chúng sanh thế gian không đồng, chỗ thấy chỗ nghe, căn dục tánh khác nhau, nên Bồ-tát thị hiện việc làm cũng có khác nhau”. Căn khác nhau, là căn cơ lợi鈍 (thượng, trung và hạ) có khác; dục khác nhau, tức sự yêu thích và đam mê có khác; tánh khác nhau, tức tập quán huân nhiễm có khác. Trong mười năng lực giám sát căn cơ của Như Lai, thì có Căn thắng liệt trí lực (căn), Chủng chủng thắng giải trí lực (dục), Chủng chủng giới trí lực (tánh). Nhân vì chúng sanh ở các thế giới khác nhau, do đó thấy nghe không đồng, căn, dục và tánh cũng bất nhất, nên chẳng thể không thị hiện các loại hành khác nhau; nhưng trên thực tế thì hành trình của Bồ-tát là giống nhau.

Đạo sư Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 413 cũng nói đến: “Đại thừa Khởi Tín Luận” phần quyết trạch: Kinh nói không nhất định, là cách nói phương tiện; từ thành tựu tín tâm cho đến thành Phật, thì thực chất phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp”. Đây là quan điểm của “Đại thừa Khởi Tín Luận”.

## VI. Hai cách giải thích về từ A-tăng-kỳ kiếp

Đạo sư Ấn Thuận trong “Con Đường Thành Phật (bản thêm phần chú thích)” trang 413~414 đưa ra một quan niệm, tôi (tác giả) cho rằng quan niệm này rất tốt, hai cách giải thích về từ A-tăng-kỳ kiếp, một là “Thời gian kiếp”, hai là “Đức hạnh kiếp”.

“Thời gian kiếp” là tiêu chuẩn khách quan được đặt ra của mọi người, ví dụ nói, chúng ta bảy giờ tối bắt đầu học, đây là thời gian mọi người cùng đồng ý. Nhưng trên sự thật, đối với thời gian mỗi người đều có cảm giác không giống nhau, có khi cảm giác thời gian trôi qua rất nhanh, có khi thời gian trôi đi rất chậm! Thời gian theo “Trung Luận” nó là tánh Không. Thời gian kiếp là thời gian mọi người cùng chấp nhận, từ lúc nào bắt đầu, trải qua bao lâu thời gian, thì đạt đến mục đích.

Ngoài ra “Đức hạnh kiếp” là từ đức hạnh, tính bằng

công đức.

Ví dụ muốn hoàn thành một công việc, tốn bao nhiêu thời gian hoàn thành và hiệu suất cao thấp có quan hệ rất lớn. Giả thiết cần xây một ngôi nhà phải cần sáu tháng, nhưng nếu hiệu suất cao, kỹ thuật khéo, có khi xây xong nhanh hơn. Nhưng, nếu thiếu vật liệu lại lười biếng, thời tiết xấu v.v.. các nhân tố ảnh hưởng, ngày công tất kéo dài, khi nào hoàn thành công việc cũng không quyết định được. Vì vậy nếu nói hiệu suất cao, chuyên tâm thật lòng, phương tiện thiện xảo các phương diện đều đầy đủ, tu hành đương nhiên sẽ rất nhanh.

Phần trên có nhắc đến các bộ Kinh Luận cách giảng giải không giống nhau, có khi nói ba A-tăng-kỳ kiếp, hoặc nói vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành Phật đạo v.v..., nhưng trong “Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận” quyển 1 nói: “*Cũng tùy căn tánh lợi đốn, và nhân duyên tu hành đời trước*”<sup>73</sup>, vì vậy tu hành nhanh chậm trừ căn tánh lợi độn ra, trong đời quá khứ có quảng tích phước đức trí huệ tu lương, còn phải xem cá nhân có dụng tâm, thời gian chỉ là một đại khái, Đạo sư Ân Thuận đưa ra Thời gian kiếp, Đức hạnh kiếp, có thể lấy đó làm tham khảo.

---

<sup>73</sup> Đại Chánh tập 26 trang 20b9.

**THÍCH HẬU QUÁN**

釋厚觀法師 著述

# PHƯỚC HUI TẬP 2

福慧集(二)

Việt dịch:

**THÍCH VẠN LỢI, THÍCH NỮ LỆ TRÚC,  
THÍCH NỮ HẠNH TÍN, THÍCH NỮ PHƯỚC NGỌC**

越南文翻譯：釋萬利，釋麗竺，釋行信，釋福玉

**Printed and donated by**

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

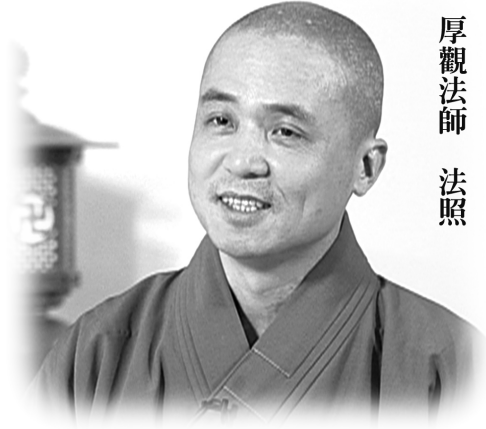
**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

## Lời ngỏ

Thích Hậu Quán

Từ tháng 6/2010 cho đến tháng 5/2013, tác giả đã hoàn thiện quyển sách Phước Huệ Tập 1 và đã qua ba lần tái bản với tổng số lượng lên tới 9000 bản.



厚  
觀  
法  
師  
法  
照

Sau một thời gian lưu hành rộng rãi, quyển sách Phước Huệ Tập đã nhận được rất nhiều những phản hồi tích cực từ người đọc vì vậy một số nhà xuất bản của Malaysia cũng gửi thư bày tỏ mong muốn được xin bản quyền để xuất bản phục vụ cho quá trình tu học của quý Tăng Ni và Phật tử.

Trong quá trình làm việc cùng nhau, cư sĩ Lai Kim Quang đã giới thiệu thầy Vạn Lợi cùng một số thầy cô khác với tôi và có bày tỏ nguyện vọng dịch quyển sách này ra tiếng Việt để lưu hành trong nước. Đối với một người viết sách đây có thể nói là một niềm vui và đồng thời cũng là động lực để tác giả tiếp tục cho ra đời quyển sách Phước Huệ Tập 2.

Đến tháng 2 năm 2013, tác giả tiếp tục phát hành “Phước Huệ Tập 2”. Khác với Phước Huệ Tập 1, đây là quyển sách tuyển tập các câu chuyện trong Kinh điển, chỉ với thời gian khoảng nửa năm, sách đã in tới 8000 quyển, mọi người ai nấy đều hân hoan đón nhận. Để chứng minh cho điều này, tác giả đã nhận được rất nhiều các email cảm ơn và chia sẻ quý vị Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử. Đặc biệt trong đó có câu chuyện của một người mẹ. Cô đã đem một câu chuyện trong đó kể cho con gái đang học tiểu học của mình nghe, cô bé rất thích và nói với: “Mẹ ơi! Sao mẹ chỉ



kể có một câu chuyện thôi? Mẹ kể cho con nghe hai câu chuyện luôn được không!” Người mẹ kể hai câu chuyện, thì con gái tiếp tục muốn mẹ kể thêm câu chuyện nữa. Bên cạnh đó có nhiều thầy cô giáo đã dùng những câu chuyện này để giảng dạy cho học sinh và họ đều nhận thấy hiệu quả giáo dục rất tốt.

Những câu chuyện trong Kinh điển ghi lại lời dạy trí tuệ của đức Phật về cuộc sống, trong đó không chỉ tùy theo căn cơ, tâm tính, thời gian và địa điểm của tất cả mọi người mà đức Phật còn giảng dạy thích hợp; còn về nội dung thì sâu sắc nhưng dễ nhớ dễ thuộc, điều đặc biệt là những câu chuyện ấy làm cho chúng ta phải thức tỉnh trên nhiều phương diện.

Trong đó tại sao đức Phật nói mình chính là người lái đò? Là người biết canh tác ruộng đồng? Ngoài ra, sống trên đời này một khi lìa trần thì mang theo cái gì? Nếu quý vị muốn biết được đáp án, thì cuốn sách “Phước Huệ Tập

2” sẽ trả lời điều đó.

Thầy Vạn Lợi, cô Lê Trúc, cô Hạnh Tín, cô Phước Ngọc cho rằng, các câu chuyện trong Kinh điển có nội dung rất phong phú, nhưng nguyên văn trong Hán tạng thì thuộc văn cổ rất khó hiểu, nay được tác giả dùng văn hiện đại để giải thích thì rất dễ tiếp cận. Quý thầy cô nhận định rằng: “Phước Huệ tập 2” rất cần để giới thiệu đến Phật giáo Việt Nam, vì vậy đã phát tâm dịch ra tiếng Việt để lưu hành.

Khi công việc phiên dịch cuốn sách đi đến giai đoạn gần hoàn thiện, thầy Vạn Lợi có ngỏ ý mong tôi viết lời giới thiệu cho bản tiếng Việt, tôi cảm thấy rất vui mừng, và cảm ơn quý vị đã phát tâm, cư sĩ Lai Kim Quang v.v... xúc tiến và các vị ủng hộ tinh tài để xuất bản, thân chúc quý vị được kiết tường như ý, phước huệ viên mãn!

## Mục lục

- Lời ngỏ ..... 3
- Mục lục ..... 7
- Học viện Phước Nghiêm Đài Loan, ngày 14 tháng 5 năm 2013  
Cây gậy cong còn hơn đũa con bất hiếu ..... 9
- Giấy gói hương và dây buộc cá ..... 16
- Đức Phật Cũng Cày Ruộng ..... 21
- Thợ làm cung biết khắc góc cạnh, người lái thuyền biết điều mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều thân ..... 27
- Phật Độ Người Lái Đò ..... 34
- Phạm chí ngâm nước xúc miệng nhỏ trong bát ngài Xá Lợi Phất ..... 40
- Buông xả cung tên dao búa ở trong tâm ..... 45
- Ưu não ngu si không bỏ, đao kiếm tên độc làm sao bớt... 54
- Nhân Duyên Đức Phật Hóa Độ Bà Lão Trong Thành Xá Vệ ..... 62
- Đức Phật nói Kinh Nhũ Quang Phật ..... 83
- Câu Chuyện “Nhân duyên Phật Ca Sa Vương chứng quả mà bị trâu húc chết” (Phần 1) ..... 96
- Câu chuyện “ Nhân duyên vua Phật Ca Sa chứng quả mà bị trâu húc chết” búa rìu trong miệng, sở dĩ bị mất mạng do vì

ác ngôn của mình. (Phần 2).....	105
● Trang Nghiêm Thì Ảnh Đẹp, Dơ Dáy Thì Hình Xấu.....	115
● Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý.....	127
● Lỗi lầm của sự sân hận.....	143
● Nửa Đêm Hái Trộm Dưa .....	157
● Người trí muốn diệt khổ nên từ tâm, không phải từ thân.160	
● Bàn cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, hiểm nguy trì giới khó, tráng kiện xả dục khó.....	173

## Cây gậy cong còn hơn đũa con bất hiếu

Tôi chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện, được trích trong “Kinh Tạng A Hàm” Kinh số 96, kinh này cũng giống như Kinh “Biệt Dịch Kinh Tạng A Hàm” kinh số 262. Hiện tại chúng ta lấy “Kinh Tạng A Hàm” Kinh số 96 làm chính, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 2 trang 26a~b.

Vào một buổi sáng sớm tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, đức Phật mặc Tăng phục đến nước Xá Vệ khát thực, Ngài nhìn thấy một vị Bà La Môn tuổi đã rất lớn, thân thể suy yếu, cũng chống gậy cầm bát đi khát thực từng nhà, từng nhà một.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn liền hỏi vị này: “Tuổi của ông đã lớn, sức khỏe quá suy yếu, bước đi không vững, cần phải chống gậy, sao ông cũng cầm bát đến từng nhà đi khát thực, chúng tôi là những người xuất gia mới đi khát thực, lẽ nào con cái của ông không hiếu kính? Tại sao ông lại rơi

vào hoàn cảnh thế này?”

Bà La Môn trả lời: “Tôi đem tất cả tài sản giao phó cho con, cưới vợ gả chồng cho chúng, cuối cùng vợ chồng chúng chỉ lo hưởng thụ, bỏ mặc người cha già này, đuổi tôi ra khỏi nhà, tôi đi đứng không thuận tiện, bắt đắ dĩ chi biết chống gậy, ôm bát, đi từng nhà một xin ăn.”

Đức Phật nói với Bà La Môn: “Bây giờ tôi nói cho ông một bài kệ, ông nên ghi nhớ, lúc nào về đến nhà, đứng trước mọi người, trong khi con của ông cũng có mặt ở đó, rồi nói với họ, bây giờ tôi sẽ nói bài kệ cho ông, ông có thể nhớ chăng?”

Bà La Môn trả lời: “Tôi có thể ghi nhớ, Thế Tôn liền đọc nội dung của bài kệ cho Bà La Môn nghe, nội dung đại ý như sau:

Khi sinh con cái thì vô cùng vui mừng, và vì con mà cha ra sức kiếm nhiều tiền, cũng vì con cái cưới vợ gả chồng, nhưng chúng nó mãi mê hưởng thụ mà đuổi người

cha nhanh ra khỏi nhà, như vậy chúng đã không hiểu được đạo lý của con nhà nông và nhanh chóng lãng quên đi cha mình. Đó là hành vi của người con bất hiếu, anh ta tuy là hình dáng của người, nhưng ẩn tàng trong tâm là ác quỷ la sát”.

Như một con ngựa, bình thường nó vì người chủ cả một đời cày cấy, lúc già rồi thì “ngựa già vô dụng” cỏ của nó chủ nhân cũng dành cho con khác. Cũng giống thế, con cái còn trẻ có sức khỏe cường tráng; nhưng cha tuổi đã già yếu, còn bị đuổi đi phải đến từng nhà xin ăn.

Bất hiếu như vậy không bằng gậy cong này, nó làm nơi nương tựa tốt nhất của tôi, mà không cần con cái vì chúng không biết công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Nói một cách khác, cây gậy cong của tôi hơn cả rất nhiều đứa con bất hiếu.

Vì cây gậy này có thể bảo vệ cho tôi phòng ngừa trâu dữ, nơi có nguy hiểm, giúp tôi đến nơi an ổn, tránh được

chó dữ và đi trong bóng tối, giúp tôi tránh xa được đường hầm, hồ sâu và cả gai góc của rừng rậm.

Tôi nhờ vào sức mạnh của cây gậy, đứng vững không chao đảo quay cuồng, nếu bị vấp ngã thì vịn cây gậy này đứng lên.

Vị Bà La Môn sau nghe xong bài kệ của Thế Tôn, ông ta liền ghi nhớ trong tâm. Về nhà, ở giữa đám đông, trong đó có đứa con bất hiếu, ông ta thuật lại bài kệ của Thế Tôn vừa dạy. Nói xong, người con vô cùng hổ thẹn, sợ hãi, anh ta biết đang ám chỉ trách mình bất hiếu, liền vội vàng đến ôm người cha, đưa cha về nhà, giúp cha tắm gội, mặc áo quần đẹp, mời cha làm trụ cột gia đình.

Bà La Môn vô cùng vui mừng: “Tôi bây giờ hồi phục được sự tôn quý, làm chủ gia đình, tất cả là do ân đức của đức Phật. Theo Kinh điển của Bà La Môn dạy, nếu là sư trưởng, chúng ta nên đem lễ kính sư trưởng để cúng dường; nếu là hòa thượng (thầy dạy học), thì chúng ta cần phải



thực hiện đúng lễ nghi cúng dường vị hòa thượng. Tôi nay được khôi phục địa vị gia chủ, cuộc sống từ đen sang trắng, tất cả đều do ân lực của đức Phật. Đức Phật chính là Thầy của tôi, tôi cần phải đem y phục tuyệt diệu dâng lên cúng dường Thế Tôn.”

Lúc đó Bà La Môn đem y phục ấy đến chỗ của Thế Tôn. Sau khi thỉnh Thế Tôn an tọa xong, liền ngồi xuống một bên và bạch Phật: “Bây giờ tôi được về nhà, đều là công lao của đức Phật. Kinh điển của Bà La Môn có dạy: “nếu là sư trưởng, chúng ta nên đem lễ kính sư trưởng để cúng dường; nếu là hòa thượng, thì chúng ta cần phải thực hiện đúng lễ nghi cúng dường vị hòa thượng”. Bây giờ Thế Tôn là thầy của tôi, xin nguyện Thế Tôn thương xót tôi, từ bi thọ nhận.” Thế Tôn đã thương xót ông ta nên đã tiếp nhận những y phục.

Lúc đó Thế Tôn giảng dạy cho Bà La Môn nhiều loại pháp: thị, giáo, lợi, hi, “Theo Đại Trí Độ Luận” giải thích:

“Thị” chính là phân biệt vì ông mà nói rõ thế nào là thiện pháp; “Giáo” dạy ông ta cần phải bỏ ác pháp hành thiện pháp; “Lợi” là nói cho ông ta biết thực hành thiện pháp, đạt được lợi ích gì? “Hi” là ông ta cứ như thế thực hành thiện pháp, lại khuyến khích ông ta, làm cho ông ta sinh tâm an vui, hoặc là có người thực hành thiện pháp, chúng ta cũng nên tùy thuận hoan hỷ, khiến cho ông ta càng tinh tấn không ngừng học tập.

Bà La Môn nghe đức Phật nói pháp, liền hoan hỷ đánh lễ Đức Phật và lui ra.

Câu chuyện này đã dạy cho chúng ta rất nhiều điều về cuộc sống, triết lý cây gậy cong, cũng giống như lúc còn nhỏ, cha mẹ đã từng bước từng bước dạy chúng ta từ biết bò sau đó cho đến khi biết đi, dẫn dắt chúng ta như vậy v.v...

Bắt đầu chúng ta không biết ăn cơm, có phải không? Cha mẹ rất nhẫn nại đút từng miếng từng miếng cho chúng

ta ăn. Nhưng khi cha mẹ về già động tác có chậm chạp, hoặc trí nhớ suy giảm, chúng ta là những người trẻ nhưng lại không đủ sự nhẫn nại chăm sóc cha mẹ mà liên tục hối thúc: “Nhanh một chút! Lẹ một chút” hành động ấy cứ được lặp đi lặp lại. Trên thực tế, nếu chúng ta hồi tưởng lại lúc mình còn nhỏ, có phải cha mẹ chúng ta đã kiên nhẫn từng li từng tí dẫn dắt chúng ta? “Luận ngữ” cũng có đề cập đến, trong “Tử Hạ vấn hiếu” Tử Hạ hỏi thế nào là hiếu đạo? Khổng Tử dạy: “Giữ sắc diện hài hòa khó” chính từ việc đơn giản cung dưỡng về vật chất ra, còn phải biết lắng nghe và làm theo những mong muốn của cha mẹ để cha mẹ luôn cảm thấy yên vui an hưởng tuổi già.

*Phước Nghiêm, ngày 13, tháng 10 năm 2012.*

## **Giấy gói hương và dây buộc cá**

Tôi muốn chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” Phẩm Song Yếu Thứ 9 thuộc Đại Chánh Tạng tập 4, trang 583b ~584a.

Ngày xưa, có hơn bảy mươi vị Bà La Môn, bởi phước đức nhân duyên kiếp trước họ đã đầy đủ, đức Phật nghĩ có thể độ cho họ tại nơi cư trú này.

Những vị Bà La Môn thấy đức Phật tướng hảo trang nghiêm, quang minh nên ai ai cũng đều kính phục.

Đức Phật nói: Quý vị cư trú trong núi này bao lâu rồi, cuộc sống như thế nào? Làm thế nào để cầu thoát ly sinh tử?

Những vị Bà La Môn liền trả lời: Chúng tôi thờ phụng mặt trời, mặt trăng, nước và lửa, thường cúng tế, hy vọng cầu được sinh vào cõi trời Phạm thiên, và thoát ly sinh tử.

Đức Phật nói với các vị Bà La Môn: Nếu quý vị lấy

việc cúng tế để cầu mong được sinh lên trời thì không thể thoát ly được luân hồi trong ba cõi, mà cần phải tu hành trí huệ vô lậu, mới có thể đạt được ý muốn ấy.

Nếu không tu trí huệ vô lậu thì vẫn phải đọa lạc trong ba ác đạo, chỉ có xuất gia tu hành mới có thể đạt đến Niết Bàn. Bảy mươi vị Bà La Môn này nghe xong rất hoan hỷ liền phát tâm cầu mong được xuất gia.

Đức Phật nói: “Thiện lai Tỳ-kheo!” Tất cả họ đều được xuất gia tu tập cùng Đức Phật.

Nhưng, trên đường trở về Tịnh Xá, bảy mươi vị Bà La Môn này dần thối tâm lung lay ý chí và càng lúc càng nhớ tưởng đến vợ con. Lúc bảy giờ, gặp trận mưa rất lớn, tình cảm của họ lại trở lên thấm thiết với người thân.

Đức Phật biết được như vậy, nên dùng thần thông biến hóa ra những ngôi nhà cỏ, và bảo mọi người hãy vào trong đó trú mưa.

Phật dạy: Nếu chúng ta lợp nhà không kín đáo, gặp

mưa sẽ bị dột, cũng như vậy, ý niệm của chúng ta nếu không trải qua tư duy tu tập thì dục vọng, phóng dật kéo đến cũng giống như ngôi nhà bị dột nước. Nếu chúng ta lợp nhà kỹ càng thì dù có mưa cũng không bị ướt. Do đó, chúng ta phải nhiếp tâm, cần tư duy, thực hành, tuệ tri tu tập, nếu làm như vậy, dù có nhiều dục vọng đến đâu chúng ta điều phục được.

Bảy mươi vị Tỳ-kheo này nghe xong, trong tâm phản tỉnh, muốn phát tâm tinh tấn tu học nhưng vẫn còn mơ hồ chưa hiểu. Khi mưa tạnh, họ hướng về phía trước tiếp tục cuộc hành trình, đang đi trên đường thì thấy một tờ giấy. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo nhặt tờ giấy lên, rồi liền hỏi các thầy: “Giấy này có mùi như thế nào?”

Các vị Tỳ-kheo này cầm giấy lên ngửi và nói: “Ôi, tờ giấy gói nhang, tuy đã bỏ nhưng mùi thơm vẫn còn”.

Sau đó đoàn người tiếp tục đi thì thành linh phát hiện thấy một khúc dây thừng, đức Phật bảo Tỳ-kheo nhặt lên.

Một vị Tỳ-kheo ngủ và nói: “Đây là sợi dây rất hôi tanh mùi cá, chắc nó đã từng buộc cá”.

Đức Phật dạy: Bản tính của con người vốn là trung tính, vì một nhân duyên nào đó mà có khi tạo tội, khi tạo phước. Nếu chúng ta thân cận thánh hiền thì tâm đạo được vững mạnh, ngày càng tăng tiến, nếu gần người ngu hoặc sống chung với bạn ác thì vô hình trung tăng trưởng những ác nghiệp cũng giống như sợi dây hoặc tờ giấy, do đó đức Thế Tôn nói bài kệ có nội dung như sau:

Nếu thân cận người dung tục, xấu xa thì cũng giống như cả ngày cùng với vật thối ở chung, lâu ngày nhiều tháng, vô tình mình bị ảnh hưởng bởi các tính xấu ấy từ khi nào mà mình không hay không biết. Ngược lại, nếu chúng ta cùng với hiền thánh sống chung, thân cận với người hiền lành cũng giống như mỗi ngày cùng hun đúc trong hương thơm, từ từ trí tuệ, thiện pháp của chúng ta tăng trưởng, hành vi dần dần cao thượng hơn.

Bảy mươi vị Tỳ-kheo sau khi nghe đức Phật giảng dạy sinh lòng hổ thẹn với bản thân và mọi người xung quanh, họ cũng hiểu rằng gia đình là nơi tập hợp những sự ô uế, vợ con là mối ràng buộc. Do đó, chúng ta có được sự nhiếp tâm, chánh niệm chánh trí, cùng đức Phật tu học, biết được đức Phật có những vị đệ tử đều là bậc thiện tri thức, chúng ta thân cận những vị thiện tri thức này cũng giống như mỗi ngày được tiếp xúc với hương thơm, chúng ta không nên tiếp cận với bạn ác sinh tâm ô uế, mà nên tinh tấn tu hành để đạt đến A La Hán.

Trung Quốc cũng có câu: “Cùng người thiện sống, như vào nhà bạn hiền, lâu ngày cũng tỏa hương thơm” sống chung với người tốt cũng giống như vào nhà đầy hương thơm, bản thân không biết nhưng vô hình chung đã thấm mùi thơm. Cũng có câu: “Cùng kẻ ác, như tự do đi vào chợ cá, lâu ngày cũng có mùi tanh”.

Đại chúng cùng nỗ lực cố gắng.

*Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 10 năm 2011*



## Đức Phật Cũng Cày Ruộng

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm” kinh 264, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 2 trang 466a~c.

Xưa kia đức Phật trú ở Trúc Lâm Ca Lan Đà tại Thành Vương Xá. Đương thời, tại phía Bắc Thành Vương Xá có một vị Bà La Môn chuyên cày ruộng tên là Tô Đậu La.

Có một lần, vào lúc sáng sớm đức Phật khoác tăng phục, ôm bình bát đi đến chỗ của Bà La Môn khát thực. Lúc đó Bà La Môn từ xa nhìn thấy Đức Phật đang tiến đến, liền nói với Đức Phật: “Thưa Thế Tôn! Chúng tôi phải vất vả cày cấy mới có đồ để ăn, chúng tôi từ trước đến nay chưa từng đi xin người khác, còn các ông không cày cấy, cũng chẳng làm gì, các ông nên cày cấy giống chúng tôi vậy mới phải! Tại sao tất cả đều nhờ vào xin ăn duy trì

mạng sống?”

Đức Phật rất khéo léo đáp “Tôi cũng cày cấy! Nhưng, ruộng tôi cày không phải là ruộng bình thường, mà tôi cày ruộng đại phước.”

Bà La Môn nông dân liền cảm thấy kỳ lạ nói: “Thế Tôn! Nếu ông nói ông cày ruộng, nhưng tại sao tôi chưa từng thấy qua ruộng của ông? Hạt giống được gieo ở đâu? Ông cũng không có trâu cày, cũng không có công cụ cày ruộng, bừa đất v.v.. tại sao ông lại nói tôi cũng đang cày ruộng? Nếu nói ông có cày ruộng, mời ông nói cho tôi về phương pháp cày ruộng.” Nông dân này đang thách đố Thế Tôn, nếu nói ông có cày ruộng, vậy thì hãy nói cho tôi biết thế nào là cày ruộng, phương pháp cày ruộng ra sao?

Thế Tôn liền đáp: “Thông thường nông dân cày ruộng, cần phải có hạt giống gieo xuống; còn ruộng tôi cày chính là dùng niềm tin làm hạt giống. Bởi vì “niềm tin là nơi sinh ra các công đức”. Niềm tin chính là hạt giống của tất

cả công đức. “Phật pháp như biển lớn, có tín tâm thì đi vào, có trí tuệ thì vượt qua” do đó tín tâm chính là hạt giống, tôi có hạt giống như vậy.

Như thế hạt giống cần phải trồng ở đâu? Đương nhiên phải có ruộng tốt! Trong Phật pháp có ruộng tốt, chính là các thiện pháp, và nơi hành thiện pháp, đó chính là ruộng tốt của tôi. Con trâu ở đâu? Tinh tấn chính là điều phục trâu.

Nhưng chỉ có con trâu vẫn chưa đủ, muốn biết được nơi nào đất cần cày, cần bừa thì cần phải chỉ dẫn phương hướng, còn trí huệ chính là gọng cày.

Ngoài ra, còn phải cày ruộng, mới làm cho đất tươi xốp, nên tâm hổ thẹn là đất của tôi cày. Với cái tâm hổ thẹn ấy chính là chúng ta nhận ra được sai lầm rồi, cần phải thành thật sám hối, không được che dấu tội lỗi bên trong, cần phải đem ra phơi bày.

Do đó cày ruộng chính là tâm hổ thẹn. Người tu hành

cần thành thật sám hối, do đó tôi cũng có cày.

Không chỉ có công cụ, có trâu mà cũng cần phải có người cày ruộng giỏi, đó là giữ gìn trong trạng thái chánh niệm.

Ngoài chánh niệm ra, thân khẩu ý cũng cần phải điều thuận, dùng phương thức thiện xảo để phòng hộ các căn, để cho thân khẩu ý thanh tịnh. Nông dân dùng dây cương để điều phục trâu ngựa, người xuất gia lấy trì giới làm dây cương để cho tâm viên ý mã có thể điều phục, cho thân khẩu thanh tịnh, và cũng chính là trì giới thanh tịnh.

Cày cấy, cũng cần phải làm cỏ, nhổ đi những loài cỏ dại, trong Phật pháp chính là trừ đi phiền não.

Cày cấy cũng phải kịp mùa mưa, phải tưới tiêu, cần phải không ngừng tưới để ruộng thấm nước, cũng như vậy người tu hành không được giải đãi, cần phải liên tục tinh tấn, để thấm nhuần ruộng thiện pháp, như vậy mới có thể thu hoạch tốt được.

Cũng như vậy, các nông dân nỗ lực làm cỏ, cày cấy, có thể thu hoạch được dồi dào; còn người tu hành cũng như vậy, nỗ lực diệt trừ phiền não, tu học thiện pháp, hướng đến giải thoát an ổn, đạt được an lạc vĩnh viễn.

Các ông siêng năng chịu khó cày cấy, kết quả có thể thu hoạch được lúa thóc, nhưng chúng tôi cày cấy, có thể gặt hái được quả cam lồ giải thoát khỏi sinh tử. Các ông chỉ chống được cái khổ của sự đói khát, nhưng chúng tôi thực hành vì trừ đi thống khổ và vĩnh viễn không còn luân hồi trong ba cõi.

Bà La Môn vừa nghe xong, vô cùng tán thán: “Thế Tôn! Ngài mới là người cày ruộng giỏi nhất, và ruộng ấy là ruộng tốt nhất.”

Câu chuyện này thật đáng để chúng ta phản tỉnh, chúng ta có tự mình cày cấy ruộng tâm không? Có gieo xuống niềm tin thanh tịnh không, thừa ruộng của chúng ta là ruộng tốt hay xấu, khắp nơi điều thực hành thiện pháp,

tinh tấn, tâm có điều hòa nhu nhuyễn, dùng trí tuệ lại dẫn dắt không? Và có tầm quý, phạm sai lầm phát lồ sám hối, có phải chánh niệm không? Thân tâm khẩu ý đều thanh tịnh, có đoạn trừ tạp nhiễm phiền não, có liên tục không ngừng nghỉ, không làm biếng cây cày thửa ruộng tốt của thiện pháp không? Duy có liên tục không gián đoạn tu thiện pháp, trừ đi phiền não, mới có thể đạt được cam lồ giải thoát quả.

Trên đây là nội dung của câu chuyện, chúng ta cùng nhau sách tấn.

***Phước Nghiêm, ngày 6 tháng 10 năm 2012.***

## **Thợ làm cung biết khắc góc cạnh, người lái thuyền biết điều mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều thân**

Hôm nay chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” thuộc “Đại Chánh tạng” tập thứ tư trang 587.

Ngày xưa có một vị Phạm Chí, hai mươi tuổi, rất thông minh, việc gì không kể lớn nhỏ hễ qua mắt là không quên. Anh ta tự cho rằng mình thông minh tuyệt đỉnh, liền lập ra một lời nguyện: “Kĩ thuật ở trên đời này đều biết hết, ta là đệ nhất thiên hạ! Nếu như bất cứ một loại nào không tinh thông, thì không phải là người thông minh hơn người.” Sau đó anh ta đi học hỏi với rất nhiều thầy giáo, cầm, kì, thư, nghệ, bao quát y dược, thiên văn địa lý, may mặc, nấu ăn, thậm chí đánh bài, ca kỹ v.v..., mỗi nghề đều rất tinh thông. Trong tâm nghĩ rằng “cái gì mình cũng có

khả năng, ai có thể hơn được mình?” Anh ta tính tiếp: “hay mình đi chu du khắp nơi thi thố với mọi người, nếu như tài nghệ đứng đầu thiên hạ, hy vọng có thể lưu danh thiên sử.”

Anh ta đến đất nước khác, nhìn thấy một người làm cung tên, thật sự rất phức tạp, ngoài cán của cung, còn có góc, dây, keo dán, dây buộc và nước sơn đây là sáu chất liệu cần thiết của người làm cung sử dụng. Chế tạo cung, “kỹ thuật khéo léo tinh luyện” này, điều chế cung tên rất nhanh, cung này làm ra có lực mạnh mẽ, cần mềm mại thì mềm mại, muốn bắn gần, bắn xa đều không có vấn đề gì.

Anh ta thoáng nhìn: “Ôi! Kỹ thuật làm cung tên này mình chưa từng học qua, lỡ thi cùng với ông ta thì mình nhất định thua cuộc.” Sau đó anh ta tìm thầy chế tạo cung tên để học. Vì anh ta rất thông minh nên học rất nhanh, thậm chí còn giỏi hơn cả thầy mình.

Sau đó anh ta lại đi đến một nước khác, muốn qua sông dài, rộng lớn, nhìn thấy người chèo thuyền, lái qua



phải, bẻ qua trái, tiến lên phía trước, lùi phía sau đều rất như ý. Nếu như không biết, thì thuyền sẽ cứ ở đó quay vòng vòng, mà còn mất sức nữa. Anh ta nhìn thấy kỹ thuật của người chèo thuyền quá giỏi, rất nhanh nhẹn, anh ta thầm nghĩ: “Mình sẽ không thi với ông ta, nếu như thi thì mình nhất định thua”. Sau đó lại bái người chèo thuyền làm thầy, anh ta học kỹ thuật rất nhanh và lại hơn cả thầy mình, cúng dường ít tiền tài, anh ta lại chào tạm biệt thầy ra đi.

Lại đến một nước khác, nhìn thấy cung điện của đức vua, thiên hạ không ai sánh bằng, anh ta nghĩ: “Cung điện của quốc vương này, nghệ thuật khắc họa trên rường cột, chế tác rất tinh tế, tuyệt mỹ; kỹ thuật, thớ tấc, góc độ, các phương diện này thợ mộc đều làm rất tốt.” Anh ta nghĩ: “mình cũng chưa từng học qua! Đã muốn làm đệ nhất thiên hạ, cái này cũng mau nên học.” Sau khi học xong, lại vượt qua tài năng sư phụ của mình, rồi lại vái

chào thầy rồi ra đi.

Kể đến, anh ta đi qua mười sáu nước, không có địch thủ. Anh ta tỏ rất cao ngạo, tự đắc: “Tất cả những kỹ thuật đều biết cả, không có ai thắng qua được mình!”

Lúc bấy giờ, đức Phật đang ở tịnh xá Kỳ Hoàn, nhìn thấy người này có thể hóa độ, Ngài liền hóa thành một vị Sa môn, cầm gậy và bình bát đi qua đi lại trước mặt anh ta. Anh ta thoáng nhìn, từ trước đến giờ chưa nhìn qua người xuất gia, liền hỏi: “Ngài là người như thế nào? Ăn mặc không giống người thường, tay lại cầm bình bát, tôi hỏi giờ chưa bao giờ nhìn thấy, tóc lại cũng không giống mọi người.” Anh ta lại hỏi: “Ngài là người như thế nào?”

Phật hóa thành sa môn nói: “Ta là người điều phục thân tâm”.

Anh ta nghĩ: “Điều phục thân tâm để làm đệ nhất thiên hạ, điều này không đơn giản chút nào!”

Anh ta liền hỏi vị Sa môn: “Điều thân như thế nào?”

Vị Sa môn này nói: “Người chế tạo cung thì cần điều chế sáu thứ – dây cung, góc v.v...; người chèo thuyền thì phải biết cầm chèo, biết chèo, là người biết chế ngự thuyền; người xây dựng cung điện quốc vương, là người biết chọn gỗ, bào gỗ v.v... người có trí huệ là người biết điều thân.”

Thợ làm cung tên biết ngắm góc cạnh, người chèo thuyền biết điều mũi thuyền, người thợ khéo biết khắc gỗ, người trí biết điều thân.

Ví như tảng đá nặng, gió thổi không lay động, người có trí huệ trầm tĩnh, không kể là hủy báng hay tán thán, đối với họ không có chút ảnh hưởng nào, không chút lay động “ví như nước sâu, tịch tĩnh trong vắt, người có trí huệ, tâm tịnh trong sáng.” Người có trí huệ lắng nghe đạo pháp, trong tâm thanh tịnh rất hoan hỉ.

Người muốn danh hiệu đệ nhất thiên hạ nhìn: “Trời ạ! Lại có người như vậy, vậy mình làm sao đệ nhất thiên hạ

đây?” Người đó liền hỏi: “Vậy ngài điều thân như thế nào? Lại có thần thông biến hóa?”

Vị Sa môn liền nói: “Ta nương trí huệ và đạo đức mới có năng lực điều thân.” Đức Phật dạy anh ta pháp điều thân, là phải phụng hành năm giới, mười giới, tứ vô lượng tâm, sáu ba la mật, lại có tứ thiền, ba môn giải thoát, những thứ này đều là pháp điều thân. “Người muốn làm trí huệ đệ nhất thiên hạ, thì người nên cố gắng tu học những pháp này.”

Đức Phật nói tiếp: “Người đã học những thứ như thợ cung tên, lái thuyền, hay là thợ kỹ xảo, thợ mộc làm cung điện v.v., học những thứ này ông đều phóng túng tâm ý, ông thật sự trở thành đệ nhất thiên hạ, nhưng cuối cùng vẫn luân hồi sinh tử ở thế gian có phải không? Vị Phạm chí sau khi nghe vui vẻ phát nguyện làm đệ tử Phật, từ đó không còn nhắc đến đệ nhất thiên hạ nữa.

Đức Phật liền nói: “Lành thay Tỳ kheo!” Râu tóc tự

roi xuống, đức Phật giảng cho anh ta pháp tứ đế, bát chánh đạo, anh ta rất nhanh chóng chứng đắc quả A la hán.

## Phật Độ Người Lái Đò

Xin chia sẻ một câu chuyện nhỏ trong “Tuyển Tập Bách Duyên Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 215a~b.

Có một lần, đức Phật ở nước Ma Kiệt Đà dẫn các vị Tỳ-kheo du hành, đi đến bên bờ sông Hằng, muốn vượt sông sang bờ bên kia, có người lái đò ở đó nên đức Phật nói với ông ta: “Nhờ ông hãy đưa các vị Tỳ-kheo tới bờ bên kia”.

Người lái đò trả lời: “Đưa tiền trước, nếu không đưa tiền thì đừng bàn”.

Đức Phật nói với ông ta: “Ông là người lái đò, Ta cũng là người lái đò, ông lái đò chỉ là đưa chúng sinh vượt qua dòng sông của thế gian đến bờ bên kia; nhưng Ta độ chúng sinh trong ba cõi vượt qua biển lớn sinh tử, đến bờ Niết bàn. Cho nên ông lái đò Ta cũng là người lái đò. Giống

như giết người nhiều như hạt mè, sân hận nhiều như Cưu  
 Quật Ma La, Ta cũng độ ông ta vượt qua biển khổ sinh tử.  
 Như Ma Na Đáp Đà là người vô cùng kiêu mạn (Ma Na  
 Đáp Đà trong kinh Tập A Hàm Kinh số 92 dịch là kiêu  
 mạn Bà La Môn, ông ta vô cùng kiêu mạn), người Bà La  
 Môn kiêu mạn như thế Ta cũng độ vượt qua biển khổ sinh  
 tử; lại còn Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là người rất kém  
 thông minh, không có trí tuệ, Ta cũng có thể làm cho khai  
 mở trí tuệ, thoát khỏi biển khổ sinh tử. Giống như vậy,  
 không cần biết đó là người có rất nhiều sân nhuế, hoặc  
 kiêu mạn, hoặc nhiều ngu si, ngoài ra còn có vô lượng vô  
 biên chúng sinh, Ta đều độ họ thoát ly biển khổ sinh tử,  
 đạt đến bờ giải thoát, Ta đều không lấy tiền của họ, tại sao  
 ông chỉ đưa các vị Tỳ-kheo này qua dòng sông của thế  
 gian thì nhất định lấy tiền? Tỳ-kheo chúng tôi không cất  
 chứa vàng bạc.” Thế Tôn còn nói rất nhiều pháp với ông ta,  
 nhưng ông ta nghĩ đến tiền của nên vô cùng cương quyết

không đưa các Tỳ-kheo qua sông.

Lúc đó phía dòng sông cũng có những người lái đò khác, vừa nghe đức Phật giảng dạy, vô cùng hoan hỷ liền lại gần nói với Phật: “Đức Phật! Đức Phật! Ông ta không đưa Ngài qua sông, chúng tôi đưa quý vị qua sông, hãy lên thuyền của chúng tôi”. Đức Phật đồng ý.

Họ tức khắc chuẩn bị thuyền, nhưng lúc mời các vị Tỳ-kheo lên thuyền thì mới biết các vị ấy có vị có thần thông có vị chứng quả, thị hiện thần thông, người bay trên không trung, người trong dòng nước, người thì đã qua đến bờ bên kia.

Những người lái đò nhìn thấy Đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo, hiện đủ các loại thần thông, đều tán thán việc hiếm có, cung kính lễ bái Phật và các vị Tỳ-kheo. Đức Phật vì họ thuyết pháp, những người lái đò rất vui mừng, liền chứng đắc sơ quả.

Người lái đò cứ một mực đòi tiền trước đó, nhìn thấy



cảnh tượng vừa rồi: “Ái dà! đức Phật cùng các vị Tỳ-kheo vốn dĩ không cần ta đưa họ qua sông, thật ra họ chỉ tạo cơ hội cho ta trồng phước điền mà thôi, ta đã không biết nắm lấy cơ hội!” Ông cảm thấy rất xấu hổ nên liền thành tâm đánh lễ sám hối Phật cùng các vị Tỳ-kheo, hy vọng cúng dường chư vị buổi cơm trưa thịnh soạn để tạ tội, đức Phật liền đồng ý.

Ông cung thỉnh chư vị về nhà, chuẩn bị đồ ăn thức uống rất chu đáo, tự thân cúng dường. Cúng dường xong, thỉnh Phật thuyết pháp.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp xong, ông ta liền phát nguyện: “Nguyện công đức cúng dường này, làm cho tôi đời sau được chứng quả chánh đẳng chánh giác, độ khắp tất cả chúng sinh, giống như đức Phật.” Ông phát nguyện như thế, đức Phật rất vui mừng, liền phóng hào quang, an nhiên mỉm cười.

A Nan liền thỉnh vấn đức Phật: “Vì duyên có gì đức

Phật mỉm cười?”

Đức Phật bảo A Nan: “Người nhìn thấy người lái đò này, đã tự sám hối và thiết lễ trai tăng cúng dường không?”

A Nan trả lời: “Vâng, chúng con đã nhìn thấy.”

Đức Phật liền bảo với ngài A Nan: “Người lái đò này đã có công đức của sự sám hối và cúng dường, trải qua mười ba kiếp trong tương lai, không đọa trong ba đường ác, thường sinh trong trời và người hưởng thọ phước lạc; thân người cuối cùng chứng quả Bích Chi Phật, đức hiệu “Độ Sinh Tử Hải”. Tuy Bích Chi Phật không chuyển pháp luân rộng lớn giống như Phật, nhưng hiện thân thông độ được rất nhiều người. Chính vì nhân duyên ấy mà đức Phật mỉm cười.

Chư vị Tỳ-kheo nghe Phật thuyết xong, đều rất vui vẻ nghe theo.

Như vậy chúng ta cùng nhau nỗ lực.

*Phước Nghiêm, ngày 31 tháng 3 năm 2012*

## **Phạm chí ngậm nước xúc miệng nhỏ trong bát ngài Xá Lợi Phất**

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện nhỏ từ “Kinh Tạp Thí Dụ” trong “Đại Tạng kinh” tập 4 trang 506c~507a.

Ngày xưa ở thành Xá Vệ có một vị Phạm chí giàu có, tài sản nhiều vô số kể và cũng rất thông minh, nhưng lại bị rơi vào tà kiến không tin có thiện ác nhân quả nghiệp báo, ông ta cho rằng bỏ thí hành thiện căn bản không có lợi ích gì.

Lúc đó ngài Xá Lợi Phất dùng đạo nhãn quan sát, phát hiện trong quá khứ vị trưởng giả Phạm chí đã có rất nhiều phước đức nên kiếp này mới được sinh trong gia đình phú quý, nhưng lại tham lam hưởng thụ, nếu như không khéo tu thiện tích lũy phước đức, tương lai nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác đạo; Xá Lợi Phất khởi tâm bi mẫn muốn hóa độ ông ta. Vì vậy Ngài Xá Lợi Phất hiển thị thần túc

thông, cầm bình bát đến nhà Phạm chí này khát thực.

Lúc đó vị Phạm chí vừa mới ngồi xuống ăn cơm, vì ông ta không có chánh kiến, mới nhìn thấy Xá Lợi Phát liền giận dữ, muốn đẩy ngài ra khỏi cửa, bèn kêu quần gia đánh Xá Lợi Phát, sau đó tự rửa tay tiếp tục ăn cơm. Khi ấy Xá Lợi Phát đứng ở bên cạnh, Phạm chí đã không mời ngài ngồi, cũng không đuổi đi, chỉ ngồi lo ăn cơm một mình. Ăn cơm xong, Phạm chí rửa tay, đánh răng súc miệng, cuối cùng ngậm một miếng nước bước tới nhỏ vào bát của Xá Lợi Phát, rồi nói: “Ngụm ước này bố thí cho ông, ông đem về đi!”

Xá Lợi Phát không sân giận mà còn nói một câu chúc phúc: “Cầu cho ông được thọ hưởng phước báu lâu dài vô lượng vô biên.”

Khi ấy ông trưởng giả rất sợ hãi, có lẽ vì sợ Xá Lợi Phát loan truyền hành vi vô lý của mình, liền phái người nhà đi theo dõi động tĩnh của ngài.

Xá Lợi Phất đi thẳng về tịnh xá, đem ngụm nước xúc miệng trộn với bùn đắp trên đường đức Phật đi kinh hành (vì đường đi kinh hành lồi lõm không bằng, Xá Lợi Phất đem đắp cho nó bằng phẳng). Xá Lợi Phất thưa với Đức Phật: “Vị Phạm chí giàu có nhưng vì duyên xan tham, chỉ bố thí cho con ngụm nước xúc miệng, giờ con đem ngụm nước trộn với bùn đắp trên đường kinh hành, hi vọng Ngài đi trên đó và chúc phúc cho ông ta được hưởng phước lâu dài vô lượng”. Đức Phật cũng thuận theo tâm ý của Xá Lợi Phất mà đi kinh hành trên đó.

Lúc đó người của trưởng giả phái đi thấy hành động của Xá Lợi Phất như vậy, cảm thấy rất ngạc nhiên liền chạy về thưa với trưởng giả rằng: “Đức Phật nếu như không xuất gia, vốn có thể là bậc chuyển luân thánh vương, nay ngài xả bỏ ngôi vị chuyển luân thánh vương, xuất gia làm Sa môn bụng bát khát thực, cũng không phải là tham cầu thức ăn ngon mỹ vị, mà là mượn cơ duyên khát thực

ấy, để chúng sinh trông phước điền, và cũng tùy duyên vì chúng sinh thuyết pháp, dụng tâm của ngài tốt vô cùng!”  
 Người làm đem những gì mình thấy nghe đều trình bày cụ thể cho trưởng giả.

Vị trưởng giả nghe rồi rất xấu hổ đối với hành vi vô lễ, thô lỗ của mình, và cảm thấy vô cùng hối hận, sau đó ông ta đem tất cả mọi người trong nhà bao gồm lớn nhỏ tức tức đến chỗ đức Phật hướng về ngài sám hối và thưa rằng: “Con thật quá ngu ngốc! Đã mạo phạm đến bậc thánh của hàng xuất gia, cầu mong Ngài từ bi thương xót, tha thứ cho tội lỗi nặng nề của con!”

Đức Phật lập tức truyền thọ tam quy y và thuyết pháp cho vị Phạm chí này, kết quả vị trưởng giả nhanh chóng đạt tới tâm ý khai mở, đoạn trừ phiền não, đạt được quả vị bất thối chuyển.

Câu chuyện này xứng đáng để chúng ta suy nghĩ. Ngài Xá Lợi Phất bung bát khát thực, gặp chúng sinh hủy nhục

vô lễ, đều có thể im lặng nhẫn nhục, mà lại còn chúc phúc đối phương được hưởng thọ phước báu vô lượng vô biên lâu dài, việc này đáng để chúng ta học tập, mọi người cùng nhau cố gắng.

*Phước Nghiêm, ngày 7 tháng 01 năm 2012*



## Buông xả cung tên dao búa ở trong tâm

Hôm nay chia sẻ với quý vị một câu chuyện về sự tích Đức Phật từ “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” trong “Đại Chánh Tạng” tập 4 trang 578b~c.

Khi Đức Phật còn tại thế, ở nước Xá Vệ có một gia đình nghèo khổ, vợ chồng đều rất tham lam ích kỷ, tính tình hung bạo, không tin vào thiện ác nhân duyên quả báo. Đức Phật thương xót họ ngu si, bèn thị hiện thành một vị sa môn bình dị, nghèo khổ, đến nhà của họ khát thực. Lúc đó người chồng đi vắng, chỉ có người vợ ở trong nhà, khi thấy có người đến khát thực, bà ta liền mở miệng mắng nhiếc, không có một chút đạo lý gì.

Phật hóa ra vị sa môn bèn nói với bà ta rằng: “Ta là người tu hành, lấy việc khát thực để duy trì mạng sống, bà không nên tùy tiện la mắng vô lý như vậy, ta đến đây chẳng qua chỉ xin một miếng cơm mà thôi.”

Người phụ nữ này nói: “Nếu ông có chết ngay lập tức, tôi cũng sẽ không có cho ông bất cứ thức ăn nào, huống chi ông hiện tại nhìn khỏe mạnh như vậy, lại mong muốn tôi cúng dường là sao? Đừng có mong! Ông ở đây chỉ có lãng phí thời gian, không bằng mau đi chỗ khác .” Lúc đó vị sa môn mà Phật hóa hiện, đứng trước mặt bà chủ nhà liền trợn mắt, thở ra một hơi rồi hiện ra tướng chết, thân thể đó liền sinh lên, lở loét, lại có rất nhiều côn trùng bò ra từ miệng mũi, lại còn từ bao tử ruột rà nhầy nhụa ghê tởm từ khắp nơi trên cơ thể chảy ra. Người phụ nữ nhìn thấy giật mình thất sắc, không nói được một câu, liền bỏ người sa môn kinh hoàng trốn chạy. Vị sa môn này không bao lâu liền bỏ đi, đến được mấy trăm mét rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây.

Sau đó, người chồng trên đường về thấy bộ dạng vợ sợ hãi như vậy, mới hỏi là đã có chuyện gì đã xảy ra.

Người vợ nói: “Đều là do ông sa môn đó! Hại tôi sợ

hãi đến như vậy”

Người chồng rất giận dữ hỏi: “Ông sa môn đó đang ở đâu?”

Người vợ đáp: “Đã đi rồi nhưng chắc chưa xa lắm.”

Người chồng bèn cầm cung tên và dao, lần theo dấu vết truy đuổi người tu hành.

Vị sa môn này liền dùng thần thông biến hóa một thành lưu ly nhỏ bao quanh, tự mình an trú ở trong đó để cho thành lưu ly bảo hộ. Người chồng cầm cung tên đi xung quanh vòng thành muốn đi vào, nhưng đã đi mấy vòng vẫn không có cửa để vào, liền hỏi thúc đạo sĩ: “Tại sao không mở cửa”.

Vị sa môn nói: “Ông muốn tôi mở cửa cũng được! Nhưng ông phải bỏ cung tên và dao búa xuống.”

Cuối cùng ông ta thâm nghĩ: “Mình tạm thời nghe lời ông ta, nếu như để cho mình vào được thành, thật ra không có cung tên và dao búa, dựa vào nắm đấm tay

không mình cũng có thể đánh ông ta toi tả.” Do đó, ông liền bỏ cung tên và dao búa xuống.

Nhưng rồi cửa vẫn không mở, ông ta lại hỏi: “Tôi đã bỏ hết xuống rồi, sao lại chưa chịu mở cửa?”

Vị sa môn bèn nói: “tôi muốn ông bỏ cung tên và dao búa ác niệm ở trong tâm, chứ không phải muốn bỏ cung tên và dao búa ở trên tay!”

Người chồng nghe rồi giật mình: “Người tu đây nhất định là một vị thánh giả có thần thông, chứ làm sao biết được mình đang nghĩ gì ở trong tâm?” Do đó ông ta đã đập đầu sấm hồi với vị tu hành và nói: “Đều là do người vợ vô trí của tôi ở nhà, bà ấy đã không nhận ra được ngài là bậc thánh giả đã chứng ngộ, đã hại tôi khởi ác niệm giết người. Hy vọng ngài từ bi thương xót, không nên bỏ mặc chúng tôi! Tôi lập tức về nhà dắt vợ tôi đến sấm hồi với ngài, và hy vọng khuyên bà ấy theo ngài cùng tu hành.” Nói xong ông ấy liền quay về nhà.

Sau khi ông về nhà, người vợ liền hỏi: “Người sa môn đó như thế nào rồi? Ông ta đang ở đâu?”

Người chồng kể cho vợ nghe những chuyện thần thông biến hóa của người tu hành và nói: “Ngài hiện còn ngồi ở dưới gốc cây bên kia, bà mau đến đó sám hối với ngài, để diệt trừ những tội lỗi đã phạm.”

Rồi khi đó hai vợ chồng đến, nắm vóc sát đất đánh lễ sám hối với vị sa môn và phát nguyện làm đệ tử của ngài. Hai người quỳ thưa: “Ngài là bậc thánh nhân có thần thông rất tài, lại có thể biến hóa thành lưu ly bảo hộ khó có thể vượt qua, tâm trí của ngài rất trong sáng, ý chí rất kiên định, không có sự buồn phiền khổ não, ngài tu hành như thế nào mà đạt được cảnh địa nhiệm mầu như vậy?”

Vị sa môn này nói: “Tôi vì học rộng nghe nhiều không biết nhàm chán, y giáo phụng hành chánh pháp tinh tấn không giải đãi, mà còn rất tinh tấn, trì giới tinh nghiêm, có trí huệ, không phóng dật, đầy đủ những nhân

duyên như vậy mới đắc đạo, đoạn trừ tất cả phiền não mà đắc được cảnh giới Niết bàn.”

Và rồi đạo nhân nói một bài kệ, nêu rõ sự lợi ích và sự quan trọng của việc nghe nhiều, đại ý như sau: Nhờ sự nghe nhiều mà khiến cho đạo tâm, sự tu hành càng thêm kiên cố, phụng hành chánh pháp làm bức tường thành bảo hộ mình (cũng giống như tường thành lưu ly bảo hộ mình, không bị giặc phiền não xâm nhập) nhân vì tinh tấn mà đoạn ác tu thiện, không phạm quy củ, không hủy hoại giới hạnh, nhân đây giới đức và trí huệ được thành tựu.

Nghe nhiều khiến cho tâm trí được sáng suốt, tâm trí sáng suốt rồi trí huệ sẽ tăng trưởng; trí huệ tăng trưởng thì quảng thông kinh giáo thâm nhập hiểu rõ pháp nghĩa; thâm nhập hiểu rõ pháp nghĩa tu hành sẽ an ổn.

Nghe nhiều có thể trừ ưu phiền (nếu như đối với chánh pháp không hiểu rõ hoặc là cùng lúc phạm giới, phiền não,

tu hành sẽ không an ổn, sẽ bị ưu phiền; nếu như trong tâm không có ưu phiền thì đạt được thiền định dễ dàng) có thiền định tự nhiên hoan hỷ vui vẻ, không chỉ khéo làm người diễn thuyết pháp môn cam lộ giải thoát, mà mình y pháp phụng hành đạt được Niết bàn.

Nghe nhiều có thể biết được chánh pháp và giới luật, không chỉ giải trừ nghi hoặc cho mọi người, tự mình cũng hiểu rõ chánh kiến, thể hiện chánh pháp; nghe nhiều có thể xả bỏ các hành vi tội lỗi không đúng chánh pháp, y pháp tu hành đạt được cảnh giới giải thoát cứu cánh bất tử.

Vị sa môn giảng xong bài kệ, liền trở lại thân Phật, tướng hảo trang nghiêm, phóng đại quang minh, ánh sáng hào quang của Phật rực rỡ chiếu khắp trời đất. Đôi vợ chồng này rất kinh ngạc: “Ôi! Vốn là đức Phật từ bi thị hiện hóa độ chúng con!” Họ cảm thấy hổ thẹn và bàng hoàng, vì vậy quyết tâm trừ ác hướng thiện, cải tâm

sửa tánh thành tâm hướng về Phật đánh lễ sám hối, diệt trừ mười hai ức tội lỗi từ nhiều kiếp đến nay, cuối cùng đã chứng được sơ quả.

Câu chuyện này có vài chỗ đáng để chúng ta phản tỉnh.

Chúng ta nhất định không nên kết oán, tranh đấu với mọi người, nên lấy từ bi đối đãi mọi người, không chỉ bỏ cung tên, dao búa ở bên ngoài, còn cần phải bỏ cung tên và dao búa trong nội tâm!

Ngoài ra, thân cận thiện trí thức, lắng nghe chánh pháp vô cùng quan trọng, như “Đại Tỳ Bà Sa Luận”<sup>1</sup> và trong “Giáo Chế Giáo Điển Và Giáo Học”<sup>1</sup> của đạo sư Ấn Thuận nhắc đến: “Nghe nhiều có thể biết pháp, nghe nhiều có thể lìa tội, nghe nhiều xả bỏ việc vô nghĩa, nghe nhiều đạt được Niết bàn.”

Nghe chánh pháp nhiều mới phân biệt thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là chánh, thế nào là tà. Nhờ sự nghe

---

<sup>1</sup> “Luận Đại Tỳ Bà Sa” Đại Chánh tập 27, trang 731a15~16.



nhiều, biết được “quả báo vui của thiện, quả báo khổ của ác, không phải không có quả báo, thời gian chưa tới mà thôi”, nhân đó xa lìa tội lỗi, trừ ác hướng thiện; do lắng nghe chánh pháp đối với những khổ hạnh không có lợi ích sẽ không làm nữa; vì đã nghe chánh pháp, có chánh tri chánh kiến, có thể thâm tín nhân quả, trì giới kiên cố, không có ưu phiền, thân tâm an định sẽ dễ dàng đắc thiền định, và dẫn đến phát triển trí huệ trừ tất cả phiền não, chúng được giải thoát niết bàn.

Những điều trên khuyến khích cùng mọi người.

*Phước Nghiêm, ngày 10 tháng 12 năm 2011*

## **Ưu não ngu si không bỏ, đao kiếm tên độc làm sao bớt**

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Đa Văn” thuộc “Đại Chánh Tạng” tập 4, trang 579b~c.

Trước đây, trong nước La-duyệt-kỳ (nước Ma Kiệt Đà) ở phía Nam có một ngọn núi lớn, cách kinh thành khoảng 200 dặm, các quốc gia ở phương Nam muốn giao thương qua lại đều phải đi qua ngọn núi này. Ngọn núi khúc khuỷu hiểm trở, ở đó có 500 đạo tặc, chúng nương vào thế núi cao hiểm trở nên thường tổ chức cướp bóc, chiếm đoạt tài sản của người qua đường, do địa hình núi rừng hiểm yếu họ phóng túng hống hách lộng hành, làm càn làm quấy, không sợ điều cấm kỵ gì, có rất nhiều thương nhân bị cướp bóc tài sản, tổn thất nặng nề, ai ai cũng sợ đi ngang đoạn đường ấy và họ coi đó là con đường nguy hiểm đáng sợ. Bọn đạo tặc thậm chí cắt đứt con đường giao thông liên

lạc của quốc gia và các quốc gia khác, mặc dù nhà vua phái binh mã đến bao vây truy kích, nhưng vẫn không bắt được bọn họ.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang hoằng hóa ở nước La-duyệt-kỳ, biết được trên núi có bọn đạo tặc lộng hành, một mặt vì thương xót chúng sinh trước nỗi đau khổ khi bị bọn họ xâm hại, còn trên phương diện khác, Ngài thương xót bọn đạo tặc không biết tội nghiệp, phước báo, cho đến việc Như Lai xuất hiện trong đời mà bọn họ cũng chưa đủ nhân duyên được gặp, tuy mỗi ngày Đức Phật đều thuyết pháp, tiếng ấy vang như sấm, mà họ thì như điếc. Trong tâm đức Thế Tôn nghĩ: “Nếu Ta không đi hóa độ họ, thì bọn đạo tặc này nhất định bị đọa vào ba đường ác, như ném viên đá rơi xuống vực sâu, khó thoát khỏi!”

Vì vậy, đức Thế Tôn hóa thân thành một người phú quý, khoác trên mình y phục hoa lệ, cưỡi lên ngựa, mang theo kiếm, tay cầm cung, ngồi trên yên, nắm dây cương,

các loại trang sức đó đều sử dụng chất liệu vàng bạc, rồi còn treo cho ngựa các thứ vàng ngọc châu báu. Người phú quý này nhảy lên ngựa, dương cung, cố ý phát ra tiếng vang rồi tiến vào trong sào huyết.

Bọn đạo tặc thấy người phú quý đeo các loại trang sức như thế mà lại tự đi vào sào huyết, họ đều nghĩ rằng lấy trộm những vật đó như lấy đồ trong túi áo, dương dương tự đắc, trong bụng nghĩ: “Đi ăn trộm cướp bao nhiêu năm nay, chưa từng gặp việc đơn giản như thế này, người phú quý lại đơn thân độc mã, mà đối diện với bọn đông đảo chúng ta, giống như lấy trứng chọi đá, tất bại trận đâu còn nghi ngờ gì.”

Vì thế đạo tặc dốc toàn lực lượng bao vây mấy vòng người phú quý, ai ai cũng giương cung cầm kiếm, trừng trừng sát khí muốn đoạt lấy tài vật của người phú quý. Nhưng họ không nghĩ ra người phú quý này (do đức Phật hóa thân) liền nắm cung tên, một mũi tên bắn ra thì hóa

thành 500 mũi, kết quả 500 bọ đao tặc mỗi người trúng 1 mũi; sau đó người phú quý này rút bảo kiếm vẽ một đường, thì 500 người này mỗi người nhận một nhát. Vì trúng đao rất nặng, trúng tên rất sâu nên bọ đao tặc đau đớn vô cùng té ngã nghiêng ngả.

Năm trăm bọ đao tặc lăn lộn cuống cuồng, bái lạy người phú quý tha mạng, mọi người đều rất kinh ngạc: “Kính thưa ông là thần thánh từ đâu tới? Mà có thần lực như vậy! Xin ông thương xót chúng tôi mà lượng thứ, tha cho chúng tôi mạng sống này! Hy vọng ông sớm giúp nhỏ bỏ mũi tên trên thân thể, để cho vết thương của gươm chém và tên đâm mau bình phục, bởi vì vết thương này quá đau đớn, khiến chúng tôi không thể chịu nổi!”

Người phú quý nói rằng: “Nỗi đau của vết thương này cũng chưa gọi là đau, mũi tên sâu như thế cũng chưa gọi là sâu, vết thương lớn nhất của cuộc đời này không gì hơn đó chính là “ưu não”, tàn hại người sâu nhất không gì hơn

“ngu si”, các người còn bị sự ưu sầu khổ não tham lam tài vật của tha nhân, và còn ngu si vô minh tàn hại chúng sinh đơn độc một cách vô cơ, các loại phiền não trong nội tại này chưa lìa bỏ, thì các vết thương từ bên ngoài do gươm chém trúng tên độc không có phương pháp nào điều trị được. Hai việc tham ưu và ngu si này, đã có gốc rễ thâm sâu, cho dù một người dũng sĩ có sức mạnh tráng kiện cũng không thể nhổ bỏ! Chỉ có cách thường xuyên nghe Kinh pháp Giới luật, nương vào trí tuệ hiểu rõ ý nghĩa các pháp, mới đủ sức điều trị tâm bệnh, nhổ bỏ phiền não, ái trước, ngu si, công cao ngã mạn, hàng phục được cương, cậy quyền ý thế dựa vào giàu sang, tham dục. Tích lũy phước đức, học tập trí tuệ, mới đủ khả năng trừ bỏ nó, mới đạt được giải thoát yên ổn lâu dài.”

Lúc ấy người phú quý này hiện về với thân hình đức Phật, tướng tốt trang nghiêm, diện mạo sắc vàng vô cùng thù thắng vi diệu, và đối với mọi người giảng dạy một bài

kệ:

Nỗi khổ của vết thương do gươm đao, không bằng nỗi khổ của tham dục ưu não đem đến. Nỗi khổ của bị trúng tên độc, cũng không bằng nỗi khổ của ngu si vô minh đem đến. Ngu si vô minh đem đến nỗi khổ ấy, càng khổ hơn so với bị trúng cung tên; bị trúng cung tên chỉ nguy hiểm tính mạng một đời người, nhưng do vô minh đem lại cái khổ ấy là nhiều đời nhiều kiếp. Như vậy tham dục ưu não với ngu si vô minh, khiến cho thân thể khỏe mạnh cường tráng như dũng sĩ cũng không có cách nào nhổ được; chỉ có cách tu học chánh pháp mới trừ diệt hết.

Giống như người mù chữ học nhiều thì có đôi mắt sáng hiểu biết, như người trong bóng tối được ánh đèn chiếu sáng soi. Như Lai giảng dạy Phật pháp hướng dẫn mọi người, giống như người có đôi mắt sáng dẫn dắt người mù vậy.

Nếu như muốn trừ bỏ ngu si vô minh và lìa khỏi ngã

mạn do dựa vào phú quý quyền thế, hưởng thụ dục lạc v.v... các loại phiền não tập khí xấu, thì nên nỗ lực tu học và cung kính thân cận học tập người có trí tuệ đa văn, đó mới là người biết tích tập phước đức trí tuệ.

Năm trăm đạo tặc tận mắt thấy được ánh hào quang tướng hảo và nghe được bài kệ của đức Phật, nên cùng nhau hướng về đánh lễ Ngài, chí thành sám hối, và quy y đức Phật, ngay lúc ấy các vết thương liền khỏi hẳn. Mọi người cảm thấy vô cùng hoan hỷ, trong lòng phơi phới, cầu thọ năm giới, từ đó nơi biên cương này yên ổn, nhân dân đều vui vẻ.

Câu chuyện này có một số điều nhắc nhở chúng ta phải phản tỉnh: Đừng quá áp ủ nỗi đau của ưu sầu phiền não từ thân thể của chính mình, đó chỉ là loại vết thương bên ngoài như do đao gươm tên độc thôi, còn nỗi khổ bên trong do tham cầu ngu si vô minh mới thực sự là khổ. Chỉ có cách loại bỏ độc tố của tham dục ưu não vô minh ba



loại độc này, thì vết thương kia mới giải trừ mạnh khỏe được.

Mọi người cùng nhau tinh tấn!

*Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 12 năm 2012*

## **Nhân Duyên Đức Phật Hóa Độ Bà Lão Trong Thành Xá Vệ**

Tôi chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Kinh Phật Thuyết Quán Phật Tam Muội Hải” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 15 trang 675c~677a.

Có lần phụ thân của Đức Phật là vua Tịnh Phạn hỏi Ngài: “Pháp xuất thế gian có những lợi ích gì mà khiến cho chúng sinh có thể an lạc?”

Lúc đó Thế Tôn trả lời Đại Vương Tịnh Phạn: “Thành Xá Vệ có trưởng giả Tu Đạt, trong nhà có bà lão quản gia rất cẩn thận, chăm chỉ giữ gìn gia sản. Thừa mệnh của trưởng giả, trông coi kho tài sản, tài vật xuất kho hay sử dụng toàn quyền đều giao phó cho bà xử lý, còn Tu Đạt thường cung thỉnh Đức Phật, và Tặng chúng cúng dường vật dụng hàng ngày.

Vào lần kia có Tỳ Kheo bị bệnh, cần đồ dùng nhiều hơn, nhưng bà sinh tâm keo kiệt, bủn xỉn, nên vô cùng

buồn bã, không chịu nổi liền than thở, oán trách Phật, Pháp và cả Tăng chúng, bà nói: “Trưởng giả của gia đình chúng ta thật ngu si, bị sa môn dùng pháp thuật mê hoặc. Những vị Tỳ Kheo này giống người ăn xin không khác, tham không chán, có đạo hạnh gì để nói chứ? Cứ như thế sau khi nói xong lại phát một lời ác nguyện: “Nguyện tôi không muốn nghe đến Phật và tên của Tăng chúng, càng không muốn nhìn thấy những vị xuất gia đầu tóc mặc Tăng phục”

Lời nguyện ác này bị một người nghe được, vị này nói cho người khác nghe nữa, cứ như thế truyền qua nói lại cả thành Xá Vệ đều biết.

Vương Hậu Mạc Lợi phu nhân nghe xong tin này, bà nói: “Trưởng giả Tu Đạt đẹp như một đóa hoa sen, mọi người rất vui khi nhìn thấy ông ta, nhưng tại sao bên cạnh lại có một con rắn độc đến bảo vệ ông ta? Thật đáng tiếc! Hoàng hậu bèn hạ lệnh cho trưởng giả Tu Đạt rằng: “Ông

gọi vợ của ông đến đây, tôi có chuyện muốn nói với bà ta.”

Vợ của trưởng giả Tu Đạt vội vàng đến trước hoàng cung, sau khi lễ lạy Hoàng hậu xong đứng qua một bên, Mạc Lợi phu nhân mời bà ta ngồi, liền hỏi bà ta: “Người hầu của gia đình cô ác khẩu hủy báng Tam bảo, tại sao không đuổi bà ta đi?”

Vợ của Tu Đạt đang quỳ và trả lời: “Phu nhân! Phu nhân! Đức Phật xuất thế, mang đến lợi ích thấm nhuần vô lượng vô biên cho chúng sinh. Tức khiến ông Ương Quật Ma La, người đại ác mang chuỗi bằng ngón tay, đức Phật đều hóa độ, hoặc người thấp hèn giống như Ni Đề dọn phân uest, Đức Phật đã hóa độ... Đức Phật cũng điều phục họ, huống gì chỉ là một người già, tại sao lại không có phương pháp điều phục chứ? Như thế cũng không có vấn đề gì mà!”

Mạc Lợi phu nhân nghe xong, tâm nghĩ: “Đúng rồi!” Hoàng hậu cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bà liền nói: “Tôi

muôn thỉnh Phật đến hoàng cung, cô cũng đưa người hầu này đến hoàng cung. Ngày mai trong khi dùng cơm. Tôi sẽ thỉnh Đức Phật, và có cả chúng Tăng đến hoàng cung tiếp nhận cúng dường”.

Vợ của trưởng giả Tu Đạt sau khi về đến nhà bèn thuật lại tình huống Mạc Lợi phu nhân đã ban, trưởng giả liền sai bà lão mang một cái bình báu đựng đầy Ma ni bảo châu, đem đến hoàng cung, tán thán và giúp đỡ nhà vua việc cúng dường Tăng chúng, nhưng ông ta không nói với người hầu: “Tôi muốn bà đi cúng dường Tăng chúng” ông không nói như thế, ông chỉ nói với người hầu rằng “Tôi giao cho bà đem vật báu dâng lên quốc vương, cung tiến cho nhà vua, người hầu nghe người chủ giao cho nhiệm vụ quan trọng như vậy, nên bà ta rất vui mừng lên đường làm nhiệm vụ.

Mạc Lợi phu nhân đã nhìn thấy người hầu đến, Hoàng hậu liền nghĩ: “Con người tà kiến này hủy báng Tam bảo,

Đức Phật sẽ vì bà ta hóa độ, lúc ấy tôi đứng bên cạnh thế nào cũng hưởng được lợi ích pháp lạc.”

Ngay lúc đó Thế Tôn tiến vào cổng chính của cung điện. Ngài Nan Đà đi bên trái, Ngài A Nan đi bên phải, Ngài La Hầu La đi sau Đức Phật. Người hầu vừa nhìn thấy Đức Phật xong, trong lòng sợ hãi đến lông tóc đều dựng đứng, trong tâm nghĩ: “Người này thật đáng ghét. Đi phía sau tôi thế mà bây giờ cũng đến đây rồi.” Bà ta đi lui lập tức, liền từ lỗ chó chạy muốn trốn đi, lỗ chó lại đóng kín mít, trong một lúc đường bốn bề đều đóng kín. Chỉ có cửa chính mở. Như thế không biết làm sao, người hầu chỉ còn phương pháp từ cổng chính trốn thoát, bà ta liền dùng quạt che mặt, không muốn nhìn thấy Đức Phật.

Nhưng Đức Phật cứ ở phía trước, lại làm cho cây quạt này biến hóa thành giồng như một tấm gương sáng, không có vật ngăn cản, khiến cho bà ta không thể không nhìn thấy Đức Phật. Sau đó bà ta chuyển bên hướng Đông, đức

Phật tại hướng đông xuất hiện; hướng Nam, đức Phật cũng tại hướng Nam xuất hiện, qua hướng Tây, đức Phật cũng xuất hiện ở hướng Tây. Chuyển hướng Bắc, đức Phật cũng xuất hiện ở hướng Bắc, cũng ở trên, cúi đầu xuống, cả mặt đất đều là đức Phật. Không biết làm sao cả, bà ta cứ trực tiếp dùng tay che mặt, thế mà cả 10 ngón tay đều biến hóa thành đức Phật, bà ta không biết làm sao phương pháp tốt nhất chỉ có cách nhắm mắt kín lại, nhưng nhục nhãn tuy đang nhắm lại, nhưng mắt tâm cứ mở ra, nhìn thấy trong hư không hết thảy hóa Phật biến khắp cả mười phương thế giới.

Khi đức Phật hóa hiện các loại biến hóa, trong Thành Xá Vệ vốn có 25 Càn Đà La nữ, 50 vị Bà La Môn nữ, và còn có nhiều chúng nữ khác, Mạc Lợi phu nhân trong cung cùng cung nữ.

Trong quá khứ những người này đối với Tam Bảo sinh tâm hủy báng, không tin Phật pháp; nhưng bây giờ nhìn

thấy đức Phật dạo chơi trong hư không vì bà ta mà hiện vô số thân tướng, tất cả có 500 người vốn hủy báng Tam Bảo; trong chốc lát phá trừ mạng lưới tà kiến, những vị nữ chúng này cùng nhau đánh lễ Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Thế Tôn dùng tiếng Phạm Âm an ủi họ: “Các vị nữ chúng! Bây giờ quý vị có thể xưng tụng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật. Do xưng hô danh hiệu của Phật, quán tưởng tướng hảo trang nghiêm Phật, nhân duyên đó có thể khiến cho quý vị đạt đến giải thoát.”

Đức Phật dạy những lời đó xong, các vị nữ chúng đồng thanh hô to: “Nam Mô Phật!” Cũng chính là quy y Phật. Lúc đó giữa chận mày của đức Phật phát hào quang trắng, chiếu sáng tâm của chúng nữ, họ nhìn thấy oai nghi đức Phật, cử chỉ đều vô cùng ung dung, đĩnh đạc, và còn dưới chân đức Phật phóng ra rất nhiều hoa, giống như hoa dùng làm bảo cái, hoa tuyệt đẹp nhiều xum xuê không thể tính hết. Chúng nữ nhìn thấy đức Phật xuất hiện vô số biến



hóa, liền phát khởi vô thượng tâm Bồ đề. Có thể gặp đức Phật tôn quý, tức khiến trong tâm chứa đầy những tà kiến, như bà lão không có tâm chánh tín, cũng có thể diệt trừ tám mươi vạn ức kiếp trong tội sinh tử, hưởng gì xuất phát từ thiện tâm lễ bái cung kính.

Bà đã nhìn thấy Phật, cửa của con hẻm nhỏ liền mở ra, người phụ nữ vội vã chạy về nhà, nói với người chủ của bà ta là ông Tu Đạt: “Ông chủ! Ông chủ! Tôi hôm nay gặp người đại ghét - Sa Môn Cù Đàm, ông ta ở tại cửa vương cung, trước mặt đại chúng trở tài nhiều loại yêu tà huyền thuật, thân thể giống như núi vàng hình dáng cánh hoa của màu sắc sáng chói, mắt xa xa vươn lên hoa sen xanh mỹ lệ, có vạn ức tia sáng cũng không thể trong một lúc nhìn thấy rõ vị sa môn này ông ấy tinh thông huyền thuật. Tôi nhận thấy! Trên thế giới này không ai có thể hơn ông ta. Ông chủ, ngài vẫn còn trẻ, không nên mê đắm những huyền thuật này!” Bà ta cứ như thế khuyên ông chủ một hồi. Sau

khi nói xong bà ta núp vào cái lồng gỗ, dùng mười tấm da che trên ấy còn dùng vải sợi bông bao trên đầu lại, thân thể bà núp trong chỗ tối tăm.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn từ vương cung muốn trở về Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, Mạc Lợi phu nhân liền hướng về Thế Tôn thưa: “Xin cầu đức Phật trước hóa độ người phụ nữ tà kiến này, tạm thời không nên về Tịnh Xá”.

Đức Phật nói với Mạc Lợi phu nhân: “Người phụ nữ này tội chướng thêm nặng, không có duyên với ta, nhưng bà ta có nhân duyên rất lớn với La Hầu La. Tôi hôm nay đến đây, chỉ có thể dứt trừ bỏ tội chướng, nhưng độ bà ta thì cần có duyên, La Hầu La người có duyên với bà ấy, thì mới độ được”. Sau khi nói xong đức Phật liền trở về Tịnh Xá, và nói với La Hầu La: “Con nên đến nhà trưởng giả Tu Đạt, hóa độ người phụ nữ tà kiến này”, khi đức Phật nói đến đây, đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo thường tùy tùng theo Ngài, đều nói: “Chúng tôi

muôn cùng La Hầu La đi đến đó”.

Lúc đó, La Hầu La được sức oai thần của đức Phật, nhập như ý định, sau khi lễ lạy, hướng bên phải đi nhiễu quanh Đức Phật 7 vòng, tự mình biến hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương có Thất Bảo: Kim Luân Bảo, Tượng Bảo, Ngọc nữ bảo, Chủ Binh Thần Bảo, và có Chủ Tàng Thần Bảo cai quản tài vật v.v..., và có một ngàn người con.

La Hầu La tự mình biến hóa thành Chuyển Luân Thánh Vương, A Nan đi bên phải, A Nan Đà theo bên trái, còn một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo này liền biến hóa thành con, Chuyển Luân Thánh Vương vốn chỉ có một ngàn người con, Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, tức vượt quá hơn hai trăm người, đoàn người uy nghiêm cùng tiến bước. A Nan liền hóa hiện thần Chủ Tàng cai quản tài vật, Nan Đà chủ binh thần trông coi quân sự, Chuyển Luân Thánh Vương có 7 loại báu và 4

loại binh chủng: tượng binh, xe binh, mã binh, và có cả bộ binh, toàn bộ đầy đủ.

Lúc bấy giờ, Kim Luân Bảo ở trong hư không ngồi đài liên hoa, liền trực tiếp hướng dẫn mọi người đi đến nhà trưởng giả Tu Đạt. Lúc đó dạ xoa tuyên xưng: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế!” Chuyển Luân Thánh Vương và đức Phật đều giống nhau rất hiếm khi xuất thế. “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, có thể có những ác nhân xa lìa, tuyên dương thiện pháp”, người phụ nữ này sau khi nghe câu này xong, bà ta vô cùng phấn khởi, trong tâm nghĩ: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế rồi, sẽ có như ý bảo cùng xuất hiện, mong sao tôi có thể nhìn thấy như ý bảo này. Như ý bảo châu này, nếu được nhìn thấy, những nguyện vọng trong tâm sẽ có thể trở thành hiện thực. Bà ta nói: “Tôi nếu nhìn thấy Chuyển Luân Thánh Vương, tôi cũng có thể nhìn thấy như ý bảo châu, ngoài ra tôi không mong cầu điều gì khác, chỉ mong sao tôi thấy

được như ý bảo châu, trong lòng mãn nguyện lắm rồi.”

Tiếp theo, Chuyển Luân Thánh Vương cất bước ngồi xe đại bảo, thì có người đánh chuông gõ trống, đến nhà trưởng giả Tu Đạt, người phụ nữ khi xem xong, vô cùng vui thích, tâm nghĩ: “Chuyển Luân Thánh Vương xuất thế, ân huệ lợi ích chúng sinh, có thể phân biệt đúng sai thiện ác. Tôi nhất định không để sa môn một lần nữa làm mê hoặc.” Người phụ nữ cho rằng Chuyển Luân Thánh Vương đến rồi, bà ta liền từ trong lòng gỗ chui ra, đến đánh lễ Chuyển Luân Thánh Vương. Chuyển Luân Thánh Vương liền sai chủ Bảo Tạng thân đến vì cô ta nói pháp. Ông ta nói: “Chào chị! Chị trong quá khứ phước đức sâu dày, có duyên với Chuyển Luân Thánh Vương, nay muốn nhờ chị làm Ngọc nữ bảo” Ngọc nữ bảo tức là người nữ rất đẹp, một trong bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương.

Người phụ nữ rất sợ hãi: “Tôi xuất thân nghèo cùng như nhóp giồng như đất cát, được Chuyển Luân Thánh

Vương quan tâm thăm hỏi, đã khiến cho tôi vui mừng khôn xiết, sao xứng đáng làm Ngọc nữ bảo? Tôi tuổi đã nhiều, nhan sắc phai tàn, da mặt nhăn nheo, sao làm Ngọc nữ bảo được? Nhưng mà Chuyển Luân Thánh Vương thật lòng thương xót tôi, xin ngài khiến cho ông chủ thả tôi ra, để tôi được tự do, ban cho tôi như vậy là đủ rồi!”

Chuyển Luân Thánh Vương nói với ông Tu Đạt: “Người phụ nữ của gia đình ông tướng mạo phi phạm, tôi hôm nay muốn cho bà ta trở thành Ngọc nữ bảo” trưởng giả Tu Đạt trả lời: “Tuân mệnh! Nguyện dâng hiến cho Chuyển Luân Thánh Vương!”

Người phụ nữ nghe xong vô cùng vui vẻ, Chuyển Luân Thánh Vương lập tức dùng như ý bảo châu soi rọi diện mạo của bà ta, làm cho bà ta thấy được mình đẹp trang nghiêm như Ngọc nữ bảo, như thế càng làm cho bà ta thêm vui mừng! Bà ta liền nói: “Những người sa môn đó chỉ lớn tiếng nói suông, rồi tự mình cho rằng có đạo lý,

mà một chút năng lực cũng không có. Còn Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện, việc lợi ích thì vô số, mà còn khiến cho tôi tuổi già sức yếu thành Ngọc nữ bảo”. Nói xong liền lay năm vóc sát đất, hướng Chuyển Luân Thánh Vương đánh lễ.

Ngay lúc đó, Thần Điện Tàng trông coi tài vật ban bố chỉ lệnh của Chuyển Luân Thánh Vương, tuyên dương 10 thiện đạo, chủ yếu giảng thập thiện, người phụ nữ sau khi nghe xong pháp này, trong tâm vô cùng vui mừng. “Những lời của Chuyển Luân Thánh Vương nói ra đều có lợi ích lớn, bà sám hối những sai lầm trước đây đã tạo, tâm của bà ta trở thành hiền thực”.

Lúc đó La Hầu La trở về tướng mạo của Tỳ Kheo. Người phụ nữ vừa ngẩng đầu nhìn, tại sao không phải là Chuyển Luân Thánh Vương? Như thế vẫn là đệ tử của đức Phật. Ngoài ra những người cùng đi một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ Kheo, vốn làm con của Chuyển Luân

Thánh Vương, toàn bộ tại sao hóa thành hình dáng Tỳ Kheo? Bà ta thấy xong vô cùng kinh ngạc, liền nói: “Đức Phật thanh tịnh không từ bỏ một chúng sinh nào, tức khiến một người ngoan cố, xấu xa như tôi đều được hóa độ.” Lúc đó tâm của cô dịu dàng, thành tâm sám hối, sau khi nói xong, bà lão muốn thọ 5 giới. Tiếp theo La Hầu La vì bà ta thuyết pháp tam quy, truyền trao ngũ giới, bà nghe La Hầu La thuyết pháp, đang lúc muốn ngẩng đầu, nhưng lúc chưa ngẩng đầu liền chứng sơ quả Tu Đà Hàm. Địa thần vô cùng hoan hỷ, từ trong lòng đất xuất hiện, nói với trưởng giả Tu Đạt: “Lành thay! Trưởng giả, phá bỏ tà kiến lưới mê, Như Lai xuất thế, chân thật vì việc này, phá bỏ tà kiến lưới mê của chúng sinh.”

Tiếp đó, La Hầu La liền dẫn bà đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, lúc nhìn thấy thân thể Phật giống như núi vàng sáng chói, bà ta khởi tâm hoan hỷ, vui mừng chấp tay hướng Phật đánh lễ, sám hối vô số tội ác trong quá khứ,



còn xin Đức Phật cho phép bà được xuất gia.

Đức Phật nói với La Hầu La: “Dẫn bà đến nơi chỗ của Bà Kiều Đàm Di” (Dì ruột của đức Phật). Lúc đi được nửa đường, La Hầu La nói cho bà nghe: “Khô, khô, vô thường, vô ngã. Bà nghe xong, đầu tóc tự rụng liền trở thành Tỳ Kheo Ni, chưa đến chỗ của bà Kiều Đàm Di, mà bà ta đã trở thành Tỳ Kheo Ni rồi, không những thế còn có đủ tam minh lục thông, tám giải thoát, thân thể bay lên hư không và 18 loại biến hóa.

Vua Ba Tư Nặc cùng phu nhân Mạc Lợi nhìn thấy những loại biến hóa này, trong tâm vui mừng không tả xiết, liền tán thán: “Lành thay! Đức Phật giống như mặt trời xuất hiện ở thế gian, chiếu sáng phá bỏ đi bóng tối của vô minh ngu si, khiến cho kẻ tà kiến chứng đắc A La Hán”. Nói xong cung kính hướng về phía Phật đánh lễ thưa: “Thế Tôn! Người phụ nữ này, trong quá khứ đã tạo những tội gì, khiến cho bà ta đời này sinh trong gia đình thiếu

thôn, phải làm đầy tớ, nghe người sai bảo, và bà ta đã tạo những phước đức gì, may mắn hôm nay được gặp Thế Tôn, cũng giống như một tấm vải trắng dễ bị nhiễm màu sắc, đức Phật cùng các đệ tử của Ngài giáo hóa, bà ta mới chúng đắc A La Hán?”

Đức Phật nói với vua Ba Tư Nặc: “Ông chú ý nghe! Cách đây vô số kiếp trước, có Phật Thế Tôn xuất thế, đức hiệu là Nhật Bảo Cái Đăng Vương Như Lai, đầy đủ 10 hiệu, sau khi Đức Phật diệt độ, trong thời kỳ tượng pháp, có một vị vua tên Tạt Bảo Hoa Quang. Vị quốc vương này có một người con trai, tên là Khoái Kiến, vị vương tử này muốn xuất gia, vua cha cũng sẵn sàng đồng ý!.

Vị vương tử này, hướng về phía trước đi vào trong núi sâu, tỏ rõ ý nguyện muốn xuất gia. Khi đó có một vị Tỳ Kheo thông minh trí tuệ, biết rõ thật tướng các pháp, liền tiếp nhận vị vương tử làm đệ tử. Ngoài ra còn có một vị Tỳ Kheo hiệu Đức Hoa Quang, vị này giảng dạy giáo nghĩa

rất tốt, đặc biệt là khuyến hóa sơ học, rất có phương pháp. Vương tử Tỳ Kheo tuy hiện tướng xuất gia, nhưng bởi vì xuất thân vương tử, trong tâm còn kiêu mạn, Hòa Thượng vì đại chúng giảng dạy pháp thâm sâu vi diệu, nói Bát Nhã Ba La Mật tánh không nghĩa lý sâu xa, nhưng vị vương tử Tỳ Kheo nghe xong không hiểu nghĩa lý sâu xa của “Không”, cho rằng hòa thượng giảng dạy là tà thuyết, tà kiến. Sau khi Tỳ kheo diệt độ, vị vương tử Tỳ Kheo này liền nói: “Đại hòa thượng của tôi không có trí tuệ, chỉ có thể ca ngợi việc hư vô không huyễn. Nếu tôi sau này có sinh làm người, tôi không muốn nhìn thấy vị hòa thượng này!” Ông ta phát ra lời nguyện như vậy: “Nhưng A Xà Lê ân sư của tôi (A Xà Lê là vị phạm sư hướng dẫn đệ tử nhiều loại pháp tắc) mới là người đầy đủ trí tuệ biện tài, mong sao tôi đời đời kiếp kiếp gặp được vị thiện tri thức này!”

Wang tử Tỳ Kheo sau khi phát ra ác nguyện xong,

đem chánh pháp nói thành không phải chánh pháp, lấy không phải chánh pháp nói rằng chánh pháp, giảng dạy cho rất nhiều đồ chúng đều mang lấy tà kiến. Tức khiến cho ông ta nghiêm trì giới luật, oai nghi cử chỉ không có thiếu sót, bởi vì dùng sai lầm phương thức lý giải ý nghĩa chân chánh trì giới, càng trầm trọng hơn là hiểu sai Bát Nhã Ba La Mật thật tướng nghĩa lý của không, sau khi mạng chung, nhanh như tên bắn, tức khắc đọa vào địa ngục A tỳ, tám mươi ức kiếp thường chịu vô lượng khổ não xong, lại đầu thai vào nhà người nghèo cùng trong 500 đời, không chỉ tai điếc, ngu si, mắt mù, một ngàn hai trăm đời trở lại, lại phải thường làm người đầy tớ”.

Sau khi Đức Phật giảng dạy nhân duyên này xong, 500 tỳ nữ trong cung của Mạc Lợi phu nhân hết lòng sám hối tự trách và phát bồ đề tâm, nguyện mong sao đời sau hiểu Bát Nhã Ba La Mật, lý giải được ý nghĩa thâm sâu của pháp Không.

Đức Phật nói với vua Ba Tư Nặc: “Lúc bấy giờ vị hòa thượng này chính là Thế Tôn.”

Thế Tôn chính là hòa thượng của vương tử Tỳ kheo. Đó chính là kiếp trước phát ra ác nguyện “tôi không muốn gặp mặt vị hòa thượng này!” Do đó đức Phật dù muốn độ ông ta, ông ta cũng không có duyên được hóa độ, còn vị A Xà Thế còn chính là tiền thân của La Hầu La. Nhưng cũng may mắn là ông ta phát lời nguyện: “Tôi nguyện thân cận vị A Xà Lê, do đó ông ta có duyên với La Hầu La, nếu La Hầu La đến hóa độ, còn vương tử Tỳ Kheo chính là bà này; những đồ chúng của vương tử tỳ kheo trước đây có tà kiến, nhưng hôm nay được nghe Phật pháp xong, chính là những nữ chúng phát tâm bồ đề.”

Câu chuyện dạy cho chúng ta điều gì? Nhất định không được tùy tiện phát ác nguyện: “Tôi không muốn nhìn lại ai, đặc biệt là những vị thầy, thiện tri thức, lời ác nguyện này dù thế nào đi nữa không nên tùy tiện phát,

chúng ta cùng nhau sách tấn!

*Phước Nghiêm, ngày 29 tháng 9 năm 2012*

## Đức Phật nói Kinh Nhũ Quang Phật

Hôm nay, tôi chia sẻ với quý vị câu chuyện “Kinh Thuyết Nhũ Quang Phật”, được trích trong Đại Chánh Tạng quyển 17, từ trang 754b~ 756b.

Khi đức Phật còn tại thế, Ngài từng bị phong hàn, cần một ít sữa bò để làm thuốc. Đương thời có vị Phạm chí Ma Gia Lợi, có rất nhiều đệ tử thân cận, và được nhà vua đại thần dân chúng tôn kính, ông tuy giàu có nhưng rất keo kiệt ích kỷ, không tin Phật pháp, không thích bố thí. Ông keo kiệt đến mức độ dùng lưới bao phủ nhà và vườn để chim không bay vào tìm thức ăn được.

Đức Phật muốn độ ông ta, liền gọi ngài A Nan đến nhà ông để khát thực một ít sữa, vì nhà ông có nuôi bò sữa.

Lúc đó ông Ma Gia Lợi cùng với 500 vị đệ tử giỏi, đang đi vào cung diện kiến vua, trên đường gặp ngài A Nan, ông hỏi: “Ngài đi đâu mà sớm thế, ngài có cần gì

không?”

Ngài A Nan đáp: “Đức Thế Tôn đang bị phong hàn cần một ít sữa”.

Vì do rất keo kiệt nên ông Ma gia Lợi liền nghĩ: “Nếu ta không cho Thế Tôn sữa thì mọi người sẽ nghĩ ta là người keo kiệt, còn nếu cho thì những vị đệ tử của Ta sẽ nghĩ: “Ma Gia Lợi đang cung phụng đức Phật, do đó ông bán khoán và tìm ra một phương kế, ông nghĩ rằng có một con bò rất hung tợn trong nhà: “Hãy để cho ngài A Nan tự mình đi vắt sữa”. Bởi con bò mẹ hung dữ này, nếu nổi sân sẽ dùng sừng húc ngài A Nan, như thế mới có thể làm cho những đệ tử khác của đức Phật phải nhục nhã, làm cho mọi người phải xa lánh và tôi sẽ càng được nhiều người tôn trọng. Không cần biết A Nan có lấy được sữa hay không nhưng đã khiến cho mọi người biết được tôi không phải là người keo kiệt. Nếu A Nan bị bò húc chết thì đó cũng chẳng phải là lỗi của tôi.



Do đó, ông nói với ngài A Nan: “Bò đang nhốt trong chuồng, ông tự đi vào mà vắt”. Sau đó ông nói nhỏ với con của mình: “Hãy đưa Tôn giả A Nan đến con bò hung dữ và quan sát ông ta có lấy được sữa hay không?”.

Lúc đó, năm trăm vị học trò nghe như vậy, mọi người đều rất tò mò, muốn đi cùng xem sự tình xảy ra như thế nào, họ cảm thấy rất kỳ lạ và bàn luận: “Sa môn Cù Đàm (tức Thế Tôn) thường tự xưng “trên trời dưới đất, chỉ có ta là độc tôn”, có thể hóa độ chúng sinh trong mười phương hết lão bệnh chết. Vậy sao chính ngài lại bị bệnh, không tự mình cứu chữa, sao bảo A Nan xin sữa và thuốc? Những Phạm chí ai cũng bàn tán nghị luận.

Lúc đó ngài Duy Ma Cật đang đi diện kiến đức Phật, ngang qua nhà ông Phạm chí thì gặp ngài A Nan liền hỏi: “Ngài đi khất thực sao mà sớm thế? Ngài A Nan liền nói: Đức Phật đang bị phong hàn cần một ít sữa”

Cuộc đối thoại giữa cư sĩ Duy Ma và ngài A Nan dưới

đây trùng hợp trong Kinh Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma nói với A Nan: “Thầy không nên nói như thế! Thân Như Lai là thân kim cương, những ác pháp đã được đoạn trừ, chỉ tích tụ những thiện công đức thì làm sao mà có bệnh? Thầy nên im lặng mà rời khỏi nơi đây! Không được nói đi khát thực xin sữa, nói như thế ngoại đạo nghe được sẽ hủy báng đức Như Lai, và cũng đừng để Chư Thiên Long Thần và kẻ cả Bồ Tát trong mười phương, A La Hán, Thanh Văn nghe được điều này.

Ngay cả bậc Chuyển Luân Thánh Vương, phước đức ít, mà đã không bệnh tật, hưởng hồ Thế Tôn đã tu vô số kiếp, bố thí khắp nhân gian, và còn tích lũy vô lượng phước đức, thành tựu thân kim cương, làm sao lại có bệnh tật được? Những lời nói này nếu truyền đến ngoại đạo, bọn chúng sẽ hủy báng: “Thế Tôn bệnh tự mình còn chưa trị được làm sao cứu chữa được sinh lão bệnh tử cho chúng sinh đây?”

Duy Ma Cật nói với A Nan: “Thực ra thân Như Lai là

pháp thân, là sắc thân đã giải thoát, do đó đức Phật không còn bệnh. Thân Như Lai có vô lượng công đức, những bệnh hoạn đã không còn nữa, nếu nói có bệnh thì đó chỉ là thị hiện mà thôi.” Ông nói: “Thầy hãy đi nhanh đi! Đừng để ngoại đạo hủy báng?”

Ngài A Nan nghe xong, cảm thấy rất hổ thẹn, ngài nghĩ: “Có phải ta đã nghe sai rồi chăng?”

Ngay lúc đó, trên không trung có âm thanh xuất hiện: “A Nan, như trưởng giả Duy Ma Cật chất vấn, Như Lai xuất hiện thế gian, ngài vì chúng sinh trong cõi ngũ trược ác thế mà thị hiện thân có bệnh, để độ tham sân si của chúng sinh trong mười phương, là một phương pháp thị hiện. Do đó, ngài hãy đi đến nhà ông Ma Gia Lợi khát thực xin sữa, những lời cư sĩ Duy Ma Cật vừa nói, thầy không nên bận tâm, mà cũng không cần phải hổ thẹn.”

Lúc đó, ngài A Nan rất kinh ngạc: Có phải mình đã nghe nhầm chăng? Trong lòng lại nghĩ: “Chẳng lẽ oai thần

Như Lai đã cảm động đến như thế sao?

Lúc bấy giờ, năm trăm vị Phạm Chí, nghe tiếng nói trong không trung, biết Thế Tôn bệnh không phải thật bệnh, mà chỉ là thị hiện để hóa độ chúng sinh. Cũng như cư sĩ Duy Ma Cật, đã là Như Lai ở một quốc độ khác nhưng vì muốn hóa độ mà thị hiện có bệnh, Thế Tôn muốn những đệ tử đi thăm ông ta, thực ra là tạo có cơ hội được nghe trưởng giả Duy Ma Cật khai thị v.v..

Lúc đó, ông Ma Gia Lợi và thân quyến ông ta đều rất tò mò, xem ngài A Nan cuối cùng có lấy được sữa hay không.

Ngài A Nan đi bên cạnh con bò mẹ hung hăng này, tâm nghĩ: “Phạm chí Ma Gia Lợi đồng ý cho tôi vắt sữa nhưng tôi là sa môn làm sao tôi có thể tự tay làm, biết làm sao đây?”

Ngay lúc đó, Ngài Đế Thích từ cõi trời xuống, hóa thân thành một vị Phạm chí nhỏ tuổi đứng cạnh con bò.

Ngài A Nan khi thấy anh ta rất hoan hỷ liền nói: “Thiếu niên Phạm chí! Có thể giúp tôi vắt sữa được không?”

Vị thiếu niên Phạm chí trả lời: “Tôi không phải là Phạm chí, tôi là Đế thích. Tôi nghe Như Lai cần sữa, vì vậy tôi từ trên trời xuống đây hầu mong cầu chút phước đức.”

Ngài A Nan nói: “Ông là thiên đế, địa vị rất tôn quý, sao lại tiếp cận mùi hôi thối của bò?”

Đế thích trả lời: “So với Như Lai thì địa vị của tôi có gì là trân quý, việc này có gì để mà toan tính! Thế Tôn không mệt mỏi xây dựng công đức hà huống tôi chỉ là vị trời nhỏ mà thôi! Tôi sống trong cảnh vô thường, những phước đức vô thường này cũng phải tan biến, nếu không tích lũy công đức, có núi công đức cũng phải hết, khi phước đức đã không còn thì không nơi nương tựa.”

Ngài A Nan nói, nếu ông muốn, thì ông tới vắt sữa

dùm tôi”.

Đế thích nói: “Được!” Ông liền cầm bát đi đến phía trước con bò để vắt sữa, thường ngày nó rất hung dữ, nhưng bây giờ nó bình thản, khiến cho những người xung quanh vô cùng kinh ngạc. “Phạm chí nhỏ tuổi này có gì quan trọng, mà lại mạo hiểm vì đệ tử Thế Tôn đến vắt sữa? Trên thực tế rất nguy hiểm, mọi người muốn ngài A Nan đến vắt sữa, để con bò dùng sừng húc chết hoặc bị thương, nhưng lại thấy rất kỳ lạ: “Tại sao lại thay đệ tử Thế Tôn đến vắt sữa, sao không để cho A Nan tự mình vắt sữa”. Lúc đó, Đế thích thay A Nan đến vắt sữa và nói với con bò: Đức Thế Tôn đang bị phong hàn, mày làm ơn cho ta lấy ít sữa để đức Phật dùng, nếu khiến Ngài hết bệnh, thì ngươi sẽ có vô lượng phước đức. Phật là thầy của trời người, Ngài không phải vì tham mà đến xin sữa, ngài dùng tình thương để cứu giúp tất cả chúng sinh, vì muốn cho chúng sinh được giải thoát.”

Lúc đó, con bò nói với Đế Thích: “Ngài đã dùng bàn tay chạm vào tôi nhưng thật là nhẹ nhàng làm sao, và xin ông chỉ lấy sữa từ hai cái vú phía trước hai cái phía sau để dành cho con tôi bú. Vì con tôi từ sáng tới giờ chưa được bú, tôi biết tuy cúng dường Như Lai phước đức rất lớn nhưng con tôi cũng phải lo chăm sóc, cần phải bình đẳng mà nghĩ như vậy.

Lúc đó bò con nghe xong liền nói với mẹ:

Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con từ xưa đến nay chưa từng nghe qua danh hiệu của Phật, đây là cơ hội hiếm có, con rất mừng và cũng muốn cúng dường, mẹ hãy lấy hết phần sữa của con cúng dường lên Phật. Thế Tôn là thầy của trời người khó gặp được, con cũng có thể ăn cỏ, uống nước để sống qua ngày. Trong đời quá khứ, làm người thường uống sữa, trong lúc luân hồi trong sáu đường, cũng không ngừng uống sữa, thời gian đã quá lâu rồi, mà người ngu ở thế gian cũng rất nhiều, mọi người đều không biết cúng dường đức

Phật, kết quả hồi hận là đã không biết bố thí, thì chút lợi ích cũng không có được.

Bởi vì, trong quá khứ con vô cùng tham lam lại rất dễ xung đột với người khác, còn gặp phải bạn ác, không tin kinh luật. Kết quả làm con đọa làm bò, ngựa trải qua 16 kiếp, không dễ gặp được Phật, cũng giống như người bệnh gặp được thầy giỏi thuốc hay. Do đó, xin mẹ lấy hết phần sữa của con đưa cho ngài A Nan dâng lên cúng dường Phật! Khiến con sau này được khai mở trí huệ đặc đạo giống như đức Phật vậy.

Đế thích vắt đầy bát sữa và trao cho Ngài A Nan, ngài vô cùng vui mừng và mang về. Sau khi về đến nơi, đức Phật hỏi ngài A Nan: “Chuyện gì đã xảy ra?”

Ngài A Nan đem toàn bộ câu chuyện giữa bò mẹ và con kể lại cho đức Phật nghe.

Đức Phật kể lại nhân duyên trong quá khứ, bò mẹ và bò con đã từng làm đại trưởng giả giàu có nhưng vì rất



tham lam keo kiệt, không tin kinh giáo, giới luật của đức Phật, thường cho vay giá cao. Có người sau khi trả tiền nhưng lại bị ông ta nói với người khác: “Bạn chưa trả hết tiền! Vì nhân duyên như vậy nên đọa làm súc sinh 16 kiếp. Bây giờ nghe danh hiệu của đức Phật, nó liền khởi tâm hoan hỷ, mà nghiệp làm súc sinh tới đời này là chấm dứt. Hiện giờ nghe danh hiệu đức Phật nó khởi tâm từ bi, dùng sữa cúng dường Phật, về sau sẽ được giải thoát.

Đức Phật mỉm cười, ngài A Nan liền hỏi đức Phật: “Tại sao Ngài lại cười?”

Đức Phật liền nói với ngài A Nan: “Sau khi bò mẹ và bò con chết, sẽ bảy lần sinh lên cõi trời Đâu suất cùng Phạm Thiên, và sẽ bảy đời làm người ở nhân gian, làm con của một người phú gia, không còn sinh trong ba đường ác. Sau này, sẽ có túc mạng thông, sẽ thường cúng dường Phật, và treo tràng phan, đốt hương cúng dường thọ trì kinh pháp. Bò mẹ về sau gặp đức Phật Di Lặc, trở thành đệ

tử xuất gia của Ngài, sau này chứng quả A La Hán. Bò con càng hơn thế nữa, nó trải qua 20 kiếp, nó sẽ thành Phật, danh hiệu là Nhữ Quang Như Lai, cứu độ vô số chúng sinh.”

Cũng là dùng sữa cúng dường đức Phật, nhưng bò mẹ chỉ phát tâm giải thoát, bò con phát đại bồ đề tâm, về sau không ngừng tu học nghe Phật pháp. Vì vậy, bò mẹ đắc quả A La Hán, còn bò con thành Phật hiệu là Nhữ Quang Như Lai.

Đức Phật dạy A Nan: “Bò mẹ và bò con đều dùng tâm tốt cúng dường Như Lai, nhân duyên này đã gieo trồng một chủng tử được độ, giống như súc sinh đều có tâm thiện, hà huống con người chúng ta sáu căn đầy đủ, có trí huệ phân biệt đúng sai, cần phải phát tâm. Nếu không phát tâm, mà cũng không thấu hiểu sinh tử luân hồi, cũng không thọ trì kinh giáo, không tin bố thí đời sau sẽ được phước, vì tham lam keo kiệt tự dối mình, tâm chứa tâm ác,

miệng nói lời ác, thân làm việc ác, giống như người ngu, như thế thì làm sao giải thoát được.”

Câu chuyện trong “Kinh Phật Thuyết Nhũ Quang Phật”, tương tự như kinh “Phật Thuyết Độ Tử Kinh” trong đại chánh tạng quyển 17, trang 754. “Phật Thuyết Độ Tử Kinh” ngắn hơn, đại chúng có thể dễ dàng tương đối chiếu. Liên quan đến cuộc đối thoại giữa cư sĩ Duy Ma và ngài A Nan trong “Kinh Duy Ma”.

*Phước Nghiêm, ngày 28 tháng 4 năm 2012*

## **Câu Chuyện “Nhân duyên Phất Ca Sa Vương chứng quả mà bị trâu húc chết” (Phần 1)**

Tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị về một câu chuyện được trích trong “Pháp Cú thí dụ Kinh Phẩm Duy Niệm” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4 trang 580c~581b.

Ngày xưa lúc đức Phật còn tại thế, Phất Ca Sa Vương và Bình Sa Vương là bạn với nhau rất thân thiết. Lúc đó, Phất Ca Sa Vương vẫn còn chưa biết Phật Pháp, ông ta làm hoa thất bảo tặng cho Bình Sa Vương. Bình Sa Vương sau khi nhận được hoa thất bảo, chuyển lại cúng dường và thưa đức Phật: “Phất Ca Sa Vương với con là bạn rất thân thiết, thất bảo này là ông ta tặng cho con, bây giờ con xin cúng dường đức Phật. Con hy vọng Phất Ca Sa Vương được tâm ý trong sáng, có cơ hội gặp được đức Phật, nghe Phật Pháp và cung kính cúng dường chúng Tăng, thân cận Tam Bảo, không biết con nên dùng vật gì để đền đáp cho

ông ta mới phải?

Đức Phật dạy Bình Sa Vương: “Con có thể chép 12 nhân duyên tặng cho Phất Ca Sa Vương, ông ấy lúc nhận được bộ Kinh này, trong tâm nhất định hiểu được và có niềm tin chính xác.”

Bình Sa Vương vội vàng chép lại 12 nhân duyên, ngoài ra còn viết thêm một đoạn nói rằng “Ông tặng cho tôi bảo hoa, bây giờ tôi có hoa Phật Pháp đến đền đáp ông, hy vọng ông đọc thật kỹ tư duy nghĩa lý kinh văn, trong kinh văn nói về nhân duyên, quả báo vô cùng kỳ diệu, nếu tu học tốt, sẽ đắc được quả báo vô cùng tốt đẹp. Lúc ông nhận được xin đừng chần chừ, mau mau đọc tụng, nghiên cứu học tập, rất mong đợi một ngày chúng ta có thể cùng nhau thưởng thức pháp vị.”

Phất Ca Sa Vương sau khi nhận được từ Bình Sa Vương viết “12 nhân duyên”, tư duy suy nghĩ nhiều lần nội dung của kinh văn, cuối cùng đối với Phật Pháp khởi

tín tâm thanh tịnh, mà còn thấu hiểu một cách sâu sắc, ông ta tự trong đáy lòng thốt lên: “Đạo lý của Phật Pháp hướng dẫn quá là kỳ diệu! Nghĩa lý của Đức Phật khai thị tinh thâm kỳ diệu, khiến tâm tôi an định, phản tỉnh tôi; thân tôi là vị vương chủ, hưởng thụ vinh hoa phú quý, ngôi vị tôn vinh. Đây cũng chính là nguồn gốc âu lo phiền não. Tôi đã từng nhiều đời nhiều kiếp trầm luân sinh tử luân hồi, hôm nay mới có thể tỉnh ngộ. Hồi tưởng những hưởng lạc của thế tục, thực chất không đáng để tham luyến”, Phát Ca Sa Vương lập tức triệu tập đại thần, nhường ngôi vua lại cho thái tử, tự mình cạo tóc xuất gia làm sa môn, khoác tăng phục, ôm bát đi đến bên ngoài thành La Duyệt Kỳ (thành Vương Xá), xin ở nhà một người làm đồ gốm. Trong lòng nghĩ: “Tôi ngày mai vào thành khát thực, dùng cơm trưa xong, tôi lại đến chỗ đức Phật thọ trì Kinh giới.”

Lúc đó, đức Phật dùng thần thông nên biết vua Phát Ca Sa ngày mai khi khát thực, tính mạng của ông sẽ chấm dứt,

ông từ nơi xa xôi đến đây, nhưng không gặp được ta, và cũng chẳng nghe được kinh pháp, thật là đáng thương xót. Nên đức Phật liền hóa thành một vị sa môn, đi đến trước nhà của người làm đồ gốm và cũng xin ngủ qua đêm.

Người thợ gốm nói: “Vừa mới có một vị sa môn xin ở qua đêm ở phía trong lò gốm, nếu như ông không ý kiến gì, ông cũng có thể cùng vị sa môn đó ở qua đêm” hóa hiện sa môn lấy một bó cỏ, đi đến lò, rồi ngồi một bên, hỏi Phát Ca Sa: “Ông từ nơi nào đến! Thầy của ông là ai! Tại sao muốn xuất gia làm sa môn? Ông đã gặp đức Phật chưa?”

Phát Ca Sa trả lời: “Tôi chưa gặp Phật, tôi chỉ nghe 12 nhân duyên, tôi liền phát tâm xuất gia làm sa môn. Tôi chuẩn bị ngày mai vào thành khát thực, dùng trưa xong, lại tiếp tục đi về phía trước đánh lễ Thế Tôn”.

Hóa hiện sa môn liền nói: “Mạng sống con người nguy hiểm dễ tan, thời thời đều gặp nguy hiểm sinh mạng, rất mong manh, sớm tối biến hóa vô thường, thời khắc đều

đang ở trong biến hóa vô thường. Bởi vì tội báo này đời trước cùng người kết oán, cuối cùng không đề phòng được tự nhiên mà đến, tức là bất kể ở đâu, bất kỳ lúc nào quả báo này cũng đều có thể đến, nên quán chiếu thân thể của chúng ta là do đất, nước, lửa, gió, bốn loại nhân duyên giả hợp mà thành. Cuối cùng cũng tan rã, trở về với vốn có của nó, đất trở về đất, nước trở về nước, lửa trở về lửa và gió trở về gió. Nên tư duy về thất giác chi (niệm giác chi, trạch pháp, tinh tấn, khinh an, định và xả giác chi) và tư duy Không, thanh tịnh, vô tướng, cần một lòng một ý nhớ nghĩ đến Tam Bảo; Phật, Pháp, Tăng. Cần phải tư duy công đức của sự bố thí, trì giới, có thể hiểu rõ vô thường, như thế cũng như sự gặp Phật không khác vậy. Nếu như chúng ta chỉ lên kế hoạch cần làm gì cho ngày mai, như thế thì thật không có ý nghĩa gì cả, vì ngày mai ra sao vẫn chưa biết.”

Lúc đó vị sa môn biến hóa này liền nói bài kệ rằng:



“Người có thể đạt được lợi ích, đều là nhờ trở về nương tựa Phật Pháp, do đó nên sớm tối mỗi phút giây cần phải nhớ nghĩ Tam Bảo, Phật, Pháp, Tăng. Tự mình có thể giác ngộ, như thế mới đích thực là đệ tử của Phật. Một người đệ tử của đức Phật thì bất luận sớm tối, mỗi sát na đều nên thường niệm Phật, Pháp, Tăng ba ngôi báu, và cần phải quán thân bất tịnh, quán vô thường, nhớ nghĩ công đức của sự bỏ thí và trì giới, suốt ngày nên quán ba cánh cửa giải thoát, gọi là tam giải thoát môn, tức là quán Không, vô nguyện và vô tướng.”

Lúc đó hóa sa môn ở trong lò gốm ấy, vì vua Phất Ca Sa mà nói đại ý của vô thường, vua Phất Ca Sa chuyên tâm tư duy, nhiếp tâm vào định, ngay lúc đó liền chứng quả A Na Hàm.

Đức Phật biết vua Phất Ca Sa đã thể ngộ, nên hiện trở lại thân Phật, phóng quang minh, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vua Phất Ca Sa vừa nhìn thấy vô cùng

tán thán. Vốn là đức Phật từ bi đến hóa độ vô cùng mừng rỡ, do đó hướng về đức Phật đánh lễ.

Đức Phật lại nói với vua: “Do quá khứ đã tạo nghiệp ác, thậm chí quả báo hiện tại phải trả bằng mạng sống. Nhưng quả báo cũ, một sớm thọ hết liền kết thúc. Do đó nếu ông gặp phải những bất trắc, ông cần phải nghĩ đây là do ác nghiệp đã tạo trong quá khứ, bây giờ phải mang lấy tội báo; tội báo này sau khi gánh chịu hết, thì liền kết thúc, ông không nên lo sợ”. Sự thật, đức Phật đang ngầm bảo ông, ngày mai ông sẽ gặp bất trắc, sớm nói ra để ông không nên hoảng hốt.

Vua Phất Ca Sa bạch đức Phật rằng: “Xin tuân thủ lời dạy của Thế Tôn, y giáo phụng hành” không lâu ngày vua Phất Ca Sa tiến vào thành khất thực, tại trong thành gặp một con trâu mẹ vừa mới sinh xong, trâu mẹ vì bảo vệ trâu con, dùng hết sức mạnh húc vào vua Phất Ca Sa, đến nỗi thủng ruột, vua Phất Ca Sa ngay lúc đó liền mạng chung.

Mà sau khi mạng chung, lập tức sinh vào Bất Hoàn Thiên, chính là cõi trời Ngũ Bất Hoàn của đệ tứ thiên.

Đức Phật bảo những Tỳ kheo trà tỳ hỏa táng, đem di cốt của vua Phất Ca Sa xây tháp cúng dường.

Đức Phật nói với các đệ tử: “Căn nguyên của tội báo, nhất định phải cẩn thận.” Vì chúng ta tạo nghiệp ác, không nên đợi đến lúc quả báo hiện hành mới hoảng hốt lúng túng, chúng ta cần phải hiểu căn nguyên của tội báo là gì? Chính là vô minh phiền não, và có cả nghiệp. Chúng ta không nên sinh phiền não, không nên tạo nghiệp ác.

Qua câu chuyện muốn khuyên chúng ta rằng không nên vạch kế hoạch cho ngày mai làm gì, trong khi đó việc cần thực hiện ngày nay lại bỏ lỡ mà cần phải nắm bắt giây phút hiện tại. Còn nữa, dù cho ở quá khứ chúng ta đã tạo ác nghiệp gì có thể nó không được rõ ràng; nhưng quả báo đó không như vậy, nói đến thì sẽ liền đến, vì vậy chúng ta có lo sợ cũng chẳng được gì.

Vua Phất Ca Sa tại sao sau khi chứng quả, lại bị trâu húc đến chết? Muốn biết tường tận, xin mời lần đọc bài tiếp theo sẽ hiểu rõ.

*Phước Nghiêm, ngày 27 tháng 10 năm 2012*

## **Câu chuyện “Nhân duyên vua Phất Ca Sa chứng quả mà bị trâu húc chết” búa rìu trong miệng, sờ dĩ bị mất mạng do vì ác ngôn của mình. (Phần 2)**

Tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ, Phẩm Ngôn Ngữ Thứ 8” thuộc “Đại Tạng Kinh” quyển 4 trang 582a~b.

Câu chuyện này với “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm thứ 6 phẩm Tư Duy” có liên quan, phẩm ấy có đề cập đến vua Bình Sa và vua Phất Ca Sa là bạn tốt của nhau, vua Bình Sa chép lại 12 nhân duyên tặng vua Phất Ca Sa. Vua Phất Ca Sa xem xong “12 nhân duyên” này vô cùng xúc động, ông liền khởi tâm xuất ly và xuất gia.

Sau khi xuất gia, ông xin ngủ qua đêm tại lò nung của một thợ gốm, dự định ngày mai sẽ vào thành khát thực, dùng ngộ xong, lại đi vào chỗ của Phật thọ trì kinh giới. Nhưng đức Phật đã biết, nhân duyên trong quá khứ của

vua Phất Ca Sa, ông ta qua không nổi đến trưa mai, đức Phật nghĩ ông ta đã phát tâm như vậy, chưa được gặp Phật, cũng chưa được nghe Phật Pháp mà chết, thì thật đáng thương quá, do đó Đức Phật liền hóa hiện thành một vị sa môn giảng dạy cho ông, ngay lúc đó vua Phất Ca Sa chứng đắc A-na-hàm tam quả. Phật nói với ông; “Không nên chỉ dự định cho ngày mai phải làm gì? Mà cần phải sống với hiện tại, một mực lo tính công việc cho ngày mai, việc làm như vậy không có ý nghĩa gì. Ngoài ra, còn có trong quá khứ chúng ta tạo những ác nghiệp gì, chúng ta không thể biết, nhưng quả báo đến không một chút do dự, nói đến là đến, chúng ta nên hoan hỷ đón nhận, hoảng hốt cũng chẳng được gì.”

Đức Phật sau khi dự báo như vậy xong, qua hôm sau lúc vua Phất Ca Sa đi khất thực, tại trong cửa thành gặp một con trâu mẹ vừa mới sinh con xong, vì bảo vệ trâu con, liền dùng sừng lấy hết sức mạnh húc vua Phất Ca Sa, vì

thế mà mạng chung, đây là nội dung trong “Phẩm Thứ 6 Phẩm Tư Duy”.

Bây giờ đến phẩm thứ 8, nội dung chính nói về nhân duyên trong quá khứ của vua. Tại sao một người đã chứng thánh quả thứ 3 A Na Hàm rồi, mà sao vua không tránh được gặp bất trắc này. Nguyên nhân cuối cùng là sao? Tại “Kinh Pháp Cú Thí Dụ Phẩm Ngôn Ngữ” này có nói đến.

Quá khứ vua Phất Ca Sa sau khi tự xuống tóc xuất gia, đi về phía thành vương xá khát thực, tại trong thành bị một con bò mẹ mới sinh con, dùng hết sức mạnh húc chết. Chủ nhân của con trâu cảm thấy vô cùng sợ hãi, nên bán trâu đó cho người khác.

Người mua con trâu ấy, dắt đến bên bờ sông cho nó uống nước, nhưng bất ngờ bị nó húc ở sau lưng rồi chết.

Người mua trâu có một người con trai, biết cha mình bị trâu húc mà chết, anh ta vô cùng sân giận, liền đem con trâu mẹ ra giết, mang thịt trâu lên chợ bán.

Lúc đó, có một người nông dân mua cái đầu trâu, dùng sợi dây thừng cột lại và gánh về nhà, khiêng đầu trâu rất mệt, người nông dân còn cách nhà khoảng một cây số, cảm thấy rất mệt, tìm một thân cây, liền đặt đầu trâu tạm thời treo trên cành cây, ông ta ngồi nghỉ ở dưới gốc. Nào ngờ đâu, chẳng bao lâu sợi dây bị đứt, đầu trâu rớt xuống, sừng trâu đâm ngay vào người nông dân, người nông dân chết tại chỗ. Con trâu mẹ này trong một ngày liên tục lấy đi 3 mạng người.

Tin này chuyên đến tai vua Bình Sa, vua cảm thấy vô cùng kỳ lạ. Do đó, vua Bình Sa bèn cùng tất cả đại thần đi bái kiến đức Phật. Vua Bình Sa hướng Phật đánh lễ xong, bước đến chỗ của vua, chắp tay và hỏi đức Phật: “Thật là kỳ lạ? Thật không thể nghĩ lường! Thế Tôn! Một con bò mẹ trong một ngày liên tục giết 3 mạng người, cuối cùng là nguyên nhân đặc biệt gì? Đó là những việc xảy ra ngoài ý muốn chẳng? Chúng con hy vọng Thế Tôn vì chúng con



giải thích rõ ràng, cuối cùng là do nguyên nhân gì?”

Đức Phật nói với vua Bình Sa: “Tội báo nhất định có nguyên nhân, nguồn gốc của nó chúng ta cần lưu ý, cũng không chỉ chúng ta hôm nay nhìn thấy cảnh tượng này mà thôi.”

Vua Bình Sa lại một lần nữa thỉnh đức Phật khai thị: “con hy vọng có thể biết được ngọn ngành nhân duyên toàn bộ của sự việc này.”

Đức Phật nói: “Quá khứ có ba người, nhân đến nước khác làm thương nhân, tạm thời ở lại trong căn phòng của một bà lão neo đơn, họ cần phải trả tiền thuê phòng cho bà lão, nhưng họ thấy bà lão đơn độc một mình, liền nghĩ không trả tiền. Do đó thừa cơ lúc bà lão đi ra ngoài, ba người lặng lẽ bỏ đi, bà lão trở về nhìn, không thấy ba người. Do đó đi hỏi hàng xóm: “có ai thấy ba người thương nhân này không?” Người hàng xóm trả lời: “Họ đã đi lúc sớm rồi!” Bà lão nghe xong vô cùng tức giận, vội

vàng từ phía sau đuổi theo truy tìm, cuối cùng đuổi theo kịp ba người thương nhân, liền đòi trả tiền thuê phòng. Nhưng cả ba người đều không có một chút áy náy, mà còn dùng lời ác chửi mắng bà. “Chúng tôi trước trả tiền cho bà rồi! Bà tại sao còn đòi trả chứ?” Ba người đồng thanh cự tuyệt, kiên quyết không trả.

Bà lão thế đơn lực yếu không biết phải làm sao, vô cùng buồn rầu, do đó bà phát một lời thề độc, đối trước ba người này và nói: “Hiện giờ tôi nghèo cùng đến nỗi nhà dột cột xiêu, mà các ông vẫn nhẫn tâm lừa gạt đòi sau bất cứ sinh ra ở đâu, nếu gặp lại các ông, tôi nhất định sẽ giết các ông, dù cho các ông đả đọa, tôi cũng cương quyết không tha thứ! Tôi nếu không giết các ông được tôi thề không ngưng! Nhất định giết các ông chết mới thôi.”

Đức Phật nói với vua Bình Sa: “Bà lão ngày đó nay chính là con bò mẹ, đương thời ba người thương nhân ấy, bị bò mẹ húc chết là vua Phất Ca Sa với hai người kia.”

Lúc đó Thế Tôn liền nói bài kệ:

Xuất khẩu ác ngôn, dùng ác khẩu mắng người, đối người kêu mạn, bắt nạt, lừa dối, tạo thành vô số ác hành, kẻ thù sẽ từ đây mà nảy sinh.

Ngược lại nếu chúng ta dùng lời khiêm tốn, nói lời nhu mì hòa thuận, đối người cung kính, xả bỏ phiền não, an tường nhẫn nhịn lời hủy báng, chửi mắng, như thế kẻ thù sẽ dần biến mất.

Con người đều phải chịu sự lưu chuyển sinh tử, thông thường là do nguyên nhân tạo khẩu nghiệp cũng như búa rìu trong miệng, nếu không cẩn thận thì sẽ có lúc làm hại người. Tại sao lại xảy ra họa giết người? Tất cả đều do ác khẩu mà dẫn đến.”

Đức Phật sau khi nói đoạn này xong, vua Bình Sa và chúng đại thần, đều rất cung kính phát nguyện phải tuân theo hành vi lương thiện. Mọi người hướng về phía Phật đánh lễ, xá và lui ra.

Câu chuyện này khuyên chúng ta, chính là nhân duyên nghiệp báo, ở trong kinh điển dạy, bất luận là thiện, ác chỉ cần gieo xuống hạt nhân, như thế nhất định đến một lúc sẽ có quả báo. Như vậy lúc nào mới nhận quả báo, không nhất định. Nếu phiền não tăng trưởng, chấp giữ không đoạn trừ, nhân duyên đầy đủ, sẽ thọ quả báo. Chúng ta trong quá khứ đã tạo những ác nghiệp gì không thể biết rõ, có thể là nghiệp báo (quả báo) tùy thời sẽ phát sinh, nên “chịu thọ báo cũ không tạo nghiệp ác mới” quá khứ an nhiên chịu đựng, nhưng cần phải nhớ không nên tạo ác nghiệp mới.

Ngoài ra bộ kinh này còn dạy: “Búa rìu trong miệng, sợ dĩ bị mất mạng, do vì ác ngôn của mình.” Trong miệng có lưỡi rìu, miệng không lựa lời nói sẽ rất dễ tạo ác nghiệp, do đó chúng ta không nên tùy tiện phát ngôn. Chúng ta thử nghĩ xem, giống như bà lão kia vì 3 thương nhân thiếu bà tiền thuê phòng, bà mở miệng nói lời ác “cho dù ông đã

đắc đạo, tôi cũng muốn giết ông”. Đương nhiên oan oan tương báo là điều không tốt. Cho dù người ta thiếu nợ bạn, sau này họ thành thánh nhân rồi, sau khi chứng thánh nhân, chúng ta nếu muốn đi trả thù, thì chính tạo tội báo này không thể tùy tiện xem thường. Cũng giống như tội ngũ nghịch, hại A La Hán, ác tâm làm thân Phật chảy máu, những cái này có tội báo nặng vô cùng, không biết kiếp trước người ta thiếu bạn nhiều ít, lúc này nếu bạn muốn hại Thánh, tội báo vô cùng lớn.

Do đó trong “Kinh Bát Nhã” cũng có dạy, nếu chúng ta đối với một người đã được thọ ký Bồ Tát mà khởi niệm ác, vừa khởi một niệm ác công đức của họ liền mất đi một kiếp, lại khởi một niệm ác, tiếp tục mất thêm một kiếp, được không bằng đền bù, không nên vì một lúc nhanh miệng làm tổn thương người, cuối cùng bao nhiêu tổn thất đều tự mình chuốc lấy.

Có câu: “Lương ngôn nhất cú tam đông noãn, ác khẩu

thương nhân lục nguyệt hàn” một câu nói rất hay, có thể để cho người ấm áp ba mùa đông. “Tam Đông” này có hai nghĩa chính, đông chính là một năm; ngoài ra dù cho khí hậu rất lạnh, nhưng trong tâm cảm thấy rất ấm áp “lương ngôn nhất cú tam đông noãn” nhưng tương phản, “ác khẩu thương nhân lục nguyệt hàn”, “lục nguyệt hàn” cũng bao hàm 2 lớp ý nghĩa khác nhau: thứ nhất tháng 6 trời nóng nực, cho dù thời tiết rất nóng nực bạn dùng lời ác hại người, khiến cho người cảm thấy trong lòng rất lạnh; ý thứ hai chính là một câu nói ác dành cho người một trong thời gian dài, thì trong tâm của chính bạn cũng đã có cảm giác lạnh vô cùng.

Chúng ta cùng nhau khuyến khích.

*Phước Nghiêm, ngày 03 tháng 11 năm 2012*

## Trang Nghiêm Thì Ảnh Đẹp, Dơ Dáy Thì Hình Xấu

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện nhỏ xuất phát từ “Kinh Đại trang nghiêm luận” thuộc “Đại Tạng kinh” tập thứ tư trang 272c~273c. Nếu như khi lâm chung, muốn đem tài vật theo đời sau là chuyện không thể có. Trừ khi thực hành bố thí có công đức v.v..., nếu không thì không thể đem theo đời sau. Vì vậy nếu sợ đời sau bị quả báo nghèo khổ, thì đời nay cố gắng tu bố thí hành thiện v.v...

Ngày xưa có quốc vương tên Nan Đà, vị vua này nỗ lực tích trữ các thứ trân bảo, tiền tài, lại còn có kế hoạch mang theo vào đời sau, thường tự mình thâm suy nghĩ: “Mình bây giờ nên đem toàn bộ trân bảo kỳ lạ của cả nước thu thập lại đầy đủ, khiến cho người khác không thể giữ gìn được, tất cả đều dồn về chỗ mình.” Quốc vương vì tham đồ tích trữ tài bảo, thậm chí đem cả con gái của mình

để làm dâu nữ, và ra lệnh cho hầu cận: “Nếu như có người đem tài bảo đến truy cầu con gái, thì bảo người này đem luôn cả bảo vật đến bên ta.” Quốc vương với thủ đoạn vợ vét của cải này, tài sản trong nước bị vợ vét cạn kiệt.

Lúc đó, có một góa phụ rất thương con trai độc nhất của mình anh thấy con gái của vua dáng vẻ đoan trang, dung mạo xuất chúng, sắc thái phi phàm, nên rất say mê. Nhưng trong nhà không có tiền tài bảo vật có thể dùng mua công chúa, ngày đêm anh suy nghĩ cuối cùng sinh bệnh, thân thể ốm yếu không chịu nổi, hơi thở yếu ớt, nguy kịch đến tính mạng.

Người mẹ đó rất lo lắng, mới hỏi: “Con à! Con mắc bệnh gì mà đến như vậy?” người con trai thật tình thưa với mẹ sự việc: “Nếu con không thể yêu thương công chúa, thì con chết chắc mất!”

Người mẹ nói với con trai: “Tất cả tiền tài bảo vật trong nước, sớm đã bị nhà vua vợ vét sạch sẽ không còn



sốt, còn tìm ở đâu ra bảo vật nữa?”. Người mẹ rất lo lắng, nghĩ tới nghĩ lui! Đột nhiên nghĩ ra: “Khi cha con qua đò, có ngậm ở trong miệng một chuỗi tiền vàng, lấy cái đó mà truy cầu công chúa!” Đứa con trai nghe lời chỉ dạy của mẹ đi đào mộ của cha, cạy miệng cha lấy chuỗi tiền vàng ra.

Đứa con trai cầm chuỗi tiền đến bên công chúa, mong truy cầu công chúa. Công chúa đó theo lệ thường, sai người hầu cận đem người con trai và tiền vàng đến trước mặt vua. Sau khi nhà vua nhìn thấy mới hỏi anh: “Trân bảo ở trong nước hầu như đã bị ta vơ vét sạch sẽ rồi, trừ tài bảo ở trong kho của ta ra, nhất định những chỗ khác không còn bất cứ tài bảo nào mới phải. Chuỗi tiền vàng của ngươi ở đâu mà có? Ngươi nhất định phải còn cất giữ nhiều bảo tàng.” Do vậy sai lệnh đánh anh con trai này rất khắc nghiệt, mong bắt khai ra chỗ cất giữ ở những nơi khác nữa.

Người này trả lời quốc vương rằng: “Con không có

chôn cất bất cứ bảo vật nào trong lòng đất. Đây là do người mẹ của con chỉ dạy: “Khi phụ thân qua đời có ngậm một chuỗi tiền vàng.” Con đã khai quật phần mộ mới lấy được chuỗi tiền vàng này.”

Ngay lúc đó nhà vua liền sai người đi tra xét thật giả, lính được phái đi đến trước phần mộ xem, quả thật là miệng của người cha bị cạy ra, sau đó mới tin những lời của người con trai đã nói.

Nhà vua nghe lính hầu bẩm báo, mới suy nghĩ rằng: “Mình tích lũy tất cả những của báu trước kia, hi vọng có thể mang theo đời sau. Mà cha của người này, ngay cả một chuỗi tiền vàng cũng không thể mang theo qua thế giới bên kia.

Quốc vương cảm xúc nói một đoạn kệ, ý nghĩa đại khái như sau:

“Trước đây ta khổ sở tích lũy tất cả trên báu, hy vọng mang những thứ đó đến đời sau. Nhưng hiện tại những

người đào mộ này, ngay cả một đồng tiền vàng cũng lấy không tha! Như vậy nên xem lại, vì một xâu tiền như thế mà cũng không thể đem đến đời sau, huống gì châu báu nhiều hơn thế đó? Rất khó mà đem theo đây!”

Nhà vua suy nghĩ tiếp: “Vậy mình dùng phương pháp gì, có thể đem những thứ trân bảo này đi theo qua thế giới bên kia? Ngày xưa từng có một vị chuyên luân thánh vương tên là Đảnh Sinh vương, ngài có thể đem theo bảy báu, có kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, lại còn có ma ni bảo, ngọc nữ bảo, chủ tạng thần bảo, những thứ này lên cõi trời.

Ngoài ra La Mã vương còn mượn việc kiến tạo cầu cỏ, đi đến thành Lãng Già. (trong “La ma diển na” sử thi Ấn Độ có nhắc tới, vương phi của vua La Mã bị vua La Phật Nô cướp, đem cô ấy dẫu trong thành Lãng-già, vua La Mã đem binh đi chinh phạt vua La Phật Nô, giải cứu được vương phi ra, là đoạn sự tích này.)

Vị vua này nghĩ: “Ta muốn lên trời, nhưng không có cầu lên trời; muốn đến thành Lãng Thành nhưng không có cầu. Ta muốn đem những thứ tài bảo đi qua đò sau, nhưng hiện tại không có biện pháp nào khác.”

Lúc đó, vị đại thần thông minh, có trí tuệ biết quan sát lời nói, sắc mặt, biết được tâm ý của vị vua liền nói: “Những lời nói của đức vua thật là có đạo lý, nếu như chuyển sinh qua đò sau, cần phải có tài bảo. Nhưng trân bảo như voi, ngựa v.v .. ở đò này thì không thể đem đi qua đò sau. Vì sao? Thân thể đò này của quốc vương, còn không thể đem qua đò sau, huống chi là tài bảo, voi, ngựa v.v.. những vật ở ngoài thân? Vậy có phương pháp nào mới có thể đem những thứ trân bảo này theo qua đò sau? Đó chỉ có cách cúng dường Sa môn, Bà la môn, người nghèo ăn xin v.v.., những hành thiện phước đức này chiêu cảm tới phước báo, mới có thể theo người qua đò sau. Vì vậy muốn đem tài bảo qua đò sau, không phải như ngài

tích chứa ở trong kho, thì mang theo, không phải vậy! Mà bắt buộc phải tu các thiện hành, mới cảm được quả báo phước đức đem theo qua đời sau.

Tiếp đó, đại thần lại nói một đoạn kệ, ý nghĩa như sau:

“Một người tướng mạo trang nghiêm, soi ảnh ở trong nước, ảnh đẹp rất tự nhiên. Xinh đẹp hay xấu xí của ảnh, thật sự đều từ diện mạo của thân người, ảnh chẳng qua cũng chỉ là hình tượng của ảnh thật hiện ra ở trên mặt nước mà thôi.

Có tướng mạo trang nghiêm, ảnh trong nước tự nhiên cũng sẽ đẹp; nếu như đầu bù mặt méo, thì ảnh trong nước cũng tự nhiên xấu xí. Những hành vi trong đời nay giống như diện mạo, đời sau cảm đến thân hình tướng mạo, giống như ảnh phản ánh ở trong nước.

Diện mạo lấy giới định huệ để trang nghiêm, ngày sau tất được quả báo khả ái; nếu như tạo tác những hạnh ác, tức vị lai nhất định sẽ gặp quả báo rất đau khổ.

Lấy tâm cung kính dùng tài vật cúng dường cha mẹ, sư trưởng, sa môn, bà la môn, và người bần cùng khốn khổ, diện mạo đời nay trang nghiêm, đời sau trong nước tam hữu (tam hữu là dục giới, sắc giới, vô sắc giới), ảnh tượng hiện ra cũng nhất định rất trang nghiêm. Vì đời nay tu bố thí, trì giới, trí huệ, thiện nghiệp v.v..., đời sau nhất định cảm được quả báo an lạc, như người có diện mạo trang nghiêm, ảnh trong nước cũng nhất định hiện ra như thật.

Trước mắt nhà vua có tùy tùng, phi tần, cung nữ, quần thần bách quan và dân chúng rất đông, còn có nghệ nhân múa hát biểu diễn, một khi lâm chung, dù cho có bi thương luyến ái tới đâu đi nữa, họ cũng chỉ có thể tiễn đưa ngài một lần cuối, nhiều lắm cũng chỉ đến trước phần mộ mà thôi. Sau lễ tang, mỗi người đều tự về nhà của mình, cũng không được nửa người đi theo ngài vào trong phần mộ.

Không kể là hoàng hậu, cung nữ, người hầu cận v.v..., còn các thứ trân bảo như voi, ngựa, xe báu, kiệu chất chứa

vô kể ở trong kho, cùng tất cả công cụ giải trí, vương cung, thành trì, dân chúng, cho đến vườn rừng giải trí, tất cả đều bỏ ngải mà đi. Chỉ có một mình ngải đi về con đường chết, không có bất kể người, việc, vật có thể theo ngải; chỉ có thể theo ngải, đó là thiện ác nghiệp mà thôi, nghiệp thiện ác này bám sát bên cạnh ngải, trước giờ chưa từng lìa xa.

Người một khi lâm chung, hơi thở gấp gáp, đứt đoạn, hơi thở ra không tiếp được hơi thở vô, cổ, lưỡi khô khan không thể nuốt được nửa giọt nước.

Đến không nói ra lời, mắt nhìn không rõ ràng, gân mạch khí huyết từ từ đoạn tuyệt, gió trong tứ đại (gió trong “đất nước lửa gió”) giống như dao cắt hình thể của chúng ta; tứ chi mềm nhũn yếu đuối, gân cốt trong thân thể hư hoại không thể chuyển động, cả thân đau nhức khôn xiết như bị kim châm chích.

Đến lúc lâm chung, mới phát hiện mình đã ở trong vòng đen tối, như rơi ở trong hố sâu, tự bơi lội ở nơi

hoang vắng, không có một người đồng bạn đồng hành nào. Lúc này, chỉ có phước đức tu hành ở đời, mới là người bạn thân cận nhất bảo hộ mình. Vì vậy, nếu vì đời sau nên mau mau tu phước đức.”

Sau đó lại nói một bài kệ ngắn, đại ý như sau:

“Khi người gần lâm chung, nhất định là một người cô đơn, không có bạn đồng hành, tất cả bạn bè thân thuộc duyên ái, đều xả bỏ phân ly; tự mình đơn độc bơi trong thế giới đen tối, ở nơi khiến người lo lắng khiếp sợ.

Dù cho người, sự vật hiện tượng có thân ái như thế nào đi nữa đều sẽ phân ly, cô độc không bạn bè nương tựa, vì vậy nên tu phước đức, tịnh hóa thân tâm, nỗ lực tích lũy tư lương thiện pháp kịp thời.”

Câu chuyện này có một số điểm đáng để chúng ta suy nghĩ:

Khi chúng ta lâm chung, chỉ một mình đi, bạn bè thân thuộc khác nhiều lắm cũng chỉ đưa tới trước phần mộ, sau



thì mỗi người đi về một nơi. Đồi trước mình tích lũy những tài bảo, đương nhiên cũng không thể theo chúng ta đi qua thế giới bên kia.

Giống như trong câu chuyện, chỉ có một chuỗi tiền vàng nhỏ còn mang đi không được, ngay cả con của mình còn đào lấy. Giả sử, nhà vua tích chứa nhiều tài bảo như vậy, những thứ này mọi người nhìn thấy đều thích, không biết lúc nào bị mọi người giành giật đây? Ngoài ra, trong câu chuyện còn nhắc đến “tùy theo mặt tốt xấu, ảnh tất hiện ra ở trong nước”. Chúng ta soi gương, người trong gương không đẹp, bạn cũng không thể trách gương được, đương nhiên là phải tự trách mình. Do vậy ở trong câu chuyện nhắc đến: “Nghịệp như bóng theo hình” của chúng ta, nhân quả cũng “như bóng theo hình”. Thân thể của chúng ta sinh ra như thế nào, hình nhất định sẽ như thế ấy, và sẽ đi theo khắp nơi. Do đó, những hành vi đời nay chúng ta làm như thế nào, đời sau sẽ diễn bày y như thật

vậy.

Vì vậy chúng ta nên phản tỉnh: Nếu như thực hành bổ thí, trì giới, tự nhiên sẽ cảm được thiện báo trang nghiêm tốt đẹp; nếu như đi lừa dối khắp nơi, tham lam quá đáng, bụng dạ hẹp hòi, thì đời sau họ cảm lấy quả báo không nghĩ cũng biết.

Chúng ta hi vọng đời sau như thế nào, thì nên xem hiện tại chúng ta biểu hiện trong hiện tại như thế nào.

Hôm nay khích lệ cùng đại chúng vài điều.

*Phước Nghiêm, ngày 08 tháng 12 năm 2012*

## Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý

Chúng ta hôm nay cùng nhau chia sẻ một câu chuyện trong “Kinh Đại Trang Nghiêm Luận” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4, trang 274a~275a.

Thân thể của chúng ta không bền vững, rất yếu mềm, vì vậy người có trí tuệ tự biết cách nỗ lực cúng dường người có đạo đức, đây là cách mà hoán đổi thân thể không bền vững yếu mềm này để lấy điều ngược lại. Trong Kinh điển thường nói đến ba loại không có bền vững: Đó là tiền tài, thân thể và tính mệnh; còn ba loại bền vững chính là: Pháp tài, pháp thân và huệ mệnh. Hay nói cách khác, chúng ta nên đem tiền tài không bền vững để đổi lấy công đức pháp tài; lấy vô thường yếu mềm của thân thể đổi lấy sự vĩnh hằng bền vững của công đức pháp thân; lấy thân mệnh yếu đuối này để đổi huệ mệnh bền vững.

Xưa kia trong chúng đệ tử của Như Lai có một vị vua

tên là A-dục, rất cung kính thâm tín Tam bảo, mỗi khi nhìn thấy đệ tử xuất gia thì ở bất kỳ nơi nào, không luận là trẻ hay già, cho dù đang cỡi ngựa, ông nhất định dừng lại xuống ngựa đánh lễ.

Nhà vua A-dục này có một vị đại thần tên là Da-xa, lại có nhiều tà kiến, không tin Tam bảo, nhìn thấy vua đánh lễ Tỳ-kheo v.v..., trong lòng cảm thấy điều đó là sai lầm nên luôn hủy báng, ông nói với nhà vua: “Những người Sa-môn này xuất gia không từ giai cấp cao quý, họ không phải là sát-đế-lợi, Bà-la-môn, mà từ những giai cấp chủng tính ti tiện như Phệ-xá (giai cấp bình dân), Thủ-đà-la (giai cấp nô lệ)”. Ở trong đó, có người từng làm các ngành nghề như thuộc da, dệt vải, làm gạch, hớt tóc, và có người thuộc giai cấp Chiên-đà-la (còn tệ hơn giai cấp nô lệ). Đại vương! Ông tôn quý như vậy, thì tại sao lại đánh lễ những người ấy? Nhà vua nghe xong, chỉ im lặng không nói tiếng nào.

Vào một ngày kia, vua A-dục triệu tập quần thần, và ra

tuyên cáo: “Ta hiện tại muốn thu thập các loại đầu của loài động vật, nhưng không được giết hại nó, các ông chỉ từ con vật đã chết mà lấy đầu nó về.” Và phân công việc cho các đại thần: “Ông này lấy đầu của con bò, ông kia lấy đầu của con dê”. Cứ như thế ra lệnh cho các đại thần chia nhau đi tìm đầu của động vật, mà các loại động vật ấy khác nhau. Còn riêng ông Da-xa thì nhà vua mệnh lệnh: “Ông đi lấy cái đầu của con người về cho ta”. Và sau khi lấy được đầu về, phải đem ra ngoài chợ bán.

Thế là các loại đầu mà do nhà vua chỉ thị cho các đại thần lấy được đem ra chợ bán, thì đầu trâu, dê, heo v.v.. bán rất nhanh, chỉ có đầu người mà Da-xa lấy được lại bán không ai mua, ai nhìn thấy đều cảm thấy ô uế bản thủ đáng sợ, mọi người từ xa nhìn thấy đã lo tránh né, không có ai muốn mua hết.

Lại còn bị mọi người chửi mắng: “Ông không phải là Chiên-đà-la, không phải quý Dạ-xoa, ác quý La-sát, mà lại

đem đầu người đi ngoài đường thế?” Da-xa bị mọi người nhục mạ, nên buồn rầu trở về vương cung, bẩm báo với vua A-dục: “Tôi mang cái đầu người này, chẳng những bán không được, mà ngược lại còn bị mọi người làm nhục chửi mắng.”

Vua A-dục lại nói với Da-xa: “Nếu như đầu người ấy bán không ai mua, thì ông đem tặng không cho họ!”

Da-xa tuân lệnh sự chỉ thị của nhà vua, lại đem cái đầu ấy ra chợ, lớn tiếng rao: “Có ai muốn đầu người? Tôi sẽ trao tặng miễn phí!”

Kết quả là quần chúng trong chợ sau khi nghe thấy, lại tiếp tục chửi mắng cho ông một trận. Cái đầu người này dù là tặng miễn phí cho người ta, vẫn còn không ai muốn nó!

Da-xa hết cách, cảm thấy tủi hổ, chỉ còn cách cúi đầu lằm lũi trở về vương cung, chắp tay đánh lễ nhà vua, sau đó nói bài kệ, đại ý như sau:

“Các loại đầu của súc sanh như như trâu, lừa, voi,

ngựa, heo, dê v.v..., đều bán hết rồi, mọi người còn tranh giành nhau mua. Tất cả các loại đầu đều hữu dụng, chỉ có đầu người thì ai cũng cảm thấy ghê tởm, chán ghét, vô dụng không có lợi ích gì; cho dù trao tặng miễn phí cũng không ai thèm mang đi, ngược lại còn bị chửi bới mắng nhiếc, thì làm sao mà ai còn bỏ tiền ra để mua?”

Vua A-dục bèn hỏi Da-xa: “Ông bán đầu người, sao lại bán không được?”

Da-xa thưa: “Bởi vì ai ai cũng ghét bỏ ghê tởm đầu người, thì ai đâu mà muốn mua”.

Nhà vua lại hỏi: “Thế chỉ có cái đầu người ông đang cầm thì mọi người ghê sợ chán ghét? Hay tất cả đầu của mọi người đều bị thế?”

Da-xa nói: “Tất cả đầu người đều làm cho ai cũng ghê tởm, không chỉ cái đầu tôi đang cầm đây không.”

Vua A-dục lại hỏi tiếp: “Thế cái đầu của tôi cũng khiến mọi người ghê tởm chán ghét?”

Lúc này Da-xa nghe xong lặng người run sợ, không dám trả lời.

Vua A-dục hỏi tiếp: “Tôi không bắt tội gì ông đâu. Ông cứ thật thà trả lời, đầu của tôi có làm cho người khác kinh tởm ghét bỏ không?”

Da-xa lúc này mới nói: “Đúng rồi, đầu của nhà vua mọi người cũng kinh tởm ghét bỏ!”

Nhà vua hỏi: “Thật như vậy sao?”

Da-xa thưa: “Xác thật như vậy, tâu đại vương!”

Và A-dục nói với Da-xa: “Như vậy tất cả đầu người, không luận là thân phận, chủng tính quý tiện như thế nào, đều giống nhau là làm cho người khác khinh tởm chán ghét, thế thì tại sao ông lại y vào chủng tính cao quý, diện mạo, tài trí mà cho mình tự cao? Mà còn không muốn cho ta đánh lễ Sa-môn và hàng xuất gia đệ tử đức Phật!”

Vua A-dục tiếp tục nói một đoạn kệ tụng, đại ý như sau:



“Chỉ có đầu người, ai nhìn cũng đều ghét bỏ, chỉ trích, đem đến chợ, bán không được đồng nào, cho dù tặng người khác, thì mọi người cũng cảm thấy ghê gớm đầu muốn đến gần. Từ xa nhìn thấy cũng làm cho mọi người tâm nóng giận nổi lên, và đều la lớn: “Quá là ghê gớm, vật không kết tường, quá là bản thiu!”” Cái đầu người này máu huyết dơ bẩn ai ai cũng chán ghét. Nếu như biết cách đem cái đầu hạ tiện này, mà đổi lấy một cái đầu công đức, thế thì tốt biết mấy? Như vậy đánh lễ năm vóc sát đất, thì đầu có bị mất mát sợi tơ cọng tóc nào!”

Một số người thường nghĩ, đầu là nơi tôn quý nhất! Nhưng ngược lại đem cái đầu này thì cho chẳng ai lấy. Do đó, tôi đem cái đầu này để đánh lễ người có đức, đem cái đầu không ra gì này không đáng giá xu nào để đổi thành cái đầu công đức. Thế tại sao ông lại đem tâm kiêu mạn mà cản trở ta?

Vua A-dục lại tiếp tục nói bài kệ tụng cho Da-xa nghe,

đại ý như sau:

“Ông xem các thầy Tỳ-kheo, tuy họ xuất thân từ chủng tính thấp, nhưng ông không phát hiện trong nội tại của họ, lại là có phẩm đức cao thượng trí tuệ tuyệt diệu.”

Ông tại vì ngu si tà kiến, mê hoặc sai lầm, nên trong tâm ông cho rằng chỉ có giai cấp Bà-la-môn mới có cơ hội giải thoát, sai lầm khi cho các chủng tính khác không thể đạt được điều giải thoát đó.

Nếu như vì hôn nhân, thì có thể tìm kiếm người về chủng tính cho môn đăng hộ đối, nhưng khi truy tìm pháp thiện, thì tại sao còn phân chia giai cấp chủng tính nữa? Nếu như truy cầu chánh pháp chơn lý, thì không nên phân biệt chủng tính giai cấp làm gì!

Tuy có người xuất thân từ giai cấp cao quý, nhưng mà tạo tội ác rất cực đoan, khiến cho ai ai cũng chỉ trích chửi mắng nguyên rủa, thì người này là người hạ tiện.

Còn ngược lại, có người sinh ra trong chủng tính tuy là

thấp kém, nhưng trong nội tâm của họ có đức hạnh cao quý trí tuệ chân thật, đáng để mọi người tôn kính, thì họ mới thực sự là người tôn quý. Đức hạnh của họ đã thực sự là cao quý viên mãn, thế thì có gì mà chúng ta không cung kính lễ lạy?

“Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý”, nội tâm tà ác xấu xa, khiến cho diện mạo trở thành đê tiện: Nếu như ý niệm thuần lương chơn chánh, thì lại làm cho mình thân phận cao quý.

Sa-môn tinh tấn tu hành các loại thiện pháp, không luận là niềm tin, trì giới, bố thí, đa văn v.v.. đều đầy đủ, đáng để cung kính sùng bái, do vậy chúng ta nên đối với họ phát tâm kiên thành cung kính từ trong nội tâm.

Người tạo ra nhiều hành vi ác! Ông có từng nghe đức Thế Tôn trong dòng tộc Thích Ca có tâm đại từ bi thành tựu viên mãn chánh đạo thuyết pháp hay sao? Đức Phật dạy: nên lấy 3 loại không vững chắc yếu mềm mà đối

lại 3 loại vững chắc – ba loại này đó là tiền tài, thân và mệnh. Dem tiền tài không vững chắc (tiền tài ở trong đời không có vĩnh viễn vững tồn được), chúng ta nên dem loại này để đổi lấy pháp tài công đức; dem thân yếu mềm này, đổi lấy pháp thân công đức; ngoài ra dem tính mệnh mềm yếu này đổi lấy huệ mệnh vĩnh hằng kiên cố. Lời dạy của đức Phật chơn thật không sai, trước sau như một, không thể thay đổi, do đó chúng ta đâu dám làm sai. Nếu như mà làm ngược lại lời chỉ dạy của Thế Tôn, thì làm sao cho mình là thân cận thiện sĩ được.

Cũng giống như ép mía lấy nước, sau khi lấy hết nước đi, thì đem xác nó vứt bỏ.

Thân người cũng thế, mỗi lúc đều bị chuyện tử vong ép bức. Sau khi chết đi, thi thể, xương cốt cũng vứt đi như thế, lúc này đâu thể cử động làm được các hành vi động tác cung kính Tam Bảo, tu tập các loại thiện hạnh, lúc này sao còn kịp nữa! Bởi vậy nên biết, làm tốt hành thiện nên

phải kịp thời cơ!

Dem thân thể này đổi lấy pháp kiên cố vững chắc, giống như trong nhà bị cháy, người có trí tuệ sẽ tức tức mang đồ quý trọng ra ngoài trước.

Cũng giống như nước ngập vào bảo tàng, thì tức khắc lấy bảo vật đi; thân thể của chúng ta sẽ có một lúc hư hoại, nên kịp thời đem thân mềm yếu này đổi lấy pháp kiên cố vững chắc.

Người ngu si không hiểu được cách nào để phân biệt được pháp vững chắc và ngược lại pháp không vững chắc. Một khi cái chết đột nhiên đến, thì lúc này như bị rơi vào miệng cá mập, khủng hoảng lo sợ vô cùng.

Cũng giống như sau khi tinh chế sữa thành thực phẩm cần dùng, thì sẽ đem bình chứa bỏ đi, không có gì phiền não nuôi tiếc.

Cái thân này cũng như thế, mượn cái thân mềm yếu này để đổi lấy thiện pháp vững chắc thực tại, tức cho dù

sinh mệnh đã đến lúc kết thúc, cũng không cảm thấy là buồn rầu hối hận nữa.

Đúng vậy, nếu như không tu tập các loại thiện pháp, chỉ là kiêu mạn biếng nhác, thì một khi cái chết đến, thân thể này đổ vỡ như chiếc bình sử dụng kia; lúc này tâm của họ nhất định rất lo lắng đau khổ, giống như bị đốt cháy trong lò lửa. Ưu sầu phiền não như ngọn lửa ấy, còn đồ đất đựng sữa để tinh chế như tâm thân yếu mềm này.

Ông không nên cản trở tôi tu tập thiện pháp để đổi lại pháp vững chắc, chỉ có người ngu si không trí tuệ, mới tự cho mình là người tôn quý.

Đức Thế Tôn có đầy đủ mười loại công đức, nên tôi tu tập theo lời dạy của Thế Tôn, vì đó như ngọn đèn sáng, như ánh đuốc chiếu soi nội tâm, giúp tôi phản chiếu triệt để, và hiểu được không có thân phận cao quý hay thấp hèn gì.

Mỗi người trong thân thể đều có da, thịt, gân, cốt

v.v... 36 loại bất tịnh, bất luận là tôn quý thấp hèn, mọi người đều hoàn toàn như nhau, không có gì khác biệt. Nếu nói có sự khác nhau, chỉ là mặc chiếc áo cao quý thượng đẳng bên ngoài, chẳng qua khác nhau về vẻ bề ngoài ấy mà thôi.

Người có trí tuệ nên khéo lợi dụng thân thể mềm yếu này tinh tấn, tu hành, cung kính lễ lạy sư trưởng và người có đức hạnh, và đem thân này nỗ lực thực hành điều thiện, đây là cách đối lấy pháp vững chắc.

Tại làm sao lại nói như thế? Bởi vì thân thể tính mệnh của chúng ta nhanh như điện chớp, như bọt nước, như đồng cát, thân của cây chuối, không có một cái gì vững chắc.

Nếu như có thể đem thân thể mềm yếu này mà thực hành tu tập các loại thiện hạnh, thì quả báo đạt được có thể an trụ hàng trăm kiếp, thậm chí vững chắc hơn núi Tu-di và địa cầu.

Người có trí tuệ nên kịp thời nắm bắt cơ duyên, tức tốc dùng thân thể mềm yếu này đối lấy pháp vững chắc kiên cố thực tại.

Câu chuyện này có một số điều đáng để chúng ta phản tỉnh:

“Tâm xấu khiến hình tiện, ý thiện thành thân quý”  
“Tâm xấu khiến hình tiện” có ý nghĩa là nếu trong tâm chúng ta độc ác, thì bất luận là thân phận địa vị, học hàm học vị, giàu có cao quý như thế nào, thì vẫn là con người hạ tiện! “Ý thiện thành thân quý” có ý nghĩa là nếu mọi suy nghĩ của chúng ta đều thuần khiết thiện lương, thì bất luận là xuất thân như thế nào đi nữa, diện mạo không đẹp đẽ, nhưng lại là con người tôn quý.

Trong đây có ai hy vọng mình là người thấp hèn không? Nếu như chúng ta không có ai muốn mình là người thấp hèn, thế thì nên “ý thiện thành thân quý”, phải luôn giữ tâm ý lúc nào cũng thuần thiện mới được! Ngoài ra, chúng



ta vì là cầu pháp, không nên phân biệt so sánh người thuyết pháp giảng có ngoại hình trang nghiêm đẹp đẽ hay khó coi, và cũng không cần để ý họ có học hàm học vị, tài nói năng như thế nào, điều quan trọng là phải có tâm cung kính thân cận thiện hữu tri thức, học nghe chánh pháp và y theo giáo pháp mà phụng hành! Trong Kinh điển có dạy: “Giống như ép nước mía, sau khi lấy nước rồi, thì vớt đi xác nó”. Một đời người cũng thế, chúng ta luôn bị cái chét ép bức. Sự vô thường này tùy lúc tùy nơi truy đuổi chúng ta, sinh mệnh của chúng ta cũng có một ngày đi đến điểm dừng. Ép mía để lấy được nước, còn vô thường ép bức chúng ta thì chúng ta có lấy được công đức cam lồ không? Nếu như không được lợi gì, mà còn thân tàn ma dại, vậy thì còn giá trị gì nữa?

Đức Phật dạy: Đem 3 loại pháp không vững chắc mà đổi lấy 3 pháp vững chắc.

Điều thứ nhất lấy tiền tài không vững chắc để đổi lấy

pháp tài vững chắc. Điều này dạy nên làm từ thiện giúp đỡ, cứu trợ người khó khăn già cả, cúng dường Tam bảo – Đây là lấy tiền tài trong thế giới vô thường này đổi về pháp tài công đức.

Điều thứ hai lấy thân thể không vững chắc này đổi lấy thân thể vững chắc. Đây là nói chúng ta nên thành tâm cung kính thuận hòa lễ bái sư bái sư trưởng, phải thân cận người có trí bác học đa văn – đó chính là đem sắc thân yếu mềm này đổi được pháp thân công đức.

Điều thứ ba đem sinh mệnh không vững chắc này đổi lấy thân mệnh vững chắc. Biết được đời sống của con người ngắn ngủi, sinh lão bệnh tử khổ đau, nên khẩn trương quy y Tam bảo, tu học tứ thánh đế, lục độ v.v... các con đường thánh đạo – đây là lấy thân mệnh mềm yếu này đổi về huệ mạng vững chắc.

Hôm nay khích lệ cùng với quý vị như vậy.

***Phước Nghiêm, ngày 18, tháng 1, năm 2013.***

## Lỗi lầm của sự sân hận

Xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 304a~305b.

Xưa kia, khi đức Phật ở nước Câu-đàm-di, từng xảy ra một sự kiện, lúc đó các thầy vì một việc nhỏ, bị các vị trì luật phán định là phạm tội, nhưng bên đương sự cho mình không vi phạm, vì vậy vị thầy này đi đến biện minh cùng các thầy khác và được sự ủng hộ rất nhiều. Hai bên đều giữ lập trường quan điểm của mình, không bên nào nhường bên nào, cho dù đức Phật khuyên gián họ cũng không nghe và phân chia thành hai nhóm. Tình trạng như vậy trải qua thời gian rất lâu, nên nhà vua và thần dân vốn được nhìn thấy đức Phật và chư Tăng hòa hợp, mọi người đều vui vẻ cúng dường.

Nhưng vì sự tranh chấp của các vị Tỳ-kheo, đức Phật

khuyên cũng không nghe lời, nên Ngài rời bỏ đất nước này ra đi, điều đó làm cho mọi người buồn rầu than thở: “Do quý thầy bất hòa mà ảnh hưởng đến chúng tôi không được thân cận và nghe Thế Tôn thuyết pháp”. Họ vô cùng bất mãn nên cùng nhau ước định không cúng dường và nói chuyện với các thầy ấy. Về sau vị thầy này nhận ra sai lầm và hai nhóm Tỳ-kheo xin sám hối với đức Phật, từ đó Tăng đoàn được hòa hợp thanh tịnh.

Trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” có ghi chép sự kiện này:

Ba độc tham sân si; duyên vì sân giận mà cho đến đức Phật khuyên dạy mọi người, thì trong đó có người cũng không chấp nhận, vì vậy người có trí tuệ nên đoạn trừ sân giận.

Xưa kia quý thầy ở Câu-đàm-di vì tranh luận nên chia thành hai nhóm, song phương đều cho mình là có lý, nên không ai nhường ai, và tình hình đó kéo dài thời gian rất

lâu. Lúc ấy, đức Phật vì lòng từ bi, hiển hiện thủ tướng luân (một trong tám mươi tướng tốt), để hy vọng là quý thầy hòa hợp trở lại, đức Phật nói một bài kệ, đại ý như sau: “Quý thầy không nên bắt hòa nữa, bắt hòa sẽ bại hoại, song phương đều tranh biện phải có bên thắng thua không thể, như vậy thì làm sao mà dứt được, không ngừng tranh luận như thế biết bao giờ dừng. Nếu như vậy thì dễ bị người đời chê cười, chỉ mang lại chuyện vô lợi ích.

Tỳ-kheo vì muốn đạt được lợi ích cao thượng, nên rời bỏ tham ái, xa gia đình vợ con để tìm cầu giải thoát, nên đừng làm những việc không nên làm.

Nên lấy trí tuệ để trối buột chuyển hóa ngạo mạn, nếu như nhân vì họ không thuận theo tâm ý của mình mà nảy sinh tranh chấp, thì chỉ đem lại oán hận và tai hại, có thể nói sân hận là cội nguồn căn bản của oán hận và tai hại.

Nương vào giáo pháp xuất gia, không nên sinh khởi tâm không hòa thuận, nếu như sinh khởi tâm sân giận, thì

giống như trong nước đá tự nhiên xuất hiện ngọn lửa mãnh liệt.

Vốn đã xuất gia, mặc bộ đồ Tăng phục, nên tinh tấn học tập việc lành, thiện lương tịch tịnh, thường tư duy nhu hòa.

Tại sao đã mặc chiếc áo người tu rồi mà còn cau mày đỏ mặt trừng mắt sân hận nữa?

Nên thường suy nghĩ: cạo tóc mặc áo người tu thân hình là người xuất gia, thì tất cả đều buông bỏ, thế tại sao còn tranh chấp không ngừng? Đã biểu hiện là người như vậy thì đoạn trừ tranh chấp mới đúng.”

Lúc ấy, có thầy chấp tay thưa với đức Phật: “Thế Tôn! Mong Người khoan dung tha thứ cho chúng con. Các thầy ấy khinh thường con, thì làm sao con không báo trả được?” Rồi thầy nói kệ tụng, đại ý là:

“Đối phương là những người rất khó điều phục, con đã chấp nhận họ, nhưng ngược lại bị họ khinh khi, con vốn

ngĩ nhân nhục khiêm hạ hòa thuận để cho qua, nhưng họ thấy thế càng thêm lửa sân giận.

Trong tâm họ có tâm niệm ác, muốn trách cứ hủy bang con, giống như đem búa rìu mà chặt vào đá vậy. (Nếu như họ là búa rìu, con cũng không dễ gì bị ức hiếp, vì con là tảng đá. Họ muốn chặt cũng không được, chỉ làm cho búa rìu từ bén trở thành cùn hơn thôi, đối phương làm thế thì con sẽ trả đũa lại.”

Lúc ấy đức Thế Tôn như vị cha lành, khuyên các thầy: “người xuất gia nên tinh tấn đoạn trừ sân giận, còn nếu cứ tùy theo sân giận thì đi ngược lại với chân lý do Phật dạy. Sự tổn hại của sân giận quá nhiều!”

Tiếp đến, đức Phật nói một bài kệ giải thích rõ sự sai lầm của sân giận, đại ý là:

“Sân giận như con dao bén, dù cho mối quan hệ thân thiết thâm sâu như thế nào đi nữa, nhưng một khi mình sân giận thì sẽ chặt đứt mối quan hệ đó mà ra đi; người tuân

thủ giới luật và đúng pháp tu tập cũng bị ảnh hưởng.

Người xuất gia mà nổi tâm sân giận là không thích đáng, vì sân hận như gông cùm xiềng xích của người đồ tể, vì nó ràng buộc bức bách lo sợ cho đến chết.

Sân giận là chủ nhà của sự khinh thường, vì khi nổi sân giận lên thì người khác xem thường. Sân giận là hạt giống làm cho diện mạo của chúng ta xấu xí. Sân hận cũng là bạn bè với nguyên nhân nói lời thô ác. Sân giận đốt cháy rừng công đức và tiêu hủy chánh niệm.

Sân hận sẽ dẫn đến con đường ác đạo, là cửa ngõ gây đấu tranh và oán hận, là đất tốt nuôi dưỡng ô danh, là cơ sở vốn liếng cấp tốc tăng trưởng tạo ác.

Sân hận cũng dễ bị người khác chê cười, trách mắng, chỉ trích, vì vậy chúng ta nên quan sát sự lỗi lầm của nó.”

Tiếp đến, đức Thế Tôn nói một đoạn kệ tụng:

“Lỗi lầm của sân hận kịch liệt hơn mãnh hổ; như vết thương ác tính khó tiếp cận; như rắn độc.



Người hay sân hận khi ngủ nghỉ cũng đau khổ bất an, sân hận làm hủy hoại thanh danh. Người luôn sân hận thì không những việc làm của mình cũng bất tri bất giác nên việc của người khác cũng càng không thể hiểu rõ.

Khi mọi người muốn phân chia các loại lợi ích tài vật thì không có tính người có tâm sân hận, hoặc nơi mà mọi người đang tụ họp vui vẻ, thì cũng không hoan nghênh người có tâm sân hận đến tham dự.

Như vậy các việc được lợi ích, nhưng do vì sân hận nên không đạt được, và người sân hận không được mọi người yêu mến, những việc như thế liệt kê không hết.

Mang trong lòng tâm hổ thẹn hối hận nuối tiếc thì dùng trăm ngàn miệng lưỡi tha thiết trình bày tác hại của sân hận cũng không hết, nên chỉ đại khái đưa ra vài ví dụ thôi.

Nói về nguyên nhân xuất phát từ sự sân hận mà đọa địa ngục thì kể cũng không hết, khởi lên tâm sân hận tạo

các ác nghiệp, không những sau này hồi hận mà còn lúc nào cũng bất an. Do đó, người có trí tuệ nên đoạn trừ sân giận và đấu tranh.

Lúc này, Như Lai vì các thầy giảng dạy rất nhiều, nhưng họ vẫn không từ bỏ sân hận trong tâm. Do vậy, chư Thiên thiện Thần rất bất mãn, thiện Thần nói tiếp một đoạn kệ, đại ý là:

“Nếu như bỏ viên ngọc minh châu vào nơi nước ô nhiễm, thì nước ấy trở thành trong sạch.

Như Lai như viên ngọc minh châu của nhân loại, vì quý thầy Tỳ-kheo, thuận theo căn tính của mọi người, sử dụng các phương pháp khéo léo giảng dạy, nhưng trong tâm của các thầy vẫn đầy như uế không trong sạch được, viên minh châu của đức Phật làm cho chúng sinh thanh tịnh nhưng các thầy này vẫn cam tâm tình nguyện chịu sự ô uế.

Như ánh sáng của mặt trời chiếu soi sáng tỏ mọi nơi,

đức Phật cũng như thế chiếu sáng mọi nơi nhưng các thầy vì tâm ngu si đen tối quá nặng không đạt được ánh sáng ấy.”

Như Lai khiển trách thương xót các thầy Tỳ-kheo như việc sinh tử của chính mình, trong Kinh số 72 “Kinh Trường Thọ Vương Bản Khởi” thuộc “Trung A Hàm”, nội dung là: ‘nếu như lấy tranh chấp để đoạn trừ tranh chấp, thì vĩnh viễn không bao giờ dứt, chỉ có nhẫn nhịn mới chấm dứt được, nhẫn nhịn như vậy mới là cao quý nhất.’

Nhưng, các thầy vẫn cau mày nhăn nhó tranh biện không dứt, mà còn đối với đức Phật nói: “Thưa Ngài! Người là pháp chủ, nên có những việc không biết! Trước hết Ngài nên đứng im lặng một bên, chúng tôi biết xử lý như thế nào, Người đừng nhúng tay vào nữa.”

Đức Phật nghe xong những lời ấy thất vọng bỏ đi đến ngôi rừng Ba-la cách đó mười hai do tuần, tịnh tọa dưới

gốc cây và tư duy: “Ta hiện tại đã đi xa nhóm Tỳ-kheo Câu-đàm-di thích tranh chấp.”

Lúc này có một con voi chúa cũng vừa rời đàn đến dưới gốc cây, cách chỗ đức Phật không xa và nhắm mắt im lặng, trong tâm khởi lên ý nghĩ: “ta rời xa đàn voi, ta cảm thấy nhẹ nhàng.”

Đức Phật biết được voi chúa nghĩ thế, nên nói một bài kệ: “Ta và người xa rời đám đông để đến nơi yên lặng, muốn ở một mình.” Đức Phật nói xong bài kệ và đi sâu vào thiền định.

Các thầy Tỳ-kheo không nghe lời dạy của đức Phật, khiến cho nhà vua, thần dân v.v.. đều chê trách, không còn cúng dường họ nữa, nên họ sinh tâm hối hận buồn rầu. Lúc ấy không chỉ thiên thần bất mãn, mà còn cả nước mọi người đều biết chuyện tranh chấp không dứt này, đều khởi tâm sân hận, nên cùng nhau chê trách họ. Vì thế, các thầy nói với nhau: “chúng tôi sai rồi, làm thế nào mới có thể

thấy được đức Phật? Bởi vì chúng ta tranh luận không dừng như thế, đức Phật đã rời khỏi chúng ta, chúng ta làm sao đây? Chúng ta nên cùng nhau chấp tay hướng về đức Phật sám hối và cầu mong Ngài tha thứ.”

Các thầy Tỳ-kheo nói đoạn kệ tụng, đại ý là:

“Thế Tôn là đạo sư của ba cõi, chúng con đã làm sai lời dạy của Ngài, lỗi lầm của sự sân hận, luôn nằm ở trong tâm chúng con, như ngọn lửa lớn đốt cháy muôn ngàn công đức.

Kính mong đức Phật từ bi, vì chúng con thuyết pháp. Chúng con hiện tại phát đại nguyện, nhất định cần cầu giải thoát; hiện tại quyết bỏ thân mệnh nhưng không giám làm trái lời Phật dạy nữa.”

Đức Phật biết được ý nghĩ của các thầy nên nói đoạn kệ:

“Dừng lại tham dục, sân hận, không chạy theo phiền não, ta hôm nay nên khởi tâm đại bi, cứu độ chúng sinh

đang bị khô nạn.

Phàm phu chúng sinh như trẻ con chưa có trí tuệ, nên phạm rất nhiều sai lầm, người có trí tuệ nên nhẫn chịu.

Ví như có người ẵm bồng trẻ em, tuy là bị đại tiểu tiện dơ bẩn, nhưng không vì thế mà bỏ rơi trẻ em không chăm sóc.”

Sau khi đức Phật nói bài kệ xong, từ chỗ ngồi có lót cỏ đứng dậy, muốn trở về Tăng phòng, lúc đó chư thiên, long, dạ-xoa, a-tu-la chấp tay hướng về đức Phật và nói bài kệ, đại ý là:

“Thật là khiến người khác phải tán thán ca ngợi! Đức đạo sư đại từ đại bi, các thầy ấy vì phóng dật không hiểu rõ sự việc mà phần nộ tranh chấp không dứt, lại mạo phạm đi ngược lại với giáo pháp của Thế Tôn.

Như Lai có tâm đại bi, cho dù chúng sinh như thế, nhưng không sân giận hay chê trách chưa hề bỏ rơi họ, mà còn thương xót dùng nhiều phương pháp như dùng roi,

dây cương, v.v... để điều phục một con ngựa hoang.”

Không lâu, Như Lai trở về Tăng phòng, bởi vì đức Phật có hào quang, nên khi về đến phòng thì tỏa sáng, lúc ấy các Tỳ-kheo biết đức Phật trở về, lập tức đón tiếp cung kính đánh lễ và thưa: “chúng con vì sự tranh chấp vô vị mà khởi lên sân hận và bị mọi người xem thường, chúng con phạm tội phá sự hòa hợp của chư Tăng, thành tâm thỉnh đức Thế Tôn thuyết pháp giảng dạy để chúng con trở về với sự hòa hợp thanh tịnh.”

Vì thế, Như Lai giảng dạy pháp lục hòa: Kiến hòa đồng giải (sự hiểu biết của mọi người đều nhất trí trên con đường giải thoát), giới hòa đồng tu (giới luật mọi người cùng tuân thủ), lợi hòa đồng quân (về lợi ích kinh tế mọi người đều hưởng quân bình với nhau), ba điều này là bản chất của sự hòa hợp; ngoài ra sự hòa hợp này phải biểu hiện bằng thân khẩu và ý, cần phải thân hòa đồng trú (mọi người cùng sống chung an lạc), ngữ hòa vô tranh (lời nói

hòa thuận không tranh chấp), “ý hòa đồng duyệt” (mọi người trong tâm đều vui vẻ an lành), đây là biểu hiện của sự hòa hợp. Đức Phật dạy lục hòa kính này để các thầy Tỷ-kheo được thanh tịnh hòa hợp. Nhân đó đức Phật dạy chúng ta đoạn trừ sân giận.

Qua câu chuyện này có một số vấn đề làm cho chúng ta phản tỉnh, khi chúng ta tranh luận vấn đề gì hoặc biện luận về đạo lý thì nên xem lại trong tâm mình có khởi lên sân giận không, đây là điều mới quan trọng. Sân giận có rất nhiều lỗi lầm, chúng ta nên cẩn thận, bởi vì sân giận rất dễ làm cho người khác khinh khi, đưa đến ố danh, rơi vào con đường xấu, đất tốt để oán hại phát triển, căn bản để tạo ác nghiệp, do đó chúng ta nên lưu ý.

*Phước Nghiêm, ngày 12 tháng 01 năm 2013*



## Nửa Đêm Hái Trộm Dưa

Hôm nay, tôi chia sẻ với quý vị câu chuyện trong “Tập A Hàm” kinh số 1355 thuộc “Đại Chánh tạng” tập 2, trang 372a~b.

Có nói đến một vị Tỳ-kheo sống trong rừng sâu tu hành. Cách khu rừng không xa có mẩu đất trồng dưa. Vào một đêm trời tối, có vị Tỳ-kheo nhìn thấy một kẻ muốn trộm dưa. Khi muốn vào hái dưa thì mặt trăng lên cao, anh ta nghĩ: “Nếu muốn hái dưa mà không bị người phát hiện, nhưng đêm nay trăng sáng, không phải là đã bị lộ mặt rồi sao?” Do đó, kẻ trộm dưa này đã thốt lên một bài kệ như sau:

Trăng sáng, người chớ hiện,

Đợi ta hái dưa này.

Ta đem dưa đi rồi,

Mặc người hiện hay không.

Bài thơ muốn nói: “Trăng sáng đừng hiện ra chi, đợi ta hái trộm dưa xong, mặc người xuất hiện bao lâu tùy ý người.”

Lúc đó, vị Tỳ-kheo nhìn thấy liền nghĩ: “Người ăn trộm dưa mà cũng biết làm thơ, tôi cũng có thể”. Sau đó vị Tỳ-kheo viết một bài kệ:

Ác ma, người chớ hiện,  
Chờ ta đoạn phiền não;  
Đoạn phiền não kia rồi,  
Mặc người hiện hay không.

Ý muốn nói: “ác ma à, ác ma, người đừng có hiện ra, đợi ta dứt trừ phiền não xong, người muốn đến thì tùy ý, làm gì cũng chẳng chi, ta không sợ người nữa!” Câu chuyện này đầy tính dí dỏm, có thể từ nhiều khía cạnh mà suy nghĩ, ánh sáng của trăng, nhân duyên tới mặt trăng xuất hiện, ánh sáng xuất hiện có đúng không? Ác ma, ta cũng không thể không chế, cũng không thể hy vọng, nó

xuất hiện hay không xuất hiện, nhân duyên hòa hợp thì tự nó hiện, do đó có cầu xin cũng chẳng có lợi ích gì. Đứng trên phương diện người ăn trộm mà nói, muốn ăn cắp dưa, phản ứng phải nhanh nhẹn, không thể chờ khi ánh sáng xuất hiện mới đi hái dưa, như thế thì đã quá chậm trễ. Đạo lý cũng như vậy, chúng ta tu hành mỗi ngày cần phải nỗ lực, tinh tấn, không nên đợi ác ma xuất hiện mà năn nỉ: “Giờ đừng có đến quấy rầy tôi!” Có van xin như vậy cũng chẳng ích gì, tu hành chân chánh là không chờ đợi, hãy thừa lúc khi tuổi còn trẻ có thể nỗ lực huân tập Phật pháp.

*Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 3 năm 2012*

## **Người trí muốn diệt khổ nên từ tâm, không phải từ thân.**

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích trong “Đại Trang Nghiêm Kinh Luận”, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4 trang 266a~267a.

Từng nghe trong quá khứ, có vị Tỳ-kheo ni đến nước Xa-ca-la, ở trong nước này có ngoại đạo Bà-la-môn tu khổ hạnh, sử dụng năm loại lửa để đốt nướng thân thể (ánh nắng mặt trời và bốn đồng lửa đốt xung quanh). Dùng các loại sức nóng này thiêu đốt thân thể, đầu tóc, tay chân mồ hôi tuông như mưa, môi khô nước miếng cạn. Bao quây bởi bốn bên là lửa, sức nóng của nó làm cho thân thể như ở trong lò luyện kim, đầu tóc vàng óng, vừa nhìn giống như cụ già. Ánh lửa mãnh liệt màu đỏ hồng và ánh nắng khốc liệt của mặt trời làm cho người ấy dù có chuyển mình hướng nào cũng không có cách để né tránh được sự thiêu đốt ấy, giống như chiêm bái trên lò. Vì người Bà-la-môn

này hay mặc áo rách nát làm từ bằng vải thô sơ, với dùng năm loại lửa ấy để thiêu đốt thân thể, nên người đương thời gọi ông là “áo rách thiêu thân”. (Họ có quan niệm là dùng phương thức tu khổ hạnh này, sau khi thân thể chịu đau khổ hết mức, thì niềm vui sẽ đến.)

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo-ni thấy tình hình vậy, liền nói với khổ hạnh ngoại đạo: “Những thứ cần ông thiêu đốt, ông lại không thực hiện, còn những thứ không cần thì ông lại thực hiện.”

Vị “áo rách thiêu thân” vừa nghe xong đã nổi giận lên trả lời: “Ni cô đầu trọc đáng ghét kia, bà hiểu được gì? Bà nói cái gì cần thiêu đốt? Nói ra thử xem?”

Vị Tỳ-kheo-ni nói: “Ông nên thiêu đốt tâm sân giận, chứ không phải thân thể này. Nếu ông thiêu đốt được căn bản phiền não từ tâm ông, thì đó mới là việc thiêu đốt chân chính. Giống như con trâu kéo xe, xe không di chuyển, thì ông nên đánh con trâu, chứ không đánh lên xe được! Cho

dù ông có dùng sức đánh lên xe, thì xe cũng không di chuyển phải đánh lên trâu mới đúng! Thân thể của chúng ta như chiếc xe, còn tâm là như con trâu kéo xe. Ông muốn cho xe di chuyển thì điều đầu tiên ông biết đó chính là do con trâu kéo xe chứ không phải phần thân xe. Vì vậy ông phải thiêu đốt phiền não trong tâm, chứ không phải thiêu đốt thân này. Và còn thân thể này như thành trì, như rừng núi, nếu thiêu đốt nó đi thì có được lợi ích gì? Thân thể của chúng ta là thể, có được thân này mới có cơ hội mà tu hành, nếu như tu khổ hạnh làm tổn thương thân này đi, giống như rừng núi, thành trì bị cháy không thể nào khôi phục lại được, như thế lúc này lấy gì hỗ trợ cho việc tu hành.”

Vị Tỳ-kheo-ni tiếp đến nói một đoạn kệ tụng, đại ý như sau:

“Tâm là chủ nhân của thành trì, chủ thành phần nộ, thì trực tiếp xử lý ông chủ, nếu xử lý thành trì thì có ích lợi gì đâu.”

Giống như con sư tử, nếu có người dùng cung tên, nỏ gạch, đất đá hại nó, nó sẽ truy tìm người này.

Còn với con chó ngu xuẩn thì có người ném nỏ gạch, đất đá về nó, thì nó ngược lại không truy tìm người ném mà đi truy tìm vật đã ném.

Ở đây muốn nói con sư tử là chỉ cho người thông minh, biết truy tìm nguồn gốc mà diệt trừ phiền não.

Còn con chó ngu si giống như ngoại đạo, chỉ biết dùng năm loại lửa ấy để thiêu đốt thân thể, mà không biết vấn đề chính cần giải quyết là ở trong tâm.”

Thế là, vị ngoại đạo Bà-la-môn hỏi: “Làm cách nào để thiêu đốt tâm? Nếu như muốn thiêu đốt tâm thì nên dùng ngọn lửa gì?”

Vị Tỳ-kheo-ni trả lời: “ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế như bốn ngọn lửa xung quang, còn trí huệ quang để tu tập giống như ánh sáng của mặt trời trên đầu ông.”

Phật giáo lấy trí tuệ làm chính, nương vào ánh sáng trí

tuệ của bốn thánh đế, và trí tuệ tu đạo, đem năm loại phương pháp này để thiêu đốt phiền não trong tâm.

Còn thân thể của chúng ta, dù có thiêu đốt như thế nào cũng không đạt được tự do, thế thì tại sao phải làm khổ cực thân như thế?

Nếu như muốn cảm nhận cái khổ, thì nên làm cho tâm khổ mới đúng! Bởi vì tâm mới là cội nguồn làm cho thân chịu khổ, thân này do tâm sai sử, thì nên làm cho tâm khổ mới đúng.

Đi đứng nằm ngồi đều không phải do thân thể chủ động làm nên, đều do tâm khiến cho thân thể hoạt động theo mà thôi.

Vì thế những sai lầm đều phát nguồn từ tâm thì tại sao lại làm cho thân thể như vậy?

Khi tâm thức lìa khỏi thân thể, thì lúc ấy thân thể như gỗ đá không có tri giác. Vì vậy người có trí tuệ, nên truy tìm tâm thức, không nên làm khổ lụy thân thể này.



Nếu như ông nghĩ đem năm loại lửa thiêu đốt thân thể mà có thể đắc đạo, thì chúng sinh ở địa ngục chịu đựng muôn ngàn khổ sở thì họ đã sớm đắc đạo rồi.

Vị Bà-la-môn tranh biện: “tôi tu khổ hạnh là do tự mình phát tâm, nên gọi là tu đạo, còn chúng sinh ở cõi địa ngục là do bị bức bách hành hình, nên không được cho là tu đạo.”

Vị Tỳ-kheo-ni nói tiếp: “Nếu như bởi vì chủ động phát tâm thiêu đốt thân thể mà đạt được phước báo, thì đứa trẻ cầm cây đuốc thiếu cẩn thận vô tình làm cháy thân thể, đứa trẻ này cũng chủ động phát tâm, thì nó sẽ được phước báo hay sao, nhưng ngược lại thực tế là đứa trẻ đó bị thiêu đốt thân thể mà đâu có phước báo gì đâu. Nếu như đứa trẻ không đạt được phước báo gì, thì theo cách suy luận như vậy, thì ông đem năm loại lửa thiêu đốt thân thể cũng không được phước báo gì.”

Vị Bà-la-môn không phục liền nói: “Đứa trẻ không có

trí tuệ, do đó không có phước báo, còn tôi có trí tuệ, cố gắng tu tập khổ hạnh dùng năm loại lửa này thiêu đốt thân thể, đương nhiên có phước đức.”

Vị Tỳ-kheo-ni tiếp tục trả lời: “Nếu như nói người có trí tuệ tu hành khổ hạnh có thể đạt được phước báo, thế thì người đi tìm châu báu, tay chân bị cháy máu thì cũng có phước đức hay sao?”

Vị Bà-la-môn nói: “Các người đi tìm châu báu, họ phát tâm vì động cơ tham cầu châu báu, tuy tay chân có chảy máu nhưng không gọi là phước đức, vì tâm của họ có tham cầu.”

Vị Tỳ-kheo-ni nói: “Ông tu khổ hạnh, ông cũng có tham cầu sinh lên cõi trời để hưởng lạc, thì ông cũng có tâm tham rồi! Nếu như các người tìm châu báu ấy có tâm tham thì không có phước đức, thì ông tham cầu sinh lên cõi trời cũng giống họ không có phước đức!

Nếu như tham cầu mà không có quả báo, thì người thợ

săn vì ham muốn thỏa mãn cái bụng, tạo các nghiệp sát sinh cuối cùng cũng không có quả báo xấu!

Nếu như người thợ săn người đánh bắt cá không có bị quả báo, thì ông hiện tại thực hành khổ hạnh thì tương lai cũng không có hưởng được quả báo sinh thiên.

Tại sao ông không dùng trí tuệ tu tập tâm mà ngược lại thực hiện khổ hạnh hy vọng sau này sinh lên cõi trời?

Trong chánh pháp của Phật giáo, không có cho tu khổ hạnh dùng năm loại lửa này thiêu đốt thân thể mà đạt được sinh thiên hưởng phước báo.

Nếu muốn đạt được quả báo sinh lên cõi trời thì nên tu tập nói lời chân thật v.v... và các loại công đức pháp lành, tuy vẫn còn lòng tham và sợ sệt nhưng có thể sinh lên cõi trời hưởng thụ phước đức.

Giống như uống thuốc vậy, bất luận là tham tâm hay tâm sợ sệt, khi uống vào thì thuốc sẽ nhất định phát huy công hiệu của nó.

Người nói lời chân thật, tích lũy thiện căn công đức, tuy giả sử họ còn có tâm tham tâm sợ sệt nhưng vẫn nhất định đạt được phước báo sinh lên cõi trời.

Lúc bấy giờ vị Bà-la-môn không còn lý lẽ nào để biện luận nữa, chỉ còn cách im lặng đứng một bên.

Và lúc ấy mọi người ở xung quanh nghe vị Tỳ-kheo-ni thuyết pháp, đối với Phật pháp sinh khởi niềm tin thanh tịnh, trong tâm ham thích chính pháp; mọi người cũng nhau thảo luận:

“Thật là tuyệt vời! Đức Phật có đại trí huệ lực, ngài giảng dạy về Phật pháp thâm sâu vô cùng, không thể tưởng tượng suy nghĩ được, còn ngoại đạo có chút thông minh, thật là quá thô thiển nhỏ nhặt.

Giống như đám lửa nổ ra, thì ai bị chạm vào thân thể cũng đều lo sợ.

Cũng như vậy, Phật pháp bùng lên ánh lửa thì tất cả ngoại đạo Bà-la-môn đều cảm thấy sợ hãi.

Hôm nay chúng tôi được nghe một cuộc nghị luận rất hay ít có, nên chúng tôi cùng nhau hướng về nơi đức Phật niết-bàn đánh lễ quy y Thế Tôn.

Vị Tỳ-kheo-ni đem lời nhỏ nhẹ nhu nhuyễn khéo léo diễn thuyết Phật pháp, đã làm cho ngoại đạo Ba-la-môn phải khuất phục, như thế thì ai mà không cung kính Phật pháp.

Vị Tỳ-kheo-ni này tuy trí tuệ còn chưa cao thâm nhưng đã nhờ Phật pháp mà phá trừ phiền não, nương nhờ đức Phật tôn quý đã khiến cho vị Bà-la-môn không còn lời nào để nói, chỉ biết cách im lặng đứng một bên.”

Câu chuyện này có một số vấn đề chúng ta cần phân tích:

Nếu như “tâm” chưa đốn chính thì dù có tu khổ hạnh làm cho “thân” như thế nào đi nữa cũng không có tác dụng gì! Do đó người có trí tuệ thì nên xem lại “tâm” có thanh tịnh hay không? Nếu như thân khổ mà có thể đắc đạo, thì

chúng sinh ở cõi địa ngục chịu đựng muôn ngàn sự khổ đau, thì họ đã đắc đạo hết rồi? Nhưng sự thật thì không phải vậy.

Trâu kéo xe không chạy, thì nên đánh lên xe hay lên trâu? Đương nhiên là đánh lên trâu, bởi vì con trâu mới là nguyên nhân chính, xe chỉ là phụ. Cũng như vậy, người có trí tuệ muốn trừ bỏ khổ, thì nên từ tâm, không phải từ thân.

Chúng ta cũng nên xem lại, nếu như các mối quan hệ qua lại không tốt, thì nên oán ghét người khác, hay là kiểm thảo chính mình đã có những ý nghĩ hay hành vi như thế nào? Ngoại đạo tu khổ hạnh, bốn bên là lửa, trên đầu còn bị ánh nắng chói vào, họ cho khi nào khổ hết thì vui đến, nhưng theo Phật pháp thì dù thiêu đốt thân này cũng không thể nào giác ngộ được!

Ngoại đạo tu cách bốn bên lửa cháy thiêu đốt thân thể, còn Phật giáo dùng ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế, thì có thể thiêu đốt hết những phiền não sai lầm kiến hoặc, và

ánh sáng của mặt trời chiếu đốt trên thân thể của ngoại đạo, còn ánh sáng trí tuệ của Phật giáo làm khô cạn phiền não tình ý tu hoặc.

Phật giáo lấy trí tuệ làm chính, nương vào trí tuệ mới đoạn trừ hết phiền não. Phật giáo chia phiền não thành hai loại:

Phiền não trong tri kiến thuộc kiến hoặc, đặc biệt là đối với bốn thánh đế không hiểu một cách triệt để.

Phiền não trong tình ý, chính là tu hoặc, tình cảm tham sân si.

Nương vào ánh sáng trí tuệ của bốn thánh đế mà đắc đạo, có thể đoạn trừ kiến hoặc; và trí huệ do tu đạo mà đoạn trừ tu hoặc.

Tu đạo thì có thể tu đạo hữu lậu hoặc vô lậu. Tu hữu lậu là tu thiên định, có thể hàng phục tu hoặc, chỉ dừng lại ở hàng phục; chơn chánh đoạn trừ hết tu hoặc, đương nhiên là do tu trí tuệ vô lậu.

Đại chúng cùng nỗ lực cố gắng.

*Phước Nghiêm, ngày 08 tháng 3 năm 2012*



## **Bần cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, hiểm nguy trì giới khó, tráng kiện xả dục khó**

Hôm nay sẽ kể cho quý vị nghe một câu chuyện lấy từ “Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh” thuộc “Đại Tạng Kinh” tập thứ 3, trang 113c~116a.

Ngày xưa Tu Đạt trưởng giả (Cấp Cô Độc), một thời gian từng nghèo khổ. Có một lần sau khi nghe Phật thuyết pháp vô cùng hoan hỷ mà chứng tam quả A Na Hàm.

Do vì ông quá nghèo khổ, trên thân chỉ có năm đồng tiền vàng, mỗi ngày một tiền cúng dường Phật, một đồng cúng dường Pháp, một đồng cúng dường Tăng, một đồng khác để lại chi dùng, còn lại một đồng làm vốn, mỗi ngày đều như vậy. Sau đó ông thọ trì năm giới, và quỳ trước đức Phật thưa: “Con nay trong tâm không còn tham dục nữa, như vậy việc sinh hoạt hằng ngày trong gia đình nên làm như thế nào mới phù hợp?”

Phật liền bảo Tu Đạt: “Ông hiện tại tâm thanh tịnh, không còn tham trước ái dục, ông về nhà có thể nói với các bà vợ rằng: “Hiện nay tâm tham dục của ta đã đoạn trừ, các bà có thể tùy tiện, nếu muốn cải giá cứ tự nhiên, nếu muốn ở lại ta sẽ cung cấp quần áo và đồ ăn uống.”

Tu Đạt nghe Phật chỉ dạy xong, liền đánh lễ cáo từ, về nhà chiếu theo lời Phật dạy, nói với thê thiếp rằng: “Ta hiện nay đã vĩnh viễn đoạn trừ ái dục rồi, sẽ không có việc ái dục nữa, các bà nếu muốn cải giá thì cứ tùy tiện; nếu muốn ở lại, ta sẽ cung cấp những đồ cần thiết trong sinh hoạt, để cho người không thiếu ăn mặc.” Thê thiếp nghe xong, mỗi người thuận theo tâm ý của mình mà tự sắp xếp.

Lúc đó, có một người vợ của ông đang rang lúa mạch làm lương khô, đột nhiên có một con dê chạy đến kéo theo lúa mạch. Người vợ bắt đắc dĩ thuận tay cầm một khúc cây đánh con dê để đuổi nó chạy đi. Không ngờ trên khúc cây còn ngún mồi lửa, khi đụng vào lông dê liền bốc cháy lên,

con dê bị cháy liền chạy đến bên chuồng nuôi voi, cọ xát bên chuồng voi mong diệt lửa. Trong chốc lát, không chỉ chuồng voi bị cháy, ngay cả con voi của vua cũng bị cháy. Thân thể của con voi bị cháy đến tróc da lòi thịt, liền giết con khi bên cạnh để mượn xác khi đập lửa trên thân.

Người trời trên không trung thấy tình huống như vậy, liền nói một bài kệ, ý nghĩa đại khái như sau:

“Nếu như khi có người đang sân hận muốn đánh nhau, nhất định không nên đứng ở bên cạnh. Nếu như có hai con dê bị thiến, trong lúc dùng sừng để húc nhau, lúc đó ruồi, muỗi vô tình cũng mất mạng.

Lúc người vợ và dê tranh nhau, con khi cũng gặp tai ương vì thế mà toi mạng.

Do đó, người có trí huệ muốn xa lìa nghi kỵ, và muốn tránh nghi kỵ không nên nấn ná bên cạnh người ngu, và không nên tiếp xúc với họ.”

Vua Ba Tư Nặc biết được sự việc này (vì voi của vua

cũng bị thương), liền ra lệnh cho đại thần quy định: “Bắt đầu từ ngày hôm nay, buổi tối không được mồi lửa, không được thắp đèn cầy, nếu như người nào vi phạm sẽ bị phạt ngàn lượng tiền.”

Lúc đó, trưởng giả Tu Đạt đã đắc đạo, ở trong nhà không có phân ban ngày, ban đêm tinh tấn tọa thiền, đến nửa đêm mới nghỉ ngơi. Khi gà gáy đêm, vì trời chưa sáng nên lại đốt đèn ngồi thiền.

Việc đốt đèn nửa đêm bị người khác phát hiện, do đó Tu Đạt bị bắt đến bên vua, vì ban đêm đốt đèn, vi phạm quy định phải bị phạt ngàn lượng tiền.

Tu Đạt thưa: “Tôi hiện nay quá nghèo, ngay cả trăm tiền còn không có, lấy gì để trả số tiền phạt này?”

Nhà vua rất giận dữ, nên kêu người bắt nhốt, coi ngó kỹ càng.

Tứ Đại Thiên Vương nhìn thấy Tu Đạt bị nhốt trong tù, nên gần giữa đêm từ trên trời xuống nói với Tu Đạt rằng:

“Tôi sẽ cho ông tiền, để ông trả tiền phạt và có thể ra ngục ngay bây giờ.”

Tu Đạt nói: “Sẽ có một ngày, nhà vua sẽ hiểu được sự thật chân tướng, không cần sử dụng số tiền này” và rồi Tu Đạt vì Tứ Đại Thiên Vương nói pháp, chúng Thiên vương rất vui mừng và cáo lui.

Đến nửa đêm trời Đế Thích cũng từ trên trời xuống diện kiến Tu Đạt. Ông ta cũng vì Đế Thích thuyết pháp như vậy và vị trời này thôi lui.

Lại tới trời gần sáng, Phạm Thiên cũng từ trên trời xuống gặp Tu Đạt, và ông cũng vì vị trời này thuyết pháp, Phạm Vương nghe xong rất vui mừng và ra về.

Lúc đó, nhà vua ban đêm thấy trong ngục có ánh sáng lửa đốt, hôm sau sai người đến quở trách Tu Đạt: “Ông vì vi phạm mệnh lệnh nửa đêm cấm đốt đèn mới bị nhốt nơi đây, tại sao không biết xấu hổ lại còn ban đêm đốt lửa?”

Tu Đạt nói: “Tôi không có đốt lửa! Nếu có đốt lửa

chắc chắn sẽ còn dấu vết của tro bụi!”

Vị thị giả của vua nói: “Rõ ràng đầu hôm có bốn cây đuốc, giữa đêm lại có một cây sáng hơn, gần sáng lại có một cây đuốc còn sáng hơn nữa. Ông nói không có đốt lửa thì là như thế nào?”

Tu Đạt trả lời: “Đó không phải là tôi đốt đèn! Bốn cây đèn mà đầu hôm mấy ông nhìn thấy đó là Thiên vương của Tứ đại thiên vương đến thăm tôi. Ngọn đuốc nửa đêm là trời Đế Thích (chủ Đạo Lợi Thiên) đến viếng. Gần sáng, đó là trên thân Phạm Thiên phóng ra ánh sáng, chứ không phải tôi đốt đèn!”

Người hầu cận tức tốc về bẩm báo với quốc vương, quốc vương nghe rồi rất sợ hãi. “Phước báu của người này thù thắng như vậy, lại có thể cảm chiếu người trời xuống cầu kiến, mình sao lại dèm pha, hủy nhục ông ta? Vì vậy nói với người hầu cận rằng: “Lập tức! Lập tức đem người đó phóng thích, nhất định không được chậm trễ!”

Tu Đạt ra khỏi đại lao, liền đi đến chỗ Phật, đánh lễ xong rồi ngồi xuống một bên nghe pháp.

Sau đó, vua Ba Tư Nặc chuẩn bị xe ngựa đi đến chỗ Phật. Tất cả dân chúng dọc đường thấy đức vua đến, liền thối lui qua một bên nhường đường. Chỉ có Tu Đạt trong tâm sung mãn pháp hỷ, nhìn thấy đức vua mà không có đứng dậy chào đón.

Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy tâm ôm ý hận: “Người này cũng là con dân của ta! Vì sao lại có lòng khinh mạn, thấy ta lại không đứng dậy lễ bái!”

Đức Phật biết được tâm niệm của vua Ba Tư Nặc, liền dừng lại không thuyết pháp.

Vua Ba Tư Nặc thưa với đức Phật: “Xin Đức Phật từ bi vì chúng con thuyết pháp.”

Đức Phật nói với quốc vua rằng: “Hiện nay không phải là lúc nói pháp cho đức vua! Đều là không thích hợp thời cơ? Nếu như có người trong tâm sinh khởi lòng sân

hận, báo oán, phiền não v.v., trước khi phiền não này chưa được giải trừ, thì không phải hợp thời nói pháp. Hoặc là tham trước dâm dục, mê đắm nữ sắc, hoặc là kiêu mạn tự đại, không có một chút tâm cung kính; dùng các thứ tâm ô uế này lại nghe pháp, dù cho lắng nghe diệu pháp cũng không thể hiểu rõ. Do vậy, lúc này không phải là lúc vì đức vua nói pháp.”

Quốc vương nghe lời giáo huấn của đức Phật xong, tâm nghĩ: “Duyên cớ cũng là do người này, hại mình hôm nay có hai thứ tổn hại: Một là, mình đã khởi tâm sân hận, hai là không nghe được Phật Pháp.” Vua Ba Tư Nặc cảm thấy không vui, đánh lễ Phật xong rồi cáo lui. Đi chưa được bao lâu, bốn phương xuất hiện hổ, sói, sư tử, rắn độc, cầm thú toàn bộ đều bao vây vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy vô cùng sợ hãi, tức tốc quay trở lại nơi đức Phật.

Phật liền hỏi đại vương: “Ngài vì sao lại quay trở lại?”



Vua Ba Tư Nặc trả lời: “Vì khi con đi về, đột nhiên nhìn thấy rất nhiều cảm thú bao vây, vì quá sợ hãi nên con quay trở lại đây tránh nạn!”

Đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc: “Ngài có biết người này không?”

Quốc vương trả lời: “Không biết”

Phật liền nói: “Người này đã chứng tam quả A Na Hàm. Vì ngài đối với Thánh giả khởi ác tâm nên gặp những cảm thú dữ đó. Nếu như ngài không trở lại, nhất định sẽ gặp nguy hại, khó bảo toàn được tính mạng.”

Vua Ba Tư Nặc nghe lời Phật nói xong, vô cùng sợ hãi, lập tức hướng về Tu Đạt đánh lễ sám hối, còn lấy da dê cúng dường đặt trước mặt Tu Đạt.

Vua Ba Tư Nặc nói: “Người này là con dân của ta, thấy ta mà không đứng dậy lễ bái. Đối với sự hủy nhục vừa rồi, ta khó mà chịu nhẫn, thật là rất khó nhẫn!”

Tu Đạt nói: “Ngài khó như vậy, nhưng tôi tuy nghèo

khô, lại có thể thực hành việc bố thí, tôi cũng rất khó như vậy!”

Lúc này lại có hai người nghe thấy, họ cũng bức xúc mỗi người cũng tự nói ra cái khổ của họ. Trong đó có một vị đại thần ở bên cạnh vua, tên là Thi La Sư Chất, ông nắm giữ quốc chính rất công chánh bình đẳng. Có một ngày, Thi La Sư Chất bị giặc cướp bắt đi, bọn chúng ăn cắp đồ bị phát hiện, chúng nói với ông ta rằng: “Ông thấy ta ăn cắp đồ, chỉ cần ông không nói ra, tôi sẽ cho ông con đường sống; nếu như ông truyền lời đi khắp nơi, tôi sẽ giết ông chết.”

Thi La Sư Chất nghĩ: “Nếu như hôm nay mình nói láo, làm hành vi phi pháp, như vậy sẽ bị đọa vào địa ngục, tới lúc đó ai thả mình ra?” Do đó, Thi La Sư Chất nói với tên đao tặc: “Chẳng thà chặt đầu của tôi, tôi cũng sẽ không nói vọng ngữ.”

Tên đao tặc nghe xong liền nói: “Người này chánh

khí nghiêm nghị, giữ giới tinh nghiêm như vậy, việc này rất là khó có!” Nên đạo tặc phóng thích tôi ra.

Lúc đó Thi La Sư Chát nói: “Tôi đã gặp lúc tánh mạng nguy hiểm rồi mà vẫn không phạm giới vọng ngữ, cẩn thận giữ giới mà hành chánh pháp, đây mới thật là khó!”

Khi đó có một vị người trời tên là Thi Ca Lợi cũng nói: “Có một ngày, tôi đã thọ giới Bát quan trai, khi nằm ở trên lầu cao, có một ngọc nữ rất đẹp đến bên cạnh, vì tôi đã thọ trì bát quan trai giới nên không bị sắc đẹp mê hoặc, tôi như vậy cũng rất là khó!”

Vì vậy, bốn người tự nói những việc khó đáng quý, trước Phật đã nói một bài kệ:

“Bần cùng bố thí khó, phú quý nhẫn nhục khó, nguy hiểm giữ giới khó, trai tráng xả dục khó.”

“Bần cùng bố thí khó”, là chỉ Tu Đạt, tuy rất nghèo khổ nhưng ông vẫn có thể bố thí, việc này rất là khó.

“Phú quý nhẫn nhục khó”, là chỉ vua Ba Tư Nặc, ở trên

địa vị cao sang, dân chúng không có biểu thị tâm cung kính, ông khó mà nhịn nhục, việc này cũng là khó. “Nguy hiểm giữ giới khó”, tức là Thi La Sư Chất, gặp lúc tánh mạng nguy hiểm, cũng tuyệt không nói vọng ngữ, trì giới tinh nghiêm, là việc rất khó.

“Tráng kiện xả dục khó”, là chỉ người trời tên Thi Ca Lợi, trai tráng mạnh khỏe, lại có thể kiên trì giữ giới, gặp tiên ngọc nữ khiến người phải động tâm, lại có thể xa lìa tham dục, đây cũng là việc rất khó.

Nó kệ xong, đức Phật lại vì họ nói pháp, quốc vương và thần dân đều vui mừng, đánh lễ Phật rồi lui ra.

Sự tích này mang đầy ý nghĩa, bài kệ này nhắc đến ba độ đầu tiên trong lục độ, có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chúng ta đem cái thứ hai và thứ ba điều chỉnh lại, như vậy sẽ dễ nhớ hơn.

Thứ nhất là “Bần cùng bố thí khó”, là bố thí. Tuy rất nghèo khó, lại có thể bố thí lợi tha, là việc rất khó.

Cái thứ ba chúng đòi lên phía trước, là “Nguy hiểm trì giới khó”. Gặp cái chết đã đến tận cổ, lại vẫn nghiêm trì giới thanh tịnh, đó là chuyện rất khó.

Tiếp theo là nhẫn nhục, “ Phú quý nhẫn nhục khó”, giống như quốc vương rất hiền hách như vậy, có thể nhẫn nhục, không khởi tâm sân, là điều rất khó!

Thứ tư là “Tráng kiện xả dục khó”, thanh niên trai tráng, mỹ sắc trước mặt không động tâm, là điều khó!

Những điều trên khuyến khích cùng đại chúng.

***Phước Nghiêm ngày 7, tháng 12, năm 2012.***

Nguyên văn tiếng Hoa: <http://fuyancec.blogspot.tw/>

# Phước huệ tập 3

## 福慧集 3

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Vạn Lợi, Thích Hữu Chơn,  
Thích Giới Tường, Thích Minh Tạng,  
Thích Hạnh Tín, Lâm Nghiệp Hồng

越南文翻譯：

釋萬利，釋有真，釋戒祥，  
釋明藏，釋行信，林業紅

**Printed and donated by**

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation  
11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan,  
R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**

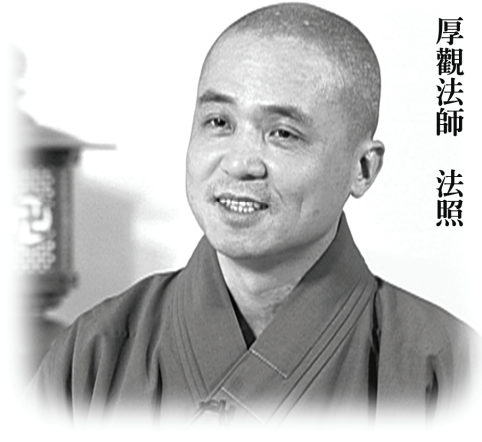
KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

## Lời ngỏ

**Thích Hậu Quán**

Tháng 2 năm 2013, tác giả đã hoàn thiện quyển sách Phước Huệ Tập 2, chủ yếu là góp nhặt những câu chuyện trong kinh Phật, phát hành chưa đầy một năm

nhưng đã qua ba lần tái bản với số lượng lên tới 11.000 cuốn. Sau một thời gian lưu hành rộng rãi, quyển sách này đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ người đọc. Đặc biệt, trong đó có câu chuyện của một người mẹ, cô đã đem câu chuyện đọc được trong sách này kể cho con gái đang học tiểu học của mình nghe, cháu bé vô cùng thích thú và nói: “Mẹ ơi! Sao mẹ chỉ kể có một câu chuyện thôi? Mẹ kể cho con nghe hai câu chuyện luôn được không”? Người mẹ kể



厚  
觀  
法  
師  
  
法  
照



hai câu chuyện, cháu bé lại tiếp tục mong muốn mẹ kể thêm nhiều câu chuyện nữa. Thật là một điều an ủi cho người soạn sách. Cũng theo phản hồi, có nhiều thầy cô giáo đã dùng những câu chuyện trong sách này để giảng dạy cho học sinh và họ đều nhận thấy hiệu quả giáo dục rất tốt!

Lần này, Phước Huệ Tập 3 ra đời, tác phẩm chọn lọc hai mươi câu chuyện hầu hết có ghi chép trong Đại Chánh Tạng, tập trung vào những chuyện có nhân vật và bối cảnh bắt nguồn từ Ấn Độ thời xưa nhưng ngụ ý trong mỗi câu chuyện hàm chứa tính giáo dục cao, ảnh hưởng lớn đối với người tu tập và xã hội thời nay.

Ví dụ, câu chuyện vua Ba Tư Nặc vì ăn uống quá độ, không kiềm chế đến nỗi thân thể mỗi ngày mỗi mập thêm, muốn lên xe xuống ngựa đều khó khăn gấp bội. Ngay cả trong mọi sinh hoạt bình thường như khi đi đứng, lúc nằm ngồi, muốn trở thân cũng vô cùng mệt nhọc. Đức Phật đã chỉ dạy cho nhà vua phương pháp gì, làm sao để giảm béo? Vậy xin xem câu chuyện “người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân”.

Câu chuyện Ít Muốn Và Biết Đủ, đề cập đến một vấn đề thiết yếu trong cuộc sống, “có thể đưa tay ra để bô thí cho người, đôi tay ấy vô cùng cao quý; nhưng nếu thọ nhận của người, người ấy biết thiếu dục tri túc mà kéo tay vào, đôi tay ấy càng tôn quý gấp đôi”. Chúng ta biết rằng, trong cuộc sống, tiếp xúc hằng ngày, người vụng tu thường đẩy khởi tạp niệm, “tâm như vượn ý như mã”, đến lúc lâm chung tâm sở còn nhớ khởi chánh niệm chăng? Câu chuyện Điều Phục Tâm Mã này mang đến cho chúng ta lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà sâu lắng.

Hoặc một ví dụ khác, trong chuyện Khởi Nhiễm Tâm Thất Thần Mất Mạng, kể về thầy Xá Lợi Phát trí tuệ và thầy Mục Kiên Liên thần thông đệ nhất, trong quá khứ đã từng là phu thê, gặp bọn cướp bao quanh muốn lấy mạng, nhưng nhờ hai người hiểu ý nhau, phối hợp nhịp nhàng, cuối cùng vượt qua được đoạn đường nguy hiểm. Người tu hành nếu như tên đạo tặc trong chuyện kia, tham luyến sắc đẹp, trong chớp mắt mất thần không thể phòng hộ sáu căn, sẽ đưa mình vào tình thế hiểm nguy, thậm chí mất mạng hiểm có

này.

Câu chuyện cảm động của Bồ Tát Đề Bà, đệ tử của ngài Long Thọ Bồ Tát, học vấn uyên thâm, biện tài vô ngại, chấp nhận chột mắt trong một hành động cao quý nên có người gọi ông là Độc Nhãn Đề Bà. Lúc Đề Bà đến bái kiến Bồ Tát Long Thọ, hai thầy trò lần đầu gặp nhau không dùng ngôn ngữ, mà đã tiến hành một cuộc hùng biện tinh tế, ngoạn mục. Đề Bà vì sao lại thiếu một con mắt? Giữa hai thầy trò luận biện không lời được tiến hành như thế nào? Muốn biết tường tận xin xem câu chuyện “Đề bà tìm gặp Bồ Tát Long Thọ, thả kim vào bát nước”, “Truyện Bồ-Tát Đề-bà”.

Hai mươi câu chuyện tinh lọc trong cuốn sách này là những thí dụ sâu sắc, cụ thể về những vấn đề giáo huấn trong cuộc sống. Những câu chuyện này chứa đựng tràn đầy đặc tính trí tuệ và sự hài hước. Hy vọng người đọc thể hội được hàm ý chứa đựng bên trong của mỗi câu chuyện, nhằm vận dụng khéo léo trong cuộc sống hằng ngày, những điều giản dị nhưng đôi khi ý nghĩa thật lớn lao!

*Phước Nghiêm, ngày 28 tháng 12 năm 2013.*

# Mục lục

- Lời ngỏ.....3
- Người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân..... 10
- Hãy lấy cung tên bắn vào bụng của tôi..... 17
- Ít muốn và biết đủ.....22
- Bảo hộ sáu căn như rửa râu thân.....31
- Khởi nhiễm tâm thất thân mất mạng .....36
- Điều phục tâm mã.....42
- Tất cả các hương thơm không bằng hương của người giữ giới .....48
- Tay chân mắt tai miệng tranh giành công lao ....56
- Khéo giữ gìn thân tâm tránh rơi vào lưới ma ....63
- Tại sao không tiêu diệt những con rắn độc ở bên trong.....68
- Phú quý vô thường nhanh tu lục độ.....77
- Viên hồng ngọc.....85
- Nhân duyên Đức Phật tắm cho vị tỳ kheo lâm bệnh.....90
- Nhân duyên năm trăm người mù trở lại tìm gặp Đức Phật .....98

- Vị Sa môn chịu bị cướp chặt đứt cánh tay để giữ mạng sống đến gặp Đức Phật và ngộ đạo.....107
- Người đầy tớ trả ơn chủ gặp Phật đắc đạo .....117
- Giảng Kinh không phải là nói nhiều, quan trọng là giúp người nghe hiểu được sanh trí tuệ .....128
- Người đàn gàn người trí như vá múc canh không hưởng hương vị của canh là gì, và người khôn gàn người trí ngược lại như lưới ném được hương vị .....133
- Bò tát Đề Bà tìm gặp Bò Tát Long Thọ, thả kim nhỏ vào bát nước.....141
- Truyện Bò Tát Đề Bà.....148

## Người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử! Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 3, phẩm Quảng Diễn thứ 29, trong Đại Chánh Tạng, quyển 4, trang 598a24-b29.

Ngày xưa, lúc Đức Phật đang ở tại nước Xá Vệ, hoàng dương Chánh pháp, giáo hóa chúng sanh gồm: trời, rồng, quỷ thần, đế vương cho đến người dân trong vùng. Đại chúng thường đến bên Ngài để được nghe thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, đứng đầu đất nước là vua Ba Tư Nặc, cá tính của vua rất kiêu mạn, phóng túng tình dục, không thâm nhiếp sáu căn; mắt luôn bị sắc làm mê hoặc; tai đắm nhiễm những tiếng dua nịnh, mũi chỉ thích ngửi những hương thơm, miệng thích nếm những vị hương như: ngọt, chua, cay, đắng, mặn v.v...

Thân thể lại thích mặc những thứ vừa mượt mà vừa êm dịu. Đặc biệt là đồ ăn thức uống, đòi hỏi phải là những thứ cao lương mỹ vị, chưa từng biết đủ. Vua ăn ngày càng nhiều, nhưng lúc nào cũng cảm thấy bụng đói. Chính vì thế mà người làm bếp suốt ngày phải tất bật nấu nướng để kịp dâng thức ăn, vì miệng nhà vua suốt ngày không ngừng nghỉ, cứ ăn liên tục, lâu ngày trở thành thói quen.

Cũng không biết từ lúc nào, thân thể của vua Ba Tư Nặc trở nên béo phì, béo đến nỗi mỗi lần lên hoặc xuống xe ngựa, đều cảm thấy vô cùng khó khăn. Không những thế, mà đến cả lúc ngủ hay thức dậy, đều có cảm giác hơi thở không được nhẹ nhàng, có lúc bị đứt quãng cho đến khi tỉnh giấc. Cứ như thế, ngồi hay nằm đều không được yên, rên rỉ thống khổ, nặng nề đến nỗi trong lúc ngủ muốn trở mình cũng khó khăn. Vua cảm nhận mập như vậy vô cùng mệt nhọc, bèn sai người chuẩn bị xe ngựa, cố gắng hết sức đi về phía đức Phật đang cư trú.

Vua Ba Tư Nặc sau khi được gặp đức Phật, người hầu cận liền đỡ nhà vua đứng lên để xá chào, sau đó



đứng qua một bên chấp tay búp sen và bạch cùng Đức Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! tôi đã lâu không đến thăm, vẫn an sức khỏe Ngài, cũng đã lâu lắm không đến thỉnh giáo Ngài. Tôi không biết tự mình đã tạo ra những lỗi lầm gì, khiến cho thân thể của tôi nặng nề đến như thế này? Chính tôi cũng không biết lí do tại sao như vậy? Mỗi khi nghĩ đến vấn đề này, trong lòng tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn, chính vì thế trong thời gian qua, tôi không thể đến thăm hỏi và được nghe Ngài chỉ dạy, cúi mong Đức Thế Tôn liễu tri".

Đức Phật liền nói với nhà vua rằng, có năm điều khiến cho thân thể dễ bị béo phì:

Thứ nhất là thường xuyên ăn và ăn quá nhiều.

Thứ hai là chỉ thích ngủ.

Thứ ba là tâm phóng túng.

Thứ tư là không có lo lắng.

Thứ năm là không có bận bịu.

Năm nguyên nhân kể trên sẽ khiến cho con người dễ mập. Nếu nhà vua không muốn thân thể trở nên nặng nề như thế, thức ăn, thức uống cần có liều lượng, đồng thời không nên đòi hỏi quá cầu kỳ, chỉ nên dùng

các món đơn giản có nguồn gốc thực vật, có như thể tự nhiên sẽ ốm trở lại. Và Đức Phật liền vì nhà vua mà nói bài kệ, đại ý như sau:

“Trong lúc dùng cơm, chúng ta nên khởi niệm như vậy: tự mình phải biết điều tiết phần ăn, vì ăn uống quá độ là nguyên nhân sanh ra bệnh tật. Ăn uống có liều lượng, thì bao tử sẽ dễ dàng tiêu hóa thức ăn, nhờ thế mà cơ thể được khỏe mạnh, tuổi thọ được kéo dài”.

Nhà vua nghe xong rất là vui mừng, liền gọi người đầu bếp đến và bảo rằng: “Nhà ngươi nên học thuộc bài kệ này ngay, và mỗi lần trước khi dâng thức ăn lên cho Trẫm, hãy đọc bài kệ của Đức Thế Tôn, rồi mới soạn thức ăn ra”. Sau đó, nhà vua hướng về phía Đức Phật cáo từ, rồi trở lại hoàng cung. Người đầu bếp cũng y theo lệnh của vua mà thực hành, mỗi lần dâng thức ăn lên đều đọc bài kệ cho vua nghe.

Nhà vua mỗi lần được nghe kệ, cảm thấy rất vui, mỗi ngày ăn ít lại một muống, yêu cầu thức ăn cũng được giảm dần, thân thể từ từ trở nên nhẹ nhàng, và đã bắt đầu ốm dần đi, trở lại cái phong thái của ngày

xưa.

Nhà vua nhận ra mình đã thay đổi rất nhiều, lấy làm vui thích tột cùng, cảm thấy rất nhớ Đức Thế Tôn và muốn đến gặp Ngài. Bây giờ mỗi khi cần di chuyển, chỉ muốn được tự mình bước đi, nên lần này chỉ một mình vua đi đến chỗ đức Phật đang cư trú và đánh lễ Ngài.

Đức Phật mời nhà vua ngồi xuống bên cạnh và hỏi rằng: “Xe ngựa của vua ở đâu, và những người hầu cận của vua đâu hết, tại sao vua lại đi một mình đến đây?”. Nhà vua trong niềm hân hoan trả lời: “Tôi nhờ thực tập lời dạy của Thế Tôn, bây giờ cảm thấy thân thể nhẹ nhàng đi rất nhiều, đây chính là nhờ công ơn của Ngài. Nhờ đó hôm nay tôi có thể đi bộ đến đây, và cũng rất muốn biết tại sao lại kỳ diệu đến thế”.

Đức Phật nói với nhà vua rằng: “Người ở thế gian tại sao lại khổ? Bởi vì họ không biết vô thường nên chấp trước, chỉ biết để hết lòng vào chăm sóc cái sắc thân giả tạm này, chăm lo cho dục vọng, chưa một lần để ý đến việc vun bồi phước đức. Con người sau khi nhắm mắt xuôi tay, thần thức ly tán, lưu lại nhiều nhất

cũng chỉ là xác thân vùi trong nấm mộ, muốn mang theo gì có được đâu.

Chính vì thế mà người trí, luôn đặc biệt quan tâm đến tâm ý, còn người kém trí chỉ biết nuôi dưỡng xác thân. Người trí luôn vui thích vun bồi phước đức, trí tuệ, không biết mỏi mệt, còn người kém trí chỉ biết trau chuốt khối thịt của bản thân. Nếu chúng ta hiểu được điểm này, cần phải tinh tấn tu tập, thực hành những lời mà đức Phật đã dạy”.

Đức Phật lại nói thêm một bài kệ khác:

“Một người không được nghe Chánh pháp, về sau cũng như một con bò già, chỉ biết nuôi dưỡng cái thân xác cho nặng ký, mà cái đầu lại thiếu trí tuệ.

Sống, chết vô thường, không có cái gì có thể bám víu lâu dài được. Một người không được nghe Chánh pháp, cuộc sống của họ trôi qua thật bạc bẽo, phải chịu thống khổ trong luân hồi. Chúng ta chỉ biết bám víu vào thân thể, tham đắm nơi cái thân này, nên đau khổ không có lối thoát.

Người có trí tuệ, thấu hiểu được sự thống khổ như vậy, nên không bận tâm, chấp trước nơi sắc thân, có

thể đoạn trừ vọng tưởng, tham dục, mong cầu, liền chứng đắc vô sanh nên được giải thoát”.

Nhà vua nghe xong bài kệ, vô cùng hoan hỷ, tâm ý mở ra và thấu hiểu được nên đã phát khởi tâm vô thượng bồ đề. Những người cùng nghe pháp, cũng được lợi ích lớn, thấy rõ pháp nhãn thanh tịnh nên được ngộ đạo.

Câu chuyện này muốn khuyên chúng ta, người có trí tuệ là người biết chăm sóc và nuôi dưỡng tâm thức, người kém trí tuệ thì chỉ biết nuôi dưỡng xác thân. Còn chúng ta đây, đang nuôi dưỡng xác thân phải không? Hay là đang vun bồi trí tuệ? Câu chuyện này xứng đáng cho mọi người học tập và thức tỉnh, tôi chọn ra chia sẻ, để chúng ta cùng cố gắng.

Câu chuyện này cũng được nhắc đến trong kinh Tạp A Hàm, quyển 42, kinh số 1150 nhưng ngắn hơn, còn câu chuyện trong kinh Pháp Cú thì có thêm bài kệ, nội dung phong phú hơn.

Chúng ta hãy cùng nhau tinh tấn!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 09 tháng 06 năm 2012*

## **Hãy lấy cung tên bắn vào bụng của tôi**

Kính thưa quý Thầy, quý Cô cùng quý vị Phật tử. Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện.

Câu chuyện này được trích từ “Kinh Luật di tướng” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 53, trang 108b11-22. Đó chính là câu chuyện thứ hai mươi bốn “Vị hành giả độ người thợ săn”, nói về một người tu làm thế nào để độ được người thợ săn.

Vào thời quá khứ, có một vị thầy ngày đêm tu hành rất tinh tấn, không hề trễ nãi. Tuy tu thì tu nhưng bụng vẫn biết đói, nên một ngày nọ thầy xuống núi đi khát thực, trên đường đi gặp một người thợ săn. Vì bụng quá đói, nên thầy đã đến khát thực chỗ người này. Anh ta vô cùng tức giận, giương cung tên lên định giết, nhưng thầy liền bảo: “Đợi đã, đợi đã, nếu anh muốn bắn tôi, thì đừng bắn những bộ phận khác, hãy bắn ngay vào bụng của tôi”. Và rồi thầy liền vạch

áo chỉ vào cái bụng của mình rồi nói tiếp: “anh hãy bắn vào bụng tôi đây.” Lúc ấy, người thợ săn nói: “Lạ thay, thường thì ai cũng đều sợ chết, sao ông không có một chút hoảng sợ, lại còn vạch áo cho tôi bắn vào bụng, chuyện này rốt cuộc là thế nào?”

Khi ấy thầy mới bảo: “Bởi vì cái bụng của tôi cần ăn, vì việc ăn, khiến tôi không từ mọi nguy hiểm, đều là tại nó làm hại tôi”.

Người thợ săn nghe xong liền nghĩ: “Ôi! Vì cái bụng mà khiến cho người này không từ mọi nguy hiểm, vậy bản thân ta nào khác gì mấy? Ta hằng ngày trèo núi vượt non, đối mặt với sự nguy hiểm của hùm beo, dã thú, suy cho cùng há chẳng phải vì cái bụng sao?”. Sau đó, người thợ săn liền sám hối với thầy. Và thầy đã giảng giải cho anh ta nghe về nỗi thống khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và sự an lạc của niết bàn tịch tịnh. Người thợ săn nghe xong liền tỉnh ngộ, nhận ra nghiệp sát của bản thân đã quá nặng, liền phát bồ đề tâm, xin thọ trì tam quy ngũ giới.

Cũng có một câu chuyện tương tự như vậy, được nhắc đến trong “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ

nại da dượt sự” quyển 3, thuộc “Đại chánh tạng” quyển 24, trang 12b15- c3.

Chuyện kể rằng, có một Thầy tỳ kheo, pháp danh Viên Mãn, ôm bình bát vào thành khát thực, tình cờ gặp một người thợ săn vác cung tên rời khỏi thành, hớn hở chuẩn bị cho một chuyến đi săn. Lúc đó người thợ săn nghĩ: “Thầy tu thì giữ giới sát. Ôi! Ta gặp phải ông ta thật là xui xẻo, há chẳng phải khiến ta hôm nay không có thu hoạch gì sao?”. Thế là anh ta liền giương cung định giết thầy Viên Mãn.

Thầy Viên Mãn thấy vậy liền vạch áo và bảo với anh ta rằng: “Anh hãy bắn vào cái bụng của tôi.” Và đọc tiếp câu thơ: “Phi điều tại không, lộc xứ lâm”. Thầy giải thích: Câu này có nghĩa là: “Chim chóc bay lượn trên trời, đàn nai trú trong rừng sâu”. Chúng nó đều vì muốn no bụng, mà bị rơi vào lưới bẫy của thợ săn. Giữa người với người đôi khi vì cái ăn cũng cầm dao, vác cung tàn sát lẫn nhau đến thương tật chết chóc. Loài ngạ quỷ, chịu sự bức bách của cơn đói khát, nên phải nuốt hòn sắt nóng, khi khát phải uống nước đồng sôi, đến nỗi ruột gan tan rã, chung quy cũng vì



cái bụng. Tôi từ trước đến nay cũng vì cái bụng này, vì nuôi sống thân mạng mà phải lặn hụp mãi trong luân hồi, chịu biết bao khổ não.

Người thợ săn nghe xong chột nghĩ: “Vị xuất gia này không hề tỏ ra sợ hãi, thật là hiếm thấy, lời khai thị rất sâu sắc, hạnh nhẫn nhục đã thành tựu, ta làm sao có thể gây tổn hại thầy được?”. Thế là anh ta liền sám hối với thầy Viên Mãn, và xin được thọ trì tam quy ngũ giới.

Câu chuyện này cho chúng ta sự cảnh tỉnh. Khi bụng đói chúng ta sẽ tìm thức ăn, đúng không nào? Nhưng nếu lúc tư lương của phước đức, trí tuệ cạn kiệt, chúng ta có chịu gấp rút vun bồi giới, định, tuệ hay không? Cổ đức có câu: “Đạo tâm chi trung hữu y thực, y thực chi trung vô đạo tâm”, nghĩa là: “Trong đạo tâm chứa đủ y thực, trong y thực không có đạo tâm”. Một người trong tâm có đạo, người đó sẽ không phải chịu nỗi khổ đói khát, thiếu thốn y phục, lại được chư long thiên hộ pháp và mọi người hộ trì. Ngược lại “Trong y thực lại không có đạo tâm”, nghĩa là nếu tâm chúng ta cứ như vượn chuyền cành, mãi truy cầu ăn

sung mặt sướng, thì sẽ mất dần đạo tâm.

Câu chuyện trên có giá trị cảnh tỉnh, định hướng cho chúng ta trong cuộc sống.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng hơn!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 11 năm 2011*

## Ít muốn và biết đủ

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý Phật tử. Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ “kinh Đại trang nghiêm luận” quyển 2, kinh số 9, thuộc “Đại chánh tạng” quyển 4, trang 267a4- c25.

Vào thời quá khứ, có một vị tỳ kheo tình cờ đến một khu nhà bị bỏ hoang, phát hiện được một bảo vật, đó là một cái chum đồng lớn chứa đầy trân báu. Vị này liền về dẫn một vị cư sĩ nghèo đến và nói với ông: “Bên kia có một cái chum bằng đồng đựng đầy những trân báu, ông có thể lấy đem về nuôi sống gia đình.

Vị cư sĩ đáp: “Thầy thấy bảo vật ấy vào lúc nào?”.

Vị tỳ kheo đáp: “Tôi vừa mới thấy, nên liền dẫn anh đến” .

Nghe xong, vị cư sĩ chậm rãi nói: “Thật ra vài năm trước đây, tôi đã tình cờ phát hiện bảo vật này, nhưng không dám chạm tới nó, bởi vì nó ẩn chứa nhiều tai họa, nếu chuyện này đến tai nhà vua, có khả năng người lấy phải chịu hình phạt, hoặc bị giam cầm, thậm

chí bị xử tử. Nỗi thống khổ này, thật không thể kể xiết”.

Vị cư sĩ mới đọc bài kệ, đại ý như sau: “Tôi trước đây phát hiện báu vật ấy, nó ở đây đã nhiều năm, hiểm họa mà nó mang đến còn hơn cả nọc độc của mãng xà, nguy hại rất lớn. Thế nên, tôi không dám sinh khởi một mảy may tham luyến nào”.

Bởi vì báu vật ấy có thể gây hại, khiến tôi bị giam cầm cho đến chết, những tai họa này cũng từ lòng tham mà sanh. Nếu tham chấp báu vật, sẽ tự nhận lấy các thống khổ. Thống khổ này làm cho người phải khiếp sợ. Bởi thế, tôi không hề khởi tâm tham cầu, đến gần nó.

Tuy nhiên, nhiều người hay ham thích những bảo vật như vậy, xem chúng như món đồ chơi trân quý, ngày ngày say sưa thưởng thức ngắm nghía, mà không thấy được đó là vật nguy hại, tạo những cảm giác an lạc không có thật. Nó nguy hại như thế, còn tha thiết dùng đến sao?

Như thân thể chúng ta cũng là sự giả hợp từ máu và mủ, dùng để duy trì sinh mạng. Thân này sớm

muộn gì cũng sẽ hư hoại, thì sao phải ham thích những trân báu ấy?

Tham mà không biết chán mỏi, thì cũng như một đồng lửa đang cháy trước mặt, thêm bao nhiêu củi khô vào cũng không đủ, đều bị lửa thiêu trụi, tâm tham không chán mỏi của con người cũng giống y như vậy”.

“Nếu thầy thương tôi, thì nên hướng dẫn pháp thiếu dục tri túc, không hiểu sao thầy lại chỉ tôi đến chỗ đề bảo vật ấy?

Thiếu dục tri túc, có thể mang đến cho con người an lạc. Nếu lòng tham muốn quá sâu nặng sẽ khiến cho các căn không yên, tâm luôn tham cầu không biết chán, và sẽ tăng trưởng vô số khổ não.

Người đa dục thường sanh nhiều niệm dục, tham cầu lợi ích không có chỗ dừng như miệng của cá Ma Kiệt. (Cá Ma Kiệt là một loại cá lớn, nó có thể nuốt rất nhiều thuyền bè trên biển).

Người ít dục vọng sẽ không tham cầu nên không có khổ não, tâm thường thanh thoi”.

Vị cư sĩ không ngừng tán thán pháp thiếu dục tri

túc, khiến vị tỳ kheo cảm thấy thật hy hữu, nên tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay! Đại trọng phu! Ông tuy không xuất gia, không khoác pháp y, nhưng lời ông vừa nói đều tùy thuận sự chỉ dạy của đức Phật. Ông thể hội được pháp thiểu dục tri túc, chính là pháp mà chư Phật đồng khen ngợi.”

Vị tỳ kheo nói tiếp: “Lời ông vừa nói, khiến ta cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Ông là cư sĩ, có vợ con, quyến thuộc, lẽ ra vì lo toan cho cuộc sống mà càng phải tham cầu nhiều tiền tài, thật không ngờ ông có thể y theo lời Đức Phật dạy mà thực hành, tán thán pháp thiểu dục tri túc.

Giả sử có người dùng sắt làm lưỡi để miệt thị pháp thiểu dục tri túc, thì cũng chẳng thể lay động được pháp này. Tôi tuy đã cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y, hiện thân tỳ kheo, nhưng tâm lại quên đi pháp của bậc sa môn, lại còn bảo ông làm việc tham cầu, không xiển dương pháp thiểu dục tri túc mà chư Phật đồng tán thán. Thiểu dục tri túc chính là nguồn gốc của các thiện pháp. Trong kinh, Đức Phật cũng luôn khen ngợi pháp này là nền tảng của người tu.

Vào thời quá khứ, sau khi Đức Phật khát thực xong, nếu có dư vật thực, ngài sẽ chia phần cho các vị đệ tử, có khi thả xuống nước chia sẻ cùng loài côn trùng.

Bấy giờ có hai vị tỳ kheo vì khát thực không đủ dùng, vẻ đói hiện rõ trên nét mặt. Đức Phật thấy vậy liền bảo: “Ta còn vật thực, hai thầy có thể đến lấy mà dùng .” Một vị tỳ kheo trả lời: “Kính bạch Thế Tôn! Ngài thường dạy: Thiểu dục tri túc có công đức lớn, con sao có thể tham dùng thêm vật thực” nên vị ấy đã không đến nhận.

Vị tỳ kheo còn lại thầm nghĩ: “Ôi! Vật thực mà Thế Tôn nhường phần hiếm khi mới có được. Vật thực này được các phạm thiên, trời đế thích, thiên vương v.v... cung kính cúng dường. Nếu mình thọ dụng, thì dung mạo, khí lực, an lạc, biện tài sẽ tăng trưởng, sao lại không thọ dụng chứ?” Nghĩ thế nên vị ấy liền đến nhận.

Lúc ấy, Thế Tôn tán thán vị tỳ kheo thứ nhất: “Thầy đã thực hành đúng pháp thiểu dục tri túc!” Còn vị tỳ kheo thứ hai thì không được Đức Phật tán thán.

Tuy Ngài đã cho phép được thọ dùng, nhưng lại không hề khen vị này. Vậy mới biết pháp thiếu dục tri túc là nền tảng của giới luật được Đức Phật chú trọng”.

Nói xong, vị tỳ kheo đọc một bài kệ, đại ý như sau:

“Muốn đạt được lợi ích của pháp, cần thấu hiểu về thiếu dục và tri túc, pháp này chính là an lạc làm trang nghiêm bậc thánh.

Đời này có thể gác lại mọi lo toan, an lạc không ưu sầu, đây chính là cánh cửa đầu tiên để bước vào cung điện đại Niết bàn.

Để vào được cung điện Niết bàn, chúng ta phải trải qua nhiều thử thách, vượt qua các ma chướng. Thế nên, phải lập hàng rào bảo vệ trên đường để ngăn trừ chúng ma quân, mà pháp ấn vô thượng giúp mọi người vượt qua cảnh giới ma ấy chính là thiếu dục và tri túc. Pháp ấn này được chư Phật giữ gìn và ấn chứng nhiều lần, thế nên vô cùng quan trọng.

“Trì giới như biển cả, thiếu dục như hải triều”. Hải triều tạo nên biển cả, nhờ pháp thiếu dục mới thành



tự được sự trì giới. Và thiếu dục có khả năng bảo hộ kiên cố, không làm rơi mất các công đức. Nếu tham cầu mà cảm thấy mệt mỏi, thì cần dừng lại, chớ nên bôn ba tìm kiếm nữa (Giống như chiếc xe chạy đường dài cần dừng lại nghỉ ngơi, nơi dừng chân chính là bên thiếu dục tri túc. Khi quá mệt mỏi trong tham cầu thì nên buông xuống, hãy ngừng tâm tham, an trú trong bên thiếu dục tri túc).

Thân cận với người thiếu dục tri túc, ví như gần người vắt sữa; từ sữa tươi nguyên chất này mới có thể tạo ra các loại bơ sữa. Cũng như vậy, thiếu dục tri túc có thể sinh ra muôn vàn công đức.

Chúng ta đưa đôi tay ra bố thí cho người, thì đôi tay ấy thật tôn quý. Với người được nhận, nếu biết thiếu dục tri túc mà nhường lại cho người khác, thì đôi tay ấy càng thêm tôn quý.

Nếu có người nói: “Tôi xin tặng vật này cho bạn.” Câu nói này thật là bảo vật vô giá. Và nếu người được tặng đáp rằng: “Cảm ơn lòng tốt của bạn, nhưng tôi đã đủ dùng”. Thì câu nói này càng thêm vô giá.

Vậy nên chúng ta muốn có được pháp lạc thì nên

thường thân cận với người biết thiếu dục tri túc. Và Đức Phật, đấng Thập Lực Đạo Sư (Đức Phật hội đủ: thập lực, tứ vô sở úy, mười tám Pháp bất cộng) cũng dạy rằng: thiếu dục tri túc là pháp của bậc thánh (đức Phật dạy về “tứ thánh chủng”, đó là: cần biết đủ về y phục, biết đủ về đồ ăn thức uống, tòa ngồi, và ngài còn dạy: tình nguyện đoạn trừ, hoan hỷ tu tập. Vậy nên thiếu dục tri túc chính là Pháp của bậc thánh).

Thiếu dục tri túc không lo cất chứa tài vật, chú trọng việc tăng trưởng tri giới, đa văn, trí tuệ, chính là Pháp thực của bậc Sa môn. Vật thực không chỉ vật chất ở bên ngoài hay của thế tục. Chúng ta cần lấy Pháp làm vật thực. Và thiếu dục tri túc chính là Pháp thực của người xuất gia và tại gia.

Tuy chúng tử khát ái vẫn còn, nhưng chúng không lay động được người thiếu dục tri túc. Chưa nói đến việc đời sau được an vui, mà ngay thực tại này, người ít muốn, biết đủ cũng được an trú trong an lạc” .

Câu chuyện trên nhắc chúng ta cần biết thiếu dục, tri túc, nghĩa là “ít muốn, biết đủ”. Trong đó có những ví dụ rất sâu sắc, như: Chúng ta đưa đôi tay ra bớ thí

cho người, thì đôi tay ấy thật tôn quý. Với người được nhận, nếu biết thiếu dục tri túc mà nhường lại cho người khác, thì đôi tay ấy càng thêm tôn quý. Nếu có người nói: “Tôi xin tặng vật này cho bạn” . Câu nói này thật là bảo vật vô giá. Và nếu người được tặng đáp rằng: “Cảm ơn lòng tốt của bạn, nhưng tôi đã đủ dùng”, thì câu nói này càng thêm vô giá.

Hy vọng chúng ta cùng nhau sách tấn tu tập.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 21 tháng 04 năm 2012*

## **Bảo hộ sáu căn như rùa đầu thân**

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ trong Đại Chánh Tạng, quyển số 4, trang 584b10-c4.

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, có một vị đạo nhân tu tập dưới một gốc cây cạnh bờ sông, trong suốt 12 năm, nhưng lòng ham muốn vẫn chưa được đoạn trừ, vọng tưởng vẫn còn nhiều, nên tâm chưa được định và ý cũng chưa được an trụ. Tuy mỗi ngày ngồi thiền dưới gốc cây bên bờ sông, nhưng vẫn còn tham đắm, chấp trước; tham muốn của sáu căn vẫn còn sanh khởi, đó là: mắt nhìn hình sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi các hương, miệng nếm mùi vị, thân tiếp xúc ngoại cảnh, tâm vọng tưởng các pháp. Có nghĩa là chưa nhiếp phục được sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Chúng vẫn còn bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Thân tuy ngồi yên ở đó,

nhưng tâm của vị này đã vân du khắp nơi, không biết lưu lạc vào cảnh giới nào; khi tâm không an trú được, dù có trải qua mười hai năm tu tập, cũng không thể nào chứng đạo.

Đức Phật biết vị này nhân duyên sắp chín muồi, nên cần được hóa độ. Ngài liền hiện thân làm vị Sa môn và đi đến đó, ở dưới gốc cây cùng ông tu tập trong một đêm.

Màn đêm buông xuống, trăng dần lên cao, có một chú rùa từ bờ sông bò đến phía gốc cây. Ngay lúc đó, có một con rái cá rất đói, đang trên đường đi kiếm thức ăn, gặp được rùa liền nghĩ chặn rùa lại, làm một miếng là no nê. Rùa liền nhanh nhẹn rút đầu, đuôi và tứ chi vào trong mai của mình, đương nhiên rái cá không thể ăn được rùa rồi. Không còn cách nào khác, rái cá giả vờ bỏ đi. Bấy giờ rùa bèn nhô đầu, đuôi và bốn chân, từ từ di chuyển. Thấy vậy rái cá lập tức chạy đến chụp lấy rùa, nhưng rùa cũng tức khắc thu thân vào nằm yên trong mai, rái cá không làm gì được nên đành bỏ đi. Nhờ thế mà rùa thoát nạn!

Thấy vậy, vị đạo nhân nói với vị Sa môn rằng:

“Con rùa nhờ có cái mai làm giáp nên bảo toàn tính mạng, do đó rái cá không đe dọa được mạng sống của nó”. Vị sa môn liền trả lời: “Tôi thấy con người ở thế gian có điểm còn không bằng con rùa này. Chúng ta vì không hiểu biết vô thường, nên cứ để sáu căn buông lung, các ma bên ngoài thừa dịp sáu căn sơ hở mà chui vào. Hình hài này sau khi mục nát, thần thức sẽ lìa xa và chịu sanh tử luân hồi trong năm đường ác, không lúc nào ngừng, lãnh lấy muôn vàn sự khổ đau, tất cả đều do tâm ý tạo ra. Vì thế chúng ta tự mình phải biết sách tấn, ra sức tu học để được an nhiên giải thoát”.

Lúc đó vị Sa môn nói một bài kệ, có đại ý như sau:

“Thân thể của chúng ta, tuy có hình hài nhưng phải chịu sự chi phối của vô thường, không thể tồn tại lâu dài, cuối cùng cũng phải trở về với đất, chỉ là một nắm đất vàng. Khi hình hài mục nát, thần thức cũng ra đi, như vậy thì chỉ tạm thời gởi gắm thân này nơi thế gian, có gì để mà tham đắm?”.

“Tâm sở hành xứ”, tức là chỉ cái tâm của chúng ta

không ngừng thay đổi, không ngừng dạo chơi, hiện hữu khắp chốn, đến đến đi đi không có chỗ tận cùng. Trong khi các ý niệm của chúng ta sanh khởi, thường là tà niệm, tạp niệm và vọng niệm. Vì không có chánh niệm nên đã mang lại rất nhiều cay đắng và phiền muộn.

Những thứ này đều bắt nguồn từ tâm ý chúng ta mà sanh ra, không phải do bố mẹ tạo tác. Chúng ta cần phải có phương pháp nhìn nhận thật đúng đắn để tiến tới, cần phải vun bồi phước đức, không nên thay đổi tâm ý của mình và cũng không được thoái lui.

Chú rùa này thân nhiếp đầu, đuôi, và bốn chân; người tu cũng nên như thế. Chúng ta cần phải thân nhiếp sáu căn, “phòng ý như thành”, tức là ngăn chặn những tạp niệm trong tâm thật kỹ lưỡng, cũng giống như giữ thành, không cho kẻ thù tấn công vào. Chúng ta cần phải bảo vệ tâm niệm vững vàng như tường thành vậy, không cho những con ma bên ngoài nhập vào; cần phải có trí tuệ để đối trị với bọn ma này. Nếu có trí tuệ đối đầu với chúng và được thắng, thì sẽ không còn phiền não.

Vị đạo nhân nghe thầy Sa môn nói xong bài kệ, tâm tham và vọng tưởng đều tan biến, liền chứng quả A La Hán. Sau khi biết được vị Sa môn chính là hiện thân của Đức Thế Tôn, vị ấy vô cùng cung kính, chỉnh lại pháp phục và đánh lễ Đức Phật. Bây giờ các hàng trời, rồng và quỷ thần đều rất hoan hỷ.

Có thể đối chiếu câu chuyện này với câu chuyện số 1167 trong Kinh Tạp A Hàm, thuộc Đại Chánh Tạng, quyển số 2, trang 311c9-26, để tham khảo thêm.

Nội dung chủ yếu của câu chuyện là muốn nhắc nhở chúng ta cần phải bảo vệ cẩn thận các căn, đặc biệt là thân nghiệp: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, không được buông lung, nên giữ chánh niệm, tu định và cũng phải tu huệ.

Chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 14 tháng 04 năm 2012*



## **Khởi nhiệm tâm thất thần mất mạng**

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự” trong Đại Chánh Tạng, quyển 24, trang 204b28- 205a8, cũng là nhân duyên của Luật Tạng.

Nhân vì việc Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp tăng đoàn, và có 500 vị tỳ kheo theo ông học đạo, nên thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền Liên vội vàng đến khuyên các vị ấy và nói rằng: “Đề Bà Đạt Đa thật sự không có sự hiểu biết và cái thấy chân chánh, quý thầy nên trở lại cùng tu học với Đức Phật”. Sau đó các vị tỳ kheo này đã trở lại với Đức Phật. Khi ấy Thế Tôn liền bảo: thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền Liên, hai vị này trong quá khứ rất là hiểu ý nhau, vậy nên đời này, một vị là trí tuệ đệ nhất, một vị là thần thông đệ nhất, có thể cộng tác với nhau, phá tan âm mưu của Đề Bà Đạt Đa. Đức Phật còn nói rõ: thầy Xá Lợi Phất và thầy

Mục Kiên Liên trong quá khứ là vợ chồng, nhân duyên của hai vị đó là như vậy.

Trong quá khứ, có một người võ nghệ xuất chúng thường lên núi luyện tập. Ông ấy rất điều luyện các môn kỹ nghệ như: bắn cung, múa kiếm v.v... Về sau, ông có được một người con gái, người con này theo thời gian dần trưởng thành. Ông nghĩ rằng: “Con gái của ta không nên tùy tiện gả cho người khác. Người nào muốn cưới, tệ nhất tài năng cũng phải tương đương với mình, và phải cùng một chí hướng thì mới gả được”.

Sau đó không lâu, có hai người thanh niên lên núi tìm thầy học võ. Một người thì học hết năm môn kỹ nghệ, người còn lại chỉ mới học được một môn, bốn môn kia không thông. Đương nhiên là người con gái sẽ được gả cho chàng trai giỏi hơn.

Chàng trai chỉ biết một môn kỹ nghệ vì không lấy được vợ nên hậm hực bỏ đi. Sau đó anh ta gia nhập băng cướp, luyện tập đao pháp vô cùng điều luyện, và tập hợp đồng bọn mai phục gần một con đường, chờ dịp người sư huynh đi qua sẽ giết ngay.

Sau đó không lâu, chàng thanh niên điêu luyện năm môn kỹ nghệ cưỡi ngựa đưa vợ đến một nơi xa. Họ đến một địa phương, nhìn thấy rất nhiều người đi buôn đang đứng lại phía trước mà không đi tiếp. Anh bèn xuống ngựa hỏi: “Ủa! Các vị tại sao lại dừng ở đây, không đi tiếp đi?”. Một người trong đó đáp rằng: “Đoạn đường phía trước có bọn cướp đang mai phục”. Chàng thanh niên bảo: “Những tên cướp đó có gì phải sợ? Nếu mọi người không đi, thì chúng tôi đi trước đây”. Sau đó anh ta thúc ngựa tiến phía trước, những người lái buôn thấy vậy bèn đi theo sau.

Lúc đó những tên cướp đứng nấp trên cây, từ xa trình sát, vừa nhìn thấy có người đi đến, vội vàng thông báo với tên thủ lĩnh: “Thưa đại ca, có xe đang tiến tới!”.

Trong băng cướp có một tên đến khuyên chàng thanh niên giỏi võ: “Huynh hãy dẫn mọi người đi đường vòng, đừng tiến tới trước nữa, trong chúng tôi có một người võ nghệ rất cao cường”.

Chàng thanh niên giỏi võ đáp:

“Hắn võ nghệ cao cường, tôi đây cũng không

kém”.

Sau đó tên thủ lĩnh băng cướp sai năm đàn em xông ra nghênh chiến với chàng trai. Chẳng mấy chốc, cả năm tên đều bị san bằng, không ai còn sống sót. Thấy vậy tên cầm đầu cho thêm hơn hai mươi bọn đàn em nữa sáp đến, nhưng cũng trong chớp mắt đều bị giết sạch.

Và rồi toàn bộ băng cướp đều xông ra, kết quả đều bị mất mạng, chỉ còn duy nhất tên cầm đầu, chính là sư đệ của chàng thanh niên giỏi võ, Huỳnh đệ nhận ra nhau, hai người chính thức giao chiến.

Người anh bắn cung liên tiếp (có tất cả 500 mũi tên), 499 mũi tên liên tiếp bắn ra, nhưng đều bị chặn, vì đao pháp của người em quá điêu luyện, chỉ còn sót lại mũi tên cuối cùng.

Vợ của người anh thấy vậy bèn hỏi thúc chồng: “Phu quân! Phu quân! chàng để lại mũi tên cuối cùng làm gì vậy? bắn nhanh lên! bắn đi! nhanh lên!”.

Người chồng đáp: “Không được! Không được! Đao pháp của đối phương rất tuyệt, sức phòng vệ cực kỳ giỏi, phải đợi vào thời điểm tốt nhất, lúc anh ta mất

cảnh giác thì bắn một phát mới có thể lấy mạng được!”.

Người vợ nghe xong hiểu ý ngay, liền xuống xe tung tăng nhảy múa. và chỉ trong một sát na động tâm, tên thủ lĩnh bị người anh giương cung kết liễu.

Người em lúc sắp mạng chung đọc bài kệ:

Không ai giỏi hơn ai

Sao giết chết được ta

Vì tâm ta bị nhiễm

Thiếu cảnh giác mất mạng.

Tài bắn cung của huynh chẳng phải đã giỏi nhất, đao pháp của tôi cũng không tồi. Tôi mất mạng không phải vì tài bắn cung của huynh xuất chúng, mà chỉ vì tôi khởi nhiễm tâm nhìn người nữ, nên trong chớp mắt bị mất mạng”.

Bấy giờ Đức Phật nói với các vị tỳ kheo: Các thầy có biết chàng trai có tài bắn cung là ai không? Đó chính là thầy Xá Lợi Phất, còn vợ anh ta chính là thầy Mục Kiền Liên. Hai vị này trong quá khứ là vợ chồng. Còn người thủ lĩnh băng cướp, chính là Đề Bà Đạt Đa. Trong tiền kiếp, thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền

Liên là đôi vợ chồng rất hiểu ý nhau nên mới có thể phá tan được sự hành hung, làm loạn của Đề Bà Đạt Đa. Hiện tại Đề Bà Đạt Đa lại muốn phá sự hòa hợp của tăng đoàn, hai thầy cũng ra tay để giải trừ”.

Câu chuyện này có ý nghĩa thật sâu sắc, hai người có được sự hợp ý, không chỉ là nhân duyên trong một đời, có thể sự hiểu nhau ấy đã được gieo trồng trong nhiều kiếp quá khứ. Chuyện còn nhắc nhở chúng ta: Chạy xe trên đường, nếu thiếu sự tập trung, thì đôi lúc trong khoảnh khắc, cũng có thể bị mất mạng. Việc tu hành cũng như thế, nếu chúng ta thiếu tỉnh giác, không cẩn thận phòng hộ các căn, thì đôi lúc trong chớp mắt ảnh hưởng không tốt đến huệ mạng của mình.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 24 tháng 12 năm 2012*

## Điều phục tâm mã

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện ngắn. Câu chuyện này được trích từ Chúng Kinh Tuyên Táp Thí Dụ, quyển 1, kinh số 4, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 532a18-b23

Câu chuyện đề cập đến việc trì giới. Người hành trì giới luật thì sở nguyện luôn được viên thành, còn người phạm giới, sẽ tổn giảm đạo hạnh. Ở đây có thể đưa ra một ví dụ để minh họa.

Có một người nọ, thường hướng về cúng dường trời. Vì người này rất nghèo khó, và cúng dường trong suốt 12 năm, nên mong được giàu sang. Trời thương xót ông cơ cực, mà biết thành tâm cúng dường nên hiện thân hỏi: Ông có ước nguyện gì không? Ông trả lời: “Tôi muốn được giàu sang. Mong sao những ước nguyện của tôi được như ý, điều nào cũng được toại nguyện”.

Trời liền cho ông ta một chiếc bình, có tên là bình

công đức. Trời nói: “Ông muốn thứ gì, những thứ đó sẽ từ trong bình này hiện ra”. Ông nghe xong lấy làm vui sướng, liền mong cầu có ngựa, xe, bảy loại trân bảo<sup>1</sup>, và mọi thứ đều được như ý.

Có nhiều người lấy làm lạ, bèn tìm đến hỏi: Ông trước đây nghèo cùng, tại sao bây giờ lại trở nên giàu có như vậy? Nhờ vào đâu mà ông được như hôm nay? Ông trả lời: “Là nhờ tôi từng cúng dường trời, nên trời cho tôi một chiếc bình, gọi là bình công đức. Bình công đức này, tùy theo ý mình muốn, sẽ hiện ra vô số trân bảo”. Mọi người lại hỏi: “Chiếc bình công đức đó hình dạng nó như thế nào, có thể mang ra cho chúng tôi xem không?” Ông ta rất kiêu hãnh, sung sướng, hớn hờ mang chiếc bình ra.

Vì đắc ý vênh váo, không cẩn thận nên làm chiếc bình vỡ nát. Chiếc bình không còn nguyên vẹn, đương nhiên bảo vật cũng không thể xuất hiện nữa, đến cả những vật quý trước đây từ trong bình hiện ra

---

<sup>1</sup> Theo kinh Phật thuyết A Di Đà thì bảy loại trân bảo bao gồm: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.



cũng biến mất luôn.

Đoạn kinh này nhắc chúng ta: “Người trì giới, thì tất cả sự an lạc thù thắng đều được như ý muốn. Nếu phạm giới, kiêu ngạo, phóng dật thì cũng như người làm vỡ chiếc bình kia, thứ gì cũng không còn”. Do đó, người muốn được niềm vui ở cõi trời hay hưởng sự an lạc giải thoát ở niết bàn, cần phải kiên trì gìn giữ, tránh phạm giới, nếu phạm giới, mà không biết sửa đổi thì dễ rơi vào ba đường ác.

Đến đây xin kể thêm một câu chuyện khác. Chuyện này nhắc chúng ta: Nếu muốn được quả báo thiện, cần phải thường xuyên tô bồi thiện tâm. Thiện tâm có được là nhờ vào sự kiên trì tu tập không gián đoạn. Đến lúc lâm chung, có thể tiêu trừ được vô lượng ác nghiệp, đón nhận thiện nghiệp. Nếu không chuyên cần tô bồi thiện tâm, thì đến giờ phút cuối, muốn khởi một niệm lành cũng không dễ, vì quá đột ngột.

Câu chuyện như sau: Ở phương Tây có một vị quốc vương. Từ trước đến nay, nhà vua chưa từng có chiến mã, nhưng vì nước láng giềng thường xuyên

đến quấy nhiễu, nên nhà vua phải sử dụng đến ngân khố, đi khắp nơi tìm ngựa chiến. Và cuối cùng mua được 500 con chiến mã về dự phòng, chống lại kẻ thù bên ngoài, bảo vệ nước nhà.

Năm trăm con ngựa được chăm sóc chu đáo, lúc đó nước láng giềng không dám đến đánh chiếm. Ngựa phải ăn lương thảo mỗi ngày nên nhà vua nghĩ: Những con ngựa này ăn nhiều như vậy, kinh phí không phải là ít, chỉ biết ăn mà không giúp ích gì cho đất nước, như thế rất tốn kém. Vì thế nhà vua liền hạ lệnh cho binh sĩ huấn luyện ngựa đạp thóc. Vua cho rằng có như vậy thì ngựa còn mang lại chút lợi ích.

Nhưng dạy mãi mà ngựa không chịu đạp thóc, nhà vua bèn hạ lệnh che mắt ngựa lại, ngày ngày bắt chúng làm việc. Vì mắt không còn thấy xung quanh nên mỗi ngày ngựa quanh quẩn một chỗ đạp thóc. Lâu ngày thành thói quen, nên khi bước đi, ngựa cứ nghĩ rằng đang đi thẳng về phía trước, nhưng thực tế là đi vòng vòng.

Sau một thời gian, nước láng giềng lại kéo quân đến xâm lăng. Nhà vua rất hốt hoảng, vội vàng hạ

lệnh cho kéo ngựa ra, quân đội hồi hả lo vũ trang, chuẩn bị lên ngựa ra trận. Đến lúc binh sỹ thúc ngựa, tiến về phía kẻ thù thì thúc thế nào chúng cũng không chạy thẳng. Quân địch thấy vậy, biết rằng những con ngựa này không bình thường, không phát huy được năng lực xông trận của chúng, nên chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, liền đánh tan đội quân của nhà vua.

Câu chuyện nhắc đại chúng cần lưu ý là: Nếu chúng ta muốn đạt được thiện báo thì lúc lâm chung tâm không được tán loạn, điềm này rất quan trọng. Tâm chúng ta rất dễ bị lay động, dễ không tập trung, nên mới có câu “tâm viên ý mã”, nghĩa là tâm như vượn chuyền cành, ý như ngựa chạy rong. Do đó chúng ta muốn đạt được quả báo tốt, thì lúc lâm chung, tâm không được nghĩ ngợi lung tung, mới có thể sanh vào chỗ thiện, phải điều phục cái tâm như ngựa chạy của mình biết nghe lời, thì mới có thể “trực tâm thị đạo tràng”, nghĩa là tâm chuyên nhất thì ngay nơi đó là đạo tràng thanh tịnh. Nếu không điều phục được cái tâm mã cho chuyên nhất, thì lúc tử thần đến, tâm này sẽ quanh quẩn không yên, do dự chẳng quyết định,

không thể thuận theo ý muốn của mình. Cũng như đàn ngựa của nhà vua, không thể phá vòng vây của giặc, không thể bảo vệ được đất nước.

Chính vì thế chúng ta là người học Phật, cần phải vun bồi thiện tâm, quan trọng là làm cho tâm thiện luôn luôn được tăng trưởng, không bị gián đoạn, cần phải có đủ chánh niệm và sự hiểu biết chân chánh thì mới có thể giải thoát.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 03 tháng 03 năm 2012*

## **Tất cả các hương thơm không bằng hương của người giữ giới**

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển 2, phẩm Hoa Hương thứ 12, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 585a26-c12.

Sau khi Đức Phật thành đạo không lâu, ngài ở tại nước La Duyệt Kỳ giáo hóa chúng sanh. Sau đó ngài đến nước Xá Vệ để tiếp tục hoằng pháp, quốc vương và các đại thần đều rất vui mừng và mến phục Đức Thế Tôn. Bấy giờ có một vị thương chủ, tên của là ông Ba Lợi, cùng với 500 thương buôn đi ra biển tìm bảo vật. Lúc đó có một vị thần biển xuất hiện, hai tay vạm một vốc nước và hỏi Ba Lợi rằng: “Nước biển nhiều hơn, hay nước trong tay ta nhiều hơn?”.

Ba Lợi trả lời: “Nước trong tay của ngài nhiều hơn”, Vì sao vậy? Bởi vì nước biển tuy rất nhiều,

nhưng không giúp gì cho chúng sanh được, không thể cứu con đói khát của con người. Còn nước trong tay ngài là nước ngọt, tuy không nhiều nhưng có thể giúp con người xoa dịu con đói khát, có thể cứu lấy mạng sống của muôn dân, như thế mới có thể đời đời kiếp kiếp được vô lượng phước đức, không thể tính kể được. Câu trả lời của quốc vương khiến cho thần biển vô cùng bất ngờ và hoan hỷ. Vị thần này khen quốc vương: “Lành Thay! Lành Thay! Thiện tri thức!”, và liền cởi trên thân tám loại anh lạc làm từ thất bảo trao cho Ba Lợi, đồng thời tiễn Ba Lợi đi một đoạn đường, giúp cho ông an toàn trở lại nước Xá Vệ. Ba Lợi nghĩ rằng: “Những bảo vật này không thích hợp cho những người bình dân làm vật trang sức, mình đem về dâng lên vua Ba Tư Nặc, hy vọng nhà vua sẽ hoan hỷ nhận lấy”. Vua Ba Tư Nặc sau khi nhận lấy anh lạc, cảm thấy món quà vô cùng hiếm lạ, liền gọi tất cả phu nhân đến xếp thành hàng, xem thử ai là người kiêu diễm nhất thì sẽ tặng cho người ấy các loại anh lạc này. Lúc đó, có tất cả sáu vạn phu nhân, ai cũng đến và trang điểm thật tỉ mỉ, chỉ có Mạt Lợi phu nhân là

không xuất hiện. Nhà Vua liền hỏi: “Mặt Lợi Phu Nhân đâu, tại sao không đến?”. Người tỳ nữ tâu rằng: “Hôm nay là ngày rằm, chính là ngày phu nhân trì giới bát quan trai, cho nên phu nhân chỉ ăn mặc đơn giản, lại không trang điểm, nên không đến tham dự.” Nhà Vua nghe xong vô cùng tức giận, liền ra lệnh cho người mời Mặt Lợi phu nhân đến, quở trách rằng: “Nhà ngươi hôm nay vì việc trì giới, mà dám chống đối lại lệnh của quốc vương sao?” Nhà vua cho người đến gọi ba lần như vậy. Cuối cùng Mặt Lợi cũng chịu xuất hiện. Bà ăn mặc rất giản dị nhưng khi đứng giữa sáu vạn cung nữ, trở nên rạng rỡ đến lạ thường, ngời sáng như mặt trời ban ngày và ánh trăng trong đêm, vô cùng trang nghiêm, điểm lệ hơn thường ngày trang điểm. Nhà Vua tận mắt chiêm ngưỡng, vô cùng ngạc nhiên kính nể, liền hỏi Mặt Lợi: “Phu Nhân! Nàng đã làm những việc thiện gì mà nhan sắc trở nên rạng ngời như vậy, khác xa với tất cả các phu nhân khác?

Mặt Lợi phu nhân đáp: “Thưa bệ hạ! Thiếp vì vun bồi phước đức còn rất ít, nên phải chịu làm thân người nữ; phiền não, nghiệp chướng nặng nề, tích lũy từ

nhiều ngày tháng, dồn lại cao như núi. Mạng sống của con người vô cùng ngắn ngủi, nếu không biết tận dụng thời gian để tu tập, thì dễ rơi vào ba đường ác, vì thế mà mỗi tháng thiếp đều trì giới bát quan trai để bớt đi những sự ham muốn của thế tục, làm theo lời dạy của Đức Thế Tôn, hy vọng tức nghiệp tiêu trừ, phước đức tăng trưởng.”

Nhà Vua nghe xong vô cùng niềm nở, Ngài liền quyết định trao những món anh lạc cho Mạt Lợi phu nhân.

Mạt Lợi phu nhân trả lời: “Thiếp hôm nay trì giới, không cất giữ trang sức, Bộ Hạ có thể tặng cho người khác.

Quốc Vương bảo: “Trẫm vốn phát tâm tặng các món anh lạc này cho người nào trang nghiêm nhất. Nàng là người tuyệt vời nhất, mà còn trì trai giữ giới, đạo hạnh thanh cao, chính vì thế mà ta quyết định trao tặng cho nàng. Nếu nàng không nhận, những thứ anh lạc này ta phải giải quyết như thế nào cho hợp lý đây?

Mạt Lợi phu nhân thưa: “Đại Vương! Đại Vương! Ngài không cần phải quá lo lắng như thế. Ngài có thể



đến nơi Đức Phật đang cư trú, mang tất cả bảo vật này dâng lên cúng dường, và tiếp nhận lời dạy của Thế Tôn, được như thế, sẽ hưởng được phước đức trong nhiều đời.

Nhà Vua nghe xong liền đồng ý, và cho người chuẩn bị xe ngựa, đến nơi đức Phật cư trú, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống bên cạnh.

Quốc Vương thưa với Đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Vị thần biển trao tặng anh lạc cho Ba Lợi. Ba Lợi lại dâng lên cho Trẫm. Trẫm muốn trao tặng cho phu nhân nào đẹp nhất. Sáu vạn phu nhân ai cũng mong muốn được nhận những anh lạc quý giá này, chỉ có Mạt Lợi, Trẫm tặng cho nàng, nhưng nàng không chịu tiếp nhận, bởi vì nàng giữ gìn trai giới, tâm không còn ham muốn. Nàng hy vọng ta mang những thứ anh lạc này cúng dường lên Đức Phật, ngưỡng mong Thế Tôn từ bi nhận lấy. Thưa Thế Tôn! Trẫm một lòng trì trai giữ giới, có niềm tin chân chánh như vậy, sẽ sanh phước đức chăng?”

Lúc ấy, Đức Phật liền nói một bài kệ có đại ý như sau:

“Dùng các thứ anh lạc, kết thành một vòng hoa thật đẹp, cài trên đầu, bước đi thướt tha, dáng vẻ quyến rũ thật là diễm lệ. Nhưng nếu đời này tích lũy phước đức sâu dày, nhờ hương thơm giới hạnh ấy, trong tương lai sẽ được sanh nơi thù thắng, thì càng tuyệt vời hơn!”

Có nhiều loại hoa thơm, cỏ lạ, chỉ cần đi ngược gió thì không còn ngửi được hương thơm. Nhưng nếu gặp được Phật Pháp, tinh tấn tu học thì đóa hoa chân lý một khi hé mở, hương thơm sẽ lan tỏa khắp nơi, cùng chiều hay ngược gió đều có thể thưởng thức được, loại hương này mới là đặc biệt nhất.

Chiên đàn, trầm hương, hay bột thơm hợp lòng người, hương sen trong lành ngào ngạt, đối thế gian mà nói là sắc hương tuyệt vời, nhưng đâu bằng hương thơm giới hạnh thù thắng. Muôn hoa mong manh phai nhạt, mùi hương chẳng thể nào vương vấn dài lâu, nhưng sắc hương người giữ giới tỏa ngát tận cõi trời. Đây mới là thứ hương thù thắng hi hữu.

Nếu người trì giới, thì thành tựu các giới hạnh trang nghiêm; trong lúc hành trì không phóng dật sẽ

đạt được thiên định, nhờ sự hiểu biết chân chánh mà được giải thoát, tức không còn đi vào con đường của ma nữa.

Đức Phật đọc xong bài kệ, lại nói với vua Ba Tư Nặc rằng: “Phước đức của việc trì trai giữ giới vô cùng vô tận, có thể giúp tiếng tốt được vang xa, người nghe sanh lòng cung kính. Nếu mang công đức bố thí của mười sáu quốc gia ra để so sánh, cũng không thể bằng công đức trì trai giữ giới của Mạt Lợi phu nhân trong một ngày đêm. Công đức bố thí châu báu của mười sáu quốc gia mang ra so sánh với công đức trì giới của phu nhân bệ hạ, chẳng khác gì mang hạt mè ra sánh với núi Tu Di, thì chắc chắn không thể bằng được. Nếu lấy việc trì trai giữ giới làm cội rễ của sự tích lũy công đức, trao dồi trí tuệ, thì có thể đoạn trừ phiền não, chứng đắc Niết Bàn.”

Quốc vương và phu nhân cùng các quan nghe xong đều rất vui mừng, nguyện y giáo phụng hành.

Câu chuyện này có nhiều điểm nhấn nhủ đến chúng ta.

Thứ nhất: Trang nghiêm đạo tâm quan trọng hơn

trang sức bên ngoài.

Thứ hai: Hương thơm của đức hạnh thì vượt trội hơn các hương thơm khác. Nếu chúng ta phạm giới mà không chịu sám hối thì sẽ rất hôi, có thể nói hôi hơn cả hầm phân hổ xí.

Thứ ba: Nước biển tuy lai láng, nhưng không mang lại lợi ích cho chúng sanh; nước ngọt trong tay tuy ít ỏi, nhưng có thể giúp chúng sanh giải được cơn đói khát. Cũng thế, chúng ta đã học qua rất nhiều kiến thức, nhưng đã có thể dùng một phần nhỏ để tịnh hóa thân tâm, giúp chúng ta an lạc chưa? Chúng ta học được rất nhiều, nhưng đã ứng dụng phần nào làm lợi ích cho chúng sanh chưa? Đây là dịp để chúng ta nghiêm túc nhìn lại bản thân.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 02 tháng 06 năm 2012*

## Tay chân mắt tai miệng tranh giành công lao

Kính chào quý thầy, quý sư cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh “Duy Lô Vương Sư Tử Nhũ Thí Dụ” trong “Kinh Luật Di Tướng” thuộc “Đại Chánh Tạng”, quyển 53, trang 92a20-c1.

Câu chuyện được kể như sau:

Lúc Đức Phật còn tại thế, có bốn anh em nhà nọ, cha mẹ không may qua đời. Sau đám tang, bốn anh em tranh giành gia tài, cãi nhau không ngớt. Một hôm, gặp được thầy Xá Lợi Phất, họ rất vui mừng, thỉnh Thầy thuyết pháp cho họ được nghe, để họ hóa giải được mâu thuẫn.

Thầy Xá Lợi Phất nói với họ rằng: Tôi sẽ giới thiệu cho quý vị Thầy của tôi. Thầy của tôi chính là Đức Thế Tôn, bậc tôn quý nhất trong ba cõi, là thầy

của trời và người. Ngài sẽ giúp quý vị tìm thấy được câu trả lời hài hòa nhất. Sau đó, họ cùng thầy Xá Lợi Phất về tịnh xá gặp Đức Phật và thưa cùng đức Thế Tôn rằng: Anh em của chúng con đều rất khờ dại, cúi mong Đức Thế Tôn vì thương xót chúng con mà nói pháp, để chúng con được liễu tri.

Đức Phật bèn kể cho họ nghe một câu chuyện:

“Vào thời quá khứ, có một vị vua tên là Duy Lôu. Bấy giờ nhà vua đang lâm trọng bệnh, có vị lương y cho biết bệnh của nhà vua cần phải có sữa của sư tử để điều chế thuốc, bệnh mới qua được cơn nguy kịch.

Để có thuốc thì rất dễ dàng, nhưng muốn lấy được sữa của sư tử thì không hề đơn giản, có phải vậy không? Chưa vắt được sữa, nếu không may bị nó cắn, thì thật là phiền phức. Nghe vậy quốc vương càng thêm lo lắng. Nhà vua liền cho quân thông báo khắp nơi, tìm người có khả năng, nếu ai lấy được sữa của sư tử, ngài sẽ ban cho đất đai, và gả công chúa làm vợ.

Lúc đó, có một chàng thanh niên nghèo đến nhận lời, anh ta nói có thể lấy được sữa của sư tử, quốc

vuông bảo: Vậy thì anh cứ thử xem!

Sau đó, chàng thanh niên lặn lội vào rừng sâu thăm dò, may mắn tìm được chỗ ở của sư tử mẹ và đứng nơi bóng tối để quan sát. Nhân lúc sư tử mẹ ra ngoài, anh mang thịt dê và rượu đã chuẩn bị từ trước đặt vào trước miệng hang.

Sau khi sư tử trở lại hang, thấy có rất nhiều rượu và thịt đã sắp sẵn, nó rất sung sướng, liền làm một bụng no nê và say mềm, mê man nằm ngay tại chỗ. Chàng thanh niên thừa cơ hội hiếm hoi này nhanh tay vắt sữa sư tử, để mang về dâng lên nhà vua. Lúc ra khỏi rừng, trời cũng đã tối, nên anh dùng chân bên một nhà trọ ven đường ngủ qua đêm. Lúa đó có một vị A La Hán cũng dùng chân nghỉ cùng phòng với anh.

Chàng trai vì cả ngày đi rình tìm sư tử, trải qua nhiều phen nguy hiểm nên rất mệt, ngủ mê man không còn biết động tĩnh gì. Vị A La Hán vì có thần thông nên đã nhìn thấy mắt, tai, mũi, lưỡi và tay chân của anh bạn cùng phòng đang đua nhau kể công.

Chân thì nói: Nhờ công lao của tôi, phải lặn lội

lắm mới đến được nơi đây, mới có thể tìm thấy sư tử, tính ra tôi là người có công nhất.

Tay cũng lên tiếng: Anh bạn chỉ đi đến đây, không có tôi vất, thì có thể lấy được sữa của sư tử sao? Đâu có dễ dàng như vậy!

Mắt lại tiếp lời: Nghe đây! Nếu không có tôi tìm thấy sư tử, tay, chân các anh làm nên việc gì chứ?

Tai nghe như vậy cũng không nhin được: Tất cả đều nhờ vào tôi nghe được tin của nhà vua chiêu mộ người khắp nơi, ai có thể lập công thì nhận thưởng. Nếu không thì làm sao các anh có thể nghĩ đến chuyện đi vất sữa sư tử được, có phải thế không? Do đó công lao này phải là của tôi.

Còn lại lưỡi (đại diện cho miệng), thì bị họ hàng chế giễu: “Anh không có chút công lao nào trong việc này cả”.

Bảy giờ lưỡi mới lên tiếng: “Các anh cũng đừng có vội xem thường tôi chứ, đợi đến lúc gặp nhà vua sẽ biết ngay là sống hay chết, phước hay họa”. Cứ như thế tay, chân, mắt, tai, miệng, tranh nhau không ngớt.

Sáng hôm sau chàng thanh niên mang sữa trở về



dâng lên nhà vua. Nhà vua hỏi: Đây là sữa của sư tử thật sao? Hãy mang đến cho Trẫm xem.

Anh ta vừa mới dâng lên nhà vua, thì lưỡi liền lên tiếng: Đại vương! Đại vương! Đây không phải sữa của sư tử đâu, là sữa của lừa đó.

Nhà vua nghe xong vô cùng giận dữ: “Nhà người nói rõ ràng là đi vắt sữa của sư tử, tại sao bây giờ lại mang sữa lừa về đây. Người đâu, mau đem tên này ra chém ngay”.

Lúc đó, vị A La Hán đã nghỉ cùng với chàng thanh niên, vì có thần thông nên đoán biết tay, chân, mắt, tai, miệng tranh giành công lao như vậy thể nào cũng mang đến họa mất mạng cho anh. Do đó ngài kịp thời đến tâu với nhà vua rằng: Thưa quốc vương! Đây đúng là sữa của sư tử. Đêm hôm qua, tôi với vị này nghỉ cùng phòng trọ, tôi nhìn thấy, mắt, tai, lưỡi, tay và chân của anh ta, chúng giành nhau kể công. Tôi nghĩ lưỡi vì bị chế giễu, âm ức nên chỉ hăm dọa vậy thôi, đâu ngờ nó lại làm thật. Đây là sữa sư tử thật. Quốc vương, ngài yên tâm, dùng sữa này điều chế thuốc, bệnh sẽ hết ngay.

Nhà vua tin lời của vị A La Hán. Quả đúng như vậy, sau khi uống thuốc điều chế từ sữa sư tử, bệnh của vua hết hẳn, và ngài liền thực hiện lời hứa của mình.

Vị A La Hán tâm với nhà vua rằng: mắt, tai, lưỡi, tay, chân trên cùng một cơ thể, có những lúc chúng nó không hòa thuận. Chúng ta cũng vậy, có duyên gặp gỡ và có thiện cảm với một người, nhưng khi nghe có ai đó nói không tốt, thì lại tin vào cái tai của mình, không chịu tin những điều tận mắt nhìn thấy, nên dẫn đến hiểu lầm gây ra tranh chấp, xung đột. Bản thân còn mâu thuẫn như vậy huống gì là người khác.

Bấy giờ chàng thanh niên được ơn cứu mạng của vị A La Hán bèn xin xuất gia làm sa môn, sau chứng quả. Quốc vương cũng hoan hỷ xin thọ trì năm giới, đặc quả Tu Đà Hoàn. Bốn anh em nhà nợ cũng liễu tri lời Đức Phật dạy, hóa giải mâu thuẫn, xin được xuất gia, trì bình khát thực cùng tăng đoàn. Đức Phật im lặng, mỉm cười đưa tay xoa đầu thọ ký, tóc của bốn vị tự nhiên rụng, tăng phục khoát lên thân, hiện tướng sa môn, dứt trừ phiền não, khai ngộ đặc quả A La Hán”.

Bấy giờ ngài A Nan thưa cùng Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Bốn anh em các vị ấy, xưa kia tạo công đức gì mà nay có phước báu gặp Phật, được khai ngộ, chứng quả A La Hán?”

Đức Phật đáp: “Này A Nan! Vào thời quá khứ, lúc Đức Phật Ma-Phụ còn tại thế, Xá Lợi Phất làm đệ tử Ngài. Khi ấy bốn vị này là thương khách, phát tâm cúng dường thầy Xá Lợi Phất một bộ cà sa. Thầy Xá Lợi Phất hoan hỷ nhận và chú nguyện rằng: “Nguyện chư vị đời sau sớm được độ thoát”. Và như sở nguyện, hôm nay bốn vị này có duyên gặp và được thầy Xá Lợi Phất hóa độ”.

Câu chuyện này muốn nhắn nhủ chúng ta cần lưu ý là không nên kể công. Miệng vì tranh giành công lao, mới mang đến họa diệt thân. Trong một đoàn thể cũng vậy, nếu mọi người đều cho rằng mình là người quan trọng nhất, chắc chắn đoàn thể ấy sẽ bị tổn thất rất lớn, điềm này hy vọng đại chúng luôn luôn ghi nhớ.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 12 tháng 11 năm 2011*

## **Khéo giữ gìn thân tâm tránh rơi vào lưới ma**

Kính chào quý Thầy Cô, quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ “Chúng Kinh Tuyển Tập Thí Dụ” quyển 2, kinh số 24, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4, trang 537a19-b7

Ngày xưa, có một người làm nghề đánh bắt chim. Người này hiểu rất rõ đặc tính của chúng. Mỗi lần trước khi bắt, đều ở bên đầm giăng lưới sẵn, đồng thời quăng rất nhiều loại thức ăn mà chúng ưa thích. Trong lúc lũ chim kêu gọi đồng bọn của chúng và bay đến tranh nhau tìm kiếm thức ăn, người bắt chim lập tức bủa lưới, cả đàn chim bay loạn xạ và rơi vào trong đó, không đường thoát ra.

Lúc ấy, có một chú chim thể hình to lớn, khí lực cường tráng, đột nhiên dùng hết sức lực đội tấm lưới khỏi mặt đất cùng cả đàn bay lên không trung. Người bắt chim vội vàng truy đuổi theo bóng của đàn chim.

Có người cười nhạo anh ta rằng: Bầy chim đã bay lên không trung rồi, ông hà tất dùng đôi chân của mình mà đuổi bắt, sao lại ngốc như thế chứ! Nếu phải đuổi theo thì biết đến khi nào, làm sao bắt được chúng chứ?

Người bắt chim đáp: Điều này không giống như ông nghĩ đâu. Bầy chim này đợi đến lúc mặt trời lặn, do vì thói quen đậu không giống nhau, ý kiến đôi bên không hợp, hành động không ăn khớp, nhất định sẽ bị rơi xuống đất. Vì vậy, người bắt chim không quan tâm đến ý kiến của người khác, vẫn hết mình truy đuổi không bỏ cuộc. Không lâu, khi mặt trời dần dần xuống núi, anh ta ngẩng đầu quan sát, quả nhiên không ngoài dự đoán. Bầy chim trong lưới tranh cãi kịch liệt, có con thì muốn bay về hướng đông, có con thì muốn bay về hướng tây, có chú thì muốn bay vào rừng cây, có chú lại thích bay về hồ sâu sơn cốc. Bên này bên kia tranh nhau không ngừng, kết quả cả đàn theo lưới rơi xuống. Người bắt chim thừa thế bắt toàn bộ đàn chim và làm thịt không sót một con nào. Người bắt chim trong câu chuyện này chỉ cho ác ma,

tắm lưới mà người bắt chim bủa ra chỉ cho lưới phiền não. Đàn chim đội lưới bay đi ví cho người tuy muốn đoạn trừ phiền não nhưng chưa thoát ly được lưới ma; tuy muốn thoát ly nhưng còn phóng dật, không tinh tấn. Mặt trời lặn thì dùng ví cho người giải đãi, không chịu nhằn nại tu học. Thói quen đạu không giống nhau của đàn chim tượng trưng cho người khởi lên 62 kiến, không có chí hướng giải thoát, đi ngược lại với hoài bão thoát ly sanh tử (trong 62 kiến, lấy ngã kiến làm căn bản, từ đây dấy khởi lên các loại vọng tưởng chấp trước. Liên quan đến 62 kiến, có thể tham khảo trong Kinh Phạm Động, thuộc bộ Trường A Hàm, hoặc Kinh Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến. Chúng ta nếu muốn cầu xuất li sanh tử thì phải đoạn trừ ngã chấp, một lòng hướng đến đạo giải thoát mới đúng. Nhưng phàm phu thì lại khởi lên ngã kiến và 62 kiến, trong chốc lát muốn sanh thiên, trong chốc lát lại tạo ác nghiệp nơi thân, khẩu, ý. Kiểu rày đây mai kia, không một lòng cầu ra khỏi luân hồi khổ đau, giống như đàn chim ý kiến bất đồng, hành động không ăn khớp với nhau vậy). Bầy chim rơi xuống đất ví như người thọ

ác báo rơi vào địa ngục. Phiền não trần cấu của con người là lưới ma (tức ma phiền não). Có 4 loại ma (ngũ ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma), ở đây nói lưới ma tức chỉ cho ma phiền não. Con người bị phiền não trói buộc không thể giải thoát, giống như bầy chim bị tằm lưới trói buộc vậy. Ở trong hai đường thiện, nhân và thiên, phải cẩn thận giữ gìn các nghiệp về thân và khẩu, (trong kinh chỉ nói thân, khẩu, thực ra chúng ta đều phải giữ gìn cả thân, khẩu và ý, khiến cho ba nghiệp được thanh tịnh), không nên phóng dật, giải đãi, nếu không sẽ dễ bị rơi vào lưới ma.

Ở nơi ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chúng sanh không ngừng trôi dạt, chìm nổi lâu dài trong sanh tử, khổ thật không thể tả xiết. Câu chuyện này nhắc chúng ta, không được khởi lên ngã kiến, do vì ngã kiến mà khởi lên 62 kiến, vậy nên phải tìm cách hóa giải chúng. Chúng ta phải một lòng hướng đến mục tiêu giải thoát (phải hóa giải bằng được lưới phiền não mới có thể đạt đến bến bờ giải thoát an vui). Còn nếu dựa vào ngã chấp mà không một dạ chí thành hướng đến giải thoát thì sẽ sanh giải đãi, mà giải đãi

thì rất có nguy cơ rơi vào ba đường ác. Cho nên câu chuyện nói với chúng ta rằng, phải khéo giữ gìn thân tâm, tránh rơi vào lưới ma.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 19 tháng 06 năm 2012*



## Tại sao không tiêu diệt những con rắn độc ở bên trong

Kính chào quý thầy, quý cô và toàn thể quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Đại Trí Độ Luận quyển 12 trong Đại Chánh Tạng quyển 25, trang 145b9-26. Trong đó, luận nhắc đến kinh “Phật Thuyết Độc Xà Thí Dụ”. Bộ Kinh này vốn dĩ được trích từ Kinh “Tạp A Hàm” quyển 43 (kinh số 1172) trong Đại Chánh Tạng, quyển 2, trang 313 b4-314a1.

Trong Kinh, Phật kể về một người bị phạm tội. Nhà vua muốn phạt anh ta, liền ra lệnh cho người này giữ một cái thùng nhỏ. Đây không phải là một cái thùng bình thường! Bên trong có nuôi bốn con rắn độc, nhà vua ra lệnh cho anh ta cần phải chăm sóc những con rắn độc này thật chu đáo, và còn đút thức ăn cho chúng, phải vuốt ve, tắm rửa chúng, có lúc phải dẫn

cho chúng ra ngoài để thay đổi không khí, sau đó dẫn chúng vào lại trong thùng. Nhà vua nói rằng: Nếu mà anh làm cho chúng nó sanh lòng không vui, bốn con rắn này sẽ cắn anh, nếu không bị chết thì cũng phải bị thương.

Anh này kỳ thật rất có trí tuệ. Anh ta nghĩ: đổi diện với một con rắn đã khó khăn rồi, huống chi phải tiếp xúc với bốn con đều là rắn độc! Nếu đến gần, chắc chắn sẽ thiệt mạng. Do đó, anh ta liền mang cái thùng này đi thủ tiêu và tìm đường trốn thoát.

Nhà vua biết tin liền sai năm người vác dao đuổi theo. Anh ta có tính cảnh giác rất cao, biết được năm tên lúc nãy mang dao sắp rượt đến nơi nên khéo ẩn nấp, nhờ thế tạm thời thoát nạn. Nhà vua lại cho một người khẩu Phật, tâm xà, miệng thì nói với tội nhân rằng, chúng tôi muốn tốt cho anh, nhưng trong tâm lại rất nham hiểm. Người này khuyên anh ta: Nếu anh ngoan ngoãn chịu khó làm theo lệnh nhà vua, nuôi mấy con rắn độc này thì có gì mà khó khăn. Anh ta thầm nghĩ: “Ông này thật thích nói đùa, vậy thì ông tới đó mà chăm sóc!” “Anh ta lại suy nghĩ: “Những

con rắn độc này không dễ gì làm bạn với chúng được”, cho nên anh ta lại trốn đi.

Sau khi trốn đi, lại có sáu tên cướp âm mưu đuổi theo giết anh ta. Anh ta chạy đến một thôn hoang vắng để nấu thân; Cảnh vật nơi này lạnh ngắt, vô cùng xơ xác điêu tàn, mọi vật đều có vẻ hư hoại. Có một người đến và nói với anh ta: Trong thôn u ám này cũng thường có bọn cướp hay lui tới, nếu bọn chúng xuất hiện, họ sẽ lấy mạng của anh. Anh này vừa nghe xong thì vô cùng hoảng sợ. Vì đã có bốn con rắn độc, năm người cầm dao rượt bắt, lại thêm gặp người có cái tâm nham hiểm, bây giờ trong thôn lại thường có bọn cướp. Tất cả đều đang muốn đuổi theo giết, cho nên anh ta lại càng cố sức chạy trốn. Đang lúc vội vàng chạy, anh ta thấy một dòng sông, nước đang chảy rất xiết, bèn nghĩ rằng: Bờ bên này có rất nhiều nguy hiểm đang rình rập; nhìn thấy bên kia bờ sông đẹp đẽ, trong lành, thật không gì có thể so sánh, nhưng không có cầu bắt ngang thì làm sao mà qua sông được. Anh ta lại tính tiếp: “Biết làm sao đây?”. Thế là anh ta bèn nhanh tay chặt một ít cây, bện thành

chiếc bè gỗ rồi nằm phục lên trên, dùng tay và chân khua nước đưa bè qua sông, qua đến bờ bên kia được thoát nạn.

Đức Phật dạy rằng: Cái thùng nhỏ là thí dụ cho cái gì? Chính là thí dụ cho cái thân của con người. Thân thể của chúng ta là do tứ đại: đất, nước, gió và lửa tạo thành sắc thân giả hợp. Với tấm thân này, mỗi ngày chúng ta đều cho nó ăn uống, tắm rửa, chải sóc, vuốt ve. Chúng ta đã cho nó hưởng thụ quá nhiều thứ. Nhưng dứt thức ăn hoặc chải sóc nó, cũng chính là chúng ta đang tận tụy chải sóc cho bốn con rắn độc! Những con rắn độc này được ví cho tứ đại. Nếu tứ đại không hòa hợp, thân thể sẽ sanh bệnh hoặc tử vong.

Năm người vác dao rượt bắt, được ví cho ngũ uẩn, mà chúng sanh thì chấp trước ngũ uẩn.

Những tên cướp bên trong, được ví như sáu món mà chúng sanh ham thích.

Thôn vắng được thí dụ cho sáu căn. Thôn vắng này là dựa theo kinh mà nói. Bởi vì nó quá cũ, chỉ cần đụng đến là nó sẽ hư hoại. Chính vì thế mà sáu căn cũng là pháp vô thường giả tạm.

Trong thôn vắng cũng có những tên cướp ẩn hiện, đây chính là dụ cho sáu trần ở bên ngoài. Sáu trần tức chỉ cho: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Dòng sông mà anh ta nhìn thấy được thí dụ cho tam ái, gồm: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Đây chính là sông phiền não.

Bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, ví như chúng ta đang ở trong thế gian chịu sự luân hồi; bờ bên kia thật tươi mát, ví như vô dư Niết bàn.

Làm chiếc bè, nương vào chiếc bè mà qua được sông được ví như thực tập bát chánh đạo.

Dùng tay và chân khua nước đưa bè qua sông, được ví cho sự tinh tấn dũng mãnh đến bờ bên kia.

Qua bờ bên kia là đến với cứu cánh Niết bàn.

Câu chuyện này cũng được nhắc đến trong kinh Tạp A Hàm số 1172 và trong Đại Trí Độ Luận quyển số 12.

Trong Đại Trí Độ Luận, ví dụ này được giải thích thêm rằng: vị vua chính là ma vương, ma vương sai tội nhân đến chăm sóc rắn. Cái thùng nhỏ được ví cho con người, con người khẩu Phật tâm xà là chỉ cho

nhằm trước.

Câu chuyện trong kinh Tạp A Hàm (kinh số 4, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 503a6-a18) cũng có nét tương đồng với câu chuyện này. Chuyện kể rằng, trong quá khứ có một vị thầy ở trong núi tu hành. Trong núi đó có rất nhiều loại rắn độc, mà vị này sợ nhất là rắn! Cho nên thầy ở dưới gốc cây dựng chỗ ngồi thiền rất cao, mong được an toàn, không bị rắn đến quấy nhiễu. Nhưng trong lúc đang ngồi tĩnh tâm, điều làm thầy khổ tâm nhất là rất dễ bị hôn trầm và ngủ gục, hễ ngồi xuống là gục không thể kiềm chế được, không hay biết cơn buồn ngủ đến từ lúc nào.

Lúc đó, có một vị trời thương xót thầy, vì muốn giúp cho thầy tinh tấn tu tập, liền cười rất lớn để đánh thức Thầy. Thầy nghe tiếng ồn liền giật mình tỉnh dậy, nhưng trong thoáng chốc lại ngáy như cũ. Vị trời không còn cách nào hơn nữa, nên đợi lúc trời tối, hét thật lớn: "Đạo nhân! Đạo nhân! Rắn độc đến rồi! Rắn độc đã đến rồi! Thầy rất sợ rắn độc, nên lập tức vùng dậy đốt đuốc lên, tìm xem rắn độc đang ở đâu, để tìm cách đuổi chúng đi.

Tim hoài không thấy đâu, thầy tiếp tục ngồi thiền, sau đó lại không ngừng ngủ gục!

Vị trời này lại hô lớn: “Rắn độc đến rồi! Rắn độc đến!”.

Ba lần bảy lượt như vậy, không chịu được sự quấy nhiễu nên Thầy bực bội lớn tiếng: Vị trời kia! Ông tại sao lại nói dối vậy? Làm gì có rắn độc, tại sao ông cứ làm cho người khác giật mình sợ hãi thế hả?

Vị trời liền đáp: Sao không quán sát những con rắn độc ở bên trong mà chỉ biết sợ hãi những con rắn độc ở bên ngoài? Trên thân có bốn con rắn độc, thầy không diệt trừ, mà cứ muốn đi diệt trừ những con rắn độc bên ngoài. (Câu chuyện này nhắc đến bốn con rắn độc, còn câu chuyện trong Kinh Tạp A Hàm (kinh số 1172) nói về tứ đại. Chúng ta thì chấp trước vào bốn đại này.)

Nghe vị trời nói xong, thầy suy nghĩ: Mình nếu quán sát thật sâu sắc, thì cái thân này cũng chỉ là sự giả hợp của tứ đại, nhưng mình lại vô cùng yêu quý nó, không ngừng giúp nó trau chuốt, ăn những món ngon, mặc những thứ đẹp để lại còn chăm sóc nó.

Minh cứ mãi làm nô lệ cho nó, cuối cùng cũng chính nó dẫn mình đi vào trong ba đường ác để chịu khổ. Nó không những không biết báo ơn mà còn là thứ vô ơn bạc nghĩa đệ nhất. Minh cứ chăm sóc cái thân này, cũng như đút thức ăn để nuôi dưỡng những con rắn độc, để rồi bị chúng nó quay đầu lại cắn, cũng như bị ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), lục suy (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm lu mờ, làm tổn thương (ngũ uẩn tức chỉ cho năm tên giặc vác dao). Con người muốn cầu sắc, thọ, tưởng, hành, thức muốn được hưởng lạc thọ, nhưng ngày ngày lại tiếp xúc toàn là khổ đau.

Lục suy bao gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chúng sanh muốn được an lạc, nhưng lại bị lục trần làm thiện căn bị tổn thương, nên chúng còn có tên gọi là lục suy. Vì không hiểu biết tâm thân này là sự vay mượn của tứ đại, bị bốn con rắn độc cắn, lại bị dao của bọn cướp chém, khiến cho thiện tâm bị tổn thương trầm trọng, nên chúng sanh đã bị trôi lăn trong luân hồi từ vô thủy cho đến hôm nay, không thể giải thoát được.



Thầy này lại suy nghĩ: Lời dạy của vị trời rất có lý. Mình không nên chỉ biết sợ những con rắn độc ở bên ngoài, chính những con rắn ở bên trong mới đáng ghê sợ. Vậy nên thầy đã hiểu rõ được pháp tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo, thể ngộ được: Vô thường, không, vô ngã. Trước lúc trời sáng, thầy đã đoạn được phiền não, chứng đắc sáu loại thần thông và được giải thoát.

Câu chuyện này muốn dạy cho chúng ta: Cái độc bên ngoài, chỉ hại đến cái sắc thân giả tạm, chính cái độc tiềm ẩn ở bên trong mới có đủ khả năng làm tổn hại đến huệ mạng của chúng ta; thứ độc bên trong mới là độc hại nhất, chúng ta cần phải tiêu diệt gấp.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 10 tháng 03 năm 2012*

## Phú quý vô thường nhanh tu lục độ

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ ~~Type equation here~~ Đại Trang Nghiêm Luận Kinh, quyển 3, kinh số 14, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 272a18-c16.

Ngày xưa, có một vị quốc vương, cùng với vị quan đại thần đi bộ trên đường, nhìn thấy năm trăm người ăn xin. Những người này vừa nhìn thấy nhà vua liền đồng thanh lớn tiếng nói: Xin hãy bố thí cho tôi! Xin hãy bố thí cho tôi! Nhà vua sau khi nghe xong, liền lãnh ngộ được, trong tâm suy nghĩ: “Những người ăn xin này, đến để nhắc nhở ta, trong quá khứ ta còn nghèo khổ bần cùng hơn những người này, nếu hôm nay không biết bố thí, sau này có thể sẽ như họ không khác”.

Nhà vua kể rằng: Những người này trong quá khứ, cũng đã từng rất giàu có. Họ có rất nhiều của báu,

nhưng miệng lúc nào cũng nói: Tôi không có cái gì để có thể bố thí. Chính vì cái nhân như thế, cho nên cái quả hôm nay phải làm thân phận của một người ăn xin, phải chịu thiếu thốn, khổ sở. Hôm nay ta được làm quốc vương, nếu ta cũng nói: Ta không có thứ gì có thể bố thí, thì tương lai nhất định cũng sẽ như họ, sẽ gánh chịu quả báo nghèo cùng.

Lúc đó có một vị đại thần, tên của ông ta là Thiên Pháp. Ông rất cung kính quốc vương, liền xuống ngựa chấp hai bàn tay lại, hướng về phía nhà vua thưa rằng: Những người ăn xin đó, ai ai cũng nói: Xin bố thí cho tôi! Xin bố thí cho tôi!

Quốc vương trả lời vị đại thần rằng: Ta nghe những lời như vậy, nhưng sự suy nghĩ của ta và của ông có chỗ không giống nhau. Theo ý ông thì những người ăn xin kia thiếu tiền và các vật dụng; nhưng theo ta hiểu thì không hoàn toàn như vậy.

Nhà vua bảo rằng: Những người xin ăn này có ý đến để thức tỉnh ta, giúp ta thấy được sự nghèo cùng của họ.

Những người ăn xin kia muốn nhắc nhở ta, chính

họ đã phải nhận lấy cái quả bần cùng như thế, đều là do quá khứ đã từng tham lam keo kiệt, không gieo cái nhân bố thí, phóng túng và lường gạt, cho nên hôm nay phải chịu cái thân phận khốn đốn như thế. Sự thiếu sáng suốt của những người ăn xin này, thể hiện qua những ý dưới đây:

Họ nói rằng: Trong quá khứ chính họ đã từng làm vua, được làm vua như mặt trăng giữa các ngôi sao. Các ngôi sao bao bọc lấy mặt trăng, có các lọng báu che trên đầu, hai bên cũng có đông đảo tỳ nữ xinh đẹp hầu hạ, và các quan lính tài giỏi theo hộ vệ; mọi người nghe đến đều đứng sang một bên, nhường lối đi, làm một vị quốc vương thật là oai phong như thế.

Tuy có được rất nhiều điều tốt đẹp, kỳ diệu, nhưng vì quá khứ tham lam keo kiệt, không biết gieo nhân bố thí, cho nên hôm nay đành phải nhận lấy quả bần khổ.

Họ đang nhắc nhở ta rằng: Những thứ hạnh phúc đó sẽ làm mê muội cái tâm của ngài, nếu ngài không thể nhận ra, thì khổ cũng từ đó mà hiện hữu. Cho nên, thưa quốc vương! Ngài cần phải hiểu rõ, chúng tôi bây giờ khổ như thế này, đều do trong quá khứ từng

bỏn xén, ngài đừng để như chúng tôi, cần phải phát tâm bồ thí, đừng bao giờ bị sa đọa như chúng tôi.

Vị Đại thần nghe xong, cảm thấy vô cùng vui mừng, chấp hai tay và thưa với quốc vương rằng: Thưa bệ hạ! Như lời đức Phật dạy, nhìn thấy người khác đang chịu khổ, không nên xa lánh họ hoặc sanh tâm ghét họ, nên tự mình phản tỉnh. Quốc vương hôm nay đang dần thấm thía lời dạy của đức Phật, nhìn thấy những người ăn xin kia, mà có thể tỉnh ngộ. Lành thay! Đại vương! Suy nghĩ của ngài thật tường tận, có thể thấu suốt những việc như thế, còn có thể hiểu và phân biệt rõ ràng lời dạy của đức Phật. Nhà vua có thể hiểu được thật tường, có khả năng dẫn dắt cả một quốc gia, xứng đáng là người đứng đầu đất nước! Thật không sai chút nào. Tại sao vậy? Bởi vì để có thể hiểu đúng ý nghĩa thâm sâu pháp của Đức Phật, đòi hỏi phải có trí tuệ, có cái nhìn đúng đắn thì mới có thể thông đạt được, chính vì thế mà nói rằng quốc vương là người làm chủ trong thiên hạ, thật không hổ thẹn chút nào.

Vị đại thần khi ấy nói bài kệ như sau:

Địa chủ (nghĩa là miêu tả đức tính nhân từ của nhà vua, vì thương dân, nên cũng có thể gọi là người làm chủ đất nước), phải nên như thế, trong tâm không một niệm bỏ quên dân chúng. Cái tâm như thế là cao đến vô thượng; Được cái tâm như vậy thật không dễ chút nào, muốn tư lợi cho bản thân cũng khó mà làm được.

Thân người khó được, lòng tin lại rất khó sanh khởi, tài bảo là giả tạm, lại khó thỏa mãn, mà ruộng phước thì không dễ gì gặp được để gieo trồng.

Cũng như thế, có rất nhiều việc khó mà quy về một mối, ví như trong biển mênh mông, con rùa mù muốn chui vào lỗ trống của khúc gỗ nổi, khả năng ấy có thể nói vô cùng hiếm!

Thân người cũng thế, thật khó mà được. Cũng như con rùa, mạng sống của nó kéo dài rất lâu, một trăm năm mới nổi lên một lần; thế mà trong biển rộng vô bờ bến như thế có một khúc gỗ, ở giữa bị thủng một lỗ. Khúc gỗ trôi lênh đênh trên mặt biển; Rùa mù lại một trăm năm nổi lên một lần, lại chui vào đúng ngay cái lỗ, cơ hội này càng vô cùng hiếm thấy.

Thưa Đại Vương! Những chuyện khó tìm thấy

như vậy lại cùng đến trong một lúc, đại vương đã đầy đủ tất cả phương tiện. Do đó, cảm phải nắm lấy nhân duyên này, không nên tùy tiện để tâm ý buông lung.

Thân người như lửa trong đá, như ánh sáng của điện, chỉ hơi buông lung liền không trở lại; Tuy được làm thân người, nhưng rất mong manh không thể giữ gìn được lâu dài.

Đợi đến lúc lâm chung, hai vai trĩu xuống, tay chân không nhắc nổi, tuy vẫn còn đi, đứng, nằm, ngồi, nhưng mỗi động tác không còn tự chủ được.

Hai mắt chậm chậm mở ra, giống như đang lúc sắp tử vong, đau đớn thống khổ, tuy có thân bằng quyến thuộc bên cạnh, nhưng nhìn thấy ngài sắp lìa xa, đều vô cùng thương tiếc, đau lòng rơi lệ.

Nếu họ đưa tay xoa nhẹ thân thể, an ủi, động viên tinh thần và khẽ nói: “Đừng sợ! Không có gì phải lo sợ!”. Tuy được mọi người vỗ về, an ủi như vậy nhưng cũng không mang lại lợi ích gì. Con đường vô thường cứ tiếp tục nối dài, nên càng thấm thía sự đau đớn.

Biết rõ cái cảnh biệt ly đến, đã bước qua gần hết cuộc đời, đang đi theo con đường tử vong dài đằng

đăng, dù có thêm nhiều báu vật hơn nữa, cũng không thể mang theo làm hành trang trên lộ trình sanh tử vô thường.

Khi các mạch máu không còn hoạt động, nét mặt của chúng ta cũng khó giữ được nguyên vẹn, thân chết đến thúc giục, chẳng khác nào đèn hết dầu, ánh sáng của đèn sẽ vụt tắt.

Đợi đến lúc đó, ai còn có thể thực hành bố thí, ai còn có thể trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định; Ai còn có thể tu trí huệ? Nên ngay từ bây giờ cần phải nỗ lực thực hành lục độ, đừng để vô thường đến, có hối hận cũng đã muộn màng.

Trong câu chuyện này, có mấy điểm chính nhắc nhở chúng ta. Khi thấy người đang chịu khổ, không được sanh tâm chê bai ghét bỏ. Tự mình cần cảnh giác: “Nếu mình không có tâm từ bi, hoặc không có một sự chuẩn bị cho tương lai, mà lại còn nói rằng tương lai chưa chắc có quả báo khổ như vậy” – Cần thức tỉnh!

Chúng ta cần phải suy xa nghĩ rộng hơn, tự mình nếu như thường có những cái bệnh kiêu như thế, cần phải sớm trừ bỏ, nên nhanh chóng chuyển hóa chúng,



đừng lãng phí thời gian.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 19 tháng 05 năm 2012*

## Viên hồng ngọc

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử! Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Chúng Kinh Soạn Tập Thí Dụ, quyển 2, kinh số 27, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 537c23-538a15.

Một hôm nọ, thầy A Nan đang ở bên cạnh Đức Phật, Thầy hỏi Đức Phật như vậy: Thế Tôn xuất thân từ giòng họ đế vương, trải qua sáu năm tu khổ hạnh, cuối cùng ở dưới cây Bồ Đề ngộ đạo, thành Phật, xem ra cũng chẳng mấy khó khăn, đắc đạo cũng dễ dàng.

Đức Thế Tôn không trực tiếp trả lời thầy A Nan là khó khăn hay dễ dàng. Ngài bèn kể cho Thầy nghe một câu chuyện. Ngày xưa, có một vị trưởng giả, vị này tiền tài nhiều vô số. Tất cả các loại trân bảo ông đều đầy đủ, chỉ thiếu một món đó chính là hồng ngọc. Ông thường cảm thấy không mãn nguyện, cho nên nghĩ cách đi ra biển tìm loại trân châu này. Vượt qua rất nhiều khó khăn, vất vả, mà vẫn chưa đi đến nơi có loại trai ngậm hồng ngọc, thật không dễ chút nào.

Loại trai này thích ăn máu tươi, vì thế vị trưởng giả phải làm cho thân mình chảy máu, sau đó cho vào trong túi khí như trai, rồi thả xuống biển. Trai ngửi được mùi tanh của máu lập tức tới hút máu trong túi, liền bị ông câu lên. Sau đó ông mổ trai ra, lấy hồng ngọc ở bên trong. Ông làm như vậy trong suốt ba năm, thật không đơn giản mới có thể xâu lại thành một chuỗi ngọc trai.

Ông trở vào bờ, có người bạn thấy vật quý giá như thế, liền khởi lòng tham, dùng mưu kế để được làm chủ bảo vật. Nhân lúc ông trưởng giả đến bên giếng lấy nước, người này nấp gần đó rồi đến đây ông rút xuống giếng, sau đó đây kín miệng giếng lại. Ông ở trong đó rất lâu, thầm nghĩ chắc sẽ bị mất mạng. Bỗng nhiên thấy có một con sư tử, từ phía bên kia hang cạnh giếng đến uống nước, ông càng sợ hãi, nghĩ rằng: nếu ở trong đây không vì đói mà chết, thì sớm muộn cũng phải làm mồi cho sư tử thôi. Nghĩ vậy ông lại càng sợ hơn. Cuối cùng thật may mắn, sư tử giải khát xong là đi. Trưởng giả lần theo đường mòn lên mặt đất. Sau đó ông tìm đến nhà người bạn, nói với anh ta

rằng: Chỉ vì râu chuối trên châu này mà ông lại dùng mưu kế giết chết tôi để cướp. Sự việc này chưa bị lộ ra bên ngoài, nếu ông âm thầm trả lại, tôi sẽ giữ kín chuyện, không tiết lộ cho người khác biết!

Người bạn nghe xong, vừa hồ thẹn vừa sợ hãi, liền trả lại chuối trên châu cho ông trưởng giả. Ông nhận chuối ngọc trở về nhà.

Hai đứa con của ông trưởng giả lấy chuối hồng ngọc ra chơi, đứa này hỏi đứa kia: Có biết chuối ngọc trai này từ đâu mà có không? Đứa lớn trả lời: Chắc là từ trong túi áo của anh mà có được. Đứa nhỏ lại bảo rằng: Không phải! Không phải đâu! Hình như từ trong lu nước mà có.

Người cha thấy vậy mím cười xót xa. Người vợ liền hỏi: Ông đang cười gì thế?

Ông trưởng giả bảo: Những đứa con thơ dại, không biết cha của chúng phải vất vả như thế nào. Tôi phải cắt thịt lấy máu cho trai hút, đi bắt từng con như vậy suốt ba năm, thật không dễ dàng mang về đến nhà, lại còn bị người khác dùng âm mưu để hại, suýt một chút là mất mạng. Các con vốn không biết ngọn ngành

sự việc, hiểu lầm rằng chuỗi hồng ngọc này lấy từ trong lu nước.

Đến đây, Đức Thế Tôn mới bảo với thầy A Nan: Thầy thấy ta trong đời này, chỉ tu khổ hạnh sáu năm là được thành Phật, nhưng Thầy lại không biết trong vô số a tăng kỳ kiếp, ta cũng đã vô cùng vất vả, tu học từng li từng tí, mãi cho đến hôm nay công đức mới viên mãn, mới được thành Phật. Thầy chưa hiểu, nên cho rằng thành Phật đơn giản đến thế! Cũng như những đứa trẻ thơ dại nghĩ rằng chuỗi trân châu được sanh ra từ trong túi áo của chúng! Cho nên cần hiểu rằng phải tu vạn hạnh, phải tích lũy công đức từ nhiều đời mới có thể thành tựu được, không phải từ một việc, một hành động, hay chỉ trong một đời mà đạt được đạo quả!

Câu chuyện này nhằm muốn khuyên chúng ta, không nên chỉ nhìn sự thành công của một người thể hiện ở bên ngoài. Kỳ thực để được như vậy người ấy bỏ ra rất nhiều tâm huyết. Và không phải đơn thuần trong một đời mà thành tựu, có thể nói trong quá khứ đã gieo trồng nhân duyên phước đức và trí tuệ, đã tích

lũy từ nhiều đời. Chúng ta không nên chỉ ngưỡng mộ sự thành công của một người trong hiện tại. Cần phải hiểu rằng người ấy không ngừng vun bón nhân phước đức, trí tuệ, tinh tấn tu tập, đến một ngày nhân duyên tự nhiên được chín muồi, thì mới gặt hái được hoa thơm quả ngọt.

Chúng ta cùng nhau cố gắng.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 07 tháng 04 năm 2012*

## **Nhân duyên Đức Phật tẩm cho vị tỳ kheo lâm bệnh**

Kính thưa quý Thầy Cô, quý vị Phật tử!

Hôm nay, xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Đào Trượng. Câu chuyện này được trích ra từ trang 591b9-c16, quyển 4 của Đại Chánh Tạng.

Vào thời quá khứ, có một quốc gia tên là Hiền Đề. Lúc bấy giờ, có vị tỳ kheo lâm bệnh nặng nằm trên giường rất lâu, sức khoẻ đã suy yếu rất nhiều, đại tiểu tiện đều phải đi trên giường, toàn thân dơ bẩn và hôi hám nên không có ai lui tới chăm sóc.

Một ngày nọ, Thế Tôn cùng năm trăm đệ tử đến thăm vị tỳ kheo này và hỏi:

- Thầy bệnh lâu như vậy nhưng không có ai chăm sóc Thầy hay sao?

Vị tỳ kheo đáp:

- Dạ thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Phật hỏi:

- Lúc trước, khi sức khỏe còn tốt, Thầy có từng viếng thăm, chăm sóc qua bệnh nhân nào không?

Vị tỳ kheo đáp:

- Dạ thưa không , bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

- Vậy thì đúng rồi! Trong quá khứ, Thầy không gieo nhân lành cho nên nay nhận quả như vậy.

Đức Phật từ bi bảo các vị đệ tử thay phiên nhau chăm sóc, nấu cháo mang đến cho vị tỳ kheo. Nhưng các vị đệ tử nhìn thấy vị tỳ kheo nằm bệnh, toàn thân dơ bẩn, hôi hám nên đã khởi tâm xa lánh. Thế Tôn biết tình hình như vậy, liền nhờ trời Đế Thích mang nước nóng đến, Đức Phật đích thân dùng tay kim cang tắm rửa sạch sẽ cho vị tỳ kheo. Lúc bấy giờ, đại địa chấn động, phóng đại quang minh, tất cả mọi người chứng kiến cảnh tượng như vậy đều vô cùng kinh ngạc, không gian như ngừng lại một cách trang nghiêm.

Quốc vương, thần dân, chúng quỷ thần cùng với vô số người lần lượt đến trước Phật, cung kính đánh lễ, hướng về phía Đức Thế Tôn mà thưa rằng:



- Bạch Thế Tôn, người là bậc đạo sư tôn quý của thế gian, là thầy của trời người trong ba cõi, phước đức, trí tuệ đã viên mãn, tại sao lại còn đích thân tắm cho vị tỳ kheo vừa bệnh, vừa gầy, vừa hôi hám này?

Thế Tôn nói với toàn thể đại chúng và đức vua rằng:

- Như Lai ra đời không phải để hưởng thụ, mà là để cứu độ cho những mảnh đời cô độc, khổ nạn không nơi nương tựa. Nếu có ai có thể chăm sóc người xuất gia tu hành, người già neo đơn, thì người đó sẽ hưởng phước đức vô lượng, tâm mong cầu điều gì, đều có thể viên mãn. Giống như sông Hằng được hình thành từ năm dòng sông khác; phước đức của người đó cũng như vậy, do huân tập mà có được, công đức dần dần viên mãn, đến một ngày không xa thành tựu được đạo quả.

Nhà vua bạch cùng Đức Phật :

- Bạch Thế Tôn, vị tỳ kheo này trong đời quá khứ đã tạo tội nghiệp gì, vì sao bị bệnh nằm lâu ngày như vậy mà không cách nào trị khỏi?

Đức Phật đáp:

- Đời quá khứ, có một vị vua tên là Tác Ác Hạnh, cai trị nhân dân rất hà khắc và tàn bạo. Ông ta tìm một quan cai ngục lực lưỡng bạo tàn; khi có tội nhân, liền gọi quan cai ngục này đến hành hình. (thời xưa, người đảm nhận việc xử phạt tội nhân có chức danh là Ngũ Bách 五百. Các bản kinh đời Tống, Nguyên, Minh thì gọi là Ngũ Bách 伍伯. Ngũ Bách 伍伯, đây chỉ là chức danh chứ không phải tên thật của quan cai ngục).

Ngũ Bách thường mạo danh nhà vua để lộng quyền, tự tung tự tác, tùy theo ý muốn mà hành xử, có lúc rất độc đoán, có lúc lại nhân từ rộng lượng. Thường khi gặp tội nhân, lợi dụng thời cơ đòi hối lộ; Nếu có người dứt lốt, ông ta đánh nhẹ hơn một chút, nếu không có, sẽ đánh người ta đến nổi rách da nát thịt. Dân chúng trong nước đều vì Ngũ Bách mà chịu khổ.

Bấy giờ, có một vị hiền nhân đức hạnh, bị người ta vu oan. Lúc sắp bị Ngũ Bách đánh, ông ta liền nói: "Ta là đệ tử của Phật, vốn không phạm tội gì, mà bị người khác vu khống, mong ông tha cho". Lúc đó Ngũ Bách bỗng khởi từ tâm, tuy cũng cầm roi da múa vài

đường, nhưng đều không nhằm đánh trúng vị hiền nhân.

Sau khi Ngũ Bách qua đời, nhân vì tội hồi lộ trong quá khứ, cùng vô số tội ác khác nên bị đọa vào địa ngục, nhận chịu vô số roi da, thống khổ vạn phần. Khi đã trả hết tội báo ở địa ngục, lại chuyển làm súc sanh; Làm súc sanh cũng bị đày đọa đánh đập. Trải qua năm trăm kiếp như vậy, tội báo làm súc sanh trả hết thì tái sanh làm người. Tuy được làm người, nhưng cũng phải chịu nhiều sự đau khổ, bệnh tật liên hồi.

Đức Phật bảo rằng:

- Vị quốc vương lúc bấy giờ là Đề Bà Đạt Đa, còn Ngũ Bách chính là vị Tỳ kheo lâm bệnh, còn vị hiền giả chính là ta.

Ta vào đời quá khứ bị quan cai ngục Ngũ Bách đánh roi da, ông ấy vì ta mà nương tay; Do tiền kiếp đã kết chút thiện duyên, cho nên đời này ta đích thân tắm cho vị tỳ kheo này.

Tất cả những hành vi thiện ác của con người, đều chiêu cảm theo phước đức, tội báo như bóng theo hình; bất luận họ đi đến đâu, bóng liền theo đến đó. Họ

phúc theo thân, khi chuyển kiếp rồi, cũng khó tránh khỏi những quả báo đã tạo.

Nói đến đây Thế Tôn liền nói bài kệ có nội dung như sau:

- Nếu chúng ta cố ý đánh đập, hủy báng, gán tội cho người lương thiện thì quả báo phải chịu gấp nhiều lần. Mười tội báo này trở lại rất nhanh, khó mà tránh khỏi.

Thế nào là mười?

Thứ nhất, lúc còn sống phải chịu vô số thống khổ.

Thứ hai, thân thể hình hài không được khỏe mạnh, chịu nhiều khuyết tật.

Thứ ba, do nhân quả nghiệp báo mà phát sanh khổ não, bệnh tật.

Thứ tư, không đạt chí nguyện, tâm thần bất ổn.

Thứ năm, thường bị người khác vu oan hãm hại.

Thứ sáu, thường bị gọi đến quan phủ chịu các hình phạt.

Thứ bảy, tài sản không có cách nào giữ được lâu, thường không có cánh mà bay.

Thứ tám, bạn bè rời xa, người ngoài thì phản,

người thân thì xa lìa.

Thứ chín, nhà cửa có được thường bị hỏa hoạn thiêu hủy.

Thứ mười, sau khi chết bị đọa vào địa ngục.

Bảy giờ, thầy tỳ kheo lâm bệnh nghe Đức Phật nói như vậy về tội nghiệp trong đời quá khứ, hiểu được nhân duyên giữa mình và Thế Tôn, liền khắc cốt ghi tâm, khẩn thiết phản tỉnh. Ngay lúc đó, tất cả các bệnh khổ, đau đớn đều tiêu tan, thân tâm an định, chứng quả A La Hán. Vua nước Hiền Đề nghe được cũng rất hoan hỷ, phát nguyện thọ trì năm giới làm Ưu Bà Tắc, đồng mãnh tinh tấn, y giáo phụng hành, chứng được Sơ quả.

Câu chuyện này có mấy điểm cho chúng ta học tập, sách tấn bản thân:

Thứ nhất, Đức Phật dạy: "Nếu có thể thăm hỏi, chăm sóc các vị tỳ kheo lâm bệnh, hoặc người bệnh, thì giống như hầu Phật vậy. Công đức này bằng với công đức được gặp Phật, được cúng dường Phật". Thầy tỳ kheo này nhân vì trong quá khứ chưa từng chăm sóc người khác, cho nên khi mắc bệnh cũng

không có ai chăm sóc. Chúng ta nên tự nhắc nhở mình: "Bản thân có thường dùng lòng từ bi và thái độ ôn hoà đến thăm hỏi, chăm sóc bệnh nhân, quan tâm người cô độc không nơi nương tựa hay chưa? Có từng trồng hạt giống thiện duyên này hay chưa?"

Thứ hai, chúng ta không nên vì nhất thời vui miệng, không cẩn thận vu oan giá họa cho người lương thiện, chuyện không nói có, gán ghép tội lỗi cho người. Nếu chúng ta có một chút thiện niệm, nhiều một chút từ bi, cùng mọi người kết rộng thiện duyên thì những thiện duyên này sẽ đưa đến quả báo tốt. Mong rằng tất cả chúng ta lưu ý đến tâm niệm và hành vi của mình.

Hôm nay, cùng mọi người chia sẻ đến đây!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 20 tháng 10 năm 2012*

## **Nhân duyên năm trăm người mù trở lại tìm gặp Đức Phật**

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử!

Lần này xin được chia sẻ cùng quý vị câu chuyện Phật Pháp, được trích từ Kinh Hiền Ngu, quyển 4, Đại Chánh Tạng, trang 392c26- 393b8.

Vào thời quá khứ, Phật trú tại vườn Kỳ Đà Cấp Cô Độc, nước Xá Vệ. Cách xa đó có một nước tên là Tỳ Xá Li. Ở Tỳ Xá Li bấy giờ có năm trăm người mù phải đi xin ăn. Họ nghe đồn rằng: "Đức Phật ra đời rất kì diệu và thù thắng! Khiến cho bất kì ai bị bệnh gì, thân thể suy yếu, già nua mà chỉ cần nhìn thấy Phật, đều có thể được trị lành. Mắt không nhìn thấy có thể hồi phục thị lực, tai không thể nghe có thể nghe lại, miệng bị câm có thể nói được, lưng bị gù có thể thẳng lại, tay bị cong, nắn thẳng ra được, chân bị què thì có thể sửa thẳng và đi đứng bình thường. Người trí não hoảng loạn có thể hồi phục tinh thần trở lại, cũng có thể khiến cho người nghèo khổ bần cùng có được cơm

ăn, áo mặc. Nếu có ưu sầu, khổ não đều có thể giải trừ."

Nghe đến đây những người mù lấy làm vui sướng, họ cùng nhau thảo luận: "Ấy da! Chúng ta đây thiệt tình là nghiệp chướng, tội lỗi quá nặng, phải chịu quả báo thống khổ, đau đớn như vậy. Nếu như có thể gặp được Đức Phật thì may mắn biết chừng nào!" Cho nên mọi người đi nghe ngóng tin tức Thế Tôn hiện đang ở đâu để đến diện kiến. Có người thông báo: "Thế Tôn hiện đang ở nước Xá Vệ, ở một nơi rất xa." Nghe được tin vui này, họ dâng tràn niềm hy vọng, đứng bên đường kêu xin thống thiết: "Trời ơi, có ai thương xót cho chúng tôi, đại từ đại bi đưa chúng tôi đến nước Xá Vệ, nơi Thế Tôn đang trú để chúng tôi được gặp Phật." Kết quả dù hỏi thăm rất lâu mà cũng không có một ai đến giúp đỡ.

Lúc ấy, năm trăm người mù bàn bạc với nhau: "Chúng ta trong tay không có một thứ gì, cũng chẳng có gì trả công cho người ta, nên không có ai sẵn lòng giúp đỡ." Có người đưa ra ý kiến: "Hay là như vậy đi, chúng ta chia nhau đi xin. Nếu mỗi người có thể kiếm



được một đồng tiền thì năm trăm người sẽ kiếm được năm trăm đồng tiền, lúc đó chắc chắn sẽ có người bằng lòng đưa chúng ta đến gặp Phật."

Mọi người đều cảm thấy ý kiến này rất hay, cho nên đã chia nhau ra và nỗ lực kiếm tiền. Sau đó mỗi người đều kiếm được một đồng tiền, gộp lại vừa đủ năm trăm đồng. Họ bèn hô lớn: "Mọi người có ai có thể đưa chúng tôi đến nước Xá Vệ không, chúng tôi sẽ trả công năm trăm đồng tiền."

Lúc này đã có tiền nên có người đáp ứng liền. Anh ta nói: "Được, tôi sẽ đưa mọi người đi." Và họ liền lấy tiền ra đưa cho người này. Anh ta đi trước dẫn đoàn người tay cầm tay lên đường. Cứ thế đi được nửa đường, qua đến nước Ma Kiệt Đà, anh ta đành lòng bỏ rơi đoàn người mù chơi vui giữa đầm lầy, rồi cầm tiền cao chạy xa bay. Đoàn người mù không biết mình đang ở nơi nào, cách quê nhà Tỳ Xá Li thân quen đã bao xa? Mọi người chẳng biết làm gì hơn là nắm chặt tay nhau tiến về phía trước và vô tình đi lạc vào một nông trại, giẫm đạp lên nông sản của người ta.

Đúng lúc đó, vị trưởng giả đến thăm vườn, nhìn

thấy nhiều tiếng bước chân giẫm đạp lên nông sản của mình, trước mắt ông không phải một hai con trâu ... mà là năm trăm người đang giẫm nát nông trại, gây tổn thất quá lớn. Ông ta rất giận giữ, liền lấy roi quất cho họ một trận như tử. Đoàn người mù than khóc cầu cứu, đem sự tình dài lê thê kể lể một mạch. Vị trưởng giả này cũng lấy làm thương xót cho họ, liền sai một người giúp việc dắt họ đến nước Xá Vệ gặp Đức Phật.

Khi họ vừa đến nước Xá Vệ, thì nghe tin: "Thế Tôn đến nước Ma Kiệt Đà rồi." Trời ạ! Mọi người nghĩ: "Chúng ta mới vừa đến, Thế Tôn đã đi xa như vậy, giờ phải làm sao đây? Quay trở lại đi theo thôi!" Rồi lại nắm tay nhau về lại nước Ma Kiệt Đà để được gặp Đức Phật.

Lúc bấy giờ, mọi người đối với Đức Phật hết mực cung kính, một lòng muốn được gặp, cho nên tuy mắt không nhìn thấy nhưng tâm thì đã nhìn thấy Đức Phật. Niềm hoan hỷ xuất phát từ nội tâm nên không ai thấy mệt mỏi, đường tuy xa nhưng tất cả mọi người đều hớn hờ mong gặp được Thế Tôn, quên cả mệt nhọc.

Về đến nước Ma Kiệt Đà, họ lại nghe nói Thế Tôn

đã trở về lại nước Xá Vệ rồi! " Ông trời ơi! Sao Thế Tôn không đợi một chút xíu, chúng ta vừa mới về thì Ngài lại đi". Rồi họ lại tiếp tục quay lại nước Ma Kiệt Đà. Cứ như vậy họ đi đi về về bảy lượt như thế.

Xin hỏi quý vị: "Nếu chúng ta đi gặp Đức Phật, chúng ta có lòng thành đến như vậy không? Nói không chừng chỉ mới một lần thôi là đã thôi chí. "Ôi! Không gặp được đức Phật rồi, thôi bỏ cuộc đi!" Nhưng ở đây, tâm của họ rất kiên định, vì mong muốn được gặp đức Phật mà đi đi về về, chạy tới chạy lui bảy lần như thế."

Lúc này, Thế Tôn biết đoàn người mù nghiệp chướng đã giảm đi nhiều, thiện căn cũng đã thành thực, tâm cung kính, niềm tin... tất cả đều kiên cố, thuần khiết, cho nên Ngài thấy cơ duyên chín muồi, liền ở lại nước Xá Vệ đợi họ tới.

Người giúp việc dẫn đoàn người mù tới nơi, họ chậm chậm chậm chậm tiến lại gần Thế Tôn, toàn thân Đức Phật tỏa ra ánh quang minh, chiếu sáng khắp những người mù, khiến họ cảm thấy rất hỷ lạc. Lúc này, hai mắt của họ đã có thể nhìn thấy xung quanh.

Họ thấy được bốn chúng đệ tử ngồi quanh Thế Tôn, toàn thân Như Lai tỏa sáng như Tử Kim Sơn<sup>2</sup>; họ cảm nhận được ân đức thù thắng của Thế Tôn, hạnh phúc không gì bằng, vô cùng xúc động, không thể nén lòng. Họ đến bên Đức Phật, toàn thân tiếp đất đánh lễ Như Lai. Sau khi đánh lễ xong, mọi người đồng thanh thưa: " Kính xin đức Thế Tôn từ bi thương xót, cho chúng con được theo Ngài xuất gia."

---

<sup>2</sup> Tử Kim Sơn 紫金山, còn gọi là Chung Sơn 鍾山. Theo Phật Quang Đại Từ Điển, Chung Sơn còn có các tên gọi khác như: Tường Sơn, Bắc Sơn, Kim Lăng Sơn, Thần Liệt Sơn, Thánh Du Sơn, là một dãy núi nổi tiếng ở thành phố Nam Kinh, Trung Quốc. Phía đông Chung Sơn giáp các núi Thanh Long, Nhạn Môn; phía Tây giáp các núi Phúc Chu, Trĩ Đình; phía Tây gần suối Thanh Khê; phía Nam gần Chung Phổ Thủy. Ngọn núi cao nhất của Tử Kim Sơn là Bình Phong. Phía đông đỉnh Bình Phong có Bát Công Đức Thủy; phía Tây có các suối Đạo Quang, Tống Hy; phía Bắc có suối Nhất Nhân. Theo thư tịch để lại, núi này từng có ba mươi một động. Vào đời nhà Hán, Tường Từ Văn mất ở núi này. Về sau, vào thời Ngô Đại Đế có điều thần dị ở đây nên chùa được dựng lên, tên núi Tường Sơn cũng từ đó hình thành. Vào đời Lục Triều, có các chùa: Định Lâm, Đạo Lâm, Trúc Lâm, Tống Hy, Ái Kính, Thảo Đường, Dược Vương, Khai Thiện (chùa Khai Thiện vào thời nhà Minh được đổi tên thành Linh Cốc). Khi ấy có nhiều cao tăng, đại đức đến Chung Nam ẩn tu. (Phật Quang Đại Từ Điển)

Đức Phật đáp: "Lành thay, hãy đến đây nào các tỳ kheo!". Tức thì râu tóc của họ tự nhiên rụng xuống, tăng phục được khoát lên thân. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, các vị liền chứng được quả A La Hán.

Lúc bấy giờ Ngài A Nan thấy mắt của đoàn người mù đã được hồi phục, huệ nhãn cũng được khai mở, trở thành bậc A La Hán vì dứt sạch phiền não. Ngài A Nan liền quỳ xuống, chấp tay bạch cùng Đức Phật: "Bạch Thế Tôn, Đức Như Lai ra đời thật là kỳ diệu! Ngài trao truyền thiện pháp bất khả tư nghì, năm trăm người mù thấm nhuần ân đức thù thắng, hồi phục thị lực, nhìn thấy ánh sáng, lại được huệ nhãn. Thế Tôn ra đời, thật là bất khả tư nghì!".

Câu chuyện này gợi mở cho chúng ta điều gì? Chúng ta nghĩ mà xem, những người mù này, mắt không nhìn thấy đường, thường phải bước những bước không an toàn, thật là nguy hiểm đúng không? Thật là khổ đúng không? Nhưng có những người không bị mù, tuy mắt có thể nhìn thấy mọi vật, thấy đường để đi, nhưng không tin nhân quả, thích làm việc ác, không theo con đường chân chánh, không

thực hành bát chánh đạo, có phải cũng nguy hiểm như vậy không?

Bát chánh đạo bao gồm: “Bát chánh đạo thế gian” và “Bát chánh đạo xuất thế gian”. Bát chánh đạo là tám con đường chân chánh, gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, và chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chánh kiến của thế gian là phải biết có thiện, có ác, có tạo nghiệp, có quả báo, có đời trước, có đời sau; có phàm phu, có thánh nhân, đây là chánh kiến của thế gian. Chúng ta có đầy đủ chánh kiến về nhân quả ba đời chưa?

Ngoài chánh kiến của thế gian còn có chánh kiến xuất thế gian, cũng chính là rõ Pháp duyên khởi và Pháp tứ đế. Chúng ta tuy có nhục nhãn nhưng chưa có huệ nhãn, cho nên không biết được con đường chân chánh để ra khỏi hầm lửa tam giới là như thế nào. Mãi luân hồi trong mê cung tam giới, chẳng phải là con đường đầy nguy hiểm sao?

Chúng ta chưa khai mở được huệ nhãn, chẳng phải cũng giống như những người mù này sao? Chẳng phải

cũng rất là mong muốn được gặp đức Phật, mong muốn được khai mở huệ nhãn, mong muốn ra khỏi luân hồi trong ba cõi sao? Hôm nay, chúng ta có đầy đủ phước duyên học Phật Pháp, giống như trong đêm đen tìm thấy được ánh đèn vậy, mong rằng mọi người có thể hiểu và nắm bắt thời gian, tinh tấn tu hành chánh đạo, từng bước, từng bước đi tới gần con đường thành Phật.

Mong mọi người cùng nhau tu tập.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 15 tháng 09 năm 2012*

## **Vị Sa môn chịu bị cướp chặt đứt cánh tay để giữ mạng sống đến gặp Đức Phật và ngộ đạo**

Kính chào quý thầy, quý cô cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay xin chia sẻ cùng quý vị một mẫu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ "Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh" trong Đại Chánh Tạng, quyển 3, từ trang 111b26- 112b2.

Vào thời quá khứ, lúc Đức Phật trú ở nước Xá Vệ trong vườn ông Kì Đà Cấp Cô Độc, đại đệ tử của Thế Tôn là Ngài Xá Lợi Phất ngày đêm sáu thời, ban ngày ba thời (sáng, trưa, chiều), và buổi tối ba thời (chập tối, đêm, khuya) Ngài thường vì đạo quán sát chúng sanh, nếu thấy ai cơ duyên đã thành thực thì liền đến hóa độ. Lúc bấy giờ, vua Ba Tư Nặc có một vị đại thần tên là Sư Chất, ông ta có một gia tài đồ sộ. Ngài Xá Lợi Phất thấy nhân duyên của ông đã thành thực có thể hoá độ được, nên sáng sớm hôm sau ngài đến nhà người này khát thực. Thấy ngài đến, ông cúi đầu



đánh lễ và cung kính mời vào nhà, thiết tòa mời ngài ngồi, rồi cúng dường phẩm vật, sau đó cung thỉnh ngài ban cho giáo pháp.

Sau khi thọ trai, ngài Xá Lợi Phất thuyết pháp cho Sư Chất nghe. Ngài dạy rằng: "Tất cả những gì thuộc về vinh hoa phú quý chính là nguồn gốc của khổ đau, tình cảm luyến ái trong gia đình giống như ở trong lao ngục, tất cả đều biến hoá vô thường. Những gì tưởng chừng quý giá trong ba cõi như huyễn hoá không có gì là lâu bền, luân hồi sanh tử trong năm đường (chính là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người), chẳng qua là sự thay hình đổi dạng mà thôi, chứ không có của cải gì của ta tồn tại thực sự."

Sư Chất nghe xong, cảm thấy lo sợ không yên. Ông không còn muốn tham ái chấp giữ vinh hoa phú quý, xem nhà cửa như nấm mồ ngoài nghĩa trang không khác. Do vậy, ông đem hết tài sản của cải, thậm chí cả vợ con nhường hết cho em trai, phần mình xuống tóc, khoác cà sa đi vào rừng tọa thiền học đạo. Vợ Sư Chất từ ngày bị nhường lại cho người em trai, suốt ngày buồn bã âu sầu, cứ mãi nhớ thương

người chồng cũ, đối với người chồng sau (cũng chính là em trai của ông) hững hờ không chút tình cảm. Em trai Sư Chất (chính là người chồng sau của bà) thấy vậy bèn hỏi: Chúng ta có của cải đầy nhà, không thiếu một thứ gì, tại sao bà cứ âu sầu không vui vậy? Bà thật thà trả lời:

- Bởi vì tâm tư tôi đều nghĩ về chồng cũ, cho nên không thể nào vui nổi.

Người chồng mới nói:

- Bà bây giờ đã là vợ của tôi, sao suốt ngày còn nhớ đến chồng cũ?

Bà ta đáp:

- Người chồng cũ đối xử với tôi rất mực nồng nàn và ấm áp, không ai có thể so sánh được với ông ấy, nên tôi không thể nào nguôi nhớ được.

Nghe vậy, người em trai thâm nghĩ:

- Chị dâu mãi nhớ về anh trai như vậy, e là một ngày nào đó ông ấy xả giới hoàn tục, sẽ trở về đòi lại toàn bộ tài sản, như thế này thì không được rồi!

Vì vậy người em âm thầm tìm một tên cầm đầu băng cướp, thuê hẳn ta năm trăm đồng tiền rồi nói:

- Anh trai ta đã xuất gia làm sa môn, người hãy đem đầu ông ấy về cho ta.

Tên cướp nhận tiền và đi thẳng vào núi tìm vị sa môn. Gặp hẳn ta, vị sa môn nói:

- Ta bây giờ mặc đồ rách rưới như thế này, chẳng có một chút của cải nào, người đến đây làm gì?

Tên cướp thẳng thắn nói với vị sa môn:

- Bởi vì em trai ông thuê ta đến giết ông.

Vị sa môn nghe xong hết hồn, nói với tên cướp:

- Ta mới xuất gia chưa được bao lâu, còn chưa gặp được Đức Phật, cũng chưa hiểu lắm Phật pháp, người có thể tạm thời tha mạng cho ta không? Đợi sau khi ta gặp đức Phật, học hiểu Phật Pháp rồi người lại đến giết ta cũng chưa muộn!

Tên cướp nói:

- Không được, không được! Ta nhận lời giết ông nên phải giữ lời. Cho nên bây giờ ta không thể không giết ông.

Vị sa môn nói:

- Đành chịu thôi!

Và ông ta giơ một cánh tay lên nói:

- Hay thế này đi, người lấy bớt một cánh tay của ta trước, tạm thời cho ta giữ lại mạng sống, để ta có thể gặp Đức Phật, có thể nghe pháp.

Vậy là tên cướp liền chặt một cánh tay của vị sa môn đem về giao cho người em.

Vị sa môn chịu đựng cơn đau đi tìm gặp Đức Phật, hướng về phía ngài đánh lễ, sau đó ngồi sang một bên. Đức Phật khai thị cho ông:

- Ông từ nhiều kiếp trong quá khứ đến nay đã bị chặt chân, tay, đầu, máu chảy nhiều hơn nước bốn biển! Xương cốt của ông chất cao hơn cả núi Tu Di. Nước mắt của ông còn nhiều hơn nước trong bốn biển, ông uống sữa mẹ cũng nhiều hơn cả nước của sông, biển. Từ muôn kiếp đến nay ông gặp biết bao khổ sở như vậy, chứ không phải chỉ trong đời hiện tại này mà thôi. Tất cả các thân trong ba cõi (cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới), ông đều nhận chịu vô số khổ sở. Tất cả những khổ đau này từ đâu mà có? Chính là vì chúng sanh có phiền não, có phiền não nên tạo nghiệp, nghiệp lực chiêu cảm nên nhận quả báo khổ nơi thân, mới có đau khổ như vậy. Bởi vì chúng sanh tham ái,

cho nên mới có những loại khổ như vậy. Nếu như đoạn trừ được ngu si, ái nhiễm, thì sẽ không còn luân tập các nghiệp bất thiện như vậy nữa, sẽ không còn nhận chịu quả báo khổ nơi thân. Khi không còn cái thân này, các loại khổ cũng được tiêu trừ, cho nên hãy tinh tấn thực hành bát chánh đạo.

Vị sa môn lắng nghe Đức Phật khai thị, hốt nhiên khai ngộ, thân tâm hoan hỷ chứng quả A La Hán, ngay lúc đó xả báo thân nhập Vô dư Niết Bàn.

Còn tên cướp mang cánh tay của ngài về đưa cho người em. Người em cầm cánh tay của người anh mang đến trước mặt người vợ nói:

- Bà nhớ chồng cũ như vậy, được thôi, đây là cánh tay của ông ta. Nghe vậy người vợ vô cùng đau khổ, khóc nghẹn không nói nên lời, bà tìm đến thưa với nhà vua. Sau khi nhà vua điều tra chân tướng sự việc quả y như vậy liền xử người em tội chết. Nghe đến đây các vị tỳ kheo cảm thấy băn khoăn:

- Bạch Thế Tôn, vị sa môn này trong quá khứ đã tạo những nghiệp ác gì mà chịu quả báo bị chặt tay như vậy? Và đã có công đức gì mà bây giờ gặp được

Như Lai và chúng được quả A La Hán thừa Thế Tôn?

Đức Phật nói với các vị tỳ kheo:

- Vào đời quá khứ, ở nước Ba La Nại có một vị vua tên là Bà La Đạt. Một ngày nọ nhà vua đi săn, đuổi theo thú rừng, bị lạc đường không biết làm sao để về nhà. Lúc đó, xung quanh toàn là rừng rậm, cây cối mọc cao ngất che cả bầu trời, quả thực là không thể tìm được lối ra. Nhà vua vô cùng hoảng sợ chỉ biết nhắm về phía trước mà đi, may mắn gặp được vị Bích Chi Phật. Nhà vua hỏi vị Bích Chi Phật: "Ta bị lạc đường, mất phương hướng rồi, ta làm thế nào để trở lại hoàng cung bây giờ? Đại đội binh mã của ta rớt cuộc đang ở đâu?" Lúc đó vị Bích Chi Phật do cánh tay của mình mọc mụn nhọt, đau nhức không thể nhấc cánh tay lên chỉ đường được, nên đã dùng chân chỉ đường cho nhà vua về cung. Nhà vua thấy vậy rất nổi giận quát rằng: "Ta đường đường là vua một nước, người cũng là thần dân của ta! Tại sao gặp ta nhà ngươi không đứng dậy kính lễ mà còn dùng chân chỉ đường cho ta hả?" Nói xong liền rút đao chặt đứt cánh tay của vị Bích Chi Phật.

Vị Bích Chi Phật nghĩ: "Bây giờ nhà vua phạm tội sát hại bậc Thánh, nếu không nhanh chóng sám hối tội lỗi, sau này sẽ chịu quả báo rất nặng không có ngày thoát khỏi!" Do đó, vị Bích Chi Phật bay lên không trung và hiện ra vô số thân thông biến hóa cho nhà vua thấy. Nhà vua vô cùng kinh ngạc: "Ôi! Thì ra là một vị Thánh nhân, bất giác khóc lớn tiếng, sám hối tội lỗi vừa rồi của mình: "Bạch đức Bích Chi Phật! Xin ngài hãy xuống đây cho tôi được sám hối!" Vị Bích Chi Phật liền đến trước mặt nhà vua, tiếp nhận lời sám hối của nhà vua. Nhà vua đánh lễ vị Bích Chi Phật rồi thưa: "Xin ngài thương xót tha tội cho tôi, tôi xin được thành tâm sám hối để sau này không phải chịu quả báo khổ dài lâu!"

Vị Bích Chi Phật chấp nhận lời sám hối của nhà vua, sau đó xả thân nhập vào Vô dư Niết bàn. Nhà vua đặt nhục thân vị Bích Chi Phật lên đàn hỏa thiêu làm lễ trà tỳ, rồi mang di cốt của ngài về xây tháp phụng thờ, ngày ngày đến trước tháp phát nguyện sám hối, mong mỗi tương lai có đủ duyên lành hiểu được giáo lý, đắc được đạo giải thoát.

Nhà vua lúc bấy giờ chính là vị sa môn hiện tại bị đứt cánh tay. Bởi vì ngày xưa lúc làm vua đã chặt đứt cánh tay của một vị Bích Chi Phật, cho nên trong năm trăm đời bị chặt một cánh tay mà chết, cứ như vậy cho đến ngày hôm nay. Nhưng nhờ nhà vua biết lỗi, lập tức sám hối cho nên ông không bị đọa vào địa ngục. Lại nhờ phát nguyện, mong muốn được khai mở trí tuệ cho nên được đạo giải thoát. Vậy nên hôm nay, vị này có đủ duyên lành gặp ngài Xá Lợi Phật và được ngài giáo hoá, phát tâm xuất gia học đạo, rồi lại có phước báu gặp được Đức Phật, được nghe ngài khai thị mà ngộ được đạo giải thoát, đắc quả A La Hán.

Đức Phật dạy các vị tỳ kheo:

- Tất cả họa phúc đều không hư hoại, cũng không mất đi đâu cả!

Các vị tỳ-kheo nghe đến đây ai nấy đều biết sợ, tự sách tấn bản thân và hướng về phía Đức Phật đánh lễ.

Qua câu chuyện này giúp cho chúng ta nhìn lại chính mình, có nhiều lúc chúng ta không hiểu chuyện, đôi khi vì câu nói vô tình của người khác, hoặc có khi là một hành động vô ý thôi nhưng chúng ta lại gom



góp trong lòng và nghĩ người ta xem thường mình, rồi trong lòng sanh phiền não. Cho nên dẫn đến tạo khẩu nghiệp, hoặc đánh mắng người, thậm chí là giết người ta luôn, thực sự đây là một mất mát lớn lao, không những hại người mà hại luôn chính mình. Chúng ta gây nhân, rồi nhận lấy quả như hình với bóng. Mong mọi người hãy cẩn thận với ba nghiệp thân, khẩu, ý, tinh tấn tu hành chớ phóng dật.

Trên đây là những lời chia sẻ gần gọn cùng quý vị, mong mọi người cùng nhau sách tấn tu tập.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 11 năm 2012*

## **Người đầy tớ trả ơn chủ gặp Phật đắc đạo**

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử! Nhân đây xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ, câu chuyện này được trích ra từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển số 2, phẩm La Hán 15, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 588b9-c26.

Vào thời quá khứ, có một nước tên là Na Lê, ở cạnh bờ biển phía Nam, người dân ở đó thường đi thu thập trên châu, gõ quý chiên đàn hương (còn gọi là trầm hương) làm nghề sinh sống. Có hai anh em trai, cha mẹ đều đã qua đời nên họ mới cùng nhau phân chia tài sản.

Trong nhà vốn có một người giúp việc tên là Phân Na. Anh ta còn rất trẻ nhưng vô cùng thông minh, không kể là ra chợ buôn bán hay xuống biển nhặt trên châu, kinh doanh đủ loại không gì là không biết. Hai anh em làm thế nào để phân chia tài sản đây?

Họ quyết định phân tài sản ra làm hai phần. Một

phần là tất cả đồ đạc, của cải trong nhà. Phần còn lại là người giúp việc Phên Na. Và hai anh em bốc thăm để chọn tài sản. Kết quả, người em bốc trúng thăm ghi tên người giúp việc, nên hoàn toàn không có thêm tài sản gì nữa cả. Anh ta đành dẫn theo người vợ của mình cùng Phên Na, với hai bàn tay trắng ra khỏi nhà. Bảy giờ gặp lúc nạn đói, người em chỉ được có mỗi người giúp việc, lại phải thêm một phần ăn, cuộc sống vô cùng khó khăn, khiến cho người em thật sự rất ưu sầu khổ não. Phên Na hiểu chuyện liền thưa với chủ: "Thưa ông chủ! Ông đừng lo lắng, hãy để con nghĩ cách cho ạ. Theo như con tính toán thì không đợi đến một tháng nữa, tài sản của ông sẽ gấp bội lần gia sản của anh trai ông cho coi"!

Người chủ nghe vậy rất vui mừng bảo rằng: "Nếu được như nhà ngươi nói, ta sẽ thả cho ngươi được tự do"! Lúc đó, vợ của người chủ có cất riêng một ít châu báu, cô ấy đưa hết cho Phên Na làm vốn buôn bán.

Thời may, hôm ấy nước thủy triều lên, người dân trong thành thi nhau ra biển nhặt củi. Phên Na mang

số châu báu đến ngoại thành thì gặp một người ăn xin vác một bó củi, trong đó có một khúc gỗ quý trầm hương. Loại gỗ này rất quý và đắt, có thể chữa được bệnh nặng, chỉ cần một lạng thôi là đã có giá trị tới ngàn lượng bạc. Loại trầm hương này thỉnh thoảng mới xuất hiện trên thế gian một lần, thật là rất khó mà gặp được. Phân Na quả thật rất rành về hàng hoá và biết cách kiếm lời, liền dùng hai đồng tiền mua lấy khúc gỗ trầm hương của người ăn xin rồi mang về nhà cho ông chủ, sau đó phân ra làm mấy mươi khúc để bán. Thời điểm đó, có một vị trưởng giả bị bệnh nặng, cần hai lạng gỗ trầm hương để làm thuốc điều trị, đi khắp nơi tìm đều không có. Sau khi biết được tin này, Phân Na liền đem khúc gỗ trầm hương bán cho ông. Vì ông mua hai lạng, mà mỗi lạng là một ngàn lượng, vậy là thu được hai ngàn lượng vàng. Sau đó đem toàn bộ số trầm hương còn lại bán sạch, thu được vô số tài sản, nhiều gấp mười lần số của cải của người anh trai. Người chủ vô cùng biết ơn Phân Na, ông giữ lời hứa, trả tự do cho anh, muốn đi đâu cũng được.

Phân Na từ giả ông chủ, đi thẳng về phía Đức Phật,

quỳ dài sát đất thưa với Thế Tôn: "Bạch Đức Thế Tôn, con xuất thân bần tiện, nhưng một lòng cầu học đạo, xin Thế Tôn từ bi hoá độ cho con được xuất gia theo Ngài". Bởi vì Phân Na vốn mang thân phận thấp kém, không phải là một người tự do bình thường, cho nên đối với sự tự do vô cùng khát ngưỡng, tâm cầu đạo vô cùng mạnh mẽ, kiên định”.

Đức Phật đồng ý nói: "Lành thay! Hãy đến đây Phân Na". Phân Na râu tóc liền rụng sạch, pháp phục trang nghiêm khoát lên thân, lập tức trở thành Sa Môn. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, thầy Phân Na chứng quả A La Hán, và đắc được lục thông. Phân Na thâm nghĩ: "Mình nay sở dĩ chứng đạo, tự tại trong sanh tử cũng là nhờ ơn đức của ông chủ, nay mình nên trở về hoá độ cho ông, và người dân nước Na Lê".

Thầy Phân Na trở về nước Na Lê, đi đến nhà người chủ để hoá độ cho ông. Nhìn thấy thầy, người chủ vô cùng vui mừng, mời thầy vào nhà ngồi, rồi chuẩn bị đầy đủ vật thực cúng dường. Sau khi thọ trai, rửa tay xong, liền bay lên không trung, phân thân biến hoá, một thân biến thành nhiều thân, thân trên phun

nước, thân dưới nhả lửa, ánh sáng chiếu khắp nơi. Rồi từ trong không trung bay xuống, nói với người chủ: "Tôi nay có thể thành tựu được thánh đạo, cũng là nhờ ơn ông chủ thả tự do, tôi mới có duyên may đến bên Đức Thế Tôn cầu đạo học pháp, chứng đắc và giải thoát." Người chủ nghe xong liền nói: "Thần thông biến hoá của Đức Phật quả thật vi diệu, tôi ước mình cũng có thể được bái kiến Thế Tôn, được Ngài chỉ dạy".

Phân Na trả lời: "Ông chủ! Nếu ông thành tâm thiết trai cúng dường, Thế Tôn có đủ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh, Ngài nhất định sẽ thọ nhận được thành ý của ông, nhất định đến đây nhận sự cúng dường". Nghe theo lời thầy, người chủ ngày đêm hết lòng chuẩn bị vật thực cúng dường, sau đó ông từ nơi xa xôi của mình thành tâm hướng về thành Xá Vệ đánh lễ Thế Tôn (vì nước Na Lê gần với biển Nam, cách thành Xá Vệ nơi Đức Phật ở rất xa nên ông ở tại nhà đánh lễ Thế Tôn). Ông quỳ dài xuống kính dâng hương thỉnh đức Phật, thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, cung thỉnh Ngài đến nước Na Lê, quảng độ cho tất cả

dân chúng ở đây!".

Sau khi Đức Phật biết được, liền cùng năm trăm vị A La Hán, dùng Thần túc thông bay đến nhà của người chủ thầy Phân Na.

Nhà vua và dân chúng nước Na Lê hết lòng cung kính hướng về nơi Đức Phật ngồi, năm vóc gieo sát đất đánh lễ Ngài. Sau đó nhà vua lui về ngồi một bên, thành tâm cúng dường Đức Phật. Sau khi thọ trai, rửa tay xong, Đức Phật thuyết pháp cho nhà vua và toàn dân nghe, tất cả mọi người đều được thọ ngũ giới làm đệ tử Phật. Quốc Vương cùng tất cả quốc dân đứng dậy đối trước Đức Phật nguyện y giáo phụng hành, sau đó tán thán Phân Na: "Thầy Phân Na quả là một người có lòng trung thành, lúc còn ở đời, thầy cần cù làm việc, sau khi xuất gia lại có thể tu hành chứng đạo quả. Phẩm đức của thầy vô cùng thanh cao, lại biết nhớ ơn và đền ơn. Hôm nay thầy lại giúp mọi người có được duyên lành, cung thỉnh Đức Thế Tôn đến đây, khiến cho toàn dân trong nước đều có thể lãnh thọ giáo pháp Thế Tôn. Ân đức của Thầy quá to lớn, chúng con nên làm thế nào để báo đáp được đây thưa

Thế Tôn?". Đức Phật tán thán thầy Phân Na và nói lên bài kệ, ý nghĩa như vậy:

"Tâm hư vọng phân biệt đã dứt trừ, không còn tạo khẩu nghiệp, cũng không tạo thân nghiệp, theo chánh đạo giải thoát, tịch tịnh về chốn Niết Bàn tịch diệt (nghĩa là Đức Phật tán thán thầy Phân Na đã đoạn tận phiền não chướng đố Niết Bàn, chốn Niết Bàn này tâm cảnh vắng lặng, xa rời ngôn ngữ, không còn hư vọng phân biệt, các ác nghiệp tạo bởi lời nói và hành động đã không còn).

Xả bỏ tất cả tham dục, không còn chấp trước, ra khỏi tam giới, không còn chịu sự giới hạn, chia cắt trong tam giới nữa. Tất cả những ý niệm mong cầu đều đã bị đoạn tuyệt, đây mới đúng là bậc thượng thiện nhân (dân gian có câu: "Ai đạt đến sự vô cầu thì phẩm hạnh tự cao". Bậc A La Hán mọi sự mong cầu đều đã không còn nữa, thậm chí không mong có quả về sau, bởi nếu còn mong có quả là còn mong cầu. Ngay cả ý niệm kiếp sau tái sinh cũng đoạn tuyệt, đây mới chính là bậc thượng nhân chân chánh).

Không kể là ở nơi thôn làng hay chốn hoang dã, là



đồng bằng hay núi cao, chỉ cần nơi nào có bậc A La Hán đi qua, tất cả chúng sanh nơi đó đều được hoá độ (nếu căn cứ theo lời "Kinh Xuất Diệu"<sup>3</sup>), thì nơi nào thánh nhân ở, nơi ấy đều có thiên thần hộ vệ. Nhờ phước đức của các bậc thánh mà có thể ngăn được các điều ác, tất cả tai ách đều không thể sanh khởi, điều này là nhờ vào uy đức và thần lực của chư vị mà có

---

<sup>3</sup> Xuất Diệu Kinh: Còn gọi là Xuất Diệu Luận, 30 quyển (hoặc 20 quyển), do tôn giả Pháp Cứu (tiếng Phạn: Dharmatrāta) soạn, ngài Trúc Phật Niệm đời Dao Tần dịch, thành sách vào khoảng năm 350-417 đời Đông Tấn, được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập 4. Nội dung luận này gồm 34 phẩm, được hình thành bởi những bài kệ tụng theo hình thức giáo huấn của Phật giáo và tập hợp theo lối chú thích. Xuất Diệu, xưa gọi là Thí Dụ (tiếng Phạn: avadāna, dịch âm: A-bà-đa-na), tức thể loại thứ sáu trong 12 thể loại kinh, chỉ cho bộ phận được thuyết minh bằng thí dụ hoặc ngụ ngôn. Toàn kinh thông qua thí dụ để giải thích đạo lý nhân sinh và vô thường, dùng việc tu hành giới, định, huệ, chứa nhóm căn lành để đạt đến giải thoát, nội dung gần giống như kinh Pháp Cú.

Kinh Xuất Diệu 6 (Đại Chánh Tạng tập 4, trang 643 hạ) ghi: “Xuất Diệu, từ Vô Thường (phẩm thứ nhất của Kinh này) đến Phạm Chí (phẩm sau cùng của kinh này) thu thập yếu tạng của các kinh, diễn nói bày hiện để dạy bảo người đời sau, nên gọi là Xuất Diệu”. (Theo: Xuất Tam Tạng Kí Tập 2; Khai Nguyên Thích Giáo Lục 4)

(Trích: Từ Điển Phật học Huệ Quang, Nxb Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh, trang 618, năm 2010)

được).

Sự tịch tịnh an lạc của các bậc thánh như vậy, người bình thường không thể sánh bằng. Sự ấm áp bình yên, tự do tự tại như thế đều là do không còn tâm mong cầu mà có được, không còn bất kì một tham muốn nào, một mong mỏi nào (giống như niềm hoan hỷ an lạc, tịch tịnh trong Niết Bàn của các bậc thánh vậy, vì tất cả tham, sân, si, phiền não đều đã đoạn tận, nên thân dù ở trong đại chúng mà tâm thì vắng lặng yên bình như chốn hoang vu tĩnh lặng. Người bình thường chúng ta còn tham cầu, chấp ái, không thể li dục cho nên không thể có được sự thanh tịnh, tự do tự tại trong giải thoát như các bậc thánh).

Sau khi Đức Phật nói lên bài kệ trên, người chủ, nhà vua và dân chúng càng thêm hoan hỷ, tín thọ phụng hành, sau bảy ngày cúng dường, mọi người chúng được Sơ quả Tu Đà Hoàn.

Qua câu chuyện này chúng ta rút ra được bài học sau:

Vợ của người chủ đem hết của cải giao cho Phân Na làm vốn buôn bán, nhưng anh không vì tham lam

mà cầm tiền rồi bỏ trốn, không có như vậy! Anh ta biết giá trị quý báu của gỗ chiên đàn hương, nhưng không ích kỉ tham lam, giữ cho riêng mình mà đem hết về cho người chủ. Người chủ cũng rất là giữ chữ tín, sau khi được tài sản đã thả tự do cho người giúp việc. Người giúp việc sau khi được thả tự do, không màng đến chuyện vợ con mà tìm đến bên Thế Tôn xin xuất gia học đạo. Anh ta vốn là một người mất tự do nên bấy giờ càng thêm trân quý giá trị của sự tự do, do đó tinh tấn tu hành chứng được thánh quả giải thoát, không còn sanh tử luân hồi trong ba cõi.

Lại nữa, thầy Phân Na biết ơn và đền ơn, không phải chỉ nghĩ đến sự giải thoát cho bản thân, mà sau khi chứng quả thì lập tức trở về hoá độ cho chủ nhân và người dân nước Na Lê, đền ơn chủ, ơn Tổ quốc và ơn Tam bảo.

Và khi người chủ thỉnh hỏi Đức Phật: "Chúng con làm thế nào để đền ơn cho thầy Phân Na?" Đức Phật trả lời: "Thầy Phân Na đã chứng được quả A La Hán, đã là người an lạc tịch tịnh, không còn tham cầu nữa, các vị không nên phiền đến thầy, hãy để cho thầy an

trú trong Niết Bàn!". Cho nên, mọi người trong chúng ta chớ nên lo lắng quý thầy cô buồn chán nữa, suốt ngày đến trò chuyện, hoặc mời đi dùng tiệc... Không cần phải như vậy đâu, chúng ta nên tinh tấn tu hành, đem Phật pháp tuyên dương rộng khắp, đây mới chính là sự báo ơn chân chính nhất!

Ngoài ra, người giúp việc Phân Na tuy không có tài sản gì nhưng lại là một thiện tri thức vô giá. Nếu như chúng ta đối xử rộng lượng với mọi người, mọi loài thì chúng ta cũng sẽ nhận được sự đền đáp tốt đẹp. Đương nhiên chúng ta tu tập không phải để mong cầu được đền đáp rồi (mong sao cho mình và mọi người hiện đời tu tập an lạc, thoát ly sanh tử, hồi nhập Ta Bà độ hàm thức), nhưng cũng không quên đối xử rộng lượng với tất cả chúng sinh! Hy vọng mọi người có thể tự nhắc mình: Tâm lượng rộng một chút, cũng là biết ơn và đền ơn vậy.

Mong mọi người cùng nhau sách tấn tu tập.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 01 tháng 12 năm 2012*

## **Giảng Kinh không phải là nói nhiều, quan trọng là giúp người nghe hiểu được sanh trí tuệ**

Kính chào quý thầy, quý cô cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh "Phật Thuyết Xứ Xứ" trong Đại Chánh Tạng, quyển 17, trang 527b2-18.

Có một vị tỳ kheo đến nhà một vị cư sĩ nữ khát thực và bố thí pháp. Vị chủ nhà rất cung kính, quỳ nghe suốt buổi pháp thoại, bất giác nước mắt cô cứ tuôn trào. Vị tỳ kheo vừa nhìn thấy, thâm nghĩ: “Có lẽ vì ta thuyết pháp quá xúc động, khiến cho thí chủ nghe xong động tâm, không cầm được nước mắt”. Nghĩ vậy nên thầy giảng càng lúc càng hăng, huyên thuyên đến nửa đêm, vị thí chủ quỳ mãi không đứng lên được. Thấy đã khuya, vị tỳ kheo thâm nghĩ chắc có thể kết thúc được rồi, bèn tán thán vị thí chủ: “Tôi giảng pháp lâu như vậy mà cô nghe không biết mỗi

mệt, từ trước đến nay tôi chưa thấy người nào tinh tấn như cô”!

Vị Thích chủ: “Thưa Thầy! Nhà con có nuôi một con lừa, hôm qua nó đau đớn rên rỉ vô cùng, đến nửa đêm thì chết mất, mỗi khi nghĩ đến nó con không cầm được nước mắt”. Vị tỳ kheo liền nói: “Sao không nói sớm!” (Thì ra vị ấy cứ nghĩ bài pháp thoại quá cảm động, nên giảng càng lúc càng phấn chấn). Đức Phật dạy: “Giảng kinh không phải nói nhiều, quan trọng là giúp cho người nghe hiểu được, sanh trí tuệ”, nghe kinh cũng như vậy, hiểu được nội dung phát sanh trí tuệ, đó mới là điều quan trọng nhất.

Nghe đức Phật dạy như vậy, có một tỳ kheo nghĩ rằng: “Không cần thiết phải nghe nhiều kinh điển”. Cho nên vị ấy tìm đến đức Phật và thưa với Ngài rằng: “Xin Thế Tôn dạy cho con phương pháp tu đơn giản nhất, chỉ một câu là đủ, nhưng giúp con có thể sớm đắc đạo”. Đức Phật dạy rằng: “Không phải vật của mình thì không được lấy, nếu vật đó là của mình mới được lấy”.

Vị tỳ kheo để tâm vào tư duy: “Vạn vật trong vũ

trụ đều không phải là của ta, đến cả thân thể này, cuối cùng cũng bị hư hoại”. Do đó thầy cứ suy đi nghĩ lại: “Trong vũ trụ này không có một vật gì là của ta, chỉ có thiện pháp mới đích thực là bảo vật của mỗi người”. Thầy nghe Đức Phật dạy bài pháp này xong liền ngộ đạo, nên bạch cùng Đức Thế Tôn rằng: “Con đã thể hội được pháp này rồi”. Đức Phật liền thọ ký: “Thầy đã thể hội được, tức được xem như đã chứng đạo”.

Một thầy tỳ kheo khác, nghe tin thầy tỳ kheo đó chỉ cần nghe một câu pháp đơn giản như vậy mà có thể đắc đạo, nên vội tìm đến và thưa hỏi Đức Phật rằng: Thầy Xá Lợi Phất có phải là người đã chứng đạo không? Đức Phật nói: Đúng rồi, thầy ấy đã đắc đạo. Thầy tỳ kheo tỏ ra không được thông suốt lắm, liền thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thầy Xá Lợi Phất đã chứng đạo, tại sao lại còn mặc con? Lại còn lấy áo cà sa khua lên mặt con”? Đức Phật gọi thầy Xá Lợi Phất đến hỏi: “Thầy tại sao lại có những hành động như thế”? Thầy Xá Lợi Phất bạch rằng: Con kỳ thật không có ý xấu! Con lớn tiếng với thầy là để giúp thầy tu hạnh nhẫn nhục. Con dùng áo cà sa khua lên mặt là

mong mắt, tai, mũi, miệng của thầy được thanh tịnh, có nghĩa là con muốn sáu căn của thầy không bị cấu nhiễm. Tuy trong kinh chỉ nói đến mắt, tai, mũi, miệng, nhưng con muốn thầy ấy giữ gìn sáu căn đều không bị ô nhiễm.

Đức Phật biết thầy Xá Lợi Phất khéo dùng phương tiện, nên nói với vị tỳ kheo rằng: Thầy Xá Lợi Phất làm như vậy là vì muốn giúp thầy có thêm cơ hội tu hạnh nhẫn nhục, mong cho thầy giữ gìn các căn được thanh tịnh. Thầy tỳ kheo vừa nghe xong, vô cùng cảm kích, biết thầy Xá Lợi Phất dùng phương tiện để dẫn dắt mình tu tập, sanh lòng hoan hỷ và chứng đắc quả vị A La Hán.

Trong Đại Trí Độ Luận quyển 19, cũng có nêu một ví dụ minh họa cho bài học, “Nói một pháp độ chúng sanh”.

Có lần, Đức Phật dạy một thầy tỳ kheo: “Nếu không phải vật của mình thì đừng lấy”.

Thầy tỳ kheo đáp: “Dạ con đã hiểu!”.

Đức Phật hỏi: “Thầy đã hiểu gì?”.

Con hiểu rõ “Vạn vật không phải của con”. Vị tỳ



kheo thể hội được bài học về “Vô ngã”, không có một cái gì là của ta, không nên chấp trước, nhờ thế mà được giác ngộ.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 03 năm 2012*

**Người gần gũi người trí như vá múc canh không hưởng hương vị của canh là gì, và người khôn gần người trí ngược lại như lưỡi nếm được hương vị**

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển 2, phẩm 13- Ngũ Âm, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 586a17-b24.

Vào thời quá khứ, Đức Phật ở tại thành Xá Vệ. Lúc đó, trong thành có một phú ông Bà La Môn, tuổi đã gần tám mươi. Tuy ông có rất nhiều của cải, nhưng lại keo kiệt, không biết sự lý, lại vô cùng tham lam, bủn xỉn. Ông ta không biết tu hành là gì, cũng chẳng biết vun bồi phước đức, chưa một lần nghĩ đến thân người vô thường, chỉ biết dùng hết sức vào xây phòng

ốc cho thật đẹp, từ nhà trước đến nhà sau, nhà hóng mát, và ngay cả nhà để sưởi ấm cũng không thiếu. Ông còn xây nhà Đông, nhà Tây ở hai bên, mỗi bên có đến mấy mươi phòng, tiện nghi bên trong không thiếu một loại nào, chỉ có hiên che nắng phía sau nhà chính là chưa hoàn thành.

Vị này một mình làm kinh doanh, kiêm cả vai trò giám đốc chỉ huy mọi việc. Bảy giờ Đức Phật dùng đũa nhãn quan sát phú ông, biết được mạng sống của ông không còn lâu, chỉ mấy ngày nữa sẽ thác sanh qua đời sau. Nhưng phú ông vẫn không hay biết, vẫn bận rộn như thường, làm đến nỗi thân thể hao mòn tiều tụy, tinh thần bơ phờ, trong tâm không cảm nhận được hạnh phúc là gì, thực tế chỉ làm cho người ta thấy tội nghiệp. Thấy vậy, Đức Phật cùng thầy A Nan đến nhà phú ông thăm hỏi: "Ông bận rộn suốt ngày không biết mỏi mệt sao? Ông xây dựng nhiều phòng ốc như thế để làm gì?". Phú ông đáp: "Nhà khách phía trước tôi dùng để tiếp đãi khách, nhà phía sau tôi ở, nhà Đông và nhà Tây để cho vợ chồng con trai tôi, còn nhà kho dùng để cất chứa của báu, căn bên này dành cho

những người giúp việc. Đến mùa hè tôi đến căn nhà mùa hạ nghỉ mát, đông về tôi đến nhà tránh lạnh tĩnh dưỡng, tất cả tôi đã tính đầu vào đó rồi.

Đức Phật nói với phú ông: "Nghe qua danh tiếng của ông đã lâu, tuổi cao đức trọng, từ lâu tôi muốn tìm đến nói chuyện. Bây giờ, tôi có một bài kệ rất có ý nghĩa, đối với người còn sống hay người đã khuất đều có lợi ích. Tôi muốn tặng ông, không biết ông có thể dừng tay tạm gác công việc, ngồi xuống nghe tôi chia sẻ bài kệ này không?"

Phú ông đáp: "Ôi không được, không được, tôi thật sự rất bận, bây giờ không thể bỏ công việc giữa chừng để nói chuyện với ông, để lúc khác sẽ trao đổi nhiều hơn! Nhưng... ông nói có bài kệ tuy ngắn mà rất hay, nếu không ngại mời ông đọc lên nghe xem sao"! Đức Phật đọc lên một đoạn, có nội dung như vậy: "Người thiếu trí tuệ chỉ biết rong ruổi tìm cầu. Họ muốn có con cái, tiền tài. Có con, có tài sản chất đống rồi vẫn chưa yên lòng. Nhưng cái thân của chúng ta đây không thể tồn tại lâu được, cái tôi này cũng không thể mãi mãi là sở hữu của mình, thì sao phải vì con cái,

của cái mà sâu khổ? (Cái thân này đã khó giữ gìn, tại sao lại vì con cái, tiền tài mà tự làm khổ, không nên phải như thế). Ông lại mất quá nhiều thời gian để suy tính những việc như: Mùa hạ nóng bức cần phải ở bên này, đông đến trời lạnh phải ở bên kia, lo lắng cho tương lai quá nhiều. Người thiếu trí tuệ thường khổ tâm với muôn vạn mối lo, nhưng không biết ngày mai vô thường đến sẽ như thế nào. Người thiếu trí tuệ luôn cho mình là người rất có trí tuệ; Tự mình thiếu hiểu biết mà cứ tưởng là thông suốt, đây mới là người ngu si. Nếu tự biết mình không thông minh, vẫn còn tốt! Tự mình không biết mình kém thông minh mà cứ cho rằng rất có trí tuệ. Đây mới là người ngu si nhất.

Phú ông nghe xong bảo rằng: "Bài kệ này thật không tệ! Nhưng bây giờ tôi thật sự rất bận, hẹn lần sau ông đến, chúng ta sẽ nói chuyện lâu hơn!".

Đức Thế Tôn cũng không còn phương pháp nào khác, ngài ra về mà thương cho ông. Sau đó phú ông trong lúc đòi những vật liệu gỗ để xây dựng, không may bị một thanh gỗ lớn đập mạnh lên đầu, ông chết ngay tại chỗ. Người thân đến khóc lóc thảm thiết,

vang động đến cả hàng xóm bốn bên.

Đức Phật ra về chỉ trong chốc lát thì xảy ra sự việc như vậy. Ngài đi vào trong thôn, tình cờ gặp khoảng mười vị phạm chí. Những vị này hỏi đức Phật: "Ngài từ đâu mới đến?"

Đức Phật đáp: "Tôi vừa đến nhà của phú ông, muốn vì ông ấy mà khuyến hóa, nhưng vị này nhất định không tin lời tôi khuyên giải, không biết sanh tử là vô thường, bây giờ đột nhiên thác sanh sang đời sau rồi". Bấy giờ đức Thế Tôn nói lại bài kệ vừa rồi cho các vị Phạm Chí cùng nghe. Các vị nghe xong, vô cùng hoan hỷ, ngay lúc đó thấy được đạo và chứng quả. Thế Tôn cũng nói thêm một bài kệ khác, ý nghĩa như vậy: "Người đàn gỏi gửi người trí cũng như dùng quả bầu khô làm cái vá đoán mùi vị của thức ăn (người xưa lấy trái bầu khô, cắt làm đôi để làm thành cái vá dùng để múc canh). Cái vá này ngâm trong nồi canh ngon thật lâu, nhưng không thấm được mùi vị của canh. Cũng như vậy, người thiếu trí tuệ dù có ở gần người trí rất lâu đi nữa, cũng không thể thấm nhuần pháp vị nhiệm mầu".

Một người thông sự lý, nếu được thân cận người trí, cũng giống như dùng lưới để thưởng thức mùi vị, chỉ trong tích tắc đã biết được vị ngon của món ăn. Cũng như thế, người hiểu sự và lý, chỉ cần gần gũi người trí trong khoảnh khắc, cũng có thể thấu hiểu được nghĩa lý của đạo Phật. Người thiếu trí tuệ, mỗi một hành động mang đến cho bản thân vô số rủi ro, trong giây lát theo bản năng tạo điều ác, kết quả tự mình mang đến những bất hạnh khó lường. Gây ra việc bất thiện, hối hận cũng không kịp, chỉ biết ôm lấy thương đau mà khóc than. Những điều bất thiện như vậy, thực ra tự mình đã huân tập từ những cái nhân không tốt trong quá khứ, nên bây giờ tự nó tìm đến!

Những vị Phạm Chí sau khi lắng nghe Đức Phật nói bài kệ này một lần nữa, niềm tin và lòng cung kính đối với đức Phật càng vững chãi, hướng về đánh lễ Ngài, vui mừng nguyện thực hành lời dạy của Như Lai. Câu chuyện này có những điểm mà chúng ta cần phải khắc ghi:

Nhắc nhở chúng ta nhìn lại bản thân mình, có gì khác với phú ông không, cả đời bận rộn mà quên đi

thế gian vô thường! Để rồi tự mình tính không bằng nhân quả tính, kế hoạch không lường hết được vô thường biến đổi. Chúng ta mỗi ngày nên giành cho mình một ít thời gian để tâm vào tinh tấn tu tập, vun bồi phước đức, trau dồi trí tuệ làm hành trang mới phải!

Kỳ thật, nếu một người hiểu biết sự lý, lại được gần gũi bậc thiện tri thức, có được môi trường tu tập, chỉ cần trong một khoảng thời gian không lâu, vị này có thể thấm dần pháp vị, cũng như đưa thức ăn vào miệng, lưỡi sẽ lập tức nhận biết được mùi vị. Nếu một người đã không hiểu sự lý, lại không để tâm vào học hỏi, dù có ở bên cạnh người trí lâu năm thì cũng chẳng khác gì cái vá ngày ngày ở trong nồi canh, mà chẳng biết được vị bổ dưỡng thơm ngon của canh, cuối cùng canh theo đường canh, vá theo đường vá, hoàn toàn không có sự ảnh hưởng. Hy vọng quý vị biết quý trọng nhân duyên, cầu mong chúng ta ai ai cũng nếm được hương vị của Phật pháp, hương vị giải thoát vô tận.

Hôm nay chỉ ngắn gọn cùng quý vị chia sẻ đến



- 140 - Phước Huệ tập 3

đây!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 22 tháng 12 năm 2012*

## **Bồ tát Đề Bà tìm gặp Bồ Tát Long Thọ, thả kim nhỏ vào bát nước**

Có một câu chuyện nói về cuộc gặp gỡ giữa Bồ Tát Đề Bà và Bồ Tát Long Thọ. Câu chuyện này được ngài Huyền Trang miêu tả rất sinh động trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 10, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 51, trang 929a24-b20.

Cách đô thành vương quốc Kiêu Tát La về phía Nam không xa, có một ngôi chùa cổ. Bên cạnh chùa có dựng một ngôi tháp, ngôi tháp này do vua Vô Ưu xây. Thuở trước, Đức Thế Tôn đã từng ở đây hiện đại thần thông, nhiếp phục ngoại đạo. Sau này Bồ Tát Long Mãnh có đến lưu trú nơi ngôi chùa này (trong Đại Đường Tây Vực Ký của ngài Huyền Trang dịch, Bồ Tát Long Mãnh cũng chính là Bồ Tát Long Thọ mà nhiều người hay nhắc đến, ngài là thầy của Bồ Tát Đề Bà). Lúc đó quốc vương nước Kiêu Tát La là Dẫn Chánh Vương, vì vô cùng tôn kính Bồ Tát Long Thọ, nên vua sai rất đông binh lính đến canh xung quanh

khuôn viên chùa để bảo vệ ngài.

Lúc đó, Bồ Tát Đề Bà từ nước Sư Tử (nay là Tích Lan) đến chùa tìm gặp Bồ Tát Long Thọ để đàm đạo, nhìn thấy bên ngoài binh lính đang vây quanh bảo vệ, nên ngài đến nói với lính gác cổng rằng: "Tôi muốn gặp ngài Long Thọ, xin chuyển lời giúp tôi". Người này vào trong bẩm báo. Bồ Tát Long Thọ sớm đã biết danh tiếng của Đề Bà, nên đã lấy một cái bát đựng đầy nước, rồi đưa cho đệ tử, và dặn mang ra trao cho Đề Bà. Đề Bà nhìn thấy bát đựng đầy nước, chẳng nói nửa lời, dùng một cây kim nhỏ thả vào bát nước. Vị đệ tử tay bưng bát nước trở vào nhưng trong lòng khởi lên nhiều thắc mắc.

Bồ Tát Long Thọ hỏi đệ tử rằng: "Người khách đó có nói điều gì không?" Đệ tử đáp: "Dạ ông ta không nói gì, chỉ dùng một cây kim bỏ vào trong bát nước mà thôi".

Bồ Tát Long Thọ tán thán rằng: "Đây là người rất có trí tuệ, có thể hiểu được sự lý, biết trước sự việc, thấy rõ những điều vi tế, là người giao cảm được với thánh hiền. Đây chính là người có thể kế thừa được

Phật Pháp, nhanh ra mời ông ấy vào đây!”.

Đệ tử thưa: “Dạ Bạch thầy! Vậy là thế nào? Tại sao không dùng ngôn ngữ mà có thể biện luận một cách kỳ diệu như vậy?”.

Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Đặc tính của nước là có thể tùy theo vật chứa mà thay đổi hình dạng, cũng có tùy theo phẩm chất của vật chứa mà nước biến đổi trong treo hay cầu bản. Nước có thể thấm thấu tràn đi khắp nơi, không chừa một khe hở nào, nước vô cùng tinh khiết, khó có thể đo lường được. Vừa rồi, ta đã dùng một cái bát đựng đầy nước, mang đến cho ông ấy xem. Bát nước dùng để ví cho sự hiểu biết của ta vô cùng uyên thâm, vô bờ bến, vị khách lại dùng cây kim thả vào trong bát nước, như đáp lại rằng “muốn học hỏi đến cùng”. Đây không phải là người tầm thường, mau mời ông ấy vào đây!

Oai nghi của Bồ Tát Long Thọ đoan chánh nghiêm túc, khiến cho vị khách ngồi đối diện không dám ngược đầu lên. Đề Bà vốn ngưỡng mộ đức độ và khí phách của Bồ Tát Long Thọ, từ lâu đã muốn đến thỉnh giáo ngài. Hôm nay cơ duyên chín muồi, trước

khi diện kiến Bồ Tát Long Thọ, Đề Bà đã thể hiện tài năng tiên đoán của mình, nhưng vẫn bị chấn nhiếp bởi năng lượng uy nghiêm của ngài. Sau khi vào bên trong, Đề Bà ngồi một bên cách xa ngài Long Thọ, sau đó dùng những lời thật tao nhã để luận bàn nghĩa lý vô cùng cao diệu, huyên thuyên hết cả một ngày. Ngài Long Thọ nghe xong tán thán: “Thầy là người ưu tú, tài ba xuất chúng, biện tài vô ngại, có nhiều điểm hơn bậc tiền bối. Tôi đã già, thân thể suy yếu, nay gặp được Thầy, tuổi trẻ tài cao, thật là hạnh phúc! Giống như nước trong vắt được rót từ cái bình này qua bình khác mà vẫn giữ nguyên không bị hao hụt một giọt. Cũng như vậy, Phật Pháp sau khi truyền trao, sẽ được Thầy tiếp nối rạng rỡ, không bị đoạn tuyệt. Sự hoằng dương chánh pháp trong tương lai trông cậy vào Thầy đây! Xích lại gần! Xích lại gần đây! Thầy giúp tôi kéo ghế tiến đến phía trước, ngồi bên cạnh tôi trao đổi tiếp Phật Pháp!”. Đề Bà nghe xong, lại khởi tâm đắc ý tự mãn, chuẩn bị thể hiện hết sự thấy biết của mình, sẽ cao hứng bàn luận một hồi cho thỏa thích. Nhưng khi định mở lời, hốt nhiên ngẩng đầu lên nhìn

thấy dung mạo uy nghiêm của Bồ Tát Long Thọ, trong đầu không còn một chữ đề diễn đạt, không nói thêm được nửa lời! Thế là Đề Bà lùi lại một bên, hướng về phía ngài Long Thọ xin sám hối, mong được hoan hỷ tha thứ, và thỉnh cầu ngài truyền trao diệu pháp, từ bi diu dắt.

Bồ Tát Long Thọ bảo: “Ngồi xuống nào! Bây giờ tôi sẽ chia sẻ cùng Thầy đạo lý chân thật cứu cánh, đây cũng chính là pháp nghĩa mà Đức Thế Tôn đã dạy”. Đề Bà liền đánh lễ, năm vóc sát đất, một lòng cung kính quy thuận và thưa rằng: “Từ nay trở đi, con nguyện thận trọng tuân theo lời Người dạy bảo”.

Câu chuyện này được trích trong trong Đại Đường Tây Vực Ký. Cuộc gặp giữa hai thầy trò, Bồ Tát Long Thọ và ngài Đề Bà như hiện ra trước mắt chúng ta vô cùng cảm động.

Nói về Bồ Tát Đề Bà, trong sách Phật Giáo Ấn Độ, từ trang 201 đến trang 202, hòa thượng Ấn Thuận cũng có lượt thuật. Bồ Tát Đề Bà là người nước Sư Tử (nay là nước Tích Lan) ban đầu xuất gia theo Đức

Tử Bộ<sup>4</sup>. Ngài từng đứng trước hàng vạn người đang giận dữ mà không khiếp sợ, quyết gỡ đi một con mắt của pho tượng Đại Tự Tại Thiên. Sau khi bị mất một con mắt, tượng thần mắt lồi mắt lõm không còn linh nghiệm. Sau đó ngài móc mắt của mình hồi đáp, vì vậy mà mọi người gọi ngài là “Độc nhãn Đề Bà”. Bồ Tát Đề Bà chỉ có một mắt, nhưng không sao, vì đó là con mắt đầy đủ trí tuệ. Về sau ngài lạy Bồ Tát Long Thọ làm thầy, tinh thông Trung Quán, phá trừ tà kiến ngoại đạo không hề biết mệt mỏi. Ngài du hóa đến phía nam Ấn Độ, đi khắp nơi phá trừ các tư tưởng của ngoại đạo. Có một vị đệ tử của ngoại đạo, không cam tâm nhìn thấy học thuyết thầy mình đã khổ công xây dựng, bây giờ lại bị Đề Bà phá bỏ. Do đó ông ta cầm một con dao thật bén nói với ngài: “Ông dùng miệng phá hoại kiến giải của thầy tôi, làm sao bằng một nhát dao đâm vào bụng!”. Nói xong dùng dao đâm mạnh vào bụng ngài.

Sau khi bị đâm, lúc lâm chung, ngài còn rất từ bi

---

<sup>4</sup> 犢子部 Độc Tử Bộ: Một trong hai mươi bộ phái Phật giáo Nguyên Thủy.

thương cho người ngoại đạo thiếu trí tuệ kia, bảo anh ta mau chạy theo hướng núi cao trốn đi, nhanh chạy mau, không thì sẽ bị phát hiện mà mang tai họa.

Hòa thượng Ân Thuận cảm phục Bồ Tát Đề Bà không tiếc thân mạng, vì pháp quên mình; đủ cả trí tuệ, tinh thần vô ngã, đối với người giết hại mình không sanh mảy may tâm sân hận, ngài thật sự là Bồ Tát.

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 10 năm 2013*



## Truyện Bồ Tát Đề Bà

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện kể về Bồ Tát Đề Bà. Câu chuyện này được trích từ “Đề Bà Bồ Tát Truyện” trong Đại Chánh Tạng quyển 50 , trang 186c8-188a3.

Quê hương Bồ Tát Đề Bà thuộc phía nam nước Ấn Độ. Ngài xuất thân trong một gia đình Bà La Môn giáo, về sau lạy Bồ Tát Long Thọ làm thầy. Học vấn của ngài rất uyên bác, biện tài vô ngại, người dân xứ Ấn ít ai không biết đến, nhân dân các nước cũng đều quý trọng. Bồ Tát Đề Bà thâm cầu chân lý, thấu rõ nơi tâm, chánh trực cao thượng, không thẹn với lòng, chỉ có một điều chưa được như ý nguyện là mọi người không tin lời ngài nói, vậy nên còn lo lắng nghĩ ngợi. Thời đó, trong nước có một pho tượng thần Đại Tự Tại Thiên<sup>5</sup>, được làm bằng vàng cao hai trượng. Ngày

---

<sup>5</sup> 大自在天 Đại Tự Tại Thiên. Tiếng Phạn: Maheśvara. Tiếng Pa Li:

ngày có nhiều người đến, nhưng chỉ đứng bên ngoài

---

Mahissara. Dịch âm: Ma Hê Thủ La, Mạc Hê Y Thấp Phạt La. Còn gọi là Tụ Tại Thiên, Tụ Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Theo truyền thuyết, vị thần này là thân phần nộ của trời Lỗ Nại Da (tiếng Phạn: Rudra), có nhiều chỗ cư trú khác nhau. Thần còn có các tên gọi khác như: Thương Yết La (tiếng Phạn: Śaṃkara), Y Xá Na (tiếng Phạn: Īśāna) v.v... Vị thần này nguyên là thần chủ Thấp Bà trong đạo Bà La Môn. Người tín ngưỡng vị thần này được gọi là Ngoại đạo Tụ Tại Thiên. Phái này tôn xưng thần là bản thể của thế giới, gọi vị thần này là chủ tể của vạn vật. Thần coi sóc gió bão, sấm sét, nên những khổ vui, mừng giận mà nhân gian phải chịu đều gắn với những khổ vui, mừng giận của vị này tạo ra. Khi thần vui vẻ, thì tất cả chúng sanh được an lạc. Còn khi thần nổi giận thì các tướng quỷ hiện hình, đất nước hỗn loạn, tất cả chúng sanh cũng theo đó chịu khổ. Nếu thế giới hoại diệt, khi ấy tất cả vạn vật đều hòa vào bên trong Đại Tụ Tại Thiên. Các tướng trạng như trên đều do tính cách của Thiên Thần biểu hiện. Trừ những tính cách gây sát thương, bạo ác, thần cũng đầy đủ những đức tính cứu hộ, trị liệu. Khi ấy thần xuất hiện với tướng mạo cát tường. Ban đầu, thần cùng với trời Na La Diên được xếp bên dưới trời Phạm Thiên. Về sau, vị trí của thần dần được nâng cao và trở thành vị thần cao nhất trong Đạo Bà La Môn, được xem là vị thần có “bản thể thường trụ, biến khắp vũ trụ”, và có năng lực “dùng hư không làm đầu, dùng đất làm thân”. Sau khi du nhập Phật giáo, thần trở thành vị thần thủ hộ đạo Phật, được gọi là Đại Tụ Tại Thiên, làm chủ ở tầng trời Tứ Thiên. Tượng thần là hình trời người có ba mắt, tám tay, cưỡi trâu trắng, cầm phát trần trắng, có sức oai lực lớn, có thể biết được số hạt mưa trong Đại Thiên Thế Giới, độc tôn ở Sắc Giới. (Trích: Đại Từ Điển Phật Quang, quyển 1, trang 783)

cầu nguyện, mong trong cuộc sống mọi việc được như ý. Đề Bà cũng đến đây, muốn trực tiếp vào chiêm bái tượng thần. Biết được như vậy, người chủ miếu nói với ngài: Tượng thần này vô cùng linh nghiệm, có người được cho vào nhìn nhưng không dám nhìn thẳng, vì nhìn thẳng vào sẽ bị lực của thần chấn nhiếp mà ngã nhào, thất thần đến cả trăm ngày sau còn chưa thể hồi phục. Ông chỉ cần nêu ước muốn, cầu xin thần gia hộ và tạ ơn là tốt rồi, tại sao muốn phải tận mắt thấy tượng thần? Đề Bà đáp: “Nếu Thiên Thần linh thiêng như ông nói, như thế để tôi vào bên trong tận mắt xem tượng thần như thế nào, nếu như không giống lời ông vừa nói, thì há có phải là vị thần mà tôi muốn gặp sao?”.

Lúc đó, mọi người xung quanh hết sức ngạc nhiên, tán thán Đề Bà có khí phách, khâm phục tài hùng biện phân rõ đúng sai, tinh thần tìm cầu chân lý của ngài. Khi ấy có hơn ngàn vạn người hưởng ứng, hớn hở tranh nhau đi vào bên trong miếu tìm hiểu tượng thần. Đề Bà tiến vào bên trong, trực diện nhìn tượng thần. Lúc đó, hốt nhiên hai mắt thần chuyển động, ánh mắt

sân giận, nhìn chăm chăm ngài không dứt. Đè Bà nói: Thiên Thần là bậc cao minh, lòng dạ nào có hẹp hòi như vậy. Thiên thần dùng oai đức thánh minh để cảm hóa mọi người; dùng trí tuệ, phước đức để thuyết phục lòng dân. Đấng này ông lại đem vàng kim dán đầy lên thân tượng rồi tụ đấ, dùng đá thủy tinh tạo nên mắt thần rồi làm cho chuyển động để lừa người. Như vậy đâu có còn là thần nữa, cũng chẳng phải lòng dân mong đợi! Nói xong, Đè Bà dùng cầu thang leo lên đến ngang mặt tượng, gỡ mắt đi một con mắt của thần. Những người xung quanh thấy vậy đều giật mình sửng sốt, trong tâm khởi lên nghi ngờ: "Đại Tự Tại Thiên tại sao lại bị một người Bà La Môn bé tí gây khó dễ như thế? Có lẽ vị thần này không có linh nghiệm như lời đồn, mọi người chỉ nghe qua rồi vội tin, thảo nào thần mang tiếng linh nghiệm đã bị lời lẽ của Đè Bà làm chao đảo". Lúc đó, Đè Bà nói với mọi người rằng: Thần minh cao lớn, tiếng vang xa rộng khắp. Ngài cố ý tạo ra một tình huống để thử tôi. Tôi hiểu được ý của thần, cho nên đến bên pho tượng gỡ một mắt của ngài xuống, để cho mọi người hiểu rằng

thần minh không cần mượn vàng kim làm thân hay đá quý để làm mắt rồi hiển hiện cho mọi người thấy. Đức độ không cần phải nhờ vào hình hài được trang điểm giả tạo như vậy. Tôi làm như vậy không hề có ý xem thường thiên thần, cũng chẳng có ý nhục mạ ngài. Nói dứt lời, Đê Bà rời khỏi miếu.

Suốt đêm đó Đê Bà chuẩn bị nhiều phẩm vật, để sáng sớm đến miếu dâng lên thần. Ngài vốn được nhiều nước tin tưởng, tôn kính, bây giờ lại thông hiểu được ý của thần, cho nên chỉ cần mở lời là mọi người đã hưởng ứng ý kiến. Chỉ trong một đêm, tất cả những lễ vật, những thức ăn cao lương mỹ vị được bày lên đầy đủ.

Lúc đó, Thiên Thần hiện thân làm người, thân cao bốn trượng, nhưng chỉ còn một mắt phải, mắt trái bị lờm. Thần đến ngồi vào bàn tiệc, nhìn tất cả lễ vật của Đê Bà, những món đặc sản, khen rằng ngon đẹp, từ trước đến nay chưa từng thấy. Thiên Thần cũng tán thán Đê Bà phước đức sâu dày, mới có thể soạn ra những món ăn thơm ngon, quý lạ như vậy, rồi bảo: “Ông mới thật hiểu được ý của tôi, những người kia

họ chỉ nhìn tôi bên ngoài mà thôi. Ông mới thành tâm cúng dường cho tôi, những người kia chỉ làm ra vẻ dâng cúng mà thôi. Hiểu được tôi và cung kính tôi chỉ có ông, những người còn lại họ sợ tôi, làm méo mó hình tượng của tôi. Những thức ăn cao lương mỹ vị mà ông dâng lên đây, không có một món nào khác có thể sánh được. Nhưng những món này không phải thứ mà tôi mong muốn, nếu ông có thể tặng thứ mà tôi thật sự cần thiết, mới là bố thí cao thượng nhất!”. Đè Bà nói rằng: “Đại Tự Tại Thiên! Ngài có thể hiểu thấu lòng tôi. Ngài cứ nói, tôi sẽ vì ngài mà đáp ứng!”. Thiên Thần bảo: “Con mắt bên trái của tôi không còn, ông dám móc mắt trái tặng cho tôi không!”. Đè Bà đáp: “Được, tôi sẽ móc ra tặng ngài!”. Ngài lập tức đưa tay trái lên, móc con mắt bên trái của mình ra trao cho Thiên Thần.

Vì có lực của Thiên Thần, nên Đè Bà vừa mới móc tròng mắt ra, tròng mắt mới liền mọc ra. Cứ như thế, lấy cũ mọc mới, trong một ngày đêm, cả vạn cái tròng mắt được móc ra. Thiên thần tán thán: “Tốt lắm! Tốt lắm! Ông tuổi tuy còn trẻ nhưng rất bản lĩnh, nói

được làm được! Như thế mới gọi là bổ thí cao thượng! Ông có nguyện vọng gì chẳng? Nhất định sẽ giúp ông được như ý”.

Đề Bà đáp: “Tôi không giấu gì ngài nguyện vọng của tôi. Tôi thì không chú trọng hình thức, chỉ cảm thấy xót thương chúng sanh quá ngây ngô, thơ dại, lại không tiếp nhận được lời dẫn dắt của tôi. Xin ngài giúp cho lời nguyện của tôi được viên mãn, là làm sao những lời tôi nói khiến cho mọi người đều tin nhận. Tôi chỉ có duy nhất một lời nguyện như vậy, những thứ khác không tham cầu”. Thiên thần bảo: “Tốt! Nhất định sẽ được như ý ông muốn!”.

Đề Bà sau khi rời khỏi miếu thần, đi đến bái kiến Bồ Tát Long Thọ, xuống tóc xuất gia, thân đắp pháp phục, đi khắp nơi hoằng dương chánh pháp.

Dương thời, vua nước Nam Ấn Độ thống lãnh các nước nhỏ. Quốc vương tin theo tà đạo, trong nước không hề thấy một bóng dáng bậc Sa môn họ Thích. Cho nên, cả nước trên cũng như dưới, xa cũng như gần, tất cả đều bị tà giáo đồng hóa. Đề Bà suy nghĩ: “Nếu không đốn tận gốc cây, thân cành khó mà ngã

theo hướng mong muốn được. Cũng như vậy, nếu không hướng dẫn giáo pháp cho nhà vua trước, chánh pháp sẽ khó bề thực hiện trong quốc dân”.

Theo luật của đất nước này, triều đình theo định kỳ chi tiền tuyển chọn người bảo vệ cung điện. Đề Bà nghe tin, ứng thí vào vị trí tướng quân. Ngài mang giáo mác đi trước toàn quân, chỉ huy đội hình có trật tự, thứ lớp. Không cần ra vẻ oai nghi, nhưng đều khiến cho pháp lệnh được thi hành nghiêm túc, không cần hiển bày hết đức hạnh, nhưng toàn quân ai nấy cũng tin phục vâng lệnh. Nhà vua biết được chuyện, lấy làm vui mừng, bèn hỏi: “Người này là ai”? Người hầu cận đáp: “Người này đến ứng thí làm tướng quân, nhưng không nhận lương thực, và cũng chẳng nhận tiền cấp dưỡng của triều đình. Ông ta làm việc hăng say và có trách nhiệm, luyện tập lại rất nghiêm túc, hạ thần cũng không biết động lực nào khiến ông ấy đến đây?”.

Nhà vua cho người gọi Đề Bà đến gặp. Vua hỏi: “Ông là người thế nào?” Đề Bà đáp: “Tôi là người có trí tuệ thông suốt tất cả”. Nhà vua nghe xong giật



mình, liền hỏi: “Lâu lắm mới có một bậc trí tuệ như thế xuất hiện, sao ông lại tự xưng mình như vậy? Làm sao để biết được những lời ông nói là thật”? Đề Bà đáp: “Muốn biết trí tuệ của tôi, từ những lời tôi thốt ra cũng có thể biết. Quốc vương, thỉnh ngài chắt vấn tôi!”.

Nhà vua trong lòng nghĩ: “Ta là nhà đại luận sư có trí tuệ nhất trong vùng. Nếu câu hỏi của ta có thể đánh bại được người này, làm cho ông ta khuất phục, cũng chưa phải là xứng đáng để ca ngợi. Nhưng nếu không may ta thua ông ta, thì đây không phải là chuyện nhỏ. Tình cảnh này, nếu ta không đưa ra câu hỏi, thì ta đã chấp nhận thua trước rồi”. Nhà vua do dự cả buổi, cuối cùng bất đắc dĩ hỏi Đề Bà: “Những vị thiên thần trên trời trong lúc này đang làm gì?”. Đề Bà đáp: “Bây giờ họ đang đánh nhau với A Tu La”. Nghe tới đây, nhà vua có cảm giác như ăn thức ăn bị mắc nghẹn, muốn nuốt không xuống mà khạc cũng không ra. Muốn phủ nhận câu trả lời, nhưng khổ nỗi không có bằng cứ; muốn tán đồng với Đề Bà lại không có gì để chứng minh. Trong lúc nhà vua chưa biết nói thế

nào thì Đề Bà tiếp lời: “Tôi không có nói suông, bệ hạ đợi một lát sẽ rõ”. Vừa dứt lời, vô số loại binh khí ngắn dài từ trên trời liên tiếp rơi xuống. Quốc Vương bảo: “Tuy mâu, mác, giáo, kích là những loại vũ khí dùng trong các cuộc chiến, nhưng làm sao ông có thể chắc chắn là họ đang đánh nhau?”. Đề Bà đáp: “Những lời tôi nói bệ hạ còn cho là không thật sao. Có lẽ dùng lời không bằng dùng việc thật để chứng minh!”. Vừa nói hết lời, trên không trung rơi xuống vô số tay, chân, ngón tay, ngón chân, lỗ tai, lỗ mũi của các A Tu La. Nhà vua vừa nhìn thấy, liền năm vóc đánh lễ Đề Bà, một lòng tiếp nhận lời dạy của ngài. Tiếp đó trong cung điện có cả vài vạn người thuộc dòng tộc Bà La Môn đều xin xuống tóc xuất gia, vâng giữ giới pháp. Bấy giờ, Đề Bà tại hoàng thành dựng lên một pháp tòa cao và lập ra ba luận điểm:

Thứ nhất: trong tất cả bực thánh, Đức Phật là cao nhất.

Thứ hai: trong tất cả các pháp, giáo pháp của Đức Phật là vô thượng.

Thứ ba: trong những người cứu độ nhân loại,

không ai bằng đức Phật và Chư tăng.

Các vị luận sư đến từ tất cả các nơi, nếu có bất kỳ ai lật bỏ được ba luận điểm này, tôi sẽ lập tức chặt đầu mình nhận thua. Bởi vì sao? Bởi vì tôi lập nên được những luận điểm này mà không trụ vững được, tức là ngu si rồi. Cái đầu ngu như vậy cũng không giữ lại làm gì! Chặt bỏ cái đầu này để chịu tội, cũng chẳng có gì lấy làm tiếc!

Các vị luận sư sau khi nghe Đề Bà nêu ra giao ước, tất cả tập trung lại trước mặt ngài, đồng lòng thề rằng: “Nếu như chúng tôi tranh luận thua, cũng sẽ tự chặt đầu. Cái đầu ngu si ấy cũng không cần đến nữa thì chặt đi cũng không có gì để tiếc”. Đề Bà đáp: “Giáo pháp của Đức Phật dạy tôi phải thấm nhuần lòng từ bi, thương yêu muôn loài. Nếu lập luận của quý vị không hơn tôi, chỉ cần cạo sạch râu tóc làm đệ tử đức Phật là đủ rồi, không cần phải chặt đầu đâu!”.

Giao ước được thỏa thuận xong, có nhiều vị luận sư từ nhiều nơi đến, chuẩn bị sẵn nghìn lý thù thắng để biện luận cùng Đề Bà. Những vị thông minh nhưng chưa xuất sắc lắm, Đề Bà chỉ cần một câu là khuất

phục được họ. Những vị tài trí lão luyện hơn, nhiều lắm cũng không hơn hai ngày, Đề Bà đã làm cho họ đuối lý cạn lời. Theo đà như vậy, có nhiều vị luận sư xuống tóc làm đệ tử Đức Phật. Cuộc biện luận vẫn cứ tiếp diễn, người thua cuộc càng ngày càng đông. Mỗi ngày nhà vua cho mười chiếc xe chở y áo và bình bát đến nơi, rông rã trong suốt ba tháng trời. Tính đến ngày kết thúc, Đề Bà đã hóa độ được trăm vạn người.

Trong số những người thua cuộc, có đệ tử của một nhà ngoại đạo. Người này tánh tình hung dữ, ngoan cố. Thầy của ông ta đã bị Đề Bà đánh bại, khiến ông cảm thấy bị sỉ nhục, tuy ông không biểu hiện ra bên ngoài, giả vờ tùy thuận theo đại chúng, nhưng trong lòng chất chứa oán giận. Một hôm ông bèn ngậm dao phát lời thề: “Ông dùng lời nói để làm thầy tôi thua cuộc, tôi sẽ dùng dao để thắng ông. Ông đã dùng con dao vô hình để xâm phạm thầy tôi, tôi sẽ lấy con dao thật để trả thù ông!”. Sau khi phát ra những lời thề độc như vậy, lúc nào bên cạnh người này cũng mang theo một con dao bén, đợi thời cơ đến sẽ đâm Đề Bà. Bấy giờ tất cả các luận sư xuất chúng khắp nơi đều bị Đề Bà

khuất phục. Xong việc, ngài đi vào rừng sâu tìm nơi yên tĩnh, viết “Bách Luận” gồm hai mươi phẩm, và soạn “Tứ Bách Luận” để đánh tan vô số tà kiến ngoại đạo. Những người đệ tử của ngài cũng ngồi xung quanh dưới các gốc cây, tọa thiền tư duy.

Vào một hôm, Đề Bà tọa thiền xong, đứng lên đi kinh hành trong rừng. Ngay lúc đó vị đệ tử của ngoại đạo đến bên cạnh ngài, tay cầm con dao rất bén có mũi nhọn, nói với Đề Bà: “Ông dùng lời để phá kiến giải của thầy tôi. Lời của ông làm sao mà thắng qua cái dao này đâm qua bụng ông!”. Vừa dứt lời, ông ta lập tức dùng dao đâm mạnh vào bụng, làm cho nội tạng của ngài rơi xuống đất. Đề Bà bị đâm xong, trước lúc nhắm mắt, ngài còn từ bi xót thương người thiếu trí ác độc này, bèn nói với ông ta: “Tôi có ba tấm y và một bình bát để ở chỗ ngồi của tôi, ông có thể cầm lấy rồi đi ngay. Nhanh tìm hướng có núi cao mà trốn! Đừng có chạy xuống phía đường lớn ở đồng bằng. Ở đó tôi có rất nhiều vị đệ tử chưa chứng đắc pháp nhẫn<sup>6</sup>,

---

<sup>6</sup> 法忍 Pháp nhẫn:

chắc chắn họ sẽ tìm cách bắt ông, đến lúc đó nhà vua sẽ trối ông lại hành pháp.

Vì ông chưa thấm nhuần được hương vị của pháp, nên chỉ biết trân quý cái sắc thân, chấp tình còn quá sâu nặng, đối với danh tiếng còn quá quan tâm, quá chú trọng. Vì chỉ biết vì sắc thân này và danh tiếng, mà phải gánh lấy vô số đau khổ. Thân thể và danh dự là nguồn gốc của phiền não. Vì không nghe được Phật pháp nên người thiếu trí tuệ thường bị vọng tưởng làm điên đảo mà phạm sai lầm, quý cái thứ không đáng giá,

---

(1) Nghĩa là đối với pháp nghĩa vi diệu, thâm sâu được nói trong các kinh, không sanh tâm lo sợ mà có thể siêng năng học hỏi, đọc tụng để an trú trong chân lý của giáo pháp. Nhẫn là nhẫn nại, đồng thuận, an nhẫn, nghĩa là có thể kham nhẫn cảnh trái nghịch mà không khởi tâm sân hận. (Trích: Đại Từ Điển Phật Quang, quyển 4, trang 3351)

(2) Đại sư Ấn Thuận, “Bát Nhã Kinh Giảng Ký”, trang 89: “Theo Âm Tiếng Phạn, Sàn Đề (Kṣānti) tức là “nhẫn”. Nhẫn không những là nhẫn nhục, mà còn có nghĩa là nhẫn khổ, chịu cực, đồng thuận (nhìn thấu rồi quyết định) sự và lý. Nói về nhẫn, các luận thuyết đề cập đến ba ý. 1: Nhẫn chịu các nỗi khổ trong công việc giữa người với người, gọi là “sanh nhẫn”. 2: Nhẫn chịu các lao khổ, bệnh khổ trong thân tâm, cho đến các nỗi khổ do mưa gió, nóng lạnh gây ra, gọi là “pháp nhẫn”. 3: An nhẫn trong tính vô sanh của các pháp gọi là “vô sanh nhẫn”, “Vô sanh nhẫn” là trí huệ bát nhã.

thứ quý giá lại xem thường, như thế không phải quá đau lòng sao? Tôi đã thọ nhận giáo lý của đức Phật, nên không làm những hành vi khờ dại như thế. Điều khiến cho tôi bận tâm là ông đã bị tâm cuồng vọng đánh lừa, về sau phải chịu quả khổ không có chỗ dừng nghỉ, bị ác độc của sân hận phiền não thiêu đốt, đến đâu cũng chỉ biết khóc mà nhận lấy. Nhưng mà vốn dĩ không có người thọ quả báo, cũng không có chủ thể tạo nghiệp. Người và chủ thể đều không, thì bi thương khổ não là ai? Dùng thực thể để cầu vô thể, mà thực thể là không, thì thực thể ấy không có chỗ đạt đến. Người chưa thể ngộ được đạo lý này, dễ dàng bị tâm niệm cuồng loạn làm mê hoặc, bị những ý nghĩ sai lầm điên đảo làm chướng ngại. Bởi vì còn mong cầu, khiến cho tâm chấp trước bám vào trên sự tướng, nên mới có ngã (tôi), có đối phương, có khổ, có vui ... vô số phân biệt như vậy.

Khổ và vui có mặt, đều do “xúc” mà sanh ra chấp trước (“xúc” là nhận thức được sanh khởi do sự hòa hợp của sáu căn, sáu cảnh và sáu thức. Nếu gặp được cảnh đẹp, lập tức cảm thấy vui, đến nơi không vừa ý

cảm giác khổ có mặt). Nếu diệt trừ được chấp trước, thì có thể thấy được chân tướng của vạn pháp. Khi ấy những nhận thức sai lầm không có chỗ bám vào. Những sai lầm không thể tiếp tục sanh khởi thì sẽ không còn “khổ”, “khổ” không còn thì “lạc” cũng không. “Khổ” và “lạc” không còn sanh khởi, tịch tịnh sẽ gần kề”. Nói xong những lời này, một vị đệ tử hay tin trước tiên, đến bên cạnh ngài, nhìn cảnh tượng thật đau lòng, đau đớn la lớn tiếng. Những vị khác nghe được tiếng kêu la, từ trong rừng chạy đến. Những người chưa chứng đắc được pháp nhãn hốt hoảng sợ hãi, đấm ngực đập đất, gục tại chỗ than khóc: “Oan uổng quá! thảm khóc quá! cuối cùng là ai đã đối xử với thầy của tôi như vậy?”. Có người chạy đi như phát cuồng, muốn bắt cho được ác tặc. Mọi người chia nhau đi tìm, la lớn tiếng: “Nhanh đuổi theo ác tặc!”. Âm thanh vang dội đến khắp các khe núi yên tĩnh.

Bấy giờ, Đề Bà từ bi căn dặn các đệ tử: “Trong thật tướng của các pháp, có người bị oan sao? Ai là tàn khóc? Ai là giết người? Ai là thân thể bị cắt rời? Trong thật thể của các pháp, không có một người thọ



quả báo, và cũng không có người gây hại. Ai là người thân? Ai là kẻ thù? Ai là ác tặc? Ai là người hành hung giết hại? Các thầy đã bị chất độc của ngu si làm lòa mắt, vọng tưởng sanh phân biệt chấp trước nên đã khóc than náo loạn, hạt giống thiện không được gieo trồng tươi tắn. Thật ra, người đó chỉ giúp tôi chấm dứt những tội chướng, không hề làm tổn hại đến tôi! Các thầy cần phải suy xét lại, không được phát cuồng lên chạy đi rượt bắt ông ta, càng không nên đau lòng thống khổ vô ích”. Nói xong, Đề Bà an tường xả báo thân, tự tại vào Niết Bàn.

Bồ Tát Đề Bà do móc hết một mắt trao cho Thiên Thần, nên chỉ còn lại một mắt. Thời bấy giờ mọi người gọi Ngài là “Độc Nhãn Đề Bà” (nghĩa là Đề Bà một mắt).

Trong câu chuyện này có những điểm chúng ta nên nhớ để thức tỉnh chính mình:

Bồ Tát Đề Bà không tiếc thân mạng, vì pháp quên mình, phá tà hiển chánh. Ngài không phải cùng người tranh hơn thua, mà vì xót thương ngoại đạo không hiểu được chánh pháp, mong muốn hướng dẫn họ

hướng đến chánh đạo, đạt được giải thoát.

Bồ Tát Đề Bà tuy chỉ còn một con mắt, nhưng không chú trọng tướng mạo bên ngoài. Ngài không còn chấp ngã, không còn tướng vô ngã, không còn tướng chúng sanh, chỉ có lòng từ bi, đối với người hại mình không khởi tâm sân giận, chỉ mong cho người ấy được trốn thoát, khuyên răn đệ tử không nên đuổi bắt. Đúng là từ trong vô ngã phát khởi tâm từ bi chân thật.

Đề Bà căn dặn các đệ tử: Có nhân tạo nghiệp tức có quả thọ nhận. Khi chưa thọ quả báo mà không chịu tu tập, thì nghiệp lực không thể chuyển hóa dần được. Ngoại đạo giết tôi, chỉ giúp những nghiệp báo đời trước của tôi đến đây kết thúc, ông ta chẳng phải hại tôi!

Chúng ta thiết nghĩ: Người bình thường nếu gặp ai chửi tôi, giết tôi, hay có ai muốn báo thù, thì sẽ nghĩ: Tôi đối với người rất tốt, tại sao người lại đối xử với tôi như vậy? Suy nghĩ như vậy chỉ là nông cạn bên ngoài thôi. Nếu chúng ta bị người hại, có thể quán chiếu như Bồ Tát Đề Bà không?

Cùng quý vị chia sẻ đến đây, chúng ta cùng nhau  
tinh tấn!

*Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 09 tháng 11 năm 2013*

# Phước huệ tập 4

## 福慧集 4

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Vạn Lợi, Thích nữ Hạnh Tín, Thích nữ hước Ngọc

越南文翻譯：釋萬利，釋行信，釋福玉

**Printed and donated by**

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation  
11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

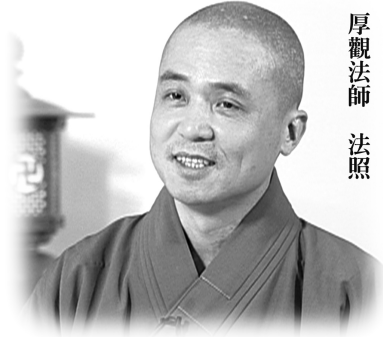
## Lời ngỏ

Lần này phát hành “Phước Huệ Tập” cuốn thứ 4, gồm 18 câu chuyện kinh Phật ngụ ý thâm sâu, nội dung có cao có thấp.

Trong câu chuyện “Tiếng trống không bằng tiếng thom”, có người thỉnh hỏi đức Phật: “Con người đi tìm cầu phú quý, tiếng thom, rất vất vả để đuổi theo chúng, nhưng chưa chắc đạt được, vậy có trường hợp nào chúng tìm đến chúng ta không?”

Đức Phật trả lời: “Có chứ! Những hành động mà con người đã tạo, như hình theo bóng, như âm vang theo tiếng. Hành thiện thì được quả vui. Gieo ác thì chịu quả khổ. Nhân quả không thể tách rời. Nếu đã tạo quả xấu, mà mong được an vui, thì chuyện đó không thể được. Cho nên, quan trọng

Thích Hậu Quán



厚觀法師  
法照

không phải ở chỗ chạy theo danh lợi, mà cần phải vun bồi phúc đức. Có bao nhiêu công đức thì sẽ gặt hái được bấy nhiêu phúc báu.”

Vua A Dục lúc còn trẻ có quyền uy rất lớn, thống trị toàn nước Ấn Độ, mệnh lệnh của đức vua không ai dám làm trái, nhưng đến khi bị bệnh, lúc sắp lâm chung, mệnh lệnh của vua truyền xuống không ai phục tùng. Khi Đức vua muốn dâng tài vật lên cúng dường Tam bảo, mọi người xung quanh không ai đồng ý, cuối cùng họ chỉ đưa cho Ngài nửa trái am ma la. Muốn biết tình tiết của câu chuyện như thế nào, hãy tìm đọc “A Dục Vương cúng dường Tăng chúng nửa trái am ma la” sẽ thấu hiểu được nguyên lý: “Giàu rồi cũng nghèo khó, có hợp thì sẽ có tan”. Lúc tuổi trẻ thân thể cường tráng, quyền cao chức trọng, lời nói còn giá trị; Nhưng một khi tuổi già đến, trí nhớ không còn minh mẫn, đi đứng khó khăn, chỉ biết nương vào cây gậy, muốn đến đâu cũng phải có người dìu bên cạnh, thì dù có giàu đến đâu cũng không làm chủ được. Vậy nên, chúng ta phải biết quý trọng thân thể khi còn khỏe mạnh. Để có thể tự quyền quyết định, cần phải vun

bồi nhiều công đức, cần phước huê song tu.

Trong câu chuyện “Phiền não chưa đoạn hết, gặp duyên vẫn nảy sinh” đề cập đến ba nguyên nhân làm cho phiền não nảy sinh: Thứ nhất là “nhân lực”, chỉ phiền não chưa diệt tận gốc, đây là nhân chủ yếu khiến nảy sinh phiền não.

Thứ hai là “cảnh giới lực”, nghĩa là thích hay ghét môi trường mà chúng ta đang đối diện, đây là cái trợ duyên giúp cho phiền não phát sinh.

Thứ ba là “gia hành lực”, chỉ cho suy nghĩ không đúng đắn. Ví dụ trước đây cãi nhau với người, tuy thời gian đã trôi qua rất lâu, người kia không còn xuất hiện, nhưng vì tư duy không đúng, nên chỉ cần nghĩ đến là giận, phiền não sẽ trôi dậy. Nếu phiền não không được đoạn tận gốc, thì chẳng khác nào chỉ cắt cỏ trên ngọn, gặp tiết xuân cỏ lại nảy mầm. Cũng như rắn độc tạm thời ngủ đông ở trong hang, chỉ cần xuân về, chúng sẽ bò ra cắn người. Chúng ta nhìn lại xem có phải tham, sân, si, mạn, nghi, phiền não... rất dễ sanh khởi. Vậy làm thế nào để phiền não không còn hiện hành. Câu chuyện này



rất đáng để suy ngẫm.

Ấn Độ cổ đại có chế độ phân chia chủng tánh, tôn ti, quý tiện... phân chia giai cấp rất rõ ràng. Chỉ có đức Phật là không phân biệt chủng tánh, giai cấp, bình đẳng thâm nhận, nên đã hóa độ cho Ưu Ba Ly được xuất gia. Ưu Ba Ly xuất thân từ gia đình thuộc giai cấp nô lệ Thủ đà la, làm nghề cắt tóc nuôi thân, chưa từng học qua một trường lớp nào. Không những thế Ưu Ba Ly đã chứng đắc A la hán sớm hơn các thầy Tỳ kheo xuất thân từ giòng họ Thích Ca, thậm chí còn trở thành một trong số mười đệ tử xuất chúng của đức Thế Tôn. Vậy, Đức Phật đã dùng phương pháp thiện xảo gì để hóa độ Ưu Ba Ly, và làm sao để hàng phục được tâm cao mạn của những thầy Tỳ kheo kia?. Trong câu chuyện “Ngã mạn tuy tự cao, nhưng thực tế là hạ thấp ” miêu tả rất thú vị. Người ta thích so sánh Tỳ kheo cao quý và thấp hèn, xuất thân, tướng mạo, giàu có, địa vị, thông minh. Đến cả nhãn hiệu cũng thích mang ra so: “Di động của tôi là cảm ứng, điện thoại của anh là cùi bắp.”

Đức Phật dạy: “Người ngã mạn tự cho mình cao hơn người một cấp, nhưng thực chất họ đã tự hạ thấp mình xuống một bậc.” Khi chúng ta đi học, thường gặp những học sinh học giỏi, người có tài năng khiến cho ai nấy đều rất ngưỡng mộ. Tại sao có người quá thông minh, và lại có người học hoài mà cũng không hiểu? Trong câu chuyện “Ma Ha Lô vì ích kỷ không bố thí pháp nên phải chịu quả báo ngu si, nhờ sám hối mà đắc đạo” kể rằng, có thầy Tỳ kheo già, căn tánh đần độn. Có năm trăm thầy Tỳ kheo thay nhau đến dạy cho thầy, trải qua thời gian rất dài, vậy mà đến một bài kệ cũng không thuộc, nên mọi người đều khinh thường, không muốn ở chung với thầy ấy. Họ thường sai thầy Ma ha lô giữ tịnh xá và làm tạp vụ. Nhưng nhờ đức Phật giáo hóa, thầy bỗng nhiên đại triệt, đại ngộ, nhớ lại các việc trong đời trước như đang xảy ra trước mắt, tất cả kinh luật luận đã học đều thông suốt. Rốt cuộc là do nguyên nhân gì khiến vị Tỳ kheo ấy, kiếp này phải ngu muội để người khác xem thường như thế, và do đâu mà có thể khai mở đại trí huệ? Trong kinh dạy rằng: “Keo kiệt tài vật, không muốn bố thí, sẽ chịu quả báo nghèo cùng, ích kỷ pháp,

không thích chia sẻ pháp, sẽ bị quả báo ngu si.”

Ngài Long Thọ trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận đưa ra bốn lý do khiến cho trí tuệ bị thối thất, và cũng có bốn nguyên nhân giúp cho trí tuệ được tăng trưởng.

Vậy bốn lý do nào khiến cho trí tuệ bị thối thất?

Thứ nhất: Không biết cung kính pháp và không biết tôn trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Người hiểu được Phật pháp lại không phát tâm truyền đạt.

Thứ ba: Cản trở việc học hỏi giáo pháp của người muốn được nghe pháp.

Thứ tư: Ngã mạn tự cao, khinh khi người.

Trên đây là bốn lý do khiến cho trí tuệ chúng ta bị lu mờ.

Bên cạnh đó, lại có bốn nguyên nhân giúp trí

tuệ được tăng trưởng.

Thứ nhất: Cung kính pháp và tôn trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Trong tâm rất thanh tịnh và hoan hỷ hướng dẫn cho người muốn hiểu biết Phật pháp.

Thứ ba: Tinh tấn học hỏi giáo pháp, như cứu lửa cháy trên đầu.

Thứ tư: Khi nghe được giáo pháp rồi, chuyên cần thực tập, không giải đãi, ở đây chú trọng sự thực hành.

Bốn điều trên đây là nguyên nhân giúp cho trí tuệ của chúng ngày càng khai mở.

Chúng ta phải tự quán sát rằng: Chúng ta có muốn trở thành người ngu si không?. Nếu muốn được thông minh sáng suốt, thì không những cung kính pháp mà còn phải cung kính người hướng dẫn; Hãy tinh tấn lắng lòng nghe chánh pháp, nương vào đó mà áp dụng, nếu chưa hiểu, thì nhanh chóng học hỏi, hiểu được rồi cần phải biết chia sẻ lại cho

người khác. Ngoài ra còn có rất nhiều câu chuyện thức tỉnh lòng người, mong sao giúp người đọc thấu hiểu sâu sắc mỗi câu chuyện. Từ những câu chuyện này, mọi người tự nhận ra nhiều chân lý, tận tình cùng nhau chia sẻ, tự lợi, lợi tha. Đây là cái duyên để trong tương lai được gặp đức Phật, được lắng nghe giáo pháp.

Phước Nghiêm - 02.01.2015

# Mục lục

Lời ngỏ .....	3
Mục lục.....	11
BÀI 1: TIẾNG TRỐNG KHÔNG BẰNG TIẾNG THƠM.....	13
BÀI 2: BỐ THÍ VỚI TÂM THANH TỊNH, QUẢ BÁO KHÓ LƯỜNG...22	
BÀI 3: VUA A DỤC DẰNG NỬA TRÁI AM MA LA CÚNG DƯỜNG CHƯ TĂNG .....	30
BÀI 4: NGƯỜI TIN TAM BẢO LÀ NGƯỜI GIÀU CÓ NHẤT .....	44
BÀI 5: THAM CẦU TIẾNG TẮM LỢI DƯƠNG, CHƯỞNG NGẠI ĐƯỜNG TU .....	54
BÀI 6: PHIỀN NÃO CHƯA ĐOẠN TẬN, GẶP DUYÊN VẮN SANH KHỞI .....	62
BÀI 7: HAI HẠNG NGƯỜI NGU: NGƯỜI KHÔNG BIẾT SÁM HỐI VÀ NGƯỜI KHÔNG BIẾT NHẬN SỰ SÁM HỐI.....	71
BÀI 8: NGƯỜI TRÌ TỊNH GIỚI TRƯỚC THẤY PHÁP THÂN ĐỨC PHẬT .....	79
BÀI 9: XẢ BỎ TÍNH MẠNG ĐỂ HÀNH TRÌ GIỚI ĐỨC PHẬT CHẾ..87	
BÀI 10: ĐỨC PHẬT DÙNG BA PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TỰ ĐIỀU PHỤC, VÀ ĐIỀU PHỤC MỌI NGƯỜI .....	94
BÀI 11: NGÃ MẠN TUY TỰ CAO, NHƯNG THẬT TẾ LÀ HẠ THẤP .....	103
BÀI 12: NGƯỜI TRÍ NÊN CUNG KÍNH NGƯỜI ĐỨC HẠNH.....	124
BÀI 13: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA KHÔNG NGHE LỜI KHUYẾN CAN, TỰ NHẬN KHỔ NÃO .....	141
BÀI 14: MA HA LÔ VỊ ÍCH KỶ KHÔNG BỐ THÍ PHÁP CHỊU QUẢ BẢO NGU SI, NHỜ SÁM HỐI MÀ ĐẮC ĐẠO.....	149
BÀI 15: BỊ TRÓI BUỘC BỞI SẮC LÀ BỊ GIAM CẦM THỰC SỰ ....	157

BÀI 16: MUỐN ĐƯỢC AN ỔN CÁT TƯỜNG, PHẢI BIẾT LẮNG  
NGHE..... 165

BÀI 17: ĐỨC PHẬT HÓA LÀM TỶ KHEO NI TRANG ĐIỂM DIỄM LÊ  
ĐỂ ĐỘ THẦY TỶ KHEO ..... 174

BÀI 18: ĐỨC PHẬT ĐỘ NGƯỜI HỐT PHÂN NI ĐỀ ..... 181

## BÀI 1: TIẾNG TRỞNG KHÔNG BẰNG TIẾNG THƠM

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Phật Thuyết Thiên Vương Thái Tử Tịch La, trong Đại Chánh Tạng quyển 15, trang 130b - 131a.

Ngày xưa, lúc đức Phật ở tại nước Xá Vệ vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, có vị Thái tử của thiên vương, tên là Tịch La, từ trên trời bay xuống đến trước đức Thế Tôn, hướng về đức Thế Tôn đánh lễ năm vóc sát đất, rồi đứng qua một bên chấp tay thưa hỏi đức Phật: “Người trong nhân gian, đều bị cuốn trôi theo y phục, ẩm thực, trần bảo, dục lạc, địa vị và đất đai. Vậy, có trường hợp nào, trần bảo tìm đến con người không?”

Đức Thế Tôn tán thán: “Ông hỏi thật chí lý! Đúng là có trường hợp đất đai, trần bảo, dục lạc tìm



đến con người.”

Tịch La lại tiếp tục hỏi: “Có thể khiến những nguyện vọng như ý luôn theo sát con người, rốt cuộc là có ý nghĩa gì?”

Đức Thế Tôn đáp: “Hành vi của con người có thể phân làm hai loại: Một là làm thiện sẽ được phước đức, hai là tạo ác sẽ nhận chịu tai họa, hoạn nạn. Bất kể tai nạn hay phước đức, đều luôn theo con người như bóng theo hình.”

Tịch La nói: “Vi diệu thay! Vi diệu thay! Thật đúng như lời đức Thế Tôn dạy! Nghĩ lại về kiếp quá khứ, tôi từng làm vua ở nhân gian, vì nghĩ đến sự sống vô thường, nên muốn bố thí. Một hôm, trong buổi triều, tôi nói với quần thần rằng: “Trăm ao ước đóng một chiếc trống to, mong sao tiếng trống ấy vang vọng khắp mười phương, cho dù có người ở cách xa trăm dặm vẫn có thể được nghe. Vậy, ai có thể làm được việc này?”

Các đại thần đều tâu: “Chúng hạ thần thật sự không có năng lực!”

Lúc ấy, có một vị đại thần tên là Khuông Thuợng, rất trung thành với vua, thường dùng lòng từ bi cứu giúp nhân dân. Ông tiến lên phía trước tâu với đức vua rằng: “Hạ thần làm được việc này! Nhưng cần có một số tiền rất lớn!”

Đức vua nói: “Rất tốt!”. Bèn cho mở quốc khố, giao cho Khuông Thuợng rất nhiều tiền, vàng bạc, châu báu

Đại thần Khuông Thuợng đánh xe chở số tài sản quý giá đó ra trước cổng hoàng cung, rồi ông đánh trống thông báo với toàn dân: “Hoàng thượng chúng ta có lòng nhân đức, có tâm đại từ bi, muốn thực hành hạnh bố thí, không phân biệt bậc thánh, kẻ phàm, người xuất gia hay chúng tại gia, cũng không phân chia cao sang hay thấp hèn. Vua muốn cứu giúp cho tất cả người nghèo khó, cúng dường y phục và thức ăn cho những người tu hành. Ai là người khó khăn hay bần cùng, tất cả hãy nhanh tập trung về cổng hoàng cung!”

Người nghèo khổ khắp nơi nghe được tin này, lũ lượt kéo đến. Mẹ ẵm con thơ, trẻ em dẫn người

già, người đến liên tục không dứt, đông chật cả con đường. Có người ngược lên trời nói rằng: “Chúng tôi những người dân nghèo khổ, cuối cùng hôm nay cũng đã được cứu mạng rồi!”

Một năm sau, vua hỏi đại thần: “Chiếc trống lớn đã làm xong chưa?”

Đại thần: “Thưa, trống đã làm xong rồi.”

Đức vua: “Đã làm xong rồi, tại sao không nghe tiếng trống?”

Đại thần trả lời: “Đức vua thánh minh, xin Ngài xuất khỏi giá ra ngoài cung điện, đích thân đi quanh thành một vòng, sẽ nghe được tiếng trống của Phật pháp vang dội khắp mười phương!”

Đức vua ra lệnh chuẩn bị xe ngựa, ra ngoài hoàng cung, đến bên ngoài thành nhìn thấy người chen chúc nhau, đông nghẹt quanh thành. Ngài hỏi: “Sao mà người đông thế?”

Đại thần thưa: “Ngày trước Hoàng thượng ra lệnh cho hạ thần làm một chiếc trống lớn, với mong

muốn dù người ở xa trăm dặm cũng có thể nghe được âm vang của trống,. Hạ thần nghĩ, để cho tiếng tốt của vua được truyền đi khắp bốn phương, mà dùng cây khô làm thân trống, lấy da trâu chết kéo làm mặt trống, thì tiếng trống như thế không thể truyền hết danh tiếng thơm lừng của đức vua được; Cho nên hạ thần đã mang hết của cải mà Ngài giao cho, để sắm sửa thức ăn và y phục, dâng lên cúng dường sa môn, phạm chí... những người tu hành và bố thí cứu giúp những người nghèo khó. Từ lúc dán cáo thị, dân chúng từ các nước lân cận đều hướng về đức vua, mọi người thấm nhuần ân đức cao lớn của vua, chẳng khác nào như trẻ thơ bụng đói vớ được bầu sữa ngọt ngào của mẹ.”

Đức vua liền hỏi người dân: “Các người từ đâu đến?”

Có người sụp đầu đánh lễ thưa: “Thần dân từ xa trăm dặm đến đây.”

Lại có người bẩm: “Thần dân xa từ hai trăm dặm.”

Thậm chí có người đáp: “Thần dân từ bên ngoài xa vạn dặm đến đây.”

Mọi người đồng thanh lên tiếng: “Đại vương thánh minh! Ngưỡng mộ ân đức bố thí của Ngài, nhân dân khắp nơi vô cùng vui mừng, cho nên từ bỏ quê hương, nơi đã sinh ra, nhờ ân đức của bệ hạ, thân này mới được cứu sống lại.”

Đức vua: “Lành thay! Trẫm đã thấu hiểu. Trước đây trẫm quá chấp trước hình tướng của tiếng trống, với mong muốn âm thanh vang xa ngoài trăm dặm; Giờ đây trẫm đã hiểu ra, đất nước không được an ninh, chẳng khác nào trên thân có bệnh, trẫm nên cho thầy xem bệnh và cung cấp thuốc để chữa lành bệnh cho dân, và cho các đại thần mang cơm cháo đến, giúp cho họ sớm được hồi phục sức khỏe.”

Đức vua liền hạ lệnh: “Sau này nếu người dân thiếu vật phẩm, hãy đáp ứng đầy đủ mà không cần thông qua ý kiến của trẫm.”

Sau đó chẳng bao lâu đức vua mạng chung, thần thức của Người sanh vào cõi trời làm Thiên

Diệu Vương. Sau khi phước duyên ở cõi trời đã mãn, mạng chung trở lại nhân gian làm Chuyển luân thánh vương, đi ở tự tại, đến đâu bày thú thân bảo đều không thiếu, lại có tùy tùng bao quanh hộ vệ; Hiện nay lại sanh vào cõi trời làm thái tử của thiên vương, tất cả đều nhờ tự thân nghiêm trì giới luật thanh tịnh, cứu giúp chúng sanh khắp nơi, nên phước báu mới được như vậy. Chỉ cần thực hành lời đức Phật giáo huấn, đoạn chính từ thân tâm cho đến việc làm, thì phước đức và phước báu đều được như thế.”

Đức Phật nói với Tịch La: “Những việc con người tạo ra, như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng (cũng như bóng lúc nào cũng đi theo hình chúng ta; lại như ở trong thung lũng khi nói chuyện, âm thanh dội lại giống như tiếng ban đầu), cho nên những gì chúng ta tạo ra đều đưa lại quả báo tương ứng. Chính là thiện có thiện báo, ác có ác báo.”

Tịch La nghe xong vô cùng hoan hỷ, đánh lễ đức Phật rồi ra về.

Câu chuyện này muốn khuyên chúng ta: Tiếng

trống không sao bằng tiếng thom! Quý vị đánh trống dù tài giỏi thế nào đi nữa, thì tiếng trống truyền đi cũng có giới hạn; Nhưng nếu làm việc thiện, tiếng thom sẽ lan truyền, và có thể truyền đến rất xa. Đặc biệt là trì giới đạt đến giới hương thanh tịnh, có thể truyền xa đến tận trời xanh.

Ngoài ra, người ta chạy theo danh lợi, quyền lực, chưa chắc đã đạt được! Chúng ta không nên chạy theo chúng, chỉ cần làm việc lành, thì phước báu không ngừng tìm tới chúng ta, không bao giờ xa rời. Nếu chúng ta gieo trồng nhiều hạt giống thiện, tự nhiên phước đức sẽ tự tìm đến chúng ta, không bao giờ mất. Cũng như bóng theo hình, nhu thế không phải dễ hơn sao, càng bảo đảm an toàn hơn, đúng không?

Những gì mà con người tạo ra, “nhu bóng theo hình, âm vang theo tiếng”. Tiếng vang của âm thanh, nếu như chúng ta đứng trong thung lũng nói lớn tiếng “bạn thật là ưu tú”, tự nhiên âm thanh vọng lại cũng là “bạn thật là ưu tú”, nó sẽ không vọng lại: “bạn thật tồi tệ!” Có đúng như thế không?

Bởi vì tiếng dội lại từ thung lũng nhất định sẽ giống với âm thanh phát ra; Cũng như thế, hành thiện được quả báo vui, tạo ác chịu quả khổ, đó cũng chính là nhân quả tương ứng. Nếu tạo ác nghiệp, lại mong cầu được quả báo an vui, như thế sẽ đi ngược lại với nhân quả, điều đó không thể xảy ra.

Những lời trên đây khuyến tấn chúng ta tu tập!

Phước Nghiêm - 09.03.2013



## BÀI 2: BỐ THÍ VỚI TÂM THANH TỊNH, QUẢ BÁO KHÓ LƯỜNG

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 279c - 280a.<sup>1</sup>

Thực hành bố thí không phải ở chỗ vật chất nhiều hay ít, mà quan trọng là tín tâm có được thanh tịnh hay không? Dù cho, có khi chỉ bố thí hai đồng, nhưng phước báu có được khó đong lường.

Câu chuyện kể rằng, có một cô gái đến núi Trú Âm, thấy mọi người mở hội bình đẳng cúng dường. Không kể là người xuất gia hay tại gia, kẻ phàm phu hay thánh nhân, thấp hèn hay tôn quý, đều bố thí cúng dường không phân biệt. Lúc ấy, cô gái đến hội trường xin ăn, tận mắt nhìn thấy Tăng chúng,

---

<sup>1</sup> xem thêm Kinh Phật thuyết Ma ha Ca diếp độ bản mẫu, Đại Chánh tập 14, trang 761c3-763a10.

trong lòng cảm thấy rất vui không gì có thể sánh bằng. Không kiềm chế được dòng cảm xúc dâng trào, cô bèn thốt lên lời khen ngợi: “Lành thay! Thánh Tăng! Chẳng khác nào biển lớn, là nơi tập hợp bảo báu; Mọi người đều muốn cúng dường Tăng bảo, nhưng tôi nghèo xơ xác thế này, không có vật gì dâng lên cúng dường”. Nói dứt lời cô bèn tìm khắp toàn thân từ trên xuống dưới, thật sự không có một vật gì để cúng dường. Cô suy nghĩ một lát rồi reo lên: “A đúng rồi! Hôm trước mình có nhặt được hai đồng tiền kẽm ở trong đồng phân”, cô bèn lấy hai đồng tiền kẽm ra dâng lên cúng dường chư Tăng. Lúc ấy, trong Tăng chúng có một vị thượng tọa đã chứng quả A la hán, biết được tâm niệm của chúng sanh. Vị thượng tọa này luôn giữ gìn chánh niệm, chánh trí trong mọi lúc mọi nơi, nên thấy được tín tâm của cô gái thật thâm sâu, muốn giúp cô có được phước báu càng lớn, vì thế thầy không đợi thầy quản Tăng đến thỉnh, đã chủ động đứng lên kính cẩn, tự mình đến chúc phúc cầu nguyện cho cô gái, đồng thời nói với đại chúng: “Kính thưa đại chúng! Xin lắng lòng nghe tôi nói!” Rồi thầy nói lên một đoạn kệ: “Tấm lòng của cô gái này thật rộng lớn,

cho dù tất cả bảo vật trong thế gian, đều có thể cúng dường Tăng (trong tâm của cô gái, đều có thể cúng dường Tăng chúng). Đại chúng hãy dụng tâm quán sát, muốn phước huệ song tu, hãy cầu mong cho cô gái đi đến con đường giác ngộ giải thoát, vĩnh viễn không còn chịu cảnh nghèo khổ”. Cô gái nghe xong, tin tâm càng sanh khởi mạnh mẽ: “Quả nhu lời của Thầy, tôi đã làm những việc khó làm, cùng với việc bố thí tiền tài, vật quý giá không khác” (cô gái tuy chỉ cúng dường hai đồng tiền kẽm, nhưng với tâm rộng lớn nên được công đức lớn như cúng dường tất cả tài bảo không khác). Trong sự xúc động và vui mừng lẫn lộn tuôn trào, cô đánh lễ năm vóc sát đất và quy y Tăng chúng. Sau đó, đối trước đại chúng dâng hai đồng tiền kẽm lên trên bàn, nước mắt đầm đìa, nói lên một đoạn kệ: “Xin cho con đời đời kiếp kiếp, không còn chịu cái khổ của nghèo đói, thường được an vui và hạnh phúc, không còn bị xa cách người thân nữa, phước báu mà con cúng dường Tăng chúng hôm nay, chỉ có đức Thế Tôn mới biết, công đức bố thí này. Cầu cho ước nguyện của con sớm được thành tựu.”

Nhờ gieo trồng thiện tâm nhỏ bé như vậy, và nguyện trong đời này sanh khởi thiện căn; Nên khi cô gái xuống núi, ngồi dưới một gốc cây, bóng cây đứng yên không dịch chuyển, phía trên cây có một đám mây trắng đang bao trùm che lấy toàn thân cây. Lúc ấy, có vị Quốc vương vì Hoàng thê vừa mới qua đời, trong lòng thương nhớ, nên ra bên ngoài đi dạo, nhìn thấy đám mây trắng che phủ thân cây, phía dưới lại có một cô gái đang ngồi. Đức vua bỗng đem lòng yêu say đắm, bèn đưa cô gái về cung, phong làm Hoàng hậu.

Hoàng hậu trong lòng nghĩ: “Trước đây tôi có phát lời nguyện, hôm nay lời nguyện đã được như ý”. Bèn tâm với đức vua rằng: “Xin chuẩn bị trân bảo, các vật phẩm cúng dường, mang đến núi Trú Âm cúng dường Tăng chúng”. Nhưng lần này vị tượng tọa không đích thân đến làm lễ cầu nguyện. Đại chúng cảm thấy thật khác thường, bèn hỏi: “Cô gái ngày trước lúc còn nghèo khó, tuy chỉ cúng dường hai đồng tiền kẽm, thầy lại đích thân đứng lên làm lễ cầu nguyện chúc phúc cho cô ta. Giờ đây cô ấy đã trở thành hoàng hậu của quốc vương, và

mang các loại bảo vật vô cùng quý giá đến cúng dường. Tại sao thầy lại không đích thân làm lễ cầu nguyện cho hoàng hậu?”

Lúc ấy, vị thượng tọa nói với đại chúng: “Ngày trước sở dĩ tôi đích thân đến làm lễ cầu nguyện cho cô gái, không phải vì cô ta cúng dường phẩm vật, mà vì thương cho cô gái tâm niệm tán loạn, cho nên tôi mới tự thân đến giúp đỡ”. Sau đó nói tiếp một đoạn kệ: “Không phải vì cúng dường phẩm vật nhiều, mà được phước báu lớn. Chính là nương nơi thiện tâm thù thắng, mới hưởng được phước báu rộng lớn.”

Cô gái này, ngày trước với lòng thành kính dâng tất cả tài sản cúng dường, cái tâm bố thí này, chỉ có trí tuệ của đức Phật mới thấu hiểu được, không phải chỗ mà tôi có thể tường tận được.

Hôm nay tuy cô ta mang đến cúng dường rất nhiều phẩm vật quý giá, nhưng công đức chỉ bằng một phần mười sáu của sự phát tâm.

Nếu bố thí mà mang tâm tạp niệm nhiễm ô, thì

chẳng khác nào sự buôn bán trao đổi, đầu tư nhỏ nhưng muốn được lợi nhuận lớn. Bồ thí tuy không bao nhiêu, nhưng với tâm thanh tịnh bồ thí, mai sau chắc chắn nhận được phước báu rộng lớn vô lượng.

Như vua A Dục với tâm thanh tịnh cúng dường đức Thế Tôn một nắm đất; hoặc như cô gái nghèo trong thành Xá Vệ mang nước vo gạo ra cúng dường cho tôn giả Ca Diếp, phẩm vật cúng dường đều không phải là thứ quý giá. Song vua A Dục nhờ tiền kiếp cúng dường một nắm đất nhỏ, mà đời sau được làm vua thống lĩnh cả đại địa; Cô gái nghèo cúng dường nước vo gạo, được phước báu lớn thác sanh vào cõi trời. Có thể cho thấy phẩm vật bồ thí tuy không nhiều, nhưng với tâm thanh tịnh rộng lớn, sẽ được hưởng phước báu khó lường. Cũng như chiếc áo trắng sạch, chấm một giọt dầu lên áo, vết nhơ của dầu sẽ từ từ lan rộng ra càng lúc càng lớn. Chẳng khác nào cho một giọt dầu vào trong hồ nước, giọt dầu lúc đầu rất nhỏ, nhưng sau đó lại lan rộng ra cả mặt hồ. Cho nên cần phải hiểu, “tâm niệm thành kính, phước báu mới được vô lượng.”

Trong bài kinh này có đề cập đến tiền kiếp của vua A Dục. Khi vua còn là một cậu bé, một hôm gặp được đức Thế Tôn và thầy A Nan trên đường ra ngoài đi khất thực, cậu bé này với tâm cung kính, đã vốc một nắm đất dâng lên đặt vào trong bình bát của đức Thế Tôn cúng dường. Tôn giả A Nan thấy vậy bèn lên tiếng: “Tại sao con lại lấy đất đặt vào bình bát? Chiếc bát này dùng để đựng thức ăn!”. Đức Phật biết được đứa bé phát tâm thanh tịnh, bèn nói: “Để cho cậu bé được cúng dường”. Vua A Dục vì tiền thân dùng tâm thanh tịnh cúng dường, nên đời sau được làm vua thống lãnh đất nước Ấn Độ, kinh điển đều ghi chép lại, cúng dường dù chỉ một nắm đất nhỏ nhoi, nhưng được phước báu làm vua cai trị cả một vương quốc.

Cô gái nghèo đúng thật là nghèo xơ xác, khi có người vo gạo, họ sẽ bỏ nước ấy đi, nhưng cô gái lấy chiếc bình sành đến hứng. Tuy vậy, có khi lại không hứng được, nên thường xuyên chịu đói khát. Nhưng Ca Diếp tôn giả nói: “Không sao đâu! Nước vo gạo cũng rất quý”. Cô gái cung kính cúng dường, sau đó được sanh lên cõi trời.

Câu chuyện này nội dung chủ yếu dạy chúng ta tâm thanh tịnh cúng dường mới quan trọng, được phước báu nhiều ít không phải ở chỗ phẩm vật cúng dường ít hay nhiều.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn!

Phước Nghiêm - 04.01.2014



## **BÀI 3: VUA A DỤC DÂNG NỬA TRÁI AM MA LA CÚNG DƯỜNG CHƯ TĂNG**

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, thuộc Đại Chánh Tạng quyển số 4, trang 283a - 284c.<sup>2</sup>

Câu chuyện này kể về vua A Dục dâng nửa trái am ma la lên cúng dường chư Tăng.

Khi đức Phật còn tại thế, xứ Ấn Độ chưa được thống nhất, còn bị phân chia thành nhiều nước lớn nhỏ khác nhau. Cho đến sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, vua A Dục mới thống nhất được đất nước. Lúc trước, đức vua vì muốn đất nước không còn bị phân chia, nên đã giết rất nhiều người, máu chảy thành sông, nên vua bị mọi người gọi là “Hắc A Dục”; Nhưng sau đó đức vua nhờ tin phụng Phật pháp, hộ

---

<sup>2</sup> xem thêm Kinh A Dục Vương quyển 5 “phẩm nhân duyên cúng dường nửa trái am ma la đến chư Tăng”. Đại Chánh tập 50, trang 147c13-149b17.

trì Phật giáo, nhân dân lại tôn xưng ngài là “Bạch A Dục”. Khi còn sinh tiền, ngài có oai lực rất lớn, quyền cao chức trọng, nhưng khi về già lại bị đối xử lạnh nhạt, muốn làm gì cũng bị sự kiềm hãm của thái tử và chúng đại thần. Câu chuyện này kể lại giai đoạn về già của vua A Dục.

Trong kinh có ghi lại: “Khi mang trọng bệnh, trong tình trạng hiểm nguy, tiếng nói bị mất giá trị, chẳng ai muốn nghe, mệnh lệnh truyền xuống không ai tuân theo. Cho nên, phải biết quý trọng thân thể lúc còn khỏe mạnh, việc gì cần làm phải gấp rút làm ngay.”

Chuyện kể rằng, khi đại hộ pháp A Dục Vương lâm trọng bệnh, muốn dâng tất cả tài vật có được để cúng dường Tăng chúng, ngài ra lệnh cho đại thần mang các loại trân bảo đến. Nhưng họ quyết không tuân theo, cuối cùng đức vua chỉ có được một nửa trái am ma la (không được một trái, mà chỉ được một nửa trái), thành tâm dâng lên cúng dường chư Tăng. Vì thế đức vua bèn triệu tập triều thần và hỏi họ rằng: “Bây giờ ai là quốc vương? Nên nghe lời

của ai?”

Chúng đại thần: “Chỉ có oai đức của đại vương thống trị toàn dân, mệnh lệnh mới lan truyền khắp cõi Diêm Phù Đề.”

Vua A Dục nghe xong, nói một bài kệ, đại ý như sau: “Các ông ai cũng đều gọi ta là đại vương, nói trăm hạ lệnh đều tuân hành; Nhưng đây chẳng qua là thuận tòng để làm vui lòng trăm, nên mới cố ý nói những lời như thế. Những lời các ông nói đều là giả dối, mệnh lệnh của ta giờ đây đã vô hiệu, không còn được thực thi, không còn quyền quyết định, bây giờ chỉ còn nửa trái am ma la này nghe theo mệnh lệnh của trăm mà thôi.

Cái gọi là giàu sang quyền thế, rốt cuộc cũng tầm thường tẻ nhạt đến thế này. Thật là đáng thương, khiến người chê trách; chẳng khác nào dòng thác từ đỉnh núi đổ xuống, chảy xiết vô cùng. Cũng như thế, phú quý và quyền lực cũng không thể đứng yên. Ta tuy là một quốc vương, nhưng trong phút chốc đã biến thành kẻ nghèo cùng, cái nghèo đói mà người đời sợ nhất, trong phút chốc đã tìm đến ta rồi.”

Vua A Dục nói lên đoạn kệ, lại ca ngợi những lời giáo huấn của đức Thế Tôn chân thật không sai, đức vua lại nói tiếp một đoạn kệ khác: “Phú quý tuy có lúc vô cùng huy hoàng rạng rỡ, nhưng rồi sẽ có ngày suy tàn đổ nát; con người ở đời ai cũng đeo đuổi theo phú quý, chán ghét nghèo đói. Đây chính là lời của đức Thế Tôn đã từng dạy, thật không giả dối! Trước đây mỗi lần, trăm tùy theo ý muốn mà ban mệnh lệnh. Chỉ cần mở lời, không một ai không theo, đến cả trời đất, quỷ thần cũng phải vâng theo mệnh lệnh của trăm, không người nào dám chống đối.

Nhưng giờ đây, mọi người đều không còn nghe theo lệnh của trăm, chẳng khác nào dòng nước chảy vào núi, nước không thể tràn qua được, mà còn bị dội ngược trở lại, tạo nên những con sóng. Trăm đã đối diện với sự thất bại, chẳng khác nào sự cản trở của ngọn núi, ngăn cản khiến cho mệnh lệnh của trăm không còn tác dụng.

Xưa kia lời của trăm thốt ra, có ai dám trái phạm. Chưa từng có kẻ ác bá, trộm cướp, kẻ địch

nào dám làm trái ý, chống lại trẫm. Những người sống trên trái đất này, không ai dám chống đối với trẫm, bất kể nam nữ hay già trẻ, không ai không cung kính phục tùng lệnh của trẫm; những ai chống đối, trẫm tiêu diệt. Gặp người nghèo khó, đặc biệt là người bệnh trẫm đều an ủi, và tận tâm ra sức giúp đỡ.

Thế nhưng giờ đây khi phúc đức của trẫm đã hết, không ngờ trẫm lại lâm vào tình cảnh này, nghiệp nghèo khó đã tìm đến trẫm,.

Trẫm là A Dục Vương cai quản trăm họ mà! Tại sao phải chịu lấy cảnh khổ đau này? Chẳng khác nào thân cây A du già (tên của một loại cây) bị chặt ngang tận gốc, khiến cho hoa, lá, cuống và cành toàn bộ đều bị khô rụng. Trẫm giờ đây cũng thế! Phú quý chỉ là huyễn hóa nào có tồn tại được lâu.”

Đức vua quay đầu nhìn thầy thuốc đang đứng bên cạnh, rồi nói với ông ta: “Đúng là Vinh hoa làm cho con người cảm thấy nhàm chán! Nó chỉ tồn tại tạm thời trong thoáng chốc mà thôi, như tia sáng

của sấm sét, xẹt qua rồi biến mất, cũng như ngọn lửa nhanh chóng vụt tắt, chẳng khác nào lỗ tai con voi không ngừng dao động, như lưỡi của rắn độc không nằm yên được; Cũng như giọt sương mai, khi mặt trời xuất hiện là tan biến, phú quý cũng thế, nào có tồn tại bền lâu. Trẫm đã từng nghe qua một bài kệ, có đại ý như vầy: “Lợi ích của phú quý khó dùng lại, nhẹ trôi bồng bênh không đứng yên, người có trí tuệ cần hiểu sâu sắc, không nên ngã mạn phóng túng; Những hành nghiệp mà đời này đã gây, sẽ ảnh hưởng đến đời sau. Cần phải tu duy cẩn thận, cần phải làm gì để đời này và cả đời vị lai thật sự được lợi ích? Phải tìm hiểu cho cẩn kẽ, rồi nỗ lực tinh tấn tu tập.”

Người được phúc báu giàu sang, nếu chỉ biết bo bo gìn giữ, keo kiệt, không dám bố thí, dù có dùng trăm phương ngàn kế để bảo vệ đi nữa, cuối cùng của cải cũng bị tan biến, mất mát. Khi còn giàu sang, phải biết phú quý thay đổi khó lường, cũng như khi con rắn di chuyển uốn éo không thẳng, dấu vết ấy khó mà đo, khó mà nắm bắt, sự biến đổi của phú quý cũng thế. Nếu người biết quan sát, thì

nên biết tận dụng ngay từ khi còn khỏe mạnh, nhanh chóng tu tập vun bồi phúc đức.

Nếu một mai thân thể dù có bệnh tật, nhưng trong tâm vẫn phải chuyên cần gieo trồng cội phúc, đừng bị thân thể hạn chế việc tu tập phúc đức.

Người thân biết được người bệnh sắp ra đi, tuy người bệnh có nhiều của cải, muốn bố thí nhưng có được đâu (vì những người khác đang chờ thừa kế tài sản đó, lúc này có muốn làm gì cũng khó mà thực hiện được như ý muốn).

Do đó, tiền bạc kiếm được trong khi còn khỏe mạnh an tường, gặp được cơ hội gieo trồng ruộng phúc, chúng ta cần phải nhanh chóng nắm bắt cơ hội, nhanh nhanh bố thí, cúng dường. Không kể là thân thể tráng kiện hay lúc có bệnh, chúng ta cần phải tích cực thực hành bố thí, bình đẳng không tính toán. Có người đợi đến lúc sắp lâm chung, mới nghĩ đến vun bồi chút ít công đức, có lúc không còn kịp nữa rồi. Ngược lại, cố gắng tìm đủ mọi cách để chất chứa tài sản, tài sản này nếu không biết cách sử dụng chúng, chúng sẽ mang đến vô số tai họa.

Con người khi sắp chết, tài vật tiếng tuy là của họ, nhưng khi họ muốn làm việc thiện, mong được bố thí, những người thân xung quanh, vợ con đều làm ngơ hay tránh né họ, nên tâm nguyện của người sắp ra đi khó được mãn nguyện.

Lúc ấy, vua A Dục xuống tóc, khoác lên thân chiếc áo đầy vết dầu hoen ố, lôi thôi lếch thếch, ốm yếu đến không thể diễn tả, toàn thân run rẩy, hơi thở hỗn hển, đau đớn hướng về nơi mà đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, gắng gượng hết sức để chấp tay, tưởng nhớ đến công đức của Như Lai, nước mắt chảy dàn dụa, vua nói lên một đoạn kệ như thế này: “Bạch đức Thế Tôn! Đây là cái lay cuối cùng con đành lễ Người. Ngày xưa đức Thế Tôn từng căn dặn lấy ba loại pháp giả tạm để đổi lấy ba món pháp chân thật (ba loại tài tức chỉ vật chất, thân thể và sinh mạng; chính là dùng tiền tài giả tạm của thế gian để đổi lấy công đức pháp tài. Dùng phước báu hữu lậu, sắc thân vô thường để đổi lấy pháp thân công đức. Dùng tính mạng mong manh của thế gian để đổi lấy huệ mạng kiên cố hằng tồn.)



Hôm nay con chấp tay hướng về đức Phật, nguyện đem pháp giả tạm để đổi lấy pháp chân thật, cũng giống như phá núi đá mà cầu vàng ròng. Dùng vật chất không kiên cố này, ngày hay đêm đều một mực chỉ cầu pháp chân thật, hôm nay con mang phước báu còn dư lại, cung kính dâng lên cúng dường ba ngôi Tam bảo.

Phước báu mà hôm nay con gieo trồng được, không mong cầu chuyển sanh làm trời Đế Thích hay Phạm Thiên để hưởng phước báu, càng không cầu trở lại làm vua ở cõi Diêm Phù Đề. Chỉ cầu mong phước báu nhờ bố thí có được này một lòng hồi hướng: Nguyện được tùy tâm sở nguyện, tự tại giải thoát, sau này muốn làm gì đều không bị sự trở ngại, ngăn cản của mọi người, mong được chúng đấng thánh quả, thanh tịnh không còn như uế, vĩnh viễn thoát khỏi khổ đau.”

Đức vua muốn dâng nửa trái am ma la lên cúng dường Tăng chúng, bèn gọi người hầu cận đến và nói rằng: “Ông còn nhớ trước đây trăm đã từng chăm sóc, nâng đỡ cho ông không? Nếu hôm nay

ông còn nhớ đến công ơn ấy, xin làm theo mệnh lệnh cuối cùng này. Ông hãy mang nửa trái am ma la này đến tịnh xá cúng dường Tăng chúng, xưng tên của trăm lên, bạch với chúng Tăng, rằng vua A Dục trước lúc lâm chung hướng về đánh lễ dưới chân của chúng Tăng. Và chuyển lời giúp trăm: “Trước đây ở tại Diêm Phù Đề, muốn gì được đó, bây giờ quả báo suy bại tìm đến, đã không thể tự mình làm chủ, giờ trăm chỉ có quyền sử dụng vụn vụn nửa trái am ma la mà thôi (không còn gì khác, chỉ có nửa quả), cúi mong Tăng chúng thương xót, tiếp nhận nửa trái này làm phẩm vật cúng dường cuối cùng, nguyện cho đời sau trăm được phước báu lớn hơn, và cầu mong tất cả chúng sanh đừng như trăm, không được làm chủ lúc lâm chung.”

Lúc ấy người hầu tuân theo mệnh lệnh của vua A Dục, lập tức mang nửa trái am ma la đến nơi chúng Tăng đang cư trú, đối trước chúng Tăng đánh lễ dưới chân của từng vị xong, chấp tay thưa rằng: “Vua A Dục đánh lễ dưới chân của Tăng chúng.” Đây là cái lạy cuối cùng của đức vua, vừa cất tiếng, người hầu cận đã khóc nức nở, đến nỗi không thể

nói nên lời, ông ta mang nửa trái am ma la ra cho chúng Tăng xem, rồi nói một đoạn kệ: “Quốc vương trước kia thống trị toàn thiên hạ, cai quản người trong bốn biển không ai dám chống đối lại mệnh lệnh của ngài; chẳng khác nào mặt trời vào ban trưa, cái nắng chói chang có thể chiếu sáng khắp đại địa. Một khi phước báu hết, nghiệp báo tự tìm đến. Sự trêu ngươi của nghiệp lực, đưa lại đủ thứ tang tóc, vinh hoa phú quý sẽ không còn, chẳng khác nào mặt trời sắp xuống núi (vốn là mặt trời đứng bóng, bây giờ là mặt trời lặn).

Đức vua giữ trọn niềm tin cung kính và dâng nửa trái am ma la lên cúng dường Tăng chúng, với mong muốn dùng cảnh tượng vô thường này, giúp cho mọi người có thể lĩnh hội sâu sắc rằng: vinh hoa, thế lực, giàu sang đều phải chịu sự chi phối của vô thường, không đáng nương tựa.”

Chu vị Tỳ kheo ,Thượng tọa nghe người hầu nói xong bài kệ, ai nấy đều cảm thấy xót xa cho cảnh ngộ của vua A Dục, mọi người khởi tâm thương xót, nạp thọ phẩm vật cúng dường của vua,

rồi nói với đại chúng rằng: “Chúng ta nên sanh tâm nhàm chán, trong kinh có lưu lại lời của đức Thế Tôn: ‘Khi thấy người khác suy tàn hoạn nạn, chúng ta phải biết khởi tâm xa lìa’. Người có lương tâm, thấy người như thế, chẳng ai mà không xót thương, có ai còn ham muốn?”, rồi nói một đoạn kệ: “Vị vua có tâm mạnh mẽ vui vẻ bố thí nhất chính là vua A Dục, quốc vương vô cùng dũng mãnh, như con voi chúa trong loài cầm thú. Ngày xưa vua A Dục giàu có nhất ở cõi Diêm Phù, có quyền uy rất lớn, muốn gì được đó, thế nhưng giờ đây phải chịu sự quản lý của đại thần và sự ngăn cản của thái tử, đã bị mất tự do. Tất cả đều bị hạn chế, chỉ còn lại nửa trái am ma la là tự quyền quyết định mang đến cúng dường Tăng chúng mà thôi.

Trong quá khứ giàu có không ai có thể sánh bằng, không thiếu vật gì, lúc ấy sanh khởi tâm kiêu mạn tự cao, tất cả giờ ở đâu? Hạng phàm phu chúng ta cần phải quán sát tình cảnh như thế này, để sớm tu tâm dưỡng tánh, đề phòng cảnh tỉnh.

Phú quý hôm nay đã không còn, chỉ còn sót lại

nửa trái, là bài học quý giá, khiến cho các thầy Tỳ kheo sanh tâm xa lìa.”

Lúc ấy trong Tăng chúng, có một thầy Tỳ kheo đưa ra ý kiến: “Vật cúng dường chỉ được nửa trái am ma la, nhưng đại chúng lại đông vô số, bây giờ chúng ta mang nửa trái ấy nghiền ra thành bột để nấu súp, đại chúng cùng thưởng thức.” Rồi nói tiếp: “Đây là phẩm vật cúng dường cuối cùng của đại thí chủ vua A Dục, đây là bài học quý giá, giúp chúng ta hiểu được tất cả tài vật ở thế gian đều không tồn tại. Nên đức Thế Tôn có dạy: ‘Mang những thú phú quý giả tạm ở thế gian, đổi lấy pháp tài vững bền công đức của xuất thế gian; Lấy sắc thân giả tạm, đổi lấy pháp thân kiên cố, dùng tính mạng mong manh đổi lấy trí tuệ kiên cố’. Quốc vương! Người nên sanh tâm vui mừng, dùng tài sản giả tạm này để đổi lấy cái công đức chân thật, chỉ có phước báu mới có thể sát cánh theo ngài đến kiếp sau. Nên trong mọi lúc, mọi nơi cần phải đồng mãnh phát tâm bố thí, cúng dường, không vì một lý do gì mà bỏ quên.”

Câu chuyện này có nhiều điểm chúng ta cần khắc ghi: Con người khi về già, trí nhớ không đủ sáng suốt, sự hiểu biết trước đây học được, bây giờ không còn nhớ. Ngày xưa thân thể tráng kiện, có người thích dùng sức mạnh có được, mang dao chém giết kẻ thù, Bây giờ, bước đi không vững, phải nhờ vào cây gậy. Cho dù có nhiều tài sản, thân không còn tự chủ, muốn đi đến đâu, cần phải có người đi cùng nâng đỡ, quyền thế đều không còn. Sức khỏe, người thân bây giờ ở đâu?, tất cả đều không còn; “sùng cao tất đọa lạc, hợp hội yếu đương ly” có nghĩa là “giàu rồi cũng nghèo khó, có hợp thì sẽ có tan”, chúng ta cần phải biết trân trọng những lúc còn có thể làm chủ được. Sức khỏe còn tốt, cần phải làm việc lành, gieo trồng phước đức, vun bồi trí tuệ, đừng đến muộn rồi hối tiếc.

Chúng ta cùng nhau sách tấn!

Phước Nghiêm - 05.10.2013

## BÀI 4: NGƯỜI TIN TAM BẢO LÀ NGƯỜI GIÀU CÓ NHẤT

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 267c - 268b.<sup>3</sup>

Người tri túc tuy thiếu thốn vật chất, nhưng lại mệnh danh là người giàu có; Còn người không biết đủ, vật chất tuy sung túc, nhưng lại là người nghèo túng. Nếu có được viên mãn thánh trí, thì mới đích thực là người giàu có!

Ngày xưa có vị cư sĩ, mọi người đều chế giễu ông là người nghèo khó. Vị cư sĩ này tuy bị khinh chê, nhưng ông không để trong lòng. Ông lấy lời tán thán thiếu dục tri túc của đức Phật làm niềm vui, tùy thuận vào thực tướng của các pháp mà nói bài kệ: “Vô bệnh đệ nhất lợi, tri túc đệ nhất phú, thiện

---

<sup>3</sup> xem thêm Đại Trí Độ Luận quyển 98, phẩm Tát-đà-ba-luân. Đại Chánh tập 25, trang 741c13-15.

hữu đệ nhất thân, Niết bàn đệ nhất lạc”. Nghĩa là không bệnh hoạn là may mắn nhất. Biết đủ là giàu có nhất. Thiện tri thức là nơi cần thân cận nhất. Niết bàn tịch tịnh mới thực sự là cảnh giới an lạc nhất.

Vị cư sĩ nói xong bài kệ, rồi nhìn vào những người chế giễu ông và nói: Đúng như lời của đức Phật dạy, người biết đủ là người giàu có, tại sao quý vị lại nói ngược lại, cho rằng tôi là kẻ bần cùng?

Vị cư sĩ lại nói một đoạn kệ có nội dung như sau: “Nếu người có vô số tài bảo, giàu đến không thiếu một món tài sản nào, nhưng nếu không tin vào ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng có thể nói đó là người bần cùng. Nhưng một người tuy không có một món bảo vật hay tài sản nào để nuôi thân, nhưng người đó có niềm tin vững vàng nơi Tam bảo, có thể gọi đây là người giàu có.

Tôi hôm nay kính phụng Tam bảo, lấy niềm tin Tam bảo làm báu vật hiếm có, thì các người có lý do gì mà nói tôi là người nghèo nhất? Trời Đế Thích, trời Tỳ Sa Môn (trời Tỳ Sa Môn là vị Đa Văn Thiên



vương, ở phía bắc trong Tú thiên vương), vốn có vô số bảo vật quý hiếm, nhưng lúc họ bố thí lại không dám mang hết tài vật bố thí cho chúng sanh. Trong lòng của tôi rất vui vì biết đủ, đối với tiền tài không có một chút tâm niệm tham trước, cho nên thứ gì tôi cũng có thể bố thí.

Người giàu có trong kho chất chứa đủ các thứ trân bảo, nhưng bất cứ lúc nào cũng sẽ bị chiếm đoạt, nếu gặp phải nạn lũ lụt, bão táp hay trộm cướp,.

Một khi tài bảo không cánh mà bay, trong tâm sẽ rất khổ đau, lúc ấy dù gặp được thầy tài, thuốc tốt đi chăng nữa cũng không thể nào trị lành nổi.

Tôi lấy niềm tin Tam bảo làm của báu, thì không ai có thể chiếm đoạt hay giành giật được, trong lòng tôi luôn được thanh thản, an định và vui vẻ, không có gì để ưu sầu, khổ não.”

Vị cư sĩ lại nói tiếp một đoạn kệ khác: “Cần phải hiểu rõ, giả như có người nuôi đủ voi, ngựa, trong kho chất đủ bảy món báu, nhưng vẫn không

biết đủ, người như thế là người thiếu thốn, cho nên đức Phật luôn luôn dạy biết đủ là giàu có nhất”.

Nghe xong lời nói của vị cư sĩ, mọi người đều khen ngợi lời nói ấy rất chí lý, đây là người đại trí tuệ, là bậc đại trượng phu. Nên đồng thanh nói rằng: “Từ nay về sau, nếu có người tuy không có tài bảo, nhưng họ có niềm tin Tam bảo kiên cố, nếu gặp người như thế, chúng ta nên gọi họ là người giàu có.”

Khốn khó lắm mới kiếm được tiền tài, nhưng chỉ phục vụ cái vui của thế tục hoặc là chăm lo gia đình, để người thân không phải bị thiếu thốn, tất cả chỉ mang lại niềm vui trong đời này mà thôi.

Trong khi đó, tin Tam bảo là pháp tài, bảo vật vô cùng thù thắng như thế, có thể mang đến vô lượng tài bảo nhiều đời ở cõi người cõi trời; Tùy tâm muốn bao nhiêu cũng được như ý, thế mới biết chánh tín mới là báu vật lớn nhất.

Có được niềm tin đối với Tam bảo làm pháp tài, dù chịu sanh tử trong tam giới, nhưng vẫn an vui tự

tại, không bị phiền não chi phối, không như những món châu báu bình thường, không ngừng mang đến tai họa và lo âu. Không kể là ngày hay đêm đều không ngừng lo lắng, sầu não, luôn ám ảnh bị người chiếm đoạt.

Kinh có dạy: “Tiền tài có tám mối nguy hiểm (Thứ nhất, bị quan phủ tịch thu; thứ hai, bị cướp giật; thứ ba, bị lừa thiêu không lường trước được; thứ tư, bị nước cuốn trôi; thứ năm, sợ oan gia trái chủ đến đòi; thứ sáu, ruộng vườn không canh tác, bỏ phế, không thu hoạch được; thứ bảy, không biết kỹ xảo buôn bán, không biết giữ hòa khí trong kinh doanh, nên không kiếm được lợi nhuận; thứ tám, con cái hư hỏng đam mê cờ bạc, phung phí tiền tài của gia đình). Cũng chính vì tham đắm theo tiền tài quá mức, nên đời đời chịu khổ liên miên.

Nhờ có niềm tin kiên cố nơi Tam bảo - tín tài, nên có thể đạt được trì giới tài (nhờ tin sâu nơi Tam bảo, mới thực hành theo lời chỉ dạy, không làm việc phi pháp và tạo nghiệp bất thiện. Nhờ đó có được tín tài nơi Tam bảo, tiến thêm bước nữa là đắc được

trì giới tài), cũng có thể đắc được bố thí tài, thiên định tài và trí huệ tài; Nếu nhu không có chánh tín, thì làm sao sanh khởi được những món pháp tài khác? Cho nên nói, tín tài là quan trọng nhất.

Chính bởi vì tôi có pháp tài, nên mới có thể đứng trước mọi người tự xưng là người đại phú; là nhờ tôi đã nhiều đời kiếp không ngừng tích lũy thiện nghiệp, cho nên hôm nay mới có niềm tin vững chãi nơi thiếu dục tri túc.

Vị cư sĩ lại nói tiếp một đoạn kệ, có đại ý như sau: Chính bởi vì đối với Tam bảo, có niềm tin thâm sâu nơi nhân quả, cho nên không làm bất kỳ nghiệp ác, tất cả công đức đều bắt nguồn từ chánh tín làm gốc mà thành đạt, chỉ có niềm tin mới gặt hái được muôn vàn công đức.

Nước chảy nhanh chẳng khác nào mũi tên bắn, có đủ chánh tín cũng giống như nước sông cuộn cuộn trôi gập rút ra biển lớn và mũi tên không khác, di chuyển rất nhanh, khiến cho tâm nguyện vô cùng nhanh chóng hướng về thiện pháp, đạt đến mục đích (có đầy đủ chánh tín cũng sẽ nhanh chóng như dòng

nước chảy xiết, rất nhanh thành tựu được thiện pháp đạt đến mục tiêu).

Ai có thể vĩnh viễn giữ được tài sản đồ sộ, có thể vượt qua được sự giàu có khổng lồ của tín tâm nhu vậy?

Người ở trong nhân gian tuy có được tài sản, nhưng một khi trắng tay liền trở thành kẻ nghèo cùng khổ, đến lúc mạng chung, tất cả phải vứt lại ở thế gian chỉ một thân đối diện với cái chết, không có vật quý nào có thể mang theo bên cạnh, cùng đi đến thế giới bên kia.

Chỉ có niềm tin vào Tam bảo mới vĩnh viễn tồn tại không bị tiêu tán, niềm tin ấy luôn kề vai sát cánh, mãi mãi, cho đến vô số kiếp về sau vẫn luôn được an lạc.

Con người ở đời vì chỉ biết tích lũy tiền tài, sẽ bị tiền tài nhấn chìm trong tham đắm; Còn pháp tài chánh tín Tam bảo, sẽ không có tình trạng nhiễm trước, bởi vì niềm tin Tam bảo thì chỉ sanh khởi hoa trái của an vui.

Trong tất cả tài bảo, chỉ có chánh tín Tam bảo là bảo vật cao quý nhất, đây là sự thật hiển nhiên, chính là lời giáo huấn của đức Phật.

Chính vì thế, tôi không phải là người nghèo cùng, bởi vì pháp tài chánh tín Tam bảo luôn có trong tôi, đây là loại tín tài thù thắng nhất, những món báu khác không thể sánh bằng. Chỉ có chánh tín mới là bảo vật giá trị, mới đích thực là tài bảo.

Nếu lấy chánh tín thực hành bố thí, thì những tài vật ở thế gian và công đức ngày càng được tăng trưởng. Nếu không lấy chánh tín để bố thí, thì dù có được phước báu đi nữa cũng sẽ không tăng trưởng, mà ngày càng bị tổn thất dần.

Câu chuyện này có nhiều điểm chúng ta đáng ghi nhớ.

Người đời có câu: “lòng người không biết đủ, như rắn nuốt voi”, “tri túc thường lạc”, biết đủ xác thực là người giàu có. Những thú tiền tài ở thế gian chỉ mua được trò vui trong cuộc sống hiện tại, còn công đức của pháp tài có thể đưa người đến vô

lượng kiếp được phước lạc.

Tiền tài của thế gian vô thường biến mất, dễ dàng tiêu tan. Con người thường lo sợ bị nước trôi, lửa cháy, động đất chôn vùi, hay càng sợ hãi hơn là bị cướp giết, nhưng công đức phước pháp tài thì không cần phải lo sợ như thế, người tu tập thiện pháp, pháp tài luôn dõi theo bên cạnh, không cần phải lo sợ bị lấy mất.

Trong Đại Trí Độ luận có nói: “Nghèo cùng có hai loại: thứ nhất là thiếu thốn vật chất, thứ hai là thiếu phước. Vật chất thiếu thốn không có gì phải xấu hổ, phước mỏng mới khiến cho chúng ta phải hổ thẹn! Vật chất thiếu hụt, người tốt cũng có, nhưng thiếu công đức, người tốt không thể thiếu”. Người tốt không nhất định là người có tiền tài, nhưng đó chắc chắn là người có đức, có câu nói: “đạo tâm chi trung hữu y thực, y thực chi trung vô đạo tâm”. Nếu một người có đạo tâm kiên cố, tinh tấn tu học thiện pháp, tự nhiên sanh phước đức, không cần phải lo lắng thiếu thốn thức ăn đồ mặc; ngược lại, nếu một người bị tham đắm vật chất, sẽ

ễ dàng bị mất đạo tâm.

Chúng ta cùng nhau phấn đấu.

Phước Nghiêm - 11.05.2013



## BÀI 5: THAM CẦU TIẾNG TĂM LỢI DƯỠNG, CHƯỠNG NGẠI ĐƯỜNG TU

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện được trích trong Kinh Đại Trang Nghiêm Luận thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 292c - 293b.<sup>4</sup>

Tham cầu tài vật cúng dường sẽ làm chướng ngại đường tu, một khi tiếng tăm lợi dưỡng bị cắt đứt, cần phải tư duy quán sát trong lòng có sanh tâm sân hận hay không?

Quá khứ nghe kể rằng, có vị Tỳ kheo an trú trong rừng, bất kể là người thành thị hay ở thôn làng hẻo lánh, mọi người đều đua nhau kéo đến muốn được cúng dường thầy Tỳ kheo ấy, khiến cho những thầy Tỳ kheo khác sanh lòng đố kỵ, nên càng sanh tâm hủy báng thầy Tỳ kheo ấy. Chúng đệ tử của thầy nghe những lời phỉ báng như thế, bèn bạch với

---

<sup>4</sup> xem thêm Pháp Uyển Châu Lâm, Đại Chánh Tạng quyển 53, trang 984b14 – c4. Phật Tạng Kinh, Đại Chánh Tạng quyển 15, trang 788c14 - 28.

thầy mình rằng: “Su phụ! Su phụ! có những thầy Tỳ kheo phỉ báng Thầy.”

Người thầy sau khi nghe những lời chê bai như thế, không những chẳng sanh lòng bực tức, mà ngược lại còn mời những thầy phỉ báng ấy đến chùa, dùng lời ôn hòa an ủi vỗ về khuyên bảo họ, thầy còn lấy những loại y phục tốt nhất cúng dường người đã từng phỉ báng mình.

Chúng đệ tử thấy tình cảnh như thế, bèn bạch với thầy: “Những người huy báng thầy là kẻ thù của chúng ta, tại sao thầy lại an ủi, động viên họ, lại lấy những loại y phục thượng hạng cúng dường cho họ?”

Người thầy đáp: “Những người chê bai chính là ân nhân của ta, cho nên ta phải cúng dường.” Và nói đoạn kệ có đại ý như sau: “Cũng như mưa đá làm hư hoại ruộng lúa, nếu lúc ấy có người giúp bảo vệ ruộng lúa, người làm ruộng sẽ vô cùng vui mừng, tất nhiên sẽ mang tài vật hay vải quý đến để báo ân người ấy.

Tiếng tăm lợi dưỡng cũng như mưa đá vậy, sẽ làm hu hoại thừa ruộng công đức của ta. Có người hủy báng ta kịp thời, khiến cho người đến cúng dường tài vật cho ta được giảm đi. Người khinh chê ta chính là người bạn tốt của ta, không nên xem họ là kẻ thù; Họ giúp ta ngăn che mưa đá tiếng tăm lợi dưỡng, cho nên ta cần phải biết ơn và báo đáp ân đức của họ.

Mưa đá chỉ làm hu hại trong một đời, nhưng tiếng tăm lợi dưỡng sẽ làm hu hại trong nhiều đời; Mưa đá chỉ làm hao tổn vật chất, nhưng nếu tham cầu danh lợi sẽ làm tan nát đường tu, công đức pháp tài sẽ ly tán.

Mưa đá làm tổn hại mùa màng, nhưng không hu hại hoàn toàn, nếu vì ham cầu tiếng tăm lợi dưỡng, thì công đức sẽ mất hết. Cũng giống như Đề Bà Đạt Đa bị mưa đá của danh lợi phá hoại, nguyên nhân do ông ta mê theo danh tiếng lợi dưỡng, đưa đến hậu quả không còn sót mảy mún thiện pháp, mà ác pháp lại quá mạnh, nên lúc lâm chung lập tức bị rơi vào ác đạo.

Tai họa do tiếng tăm lợi dưỡng mang đến còn hơn cả lửa dữ, hơn cả chất độc và các loài hổ báo. Người có trí tuệ sau khi tu duy quán chiếu, họ thà rằng để cho lửa dữ, chất độc, sư tử, cọp và sói làm hại, quyết không để cho tiếng tăm lợi dưỡng làm hại. Người thiếu trí tham trước tiếng tăm lợi dưỡng, không nhìn thấy được sự độc hại của chúng, mong cầu được danh tiếng lợi lộc sẽ khiến cho con người cách xa con đường thánh, thiện hành bị hủy diệt không thể sanh khởi. Đúc Phật đã đoạn trừ tận gốc của phiền não, dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu của phiền não đều diệt tận, công đức đã tròn đầy viên mãn, còn phải tránh xa danh lợi, hưởng chỉ là kẻ phạm tục chưa đạt đến thánh đạo, thì cần phải tránh càng xa mới phải!”

Người thầy đứng trước, dùng tiếng sư tử hống, nói với đại chúng: “Đừng để tiếng tăm lợi dưỡng đến gần tôi, tôi sẽ tránh xa chúng. Người có trí tuệ, có đạo tâm, ai lại thích thú tiếng tăm lợi dưỡng chứ?”

Danh tiếng lợi lộc quấy nhiễu định tâm, tai họa mang đến còn hơn kẻ thù, chẳng khác nào đại lục sĩ

dùng sợi dây thừng để giết người, làm cho người phải thịt nát xương tan mới chịu buông thả.

Tiếng tăm danh vọng còn độc hại hơn cả sợi dây thừng kia, không những cắt đứt lớp da trì giới bên ngoài, mà còn làm nát lớp thịt thiền định bên trong, lại bẻ gãy xương trí tuệ, cho đến hủy diệt đến tận cốt tủy thiện tâm. Chẳng khác nào đứa bé ngây ngô đưa tay bóc lửa bỏ vào miệng, chẳng khác gì cá nuốt phải lưỡi câu, hay chim bị mắc lưới, các loài cầm thú bị rơi vào cạm bẫy đều do thích cái mùi vị thơm ngon.

Tỳ kheo tham danh lợi, so với những đứa trẻ ngây ngô, những loài cầm thú có gì khác nhau? Hưởng lợi không được bao nhiêu, mà phải ngậm chịu đắng cay, đau khổ quá nhiều!

Những thú lừa dối xảo trá, những lời ngon ngọt hoa mỹ, những người trong tâm mê đắm theo tiếng tăm lợi dưỡng, thích ở những nơi ồn ào náo nhiệt, sẽ gieo những hạt giống tai họa và tổn hại. Chẳng khác nào người bị bệnh phong, càng gãi càng ngứa; tự cao tự đại, phóng dật, tham dục đều do tiếng tăm lợi

duỡng vun bồi mà có.

Những người nhục mạ tôi, họ đã giúp tôi ngăn che kẻ thù tiếng tăm lợi dưỡng, tôi cần phải hết lòng cúng dường họ.

Có được bậc thiện tri thức đáng quý như thế, tại sao xem họ là kẻ thù oán?

Do tham đắm tiếng tăm được lợi lộc, nên không còn nghĩ tưởng đến những nơi thanh thản tịch tịnh, không kể ngày hay đêm, trong tâm chỉ biết hướng ra bên ngoài mong được danh lợi, không biết nhàm chán.

Phải thường xuyên tự hỏi! Y phục tốt ở chỗ nào? Thức ăn có gì ngon? Ai là người thân của tôi, ai là người bạn tốt? Ai hay dìu dắt hướng dẫn? Ai có thể lắng nghe ý kiến của tôi? Cứ như thế tâm niệm cứ hướng ngoại trầm tu.

Tâm ý không thâm nhiếp đánh mất đi sự yên tĩnh của tâm, không còn yêu thích nơi yên tĩnh, chỉ thích tìm đến nơi đám đông tung bùng náo nhiệt, là

do vì lợi dưỡng là nguyên nhân chính làm mất đi sự thanh thản của tâm.

Không còn hứng thú với pháp thiền định tịch tịnh, là vì đã từ bỏ thiền định, người ấy không còn được gọi là Tỳ kheo, cũng không xứng được gọi là người đệ tử của đức Phật.

Tại sao nói người ấy tướng mạo bên ngoài giống Tỳ kheo, nhưng đích thực không phải là Tỳ kheo?

Nhu trong Phật Tạng Kinh có nêu lên một ví dụ: “Nhu con dơi, lúc có người muốn đánh bắt chim, nó trốn trong hang và nói rằng: “Tôi có răng, tôi thuộc giống nòi nhà chuột.” (con dơi còn gọi là con chuột bay, có hình dạng giống con chuột). Đến lúc có người bắt chuột, nó lại bay lên không trung và nói: “Tôi có cánh, tôi giống chim, tôi giòng họ nhà chim.” Kỳ thực chúng không phải thuộc loài chim, thân thể lại dơ bẩn không thể kể, chỉ thích sống những nơi tối tăm. Người xuất gia phá giới cũng như thế, hình dáng tuy giống người xuất gia không khác, nhưng phạm giới rồi, không đối trước đại

chúng sám hối, trong xã hội cũng không có cống hiến gì cho chúng sanh, người nhu thế không xứng đáng gọi là Tỳ kheo, cũng chẳng xứng gọi là Phật tử, chẳng khác gì tử thi thiêu xong, còn lại chiếc hòm, một chút ích lợi cũng chẳng có!”

Câu chuyện này có những điều phản tỉnh chúng ta, có câu nói: “Trong đạo tâm có y áo và vật thực, còn trong y áo và vật thực không có đạo tâm”. Nếu một người có đạo tâm, không cần phải bận tâm đến chuyện chết đói vì thiếu ăn, nhưng nếu suốt ngày tất bật tham cầu mặc đẹp, ăn ngon, người nhu vậy tâm đạo dần dần bị thối thất.

Câu chuyện hôm nay khuyến khích mọi người cùng phấn đấu!

Phước Nghiêm - 28.09.2013



## **BÀI 6: PHIỀN NÃO CHƯA ĐOẠN TẬN, GẶP DUYÊN VẪN SANH KHỞI**

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 290c - 291a.

Trong kinh có nói: “Hiện tại phiền não tạm thời không sanh khởi, nhưng nếu chưa dứt trừ tận gốc của chúng tử phiền não, một ngày nào đó nó sẽ hiện hành, cuối cùng sẽ dẫn đến quả khổ, cũng giống như cho nước đá vào trong ấm nước đang sôi vậy.”

Ngày xưa nghe kể rằng, có hai thầy trò, mùa đông đang ngồi bên lò lửa sưởi ấm, than ở trong lò không bốc khói cũng chẳng thành ngọn lửa.

Người thầy hỏi đệ tử: “Con có nhìn thấy đồng than kia không? Có phải chúng không có khói mà cũng chẳng có ngọn lửa?”

Đệ tử: “Dạ con có thấy! Đúng rồi không thấy khói bốc lên mà cũng chẳng thấy ngọn lửa.”

Người thầy nói với đệ tử rằng: “Vậy con cho thêm vào một ít củi khô xem!” Đệ tử làm theo lời của thầy, sau khi cho củi vào, khói lập tức từ trong đám tro tàn kia bốc lên.

Người thầy lại nói: “Con thổi một lát xem!”

Đệ tử đặt miệng vào thổi một hồi, lửa đã bén củi và cháy rực lên.

Vị thầy liền nói một đoạn kệ cho học trò nghe, có đại ý như sau: “Lúc đầu đốt than này không có khói, cũng chẳng có lửa, cũng giống như chúng ta tu tập quán từ bi hoặc quán bất tịnh trong tu tập thiền định, trong lúc đang nỗ lực tu tập, có thể phiền não không sanh khởi, trong tâm cảm thấy thanh thản, bình an; Cũng giống như đốt củi kia, nhìn không thấy khói, cũng chẳng có ngọn lửa. (Nếu không dùng trí tuệ, để đoạn trừ tận gốc của tham, sân, si mà chỉ dùng phương pháp thiền định quán từ bi hay quán bất tịnh, kỳ thật vẫn chưa đủ, một khi nhân

duyên hội tụ, phiền não vẫn có cơ hội hiện diện.)

Cũng như lửa mà gặp củi khô, khói và lửa lập tức bốc cháy, ngọn lửa phiền não trong tâm chúng ta cũng như thế; Nếu gặp nhân duyên, như đối mặt với người mình không thích, khói sân hận lập tức bốc lên; Nếu nhìn thấy sắc đẹp, ngọn lửa tham muốn sẽ bốc cháy hùng hực. Chính vì thế chúng ta không chỉ dứt trừ tận gốc sự trói buộc của phiền não, mà còn phải có đủ ba minh (ba minh là túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh, ba loại trí tuệ thông đạt không còn chướng ngại. Túc mạng minh, có thể biết sự việc của chính mình và chúng sanh trong quá khứ. Thiên nhãn minh, có thể thấy được trong tương lai chúng sanh sinh về cõi lành hay đọa vào ác đạo. Lậu tận minh là trí tuệ đoạn trừ tất cả phiền não). Để dứt bỏ được căn bản phiền não tham, sân, si ba món độc, cần phải nỗ lực tinh tấn tu học.

Chúng ta muốn đạt được tam minh, thân và khẩu nghiệp cần phải thật sự thanh tịnh viên mãn, quét sạch những cấu uế trong tâm. Thân, khẩu, ý được thanh tịnh như thế, thì cỏ phiền não không có

cơ hội để phát sinh. Ví như chúng ta mỗi ngày đều đi bộ trên một con đường, vì mỗi ngày đều dẫm qua, nên những cây hoa và cỏ trên con đường kia không thể sống được (nhưng nếu chúng ta không đi trên con đường kia một thời gian, những cây cỏ dại kia lại tiếp tục mọc lên um tùm).

Cũng như thế, tham dục và sân hận tuy tạm thời không xuất hiện, là do chưa gặp đủ duyên; Do bởi cội gốc của lòng ham muốn và sân hận vẫn chưa mất hẳn, chỉ cần hội đủ nhân duyên, chúng nhất định sẽ xuất hiện.

Ví như người bị sốt, có lúc phát sốt một ngày, ngừng một ngày, sau đó lại sốt tiếp; Có lúc sốt một ngày rồi lại ngừng hai ngày, đến ngày thứ tư lại bắt đầu sốt tiếp. Bệnh sốt khi đang tiềm ẩn, ngày thứ hai và thứ ba chưa chắc đã tái phát, nhưng đến ngày thứ tư nhất định sẽ tái phát, nếu gặp trường hợp đặc biệt sẽ dễ dàng phát sốt.

Ví dụ này là thiên định của thế tục, phiền não chỉ tạm thời bị nén, nên không thấy phát khởi. Nhìn bên ngoài có vẻ như không có sai phạm, thật thanh

tịnh; nhưng bên trong chẳng khác nào gốc của cây độc. Nếu không đốn tận gốc, mầm của chúng cũng có thể phát triển trở lại.

Cũng như người lớn tuổi có tóc bạc, cho rằng tuổi chưa cao mà bạc tóc nên cảm thấy xấu hổ, muốn đi cạo tóc bạc. Cuối cùng, tóc đen cũng bị cạo sạch. Cạo tóc một thời gian sau, tóc bạc vẫn không ngừng mọc dài ra. Nếu chúng ta không dứt trừ phiền não, cũng sẽ như thế. Tham dục, sân hận phiền não nếu không diệt tận gốc, sẽ ảnh hưởng đến sự thanh tịnh của việc trì giới. Hành trì giới cũng như một hệ thống bảo vệ, có từng lớp bảo vệ chúng ta, nhưng chỉ tạm thời đối trị phiền não, khiến chúng tiềm ẩn không xuất hiện. Như thế vẫn chưa đủ. Có người cho rằng thân và khẩu không tạo nghiệp ác là đã hy hữu hiếm có, nhưng tâm vẫn chưa hoàn toàn vắng lặng, nếu không xóa bỏ cái gốc của phiền não, cuối cùng phiền não cũng sẽ sanh khởi, thậm chí còn vi phạm đến sự thanh tịnh của việc trì giới.

Một khi hủy phạm giới hạnh, tham đắm năm

dục, cũng giống như con rắn trốn trong hang, chẳng bao lâu sẽ trườn ra cắn người không khác vậy.”

Câu chuyện này có những điểm chúng ta cần học hỏi:

Chúng ta ngẫm nhìn lại: Tham, sân, si, mạn, nghi, ngã chấp trong chúng ta đã đoạn trừ chưa? Nếu không đoạn trừ tận gốc của phiền não, tuy tạm thời không còn thấy tham dục, sân hận hiển lộ, thân và khẩu tạm thời dừng tạo ác nghiệp, nhưng nếu điều kiện đầy đủ vẫn có thể bộc phát, cũng giống như rắn núp trong hang, một ngày đủ duyên, con rắn độc sẽ bò ra và cắn chết người.

Trì giới, thực tập thiền định cũng có khả năng làm cho phiền não lắng xuống, nhưng phương pháp này cũng như mang đá dẫn lên cỏ, đến lúc phiền não không còn khống chế được, công năng trì giới khó mà giữ gìn, thiền định cũng cũng bị thối thất. Muốn diệt trừ phiền não một cách rốt ráo, phải nương trí tuệ vô lậu, nhổ tận gốc rễ của phiền não mới được.

Đại Tỳ Bà Sa Luận <sup>5</sup> và Câu Xá Luận <sup>6</sup> có đề cập đến, con người thường sanh khởi phiền não.

Có ba nguyên nhân đưa đến phiền não: Thứ nhất là do nhân lực, thứ hai do cảnh giới lực, thứ ba do hành lực.

Thứ nhất “nhân lực”, là chỉ phiền não chưa triệt để đoạn tận, đây là nguyên nhân chính khiến phiền não sanh khởi. Tỷ như tham dục phiền não, gốc của nó chưa diệt tận, vẫn còn tiềm tàng, nên bất kỳ ở đâu chúng đều có thể bộc phát, cũng như cây chưa đốn tận gốc, khi hội đủ nhân duyên sẽ đâm chồi, ra hoa và kết trái.

Thứ hai “cảnh giới lực”, là chỉ cảnh giới hiện tại chúng ta đang sinh sống, đây là trợ duyên cho phiền não sanh khởi. Ví dụ: Gặp nhân duyên đầy đủ, chúng ta có thể sẽ khởi phiền não tham dục, hoặc là gặp kẻ thù oán, vừa nhìn thấy, sân hận trong tâm liền dấy khởi.

---

<sup>5</sup> A Tỳ Đạt Ma Tỳ Bà Sa Luận quyển 61, Đại Chánh Tạng 27, trang 313c 13-26.

<sup>6</sup> A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, quyển 20, phẩm Phân Biệt Tỳ Miên, Đại Chánh 29, 107b 10-18.

Thứ ba “gia hành lục”, là chỉ cho phi lý tác ý, cũng chính là tư duy thiếu đúng đắn. Ví dụ có kẻ thù oán, trước đây từng cãi nhau, cho dù trải qua thời gian đã lâu, người kia không còn xuất hiện, nhưng vì do tư duy bất chánh, chỉ cần nghĩ đến là phiền não có thể sanh khởi.

Khi chúng ta chưa đoạn tận phiền não, ít nhất không nên để cho phiền não tham, sân... liên tiếp hiện hành. Làm sao để cơn giận đừng sanh khởi? Có thể dùng phương pháp “duyên khuyết không sanh” để đối trị, quan trọng nhất, cũng chính là đoạn trừ căn bản phiền não; ngoài ra còn có thể tránh xa môi trường không tốt (tức chỉ cho cảnh giới tạp nhiễm), rời xa môi trường không tốt, đây chính là phương pháp an toàn nhất. Mặc dù có người nói rằng “ngã tu đường là nơi tu tập tốt nhất”, nhưng nếu bạn không phải là cảnh sát giao thông, bạn cũng cần phải chú ý an toàn! Nếu không sẽ gặp nguy hiểm lớn! Như đức Phật khuyên chúng ta cần phải thận trọng phòng hộ các căn, sáu căn thanh tịnh, mắt không được tùy tiện nhìn bậy, tai không nên nghe những chuyện không hay, việc không nên làm tuyệt



đối không làm, tránh xa những môi trường không lành mạnh.

Nếu cảnh đã hiện trước mắt, muốn tránh cũng không xong, muốn trốn không thoát, lúc ấy chúng ta cần phải làm sao? Lúc này tốt nhất chúng ta nên duy trì “chánh niệm và chánh tri”, “như lý tác ý”, tuyệt đối không khởi bất kỳ “ý niệm không hay” nào. Mỗi người chúng ta thủ quán sát, có người lòng sân hận và tham lam dễ sanh khởi, nên thường xuyên quán sát tâm tham và sân đó. Chúng ta nên trở về quán sát trong tâm của mình có những con rắn độc như thế đang trú ẩn không? Đừng để khi nhân duyên đầy đủ, lại bò ra cắn người.

Những lời đơn giản trên có thể sách tấn chúng ta!

Phước Nghiêm - 16.3.2013

## BÀI 7: HAI HẠNG NGƯỜI NGU: NGƯỜI KHÔNG BIẾT SÁM HỐI VÀ NGƯỜI KHÔNG BIẾT NHẬN SỰ SÁM HỐI

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi chọn ra một câu chuyện cùng chia sẻ và cùng nhau khuyến tấn, bài kinh này được trích từ “Kinh Tạp A Hàm” số 1108, trong Đại Chánh Tạng quyển số 2, trang 291b - 291c.<sup>7</sup>

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một thời gian Ngài an trú tại nước Xá Vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

Một hôm, trời vừa sáng, đức Thế Tôn khoác cà sa, hai tay ôm bát vào thành Xá Vệ khất thực. Khất thực xong Ngài trở về tịnh xá, thu dọn y bát, rửa sạch hai chân, lấy tọa cụ đặt lên trên vai phải, đi vào rừng An Đà gần tịnh xá Kỳ Viên, trải tọa cụ ở dưới một gốc cây, ban ngày một mình ngồi dưới gốc cây

---

<sup>7</sup> Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm, Đại Chánh Tạng quyển 2, trang 385b4-c10. Du Già Bồ Tát Giới Bản, Đại Chánh Tạng quyển 24, trang 1113a14-b2.

tọa thiền, tịnh quán tư duy.

Lúc ấy, trong tịnh xá Kỳ Hoàn có hai vị Tỳ kheo có sự tranh chấp, trong đó một người chủmắng đối phương, người còn lại im lặng không nói lời nào. Sau đó, vị Tỳ kheo chủmắng kia nhận ra sai lầm, tìm đến đối phương sám hối, cầu xin được tha thứ, nhưng vị Tỳ kheo bị mắng kia lại không muốn bỏ qua. Do vì người kia không chịu thú lỗi, cho nên nhiều Tỳ kheo trong tịnh xá đến khuyên gián, gây ra sự huyên náo, ồn ào không ngớt.

Lúc ấy, Đức Phật với thiên nhĩ thanh tịnh siêu phàm, nghe có tiếng ồn náo từ tịnh xá Kỳ Hoàn, liền xả thiền, trở về tịnh xá. Người trải tọa cụ ra ngồi trước đại chúng, rồi nói chuyện với các thầy Tỳ kheo: “Nhu Lai buổi sáng khát thực, trở về rừng An Đà, đang ngồi thiền tịnh quán tư duy, nhưng nghe trong tịnh xá có tiếng ồn ào, huyên náo, là ai? Và do chuyện gì mà tranh cãi?”

Có thầy Tỳ kheo đáp: “Trong tịnh xá có hai vị Tỳ kheo vì một vài việc mà sinh sự, trong đó có một vị lớn tiếng la mắng, đối phương im lặng không mở

lời. Sau đó, vị la mắng nhận ra sai lầm, liền tìm đến xin lỗi, nhưng đối phương không chịu chấp nhận. Vì thế có nhiều vị Tỳ kheo đến khuyên thầy ấy, dẫn đến tiếng nói càng lúc càng lớn dần, vô cùng ồn ào.”

Đức Phật bảo Tỳ kheo: “Thầy ấy sao lại thiếu trí tuệ như thế, người khác đến xin sám hối, tại sao lại không tiếp nhận sự sám hối chứ? Nếu có người đến xin sám hối mà không nhận, người ngu này phải chịu khổ dài dài, chẳng được ích lợi gì. Các thầy Tỳ kheo! Một kiếp trong quá khứ, lúc người trong ba mươi ba tầng trời tranh cãi lẫn nhau, Thích Đề Hoàn Nhơn đã từng nói kệ giáo huấn họ: ‘Nếu người không làm cho người khác khổ đau, tâm sân hận không tồn tại trong lòng họ. Nếu không lưu giữ sự oán hận, thì sân hận sẽ không ở mãi trong lòng. Nếu con phần nộ đang bốc cháy, tuyệt đối không nên mở miệng nói lời nguyên rủa. Đừng tìm lỗi của người. Không nên nhân cơ hội mà chia rẽ đoàn kết, chớ tuyên truyền điểm yếu kém của người. Cần phải trở về chăm sóc cái tâm của chúng ta, lấy những lời chỉ dạy của đức Phật tu duy thúc tỉnh.

Đừng bực tức và đừng khởi tâm làm tổn thương người, được như thế sẽ sống chung với bậc thánh hiền. Nếu thường thân cận với người bất thiện, thì những tập khí sân hận sẽ càng kiên cố khó mà thay đổi.

Tự mình kiềm chế được cơn giận, cũng giống như điều phục được con ngựa hoang không khác. Tôi ca ngợi người phu xe tài giỏi, không phải là người phu cầm cương giỏi, mà quan trọng là người ấy khéo léo nhiếp phục cái tâm của mình”.

Đức Phật dạy đại chúng: “Thích Đề Hoàn Nhơn ở tại tầng trời thứ ba mươi ba được tôn xưng là Tụ Tại Vương, là nhờ thường thực hành hạnh nhẫn nhục và khen ngợi hành giả tu nhẫn nhục. Tỳ kheo các thầy do có chánh tín sống đời sống xả ly, đã xuất gia học đạo rồi, càng nên tinh chuyên tu tập và tán thán người thực hành nhẫn nhục, cần phải tu tập như thế!”

Đức Thế Tôn nói bài kinh này xong, chúng Tỳ kheo đều rất hoan hỷ, nguyện thực hành theo.

Ngoài ra, ở trong kinh Biệt Dịch Tập A Hàm (kinh thứ 37), có nội dung tương tự như thế, trong Đại Tạng Kinh, quyển số 2, trang 385b-c, chỉ khác nhau một chút ở phần nội dung của bài kệ, bài kệ có nội dung như sau: “Tỷ như dùng quả bầu hồ lô, cắt đôi làm cái gáo múc dầu đổ vào đèn để thắp, nhưng vì ngọn lửa quá lớn, nên cái gáo bị cháy. Tâm sân hận cũng như thế, sẽ thiêu cháy thiện căn của chúng ta; chỉ cần tâm chúng ta lúc nào cũng giữ cho được vắng lặng, thì tâm sân hận sẽ tự nhiên biến mất.

Đừng để chúng tuần hoàn như dòng nước chảy, cứ trôi đi trở lại không ngừng, cho dù gặp hoàn cảnh rất giận dữ, tuyệt đối không nên mở miệng nói lời ác, càng không nói điều mà người ta kiêng kỵ.

Điều người ta kiêng kỵ, cũng giống như thân tộc của họ vậy, bất luận trong hoàn cảnh nào, chúng ta tuyệt đối không xúc phạm. Chỉ cần chúng ta điều phục cái tâm của chính mình, như thế đối với tất cả đều tốt, đối với bản thân càng tốt hơn.

Người không có tâm sân hận sẽ không hại người, người như thế chính là bậc thánh hiền, hay là

đệ tử của thánh hiền, chúng ta cần phải tìm đến thân cận những người như thế.

Người mà trong tâm lúc nào cũng nuôi dưỡng đầy sự bực tức oán hận, thì muốn làm gì cũng sẽ gặp nhiều khó khăn chướng ngại, chẳng khác nào bị núi bao bọc xung quanh.

Người nào khi phát hiện sự nóng giận, bực tức dấy khởi, mà có thể chế ngự, khống chế được bản thân, được gọi là đang tạo thiện nghiệp, giống như người dùng dây cương điều phục con ngựa hoang chưa từng được huấn luyện vậy.

Trong “Du Già Bồ Tát giới” có hai giới điều nội dung cũng tương tự như thế. Có hai hạng người ngu, hạng thứ nhất là phạm sai lầm mà tự mình không biết sám hối; hạng thứ hai là có người biết lỗi đến xin sám hối mà không chịu tha thứ.

Trong “Du Già Bồ Tát giới bốn” cũng có hai giới điều, thứ nhất là không biết nhận lỗi, hạng còn lại là không nhận sự sám hối của người. Giới này nói như vậy: Nếu Bồ tát an trụ nơi tịnh giới Bồ tát,

hoặc có xâm phạm đến chúng sanh, hoặc cho dù mình không xâm phạm, nhưng họ lại cho rằng chúng ta đã xâm phạm đến họ rồi, nếu lúc ấy vì khởi tâm bực tức, đố kỵ hoặc có tâm khinh mạn mà không nhu pháp sám hối, thì đã phạm vào giới của Bồ tát, đây là vi phạm thanh tịnh giới, nhưng nếu vì lòng biếng, giải đãi hay phóng túng mà không tìm đến sám hối đối phương thì cũng bị phạm giới, nhưng tội lại nhẹ hơn, tuy phạm giới nhưng không mất thanh tịnh.

Hạng thứ hai là không nhận sự sám hối của người, nếu Bồ tát an trú trong tịnh giới luật nghi, có người xâm phạm đến chúng ta, nhưng sau đó người ấy nhu pháp đến sám hối, nếu chúng ta vì sân giận mà không cho sám hối, thì phạm giới của Bồ tát. Vì người ấy không được sám hối, tâm của họ bất an, khiến cho họ càng phiền não hơn. Có người vì muốn cho đối phương phiền não hơn, nên không để cho họ được sám hối, như thế là đã vi phạm, đây là phạm thanh tịnh giới

Đức Phật dạy: “Chúng ta nếu có sai lầm, nên



nhanh chóng sám hối, cũng giống như y áo, giày vớ dơ bẩn mang ra giặt sạch phơi nắng, cho gió thổi khô, vẫn có thể sạch; còn nếu mang đồ dơ gói lại rồi dấu kín, lâu ngày thì càng thối, không thể thơm được, vì thế phải sám hối để được thanh tịnh!

Ngoài ra có một đoạn kinh ghi rằng: Chúng ta muốn điều phục con ngựa bên ngoài, không đến nỗi khó, nhưng muốn điều phục làm chủ được con ngựa bên trong tâm, thì sẽ khó khăn hơn nhiều.

Chúng ta cùng tinh tấn!

Phước Nghiêm - 26.10.2013

## BÀI 8: NGƯỜI TRÌ TỊNH GIỚI TRƯỚC THẤY PHÁP THÂN ĐỨC PHẬT

Kính chào quý Thầy, quý Cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Hộ Giới, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 578a-b.<sup>8</sup>

Ngày xưa, đức Phật ở thành Xá Vệ tại tịnh xá Kỳ Hoàn, vì hàng trời người mà tuyên dương khai thị kinh pháp.

Lúc đó, tại thành La Duyệt Kỳ (cũng chính là nước Ma Kiệt Đà của thành Vương Xá), có hai vị Tỷ kheo vừa mới tu học, muốn tìm đến nước Xá Vệ bái kiến đức Thế Tôn. Nhưng từ thành La Duyệt Kỳ đến thành Xá Vệ đường rất xa và hoang vắng. Vì khô hạn kéo dài, thời tiết cực kỳ nóng bức, các nguồn nước đã bị khô cạn, nóng đến nỗi thở không ra hơi, lại không có tắm hơi bóng dáng của con

---

<sup>8</sup> xem thêm:Thập Tụng Luật, Đại Chánh Tạng quyển 23, trang 273a3-26.

người, khiến cho hai thầy Tỳ kheo vừa đói lại khát đến lá người. Sau đó, hai thầy nhìn thấy có con suối sắp khô cạn, chỉ còn lại một ít nước, nhưng trong nước lại có quá nhiều trùng nhỏ, không thể uống được (nếu y theo giới luật của đức Phật đã chế, trong nước nếu có trùng phải lấy đũa lọc qua xong mới được dùng, nhưng họ thì lại không mang theo đũa lọc nước). Đứng trước tình thế này hai vị nói với nhau: “Chúng ta từ nơi xa xôi đến đây cốt để bái kiến đức Phật, không may nay chưa được bái kiến Ngài, chưa nghe được pháp, mà bây giờ đã phải bỏ mạng nơi này!”

Một vị nói rằng: Chúng ta tạm thời uống nước trước, thì mới có thể bảo tồn tính mạng để đến đánh lễ đức Phật. Ai mà biết được việc chúng ta đã uống nước có trùng? Vì tội báo không có ảnh hưởng đến các việc khác, thì làm sao mà biết được.

Người kia đáp: Không được! Không thể! Đức Phật rõ ràng đã dạy chúng ta, tu hành nên lấy nhân từ làm đầu, vì mạng sống của chúng ta mà ảnh hưởng đến sự sống của chúng sanh, dù có được gặp

Ngài cũng chẳng được chút lợi ích gì, tôi thà chết để giữ giới, tuyệt đối không vì sống mà phạm giới.

Vị thầy thú nhất vì nôn nóng được gặp đức Phật, liền vội vàng lấy chút nước dư còn lại mà uống, rồi tiếp tục lên đường. Vị thầy còn lại vì kiên quyết không uống nước có trùng, nên đã mạng chung giữa đường, sau khi mạng chung, lập tức sanh vào cõi trời thứ hai của Lục dục thiên, cũng chính là trời Đao Lợi. Vị trời ấy phản tỉnh tư duy, ngay lúc đó mới thấu hiểu: Mình trong quá khứ nhờ trì giới không sai phạm, nên bây giờ mới được sanh vào cõi trời. Lời dạy của đức Phật chắc chắn không sai, vốn được phước báu không phải là việc quá xa vời! Cho nên, vị trời ấy liền lấy hoa thơm, từ trên trời đi xuống, đến trước đức Phật, sau khi đánh lễ lui qua một bên.

Còn vị Tỳ kheo uống nước, đường dài vượt non, lội suối vô cùng vất vả, mất cả mấy ngày sau mới tới nơi. Đến trước đức Phật, thầy nhìn thấy đức Phật, phẩm đức của Thế Tôn trong sạch và tôn quý vĩ đại không thể kể xiết, hướng về đánh lễ xong, nước mắt

tuôn rơi bạch cùng đúc Phật: Con có một người bạn cùng đi chung, trên đường đã lâm chung, nghĩ đến anh ta vì cố chấp, không biết nghĩ thoáng ra, nên không thể đến đây đánh lễ Ngài, đã làm cho con thật sự rất đau buồn, kính mong đúc Thế Tôn thấu hiểu việc này.

Đúc Phật nói: Ta đã biết rõ.

Đúc Phật đưa tay chỉ về phía vị trời và nói: Vị trời trước mặt ông đây, chính là người bạn đồng hành với ông, nhờ vị ấy nghiêm trì giới luật thanh tịnh, nên được sanh vào cõi trời, mà đã sớm đến đây.

Lúc đó, đúc Thế Tôn vạch áo, lộ rõ phần ngực thân kim sắc, nói với thầy Tỳ kheo rằng: Ông chỉ nhìn thấy được hình mạo của ta thôi, nhưng không giữ gìn giới luật ta đã chế, thì ông đã nhìn thấy ta, nhưng ta không nhìn thấy ông, nếu có người tuy ở cách xa ta vạn dặm, nhưng có thể gìn giữ thực hành lời dạy trong kinh giới, ngay lúc đó người ấy đã ở ngay trước mắt ta.

Nhân đó, đúc Phật nói một đoạn kệ có đại ý

như sau: Học rộng và nghe nhiều, trì giới được nghiêm tịnh, hiện tại và đời sau tiếng tăm được tốt đẹp, mọi nguyện vọng đều như ý. Học thúc đã cạn cợt, thấy nghe không được nhiều, trì giới lại khiếm khuyết, hiện tại và đời sau đều phải gánh chịu khổ đau, cái tâm nguyện ban đầu cũng bị tổn thất, không thể thành tựu.

Học Phật pháp có hai điểm cốt yếu: Thứ nhất cần phải gần gũi bậc thiện tri thức, được nghe nhiều Phật pháp (đây là chú trọng việc nghe). Thứ hai là được an ổn và lý giải nghĩa lý đúng như thật (xem trọng lý giải). Nếu nghe nhiều lại hiểu được chân lý sâu sắc, dù có gặp khó khăn gì cũng không làm những việc sai trái, không có những hành vi không đúng đắn!

Vị thầy uống nước đó sau khi nghe đoạn kệ này xong, cảm thấy hổ thẹn và sợ hãi, hướng về đức Phật đánh lễ xin sám hối, lặng lẽ tự mình kiểm điểm những việc làm đã qua. Vị thầy trì giới được sanh lên cõi trời, nghe hết đoạn kệ, sanh tâm vui mừng không kể xiết, ngay lúc đó đắc được pháp nhãn tịnh,

chúng đăc sơ quả, trời và người hiện diện đợc nghe đức Phật khai thị, tất cả đều phát nguyện y giáo phụng hành.

Câu chuyện này ở trong Thập tụng luật cũng có nội dung giống như vậy, đoạn khởi đầu nhu nhau, đoạn sau đức Phật nói với thầy Tỳ kheo uống nước có trùng: Ông thật đại dột! Ông muốn nhìn thấy cái xác thân của Thế Tôn để làm gì? Không nhu thầy Tỳ kheo trì giới thanh tịnh kia, đã nhìn thấy pháp thân của Ta! (người trì giới thanh tịnh, thấy đợc pháp thân của đức Phật, ông dùng con mắt thịt chẳng qua thấy xác thân của Phật mà thôi). Sau đó, đức Phật lại nói thêm một đoạn kệ, đại ý như sau: Tâm không chuyên tư duy quán sát, thì cái thấy vừa không chính xác vừa không chân thật. Người tham cầu nhìn sắc thân của Thế Tôn, cũng giống như những loài thiêu thân nhào đầu vào lửa! (Những con thiêu thân thấy lửa, chúng chỉ nhìn cái hình, như thế có nghĩa lý gì, nó nhìn thấy không chính xác, không chân thật, cũng chẳng khác nào người kém trí chỉ muốn nhìn cái hình mạo sắc thân này, nhưng pháp lại không lãnh hội đợc). Sắc thân là nơi hội tụ các

thú không sạch, ông muốn nhìn thấy những thú ấy có lợi ích gì? Bên trong sắc thân chứa mỡ, máu, thịt... toàn những thú thối bản, được lớp da mỏng bên ngoài bao bọc lại mà thôi. Thầy Tỳ kheo kia tuy bị đói khát hành hạ, nhưng lại có thể cung kính gìn giữ giới luật thanh tịnh, cho đến chết cũng vẫn chấp trì lời dạy của Phật đà. Nên vị Tỳ kheo giữ giới thanh tịnh đã thấy được pháp thân của Phật, chứ không tham sống sợ chết như ông!

Câu chuyện này có vài điểm đáng để chúng ta ghi nhớ: Thứ nhất cần phải học rộng, nghe nhiều, và thấu hiểu chân thật được nghĩa lý hàm chứa bên trong. Cần phải trì giới nghiêm mật không để đánh mất, thì mới thấy được pháp thân của đức Thế Tôn. Thấy được pháp thân của Ngài so với thấy được xác thân quan trọng bội lần. Mắt của chúng ta là mắt thịt, nên chỉ thấy sắc thân của Thế Tôn. Chúng ta cần phải dùng con mắt trí tuệ mới thể ngộ được pháp thân của Phật. Cũng như thế, lỗ tai chúng ta không chỉ dùng ở nghe kinh mà thôi, mà phải đưa vào trong tâm, lắng lòng để nghe. Ngoài ra, miệng chúng ta niệm Phật, không chỉ niệm bằng cái miệng,



thành tiếng mà thôi, hãy niệm bằng tâm. Cũng như vậy, lạy Phật, không phải chỉ lạy bằng thân, mà trong tâm cần phải cung kính, phải khởi tâm thành kính, như đức Phật đang hiện diện trước mặt chúng ta vậy. Và còn nữa, ngoài việc nghe nhiều, hiểu được nghĩa lý càng quan trọng! Nếu nghe nhiều lại thâm nhập được ý nghĩa, thì sẽ không tạo ra hành động phi pháp.

Những lời trên cùng sách tấn quý vị.

Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm -  
30.03.2013

## BÀI 9: XẢ BỎ TÍNH MẠNG ĐỂ HÀNH TRÌ GIỚI ĐỨC PHẬT CHẾ

Xin chào quý Thầy, Cô cùng toàn thể Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện, câu chuyện này được trích từ kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 269c - 270b.<sup>9</sup>

Trong kinh dạy rằng: Người nội tâm hiền minh lương thiện, thì có thể đem lợi ích an ổn đến tất cả chúng sanh. Cho nên, người trí tuệ cần phải tu dưỡng tâm của mình, thường gìn giữ tâm hiền minh lương thiện.

Trong quá khứ, từng nghe kể, có một số thầy Tỳ kheo và các vị thương buôn ra biển đi tìm bảo vật, cùng ngồi chung trên một chiếc thuyền, trong lúc thuyền đang ra khơi thì bị hỏng. Chiếc thuyền đang trong tình thế chìm dần xuống biển; khi đó có thầy Tỳ kheo trẻ tuổi, chụp được một chiếc phao,

---

<sup>9</sup> xem thêm: Chúng Kinh Soạn Tập Thí Dụ, Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 533a13-26. Kinh Hiền Ngu, Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 318b9-10.

nhưng vị thượng tọa người có giới lớn, đến không kịp để chụp lấy phao, nên sắp bị chìm xuống đáy biển. Lúc đó, vị thượng tọa vừa hết hoảng lại sợ hãi, lo lắng sẽ bị nước biển cuốn đi, nên nói với thầy Tỳ kheo trẻ tuổi: thầy chẳng lẽ không nhớ giới luật mà đức Phật chế sao, phải kính trọng các bậc thượng tọa mới đúng? còn không biết nhanh đưa chiếc phao trên tay cho tôi! Lúc đó, thầy Tỳ kheo trẻ tuổi liền nghĩ: Nếu đúng là đức Thế Tôn có dạy như vậy, thì những gì mang đến lợi ích an vui thì phải kính nhường, cúng dường vị thượng tọa.

Thầy Tỳ kheo trẻ lại suy nghĩ: nếu bây giờ tôi nhường chiếc phao lại cho vị thượng tọa, thì tôi chắc chắn sẽ bị sóng cuốn trôi và chìm vào trong lòng biển, biển rộng mênh mông, lại sâu đến vô đáy, như thế ngay lúc này tính mạng của tôi không còn được an toàn. Trong khi tuổi tôi còn trẻ, lại vừa mới xuất gia, còn chưa chứng quả. Nghĩ đến đây cảm thấy rất đau buồn. Nhưng bây giờ cũng là lúc tôi phải hy sinh bản thân để cứu vị thượng tọa.

Thầy Tỳ kheo trẻ tuổi suy nghĩ như thế xong,

bèn nói lên một đoạn kệ, có nội dung như sau: Tôi vì bảo vệ tính mạng mình tốt, hay giữ gìn lời dạy thù thắng của đức Thế Tôn tốt? Đức Phật đã tích lũy vô lượng công đức, tiếng tốt đã vang khắp mười phương, tôi nên làm theo lời dạy của Ngài thì mới phải! Tôi tại sao phải vì xác thân đê tiện và tâm thường này, mà lại làm ngược lại với lời dạy của bậc thánh nhân? Tôi bây giờ đã thọ nhận giới pháp của Thế Tôn, thì phải quyết tâm giữ gìn cho cùng, dù chết cũng không vi phạm. Vì y vào lời dạy của đức Thế Tôn, tôi hy sinh tính mạng của mình để dâng chiếc phao lên cúng dường thượng tọa. Nếu không làm được những việc khó làm, thì đến cuối cùng cũng không thể nhận được phước báu hiếm có. Nếu tôi cứ giữ lấy chiếc phao trên tay, thì chỉ tránh khỏi gặp nạn trên biển được một lần; Nhưng nếu tôi không nghe lời dạy của đức Phật, thì tôi cứ đắm chìm mãi trong biển lớn của sanh tử luân hồi.

Tôi giờ đây thà bị chết đuối dưới biển, tuy chết nhưng vẫn là người cao thượng; Còn ngược lại, nếu tôi bỏ lời dạy của đức Phật, tức đã vứt đi lợi ích của trời người và an lạc cao nhất ở Niết bàn.

Thầy Tỳ kheo trẻ tuổi nói đoạn kệ xong, liền dâng chiếc phao lên cho vị thượng tọa. Vị thượng tọa vừa nhận chiếc phao trên tay xong, vị thần biển vì quá cảm động bởi việc làm của thầy Tỳ kheo trẻ tuổi, nên đã đưa thầy Tỳ kheo trẻ tuổi vào bờ. Thần biển cung kính chấp tay lại và nói với thầy Tỳ kheo trẻ tuổi rằng: Hôm nay gặp việc quá nguy hiểm, nhưng thầy vẫn nghiêm túc giữ gìn giới luật của đức Phật, nên tôi giờ đây rất muốn nương tựa vào sự giữ giới kiên trì của thầy. Thần biển nói một đoạn kệ tán thán vị Tỳ kheo trẻ tuổi, có đại ý như sau:

Thầy xứng đáng là vị Tỳ kheo, là người đích thực tu khổ hạnh. Gọi thầy là Sa môn thật xứng đáng và phù hợp (sa môn có nghĩa là không làm các việc ác, điều thiện thân tâm, là người xuất gia tinh tấn tu các thiện pháp). Thầy chính là người xứng danh Sa môn!

Nhờ năng lực phước đức của thầy, nên mọi người cùng đi trên thuyền và tài bảo đều không bị tổn thất bởi đại nạn, tất cả đều được bình an.

Lời phát nguyện của thầy rất vững vàng, kính tín theo lời dạy của đức Phật, thầy là vị trượng phu có đức hạnh cao thượng, có thể trừ bỏ được những hiểm nguy khó khăn, hôm nay, tôi làm sao không hết lòng hộ trì thầy được? (đương nhiên phải tận tâm bảo vệ thầy!)

Nếu đã nhìn thấu được chân đế thì mới giữ gìn tịnh giới, như thế sẽ không khó khăn, thế nhưng phàm phu có thể không phạm giới luật thì mới hy hữu hiếm có làm sao.

Tỳ kheo thân ở nơi môi trường yên ổn, tự thanh tịnh tâm mình, cẩn thận nơi thân, khẩu, ý ba nghiệp, có thể không vi phạm giới cấm, như thế không xem là quá khó; Nhưng nếu chưa chứng được quả vị thánh, mà lại gặp tình huống hoảng hốt sợ hãi mà có thể thực hành lời dạy của đức Phật, để bỏ đi cái tính mạng đáng yêu quý nhất, khó làm mà đã làm được, đây mới thật là hy hữu và được hiếm thấy.

Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta: Thầy Tỳ kheo trẻ suy nghĩ như thế, tuy có thể nếu vì mạng sống của mình chụp lấy được chiếc phao

hoặc vật cứu đắm, không bị chìm sâu xuống lòng biển. Còn nếu không nương vào lời đức Phật đã dạy, thì sẽ bị đắm sâu trong biển lớn của sanh tử luân hồi, không phải chìm vào trong những biển lớn thường gặp, mà chìm sâu trong biển sanh tử của luân hồi! Ngay trong lúc chúng ta phải đối diện với cái chết, xin hỏi chúng ta còn cách lựa chọn nào khác? Đã thấy được đạo, đắc được quả vị thánh, mới có đủ năng lực giữ gìn tịnh giới, đây chưa phải thật sự khó; nhưng đối với hạng phàm phu chưa thoát được sanh tử, phần đông ai cũng sợ chết; Phàm phu chưa chứng hàng thánh quả, lúc đối đầu với nguy hiểm tính mạng, nhưng vẫn kiên trì giữ giới, không làm trái lời dạy của đức Phật, mới thật sự là hy hữu và hiếm có!

Có người chỉ biết yêu quý cái thân mạng, nhưng không biết trân quý cái huệ mạng. Nói cho cùng thân mạng và huệ mạng cuối cùng cái nào là đáng quý. Hy vọng chúng ta cùng hiểu lời giáo huấn của đức Phật: thà trì giới mà chết, không cần sống mà phạm giới!

**Những lời trên đây chúng ta cùng tinh tấn.**

**Phước Nghiêm - 25.05.2013**



## **BÀI 10: ĐỨC PHẬT DÙNG BA PHƯƠNG PHÁP ĐỂ TỰ ĐIỀU PHỤC, VÀ ĐIỀU PHỤC MỌI NGƯỜI**

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả quý vị Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện được trích trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ kinh “Pháp Cú Thí Dụ” phẩm Tượng, trong Đại Chánh Tạng quyển số 4, trang 600b - 600c.

Ngày xưa đức Phật trú tại thành Xá Vệ tịnh xá Kỳ Thọ, vì bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam và cận sự nữ có cả trời, rồng, quỷ thần, đế vương, đại thần cùng với người dân trăm họ trong thành khai thị chánh pháp.

Lúc ấy có vị trưởng giả tên Ha Đề Đàm, đến trước đức Phật đánh lễ xong, rồi qua một bên, quỳ xuống chấp tay bạch đức Phật: “Lâu nay con may mắn được nghe giáo pháp của đức Thế Tôn, mong muốn được tận mắt nhìn thấy dung mạo của Ngài,

nhưng vì quá bận rộn, không thể thực hiện được, xin đức Thế Tôn rộng lòng khoan dung cho con”. Đức Phật bảo ông ngồi xuống rồi hỏi thăm ông ở đâu? Tên họ là gì?

Ha Đề Đàm bạch: “Con thuộc dòng Cư sĩ, tên là Ha Đề Đàm, trước đây từng làm nghề huấn luyện voi cho quốc vương.”

Đức Phật: “Ông làm thế nào để huấn luyện voi? Có bao nhiêu cách?”

Cư sĩ: “Con thường huấn luyện voi bằng ba phương pháp, thứ nhất là dùng móc sắt móc vào miệng của voi, rồi dùng dằm và dây da để khống chế (dằm là để trùm lên đầu ngựa hoặc đầu voi để dễ điều khiển hành động của chúng, rồi dùng dây cương buộc lại, vật này gọi là long đầu, cũng gọi là lạc đầu; sau đó dùng dây da buộc quanh thân chúng). Thứ hai là cho chúng ăn ít lại, để chúng yếu đi. Cuối cùng là lấy gậy đánh vào thân thể, cho chúng đau đớn. Phải dùng ba phương pháp này mới huấn luyện được chúng.”

Đức Phật: “Tại sao dùng ba phương pháp này sẽ huấn luyện và điều phục được voi?”

Ha Đề Đàm: “Dùng móc sắt móc miệng, thì mới có thể giữ chặt miệng của voi (đây là khống chế miệng). Tiếp theo không cho chúng ăn no, thì mới có thể khống chế sức mạnh của voi (đây là khống chế về thân). Cuối cùng dùng côn đánh vào thân thể chúng, tức là dẹp bỏ cái tâm ngang tàng của chúng (đây là khống chế ý). Đây là ba phương pháp nhiếp phục thân, khẩu, ý giúp cho việc huấn luyện voi được tốt.”

Đức Phật: “Voi đã được điều phục dùng để làm gì?”

Ha Đề Đàm: “Sau khi điều phục xong, có thể làm kiệu chở vua, cũng có thể đem ra chiến trường chiến đấu, tùy ý điều khiển, tới lui không trở ngại.”

Đức Phật: “Chỉ có những phương pháp này thôi ư? Còn phương pháp nào khác nữa không?”

Ha Đề Đàm: “Điều phục voi chỉ có những

phương pháp như thế mà thôi.”

Đức Phật: “Ông giỏi điều phục voi như thế, phải chăng cũng rất giỏi điều phục bản thân mình? Ông nói những phương pháp này chỉ dùng để huấn luyện voi, kỳ thật cũng có thể dùng để điều phục tự thân.”

Ha Đề Đàm: “Con không biết điều phục chính mình có nghĩa gì? Từ trước đến nay chưa từng được nghe qua, cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con.”

Đức Thế Tôn: “Nhu Lai cũng có ba phương pháp, không chỉ áp dụng để chuyển hóa người, mà còn giúp chính mình chúng đắc quả vô sanh giải thoát:

Thứ nhất: Dùng lòng chân thật để thâm nhiếp khẩu nghiệp (không vọng ngữ, không ác khẩu, không hai lưỡi, không ý ngữ; không cần phải dùng móc sắt để khống chế miệng voi, mà dùng chân thành để thâm nhiếp khẩu nghiệp).

Thứ hai: Dùng tình thương bình đẳng để điều

phục sức mạnh của thân nghiệp (không giống như người huấn luyện voi bắt chúng phải ăn ít lại để cho chúng kiệt sức, không thể phản kháng. Không phải! Nên dùng tâm từ bi để để điều phục thân nghiệp).

Thứ ba: Lấy trí tuệ xóa tan màn vô minh che lấp (lấy trí tuệ điều phục ý nghiệp của chúng ta, không như người huấn luyện dùng gậy đánh vào thân thể, để cho khiếp sợ nên mới chịu nghe lời. Không phải như thế! Mà dùng trí tuệ diệt trừ phiền não). Dùng ba phương pháp có thể hóa độ tất cả chúng sanh xa lìa ba đường ác, tự mình cũng có thể chúng đắc vô vi Niết bàn, không còn sa đọa vào vòng của luân hồi tử sanh chịu cảnh khổ đau.”

Đức Thế Tôn bèn nói một đoạn kệ, trong mỗi bộ kinh nội dung không giống nhau, đây là theo trong kinh Pháp Cú Thí Dụ: Ý muốn nói: “Có con voi tên là Hộ Tài, tánh khí nó hung dữ khó điều phục, nên phải dùng chiếc dầm và dây da, cũng không cho chúng ăn no, thế nhưng chúng vẫn ước được làm những con voi rừng tự do.”

Còn trong kinh Pháp Cú: Nghĩa là: “Có một

con voi lớn tên là Tài Thủ, tánh nó hung hăng khó huấn luyện, phải dùng dầm và dây da, cũng không cho chúng ăn, nhưng vẫn không điều phục được, vẫn chạy nhảy tán loạn.” (Trong một số kinh điển có đề cập đến, voi khi nhìn thấy voi cái, khởi tâm dâm dục, đuổi theo con voi cái, nên phải dùng dầm và dây da khống chế, nhưng vẫn chưa chắc đã giữ được chúng).

Con người chúng ta cũng thế, trước đây hành động theo bản năng của mình, thường làm theo những gì mình muốn, đến nay đã trừ bỏ cái tâm thích phóng dật ấy đi, đã hàng phục được phiền não rồi, cũng giống như người huấn luyện voi lấy móc sắt móc vào miệng của voi vậy.

Vui vẻ tu học chánh đạo, không phóng dật, thường gìn giữ cái tâm, thì mới từ bỏ được cái khổ nơi thân (muốn thân được hết khổ, chúng ta nên hạ thủ công phu từ nơi tâm) cũng như voi được vượt qua chàm bẫy, bùn lầy không khác.

Cho dù người huấn luyện có thể huấn luyện được những giống voi hay ngựa tốt, nhưng vẫn

không bằng điều phục bản thân mình. Nếu không làm chủ được chính mình, thì khó đạt được đến chỗ an ổn. Chỉ có những người điều phục được chính mình, thì mới tự do đi đến đâu cũng an vui, chúng được Vô úy Niết bàn.”

Ha Đề Đàm nghe xong vô cùng hoan hỷ, cảm nhận sự an lạc thật sâu sắc, trong tâm không còn nghi hoặc, ngay trong giây phút ấy đạt được pháp nhãn chúng đắc sơ quả, và những người đến nghe trong buổi pháp thoại ấy, cũng được chúng đắc kiến đạo.

Câu chuyện này có nhiều điểm để chúng ta phản tỉnh:

Người huấn luyện voi có thể dùng thức ăn, móc sắt hoặc gậy để điều phục thân, khẩu và ý của voi, nhưng không chuyển hóa được thân, khẩu và ý của chính mình. Trong thế gian có người sùng bái “anh hùng”, có người ca ngợi “thánh hùng”. Anh hùng là dùng để chỉ cho sức mạnh của thân chinh phục người, còn thánh hùng là dùng trí tuệ để xua tan phiền não cho chính chúng ta.

Anh hùng có thể dùng sức mạnh của thân để chinh phục người khác, nhưng chưa chắc thắng được chính mình; Bậc “thánh hùng” đại hùng, đại lực, đại từ bi, không những giúp cho mình tự đoạn trừ được phiền não, mà còn cứu giúp cho chúng sanh được an vui giải thoát.

Thay vì dùng những biện pháp cứng nhắc để chinh phục người, thì hãy lấy trí tuệ để chuyển hóa chính mình.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực tinh tấn.

Nói thêm một chút: Đại hùng, chúng ta nói đến “đại hùng”, mọi người đừng nghĩ đến “đại hùng Tiểu Đỉnh Đang”. Ở trong chùa đều có đại hùng bảo điện, có đúng không?

Hai chữ “đại hùng” là chỉ cho đại hùng, đại lực, đại từ bi, cho nên đại hùng cũng chính là danh hiệu của đức Phật. Đức Phật an trụ trong bảo điện, cho nên gọi là “đại hùng bảo điện” đừng có nghĩ đến Tiểu Đỉnh Đang.



Phước Nghiêm - 23.3.2013

## **BÀI 11: NGÃ MẠN TUY TỰ CAO, NHƯNG THẬT TẾ LÀ HẠ THẤP**

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả quý vị Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị, một câu chuyện được trích trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 299b - 301a.

Trong kinh có dạy, khi chúng ta khởi tâm kiêu ngạo, sẽ dễ dàng tạo ra vô số ác nghiệp. Người có tâm kiêu ngạo luôn cho rằng mình hơn người, nên thường chiêu cảm những tiếng xấu và quả báo tồi tệ, ngược lại mình khiêm cung, thì hay chiêu cảm tiếng thơm và quả báo tốt, do đó chúng ta nên phải trừ bỏ kiêu ngạo.

Chúng ta đều biết, đức Phật thành đạo không bao lâu, đã độ anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp và hàng ngàn quyến thuộc. Những vị này đã đoạn trừ phiền não, râu tóc tự rụng phát nguyện xuất gia, cùng đức Phật đi đến thành Ca Tỳ La Vệ. Lúc đó,

vua Duyệt Đầu Đàn (vua Tịnh Phạn – phụ thân của đức Thế Tôn) đã được sự giáo hóa của đức Phật, tính tình nhu nhuyễn và hòa thuận; Nhưng những người khác thuộc giòng họ Thích Ca vẫn cho rằng mình thuộc giòng tộc cao quý, sanh tâm kiêu ngạo. Do pháp tướng của đức Phật rất trang nghiêm, đáng người cân đối vừa phải, nhìn thấy không ai mà không thích; Nhưng những người đệ tử bên cạnh Ngài, phần nhiều là những vị thuộc giòng tộc Bà la môn đã tu khổ hạnh từ lâu, nên thân thể họ có phần tiều tụy; Tuy trong tâm họ đong đầy pháp vị, nhưng dung mạo bên ngoài hiển hiện rất tiều tụy, xấu xí; với hình dạng nhu thế mà bên cạnh đức Phật, thì trong con mắt của người thế tục, hoàn toàn không một chút cân xứng.

Lúc ấy, vua Tịnh Phạn trong lòng suy nghĩ: có thể kêu gọi một số người thuộc giòng tộc Thích Ca theo đức Phật xuất gia, nếu được như thế, xem ra sẽ rất cân xứng! Bởi vì người thuộc giòng họ Thích Ca đều là hoàng cung quý tộc, ăn uống đầy đủ, tướng mạo tuấn tú khôi ngô, như thế đi cùng đức Phật sẽ thích hợp hơn. Sau khi suy nghĩ cẩn thận, vua bèn

cho đánh trống kêu loa: Đúc vua hạ lệnh, giòng họ Thích Ca mỗi gia đình cần phải cử một người, theo đúc Phật xuất gia. Lúc đó, tuân thủ theo mệnh lệnh của đúc vua, mỗi gia đình đều xuất ra một người đi xuất gia. Nhưng xuất gia thì phải xuống tóc, nên người thợ cắt tóc Ưu Ba Ly, trong lúc cạo tóc cho những người trong giòng tộc Thích Ca trong lòng buồn rầu không vui, khóc không ngớt. Những vị này thấy thế liền hỏi Ưu Ba Ly: Tại sao người khóc?

Ưu Ba Ly đáp: Bây giờ quý vị đi xuất gia rồi, sau này tôi biết làm gì để kiếm sống đây? Những vị chuẩn bị xuất gia nghe thế, bèn cởi tất cả y phục, anh lạc và những thú trang sức quý mang trên thân xuống, để lại một đồng tài sản, toàn bộ tặng lại Ưu Ba Ly, và nói: Những món báu đủ loại này có thể nuôi sống ông đến hết cuộc đời!

Ưu Ba Ly nghe xong, liền sanh tâm nhàm chán, nói với họ rằng: Quý vị bây giờ mỗi người đều vứt bỏ các thú trần bảo và trang sức để xuất gia, thì tại sao tôi lại lấy những thú ấy?

Sau đó, Ưu Ba Ly nói một đoạn kệ có đại ý như sau: Quý vị giòng họ Thích Ca buông xuống các bảo vật, chẳng khác nào vứt bỏ rác thải, cỏ dại và lá rụng, các loại bảo vật yêu quý nhất quý vị còn không cần, thì tôi tại sao làm ngược lại đi tham cầu và cất giữ chúng chứ?

Tôi nếu cất giữ các thứ bảo vật này, trong tâm sẽ khởi tham đắm, chấp chặt những thứ này là của tôi có được, như thế sẽ là mối họa lớn.

Quý vị giòng họ Thích Ca đã buông xuống những ưu buồn khổ não từ trần bảo, nếu tôi nhận lấy, thì tôi đã chuốc lấy những lỗi lầm và hoạn nạn.

Chẳng khác nào có người ói ra một đồng thóc ăn, con chó bèn chạy đến ăn; cũng thế, nếu tôi cất giữ của người khác bỏ đi, thì tôi và con chó có khác gì nhau?

Bây giờ, tôi rất sợ đồng bảo vật này, cũng giống như muốn xa lìa bốn loại độc: sinh, lão, bệnh, tử ở thế gian này vậy, từ trong tâm tôi thiện căn đã trỗi dậy, không có một chút luyến tiếc đồng bảo vật

ở trước mắt.

Tôi giờ đây muốn từ bỏ những món báu vật này, tôi muốn tìm đến nơi Thế Tôn đang cư trú, xin Ngài cho tôi được cùng xuất gia.

Ưu Ba Ly nói xong bài kệ, ông lại nói tiếp: Nhìn thấy người khác cầu diệu pháp thù thắng, tôi bắt đầu khởi lòng cung kính muốn hướng theo, cầu mong cho tôi cũng được như họ không khác, cùng nhau thành tựu nhân duyên thù thắng. Tôi giờ đây cũng muốn được làm đệ tử đức Phật, cần phải nỗ lực chuẩn bị cho việc xuất gia.

Nói xong, ông lại suy nghĩ: Mình bây giờ quyết tâm xuất gia, thì cần phải hết lòng thiết tha. Một ngàn vị thuộc giòng họ Bà la môn đã xuất gia ở trong Tăng chúng. Thích Ca chủng tộc dòng Sát lợi có khoảng năm trăm người xuất gia. Bà la môn và Sát lợi là hai dòng tộc tôn quý, còn tôi không chỉ là thuộc dòng Thủ đà la thấp hèn (tầng lớp nô lệ) lại làm công việc thấp kém, không biết có được may mắn cùng xuất gia với những người thuộc dòng họ cao quý như họ không, có được cơ hội xuất gia

trong suốt nguồn Phật pháp không? Giờ đây mình làm sao để có thể đến trước đức Thế Tôn xin được xuất gia đây?

Ông lại nói một đoạn kệ khác, có đại ý như sau: chúng tánh Sát lợi trong sạch không dơ bẩn, chúng học Bà la môn rộng lại nghe nhiều, họ giống như được xuất thân từ châu bảo ma ni, họ hội tụ về đây. Còn tôi xuất thân từ giai cấp Thủ đà la, làm sao có thể tham gia cùng họ được? Tôi giống như là những mảnh sắt rỉ vụn nát, trộn lẫn trong vàng. Tôi từng nghe đức Thế Tôn có đầy đủ nhất thiết chủng trí, giờ đây tôi nên đến trước đức Phật, bậc đại từ bi thương yêu hết thảy chúng sanh. Chỉ có đức Thế Tôn mới thật biết được, cái gì không thể tịnh hóa, ai có thể xuất gia, người nào không thể xuất gia. Những người ngoại đạo đều không thể hiểu được pháp giải thoát kỳ diệu, chỉ có người không còn bị phiền não, mới có đủ khả năng như thật biết được làm thế nào để giải thoát.

Ưu Ba Ly nói bài kệ xong, đến trước đức Phật, quỳ xuống chấp tay, mặt áp sát đất, rồi nói đoạn kệ,

có nội dung như sau: Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá, Thủ đà la, những người sanh vào trong bốn giai cấp này, có phải ai cũng được quyền xuất gia? Sự an vui của giải thoát Niết bàn, giai cấp Thủ đà la như con có đạt được không?

Đức Phật! Ngài là bậc thánh cứu độ hết thảy chúng sanh trong thế gian, lòng từ bi bình đẳng rộng khắp, xin thương xót chấp nhận cho con được vào hàng ngũ xuất gia. Lúc đó, đức Thế Tôn biết được tấm lòng của Ưu Ba Ly đã nhu nhuyến hòa thuận, thiện căn đã thuần thực, có thể hóa độ, bèn dùng cánh tay phải trang nghiêm xoa lên đầu của Ưu Ba Ly và nói rằng: Cho phép ông xuất gia. Ngoại đạo truyền thọ pháp bí mật, đệ tử không dễ gì biết được, nhưng Như Lai không như thế! Lòng từ bi của đức Phật không chút riêng biệt, vì chúng sanh nói pháp trước sau bình đẳng, hướng dẫn cho chúng sanh phương pháp thực hành chánh pháp thù thắng, và cứu độ tất cả chúng sanh; Cũng như ở trong chợ mua bán, không có chọn lựa khách hàng nghèo giàu, thân phận giai cấp tôn quý hay thấp hèn. Giáo pháp của đức Phật cũng như thế, không phân biệt chủng



tộc, chỉ cần có tâm, đều có thể tu học.

Nhân đó đức Phật nói lên một đoạn kệ, có đại ý như thế này: Người dù đói khát như thế nào đi nữa, chỉ cần kịp thời ăn thức ăn bổ dưỡng, uống nước tinh khiết, chắc chắn sẽ bổ sung thể lực đang suy yếu. Bất kể là ai, cầm đèn sáng trên tay, thì sẽ xua tan bóng tối. Đức Phật có đầy đủ chủng trí, diệu pháp, truyền khắp đến tất cả chúng sanh, bất kể người nào, chỉ cần nương vào pháp mà tu tập, thì làm sao không chúng đắc diệu nghĩa thù thắng được chứ? Như người dùng đường phèn, bất kể là quý phái hay bần cùng, đều có công năng trừ phong thấp. Không kể là sanh vào chúng tộc Sát Lợi hay Bà la môn, ở trong Phật pháp đều bình đẳng không khác nhau; có khả năng dứt khổ trong ba cõi không có cái gì khác nhau. Lại có ví dụ ba loại thuốc, có thể trị được bệnh gió, bệnh sốt lạnh và bệnh sốt nóng, bản thân của thuốc không có chọn lựa giai cấp, bất luận là xuất thân là giòng tộc nào, giàu sang hay hèn hạ, thuốc đều có tác dụng trị bệnh như nhau. Thuốc giáo Pháp nhà Phật cũng như thế, có thể trị sạch ba loại độc tham, sân, si; Chúng sanh thuộc

bốn giai cấp khác nhau, nếu sử dụng thuốc giáo pháp ấy để điều trị, thì ba loại độc tham, sân, si cũng được rửa sạch như nhau, không vì giai cấp mà có công hiệu khác nhau.

Cũng như lấy lửa đốt đồ vật, lửa cũng không có chọn gỗ tốt và củi mục, đều bị thiêu đốt như nhau. Như rắn độc và trùng độc cắn người cũng như thế không có phân biệt giàu nghèo, chỉ gặp người là cắn. Cũng giống như dùng nước để tắm, cả bốn giai cấp đều được tắm gội sạch sẽ không còn dư bẩn. Chỉ cần đoạn tận gốc rễ của khổ, loại người nào cũng có thể vượt ngoài ba giới đến với giải thoát. Lúc ấy, đức Thế Tôn nhu bầu trời trong xanh không chút gợn mây, phát ra tiếng vang vọng như tiếng sấm, âm thanh vang dội vừa sâu và xa, không khác gì đại long vương và ngư vương, cũng giống âm thanh kỳ diệu của chim ca lẳng tằm già, tiếng ong chúa, lại như tiếng quốc vương, cũng giống như tiếng âm nhạc ở trên trời, đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm âm hỏi Ưu Ba Ly: Ông muốn xuất gia chăng?

Ưu Ba Ly nghe đức Phật hỏi, trong lòng tràn

ngập vui sướng, chấp tay cung kính hướng về phía đức Phật đáp: Con rất vui mừng nếu được xuất gia.

Đức Phật nói với ông ta: Ưu Ba Ly! Đến đây Tỳ kheo! Bây giờ ông có thể ở đây chuyên cần tu phạm hạnh.

Vừa nghe được tiếng của đức Phật, râu tóc của Ưu Ba Ly tự rơi rụng, áo cà sa được khoác lên, uy nghi đoan chánh đầy đủ, giữ gìn các căn, sáu căn tịch tịnh an định, chẳng khác nào thầy Tỳ kheo xuất gia đã lâu. Ngược lại, năm trăm vị thuộc giòng họ Thích Ca phải trải qua một lần trình bày ba lần đồng ý mới thọ được giới cụ túc làm vị sa môn.

Đức Phật nói: Giờ đây Như Lai phải dùng pháp phương tiện để trừ đi tâm cao ngạo của những vị Tỳ kheo mới xuất gia thuộc giòng họ Thích Ca. Khi ấy, đức Thế Tôn bảo các vị tân Tỳ kheo: Bây giờ các thầy nên đến đánh lễ các thầy Tỳ kheo xuất gia trước. Đại chúng theo thứ tự đánh lễ thầy Tỳ kheo Kiêu Trần Như, A Tỳ Mã Su... ở hàng trên, từ người có tuổi hạ cao đến người có tuổi hạ thấp, chỉ có Ưu Ba Ly xuất gia chưa được bao lâu, nên ngồi hàng

duối. Thích Hiền Vương là trưởng nhóm tân Tỳ kheo thuộc giòng họ Thích Ca, bèn hướng dẫn đại chúng đánh lễ từng vị trưởng lão.

Lúc đó, các vị tân Tỳ kheo vâng theo lời dạy của đức Thế Tôn, lần lượt theo thứ lớp đánh lễ, lúc đến đánh lễ thầy Tỳ kheo Ưu Ba Ly, vừa nhìn thấy bàn chân của thầy: Kỳ lạ! Tại sao lại không giống với các thầy khác? Bèn ngẩng đầu nhìn khuôn mặt của thầy Tỳ kheo Ưu Ba Ly. Khi nhìn thấy thầy Tỳ kheo Ưu Ba Ly, họ vô cùng ngạc nhiên, cử chỉ của họ như nước từ trên đỉnh núi đổ xuống đập mạnh vào những vách đá tạo nên sóng vẩy, kinh ngạc vô cùng, bèn nói: Chúng ta sanh ra trong giai cấp Sát Lợi, thuộc giòng họ Thích Ca, được người đời tôn kính, hôm nay, tại sao phải đánh lễ người nô tỳ của mình chứ? Ưu Ba Ly là người thuộc giai cấp thấp hèn, ông ta làm nghề cắt tóc để nuôi thân! Tại sao chúng ta lại đánh lễ ông ta? Chúng ta nên trình bày suy nghĩ của mình lên đức Thế Tôn. Lúc ấy, họ hỏi đức Phật: Đến cả Ưu Ba Ly chúng con cũng phải đánh lễ sao? Đức Phật bảo các thầy tân Tỳ kheo rằng: Ưu Ba Ly giờ đây đã xuất gia rồi, là sa môn

giòng họ Thích Ca (không còn như thế tục phân bốn giai cấp. Là sa môn họ Thích Ca. Các thầy đừng nghĩ rằng, mình cùng Như Lai xuất thân giòng Thích Ca Sát Lợi, hôm nay các thầy đã cùng theo Như Lai tu học rồi. Trong nhà Phật thì đều bình đẳng như nhau, đồng là sa môn giòng họ Thích Ca, không nên mang tâm phân biệt giai cấp như người thế gian), đánh lễ như thế sẽ giúp các thầy xóa đi cái tính cao ngạo.

Lúc đó, các thầy tân Tỳ kheo bạch đức Phật rằng: Ưu Ba Ly là người thuộc giai cấp Thủ Đà La!

Đức Phật bảo với họ rằng: Tất cả những gì trong thế gian đều vô thường biến đổi, giòng họ cũng không cố định, tất cả chúng ta ở trong vô thường thì đều bình đẳng như nhau, giòng tộc cũng thế, đều bị vô thường chi phối có khác gì đâu?

Lúc đó, các vị tân Tỳ kheo lại hướng về đức Phật bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ưu Ba Ly là người là hạng người hót tóc thuê, chúng ta xuất thân từ giòng giống quý tộc, tại sao phải đánh lễ ông ấy?

Đức Thế Tôn nói với những vị tân Tỳ kheo này rằng: Những gì trong thế gian đều như mộng, như huyễn, giữa những giai cấp có gì khác biệt?

Những vị này lại bạch đức Phật: Ưu Ba Ly là nô lệ, chúng ta là chủ!

Đức Phật đáp: Tất cả người trong thế gian đều vì ân ái mà làm nô lệ của sanh và tử, trước khi vượt ra ngoài sanh tử, thì sang và hèn không sai khác (bất kể phú quý hay bần cùng, mọi người đều phải ở trong luân hồi tam giới, không phải đều chìm trong đó để chịu khổ sao, đều là những kẻ nô lệ của sanh tử luân hồi) hãy buông bỏ tâm ngạo mạn của các thầy đi!

Lúc ấy, các thầy tân Tỳ kheo, nghe đức Phật khai thị xong, vô cùng trang nghiêm, rạng rỡ như một đóa hoa đang nở, tuy hướng về phía đức Thế Tôn chấp tay, nhưng trong lòng vẫn còn sự hoài nghi, nên tiếp tục bạch đức Thế Tôn: Chúng con nhất định phải đánh lễ Ưu Ba Ly sao?

Đức Phật dạy: Không phải chỉ có pháp xuất gia

của ta là như thế, mà pháp xuất gia của chu Phật trong quá khứ đều như thế, không có ngoại lệ.

Lúc bấy giờ, các thầy tân Tỳ kheo, lại một lần nữa nghe đức Phật giảng giải giới pháp xuất gia của chu Phật, nghiêm trang đứng ngay thẳng, thanh tịnh, như các tán lá không có gió thổi làm lay động, nhưng trong lòng vẫn còn buồn phiền, đồng thanh cất tiếng: Sao chúng ta có thể làm trái lời dạy của đức Phật được, chúng ta cần phải y theo sự dẫn dắt của Ngài.

Các bậc Thánh hiền dạy rằng: Sở dĩ đức Phật độ Ưu Ba Ly trước, mục đích là hy vọng dẹp bỏ tánh ngạo mạn của những vị tân Tỳ kheo thuộc chủng tộc Thích Ca.

Các vị tân Tỳ kheo bỏ được tâm ngạo mạn, tùy thuận vào giới pháp xuất gia của đức Phật, cũng là tấm gương sáng cho những người tôn quý xuất gia sau này, vì muốn giúp họ có thể thuận theo giới pháp mà tu tập.

Bạt Đà Thích tuy là người có tập khí ngạo mạn

sâu dày, nhưng giờ đây đã nhờ tận gốc cái tánh cống cao ấy, đối trước thầy Ưu Ba Ly cung kính đảnh lễ. Ngay khi đảnh lễ, làm chấn động cả sơn hà đại địa, chư thiên khen ngợi: Hôm nay, các vị tân Tỳ kheo của giòng họ Thích Ca, núi cống cao đã sụp đổ rồi! Sau đó, họ nói tiếp một đoạn kệ, có đại ý: Hoan hô! Buông xuống tánh kiêu mạn, giòng họ cao quý, dung mạo, quyền lực và phú quý, theo sự hướng dẫn của Thế Tôn, chẳng khác nào cỏ, cây đều ngã nghiêng theo chiều của gió. Giòng họ tôn quý Sát lợi giờ đây có thể đảnh lễ Ưu Ba Ly, trút bỏ đi tánh cao ngạo, khiến cho các căn được tĩnh lặng trong sạch.

Những con người ưu tú, sống chân thật, không nịnh hót, không gian dối, phước đức và lợi ích, nhiều đức tánh đã viên mãn, số nhiều như rừng tre. Người có tiếng tốt như Bà la môn, tôn quý như giòng Sát lợi..., những người có đầy đủ các đức tính tốt, có thể dựa vào hàng ngũ tịch tịnh của bậc thánh. Các bậc thánh trang nghiêm, chẳng khác nào những ngôi sao bao quanh mặt trăng, trải rộng khắp bầu trời. Ôi! Đây chính là nơi mà ánh sáng Phật pháp



rực rỡ nhất.

Biển lớn trí tuệ của chư Phật, nước công đức tôn quý không gì bằng, trong suốt và tròn đầy ở trong đó, là nơi quy hướng của các dòng sông.

Trí tuệ thù thắng trong nhân gian, không có gì không hướng về Phật pháp. Một khi đã quay về Phật pháp, chúng sanh bị đọa trong ba đường ác được giảm dần và số người được sanh cõi người, cõi trời được tăng lên, tiến xa hơn nữa, có thể quán chiếu về khổ mà được giải thoát ra khỏi ba cõi.

Đức Như Lai có năng lực thiện xảo phân biệt căn tánh của chúng sanh, nói diệu pháp diệt tâm ngạo mạn, chúng đệ tử đều chúng được giải thoát như nhau, như nước trong biển cùng có một vị mặn.

Nguyên nhân nào đức Thế Tôn chỉ dạy đến vấn đề này? Phật pháp hiện hữu ở thế gian, là vì muốn tận trừ gốc rễ cống cao của chúng sanh.

Câu chuyện này có vài điểm đáng ghi nhớ:

Thuốc không chọn lựa giòng tộc, cao sang hay

thấp hèn đều chữa trị. Liệu thuốc giáo Pháp cũng như thế, có thể trị khỏi được tham, sân và si. Đặc tính của thuốc không chọn thân phận của người bệnh giàu sang hay nghèo khó, đều bình đẳng trị liệu. Liệu thuốc giáo Pháp của đức Phật cũng thế, không phân biệt quý phái hay bần cùng, không phân biệt tại gia và xuất gia, đều có thể trị lành các thú độc như tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, hoài nghi... các bệnh phiền não, vấn đề là chúng sanh có nghe theo lời giáo huấn để thực tập, có tinh tấn thực tập chuyên cần hay không?

Ở Ấn Độ từ xưa đến nay đều có phân chia bốn giai cấp:

Thứ nhất là giai cấp Bà la môn, thuộc hàng tăng lữ hoặc là nhà tôn giáo.

Thứ hai là giai cấp Sát lợi, thuộc vương tộc người cầm nắm chính trị và chỉ huy quân sự.

Thứ ba là Phệ xá, gồm người làm nông nghiệp, làm công nhân hay thương nhân.

Thú tư là Thủ đà la, là tầng lớp nô lệ thấp hèn nhất.

Đức Thế Tôn vốn xuất thân trong vương tộc, thuộc giòng Sát lợi, nhưng Ngài lại phủ định sự phân biệt giai cấp, mà chấp nhận người thuộc tất cả mọi tầng lớp xuất gia. Chúng ta thấy Ưu Ba Ly được sanh ra trong gia đình của Thủ đà la, là tầng lớp nô lệ, sự giáo dục cũng không được nhiều. Thế nhưng, đức Phật nào có phân biệt giai cấp, đều bình đẳng tiếp nhận, sau này Ưu Ba Ly còn trở thành một trong mười vị đệ tử xuất sắc của Tăng đoàn, là vị Thanh văn trì giới đệ nhất, từ đây chúng ta cũng có thể hiểu rằng trí tuệ và tâm từ bi của đức Thế Tôn thật rộng lớn và siêu việt!

Ưu Ba Ly cũng thật hiếm thấy, thầy không vì sự nghèo khó mà tham đắm những bảo vật của dòng họ Thích Ca. Ngài đưa ra ví dụ: như có người ói thức ăn ra đờ bần, con chó đến ăn ngấu nghiến, còn tôi tham lượm đồ của người khác vứt bỏ, thì có khác gì con chó kia?

Đoạn kinh này, chủ yếu muốn nhấn nhủ chúng

ta, có người muốn so sánh sự sang hèn, so sánh địa vị, sắc đẹp, tiền tài, chức vụ, thông minh, thành tích, tu hành, đến cả nhãn hiệu vật phẩm sử dụng cũng mang ra so sánh. Có người trẻ còn so sánh: Ôi! chiếc điện thoại của tôi là dáng hình siêu mỏng và linh hoạt, còn chiếc của anh cùi bắp chậm như rùa bệnh. Cứ thế mà không ngừng hơn thua, người có tính ngạo mạn thích xem mình cao hơn người, nhưng thực chất đã tự hạ thấp mình.

Trong luận Tỳ bà sa nói đến phiền não của ngã mạn, thảo luận phân tích rất chi tiết, trong đó có phân làm bảy loại mạn:<sup>10</sup>

Thứ nhất là mạn, mình chỉ hơn người một chút, mà tự cho rằng mình rất tuyệt vời, tâm kêu căng liền trời lên.

Thứ hai là quá mạn, có người ngang mình, nhưng tự mình xưng lên cho mình hơn người, hoặc có người rõ ràng vượt trội mình, nhưng lại cho rằng người kia chỉ bằng mình là cùng, nên gọi là quá

---

<sup>10</sup> A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Bà Sa, Đại Chánh tạng tập 27, trang 225c13-24.

mạn.

Thú ba mạn quá mạn, đối với người vượt trội mình, bèn nghĩ ngược lại, đỉnh ninh đối phương thua kém hơn.

Thú tư ngã mạn, là đối với thân thể năm uẩn giả hợp, chấp là mình, là của mình.

Thú năm tăng thượng mạn, chưa chứng đắc thiền định, hoặc chưa chứng được quả vị, mà cho rằng tự thân đã chứng đắc, nên gọi là tăng thượng mạn.

Thú sáu là ty mạn, có người tài giỏi vượt trội bản thân, ưu tú cũng hơn mình, lại cho rằng, tôi chỉ thua người đó có một tí tẹo, không đáng kể, loại này gọi là ty mạn.

Thú bảy tà mạn, vốn là không có công đức gì, thế nhưng tự mình cho rằng có công đức.

Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta ngoài tham, sân, si, ra còn có tâm ngạo mạn và hoài nghi. Những thú phiền não này sẽ làm chướng ngại con

đường tu học của chúng ta, chúng ta cần phải hết lòng quán chiếu, và nỗ lực trừ bỏ.

Chúng ta cùng tinh tấn!

Phước Nghiêm - 06.04. 2013

## **BÀI 12: NGƯỜI TRÍ NÊN CUNG KÍNH NGƯỜI ĐỨC HẠNH**

Xin chào quý Thầy, quý Cô và toàn thể Phật tử!

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị, một câu chuyện được trích từ Kinh Đại Trang Nghiêm Luận, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 302c - 304a.

Người chân chính có đức hạnh nên được cúng dường, là người xứng đáng để người trí tôn kính.

Ngày xưa, có đức vua nước A Việt Đề tên là Nhân Đề Bạt Ma. Đức vua có một người em tên là Tu Lợi Bạt Ma, vì muốn tranh giành ngôi vua, nên hai anh em thường khởi quân đánh nhau.

Có một lần, Tu Lợi Bạt Ma dùng một tấm lưới săn thú lớn, trùm lên đầu của anh mình, sau đó xiết chặt tấm lưới. Nhân Đề Bạt Ma trong lòng rất hoảng hốt, ngay lúc đó liền phát nguyện: Nếu hôm nay được thoát chết, tôi sẽ tổ chức cúng dường bình đẳng theo lễ nghi của Phật giáo, không kể là người

tại gia, kẻ phàm phu, hàng thánh nhân, nghèo hèn hay tôn quý, đều bố thí cúng dường.

Đức vua phát nguyện xong, tức khắc những sợi dây của lưới bị đứt ngang; từ đó đức vua đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng càng có niềm tin vững vàng, sanh tâm cung kính, hạ lệnh cho đại thần Phù Giả Diên Mật Đa, chuẩn bị cho đại hội cúng dường.

Đại thần tuân theo lệnh của đức vua, tổ chức đại hội bình đẳng bố thí và cúng dường, vật phẩm cúng dường đại chúng toàn là những vật thực quý hiếm.

Lúc bấy giờ, đại thần ngồi gần bên cạnh các vị thượng tọa, nhìn thấy một vị thượng tọa chùa lại trong bát một nửa phần thức ăn; Vị ấy chúc phúc cho thí chủ xong, liền trút thức ăn còn lại vào chiếc bình bát của mình, sau đó rời khỏi chỗ ngồi, tình hình cú liên tiếp diễn ra. Đại thần thấy cử chỉ của thầy Tỳ kheo như thế, khởi tâm bất tín Tam bảo, trong lòng suy nghĩ, thầy Tỳ kheo này, chắc chắn là không thanh tịnh rồi. Nên mang sự việc này kể cho đức vua nghe.



Đức vua hỏi: Ông có niềm tin rất sâu nơi Tam bảo Phật, Pháp, Tăng chăng?

Đại thần đáp: Một chút niềm tin cũng không có! Vì sao, vì nhìn thấy hành động chùa một nửa thức ăn rồi đứng lên rời khỏi đạo tràng của thầy Tỳ kheo. Vị này chắc chắn muốn mang thức ăn về cho người đàn bà của ông ấy, vì thế mà tôi sanh tâm hoài nghi.

Đức vua nghe xong đầu đuôi câu chuyện, vội vàng bịt hai tai lại, nói với đại thần rằng: Không nên nói những lời như thế! Ông không thể tùy tiện đánh giá người khác như thế. Ông không có đủ trí tuệ, thì làm sao mà nhận xét những người trước mắt là người như thế nào? Làm sao biết được chính xác như lời đức Phật đã dạy: Nếu tùy tiện phê bình chúng sanh, thì sẽ làm tổn hại đến bản thân. Ông đừng có sanh những suy nghĩ tà kiến điên đảo như thế nữa.

Đức vua bèn nói một đoạn kệ, có đại ý như sau: Giới, định và tuệ có công năng diệt trừ phiền não, cần phải nghe nhiều chánh pháp mới có thể ngộ được trí tuệ, vị này là đệ tử của đức Thế Tôn, ẩn

tàng nhiều công đức, giống như than lửa được vùi trong tro.

Thế Tôn đã từng nói với một vị đã trải qua thời gian dài riêng an trú tu tập trí tuệ và giữ giới thanh tịnh: Ông không sống chung với người khác, thì làm sao biết rõ hành vi của họ được?

Đức Phật đã từng dùng trái am la để làm ẩn dụ cho bốn hạng người:

Hạng người thứ nhất: Nhìn bên ngoài trái am la như đã chín, nhưng thực chất bên trong nó vẫn còn sống; Cũng như có vị Tỳ kheo, nhìn bên ngoài có vẻ tu hành rất nghiêm túc, nhưng ngược lại trong lòng chứa đầy phiền não tham, sân, si, phá giới, hành vi bất thiện.

Hạng thứ hai: Trái am la nhìn bên ngoài có vẻ như còn sống, nhưng kỳ thực đã chín mồi; cũng như có Tỳ kheo nhìn bên ngoài trông có vẻ thô tháo không có oai nghi, hình tướng cũng không được trang nghiêm, nhưng bên trong lại có đủ giới hạnh, thiền định và trí tuệ của người xuất gia.

Hạng người thứ ba: Trái am la bên ngoài và trong đều vẫn còn sống; cũng như thầy Tỳ kheo hình thức ngoài thô tháo nội tâm chứa đầy các loại phiền não tham, sân, si và lòng đố kỵ v.v..

Hạng người thứ tư: Như trái am la trong ngoài đã chín mùi; cũng như một thầy Tỳ kheo từ hình thức đến nội tâm đã thuần thực thiền định, trí tuệ và giới hạnh được thanh tịnh. Chỉ những bậc Điều ngự trượng phu như đức Phật thì mới có thể nhìn thấy rõ ràng căn tánh của mỗi chúng sanh.

Đức Phật cũng từng nói: Chỉ có bậc ngang hàng với đức Phật, mới có thể đánh giá được người khác. Vì thế ông không nên tùy tiện phán xét đệ tử của đức Thế Tôn, không nên sanh tâm vọng tưởng phân biệt. Như có bảo vật bị chôn vùi trong cát, vì bị cát phủ kín trên mặt, thì ai mà biết được trong đất có chứa bảo vật?

Bây giờ, ông không cần thiết phải đến cúng dường, để tôi đến trước tìm hiểu xem; Bắt đầu từ hôm nay, tôi đích thân đến cúng dường chúng Tăng. Người thiếu hiểu biết, nghe Phật pháp, do sanh tâm

nghi hoặc, lấy liều thuốc giáo pháp cho rằng là độc dược.

Từ đó, đức vua tự thân đến cúng dường đại chúng Tỳ kheo, tự tay rót cơm và gấp thức ăn dâng lên cúng dường.

Lúc ấy, vị thượng tọa cũng như mọi hôm, giữ lại một nửa phần ăn, chúc phúc thí chủ xong, cầm bát lên rồi ra về.

Đức vua vội vàng chạy theo, và thưa cùng vị thượng tọa rằng: Thượng tọa, tuổi ngài đã cao, có thể để tôi giúp ngài ôm bình bát không.

Vị thượng tọa không nhận ý tốt của vua, không giao bình bát cho vua; nhưng đức vua nằng nặc muốn được ôm bát giúp thầy Tỳ kheo, nhưng vị thượng tọa vẫn không nhường bát cho đức vua ôm hai người đi thẳng về phía thôn Chân đà la. Lúc ấy, vị thượng tọa nói đoạn kệ, có đại ý: Tôi biết ông có lòng tin Tam bảo rất thanh tịnh, có lòng Từ bi thương xót, có thể cứu giúp, hóa độ chúng sanh. Ngài tuy sinh ra trong ngũ trược ác thế, nhưng dung

mạo và cử chỉ của Ngài vô cùng nghiêm túc, cẩn thận và trang trọng. Ngày xưa, có nhiều vị vua có tiếng tăm, nhưng họ còn lâu mới sánh được với Ngài. Đức vua không hiểu được sự trì giới thanh tịnh của tôi, mà chỉ nhìn thấy hình tướng xuất gia của tôi. Trước đây, chúng ta chưa từng giao du với nhau, cũng chẳng có ân oán gì nhau để đền trả, nhưng Ngài lại một lòng thương yêu và tôn kính tôi, chẳng khác nào đang đền đáp công ơn dưỡng dục của chính cha mẹ mình, thậm chí còn hơn thế nữa.

Tuy tôi không thể thấy được trong lòng của Ngài, nhưng sáu căn của Ngài điễm đạm hòa nhã; chẳng khác nào mặt trời đã lên cao, nhưng bị lớp mây dày đặc đang phủ kín, không nhìn thấy được. Mặt trời tuy đã bị mây che lại, nhưng chỉ cần nhìn những đóa hoa đang nở, thì cũng biết được mặt trời vẫn đang hiện hữu.

Khó có vị quốc vương nào mà có niềm tin Tam bảo vững vàng như Ngài, điều này thật là kỳ diệu, từ trước chưa từng thấy qua. Ngài có thể khiêm tốn, cung kính hạ mình xuống, muốn giúp tôi ôm bình

bát; Ngài đầy đủ phúc báu có đầy đủ vinh hoa phú quý, mà không có tâm kiêu ngạo, phóng túng. Đa phần các quốc vương sau khi được nắm quyền lực trong tay, thường bị tâm kiêu căng ngā mạn làm mờ mắt, nên tạo nhiều ác nghiệp, dẫn đến sự suy đồi thảm bại.

Ngài có sức mạnh của trí tuệ, hiểu được vật chất là thứ không tồn tại lâu dài lại biết phát tâm bố thí cúng dường; có thể quan sát được sắc thân giả hợp không thật, như ánh nắng mặt trời làm tan sương mù; biết cách dùng tài vật nguy hiểm để đổi lấy pháp tài công đức vững vàng. Tóm lại mà nói, những thiện pháp đều từ đây mà tăng trưởng. Giống như Ngài có thể làm chủ được cái tâm của mình, lấy thân làm mô phạm. Đây là phương pháp giáo hóa có đủ sức thuyết phục nhất. Ngài đang tiếp nối sự nghiệp trước đây của những bậc thánh nhân, cũng mong sao tất cả chúng ta đều có thể tiếp bước theo dấu chân của các bậc thánh hiền.

Hôm nay, tôi đã thọ nhận sự cúng dường của quốc vương, Ngài lại khiêm hạ muốn giúp tôi ôn

bát, Ngài cúng dường là đủ rồi, không cần phải giúp tôi cầm bát nữa.

Lúc ấy, đức vua cứ theo sát vị thượng tọa, muốn được ôm bát cho thầy.

Vị thượng tọa suy nghĩ: Chẳng lẽ có nguyên nhân gì chẳng, tại sao đức vua cứ một mực muốn được ôm bát của ta? Vị thượng tọa liền nhập định và quan sát, biết được đức vua vì muốn thuyết phục đại thần, nên một lòng muốn được ôm lấy bình bát.

Thầy Tỳ kheo lập tức nói một đoạn kệ, có đại ý như sau:

Kẻ phàm phu ngu muội không rõ sự việc và chân lý, muốn làm lay động núi Tu di; Lúc này tôi phải trao bát cho đức vua, giúp đức vua toại nguyện độ vị đại thần. Đối với tôi, bất kể là hủy báng hay khen ngợi, tâm tôi chẳng mảy may dao động, nhưng nếu vì tôi mà khởi tâm bất tín, tức là làm tổn hại đến lòng tin Tam bảo của nhiều người.

Nói xong đoạn kệ trên, thầy Tỳ kheo liền trao

bát cho đức vua. Đức vua nhận lấy bát, nhẹ nhàng cẩn thận như con voi dùng vòi đỡ lấy một đóa hoa sen mềm mại. Thế là đức vua ôm bát đi theo thầy Tỳ kheo đến nhà một người Chiên đà la (Chiên đà la là tầng lớp thấp hèn nhất của chế độ giai cấp Ấn Độ, chỉ người cha thuộc giai cấp Thủ đà la, mẹ thuộc giai cấp Chiên đà la, địa vị còn thấp hơn giai cấp Thủ đà la).

Lúc ấy, vị thượng tọa mời đức vua vào bên trong, nhưng Ngài không chịu vào, mà đứng bên ngoài cửa.

Người mẹ của vị thượng tọa đã chứng tam quả A na hàm từ lâu, đầy đủ thiên nhãn thông, biết được ý nghĩ cũng như nhân duyên thiện căn của người khác. Mẹ của vị thượng tọa thưa với quốc vương: Xin đức Vua chớ lo ngại, mời Ngài vào nhà của tôi. Sau đó, nói một đoạn kệ có đại ý như sau:

Ngài không cần phải nghi ngờ, nơi đây cho dù là nhà của giai cấp Thủ đà la hay Chiên đà la đi nữa? Đứa con lớn của tôi đã chứng đắc tứ quả A la hán, đứa con thứ ba chúng sơ quả Tu đà hoàn, còn tôi là



đệ tử Ưu bà di của đức Thế Tôn bậc nhất thiết trí, tôi đã chứng đắc quả A na hàm.

Ngài chỉ nên quán sát sự tu hành trì giới của chúng tôi, không nên hỏi chúng tôi sanh ra từ giai cấp nào; chỉ cần nhìn đức hạnh của chúng tôi, không cần biết người thân quyến thuộc của chúng tôi là ai.

Sanh vào trong gia đình này, có những công đức thù thắng riêng của chúng, cũng như trong đồng cát đá, có thể tìm thấy vàng thật vậy.

Mặc dù cây Y lan<sup>11</sup> có mùi hôi thối, vẫn có thể đốt cháy thành ngọn lửa, trong vũng bùn bẩn thỉu tanh dơ, cũng có thể mọc lên hoa sen tinh khiết. Nhận xét một con người, nên quan sát những đức hạnh của họ, tại sao lại nhìn vào chủng tộc, giai cấp?

Bất luận là có mùi thối như Y lan, hay ngát hương như cây Chiên đàn, đốt lên đều có thể cháy

---

<sup>11</sup> Tên một loại cây ở Ấn Độ 印度, nở hoa màu hồng cực đẹp, nhưng lại rất hôi, thường dùng chữ y lan 伊蘭 để chỉ về những phiền não ở đời. Mùi hôi của nó lan xa hàng mấy chục dặm. Sách nhà Phật.

mà nấu chín thức ăn, cả hai loại cây có tác dụng ngang nhau, công năng và hữu ích thật không hơn kém gì nhau.

Đức vua nghe người mẹ của thầy Tỳ kheo nói bài kệ xong, khen ngợi và nói: Ô! Người mẹ này đích thực là người có công hạnh thanh cao trong Phật pháp. Đức Phật từ bi bình đẳng khiến cho người Chiên đà la cũng chứng đắc giải thoát, không còn luân hồi trong sanh tử. Không cần chọn lựa chủng tộc, đây chính là lời mà đức Phật từng dạy. Hôm nay, cuối cùng đã nghe được người thuộc giòng họ Chiên đà la, cất lên tiếng của sư tử hống nói pháp thậm thâm vi diệu (đến hạng người thuộc giai cấp thấp nhất trong xã hội cũng có thể cất lên tiếng hống của sư tử, để trình bày diệu pháp).

Đức vua lại suy nghĩ: Người ta thường cho rằng, nếu cúng dường cho người thuộc giòng họ thấp hèn, vì phước báu của họ rất ít, nên công đức có được cũng không nhiều; nhưng người Chiên đà la này thực sự có đầy đủ công đức, mình cúng dường những vị thánh có đủ đức hạnh, không nên khởi tâm

phân biệt người đó có phải là người thuộc Chiên đà la hay không.

Đức vua sau khi suy nghĩ thâm sâu, liền nói đoạn kệ, đại ý như vậy: Chỉ nên cúng dường người có đức hạnh, mà không nên khởi tâm phân biệt thân phận và giai cấp, và xin dùng hình ảnh một vị Bà la môn để thí dụ.

Hoa sen sinh ra từ trong bùn lầy, nhưng chu thiên và A tu la đều rất cung kính hái hoa cài lên đầu.

Nếu người Bà la môn có làm điều sai, người có trí tuệ sẽ xa rời họ; Nếu xuất thân từ giòng tộc cao quý như Bà la môn mà làm việc ác, chẳng lẽ không có tội lỗi sao? Thật ra thì vẫn có lỗi vậy.

Còn người sinh ra trong gia đình Chiên đà la, nếu có đủ đức hạnh, không xứng đáng khen ngợi và noi gương sao? Người đó đích thực có công đức. Như người Chiên đà la có đức hạnh này, xứng đáng cho tôi cúng dường. Những người Chiên đà la vào trong rừng tu khổ hạnh, có thể gọi họ là bậc tiên

nhân hoặc thánh nhân chứ không phải là người Chiên đà la thấp hèn.

Cũng như những con hươu bị người Chiên đà la giết, đức vua cũng có thể ăn thịt của hươu, cung tên của người Chiên đà la chế tạo ra, cũng có thể mang ra để đi săn! (người Chiên đà la giết hươu, vua có thể ăn; cũng thế, họ chế tạo cung tên, vua có thể sử dụng, không phải vật đó do người Chiên đà la làm ra mà vua không sử dụng).

Vì những nhân duyên đó, nên tôi nên tin theo lời dạy của đức Thế Tôn: trong giòng họ của Chiên đà la có người đầy đủ đức hạnh, tại sao không noi theo học hỏi?

Nói xong đoạn kệ trên, đức vua bèn tiến vào trong, quỳ xuống chấp tay, trong lòng suy nghĩ: Mình nên đánh lễ người mẹ của vị thượng tọa, hay nên đánh lễ đức Phật trước đây? Đức Thế Tôn đã dạy cho họ con đường chân chính, có thể đưa tất cả chúng sanh từng bước an ổn đi trên con đường chân chính, có lẽ mình nên đánh lễ đức Thế Tôn trước.

Đức vua bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

Kính đánh lễ đấng y vương cao cả, vị tiên tu khổ hạnh - Phật đà. Con hôm nay vì nhân duyên của đức Thế Tôn, mà đánh lễ người thuộc giai cấp hạ tiện này (thường thì những vị quốc vương ở địa vị cao, họ không thể đánh lễ người thuộc tầng lớp thấp hèn, nhưng vì vâng theo lời giáo huấn của đức Phật, cả bốn giai cấp đều như nhau). Cũng như đậu trên núi Tu di, cho dù là con quạ đen, hay con hươu màu nâu, lông của chúng đều biến thành màu vàng kim. Ngày trước tôi từng nghe qua những việc như vậy, nhưng mãi đến hôm nay, tôi mới tận mắt mình nhìn thấy (không kể là Bà la môn hay Chiên đà la, chỉ cần tinh cần thực hành theo lời dạy của đức Thế Tôn, đều có thể chúng đắc được quả vị giải thoát như nhau).

Nếu nương tựa vào đức Phật, thì cho dù sanh vào giai cấp thấp hèn, cũng trở thành cao cả. Trí tuệ của đức Phật đầy đủ và rộng lớn như biển cả, nếu chúng ta có thể tịnh hóa ý niệm của chính mình, thì có thể đến bờ bên kia, có trí tuệ rộng đầy đủ như

đức Phật. Chỉ có đức Thế Tôn mới có đủ năng lực chuyển hóa thế gian, tình thương của Ngài đối với mỗi chúng sanh không khác nhau, dù chỉ là một suy nghĩ, xem tất cả chúng sanh như chính người thân của mình.

Đức Thế Tôn vì muốn dẫn chúng sanh cùng được giải thoát, nên đã tùy theo căn cơ mà nói nhiều pháp môn khác nhau để khai thị cho chúng sanh; còn hàng ngoại đạo thì ngược lại, chia thành giai cấp, lại đối xử phân biệt một cách không hợp lý.

Lúc ấy, đức vua nói bài kệ xong, đánh lễ và ra về.

Câu chuyện này cảnh tỉnh chúng ta: Khi trí tuệ chúng ta chưa đạt đến nhất thiết chủng trí như đức Phật, không nên tùy tiện nhận xét hay phán đoán người. Cũng như trái am la xem bên ngoài vẫn còn xanh, nhưng bên trong đã chín mùi; cũng như vậy, vị tượng tọa nhìn hình tướng bên ngoài oai nghi không đầy đủ, nhưng nội tâm kỳ thật đã đầy đủ công đức của giới định tuệ. Không nên tùy tiện xem thường người và sanh tâm cống cao.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Phước Nghiêm - 28.12.2013

## **BÀI 13: ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN CAN, TỰ NHẬN KHỔ NÃO**

Xin chào quý Thầy, quý Cô và tất cả Phật tử.

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện được trích từ Luật Ma Ha Tăng Kỳ, trong Đại Chánh Tạng quyển, 22 trang 282b - 282c.

Khi đức Thế Tôn đã lớn tuổi, Đề Bà Đạt Đa bạch cùng Ngài: Bạch đức Thế Tôn, Ngài giờ đây tuổi cao sức yếu, xin Ngài giao phó Tăng đoàn lại cho con lãnh đạo. Thế Tôn đáp: Như Lai không lãnh đạo tăng chúng, tôi cũng là một người thầy (ý nói Ngài cũng là thành viên trong số Tăng đoàn, chỉ dùng giáo pháp để hướng dẫn mọi người. Có nghĩa là dùng chân lý và đức hạnh để hướng dẫn đại chúng. Tăng đoàn không phải phụ thuộc vào sự hướng dẫn của một cá nhân nào). Đến cả người có trí tuệ đệ nhất như Xá Lợi Phất, hay có thần thông số một như Mục Kiền Liên, Như Lai cũng không vì thế mà giao Tăng đoàn cho các vị ấy, huống hồ là ông!. Đề Bà Đạt Đa sanh lòng bất mãn, sau đó khích động sự



hòa hợp của Tăng đoàn, làm cho Tăng đoàn bị chia rẽ. Lúc bấy giờ, có nhiều thầy Tỳ kheo, tìm đến khuyên can Đề Bà Đạt Đa, chúng ta cần phải hòa hợp, tại sao thầy muốn phá hoại sự hòa hợp của Tăng đoàn?. Đề Bà Đạt Đa không chịu nghe lời, cuối cùng bị đọa xuống địa ngục chịu khổ báo.

Các thầy Tỳ kheo thỉnh vấn Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Đề Bà Đạt Đa không bao giờ nghe lời khuyên can của chư Tăng, để rồi tự mình phải chịu khổ não như thế?

Đức Phật bảo với các thầy Tỳ kheo rằng: Không phải chỉ bây giờ Đề Bà Đạt Đa không nghe lời khuyên can, để rồi chịu khổ báo, mà trong quá khứ ông ta cũng đã từng như thế.

Các thầy Tỳ kheo thưa: Trong quá khứ thầy ấy cũng đã từng như thế ư?

Đức Phật: Đúng thế! Trong tiền kiếp, có một tòa thành tên là Ba la nại, ở tại nước Ca thi. Lúc bấy giờ, có một vị Bà la môn tại nơi vùng hoang vắng kia, đào một cái giếng để những người qua đường,

người chăn nuôi gia súc, đốn củi hay người làm rừng đi ngang qua đây có nước giếng để uống cho đỡ khát, hay tắm gội cho khỏe người.

Đến xế chiều, có một bầy dã can cũng đến đây uống những giọt nước còn đọng lại trên sàn nước bên cạnh giếng, nhưng chú dã can đứng đầu trong đàn, không chịu uống nước đọng lại trên mặt đất, mà chui đầu vào trong cái gàu bằng gỗ để uống; uống hết nước, nó đội cái gàu lên trên đầu, rồi cố ý làm cho chiếc gàu bể nát ra, còn mang những mảnh vỡ ấy đeo lên cổ để đùa giỡn. Những chú dã can trong đám khuyên ngăn thủ lĩnh của mình: Cho dù nước ở trong chiếc lá cũng có công dụng của nó (ví như lúc hạn hán, khô cạn đến một giọt nước cũng không còn, thì có thể lấy nước trong chiếc lá để làm cho đỡ khô môi), cần phải biết trân quý gìn giữ, hà huống là chiếc gàu, có thể giúp ích cho biết bao người!

Dã can thủ lĩnh nói: Tôi chỉ biết chơi cho thỏa thích là đủ rồi, những người khác như thế nào chẳng liên quan đến tôi!

Lúc ấy, có người báo với Bà la môn, chiếc gàu ông để ở giếng đã bị vỡ rồi.

Bà la môn liền thay một chiếc mới cũng được làm bằng gốm; cũng như trước đây, chiếc gàu mới cũng bị dã can thủ lĩnh cố ý đánh nát vụn. Cứ tiếp tục như thế, không chỉ một hay hai chiếc, mà bị làm vỡ đến muời bốn chiếc.

Bây dã can hết lần này tới lần khác khuyên can, nhưng thủ lĩnh dã can vẫn không thềm để lọt vào tai.

Bấy giờ, Bà la môn suy nghĩ: Tôi ra công đào giếng là muốn mang lợi ích đến cho nhiều người, để tôi vun bồi phước đức, thế mà ai đã đánh vỡ chúng? Hôm nay, tôi nhất định phải tìm cho ra lẽ.

Thế rồi, Bà la môn mang chiếc gàu đến đặt trên thành giếng, rồi núp trong bóng tối để quan sát.

Suốt một ngày, những người qua đường dùng nước xong liền đi ngay, không có ai đánh vỡ chiếc gàu. Đến chập tối, nhìn thấy một đoàn dã can đến

bên cạnh giếng uống những giọt nước còn đọng lại trên nền giếng; riêng con đã can đầu đàn, chui đầu vào trong chiếc gàu để uống nước, uống xong liền đánh bể chiếc gàu.

Bà la môn thấy sự việc như thế, bèn nghĩ: Thật đáng ghét! Con đã can này đã cố ý làm hỏng việc đào giếng tích lũy phúc đức của mình. Sau đó, Bà la môn trở về nhà làm một chiếc gàu bằng gỗ, chiếc gàu này không những chắc chắn, mà đầu của đã can một khi đã chui vào thì không dễ gì chui ra. Bà la môn mang chiếc gàu đến đặt bên cạnh giếng, trên tay còn cầm theo một chiếc gậy, đứng núp trong bóng tối để quan sát tìm hiểu.

Cũng như thế, hết một ngày, những người qua đường ghé vào dùng nước xong đã ra về, đến tờ mờ tối, đoàn đã can lại kéo đến. Chúng cũng quen như mỗi lần, những chú đã can trong đoàn uống những giọt nước còn sót lại trên mặt đất, chỉ riêng đã can thủ lĩnh uống nước trong chiếc gàu, uống nước xong, nó cũng muốn chơi trò chơi cũ, nhưng lần này không được như ý, nó hất tới hất lui nhưng chẳng

võ, Bà la môn thấy đã đến lúc, lấy chiếc gậy đã chuẩn bị sẵn, đánh dã can thủ lĩnh một trận đến chết. Lúc ấy, trong không trung có tiếng chu thiên nói một đoạn kệ, đại ý như sau: Những người bạn tốt đã từ bi khuyên can, nhưng người lại làm dữ, lì lợm không biết lắng nghe, vì quá cứng đầu mà rước họa vào thân, dã can vì ngu si, nên đã chuốc lấy cái quả bị đánh giết, chết kẹt trong chiếc gàu.

Đức Phật dạy: Dã can thủ lĩnh thuở đó, chính là Đề Bà Đạt Đa trong hiện tại. Đàn dã can lúc bấy giờ, nay chính là những thầy Tỳ kheo luôn can ngăn Đề Bà Đạt Đa trong Tăng đoàn. Các Tỳ kheo nên biết! Trong đời quá khứ, vì không biết tiếp nhận lời khuyên của bạn tốt, để đánh mất tính mạng; giờ đây cũng vì không biết tiếp nhận lời khuyên can của các thầy Tỳ kheo, nên sẽ phải đọa vào địa ngục lãnh chịu khổ đau không biết bao giờ mới thoát khỏi.

Câu chuyện này muốn thức tỉnh chúng ta: Người ta khi nghe người khác chỉ ra những sai lầm của mình, lúc nào cũng khó mà tiếp nhận, nên tục ngữ có câu: thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng.

Nhà Nho cũng có câu có ý tương tự: Tử Lộ nghe người chỉ ra điều mình sai thì vui mừng, vua Vũ<sup>12</sup> nghe được lẽ phải thì liền lễ bái. Nhiều đây thôi cũng xứng đáng để chúng ta học hỏi, có người chỉ trích những lỗi lầm của ông ta, ông ta rất vui mừng tiếp nhận; vua Vũ nghe những lời tốt đẹp, thậm chí còn cung kính lễ bái. Ngoài ra, còn có câu: Thánh nhân bị nhiều lỗi, hiền nhân bị ít lỗi, người ngu không có lỗi. Người ngu không có lỗi, kỳ thật không phải người ngu không có sai phạm, mà vì họ luôn cho rằng sai phạm là ở người khác, chứ họ chẳng có gì sai cả.

Hiền nhân bị lỗi ít, vì họ cảm thấy chính họ còn một vài điểm chưa được viên mãn, những thiếu sót đó tự họ chịu trách nhiệm.

Thánh nhân bị nhiều lỗi, vì bậc thánh nhận lấy trách nhiệm cứu độ muôn loài, nếu làm chưa được vẹn toàn thì tự mình cần phải phấn đấu hơn; không phải vì chúng sanh ngu ngốc, mà chính vì bản thân

---

<sup>12</sup> Vua Vũ (vua đầu tiên của triều Hạ ở Trung Quốc, tương truyền đã có công trị thủy)

tù bi và trí tuệ chưa đủ lớn, nỗ lực vẫn chưa đủ.

Đã là con người bất luận nhiều hay ít đều có lỗi lầm, nhưng biết lỗi sửa lỗi, còn việc gì tốt hơn bằng! Chúng ta nếu có sai lầm, nên biết lắng nghe người khuyên nhủ, biết sám hối thì có thể được thanh tịnh.

Những lời trên, khuyến khích chúng ta cùng nỗ lực.

Phước Nghiêm - 21.12.2013

## **BÀI 14: MA HA LÔ VÌ ÍCH KỶ KHÔNG BỔ THÍ PHÁP CHỊU QUẢ BÁO NGU SI, NHỜ SÁM HỐI MÀ ĐẮC ĐẠO**

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng các vị Phật tử.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Ái Thân, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 593b-c.

Thuở quá khứ, có một quốc gia tên là Đa Ma La, cách thành phố hơn 3 km có một ngôi tịnh xá, bên trong có năm trăm vị thầy sống ở đó tụng kinh, tu tập. Có một vị thầy tuổi đã lớn tên là Ma Ha Lô, căn tánh đần độn, nên năm trăm vị kia phải thay phiên nhau dạy cho thầy, đã nhiều năm trôi qua nhưng thầy ấy đến một bài kệ cũng không nhớ nổi, nên bị mọi người khinh chê, không muốn gần gũi thầy ấy nữa, nên thường kêu thầy ấy trông coi tịnh xá hoặc làm những công việc quét dọn.

Một hôm nọ, quốc vương muốn thỉnh các thầy



trong tịnh xá vào thành thọ cúng dường, thầy Ma Ha Lô trong lòng suy nghĩ: Tôi sinh ra trong cuộc đời này làm một người ngu dốt, đến một bài kệ cũng không thuộc, thường bị người kinh thường, sống như vậy thì có ý nghĩa gì? Nghĩ vậy, liền lấy một sợi dây, đi gốc cây lớn phía sau ngôi tịnh xá, định treo cổ tự tử.

Đức Phật từ xa dùng đạo nhãn thấy tình trạng như thế, liền hóa thân làm thần cây, lớn tiếng ngăn chặn: Thầy Tỳ kheo! Tại sao thầy lại có hành động như thế? Ma Ha Lô hướng về thần cây thuật lại tường tận nỗi khổ tâm của mình! Đức Phật hóa hiện thân cây quả trách thầy Ma Ha Lô: Cho dù thế nào đi nữa thầy cũng không được làm như thế. Thầy hãy dừng lại nghe tôi nói, trong quá khứ, khi đức Phật Ca Diếp còn tại thế, thầy là một vị thông thạo kinh luật luận, có năm trăm người đệ tử; Nhưng vì thầy tự cho mình trí tuệ cao siêu, thái độ kiêu mạn, xem thường đại chúng, không muốn truyền trao sự hiểu biết kinh điển cho họ; do lúc đó không chịu truyền đạt kiến thức cho đại chúng, cho nên đời đời kiếp kiếp phải lãnh lấy quả báo ngu si. Giờ đây thầy nên

thức tỉnh hối cải những lỗi lầm mình đã gây ra, tại sao lại tự sát?

Sau đó, đức Thế Tôn hiện hào quang sáng ngời, và nói một đoạn kệ, đại ý như sau: Người biết quý trọng mạng sống, thì nên cẩn thận gìn giữ, hy vọng mượn thân người tu tập xa lìa các dục chúng được giải thoát, tu tập chánh pháp không biếng nhác. Thân người khó được nhất, mỗi phút giây nhắc nhở chính mình nỗ lực học tập, tự thân được lợi ích và cũng giúp ích cho người, tự mình không ngừng tinh tấn và dạy người không biết mệt mỏi, thì trí tuệ liền tăng trưởng. Học tập trước hết là chỉnh sửa bản thân, sau mới dạy cho người; nếu làm cho chính mình tăng trưởng trí tuệ, thì sẽ đạt đến cảnh giới cao hơn. Nếu không biết trân quý cái thân này, tự mình không được lợi ích, thì làm sao lợi người? Chỉ cần điều phục cái ý niệm của mình, thân làm những việc chân chính, thì có tâm nguyện gì mà không thực hiện được? Nghiệp vốn là do mình tự tạo mà có, thì sau này cũng chính mình lãnh chịu; tạo bất thiện nghiệp thì tự mình phải chuốc lấy quả báo, nghiệp lực có sức mạnh rất lớn, giống như mũi kim cương

có thể xuyên thủng và làm nát viên ngọc vậy.

Ma Ha Lô vừa nhìn thấy đức Phật hiện thân hào quang sáng rực, vừa vui lại vừa buồn, cảm thấy vô cùng hoảng hốt, vội vàng đánh lễ dưới chân của đức Phật, ngẫm nghĩ ý nghĩa của bài kệ mà đức Thế Tôn vừa nói, bèn nhập vào thiền định, trong chốc lát ở trước đức Phật chúng quả A la hán; Nhớ về những việc trong quá khứ của mình như đang diễn ra trước mắt, đã từng học thông thạo qua ba tạng kinh, luật và luận và lập tức thông suốt tất cả.

Đức Phật bảo Ma Ha Lô: Thầy nhanh vào đắp y, ôm bình bát đến hoàng cung nhận cúng dường, bây giờ vẫn còn đến kịp, đi thẳng vào ngồi trước năm trăm vị Tỳ kheo. Những thầy Tỳ kheo kia, trong quá khứ là đệ tử của thầy, thầy còn phải nói pháp cho họ nghe, hướng dẫn cho họ tu tập chứng thánh quả, và đồng thời cũng để cho đức vua hiểu rõ đạo lý nhân quả và tội phước. Ma Ha Lô làm theo lời dạy của đức Phật, đi về phía hoàng cung, tiến thẳng lên vị trí trên cao.

Mọi người nhìn thấy tình thế như vậy vô cùng

túc giận, thầm trách những hành vi của Ma Ha Lô, nhưng vì giữ gìn tâm ý của đức vua, nên không dám tùy ý trách mắng hay đuổi người. Mọi người trong lòng đều nghĩ, Ma Ha Lô ngu si như thế, không biết cách giảng pháp bố thí cho thí chủ sau khi nhận cúng dường, mọi người đều thay thầy Ma Ha Lô lo lắng, nhưng lại không biết làm sao. Đức vua chuẩn bị thức ăn xong, tự tay bới cơm và thức ăn, múc canh dâng lên cúng dường thầy Ma Ha Lô. Sau đó thầy nói pháp cho quốc vương nghe, lời nói pháp của thầy hùng hồn như tiếng sấm, lời văn thanh nhã tuôn chảy như mưa không ngớt, thao thao bất tuyệt. Những thầy Tỳ kheo hiện diện nghe thấy, đều vô cùng kinh ngạc, thành tâm sám hối những lỗi lầm, túc khắc đều chúng quả A la hán; thầy thuyết pháp cho đức vua, giải thích tường tận rõ ràng, khiến cho đức vua tâm trí khai mở, những vị đại thần có mặt cũng đều chúng sơ quả.

Câu chuyện này có một vài điểm phản tỉnh chúng ta:

Trong kinh có dạy: Ham tiếc của cải, không

muốn bố thí, sẽ chịu lấy quả báo bần cùng thiếu thốn; ích kỷ giáo pháp, không muốn chia sẻ truyền đạt giáo pháp, sẽ chịu quả báo ngu si. Như Bồ tát Long Thọ trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận có đề cập đến, có bốn thứ làm cho trí tuệ bị mất và cũng có bốn pháp giúp cho trí tuệ được tăng trưởng. Bốn thứ nào khiến cho trí tuệ bị mất?

Thứ nhất: Không cung kính giáo pháp và không kính trọng người giảng pháp.

Thứ hai: Mình hiểu được lời dạy của đức Phật, nhưng lại không muốn chỉ dạy lại cho người, không muốn giảng pháp.

Thứ ba: Có người muốn được nghe giáo pháp, nhưng lại cản trở họ, không để cho họ được đi nghe pháp.

Thứ tư: Kiêu mạn tự đại, khinh khi người khác.

Bốn loại người này sẽ bị mất trí tuệ.<sup>13</sup>

---

<sup>13</sup> Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Đại Chánh tập 26, trang 65c28-66a9.

Còn bốn phương pháp làm cho trí tuệ được tăng trưởng, là những phương pháp nào?

Thứ nhất: Không những cung kính giáo pháp mà còn tôn trọng người nói pháp.

Thứ hai: Tự mình nghe pháp hiểu được Phật pháp rồi hoan hỷ cùng người chia sẻ; hơn nữa, trong tâm rất thanh tịnh, không cầu tiếng tăm danh lợi.

Thứ ba: Vì biết rằng, muốn được tăng trưởng trí tuệ, cần phải nghe nhiều, nên vị ấy rất tinh tấn tìm hiểu học hỏi chánh pháp, khẩn cầu như cứu lửa cháy trên đầu (giống như lửa đang cháy trên đầu, sợ không còn kịp nên vội vàng nghe chánh pháp).

Thứ tư: Nghe xong giữ gìn không quên (không phải bên tai này nghe xong, rồi chạy ra tai bên kia, cần phải giữ gìn không quên), hơn nữa phải chú trọng thực hành, chú không phải chỉ chú trọng ở lời nói. Được như thế mới có thể tăng trưởng trí tuệ.

Chúng ta tự thúc tỉnh: Chúng ta có muốn làm người ngu si không? Nếu không muốn trở thành

người thiếu trí tuệ, thì chúng ta cần phải tôn kính pháp và người thuyết pháp, cần phải tinh cần học hỏi chánh pháp, nương vào chánh pháp mà thực hành; không biết thì khẩn trương học tập, hiểu biết rồi nhanh chóng truyền đạt lại cho người.

Những lời trên đây để sách tấn quý vị!

Phước Nghiêm - 16.11.2013

## **BÀI 15: BỊ TRÓI BUỘC BỞI SẮC LÀ BỊ GIAM CẦM THỰC SỰ**

Xin chào quý vị xuất gia và chúng tại gia.

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện, câu chuyện này được trích từ Đại Trang Nghiêm Luận kinh, trong Đại Chánh Tạng quyển 4 trang 282c - 283a.

Trong kinh dạy rằng: Nếu có thể nghe được chánh pháp, có thể giải thoát được sự ràng buộc.

Trong quá khứ, từng nghe như vậy, tại nước Đúc Thi La có một nhà tù được xây dựng trong khuôn viên tịnh xá chu Tăng, mỗi tối lúc các vị Tỳ kheo giảng pháp, những tù nhân cũng theo thú tự ngồi xếp hàng lắng nghe.

Hôm ấy, có vị Tỳ kheo giảng kinh nội dung liên quan đến sanh tử luân hồi và hoàn diệt, thầy ấy nói như thế này: Kẻ phạm phu ngu muội không nghe chánh pháp, không hiểu được chân tướng của “sắc”; không biết được sắc chẳng qua là do nhân



duyên hòa hợp, là pháp vô thường sanh diệt; vì không hiểu chính xác ý nghĩa của sắc nên sanh tâm đắm nhiễm vui thích, tham ái; không thể hội một cách rõ ràng sắc tạo ra vô số tội lỗi và thống khổ; không biết xa lìa sắc, không biết đoạn trừ tham dục sắc, cầu được xuất ly đích thực. Tất cả chúng sanh đều không hiểu được đúng như thật về sự nguy hiểm của sắc, bị sắc trói buộc như thế, tức là bị giam cầm thực sự.

Như thế nào gọi là bị sắc trói buộc? Tức mắt nhìn thấy sắc tướng yêu kiều diễm lệ, liền sanh ưa thích, tham ái nên bị sắc trói buộc.

Một người mà bị sắc trói buộc, thì toàn thân đều bị giam cầm, không biết sắc là nguyên nhân đưa đến sự trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi, cứ như thế nổi trôi trong biển sanh tử mênh mông, không tìm ra được nơi bình yên. Vì không biết vượt ra ngoài sanh tử, cho nên bị giam giữ trong sanh tử luân hồi, từ đời này đến đời khác.

Lúc ấy có tù nhân nghe được những lời giảng của thầy Tỳ kheo, tư duy nghĩa lý sâu sắc và ghi

nhớ giữ gìn không quên sót, đọc tụng một cách trôi chảy. Lúc ấy đức vua sai người đến mở gông cùm cho tù nhân, những người thân và bạn bè vây quanh anh ta, biết được anh ta đã được tự do, mọi người đều rất vui mừng đến bên cạnh thăm hỏi. Nhân đó người tù nhân vừa được thả tự do, lại nói lên một đoạn kệ, có đại ý như sau: Các vị chỉ nhìn thấy tôi được thả tự do, sanh tâm vui mừng đến an ủi và thăm hỏi tôi. Kỳ thật tôi chỉ được thả ra tù nhà tù mà thôi, tôi cùng những chúng sanh phàm phu ngu dại không khác, vẫn còn bị giam cầm chưa được giải thoát. Phàm phu không chỉ bị sắc trói buộc, mà cả năm uẩn (tức chỉ sự chấp trước đối với ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), tất cả năm uẩn đều như sắc pháp không khác, ràng buộc tất cả phàm phu chúng sanh, không chỉ giam cầm trong lúc còn sống, mà đến lúc chết đọa trong ba đường ác cũng bị trói buộc, thậm chí nếu được sanh vào cõi trời cũng không khác.

Từ đời này đến đời khác, chưa lúc nào thoát khỏi sự giam giữ. Phàm phu cứ như thế bị ràng buộc ở trong tam giới, không ngừng bị luân hồi, hết lần

này đến lần khác ở trong tam giới thọ sanh, sanh xong đến tử, tử rồi lại sanh, không khi nào dứt.

Từ bài giảng của thầy Tỳ kheo, tôi được nghe những lời như thế, đó chính là lời của đức Phật, đấng Nhất thiết chủng trí đã khai thị (đức Phật nói pháp, nhờ vào sự truyền thừa của chúng xuất gia, mãi đến hôm nay mới đến tai của tôi). Tất cả những ngục tù phiền não ràng buộc tâm tôi, chẳng khác nào con trâu bị mang cái ách.

Tôi vẫn đang chịu đựng sự xiềng xích này, chưa một lần đặt xuống, tại sao các vị lại chúc mừng tôi được thả tự do? Nếu quý vị thật lòng quan tâm đến tôi, thương yêu tôi, xin quý vị giúp tôi trình bày với đức vua, xin cho tôi được xuất gia. Chỉ khi đầy đủ chánh kiến, thấy được đạo trong hiện tại, đạt đến bên kia bờ Niết bàn tịch tịnh, nếu chúng đắc được cảnh giới như vậy, thì mới có thể nói là thực sự giải thoát.

Lúc ấy người thân quyến thuộc nghe được những lời như vậy, bèn trình bày lên đức vua, đức vua nghe xong hạ lệnh cho vị ấy xuất gia. Sau khi

được xuất gia tu tập, ông ta hết sức tinh tấn tu đạo, cuối cùng chúng đắc quả A la hán.

Người tội phạm kia, bị giam trong chỗ ở của tăng chúng, nhờ nhân duyên nghe được pháp mà chúng đắc giải thoát như thế, hà huống đặc biệt hết lòng đến nghe pháp! Cho nên các vị hành giả nên thường xuyên đến các tự viện chuyên chú nghe pháp.

Câu chuyện này có một vài điểm nhắc nhở chúng ta:

Nghe Phật pháp là việc vô cùng quan trọng! Từ nhân này nhân vì nghe được chánh pháp, đồng thời nhờ sẵn có thiện căn, nên mới thể hội sự giam giữ thật sự không phải là giam giữ ở trong lao ngục mà mất tự do, mà do bởi phiền não, nên bị giam cầm trong tam giới không thể giải thoát được. Nếu được thả ra khỏi nhà giam, thì phàm phu chúng sanh vẫn bị phiền não trói buộc, không phải thật sự được giải thoát. Sự mất tự do như thế, không chỉ trong đời này; đúng về góc độ thời gian mà nói, từ đời này đến đời sau; về góc độ không gian mà nói, từ lúc làm thân

người đến đọa vào trong ba đường ác, thậm chí còn cả trong ba cõi trời dục giới, sắc giới và vô sắc giới, sự thay đổi đó chẳng qua là từ nhà giam này chuyển sang nhà giam khác mà thôi, chứ chưa vượt ra ngoài tam giới để thực sự được giải thoát!

Trong kinh nói đến, tội nhân bị giam trong ngục tù vẫn chưa phải đã mất tự do thật sự; nhưng nếu bị sắc trói buộc, thì mới thật sự bị giam cầm. Ở đây nói sắc không chỉ đề cập đến sắc đẹp, mà nói đến tham cầu tất cả vật chất, tự mình cảm thấy thích thú, tất cả đều là nguyên nhân đưa đến sự giam cầm.

Nhu đối với năm uẩn, không chỉ có sắc làm cho chúng sanh bị dính mắc; mà thọ, tưởng, hành, thức đều giam cầm chúng ta, tất cả năm uẩn đều như thế. Ví dụ những tâm thuộc tham, sân, si, quan niệm sai lầm, hoặc cách nhìn đối với người, sự việc hay vật, những hành vi và sự hiểu biết lệch lạc này, đều là sự giam cầm.

Quý vị có cảm thấy tự mình đã được tự tại giải thoát rồi chăng? Hay cảm thấy mình đang rất mất

tự do, rất không tự tại. Thế thì tại sao không có tự tại? Cũng có thể có người vì thân thể thọ bệnh nên cử động không được tự do, không thể đi du lịch theo ý muốn; hoặc có người vì áp lực kinh tế mà thở không ra hơi; lại có người cho rằng vì sự trói buộc của gia đình và người thân, nên không có tự do. Kỳ thật, nguyên nhân dẫn đến mất tự do không phải từ bệnh tật hay do người thân, mà chính do phiền não của chúng ta! Do phiền não - có tham sân si phiền não, mới tạo ra nghiệp - thân khẩu ý nghiệp, nên mới chiêu cảm nghiệp báo trong tam giới, luân hồi mãi trong tam giới. Nghĩa là ở trong tam giới này, như chuyển từ nhà giam này đến nhà giam kia, không ngừng luân chuyển trong đó. Chính vì thế mà chúng ta cần phải đoạn trừ những thú phiền não như tham, sân, si..., từ bỏ sự dính mắc đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không tạo thêm nghiệp hữu lậu, thì mới dứt trừ được nghiệp báo luân hồi trong tam giới của đời sau; chỉ có như thế mới thật sự được giải thoát.

Câu chuyện trên đây khuyến tấn chúng ta tinh tấn.

Phước Nghiêm - 14.09.2013

## BÀI 16: MUỐN ĐƯỢC AN ỔN CÁT TƯỜNG, PHẢI BIẾT LẮNG NGHE

Xin chào quý vị xuất gia và chúng tại gia.

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện được trích trong kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Đa Văn, trong Đại Chánh Tạng, quyển 4, trang 579a-b.

Ngày xưa, tại nước Xá Vệ có vị đại trưởng giả tên là Tu Đạt, vị này đã chúng đắc sơ quả, có người bạn thân tên là Hảo Thí, người bạn này không tin Phật pháp và y học. Lúc bấy giờ, Hảo Thí lâm trọng bệnh, thân thể suy nhược nằm liệt trên giường, nên có rất nhiều người thân và bạn bè đến thăm, khuyên ông ta cần phải hết lòng chữa trị, nhưng ông ta cương quyết, dù có chết cũng không tìm thầy thuốc. Hảo Thí nói với mọi người rằng: “Tôi tôn thờ mặt trời và mặt trăng, trung thành với vua, hiếu kính cha mẹ, tâm nguyện ấy đến chết cũng không thay đổi.”

Tu Đạt nói với người bạn của mình: “Người thầy mà tôi tôn thờ, mọi người đều gọi là Phật, thần



lục và oai đức của Ngài soi sáng khắp tất cả chúng sanh, ai được nhìn thấy đức Phật đều được phúc báu. Nếu ông không ngần ngại, tôi sẽ thỉnh đức Phật đến đây giảng kinh, chúc phúc cầu nguyện, ông trước nghe lời giảng và quan sát hành động cử chỉ của Ngài, rồi thử so sánh đức Phật và hàng ngoại đạo xem thế nào; sau đó, có quy y đức Phật hay không là do ông quyết định. Bởi vì bệnh của ông đã kéo quá dài, nhưng không thấy thuyên giảm, cho nên tôi mới khuyên ông thỉnh đức Phật đến thuyết pháp, hy vọng được đức Phật gia trì.”

Hảo Thí: “Được rồi! Nhờ ông giúp tôi thỉnh đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến đây!”

Tu Đạt lập tức thỉnh đức Phật và chúng đệ tử đến nhà của ông Hảo Thí. Lúc đức Phật vừa bước vào nhà của ông, toàn thân Ngài phát ra ánh sáng, trong ngoài đều sáng, trường giả Hảo Thí vừa nhìn thấy hào quang của đức Phật, trong lòng sanh tâm vui vẻ, thân thể trở nên nhẹ nhàng.

Đức Phật đến gần rồi ngồi xuống, an ủi và thăm hỏi trường giả: “Ông bệnh như thế nào? Trước

đây từng tôn thờ vị thần nào? Đã dùng phương thức gì để điều trị?”

Hảo Thí: “Tôi phụng thờ hai vầng nhật nguyệt, quân vương, tổ tiên, cung kính trai giới, đã dùng đủ mọi phương pháp cầu xin, nhưng bệnh vẫn không khỏi. Đã kéo dài một khoảng thời gian rồi, không có được chút gia trì nào từ thần linh. Ở nhà tôi rất kỵ thuốc men, châm cứu, xưa nay không biết đến kinh giáo, giới luật, phúc đức, từ đời tổ tiên đến nay chúng tôi vẫn giữ nguyên tắc như thế.”

Đức Phật dạy: “Con người ở đời, có ba loại hoạn tử: Thứ nhất là có bệnh, nhưng lại không lo thuốc thang trị liệu; thứ hai dù có trị liệu nhưng không chăm sóc cẩn thận; thứ ba do kiêu mạng phóng dật, tự cho mình là đúng, không tiếp nhận ý kiến của người, không rõ sự lý thuận nghịch đúng sai.

Những bệnh này không phải nhật nguyệt, thiên địa, tổ tiên, quân vương có thể chữa khỏi, cần phải hiểu rõ đạo lý, dùng phương pháp đúng đắn tùy theo thời gian mà điều trị cho thích hợp: Thứ nhất, nếu

bệnh do bốn đại nóng lạnh không điều hòa, cần phải tìm đến thầy thuốc để chẩn đoán và dùng thuốc chữa trị; thứ hai, nếu bệnh do ma quỷ tà ác thì nên tụng kinh, trì giới, dựa vào lời dạy mà thực hành, sám hối nghiệp chướng; thứ ba, nếu là bệnh phiền não ngu si, không hiểu rõ sự việc và chân lý, thì cần phải kính phụng thánh hiền, dùng tâm từ bi cứu giúp những người nghèo khó, mang phước báu có được hồi hướng cho tất cả chúng sanh, dùng đại trí tuệ xóa tan phiền não, nếu thực hành được, đời này không những sẽ được bình an, cát tường mà còn không có hoạn nạn; nhờ giữ giới, trí tuệ được thanh tịnh, đời đời kiếp kiếp đều có thể được bình an cát tường.”

Đức Phật nói một đoạn kệ, có đại ý như sau:  
 “Làm lễ mặt trời, nguyên nhân vì bày tỏ sự biết ơn  
 mặt trời mỗi ngày cung cấp ánh sáng.

Tôn thờ cha và mẹ là vì báo đáp công ân dưỡng dục của hai đấng sanh thành.

Cung phụng quân vương, vì quân vương có uy lực lớn che chở cho nhân dân. Nếu muốn nghe

nhiều chánh pháp, thì cần phải tôn kính bậc tu hành. Người muốn bảo vệ mạng sống thì cần đến sự giúp đỡ của thầy thuốc, muốn được thắng lợi cần phải dựa vào người có năng lực; chánh pháp ở nơi bậc có trí tuệ, thường vun bồi phúc đức thì đời đời mới được sáng suốt.

Chỉ khi cùng làm việc với nhau, mới có thể nhận ra được như thế nào là bạn đúng nghĩa; lúc gặp khốn đốn, thì mới nhận ra bạn tốt hay xấu; trong nhà đoàn tụ vui vẻ, mới thấy rõ người vợ có đoan chính hay không, muốn biết người có trí tuệ hay không, nghe họ thuyết pháp thì sẽ biết rõ.

Chỉ người thầy có trí tuệ và tài năng, mới có thể chỉ ra được con đường chân chính, giải trừ được những nghi hoặc, giúp cho người học trí tuệ được khai mở, nền tảng của thanh tịnh được tăng trưởng, từ đó phụng trì lời dạy của đức Phật. Nghe được lời giảng dạy của người trí, người nghe không những trong đời này được lợi ích, mà ngay đến cả vợ con, anh chị em hay bạn bè đều được lợi lạc, đến đời sau cũng còn hưởng được phúc lạc, thậm chí còn thành

tựu được trí tuệ của thánh nhân.

Nhiếp tâm giữ gìn được chánh niệm thì mới hiểu tường tận ý nghĩa thâm sâu lời dạy của đức Phật, lý giải được nghĩa lý tức trì giới thanh tịnh, không hủy hoại giới hạnh, người thọ trì và thực hành chánh pháp, thì sẽ sớm đạt đến an lạc.

Nghe được lời dạy của bậc trí có thể tiêu trừ phiền não, sân hận, cũng có thể xóa đi những gì mang đến sự tổn hoại không được cát tường, muốn được an ổn cát tường, cần phải kính lễ người học rộng nghe nhiều.”

Trưởng lão Hảo Thí nghe xong bài pháp của đức Phật, những nghi ngờ trong tâm lập tức được tiêu trừ; ông ta mời thầy thuốc đến trị liệu, thành tâm hướng về Phật đạo và cung phụng những người có đức hạnh. Do bốn đại điều hòa, tất cả bệnh tật đều không còn, như uống được nước cam lồ, trong ngoài đều nhẹ nhàng thanh thản, thân tâm được an định, cuối cùng chúng đắc sơ quả. Người thân, giòng họ cũng như người dân cả nước đều cung kính vị trưởng giả chúng đắc sơ quả này.

Câu chuyện này có những điểm nhắc nhở chúng ta:

Hảo Thí trưởng giả xưa nay cung phụng nhật nguyệt, cha mẹ, tổ tiên, quân vương, nhưng vì ông ta không tôn kính Phật pháp, không kính phụng người tu hành. Tuy ông tôn thờ nhật nguyệt, cha mẹ, tổ tiên, vua chúa, nhưng ông không hiểu được vì sao ông phải tôn thờ. Do thiếu sự tôn kính và thân cận với người trí để được học hỏi, mà suýt nữa không giữ được tính mạng. Thế mới biết, kính lễ người trí vô cùng quan trọng!

Trong kinh có đề cập đến, chỉ khi làm việc chung với nhau, mới biết rõ đây có phải là người bạn tốt hay không, trong lúc gặp khó khăn mới hiểu được tình bạn chân thật hay không? Trong nhân gian có câu: “đường dài mới biết ngựa hay, có chung việc nhiều mới biết lòng người”, nghĩa là đường dài mới biết súc ngựa có hay hay không, làm việc lâu ngày với nhau mới thấy rõ được lòng người khác.

Ngoài ra, đức Phật còn dạy chúng ta, trị bệnh trước cần phải biết nguyên nhân bệnh, nếu tú đại

không hòa hợp, thì cần phải tìm đến thầy thuốc trị liệu. Đức Phật không khuyên chúng ta không đến bệnh viện, khi Ngài bị bệnh, có thầy thuốc đến khám bệnh cho Ngài. Cho nên, nếu tứ đại không hòa hợp, bắt buộc phải tìm đến bác sĩ chẩn đoán, để trị liệu. Ngoài ra, nếu bị bệnh người âm quấy nhiễu, thì cần phải tinh tấn sám hối nghiệp chướng, thực hành theo lời kinh hướng dẫn, trì giới thanh tịnh. Nếu như mắc phải những bệnh phiền não ngu si như kiêu túng phóng dật, không hiểu được sự lý, thì cần phải lễ kính các bậc hiền thánh, thường lắng nghe lời giảng dạy của người trí, để nuôi lớn từ bi và trí tuệ, thì đời này và đời sau mới được bình an cát tường, quan trọng hơn là nhờ sự dẫn dắt của người trí, mới có thể chúng đắc được giải thoát Niết Bàn.

Tìm được thầy lành, bạn tốt, gần gũi bậc thầy tài đức vẹn toàn, có thể giảm thiểu đi vào con đường sai lạc; muốn được gặp thầy hiền bạn tốt, trong cuộc sống thường nhật chúng ta cần phải rộng kết thiện duyên với mọi người thì mới được!

Câu chuyện trên sách tấn chúng ta cùng tinh

tấn.

Phước Nghiêm - 27.04.2013



## **BÀI 17: ĐỨC PHẬT HÓA LÀM TỖ KHEO NI TRANG ĐIỂM ĐIỂM LỆ ĐỂ ĐỘ THẦY TỖ KHEO**

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng các vị Phật tử!

Hôm nay tôi cùng quý vị chia sẻ một mẫu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Phóng Dật, rút từ Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 584a-b.

Ngày xưa, khi đức Phật còn tại thế, có năm trăm vị thương nhân ra biển tìm bảo vật, tìm được nhiều châu báu muốn mang về nước của mình, không ngờ đi ngang qua một ngọn núi thì bị ác quỷ làm cho mê hoặc, tìm không ra đường để về quê nhà; Lương thực đã dùng hết, mọi người phải chịu đói khát đau khổ khốn đốn, vì thế mà chết dần chết mòn, nên số tài bảo mang theo đều bỏ lại hết trong núi.

Lúc ấy, trong núi có một vị Tỳ kheo đang tu hành, nhìn thấy nhu thế trong lòng bèn nghĩ: “Mình

khổ công tu tập suốt bảy năm, đã không chúng được đạo quả, mà còn phải chịu sự thiếu thốn, đồ đạc thức ăn đều không đủ, thân này khó giữ; những báu vật này đều không có chủ, chỉ bằng mang về xây nhà lập nghiệp.”

Sau đó, thầy bèn xuống núi đi nhặt những bảo vật, trước tiên dấu chúng trong chỗ kín, sau đó bèn xuống núi trở về tìm người thân giúp đỡ, đến mang những thú quý giá này về nhà.

Thầy Tỳ kheo đi được nửa đường, đức Phật quán sát thấy vị Tỳ kheo này thiện căn đã thuần thục đến lúc được độ, nên Ngài bèn hóa thân làm vị Tỳ kheo ni, mặc dù cạo đầu, thân mặc tăng phục, nhưng mặt lại trang điểm đánh phấn tô son lòe loẹt, lại vẽ chân mày, đeo trang sức vàng bạc, vòng hoa đi dọc theo vách đá vào khe núi. Vị Tỳ kheo ni do Đức Phật hóa hiện đang đi trên đường thì gặp thầy Tỳ kheo, bèn đánh lễ và chào hỏi.

Thầy Tỳ kheo nhìn thấy Tỳ kheo ni trang điểm như thế, bèn trách mắng Tỳ kheo ni rằng: “Học đạo cần phải giống cô vậy sao? Đã cạo tóc, mặc đồ tu,

tại sao vẽ chân mày, lại còn đeo trang sức?”

Vị Tỳ kheo ni do đức Phật hóa hiện đáp: “Một người xuất gia học đạo lẽ nào cần phải giống thầy vậy sao? Thầy tuy đã từ biệt người thân, tìm vào núi sâu thiền định cầu đạo, tại sao lại còn muốn cất chứa những thứ không phải là tài sản của mình? Tại sao chỉ vì tham cầu năm dục mà bỏ quên đạo tâm, phóng túng ham thích không biết khống chế, không biết tu duy mạng sống ngắn ngủi? Chúng ta sống trong thế gian này, chẳng qua chỉ ở tạm thời. Thầy làm như thế, sẽ mang đến tội lỗi càng sâu nặng cho bản thân mà thôi.”

Kế tiếp Tỳ kheo ni nói bài kệ, có nội dung như sau: “Tỳ kheo cần phải trì giới nghiêm mật, nếu sanh tâm phóng dật, sẽ sanh nhiều ưu phiền, tranh luận, phiền não từ nhỏ sanh lớn, tích lũy các nghiệp ác mai sau sẽ chịu quả báo tụ lao vào lửa lớn thiêu thân.

Nếu nghiêm trì tịnh giới, phước đức có được sẽ mang đến hoan hỷ, được như thế, thì mới có thể

đoạn trừ được phiền não trong tam giới, tiếp cận với giải thoát của Niết Bàn. Đối với người phạm giới tâm lúc nào cũng lo sợ không vui, nếu phạm phải giới trọng tất gánh chịu ác quả.”

Ngay sau khi nói xong bài kệ, Ngài liền hiện thân Phật, tướng tốt sáng ngời, vị Tỳ kheo nhìn thấy vô cùng bất ngờ, lông tóc đều dựng đứng lên, vội vàng hướng về đức Phật đánh lễ sám hối những lỗi lầm, bạch với đức Phật rằng: “Đệ tử thật là ngu muội vô tri! Tự mình làm trái với giáo pháp, tội lỗi đã gây nên không thể nào xóa bỏ được, biết làm sao để rửa sạch đây?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ, có nội dung như sau: “Nếu trước phóng dật biếng nhác, sau đó biết khắc phục chính mình không tiếp tục tạo nghiệp xấu, có quyết tâm và dũng khí như thế, đủ để soi sáng thế gian; cần phải có tâm kiên định như vậy, rồi dùng chánh niệm và thiền định để thâm nhập tâm thì mới đúng.

Nếu lỡ phạm phải sai lầm tạo nghiệp xấu, sau đó biết cải tà quy chánh, nỗ lực tu thiện, như thế gọi

là bỏ ác hành thiện, đủ mạnh để soi sáng thế gian, thường xuyên nhớ nghĩ thiện pháp thì mới đúng. Tuổi trẻ tinh tấn nương theo lời dạy của đức Phật mà tu tập, xa lìa những thú ham muốn nhỏ nhặt để tinh tấn hướng đến con đường thành Phật như thế, đủ để soi sáng thế gian; giống như khi mây đen tan biến, ánh trăng sẽ soi sáng bầu trời vậy.

Nếu người trước đây gây tạo nghiệp xấu, sau biết sai không tái phạm, sửa đổi lỗi lầm, đủ để soi sáng thế gian, giống như khi mây đen tan biến, ánh trăng sẽ soi sáng bầu trời vậy.”

Thầy Tỳ kheo nghe đức Phật nói hết bài kệ, phiền não lập tức tiêu sạch, lòng tham dứt bỏ, cung kính đánh lễ đức Thế Tôn, sau đó tìm đến dưới gốc cây tu tập sáu phép quán hơi thở: Số, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh; cuối cùng thầy Tỳ kheo chúng đắc đạo quả, chúng A la hán.

Câu chuyện này có nhiều điểm thức tỉnh chúng ta: Người ta thường thích chỉ trích người khác, nhưng lại rất ít khi nhìn thấy lỗi của chính mình. Kỳ thật, như Tỳ kheo ni do đức Phật hiện thân, muốn

tẩy bỏ đồ hóa trang không khó; cũng như thế, muốn bỏ những thú dơ bẩn bên ngoài rất dễ, nhưng muốn trừ đi sự ố uế trong tâm thức, thì khó khăn hơn nhiều.

Ngoài ra câu chuyện còn nhắc nhở chúng ta: Biết được sai lầm cần phải sửa sai, không phải chỉ biết ray rứt khổ não vì những lỗi lầm đã tạo, quan trọng là phải biết sửa sai và không được tái phạm. Như ngài Long Thọ bồ tát trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận<sup>14</sup>, có một ví dụ rất hay “việc ác đã sanh cần phải nhanh chóng đoạn trừ, như xa lìa rắn độc.” Chúng ta đã biết lỗi nơi thân, khẩu, ý của mình, cần phải nhanh chóng sửa đổi, cũng giống như bị rắn độc cắn cần phải vội vàng chữa trị, nếu chậm trễ sẽ mất mạng. Không những từ bỏ những thú không tốt, mà cả lúc những thú bất thiện sắp sảy ra hay chưa sảy ra, sắp nghĩ ra hay chưa nghĩ ra, cần phải cẩn thận đề phòng, nên “ác nghiệp chưa sanh đừng để nó sanh, như ngăn chặn dòng nước chảy”; giống như ngăn chặn nước lũ, việc trước hết cần phải chuẩn bị đầy đủ, đừng để nước dâng tràn mênh

---

<sup>14</sup> Đại chánh tập 26, phẩm Đại Thừa, trang 106c17-20.

mông, rồi mới kêu cứu thì đã muộn màng rồi.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực.

Phước Nghiêm - 13.04.2013

## BÀI 18: ĐỨC PHẬT ĐỘ NGƯỜI HỐT PHÂN NI ĐỀ

Xin chào quý Thầy, quý Cô cùng tất cả các Phật tử.

Hôm nay tôi chia sẻ cùng quý vị câu chuyện được trích từ kinh Hiền Ngu trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 397a - 398a.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một khoảng thời gian, Ngài trú tại nước Xá Vệ vườn Cấp Cô Độc (Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, còn được gọi là tịnh xá Kỳ Hoàn). Lúc ấy, người trong thành Xá Vệ rất đông, phòng ở vô cùng chật hẹp, nhà vệ sinh lại rất hiếm, nên không kể là đại tiện hay tiểu tiện đều phải ra bên ngoài thành mà đi, chỉ một số người có tiền của không muốn phiền phức, nên họ đi trong bờ, rồi thuê người đứng giờ đến làm vệ sinh.

Lúc ấy, có người tên là Ni Đề (trong Luận Đại Trí Độ dịch là Ni Đà), ông Ni Đề vô cùng nghèo khổ thấp hèn. Vì không có tài năng gì nổi trội, ông chỉ biết làm nghề hốt dọn phân dơ, kiếm chút ít thu



nhập để sinh sống.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn quan sát thấy thiện căn của Ni Đề đã thuần thực, có thể đến để độ ông ta. Do đó Ngài cùng thầy A Nan đi vào thành, để hóa độ Ni Đề, đi đến một con hẻm nhỏ, thì gặp Ni Đề, trên tay ông ta còn đang bê một chiếc lu sành chứa đại tiểu tiện, đang chuẩn bị mang đi đổ. Từ xa, Ni Đề nhìn thấy đức Phật, nghĩ rằng thân phận mình thấp hèn, lấy làm xấu hổ, nên rẽ qua đường khác, muốn lạng lẽ tránh đi nơi khác.

Trong lúc Ni Đề muốn đi ra khỏi ngõ hẻm, không may lại gặp đức Thế Tôn, nghĩ đến giai cấp của mình, trong tâm của ông càng bối rối, nên lập tức đổi hướng đi vào một ngõ rẽ khác, muốn lẩn trốn ngay, nên trong lòng cuống lên, trong lúc đang loay hoay, bất cẩn chiếc lu bằng sành va vào bức tường, bị vỡ nát nên phân và nước tiểu văng đầy trên thân thể của mình, khiến cho ông càng khó xử và xấu hổ vô cùng, không dám nhìn đức Phật. Lúc ấy, đức Thế Tôn bước đến đứng trước mặt Ni Đề, từ bi nhẹ nhàng hỏi ông ta: Ông có muốn xuất gia

không?

Ni Đề đáp: Thân phận của Nhu Lai thuộc giòng họ của Chuyển luân thánh vương rất tôn quý, những người đệ tử thân cận Ngài đều là tầng lớp quý tộc, con thân phận hạ tiện đến cùng cực như thế này, thì làm sao có thể theo Thế tôn xuất gia giống như họ được?

Đức Phật nói với Ni Đề rằng: Giáo pháp thanh tịnh vi diệu mà Nhu lai giảng dạy, giống như nước tinh khiết, có khả năng rửa sạch tất cả các dơ bẩn; Nhưng cũng mạnh mẽ như lửa lớn, có thể thiêu đốt các vật, không kể là lớn, nhỏ, tốt, xấu, toàn bộ đều thiêu sạch. Phật pháp mà Nhu lại nói ra cũng như thế, rộng lớn vô biên, không kể là nghèo, giàu, quý phái hay bần cùng, dù nam hay nữ chỉ cần nương vào pháp mà thực hành, đều có thể đưa đến đoạn trừ tham dục.

Ni Đề nghe đức Phật khai thị, ngay lúc ấy sanh khởi tín tâm kiên định không gì sánh bằng, và khao khát được xuất gia. Đức Phật gọi thầy A Nan dẫn Ni Đề đi ra ngoài thành đến một con sông lớn tắm gội,

sau khi tắm gội sạch sẽ xong, dẫn Ni Đề về tịnh xá Kỳ Hoàn, và giảng đạo lý Khổ đế cho Ni Đề nghe về luân hồi sanh tử khiến cho con người sợ hãi, chỉ có chúng đấng Niết Bàn mới thật sự vĩnh viễn được an vui.

Ngay trong giây phút nghe pháp ấy Ni Đề hốt nhiên khai mở tâm ý, chúng đấng sơ quả; Ni Đề bèn chấp tay hướng về đức Phật, cầu xin đức Thế Tôn cho phép ông được xuất gia làm Sa môn.

Đức Phật bảo Ni Đề: “Đến đây Tỳ kheo!” Râu tóc của Ni Đề tự rụng, khoác lên thân chiếc pháp y. Sau đó, đức Phật nói nội dung của khổ, tập, diệt, đạo tứ thánh đế cho Ni Đề nghe. Sau khi nghe pháp xong, Ni Đề lập tức đoạn sạch được tất cả phiền não, chúng đấng A la hán, tam minh, lục thông toàn bộ đều đầy đủ (tam minh là thiên nhãn minh, túc mạng minh và lậu tận minh; lục thông tức thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông và lậu tận thông).

Lúc ấy người dân trong nước Xá Vệ nghe tin Ni Đề đã xuất gia, mọi người đều sanh lòng không

vui, than phiền, bàn tán khắp nơi: “Tại sao đức Thế Tôn lại chấp nhận cho giai cấp bần cùng gia nhập vào Tăng đoàn? Chúng ta sau này phải đánh lễ hấn? Nếu muốn cúng dường đức Phật và Tăng chúng, mà con người đó đến, sẽ làm ô uế chỗ ngồi của chúng ta”. Những lời bàn tán đó dần chuyển đến tai vua Ba Tư Nặc.

Đức vua sau khi nghe tin này có một chút khó chịu, không giữ được, bèn ngồi xe được trang trí các thứ lông quý, cùng nhiều tùy tùng hướng đến vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, muốn được thỉnh vấn đức Thế Tôn, giải trừ mối thắc mắc trong lòng.

Cả đoàn người và ngựa đến trước cổng của tịnh xá, dừng chân nghỉ ngơi. Nhìn thấy bên ngoài cổng của tịnh xá có một khối đá rất lớn, thầy Ni Đề đang ngồi trên tảng đá ấy chấp vá chiếc y đã sờn, bên cạnh thầy có bảy trăm vị trời, mỗi vị trên tay đang dâng hoa cúng dường và hướng về phía bên phải đi nhiều quanh thầy.

Vua Ba Tư Nặc nhìn thấy cảnh tượng như thế cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bèn đi đến trước mặt

thầy và nói rằng: “Trẫm muốn gặp đức Phật, xin thầy thông báo giúp.” Thầy Ni Đề lập tức dùng thần thông khiến cho thân thể đi ngang qua tảng đá, vào trong tịnh xá đến trước Thế Tôn, hướng về đức Phật và bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn, vua Ba Tư Nặc hiện đang ở bên ngoài, muốn vào bái kiến đức Thế Tôn, nên nhờ con vào đây thưa trước.”

Đức Phật: “Thầy dùng phương pháp ẩn thân, và đi ra bằng con đường như lúc thầy tiến vào đây, thưa với đức vua có thể vào được.”

Thầy Ni Đề vâng theo lời dạy của đức Phật, vận thần thông bay ra ngoài, trong phút chốc, lại từ trong khối đá hiện ra, như từ nước nổi lên, không hề có mảy may khó khăn.

Thầy Ni Đề tâu với đức vua rằng: “Tôi đã trình lên đức Thế Tôn rồi, Đại vương! Mời Ngài vào.”

Đức vua trong lòng suy nghĩ: “Những hoài nghi trước đây bây giờ tạm gác qua một bên, ta nay nên hỏi đức Phật: Thầy Tỳ kheo ấy tu phước đức gì, tại sao lại có sức thần thông kỳ diệu như thế?”

Vua Ba Tư Nặc vào trong tịnh xá Kỳ Hoàn, vừa nhìn thấy đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi nhiễu quanh đức Phật ba vòng, sau đó ngồi một bên, thưa với đức Phật rằng: Tỳ kheo ấy có thần thông thật hy hữu, xuyên trong đá như vào nước, có thể từ trong tảng đá mà đi ra; không biết pháp danh của thầy đó là gì? Xin đức Thế Tôn nói cho trăm biết.”

(Có thể trong lòng vua nghĩ: “Thế Tôn nếu Ngài muốn giáo hóa, nên độ những thầy Tỳ kheo có tài như thế! Thế Tôn tại sao lại đi hóa độ ông Ni Đề?” Đó chính là mối hoài nghi của vua Ba Tư Nặc).

Đức Phật nói với vua: “Thầy ấy là người giai cấp bần cùng của nước Xá Vệ, tôi đã độ thầy ấy, thầy ấy đã chứng đắc quả A la hán. Hôm nay đức vua đến đây, mục đích là vì muốn hỏi chuyện này chăng!”

Đức vua sau khi nghe đức Thế Tôn nói như vậy, những kiêu mạn trong lòng lập tức tiêu tan, cảm thấy một niềm vui sướng vô tận.

Đức Phật nói tiếp: “Người phạm phu ở thế gian, thân phận có phân tôn ti, quý tiện, gia cảnh có nghèo, giàu, khổ và vui, tất cả đều do trong quá khứ tự mình đã tạo ra những hành vi, mà hôm nay phải cảm lấy quả báo.

Nếu đối với người nhân từ, khiêm nhường, hòa thuận, cung kính với người trên, thương yêu lớp dưới, thì sẽ được sanh vào người có thân phận tôn quý; Nếu đối với người hung hăng, hỗn xược, không kể lễ nghĩa, ngạo mạn phóng túng, tự cho mình hay, thì sẽ sanh vào hạng hạ tiện.”

Vua bạch Thế Tôn: “Ngài vào đời, cứu tế hóa độ, vô số chúng sanh được thấm nhuần an lạc, cho dù là tầng lớp hạ tiện cũng có thể giúp họ nhổ sạch nỗi thống khổ, cho họ có hạnh phúc. Thầy Ni Đề vì nhân duyên gì, mà đời này phải sanh vào giai cấp thấp hèn? Và đã gieo trồng thiện căn phước đức gì, bây giờ có thể gặp đức Thế Tôn, lãnh thọ sự giáo hóa của Ngài, nghe pháp không bao lâu lại được chúng quả A la hán? Xin đức Thế Tôn giải thích cho trẫm được rõ.”

Đức Phật nói vua rằng: “Xin lắng lòng nghe, cần phải thọ trì! Tôi sẽ vì đức vua mà nói, hy vọng Ngài sẽ được sáng tỏ. Quá khứ có đức Phật Ca Diếp xuất hiện ở thế gian này, sau khi Ngài diệt độ, có chúng Tỳ kheo số đông trăm ngàn người, trong đó có thầy Tỳ kheo làm vị tăng tự tại (tự tại có nghĩa là tự tung tự tác, không chấp nhận sự gò bó, không bị người khác chi phối, tự mình làm chủ. Tăng tự tại cũng có thể là người quản tăng chúng, hoặc người đứng đầu trong một đại chúng mà thời nay gọi là trụ trì); Thầy tự tại bị bệnh, sau khi uống thuốc, thầy muốn đại tiện, nhưng vì tâm tánh ngã mạn, ý vào quyền thế, nên không đi ra bên ngoài để đại tiện mà cứ đại tiểu tiện trong bô làm bằng vàng, rồi sai đệ tử bung ra ngoài đổ; không ngờ vị đệ tử ấy là thánh nhân đã chứng đắc sơ quả. Nguyên nhân là vì thầy Tỳ kheo trong quá khứ không biết khiêm nhường, hòa thuận, cậy mình có nhiều tài sản, quản lý việc Tăng, nên khi thân thể mệt một chút là luòi biếng không muốn động thân, sai khiến ngay thánh nhân đã chứng đắc, sai thánh nhân dọn phân và nước tiểu cho thầy. Do vì nhân duyên này, nên thầy ấy không ngừng trôi lăn trong sanh tử luân hồi, không ngừng



sanh làm hạng người thấp hèn, năm trăm đời làm người quét dọn phân, mãi cho đến hôm nay. Tuy nhiên, nhờ trong quá khứ thầy có duyên được xuất gia và nhờ công đức thọ giới, khiến hôm nay mới có cơ duyên gặp Nhu Lai xuất thế, nghe được chánh pháp chúng đắc đạo quả.”

Đức Phật nói với đức vua rằng: “Bệ hạ có muốn biết thầy tự tại lúc bấy giờ là ai chăng? Chính là thầy Ni Đề hôm nay vậy.”

Vua hướng về Thế Tôn thưa: “Nhu Lai xuất thế, thật là hy hữu hiếm có, giải bớt khổ đau cho vô lượng vô biên chúng sanh!”

Đức Phật: “Lành thay! Lành thay! Nhu lời bệ hạ nói.”

Đức Thế Tôn nói tiếp: “Chúng sanh lưu chuyển luân hồi trong tam giới không có giai cấp, thân phận cố định bất biến. Con người tích lũy thiện nghiệp, nhân từ hòa thuận, sẽ được sanh vào gia đình quý phái, nếu quen theo tạo ác nghiệp, phóng túng kiêu mạn, sẽ bị sanh vào gia đình giai cấp hạ

tiện.”

Đức vua nghe xong sanh tâm hoan hỷ, không còn sinh tâm tự cao, bèn quỳ xuống đánh lễ dưới chân của thầy Ni Đề, tự mình thành tâm sám hối những sai lầm, xin được tha thứ, cầu nguyện những nghiệp xấu được tiêu trừ.

Đức Phật nhân đây vì đại chúng tuyên bày nghĩa lý thâm sâu của Phật pháp, nói rõ nội dung, cũng như hướng dẫn sự bố thí, trì giới và nói đến sanh vào cõi trời. Hy vọng mọi người thế hội được tham dự là không thanh tịnh, chỉ có thoát ly tam giới mới là niềm an lạc chân chánh. Lúc ấy những người đến nghe đức Phật thuyết pháp, tất cả đều chúng đạo quả, tín thọ phụng hành.

Câu chuyện này có những điểm thức tỉnh chúng ta:

Pháp Phật thanh tịnh vi diệu, dòng pháp của Như Lai, có thể rửa sạch bụi bặm của phiền não; lại như ngọn lửa trí tuệ, có thể đốt sạch tất cả phiền não lớn nhỏ. Pháp Phật rộng lớn vô lượng, không

phân biệt chủng tánh, nghèo, giàu, quý, tiện, nam, nữ, già, trẻ, người biết y vào pháp mà tu học, đều có thể được đoạn trừ phiền não, đạt đến giải thoát.

Thầy Ni Đề tuy xuất thân trong gia đình thuộc giai cấp nô lệ, làm công việc hốt phân thấp hèn, nhưng đức Phật vẫn bình đẳng hóa độ, sau đó thầy Ni Đề chúng đắc quả A La Hán. Đức Phật còn chỉ rõ nhân duyên Ni Đề bị sanh vào giai cấp nô lệ, vì trong quá khứ thầy ấy đã dùng quyền lực, ngã mạn tự đại, sai thánh nhân dọn phân cho mình, cho nên bị sanh vào giai cấp thấp hèn.

Đức Phật dạy: Nhân từ, khiêm nhường, hiếu thuận sẽ làm người tôn quý; là người hung dữ, phách lối, kiêu mạn, tự cao tự đại sẽ sanh vào giai cấp nô lệ. Chúng ta có muốn sinh làm người nô lệ không? Nếu không muốn bị làm người nô lệ, thì cần phải gạt đi tâm kiêu mạn, nên dùng lòng nhân từ, khiêm nhường, hiếu thuận đối với mọi người, tôn kính người lớn, thương yêu người dưới!

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Phước Nghiêm - 04.05.2013

# Phước Huệ tập 5

## 福慧集 ( 五 )

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Vạn Lợi, Thích Lệ Trúc, Thích Vạn Nghĩa

越南文翻譯：

釋萬利，釋麗竺，釋萬義

Printed for free distribution by

**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

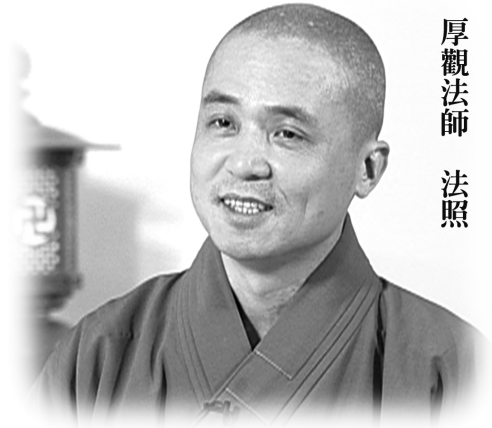
**This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.**

**KINH AN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN**

## Lời ngỏ

### Thích Hậu Quán

Cuốn sách “Phước Huệ” tập 5 phát hành lần này bao gồm 18 câu chuyện nhà Phật, trong đó có các nội dung rất sinh động đầy ý nghĩa và ngụ ý thâm thúy nói về nhân quả nghiệp báo, bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ và phá trừ tham lam, kiêu mạn v.v...



厚  
觀  
法  
師  
法  
照

Trong câu chuyện “người kiêu căng ngạo mạn như người mù cầm đuốc” có nói đến một người cho rằng tự mình học rộng hiểu nhiều mà ngạo mạn tự đại, thậm chí ban ngày cầm đuốc đi ra ngoài đường, rồi chê cười người khác: “loài người trên thế giới này quá ngu si, vì thế ta cầm ngọn đuốc để chiếu sáng họ!”. Đức Phật vì muốn hóa độ ông ấy nên đưa ra một số câu hỏi, nhưng

ông ấy không thể trả lời. Đức Phật giảng dạy cho ông ấy: “Cho dù bạn có uyên bác thế nào, nhưng nếu tự kiêu tự đại và xem thường người khác, cũng giống như một người mù cầm nến, cho dù có thể chiếu sáng cho người khác, nhưng lại không thể soi sáng cho bản thân mình”. Điều này nhắc nhở cho chúng ta: học vấn là để thanh tịnh hóa thân tâm mình, đem lại lợi ích cho mọi người, đâu phải dùng nó làm hào quang cho bản thân và khinh chê, kiêu mạn đối với người khác.

Nếu có người keo kiệt không muốn cho đi, thì chúng ta thường trêu họ: “đồ nhỏ mọn, cho đến một cộng lông cũng không chịu bỏ ra!” Trong câu chuyện “tham lam vô độ, mọi người không yêu mến” có nhắc đến câu chuyện “một cộng lông cũng không chịu bỏ ra”, ngoài ra đức Phật còn dạy về mười yếu tố mà mọi người luôn ghét bỏ. Khi đọc giả xem xong câu chuyện trên thì trong lòng sẽ tự nhiên có được nụ cười an lành tâm hồn khai mở.

Còn trong câu chuyện “kẻ trộm mùi hương” nhắc đến một vị Tỳ kheo đi kinh hành quanh hồ sen, người thấy hương hoa sen trong lòng rất là hoan hỷ, nên người

thêm rất nhiều. Lúc đó, thần hồ trách vị Tỳ kheo ấy rằng: “thầy sao không ngồi thiền tĩnh tọa tu tập mà đến đây ngửi trộm mùi hương của tôi?” Vị thầy cảm thấy rất uất ức nhưng không cách nào giải thích được, giống như tú tài mà gặp nhà binh, biết là đúng nhưng không nói nên lời. Lúc đó, có một người khác lại nhảy xuống hồ quậy phá, không chỉ bẻ hoa mà còn đào bới luôn cả gốc rễ, sau đó bỏ đi; nhưng thần hồ lại không nói một tiếng nào. Vị thầy cảm thấy rất kì lạ, hỏi thần hồ: thế nguyên nhân cụ thể là gì mà như vậy? Thần hồ nhắc nhở vị thầy, người tu hành phải tự tôn, tự trọng thanh khiết chính mình, giống như người mặc áo trắng tinh, chỉ cần một vết mực đen, thì mọi người nhìn thấy rất rõ; giả sử có vi phạm một lỗi nhỏ như cọng tóc, nhưng dưới đôi mắt của mọi người nhìn thấy, thì nó trầm trọng như núi Thái Sơn. Vì thế, chúng ta cần phải đặc biệt cẩn trọng, không nên có một chút gì ô nhiễm, cũng không làm cho người khác hiểu lầm phê phán. Nên giữ gìn sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), điều không phải thì không nhìn, không nghe, không ngửi, không thương thức, không xúc chạm và không nghĩ ngợi.



Đừng có nghĩ rằng chỉ tham ngửi mùi hương nhiều hơn mà không có ảnh hưởng gì. Nên biết rằng: một khi cửa đã mở ra, thì bao nhiêu phiền não cũng dễ dàng phát khởi.

Trong truyện “Vị tiên nhẫn nhục” có ghi chép, xưa kia đức Phật Thích Ca lúc tu đạo Bồ tát, từng là một vị tiên tu hành nhẫn nhục được mọi người gọi vị tiên ấy là “vị tiên nhẫn nhục”. Vị tiên nhẫn nhục tuy bị vua Ca Lợi cắt đứt hai tay, hai chân, đôi tai và lỗ mũi, nhưng không khởi tâm sân hận, mà ngược lại còn phát nguyện nếu sau khi tu hành thành Phật thì trước tiên hóa độ quốc vương và ông nói với nhà vua: “Vua dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhiên nhẫn chịu. Sau khi ta thành Phật rồi, ta sẽ dùng dao chặt đứt nguoi. Nhưng ta sẽ không dùng con dao bình thường mà là dùng con dao trí tuệ; Không phải ta chặt đứt đi thân thể ông, mà ta sẽ dùng dao trí tuệ để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ông.” Nhà vua nghe như thế cảm động vô cùng, liền xin sám hối với vị tiên nhẫn nhục và thỉnh mời về cung thuyết pháp. Ngoại đạo thấy sự đăi ngộ đặc biệt của nhà vua đối với vị tiên

như thế, trong lòng sinh tâm đố kỵ, họ ản núp vào nơi bí mật, lén dùng đất đá phân uế ném vào vị tiên. Nhưng ông tiên không có nóng giận mà còn nói với họ: “Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng nước giáo pháp rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các ngươi, để các ngươi được mãi mãi trong sạch”.

Trong “Kinh La Vân nhẫn nhục” có nói đến, vào một ngày nọ Ngài Xá-lợi-phất và La-Hầu-la vào thành khất thực nhưng gặp phải một người xấu, người này cố ý bóc một nắm đất cát bỏ vào bình bát của Ngài Xá-lợi-phất và còn lấy đá chọi vào đầu của La-hầu-la, làm cho máu chảy đầy mặt. Ngài Xá-lợi-phất đem lời dạy của đức Phật an ủi La-hầu-la: “Bản thân là đệ tử Phật, phải cẩn thận, không được khởi lên niệm ác, mà nên dùng lòng từ bi để thương xót chúng sinh. Thế Tôn thường nói: ‘Người nào nhẫn nhục, người đó sẽ có được niềm an lạc thật sự bền vững. Và chỉ là người trí, mới có thể làm được.’” Sau đó thầy trò trở về tinh xá đem câu chuyện này thưa với đức Phật, được Ngài chỉ dạy: “nhẫn nhục là ngôi nhà an toàn nhất, là chiếc áo

giáp kiên cố, là thuốc lành trị được bệnh sâu hận. Tuy sức mạnh của Thiên thần, rồng voi rất lớn, nhưng không bằng sức mạnh của sự nhẫn nhục.” Người trí thật sự mới có đủ sức an nhiên nhẫn chịu chân chính, điều đó mới đem lại sự an lạc bền vững nhất. Nếu như phiền não của bản thân quá nặng, cũng không nên khởi tâm sâu hận đối với người khác. Còn nếu như đối với những người thanh tịnh mà có ác ý hủy báng họ, thì chính cũng giống như cầm đuốc mà đi ngược chiều gió, sẽ bị đốt cháy chính người cầm đuốc. Cũng giống như ngược mặt lên trời mà phun nước miếng, thì những thứ ô uế đó sẽ rơi vào chính gương mặt của mình. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có khi gặp phải sự hiểu lầm, chê trách hoặc đánh đập làm cho không thể nhẫn nhịn, thì hai câu chuyện “Vị Tiên Nhẫn Nhục” và “Kinh La Vân Nhẫn Nhục” đáng để chúng ta tham khảo.

Còn câu chuyện “Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử” là nói đến người ngu si không biết chánh pháp sẽ đọa vào sáu cõi luân hồi, không biết đến

bao giờ mới xuất ly Ta bà đạt được giải thoát, vì thế khẳng định “người ngu si khó thoát khỏi con đường sinh tử”. Trong câu chuyện có một người đến thưa đức Phật: “trong tương lai có bao nhiêu người thành Phật?” Đức Phật dạy: “trong tương lai người thành Phật có số nhiều như số cát sông Hằng.” Sau đó người này nghĩ: “vì tương lai còn có rất nhiều Phật như vậy thì ta còn nhiều cơ hội, không vội vàng gì cả!” Nhưng khi đi về được vài bước thì đột nhiên nghĩ:

“Ta chỉ thưa hỏi tương lai có bao nhiêu người thành Phật, mà quên chưa hỏi về quá khứ đã có bao nhiêu vị thành Phật rồi?” Vì thế, ông khẩn trương trở lại thưa đức Phật và nhận được câu trả lời: “quá khứ cũng có số người thành Phật nhiều như số cát sông Hằng.” Người này có thiện căn sâu dày, nên liền tỉnh giác: “Những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao mình vẫn không gặp; hoặc cũng đã từng gặp, nhưng tại sao mình vẫn luân hồi trong tam giới lục đạo? Nếu như hiện tại không nắm bắt cơ hội này tinh tấn tu hành thì đợi đến lúc nào nữa đây?”

Vào thời đại đức Phật, có không ít người xuất gia với trí tuệ cao siêu phản ứng mãnh liệt, nhưng cũng có một số ít vị với tư chất ngu đần, như Ngài Châu Lợi Bàn Đạc. Ông được đức Phật và 500 vị A La Hán giáo hóa giảng dạy trong ba năm nhưng một bài kệ ông cũng không nhớ nổi. Nhưng sau đó Ông được giác ngộ chứng quả A-la-hán, nếu chúng ta muốn biết nguyên nhân trong đó như thế nào thì xin xem bài “quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành thì đứng đầu”.

Ngoài ra trong tác phẩm còn có những câu chuyện với hàm ý thâm thúy nội dung phong phú, xin mời quý độc giả tự mình thể nghiệm.

*Phật học viện Phúc Nghiêm, ngày 03,  
tháng 01, năm 2016.*

# Mục lục

● ...Lời ngỏ .....	3
● ...Người Kiêu Căng Ngạo Mạn Như Người Mù Cầm Đuốc .....	13
● ...Mưa Nhiều Đúng Lúc Cho Ngũ Cốc Tốt Tươi .....	19
● ...Tham Lam Vô Độ, Mọi Người Không Yêu Mến.....	27
● ...Phóng túng cuồng loạn không gì hơn tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ nó .....	36
● ...Phật Dùng Ví Dụ Giáo Huấn La Vân Không Nói Dối.....	48
● ...Kẻ trộm hương .....	59
● ...Vị tiên nhẫn nhục .....	66
● ...Kinh La Vân nhẫn nhục .....	78
● ...Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử ....	91
● ...Thân người khó được, như con rùa mù chui vào lỗ của miếng gỗ trôi .....	102
● ...Muốn thoát cái khổ thân này, nên mong cầu tịch tĩnh .....	109
● ...Kỳ Dạ Đa đuổi rồng ác, nghe nỗi khổ về sự sống lâu của ngựa quý .....	118
● ...Nhân duyên Úc Nhĩ vào thành ngựa quý tìm nước .....	127
● ...Đòi trước đòi sau, nghiệp quả kế thừa tiếp nối.....	136
● ...Nhân duyên của Tỳ kheo Hàng Long(Phần1).....	149
● ...Nhân Duyên của Tỳ Kheo Hàng Long (Phần2).....	166

- ...Quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành  
thì đứng đầu ..... 180
- ...Truyện Bồ tát Long Thọ..... 189

## Người Kiêu Căng Ngạo Mạn Như Người Mù Cầm Đuốc

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích từ trang 578c đến trang 579a, tập thứ tư của “Đại Chánh Tạng” trong quyển “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Đa Văn”.

Trước đây, đức Phật giảng pháp cho bốn chúng gồm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sỹ và nữ cư sỹ tại tịnh xá Mỹ Âm nước Câu-Thiểm-Di. Khi đó có một vị tu hành theo đạo Bà La Môn có kiến thức uyên bác, tinh thông vạn sự, đọc thông các loại kinh điển và am tường mọi chuyện trên thế gian. Nhưng người này rất kiêu căng ngạo mạn, tự cho rằng thiên hạ không ai bằng mình và luôn tìm kiếm đối thủ để so tài ở bất kỳ nơi đâu. Và cũng không ai dám đứng ra để đáp lại thách thức của anh ta.

Vào ban ngày, vị Bà La Môn này thường hay cầm đuốc đi giữa thành phố. Có người hỏi: “Tại sao giữa ban ngày lại phải cầm đuốc”?



Vị Bà La Môn ấy trả lời: “Người trên thế gian dốt nát và ngu muội quá, không nhìn thấy cái gì, cho nên ta phải cầm đuốc để soi sáng cho họ!”. Cứ như thế, anh ta đi khắp thế gian mà không ai dám đứng ra tranh luận cùng.

Đức Phật biết rằng vị Bà La Môn này kiếp trước thiện căn phúc đức đã chín muồi, có thể giáo hóa; nhưng do kiêu căng ngạo mạn, mua danh chuộc tiếng, không suy nghĩ về vô thường, mà tự phụ, phóng túng ngạo mạn. Nếu cứ tiếp tục như thế sẽ bị đọa vào địa ngục Thái Sơn, trải qua vô số đau khổ, lúc đó có muốn được cứu thoát, thì ngày đó e rằng cũng còn rất xa.

Thế là, Đức Phật bèn hóa thành một vị hiền triết, ngồi ở quán trong chợ, đợi khi vị Bà La Môn này đi qua, Ngài liền hỏi: “Tại sao ngươi muốn làm như thế”?

Vị Bà La Môn trả lời: “Vì chúng sanh trên thế gian đều ngu muội, bất kể là ngày hay đêm đều không nhìn thấy ánh sáng, nhìn không rõ chân tướng của sự việc, cho nên ta cầm đuốc để soi sáng cho mọi người”!

Vị hiền triết lại hỏi: “Trong kinh có 4 loại minh pháp, ngươi biết không”?

Vị Bà La Môn trả lời: “Không biết. Thế cuối cùng là có 4 loại minh pháp gì”?

Vị hiền triết nói: “4 loại minh pháp này gồm: Thứ nhất phải thông hiểu thiên văn, địa lý, biết về sự điều hòa giữa bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông; Thứ hai: Phải hiểu về chiêm tinh học, có thể phân biệt ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Thứ ba: phải hiểu về phương pháp trị vì đất nước, giáo dục dân chúng, phải có phương kế lãnh đạo; Thứ tư: phải hiểu được cách thức dùng binh, bảo vệ biên cương vững chắc. Người là người Bà La Môn, vậy có biết đến 4 loại minh pháp này không”?

Vị Bà La Môn trong lòng cảm thấy vô cùng xấu hổ, tự cảm thấy thua kém, liền ném đuốc xuống đất, cung kính chấp tay sám hối trước đức Phật.

Đức Phật biết vị Bà La Môn này tâm ý tốt, nên biến trở lại thành Phật, tướng mạo trang nghiêm phổ chiếu ánh hào quang và dùng Phạm âm thanh tịnh mà nói với vị Bà La Môn rằng: “Chắc người đã nghe nói, tự cao, tự đại cũng giống như cây nến, chỉ có thể chiếu sáng người khác mà không thể chiếu sáng cho bản thân”.

Ý nghĩa của câu kệ trên là:

“Cho dù bạn có uyên bác thế nào, nhưng nếu tự kiêu tự đại và xem thường người khác, cũng giống như một người mù cầm nến, cho dù có thể chiếu sáng cho người khác, nhưng lại không thể soi sáng cho bản thân mình”.

Đức Phật nói: “Trên thế gian cũng không có ai dốt nát và ngu si hơn người, đó là cầm đuốc đi trong thành giữa ban ngày. Thực ra những điều người biết, chẳng qua cũng chỉ là hạt bụi nhỏ mà thôi”!

Vị Bà La Môn sau khi nghe giảng xong, cảm thấy xấu hổ không để đâu cho hết. Sau đó, ông ta liền đánh lễ với Đức Phật và nguyện làm đệ tử của Người.

Đức Phật rất từ bi nên đã thu nhận anh ta làm đệ tử. Lúc này Sa môn tâm khai ý giải, chấm dứt vọng niệm và đắc quả A la Hán.

Câu chuyện trên đáng để chúng ta cảnh tỉnh:

Việc học tập, nghiên cứu triết lý là dùng để tịnh hóa tâm thân, có lợi cho mọi người, chứ không phải dùng điều đó để khoác lác, ngạo mạn, khinh thường người khác!

Đạo sư Ấn Thuận khuyên chúng ta rằng: “Cần sử dụng học vấn, chứ không để bị học vấn sử dụng mình. Học vì muốn thanh tịnh tâm mình, học vì muốn giúp cho người khác, chứ không phải là thứ học vấn thông thường.

Nếu chỉ tích lũy kiến thức, mà không suy nghĩ, có hành vi phản tỉnh, (bỏ) lại chính mình, không thay đổi tính khí của bản thân, nhiều lắm thì cũng chỉ trở thành học giả, chứ không thể trở thành thánh nhân. Chúng ta đừng lầm lẫn xem học giả như là thánh nhân. Chúng ta đã học được thì phải đem ra dùng, cũng giống như con tằm ăn lá dâu thì phải nhả tơ. Nếu tằm ăn lá dâu, mà lại cũng nhả ra lá dâu, thế thì còn tác dụng gì? Cho nên, nếu chỉ là học và nhớ, thì cũng chỉ là “trí tuệ bẩm sinh” thông thường mà thôi. Phải tin tưởng nhân quả, phải tin tưởng không hoài nghi đối với Tam Bảo, Tứ Đế, Duyên khởi, Vô ngã, Thánh Đạo, mới có thể có được quyết tâm giải thoát. Như vậy mới là “do học hỏi mà sinh trí tuệ” như Phật giáo đã nêu.

Trong kinh luận cũng nhắc tới: “Nếu chỉ có sự nhận thức thông thường, không có sự tin tưởng thanh tịnh,

như vậy là có tri thức mà không niềm tin, chỉ càng khiến tà kiến tăng thêm. Còn nếu có niềm tin nhưng không có tri thức, thì lại càng thêm dốt nát.” Cho nên, hy vọng mọi người tiếp cận với bậc thiện tri thức, nghe chính pháp, tư duy theo chân lý, rồi thực hành theo pháp, để có thể tịnh tâm, giải thoát chính mình, và cũng khiến chúng sinh có thể đạt được sự giải thoát.

Những điều trên xin được chia sẻ cùng quý vị!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 8 tháng 6 năm 2013*

## Mưa Nhiều Đúng Lúc Cho Ngũ Cốc Tốt Tươi

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi xin chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích từ trang 225a~b trong “Đại Trí Độ Luận”, tập 25 của “Đại Chánh Tạng”.

Khi Phật sống tại Xá Vệ Quốc, có khoảng thời gian thường đến nhà của Bà La Môn Đỏa-thệ để khát thực. Ban đầu vị Bà La Môn cũng cho Ngài, nhưng sau vài lần thì trong lòng của người này cảm thấy không vui. Ông thầm nghĩ rằng: “Vị tu sỹ này tại sao thường tìm đến nhà của ta? Hình như tôi thiếu nợ ông ấy rất nhiều vậy”?

Đức Phật hiểu điều ông nghĩ, đã khéo léo nói hai bài kệ như sau:

“Mưa rơi nhiều đúng lúc cho ngũ cốc tốt tươi. Làm phúc thường xuyên, sẽ luôn nhận phúc báo”. Chữ “nhiều” có nghĩa là thêm một lần, thường xuyên. Tức mưa nhiều thì ngũ cốc tốt tươi và cho thu hoạch sản lượng cao; thường xuyên làm phúc thì mới nhận được

phúc báo.

(Ý của đức Phật là: Bạn đừng nghĩ rằng tôi đến đây để đòi nợ bạn! Nếu bạn muốn thu hoạch nhiều ngũ cốc, thì một hai giọt mưa ấy đã đủ chưa? Không phải như thế! Phải thường xuyên có mưa đúng lúc thì mới được! Bạn đã bố thí một lần, thì sẽ được báo phúc một lần; thường xuyên bố thí thì sẽ được nhiều phúc báo. Tôi đến đây khát thực nhà bạn, tức là cho bạn cơ hội để làm phước, đừng cho rằng tôi đến đòi nợ, cho nên cần phải vui mừng vì được bố thí.).

Đức Phật lại nói: “nhiều lần sinh ắt nhiều lần tử; Thánh pháp đạt được nhiều thì còn ai chịu nhiều sinh tử?”

Là con người nhất định ai cũng sẽ phải chết, lại đến Tam giới thọ sinh và lại chết. Tức khi làm bố thí sẽ đạt được phúc lạc ở trần gian, nhưng cũng vẫn ở trong sự luân hồi sinh tử của tam giới như cũ; Do đó việc tu phúc đức vẫn chưa đủ, cần phải tu trí tuệ. Nếu thường xuyên tu theo Thánh đạo, một khi đã đạt rồi, thì hỏi: còn có ai phải quay về sự luân hồi sinh tử trong ba cõi Ta Bà mãi nữa.

Vị Bà La Môn sau khi nghe bài kệ của đức Phật, trong lòng nghĩ rằng: “Ngài quả là bậc Thánh nhân. Trong lòng tôi đang nghĩ gì, Ngài đều biết rõ.” Vị Bà La Môn cảm thấy xấu hổ, liền cầm bát của đức Phật vào trong phòng, múc đầy bát thực phẩm cho đức Phật.

Nhưng đức Phật không nhận và nói: “Sau khi ta đọc xong bài kệ thì mới có được số thực phẩm này. Hôm nay tôi không ăn thức ăn của người nữa! Nếu muốn cúng dường ta thì để sau này hãy tính.”

Vị Bà La Môn cảm thấy bối rối, liền hỏi đức Phật: “Thế số thực phẩm tôi đã chuẩn bị ra đây thì cho ai?”

Đức Phật nói rằng: “Ta chưa từng nhìn thấy trời hay người có thể tiêu thụ số thực phẩm này. Người hãy mang nó để ở nơi không có cỏ dại mọc, hoặc để ở nơi nước không có sâu bọ vi trùng.”

Vị Bà La Môn làm theo lời Phật dạy, đem thực phẩm bỏ vào trong nước không có sâu bọ vi trùng. Kết quả là nước liền sôi và bốc khói, giống như bỏ vào trong chảo sắt nóng.

Vị Bà La Môn thấy thế thì vô cùng kinh ngạc, ông nói: “Từ trước tới nay chưa nhìn thấy việc này bao giờ,



quả thật hiếm có thể xảy ra! Thực phẩm lại có thể biến hóa thần thông như thế, thần lực của đức Phật quả thật là không thể tưởng tượng!”

Vị Bà La Môn về đến nơi đức Phật ở liền đánh lễ ăn năn với Ngài và hy vọng Ngài cho phép xuất gia thọ giới.

Đức Phật liền nói: “Được, những điều tốt đẹp sẽ đến với Tỳ kheo.” Lúc này, vị Bà La Môn bèn tự xuống tóc để trở thành Sa môn, sau đó dần dần đoạn hết phiền não và đạt được La Hán quả.

Câu chuyện này cũng có trong Kinh số 80 trong quyển “Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm”, nhưng có chút khác biệt nhỏ:

Đức Phật thường đến nhà vị Bà La Môn này khát thực. Ban đầu vị Bà La Môn thường cho Thế Tôn bát cơm rất đầy. Rồi ngày thứ 2, thứ 3, Thế Tôn lại đến xin cơm nhà ông ấy. Vị Bà La Môn trong đầu nghĩ rằng: “Ồ, vị Sa Môn đầu cạo hết tóc này đã nhiều lần đến xin ăn rồi, lại còn tự cho mình là bạn cũ của ta nữa.”

Đức Phật lập tức biết ngay ý nghĩ trong đầu của vị Bà La Môn và đã đọc một bài kệ có ý nghĩa tạm dịch

như sau:

“Trời thường mưa kịp thời, ngũ cốc mới phát triển xanh tốt; Người tu hành cứ đến khát thực hết lần này đến lần khác thì thí chủ mới có cơ hội để bố thí.”

Tu theo cách bố thí sẽ cảm nhận được phúc lạc trên thế gian, sống trên đời cũng sẽ cảm nhận được phúc báo. Giống như người phụ nữ mang thai lần này và lần khác, cứ thế lần lượt sinh con. (Đối với người đời thì có con tức là có người nối dõi, đời đời tiếp nối!)

Phải vất vả bỏ hết lần này đến lần khác thì mới có thể làm thành phôi mai nhiều lần được. Lại đầu thai một lần nữa thì sẽ chết thêm một lần nữa. Một lần sinh là một lần tử, tức lại thêm một lần ưu phiền đau khổ. Và rồi những thân người lại lần lượt bị hỏa táng, lần lượt bị chôn dưới nấm mồ.

Chỉ có tu hành chăm chỉ, đoạn tuyệt phiền não mới được giải thoát, mới chấm dứt luân hồi: Không cần phải đầu thai trên cõi đời, cũng không bị chết thêm một lần nữa, không phải muộn phiền, cũng không cần phải đau khóc hết lần này đến lần khác.

Phần sau của câu chuyện đều giống nhau. Có mấy

điểm để chúng ta phải suy nghĩ: Nếu những người xuất gia như chúng ta thường khát thực từ người khác, khi nghe thấy họ nói: “Cậu lại đến đòi nợ rồi!” Chúng ta sẽ không biết phải làm sao cho tiện. Nhưng, bằng hai bài kệ, đức Phật đã khéo léo giải đáp những nghi hoặc trong lòng của vị Bà La Môn.

Trước hết, đức Phật đã chỉnh lại quan điểm của vị Bà La Môn, làm cho ông ấy từ trạng thái nghĩ rằng khát thực tức là đến đòi nợ chuyển thành việc bố thí một cách trân trọng, vui vẻ, và đồng nghĩa với việc đang gieo mầm hạnh phúc.

Tiếp theo, đức Phật nói rằng chỉ có phúc đức vẫn chưa đủ, còn phải tu theo cách trí tuệ để đoạn tuyệt đau khổ, mới có thể được giải thoát. Như vậy mới có thể không cần phải đầu thai trong cõi sinh tử luân hồi. Vị Bà La Môn này cũng có thiện căn, nên lập tức muốn theo Phật tu học theo cách trí tuệ và nguyện đi tu, để nắm chặt lấy nhân duyên tốt này.

“Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm” cũng nhắc đến “việc hết lần này đến lần khác sinh ra trên đời này”, “phụ nữ mang thai lần này và lần khác” và “vắt sữa bò hết lần

này đến lần khác”, điều này có thể để biểu đạt việc tu bố thí cũng có thể đạt được hạnh phúc vui vẻ. Nếu như bố thí nhưng không thanh tịnh, thì có thể sẽ đầu thai vào kiếp súc vật.

Người đời thường cho rằng “nhiều con nhiều cháu nhiều phước phần”. Nhưng nếu con cháu bất hiếu, thì sẽ là “nhiều con nhiều cháu nhiều phiền muộn.”

Câu chuyện này còn có điểm chúng ta cần chú ý: thường xuyên xuất hiện từ “lần này lần nữa”, có nghĩa là thường xuyên, nhiều lần, như vậy chúng ta phải tu trí tuệ, cũng cần phải thường xuyên lập đi lập lại việc tu tập mới được!” Chúng ta nghe Phật pháp lần này rồi lần nữa, cũng luôn khắc ghi trong lòng hết lần này rồi lần nữa. Kinh điển Phật cũng thường nói “thực tập nhiều sẽ thành thói quen”, thường xuyên thực hành điều thiện, thì cũng sẽ có những thói quen tốt.

Cũng giống như vậy, nếu thường xuyên làm điều ác, thì cũng sẽ trở thành thói quen ác. Cho nên, chúng ta phải tránh tạo nghiệp thì mới có thể tránh được sinh tử luân hồi.

Thông thường, con người khó tự nhận biết khuyết

điểm của mình, và cũng không có kiên trì, quyết tâm trong việc sửa đổi. Thực ra, biết sai và có thể sửa thì cần phải kiên định, chứ không được sai phạm hết lần này đến lần khác cùng một lỗi, rồi sẽ lại gặp phải đau khổ hết lần này đến lần khác...

*Phúc Nghiêm, lớp Giáo dục mở rộng,  
ngày 20 tháng 4 năm 2013*

## Tham Lam Vô Độ, Mọi Người Không Yêu Mến

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích ở trang 277a~c trong “Ma Ha Tăng Kỳ Luật”, tập 22 của “Đại Chánh Tạng”.

Đức Phật nói với vị Tỳ kheo quản lý các sự việc nội bộ rằng: “Trước đây, có vị tỳ kheo tên là Bạt-Cụ ngồi tu thiền trong rừng cây. Khi ấy trong khu rừng này có rất nhiều chim. Mỗi buổi bình minh và khi hoàng hôn xuống, chúng lại hót líu lo huyên náo cả khu rừng, điều đó đã làm phiền vị tỳ kheo này.

Lúc đó, vị tỳ kheo đến nơi đức Phật ở, sau khi đánh lễ thì ngồi sang một bên ở phía sau.

Đức Phật liền hỏi thăm vị tỳ kheo ngồi tu trong rừng ấy rằng: “Ngươi có đỡ bệnh và ít buồn phiền hơn không? Sống trong rừng có vui không?”

Vị tỳ kheo trả lời đức Phật rằng: “Đỡ bệnh và ít buồn phiền hơn, ở trong rừng cũng vui, chỉ có điều mỗi lúc bình minh lên và hoàng hôn xuống, thường bị tiếng

chim hót làm mất tập trung, không thể tư duy tu thiền định được.”

Đức Phật nói với tỳ kheo: “Ngươi muốn đàn chim ấy không đến quấy rầy nữa phải không?”

Vị tỳ kheo thưa rằng: “Dạ thưa đức Phật, đúng vậy ạ.”

Đức Phật liền nói: “Tỳ kheo này, thế thì cứ mỗi lúc hoàng hôn khi đàn chim bay tới, ngươi hãy xin chúng mỗi con một cái lông; và mỗi khi bình minh lên, chúng bay đi, ngươi cũng làm như thế.”

Vị tỳ kheo thưa với đức Phật: “Dạ được ạ.” Vị tỳ kheo lại trở về khu rừng để tu thiền. Đợi đến chiều tối, khi bầy chim bay về tụ tập hót ồn ào, vị tỳ kheo nói với chúng rằng: “Này các bạn chim, tôi muốn xin mỗi bạn một cái lông, tôi có việc cần dùng tới nó ngay.”

Lúc này, bầy chim vốn đang ồn áo huyên náo ngay lập tức im lặng. Lũ chim thực sự chẳng muốn cho, nhưng lại sợ tỳ kheo nói rằng: “Bầy chim này sao keo kiệt, chỉ có một cái lông cũng không cho!”. Chẳng còn cách nào khác, chúng đành nhả mỗi con một cái lông rồi thả xuống đất. Đến sáng sớm hôm sau, tỳ kheo lại

xin như thế.

Cứ như vậy, bầy chim chịu không được! Chúng bèn di dời đi nơi khác và ở đó một tối, nhưng cũng không thích nơi đó nên lại bay về.

Khi đó, Tỳ kheo lại tiếp tục xin, mỗi chú chim đã nhả một cái lông của mình cho vị Tỳ kheo mà chẳng vui chút nào.

Bầy chim nghĩ rằng: “Vị Sa Môn này kỳ lạ! Cứ thích xin, sao lại cứ xin mãi lông của chúng ta? Nếu cứ tiếp tục như thế, e rằng sau này lông của chúng ta sẽ bị nhả sạch, chỉ còn trần trụi lại một cục thịt lăn trên mặt đất thôi, vậy thì làm sao mà bay được chứ!” Thế là, cả bầy bàn luận: “Vị tỳ kheo này xem ra sẽ ở trong rừng lâu dài, vậy chúng ta nên mau chóng rời khỏi đây, tìm một nơi khác nghỉ chân. Nếu không thích hợp thì chúng ta lại quay về.”.

Đức Phật nói với các tỳ kheo rằng: “Loài chim đều ghét việc thường bị xin, huống hồ là con người! Các vị tỳ kheo thân mến, đừng nên vì cuộc sống hay vì công việc và có lòng tham xin xỏ vô độ, như thế sẽ làm cho các vị Bà La Môn và các cư sỹ vốn có lòng tin đã phải



sốt ruột đau khổ khi lấy tài sản của mình ra để cung cấp cho sa môn, nào là quần áo, thực phẩm, chăn chiếu và thuốc men.”.

Các tỳ kheo thưa với đức Phật: “Thưa Thế Tôn, tại sao vị tỳ kheo trong rừng lại có bản tính yếu đuối và dễ bị lung lay, hay sợ hãi, và ghét tiếng chim kêu như thế”?

Đức Phật trả lời rằng: “Vị tỳ kheo ở trong rừng này không những kiếp này yếu đuối, mà kiếp trước cũng như thế.”.

Các tỳ kheo lại hỏi: “Trước đây cũng từng như vậy sao?”.

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Trước kia có một con voi to khỏe sống ở trong rừng hoang vắng. Khi trời nổi giông tố, gió lớn làm cây cối gãy đổ, con voi nghe tiếng cây đổ sợ hãi chạy loạn xạ. Khó khăn lắm mới bình tâm lại một chút, dùng dưới gốc cây nghỉ ngơi, không ngờ cái cây đó lại tiếp tục bị gió làm gãy, con voi sợ hãi lại chạy loạn cả lên.

Lúc ấy, vị thiên nhân nhìn thấy voi hoang mang chạy, liền nghĩ: “Tại sao con voi to như vậy đột nhiên

lại chạy loạn xạ lên như thế?” Thế là liền đọc một đoạn kệ có đại ý như sau:

“Gió bão nổi lên, bẻ gãy cái cây, con voi sợ quá chạy khắp nơi; Nếu trên thế giới này nơi nào cũng có gió bão như vậy, thì lúc đó voi làm gì có chỗ nào để núp?”

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Khi ấy con voi đó, kiếp hiện tại là vị tỳ kheo tu hành trong rừng bấy giờ.”

Đức Phật lại nói với vị tỳ kheo quản lý các sự việc nội bộ: “Trước đây có 500 vị tiên cùng sống tại núi tuyết. Có một vị tiên sống ở riêng một nơi, nơi đó có suối nước đẹp, hoa nở rất nhiều. Cách đó không xa có đầm Tát-la. Một con rồng sống ở đó. Rồng thấy sự uy nghi rất an lành và trang nghiêm của vị tiên nên nảy sinh tình cảm mến mộ trong lòng.

Lúc này, con rồng đến trước mặt của vị tiên, ngay lúc vị tiên đang ngồi thiền. Rồng liền quấn thân mình thành 7 vòng quanh người tiên, lại còn dùng cái đầu của mình che lên đầu của vị tiên. Hằng ngày đều làm như thế, chỉ khi ăn cơm mới không đến.

Vị tiên bị rồng quấn quanh người, cho nên cả

ngày đêm chỉ biết ngồi ngay ngắn, không được nghỉ ngơi, sức khỏe ngày càng yếu, lại bị lở loét rất nhiều.

Khi đó, có người sống ở gần đó muốn phụng dưỡng vị tiên, đến gần nơi tiên ở thì nhìn thấy sức khỏe của vị tiên rất yếu, lại còn bị lở loét nên mới hỏi vị tiên rằng: “Ông làm sao vậy? Tại sao lại ra nông nỗi này?”

Vị tiên liền nói rõ tình trạng trước đây.

Người đó liền nói: “Vậy ông có muốn con rồng đó không đến đây nữa không?”

Vị tiên nói: “Đương nhiên là muốn.”

Người đó lại hỏi vị tiên: “Con rồng ấy có thứ gì đặc biệt yêu thích không?”

Vị tiên trả lời rằng: “Trên cổ của rồng có một hạt ngọc quý.”

Người đó nói với vị tiên rằng: “Ông hãy xin con rồng viên ngọc quý ấy. Con rồng vốn rất keo kiệt, nhất định sẽ không cho ông đâu, như thế có thể làm cho nó không đến đây nữa.” Nói xong người đó liền ra đi. Không lâu sau, con rồng đó lại đến. Vị tiên xin nó viên ngọc. Rồng vừa nghe thấy vị tiên xin viên ngọc, trong lòng không vui, bèn từ từ bỏ đi.

Cách một ngày sau, rồng lại đến, chưa kịp đến gần vị tiên, mới ở xa xa, vị tiên nhìn thấy nó và đã đọc to bài kệ, đại ý như sau:

“Viên ngọc tỏa ánh hào quang, mong rằng sẽ càng tôn lên vẻ nghiêm trang quý phái; Nếu rồng có thể cho tôi, thì mới đúng là người bạn thân!”

Lúc này, rồng lập tức có bài kệ đáp lại, đại ý như sau: “Tôi sợ mất đi viên ngọc quý này, giống như sợ cầm cây gậy đánh tôi vậy. Tôi sẽ không cho ông viên ngọc quý đâu, tôi cũng sẽ không đến thăm ông nữa!

Vì tất cả những đồ ăn ngon và báu vật đều từ viên ngọc quý này mà ra; nếu tôi cho ông, như vậy thức ăn ngon và báu vật sẽ không từ đâu biến ra được. Đó là viên ngọc vô cùng quý giá mà tôi không thể rời xa nó, tại sao ông lại có ý nghĩ nhất định xin được viên ngọc quý này? Sự tham lam quá độ đã làm cho người bạn thân yêu quý ông nhất rời xa ông, sau này tôi sẽ không bao giờ đến nữa.”

Khi ấy, thiên nhân trên không trung nhìn thấy tình cảnh ấy bèn có bài kệ đại ý như sau: “Tại sao lại có sự thù ghét, coi thường? Đó là do sự tham lam quá độ; Vì

vị tiên ấy đã giả vờ tỏ lòng tham khiến cho rồng vội lặn vào trong nước để xa lánh.”

Đức Phật nói với vị tỳ kheo quản lý rằng: “Rồng là loài vật, cũng ghét cảnh bị xin quá mức, hưởng hô gì con người! Là tỳ kheo, các người chớ có vì việc công mà đi xin theo cách tham lam quá độ, như vậy sẽ làm cho các vị Bà La Môn và sư sãi có lòng tin phải cung cấp cho sa môn nào quần áo, lương thực, giường chiếu và thuốc men, khiến cho họ không vui khi buộc phải chia sẻ tài sản của mình.”

Đức Phật cảnh giới các tỳ kheo rằng: “Có 10 việc mà mọi người chán ghét. 10 việc ấy là gì? Một là bình thường chẳng quan tâm đến người khác, cũng không giao lưu với ai. Hai là không thích tĩnh lặng, giao lưu với người khác quá thường xuyên; Ba là vì lợi ích cá nhân mới tạo dựng mối quan hệ; Bốn là việc đáng yêu thích lại không đam mê, ví dụ như giữ giới luật, tu thiền định, đọc kinh, nghiên cứu kinh điển... những việc trên đáng lẽ ra phải yêu thích nhưng lại không yêu thích; Năm là không đáng yêu thích thì lại yêu thích, ví dụ như các thứ hảo danh, sắc đẹp, tỵ kiêu, ngạo mạn……;”

Sáu là người khác với ý tốt muốn khuyên ngăn, nói thẳng với họ, nhưng họ lại không muốn nghe; Bảy là hay lo chuyện bao đồng, thích can thiệp chuyện của người khác; Tám là không nghiêm khắc, không đạo đức mà lại xem thường người khác, không những không học tập người khác mà còn có thái độ bôi nhọ người khác; Chín là thích nói xấu sau lưng người khác; Mười là có lòng tham vô đáy. Trên đây là 10 việc mà mọi người đều không thích, do vậy chúng ta cần tránh xa.”

Câu chuyện trên khiến chúng ta phải suy nghĩ về chính mình. 10 việc mà mọi người không thích trên, chúng ta đã phạm phải mấy điều? Hy vọng mọi người không tham lam quá, phải biết hài lòng với giản đơn và an lạc, sáu căn trong sáng, đồng thời vui vẻ chấp nhận lời khuyên của người khác, quan tâm đến mọi người và lợi ích của mọi người bằng lòng từ bi phúc hậu.

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 7 tháng 12 năm 2013*

## **Phóng túng cuồng loạn không gì hơn tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ nó**

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ trang 306c đến trang 307b của “Kinh Đại Trang Nghiêm Luận”, thuộc “Đại Chánh Tạng” tập 04.

Trong kinh thường nói: “phóng túng cuồng loạn không gì hơn sự tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ tham dục.”

Cũng từng nghe nói, trước đây khi Thế Tôn tu hành đạo Bồ Tát, lúc đó trên thế gian chưa có Tam Bảo, cũng chưa có đức Phật và thánh hiền.

Khi ấy, có vị vua tên là Quang Minh. Ông cưới một con voi đã được huấn luyện đi chu du khắp nơi. Đi theo vua có rất nhiều tiền vệ, hậu vệ và đội ngũ nghệ nhân múa hát. Khi đến một nơi gập ghềnh nguy hiểm trên núi.

Con voi đực mà vua cưới từ xa đã nhìn thấy một

con voi cái, đột nhiên lòng ham muốn dục vọng trong nó trỗi dậy, thế là nó la hét và chạy loạn xạ. Giống như những đám mây đen bay tán loạn khi gặp cuồng phong. Nó không còn để ý đến thế núi gập ghềnh hiểm trở, chỉ muốn chạy thẳng về phía con voi cái kia.

Người huấn luyện voi đã nghĩ hết mọi cách, dùng các loại roi sắt đánh rất mạnh, nhưng cũng không sao ngăn nó lại.

Lúc này, vua Quang Minh vô cùng hoảng sợ, thầm nghĩ: “Dùng roi sắt đánh thật mạnh, thật đau cũng không sao ngăn được voi đực, giống như đệ tử ngoan cố không thể thuận theo sự giáo huấn của thầy cô.

Voi đực vẫn tiếp tục tăng tốc chạy thẳng về phía voi cái, vua vừa hoảng loạn vừa sợ hãi, trong lòng vô cùng đau khổ, nghĩ rằng lần này chắc chết thật rồi. Nghĩ vậy, ông nói bài kệ đại ý như sau:

“Tôi ngồi trên lưng voi cảm nhận được trời đất đang xoay vần, giống như nhìn thấy bầu trời đang chấn động, bốn bề đang rung chuyển với tốc khủng khiếp, mọi thứ đều muốn lao vào tôi; Lại nhìn thấy trái đất cũng đang xoay, giống như cái bánh xe đang quay vậy.



Con voi đang chạy rất nhanh, làm tôi lại nhìn thấy hình như quả núi đang di chuyển, cùng tất cả các ngọn núi, dòng sông, con suối cũng đang chạy theo.

Những cành cây ven đường đã làm thân tôi đầy thương tích, vốn cảm thấy rất sợ hãi nên nguyện cầu thần núi hãy bảo vệ cho tôi được bình an vô sự.

Cho dù đã dùng roi sắt đánh voi, nhưng nó vì dục vọng đã trở nên vô cùng háo hức mà không còn cảm thấy đau đớn. Con voi chạy nhanh như gió.

Roi phạt đã làm tôi bị thương, lại bị đá rơi trúng, đầu tóc rối bời, người dính bụi vô cùng dơ bẩn, ngay cả quần áo cũng rách tả tơi, vòng và dây chuyền ngọc đều bị đứt vỡ rơi vương vãi.”

Lúc này, nhà vua nói với người huấn luyện voi rằng: “Xem ra, không thể giữ được tính mạng của trẫm rồi!”. Và vua lại đọc một bài kệ đại ý như sau:

“Ông phải nghĩ ra cách nào không chế con voi để nó đứng lại. Giờ đây, sinh mạng trẫm như ngàn cân treo sợi tóc, lúc lên cao, lúc xuống thấp và có thể rơi xuống thiệt mạng bất kỳ lúc nào.”

Lúc này, người huấn luyện voi đã dồn hết sức để

đánh con voi, nhưng vẫn không không chế được nó. Người huấn luyện voi than thở, cảm thấy xấu hổ, nước mắt lưng tròng, không dám nhìn thẳng về phía nhà vua mà nói rằng: “Đại vương, bây giờ tôi phải làm sao?” Người huấn luyện voi cũng đọc bài kệ đại ý như sau:

“Tôi đã nỗ lực đọc những câu thần chú của các vị tiên xưa từng nói với voi, hơn nữa cũng đã dùng roi sắt với lực rất mạnh, nhưng vẫn không thể không chế được con voi này.

Cũng giống như khi con người sắp chết, tức đã dùng hết các câu thần chú và bài thuốc thần kỳ, nhưng bệnh tình thực sự quá nặng, vượt qua cả giới hạn, thì cho dù dùng tất cả các loại linh đơn và bài thuốc thần kỳ thì cũng không thể cứu được, buộc phải chết!”

Nhà vua liền nói với người huấn luyện voi rằng: “Bây giờ trầm ở vào hoàn cảnh này, không biết phải làm sao?”

Người huấn luyện voi thưa với vua: “Không còn cách nào khác rồi, chỉ có cách là thử nắm các cành cây dọc đường đi.”

Quốc vương vừa nghe thế, liền đưa tay ra với nắm

lấy cành cây thật chặt, và voi đực vẫn tiếp tục chạy điên cuồng đuổi theo voi cái.

Sau khi voi đực chạy đi, nhóm người ngựa tháp tùng ấy mới đến được nơi của vua, và vị vua Quang Minh cũng từ từ đi về phía họ.

Sau đó, người huấn luyện voi lần theo dấu vết của voi, trải qua nhiều ngày, cuối cùng đã tìm thấy con voi đực và dẫn nó về doanh trại.

Lúc đó, vua đang đứng giữa đông người, thấy người huấn luyện voi cười voi đi tới trước mặt, vua rất tức giận nói với ông ấy: “Trước đây không phải người đã nói con voi này đã được thuần hóa, rất đằm tính và có thể cười được rồi, tại sao lại dùng con voi phát cuồng điên như vậy để lừa trẫm?”

Người huấn luyện voi thưa với vua rằng : “Con voi này thực sự đã được thuần hóa rất hiền, nếu vua không tin, bệ tôi có thể thử sự thuần hóa của voi ngay tại đây thì Ngài sẽ rõ.”

Thế là, người huấn luyện voi liền lấy viên sắt tròn đã được nung đỏ đến trước mặt voi, ra lệnh cho nó nuốt viên sắt đó.

Nhưng đức vua cũng không chấp nhận, vẫn cố chấp hỏi người huấn luyện voi: “Không phải người nói voi đã được huấn luyện thuần hóa rồi sao? Nhưng tại sao lại còn đột nhiên phát điên mà không thể khống chế được?”

Người huấn luyện voi chấp tay quỳ xuống mà thưa với vua: "Việc voi điên cuồng phóng túng như thế này thì bề tôi đây cũng không thể khống chế được (Tôi có thể điều khiển được thân của voi, chứ không thể điều khiển được tâm của nó)."

Đức vua nghe vậy liền hỏi người huấn luyện voi: “Có vấn đề gì mà ngay cả người cũng không thể thu phục?”

Người huấn luyện voi bèn thưa với đức vua rằng: “Vì lòng tham dục của voi dục đã trói buộc tâm của nó, điều này bề tôi không thể trị được. Chứng bệnh này dù có dùng roi quất mạnh bạo hơn cũng không thể trị được; Khi lòng tham dục nổi lên trong con người, cũng tàn phá tâm của chúng ta như vậy.” Rồi người ấy nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Lòng tham dục giống như mũi tên độc trong lòng,

cũng không biết nó từ đâu ra? Không biết lý do nào mà lòng tham dục ấy không ngừng lớn lên, mở rộng ra, càng không biết cách nào có thể diệt trừ nó? Lòng tham dục từ đâu sinh ra, tại sao lại lớn dần? Làm sao mới có thể diệt trừ nó?”

Vua nghe người huấn luyện voi nói không có cách nào để chữa khỏi lòng tham dục, liền hỏi: “Căn bệnh lòng tham dục này thực sự không có cách nào điều trị sao?”

Người huấn luyện voi thưa: “Thứ bệnh lòng tham dục này không có cách chữa trị, ai bị bệnh này thì chỉ có nước bỏ phé, không điều trị thêm (chỉ có thể bỏ phé bệnh nhân, không điều trị nữa).” Người huấn luyện voi liền nói một bài kệ đại ý như sau:

“Nên vận dụng tất cả các phương pháp khéo léo, nỗ lực tinh tấn tu học các phương pháp tiêu trừ lòng tham dục. Nhưng lòng tham dục là thùng vô đáy, không biết phương hướng nào, cho dù rất nỗ lực để tiêu trừ, nhưng nó vẫn cứ tìm đến.

(Có người muốn) từ bỏ 5 dục gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc để xuất gia tu khổ hạnh, để tiêu trừ sự

phiền não do lòng tham dục sinh ra, cần chăm chỉ tu hành.”

Có người lại chạy theo ngũ dục, tự cho rằng sau khi thỏa mãn dục vọng, thì nó sẽ tự nhiên bị tiêu diệt. Dựa vào các phương pháp để mong muốn tránh xa lòng tham dục.

(Giống như thế, có người tu khổ hạnh, có người tu lạc hạnh), đâu đâu cũng có người muốn thử loại bỏ nguồn căn của lòng tham dục, nhưng lòng tham dục cũng giống như cây trong rừng rậm, khó có thể nhổ bỏ tất cả!

Đối với Nhân, Thiên, A tu la, Dạ xoa, Càn Thát Bà, tất cả các chúng sinh hữu tình, lòng tham dục rất nhỏ ở trong lòng. Nó giống như cái lưới, luôn trói buộc mọi chúng sinh, luân chuyển trong khu rừng rậm gồm dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, không có cách nào thoát khỏi”.

Quốc vương nghe nói lòng tham dục không thể đoạn trừ, cảm thấy vô cùng kinh ngạc và nghi ngờ, liền nói một đoạn kệ đại ý như sau:

“Không có cách nào để đoạn trừ kẻ thù lòng tham

dục này thật sao? Trong trời đất thực sự không có ai có thể đoạn trừ được lòng tham dục sao?”

Lúc này, người huấn luyện voi thưa với vua rằng: “Tôi nghe người ta nói, chỉ có đức Phật, Thế Tôn, Đại đạo sư của ba cõi vốn có lòng từ bi, xem tất cả chúng sinh như con cái của mình; người Phật phát ra ánh hào quang sáng chói, có 32 tướng thanh tịnh nghiêm trang; Phật có thể vận dụng những trí tuệ tự nhiên (chính là tất cả các loại trí tuệ) một cách tự tại, hiểu thấu mọi nhân và duyên sinh ra lòng tham dục, đức Phật luôn thương yêu tất cả chúng sinh không quản ngại tất cả, Ngài có thể giúp chúng sinh đoạn trừ lòng tham dục vọng.”

Lúc này, khi vua nghe đến tên của đức Phật, lập tức đứng dậy, chắp hai tay cung kính, rồi thề nguyện trước mọi người rằng: “Trẫm muốn bảo vệ đất nước và dân chúng bằng chính pháp, sẽ bố thí của cải, mong dùng công đức để sau này có thể thành Phật, để đoạn trừ những đau khổ do lòng tham dục gây ra của chúng sinh.

Nguyên do nào mà có câu chuyện trên? Vì chúng sinh không hiểu nguyên nhân của lòng tham dục và

phương pháp đoạn trừ nó, cho nên mới nói kinh này.

Trong “Kinh Hiền Ngu” quyển 3, cũng chính là tập 4 trong “Đại Chánh Tạng” trang 372a~373a, có nội dung tương tự.

Trong “Hiền Ngu Kinh” có nói vị vua Quang Minh hiện tại chính là Thế Tôn, còn người huấn luyện voi là Xá Lợi Phất, hai thầy trò đã từng trải qua câu chuyện như trên.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy rằng lòng tham dục mang đến rất nhiều khổ đau, chúng ta không nên tham cầu ngũ dục.

“Đại Trí Độ Luận” có nói:

“Ngũ dục sẽ thiêu cháy con người như cầm ngọn đuốc đi ngược gió.” Lòng tham ngũ dục giống như cầm ngọn đuốc mà đi ngược với hướng gió, kết quả sẽ thiêu chết chính mình.

Ngoài ra, tham cầu ngũ dục, cũng giống như ném mật trên lưỡi dao, tuy chỉ là chút vị ngọt, lại có thể làm đứt lưỡi, “giống như lấy mật bôi lên dao, để cho kẻ địch tham ngọt mà không biết dùng lưỡi liếm vào sẽ bị thương”.



Lại có thể nói rằng, chúng ta tham cầu ngũ dục, khi không đạt được sẽ đau khổ; Khi đạt được rồi, thì lại rất sợ hãi, lo âu rằng có thể mất đi bất cứ lúc nào; Khi mất đi rồi lại rất buồn phiền. Thậm chí có người vì tham lam dục vọng mà mất cả mạng sống quý giá, giống như con thiêu thân vậy.

“Đại Trí Độ Luận” cũng nhắc đến phương pháp điều trị lòng tham dục, có mấy cách đáng để chúng ta tham khảo sau:

Thứ nhất là tìm niềm vui trong việc tu thiền định, vì nó có thể điều trị được ngũ dục.

Thứ hai là tu quán bất tịnh.

Thứ ba là thường xuyên quán chiếu lão, bệnh, tử, vô thường, tức tu quán vô thường.

Thứ tư là yêu thích pháp lành, vì nó có thể giảm bớt tham cầu lòng tham dục.

Và ngoài ra còn có quán Không, chúng được thực tướng.

Những phương pháp trên đều có thể điều trị lòng tham dục.

Hoan hỉ chia sẻ cùng quý vị câu chuyện trên!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 22 tháng 3 năm 2014*

## Phật Dùng Ví Dụ Giáo Huấn La Vân Không Nói Dối

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ trang 599c đến trang 600b trong “Kinh Cú Pháp Thí Dụ”, tập 04 của “Đại Chánh Tạng”.

Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi xuất gia đã từng lập gia đình, sinh một người con trai tên là La Hầu La (“Kinh Cú Pháp Thí Dụ” dịch là “La Vân” ), sau khi thành Phật thì La Vân cũng xuất gia theo.

Khi La Vân chưa đắc đạo, tuổi thiếu niên ham chơi lê lỏng, tâm tính thô lỗ và thường hay nói dối.

Đức Phật nhắc nhở La Vân rằng: “Con đến sống ở tịnh xá Hiền Đề, lo giữ khẩu nghiệp, giữ ý nghiệp, chăm chỉ học tập kinh giáo giới luật.”

La Vân vâng theo lời dạy của đức Phật, đánh lễ rồi ra đi. Ông đến tịnh xá Hiền Đề sống 90 ngày, không kể ngày đêm ăn năn sám hối.

Một hôm, đức Phật đến tịnh xá Hiền Đề để thăm La

Vân. La Vân rất vui, đến trước mặt đức Phật để đánh lễ, sắp xếp chỗ ngồi, giúp Phật đặt y bát.

Đức Phật ngồi trên giường rồi nói với La Vân: “Con dùng chậu đi lấy ít nước đến rửa chân cho ta.”

La Vân nghe theo lời đức Phật bảo, rửa chân cho Ngài. Sau khi rửa xong, đức Phật nói với La Vân: “Con có nhìn thấy nước rửa chân trong chậu không?”

La Vân trả lời: “Có! Thưa con nhìn thấy.”

Đức Phật nói: “Nước trong chậu có thể dùng để uống, hoặc rửa tay, súc miệng không?”

La Vân thưa: “Không được. Tại sao vậy? Vì nước trong chậu vốn là nước sạch, nhưng vì đã dùng để rửa chân, bị bẩn rồi, nên không thể dùng được nữa.”

Đức Phật nói với La Vân: “Con cũng vậy. Cho dù con là con của ta, là tôn tử của quốc vương, đã từ bỏ vinh hoa phú quý trên thế gian, xuất gia đi tu, lại không thể tinh tấn giữ gìn thân nghiệp và khẩu nghiệp, trong lòng rất nhiều 3 thứ bản thủ là tham sân si, cũng giống như chậu nước đã bị bẩn này, không thể dùng được nữa.”

Đức Phật lại nói với La Vân: “Con đem nước trong

chậu đổ đi.” La Vân liền mang nước đổ đi.

Đức Phật nói: “Trong chậu đã không còn gì, cò thể dùng nó để đựng thức ăn, thực phẩm không?”

La Vân trả lời đức Phật: “Thưa không được. Tại sao? Vì đã bị dùng làm chậu rửa chân, đã đựng thứ không sạch, cho nên không thể đựng thức ăn được nữa.”

Đức Phật nói với La Vân: “Cũng giống như con, tuy là người xuất gia đi tu, nhưng con nói mà không giữ chữ tín, tính cách ngang bướng, không biết cần phải tinh tấn học tập. Do những hành vi xấu này mà lưu danh xấu không trong sạch, cũng giống như cái chậu từng đựng đồ dơ, không thể dùng đựng thức ăn được nữa.”

Đức Phật lại dùng chân đẩy cái chậu, nó rơi xuống lăn mấy vòng, nảy lên mấy cái, một lúc sau mới dừng lại.

Đức Phật nói với La Vân: “Con sẽ không tiếc khi ta làm hư cái chậu đó chứ?”

La Vân trả lời: “Cái chậu này là thứ không đáng giá, cho dù cảm thấy hơi tiếc, nhưng sẽ không quá bận

tâm.”

Đức Phật nói với La Vân: “Con cũng giống như vậy. Tuy là người xuất gia đi tu, lại không thể thận trọng trong lời nói và hành động, thường xuyên nói lời thô tục ác ý, làm tổn thương nhiều người; Loại người như vậy bị mọi người xa lánh, người có trí tuệ cũng không muốn trân trọng. Một khi sắc thân đã chết thì thần trí cũng rời xa. Rồi lại ở trong luân hồi trong 3 ác đạo, tự sinh tự diệt, gặp phải rất nhiều đau khổ. Chư Phật Thánh Hiền cũng không quá tiếc thương loại người này, cũng giống như con nói không tiếc thương cái chậu.”

La Vân nghe đến đây thì cảm thấy xấu hổ và sợ hãi.

Đức Phật lại nói với La Vân rằng: “Hãy nghe ta nói một ví dụ: Trước đây có một vị vua nuôi một con voi, con voi này rất dũng mãnh, thông minh và thiện chiến, ước tính sức của nó có thể đánh thắng cả 500 con voi khác. Khi ấy nhà vua muốn đem quân đi dẹp các nước làm loạn, liền làm áo giáp sắt cho con voi này, và để cho người huấn luyện voi quản lý nó. Đồng thời, gắn thêm hai cái giáo lên hai chiếc răng của voi, lại gắn hai

cây kiếm trên tai voi, cột 4 cái dao cong vào 4 chân của voi, lại còn gắn thêm một cái roi sắt vào đuôi voi, hơn nữa tất cả 9 loại binh khí được gắn thêm cho voi này đều rất sắc nhọn. Chỉ có cái vòi là thu lại, không đưa ra khi giao đấu. Người huấn luyện voi rất vui, vì con voi biết yêu quý sinh mạng của mình. Tại sao lại thế? Vì vòi của voi rất mềm và yếu, chỉ cần bị trúng tên thì lập tức sẽ chết, cho nên không thể đưa ra khi chiến đấu.

Nhưng, con voi đánh nhau lâu quá, muốn đưa cái vòi ra để cuộn lấy cái kiếm mà giết địch, người huấn luyện voi không đồng ý, cho rằng con voi khỏe này đã đến lúc không còn yêu quý sinh mạng, muốn đưa vòi ra để tìm cái kiếm ngậm vào vòi. Vua và các đại thần rất yêu quý con voi, nên lập tức cho nó rời chiến trường, không cho nó tiếp tục chiến đấu nữa.

Đức Phật nói với La Vân: “Nếu người dù đã phạm 9 trong số 10 bất thiện nghiệp, cũng nên cần phải giữ gìn khẩu nghiệp, đừng nói dối: Giống như con voi ấy, cần thận giữ cái vòi không đưa ra chiến đấu. Voi làm như vậy vì sợ vòi trúng tên mà chết. Con người cũng như vậy, cần phải giữ gìn khẩu nghiệp, vì sợ phải chịu

đau khổ nơi địa ngục ở ba đường ác. Nếu phạm 10 bất thiện nghiệp, người mà ngay cả khẩu nghiệp cũng không giữ được, thì cũng giống như chú voi lấy cái vòi ra chiến đấu này, không xem xét đến việc sẽ bị trúng tên mà chết. Con người cũng như thế, tạo ra 10 ác nghiệp, tức không suy nghĩ đến hậu quả đau khổ triền miên ở ba đường ác; Nếu thực hành 10 thiện đạo, gìn giữ thân khẩu ý nghiệp, không có những hành vi ác, thì có thể chúng ngộ đắc đạo, mãi mãi sẽ không rơi xuống ba đường ác, cũng không còn đau khổ của sinh tử.”

Và Thế Tôn lại nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Ta giống như con voi dũng mãnh, trên chiến trường không sợ tên của địch; (cho dù trên thế gian này có rất nhiều người không giữ giới, tùy tiện phỉ báng ta), ta cũng vẫn cứ đối xử với mọi người một cách chân thành, thậm chí còn dùng lòng từ bi cứu độ những người không giữ giới. Cũng giống như con voi đã được huấn luyện kia, có thể làm ghế cho vua ngồi. (Cho dù bị người phỉ báng), cũng không mất đi lòng chân thành (không sinh ghen ghét, không nói lời ác), những người có thể thu phục là những người đáng kính nhất trong



quần chúng.”

La Vân nghe xong lời dạy của đức Phật, tích cực sám hối, nỗ lực phấn đấu và khắc ghi lời giáo huấn của Ngài, tinh tấn uôn nắn, tu hành nhẫn nhục như trái đất, tĩnh tâm, tiêu trừ mọi vọng tưởng mà chúng đắc quả A La Hán.

Nội dung như trên cũng đề cập đến trong quyển “Trung A Hàm”, “Kinh La Vân số 14”, nhưng phần ví dụ được nêu ra có chỗ khác.

Sau khi gọi La Hầu La đến rửa chân giúp, Thế Tôn liền đổ nước đi, trong chậu chỉ còn lại ít nước, rồi hỏi La Hầu La: “Con nhìn thấy ta đổ nước đi, trong chậu chỉ còn lại ít nước rồi chứ?”

La Hầu La thưa: “Dạ, con thấy rồi thưa Thế Tôn!”

Đức Phật nói: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ, thì đạo pháp của người ấy cũng chỉ còn lại ít như thế này, cũng ít giống như nước còn lại trong chậu này thôi!”

Thế Tôn lại đem nước còn lại trong chậu đổ hết đi, rồi nói với La Hầu La: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ thì đạo pháp của người ấy cũng bị phé bỏ toàn

bộ, giống như đổ hết nước trong chậu này đi vậy!”

Thế Tôn lại úp cái chậu không xuống đất mà nói với La Hầu La: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ là người đang đi ngược với đạo pháp, giống như cái chậu úp ngược này thì làm sao có thể chứa đựng thánh đạo được?”

Thế Tôn lại để thẳng cái chậu lại, rồi nói với La Hầu La: “Con có thấy cái chậu này để thẳng hay để úp thì bên trong cũng trống rỗng, không có nước không?”

La Hầu La đáp: “Dạ, con thấy ạ!”

Thế Tôn lại nói: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ, đạo pháp của người ấy cũng trống rỗng, hư không, chẳng khác gì cái chậu không này!”

Nội dung tương tự cũng có trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 13, trong phần trên của trang 158a tập 25 “Đại Chánh Tạng”.

Sau khi đức Phật thành đạo, con trai của ngài là La Hầu La cũng xuất gia đi tu, nhưng vì tuổi còn nhỏ, không biết phải cẩn trọng trong lời nói, thường xuyên nói dối.

Có người đến hỏi: “Thế Tôn có ở tịnh xá không?”

Khi Thế Tôn đang ở tịnh xá, nhưng La Hầu La lại nói: “Không có!” Khi Thế Tôn không có ở tịnh xá thì La Hầu La lại nói: “Có ở tịnh xá!”

Sau đó, có người đem chuyện này nói cho đức Phật biết.

Một hôm, đức Phật nói với La Hầu La rằng: “Cầm chậu đi lấy nước để giúp ta rửa chân.”

Sau khi rửa chân xong, đức Phật lại bảo La Hầu La đem cái chậu úp ngược xuống, miệng chậu úp xuống đất rồi lấy nước đổ vào chậu.”

La Hầu La thưa: “Cái chậu đã úp ngược, không đổ nước vào được mà!”

Đức Phật liền nói với La Hầu La rằng: “Người không biết xấu hổ, nói dối, thì đạo pháp không thể vào được, giống như đã bị che kín hết vậy!” (Ý câu nói trên là: “Con là người không biết xấu hổ, thường xuyên nói dối, che mắt lòng thanh tịnh của mình, khiến đạo pháp thượng diệu cũng không thể vào trong tâm của con, cũng giống như cái chậu úp ngược này, không thể đựng được nước!)

Đức Phật bảo nói dối dẫn đến 10 điều sau: “Một là

miệng hôi thối; Hai là thiện thân tránh xa, ác quỷ và la sát tìm đến; Ba là khi nói thật người khác cũng không tin (vì người đó có thói quen nói dối, nên bây giờ có nói thật thì người khác cũng không muốn tin); Bốn là những người trí tuệ ngồi nói chuyện bàn bạc với nhau không muốn cho người ấy tham gia; Năm là thường bị phỉ báng, tiếng ác đồn xa; Sáu là người nói dối sẽ không được mọi người tôn kính, cho dù người đó có lời giảng dạy hay thì mọi người cũng không tiếp nhận; Bảy là thường xuyên lo sầu; Tám là lời nói dối thường gieo nhân duyên bị phỉ báng; Chín là khi thân tàn mệnh tận bị đọa địa ngục; Mười là cho dù ở dưới địa ngục chịu ác báo xong được đầu thai lại kiếp người, cũng có thể còn dư báo, cũng vẫn còn thường xuyên bị phỉ báng.

Mọi người có muốn vì lời nói dối mà bị bạn bè thiện hữu lánh xa, nói không ai tin, hơn nữa còn thường xuyên bị phỉ báng hoặc đi theo ác đạo không? Chi bằng muốn không phải chịu những ác báo trên thì không được nói dối và nói những lời không có lợi ích gì.

Xin được chia sẻ cùng quý vị câu chuyện trên!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 3 tháng 5 năm 2014*

## Kẻ trộm hương

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích ra từ trang 181 đến trang 182 trong “Đại Trí Độ Luận” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 25.

Có một vị tỳ kheo đi kinh hành bên hồ sen trong rừng, ngửi thấy mùi hương của hoa sen, trong lòng rất thích, từ đó đã nảy sinh lòng tham. Lúc này, thần Hồ đã trách vị tỳ kheo này rằng: “Tại sao người không chịu tịnh tọa thiền tu trong rừng, mà lại tới đây lấy trộm hương hoa sen của ta? Do người tham hương hoa, nên tất cả những phiền não ngủ ngầm trong người đã xuất hiện trở lại”.

Vừa lúc đó, có một người khác đi tới, rồi nhảy xuống hồ, hẳn ta không những đã hái rất nhiều hoa sen, mà còn đào luôn củ sen và rễ sen. Sau khi đã làm hồ sen tan nát, người này liền bỏ đi, nhưng thần Hồ lại không nói gì.

Vị Tỳ kheo thấy vậy liền quay ra thắc mắc với thần

hồ: “Người đó đã hái hoa sen của Ngài, lại còn làm cả hồ sen tan nát, vậy mà Ngài không nói gì hết? Còn tôi, chẳng qua chỉ đi kinh hành ngang qua bờ hồ, thì Ngài lại quở trách, còn nói tôi lấy trộm hương sen của Ngài”.

Thần Hồ trả lời: “Người ác trên thế gian luôn luôn sa ngã trong hố sâu tội lỗi, những thứ dơ bẩn dính ngập cả đầu, ta không còn gì để nói với họ nữa. Còn người là một người tốt, hành thiện tu thiện, tuy rằng chỉ tham một chút hương hoa, nhưng như vậy cũng sẽ hủy hoại thiện hạnh của người, cho nên ta mới quở trách người. Cũng giống như một miếng vải trắng chỉ bị dính một chút vết bẩn, thì tất cả mọi người đều nhìn thấy; Còn kẻ ác cũng giống như người mặc đồ đen, thì dù có lấm mực đen cũng khó nhìn thấy, thì đâu có ai quở trách họ.

Nội dung trên xuất hiện trong “Đại Trí Độ Luận”, có thể được trích ra từ “Tập A Hàm kinh” (kinh 1338), từ trang 369 quyển thứ 2 “Đại Chánh Tạng”.

Có một khoảng thời gian, đức Phật trú ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc ở nước Xá Vệ. Lúc đó, có một vị tỳ kheo sống trong một khu rừng rậm ở nước Kosala. Vị tỳ kheo này bị bệnh về mắt, mắt của ông ta nhìn không

rõ. Có người bày cách: ông nên thường xuyên gửi mùi hương hoa sen thì bệnh tình có thể được cải thiện. Nghe theo lời chỉ dẫn trên, vị tỳ kheo này đi đến một hồ sen, ngồi trên bờ hồ phía đầu hướng gió, để được gửi hương sen thoang thoảng bay trong gió. Lúc này, có một vị thiên thần quản lý hồ sen này nói với vị tỳ kheo: “Tại sao ngươi tới đây để lấy trộm hương sen? Ngươi chính là kẻ trộm hương”.

Vị tỳ kheo trả lời bằng một bài kệ tụng, đại ý là: “Tôi không làm hư và cũng không hái hoa sen trong hồ, mà chỉ ngồi ở một nơi thật xa để gửi hương sen bay tới mà thôi, tại sao Ngài lại nói tôi là kẻ trộm hương?”.

Nhân đó, thiên thần cũng trả lời lại một mạch, đại ý là: “Khi vẫn chưa xin ý kiến của chủ, và khi người chủ vẫn chưa nói tiếng cho, mà đã tự ý lấy, thì người đòi gọi đó là trộm. Bây giờ người chủ vẫn chưa nói cho, mà ngươi đã tự ý gửi, thì đây đúng là hành động trộm mà người đòi thường nói”.

Lúc này, có một người đi tới hồ, đào lấy rất nhiều củ sen, rồi vác một bao nặng về nhà.

Vị tỳ kheo thấy thế nói với thiên thần: “Người đó



không những đã hái hoa mà còn đào luôn cả củ sen, và vác một bao nặng về nhà, đó mới chính là kẻ gian trá xảo quyệt, tại sao Ngài không ngăn cản anh ta mà lại quở trách tôi là kẻ trộm hương?”

Thiên thần trả lời rằng: “Người làm ẩu làm tàng, gian trá xảo quyệt, cũng giống như một tấm áo em bé, lấm đầy chất bẩn, không dễ gì khử được mùi hôi. Người gian xảo có nhiều thói quen xấu, đâu đáng để cho ta nói nhiều với họ. Còn người là một người tu hành, không giống như vậy, người đáng để cho ta khuyên lơn, và giảng đạo lý. Áo cà sa tuy có màu không quá sáng, nhưng nếu có lấm một chút bẩn cũng sẽ nhận ra. Còn bộ đồ màu đen dù có bị lấm mực cũng không thể nhận ra được. Thế nên, với kẻ làm ẩu làm tàng, gian trá xảo quyệt, thì người đời không thích nói nhiều với họ. Cũng giống như dấu chân con ruồi làm dơ tấm vải trắng. Người hiền đức dù chỉ có một chút xíu lỗi lầm cũng dễ dàng bị nhận ra. Cũng giống như vết mực dính trên miếng vỏ sò trắng tinh óng ánh, thì dù đó chỉ là một đốm nhỏ nhưng vẫn nhìn thấy được. Nên thường xuyên mong cầu thanh tịnh, không có ràng

buộc, rời xa phiền não, dù một việc ác nhỏ như sợi tóc, thì trong mắt của người khác cũng lớn tựa Thái Sơn (không thể coi thường nó, không thể lơ là với nó)”.

Sau khi nghe xong vị tỳ kheo nói: “Được rồi, Ngài nói rất hay, Ngài đã dùng nghĩa lý rất sâu xa để an ủi tôi. Tôi hy vọng Ngài có thể thường xuyên nói với tôi, và thường xuyên nhắc nhở tôi những điều như vậy”.

Nghe thế, thiên thần trả lời: “Ta không phải là nô lệ mà ngươi đã bỏ tiền ra mua, lại cũng không phải người khác tặng ta cho ngươi để ngươi tùy tiện sai khiến. Vậy, tại sao ngươi bắt ta phải thường xuyên nói những điều này với ngươi, phải thường xuyên nhắc nhở ngươi? Mà ngươi phải tự hiểu điều gì sẽ có lợi ích cho bản thân mình, chứ đừng cầu người khác phải nhắc nhở”.

Sau khi nghe thiên thần nói vậy, vị tỳ kheo rất vui, cảm ơn hết lời rồi đứng lên đi. Ông tới một nơi yên tĩnh, tập trung tư duy, cuối cùng đã đoạn trừ được phiền não, chứng đắc A La Hán quả.

Nội dung tương tự cũng được tìm thấy trong “Biệt dịch Tạp A Hàm kinh” (kinh 358), từ trang 490 đến trang 491 quyển thứ 2 “Đại chánh tạng”.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta phải bảo vệ lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Như “Đại Trí Độ Luận” có dạy: “Đừng nghĩ chỉ tham ngửi một chút mùi hương thì không sao, mà phải biết rằng, do mũi (một trong 6 căn) không được giữ kỹ, một khi cửa được mở rộng, thì 5 căn khác (nhãn căn, nhĩ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn) cũng không thể giữ được, tất cả những phiền não ẩn bên trong cũng sẽ rất dễ theo đó hiện ra.”

Trong kinh Phật cũng có một ví dụ, như khi con rùa gặp nguy hiểm, thì đầu đuôi và tứ chi của nó đều rút lại. Đây gọi là “rùa giấu 6 phần”. Chúng ta thử nghĩ, đầu đuôi và 4 chi của rùa, nếu bất cứ bộ phận nào của nó bị cắn cũng đều gây nguy hiểm tới tính mạng. Lục căn của con người cũng vậy, không được để lơ là. Khi cửa ngõ của bất cứ căn nào mở ra, cái độc cũng sẽ thừa cơ hội nhập vào. Tới lúc đó, sẽ khó giữ được trí tuệ. Người tu hành nên giữ trong sạch, cũng giống như mặc một bộ đồ trắng tinh, chỉ cần bị dính một chút mực, thì ai cũng nhìn thấy rất rõ. Người tu hành dù phạm một lỗi nhỏ như sợi tóc, nhưng trong mắt của người khác, lại lớn như núi Thái Sơn. Vì vậy, phải đặc biệt cẩn thận, ngoài

không phạm “giới luật nghi” ra, cũng phải chú ý “căn luật nghi”, phải gìn giữ các căn, không được để có chút ô nhiễm nào, để người khác cười chê. Ngoài ra, vị tỳ kheo trong câu chuyện này cảm thấy lời kệ tụng của thiên thần rất hay, và hy vọng mỗi ngày đều được nghe. Nhưng thiên thần khéo trả lời rằng: “Ta không phải là nô lệ người đã bỏ tiền ra mua, cũng không phải do người khác tặng ta cho người để người tùy tiện sai khiến. Vậy thì tại sao người bắt ta phải thường xuyên nhắc nhở người?”. Cũng giống như vậy, nếu có ai đó khuyên chúng ta điều gì, chúng ta cần phải ghi nhớ thật kỹ, phải biết sửa đổi, đừng để người khác nhắc nhở nhiều lần.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phước Nghiêm, ngày 14 tháng 9 năm  
2014*

## Vị tiên nhãn nhục

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ!

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích trong Kinh Hiền Ngu, phẩm “Sằn đề Bà Lê” từ trang 359 đến trang 360 quyển thứ 4 “Đại Chánh Tạng”.

Vào một thời, đức Phật trú tại vườn Trúc Lâm ở thành Vương Xá. Khi Thế Tôn mới vừa thành đạo, lần đầu tiên chuyên pháp luân độ hóa A Nhã Kiều Trần Như và 4 vị tỳ kheo, sau đó tới làng Uất-ti-la độ hóa 3 anh em Ca Diếp và hàng ngàn đệ tử. Thế Tôn thuyết pháp độ mọi người, những người được thấm nhuần giáo hóa mà chứng ngộ giải thoát cũng càng ngày càng nhiều. Lúc đó, người dân ở Vương Xá Thành đều rất yêu thích và ủng hộ trí tuệ từ bi của đức Phật, họ không ngừng ca ngợi: “Như Lai xuất hiện ở thế gian, là điều đặc biệt hiếm có, các chúng sinh đều nhờ ơn của Ngài mà có thể rời khổ được vui. Họ còn ca ngợi 5 vị tỳ kheo trong đó có A Nhã Kiều Trần Như, ca ngợi Ca Diếp và một ngàn vị tỳ kheo khác: “Các vị đại đức tỳ kheo,

trước đây đã có duyên gì với Như Lai mà đã được nghe pháp sớm nhất vào lúc đầu tiên chuyển pháp luân, và được nếm pháp vị cam lồ Như Lai đầu tiên”.

Khi nghe được những lời khen của nhân dân trong thành, các tỳ kheo đã đến bái kiến Thế Tôn, và bẩm báo lại với Ngài điều này. Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Vì trước đây rất lâu, ta đã có lời đại thề nguyện, là nếu ta thành Phật đạo, chắc chắn ta sẽ độ hóa các con đầu tiên.

Sau khi nghe xong, các vị tỳ kheo hỏi Phật: “Trước đây rất lâu, Ngài đã có lời thề ra sao, thế thì chuyện là như thế nào, và nguyên nhân vì sao? Kính xin Thế Tôn từ bi giải thích cho chúng con”.

Đức Phật nói: “Các con hãy chú ý lắng nghe, và cố gắng suy nghĩ để nhớ lại. Rất lâu trong quá khứ, vô lượng vô biên bất khả tư nghị a tăng kỳ kiếp, ở thế giới Diêm Phù Đề này có một đại quốc tên Ba-la-nại, quốc vương lúc đó là vua Ca-lợi. Lúc đó, trong nước có một vị tiên nhân tu hành tên là Sạn Đề Ba Li (vị tiên nhãn nhục), ông cùng với năm trăm đệ tử vào một khu rừng trên núi để tu hạnh nhãn nhục.

Một hôm, vua Ca-lợi cùng các đại thần, phu nhân và các cung nữ lên núi du ngoạn. Đi một lúc lâu, quốc vương cảm thấy mệt mỏi nên nằm xuống nghỉ ngơi và ngủ thiếp đi. Những cung nữ tỏa ra đi khắp nơi để ngắm hoa thơm cỏ lạ, khi nhìn thấy vị tiên nhân nhục đang tĩnh tọa tư duy đã khởi lòng cung kính, nên đã rải rất nhiều hoa lên người ông, sau đó ngồi trước mặt ông lắng nghe ông thuyết pháp.

Sau khi tỉnh lại, vua Ca-lợi nhìn khắp nơi nhưng vẫn không thấy bóng dáng các cung nữ đâu, nên đã cùng với 4 vị đại thần đi tìm. Sau đó, khi nhìn thấy các cung nữ đang ngồi trước mặt vị tiên nhân, quốc vương bèn hỏi: “Khanh đã đạt được 4 định vô sắc, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tướng phi phi tướng xứ chưa?”.

Tiên nhân trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương lại hỏi: “Ngươi đã đạt được 4 tâm vô lượng từ bi hỉ xả chưa?”

Tiên nhân trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương lại hỏi tiếp: “Vây sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngươi đã đạt được chưa?”

Tiên nhân lại trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương tức giận, nói: “Những công đức đó, ngươi vẫn chưa thành tựu được. Ngươi chỉ là một kẻ phàm phu chưa thoát tục, mà lại ở một mình cùng với các cung nữ trong nơi ẩn khuất như thế này, thì làm sao người ta có thể tin được ngươi là một người tu hành trong sạch?”.

Quốc vương lại hỏi tiếp: “Ngươi là người thế nào, thường xuyên ở đây tu học pháp gì?”.

Tiên nhân trả lời: “Tôi tu hạnh nhẫn nhục”.

Quốc vương lập tức rút kiếm ra, nói: “Nếu như ngươi tu hạnh nhẫn nhục, thì ta muốn thử xem, liệu nhà ngươi có thể nhẫn nhục được không?”

Nói xong, quốc vương dùng kiếm chặt đứt hai cánh tay của tiên nhân, sau đó lại hỏi: “Ngươi vẫn còn nói đang tu nhẫn nhục nữa chứ?”

Tiên nhân trả lời: “Đúng vậy, tôi đang tu nhẫn nhục”.

Tiếp theo, quốc vương chặt luôn hai chân của tiên nhân, và hỏi: “Ngươi vẫn còn nói đang tu nhẫn nhục nữa chứ?”



Tiên nhân vẫn trả lời: “Tôi đang tu nhẫn nhục”.

Quốc vương lần lượt cắt tiếp tai và mũi, nhưng thần sắc của tiên nhân vẫn không thay đổi, và vẫn nói đang tu nhẫn nhục. Lúc đó, trời đất rung động, 500 vị đệ tử của tiên nhân bay lên không trung, và hỏi sư phụ tiên nhân: “Người chịu nỗi đau khổ lớn như vậy, nhưng tâm tu nhẫn nhục vẫn không bị mất hay sao?”

Tiên nhân trả lời: “Tâm của ta rất kiên định, không hề bị lung lay”.

Nghe vậy, quốc vương vô cùng kính sợ, liền hỏi tiên nhân: “Người tự xưng nhẫn nhục, nhưng lấy gì để chứng minh?”

Tiên nhân trả lời: “Nếu tôi thật sự có thể nhẫn nhục, lời nói và ý chí như một, lòng hết mực chân thành, không chút giả dối, thì máu trong người tôi chảy ra chắc chắn sẽ biến thành sữa tươi. Còn xác thân bị tàn phế này chắc chắn cũng sẽ hồi phục trở lại. Tiên nhân vừa nói xong, máu lập tức biến thành sữa tươi, cơ thể hồi phục trở lại bình thường như trước.

Nhìn thấy được minh chứng về sự nhẫn nhục của tiên nhân, trong lòng quốc vương càng sợ hãi, nên đã

xin tạ tội với tiên nhân: “Ta đúng là kẻ vô lễ, tội lỗi vô biên, dám bôi nhọ sĩ nhục đại tiên, kính xin Ngài mở lòng từ bi chấp nhận lòng sám hối của ta.

Tiên nhân nói: “Vì tham mê nữ sắc nên nhà ngươi đã khởi tâm sân hận với ta, dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhĩ. Sau khi ta thành Phật rồi, ta sẽ dùng dao trí tuệ để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ngươi”.

Nhìn thấy vua Ca-lợi nhục mạ tiên nhân oan ức như vậy, các chư long, quỷ thần trong núi đều tức giận, nên đã nổi mây đen vần vũ, sấm chớp vang rền tính làm hại vua Ca-lợi và các tùy tùng của ông. Lúc đó tiên nhân ngẩng đầu lên nói: “Nếu vì tôi, thì xin các Ngài đừng hại quốc vương và những người khác”.

Sau khi đã sám hối với tiên nhân, quốc vương thường xuyên lễ thỉnh tiên nhân trở về hoàng cung để được cúng dường. Lúc bấy giờ, nhìn thấy vua Ca-lợi rất cung kính đối với tiên nhân, có rất nhiều người ngoại đạo khác cảm thấy vô cùng ghen tị, nên họ đã lấy bùn đất và những thứ tạp nhạp dơ bẩn khác rồi núp vô chỗ kín để ném vô người tiên nhân. Nhìn thấy hành động

của những người ngoại đạo này, vị tiên nhân đã lập tức có lời thề nguyện: “Ta đang tu hạnh nhẫn nhục, là vị lợi ích của tất cả chúng sinh, cứ tiếp tục không ngừng tích lũy thiện hạnh, sau này chắc chắn sẽ thành Phật. Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng nước giáo pháp rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các người, để các người được mãi mãi trong sạch”.

Phật nói với các vị tỳ kheo: “Các người muốn biết vị tiên nhân nhẫn nhục lúc bấy giờ là ai không? Đó chính là tiền thân của ta. Vua Ca-lợi và 4 vị đại thần đi theo chính là A Nhã Kiều Trần Như và 4 vị tỳ kheo. Còn những vị ngoại đạo đã dùng bùn đất và những tạp chất dơ bẩn chọi vào người ta chính là những tỳ kheo ở làng Uất-ti-la bây giờ. Lúc đó vì ta tu hạnh nhẫn nhục và phát nguyện muốn độ hóa cho họ trước, cho nên sau khi thành Phật, những người đó nhận được sự độ hóa của ta đầu tiên để có thể rời khổ đau, đạt được giải thoát”. Khi đã được nghe Phật khai thị, các tỳ kheo đều ca ngợi câu chuyện xưa nay chưa từng có này, hoan hỉ tiếp nhận và y giáo phụng hành.

Câu chuyện này trong “Kinh Kim Cang” cũng có nhắc đến, tôi tin rằng mọi người cũng đã từng nghe qua: “Nhuở xưa ta bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, khi ấy ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả. Tại sao? Vì thuở xưa, khi thân thể ta bị cắt ra từng phần, nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả thì sinh lòng sân hận.”

Vị tiên nhân nhủ nhục chính là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Có người khi bị người khác phỉ báng hay đánh chửi thì muốn trả thù, ăn miếng trả miếng. Nhưng vị tiên nhân nhủ nhục đã không những không khởi tâm sân hận, mà còn nói với vua Ca-lợi: “Ngươi dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhĩ. Sau khi thành Phật rồi, ta cũng sẽ dùng dao chặt ngươi; nhưng đây không phải là dao bình thường mà là dao trí tuệ, để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ngươi”. Vị tiên nhân đã phát nguyện: “Sau khi thành Phật, ta sẽ độ hóa ngươi đầu tiên”, cho nên sau khi Phật Thích Ca thành đạo, tới vườn Lộc dã Uyển chuyển pháp luân độ hóa 5

vị tỳ kheo, trong đó A Nhã Kiều Trần Như chính là vua Ca-lợi trước đây, còn 4 vị tỳ kheo kia chính là 4 vị đại thần đi cùng.

Lúc vua Ca-lợi chặt những bộ phận trên cơ thể của tiên nhân, có nhiều thiên thần muốn hại Ca-lợi và những người thân của ông, nhưng tiên nhân đã ngăn cản: “Nếu như vì ta, xin tuyệt đối đừng hại họ”. Vua Ca-lợi rất cảm động, đã sám hối với tiên nhân, và còn thỉnh Ngài về hoàng cung để cúng dường. Thật ra vua Ca-lợi cũng quan tâm ủng hộ những người ngoại đạo khác, nên khi nhìn thấy quốc vương cung kính và trọng đãi tiên nhân, họ rất ghen tị. Họ núp trong chỗ khuất, dùng bùn đất và những chất dơ bẩn chọi vào tiên nhân.

Chúng ta hãy kiểm điểm lại xem, nếu bị người khác dùng những chất dơ bẩn chọi vào người, có thể chúng ta sẽ rất tức giận, và mau chóng lấy nước rửa sạch những vết bẩn này. Nhưng vị tiên nhân không những không tức giận, mà còn nói với họ: “Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng pháp thủy rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các ngươi, để các ngươi được mãi mãi trong sạch”.

Cơ thể chúng ta nếu dơ bẩn, nước có thể rửa sạch được chúng, nhưng sau một khoảng thời gian, nó lại dơ trở lại, sắc thân của chúng ta không thể mãi mãi trong sạch. Nhưng đức Phật đã phát nguyện dùng nước giáo pháp để rửa sạch những phiền não thế tục của chúng sinh, hy vọng pháp thân sẽ được trong sạch vĩnh viễn.

Còn vài ngày nữa là “Lễ tắm Phật”, trong lúc tắm Phật chúng ta xướng tụng “Kệ tắm Phật”. Nội dung là: “Ngã kim quán mộc chư Như Lai, tịnh trí trang nghiêm công đức hải, ngũ trược chúng sinh li trần cấu, đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân”.

Tương truyền lúc thái tử Thích Ca chào đời, có 9 con rồng phun nước tắm sạch kim thân của thái tử. “Kệ tắm Phật” nói “quán mộc chư Như Lai”, nên không phải chỉ một mình “Thích Ca Như Lai” mà là “tất cả những Như Lai”. Thật sự, Phật đã thanh tịnh viên mãn rồi, vốn không cần chúng ta phải tắm nữa. Mà lễ tắm Phật là để chúng ta cảm ơn Như Lai từ bi giáng sinh xuống thế gian độ hóa chúng sinh. Nhân lễ tắm Phật để chúng ta được cúng bái tất cả Như Lai và tất cả chư Phật, và kết thiện duyên thanh tịnh. Chúng ta dùng

nước thơm rưới lên Như Lai, nguyện để Như Lai dùng thủy pháp trí tuệ thanh tịnh rửa sạch phiền não của chúng ta, để chúng ta cũng được như Phật, có trí tuệ thanh tịnh, phúc đức trang nghiêm, công đức như đại hải. Không chỉ bản thân mình rũ bỏ được bụi trần, mà còn nguyện cho chúng sinh ngũ trược ác thế đều có thể rời xa bụi trần. Không chỉ bản thân mình chứng đắc pháp thân thanh tịnh Như Lai, mà còn nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng pháp thân thanh tịnh Như Lai.

Hy vọng mọi người trong lúc tụng Phật có cơ hội quán tưởng nội dung của “kệ tụng Phật”, không chỉ nghĩ tới “Thích Ca Như Lai”, mà thực tế, Phật Phật đạo đồng, tất cả bình đẳng, trong lòng chúng ta quán tưởng tụng tất cả Như Lai, và mong muốn tất cả Như Lai dùng pháp thủy rửa sạch phiền não của chúng ta. Không chỉ bản thân mình rũ bỏ được bụi trần, mà còn mong cho tất cả chúng sinh rũ bỏ được bụi trần. Không chỉ bản thân mình chứng đắc pháp thân thanh tịnh Như Lai, mà còn nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng pháp thân thanh tịnh Như Lai.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 19 tháng 4 năm 2014*



## Kinh La Vân nhẫn nhục

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 769a đến trang 770a “Đại Chánh Tạng” tập 14, “Kinh La Vân nhẫn nhục”.

Có một khoảng thời gian, đức Phật trú ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ. Xá Lợi Phất và La Vân vào buổi sáng mặc cà sa cầm bát vô thành khát thực. Lúc đó có một người lờn nói cử chỉ nóng nảy bộp chộp vừa nhìn thấy hai vị hiền nhân, liền nghĩ: “Đệ tử số một của Thích Tôn là sa môn Xá Lợi Phất và La Vân đã tới khát thực rồi”, người này sinh ra ý ác, liền ngồi xuống hốt một nắm đất rồi bỏ vào bình bát của Xá Lợi Phất, và còn lấy đá ném vào đầu La Hầu La.

Thầy Xá Lợi Phất nhìn thấy máu chảy ướt mặt La Hầu La, liền nói với đệ tử của mình: “Bản thân là đệ tử Phật, phải cẩn thận, không được khởi lên niệm ác, mà nên dùng lòng từ bi để thương xót chúng sinh.

Thế Tôn thường nói: ‘Người nào nhẫn nhục, người

đó sẽ có được niềm an lạc thật sự bền vững. Và chỉ là người trí, mới có thể làm được'. (Nói cách khác: Chỉ có người trí mới có thể có được sự an nhĩn thật sự; khi an nhĩn thật sự mới có thể có được niềm an lạc mãi mãi).

Sau khi nghe được lời dạy của đức Phật, từ đó cả đời ta không bao giờ vi phạm. Ta cẩn thận thâm nhiếp tâm niệm của mình, coi nhĩn nhục như điều quý báu. Nếu như buông lỏng tâm niệm, đi làm chuyện ác, cũng giống như bản thân mình nhảy vô lò lửa. Tự cao tự đại, tự cho mình là số 1, thì chỉ có người ngu muội mới tưởng như vậy là cao minh, hoàn toàn không nghĩ tới tai họa bất ngờ, cuối cùng chỉ hại cho bản thân mình.

Những tội lỗi khi phóng túng tâm niệm còn nặng hơn núi Tu Di. Dù cả đời phải chịu tội nghiệp quả báo, cũng không giảm nhẹ được 1/16 tội báo trong đó. Cũng giống như cầm lửa đi ngược với chiều gió, nếu như không thể buông bỏ những hành động ngông cuồng ngu muội đó, thì tàn lửa sẽ bay ngược lại thiêu cháy chính mình.

Người hèn hạ, trong lòng luôn có đầy những suy nghĩ ác độc, và luôn cho mình là thông minh. Nếu như

tỳ kheo, nên dựa vào đạo lực của tứ quả sa môn (chứ không phải dựa vào bạo lực). Là đệ tử của Phật phải thường xuyên điều phục tự tâm, chỉ cần phát hiện ác niệm sanh khởi nên lập tức nhận biết và diệt trừ, như vậy mới là người mạnh mẽ nhất trong những người mạnh mẽ. Thiên thần đế vương tuy rằng có thế lực, nhưng nếu như không biết điều phục ác niệm, thì sức mạnh đó không thể gọi là mạnh được. Chỉ có sức mạnh của nhẫn nhục, mới là sức mạnh chí cao vô thượng”.

Thấy máu cứ không ngừng tuôn trên mặt mình, La Hầu La đã lấy nước để rửa vết máu và nói: “Nỗi đau cơ thể con phải gánh chịu cũng chỉ là nỗi đau trong một thời gian ngắn. Điều bất lực là, đối phương phải chịu một nỗi khổ triền miên. Người đó có nhiều tội ác, và nơi đây cũng không phải là nơi tốt đẹp, nhưng con không thể vì vậy mà mang lòng oán hận, ngược lại còn thương xót vì sao người đó lại làm như vậy. Đức Phật là bậc Đạo sư tôn kính của con, đã dạy cho con tu học tâm từ bi vô lượng”. Gặp phải người có tính hung ác, ngang tàng, bất chấp, sa môn phải giữ sự bình tĩnh, kiên nhẫn, thành tựu phẩm chất đạo đức cao thượng.

Người hung ác tàn bạo, sẽ được người ngu si tôn sùng. Còn những sa môn tu nhãn nhục, gìn giữ tự tâm, thì bị những người ngu muội nông cuồng coi khinh.

Người đó đã làm nhiều chuyện ác, chẳng lẽ con cũng phải giống như ông ấy sao? Luân hồi tam giới không có giới hạn, chẳng lẽ phải tiếp tục luân chuyển như vậy sao? Nếu như con trả thù ông ấy, lấy oán trả oán, thì con sẽ phải chịu tiếp tục luân hồi tam giới giống như ông ấy - con không muốn như vậy. Con muốn dùng đạo lý chân thực nhất của đức Phật đã dạy, để khai đạo khuyên can những người mê muội. Nhưng liệu, cũng giống như dùng một thanh kiếm thật bén để chặt một thi thể đã mục rữa, thi thể đó có biết đau hay không? Nó sẽ không hề biết đau. Điều này không phải do thanh kiếm không đủ sắc bén, mà vì thi thể đó không có tri giác, nên nó sẽ không có phản ứng gì. Cũng giống như dùng cam lồ của thiên nhân để cho những con heo dơ bẩn trong chuồng ăn, chúng nó sẽ không thèm ngó ngang gì tới mà ngoảnh đầu bỏ đi. Phải chăng cam lồ không ngon? Thật ra không phải vậy, mà bởi vì những con heo đó không biết quý trọng cam

lồ.

Con muốn dùng những lời chân thật của đức Phật đã dạy để giáo huấn những kẻ tàn ác và ngu muội trên thế gian. Chẳng phải như vậy sao?”

Hai thầy trò cùng trở về tịnh xá. Ăn cơm xong, sau khi đã rửa bát rửa tay sạch sẽ, hai thầy trò cùng đến trước đức Phật, ngồi xếp chân đánh lễ Phật. Xá Lợi Phất ngồi lui ra một bên, và kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Phật nghe. Sau khi nghe xong Thế Tôn nói: “Khi một người sanh khởi niệm ác, là người đó bắt đầu bại hoại, sẽ dẫn đến bại vong. Người đó sau khi chết, tới lúc nửa đêm, sẽ bị đọa lạc vào địa ngục vô gián, lính cai ngục ở đó sẽ cho họ vô số hình phạt tàn khốc, thân đầy vết thương, khổ hết chỗ nói, phải trải qua 8 vạn 4000 tuổi thì mới kết thúc, sau đó đầu thai thành rắn mãng xà trong miệng có chất độc, chất độc vẫn không ngừng đe dọa sẽ làm hại bản thân. Cứ không ngừng tuần hoàn, lại đầu thai là thân rắn độc, chỉ có thể ăn cát đá, cho tới hàng vạn năm sau mới chấm dứt.

Vì dùng tâm sân hận để đối xử với người tu hành thanh tịnh trì giới, nên sau khi chết sẽ đầu thai thành

rắn độc; vì bỏ đất cát vô chén, nên đời đời kiếp kiếp phải ăn đất cát mà chết, mãi tới khi chịu đủ khổ báo mới được đầu thai làm người. Lúc người mẹ mang thai nhi này, thường bị trọng bệnh, dẫn đến tài sản trong nhà bị tiêu hao đến hết. Sau khi đứa bé này chào đời, đầu óc ngu muội trì độn, cơ thể bị khiếm khuyết tay chân, những người thân nhìn thấy đều kinh ngạc sợ hãi. Những người thân trong dòng họ đều nói: “Yêu quái ở đâu tới vậy? Như vậy sẽ đem lại điềm xấu”, thế là bèn đem đứa bé bỏ ở ngã tư đường. Ai ai đi qua cũng đều sợ hãi trước hình hài của đứa bé này, có người còn dùng gạch đá chọi nó, hoặc dùng dao dùng gậy gõ lên đầu nó, lấy chân giẫm lên đầu nó, khiến nó đau khổ muôn phần. Chưa đầy một tháng thì nó chết (vì ở đời trước nó đã đánh vào đầu của thánh La Hầu La, nên bây giờ phải bị quả báo như vậy). Sau khi chết nó lại đầu thai, và lại là một đứa bé bị thiếu tay chân, đầu óc ngu muội trì độn. Trải qua 500 đời, trọng tội mới tiêu trừ. Sau đó đầu thai làm người, nhưng vẫn thường xuyên bị nhức đầu”.

Thế Tôn nói tiếp: “Xá Lợi Phất, nếu con người ở thế gian mà không biết tu hành hạnh nhãn nhục, thì

những nơi đã đầu thai, sẽ không gặp được đức Phật xuất thế, cách xa Phật pháp, tăng chúng, thường đọa vào 3 đường ác, cứ tuần hoàn như vậy, trải qua nhiều đời nhiều kiếp, thường xuyên gặp phải đủ loại tai nạn, nếu như vẫn còn chút phước đức, thì dù được sanh làm người, nhưng tư chất ngu muội, tính tình hung ác bạo ngược; vì trong lòng đố kỵ thánh nhân, phỉ báng tam bảo, nên tướng mạo xấu xí, mọi người đều ghét bỏ; cuộc sống nghèo khổ, mong cầu quan tước công danh nhưng không được, trong lòng mong cầu điều gì cũng không thành, thiên thần và thánh hiền đều không phù hộ, nửa đêm thường thấy ác mộng, thấy yêu quái xuất hiện, thường gặp phải tai họa, gia đình luôn xào xáo, trong lòng thường lo sợ. Sở dĩ như vậy, là vì không biết tu học nhẫn nhục và điều phục tâm ác. Người có thể nhẫn nhục thì gia đình luôn yên ấm, tất cả tai họa đều được tiêu trừ. Mong cầu điều gì sẽ được như ý, dung mạo trang nghiêm xuất chúng, cơ thể khỏe mạnh, ít bệnh tật, tiền tài sung túc, vinh hoa phú quý. Có được tất cả những điều này là nhờ biết nhẫn nhục và dùng từ tâm để làm lợi ích chúng sinh. Tu học nhẫn nhục có thể

tích lũy phước đức, không chỉ bản thân, mà thân thuộc cũng được bình an, dòng họ hòa thuận vui vẻ, không có điều gì phiền muộn. Người có trí tuệ luôn hiểu thấu được đạo lý này, và có thể điều phục tâm niệm của mình. Bởi vì chỉ trong một niệm, sẽ có thể mang lại cho người ta tai họa vô cùng. Không chỉ nhà tan cửa nát, bị pháp luật trừng phạt, bị xử tử, mà thậm chí còn bị đọa địa ngục, bị thiêu đốt, hoặc bị đọa vào đường ngã quỷ, đường súc sanh... đều là những tai họa do ác niệm mang tới”.

Thế Tôn nói tiếp: “Thà rằng dùng kiếm sắc đâm vào bụng, cắt đứt thịt da, tự nhảy vô lò lửa; nhưng cũng phải cẩn thận, tuyệt đối không được làm chuyện ác. Thà rằng đầu đội núi Tu Di, để bị đè chết, hoặc nhảy xuống biển cả mênh mông để làm mồi cho cá; nhưng cũng phải cẩn thận, tuyệt đối không được làm chuyện ác. Không biết chân nghĩa, thì phải cẩn thận, tuyệt đối không được nói lung tung. Chánh pháp của Đức Phật khai thị, đôi khi không giống với cách nhìn của thế tục. Những thứ người thế tục quý trọng, đôi khi người tu đọa lại coi thường và muốn bỏ đi. Nước sông trong vắt



và nước sông vẫn đục không thể chảy chung dòng, người trí và người ngu sẽ đi về hai hướng khác nhau. Người a dua nịnh hót sẽ coi người trung thành vô tư là kẻ thù. Người gian tà thường đố kỵ với người chân chính. Cũng vì vậy, người cố chấp tham dục sẽ bài xích những người tu hành chánh pháp chánh hạnh ly dục như chúng ta. Thà phải nuốt than hồng đang cháy, chứ tuyệt đối không được phỉ báng tam bảo. Vàng sáng vinh quang của tu nhân nhứt luôn luôn hơn hẳn ánh sáng của nhật nguyệt. Sức lực của của rồng hoặc voi có thể nói vô cùng mạnh mẽ, nhưng vẫn không bằng một phần nhỏ so với sức lực của nhân nhứt. Bảy loại báu chói rọi, người thế gian đều muốn có được, nhưng sau khi có rồi, không những nó sẽ mang tới sự lo lắng, thậm chí còn dẫn tới tai họa. Chỉ có nhân nhứt mới là châu báu thật sự, từ đầu tới cuối đều có được sự bình an. Bồ thí thập phương, tuy có được phước đức lớn, nhưng cũng không bằng phước đức sự nhân nhứt mang tới. Tu học tâm nhân nhứt hành thiện, đời đời kiếp kiếp không có oán thù, trong lòng bình an vui vẻ, không có bất cứ tai họa nào. Thế gian không có gì để có thể

nương tựa, chỉ có nhãn nhục làm chỗ dựa cho chúng ta. Nhãn nhục là nơi trú ẩn an toàn nhất, tất cả những tai họa đều không thể phát sinh. Nhãn nhục là áo giáp linh nghiệm, không có bất cứ vũ khí, binh lính nào làm tổn thương được. Nhãn nhục là chiếc thuyền kiên cố, có thể vượt qua được mọi gian nan. Nhãn nhục là thuốc hay, có thể cứu được tính mạng của chúng sinh.

Người lập chí tu học nhãn nhục, thì không có nguyện vọng nào mà không thực hiện được. Nếu muốn trở thành chuyên luân thánh vương thống trị cả thiên hạ, hoặc muốn sanh vào cõi trời thứ hai Đao Lợi để làm Đế Thích Thiên Vương, thậm chí sanh vào cõi trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại Thiên để có tuổi thọ vô tận, cơ thể thanh khiết, tất cả nguyện vọng đều có thể thực hiện, giống như lấy đồ trong nhà của mình, với tay là có được. Nếu muốn chứng ngộ tứ quả sa môn, sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, cũng có thể chứng đắc, tùy theo tâm nguyện của bản thân mà đạt được.

Bây giờ ta có thể thành tựu Phật đạo, được tất cả thiên nhân tôn kính, vượt qua tam giới. Tất cả, đều do lực nhãn nhục mà thành tựu”

Thì ra trong quá khứ Thế Tôn đã từng là vị tiên nhân nhẫn nhục, và vì vậy mà thành tựu. Đức Phật nói với tất cả sa môn: “Nên trì tụng kinh nhẫn nhục, không giây phút nào quên. Thọ trì, hiểu ý nghĩa, đọc tụng, và giảng dạy cho mọi người, để hoằng dương công đức nhẫn nhục, lợi ích cho chúng sinh”. Đức Phật nói xong, các sa môn đều thấy hoan hỷ, tác lễ rồi đi.

Trong câu chuyện này có những điểm sau đây đáng để chúng ta suy nghĩ.

Nếu bản thân có nhiều phiền não, cũng không được khởi tâm sân hận với người khác. Nếu khởi ác niệm và phỉ báng người thanh tịnh, cũng giống như cầm một bó đuốc đi ngược chiều gió, thì chỉ làm cho mình bị phỏng; cũng giống như ngửa mặt lên trời phun nước bọt, cuối cùng đờm cũng chỉ rơi xuống chính mặt mình. Nếu tạo trọng tội, đời này chỉ nhận ác báo, và khi chết sẽ bị đọa đường ác, lại tiếp tục chịu khổ báo. Dù cho phải chịu quả báo tội nghiệp suốt cả đời, nhưng những nghiệp báo được tiêu trừ cũng chưa bằng 1/16, những khổ báo phía sau vẫn còn rất nhiều. Chúng ta nên dựa vào đạo lực tu hành để hàng phục bản thân, chứ không phải dựa

vào bạo lực của lời lẽ hay bạo lực của cơ thể để chinh phục người khác. Thiên thần, rồng và voi tuy có sức mạnh rất lớn, nhưng tất cả sức mạnh đó cũng không bằng sức mạnh của sự nhẫn nhục. Trong kinh cũng nói: Người ngu muội không thể tiếp nhận lời chỉ dạy của đức Phật. Cũng giống như dùng một thanh kiếm sắc bén để chặt một thi thể mục rữa, thi thể đó sẽ không hề biết đau. Điều này không phải do thanh kiếm không đủ sắc bén, mà vì thi thể đó không có tri giác, nên nó sẽ không có phản ứng gì. Cũng giống như dùng cam lồ của thiên nhân để đem cho heo ăn, chúng nó sẽ không thèm ngó ngàng gì tới mà ngoảnh đầu bỏ đi. Thật ra không phải cam lồ không ngon, mà bởi vì những con heo đó không biết quý trọng cam lồ”.

Chúng ta hãy kiểm điểm lại bản thân, nếu như trong lòng phiền não, không thể tiếp nhận lời giáo hối của đức Phật, hay lời khuyên giải của sư trưởng, đạo hữu, vậy thì, lúc đó chúng ta có khác gì cái thi thể mục nát không có phản ứng kia không? Có khác gì với những con heo đã từ chối cam lồ không?

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 08 tháng 3 năm 2014*

## **Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử**

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 616 ~ 617 trong “Kinh Xuất Diệu, Phẩm Vô Thường” thuộc “Đại chánh tạng” quyển thứ 4.

Trong kinh nói: Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận.

Trước đây, trong khoảng thời gian ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, đức Phật nói với các tỳ kheo: “Có 4 loại người, vào buổi tối, thời gian ngủ ít, thời gian thức nhiều. Đó là 4 loại người nào? Loại thứ nhất là phụ nữ chìm trong nỗi nhớ cánh đàn ông. Loại thứ hai là đàn ông chìm trong nỗi nhớ người phụ nữ. Loại thứ ba là những kẻ trộm cắp. Loại thứ tư là những tỳ

kheo mong muốn đạt được thiên định, nên không ngủ nghỉ để tinh tấn tu hành chánh pháp.

Tuy rằng 4 loại người này đều có thời gian ngủ ít, thời gian thức nhiều, nhưng 3 loại người trước thì cảm thấy đêm rất dài, chỉ có những tỳ kheo tu học chánh pháp thì không cảm thấy đêm dài dằng dặc.

Những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường đi càng ngày càng xa; những người ngu si vô tri, vì không biết chánh pháp nên không thể nào được giải thoát, vì vậy sinh tử kéo dài vô tận”.

Trong khoảng thời gian đức Phật ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, có một vị Bà La Môn ở kiếp trước đã tích rất nhiều phước đức, nhân duyên đặc độ đã chín muồi, và đã vô tình nghe được câu kệ tụng: “Người ngu muội vô tri sinh tử vô tận”. Vị này có rất nhiều vàng bạc châu báu, có rất nhiều người hầu kẻ hạ, sự nghiệp thành công, gia sản sung túc, 5 thê 7 thiếp ai ai cũng xinh đẹp đoan trang, tài sắc vẹn toàn, không thể chê vào đâu được. Lúc đó, trong lòng vị Bà La Môn này nghĩ: “Mình nên tới chỗ của Như Lai, để thỉnh giáo đức Phật trong tương lai sẽ có mấy vị Phật xuất thế?”.

Thế là, Bà La Môn ra khỏi thành đi về tịnh xá Kỳ Hoàn tới trước mặt Thế Tôn, đánh lễ đức Phật xong ngồi qua một bên chấp tay hỏi Thế Tôn: “Con xin thỉnh giáo Ngài một chuyện, nếu như Ngài cho phép con mới dám mạo muội nói ra”.

Thế Tôn nói: “Người cứ hỏi, Như Lai sẽ trả lời”.

Bà La Môn nói: “Thế Tôn, xin hỏi trong kiếp sau sẽ có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Thế Tôn nói: “Trong kiếp sau sẽ có hằng hà sa số đức Phật xuất thế”.

Nghe xong, Bà La Môn cung kính ngưỡng vọng đức Phật, trong lòng dâng lên niềm vui khôn xiết và khởi một thiện niệm: “Kiếp sau sẽ có hằng hà sa số chư Phật xuất thế, sau này mình phải tới trước chư Phật để tu thanh tịnh, tu tập phước đức không hề mệt mỏi. Có điều, bây giờ mình có gia sản sung túc, vàng bạc châu báu đầy nhà, lại có nhiều người hầu kẻ hạ để mình sai khiến bất cứ lúc nào, sự nghiệp lại rất thành công, còn có thể thiếp tài sắc vẹn toàn, bây giờ mình có thể dựa vào phước báo tu tập của nhiều kiếp trước để hành bố thí, có cầu tất ứng, không phụ lòng người có tâm”.



Nghe được những lời khai thị của đức Phật, người Bà La Môn ghi khắc trong lòng, sau đó đi 3 vòng quanh đức Phật rồi chấp tay cáo từ. Nhưng đi chưa được bao lâu thì Bà La Môn lại nghĩ: “Mình mới hỏi trong kiếp sau có bao nhiêu đức Phật xuất thế, mà quên hỏi Phật ở quá khứ. Bây giờ mình nên quay lại hỏi Thế Tôn những kiếp trước đã từng có bao nhiêu đức Phật xuất thế”.

Bà La Môn lập tức quay trở lại, đến trước mặt Thế Tôn, chấp tay chào hỏi xong, lui sang một bên, hỏi Thế Tôn: “Những kiếp trước đã từng có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Đức Phật trả lời: “Ở những kiếp trước đã từng có hằng hà sa số đức Phật xuất thế”.

Nghe xong, Bà La Môn liền bật khóc thảm thương, và lớn tiếng nói: “Con thật ngu si, đã luân hồi trong sinh tử bao nhiêu lâu nay, những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao con vẫn không gặp được? Đây là một điều rất đáng thương”. Ông ta cứ khóc và nhiều lần tự trách mình: “Nguyên nhân đều do mình quá buông thả, đã không làm theo nguyện vọng, khiến trong thời gian dài mình bị đọa trong chốn phàm

phu, hoặc trong đường địa ngục, súc sinh, ngã quỷ để chịu khổ, phải ở trong rừng đao núi kiếm, xe lửa, lò than; hoặc phải phục tội thụ hình trong địa ngục băng tuyết lạnh giá như Tuyết Sơn hàng vạn năm, chờ tới hết kiếp mới được thoát ra; hoặc bị quay nướng trong địa ngục, chịu đủ mọi cảnh khổ, còn nếu được sanh làm người, thì cũng ở nơi không có Phật pháp, dù có đức Phật xuất thế cũng không gặp được. Trước đây, có vị tỷ kheo đã dạy bảo con: Người ngu si sinh tử vô tận. Điều này không sai chút nào. Bây giờ con phải tinh tấn chăm chỉ. Nếu bây giờ không lập tức quy y Như Lai, chẳng lẽ còn phải chờ tới khi chư Phật trong tương lai xuất thế thì mới quy y sao? Nhà cửa đất đai, vợ con gia quyến đều là những trói buộc bên ngoài, thì tại sao phải tham luyện những thứ ngoài thân mà hủy hoại giáo giới của thánh giả (không thể tiếp tục tham luyện những vật ngoài thân mà để mất cơ hội tu học Phật pháp)”.

Bà La Môn lập tức chấp tay trước đức Phật, quỳ xuống thưa với Thế Tôn: “Thế Tôn, xin Ngài cho phép con được xuất gia theo Ngài, được tu học phạm hạnh thanh tịnh trong tăng đoàn”.

Lúc này, Thế Tôn nói với các tỳ kheo: “Các người hãy dẫn dắt vị Bà La Môn này, chỉ bảo uy nghi, độ cho vị đó xuất gia trở thành tỳ kheo”.

Các tỳ kheo làm theo lời chỉ dạy của Phật, độ hóa vị Bà La Môn này xuất gia làm sa môn, để ông ấy ở một nơi yên tĩnh, tư duy, lựa chọn, tu tập pháp hiền thánh. Vị thiện nam tử xuất thân Bà La Môn này xuất gia học đạo, xuống tóc, mặc tăng phục, có lòng tin kiên cố để xa rời gánh nặng gia đình thế tục, xuất gia tu học phạm hạnh thanh tịnh vô thượng, tịnh hóa thân tâm, chứng đắc niết bàn thanh tịnh, chấm dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn luân hồi sinh tử trong ba cõi, thật sự chứng đắc thánh đạo, đoạn tuyệt phiền não đắc A La Hán quả.

Lúc đó Thế Tôn quan sát đầu đuôi nhân duyên, để giúp đỡ những tỳ kheo khác sớm chứng đắc niết bàn giải thoát, cũng vì để những chúng sinh tương lai chỉ bày đại quang minh, nhóm lên ánh sáng trí tuệ, để chính pháp thường trụ thế gian.

Đức Phật nói với Bà La Môn, đại ý là: “Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người

mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận, không phải có con cái là đã có chỗ dựa, cũng không thể dựa vào cha mẹ hay vào anh em, mà lúc đối diện với cái chết, thì không có bất cứ người thân nào để có thể cho mình nương tựa.

Trang 307 trong quyển 33 “Đại Chánh Tạng” tập 25 cũng có nói:

Sau khi thành đạo, đức Phật trở về quê hương hoằng pháp, phụ thân của Thích Tôn là vua Tịnh Phạn nhìn thấy những đệ tử của Thích Tôn có thể vì tu khổ hạnh nên người nào cũng gầy ốm, có vẻ không được trang nghiêm, nên đã hạ lệnh cho mỗi gia đình trong tộc Thích Ca phái một nam đinh xuất gia làm đệ tử đức Phật (Tộc Thích Ca đều thuộc tầng lớp vương công quý tộc, ăn ngon mặc đẹp, hồng hào trắng trẻo. Có thể vua Tịnh Phạn nghĩ như vậy mới là trang nghiêm).

Đức Phật lựa chọn ra 500 vị có thể đắc đạo, tới thành Xá Vệ xa xôi để tu hành. Tại sao không ở lại quê hương là thành Ca-tỳ-la để tu hành, mà phải dẫn họ tới thành Xá Vệ xa xôi? Bởi vì những người này vẫn chưa ly dục, nếu để họ ở gần với những bạn bè người thân sợ

rằng họ sẽ dễ dàng phá giới, nên đức Phật đã dẫn họ tới thành Xá Vệ, rời quê hương thật xa. Đức Phật còn chỉ thị cho Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên giáo hóa cho họ đêm đầu và những đêm sau đều chuyên tâm không ngủ, vì tinh tấn tu hành nên không lâu họ đã chứng đắc. Sau khi đắc đạo, đức Phật lại dẫn họ trở về cố hương. Thông thường thì tất cả chư Phật sau khi trở về cố quốc đều ở trong rừng tiên nhân Ca-tỳ-la cùng với đại hội chư thiên chúng, khu rừng này cách thành Ca-tỳ-la 50 dặm, lúc chưa xuất gia gia tộc Thích Ca vẫn thường tới đây du ngoạn săn bắn. Những tỳ kheo xuất thân từ dòng tộc Thích Ca, lúc ở thành Xá Vệ đã không ngủ nhiều đêm liền để chuyên tâm tu hành, vì vậy mà đêm cảm thấy rất dài; ra khỏi rừng để vào thành khát thực phải đi bộ 50 dặm, nên cảm thấy đường rất xa. Lúc này, đức Phật đã biết được suy nghĩ của họ, nhân lúc có con sư tử tới đánh lễ dưới chân đức Phật, sau đó lui sang một bên, đức Phật bèn nói một câu kệ, đại ý là: Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận.

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Lúc các người vẫn chưa xuất gia, tâm niệm buông thả, thời gian ngủ rất nhiều, không cảm thấy đêm dài, bây giờ nhiều đêm liền chuyên tâm cầu đạo, vì giảm thời gian ngủ lại nên cảm thấy đêm rất dài. Khu rừng Ca-tỳ-la này vốn là nơi để các người tới du ngoạn săn bắn nên không cảm thấy xa, bây giờ phải đắp y cầm bát đi bộ hành rất mệt nên sẽ cảm thấy đường rất dài. Ngoài ra, con sư tử này kiếp trước lúc ở đức Phật Tỳ-bà-thi vốn là một vị thầy Bà La Môn, nhìn thấy đức Phật đang thuyết pháp nên đã tới chỗ Phật thuyết pháp. Lúc đó, vì đại chúng quá chuyên tâm nghe đức Phật thuyết pháp, không ai chào hỏi ông ấy, nên ông đã khởi lên ác niệm, thốt lên những lời ác độc, thậm chí chửi mắng: “Đám đầu trọc các người, không khác gì với lũ súc sinh, không biết phân biệt đâu là người tốt, không biết chào hỏi người tốt”. Vì chửi người, tạo nên khẩu nghiệp, mãi cho đến bây giờ, trong 91 kiếp luôn bị đọa trong đường súc sinh. Vị thầy Bà La Môn này đáng lẽ lúc đó đã có thể đắc đạo, nhưng vì ngu si tự tạo ác nghiệp nên bị luân hồi trong tam giới, sinh tử vô tận. Có điều, vị thầy Bà La Môn ngày xưa

bây giờ là một con sư tử, vì phát tâm thanh tịnh trước đức Phật, sau này có thể được giải thoát”.

Trong câu chuyện này nhắc tới: Không ngủ sẽ thấy đêm dài, càng mệt thấy đường càng xa, người ngu muội sinh tử vô tận.

Người không ngủ được, tại sao cảm thấy đêm dài? Người mệt mỏi không đi nổi, tại sao cảm thấy đường xa? Cũng giống như thời học tiểu học, khi thầy giáo dẫn chúng ta đi bộ thật xa, đi mệt rồi chúng ta thường hỏi thầy: “Sắp tới chưa thầy?”, và thầy thường an ủi: “Sắp tới rồi, sắp tới rồi”. Như vậy đó, người mệt mỏi thì luôn cảm thấy đường rất xa. Người ngu si không biết chánh pháp, bị đọa trong luân hồi lục đạo, không biết tới khi nào mới được giải thoát, vì vậy mới nói là sinh tử vô tận.

Ngoài ra, vị Bà La Môn còn hỏi đức Phật: “Trong tương lai sẽ có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Đức Phật trả lời: “Trong kiếp sau sẽ có hằng hà sa số chư Phật xuất thế”.

Bà La Môn nghĩ: “Nếu trong tương lai còn có nhiều chư Phật xuất thế như vậy, thì mình vẫn còn cơ hội”.

Nhưng khi đi được vài bước, đột nhiên ông ấy nghĩ: “Mình mới hỏi trong tương lai có bao nhiêu đức Phật xuất thế, mà quên hỏi đức Phật ở quá khứ”, thế là vội vàng quay lại hỏi đức Phật.

Đức Phật trả lời: “Ở những kiếp trước đã từng có hằng hà sa số Phật xuất thế”.

Vị Bà La Môn này rất có tuệ căn, nên đã cảnh tỉnh ngay lập tức: “Những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao mình vẫn không gặp, hoặc cũng đã từng gặp, nhưng tại sao mình vẫn luôn hỏi trong tam giới lục đạo?” Có cơ duyên nghe được Phật pháp, mong rằng quý vị hãy quý trọng, nếu không nắm bắt ngay bây giờ thì còn chờ tới khi nào?

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé.

*Phước Nghiêm, ngày 12/4/2014*



## **Thân người khó được, như con rùa mù chui vào lỗ của miếng gỗ trôi**

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 291b~c trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Kinh điển Phật pháp nêu: có tới 8 loại chướng ngại khi nghe Phật pháp. Đó chính là “8 điều khó” mà chúng ta thường hay nói. Đây là 8 loại chướng ngại khiến chúng ta không gặp được đức Phật, không nghe được chánh pháp.

Thứ nhất là đọa vào đường Địa ngục.

Thứ hai là đọa vào đường Súc sinh.

Thứ ba là đọa vào đường Ngã quỷ.

Đây là 3 đường rất khổ.

Thứ tư là sanh vào cõi trời Trường Thọ, hưởng lạc quá mức mà không biết vô thường.

Thứ năm là sanh không gặp đức Phật ra đời, chính là sanh vào lúc trước khi đức Phật xuất thế hoặc sau khi

Phật pháp suy diệt, trong khoảng thời gian đó sẽ không gặp được chư Phật.

Thứ sáu là sanh vào nơi không có Phật pháp, tuy rằng cùng thời với đức Phật, nhưng ở một nơi cách xa đức Phật nên cũng không nghe được Phật pháp.

Thứ bảy là lực căn không đầy đủ, thì dù ở thời gian đức Phật xuất thế, và ở một nơi gặp được đức Phật, nhưng vì lực căn không đầy đủ nên cũng không thể gặp Phật và nghe pháp được.

Thứ tám là sinh trong một gia đình có tà kiến, không tin Phật pháp.

Kinh nói: Để không bị đọa vào 8 điều này đã là rất khó, còn để có được thân người lại càng khó hơn. Nếu đã rời xa được 8 điều này, thì nên tinh tấn tu học Phật pháp.

Trước đây nghe nói, có một cậu bé nghe được kinh Phật rằng: “Con rùa mù gặp được lỗ hổng của miếng gỗ trôi là một điều vô cùng khó”. Cậu bé này rất có tinh thần thực nghiệm, cậu nghĩ: “À, điều có thật như vậy không nhỉ?”

Thế là cậu ấy tìm một miếng gỗ, khoét một cái lỗ

trên đó, đủ để có thể chui đầu vào, rồi thả miếng gỗ xuống hồ. Sau đó, cậu bé tự nhảy xuống hồ, ngập lặn trong đó và cố tìm cách chui đầu vào lỗ hổng trên miếng gỗ. Nhưng miếng gỗ cứ nổi bồng bênh trên mặt nước, cuối cùng cậu bé không thể nào chui đầu vào được.

Thế là cậu ấy nghĩ: “À, thì ra chuyện này khó thật, khiến cho người ta cảm thấy chán nản. Chúng sinh trầm luân trong biển khổ không thể thoát ra được, phải chăng cũng giống như vậy? Thân người khó được, cũng giống như vậy. Đức Phật đã so sánh bằng hình ảnh miếng gỗ với cái lỗ rất nhỏ và nổi trên mặt biển bao la, con rùa lại bị mù, hơn nữa 100 năm mới nổi lên mặt nước một lần, nếu muốn chui đầu vô được lỗ hổng đó, thì đúng là điều quá khó. Bây giờ mình chỉ ở trong một hồ nước nhỏ, lỗ hổng trên miếng gỗ tương đối lớn, mình lại mở to hai mắt, và trôi lên mặt nước tới cả trăm lần, vậy mà vẫn không thể chui đầu vào được. Vậy thì con rùa mù kia làm sao có thể chui đầu vào một miếng gỗ có lỗ rất nhỏ như vậy”.

Thế là cậu bé nói một đoạn kệ, đại ý là:

Biển rộng bao la, lỗ hồng trên miếng gỗ lại rất nhỏ. Rùa mù trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần, muốn chui vô được lỗ hồng đó đúng là một điều quá khó. Bây giờ mình ở trong một hồ nước nhỏ, lỗ hồng trên miếng gỗ rất lớn, mình lại nổi lên mặt nước nhiều lần mà vẫn không chui vào miếng gỗ được. Vậy thì con rùa mù muốn gặp được miếng gỗ, đúng là cơ hội này quá mong manh. Cơ hội có được thân người từ trong ác đạo cũng sẽ mong manh như vậy. Đời này mình có cơ hội có được thân người, thì không được coi thường, càng hướng chi có hằng hà sa số Đức Phật, mình chưa có cơ hội gặp được.

Hôm nay mình có cơ hội nghe được chánh pháp vô cùng vi diệu của đức Phật, và Thế Tôn có đầy đủ mười năng lực, mình nhất định phải phụng trì tu hành. Nếu có thể tinh tấn tu hành thì cơ hội thoát ra khỏi sinh tử luân hồi sẽ càng lớn. Muốn đoạn phiền não, được giải thoát, đây là chuyện tuyệt đối không thể nào do người khác giúp cho mình đạt được, mà bắt buộc phải là tự mình tinh tấn tu hành mới thành tựu.

Nếu bị đọa vào 8 điều khó, thì không biết tới khi

nào mới có thể thoát được. Nghiệp của thế gian như bóng với hình, luôn luôn đi theo chúng ta. Nếu đã tạo ác nghiệp thì sẽ bị đọa vào ác đạo. Bây giờ mình nhất định phải thoát ra khỏi lao ngục ba cõi “dục giới, sắc giới và vô sắc giới”. Nếu không thể thoát ra khỏi lao ngục này, thì làm sao có thể giải thoát?

Nếu bị đọa vào đường súc sinh, bắt buộc phải trải qua vô lượng kiếp chịu đựng đủ loại hình đau khổ, như đòn roi, nô dịch, và sát hại.

Nếu bị đọa vào đường địa ngục, ngã quỷ thì cũng giống như đêm dài u ám, khổ não nặng nề, không được thấy Phật, nghe pháp. Nếu tự mình không tinh tấn tu hành, thì làm sao có thể thoát khỏi 3 ác đạo hiểm ác?

Ngày nay, tuy mình đã có được thân người hiếm có, nhưng vẫn không đoạn tận được cái khổ, vẫn chưa thoát khỏi lao ngục tam giới, cần phải vận dụng những phương tiện thật khéo léo để nỗ lực tinh tấn, nhất định phải thoát ra khỏi lao ngục tam giới. Bây giờ mình khẩn cầu xuất gia, nhất định phải làm cho mình được giải thoát.

Cậu bé trong câu chuyện này rất có tinh thần thực

nghiệm, nghe đức Phật dạy: “Thân người khó được, như con rùa mù chui vào miếng gỗ trôi”. Cậu bé đã tự nhảy xuống hồ nước, nhưng vẫn không thể nào chui vô được miếng gỗ của mình”.

Cậu bé đem hình ảnh “con rùa mù và miếng gỗ” trong kinh Phật để so sánh với những thí nghiệm của mình.

Một bên là rùa, một bên là người.

Một bên là biển rộng mênh mông, một bên là hồ nước nhỏ hẹp. Hơn nữa, biển còn có thủy triều, sóng to gió lớn, còn mặt nước hồ tương đối bình lặng.

Miếng gỗ trôi trên biển có cái lỗ rất nhỏ, còn miếng gỗ của mình có cái lỗ rất lớn.

Con rùa bị mù, không nhìn thấy gì; còn mình thì mở to hai mắt để tìm miếng gỗ mà vẫn không tìm được.

Ngoài ra, rùa mù một trăm năm mới trôi lên mặt nước một lần; còn mình thì mỗi ngày trôi lên mặt nước hàng trăm lần.

So sánh như vậy, thì muốn có được thân người là một điều vô cùng khó. Chúng ta có phước gặp được Phật pháp, nên cần phải nắm bắt và tinh tấn tu hành,

đừng để biến thành con rùa mù nữa.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 4 năm  
2016*

## Muốn thoát cái khổ thân này, nên mong cầu tịch tịnh

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử!

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh điển Phật giáo, câu chuyện này trích từ “Phẩm An Ninh” trong kinh “Pháp Cú Thí Dụ” từ đoạn đầu đến đoạn giữa của trang 595 quyển thứ 4 trong “Đại Tạng Kinh”.

Ngày xưa, đức Phật ở tại tịnh xá nước Xá Vệ, lúc đó có bốn vị Tỳ kheo đang ngồi dưới gốc cây, trao đổi với nhau những câu hỏi:

“Trong thế gian cái gì là khổ nhất?”

Một người nói: “Việc khổ nhất trong thiên hạ, không gì qua diệt dục”.

Người khác nói: “việc khổ nhất trong thế gian, không gì qua sân hận.”

Người khác nói: “việc khổ nhất trong thế gian, không gì qua ăn uống.

Người khác thì nói: “chuyện khổ nhất trong thế gian, không gì qua sự sợ hãi.” Họ biện luận ý nghĩa của



sự khổ như vậy hoài mà không dừng.

Đức Phật biết được sự biện luận đó nên đến trước mặt các vị Tỳ kheo rồi hỏi: “Vừa rồi các thầy biện luận vấn đề gì?”. Các vị tỳ kheo lập tức đứng dậy đánh lễ đức Phật và mỗi người trình bày tường tận chuyện họ đang biện luận.

Đức Phật nói: “Các thầy Tỳ kheo! Sự thảo luận của các vị đều đạt đến ý nghĩa chân thực cuối cùng của sự khổ. Việc khổ nhất ở thế gian, không gì qua cái thân thể này! Ăn uống, nóng lạnh, sân giận, sợ hãi, hám sắc, oán hận... các tội lỗi, đều do cái thân thể này tạo ra. Do đó, chỉ có cái thân thể này mới là nguồn gốc của sự đau khổ, là căn nguyên của tội lỗi. Vì cái thân thể này đã khiến cho chúng sanh hao tận tâm tư, lao tâm, lao lực, lo lắng, sợ hãi. Chúng sanh trong ba cõi ngã chấp trời buộc, cùng nhau xâm hại, thăm sát, cướp bóc, sanh tử luân hồi không dừng. Nếu muốn xa lìa sự khổ của thế gian, nên tìm cầu Niết bàn tịch tịnh, thâm nhiếp thân tâm, giữ gìn chánh niệm, yên lặng tịch tĩnh, không khởi phân biệt, như vậy mới có thể chứng được Niết bàn, mới là niềm vui lớn nhất.”

Do vậy Đức Phật đã nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Khổ não lớn nhất không gì qua diệt dục, sự độc hại mãnh liệt nhất không gì qua sân hận, sự thống khổ lớn nhất không gì qua sự hiện hữu của thân này, niềm vui tột đỉnh không gì qua Niết bàn tịch lạc.

Không nên tham cầu cái vui nhỏ, chút ít khả năng biện luận, một chút trí tuệ; Mà nên quan sát, tìm cầu trí tuệ rộng lớn, mới có thể nhận được niềm an lạc lớn nhất.

Ta là Thế Tôn, đã giải thoát vĩnh viễn, không còn bất cứ ưu sầu khổ não, đã vượt qua sự luân hồi của ba cõi, tự mình đã hàng phục các ác ma.”

Đức Phật nói xong đoạn kệ này, Người nói tiếp với các vị Tỳ kheo: “Trong quá khứ vô số kiếp, có một vị tỳ kheo tên là Tinh Tấn Lực đã chứng đắc năm thứ thần thông. Ông ấy ngồi dưới gốc cây trong rừng tinh tấn tịnh tu cầu đạo. Lúc đó, xung quanh ông ấy có bốn thứ chim thú: chim bồ câu, quạ, rắn độc, nai, chúng thường gần gũi với ông. Họ sống với nhau ngày này qua ngày khác rất yên ổn. Bốn loại chim thú này ban ngày đi kiếm ăn, chiều lại quay về. Có một đêm, bốn thứ chim

thú này cùng nhau thảo luận: “Trong thế gian, cái gì là khổ nhất?”

Con quạ nói: “Ăn uống là khổ nhất! Khi đói khát thân thể yếu ớt, chóng mặt hoa mắt, thần thức không yên ổn, thường tự chui đầu vào lưới, không thể kiểm soát được sự nguy hiểm của dao bén. Do nguyên nhân của sự đói khát, mà chúng ta mất đi sinh mạng. Cho nên nói đói khát là sự đau khổ nhất.”

Chim bồ câu thì nói: “Triệt dục rất thống khổ! Khi lửa ham muốn bốc lên, thì hoàn toàn không thể kiểm soát bất cứ chuyện gì; nên nó rất nguy hại đến thân xác tính mạng, đều do triệt dục mà ra.”

Còn rắn độc thì nói: “sân hận rất đau khổ, khi đã sanh khởi một niệm ác độc, thì không còn kể gì đến thân sơ, xa gần, không chỉ hại người mà còn hại đến mình.”

Còn nai thì ý kiến: “Giật mình sợ hãi rất đau khổ! Khi chúng ta đi trong rừng hoang dã, mà trong tâm lúc nào cũng lo lắng, sợ hãi thợ săn và lang sói lúc nào cũng có thể xông đến. Thế nên, chỉ cần một tiếng động nhỏ là đã khiến cho chúng ta giật mình chạy khắp nơi,

vì thế nên thường bị rút xuống hố sâu. Không chỉ mẹ con chia lìa, mà sợ hãi đến gan tan mật nát, cho nên nói giật mình sợ hãi rất thống khổ.”

Vị tỳ kheo chứng đắc ngũ thông nghe xong liền nói với chúng rằng: “Các bạn chỉ nói đến nhanh lá trôi, chứ chưa nói đến nguồn gốc thâm sâu của sự đau khổ. Cái khổ trong đời không có cái gì qua thân xác hiện tại. Thân thể là công cụ thọ khổ, đem lại cho chúng ta sự âu sầu và sợ hãi vô hạn. Vì vậy, ta mới xa lìa thế tục, xuất gia học đạo, diệt tắt vọng tưởng phân biệt, không tham đắm thân thể do Đất - Nước - Lửa - Gió: bốn đại gia hợp này. Muốn đoạn trừ cội nguồn đau khổ, chỉ có lập chí hướng về đạo giải thoát Niết bàn. Niết bàn tịch tịnh, vô hình vô tướng, vĩnh viễn tiêu trừ ưu sầu tội lỗi, đó mới là sự an lạc bậc nhất.” Bốn loại chim thú sau khi nghe xong tâm ý được sáng tỏ.

Đức Phật bảo các vị tỳ kheo: “Vị tỳ kheo đắc ngũ thông lúc đó chính là tiền thân của ta; còn bốn loại chim thú đó chính là tiền thân của các vị. Các ông trong quá khứ đã từng nghe ý nghĩa căn bản của khổ rồi, tại sao bây giờ lại nói như vậy chứ?”

Các vị tỳ kheo sau khi nghe xong cảm thấy xấu hổ liền tự trách mình. Ngay đó trước đức Phật họ chúng đăc qua A La Hán.

Ngoài ra, trong dân gian còn lưu truyền một câu chuyện khác. Vào một mùa hạ nóng bức, có năm loại động vật nhỏ tập trung bên bờ hồ, có chú ve thích hát trong mùa hè, còn có cá, chim, ong và rùa. Trong chúng có một con đê nghị: “Mỗi người đều có một nỗi niềm khó nói, vậy mọi người tự nói một câu đối trình bày nỗi khổ trong tâm của mình để cùng chia xẻ.”

Chú ve nói trước: “Kim phong vị động thiên tiên giác, ám tống vô thường tử bất tri.” Kim phong nghĩa là gió mùa thu. Chỉ vào mùa hè loài ve mới có thể dùng hết sức mình cất giọng cao để hát. Mùa thu chưa tới, nhưng loài ve sớm đã có cảm giác, thời gian không biết đến lúc nào, và cái chết không còn xa nữa.

Chú cá tiếp tục: “Ngũ hồ tứ hải nhậm du du, tự tâm đoạn kiến thượng điếu câu.” Loài cá có thể bơi lội khắp trong năm hồ bốn biển, nhưng khi con người thả xuống chút mồi ngon, là cá đã không dừng được sự cảm dỗ, nên bị móc trong lưỡi câu. Đó là ngu ngốc tự mắc câu.

Quạ thì ngậm ngùi: “Loài người vì tiền tài mà chết, còn loài chim thì vì miếng ăn mà mất mạng.”

Chú ong chua chát nói: “Hút hoa thành mật xong, vì ai mà cực khổ cả đời?”

Cuối cùng, mọi người đều hướng mắt nhìn bác rùa, đợi bác ấy phát biểu. Bác rùa phản ứng chậm chạp, thò đầu ra rất khổ tâm vì không biết nói gì cho phải?. Chính ngay lúc đó, có một đứa con trai nghịch ngợm đi ngang qua, nhìn thấy chim thú tập trung lại với nhau, nó nghĩ: “Ah! Có năm con thú nhỏ đang tập trung ở đây, mình ném một cục đá, ít nhất cũng trúng một con.” Do đó, đứa con trai thuận tay lượm cục đá ném tới trúng ngay đầu của con rùa. Bác rùa hoảng nhiên thức tỉnh nói: “thị phi là do nói nhiều chuyện, phiền não đều do cố ý xuất đầu lộ diện.”

Mọi người đều tán thán: “Bác rùa nói rất hay, nói rất hay!”

Lúc này, đứa con trai vì dùng sức quá mạnh, không để ý nên bị té rơi vào trong hồ nước; mọi người đều đồng cảm thán: “Đường lên trời rộng không đi, biển khổ vô biên hẹp thì lại xuống.”

Đức Phật nói có tám thứ khổ: sanh, già, bệnh, chết, cầu mà không được, oán ghét lại gặp nhau, thương yêu thì xa lìa, năm ấm bất hòa khổ.

“Cầu bất đắc khổ”: là mọi người luôn hi vọng được giàu có, danh vọng hay quyền lực. Nhưng thường cầu lại không được nên cảm thấy đau khổ.

“Oán tắng hội khổ”: Là đôi bên không phù hợp ý kiến với nhau, chỉ nhìn thôi là đã không ưa rồi, nên càng nhìn càng buồn, nhưng lại thường phải ở với nhau, không thể xa lìa, thật là đau khổ.

“Ái biệt ly khổ”: Là người thương mà không thể ở với nhau, nên thường ở trong tình trạng nhớ nhung, thậm chí là sanh li tử biệt. Đúng là đau khổ tột cùng.

“Ngũ thủ uẩn khổ”: Đó là do sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp lại mà thành thân tâm. “Ngũ thủ uẩn khổ” này là căn nguyên của mọi sự đau khổ, cũng là câu ở trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” “Cái khổ trong thế gian, không gì qua cái thân hiện tại”. Chúng sanh vì chấp trước cái sắc thân này, chấp thân tâm này mà dẫn khởi “sanh, già, bệnh, chết” khổ..., vì tham đồ vật dục mà có “cầu bất đắc khổ”. Trong quan hệ xã hội thì có “oán tắng hội

khô” và “ái biệt ly khô”, cho nên nói “ngũ thủ uẩn khô” là căn nguyên của mọi sự thống khổ.

Cho nên, muốn diệt trừ đau khổ, phải đoạn trừ phiền não, không nên chấp trước cái khổ báo thân ngũ uẩn mới được!

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 26 tháng 4 năm 2013*



## **Kỳ Dạ Đa đuổi rồng ác, nghe nỗi khổ về sự sống lâu của ngọc quý**

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến!

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ “Kinh Tạp Bảo Tịch” kinh số 91 trang 483a~c “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Ngày xưa có một vị tôn giả A-la-hán tên là Kỳ Dạ Đa, sinh tại nước Quy Tân, phía bắc Ấn Độ. Đó là thời kỳ sau khi Đức Phật nhập Niết bàn bảy trăm năm.

Lúc đó ở nước Quy Tân có một con vua rồng hung bạo, tên là A Lợi Na. Nó thường nhiễu loạn ở trong nước, quấy rầy các bậc thánh hiền; gieo rắc tai họa cho người dân. Do vậy, mà dân chúng rất lo lắng, khổ sở.

Khi đó có hai ngàn vị A-la-hán, mỗi vị đều sử dụng hết sức thần thông của mình để đuổi con rồng ác này ra khỏi nước. Trong đó, năm trăm vị A-la-hán dùng thần thông làm chấn động mặt đất, năm trăm vị A-la-hán phóng ánh sáng chói lòa, năm trăm vị nhập định, năm trăm vị đi kinh hành. Tất cả các vị A-la-hán đều dùng

hết sức thần thông của mình, nhưng cũng không thể làm nhúc nhích con rồng chúa quái ác này.

Lúc này, Tôn giả Kỳ Dạ Đa là người tới cuối cùng. Ông đến nơi vua rồng ở bên hồ, gõ ba tiếng rồi nói: “Rồng! Mày phải đi ngay lập tức, không được ở lại nơi đây!”

Long vương nghe xong lập tức đi ngay, không dám ở lại.

Khi đó hai ngàn vị A la hán hỏi Kỳ Dạ Đa: “Chúng tôi và Tôn giả đều đã đoạn tận tất cả phiền não được giải thoát, sở đắc được giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ngũ phần pháp thân cũng như nhau; Vì sao chúng tôi mỗi người đều dùng hết thần lực của mình, nhưng cũng không khiến long vương nhúc nhích. Vậy mà Tôn giả chỉ cần búng tay “tốc! tốc! tốc!” ba cái, thì đã khiến được long vương rời khỏi nơi đây, dời đến nơi biển lớn vậy?”

Tôn giả trả lời: “từ trước tới giờ tôi luôn giữ gìn trì giới thanh tịnh. Tội nhỏ nhất, tôi cũng không dám vi phạm, giống như không phạm vào bốn giới trọng sát, đạo, dâm, tà vọng vậy. Hôm nay mọi người không điều

khiến được con rồng này là do lực thần thông không giống nhau.”

Sau đó, tôn giả Kỳ Dạ Đa cùng các đệ tử đi về phía Bắc Ấn Độ, giữa đường gặp một con quạ, tôn giả ngược đầu nhìn nó mỉm cười.

Đệ tử thưa hỏi: “Không biết tại sao Tôn giả lại cười? Hi vọng, ngài có thể nói cho chúng con nghe hàm ý của nó được không?”

Tôn giả trả lời: “Khi nhân duyên đến, ta sẽ nói với các con.”

Thầy trò họ lại tiếp tục lên đường, đi đến thành Thạch Thất. Khi đến cửa thành, thần sắc của tôn giả đột nhiên trở nên buồn bã. Vì đã đến thời gian ăn cơm trưa nên họ vào trong thành khát thực. Dùng cơm xong, khi đi về tới cổng thành, sắc mặt của Tôn giả lại biểu hiện rất buồn bã.

Các vị đệ tử liền quỳ thẳng gối thỉnh ý tôn giả: “Không biết vừa rồi tại sao tôn giả lại mỉm cười? Mà bây giờ tại sao sắc mặt lại buồn bã như vậy?”

Tôn giả Kỳ Dạ Đa trả lời đệ tử rằng: “trong quá khứ chín mươi mốt kiếp, sau khi Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết

bàn, Thầy sanh làm con trai ở nhà một vị trưởng giả. Khi ấy, thầy cầu xin cha mẹ cho xuất gia, nhưng cha mẹ không đồng ý và nói rằng: “Nhà mình nhiều tài sản, sự nghiệp to lớn, nếu con đi xuất gia rồi thì ai nối nghiệp gia đình và nối truyền tông đường đây?. Chúng ta cưới vợ cho con, đợi con sanh con trai, có người nối dõi tông đường rồi sẽ cho con xuất gia.” Do đó thầy đã lập gia đình.

Sau khi cưới vợ, thầy lại cầu song thân cho xuất gia, cha mẹ lại nói: “Nếu sanh được một đứa con trai, mới cho con xuất gia.” Không bao lâu, gia đình thầy đã sanh được một cậu con trai. Khi bé trai đã biết nói, thầy lại thỉnh cầu song thân: “Hi vọng cha mẹ giữ lời hứa, cho con xuất gia.”

Khi đó cha mẹ thầy lo lắng sợ thất hứa, lén kêu vú em dạy thẳng bé: “Cha con nếu muốn đi xuất gia, lúc sắp đi, con hãy ra đứng chặn ở cửa, nắm áo cha con và nói rằng: Cha đã sanh con ra, tại sao bây giờ bỏ con mà đi xuất gia? Nếu cha thật sự muốn đi, thì cha hãy giết con trước rồi hẵng đi.”

Lúc ấy cha đưa bé cảm thấy rất đau khổ, liền đổi ý

nói với đứa trẻ rằng: “Được rồi! được rồi! cha sẽ ở lại, không đi nữa.” Vì nhân duyên như vậy mà luân hồi sanh tử không ngừng trong ba cõi sáu đường.

Sau đó, ta dùng đạo nhãn quan sát trên trời, cõi người, tam ác đạo trong quá khứ, phát hiện rằng chúng ta gặp nhau rất khó! Có duyên gặp nhau thật là khó! Hôm nay không dễ dàng gì mới gặp mặt nhau. Lúc đầu thầy mỉm cười với con quạ, trước kia là con của ta, và cũng là cháu của trưởng giả.

Cho đến vừa rồi tại sao sắc mặt thầy rất đau buồn, là do khi ta đến bên thành nhìn thấy con của con quỉ đói, nó nói với ta rằng: “tôi đã ở bên thành này đã bảy mươi năm rồi, mẹ tôi vì tôi đã vào trong thành xin ăn nhưng tới giờ vẫn chưa quay về. Tôi bây giờ vừa đói vừa khát, đau khổ vô cùng, hi vọng tôn giả vào trong thành, nếu gặp mẹ tôi xin nói giúp một tiếng: “Mau quay về gặp tôi!”

Sau khi ta vào thành, gặp mẹ của quỉ đói, liền nói với bà ấy rằng: “con của bà ở ngoài thành, đói khát khôn khổ rất nguy cấp, nó rất nhớ bà, nó hi vọng sớm được gặp bà.”

Khi ấy quý mẹ nói với ta rằng: “Tôi vào thành này cũng đã hơn bảy mươi năm, tôi phước đức mỏng manh, lại mới sanh con trai, đói khát yếu ớt không có sức lực, tuy có thấy thức ăn máu mủ, đờm giải, nước miếng, phân v.v., nhưng bị các con quỷ khỏe mạnh giành trước, nên tôi không có được thứ gì cả! Cuối cùng không dễ dàng kiếm được một miếng đồ ăn bất tịnh. Cũng muốn đem ra ngoài thành chia cho con cùng ăn, nhưng đành bất lực vì trong thành có nhiều con quỷ mạnh khỏe không cho tôi đi ra. Hi vọng tôn giả từ bi thương xót, đem tôi ra ngoài thành, để mẹ con tôi có thể gặp nhau, cùng ăn đồ ăn bất tịnh này.”

Lúc này tôn giả liền đem quý mẹ ra ngoài thành, hai mẹ con mới được gặp nhau và cùng ăn thức ăn không được sạch sẽ này.

Khi ấy, Tôn giả hỏi quý mẹ: “Người sống ở thành này bao lâu rồi?”

Quý đói trả lời: “tôi ở đây xem thành này xây lên được bảy lần, và cũng chứng kiến nó đã bảy lần bị phá hủy.”

Tôn giả cảm thán: “Ah! Thọ mạng của nga quỷ thật

là lâu, đúng là đại khổ!”

Khi đó chúng đệ tử nghe xong câu chuyện đều chán ghét sanh tử luân hồi, không bao lâu đều chứng Thánh quả.

Câu chuyện này có ba đoạn nội dung khác nhau:

Đoạn đầu nói hai ngàn vị A la hán dùng hết sức thần thông của mình nhưng cũng không làm nhúc nhích được con rồng ác, nhưng tôn giả Kỳ Dạ Đa vì từ khi thọ giới giữ gìn thanh tịnh, ngay cả giới nhỏ nhất cũng không dám phạm. Vậy nên, Tôn giả chỉ cần búng tay ba cái, nói với nó rằng: “Đi ngay lập tức!”, Rồng ác liền ngoan ngoãn đi ngay. Thật ra, trừ ngoại hình của rồng ác ra, chúng ta nghĩ xem có phải trong tâm cũng có một con rồng ác? Chúng ta hãy tự mình phản tỉnh: có phải mình cũng rất dễ dàng nổi giận? Một khi giận dữ nổi lên thì không thể dừng lại. Giận dữ không chỉ làm tổn thương người khác mà còn làm hại cả thân mình. Nếu như giữ giới nghiêm ngặt, thì không chỉ có thể đối trị với rồng ác ở bên ngoài, mà còn có thể đối trị rồng ác ở trong tâm.

Đoạn thứ hai nói về chuyện xuất gia là việc khó,

nghĩa là muốn xuất gia, thông thường hay bị gia đình cản trở, cần có đầy đủ nhân duyên mới được. Nếu như có người muốn xuất gia, chúng ta không nên làm chướng ngại người khác xuất gia. Nếu như tự mình có nhân duyên xuất gia thì cũng nên trân trọng. Ngoài ra, có những người kì vọng đời sau có thể kết duyên vợ chồng hay kết làm cha con, thầy trò v.v.. Nhưng trong kinh đã nói: nếu như không có giải thoát ra khỏi tam giới, mọi người tự luân chuyển trong sáu đường, có duyên gặp lại cũng không phải dễ dàng, trừ khi oan gia đường hẹp. Thật ra, nếu như không có đồng nguyện đồng hành, muốn gặp lại cũng không dễ dàng gì.

Đoạn thứ ba là nhắc tới thọ mạng của ngạ quỷ rất lâu, từ khi nhìn thấy một thành phố xây dựng lên rồi bị hủy hoại, bị hủy hoại rồi lại xây mới. Đã trải qua bảy lần xây dựng, rồi lại bị hủy hoại mà ngạ quỷ vẫn còn chưa chết. Đây cũng là do đời trước tham lam, chỉ có thể ăn được một ít đồ máu mủ, mũi giải, nước miếng, phân v.v.. dơ dáy; là những thứ dơ dáy này thật đáng ghê sợ. Đã vậy, lại còn thường bị những con quỷ mạnh khỏe khác giành giật, nên luôn luôn bị đói khát. Trong



kinh nói: “Bỏ xén tài vật, không chịu bố thí thì sẽ bị quả báo nghèo nàn. Keo kiệt không chịu hành bố thí pháp thì sẽ bị quả báo ngu xuẩn.” Chúng ta nếu không muốn bị đọa vào cõi ngạ quỷ, thì nên diệt trừ tham lam, thực hành hạnh bố thí nhiều mới được!

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 23.11.2013 Ban tuyên truyền gia ố  
dục Phước Nghiêm*

## Nhân duyên Ưc Nhĩ vào thành ngạ quỷ tìm nước

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến.

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ kinh “Đại Trang Nghiêm Luận” từ 275c~ 276b trong “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Chủ nhân câu chuyện này là Ưc Nhĩ, theo “Thập tụng luật” chép: nghe nói rằng Ưc Nhĩ lúc ra đời, tai có đeo vòng vàng giá trị một ức (trăm triệu), do đó mọi người gọi là Ưc Nhĩ. Về sau Ông cảm thấy cuộc đời vô thường mà phát tâm xuất gia.

Trong kinh nói rằng: thị hiện quả báo phóng túng là nguyên nhân hi vọng mọi người không nên phóng túng.

Hồi xưa nghe nói rằng, vị thương nhân có một người con trai tên là Ưc Nhĩ, người con trai đó ra biển lận tìm của quý. Sau khi tìm được của báu, trên đường trở về nhà, cùng đồng bạn tách nhau ngủ qua đêm. Do không có người bên cạnh, trong lúc lo lắng bồn loạn, lại vừa đói vừa khát, thì thấy xa xa có một thành phố, cậu

nghĩ rằng nơi đó nhất định có nước uống, nên đi về hướng đó để xin nước.

Ức Nhĩ đi đến bên con đường cái rộng lớn có thể lưu thông với những con đường khác trong thành, lẽ ra phải có nhiều người tập trung mới đúng, nhưng lại không có một bóng người, vì quá đói khát nên hét lên: “nước! nước!”. Nhưng thật ra ngôi thành này là nơi cư ngụ của quỷ đói.

Chúng ngựa quỷ trong thành nghe tiếng “nước”, lập tức từ bốn nơi tám phía tập trung lại nói: “vị nào từ bi cho tôi nước uống?”

Thân hình của những con quỷ này như ông táo bị đốt cháy, chỉ có râu tóc bao quanh. Chúng quạ quỷ chấp tay thưa: “làm ơn cho tôi nước!”

Ức Nhĩ trả lời: “Vì ta quá khát nước mới tìm đến thành này tìm nước !”

Lúc này chúng ngựa quỷ nghe nói Ức Nhĩ vì không chịu nổi cơn khát nên mới tìm đến, thì những hi vọng mong manh đã tan nát, chúng liền than vãn: “Người không biết đây là thành phố ngựa quỷ sao mà lại muốn tới đây tìm nước?”

Ngạ quỷ liền nói bài kệ, đại ý như sau:

“Chúng tôi ở trong thành này đã trải qua trăm ngàn vạn năm đều chưa từng nghe qua chữ “nước”, thì làm sao mà có nước uống? (Đương nhiên là không uống được nước. Chữ nước còn chưa nghe tới thì làm sao mà có nước mà uống chứ?)

Chúng tôi cũng giống như rừng Đa La bị lửa lớn thiêu rụi vậy, thân thể chân tay, gân cốt đều đang bị thiêu đốt.

Bất kể là ngày hay đêm, đầu tóc đều rơi bù, thân thể đều bị huỷ hoại; chúng tôi chỉ nghĩ đến thức ăn, và sợ hãi đi lang thang khắp nơi.

Do bị đói khát bức bách, muốn đi đến các nơi xin nước, thì có người cầm gậy rượt đuổi, khi đuổi tới nơi thì bị ăn đòn một trận như tử.

Tai chỉ thường nghe những tiếng chửi mắng, chưa từng nghe dù là nửa câu nói hay, huống hồ chi là chúng tôi có được một giọt nước để thấm nhuần cổ họng và đầu lưỡi khô khan này!

Trong núi non này, nếu trời mưa xuống thì dù là một giọt, ngay lập tức nước mưa sẽ biến thành nước lửa

nóng rực dội trên người chúng tôi.

Nếu như thấy sông ngòi, rạch nước, lập tức chúng đều biến thành biển lửa đang chảy; mỗi khi nhìn thấy ao hồ và nước giếng thì chúng lập tức khô cạn, hoặc biến thành máu mủ, hôi thối dơ dáy làm cho mọi người kinh tởm.

Thực ra chúng tôi muốn chạy đến nơi có nước, nhưng chúng Dạ Xoa cầm gậy sắt đánh dữ dội không cho tới gần. Chúng tôi bị sự đau khổ như vậy thì làm sao có nước bổ thí cho người chứ?

Trong quá khứ, vì chúng tôi quá tham lam, lại thường ganh tị người khác. Cho đến bây giờ cũng chưa từng bố thí nước và thức ăn cho bất kì người nào.

Đồ vật của riêng không những không muốn cho người khác, mà còn ngăn cản người khác bố thí. Do trong quá khứ chúng tôi tạo các ác nghiệp quá lớn, nên ngày nay phải chịu sự đau khổ và buồn phiền như vậy.

Bố thí có thể nhận được quả báo lớn như mùa xuân gieo rắc hạt giống, mùa thu có thể thu hoạch. Nhưng quá khứ chúng tôi không có gieo trồng nhân tốt, nên đời này phải chịu khổ như vậy.

Do phóng dật giải đãi, tham lam ích kỷ, không dám bố thí, nên phải nhận quả khổ vô cùng tận. Nguồn gốc của mọi sự đau khổ không gì qua tâm tham, đố kỵ. Do vậy nên nỗ lực tinh tấn, mới mong tiêu trừ tội lỗi này.

Bố thí là hạt giống thiện, từ đây có thể sinh sản mọi thứ có lợi ích, an lạc. Vì vậy mọi người nên thường hành thiện bố thí, đừng như chúng tôi, để đến giờ khi gặp quả báo khổ mới hối hận thì đã không kịp nữa.

Cũng như vậy, trong loài người, nếu nhìn về ngoại hình thì không có gì khác nhau, nhưng do tạo nghiệp không đồng nên có quả báo cũng không giống nhau.

Người phú quý thì có rất nhiều tài sản. Mà người khốn khó luôn phải ngửa tay cầu xin người khác giúp đỡ. Người ở cõi trời tuy dụng cụ ăn uống giống nhau, nhưng sắc hương mỹ vị của thức ăn lại khác nhau vời vợi.

Nếu đọa vào trong hàng súc sanh, nghiệp báo cũng không giống nhau, có loài thì được hưởng phước lạc, có loài thì gặp muôn ngàn khổ não. (Giống như thú cưng, được chủ nhân tắm rửa, cho ăn, dắt đi tản bộ, nhưng là thú hoang... thì lại không có thức ăn).

Do tham lam, keo kiệt, ganh tỵ thì dù là loài người, trời, hay súc sanh khi đi đến bất cứ nơi đâu, tất cả sự tốt đẹp an lạc đều biến mất, luôn thiếu hụt.

Loài ngựa quỉ bị lửa dữ thiêu đốt vô cùng đau khổ, chân tay đốt xương đều bốc khói và lửa như cây hoa màu đỏ, bị voi say dùng vòi cuốn lại vút trong không trung, lúc này toàn thân bị lửa đốt cháy đỏ như bị hoa hồng che phủ.

Thánh hiền từng nói, tham lam, đố kỵ khiến người đau khổ nhất, sẽ cảm nhận quả báo khổ. Nếu nhìn thấy người đến xin ăn liền khởi tâm phiền muộn không vui. Chỉ trong một sát na khởi tâm phiền muộn sẽ dẫn đến những hành động thấp hèn. (Có tâm phiền muộn như vậy, tất sẽ dẫn đến những hành động thấp hèn như vậy).

Ngu si, ích kỉ, không bố thí chính là trồng xuống mầm mống nghèo khổ, lòng tham. Nó sẽ không ngừng tích lũy, tương lai tất sẽ bị đọa vào trong đường ác.

Keo kiệt, tham cầu không chán đó là cội gốc của tất cả khổ não; do vậy người có trí huệ nên đoạn trừ keo kiệt, lòng tham.

Có ai muốn được vui vẻ, danh tiếng tốt, được mọi

người cung kính mà lại bỏ chánh đạo, đi tìm cầu con đường bất chính? (Đương nhiên là không có rồi!)

Nếu hành tà đạo, đời này không chỉ đau khổ mà tương lai cũng sẽ như vậy.

Thế gian này phiền não, dẫn đến hành động có thể làm chướng ngại quả báo thí thanh tịnh. Ích kỷ và lòng tham là giặc oán lớn nhất trong tất cả giặc oán.

Cái thân thể nặng nề ngu xuẩn này, những nhu cầu cần thiết về quần áo, ăn uống, thuốc thang, và tất cả sự giải trí đều bị lòng tham, đố kỵ ngăn cản không được hưởng trọn vẹn.

Lòng tham, và đố kỵ rất nhỏ, nhỏ đến nỗi không dễ dàng cảm nhận, không dễ dàng ngăn cản không chế. Do vậy, nên lấy bố thí làm cửa đạo kiên cố, để cho tâm thanh tịnh cảm nhận được sự bảo hộ nghiêm mật, không bị bất cứ vật gì xâm hại.

Nhất định không nên để lòng tham, đố kỵ xâm nhập vào trong tâm, nếu như bị nó xâm nhập (thì dễ dàng đọa vào đường nga qui). Đến lúc đó, thì dù có nước sông, nước biển lớn nhiều như vậy cũng trở thành thứ nước không thể uống được.”



Ức Nhĩ thấy được tội lỗi, ác báo đáng sợ của sự tham lam và phóng dật liền sanh tâm chán ghét sanh tử, liền trở về thỉnh cầu được xuất gia; sau khi xuất gia thì tinh tấn tu học thiên định, trí huệ mà chứng được quả A la hán.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta không nên tham lam, ích kỉ. Có người bản thân không hành bố thí tài vật, mà còn ngăn cản người khác hành bố thí, như vậy sẽ rất dễ đọa vào đường nga quỉ. Do nghiệp lực, thì dù cho nước sông nhiều đến bao nhiêu cũng không thể dùng được. Mà tai chỉ thường nghe tiếng mắng chưởi, xấu xa, không được nghe một câu nói tốt. Tất cả chúng ta đều hi vọng nghe tiếng ác mắng chưởi hay sao? Đương nhiên là không mong muốn như vậy rồi.

Trên phương diện pháp thí cũng vậy, không biết thì mau mà học, học rồi thì mau mà dạy người khác. Nếu bản thân không hành pháp bố thí, không hộ trì người hành pháp bố thí, lại còn ngăn cản người khác hành pháp thí, ngăn cản người khác nghe pháp, thì rất dễ bị quả báo ngu si. Dù cho có nước cam lồ của Phật và Bồ tát, anh có thể dùng được không? Cũng giống như nga

quỉ vậy, không thể dùng nước sạch bình thường được. Nếu như người mắc quả báo ngu si cũng vậy, dù có nước pháp cam lồ cũng không dùng được.

Nếu như mình thật không có khả năng hành bố thí tài vật hay bố thí pháp, hi vọng thường được khởi tâm hoan hỉ, khi thấy người khác bố thí có thể thành tâm hoan hỉ tán thán mà không đố kỵ hay hủy báng.

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 29 tháng 3 năm 2014*

## Đời trước đời sau, nghiệp quả kế thừa tiếp nối

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ kinh “Tỳ kheo Na Tiên” từ trang 704a~ trang 711a trong “Đại chánh tạng” quyển thứ 32.

Ngày xưa, có một ngôi chùa trong núi tên là Ca La Hoàn ở đất nước kia. Trong chùa có năm trăm vị xuất gia và đều đã chứng quả A la hán. Mỗi tháng chùa có sáu ngày lễ tụng kinh đến sáng hôm sau.

Lúc đó, trên núi cũng có một con voi chúa ở gần chùa. Voi chúa biết chùa có sáu ngày lễ hội tụng kinh, nên mỗi khi tới ngày lễ, nó đều đến chùa nghe kinh. Chúng trong chùa đều biết voi thích nghe kinh nên chờ nó đến rồi mới bắt đầu tụng kinh. Con voi này rất chuyên tâm nghe kinh. Nó nghe cho đến sáng mà không ngủ gục, cũng không ngồi nằm cử động tùy tiện.

Do voi chúa thường nghe kinh và lễ bái Phật trong quá khứ ấy, sau khi chết tái sinh làm con trai của một

nhà bà la môn. Vì trong nhà không nghe được kinh Phật và không thấy tăng sĩ, nên anh ta rời nhà vô rừng sâu tu đạo bà la môn. Nơi cư trú của anh, gần đó còn có một vị bà la môn tu hành, hai người thường tới lui chào hỏi và trở thành bạn bè.

Trong hai người, một người nghĩ rằng: “Tôi rất ghét thế gian này, vì theo đuổi chức vị mà ưu sầu đau khổ, già nua, bệnh tật, sau khi chết sẽ bị đọa vào trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh, nghèo nàn, nên tôi muốn cạo bỏ râu tóc, đắp y cà sa xuất gia thành sa môn tìm cầu giải thoát vô vi xuất thế gian.

Còn người kia thì nghĩ rằng: “Tôi muốn trở thành quốc vương, muốn gì được nấy, thần dân trong thiên hạ đều thuộc về ta, nghe lời dạy và mệnh lệnh của ta.” Hai người đều tự mình phát nguyện như vậy.

Hai người sau khi mạng chung, tái sinh trong cõi người. Trong đó có một vị hồi trước muốn làm vua thì sanh làm hoàng tử con vua bên cạnh bờ biển, được cha mẹ đặt tên là Di Lan. Còn một người trong quá khứ muốn tìm cầu đạo xuất thế vô vi Niết bàn, thì sanh ở huyện Qui Tân nước Thiên Trúc, cha mẹ đặt tên là Đà

Lạp. Đà Lạp khi sanh ra trên mình được đắp một tấm cà sa; do hồi trước phát nguyện muốn xuất gia nên khi ra đời như ý nguyện thế. Khi đó, cùng ngày trong nhà có một con voi chúa cũng ra đời, người Thiên Trúc gọi voi là “Na”, cha mẹ lại đặt tên cho con trai là “Na Tiên” .

Na Tiên sau đó xuất gia, ngày đêm tinh tấn tu hành, không hề giải đãi, sau cùng chứng được quả A la hán.

Tỳ kheo Na Tiên chuyển đến ở trong chùa Tiết Chi Ca nước Xá Kiệt ở Thiên Trúc, có một người bạn trong quá khứ đó là Thái tử Di Lan ở bên cạnh bờ biển.

Thái tử Di Lan lúc nhỏ rất thích đọc kinh điển ngoại đạo, thông thạo tất cả tư tưởng lý luận, những người đến vấn nạn chưa từng có ai thắng nổi, sau khi cha mẹ qua đời, Di Lan đăng quang làm quốc vương.

Vua Di Lan hỏi đại thần ở bên cạnh: “bậc tu hành và những người dân trong nước, có ai có thể cùng ta biện luận kinh pháp không?”

Đại thần bẩm báo rằng: “Có một vị tu tập Phật pháp, mọi người gọi ông ta là Sa môn. Vị này trí huệ quảng bác, thông đạt, có thể cùng quốc vương biện luận kinh pháp đạo lý.”

Vua Di Lan nghĩ: “Thật vậy sao?” Liên sai người thỉnh mời Tỳ kheo Na Tiên đến cùng đàm luận.

Nội dung biện luận rất dài, tôi chỉ trích trong đó một đoạn nhỏ như sau:

Vua Di Lan hỏi Tỳ kheo Na Tiên: “con người sau khi chết, chủ thể chuyển kiếp qua đời sau là gì?”

Tỳ kheo Na Tiên trả lời: “Chuyển kiếp qua đời sau gọi là “danh” (đó là tinh thần) và “thân” (nhục thể).” (Đó là danh và sắc, là tinh thần và nhục thể.)

Vua Di Lan lại hỏi: “là tinh thần và nhục thể của người đó trực tiếp chuyển kiếp qua đời sau hay sao?”

Tỳ kheo Na Tiên trả lời: “Thưa không phải vậy, không phải tinh thần trong quá khứ chuyển qua đời sau, mà nhục thể trong quá khứ cũng không phải trực tiếp chuyển qua đời sau; mà là những gì tinh thần và nhục thể đã tạo nghiệp thiện và ác trong đời này, do mối quan hệ nghiệp thiện và nghiệp ác này mà đầu thai ở đời sau.

Nhà vua nói: “Nếu đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp ác và nghiệp thiện, mà thân này sẽ không đầu thai ở đời sau, vậy bất cứ tạo nghiệp thiện hay ác ở

đời này, sao không thể giải thoát trực tiếp để sau không còn phải chịu các thứ đau khổ?” Có lẽ vua Di Lan nghĩ rằng: “thân ta không chuyển qua đời sau, vậy ta đã tạo nghiệp thiện ác cùng với thân đời sau không có quan hệ gì cả! Như vậy không phải ta có thể làm bất cứ việc thiện ác hay sao?”

Na Tiên đáp: “Ngài cho rằng đời này tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác, cái “thân” đời này không có chuyển qua đời sau, như vậy có thể đạt được giải thoát sao? Thật ra, nếu con người không ngừng tạo các nghiệp ác hoặc thiện, nếu phiền não không có đoạn trừ, nhất định sẽ cảm nhận một thân ngũ ấm khác thọ báo ở đời sau, do đó vẫn không thể đạt được giải thoát.”

Na Tiên nêu một ví dụ: “Giả như có một người ăn trộm dưa của người khác, bị chủ nhân bắt được, chủ nhân dắt tên ăn trộm đến trước nhà vua và nói rằng: “Người này đã ăn trộm dưa của tôi.” Tên ăn trộm nói: “Tôi không có ăn trộm dưa của người này! Người này trông là cây giống không phải trồng dưa. Tôi lấy là trái dưa, anh ta trông là cây giống, sao lại nói tôi là ăn trộm? Tôi không có lấy dưa của anh ta, tôi không có tội!”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Giữa hai người tranh luận, ai có lý, ai không có lý?”

Nhà vua nói: “đương nhiên là người trồng cây có lý, vì cây dưa giống là do anh ta trồng, tên ăn trộm kia không có đạo lý, chính xác là có tội.”

Na Tiên hỏi: “Người ăn trộm vì sao có tội?”

Vua nói: “Đã nói là tên ăn trộm có tội, là vì nó không có trồng cây dưa giống, đương nhiên là không có trái dưa. Mà người trồng dưa đã gieo xuống hạt giống dưa, hạt giống ở trong đất nảy mầm, lớn lên mới thành trái dưa được chứ!”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp thiện ác, thực ra không phải “danh” và “thân” trực tiếp luân chuyển qua đời sau, mà là nghiệp thiện ác. Tạo nghiệp rồi nên cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo. Đời này đã tạo các nghiệp thiện, ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai (nghiệp thiện ác là cội gốc).”

Na Tiên nói tiếp: “Ví như có người ăn trộm lúa của người khác, bị chủ nhân bắt được và nắm áo trách: “Tại



sao mà ăn trộm lúa của tao”, tên trộm nói: “Tôi mới không ăn trộm lúa của ông! Bởi vì thứ ông trồng là mầm lúa, cái tôi lấy là hạt lúa, sao lại nói tôi ăn trộm?” Hai người giảng co qua lại, sau đó đến trước vua thưa lại những lời như vậy.

Na Tiên hỏi nhà vua: “Hai người đó, người nào có lý, người nào không có lý?”

Nhà vua trả lời: “Người trồng lúa có lý, tên trộm không có lý.” Na Tiên hỏi: “Làm sao biết người ăn trộm không có lý?”

Nhà vua nói: “cây lúa là do người gieo mầm mới thành cây lúa, thì đương nhiên là của ông ấy rồi! Tên trộm không có gieo mầm, mà đã không có nhân duyên trồng cây thì làm sao mà gặt được lúa chứ?”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp thiện ác, thực ra không phải “danh” và “thân” trực tiếp luân chuyển qua đời sau, mà là nghiệp thiện ác. Tạo nghiệp rồi nên cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo, đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sanh trong tương lai (nghiệp thiện ác là

cội gốc).”

Na Tiên lại nêu tiếp một ví dụ: “Ví như mùa đông lạnh rét, có người muốn đốt lửa trong phòng để sưởi ấm, sau đó người này để lửa như vậy rồi bỏ đi, không ngờ rằng, lửa bén lên bức tường và cháy rụi cả căn nhà. Chủ nhà bắt được người đốt lửa, kéo đến trước mặt nhà vua thưa rằng: “Người này đã vút lửa làm cháy toàn bộ căn nhà của tôi rồi!” Người đốt lửa nói: “Tôi chỉ đốt chút xíu lửa để sưởi ấm thôi, tôi không có đốt nhà của ông!”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Ai là người có lý?”

Nhà vua nói: “Người đốt lửa vô lý, vì lửa lớn là do hấn đốt từ lửa nhỏ mà thành.”

Na Tiên nói: “Đời người cũng như ví dụ này vậy. Đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai.”

Na Tiên lại nêu một ví dụ: “Giả như có người ban đêm đốt đèn sáp gắn lên trên tường, muốn để rọi sáng thấy đường ăn cơm. Nhưng đèn sáp cháy đến đục vách tường gỗ và không bao lâu căn nhà đã bị cháy rụi, ngọn lửa rất mạnh, sau đó thì cháy lan ra, cả thành phố bị đốt tiêu tan. Dân trong thành phố rất giận dữ, trách

anh ta rằng: “Tại sao người lại đốt cháy cả thành phố chứ?”. Người đốt đèn nói: “Tôi chỉ thắp cây đèn sáp nhỏ để chiếu sáng thấy đường ăn cơm thôi, cháy cả thành phố là lửa lớn, không phải là lửa nhỏ do tôi đốt!” Mọi người cứ tranh luận như vậy không ngừng, giằng co kéo nhau đến trước mặt nhà vua.”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Suy cho cùng thì ai có lý và ai không có lý?”

Nhà vua nói: “Người thắp nến không có lý.”

Na Tiên hỏi: “Làm sao ngài biết như vậy?”

Nhà vua trả lời: “Người thắp nến là nguyên nhân tạo ra lửa lớn. Vì sao khi ăn cơm xong, anh ta không thuận tay tắt lửa đi? Kết quả đã để lửa lớn thiêu cháy cả thành phố!”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng tinh thần và thể xác tạo nghiệp thiện ác, do đây mà nghiệp thiện ác cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo, đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai. Con người do vô minh ngu xuẩn mà tạo các nghiệp thiện ác, nên mới có luân hồi trong ba cõi mà không thể

giải thoát khỏi .”

Câu chuyện này đáng để chúng ta suy nghĩ:

Mọi người nghe qua câu nói “lửa nhỏ cháy rừng” rồi chứ! Đó là đốm lửa nhỏ chút xíu có thể đốt cháy cả cánh đồng. Lại có câu nói là “một niệm sân tâm khởi, năng thiêu công đức lâm (một đốm lửa vô minh, có thể thiêu cháy rừng công đức). Nếu như bình thường tâm không khéo điều phục, chỉ cần khởi một niệm sân, lửa nhỏ sẽ biến thành lửa lớn, thiêu cháy nguyên cả rừng công đức.

Chúng ta vừa mới khởi niệm ác cũng như đốm lửa nhỏ vậy, nếu không khéo điều phục nó, nó sẽ vô tình bốc cháy lên, không chỉ thiêu hủy rừng công đức của mình, mà còn khiến cho mọi người sinh phiền não.

Một hạt giống chút xíu, không nhất định là bảo trì nguyên trạng như vậy, tương lai có thể lớn thành cây đại thọ, ra hoa, kết trái. Hạt giống và sự trưởng thành của cây cối hay kết thành hạt, tuy hình dáng không giống nhau, nhưng cây đại thọ và trái cây đều từ hạt giống nhỏ xíu mà trưởng thành.

Đức Phật đã từng nói: “nếu như có một người lấy

tâm thanh tịnh cúng dường Phật, tương lai sẽ có quả báo rất lớn.”

Có người nói: “Làm gì mà có chuyện ấy! Tôi bố thí có một chút xíu, làm sao tương lai có thể sanh lên cõi trời được quả đại phước báo chứ?”

Đức Phật bèn nói: “ngươi có thấy qua hạt giống của cây chưa? Có một chút xíu nhưng cây phát triển rất lớn. Khi cây trưởng thành thì hình dáng của cây và hạt giống không giống nhau. Do vậy không nên cho rằng hạt giống vĩnh viễn chỉ là hạt giống.” Cũng vậy, đời này tạo các nghiệp thiện, ác cũng như hạt giống vậy, hạt giống sẽ vĩnh viễn không phải là hạt giống nhỏ xíu; Tạo nghiệp rồi, nếu như tràn đầy phiền não, nhân duyên hòa hợp, đời sau có thể sẽ có quả báo lớn. Hình trạng của người và súc sanh không đồng, nếu như tạo nghiệp ác tương lai sẽ cảm thọ quả báo súc sanh. Cũng như vậy, hình tướng của súc sanh cùng với người hiện tại chúng ta tuy không giống, nhưng là cái nhân cảm thọ quả báo súc sanh, thì cũng là do con người tạo nghiệp ác mà thành.

Do vậy, không nên nói hiện tại chỉ thấy hạt giống

nhưng không thấy quả, cho là không có vấn đề gì. Thật ra, chỉ cần nhân duyên đầy đủ, hạt giống sẽ kết trái. Có câu nói “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Phạm phu chưa thấy quan tài chưa đổ lệ; Nhưng Bồ tát tin sâu nhân quả, họ biết rằng một khi đã gieo nhân, nếu không hết lòng sám hối, không khéo tu tập, tương lai nhân duyên hòa hợp, quả sẽ hiện hành. Cho nên, nghiệp là nhân; báo là quả. Nhân quả đời đời không có dễ chịu gì. Nghiệp lực không mất, quả báo không có thoải mái chút nào.

Mà cái nhân này, trừ nghiệp ra còn có phiền não. Phiền não có hai tác dụng: một là phát ra nghiệp (tạo nghiệp), ngoài ra còn là nuôi dưỡng nghiệp. Tuy đã tạo nghiệp, nhưng nếu phiền não không còn nuôi dưỡng, có thể duyên thiếu nên chưa sanh; Còn như đã tạo nghiệp, phiền não lại không dứt, trong tương lai có thể mắc quả báo.

Mọi người nghĩ rằng: “đã tạo nghiệp ác khi tái sanh sẽ mắc quả báo ác luân hồi trong ba cõi, vậy ta tạo nghiệp thiện có thể không cần đến ba cõi hay sao? Y theo Phật pháp đã nói, nếu đã tạo nghiệp thiện hữu lậu,

còn mang ngã chấp phiền não tạo nghiệp thiện, cũng sẽ đắc được phước báo nhân thiên, nhưng không ra khỏi tam giới. Cho nên chúng ta nên cố gắng tu giới định huệ, tu nghiệp vô lậu, phiền não đoạn tận, không còn tạo nghiệp mới có thể ra khỏi tam giới được giải thoát.

Khích lệ cùng đại chúng

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 15 tháng 3 năm 2014*

## Nhân duyên của Tỳ kheo Hàng Long(Phần1)

Kính thưa quý thầy cô và chư vị cư sĩ!

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 23 trang 857a~859a.

Xưa kia, khi đức Phật ở tại thành Xá Vệ vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Dưới chân núi Kiền-thiểm-tỳ-thất-thâu-ma-la có rất nhiều xóm làng, có một vị trưởng giả tên là Phù-đồ, rất là giàu có. Sau khi trưởng giả Phù Đồ lập gia đình không lâu thì sinh được một cô con gái rất dễ thương, sau này lớn lên được gả cho con trai của trưởng giả Cấp Cô Độc.

Không lâu sau đó, trưởng giả Phù Đồ lại sinh một cậu con trai, dung mạo rất dễ thương. Ngày cậu vừa chào đời, cha của cậu bé rất vui mừng, lớn tiếng gọi: “Thiện Lai! Thiện Lai!” (có ý nghĩa là thật tốt đẹp khi đến đúng lúc). Vì thế, lúc bấy giờ người thân bạn bè đều gọi cậu bé là “Thiện Lai”.



Nhưng do phúc đức của cậu bé này rất mong manh, tài sản của gia đình ngày ngày bị tiêu hao tán tận, đến nỗi mất cả cha mẹ, cậu không còn nơi nương tựa, đi lưu lạc khắp nơi. Thấy vận mệnh của cậu bé như vậy nên mọi người đổi tên gọi cậu thành “Ác Lai”. Cậu bé sống cùng với nhóm người ăn xin, sống nhờ vào lòng thương xót của người khác. Khi ấy, có một người là bạn cũ với cha mẹ cậu bé thấy sự nghèo khổ như thế, thì cho một đồng tiền, để cho Ác Lai mua thêm áo quần và thức ăn.

Ác Lai không nơi nương tựa nên lìa bỏ quê hương, đi đến thành Xá Vệ. Lúc đó có tỳ nữ thân cận của chị Ác Lai thấy và nhận ra Ác Lai, nên chạy vội về nhà nói với chủ nhân: “Tôi mới đi ra ngoài, nhìn thấy Ác Lai vô cùng khốn khó!”

Người chị của Ác Lai nghe thế thì vô cùng đau buồn, liền phái người đem vải trắng và tiền bạc cho em, để giúp em bớt đi sự nghèo túng này. Nhưng điều không ngờ là phúc đức của Ác Lai quá mỏng, vải và tiền lại bị trộm cắp lấy đi mất.

Chị của Ác Lai sau khi biết được chuyện này thì than thở: “Ác nghiệp sao mà sâu dày thế, phúc đức

hoàn toàn không có, tôi không biết được cách nào giúp đỡ em ấy?” Và từ đó bỏ rơi Ác Lai, không quan tâm hỏi han gì nữa.

Khi ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc chuẩn bị nghênh đón đức Phật và chư Tăng đến nhà để cúng dường. Trưởng giả sau khi chuẩn bị đồ ăn thức uống thịnh soạn thì cung kính mong đợi đức Phật và chư Tăng quang lâm.

Khi đó, Ác Lai và số bạn bè hành khát nghe nói trưởng giả chuẩn bị đồ ăn thức uống cúng dường đức Phật và chư Tăng nên nên cùng rủ nhau lập nhóm mà hẹn đến nơi đó, hy vọng có thể tìm được những thức ăn thừa trong buổi cúng dường này.

Trưởng giả từ xa thấy một nhóm khát cái tị tập thì ra lệnh cho người ở: “Đức Phật và chúng Tăng sắp đến rồi, khẩn trương mời họ phải xa nơi chỗ này, đi nơi khác,.”

Lúc ấy, nhóm người ăn xin đều nghĩ: “Trước đây vị trưởng giả rất từ bi luôn thương xót giúp đỡ người nghèo khổ như chúng ta, là nơi chúng ta nương tựa; nhưng tại sao bây giờ lại xua đuổi chúng ta? Nhất định

là do Ác Lai nghiệp quá sâu dày, làm chúng ta bị liên lụy tai ương này!” Vì thế, nhóm người ăn xin khiêng Ác Lai ném vào đồng phân. Ác Lai vô duyên vô cớ bị nhóm người ăn xin khinh khi, ức hiếp, nên trong lòng cảm thấy uất ức vô cùng, chịu không nổi khóc lóc than thở ở nơi đồng phân đó.

Trưởng giả Cấp Cô Độc phái người đến thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến thụ nhận cúng dường. Lúc này, Thế Tôn mang y cầm bát và đại chúng quây quanh cùng đi đến nhà trưởng giả.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì lòng đại từ bi, đưa mọi người đến bên cạnh Ác Lai. Đức Thế Tôn nói với quý thầy: “quý thầy nên khởi tâm nhằm chán sự luân hồi sinh tử trong ba cõi, và chán ghét những điều kiện tạo ra sự luân hồi ấy. Quý thầy cũng nên quán chiếu người này, đời này là đời cuối cùng của ông, nhưng hiện tại chịu đựng khổ não, không có được sự hỗ trợ và giúp đỡ”. Vì thế, đức Phật dạy A-nan: “hôm nay thầy để giành cho Thiện Lai một nửa phần cơm.”

Sau đó, đức Phật đi vào nhà trưởng giả và ngồi xuống chỗ của mình. Trưởng giả thấy đại chúng đã an

tọa, thì dâng thức ăn thanh tịnh lên cúng dường đầy đủ cho đức Phật và quý thầy.

Nhưng vì sức mạnh ác nghiệp của Thiện Lai trong quá khứ làm cho ngài A Nan quên mất việc để lại thức ăn cho Thiện Lai. Đức Thế Tôn là thầy của trời người, có năng lực không bao giờ quên mất chính niệm, nên biết A Nan không nhớ việc này, thì Ngài tự để giành một phần thức ăn trong bát của mình cho Thiện Lai.

A Nan dùng cơm xong mới nghĩ ra: “Hôm nay tôi bị gì làm nhiều loạn thế? Dám không làm đúng lời dạy của Thế Tôn.”

Đức Phật dạy A Nan: “cho dù chư Phật nhiều khắp cõi Nam thiệm bộ châu và bốn biển lớn, giảng dạy giáo pháp, con đều nghe nhớ không quên; nhưng hôm nay do Thiện Lai phước đức quá mỏng, làm cho con quên đi lời nói của ta. Bây giờ con gọi Thiện Lai đến đây.”

Lúc ấy, A Nan nghe lời Phật dạy, đi đến trước mặt Thiện Lai gọi lớn: “Thiện Lai! Thiện Lai!” Nhưng ông quên mất tên “Thiện Lai” của chính mình, vì thế im lặng không có phản ứng gì.

A Nan lại gọi tiếp: “Ông là con của trưởng giả Phù

Đồ, trước đây tên là Thiện Lai. Tôi gọi chính là gọi ông, không phải gọi người khác!”

Sau khi Thiện Lai nghe rồi, thì nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Tôi đã quên mất tên Thiện Lai từ lâu, làm sao mà người khác lại gọi đúng tên tôi? Hay là ác nghiệp của tôi đã hết, thiện nghiệp hiện tại đã sinh khởi?

Đức Phật là người có nhất thiết trí, là nơi chúng sinh quay về nương tựa, có thể là đức Phật từ bi thích nói lời ái ngữ nên gọi đúng tên ta là Thiện Lai!

Tôi là người không có phúc báo, tất cả người thân bạn bè đều rời bỏ tôi, bị tất cả tai họa khổ não bức bách, thì sao gọi là Thiện Lai (điều tốt) được?”

Lúc ấy, A Nan đưa Thiện Lai đến nơi đức Phật ở, sau khi đánh lễ xong, ngồi qua một bên.

Đức Phật dạy A Nan: “đem một phần thức ăn cho Thiện Lai!” A Nan đem bát cho Thiện Lai.

Lúc ấy, Thiện Lai nhìn vào trong bát chỉ còn một nửa thức ăn, thì liền rơi lệ, thưa đức Phật: “tuy đức Phật để cho con một phần thức ăn, nhưng cũng chỉ một ít, làm sao con ăn no được?”

Đức Thế Tôn biết được suy nghĩ của Thiện Lai, nên liền an ủi ông: “cho dù bao tử con lớn như đại hải, miệng con có thể nuốt cả núi Tu Di, tùy ý con ăn nhiều ít, thì thức ăn cũng không hết được.”

Đức Thế Tôn hỏi Thiện Lai: “trong ché áo của con có vật gì vậy?” Thiện Lai nghe xong lập tức mở ché áo thì bất ngờ thấy có một đồng tiền, liền thưa đức Phật: “Đồng tiền này là do bạn của cha con thấy con khổ sở mà cho, nhưng phúc đức của con quá mỏng, nên quên mất việc này.”

Đức Thế Tôn dạy Thiện Lai: “con đem tiền này đi mua một ít hoa sen xanh về đây.” Sau khi Thiện Lai đi rồi, đức Phật và chúng Tăng trở về chỗ cũ.

Lúc ấy, Thiện Lai nghe lời Phật dạy, đi vào vườn hoa của người chủ tên là Lam Bà. Chủ vườn thấy thế liền nói: “Ác Lai! Đi ra chỗ khác! Không được phép bước vào! Đừng vì nghiệp nặng của ông mà làm cho vườn hoa của tôi tan nát héo úa, ao hồ khô cạn.”

Thiện Lai trả lời: “do Đức Thế Tôn muốn tôi đến đây mua hoa sen xanh.” Tiếp đến nói một bài kệ có nội dung như sau:

“Đôi với tôi thì hoa sen xanh không có ý nghĩa gì; nhưng do vì bậc đại sư đầy đủ nhất thiết trí muốn tôi đi mua.”

Lúc ấy, Lam Bà nghe được điều đó thì trong lòng khởi lên tâm cung kính ngưỡng mộ, lập tức nói một bài kệ:

Thánh giả đại tịch tĩnh, trời người đều muốn cúng dường; còn ông là người sứ giả của Phật thì muốn lấy bao nhiêu hoa thì tùy ý.”

Vì thế, Thiện Lai đem tiền đưa cho Lam Bà và hái hoa sen xanh mang về chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn thấy thế thì nói: “Thiện Lai! Con đem hoa sen này cúng dường chúng Tăng.”

Thiện Lai cầm hoa sen cúng dường từ đức Phật cho đến từng vị Tăng. Lúc ấy chư Tăng không ai dám nhận lãnh.

Đức Phật nói: “Nên sinh lòng thương xót vị thí chủ này, mà nhận sự cúng dường của ông ấy. Còn các loại vật phẩm có mùi hương thì rất tốt cho mắt, ngửi mùi hương của nó không có bị sai phạm gì.”

Lúc đó, chư Tăng tiếp nhận sự cúng dường của

Thiện Lai, hoa cũng nở rất tươi đẹp.

Thiện Lai sau khi thấy hoa sen xanh nở rộ, liền nghĩ đến trong đời quá khứ, từng ở nơi chư Phật tu tập thanh tịnh xứ quán trong mười phương pháp tu quán, tất cả các việc ấy hiện ra rõ ràng trước mặt.

Thế Tôn tiếp tục giảng dạy tinh hoa Phật pháp cho Thiện Lai, chỉ bày điều lành nên làm điều ác nên bỏ, tu tập các việc tốt để đạt được lợi ích và công đức tán thán các pháp lành. Lúc ấy, Thiện Lai lập tức chứng được kiến đạo.

Sau khi Thiện Lai chứng đắc sơ quả, vô cùng vui mừng nói một bài kệ trong sự hạnh phúc hy hữu:

“Đức Phật dùng sợi dây đặc biệt đưa tôi ra, làm cho tôi có thể an trụ ở nơi sơ quả; thấy tôi ở nơi xấu ác mà khởi lòng từ bi, cứu tôi ra khỏi như đưa con voi từ bùn lầy mà lên đất khô.

Trước đây tôi có tên là Thiện Lai, sau đó bị người khác gọi là Ác Lai; bởi vì được sống trong giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà sống đúng với tên gọi Thiện Lai.”

Sau khi nói bài kệ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy



đánh lễ đức Phật, trình bày: “Thế Tôn! Con xin được xuất gia ở trong giáo pháp tốt lành của đức Như Lai, để xa lìa thế tục, tu hành phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm âm thanh tịnh dạy: “Lành thành Tỳ-kheo! Con tu tịnh hạnh”. Nói xong, Thiện Lai hiện thân xuất gia, râu tóc tự rụng, mặc pháp phục thọ giới cụ túc thành thầy Tỳ-kheo.

Từ đó về sau Thiện Lai dũng mãnh tinh tấn tu học, đạo tâm vững chắc, không kể là đầu đêm cuối đêm đều nỗ lực tu duy ý nghĩa giáo pháp, quên đi mệt mỏi, cuối cùng đoạn trừ tất cả phiền não, chứng đắc quả A-la-hán, ông nói một bài kệ:

“Quá khứ từng ở nơi chư Phật, chỉ chấp trước sắc thân gạch đá sắt thép này; còn hiện nay nghe được giáo pháp của đức Thế Tôn, được chuyển thành pháp thân vàng ngọc.

Tôi sẽ không bị luân hồi trong sinh tử, cũng không thọ thân đời sau, từ đó phụng trì pháp thanh tịnh xa lìa ô nhiễm, một cách an ổn hướng về tường thành niết bàn.

Nếu như có người thích châu báu, thích được sinh thiên hoặc giải thoát, thì nên thân cận bậc thiện tri thức,

nguyện vọng mong cầu được viên mãn như ý.”

Từ khi đức Phật Thế Tôn hóa độ Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Tất Lân Đà Phật Tha v.v.. có một số người không có tín tâm tôn kính đức Phật, bèn dèm pha dị nghị nói: “Sa môn Kiêu Đáp Ma là kẻ cắp ăn trộm của xã hội, trên trái đất này, khó lắm mới xuất hiện bậc thiên tài, thì lại bị Kiêu Đáp Ma âm thầm dẫn dụ, trở thành thị giả của mình.”

Ngoài ra, đức Phật còn hóa độ người gánh phân Ni Tha (Ni Đà), người ngu đần như Châu Lợi Bàn Đà (Tiểu Lộ), còn có người chủ nuôi bò, Thắng Huệ, năm trăm ngư dân, Thiện Lai v.v.. Những người không có tín tâm và cung kính nên mỉa mai hủy báng: “Sa Môn Kiêu Đáp Ma tham lam đi tìm đệ tử, trước giờ không biết chán, cho dù họ là người khổ sở bần tiện, ngu đần, cũng hóa độ cho xuất gia, để có người sai bảo.”

Sau khi đức Thế Tôn nghe được những lời như thế, trong lòng nghĩ: “Hàng đệ tử lớn của ta đức hạnh thanh cao ưu việt, thường thì mọi người không biết, tùy tiện khinh khi hiềm thánh nhân, không biết điều đó sẽ mang lại tội lỗi, tự mình hại chính mình. Hiện tại Ta cho mọi

người biết đức hạnh thù thắng của Thiện Lai.” Thường thì trong giáo pháp của chư Phật, nếu như hàng đệ tử thật sự có công đức đặc biệt, mà người khác không hiểu được về các bậc hiền thánh, thì đức Phật dùng phương pháp khéo léo chỉ ra công đức của họ.

Lúc ấy, Thế Tôn muốn xiển dương đức hạnh của Thiện Lai, liền chỉ dạy A Nan: “Hiện tại ta muốn đi đến núi Thất Thu Ma La, nếu thầy nào muốn đi cùng, thì mang theo y bát.” Sau đó đức Thế Tôn cùn mọi người đi về núi Thất Thu Ma La.

Đương thời, có một con rồng độc ở trong núi Am Bà, gần núi ấy có các loại ngũ cốc, thường bị độc long phá hoại gây tổn thất. Người dân sống ở khu vực núi này, khi nghe đức Phật đến, liền từ các nơi tụ tập về, cùng đến nơi ở của Ngài, sau khi đỉnh lễ thì ngồi qua một bên.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì đại chúng mà giảng dạy chính pháp vi diệu, chỉ bày việc nào nên làm việc nào nên bỏ, tu học để hưởng được lợi ích của việc tốt, tùy hỷ tán thán công đức của việc làm tốt, sau đó thì Ngài im lặng không nói nữa.

Lúc ấy, đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân đức Phật, sau đó thưa: “Nguyện Thế Tôn thương xót chúng con, hoan hỷ chấp thuận lời thỉnh mời của chúng con, ngày mai nhận lễ cúng dường buổi cơm đạm bạc của chúng con.” Đức Thế Tôn hiểu được tấm lòng của đại chúng, nên im lặng nhận lời thỉnh mời.

Đại chúng biết được đức Phật đồng ý chấp nhận cúng dường, nên trở về nhà, trong đêm đó chuẩn bị thực phẩm tốt nhất để cúng dường, và đồ đầy các vật dụng đựng nước. Sau khi mọi việc đã sắp xếp xong, thì họ đợi đến trời sáng, phái người đi đến nơi đức Phật và chúng Tăng ở để bẩm báo là thời gian cúng dường đã đến rồi. Đức Thế Tôn mang y cầm bát đi cùng đại chúng đến nơi cúng dường của mọi người, và ngồi ở vị trí đầu tiên của hàng chúng Tăng.

Dân chúng và bà la môn trong thôn dưới núi, chuẩn bị rất đầy đủ thực phẩm cúng dường, đợi đức Phật và Tăng chúng dùng xong, thì đến trước đức Phật, mọi người thứ tự ngồi xuống, đức Thế Tôn thuyết pháp chỉ dạy, mọi người đều hoan hỷ và tán thán đức Phật: “Thế

Tôn! Chúng con thường nghe đức Thế Tôn rất là vi diệu, có khả năng chế ngự được dạ xoa hung ác không gì so sánh bằng, bất luận là dạ xoa ở nơi hoang vắng, dạ xoa lông nhọn như mũi tên, dạ xoa như con voi con lừa v.v.. cho đến nữ dạ xoa như A Lực Ca, quý tử mẫu đều có thể chế phục; ngoài ra còn có long vương Nan đà, Ô Ba Nan Đà, A Bát La là các loại rồng cực độc, ngài đều có thể chế phục. ”

Thưa Thế Tôn! Hiện tại ở núi này có con rồng độc Am Bà, thường gây tổn hại chúng tôi, không duyên không cớ cố ý gây oán thù với chúng con, mỗi ngày nó phun khí độc ba lần, tỏa xa trăm dặm, làm cho tất cả cầm thú gửi đến đều bị ngộp thở chết; không luận là người nam hay nữ, màu da đều trở thành vàng đen, hoàn toàn mất đi màu da cũ. Cầu mong đức Thế Tôn thương xót chúng con, hàng phục con rồng độc này!”

Đức Thế Tôn nghe xong, liền nói với A Nan: “Con chuẩn bị một ống tre có đựng các quả tre đặt trước đại chúng, ai mà có khả năng hàng phục rồng độc thì rút một cây.” Nhưng đại chúng không có một ai bước ra lấy quả tre cả. Vì thế đức Thế Tôn gọi Thiện Lai: “Con

đi lấy một thẻ tre, trong buổi sáng con đem y bát vào làng, thứ tự từng nhà khát thực. Sau khi dùng trai xong, thì đi đến nơi rừng độc Am Bà ở.”

Khi ấy độc long vương từ xa thấy Thiện Lai đi đến phạm vi thế lực của mình, rất là tức giận, lập tức làm cho mây mù che khắp, bầu trời tức khắc đen tối, mây màu biến sắc, sấm chớp âm âm, mặt đất chấn động, tiếp đến giáng trận mưa đá lớn, muốn hãm hại Thiện Lai.

Lúc ấy, Thiện Lai nhập vào định từ bi, tất cả cuồng phong bão táp đó đều biến thành mùi hương của trầm của gỗ chiên đàn v.v.. từ trên không nhẹ nhàng rơi bay đất.

Rừng Am Bà thấy tình hình như thế càng phẫn nộ, lại từ trong không trung ném các loại vũ khí như đao kiếm bánh xe... nhưng khi các loại đó bay gần đến Thiện Lai thì trở thành hoa sen tuyệt đẹp, từ trên không trung rơi xuống. Rừng độc tiếp tục thổi ra khỏi lửa, Thiện Lai cũng lập tức nhập vào thiền định hỏa quang, rồi dùng thần thông biến hóa thành một khối lửa lớn, bao vây long cung và các nơi khác, bốn bề đều bị ngọn lửa lớn bao phủ.

Lúc bảy giờ, rồng độc thấy lửa lớn mãnh liệt như thế trong lòng vô cùng hoảng sợ, toàn thân lông tóc dựng ngược, muốn bỏ trốn, nhưng nhìn bốn bề là biển lửa, chỉ có chỗ của Thiện Lai là mát mẻ yên tĩnh.

Vì thế, rồng độc chỉ còn cách đến chỗ Thiện Lai, đỉnh lễ Ngài rồi thưa: “Xin ông cứu tôi, cứu giúp tôi!”

Thiện Lai trả lời: “trong kiếp trước của ông đã tạo các nghiệp ác quá nhiều, khiến ông hiện tại sinh vào ác đạo. Đến đời này, ông lại gây hại cho chúng sinh, tiếp tục tạo các nghiệp xấu, sau khi ông chết, thì sẽ đọa lạc về đâu? Ông muốn nương tựa vào điều gì? Nhất định đọa vào địa ngục, kết quả này ông không cần hoài nghi nữa!”

Lúc ấy, rồng độc nói với Thiện Lai: “Đại đức! Vô cùng cảm ơn sự chỉ dạy của ông, thế thì bây giờ tôi nên làm như thế nào?”

Thiện Lai nói: “Ông nên quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới, cho đến hết đời, không được tái phạm.” Thế là rồng độc lập tức quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới, phát nguyện đến hết đời không phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Sau khi rồng độc

phát thệ nhất định thực hiện thì đánh lễ Thiện Lai, rồi đột nhiên biến mất.

Sau khi Thiện Lai hàng phục rồng độc, thì trở về nơi đức Phật ở, đánh lễ Ngài và thưa: “Thế Tôn! Rồng độc bị con hàng phục và thọ trì tam quy ngũ giới.”

Đức Phật liền nói với quý thầy: “Trong tất cả hàng đệ tử Thanh Văn, Tỳ kheo Thiện Lai là người hàng phục rồng độc là đệ nhất!”

Phần sau của câu chuyện còn dài, tại sao Thiện Lai lại gặp vận mệnh bi thảm như thế, vốn là sinh vào nhà giàu có, nhưng song thân lại mất sớm, gia sản tiêu tán, lại bị bạn bè ăn xin ném vào đồng phân? Nhưng sao sau này có nhân duyên gì mà được gặp đức Phật, nghe được giáo pháp và chứng đắc A La Hán? Không những chứng đắc A La Hán mà còn trở thành vị hàng phục rồng độc đệ nhất.

Muốn biết tường tận, xin mời vào phần sau sẽ rõ!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 10 tháng 5 năm 2014*



## Nhân Duyên của Tỳ Kheo Hàng Long (Phân 2)

Thưa quý Thầy Cô, quý vị phật tử thân mến!

Hôm nay Tôi giảng tiếp phần cuối câu chuyện Thiện Lai Tỳ kheo hàng phục Rồng dữ, câu chuyện được trích từ “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Gia”, trong “Đại Chánh Tạng Kinh” quyển 23 từ trang 859a~860a.

Hiện tại chúng ta tóm lược lại phần thứ nhất.

Khi đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Phù Đồ sinh được một người con trai rất khôi ngô, ông vô cùng vui mừng, đặt tên cho nó và luôn miệng gọi: “Thiện Lai! Thiện Lai!” Rồi bạn bè thân thích cũng liền gọi bé trai là: “Thiện Lai”. Thế nhưng, phước đức của Thiện Lai lại rất mong manh. Sau khi bé được sinh ra thì gia sản ngày một tiêu hao tán tận, không bao lâu cha mẹ lại qua đời. Mọi người cho rằng vận xấu do chính nó đem đến, nên mọi người lại gọi nó là “Ác Lai”.

Ác Lai không nơi nương tựa, đành phải sống cùng

với những người ăn xin khác đi xin ăn sinh sống qua ngày. Một hôm, nghe tin tại nhà trưởng giả Cấp Cô Độc có thiết trai cúng dường đức Phật và chúng Tăng, nên Ác Lai cùng với các người ăn xin khác đi đến đó, với hi vọng là có được chút ít đồ ăn thừa. Nhưng khác với mọi lần không ngờ hôm nay khi thấy những người ăn mày đến, ông Trưởng giả lại ra lệnh cho người hầu đuổi toàn bộ bọn họ đi. Những người ăn mày cho rằng tại Ác Lai nên họ mới bị đuổi, cho nên trách mắng Ác Lai thậm tệ, sau đó họ ném Ác Lai vào trong đồng phân. Ác Lai bị sốc quá lớn, nên nằm trong đồng phân khóc lóc, kêu la thật lớn .

Thế Tôn thương tình nên gọi nó là “Thiện Lai”, còn đặc biệt cho nó một nửa bình bát đồ ăn của mình, lại còn thuyết pháp cho Thiện Lai nghe. Sau khi nghe xong, Thiện Lai liền chứng sơ quả, lập tức xuất gia với Đức Phật, sau đó tinh tấn tu hành, đoạn trừ tất cả phiền não, chứng đắc quả A La Hán.

Thế Tôn muốn hiển dương đức hạnh của Thiện Lai, nên dẫn Tăng chúng đi đến làng của Thiện Lai, bảo Thiện Lai hàng phục rồng dữ và khiến cho rồng dữ quy

y tam bảo, thọ trì năm giới. Đức Phật tán thán: “Trong chúng Thanh Văn đệ tử, thì tỳ kheo Thiện Lai là người hàng phục rồng dữ đệ nhất!”

Lúc ấy, những người Bà-la-môn và dân chúng ở gần núi Thất Thu Ma La nơi Thiện Lai sinh sống, nhìn thấy rồng dữ đã bị hàng phục, không còn lo sợ bị làm hại nữa. Họ bày tỏ sự vui sướng và muốn chúc mừng, nên mọi người phấn khởi ùn ùn mang hương hoa và các phẩm vật cúng dường đến trước đức Phật. Sau khi mọi người đánh lễ đức Phật rồi lui ra một bên và nói: “Thế Tôn! Vô cùng may mắn và hạnh phúc vì nhờ vào sức mạnh thần thánh của Người, đã vì mọi người mà diệt trừ con rồng dữ này, chúng tôi muốn cúng dường Người, kính mong Người tiếp nhận sự thỉnh cầu của chúng tôi.

Đức Phật nói với nam nữ cư sĩ Bà-la-môn: “Mọi người nên biết rằng người hàng phục rồng dữ là con của trưởng gia Phù Đồ – đó là thầy Thiện Lai. Thầy ấy đã khiến cho rồng dữ hoàn toàn cải đổi những lỗi lầm trước kia và còn cho nó thọ tam qui ngũ giới, chứ không phải là do thần lực của Tôi. Các người nên đem

những phẩm vật này đến cúng dường thầy Thiện Lai, để tỏ lòng báo đáp ân đức của thầy ấy.

Mọi người nghe theo lời dạy của đức Phật, mang phẩm vật đến nơi thầy Thiện Lai ở, sau khi đánh lễ xong thì nói: “Thánh giả, lòng từ bi to lớn của Thầy làm cho chúng con không còn phải sợ sệt và lo lắng, làm cho những chúng sinh cư trú ở đây đều được an ổn, kính xin Người mở lòng từ bi mà cho chúng con biết Người cần những thứ gì ạ?”

Thầy Thiện Lai trả lời: “Mọi người có thể tùy theo khả năng của mình mà cúng dường Tam bảo.”

Lúc đó, chúng Bà-la-môn thuận theo ý của thầy Thiện Lai, cung thỉnh đức Phật và chúng Tăng tiếp thọ cúng dường ẩm thực trong bảy ngày, đức Phật hoan hỷ tiếp nhận.

Mọi người nhận thấy đức Phật đã đồng ý tiếp nhận sự cúng dường nên vui mừng đánh lễ và lui ra. Đêm hôm ấy, họ chuẩn bị đủ các loại đồ ăn vật uống thượng hạng, và trải những tấm đệm mềm mại. Khi trời vừa sáng, liền cho người đến nơi đức Phật cư ngụ thỉnh cầu: “thời khắc thọ trai đã đến, mọi thứ đã chuẩn bị xong,

kính thỉnh đức Phật và đại chúng đến nơi thọ cúng.”

Vì vậy, Thế Tôn bèn lúc trời vừa rạng sáng dẫn theo Tăng chúng đến nhà thí chủ, các cư sĩ và Bà-la-môn. Khi nhìn thấy đức Phật cùng chúng Tăng đã ngồi xong, mọi người liền dâng lên những món ngon vật lạ cúng dường đức Phật và chúng Tăng. Đợi sau khi mọi người đã dùng xong, họ đến trước đức Phật, cung thỉnh đức Phật khai thị, lắng nghe ý nghĩa thâm sâu vi diệu của Phật pháp. Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy đều như vậy.

Có một vị Bà-la-môn, vốn là bạn trước kia của cha thầy Thiện Lai, có khả năng đọc chú thu phục rồng dữ. Nhưng vì con rồng này dữ quá nên sợ, ông ta liền đổi tên họ rồi trốn vào thành Xá Vệ và ở lại trong đó sinh sống.

Lúc bấy giờ, vua Thắng Quang (cũng chính là vua Ba-tư-nặc) phong cho ông ta chức vụ Đại thần chủ tượng (quản lý tất cả những gì có liên quan đến việc huấn luyện voi). Sau đó, ông ta vì một số công việc nên đến chân núi ở quê mình, nghe tin thầy Thiện Lai đã hàng phục được rồng dữ, ông cũng vô cùng vui mừng.

Ông liền đến nơi thầy ấy ở, sau khi đánh lễ xong, nói: “Thánh gia! Chúng tôi vì sợ rỗng dũ, mà rất nhiều người đã lần lược rời bỏ quê hương. Bây giờ nghe nói Thầy đã phát khởi lòng đại từ bi, vì mọi người diệt trừ cái oán thù rỗng dũ này, trong lòng tôi cảm thấy vô cùng hoan hỷ, tôi rất muốn cúng dường Thầy, ngày mai kính thỉnh thầy nhận sự cúng dường của tôi.” Thầy Thiện Lai từ chối, nên Bà-la-môn lại nói: “Nếu như thầy không nhận, kính thỉnh thầy hãy tiếp nhận sự cúng dường của tôi trong ngày đầu tiên thầy về lại thành Vương Xá. Thầy Thiện Lai đã từ bi hoan hỷ tiếp nhận.

Thí chủ ở dưới chân núi cúng dường đức Phật và chúng tăng đã hết bảy ngày, mọi người cùng nhau đánh lễ đức Phật, nghe đức Phật khai thị diễn thuyết diệu pháp. Thế Tôn vì mọi người tuyên thuyết pháp nghĩa, khai thị các pháp thiện thì nên hành trì, pháp không thiện không nên làm, hướng dẫn mọi người xa ác hành thiện, và giải thích lợi ích của việc tu thiện pháp, tùy hỷ tán thán công đức của việc hành thiện. Ngay lúc đó rất nhiều người đoạn trừ nghi hoặc chứng đắc quả thánh.

Đức Phật và chúng Tăng dần dần trở về thành Xá

Vệ, trưởng giả Cấp Cô Độc đến trước đức Phật đánh lễ rồi lui ra ngồi một bên.

Lúc ấy sau khi Thế Tôn thuyết pháp cho Ông nghe xong thì im lặng tịch tĩnh.

Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy thưa rằng: “Thế Tôn! Rất mong ngày mai đức Phật và chúng tăng có thể đến nhà của con, thọ nhận sự cúng dường đạm bạc.” Thế Tôn im lặng biểu hiện sự đồng ý. Trưởng giả vui mừng đánh lễ đức Phật rồi quay về.

Lúc đó, vị Bà-la-môn đại thần chủ tượng đến nơi của thầy Thiện Lai, và nói: “Thánh gia! Trước kia tôi đã từng thỉnh cầu Thầy, nếu như thầy đến thành này, thì Thầy thọ nhận sự cúng dường của tôi trước tiên.”

Thiện Lai bạch với đức Phật, đức Phật nói: “thầy đã nhận lời mời rồi thì nên đi trước để thọ cúng.”

Lúc đó thầy Thiện Lai đi đến nhà người Ba-la-môn. Người Bà-la-môn liền bày lên đủ các loại thức ăn ngon và cung kính thành khẩn cúng dường. Người Ba-la-môn vì muốn giúp cho thầy tiêu hóa tốt, nên sau khi thầy thọ thực xong, ông ta đã bỏ một ít rượu vào trong nước uống của thầy, loại rượu mà đến voi cũng

thích uống.

Thầy Thiện Lai không hề hay biết, nên sau khi uống nước đó xong thì đánh răng súc miệng và ra về. Kết quả khi về được nửa đường thì bị ngất xỉu vì trời quá nóng.

Chư Phật Thế Tôn luôn chánh niệm trong mọi lúc mọi nơi, đức Phật liền biến ra một túp lều ngay nơi Thiện Lai ngất xỉu để che thầy Thiện Lai, nhưng mọi người lại không hề hay biết.

Sau khi Thế Tôn ở nhà ông trưởng giả Cấp Cô Độc dùng cơm, thuyết pháp cho mọi người nghe xong, thì đến nơi thầy Thiện Lai nằm và nói với các vị tỳ kheo: “các Thầy hãy quan sát hành động của thầy Thiện Lai. Thầy ấy trước kia từng hàng phục rồng dữ Am-bà ở núi Giang Trư (cũng chính là núi Thất-thu-ma-la) nhưng bây giờ thì như vậy, đến một con lươn cũng không thể điều phục được. Các vị tỳ kheo nên biết, nếu như uống rượu thì sẽ có những sai lầm lớn như vậy.”

Khi ấy, Thế Tôn đưa hai bàn tay có vô lượng hào quang – bàn tay phước đức thù thắng trang nghiêm, vuốt nhẹ lên đầu thầy Thiện Lai, nói: “Thiện Lai! Vì



sao thầy không quan sát cẩn thận, mà có hậu quả không lường như thế?”

Lúc bấy giờ, thầy Thiên Lai đã bắt đầu tỉnh lại và đi theo đức Phật trở về khu vườn của ngài Cấp-cô-độc. Giống như thường ngày, sau khi rửa chân xong, đức Phật ngồi kiết già và nói với chúng tỳ kheo: “Các thầy nên quán sát thật kỹ, uống rượu sẽ tạo nên rất nhiều tội lỗi.”……

Các vị tỳ kheo nhìn thấy thầy Thiện Lai từng là một người ăn xin lưu lạc đầu đường xó chợ, sau đó nghe Phật thuyết pháp mà chứng quả A-la-hán, lại còn hàng phục được rồng dữ, mọi người đều rất lấy làm lạ, nên thỉnh vấn đức Phật: “Thầy Thiện Lai trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì mà lại được sinh ra trong gia đình giàu có? Sau đó lại trở thành kẻ nghèo cùng khổ, phải làm nghề ăn xin để sống qua ngày, bị người đời gọi là “Ác Lai”, lại còn bị những người bạn ăn xin ném vào đồng phân. Và đã tạo nghiệp gì mà lại được gặp đức Thế Tôn, đoạn trừ tất cả phiền não chứng quả A-la-hán?”

Đức Phật nói với chúng tỳ kheo: “Các thầy nên chú ý lắng nghe! Trong đời quá khứ rất lâu về trước, lúc đó

không có Phật ra đời, chỉ có Độc Giác xuất hiện ở thế gian. Độc Giác tuy có lòng thương xót, nhưng không nói pháp. Một hôm, có một vị trưởng giả đến giữa khu vườn hoa, muốn dạo chơi ngắm cảnh. Lúc đó có một vị Độc Giác bị bệnh, vì muốn đi xin thức ăn nên đã ăn mặc rách rưới đi về phía vườn hoa.

Người trưởng giả vừa nhìn thấy người ăn xin liền nổi giận, cảm thấy rất ghớm ghét, không thể chịu được, ra lệnh cho bảo vệ: “Đừng cho đồ ác lai này bước vào vườn hoa.”

Người bảo vệ vì thương cảm Độc Giác nên chần chừ do dự. Trưởng giả thấy bảo vệ không có động tĩnh gì, nên tự mình đi về phía trước nắm lấy cổ áo của Độc Giác tôn giả và dùng sức xô ngài té vào đồng phân, rồi nói: “Tại sao ông không đi làm bạn với những người ăn xin đi?”

Lúc đó, Độc Giác tôn giả vì có lòng thương xót cho người này, liền bay lên không trung giống như thiên nga vương, biến hiện ra 18 loại thần thông biến hóa. Người phàm phu này vừa nhìn thấy Độc Giác hiện thần thông liền cảm thấy vô cùng hối hận. Lúc này nhìn hẳn

ta giống như một cây đại thụ bị ngã vậy; Hấn chỉ dám đứng từ xa mà hướng về phía Độc Giác đánh lễ sám hối, thưa: “Trời ơi! Thiện Lai thánh nhân! Ngài đích thực là phước điền, cầu xin ngài từ trên không trung hạ xuống, thương xót cho tôi - người không có trí tuệ này, hãy chấp nhận sự sám hối của tôi, đừng để tôi bị đọa lạc vĩnh viễn, chịu khổ trầm luân.”

Tôn giả Độc Giác nhìn thấy sự thành tâm, thành ý sám hối của hấn, liền từ không trung giáng xuống mặt đất. Trưởng giả sau khi đánh lễ xong, lập tức chuẩn bị các loại đồ uống ăn tốt nhất và đem hương hoa cúng dường, kiên thành sám hối trừ bỏ ác nghiệp, và phát nguyện lớn: “Nguyện tất cả những vật hiện tại tôi cúng dường, là để gieo trồng phước thiện, trong đời vị lai có thể sinh ra trong gia đình phú quý giàu sang, có thể gặp được bậc thầy tốt nhất, tôi nguyện thọ nhận sự chỉ dạy của ông ta, để được khai ngộ, hướng đến cửa giải thoát, tuyệt đối không lười biếng.”

Các thầy tỳ kheo! Vị trưởng giả lúc đó là thầy Thiện Lai, ông đã từng làm việc ảnh hưởng đến Độc Giác, gọi tôn giả Độc Giác là “Ác Lai”, lại còn xô ngài

té vào đồng phân; bởi vì những hành động như vậy, nên trong năm trăm đời sau thường làm người ăn xin, bị người đời gọi là “Ác Lai”, lại còn bị đồng bọn ném vào trong đồng phân. Cũng bởi vì trong quá khứ cúng dường, phát nguyện nên được sinh ra trong gia đình giàu có, ngày nay có thể trong giáo pháp của ta xuất gia tu hành, đoạn tận phiền não, chứng đắc quả A-la-hán. Các thầy tỳ kheo! Nghiệp do mình tạo ra, tất phải tự mình thọ nhận, quả báo không mất đi bao giờ. Cho nên, các thầy tỳ kheo, khéo tu tập hạnh lành, tuyệt đối không được tạo tác ác nghiệp, phải tu tập như vậy.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta, nhân quả nghiệp báo đời đời không mất. Nên lưu ý thân, miệng, ý của chính mình. Không nên vì muốn nhanh một tí mà lại khởi tâm sân hận, chửi mắng người khác, phiền lụy chúng sinh. Chỉ cần tạo nhân ác nghiệp, một khi nhân duyên đầy đủ thì sẽ thọ nhận quả khổ.

Thầy Thiện Lai trong đời quá khứ là một vị trưởng giả, bởi vì ngăn cản Độc Giác vào vườn hoa của ông ta, đã mắng Độc Giác là Ác Lai. Kết quả vốn dĩ tên của mình là Thiện Lai thì lại bị gọi là Ác Lai. Lại cũng bởi

vì ông ta đẩy Độc Giác ngã vào trong đồng phân, bảo Độc Giác đi làm bạn với người ăn xin, nên kết quả ác báo lại rơi vào chính bản thân mình, đã bị đọa làm người ăn xin còn bị đám bạn ăn xin ném vào đồng phân.

Nhưng do trong đời quá khứ ông thành tâm thành ý sám hối và cúng dường Độc Giác; lại dũng mãnh phát nguyện hy vọng sau này có thể gặp được bậc thầy tốt nhất, chấp nhận sự dạy dỗ tuyệt đối không lười biếng; chính ông ta cũng từng ở trước mặt đức Phật tu luyện qua Thanh Biển Xứ Quán trong mười biển xứ, cho nên đời này có thể cơ duyên gặp đức Phật.

Tuy nhiên thầy Thiện Lai một đời gian truân lận đận, mới sinh ra thì tài sản gia đình tiêu hao tán tận, cha mẹ mất sớm, đi vào đường cùng lưu lạc làm ăn xin, còn bị những người ăn xin thấp hèn nhất trong xã hội bức hiếp, khinh rẻ; Nhưng khi ông ta gặp được đức Phật, liền nắm bắt lấy cơ duyên hiếm có này tinh tấn tu hành, tiến bộ vượt bậc, trở thành bậc thánh thọ nhận sự cúng dường của trời người. Với nghị lực kiên định và lòng quyết tâm ấy thật khiến người tán thán.

Hiện tại chúng ta có nhân duyên nghe hiểu Phật pháp, hy vọng mọi người nên nắm bắt và quý trọng.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 24 tháng 5 năm 2014*

## Quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành thì đứng đầu

Xin chào quý thầy cô, các Phật tử!

Hôm nay Tôi chia sẻ với quý vị một câu chuyện, câu chuyện này được trích trong kinh “Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Thiên Thuật”, trong “Đại Chánh Tạng” quyển 4 từ trang 588c ~ 589b.

Thời quá khứ, khi đức Phật ở nước Xá Vệ, có một vị lão Tỳ kheo tên Bát Đặc, có kinh dịch là Châu Lợi Bàn Đặc, cũng có kinh dịch là Châu Lợi Bàn Đà Già, trong kinh Pháp Cú Thí Dụ dịch là Bàn Đặc. Khi Bàn Đặc mới xuất gia làm tỳ kheo, do vì tư chất ngu độn, đức Phật bèn phái năm trăm vị A-la-hán chỉ dạy ông ta mỗi ngày. Nhưng trải qua ba năm, Bàn Đặc đến một bài kệ cũng không nhớ được, vì thế bốn chúng đệ tử Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di trong thành Xá Vệ đều biết Bàn Đặc vô cùng ngu đần.

Đức Phật từ bi thương cảm Bàn Đặc không có cách gì học thuộc lòng được, nên gọi Bàn Đặc đến, đức Phật đích thân dạy cho ông ta một bài kệ: “Giữ tìn thân

miệng ý, hành giả vượt qua đời.” Nghĩa là chúng ta nên giữ gìn miệng của mình cho tốt, nên nhiếp tâm, thân không nên tạo tác ác nghiệp, nếu có thể làm đúng như thế, thì có thể vượt ra khỏi thế gian.

Khi ấy, Bàn Đặc tràn ngập lòng cảm ơn với sự từ bi của đức Phật, vô cùng vui mừng thích thú, sẽ học thuộc bài kệ này và hằng ngày luôn miệng đọc tụng.

Đức Phật nói với Bàn Đặc: “Tuổi của ông cũng lớn rồi, mà mới học thuộc có bài kệ này, bài này mọi người đều biết, không có gì lấy làm lạ, bây giờ Tôi sẽ giải thích ý nghĩa bài kệ này cho ông, ông nên chuyên tâm lắng nghe.

Sau khi Bàn Đặc tiếp nhận lời chỉ dạy của đức Phật xong thì chuyên tâm lắng nghe, đức Phật nói với Bàn Đặc về: mười bất thiện, ba loại nghiệp của thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; Bốn bất thiện nghiệp của miệng là vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt; ba bất thiện nghiệp của ý là tham dục, sân hận và tà kiến. Đức Phật nói nguyên do tạo nên mười bất thiện nghiệp cho ông ta nghe, muốn Bàn Đặc quan sát nhân duyên sinh khởi của nó, và cẩn thận chú ý xem làm thế nào mới



tiêu diệt được nó. Chúng sinh không ngừng bị luân hồi trong ba cõi năm đường, đều do sự tạo tác của ba nghiệp thân, khẩu, ý, có người xa rời được mười loại ác hạnh này mà được sinh thiên. Có người vì tạo tác mười ác nghiệp này mà bị đọa xuống ba đường ác. Nếu có thể tịnh hóa thân khẩu ý, thì có thể ngộ đạo, tự nhiên chứng đắc Niết bàn tịch tĩnh.

Khi đức Phật giảng dạy vô lượng diệu pháp này cho Bàn Đặc, đột nhiên Bàn Đặc khai ngộ, ngay lúc đó chứng đắc A la hán quả.

Khi ấy, ở tịnh xá khác có năm trăm tỳ kheo ni đang cư ngụ, mỗi ngày đức Phật đều cử một vị tỳ kheo đến đó thuyết pháp cho họ, đức Phật nói: “Ngày mai đến lượt Bàn Đặc đi thuyết pháp cho chúng tỳ kheo ni.”

Các vị tỳ kheo ni sau khi nghe tin này thì cười bảo nhau: “Thầy Bàn Đặc chỉ biết có một bài kệ, ngày mai khi thầy ấy đến, chúng ta sẽ nói bài kệ này với thầy ấy trước, làm cho thầy ấy xấu hổ nói không ra lời.”

Ngày sau, Bàn Đặc đi đến tịnh xá của chúng tỳ kheo ni, tất cả các vị tỳ kheo ni đều ra làm lễ, họ nháy mắt nhìn nhau ám hiệu cười thầm. Bàn Đặc ngồi xuống,

các vị tỳ kheo ni chuẩn bị đồ ẩm thực cúng dường thầy, đợi thầy Bàn Đạc dùng cơm và rửa tay xong liền thỉnh thầy thuyết pháp cho mọi người.

Lúc đó, Bàn Đạc ngồi lên tòa cao, trước tiên bản thân cảm thấy rất hổ thẹn, nên khiêm nhường nói: “Tôi là người phước đức kém cỏi, không có tài cán gì, tuổi lớn rồi mới đi tu, tư chất vốn dĩ ngu muội, học không được nhiều, chỉ biết một bài kệ, hiểu sơ lược về ý nghĩa của nó, bây giờ sẽ giảng giải cho mọi người, và cũng mời mọi người im lặng lắng nghe

Lúc bấy giờ có mấy vị tỳ kheo ni trẻ tuổi vốn định tranh đọc bài kệ trước, nhưng lại không có cách nào mở miệng được, trong lòng cảm thấy vô cùng lo sợ, tự dằn vò và trách mình, sau đó liền đánh lễ Bàn Đạc, sám hối lỗi lầm của mình.

Bàn Đạc căn cứ theo lời đức Phật dạy, giảng giải ba nghiệp của thân, miệng, ý và do sự tạo tác của thân, miệng, ý mà thọ nhận tội báo hay phước đức. Thí dụ như tư chất bên trong của mỗi người thông minh hay ngu muội. Tướng mạo bên ngoài đẹp hay xấu, tất cả đều có liên quan đến sự tạo nghiệp của chúng ta; Nếu

ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh thì có thể được sinh lên trời, thậm chí còn có thể đắc đạo. Bàn Đặc còn giảng giải cho chúng tỳ kheo ni về phương pháp tập trung tinh thần đoạn trừ phiền não và phương pháp nhập định v.v..

Lúc đó, chúng tỳ kheo ni nghe xong cảm thấy vô cùng đặc biệt, bất khả tư nghì, mọi người đều rất vui mừng, liền chứng quả A la hán.

Sau đó có một ngày, vua Ba-tư-nặc cung thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến cung điện để cúng dường. Đức Phật muốn cho Bàn Đặc thể hiện uy đức thần lực, nên bảo Bàn Đặc cầm bình bát của đức Phật và đi theo sau lưng đức Phật.

Các binh sĩ gác ở cổng thành nhận ra Bàn Đặc, nên họ liền ngăn cản không cho tỳ kheo Bàn Đặc vào thành. Binh sĩ nói: “Ông là người tu hành, nhưng đến một bài kệ cũng không hiểu được, thì tại sao lại dám đến nhận sự cúng dường của đức vua? Tuy tôi là một người thế tục bình thường, nhưng ít nhất cũng biết được vài bài kinh kệ, huống chi ông là người tu, vậy mà đến một chút trí tuệ cũng không có, bố thí cho ông thì có lợi ích

gi chứ? Ông không cần phải vào đâu!” Bàn Đặc nghe xong chỉ còn cách đứng đợi ở bên ngoài cổng.

Đức Phật đã rửa tay xong ngồi giữa cung điện, chuẩn bị tiếp nhận sự cúng dường. Bình bát của đức Phật đâu rồi? Bàn Đặc liền từ phía xa ở ngoài cổng hoá cánh tay dài đưa bình bát đến trước đức Phật.

Quốc vương và các đại thần, phu nhân, thái tử với bốn chúng đệ tử đức Phật tham dự pháp hội gồm tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nhìn thấy một cánh tay dài nhưng không thấy người đầu cả, cảm thấy rất kỳ lạ, nên thỉnh vấn đức Phật “Thưa đây là tay của ai vậy ạ?”

Đức Phật nói: “Đây là cánh tay của thầy Bàn Đặc, thầy ấy gần đây mới chúng đắc quả A la hán. Vừa rồi Ta bảo thầy ấy cầm bình bát cho Ta, nhưng lính gác không cho vào, cho nên thầy ấy đành phải đưa tay từ ngoài cổng vào.”

Quốc vương lập tức phái người cung thỉnh Bàn Đặc vào trong cung điện, lúc ấy Bàn Đặc uy đức trang nghiêm không giống mọi khi.

Quốc vương thưa với đức Phật: “Tùng nghe thầy

Bàn Đặc tư chất ngu độn, chỉ biết một bài kệ, vì nhân duyên gì mà thầy ấy chứng đắc được đạo quả vậy?”

Đức Phật nói với quốc vương: “Học thức không cần nhiều, quan trọng là học phải biết thực hành. Bàn Đặc tuy chỉ hiểu được ý nghĩa của một bài kệ, nhưng thầy ấy tinh thông nghĩa lý, thấu hiểu sâu sắc nghĩa lý cốt yếu vi diệu của nó, thân, miệng và ý của thầy ấy vô cùng thanh tịnh, giống như vàng vậy. Có người tuy học được rất nhiều, nhưng lại không hiểu nghĩa lý, mà cũng không nỗ lực thực hành, chỉ hao phí tâm lực một cách vô ích. Như vậy thì có được lợi ích gì chứ?”

Lúc đó, Thế Tôn lại thuyết thêm một bài kệ, đại ý như sau:

“Tuy đọc tụng trăm ngàn bài kệ, nhưng nếu như không thể hiểu được ý nghĩa chính xác, thì không bằng nghe một câu quan trọng và hiểu một cách sâu sắc ý nghĩa của nó, để dựa vào đó mà có thể dứt trừ các ác niệm.”

Cho dù đọc tụng trăm ngàn bài kệ, nếu không hiểu được nghĩa chân chánh của nó thì có lợi ích gì chứ? Không bằng nghe một câu có ý nghĩa quan trọng và

siêng năng thực hành, để độ thoát biến khổ và được giải thoát.

Tuy đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng nếu không hiểu biết ý nghĩa của Kinh thì có giúp ích gì chứ? Nếu như có thể hiểu được ý nghĩa của một câu giáo pháp, và thực hành một cách chính xác thì có thể đắc đạo.”

Sau khi đức Phật nói bài kệ này xong, ba trăm vị tỳ kheo chúng đắc quả A la hán, quốc vương, phu nhân, thái tử đều rất vui mừng.

Câu chuyện này là muốn nói đến, khi nghe Phật pháp hay đọc tụng kinh điển, điều quan trọng là phải hiểu nghĩa và thực hành một cách đúng đắn. Bàn Đặc tuy trí nhớ không tốt, chỉ nhớ một bài kệ, nhưng thầy ấy có thể quan sát được nhân duyên sinh khởi của các phiền não tham, sân và si, lại còn quan sát một cách tinh tế rằng: làm thế nào để những phiền não đó mất đi, và cuối cùng thì chấm dứt vọng niệm, thân miệng ý thanh tịnh, dứt sạch phiền não và chúng đắc quả A la hán.

Chúng ta nên thức tỉnh lại chính mình. Ai là người có trí nhớ kém hơn thầy Bàn Đặc đâu? Chắc chắn là

không rồi! Nhưng chúng ta đã từng để tâm quan sát qua chưa: Tham, sân, si tại sao lại sinh khởi? Tại sao cứ hết lần này đến lần khác lại phạm những sai lầm giống nhau? Tuy muốn đoạn trừ phiền não, nhưng ý chí lại không kiên định, không thể quán triệt từ đầu đến cuối. Kết quả thì không những chính mình đau khổ, còn đem lại cho người khác những phiền não rất lớn.

Đức Phật nói: “Tuy tụng nhiều kinh, nếu không hiểu biết ý nghĩa của kinh thì có ích gì đâu?” Nhưng không thể nói chỉ cần niệm một danh hiệu Phật, hoặc thuộc một bài kệ là được. Chúng ta nên thường nghe chánh pháp, đặt biệt là phải hiểu một cách chân chánh, thực hành, không những bản thân được giải thoát, cũng có thể đem những gì mình học được làm phương tiện hóa độ chúng sinh. Nếu như không thường nghe hiểu Phật pháp, làm sao có thể phân biệt thiện ác? Thì làm sao có thể tăng trưởng trí tuệ?

Những điều trên là muốn khỉnh lệ mọi người!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 30 tháng 11 năm 2013*

## Truyện Bồ tát Long Thọ

Xin chào quý thầy cô, quý Phật tử!

Hôm nay chia sẻ với mọi người một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này xuất xứ từ Đại Tạng Kinh cuốn 50 trang 184a và 185b.

Bồ tát Long Thọ xuất thân từ miền nam Ấn Độ dòng Bà la môn, bẩm sinh tính vô cùng thông minh, bất kỳ chuyện gì chỉ cần nói với ông ta một lần là thông suốt, không cần phải nói lại. Lúc nhỏ, khi còn bú sữa mẹ, nghe Bà la môn đọc bốn cuốn kinh Vệ đà, mỗi cuốn có bốn mươi ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, toàn bộ ông đều thuộc lòng, không những thế mà lại còn hiểu rõ nghĩa lý của kinh. Đến hai mươi tuổi thì nổi tiếng khắp nơi, các nước ở vùng Nam Ấn không có người nào có thể so sánh với Long Thọ, bất luận là thiên văn, địa lý, bói toán, cho đến các loại đạo thuật khác, loại nào là cũng am hiểu tường tận.

Ông có ba người bạn tâm đầu ý hợp đều là thanh niên anh tuấn. Có một hôm, họ cùng nhau thảo luận đến việc: “Những đạo lý có thể làm khai mở tâm trí, hiểu



sâu sắc trong thế gian, thì chúng ta đều biết cả rồi, bây giờ có việc gì mới có thể làm cho chúng ta vui được đây? Được hưởng tận cùng của thọ dục lạc của con người mới là chuyện vui nhất của cuộc đời. Nhưng các Bà la môn, người tu hành, không có quyền thế của quốc vương, đại thần, thì làm sao có được những thú vui ấy đây? Duy nhất chỉ có thuật tàng hình mới có thể thực hành được việc khoái lạc ấy.” Bốn người họ đưa mắt nhìn nhau, tình ý tương đồng, không có người phản đối, nên cùng nhau đi tìm người biết pháp thuật, học thuật ẩn thân.

Thầy pháp thuật nghĩ bụng: “Bốn vị Bà la môn này hiện nay là người rất nổi tiếng, coi người khác giống như cỏ rác, bây giờ vì muốn học thuật ẩn mình, nên mới tự hạ mình đến tìm ta. Mấy người này thông minh tuyệt đỉnh, chỉ có loại pháp thuật thô bỉ này là chưa biết mà thôi, nếu như ta truyền cho họ, một khi họ học hết rồi thì sẽ bỏ ta mà đi, không cần phải hạ mình với ta nữa. Cho nên ta cho họ một ít thuốc để sử dụng trước, đợi khi nào thuốc hết hiệu lực, họ nhất định sẽ trở lại tìm ta, như vậy thì có thể làm cho họ vĩnh viễn tôn ta

làm thầy rồi.”

Nghi thế, nên thầy pháp thuật cho họ mỗi người một viên thuốc màu xanh, và nói với họ: “Các người hãy tìm một nơi yên tĩnh, lấy một ít nước rồi mài viên thuốc thành bột, sau đó bôi lên mặt mũi thì có thể ẩn hình được rồi, không có người nào có thể nhìn thấy các người.”

Khi Long Thọ mài thuốc, vừa ngửi được mùi của thuốc, lập tức liền nhận ra được thành phần và tỉ lệ pha thuốc, cho dù thành phần của thuốc rất ít. Long Thọ liền trở về nói với thầy thuốc, viên thuốc vừa rồi có bảy mươi loại thành phần, tỉ lệ trộn các loại đó là bao nhiêu bao nhiêu v.v.. Việc pha chế thuốc này của thầy hoàn toàn phù hợp.

Thầy thuốc hỏi: “Người làm sao mà biết được?”

Long Thọ đáp: “Vốn dĩ thuốc có mùi vị, làm sao mà không biết được.”

Thầy thuốc vô cùng khen ngợi, khâm phục: “Người thông minh giống như vậy thì nghe biết đến còn khó nữa, chứ nói chi đến việc có thể gặp mặt! Là thầy pháp thuật thô bỉ giống như tôi đây, thì có gì đáng để keo kiệt,

tiếc nuôi đâu?” Vì thế, nên đem hết thuật tàng hình không chút hồi tiếc truyền trao cho họ.

Sau khi họ học được thuật tàng hình, nên không còn ngại ngùng gì, thích gì thì làm, thường lẫn vào trong cung. Những người đẹp trong cung đều bị họ xâm phạm, ức hiếp, sau đó trong cung có người vì thế mà mang thai. Cứ như vậy, trải qua hơn một trăm ngày, mọi người đều rất sợ hãi, lo lắng, chỉ biết trình báo sự thật lên quốc vương, hi vọng đức vua miễn tội cho. Vua nghe rồi vô cùng tức giận: “Có vật gì không tốt đang quấy rối ở đây? Tại sao lại như vậy chứ?”

Nhà vua triệu tập tất cả các đại thần thông minh, nhiều mưu trí lại, thảo luận việc này. Có vị lão thần nói: “Tình hình này, có hai khả năng: một loại là ma quỷ, hai là pháp thuật. Có thể cử người rải hạt cát nhỏ ở tất cả các cửa ra vào, ra lệnh cho lính canh cửa, cấm người ra vào. Nếu như có người sử dụng pháp thuật, thì dấu chân của họ sẽ hiện trên cát, thì có thể sai lính chém chết. Nếu như ma quỷ đi vào thì không có dấu chân, thì có thể dùng pháp thuật trừ diệt.”

Nhà vua liền cử người gác cửa làm theo lời của

vị lão thần, chuẩn bị tất cả mọi thứ xem sao. Không bao lâu, lính gác nhìn thấy dấu chân của bốn người, liền đi bẩm báo lên nhà vua. Nhà vua liền dẫn theo mấy trăm vệ sĩ vào cung điện, đóng hết tất cả các cửa ra vào, lệnh cho lục sĩ dùng kiếm chém túi bụi vào không trung, ba người liền bị chém chết; chỉ còn lại Long Thọ cẩn thận nín thở trốn vào chỗ của nhà vua, nơi cách đầu nhà vua 2~3m, đao chém không đến được.

Lúc bấy giờ, Long Thọ mới nhận thức sâu sắc rằng dục vọng chính là cội nguồn của đau khổ, là nguồn gốc của tất cả tai họa, làm bại hoại đạo đức, nguy hại đến tính mạng, tất cả đều bởi vì tham dục gây ra, nên ông ta lập tức lập lời thề: “Nếu như ta có thể thoát khỏi kiếp nạn này, nhất định đi bái kiến sa môn, cầu pháp xuất gia.” Sau khi trốn thoát thuận lợi, Long Thọ liền vào trong núi sâu, đến một ngôi chùa, thỉnh cầu xuất gia thọ giới. Chỉ trong chín mươi ngày, Ông ta đọc hết toàn bộ Tam tạng kinh, luật, luận, lại còn muốn tìm thêm những kinh khác, nhưng khắp nơi đều tìm không thấy.

Vì thế, Long Thọ liền đến núi tuyết. Trong núi có một ngôi chùa, ở đó có một vị tỷ kheo lớn tuổi cho ông

ta rất nhiều kinh điển đại thừa. Long Thọ đọc tụng vô cùng thích thú. Tuy biết rằng sự chỉ dạy trong kinh rất có đạo lý, nhưng Ông vẫn không thể nào thấu triệt được. Ông lại chu du khắp các nước hy vọng muốn tìm thêm nhiều kinh điển nữa. Nhưng trong cõi Nam diêm phù đề đều tìm không thấy. Vào trong thời điểm đó, quan điểm của sa môn và luận sư ngoại đạo đều bị Long Thọ thu phục.

Có một vị đệ tử ngoại đạo nói với Long Thọ: “Thầy là người có tất cả trí tuệ, bây giờ vẫn còn làm đệ tử Phật sao. Làm đệ tử của người ta là vì chỗ học còn chưa đủ, người có lẽ vẫn chưa đủ phải không? Nếu có một việc không biết thì không thể gọi là người có tất cả trí tuệ được.”

Long Thọ nhất thời không trả lời được, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, nên khởi tâm tà mạn, rồi thâm nghĩ: “Pháp trong thế giới có rất nhiều loại, kinh Phật tuy vi diệu, nhưng lấy lý lại suy diễn thì có chỗ vẫn chưa viên mãn. Nơi không viên mãn có thể dùng suy luận lại lý giải, dùng phương pháp này để hướng dẫn hậu học, không trái với đạo lý, như vậy thì không có lỗi lầm thì

có làm sao đâu?”

Sau khi nghĩ như vậy xong thì muốn hành động ngay, lấy bản thân làm tổ sư, lập ra kinh pháp, giới luật, sửa đổi trang phục, có một tí khác với Phật giáo, để cho mọi người không sinh lòng nghi ngờ, để biểu hiện không phải tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật giáo truyền thống. Ông đã định mặc tăng phục theo kiểu mới chọn ngày truyền thọ giới luật cho đệ tử. Ngồi tĩnh tọa tư duy một mình trong nhà thủy tinh.

Bồ tát Đại Long thấy tình hình như vậy, vì lòng thương xót trân quý Long Thọ, mà dẫn Long Thọ vào biển lớn. Vào trong cung điện mở bảy ngói bảo tạng, lấy ra bảy hộp kinh rất đẹp, tức kinh đại thừa Phương Đẳng và rất nhiều kinh đại thừa vi diệu khác, truyền vô lượng diệu pháp cho Long Thọ. Long Thọ đọc tụng thọ trì chín mươi ngày, lý giải dung thông rất nhiều đạo lý, thâm nhập kinh tạng thể hội rất nhiều lợi ích của pháp tạng. Đại Long bồ tát biết được tâm niệm của Long Thọ, nên hỏi: “đọc hết kinh điển rồi sao?”

Long Thọ trả lời: “trong hộp kinh của Ngài có quá nhiều kinh, đếm cũng đếm không hết, tôi ở đây đọc

được nhiều hơn gấp mười lần ở Diêm phù đề rồi.”

Bồ tát Đại Long nói: “Kinh điển rất nhiều như trong cung của ta, ở những nơi khác cũng nhiều đếm không xuể.”

Long Thọ có được Kinh điển Đại thừa nhiều như vậy (có thuyết nói được một thùng lớn Kinh điển Đại thừa), thông đạt thật tướng của các pháp (nhất tướng cũng chính là vô tướng), thâm nhập vô sinh, đầy đủ hai loại chúng sinh nhân và vô sinh pháp nhân; Bồ tát Đại Long tiễn Bồ tát Long Thọ trở về Nam Ấn Độ, hoằng dương Phật pháp, hàng phục ngoại đạo, làm rõ Đại thừa, trước tác luận điển cả 100 ngàn bài kệ. Trước tác 5000 bài kệ “Luận Trang Nghiêm Phật Đạo”, 5000 bài kệ “Luận Đại Từ Phương Tiện”, 500 bài kệ “Trung Luận”, và trước tác 100 ngàn bài kệ “Luận Vô Úy” bao gồm cả “Trung Luận”, làm cho giáo pháp Đại thừa được tuyên dương lưu hành phổ biến tại Ấn Độ,

Đương thời, có một vị Bà La Môn am tường chú thuật, muốn tranh tài cao thấp với Long Thọ, nên thưa với nhà vua: “Tôi có thể hàng phục được thầy này, xin Quốc Vương chứng giám”.

Quốc vương trả lời: “Ông là kẻ đại ngu si! Sự thánh minh của vị Bồ tát này sánh ngang mặt trời mặt trăng; Trí tuệ cùng tâm của hàng thánh giả chiếu sáng thế gian. Lời ông nói ra sao mà ngạo mạn, thiếu khiêm nhường, lại dám không cung kính Bồ tát!”

Bà La Môn thưa: “Quốc Vương là người trí tuệ, tại sao ngài không dùng sự thật để kiểm chứng, mà lại chê trách tôi?”

Nhà vua cảm thấy Bà La Môn nói có lý, nên thỉnh Long Thọ cùng ngồi trong đại điện nơi xử lý triều chính. Bà La Môn sau đó đến trước cung điện, dùng chú thuật biến hóa một cái hồ trong sạch rộng lớn có một đóa hoa sen ngàn cánh, rồi ông ngồi trên đóa hoa đó, ngạo mạn nói với Long Thọ: “Ông ngồi dưới đất thì có khác gì hàng súc sinh? Vậy mà còn can đảm đối kháng luận nghị với người có đại đức đại trí tuệ ngồi trên đóa sen thanh tịnh này hay sao?”

Lúc đó, Long Thọ cũng dùng chú thuật biến hóa voi trắng sáu ngà, đi vào hồ nước đến trước tòa sen, dùng vòi cuốn lấy Bà la môn ngồi trên cao quẳng xuống đất. Bà La Môn bị thương ở lưng và lập tức quy thuận, dập



đầu lễ lạy Long Thọ: “Tôi không tự biết sức mình, làm ô nhục Đại sư, hy vọng Ngài thương xót tôi, tiếp nhận tôi, vì người ngu muội như tôi mà chỉ bày trí tuệ.”

Đương thời vị vua thống lĩnh các nước Nam Ấn Độ tín phụng tà đạo, không thấy có người nào là đệ tử xuất gia của đức Phật, toàn quốc từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài đều bị tà giáo ảnh hưởng.

Long Thọ trong lòng nghĩ: “Nếu như không giáo hóa vị Quốc Vương trước, thì chính pháp không có cách nào thực thi được. Cũng giống như nếu như không chặt tận gốc, thì cành lá làm sao đổ ngã được..”

Nhà vua quản lý quốc gia này bằng cách là bỏ tiền ra thuê cảnh vệ đảm nhiệm việc canh gác cung điện. Vì thế Long Thọ cũng đi xin vào làm việc với chức trách đứng đầu thủ vệ. Long Thọ mang mâu cầm kích đi trước chĩnh đốn, điều động quân lính. Phương pháp của Ngài không cần khuếch trương oai lực, không cần ban bố những mệnh lệnh nhưng họ vẫn phục tùng Ngài, cho nên pháp lệnh được thực thi một cách hiệu quả;

Nhà vua biết được tình hình này nên rất vui vẻ, liền

hỏi: “Người đó là ai?”

Người hầu cận trả lời: “Ông ấy là người trúng tuyển trong lúc chiêu mộ quân lính, lại không nhận lương thực của vua, cũng không nhận quân lương; làm việc thì chăm chỉ có trách nhiệm, còn đối với công việc thì rất nghiêm chỉnh điều luyện, thần không biết là ông ấy vì điều gì mà đến đây?”

Vì thế, nhà vua triệu kiến Ông, và hỏi: “Khanh là ai?”

Long Thọ trả lời: “Tôi là người nhất thiết trí!”

Nhà vua nghe xong rất làm kinh ngạc hỏi: “người nhất thiết trí rất lâu mới xuất hiện một vị, còn ông nói tự mình là người nhất thiết trí, thế thì làm cách nào để kiểm chứng điều ông nói là thật?”

Long Thọ trả lời: “muốn biết trí tuệ của tôi, thì vua có thể kiểm chứng bằng lời nói của tôi mà biết được. Nhà vua cứ hỏi tôi! Hỏi bất kì vấn đề gì!”

Trong lòng nhà vua nghĩ: “Ta là người quân chủ có trí tuệ nhất, là đại luận nghị sư, nếu như câu hỏi ta thắng được ông ấy, khiến ông ấy khâm phục, thì cũng không có gì đáng để khen ngợi; Còn lỡ như ta không

bằng Long Thọ, thì điều này lại là chuyện lớn. Nhưng giả như ta không đưa ra câu hỏi, thì khác gì tự thừa nhận mình thua rồi.” Nhà vua do dự hồi lâu, cuối cùng bất đắc dĩ mới đưa ra câu hỏi: “Hiện tại thiên thần trên trời đang làm gì?”

Long Thọ trả lời: “hiện tại thiên thần và A tu la đang giao chiến.”

Nhà vua nghe xong câu trả lời thì giống như mình mắc nghẹn, nuốt không được nữa cũng không xong. Vua muốn phủ định câu trả lời, nhưng không có bằng chứng, lại cũng muốn khẳng định Long Thọ trả lời đúng, nhưng lại không có gì để chứng minh. Đọc được suy nghĩ của nhà vua, Long Thọ nói tiếp: “Đây là câu trả lời không phải vì để muốn thắng thua, xin nhà vua đừng nóng lòng, không lâu sau sẽ có bằng chứng.” Long Thọ vừa dứt lời, thì các loại binh khí bị gãy vụn từ trên trời rơi xuống đất.

Nhà vua nói: “đúng là đao, kiếm, mâu, kích là những binh khí phục vụ chiến tranh, nhưng Ông lấy gì để khẳng định là thiên thần với A tu la giao chiến với nhau?”

Long Thọ nói: “lời nói của tôi, nhà vua cho rằng không thật, không thể chứng minh được; Vậy thì tôi sẽ dùng sự thật để chứng minh vậy!” Vừa dứt lời, thì tay, chân, móng vuốt, tai, mũi v.v.. từ trên không trung rơi xuống.

Long Thọ lại làm cho bầu trời trong xanh, để nhà vua, đại thần và nhân dân cùng Bà la môn thấy ở trên không trung hai bên đang chiến đấu rất rõ ràng. Lúc này nhà vua đỉnh lễ Long Thọ, cam tâm tình nguyện nhận sự giáo hóa của Ngài. Trong đại điện có ngàn vạn Bà la môn đều cạo bỏ râu tóc xuất gia thọ giới.

Đương thời, có một vị thầy theo Tiểu thừa sinh lòng đố kỵ với Long Thọ. Khi Long Thọ sắp lìa trần đã hỏi vị ấy: “ông có mong muốn tôi ở lại lâu dài với thế gian không?”

Vị thầy theo Tiểu thừa trả lời: “thật ra tôi không hy vọng điều đó.”

Thế là, Long Thọ về căn phòng yên tĩnh, sau đó nhiều ngày nhưng không thấy Ngài đi ra khỏi phòng. Đệ tử phá cửa vào xem, thì thấy Long Thọ đã nhập diệt từ lâu.

Từ khi Long Thọ nhập diệt đến đây đã hơn 100 năm rồi (Ngài Cưu Ma La Thập nghe từ các vị thầy kể về truyện Bồ tát Long Thọ), các quốc gia ở Nam Ấn lập miếu thờ Long Thọ như phụng thờ đức Phật. Thân mẫu của ngài sinh ngài ở dưới gốc cây, vì thế đặt tên Ngài là A Châu Đà Na, dịch nghĩa là “Thọ”; còn do vì Bồ tát Đại Long đã làm cho Ngài đạt được vô sinh pháp nhẫn, nên Ngài lấy chữ “Long”, kết hợp thành Long Thọ.

“Truyện Bồ tát Long Thọ” là do pháp sư Cưu Ma La Thập kể khi được nghe từ các vị thầy truyền đạt lại, và được đệ tử của ngài ghi chép thành. Ngài Ấn Thuận nói tuy là ở trong nội dung có tính thần thoại, nhưng Cưu Ma La Thập là người cách cuộc đời của Long Thọ gần nhất, nên điều được thuật lại có lẽ là chon thật hơn. Chúng ta có thể biết được Bồ tát Long Thọ rất là thông minh, Sau khi Long Thọ học được phép tàng hình rồi làm nhiều loạn hậu cung, xuýt một chút mất mạng, cuối cùng ngộ được “tham dục là nguồn khổ, gốc rễ của tai họa, bại hoại đạo đức nguy hiểm tính mạng, đều do đây mà ra”. Vui mừng vì cuối cùng ngài xuất gia, nên bây giờ chúng ta mới có cơ hội tiếp xúc

với trước tác “Trung Luận”, “Đại Trí Độ Luận”.

Những điều trên khích lệ với mọi người!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,  
ngày 20 tháng 12 năm 2014*

# Phước huệ tập 6

## 福慧集（六）

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Thị Nghĩa, Thích Nữ Hạnh Tín,  
Thích Nữ Diệu Pháp, Thích Nữ Thuận Trí,  
Thích Nữ Hạnh Tường, Thích Nữ Đức Minh

越南文翻譯：

釋是義，釋行信，釋妙法  
釋純智，釋行祥，釋德明

Printed for free distribution by

**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**

11F., 55, Sec 1. Hang Chow South Road , Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

**KINH ẨM TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN**



## MỤC LỤC

● -- LỜI TỰA.....	5
● -- 1. ÔNG LÃO NGHÈO .....	15
● -- 2. XEM VÀNG NHƯ RẮN ĐỘC.....	28
● -- 3. TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT THỰC HÀNH NĂM PHÁP BỔ THÍ LỚN.....	38
● -- 4. VÌ CỨU CON NGỒNG DÙ THÂN CHỊU KHỔ VẪN KHÔNG PHẠM GIỚI.....	55
● -- 5. ĐỨC PHẬT KHÉO ĐỘ THẦY TỈY-KHEO TRẺ BỊ MÊ TÌNH LÀM LOẠN Ý.....	74
● -- 6. TRỮ CHÂU BÁU NHƯ NÚI KHÔNG BẰNG GẶP ĐƯỢC ĐẠO .....	83
● -- 7. ĐỨC PHẬT LÀ ĐẠI Y VƯƠNG ĐỂ LẠI GIÁO PHÁP ĐỘ CHÚNG SANH.....	92
● -- 8. ÁC KHẨU NHỤC MẠ TẶNG CHÚNG ĐẠO LÀM THÂN TRÙNG TRONG AO PHÂN.....	106
● -- 9. PHIÊN NÃO TỪ TÂM KHỎI BÔI THUỐC LÊN THÂN CÓ ÍCH GÌ?.....	117
● -- 10. CHẴNG THỂ LẤY TÂM OÁN ĐỀ TIÊU TRỪ OÁN HẬN CHỈ CÓ NHÃN NHỤC THÌ OÁN HẬN TỰ TIÊU .....	134
● -- 11. NGƯỜI GIỎI ĐIỀU PHỤC TÂM SÂN	

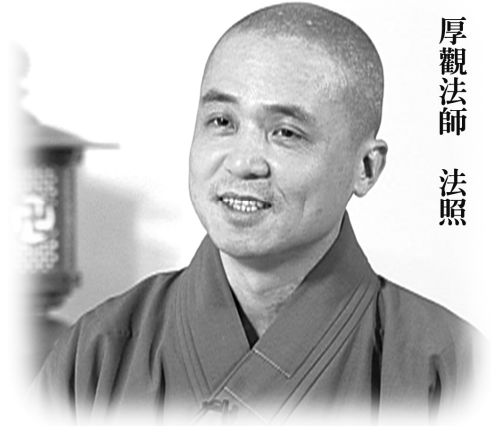
HẬN MỚI CHÍNH LÀ BẠC ĐIỀU NGỰ SƯ .....	153
● -- 12. SÂN OÁN NHỤC MẠ NGƯỜI NHƯ NÉM BỤI NGƯỢC GIÓ .....	159
● -- 13. GẦN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIỀN NÃO (1) .....	165
● -- 14. GẦN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIỀN NÃO (2) .....	185
● -- 15. VÍ DỤ VỀ BỐN NGƯỜI VỢ .....	205
● -- 16. NẪM TRÊN CHÔNG GAI CHỈ KHỔ MỘT ĐỜI, BỊ GAI NHỌN CỦA THAM SÂN ĐÂM, KHỔ VÔ LƯỢNG KIẾP .....	219
● -- 17. PHƯỚC HUỆ SONG TU .....	232
● -- 18. NGƯỜI TRÍ SIÊNG NHIỆP TÂM, LÂM CHUNG KHÔNG TÁN LOẠN .....	241

# LỜI TỰA

Thích Hậu Quán

Trong sách Phước huệ quyển 6 được phát hành lần này, đã thu thập và ghi chép mười tám câu chuyện trong kinh Phật, đề cập đến các giáo lý như nhân quả báo ứng, sám hối, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, giữ gìn chánh niệm, phước đức, trí huệ v.v., nội dung những câu chuyện vô cùng sâu sắc, lời lẽ dễ hiểu.

Trong bài ‘Ông ông lão nghèo’, kể lại câu chuyện: Có một ông lão nghèo, dung mạo trông rất trường thọ, đôi tai của ông dài và rộng, hai hàm răng đều đặn trắng như vỏ sò, hai tay dài quá



厚  
觀  
法  
師  
法  
照

gói. Nhìn tướng mạo bên ngoài, ông ta giống như một trưởng giả giàu có, nhưng trên thực tế thì ông lại vô cùng nghèo khổ, thường phải chịu đói khát, áo không đủ che thân. Ông lão nghe nói có đức Phật xuất hiện ở thế gian, nên mong muốn tận mắt nhìn thấy Ngài một lần, do đó, ông chống gậy đi suốt cả mười năm, vô cùng khó khăn để mong được chiêm ngưỡng đức Phật, thế mà lại bị Phạm thiên và Đê Thích ngăn lại ngoài cửa, nhất định không cho vào gặp Phật. Ông nói: “Vì tôi quý kính lòng từ bi và ân đức của Phật, nên mới xin các ông cho tôi vào chiêm ngưỡng Ngài một lần”. Sau đó, đức Phật giải nói nhân duyên cho ông nghe ‘tại sao ông lão có tướng mạo trang nghiêm trường thọ, nhưng lại luôn chịu quả báo khổ đau’, và nói ‘nhân duyên thiện ác như bóng theo hình, như âm vang theo tiếng’, quả báo tội phước giống như bóng thường theo hình, lại giống như tiếng vang, bất cứ âm thanh gì, hễ truyền đến vách núi thì núi sẽ dội lại âm thanh giống như thế. Câu

chuyện này cảnh tỉnh mọi người phải cẩn trọng trong từng lời nói, việc làm, khởi tâm động niệm, không nên tùy ý não loạn chúng sanh.

Trong câu chuyện ‘Chẳng thể lấy tâm oán để tiêu trừ oán hận, chỉ có nhẫn nhục thì oán hận tự tiêu’, kể về đức Phật Thích-ca khi còn trong giai đoạn tu bồ-tát hạnh. Thời quá khứ, do nhân duyên sân khuê nên Ngài từng bị đọa làm con độc long. Hôm nọ, có một nhóm người vào núi để tìm của báu, phát hiện ra màu sắc sặc sỡ trên thân rồng giống như bảy báu tụ lại. Họ nghĩ: “Nếu lột da rồng đem dâng cho quốc vương, thì nhất định được trọng thưởng”, rồi họ cầm dao bén lột lấy da rồng. Độc long đau đớn không thể chịu nổi, nhưng nó chẳng những không khởi niệm sân mà còn phát nguyện: “Những người này lột da của ta dâng lên vua để mong được ban thưởng tiền của. Ta nguyện khi thành đạo, sẽ thường bố thí cho họ vô lượng pháp tài”. Sau khi rồng bị lột da, lại có rất nhiều côn trùng nhỏ nhít tụ tập đến ăn máu thịt

trên thân của nó. Độc long sợ sẽ làm đám côn trùng tổn thương nên không dám trở mình, lại phát nguyện: “Ta bố thí thân cho các côn trùng là vì cầu Phật đạo, nay dùng thịt bố thí là để cho chúng được no đủ; về sau, khi ta thành Phật, sẽ dùng pháp bố thí để làm lợi ích cho tâm của chúng”. Nghĩa là, ta vì muốn thành Phật đạo, nên hiện tại, thịt trên thân của ta bố thí cho những côn trùng, để chúng nuôi dưỡng sắc thân; sau này ta thành Phật đạo, sẽ dùng Phật pháp vi diệu bố thí cho chúng, để chúng trưởng dưỡng tâm thanh tịnh, thành tựu pháp thân, đạt đến cứu cánh giải thoát.

Đức Phật dạy chúng ta: Lấy oán báo oán không thể dừng oán, chỉ thực hành nhẫn nhục mới làm cho oán chấm dứt. Nếu lấy sân hận báo lại sân hận thì giống như đem củi khô bỏ vào trong lửa lớn, sẽ khiến cho lửa càng bùng cháy mạnh thêm. Chỉ có từ bi, trí huệ, nhẫn nhục mới là phương thuốc hay để tiêu trừ sân khuể, phiền não. Ở thế gian, có một số người rất thích tranh giành

hơn thua với người khác, nhưng trong *Đại trí độ luận* nói:

*Kẻ thắng thường kiêu mạn  
Người thua thường ưu sầu  
Cho nên người có trí  
Chẳng luận bàn thắng thua.*

Nghĩa là người thắng lợi thì thường rơi vào hố sâu kiêu mạn, mà kẻ thất bại thì rơi vào lao ngục buồn phiền. Vì thế, người trí tu hạnh nhẫn nhục thì thường chẳng tranh luận với người, để phải khởi lên phiền não.

Ngoài ra, chuyện ‘Người giỏi điều phục tâm sân hận mới chính là bậc Điều ngự sư’ và ‘Sân oán nhục mạ người, như ném bụi ngược gió’, hai bài này cũng liên quan đến việc điều phục tâm sân, thường hay được tham khảo.

Câu chuyện ‘Phiền não từ tâm khởi, bôi thuốc lên thân có ích gì?’, kể về chuyện: Có một người con trai ăn trộm hoa từ trong tháp thờ Phật, đem tặng cho cô dâu nữ xinh đẹp, sau đó, toàn thân

của anh ta mọc lên những mụn nhọt, lở loét chảy đầy máu mủ. Cha mẹ của anh ta cho mời rất nhiều thầy thuốc có tiếng tăm đến chữa trị, lại dùng đủ các loại thảo dược để trị liệu cho anh, nhưng mụn nhọt càng ngày càng lớn, không cách nào tiêu trừ. Người con trai này vô cùng hoảng sợ, nói với cha mẹ: “Xin cha mẹ đừng uổng phí công sức nữa, bệnh của con từ tâm sinh ra, bệnh tâm thì cần phải dùng thuốc trị tâm, nếu chỉ dùng thuốc bôi trên thân, chữa trị bên ngoài thì có tác dụng gì?”. Sau đó, anh ta nhờ người chuẩn bị hương hoa, đích thân đem đến dâng cúng lên tháp thờ Phật, lại khởi tâm chí thành sám hối thì bệnh mới thuyên giảm. Cổ đức từng dạy: “Trân quý vật của Thường trụ như giữ gìn đôi mắt của mình”. Việc này thức tỉnh chúng ta, chúng ta phải trân quý vật của Tam bảo giống như yêu quý, giữ gìn đôi mắt của mình, tuyệt đối không được tùy tiện làm hư hoại, càng không thể trộm về làm vật sở hữu riêng. Ngoài ra, chúng ta cần phải giữ gìn thân, khẩu, ý



cho thanh tịnh, nếu lỡ làm sai việc gì thì cần phải mạnh dạn sám hối. Phiền não từ tâm khởi, cần phải dứt trừ gốc bệnh sâu thẳm trong tâm thì mới giải quyết triệt để được vấn đề.

Khi đức Phật thuyết pháp, Ngài thường khéo dùng phương tiện thiện xảo để thí dụ. Như trong bài ‘Ví dụ về bốn người vợ’, Ngài nói: Một người đàn ông nọ có bốn người vợ, một hôm, ông ta biết rằng mình sắp lìa nhân thế, nên bắt đầu hỏi theo thứ tự, từ người vợ cả mà ông yêu quý nhất, rồi đến các bà vợ kế, xem có ai đồng ý đi với ông không. Nhưng ba người vợ trước đều không đồng ý, chỉ có người vợ thứ tư, rất xấu xí, lúc bình thường không được chồng thương yêu, lại đồng ý đi cùng ông ta. Đức Phật dạy: Người vợ thứ nhất là dụ cho thân thể, lúc bình thường, chúng ta luôn quan tâm chăm sóc cho thân này trước nhất, nhưng một khi chết, thân thể cứng đờ nằm trên đất, bốc mùi hôi thối, khi ấy, thân thể có đi cùng với chúng ta được không? Không! Người vợ thứ hai

ví như tiền của, ta phải khổ cực đủ cách mới có được của cải, nhưng một khi mạng chung, đành phải để lại cho người khác tiêu xài, nó không cách nào đi cùng với chúng ta được. Người vợ thứ ba dụ cho những người thân thuộc, bạn bè của chúng ta. Khi mạng chung, dù cho quyến thuộc tình thâm đến đâu, thì cũng chỉ đưa tiễn ta đến huyệt mộ là cùng. Sau khi an táng xong thì ai về nhà này, người nào có thể chết theo bạn? Người vợ thứ tư rất xấu xí, thô kệch, là dụ cho tâm niệm của chúng ta, nó suốt ngày bận bịu, vất vả, nhưng chúng ta rất ít quan tâm và trân quý nó. Tại sao nói tâm niệm rất xấu xí? Vì tâm chúng ta chứa đầy các thứ tham, sân, si, mạn, nghi, cái bản. Tuy nó như vậy, nhưng lại rất trung thành với chúng ta. Thậm chí sau khi chúng ta chết, nó vẫn chung thủy theo sát một bên như bóng theo hình.

Lại nói đến câu chuyện ‘Người trí siêng nhiếp tâm, lâm chung không tán loạn’: Thời quá khứ, có một người hầu cận của vua Bà-tu tên là

Đa-sí-na-ca, thông minh hơn người. Nhưng vua nghe theo lời vu khống của người khác, nên tức giận sai người đến giết ông. Trước khi Đa-sí-na-ca lâm chung, tinh thần hoảng loạn bất an, ông nói với các thân quyến đến thăm: “Trước kia, khi biệt ly cha mẹ và quyến thuộc, ta cho rằng ái biệt ly là cái khổ nhất ở thế gian, nhưng đến hôm nay, khi phải đối diện với cái chết, ta mới hiểu được sự đau khổ của ái biệt ly thật quá nhỏ bé so với cái chết; thế nhưng, tử vong vẫn chưa phải là cái khổ lớn nhất, cái khổ vô bờ bến khi không biết chết rồi sẽ sanh về đâu, mới là nỗi khổ đích thực”. Lúc này, ông ta mới hối hận, vì lúc sinh tiền chưa trì giới và điều phục tâm cho tốt, nên lúc sắp chết hoảng hốt lo sợ. Nếu chúng ta hy vọng muốn tùy tâm vãng sanh về cõi lành, hoặc vãng sanh về cõi Phật, thì bình thường cần phải điều phục tâm cho chính trực, thuần thực, như trong kinh có dạy: ‘Trực tâm là đạo tràng’; trái lại, nếu tâm bất chính, thường truy cầu những thú vui

ngũ dục, tâm không an trụ nơi thiện pháp, thì đến lúc sắp mạng chung tâm ý sẽ hoảng loạn, lo sợ không biết sẽ thác sinh về nơi nào.

Còn nhiều câu chuyện khác, hàm ý rất sâu xa, độc giả muốn am tường thì nên dùng tâm để thể hội.

Những câu chuyện này đã được chuyển thể thành sách đọc Mp3, mọi người có thể tìm trên trang web “download băng đĩa ở giảng đường Huệ Nhật”, nguồn:

***<http://video.lwdh.org.tw/html/lecture/story/story.html>***

***Phật học viện Phước Nghiêm***

***Ngày 25 tháng 12 năm 2016***

# 1. ÔNG LÃO NGHÈO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh, câu chuyện này trích từ *kinh Ông lão nghèo*, trong Đại Chánh tạng quyển 17, trang 742 -743.

Thời quá khứ, có một thời, đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp-cô-độc và thái tử Kỳ-đà, có 1.250 vị sa-môn và hàng vạn chư vị bồ-tát cùng tụ hội tại đó. Khi ấy, trong đại chúng có vô số trời, rồng, quỷ, thần. Mọi người đều cung kính nhiễu quanh đức Phật, nghe Phật thuyết pháp, ai nấy đều rất hoan hỷ.

Lúc đó, có một ông già nghèo, hơn hai trăm tuổi, dung mạo trông rất trường thọ. Lông mày của ông rủ dài, vành tai dày và rộng, hai hàm răng trắng và cứng như vỏ sò, tay dài quá gối. Nhìn tướng mạo bên ngoài thì ông lão phải là một

trưởng giả giàu có, nhưng trên thực tế thì ông ta rất nghèo khổ, cuộc sống vô cùng khó khăn, áo không đủ che thân, y phục rách rưới, ăn không đủ no, đi được mấy bước thì thở hổn hển.

Ông lão nghe nói có đức Phật thị hiện nơi đời, trong lòng cảm thấy vô cùng vui sướng, nên ngày đêm phát nguyện muốn được tận mắt chiêm ngưỡng đức Phật một lần. Ông ta chống gậy đi suốt mười năm như vậy, vô cùng khó khăn mới tìm được đến nơi. Nhưng khi nguyện vọng sắp được thực hiện, thì ông lại bị vua Đế Thích và Phạm thiên giữ cửa ngõ trách và không cho vào. Ông lão lớn tiếng kêu lên:

- Tôi cả một đời gặp quá nhiều bất hạnh, sống cảnh bần cùng khốn khổ, chịu những tháng ngày đói lạnh, muốn chết không được, sống thì không chỗ nương tựa. Nay tôi nghe nói đức Thế Tôn nhân từ cứu độ tất cả chúng sanh, thiên hạ muôn vật đều có thể nương nhờ ân đức của Ngài, nên trong lòng rất vui mừng. Tôi ngày đêm phát

nguyện mong muốn được chiêm ngưỡng đức Phật một lần, trải qua hơn mười năm, hôm nay nguyện vọng sắp thành hiện thực. Tôi từ nơi vô cùng xa xôi tới cầu xin được chiêm ngưỡng đức Phật một lần thôi, để có thể thoát ly được tất cả sự thống khổ, các ông lại ngăn cản tôi như vậy là làm trái với nguyện vọng của tôi, cũng làm trái với tâm nguyện độ sinh của đức Phật, các ông làm như vậy có thích hợp không?

Đức Phật biết sự việc này, liền quay sang nói với A-nan:

- Ông đã từng thấy một ông lão có tướng mạo trang nghiêm trường thọ, nhưng lại thường phải chịu quả khổ, đến nay tội báo vẫn chưa hết không?

Ngài A-nan quỳ gối, chấp tay bạch với đức Phật:

- Vì sao người có tướng trang nghiêm, trường thọ lại phải chịu ác báo như vậy? Người đã gặp ác báo như vậy, tại sao lại được trường thọ và có

tướng mạo trang nghiêm? Cả đời này, con chưa từng thấy qua, không biết người này rốt cuộc đang ở đâu?

Đức Phật bảo:

- Ông ta đang ở ngoài cửa, bị Đế Thích và Phạm thiên ngăn cản không cho vào, ông hãy ra mời ông ta vào đây!

Sau đó, ông già rất khó khăn, run rẩy chống gậy đi vào. Vừa nhìn thấy Phật, ông ta buồn vui lẫn lộn, nước mắt nước mũi giàn giụa. Sau khi đánh lễ Phật xong, ông quỳ gối chấp tay bạch đức Phật:

- Con cả đời này gặp biết bao nỗi bất hạnh, sống trong cảnh bần cùng khổ sở, trải qua bao tháng ngày đói rét, muốn chết không được, sống thì không biết nương tựa vào đâu. Nghe nói đức Thế Tôn từ bi cứu giúp tất cả chúng sanh, vạn vật trong thiên hạ đều được nương nhờ ân đức của Ngài, lòng con vô cùng vui sướng, ngày đêm phát nguyện mong muốn được chiêm ngưỡng đức Phật



một lần. Trải qua mười năm, hôm nay, cuối cùng nguyện vọng của con gần được thực hiện. Nhưng con đi hơn mười năm, không dễ dàng đến được, rốt cuộc lại bị ngăn lại ngoài cửa, đợi rất lâu mà không có cách nào để vào, muốn quay về cũng không còn sức lực nữa, thật là tiến thoái lưỡng nan. Con lo lắng không có cách nào để gặp được đức Phật, lại phải bỏ mạng ở ngoài cổng, làm mất đi sự thanh tịnh nơi thánh địa, càng làm cho tội nghiệp của bản thân con nặng hơn. Không ngờ trong lúc tuyệt vọng, đức Thế Tôn từ bi thương con, cho phép con được vào để gặp Ngài một lần. Bây giờ con chết cũng không còn gì nuối tiếc nữa, chỉ mong có thể mau chóng kết thúc thân nghiệp chướng này, sau khi tội báo được tiêu trừ, mong rằng sau này có thể nương nhờ ân đức của Phật, ban cho con trí huệ thù thắng nhất.

Đức Phật nói:

- Con người sinh ra ở đời, mỗi người đều có nhân duyên sinh tử, do nhiều nhân duyên từ quá

khứ mà dẫn đến tội báo ở đời này. Bây giờ, ta sẽ giải thích rõ ngọn ngành cho ông biết.

Trong kiếp quá khứ, ông được sinh ra trong một quốc gia rộng lớn, quyền thế, trong hoàng tộc của đức vua Minh Huệ. Ông là một thái tử vô cùng kiêu ngạo, chuyên quyền. Trên thì có cha mẹ thương yêu ông như châu báu, dưới thì có rất nhiều kẻ hầu người hạ, ông thường tùy ý coi rẻ và ức hiếp người khác, cống cao ngã mạn, không coi ai ra gì. Của cải mà ông có đều là do vợ vét tài sản của dân chúng, cuộc sống của họ đã vô cùng khôn khó, lại phải chịu sưu thuế hà khắc. Ông chỉ biết tích chứa tiền của mà không biết bố thí.

Lúc ấy, có một vị sa-môn nghèo, từ một quốc gia vô cùng xa xôi, đến để thăm viếng Thái tử, mong cầu của vị sa-môn này không nhiều, chỉ muốn xin Thái tử một bộ pháp y mà thôi. Ông không những không tiếp đón, trái lại, lại dùng thái độ ác nghiệt để tiếp đãi vị sa-môn này. Ông đã không cúng dường pháp y, lại không dâng cúng

ảm thực, khiến cho vị sa-môn vừa đói vừa lạnh ngồi đợi ngoài cổng, mà ông cũng không cho sa-môn đi. Vị sa-môn đợi như vậy trải qua bảy ngày bảy đêm, không được chút thức ăn, nước uống. Vậy mà khi tận mắt nhìn thấy vị sa-môn chỉ còn hơi thở thoi thóp sau cùng, giống như ngọn đèn leo lét trước gió, ông lại rất thích thú, còn tụ tập mọi người vây quanh xem như trò vui.

Lúc đó, có một vị đại thần khuyên ông rằng:

- Thái tử, xin ngài đừng làm như vậy! Vị sa-môn này có thái độ rất từ bi cung kính, xem ra là người có đức hạnh thanh tịnh, dù phải chịu lạnh cũng không hề than lạnh, chịu đói cũng không hề than đói. Sa-môn đến khát thực chỉ vì muốn ngài tích lũy phước đức mà thôi, ngài đã không muốn bố thí thì cũng đừng áp bức, đùa cợt người ta, xin hãy mau chóng tha cho vị sa-môn ấy đi đi, tránh chuốc lấy tội báo.

Thái tử trả lời:

- Ông ta là loại người nào? Muốn lừa gạt

người khác, tự xưng có đạo đức, có tu hành. Ta chẳng qua chỉ là thử ông ta, giam giữ vài ngày mà thôi, không để ông ta chết đâu, bây giờ tha cho ông ta đi cũng được, để tránh làm phiền ta.

Sau đó, thái tử đuổi vị sa-môn đi, trực xuất ra khỏi đất nước.

Không ngờ, sa-môn đi đến cách biên giới khoảng hơn mười dặm, lại gặp phải tên cướp đói khát, muốn giết ngài để ăn.

Sa-môn nói:

- Tôi là sa-môn nghèo khổ lại bị đói lạnh, toàn thân gầy còm chỉ còn da bọc xương, thịt rất tanh hôi, ông nuốt cũng không trôi đâu. Tôi đói với ông không có chút tác dụng gì, ông giết tôi cũng uổng công vô ích mà thôi!

Kẻ cướp nói:

- Tôi vừa đói khát, vừa mệt lả đã nhiều ngày, chỉ có thể ăn đất cát mà thôi. Ông tuy gầy gò, cũng có được chút thịt, vẫn tốt hơn là ăn đất cát. Tôi tuyệt đối không thả cho ông đi đâu. Ngoan

ngoãn nạp mạng đi!

Hai bên cứ như vậy tranh luận không ngừng.

Thái tử biết được sự việc này, bèn vội vàng đi đến biên giới để tiếp cứu. Thái tử nói:

- Ta trước đây đã không cúng dường cho sa-môn y phục, đồ ăn, nay sao nữa để ông ta bị đao tặc giết chết được!

Ác tặc vừa nhìn thấy thái tử liền chạy đến đập đầu lay lục, mong được lượng thứ, rồi liền thả cho vị sa-môn đi.

Ông có biết không? Vị sa-môn lúc đó, nay chính là bồ-tát Di Lặc, còn vị thái tử kiêu ngạo ngang ngược kia chính là ông. Ông hiện nay chịu quả báo khốn cùng chính là do nhân tham lam ở đời quá khứ. Còn ông được trường thọ là do ông cứu vị sa-môn kia một mạng. Nhân duyên thiện ác như bóng theo hình, như tiếng vang dội lại vậy.

Ông lão hướng lên Phật thưa:

- Ôi! Nghiệp báo quá khứ của con đã lỡ tạo, mong rằng có thể kết thúc trong một đời này.

Hôm nay thọ mạng của con không còn nhiều, chỉ hy vọng những năm tháng còn lại được xuất gia làm sa-môn, đời vị lai có thể đời đời kiếp kiếp được hầu hạ bên cạnh đức Phật.

Đức Phật nói:

- Lành thay! Lành thay!

Lập tức, râu tóc của ông lão tự rụng, pháp y tự nhiên xuất hiện trên thân. Không những thế, ông lại được thân khỏe, xương chắc, tai thính, mắt sáng, lập tức được trí huệ vi diệu, nhập vào tam-muội.

Khi đó, đức Thế Tôn liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ông quá khứ thân làm thái tử, không biết lấy nhân từ tiếp đãi người, không hiểu được con người nên tôn trọng phép tắc và đạo lý, kiêu ngạo ngang ngược lại phóng túng, cậy mình làm con của đại quốc vương, tự cho là không có nhân quả tội phước, cho rằng vĩnh viễn giữ được sự tôn quý, quyền lực, ông nào thể ngộ được sự báo ứng của

sinh tử. Ngày nay, cuối cùng ông cũng gặp phải tai họa như vậy. Tuy là chịu tội báo, nhưng từ nay lại nhận được sự từ bi che chở của đức Phật, được bái kiến Thế Tôn, có thể giải thoát các tội báo quá khứ. Lúc tuổi già như ngọn đèn trước gió lại được vào cửa Phật, được xuất gia tu đạo. Mong ông vĩnh viễn xa lìa tâm xan tham, thường có thiện căn trí huệ, đời đời kiếp kiếp được hầu bên cạnh Phật, cứ như thế trải qua vô số kiếp, huệ mạng vẫn mãi trường tồn”.

Bấy giờ, ông lão đã là thầy tì-kheo già, sau khi nghe Phật khai thị, rất vui mừng hướng về đức Phật chí thành đánh lễ.

Lúc đó, Thế Tôn bảo A-nan:

- Nếu như có người đọc tụng kinh này, về sau sẽ gặp được một nghìn đức Phật ở Hiền kiếp. Nếu có người nào y theo bản kinh này mà thực hành, hoằng dương cho chúng sanh đời sau, sẽ được đức Phật Di Lặc thọ ký. Đức Như Lai có tướng lưỡi rộng dài, lời nói chân thật không hề hư dối.

Tất cả đại chúng sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, vui vẻ tin nhận phụng hành, cung kính đánh lễ đức Phật.

**Câu chuyện này thức tỉnh chúng ta:**

Phải chú ý cử chỉ hành vi, khởi tâm động niệm của mình, không nên tùy ý làm não loạn chúng sanh. Nếu não loạn chúng sanh, quả báo sẽ theo sau như bóng theo hình, như âm thanh vọng lại. Dù bạn đi đến đâu, cái bóng nhất định cũng sẽ đi theo đến đó, chẳng hề rời xa. Cho nên, chúng ta đối với thân khẩu ý của mình phải rất cẩn thận.

Ông lão này vì muốn thấy Phật, chống gậy đi từng bước khổ sở, đi hết hơn mười năm mới gặp Phật, mà còn bị ngăn cản ở ngoài cửa, chút nữa là không gặp được Phật, may mà đức Phật biết được, nên từ bi cho phép, ông ta mới có thể gặp Ngài. Đúng là thân người khó được, Phật pháp khó nghe. Chúng ta có may mắn được nghe Phật pháp, hy vọng mọi người biết trân quý, tinh tấn tu hành. Mong mọi người cùng cố gắng!



***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 04.10.2014***

## 2. XEM VÀNG NHƯ RẮN ĐỘC

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này rút ra từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 289 -290.

Khi nghe được những lời hay, chúng ta nên tư duy thì nhất định sẽ có được lợi ích, do đó, người có trí huệ nên thường lắng nghe, tin nhận sự vi diệu, thiện lành của chánh pháp.

Thời quá khứ, tại nước Xá-vệ, một hôm, đức Phật và tôn giả A-nan khi đang đi qua một cánh đồng rộng, bên bờ ruộng, hai vị nhìn thấy dưới đất có một hũ vàng, đức Phật nói với A-nan:

- Đây là một con rắn rất độc.

Ngài A-nan đáp:

- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Đây đúng là một con rắn độc hung ác.

Lúc đó, có một bác nông phu đang cày ruộng ở bên cạnh, nghe đức Phật và ngài A-nan nói có rắn độc, ông nghĩ: “Mình tới xem thử coi, hai thầy trò ông sa-môn nói có rắn độc, rốt cuộc là cái gì?”.

Ông ta bước tới xem, nhìn thấy một hũ vàng, thì vô cùng mừng rỡ:

- Thứ mà sa-môn gọi là rắn độc, lại là vàng ròng tuyệt đẹp.

Ông ta vui sướng ôm hũ vàng về nhà. Người nông dân này xưa nay cuộc sống vốn nghèo khổ, ăn chẳng đủ no, áo chẳng đủ mặc, do bất ngờ nhặt được vàng nên trở thành giàu có, ăn mặc đầy đủ. Vì người nông dân lâu nay nghèo nàn mà đột nhiên giàu lên một cách bất thường, triều đình cảm thấy kỳ lạ, nên âm thầm sai người điều tra. Họ tố giác ông ta, bắt nhốt vào ngục, tất cả số vàng mà ông nhặt được đều phải nộp lên cho triều đình, nhưng tội thì vẫn không được miễn, hơn nữa còn phải chịu những cực hình đau đớn. Người này

đau khổ, lớn tiếng than:

- Ôi! Thật đúng là rắn độc, ngài A-nan ơi!  
Thật đúng là rắn độc hung ác, đức Thế Tôn ơi!

Những người xung quanh nghe thấy vậy bèn đem câu chuyện tâu lên nhà vua, nhà vua cho gọi ông ta tới và hỏi:

- Tại sao ngươi lại kêu lên: “Thật đúng là rắn độc, ngài A-nan ơi! Thật đúng là rắn độc hung ác, đức Thế Tôn ơi!”?

Người nông dân đáp:

- Trước đây tôi đang cày ruộng, nghe đức Phật nói với ngài A-nan “đây là rắn độc, là con rắn độc vô cùng nguy hiểm”. Tới hôm nay, tôi mới thật sự hiểu ra, biết được vàng đúng là rắn độc.

Sau đó, ông ta nói bài kệ, đại ý là:

“Những lời của đức Phật dạy chính là lời chân thật, không hư dối. Ngài nói: “Vàng là rắn rất độc”, A-nan đáp lời Thế Tôn: “Vâng! Vàng đúng là con rắn độc hung ác”.

Hôm nay, tôi mới tự mình thấu hiểu sức mạnh

của rắn độc, nên đối với đức Thế Tôn lòng càng thêm tôn kính. Hôm nay, đối diện với gian nguy, lòng tôi rất niệm ơn đức Thế Tôn đã khai thị.

Bị rắn độc cắn, chỉ bị tổn thương một người, không làm liên lụy tổn thương tới những người khác. Bà con thân thuộc, vợ con hay nô tì, phục dịch đều không bị nguy hại, nhưng nếu bị loại rắn độc là tiền tài cắn phải, thì họa hoạn sẽ ập tới toàn thể gia đình, người thân.

Bây giờ, tôi đối với tiền tài và thân tộc, coi như là một con rắn độc hung ác, uy mãnh đang nổi giận. Người có trí huệ thì nên mau chóng tránh xa, cũng giống như xa lánh con rắn độc hung ác, nên mau chóng xuất gia, vào nơi núi rừng tu hành. Làm gì có một bậc trí huệ nào tự mình nhìn thấy, nghe thấy việc như vậy mà còn chấp trước vào tiền tài, để nó che mờ tâm mình? Tôi vốn cho rằng nhặt được vàng là được lợi ích lớn, nhưng trái lại, phải chuốc lấy sự tổn hại khổ đau”.

Nhà vua sau khi nghe xong bài kệ, biết rằng người nông dân này đã có được sự tin hiểu sâu sắc đối với lời dạy của đức Phật, nên vua cũng nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Bây giờ, người đã kính tin những lời dạy của đức Phật từ bi là chân thật không hư dối. Đức Thế Tôn chưa bao giờ nói những lời sai trái. Những của báu mà trước đây người đã nhặt được, bây giờ ta đều trả lại cho người. Hơn nữa, ta sẽ tặng thêm cho người một ít của báu nữa, xem như để cúng dường người, bởi vì người có duyên, có thể kính tin những lời chân thật của đức Điều Ngự, Thiện Thế, Phật Thế Tôn. Đức Phật là người được Đại Phạm thiên cung kính, bất luận là a-tu-la, Thiên vương, trời Đế Thích, ta và các vị vua của các nước, các vị quý tộc, bà-la-môn, sát-đế-lợi, những bậc tôn quý có trí huệ trong thành, tất cả đều rất kính tin đức Phật. Người có thể giống như ta, cùng khởi lòng kính tin đức Phật, trước khi được

quả báo tốt lành, bây giờ chính là hoa báo<sup>1</sup>”.

Câu chuyện này kể về việc đức Phật và ngài A-nan nhìn thấy của báu ở bên bờ ruộng thì gọi nó là rấn độc, còn bác nông dân đi tới nhìn thì lại là một hũ vàng. Theo pháp luật của Ấn Độ thì hũ là vàng bạc, dù là ở trên đất, thì đều quy về tài sản của quốc gia, nhưng bác nông dân lại khởi lên lòng tham, chiếm giữ làm của mình, kết quả là chiêu lấy tai họa tù ngục, thậm chí suýt chút nữa thì mất mạng. Trong cuộc đời này có rất nhiều người vì tiền tài mà khiến gia đình bất hòa, bạn bè thân thích với nhau trở thành thù địch, bao nhiêu những khổ đau đều do bởi tiền tài mà phát sinh.

Nhưng kinh điển Phật giáo cũng có nói, nếu

---

<sup>1</sup> ‘Hoa báo’ là đối với ‘quả báo’ mà nói, ví như cây cối, từ hạt giống nảy mầm rồi nở hoa kết trái, trước khi cảm đến ‘quả báo’, thì sẽ cảm được ‘hoa báo’. Ở đây nói về ‘hoa báo’ là để chỉ cho việc nhà vua tặng của báu cho bác nông dân. Như hôm nay bác nông dân đối với đức Phật khởi lòng tin thanh tịnh, nên đạt được Sơ quả. Sơ quả là ‘quả báo’, mà trước đó được nhà vua ban thưởng cho của báu là ‘hoa báo’.

đem tiền tài để bố thí làm thiện thì có thể tích lũy tư lương, phước đức để thành Phật. Trong cuộc đời có rất nhiều sự việc đều có hai mặt phải trái, vấn đề là do chúng ta hành động, xử lý thế nào cho phải. Trong *kinh Đại bát niết-bàn* cũng có nói về một ví dụ về hai mặt phải trái của một sự việc. Đó là câu chuyện về “Công Đức Thiên và Hắc Âm Nữ”. Câu chuyện như sau:

Vào một ngày nọ, có một cô gái rất xinh đẹp đoan trang, bước vào căn nhà của một người chủ nọ. Ông chủ nhà hỏi rằng:

- Cô tên gì? Cô tới đây làm gì?

Cô gái xinh đẹp đáp rằng:

- Tôi tên là Công Đức Thiên. Tôi có thể cho mọi người các thứ tiền bạc châu báu, xe ngựa, nô bộc...

Ông chủ nhà nghe như vậy thì vô cùng vui mừng, liền thắp hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Khi đó, ông lại nhìn thấy ngoài cửa có một cô gái rất xấu xí, quần áo vừa bẩn, vừa rách



nát, ông hỏi:

- Cô tên gì?

Cô gái xấu xí đáp:

- Tôi tên là Hắc Âm Nữ.

Chủ nhà hỏi:

- Vì sao cô tên là Hắc Âm Nữ?

Cô trả lời:

- Những nơi tôi tới, đều khiến cho tất cả các tài sản của báu trong ngôi nhà đó hoàn toàn bị tiêu tán.

Chủ nhà nghe xong, lập tức chạy vào trong, cầm ra một con dao bén ngót, nói với Hắc Âm Nữ:

- Cô mau rời khỏi đây, nếu không tôi sẽ giết cô.

Hắc Âm Nữ nói:

- Ông đúng là người ngu si không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi:

- Tại sao cô lại nói tôi là người ngu si không có trí huệ?

Hắc Âm Nữ đáp:

- Người con gái xinh đẹp vừa vào nhà ông là chị gái tôi, chị em tôi cùng vào cùng ra, xưa nay chưa hề rời nhau. Nếu ông đuổi tôi đi, thì chị tôi cũng sẽ ra đi cùng tôi thôi.

Chủ nhà đi vào trong, hỏi Công Đức Thiên:

- Bên ngoài có một người tự xưng là Hắc Âm Nữ, nói là em gái của cô, có đúng vậy không?

Công Đức Thiên đáp:

- Đúng nó là em gái của tôi, chị em tôi đi chung với nhau, chưa bao giờ rời nhau một phút nào. Mỗi khi chúng tôi đi đến đâu, tôi thường tặng của cải cho mọi người, còn em gái tôi thì làm tiêu tán tiền bạc của họ. Nếu ông yêu quý tôi, thì cũng phải yêu quý em gái tôi; nếu ông cung kính tôi, thì cũng nên cung kính em ấy.

Câu chuyện này nói rằng: Tiền tài phú quý trên đời là vô thường, lúc mà Công Đức Thiên tặng cho chúng ta sự phú quý, cũng là lúc Hắc Âm Nữ đến để phá tán chúng. Các bạn đã từng

nhìn thấy một người nào tích chứa tài sản mà chưa từng bị tán thất không? Chắc chắn là không có! Nói theo Phật Pháp, thế gian luôn luôn có hai mặt, tạo bao nhiêu phúc đức thì sẽ nhận được bấy nhiêu phúc báo, đối với tiền tài không nên quá mong cầu; nếu có bị tổn thất cũng không nên quá buồn phiền, bởi vì chúng sớm muộn cũng sẽ bị tiêu tán. Mong mọi người có thể đem tài vật của thế gian này đổi thành pháp tài công đức, đừng để nó mất đi một cách vô nghĩa. Những điều trên đây xin chia sẻ với đại chúng.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 18.04.2015***

### **3. TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT THỰC HÀNH NĂM PHÁP BỒ THÍ LỚN**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 301- 302.

Người đã chứng ngộ chân lý Tứ đế, sẽ không bị thiên ma và các hàng ngoại đạo lừa gạt, mê hoặc, nên chúng ta hãy tinh tấn, dốc lòng tu hành thì nhất định sẽ chứng ngộ chân lý.

Thời Phật tại thế, có một vị cư sĩ tên là Thủ-la vô cùng keo kiệt, bòn sẻn. Ngài Xá-lợi-phất và các đệ tử của đức Phật thường đến nhà ông ta, dùng kệ tụng khai thị cho ông ta, đại ý như sau:

“Ba đường ác giống như biển sâu không thấy đáy; tâm tán loạn giống như nước dơ bẩn, tanh hôi.

Do chúng sanh bị trôi lăn trong dòng sông phiền não tham lam, keo kiệt nên nói dối là không có gì để bố thí (Tâm nhiễm ô giống như dòng nước như bản, cùng với tâm xan tham hợp lại thành dòng sông phiền não. Dòng sông phiền não này sẽ chảy về biển khổ, sâu không thấy đáy). Trong dòng sông lớn của lòng ganh tỵ tật đố, đầy dẫy các loài cá, ba ba, tà kiến độc ác, chìm nổi mãi không dừng nghỉ (Người tà kiến, tật đố, thì sẽ ở trong tam giới, luân hồi sinh tử mãi không dứt). Cần nhổ dẹp gốc bất thiện tham lam keo kiệt, để thành tựu quả báo bố thí. Đức Thế Tôn từ bi, các đệ tử của Ngài là bậc vô úy, quán sát rõ các chúng sinh chìm đắm trong đau khổ, nên các ngài thường suy nghĩ: ‘Chúng ta nên cứu giúp họ’.

Hôm nọ, tôn giả Đại Ca-diếp đắp y, ôm bình bát tới nhà trưởng giả Thủ-la tán thán công đức của việc bố thí. Trưởng giả Thủ-la do không muốn bố thí, nên nghe những lời tán thán đó giống như bị mũi dao nhọn đâm vào tim. Ông ta

bực bội, nói với tôn giả Ca-diếp:

- Ngài được mời tới để nhận cúng dường hay là muốn tới đây khát thực?

Tôn giả đáp:

- Tôi thường lấy việc khát thực để sống.

Thủ-la nói:

- Nếu muốn khát thực, thì ngài nên đến đúng thời điểm.

Tôn giả Ca-diếp đành bỏ đi. Cứ như vậy, đến các vị đại đệ tử của đức Phật như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, đều lần lượt đến nhà Thủ-la khát thực, nhưng ông ta đều chẳng bằng lòng tiếp đãi cúng dường.

Một hôm, đức Thế Tôn đến nhà trưởng giả Thủ-la, Ngài nói với ông ta:

- Bây giờ, ông nên thực hành năm pháp bố thí lớn.

Trưởng giả Thủ-la vừa nghe đức Thế Tôn nói như vậy thì vô cùng phiền não, trong lòng thầm nghĩ: “Việc bố thí chút ít, ta đây còn không muốn

làm, sao lại bảo ta thực hành năm pháp bố thí lớn? Trong giáo pháp của đức Như Lai, lẽ nào không còn pháp môn nào khác ư? Vì sao các đệ tử của đức Phật đã bảo ta phải bố thí, mà bây giờ đức Phật cũng đến dạy ta bố thí?”. Sau khi nghĩ như vậy, ông ta bèn bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ngay cả bố thí những cái nhỏ nhất, con còn không muốn làm, huống gì muốn con thực hành năm pháp bố thí lớn.

Đức Phật nói với Thủ-la:

- Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thực hành năm điều thiện hạnh đó chính là thực hành năm pháp bố thí lớn.

Sau khi Thủ-la nghe như vậy thì vô cùng hoan hỷ, trong lòng thầm nghĩ: “Thực hành năm việc đó không tốn của mình một xu! Đối với mình không tổn thất gì cả, lại có thể được danh tiếng là đại bố thí, tại sao không làm nhỉ?”. Nghĩ thế, nên ông ta đối với đức Phật khởi lòng hoan hỷ, cung

kính và tín thọ sâu sắc, lòng nghĩ rằng: “Đức Phật thật đúng là khác với những người khác”. Ông ta bạch đức Phật:

- Ngài là bậc Điều Ngự Trượng Phu, đúng là chân thật không hư dối, ngoài đức Thế Tôn, còn ai có thể giảng giải như Ngài? Còn có ai mà không khởi lòng cung kính và muốn chống đối Ngài chứ?

Tiếp đó, ông ta nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tướng hảo của Phật trang nghiêm không ai sánh kịp, biện tài vô ngại thế gian hiếm có, Thế Tôn nói pháp luôn hợp thời cơ, đầy đủ phạm âm thanh tịnh và ngôn từ đẹp đẽ. Pháp do Phật nói chân thật không hư dối, khiến người nghe được lợi ích, chứng đắc thánh quả”.

Nói kệ xong, trưởng giả đối với đức Phật khởi lên tâm vô cùng hoan hỷ, bèn vào trong kho lấy hai cuộn vải mịn muốn cúng dường đức Phật, nhưng rồi ông lại nghĩ rằng hai cuộn nhiều quá, hay chỉ cúng một cuộn là được; lại nghĩ một cuộn



có ít quá không, hay là cúng hai cuộn?

Đức Phật biết trong lòng Thủ-la đang nghĩ gì, bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Khi bố thí mà lòng do dự không dứt khoát, như hai đội quân giao chiến có lúc thắng lúc thua. ‘Nên bố thí nhiều một chút, hay ít một chút?’, hai điều này, trong lòng một vị nam nhân yếu đuối luôn giằng co không ngừng, nên trong tâm luôn không ngừng tranh đấu, do dự không thôi, đây là điều bậc trí không ngợi khen. Giống như chiến đấu, người dũng mãnh sẽ tiến về phía trước, kẻ yếu đuối sẽ lùi về sau; bố thí cũng như vậy, nếu khi bố thí trong lòng yếu đuối, khởi tâm niệm xan tham ích kỷ, cũng giống như kẻ chiến đấu thua trận thoái lui. Nếu dùng tâm kiên định, đem lòng thanh tịnh, thành tâm bố thí thì giống như trên chiến trận dũng mãnh tiến lên phía trước. Hai việc này, tâm niệm khởi lên và việc làm nên tương đồng nhau”.

Thủ-la nghe đức Phật đọc bài kệ này, lòng

nghĩ rằng: “Đức Như Lai biết ta đang nghĩ gì”. Do đó, ông vô cùng hoan hỷ, từ bỏ tâm keo kiệt bòn sẻn, vui vẻ lấy vải mịn, thành tâm cúng dường đức Phật. Đức Phật biết Thủ-la trong lòng rất hoan hỷ, bèn nói pháp môn khế lý khế cơ cho ông ta nghe, Thủ-la liền phá trừ được hai mươi ức ngã kiến căn bản, chứng được quả Tu-đà-hoàn (Sơ quả).

Khi đó, đức Phật từ tòa ngời đứng dậy để trở về tịnh xá. Thủ-la cung kính tiễn đức Thế Tôn về tận nơi, sau đó, ông mới trở về nhà, trong lòng ông vẫn tràn đầy hỷ lạc.

Ma vương nhìn thấy Thủ-la hết sức vui mừng, bèn nghĩ: “Bây giờ, ta nên đến nhà Thủ-la để phá hoại thiện tâm của ông ta”. Nghĩ xong, ma vương liền hóa thành thân đức Phật với ba mươi tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đến nhà của Thủ-la. Ma vương nói bài kệ, đại ý như sau:

“Thân thể thanh tịnh như núi vàng, ánh sáng trên đỉnh đầu chiếu rọi rõ, tự tại biến hóa hiển

hiện, bước đi nhẹ nhàng vững chãi như voi chúa, đến nhà của Thủ-la, giống như ánh mặt trời xuyên vào các tầng mây trắng, người nhìn thấy đều không muốn rời mắt, ánh sáng giống như trăm nghìn ánh mặt trời”.

Lúc này, ánh sáng chiếu rọi vào nhà của Thủ-la. Thủ-la cảm thấy quái lạ, nghĩ rằng: “Đây là ai?”. Rồi trưởng giả nói bài kệ, đại ý như sau:

- Giống như vàng ròng chói sáng tràn ngập cả căn nhà của ta, lại giống như ánh mặt trời hiện ra, phóng vô số ánh quang minh khác thường.

Nói kệ xong, Thủ-la rất vui mừng, giống như được nước cam lộ rưới lên thân. Ông lại nói tiếp:

- Ta có phúc đức lớn, đức Như Lai lại đến nhà ta rồi, lại quang lâm tới lần nữa, việc này chẳng phải quá hi hữu sao? Bởi đức Thế Tôn thường vì sự nghiệp từ bi tế độ chúng sinh.

Rồi trưởng giả lại nói bài kệ, đại ý như sau:

“Đầu Ngài như quả Ma-đà, màu da giống như vàng ròng thanh tịnh, có tướng hào quang trắng,

đôi mắt trong suốt, lông mày dài rộng giống hoa sen xanh nở rộ; dùng năng lực thiền định tịch tịnh vô thượng để điều phục thân tâm, hàng phục hết thầy phiền não; bước đi khoan thai nhẹ nhàng tĩnh tại, dung mạo đẹp đẽ thù thắng; quang minh của đức Phật viên mãn chiếu khắp thân thể và xung quanh, đức Như Lai dùng công đức như thế để trang nghiêm thân, dũng mãnh tự xưng: ‘Ta chính thật là đức Phật!’”.

Lúc đó, ma vương với hình dáng vô cùng đẹp đẽ trang nghiêm, hiện ra trước mặt Thủ-la, nói với ông rằng:

- Trước đây, ta có nói ngũ thủ uẩn khổ là do phiền não và nghiệp sinh, tu tập Bát chánh đạo thì có thể diệt trừ được ngũ thủ uẩn, thực ra, đó đều là tà thuyết.

Thủ-la nghe cách nói này thì cảm thấy vô cùng kỳ lạ, ông nghĩ: “Nhìn thì giống đức Phật, nhưng lời nói thì lại khác, lẽ nào mình đang nằm mơ? Hay là do tâm mình khởi lên điên đảo? Nghe

lời ông này nói tràn đầy lòng tham lam, tật đố, đây là kẻ ác nào biến hóa ra hình dáng đức Phật? Giống như giữa một rừng hoa có một con rắn độc. Ta đã quan sát tỉ mỉ, xác định đây đích thị là ác ma. Giống như người bán kim đến chỗ người thợ chế tạo kim muốn rao bán kim vậy. Ác quỷ nhà ngươi! Bây giờ hãy ngoan ngoãn nghe đệ tử Phật ta đây nói cho ngươi nghe một bài kệ”.

Rồi trưởng giả nói bài kệ, đại ý như sau:

“Muốn dùng đôi cánh của thiên nga quạt tung núi Tu-di, còn có thể khiến nó có chút biến động; nhưng muốn khiến cho tâm của một người đã thấy được chân lý mà giao động để nghe theo ngươi là việc tuyệt đối không thể. Ngươi có thể mê hoặc nhục nhãn, nhưng không thể mê hoặc được pháp nhãn. Đức Phật sớm đã biết tình huống này, nên Ngài từng nói: “Nhục nhãn rất thấp kém, không thể phân biệt chân thực hay hư dối, người đã chứng được pháp nhãn thì có thể tận mắt nhìn thấy đức Thế Tôn”. Ta đã chứng được Pháp nhãn

tịnh (tức là Kiến đạo vị), là người đã diệt trừ được kiến hoặc, dù thế nào, ta cũng không bị lời nói của người làm cho dao động, người chỉ uổng công phí sức mà thôi, rốt cuộc cũng không thể làm nhiều loạn tâm ta được, vì ta đã biết rõ người là ác ma. Người đã thấy được Tứ thánh đế, khổ tập diệt đạo, thì dù thế nào cũng không bị dao động. Giống như lấy vàng, mạ lên đồng tiền bằng đồng để gạt bán cho người chuyên mua vàng thật, việc này không thể thành công, bên ngoài nhìn rất giống tiền vàng, bên trong rốt cuộc chỉ là tiền đồng thôi. Lại giống như lấy da của con hổ để phủ lên thân một con lừa, hình dạng bên ngoài dù có thể lừa gạt được mắt thịt, nhưng chỉ cần cất tiếng kêu lên thì sẽ bị người ta nhìn rõ sự giả dối của người.

Lửa có tính nóng, còn có thể khiến lửa nguội lạnh; gió có tính động, còn có thể khiến cho gió dừng lại không động; thậm chí có thể làm cho ánh mặt trời bị che tối, khiến mặt trăng sinh tỏa nhiệt, nhưng không thể nào khiến một người đã giác ngộ

chân lý có ý niệm dao động. Cho dù người khiến cho cỏ cây, núi đá, hươu nai, cầm thú... trong toàn thế giới này biến thành hình tướng đức Phật, cũng không thể lay động được tâm ta, huống gì thân ác ma của người, làm sao có thể lay động ta được?”.

Thủ-la đưa ra rất nhiều ví dụ, mạnh mẽ trách mắng ma vương Ba-tuần, giống như một mãnh tướng xông lên tả xung hữu đột, làm quân địch rất khiếp sợ.

Khi ấy, ma vương cảm thấy rất sợ hãi, vội chạy trốn về thiên cung. Giống như con voi phát hiện đây là chỗ ở của sư tử, ngay lập tức cắm đầu chạy; ma Ba-tuần cũng thế, gặp nơi ở của người đã thấy chân lý, tất cả ma đều không dám ở lại.

Trong *kinh Xuất diệu* cũng có một đoạn kinh có nội dung tương tự, xuất xứ thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 754.

Thời xưa, trong thành Xá-vệ có hai trưởng giả, một người tên Tối Thắng, một người tên Nan

Hàng. Hai người này tuy có rất nhiều của báu, voi, ngựa, xe, người hầu, nô tì, thóc gạo, ngũ cốc, nhiều tới mức đếm không xuể, nhưng họ đều là những người tham lam keo kiệt nhất trong thành Xá-vệ.

Nhà của hai ông trưởng giả này xây bảy lớp tường bao. Họ còn ra lệnh cho những người gác cổng không được cho những người ăn xin vào. Hơn nữa, vì sợ chim chóc vào ăn thóc lúa trong kho, nên xung quanh các phòng ốc, họ đều dùng lưới sắt để bao vây che đậy, tường bao đều làm bằng sắt để ngăn ngừa chuột bọ vào cắn hư các đồ vật.

Năm vị đệ tử của đức Phật đến khuyên răn họ, nhưng họ vẫn không chịu nghe lời giáo hóa. Sau đó, đức Phật phải đích thân tới, nói giáo pháp cho họ nghe. Trưởng giả nghe, tuy không có cách nào hiểu thấu, nhưng trong lòng nghĩ rằng: “Dù sao thì đức Phật cũng đã đích thân đến đây, không nên để Ngài ra về tay không, ta nên vào kho lấy một



cuộn vải trắng để cúng dường Ngài”.

Ông ta muốn chọn một miếng vải không tốt lắm trong kho, nhưng không ngờ khi cầm ra, lại trúng phải cuộn vải tốt. Ông bèn bỏ lại và chọn miếng khác, nhưng rồi lại cầm phải một cuộn vải đẹp hơn. Ông ta cứ như vậy, do dự không dứt, chần chừ rất lâu. Lúc này, đúng lúc đội quân của a-tu-la và trời Đao-lợi giao đấu, có lúc quân của trời Đao-lợi thắng, quân của a-tu-la thua; có lúc quân của a-tu-la thắng, quân của trời Đao-lợi thua. Khi đó, đức Phật dùng tha tâm quán sát tâm niệm của trưởng giả, biết tâm tham lam và tâm bố thí của trưởng giả đang giao chiến, do đó, đức Phật nói với trưởng giả bài kệ:

“Khi bố thí mà tâm do dự không dứt khoát, cũng giống như hai đội quân của a-tu-la và trời Đao-lợi giao chiến. Tâm do dự không dứt khoát này, bậc trí không khen ngợi tán dương. Khi bố thí trong lòng giao chiến với do dự: “Nên bố thí vật tốt hay vật không tốt?”, giống như hai đội

quân đang giao chiến vậy”.

Trưởng giả Tới Thắng nghe xong cảm thấy vô cùng xấu hổ, nên ông chọn một miếng vải loại thượng đẳng để cúng dường đức Phật. Trưởng giả Nan Hàng cũng chí thành cúng dường đức Phật năm trăm lượng vàng.

**Câu chuyện này đã chỉ ra mấy điểm quan trọng sau:**

Đức Phật tán thán: “Trì ngũ giới là năm pháp bố thí lớn”, vì sao? Ví như giữ giới không sát sanh, chẳng phải là hôm nay không sát sanh, ngày mai không sát sanh mà là từ nay trở đi mãi mãi không sát sanh. Cũng không phải nói là: “Tôi không giết con này hay không giết con kia”, mà là từ nay về sau không sát hại bất cứ chúng sanh nào. Hơn nữa, đối với tất cả chúng sanh, kể từ nay cho tới mãi mãi về sau, phải bảo vệ mạng sống cho chúng, khiến chúng không còn cảm giác bị uy hiếp, sợ hãi.

Không trộm cắp cũng vậy, đối với tài sản của

tất cả chúng sanh, chúng ta cho họ sự an toàn, bảo đảm không bị xâm hại, khiến cho hết thấy chúng sanh vĩnh viễn không có cảm giác sợ hãi bạn. Chúng ta khắc chế lòng tham của bản thân như vậy, thì ở bất cứ đâu cũng lo nghĩ cho người khác để giữ giới, chính là năm pháp bố thí lớn vậy.

Chúng ta trì giới cũng không nên cho rằng cái này không được làm, cái kia không được làm, khiến bản thân gò bó, không được thoải mái, không nên nghĩ như vậy. Nếu chúng ta khởi suy nghĩ, thì nên nghĩ như thế này: “Do chúng ta giữ giới, nên có thể khiến cho hết thấy các chúng sanh được an ổn, không còn sợ hãi”. Như vậy, mọi lúc đều lo lắng cho tất cả chúng sanh, thì chúng ta sẽ nuôi lớn được lòng từ bi, đồng thời, phước đức cũng được tăng trưởng.

Ngoài ra, có nhiều người làm việc thiện thường hay do dự không dứt khoát. Việc này, nên thực hành giống như lời của bồ-tát Long Thọ dạy trong trong *Luận thập trụ Ti-bà-sa*: “Điều thiện

chưa sinh nên mau chóng làm sinh khởi giống như mài cây lấy lửa”. Chúng ta mài cây lấy lửa, phải mài liên tục không ngắt. Cũng vậy, muốn dứt trừ điều ác cũng phải dứt khoát không nên chần chừ lẩn lữa, nếu nhỏ cỏ mà không nhổ tận gốc, thì chỉ cần gió xuân thổi nhẹ, mưa xuân tưới qua, cỏ lại mọc lên.

Ngoài ra, đối với người kiến đạo thì dù ma có hóa thành thân Phật, nói rằng: “Ta trước đây đều lừa gạt ông, khổ tập diệt đạo đều là tà thuyết”, nghe như vậy, người kiến đạo cũng không bị dao động.

Xin chia sẻ với đại chúng như vậy.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 10.01.2015***

## 4. VÌ CỨU CON NGỒNG DÙ THÂN CHỊU KHỔ VẤN KHÔNG PHẠM GIỚI

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo, được trích trong *kinh Đại trang nghiêm luận*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 319- 321.

Câu chuyện này có thể mọi người đã nghe, nhưng chúng ta hãy nghe lại một lần nữa để cùng tư duy về ý pháp trong kinh, giữ gìn giới luật, thà bỏ tính mạng cũng không phạm.

Ngày xưa, có một thầy ti-kheo đi khất thực theo thứ lớp, khi đi tới nhà một người thợ làm nghề xâu chuỗi ngọc, thầy đứng đợi trước sân. Lúc đó, người thợ này đang xâu cho nhà vua một chuỗi ngọc, trong đó có viên ngọc báu ma-ni rất quý có màu đỏ thẫm, màu sắc trên ca-sa của thầy

tì-kheo phản chiếu lên viên ngọc báu ma-ni, khiến nó hiện lên màu đỏ thắm rất đẹp. Người thợ xâu ngọc nhìn thấy thầy ò-kheo đi khát thực, ông liền vùi để viên ngọc sang một bên, rồi vào nhà để lấy chút ít đồ ăn cúng dường cho thầy. Lúc đó, có một con ngỗng nhìn thấy viên ngọc ánh lên màu đỏ thắm, hình dáng giống như cục thịt, nó liền nhanh như chớp, mổ viên ngọc nuốt vào bụng. Chủ nhà đem đồ ăn ra dâng cúng cho thầy ò-kheo, sau đó tìm viên ngọc, nhưng tìm mãi mà không thấy, trong khi chỉ có một mình thầy ò-kheo đang đứng đó mà thôi. Do viên ngọc này là tài sản của nhà vua, vô cùng quý giá, ông thợ xâu ngọc lại rất nghèo khó, làm mất của báu của nhà vua, ắt phải mất mạng. Ông vô cùng lo lắng, nói với thầy ò-kheo:

- Xin thầy hãy trả viên ngọc lại cho tôi!

Lúc bấy giờ, thầy ò-kheo nghĩ: “Viên ngọc đã bị con ngỗng nuốt vào bụng, nếu ta nói thật với ông thợ xâu ngọc, ông ấy nhất định sẽ giết nó để

lấy lại viên ngọc. Thật là khó xử, ta phải dùng cách nào để tránh khỏi tai họa này đây?”. Do đó, thầy ti-kheo nói bài kệ, đại ý như sau:

“Ta muốn bảo vệ mạng sống cho con ngỗng này, thân thể ta sẽ phải chịu nhiều đau đớn, nhưng trước mắt chẳng có cách nào tốt hơn, nên bắt đắ dĩ chỉ biết dùng tính mạng này để chịu thay nó. Nếu ta nói với ông thợ xâu ngọc, là con ngỗng đã nuốt ngọc quý vào trong bụng, ông ta chưa chắc đã tin, lại có thể giết hại con ngỗng. Rốt cuộc phải dùng phương pháp nào để ta có thể an toàn ra đi mà không làm hại tới con ngỗng? Nếu nói là do người khác lấy viên ngọc đi, thì đó là nói dối, lời như vậy cũng không thể nói ra, dù cho mình chưa từng có lỗi cũng không nên nói lời dối trá.

Ta có nghe trong pháp của bà-la-môn, vì bảo vệ tính mạng có thể nói dối. Nhưng ta cũng từng nghe thánh nhân xưa có dạy: ‘Thà bỏ thân mạng chứ tuyệt đối không nói dối’. Đức Phật từng dạy, nếu bị kẻ cướp, hoặc bị người ác cắt xẻ thân thể,

dù gặp phải cảnh khổ như thế, cũng tuyệt đối không được hủy hoại giới pháp. Tuy nói dối có thể may mắn sống sót, nhưng ta không nên làm như vậy, thà nhất tâm giữ giới mà bỏ sinh mạng. Nếu ta nói dối, các bạn đồng hạnh thanh tịnh sẽ chê cười ta phá giới, sự cười chê này tuy không nghiêm trọng nhưng có thể làm đau nhói và thiêu đốt tâm ta. Vì vậy, ta không nên hủy hoại giới pháp khiến phải rơi vào trong biển khổ. Giờ đây, ta nên học tập giống như thiên nga uống sữa, có thể uống hết sữa tươi mà để lại nước lã; bây giờ ta cũng nên làm như vậy, bỏ hết ác hạnh mà lấy thiện hạnh. Trong kinh có nói: ‘Kẻ trí tuy cùng làm việc với phàm phu ngu muội, nhưng tuyệt đối không thuận theo ác hạnh ngu si của phàm phu. Người thiện khéo bỏ ác hạnh, giống như con ngỗng chỉ uống sữa tươi không khác’. Ta hôm nay nguyện bỏ thân mạng để bảo vệ tính mạng của con ngỗng, vì nhân duyên lành trì giới, mong sau này có thể thành tựu đạo giải thoát”.



Lúc bấy giờ, người chủ nhà nghe vị tì-kheo nói bài kệ như vậy, nhưng vẫn nằng nặc:

- Mau trả lại ngọc báu cho tôi, nếu không trả thì thầy phải chịu khổ thôi, tôi không tha cho thầy đâu.

Thầy tì-kheo đáp:

- Ai lấy châu báu của ông?

Rồi thầy trầm tư im lặng không nói gì.

Chủ nhà chất vấn:

- Ở đây đâu có ai khác ngoài thầy, còn ai có thể lấy trộm viên ngọc nữa chứ?

Rồi ông thợ xâu ngọc liền khóa cửa lại, dọa thầy tì-kheo:

- Bây giờ, thầy cứ ở đây mà ngoan cố đi!

Thầy tì-kheo nhìn bốn phía, không có gì che chở, giống như một con lừa bị rơi xuống chạm bẫy đầy gai góc, không biết đi đâu về đâu, thầy cũng vậy, không có bất cứ ai có thể cứu giúp. Khi đó, thầy bèn thu nhiếp thân tâm, chỉnh sửa y áo chỉnh tề. Ông chủ nhà thấy vậy liền hỏi:

- Lẽ nào bây giờ thầy muốn quyết đấu với tôi sao?

Thầy tì-kheo đáp:

- Tôi không quyết đấu gì với ông cả, tôi chỉ quyết đấu với giấc phiền não thôi, vì sao? Vì tôi sợ khi bị ông đánh, thân thể lộ ra, y phục không được trang nghiêm tề chỉnh. Sa-môn chúng tôi dù gặp phải cảnh khó khăn, lúc mệnh chung vẫn lấy ca-sa để che thân, không để lộ thân thể.

Thầy lại nói một bài kệ đại ý như sau:

“Đức Thế Tôn đầy đủ tâm tầm quý, con giờ phút này cũng xin học theo Ngài, dù cho mạng chung cũng tuyệt đối không để lộ thân thể”.

Ông chủ nhà nói với thầy tì-kheo:

- Làm gì có ai mà không yêu quý thân mạng?

Thầy tì-kheo đáp:

- Trong pháp xuất gia của chúng tôi, cho đến khi chứng ngộ giải thoát, luôn bảo vệ thân mạng, dù trong hoàn cảnh gian nan nguy hiểm, cũng cố gắng bảo toàn tính mạng. Nhưng hôm nay, tôi

quyết định xả bỏ thân này, để được tăng đoàn đều tán thán tiếng thơm của tôi.

Rồi thầy òi-kheo nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Khi tôi xả bỏ thân mạng, giống như cành cây khô rơi xuống đất, không hề có chút nuối tiếc. Tôi sẽ khiến mọi người khen ngợi, do tôi đã vì con ngỗng mà có thể bỏ thân; cũng khiến sau này nếu ai có buồn phiền đau khổ, cũng có thể bỏ thân này; khiến những người nghe thấy có thể khởi tâm tinh tấn, tu hành đạo giải thoát, kiên trì giữ gìn giới pháp; khiến những người đã từng hủy phạm giới luật, cũng phát nguyện vui về trì giới”.

Lúc đó, ông thợ xâu ngọc nói:

- Những lời ông vừa nói quá giả dối, ông còn mong muốn được mọi người ngợi khen hay sao?

Thầy òi-kheo đáp:

- Ông nghĩ rằng tôi đang đắp ca-sa trên thân mà giả dối, không thật được sao? Vì sao có thể được tiếng tốt? Chẳng phải vì nịnh nọt hòa theo người khác, mà là do bản thân hoan hỷ với việc

thiện; cũng không phải vì muốn người khác khen ngợi tôi, mà chỉ mong đức Thế Tôn hiểu được tâm lòng chân thành của tôi.

Sau đó, thầy nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Đệ tử của đức Phật vì giữ gìn giới luật, có thể xả bỏ tính mệnh khó bỏ, có thể khiến cho những người ở thế gian đối với những bậc tu hành sinh khởi ý nghĩ hy hữu khó được. Cho dù bây giờ chưa sinh khởi ý niệm hy hữu khó được, thì sau này nhất định cũng sẽ sinh khởi”.

Lúc đó, ông thợ xâu ngọc trối thầy lại, dùng gậy đánh thầy một trận toi tả, rồi lại tra hỏi:

- Ngọc quý ở đâu? Mau trả lại cho tôi!

Thầy đáp:

- Tôi không lấy ngọc của ông!

Ông thợ xâu ngọc khóc than thảm thiết, trong lòng vô cùng bức rứt, phần vì phải đánh vị ti-kheo, phần vì đã làm mất ngọc báu của nhà vua, nên cảm thấy rất buồn rầu đau khổ, bèn nói bài kệ:

“Ôi! Đều là do sự nghèo khổ hại người, tôi

biết rõ nghiệp thiện ác, nên sinh khởi lòng hối hận, phiền não. Bởi quá khứ tôi làm ít nghiệp thiện, lại tạo lắm nghiệp ác, nên mới dẫn tới sự nghèo khổ hôm nay. Do nghèo khổ nên không thể bồi thường được ngọc quý cho nhà vua, trong tình thế nóng vội đã đánh thầy òi-kheo. Tôi cũng biết đánh một vị òi-kheo là tạo ác nghiệp, sau này sẽ phải chịu nhiều đau khổ hơn, nghĩ lại càng cảm thấy đau khổ, hối hận. Đều là do cái nghèo hại người, do nghèo cùng, lại tạo ác nghiệp đánh thầy òi-kheo”.

Bởi thế, ông thợ xâu ngọc khóc lóc quỳ dưới chân thầy òi-kheo, đánh lễ và nói:

- Xin thầy hãy ban tặng niềm vui cho tôi, xin hãy trả ngọc quý lại cho tôi. Thầy đừng tự tìm đau khổ, cũng đừng khiến tôi khổ sở.

Thầy òi-kheo đáp:

- Thật sự là tôi không lấy.

Người thợ xâu ngọc lại nổi giận:

- Thầy này thật là ngoan cố, đã bị đánh đau đớn như vậy mà còn không chịu nhận tội lấy cắp!

Do ông thợ xâu ngọc bị cái nghèo dồn ép, tìm không thấy viên ngọc, càng nghĩ càng nổi giận, nên lại tiếp tục đánh đập thầy tì-kheo. Lúc bấy giờ, hai tay và cổ của thầy tì-kheo đều bị trói chặt, nhìn bốn phía không thể cầu cứu ai, đành vô vọng đợi chết. Vị tì-kheo suy nghĩ: “Sống hay chết cũng đều khổ như nhau, phải tiếp tục kiên trì, không nên trái với giới luật. Nếu ta hủy phạm tịnh giới, sau này sẽ chịu tội báo nơi địa ngục, còn khổ hơn bây giờ rất nhiều lần”.

Thầy bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Nên nhớ nghĩ đến đức Phật, đức Phật lấy Nhất thiết trí và tâm đại bi làm thể, là bậc Ân sư mà ta tôn trọng, nên thường xuyên ghi nhớ những lời chỉ dạy của Ngài. Ngoài ra, cũng nên nhớ nghĩ tới các vị tiên nhân nhẫn nhục ngày trước tu khổ hạnh trong rừng, dù bị cắt tay chân, gọt tai mũi... cũng không khởi tâm sân giận. Tì-kheo phải luôn nhớ nghĩ, như trong kinh đức Phật thường dạy các tì-kheo: ‘Dù có bị kẻ ác dùng cưa cắt xẻ thân thể,

tay chân v.v., cũng không nên sinh khởi ác tâm, nên một lòng nhớ Phật, nên nhớ việc xuất gia và các giới pháp mà đức Phật đã chế định'. Ta đời quá khứ vì dâm dục, trộm cắp mà mất đi sinh mạng, biết bao nhiêu đời kiếp đọa làm thân dê, nai, hoặc đọa vào lục súc mà mất mạng cũng không thể tính đếm, chỉ toàn chịu khổ, không được lợi ích gì. Hôm nay, ta vì giữ gìn tịnh giới mà xả bỏ thân mạng, còn hơn những người vì muốn an phận mà hủy phạm giới hạnh. Cho dù ta muốn bảo vệ tính mạng, nhưng cuối cùng thân này cũng tan hoại, chẳng bằng cứ trì giới thanh tịnh, bảo vệ tính mạng cho chúng sinh, xả bỏ thân xác giả tạm mỏng manh này để tìm cầu huệ mạng giải thoát. Tuy đều là xả bỏ thân mạng, nhưng một bên là đầy đủ công đức, một bên thì chẳng được gì. Người trí bảo vệ tính mạng chúng sinh, bản thân được tiếng thơm, đầy đủ các công đức. Người ngu chỉ yêu mến bản thân, nhưng cuối cùng cũng mất mạng, lại không được gì".

Lúc bấy giờ, thầy òi-kheo nói với ông thợ xâu ngọc rằng:

- Dù thế nào cũng đừng xả bỏ tâm từ bi, nếu không có tâm từ bi thì sẽ chiêu cảm lấy đau khổ vô cùng.

Người thợ xâu ngọc khóc lóc thảm thiết, vô cùng sầu não, nói bài kệ rằng:

“Tôi tuy đánh thầy, nhưng thực sự tôi vô cùng khổ tâm, chỉ cần nghĩ tới việc quốc vương sẽ dùng cực hình tra hỏi tôi viên ngọc quý, là tôi lại muốn trừng phạt thầy nặng nề thêm. Mong thầy hãy đưa viên ngọc báu ra, như vậy thầy sẽ tránh khỏi được bao nhiêu đau khổ, cũng khiến tôi tránh được nghiệp ác. Thầy là người xuất gia, nên đoạn trừ tham dục, xả bỏ tâm tham, mau đưa ngọc quý cho tôi”.

Thầy òi-kheo mỉm cười, nói bài kệ:

“Tôi tuy vẫn còn tâm tham, nhưng cũng không hề tham luyến viên ngọc quý đó. Ông bình tĩnh nghe tôi nói, tôi bây giờ chỉ yêu thích danh tiếng



mà người trí huệ khen ngợi tán thán, cũng yêu thích trì cấm giới, và cả pháp giải thoát, tôi yêu thích nhất không gì ngoài phương pháp giải thoát. Đối với viên ngọc quý của ông, tôi thực sự không có chút tâm ưa thích nào. Tôi đắp y phần tảo, lấy việc khát thực để sống, nghỉ dưới gốc cây, như vậy tôi đã rất hài lòng rồi. Rốt cuộc là do đâu mà bị ông cho là kẻ trộm, ông hãy bình tĩnh suy xét, quan sát”.

Ông thợ xâu ngọc nói với thầy òi-kheo:

- Thầy nói nhiều lời vô ích như vậy làm gì?

Ông ta lại trói thầy chặt hơn và đánh đập tàn nhẫn hơn, còn dùng dây thừng ra sức lôi kéo, khiến cho tai, mắt, miệng, mũi của thầy đều chảy máu. Lúc đó, con ngỗng thấy vậy chạy lại ăn máu tươi, ông thợ xâu ngọc sẵn đang tức giận, phang một gậy đập chết con ngỗng.

Thầy òi-kheo vội hỏi:

- Con ngỗng còn sống hay đã chết?

Người thợ xâu ngọc nhiên:

- Con ngỗng này sống hay chết, có đáng để thầy hỏi không?

Thầy tì-kheo đến bên con ngỗng, nhìn thấy nó đã chết, thầy vô cùng thương xót, bất giác rơi lệ, rồi thầy nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi chịu biết bao đau đớn, chỉ mong có thể giúp cho con ngỗng này được sống, nhưng giờ này tôi còn chưa mất mạng thì nó đã chết trước mặt tôi. Ta muốn bảo vệ mạng sống cho nhà ngươi, chịu biết bao nhiêu đau đớn, vì sao ngươi lại chết trước ta? Khiến cho thiện nghiệp của ta không được thành tựu?”.

Người thợ xâu ngọc hỏi:

- Con ngỗng này và thầy có quan hệ gì đặc biệt? Vì sao thầy lại đau khổ buồn rầu như vậy?

Thầy tì-kheo trả lời:

- Bởi vì nó không làm thỏa mãn tâm nguyện của tôi, nên tôi buồn rầu không vui. Trước đó, tôi phát nguyện sẽ lấy tính mạng mình đổi cho con ngỗng, bây giờ nó chết rồi, tâm nguyện của tôi

không thể thực hiện được nữa.

Thợ xâu ngọc hỏi:

- Thầy muốn phát nguyện như thế nào?

Thầy tì-kheo đáp:

- Khi đức Phật tu bồ-tát đạo, Ngài vì chúng sanh, nên dù có bị cắt chân tay cũng không tiếc thân mạng, tôi muốn học theo hạnh của đức Phật.

Rồi thầy nói bài kệ, đại ý như sau:

“Bồ-tát xưa kia bỏ thân mạng để đổi lấy mạng sống cho con bồ câu. Tôi cũng muốn noi theo Ngài, nguyện bỏ tính mạng mình để cứu con ngỗng cho nó được bảo toàn tính mạng. Tôi dùng tâm thù thắng nhất để mong giữ vẹn tính mạng cho con ngỗng, nhưng nay ông đã giết chết nó rồi, nên tâm nguyện của tôi cũng không thể toàn vẹn được”.

Người thợ xâu ngọc hỏi:

- Thầy nói những lời này, tôi nghe vẫn không hiểu, thầy mau nói rõ cho tôi nghe.

Thầy tì-kheo bèn nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi đắp áo cà-sa đỏ, sắc áo chiếu lên viên ngọc báu ma-ni, nhìn viên ngọc giống như miếng thịt, con ngỗng tưởng viên ngọc báu là thịt, bèn chạy tới nuốt vào bụng. Tôi chịu đánh đập khổ não, chỉ vì muốn bảo vệ cho nó, tất cả những bức bách đó tuy rất đau đớn, nhưng chỉ mong con ngỗng sẽ được sống. Đối với tất cả chúng sanh ở đời, đức Phật đều coi như con đẻ, dù cho chúng sanh đó không có chút công đức nào, đức Phật cũng thương yêu. Đức Phật là Ân sư của tôi, nào có làm tổn thương chúng sanh bao giờ? Tôi là đệ tử của Ngài, sao có thể làm tổn thương tới chúng sanh?”.

Người thợ khâu ngọc nghe thầy ùi-kheo nói như vậy, ông ta vội lấy dao mổ bụng con ngỗng, tìm thấy viên ngọc quý, ông liền lớn tiếng gào khóc, nói với thầy ùi-kheo:

- Thầy vì bảo vệ tính mạng cho con ngỗng mà không tiếc tính mạng của mình, nhưng sao lại khiến cho con làm việc phi pháp như vậy?

Sau đó, ông nói bài kệ:

“Thầy âm thầm làm việc công đức, giống như lấy vật che chắn ngọn lửa; con do bởi ngu si, bị ngọn lửa ngu si thiêu đốt, khổ đau mấy trăm kiếp. Thầy lấy đức Phật làm tấm gương, biểu hiện đặc trưng của Ngài, để làm việc thiện vô cùng tương ứng, còn con vì ngu si, không khéo quan sát mà bị ngọn lửa ngu si thiêu đốt. Mong thầy tạm dừng bước, chấp nhận sự sám hối của con, giống như người bị ngã nhào trên mặt đất, cần được người khác đỡ đứng dậy; xin ngài hãy đợi một chút, xin hãy tiếp nhận đồ cúng dường đạm bạc của con.

Rồi người thợ khâu ngọc lại chấp tay nói bài kệ, đại ý rằng:

“Con xin quy y thầy, người có giới hạnh thanh tịnh, người trì giới kiên cố, dù có gặp khổ nạn lớn thế nào cũng không hủy hoại hay tổn thất giới hạnh. Nếu người trì giới không gặp phải thử nghiệm như thế này, thì sao gọi là hiếm có khó gặp trên đời. Người gặp phải cảnh khổ nạn như

vậy, mà vẫn có thể nghiêm trì giới luật, mới được khen ngợi là quý giá. Vì để cứu tính mạng cho con ngỗng, bản thân mình nguyện chịu khổ đau, không trái giới luật, đúng thật là hiếm có!”.

Ông thợ xâu ngọc sau khi sám hối xong, vội cỡi trời cho thầy tì-kheo để thầy về.

**Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:**

Người đời thì chỉ mền tiếc thân mạng, nhưng thầy tì-kheo này thì yêu mền huệ mạng hơn. Hơn nữa, lòng từ bi của thầy vô cùng sâu nặng, luôn giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Để bảo vệ tính mạng cho con ngỗng, thầy đã nguyện hy sinh cả tính mạng của mình, nhẫn chịu biết bao đòn roi đau đớn, đúng là có thể nhẫn chịu những điều khó nhẫn.

Nếu bình thường, người trì giới mà không gặp phải bất cứ sự thử thách nào thì không thể nói là hiếm có khó gặp. Khi gặp phải đủ thứ khổ nạn, đối mặt với sự nguy hiểm, ảnh hưởng tới tính mạng mà vẫn có thể giữ gìn giới hạnh nghiêm

ngặt, đó mới thật sự là hiếm có, là đáng quý vậy.

Bậc có trí huệ vì bảo vệ sự sống cho chúng sanh, sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình, sự hy sinh này sẽ đạt được rất nhiều công đức; còn người ngu chỉ yêu mến bản thân mình, nhưng dù yêu mến thế nào thì cuối cùng cũng vẫn phải chết, mà kết quả lại không được gì.

Câu chuyện này còn nhắc nhở chúng ta, bất luận thế nào cũng không nên mặc tình đổ tội cho người khác, bởi vì, nếu bị lửa thế gian thiêu đốt, sự đau đớn của vết bỏng đó chỉ có ở thân này, trong một đời này mà thôi; còn nếu bị lửa vô minh, ngu si thiêu đốt, thì sự đau đớn mà chúng ta phải chịu là vô lượng kiếp.

Xin được chia sẻ với đại chúng như vậy, để mọi người cùng cố gắng tu tập.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 05.02.2015***

## 5. ĐỨC PHẬT KHÉO ĐỘ THẦY TỠ-KHEO TRẺ BỊ MÊ TÌNH LÀM LOẠN Ý

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm ‘Sa-môn’, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 604.

Khi đức Phật còn tại thế, có một thời, Ngài trú tại tinh xá ở nước Xá-vệ, vì hàng trời, rồng, quỷ thần, quốc vương và người dân trong nước mà nói pháp.

Lúc ấy, có vị ti-kheo trẻ tuổi, sáng sớm đắp y, chống tích trượng và mang bát đi vào thôn xóm để khất thực.

Bên đường, có một khu vườn chuyên kinh doanh hoa quả của quốc gia, bên ngoài trồng các loại nông nghiệp như kê, lúa... Bên trong, ở



những lùm cỏ ven khu đất, có gắn những bẫy bắn tên tự động, một khi có gia súc, dã thú hoặc kẻ trộm đến lén trộm thực phẩm, hoặc đến phá hoại, nếu vô ý chạm vào bẫy, bẫy này sẽ tự khởi động chốt bắn tên ra. Nên bất kể là người hay súc sanh, khi vào trong vườn thường hay bị trúng tên mà chết.

Trong vườn, chỉ có duy nhất một cô gái tuổi còn rất trẻ, xinh đẹp tuyệt trần, cô ở trong đó trông coi vườn rau. Nếu ai muốn vào trong vườn, cần phải từ xa kêu lớn, ra hiệu cho cô gái biết trước, cô sẽ hướng dẫn lối vào an toàn thì mới bình an vô sự để vào trong; nếu ai không biết, thì chắc chắn sẽ bị tên bắn chết.

Vì chỉ một mình ở lại quản lý cả khu vườn, nên cô gái này thường ngâm nga những khúc nhạc thật lâm ly để bầu bạn. Mỗi khi âm thanh trong trẻo của cô cất lên, là khiến cho trái tim của biết bao người rung động. Nghe giọng hát của cô, chẳng ai mà không lập tức dừng ngựa, xuống xe,

đậu xe gần đó, ngập ngừng đi tới rồi lại bước lui, rón rén đến nhìn trộm, rất muốn vào trong ngắm cô gái; hoặc dừng lại quanh quẩn ở đó, không muốn dời bước. Hầu hết những người qua đường đều bị giọng oanh vàng của cô gái thu hút.

Lúc ấy, thầy ti-kheo trẻ tuổi khất thực xong, trên đường trở về tinh xá, khi đến đoạn đường ấy, vừa nghe được tiếng ca du dương của cô gái, thầy bèn nghiêng tai lắng nghe. Lập tức cả năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân (hoặc năm loại tình cảm: hỷ, nộ, ái, lạc, oán) của thầy liền bị âm thanh của cô làm chấn động, tâm phóng dật khởi lên; tâm mê hoặc, ý rối loạn, tham luyến không ngăn được. Thầy cứ vẩn vơ suy nghĩ, hình dung về tướng mạo của cô gái, thâm nghĩ đây hẳn là một người rất yêu kiều. Khắc họa cô gái trong tâm trí xong, thầy liền bám theo tâm hoang tưởng muốn đi gặp cô, muốn được nói chuyện với cô, nên cứ hướng thẳng về vườn rau mà bước. Đi chưa được nửa đoạn đường, thì tâm thần thầy càng mê mẩn, tích

tượng cầm trên tay không còn giữ vững, y đắp trên thân cũng rớt xuống, đến bình bát ôm trên tay cũng vứt bỏ, thầy đã không còn tự chủ được nữa.

Lúc ấy, đức Phật dùng túc minh thông, thiên nhãn minh, lậu tận minh..., quán sát thầy tì-kheo trẻ, Ngài biết, chỉ cần thầy này tiến thêm vài bước nữa, lập tức sẽ bị cung tên bắn chết. Vị thầy này phước đức đã tích lũy đủ, hoàn toàn có khả năng chứng quả, thế nhưng, giờ đây vì ngu si mê hoặc nên bị tham dục che lấp. Đức Phật vì thương xót thầy tì-kheo trẻ tuổi khờ dại, nên muốn đến độ thầy, giúp thầy được chứng đắc giải thoát. Ngài hiện thân cư sĩ, đến bên cạnh nói bài kệ quở trách thầy, nội dung như sau:

“Này thầy tì-kheo, thầy muốn đi đâu? Tại sao thầy không khắc phục tâm ý, lại để cho phóng túng như thế? Mỗi một bước đi, tự mình cứ bám sát phiền não, rồi bước theo tâm tán loạn như thế?

Thầy tuy đang khoát ca-sa trên thân, nhưng niệm ác và tập khí xấu không từ bỏ! Thầy nên biết

rằng, người gây tạo nghiệp xấu, nhất định sẽ sa đọa vào đường ác!

Nên chặn đứng vọng tưởng phân biệt, cần hết lòng bảo hộ, tịnh hóa tâm niệm của mình, phải buông tham dục xuống; nếu ai không từ bỏ được tham dục, tự làm theo ý mình, cố chấp chỉ biết làm theo quán tính, thì sẽ bị tham dục lôi kéo đến ác đạo.

Cần phải thực hành tự giác! Phải hết lòng tự mình khắc chế. Thầy tuy đã xuất gia, tại sao lại còn lười biếng, tự phóng túng tâm ý, lại còn tham trước pháp nhiệm ô như thế?

Tu hành nếu còn biếng nhác, không chăm chỉ, thì khó đánh bại sức mạnh của cảm dõ, mê hoặc. Thầy tu hành không thanh tịnh như thế, thì làm sao đạt được pháp bảo thượng diệu?

Tự mình không điều phục, lại không nghiêm trì giới luật, thì chẳng khác nào cây khô trước gió, không biết sẽ bị quật đổ lúc nào; thân người khó được, Phật pháp khó nghe, vì sự nghiệp tu đạo của

mình, tại sao thầy lại không nỗ lực tinh tấn?”.

Đức Phật nói xong đoạn kệ rồi, Ngài liền hiện thân trở lại với tướng hảo trang nghiêm, soi sáng khắp trời đất, ai được nhìn thấy đều từ bỏ được mê hoặc, lập tức biến mất tâm tán loạn, người người đều hoan hỷ.

Thầy tì-kheo nhìn thấy đức Phật, tâm ý đột nhiên bừng sáng, chẳng khác nào trong bóng tối gặp được ánh sáng. Thầy lập tức gieo năm vóc sát đất, đánh lễ đức Phật, cúi xin sám hối lỗi lầm của mình đã tạo, rồi tạ ân đức Phật. Vì đã hiểu rõ được chỉ quán, ngay lúc ấy, thầy chứng đắc a-la-hán, sau đó, thầy cùng đức Phật trở về tinh xá.

Nghe được sự việc này, có vô số người đều chứng đắc pháp nhãn tịnh (trong kinh điển của thanh văn nói pháp nhãn tịnh, gần giống như huệ nhãn của thanh văn, cũng chính là hướng sơ quả).

**Câu chuyện này muốn nhắc nhở chúng ta:**

Tham dục sẽ dẫn chúng ta từng bước, từng

bước đi về chiều hướng của ác đạo. Chúng ta cần phải giữ gìn cẩn thận các căn, trong mọi lúc mọi nơi, giữ cho tâm chúng ta được thanh tịnh. Nếu sanh tâm phóng túng, sẽ rơi vào ác đạo nguy hiểm. Một khi bị tham dục mê hoặc, thì tự mình không cách nào khắc chế được tâm ý loạn tưởng. Cho nên, lúc bình thường, chúng ta cần phải tập thói quen phòng hộ sáu căn; hơn nữa, ngoài việc thọ trì “luật nghi giới”, cũng phải để tâm chú ý đến “luật nghi căn.”

Trong Phật pháp có ba loại tăng thượng học, đó là Giới tăng thượng học, Định tăng thượng học và Huệ tăng thượng học. Tại sao gọi là tăng thượng?

Chúng ta trì giới, hành trì miên mật để đạt định. Nếu chúng ta có định, nhưng chỉ dừng lại ở định, chấp trước sự hỷ lạc của thiền định, như thế vẫn chưa đủ, mà cần làm cho định lực ngày một tăng trưởng, cho đến lúc đạt được trí huệ vô lậu, như thế mới gọi là định tăng thượng học.

Huệ tăng thượng học bao hàm trí huệ cộng tướng và trí huệ biệt tướng.

Trí huệ cộng tướng: Ví dụ như Tam pháp ấn - chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, niết-bàn tịch tịnh - tức là thông tất cả các tướng.

Trí huệ biệt tướng: Tức là hiểu biết tính khác biệt của các vật như đất, nước, lửa, gió, biết được tính của chúng là cứng, ẩm, nóng hay động. Nhưng nếu chỉ có trí huệ biệt tướng, vẫn chưa đủ khả năng đoạn trừ phiền não để đạt được giải thoát.

Theo lời giáo huấn của đức Phật, trí huệ của chúng ta cần thông đạt các pháp cộng tướng. Cộng tướng quan trọng nhất chính là thông hiểu được các hành vô thường, tất cả các pháp cũng đều vô thường. Danh từ ‘hành’ trong “các hành” được nói ở đây là chỉ cho pháp hữu vi, vì tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, đây chính là điểm trọng yếu của cộng tướng. Chúng ta thông đạt cộng tướng, có trí huệ thì mới có thể tiến tới đạt

được giải thoát, loại trí huệ này được gọi là tăng thượng học.

Như thế, cần đầy đủ giới tăng thượng học, định tăng thượng học và huệ tăng thượng học thì mới chứng đắc giải thoát.

Sau khi chứng đắc giải thoát, mới đi đến giải thoát tri kiến, cũng chính là ngũ phần pháp thân - giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Cho nên, chúng ta đối với phương diện giới học, ngoài việc hành trì không để phạm phải những điều đã được đức Phật chế định, cũng phải hết sức cẩn thận phòng hộ các căn; chỉ có căn luật nghi mới điều phục được các phiền não vi tế, lúc ấy, mới có thể tiến lên đạt được thiền định.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 06.12.2014*



## 6. TRỮ CHÂU BÁU NHƯ NÚI KHÔNG BẰNG GẶP ĐƯỢC ĐẠO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích trong *kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm ‘Thế tục’, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 594.

Thời quá khứ, có một vị quốc vương Bà-la-môn tên là Đa-vị-tả, vị quốc vương này tin thờ chín mươi sáu phái ngoại đạo.

Có một hôm, quốc vương đột nhiên phát thiện tâm muốn thực hành bố thí rộng lớn. Lúc bấy giờ, vua y theo pháp của Bà-la-môn, đem bảy báu chất thành đống cao như núi để bố thí cho mọi người. Chỉ cần có ai đến xin, vua liền bảo người đó hãy tùy ý tự mình dùng tay bốc một dùm mà đi (trong kinh nói “một dùm” nghĩa là khối lượng đồ vật

mà chúng ta cầm nắm khi dùng hai hoặc ba ngón tay, chúng ta thường nói là một nắm). Cứ như thế, nhiều ngày trôi qua mà độ cao của núi báu vẫn không voi bớt.

Đức Phật biết được đòi trước vị vua này đã tích lũy phước đức, ông có thể nhận được sự hóa độ, nên Ngài hóa thành một vị Phạm chí rồi đi đến quốc gia này.

Quốc vương đích thân ra tiếp kiến vị Phạm chí, ân cần hỏi han. Quốc vương nói với Phạm chí:

- Ngài cần gì cứ nói? Xin đừng ngại.

Phạm chí đáp:

- Tôi từ nơi rất xa đến đây, hy vọng có thể xin một ít châu báu đem về xây nhà.

Vua nghe xong, liền đáp:

- Tốt lắm! Mời ngài hãy tự bóc một dùm đi!

Phạm chí bóc một nắm châu báu, bước đi bảy bước, sau đó, ông đem châu báu trả lại vị trí cũ.

Quốc vương ngạc nhiên:

- Ôi chao! Tại sao ngài không mang nó đi?

Phạm chí đáp:

- Số trân bảo này chỉ đủ xây một căn nhà nhỏ mà thôi. Sau này tôi còn phải lấy vợ, chỉ với số trân bảo như vậy, tuyệt nhiên không thể đủ, cho nên tôi quyết định không lấy nữa.

Quốc vương nói:

- Ái chà! Vậy ngài hãy lấy ba dùm đi!

Phạm chí lấy ba năm, bước đi bảy bước, rồi lại đem trân bảo để về chỗ cũ.

Quốc vương hỏi Phạm chí:

- Ngài sao thế? Tại sao lại để trở lại vậy?

Phạm chí đáp:

- Số châu báu này tuy là đủ dùng vào việc cưới vợ, nhưng tôi không có đất, không có trâu ngựa, không có người hầu, chỉ có từng này châu báu thì làm sao đủ sống? Tính đi tính lại, số châu báu này vẫn không đủ, cho nên tôi từ bỏ, không muốn lấy nữa.

Quốc vương nói:

- Vậy à? Vậy cho ngài lấy bảy dùm châu báu

đó!

Phạm chí tới lấy bảy năm châu báu, bước đi bảy bước, sau đó lại đem toàn bộ châu báu trả lại chỗ cũ.

Quốc vương hỏi:

- Tại sao ngài lại làm như vậy?

Pháp chí đáp:

- Nếu như sau này tôi có con cái; con trai thì cần cưới vợ, con gái thì cần lấy chồng; gặp phải việc hôn lễ hay tang sự đều cần một số tiền lớn, tính đi tính lại, thì số châu báu này vẫn không đủ dùng, cho nên tôi không lấy.

Quốc vương nói:

- Vậy tất cả số châu báu này tôi đều gửi tặng ngài, như vậy chắc là đủ dùng rồi đây!

Phạm chí tiếp nhận ý tốt của quốc vương, nhưng rồi cuối cùng vẫn không lấy bất kỳ thứ gì.

Quốc vương cảm thấy việc này thật là không thể nghĩ bàn, ông liền gạn hỏi dụng ý thật sự của Phạm chí là gì.

Phạm chí đáp:

- Tôi vốn dĩ đến đây xin một ít châu báu là muốn đem về chi dùng trong cuộc sống. Nhưng suy nghĩ kỹ thì cảm thấy đời người ở thế gian này rất ngắn ngủi, vạn vật sinh diệt vô thường, sớm còn tối mất không gì bền chắc, nhân duyên càng nhiều thì càng rắc rối phức tạp, sầu bi khổ não mỗi ngày mỗi tăng thêm. Dù có tích chứa châu báu chất đống như núi cao, thì đối với bản thân tôi cũng không có lợi ích gì. Truy cầu tham dục chỉ làm cho bản thân thọ khổ, chi bằng sớm bỏ những suy nghĩ này đi, cố gắng truy cầu con đường niết-bàn giải thoát. Vì thế, tôi tuyệt đối không lấy số châu báu này.

Quốc vương nghe Phạm chí nói đến đây, lập tức tâm ý khai mở, hy vọng có thể phụng thờ vị thầy cao minh có trí huệ.

Lúc ấy, Phạm chí hiển hiện trở lại thân tướng quang minh của đức Phật. Ngài bay lên hư không, thị hiện thần biến, vì quốc vương nói bài kệ, đại ý

như sau:

*Dù chất nhiều châu báu  
Cao tột đến trời cao  
Khắp thế gian như vậy  
Đâu bằng thấy được đạo.*

Chúng sanh ở thế gian không rõ sự lý, bất thiện thường cho là thiện, ái nhiễm cứ cho là không ái nhiễm, khổ đau mà xem là vui sướng, người vô trí thường bị ba loại điên đảo này dồn ép, trói buộc.

Lúc ấy, quốc vương nhìn thấy thân Phật với ánh quang minh chiếu khắp trời đất, và nghe được đoạn kệ ấy, quốc vương vô cùng hoan hỷ. Vua và các đại thần đều thọ trì ngũ giới và chứng Sơ quả.

Vị quốc vương trong câu chuyện này có tâm lượng rất lớn, phước đức cũng rất nhiều. Đức Phật với đại trí huệ của Ngài, đã dùng phương tiện thiện xảo hóa độ được ông ta. Thực ra, dù cho có được tài sản nhiều khắp cả thế giới, nhưng cuối cùng cũng không thoát khỏi cái chết. Một khi bỏ

thân này, thì muôn vạn tài sản cũng không thể đem theo, chỉ duy nhất có nghiệp đi theo mình.

Đa số con người đều hy vọng giữ tài sản thật nhiều, truy cầu thật nhiều phước báu. Ví dụ như ở triều đại nhà Minh, có lưu truyền một câu chuyện:

Có một vị tú tài già, tuy gia cảnh nghèo nàn nhưng ông sống rất thanh bản, trong sạch. Ông tập hợp một số trẻ nhỏ trong vùng lại để dạy học cho chúng. Vị tú tài này vừa ham học hỏi không biết chán, lại vừa siêng năng dạy dỗ cho bọn trẻ mà không nề hà mệt nhọc. Ông vất vả cả một đời để bồi dưỡng nhân tài, hơn nữa, ông cũng có tâm lòng rất lương thiện, luôn khuyên bảo mọi người bỏ ác làm lành. Nhóm học trò biểu tiên học phí, trừ tiền sinh hoạt hằng ngày ra, còn lại toàn bộ ông đều quyên góp vào việc sửa cầu, đắp đường, bố thí quần áo, thực phẩm, thuốc men để cứu tế người nghèo. Vì vậy, người dân quanh vùng đối với ông vô cùng tôn kính, bất luận trẻ già đều vâng theo lễ nghĩa ông dạy mà thương yêu, đùm

bọc lẫn nhau.

Nhưng vị tú tài lại thường hay than vãn rằng mình có tài mà không gặp thời. Ông không mấy cam lòng khi sống một đời nghèo nàn nhưng trong sạch. Năm tám mươi tuổi, ông cụ có chút bệnh, sau đó mạng chung. Linh hồn của ông đến Âm tào địa phủ. Diêm La vương đối với ông vô cùng quý trọng, mời ông ngồi, tán thán việc làm thiện của ông khi còn ở trần gian. Sau đó, Diêm La vương hỏi ông:

- Nếu được đầu thai trở lại nhân gian, ông có nguyện vọng gì?

Ông cụ lập tức cầm viết lên, làm ngay một bài thơ để nói lên nguyện vọng của mình:

*Cha làm quan lớn, con trạng nguyên  
Nhà cửa đề huề, nghìn ruộng nương  
Ao cá, vườn cây, tha hồ dạo  
Vợ hiền, con thảo luôn ấm êm.  
Sách quý đầy tủ, thóc đầy bồ  
Lụa là chẳng thiếu, vàng đầy rương*



*Thân ở Nhất phẩm, tước lộc hậu  
An hưởng vinh hoa đến bạc đầu.*

Diêm La vương xem xong, nhẹ nhàng nói với  
cụ tú tài:

- Thưa lão tiên sinh! Ở nhân gian thật sự có  
cuộc sống mỹ mãn như vậy sao? Nếu thật sự được  
như vậy, thì tôi xin đem vương vị này đổi cho ông.  
Tôi đi đâu thai lên đó!

Thật ra, vạn vật trong thế gian đều sinh diệt vô  
thường. Chi bằng tích lũy phước đức, trí huệ làm  
tư lương để giải thoát, thành Phật.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng  
nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 25.10.2014***

## 7. ĐỨC PHẬT LÀ ĐẠI Y VƯƠNG ĐỂ LẠI GIÁO PHÁP ĐỘ CHÚNG SANH

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 262-263.

Ai nghe pháp sẽ được nhiều lợi ích, trí huệ tăng trưởng, tâm ý được điều phục, nhu nhuyễn.

Câu chuyện kể rằng: Ở nước Sư Tử (Tích Lan), có người dân nhặt được một viên ngọc quý, viên ngọc này rất lớn, to gần bằng đầu gối con người. Thật là một vật thù thắng, quý hiếm ở thế gian, nên người chủ của viên ngọc đem dâng nó lên quốc vương.

Nhận được viên ngọc, nhà vua sau khi xem xét tỉ mỉ, ông nói một đoạn kệ, có nội dung như

sau:

“Xưa nay, các vị quốc vương tích lũy đủ các loại bảo vật, truy tìm danh lợi không biết mệt mỏi, thường mở các buổi triển lãm mời khách quý đến thưởng lãm, cảm thấy rất tự hào.

Nhưng đến lúc vua thoái vị hoặc mạng chung, các thứ trân bảo đều phải bỏ lại, một mình cô độc bước đi trên con đường sinh tử; thứ thân thiết có thể sánh vai chung bước với mình lúc này, chỉ có nghiệp thiện và nghiệp ác mình đã tạo mà thôi.

Cũng như những chú ong, suốt một đời vất vả tạo ra mật ngọt, nhưng cuối cùng số mật có được lại bị người lấy mất, chính mình chẳng được gì. Cũng như thế, tiền tài, bảo vật, cuối cùng cũng thuộc về người khác, ta một mình ra đi với hai bàn tay trắng.

Những vị quốc vương ngày xưa, đều bị tiền tài bảo vật mê hoặc, cực nhọc vợ vét tài sản của dân chúng, nhưng cuối cùng kho báu cũng thuộc về người khác, rồi cũng một mình trắng tay mà ra đi.

Điều bây giờ ta cần làm, là nhất định phải mang trân bảo công đức theo mình. Mang theo bằng cách nào? Bằng cách gieo trồng công đức vào ruộng phước lớn của đức Phật, như thế, quả báo thiện mới theo ta mãi cho đến đời sau, vĩnh viễn không biến mất.

Lúc lâm chung, tất cả mọi thứ đều phải buông bỏ, chia lìa; cho dù những quyến thuộc thân yêu nhất trong hoàng cung, hay các đại thần, mãnh tướng... đâu có đau buồn luyến tiếc không nguôi cũng chỉ tiễn đưa quan tài ta ra khỏi cổng; xa lắm thì cũng chỉ đưa đến huyết mộ mà thôi, cuối cùng rồi ai cũng phải về nhà này.

Trước đây có đủ voi, ngựa, xe cộ cao sang lộng lẫy, nhiều món thưởng ngoạn rất thích thú và vô số bảo vật trong kho; nào là dân chúng, thành quách, hoa viên để du ngoạn v.v., nhưng một khi mạng chung, đều phải buông xuống hết, không một món nào có thể đem theo bên mình, chỉ một thân cô độc, từng bước đối diện với cái chết”.

Nhà vua nói đoạn kệ xong, liền đem viên ngọc quý này đến treo lên trụ công tháp thờ đức Phật. Ánh sáng của viên bảo châu sáng rực, chẳng khác nào ánh sáng của một ngôi sao lớn. Khi mặt trời xuất hiện, ánh sáng chiếu đến cung điện, ánh nắng mặt trời và ánh sáng từ viên bảo châu đều lấp lánh, đua nhau tỏa sáng, có thể nói, ánh sáng của viên ngọc còn vượt qua ánh sáng của mặt trời. Mỗi ngày, viên bảo châu đều phát ra ánh sáng rực rỡ như thế.

Có một hôm, ánh sáng rực rỡ kia bỗng nhiên biến mất, đức vua lấy làm lạ, liền cho người đến xem xét. Sứ giả đến trước tháp thờ đức Phật, phát hiện viên bảo châu không còn nữa, chỉ thấy trên mặt đất, phía trước cửa tháp có một vũng máu dơ bẩn. Sứ giả lần theo vết máu để đi tìm, dần đi đến rừng Ca-đà-la, đến bìa rừng, liền phát hiện kẻ lấy trộm viên bảo châu đang núp trong rừng cây. Do vì lúc lấy trộm viên ngọc, hắn bị té nhào từ trên trụ cửa xuống, nên chân bị đứt ngang, máu chảy lai

láng. Sứ giả liền bắt tên trộm đem về hoàng cung, dẫn hắn ta đến gặp nhà vua.

Ban đầu, quốc vương vừa nhìn thấy tên trộm thì vô cùng tức giận, nhưng khi nhìn thấy vết thương ở chân của hắn ta quá sâu, ngài liền sinh lòng thương xót. Nhà vua hết sức từ bi, nói với tên trộm:

- Này, nhà ngươi thật quá khờ dại! Hôm nay nhà ngươi trộm bảo châu của đức Phật, sau này chắc chắn bị đọa vào đường ác.

Sau đó, vua nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Đáng thương thay! Ngươi thật quá ngu ngốc, không có trí huệ, nên mới tạo hành vi xấu; chẳng khác nào người ta vì sợ bị gậy gộc đánh, mà chấp nhận để người giết chết.

Sợ khổ vì nghèo đói, nên nghĩ ra phương pháp ngu ngốc này, không chịu an phận với cái thiếu thốn ngắn ngủi, lại chọn lấy cái khổ dài lâu”.

Lúc bấy giờ, có vị đại thần nghe được đoạn kệ

này, liền tâu với quốc vương:

- Bẩm, quả đúng như những lời đại vương vừa nói, thật không sai!

Sau đó, vị đại thần nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Tháp thờ đức Phật chính là bảo vật của nhân loại, chỉ có người ngu si mới vào đó lấy trộm đồ vật; hạng người này trong vô lượng kiếp về sau, sẽ không có cơ hội được gặp Tam bảo Phật pháp tăng.

Cũng như trong quá khứ, có người với tâm vô cùng hoan hỷ, lấy hoa Tu-mạn đang cài bên tai, dâng lên cúng dường tháp thờ đức Phật, nhờ nhân duyên đó, mà trải qua trăm nghìn ức kiếp, thừa hưởng phước báo ở cõi trời trong thời gian lâu dài.

Còn hiện tại, người này trộm bảo châu trong tháp thờ đức Phật để chiếm làm của riêng, đức Phật là đấng Thập Lực, vì nhân duyên tạo ác nghiệp như vậy, người này tương lai chắc chắn bị

đọa vào địa ngục”.

Lại có một vị đại thần khác, vô cùng tức giận, nói:

- Người này ngu si, đã phạm tội một cách rõ ràng như thế, còn trách mắng làm gì? Phải đem hấn ra tử hình!

Nhà vua quay sang nói với vị đại thần này:

- Khanh tuyệt đối không nên nói những lời như thế! Người này đã chết rồi, cần gì phải giết anh ta?<sup>2</sup> Cũng như nếu có người bị té xuống đất, cần phải đỡ người đó đứng lên mới phải!

Nhà vua lại nói một bài kệ, có nội dung như sau:

“Người này đã phạm tội tử hình, phải nhanh ra tay cứu lấy hấn. Bây giờ, trẫm muốn cho người này một số tài sản, để hấn ta biết ăn năn, tu phước, thì tội của hấn mới được tiêu trừ, mới mong sau này xa lìa được đại khổ nạn.

---

<sup>2</sup> Tại sao nói kẻ trộm đã chết? Vì hấn không có trí huệ, không có huệ mạng, người không có huệ mạng thì có khác gì người đã chết?



Trẫm muốn cho hấn tiền tài, để hấn ta dâng lên cúng dường đức Phật; nếu hấn ta không quy y đức Phật, thì tội của hấn rất cuộc sẽ không thể giảm nhẹ hay tiêu diệt được.

Cũng như có người bị té xuống đất, nên dìu người ấy đứng lên, cũng như thế, nếu có người trộm vật của đức Phật, lỡ tạo nghiệp xấu, người này cần phải biết cúng dường đức Phật thì tội chướng mới được giảm nhẹ, thậm chí có thể được tiêu diệt”.

Nói xong, nhà vua liền cho tên trộm rất nhiều tài sản, ngài còn dạy cho hấn ta đối trước đức Phật gieo các công đức.

Lúc ấy, tên trộm trong lòng suy nghĩ: “Vị quốc vương này nếu không phải là người nhu nhuyễn hòa thuận trong Phật pháp, thì khi ta phạm tội như thế, nhất định đã bị ông lấy đầu rồi. Thế mà nhà vua thật bao dung, đặc xá trọng tội của ta, thật là người vĩ đại, cao quý. Đức Phật Thích-ca đặc biệt kỳ diệu! Có thể giáo hóa một vị quốc

vương trước kia vốn tin theo tà kiến, nay khiến ông ấy có thể làm được những việc minh trí như thế”.

Tên trộm đi đến trước tháp thờ đức Phật, quỳ xuống đánh lễ sát đất, chắp tay quy y, cảm thán:

- Đức Thế Tôn đại từ đại bi! Ngài chính là bậc Thánh cứu độ chúng sanh trong thế gian! Tuy Ngài đã vào niết-bàn, mà vẫn có thể cứu sống con! Người ở thế gian này, ai ai cũng tôn xưng đức Thế Tôn là bậc Thánh cứu tế nhân loại, tiếng thơm này đã truyền đi khắp năm châu bốn bể. Cho đến hôm nay, nhờ ân đức của Ngài mà con được sống sót, cho nên có thể xác tín, Ngài đúng là bậc Thánh cứu độ chúng sanh, thật là danh bất hư truyền!

Rồi tên trộm nói một đoạn kệ, nội dung như sau:

“Thế gian tán dương đức Phật là bậc Thánh cứu độ chúng sanh, thật là không sai; con hôm nay, nhờ ân đức cứu độ của đức Phật mà được thoát chết, mới thật sự hiểu thấu ý nghĩa của ‘cứu

té’.

Thế gian chẳng khác gì nhà lửa, đầy dẫy ưu bi khổ não; lòng từ bi của đức Phật như ánh trăng tươi mát, soi chiếu phá tan sự lo âu, sầu khổ của chúng sanh.

Khi đức Như Lai còn tại thế, ở chốn hoang dã, nơi ác quỷ cư trụ, Ngài cứu tế Thủ trưởng giả<sup>3</sup>. Khi còn tại thế, đức Phật đã cứu khổ cho không biết bao nhiêu chúng sanh, những việc như vậy, đối với Ngài không có gì là khó khăn.

Thế nhưng, đức Phật nay đã nhập diệt, vậy mà giáo pháp Ngài để lại vẫn có thể cứu chúng sanh thoát khỏi hiểm nạn, nguy khốn; giúp cho con thoát ly khổ não, thật là hết sức hi hữu.

Người thợ thủ công dùng kỹ thuật khéo léo, phù hợp với Thánh tâm của Thế Tôn, tạo tượng Phật giơ cánh tay phải ra, thể hiện tư thế vỗ về an ủi chúng sanh. Người hay lo sợ chỉ cần nhìn thấy

---

<sup>3</sup> Trưởng giả Thủ lâm bệnh rất nặng, đức Phật đến nói pháp cho ông nghe, sau khi mạng chung, ông được thác sanh vào cõi trời.

hình tượng của đức Phật, lòng lo sợ liền tan biến; huống gì khi đức Phật còn tại thế, những chúng sanh được Ngài cứu khổ chắc chắn là vô số.

Giờ đây, con gặp phải khổ nạn, tai họa lớn, may nhờ hình tượng của Ngài đặc xá, đã cứu con thoát chết”.

**Câu chuyện này, có vài điểm đáng để chúng ta học tập:**

Vị quốc vương này đã thể hội được hình ảnh con ong:

**Thái đắ bách hoa thành mật hậu,**

**Nhất sanh tân khổ vị thù mang?**

*Góp nhặt trăm hoa làm mật ngọt,*

*Một đời bận rộn, khổ vì ai?*

Đời người cũng như thế, vất vả dành dụm tài sản, cuối cùng, bất cứ vật gì cũng không mang theo được. Chúng ta cần phải tự phản tỉnh, chúng ta có thể mang theo được gì? Phải chăng, nên hết lòng dụng tâm vào việc tích lũy phước đức, trí huệ để làm vốn liếng?

Hơn nữa, khi kẻ gian trộm cắp bảo châu, các đại thần đều rất tức giận, đề nghị quốc vương mang hấn ra xét xử. Nhưng nhà vua lại bảo rằng: “Nhu có người té xuống, chúng ta nên đỡ người ấy đứng lên mới phải!”. Cho thấy, nhà vua nhờ được thấm nhuần những lời dạy của đức Phật, nên ông mới thương xót mà tha tội cho cho tên trộm. Lúc này, tên trộm đương nhiên vô cùng cảm tạ đức vua đã tha thứ tội chết cho mình; nhưng người hấn phải cảm ơn nhất, đó là ai? Là cảm ơn đức Thích Tôn! Đức Phật tuy đã vào niết-bàn, nhưng những lời giáo huấn của Ngài để lại vẫn có thể giáo hóa quốc vương, và nay tiếp tục giáo hóa cho hấn ta. Tên trộm thầm nghĩ: “Nếu chẳng may gặp phải quốc vương không được đức Phật khai sáng, thì tôi chỉ còn con đường chết mà thôi! May mắn cho tôi, vị quốc vương này là đệ tử thuần thành, nhà vua không những không trách mắng tôi, mà còn cho tôi tài sản, để tôi được khăn cầu sám hối, tu phước, mong cho tội nghiệp của tôi được

giảm dần, tránh quả báo khổ trong tương lai”.

Chúng ta thử nghĩ xem: Một người bác sĩ, lúc ông ta còn sống, có thể trị lành bệnh cho rất nhiều người, nhưng một khi ông qua đời rồi, thì ông còn cứu bệnh nhân được chăng? Không thể! Nhưng đức Thế Tôn thì khác, đức Phật là bậc y vương, cho dù Ngài đã viên tịch, nhưng giáo pháp mà Ngài lưu lại, vẫn không ngừng tiếp tục giáo hóa chúng sanh. Đức Phật đúng là vị Thánh nhân cứu độ chúng sanh, xứng đáng được tôn xưng là bậc “đại y vương”!

Thế giới thật là hỗn loạn, lòng người đầy dẫy tham sân si, hai bên tranh đấu mãi không ngớt. Chúng ta thật hạnh phúc được hấp thụ pháp thủy cam lồ của đức Phật, chúng ta cần phải tri ân sâu sắc. Nếu chúng ta không hết lòng thực tập lời của đức Phật đã dạy, không khiến cho chánh pháp cửu trụ ở thế gian, thì thật là hết sức cô phụ ân đức của Ngài vậy!

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng

nhau cố gắng.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiê, ngày 01.11.2014***

## 8. ÁC KHẨU NHỤC MẠ TẶNG CHÚNG ĐỌA LÀM THÂN TRÙNG TRONG AO PHÂN

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ phẩm ‘Uông thủy trung trùng’ trong *kinh Hiền ngu*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 4, trang 443-444.

Quá khứ, có một thời, đức Phật trú tại núi Linh Thứu, thuộc thành Xá-vệ. Bấy giờ, ở bên ngoài thành có một cái ao nước rộng chứa nhiều bùn lầy, chất bẩn, đầy phân và nước tiểu, hôi thối không sao tả nổi. Đa số những thường dân đều đem chất thải dơ bẩn đổ vào trong ao này. Có một con trùng to lớn, thân thể giống như con rắn, nhưng lại có bốn chân, ẩn náu ở trong ấy. Nó chạy đi chạy lại, lúc ẩn lúc hiện, qua nhiều năm thường



ở trong ao nước hôi thối đó chịu đựng vô lượng khổ đau.

Một hôm, đức Thế Tôn dẫn các vị tì-kheo đi ngang cái ao bẩn thỉu ấy. Đức Phật hỏi các vị tì-kheo:

- Các ông có biết con trùng này trước kia đã tạo nghiệp gì không?

Các vị tì-kheo suy nghĩ nhưng không ai biết, họ trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không biết.

Lúc ấy, Phật nói:

- Các ông hãy lắng nghe! Ta sẽ nói cho các ông biết con trùng này đã tạo nghiệp gì.

Thời quá khứ, có đức Phật, hiệu là Tì-bà-thi thị hiện tại nhân gian, nhân duyên giáo hóa đã hết nên Ngài nhập Niết-bàn.

Lúc đức Phật Tì-bà-thi giáo hóa, có mười vạn vị tì-kheo tu học. Các vị tì-kheo này phạm hạnh thanh tịnh, ưa thích chỗ thanh vắng, nên cư trú tại một ngọn núi tịch tĩnh. Bên sườn núi, có một khu

rừng với nhiều cây cối, hoa cỏ sinh trưởng rất sum suê tươi tốt, giữa khu rừng có dòng suối thiên nhiên vô cùng thanh khiết mát mẻ, ai cũng thích thú.

Lúc bấy giờ, các vị tì-kheo đều cư ngụ ở đó, các thầy đều vâng hành theo chánh đạo, tinh tấn tu học không biếng nhác. Họ đều đạt từ sơ quả cho đến tứ quả, không có một vị nào là phàm phu (chỉ trừ vị Chấp sự tăng là chưa chứng đắc quả vị).

Lúc ấy, có năm trăm vị thương buôn cùng nhau muốn đi ra biển. Trên đường, họ đi qua một con đường nhỏ, bắt ngang qua ngọn núi ấy, những thương buôn thấy các thầy tì-kheo phạm hạnh thanh tịnh, nên họ vô cùng hoan hỷ, cung kính, muốn cúng dường các thầy. Các thương nhân cùng nhau đi đến thỉnh tăng chúng, hy vọng các ngài sẽ nhận sự cúng dường của họ. Tuy nhiên, hôm ấy đã có thí chủ thỉnh cúng dường tăng chúng rồi, các ngày kế tiếp cũng có thí chủ thỉnh cúng, đã sắp đặt đâu vào đấy. Vì thế, các thương

nhân không thể làm như ý nguyện, họ đành hướng về tăng chúng từ giã, xin được tiếp tục lộ trình của đoàn. Họ nói:

- Nếu chúng con có thể bình an trở về, nhất định sẽ thiết trai cúng dường, hy vọng quý ngài từ bi hứa khả!

Khi ấy, chúng tăng im lặng hứa khả.

Các vị thương nhân ra biển, thu được số lượng châu báu rất lớn, sau đó đều trở về bình an. Đoàn thương buôn đến nơi cư ngụ của chúng tăng, trong số châu báu, họ chọn ra những thứ quý nhất đem cúng dường chư Tăng, tính toán đầy đủ khoản chi phí thực phẩm mà quý thầy cần dùng; nếu chư tăng cần dùng nhiều hơn thì cũng cứ tùy ý sử dụng.

Lúc ấy, tăng chúng thọ nhận đồ cúng dường rồi, đều trao cho vị tăng Chấp sự, để thầy bảo quản. Thời gian sau, thực phẩm chúng tăng cần dùng sắp hết, họ nói với vị thầy Chấp sự nên mang trân bảo mà các thương nhân đã cúng

dường lúc trước ra để đổi thực phẩm, tiếp tục duy trì việc ẩm thực cho tăng chúng. Nhưng ông trả lời với đại chúng:

- Những trân bảo đó là ngày trước các vị thương nhân tỵ cho tôi, tại sao các thầy lại muốn lấy?

Thượng tọa Duy-na nói với ông:

- Lúc đó, các thí chủ dâng trân bảo cúng dường đại chúng, mọi người tạm thời giao cho ông bảo quản mà thôi. Bây giờ, thực phẩm của đại chúng đã hết rồi, số châu báu ấy phải đem ra mua thực phẩm, bổ sung nhu cầu ẩm thực cho chúng tăng.

Lúc này, vị tăng Chấp sự chợt nổi tâm sân giận, mắng:

- Đám người các người muốn ăn thì lấy phân mà ăn! Số châu báu này là của tôi, các người dựa vào cái gì mà đòi lấy của tôi?

Tăng chúng thấy vị này đã sinh khởi lòng ác, nên đều bỏ đi.

Do vị tăng Chấp sự lừa gạt, phụ lòng phó thác của đại chúng, lại ác khẩu nhục mạ chúng tăng, nên sau khi chết, ông bị đọa vào địa ngục A-tì, phải lặn ngụp trong phần tửu nóng sôi, trải qua chín mươi hai kiếp, không dễ dàng gì mới thoát khỏi địa ngục. Sau khi thoát thân địa ngục, đầu thai lên lại bị đọa làm súc sanh trong ao phần tửu này, trải qua thời gian lâu dài, vẫn không cách gì được giải thoát.

Tại sao nói như vậy? Vì thời quá khứ có đức Phật xuất thế, hiệu là Thi-khí, Ngài dắt các vị tì-kheo đi qua cái ao bất tịnh này. Đức Phật răn dạy chúng đệ tử, Ngài nói rõ đầu đuôi câu chuyện này cho mọi người hiểu.

Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Tùy-diệp (có khi dịch là Tì-xá) cũng dắt các vị tì-kheo đến nơi này, nói cho chúng tăng biết nhân duyên của vị tăng chấp sự. Nói rõ việc vị tăng này sau khi chết bị đọa vào địa ngục, trải qua muôn vạn ức năm, sau đó, lại tiếp tục đầu thai sanh vào

ao phần tiểu này.

Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Câu-lưu-tôn (có nơi dịch là Câu-lưu-tần), cũng dắt đại chúng đi đến bên ao này, khai thị cho các vị tì-kheo, nói rõ nguyên nhân của sự việc.

Tiếp đó, có đức Phật xuất thế, hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni, cũng dẫn các đệ tử đến trước cái ao phần tiểu này. Sau đó, lại có đức Phật xuất thế, hiệu là Ca-diếp cũng dắt đệ tử đến đây, vì đệ tử mà nói nhân duyên quả báo của sự việc.

Lần lượt đến vị Phật thứ bảy, là Phật Thích-ca-mâu-ni Ta, bây giờ cũng dẫn các vị đến đây xem con trùng này, vì các vị mà giải thích nguyên nhân của sự việc. Giống như vậy, hiền kiếp, vị lai chư Phật, mỗi vị đều dẫn đệ tử đến bên ao phần tiểu này, chỉ vào con trùng và giảng nói nhân duyên tạo nghiệp trước đây của nó.

Lúc bấy giờ, các vị tì-kheo nghe Phật khai thị, trong tâm mỗi người đều cảm thấy vô cùng kinh sợ, lông tóc dựng đứng, càng cẩn thận giữ gìn ba

nghiệp thân khẩu ý. Mọi người đều tín thọ lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**Câu chuyện này có một số điểm đáng để cho chúng ta phản tỉnh và cảnh giác:**

Những vật quý giá mà tín chúng cúng dường lên chư tăng, đại chúng giao cho thầy Chấp sự bảo quản, nhưng thầy lại khởi tâm tham, muốn chiếm giữ cho riêng mình, đây là “tham”. Thầy không nghe tăng chúng khuyên bảo, lại còn khởi tâm sân giận nhục mạ tăng chúng, đây là “sân”. Thầy không tuân theo lời giáo huấn của đức Phật, không hiểu sự đáng sợ của nhân quả báo ứng, đây là “si”.

Do vị tăng chấp sự sinh khởi ba độc tham, sân, si, chiếm lấy vật của Tam bảo lại còn nhục mạ tăng chúng: “Đám các người là thứ ăn phân!”. Kết quả, sau khi chết, thầy bị đọa vào địa ngục, sau đó lại đầu thai sanh làm sinh vật trong ao phân, ngày ngày tự mình ăn đồ phân tiểu, nhân đó, trở thành đề tài để các đức Phật giáo hóa cho đệ tử.

Ở đây, liên quan đến vấn đề giới luật. *Ngũ phần luật* có nói: Nếu có người gửi tiền tài hoặc vật phẩm ở chỗ chúng ta, chúng ta khởi tâm muốn lấy cắp, không muốn trả lại, lúc chủ của vật ấy đến đòi chúng ta chối cãi, chẳng chịu trả lại. Sau đó, người chủ số tài sản này khởi tâm xả, họ nói: “Đồ vật này tôi không cần nữa!”, nhưng chúng ta vẫn phạm tội lấy cắp. Vì vậy, nếu có người gửi đồ vật ở chỗ chúng ta, hoặc chúng ta đến thư viện mượn sách, mong mọi người nhất định phải nhớ trả lại!

Ngoài ra, theo giới luật, nếu trộm cắp đồ vật của một người, thì chỉ kết tội đối với một người đó, còn nếu trộm cắp đồ vật của Tam bảo, thì đối với mười phương tăng, bạn đều có tội. Bởi vì đồ vật của Tam bảo thuộc về nhiều người, mỗi vị tăng đều có phần, nếu bạn lấy trộm vật của tăng chúng thì bạn có tội với mỗi một vị trong mười phương tăng, tội báo rất nặng, chúng ta phải thật cẩn thận.



Lấy cấp đồ của Tam bảo là tội rất nặng, ngược lại, nếu ai có thể dùng tâm thanh tịnh, tâm cung kính cúng dường Tam bảo thì phước đức sẽ rất lớn. Lúc cúng dường Tam bảo, chúng ta tha thiết nghĩ nhớ đến đức Phật, tri ân Ngài đã hạ sinh ở nhân gian này, chuyển đại pháp luân hóa độ chúng sanh, đây là cảm ơn “Phật”. Ngoài ra, đức Phật để lại chánh pháp như ngọn đèn soi sáng con đường tối tăm, dẫn dắt chúng ta đến con đường giải thoát, chúng ta nên phát nguyện cầu mong chánh pháp trường tồn ở thế gian, đây là cảm ơn “Pháp”. Lại nên cảm ơn tăng chúng, vì họ khiến chánh pháp cửu trụ, hoằng pháp lợi sanh, vâng theo người trước dẫn dắt người sau, chúng ta thành tâm cầu chúc chư tăng thân tâm luôn an lạc, hóa độ hanh thông, đây là cảm ơn “Tăng”. Nếu như chúng ta có thể thành tâm như vậy mà cúng dường Tam bảo thì có thể đạt được phước báu vô lượng.

Hy vọng mọi người đều vâng theo lời giáo

huấn của đức Phật, tin sâu nhân quả. Bạn không tin nhân quả cũng không sao, nhưng nhân quả tin tưởng bạn! Chúng ta nên tiếp nhận những lời dạy của tăng chúng, đừng sinh khởi tam độc tham sân si mà tạo nghiệp ác. Ngàn vạn lần đừng đợi đến lúc nghiệp ác hiện tiền rồi mới hối hận, lúc ấy đã không kịp nữa!

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 08.11.2014***

## 9. PHIÊN NÃO TỪ TÂM KHỞI BÔI THUỐC LÊN THÂN CÓ ÍCH GÌ?

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 326-327.

Trong kinh có dạy: “Cúng dường tháp của đức Phật được công đức rất lớn, vì thế, chúng ta cần phải tinh tấn, thành tâm cúng dường”.

Câu chuyện kể rằng: Một hôm, vua Ba-tư-nặc đến hầu thăm đức Phật, lúc hướng về đánh lễ đức Thế Tôn, đột nhiên nhà vua ngửi được mùi hương rất thơm, không giống mùi hương của cõi trời mà trước kia nhà vua từng thưởng thức qua. Nhà vua quay sang bốn phía để tìm kiếm, nhưng vẫn không biết được mùi thơm kia xuất phát từ đâu,

ông bèn hướng về đức Phật thỉnh giáo:

- Bạch đức Thế Tôn! Mùi hương kia tỏa ra từ đâu vậy?

Đức Phật hỏi:

- Bệ hạ muốn biết nguồn gốc của hương thơm đó chăng?

Vua đáp:

- Vâng! Bạch Thế Tôn, con muốn biết.

Lúc ấy, đức Thế Tôn dùng chỉ tay xuống đất, chỉ trong chốc lát liền xuất hiện một bộ xương khô, hình dáng giống như gỗ chiên đàn hương màu hồng, dài khoảng năm trượng.

Đức Phật bảo nhà vua:

- Hương thơm mà bệ hạ đang ngửi được, chính từ bộ xương khô này tỏa ra.

Vua Ba-tư-nặc bạch đức Phật:

- Nguyên nhân nào khiến cho xương khô có thể tỏa ra hương thơm như thế?

Đức Phật đáp:

- Được rồi, xin bệ hạ hãy lắng lòng nghe, Như

Lai sẽ nói rõ cho ông hiểu.

Thế Tôn kể lại rằng: “Thời quá khứ, có đức Phật hiệu là Ca-diếp, khi việc hóa duyên đã hết, Ngài bèn nhập niết-bàn. Lúc ấy, vua Ca-xí thống lĩnh quốc gia, ông chọn xá-lợi của đức Phật Ca-diếp và xây dựng tháp thất bảo để cúng dường, chiều cao và bề rộng của tháp là hai do-tuần. Quốc vương hạ lệnh: “Trong quốc gia có bao nhiêu hoa, người dân không được dùng vào việc khác, phải mang toàn bộ số hoa có được dâng lên cúng dường tháp của đức Phật”.

Bấy giờ, trong nước có người con trai của ông trưởng giả và cô dâm nữ lén lút tư tình với nhau, trong tâm trí của anh ta chỉ còn nghĩ đến việc dâm dục không thể quên được. Những đóa hoa phải dâng lên cúng dường tháp thờ xá-lợi, nhưng anh ta bị dâm dục làm mù quáng, nên lén vào trong tháp của đức Phật Ca-diếp, lấy trộm một đóa hoa, mang đến tặng cho người dâm nữ mà anh đang luyện mộ.

Lúc ấy, người con trai này hiểu rất rõ công đức của đức Phật, nhưng do không kiềm chế được lòng tham dục nên mới làm việc phi pháp. Sau khi làm việc phi pháp xong, anh ta rất hối hận việc mình làm vừa, nên ý niệm dâm dục liền biến mất.

Ngày hôm sau, nghĩ đến hành vi của mình, anh chán ghét một cách mãnh liệt, thầm nghĩ: “Tôi đã tạo ác, đã lấy trộm hoa cúng đức Phật đến tặng cho cô dâm nữ”. Ngay lúc ấy, do hối hận nên vừa bất an, vừa buồn rầu, toàn thân của anh bỗng nổi lên những mụn độc lở loét, lúc đầu chỉ lớn như hạt cải, nhưng chẳng bao lâu liền lan đi rất nhanh, cuối cùng đầy khắp thân thể, không trừ một bộ phận nào mà không có. Người con trai này bèn nói lên một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Hôm nay, tôi đã gây các nghiệp bất thiện, làm trái với lời dạy của chư Phật, không biết hổ thẹn, đối với đức Phật, tôi đã không có tâm cung kính, còn vi phạm lời giáo huấn của Ngài, thật không xứng đáng làm đệ tử của đức Thế Tôn.

Hết thầy người dân trong nước, không một ai dám chống lại mệnh lệnh của quốc vương, thế nhưng tôi lại trái phạm quy định của pháp luật và của Phật pháp mà tôi tín ngưỡng, tôi thật không biết nhục nhã, so với súc vật, tôi có gì hơn chúng đâu!

Tất cả phước điền thù thắng, không gì hơn thập xá-lợi của đức Thế Tôn, thế nhưng, tôi vì ngu si, vì việc làm thấp hèn mà lấy trộm hoa cúng Phật.

Tại sao cánh tay của tôi không lập tức rơi xuống? Tại sao mặt đất không lún xuống, lại dung chứa thứ người như tôi để làm gì?

Thật ghê tởm! Vì tham dục bốc cháy, nên đã thiêu đốt hết thầy thiện căn; vì mê hoặc tham dục, nên mới bị rơi vào trong vực thăm tằm tối, bị giặc cướp phiến não hãm hại.

Tôi vì bị tham dục không chế, không quán chiếu được quả báo của tham dục, nên đã lén trộm hoa cúng Phật để lấy lòng cô dâm nữ, vì muốn thể

hiện sự tôn quý của mình, sau này sẽ đọa vào địa ngục, mãi mãi chịu sự hành hạ.

Tôi thật sự rất hối hận! Trong lòng vô cùng đau đớn, toàn thân nóng hừng hực như đang bị thiêu đốt vậy”.

Lúc ấy, những mụn nhọt trên thân anh sưng lên và vỡ ra, máu mủ chảy ra dơ bẩn, mùi hôi thối bốc lên khắp nơi.

Một hôm, cha mẹ, anh chị em của anh đến thăm, thử lấy thuốc lạnh để điều trị cho anh, nhưng bệnh tình ngày càng nghiêm trọng hơn. Họ mời thầy thuốc có danh tiếng đến, khám kỹ càng hơn, thầy thuốc bảo:

- Phải dùng hương Ngưu đầu chiên-đàn, bôi lên thì bệnh mới hết.

Cha mẹ của anh ta nghe vậy, liền đi mua loại hương Ngưu đầu-chiên đàn đắt nhất, thượng hạng nhất, bôi lên thân người con trai của mình, nhưng những mụn nhọt ngày càng lớn hơn, không có hiệu nghiệm.



Lúc ấy, anh ta đau đớn rơi nước mắt, ấp úng, sợ sệt thưa với cha mẹ:

- Xin cha mẹ đừng uổng công phí sức nữa, bệnh của con từ tâm mà sinh, đây không phải là bệnh của thân.

Người cha hỏi con trai:

- Bệnh tâm là bệnh gì, con nói đi?

Người con trai nói lên một đoạn kệ để trả lời cho cha, có nội dung như sau:

“Việc này nói ra thật đê tiện và nhục nhã, con vốn không muốn để cho cha mẹ biết, nhưng vì do sự khờ đốn của bệnh tật, nên không thể che dấu được sự xấu hổ của con.

Trước đây, con đã đến lấy cắp hoa cúng dường trong tháp của đức Phật, mang đến tặng cho cô dâm nữ, sau khi làm việc xấu xa này xong, con mới biết hối hận, tự dằn vặt lương tâm.

Lúc ban ngày thì lòng tham dục bốc cháy hừng hực, như cái nắng chói chang đang thiêu đốt, ban đêm mới tỉnh táo hiểu ra, nếu có thể sám hối

lỗi lầm này, chẳng khác nào dùng nước lạnh dập tắt đám lửa đang bốc cháy.

Hiện giờ, thân tâm của con đang nóng rực, sau này lại phải vào địa ngục để chịu quả báo khổ, cũng giống như một khúc gỗ đã bị mục, chỉ cần một đóm lửa nhỏ cũng đủ thiêu cháy; tình trạng của con hiện tại cũng như thế, ngọn lửa của tâm thiêu đốt bốc cháy từ bên trong.

Giả sử có lấy các thứ như nước lạnh, cỏ ưu-thi-la, hoa sen xanh, trân châu, lúa mạch..., cho đến các loại chiêm đàn, bôi lên trên thân, cũng không cứu được loại bệnh này.

Vì nỗi đau từ tâm sinh khởi, phải lấy thuốc xoa lên tâm thì mới đúng, còn nếu lấy thuốc bôi lên thân, làm sao có hiệu quả?

Xin cha mẹ đưa con đến bên tháp thờ xá-lợi của đức Phật, giúp con chuẩn bị các phẩm vật, để con được dâng lên cúng dường tháp của Ngài, thì bệnh của con mới khỏi được”.

Cha mẹ và anh em cùng nhau khiêng anh ta

trên chiếc giường, đến trước tháp của đức Phật. Lúc này, thân thể anh ta nóng rực, hơi thở dường như sắp tắt.

Khi đến trước tháp của đức Phật, người con trai một lòng chuyên niệm đức Ca-diếp Như Lai Chánh đẳng Chánh giác. Khóe mắt đầm lệ, dâng hương chiên-đàn mà anh tự mang đến, hướng mặt về phía tháp của đức Phật, bi thương nói lên một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Đức Thế Tôn đại bi, xin cứu độ khổ nạn cho chúng sanh, Ngài từng giáo hóa, dạy chúng sanh nên làm các việc lành, nhưng con do bị tham dục mê hoặc, nên chẳng khác nào người mù cả hai mắt không còn nhìn thấy được. Con đối trước sự cứu tế chúng sanh của Ngài, gây nên các việc bất thiện.

Tháp giống như núi Tu-di, con do si mê nên hủy phạm giới pháp, bây giờ đã không có danh vọng, sau này còn phải đọa vào đường ác.

Con không quán chiếu, tư duy cho cẩn kẽ

công đức của Ngài, nên bây giờ phải mang quả báo xấu, quả báo đó không chỉ ở hiện tại, mà mãi cho đến sau này nhất định phải tự chịu sự sầu muộn và đau đớn.

Người thông minh biết dùng Huệ nhãn, tránh xa khổ não, biết đoạn trừ các loại tham dục; còn trong lòng con giờ đây tràn ngập lo lắng và buồn tủi, xin thành tâm hướng về quy y đức Phật.

Tội lỗi mà con đã tạo, xin nguyện được đức Phật gia hộ, cũng như một người bị té, phải dựa vào mặt đất chống đỡ, để có thể tự đứng lên”.

Khi đó, cha mẹ và quyến thuộc của người con trai khen ngợi anh ta:

- Lành thay! Lành thay! Con bây giờ đã biết thành tâm ca ngợi đức Như Lai, chỉ có đức Thế Tôn mới đủ khả năng chữa lành bệnh cho con.

Rồi họ nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Hôm nay đối trước đức Phật, con nên phát khởi tâm tín giải, tâm thọ trì; chỉ có công đức lớn lao của đức Phật mới cứu giúp con được.

Cũng như đang đi trên biển mênh mông, chiếc tàu bị thủng, số tài bảo có được tuy bị biến mất, nhưng chỉ cần thân này không bị chìm xuống (vẫn còn sống), thì vẫn còn cơ hội gầy dựng gia tài”.

Những người thân quyến tận mắt nhìn thấy thân của người con trai này mắc bệnh lở loét, hôi thối, họ đều sanh tâm nhàm chán sanh tử, nên đều đem các phẩm vật như hương hoa, hương bột, các thứ hương xông... đến dâng lên cúng dường tháp thờ xá-lợi đức Phật Ca-diếp, lại dùng hương Ngưu đầu chiên-đàn khắc họa thân Phật. Lúc ấy, những mụn nhọt trên thân của người con trai từ từ biến mất, khiến cho anh ta cảm thấy vô cùng vui sướng, chứng bệnh nóng bức toàn thân cũng không còn nữa.

Lúc ấy, quả báo hiện đời của người con trai đã được xoay chuyển, anh sinh tâm vui sướng, biết rằng tội lỗi mà mình tạo nay đã được tiêu trừ, liền nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Nhu Lai đầy đủ Nhất thiết trí, đã đoạn trừ tất

cả phiền não, đức Như Lai Ca-diếp có năng lực cứu độ tất cả chúng sanh.

Đức Phật là cha lành của chúng sanh, ở trong thế gian nguyện làm người bạn lành không thỉnh mà tự đến, chỉ có tâm từ bi của đức Thế Tôn mới được như thế.

Đối với đức Phật, con đã gây nên tội lỗi quá lớn, giờ đây ăn năn sám hối, cúi xin đức Phật từ bi tiếp nhận.

Con thành tâm phát thệ nguyện, cúi xin Ngài lắng nghe lời thệ nguyện của con.

Vì bị tham dục bức bách, con không có chánh niệm, nên mới tạo các nghiệp bất thiện như thế. Cúi xin đức Phật che chở cho con, nguyện đời đời xa lìa ái dục và giặc phiền não. Nếu không hàng phục sáu căn, thì cũng thô bạo như con ngựa hoang không được huấn luyện, nguyện cho con không còn gây tạo các việc ác, mà luôn được sự tịch tịnh của chánh đạo.

Hôm nay, dâng hương Ngưu đầu chiên-đàn

lên cúng dường tháp của đức Phật, nguyện thân của con luôn tỏa ra hương thơm, không còn bị đọa lạc vào đường ác”.

Sau đó, người con trai của ông trưởng giả mệnh chung. Dù được sanh lên cõi trời hoặc thác sanh làm người, trên thân vị này thường tỏa ra hương thơm, từ thân thể cho đến tay chân đều được tướng tốt trang nghiêm, nên cha mẹ gọi người con trai là Hương Thân.

Về sau, Hương Thân chán ghét thân khổ báo có ra từ năm uân và mười tám giới, nên xuất gia tu học, chứng đắc Bích-chi-phật. Bộ xương khô này chính là di cốt của đức Bích-chi-phật, hương thơm kia chính từ di cốt của Ngài lan tỏa ra.

Vì vậy, mọi người nên cúng dường tháp đức Phật, sẽ được công đức lớn.

**Câu chuyện này, muốn nhắc nhở chúng ta:**

Không được trộm lấy vật của Tam bảo. Cổ đức có dạy: “Ái tích thường trụ vật, như hộ nhãn trung châu”, có nghĩa là chúng ta phải trân quý vật

của Tam bảo, như giữ gìn đôi tròng mắt của mình vậy, tuyệt đối không được tùy tiện hủy hoại, càng không được trộm về làm vật riêng.

Ngoài ra, cần phải giữ gìn thân, miệng và ý cho được thanh tịnh; nếu có bị sai phạm, nên dừng cảm cầu xin sám hối. Phiền não từ tâm sinh khởi, tâm bệnh thì cần thuốc trị tâm, nếu chỉ dùng thuốc để bôi trên thân, làm đẹp vẻ bên ngoài, thì có tác dụng gì? Phải trị gốc bệnh sâu thẳm từ trong tâm, thì mới giải quyết được vấn đề.

Y theo lời dạy của đức Phật, phương pháp sám hối có ba điểm chính:

1. Tác pháp sám: Tức là dựa vào giới luật, y như pháp mà sám hối, không được tái phạm, phương pháp sám hối này thích hợp với ‘giới’.

2. Thủ tướng sám: Nghĩa là thành tâm đối trước đức Phật cầu xin được sám hối, mãi đến lúc thấy được các báo ứng lành, chẳng hạn thấy hào quang của đức Phật phóng ra, hoặc thấy đức Phật đến xoa đầu... Thì nghiệp chướng mới được tiêu



trừ, đây là thích hợp với phương pháp sám hối của pháp môn ‘thiền định’.

3. Vô sanh sám: (còn gọi là thật tướng sám)  
Tức là thể ngộ được chư pháp vô sanh (không sanh ra cũng không diệt). Đây là sự sám hối phù hợp với ‘trí huệ’. Cổ đức có dạy:

**Tội tùng tâm khởi tương tâm sám,  
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong,  
Tội vong tâm diệt lưỡng cụ không,  
Thị tắc danh vi chân sám hối.**

*Tội từ tâm khởi, đem tâm sám,  
Tâm đã diệt rồi, tội liền tiêu,  
Tội tiêu, tâm diệt thảy đều không,  
Như thế mới là chân sám hối.*

Hoặc trong kinh Phật thuyết quán Phổ Hiền hành pháp có dạy:

**Nhất thiết nghiệp chướng hải,  
Giai từ vọng tưởng sanh,**

**Nhược đục sấm hối giả,  
Đoan tọa niệm thật tướng.  
Chúng tội như sương lộ,  
Huệ nhật năng tiêu trừ,  
Thị cố ưng chí tâm,  
Sấm hối lục tình căn.**

*Tất cả biển nghiệp chướng,  
Đều từ vọng tưởng sinh,  
Nếu ai muốn sám hối,  
Kiết già, niệm thật tướng.  
Nghiệp tội như sương sớm,  
Mặt trời tuệ chiếu trừ,  
Cho nên phải chí tâm,  
Sám hối lục tình<sup>4</sup> căn.*

Như giọt sương lúc sáng sớm, chỉ cần ánh nắng mặt trời vừa xuất hiện, những giọt sương mai liền tan biến; cũng thế, tội nghiệp cũng như

---

<sup>4</sup> **Lục tình:** Túc Lục căn: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

những giọt sương, không thể tồn tại lâu dài, chỉ cần trí huệ vô lậu vừa sinh khởi, tất cả tội chướng đều tiêu diệt.

Cho nên, nếu ai đã phạm giới, cần phải thành tâm sám hối, nhưng không được quá bi ai; vì bi ai sẽ gây chướng ngại cho sự tu tập. Tội từ tâm sinh khởi, phải sâu thăm từ nội tâm mà chân thành sám hối, hiểu được tội đã tạo, nhờ sám hối mà được thanh tịnh, cũng nên hiểu rằng tâm tạo tội vốn là tánh không, không phải một khi phạm lỗi làm vĩnh viễn mất thanh tịnh, không phải như thế! Khi thể ngộ được tâm không, tội cũng không, cả hai đều sẽ tiêu trừ, thì mới đúng là sám hối.

Kính chúc quý vị sáu căn thanh tịnh, không ưu phiền, không khổ não.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 25.04.2015*

## 10. CHĂNG THỀ LẤY TÂM OÁN ĐỂ TIÊU TRỪ OÁN HẬN CHỈ CÓ NHÃN NHỤC THÌ OÁN HẬN TỰ TIÊU

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Trong *Đại trí độ luận*, ở phần giải thích về ‘trì giới ba-la-mật’ thuộc lục độ, có chép một câu chuyện nói về đức Thích-ca trong đời quá khứ từng là một con độc long, tuy mang thân súc sinh, nhưng nó lại phát tâm tu bát quan trai giới. Một hôm, độc long gặp phải một người thợ săn, người này lột da nó dâng lên nhà vua để đổi lấy của cải. Lúc đó, có rất nhiều những loại côn trùng vây đến ăn thịt độc long, vì giữ giới, độc long đã xả bỏ thân mạng mà không hề tiếc nuối hay hối hận gì cả.

Câu chuyện này được ghi chép rất rõ trong ‘phẩm Rồng’, *kinh Bồ-tát bản duyên* quyển 3,

thuộc Đại Chánh tạng, trang 68-70.

Bồ-tát đại sĩ trong tình huống phiền não mà vẫn giữ giới, hưởng hồ được sinh trong nhân đạo thì làm sao không kiên trì giữ giới chứ?<sup>5</sup>

Tôi từng nghe rằng:

Trong thời quá khứ, bồ-tát vì sân nhuế mà bị đầu thai làm thân rồng trong loài súc sinh, có được sắc thân tam độc là khí độc, kiến độc, và xúc độc<sup>6</sup>. Màu sắc trên thân thể của độc long giống như bảy thứ châu báu tụ lại, tự phát ra ánh sáng mà không cần mặt trăng mặt trời chiếu vào. Thân thể nó vừa dài vừa to, hơi thở phì phò như ông bễ, hai con mắt thì chói lọi như hai mặt trời mọc lên cùng lúc vậy! Chung quanh nó luôn có vô số

---

<sup>5</sup> Thời quá khứ, bồ-tát không nhất định là thác sinh làm người, mà có khi còn sinh trong loài súc sinh, trong thân mạng của một súc sinh mà vẫn có thể giữ giới, hưởng hồ là sinh trong loài người thì càng cần phải giữ gìn tịnh giới.

<sup>6</sup> Nghĩa là bất luận người, hoặc động vật nào, chỉ cần nghe mùi của độc long thổi ra, hoặc nhìn thấy nó, hay đụng đến thân thể nó thì đều phải bỏ mạng.

những con rồng khác vây quanh. Đôi lúc, long vương lại hoá thành hình người cùng vui đùa với các con cháu nhà rồng rất vui vẻ. Chúng trú trong núi Ti-đà xa xôi, nơi ấy vốn mọc rất nhiều loài cỏ thụ, bông trái trở đầy khiến ai cũng thích thú, hơn nữa, còn có ao nước đủ tám vị ngon ngọt quyến rũ. Trải qua vô lượng trăm nghìn năm, long vương và các phu nhân rồng vẫn thường hay cùng nhau chơi đùa ở nơi ấy.

Tuy là độc long, nhưng nó vẫn có kẻ địch, và kẻ địch đó chính là kim sí điều (chim cánh vàng). Lúc ấy, kim sí điều đang bay liệng trong không trung để săn mồi, nó xếp cánh, lao thẳng xuống định bắt rồng, mỗi lần nó chuẩn bị bay xuống thì đều khiến cho núi lở đất nứt, suối nguồn cạn kiệt. Lúc ấy, đàn rồng và các phu nhân rồng nhìn thấy hoặc nghe tiếng, biết sắp bị kim sí điều làm hại, thì đều vô cùng lo sợ hoảng hốt, họ bỏ chạy tán loạn làm đánh rơi đầy đất các vòng ngọc, hoa hương, phục sức v.v.

Phu nhân rờng vô cùng sợ hãi, họ khóc lóc:

- Kẻ địch đang đến tấn công. Miệng nó như kim cương sẽ phá hủy tất cả, chúng ta phải làm sao đây?

Long vương vỗ về :

- Đừng lo, các nàng hãy nép phía sau ta!

Các phu nhân rờng vội rắm rắp nép vào phía sau long vương. Long vương nghĩ: “Bây giờ các phu nhân đã sợ hãi đến mức này rồi, nếu ta không thể bảo vệ các nàng được thì tấm thân to lớn này có còn ý nghĩa gì nữa? Ta làm vua của loài rờng cũng là nhờ sở hữu tấm thân to lớn này, nếu không bảo vệ được mọi người thì còn gì là vua nữa chứ! Đã thật sự là một hành giả của chánh pháp thì cần phải xả bỏ tính mạng của mình để bảo vệ cho các tính mạng khác. Kim sí điều có sức mạnh như vậy, trừ ta ra thì khó có con rờng nào có thể đối địch lại nó được, lúc này là lúc ta cần xả bỏ tính mạng mình để giải cứu dòng họ rờng!”.

Thế rồi, long vương nói với kim sí điều:

- Nay kim sí điều! Ngươi nên nghe ta nói! Lúc nào ngươi cũng có ý muốn hại chúng ta, nhưng ta đối với ngươi không hề có chút oán hận nào cả! Ta vì nghiệp lực quá khứ mà phải chiêu cảm thân tam độc này, tuy có sức mạnh vô địch, nhưng không hề có mảy may ác ý nào đối với tất cả hữu tình. Ta cũng suy nghĩ kỹ, nếu với sức lực của ta, không những dư sức chống lại ngươi, mà còn có thể phát ra lửa dữ thiêu rụi cỏ cây xung quanh; hoặc là làm cho ngũ cốc khắp nơi đang vào mùa trở bông sẽ tàn rụi hết trong biển lửa; hoặc biến thân hình thành to lớn che chắn hết ánh sáng mặt trời mặt trăng; hoặc biến thân nhỏ đến độ có thể chui lọt lỗ của thân cây sen; có thể làm cho đại địa tan tành thành dâu bể; hoặc làm rung chuyển các ngọn núi cao; hoặc ta có thể chạy trốn đến nơi mà ngươi không thể nào tìm thấy được. Thế nhưng, bây giờ ta không muốn thực hiện những điều chỉ mang lợi ích cho riêng bản thân ta như thế, bởi



sau lưng ta đang còn rất nhiều những quyền thuộc dòng họ rồng đang cần ta. Sở dĩ ta không muốn giao đấu với người, bởi trong ta không hề có chút ác tâm nào với người cả.

Kim sí điều nói:

- Ta với người kết oán cừu với nhau mà tại sao người lại không khởi chút hận thù nào với ta?

Long vương đáp:

- Ta tuy mang thân hình của loài thú, nhưng lại hiểu rõ đạo lý nhân quả nghiệp báo, ta biết rõ rằng chỉ cần tạo ra chút ác nghiệp thì quả báo xấu cũng sẽ đuổi theo ta, giống như bóng đuổi theo hình. Ta và người đều bị sinh vào đường ác, cũng bởi những ác nghiệp đã tạo từ quá khứ, thế nên ta lúc nào cũng phát khởi tâm thương xót người. Người nên nghĩ kỹ về lời của đức Thế Tôn đã dạy: “Không thể lấy tâm oán hận để kết thúc sự oán hận ghen ghét, mà chỉ có sự nhẫn nhục mới có thể làm ngưng đi sự oán hận mà thôi”. Cũng giống như bỏ củi khô vào trong lò lửa thì sẽ càng làm

cho lửa cháy dữ dội hơn, nếu lấy sân hận báo sân hận thì cũng giống vậy.

Sau khi kim sí điều nghe những lời ấy thì tâm oán hận liền tan biến, nó nói với long vương:

- Thật không ngờ, ta thường hay oán hận người, vậy mà người lại luôn từ bi với ta!

Long Vương đáp:

- Thời quá khứ, ta và người đã từng nghe đức Phật khai thị, ta thì luôn ghi nhớ những lời ấy trong tâm khảm, còn người thì lại hoàn toàn quên mất.

Kim sí điều nói:

- Mong ông làm một vị thầy thân cận của tôi, dạy cho tôi chánh pháp vô thượng. Bắt đầu từ bây giờ, tôi sẽ tặng sự vô úy cho toàn thể họ hàng nhà rồng, khiến cho họ không còn cảm giác sợ hãi nữa.

Nói xong, kim sí điều vụt bay khỏi long cung, trở về nơi của nó.

Sau khi long vương giáo hóa làm cho kim sí

điều trở về nơi mình cư ngụ, lại trấn an bày rộng và các phu nhân:

- Các người thấy kim sí điều cảm thấy rất sợ hãi phải không? Những loại chúng sinh khác khi gặp chúng ta cũng sẽ có tâm sợ hãi y như vậy đây! Tất cả chúng sinh đều trân quý thân mạng họ như các người trân quý thân mạng của chính mình vậy. Chúng ta cần phải quán sát bản thân để hiểu được cảm nhận của người khác. Do đó, các người cần phải phát khởi tâm đại bi, do nhân duyên tu hành tâm đại bi nên sẽ làm cho kẻ oán địch của mình tự động lui về nơi mà họ vốn cư trú, không bao giờ đến quấy nhiễu chúng ta nữa. Sự lưu chuyển lâu đời trong dòng sinh tử, chỉ có tâm từ bi là nơi đáng để chúng ta nương tựa nhất mà thôi. Tâm từ bi là vị thuốc hay, diệt trừ được tất cả mọi phiền não lâu đời. Tâm từ là món ăn ngon cho bao sự đói khát. Có tâm từ bi, thì sẽ mang đến vô lượng an lạc cho mọi loài chúng sinh. Quá khứ do vì chúng ta mất đi tâm từ bi, cho nên đời này chúng

ta mới bị đọa vào trong kiếp súc sinh. Nếu chúng ta coi việc tu tập từ bi như một tấm bùa hộ mạng mình, thì tất cả mọi phiền não không thể nào có thể xâm nhập được. Nếu muốn sinh lên cõi trời, cõi người, đạt được sự giải thoát thật sự, thì từ bi là phương pháp tốt nhất, không gì có thể tốt hơn.

Tất cả họ hàng và phu nhân rồng nghe những lời ấy thấy đều xa lìa sân nhuế độc, nỗ lực tu hành hạnh từ bi.

Lúc này, long vương nhận thấy đồng loại của mình đều tu tập tốt hạnh từ tâm, trong lòng cảm thấy vô cùng hoan hỷ, bản thân mình cũng cảm thấy hết sức sung sướng: “Lành thay! Những gì ta cần làm đều đã làm xong! Tuy ta vì nghiệp duyên phải sinh vào loài súc sinh, nhưng dù sao thì ta cũng đã biết tu tập chánh hạnh của bậc bồ-tát đại sĩ”.

Long vương bảo họ hàng nhà rồng:

- Những gì cần làm, ta đã làm cho các người rồi, đồng thời cũng đã vạch ra con đường chân

chính; ta đã thấp lên cho các vị ngọn đuốc, đóng cửa lối vào ác đạo, đồng thời mở ra con đường để tiến thẳng vào cõi nhân thiên. Các người đã xả bỏ vô lượng ác độc, thay bằng vị cam lồ thượng vị. Thế nhưng, ta mong mọi người thực hiện tiếp một việc nữa. Các vị nên biết, vào trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, người trong cõi Diêm-phù-đề đều tắm rửa thân thể bằng thứ nước công đức bởi do thọ trì Bát quan trai giới, nhập vào tâm thanh tịnh, coi đó là thứ hành trang của cõi nhân thiên, để xa lìa mọi sự kiêu mạn, cống cao, tham dục, sân nhuế, ngu si...

Chính bản thân ta cũng muốn học theo người cõi Diêm-phù-đề, thọ trì Bát quan trai giới. Các vị nên biết rằng, nếu đã thọ trì được giới ấy thì cho dù không mặc trang phục đẹp, thân thể vẫn được trang nghiêm thanh tịnh như đã tắm gội rồi vậy. Chẳng cần tường rào cổng ngõ mà vẫn có thể ngăn chặn được oán tặc; cho dù không được xuất thân cao quý, nhưng lại được đầy đủ chủng tánh

cao quý; dù cho xả bỏ hết cả mọi thứ trang sức quý giá, mà tự thân tự nhiên đã trang nghiêm uy nghi; tuy không có gì quý giá, nhưng lại có vô lượng pháp tài; dù không có xe ngựa nhưng vẫn được gọi đúng nghĩa Đại thừa (cỗ xe lớn); không cần bắc cầu nhưng vẫn vượt qua được ác đạo. Công đức của sự thọ trì Bát quan trai giới bao la như vậy. Các vị nên biết rằng, ngay bản thân ta cũng luôn thọ trì giới đó ở các nơi không hề gián đoạn.

Các vị rờng cùng hỏi:

- Bát quan trai giới gồm những gì?

Long vương đáp:

- Thứ nhất, không sát sinh; thứ hai, không trộm cắp; thứ ba, không dâm dục; thứ tư, không vọng ngữ; thứ năm, không uống rượu; thứ sáu, không nằm hoặc ngồi giường ghé cao to sang trọng; thứ bảy, không đeo hoa, vòng anh lạc, không xức dầu thơm; thứ tám, không tự ca nhạc, múa hát, hoặc cố tình đi xem nghe. Trang nghiêm

thân bằng tám điều này thì không nên ăn sau giờ Ngọ. Tất cả những điều trên được gọi là Bát quan trai giới.

Các vị rờng hỏi:

- Thật sự thì chỉ cần chúng tôi lìa xa long vương một chút, e rằng đã không giữ được sự sống rồi. Bây giờ chỉ mong được tăng trưởng vô lượng chánh pháp, xin ngài hãy khai mở ngọn đèn chánh pháp cho chúng tôi, chúng tôi nguyện sẽ y giáo phụng hành. Thế nhưng, chuyện học tập Phật pháp nếu như có thể đạt được lợi ích ở mọi nơi chốn thì tại sao ngài không thọ trì ngay tại đây? Nghe nói kẻ tại gia vẫn có thể tu trì để tăng trưởng thiện pháp, nếu vậy thì tại sao phải chọn nơi thanh tịnh để hành trì?

Long vương đáp:

- Nếu ở nơi đa dục, thì tâm tham dục sẽ khó lòng ngưng lại được, như mắt nhìn thấy sắc đẹp thì nó sẽ khơi gợi lại tâm ái dục từ quá khứ. Ví dụ ở nơi ẩm thấp thì khi trời mưa, đất nơi ấy dễ nhão

ra thành bùn lầy. Mắt thấy sắc, khơi gợi tâm tham dục quá khứ cũng giống như vậy, nếu ở nơi núi sâu thì mắt sẽ không thấy những thứ sắc dục ấy, thì tâm tham dục cũng không dễ phát khởi.

Các vị rồng đồng loạt thưa:

- Nếu trong núi sâu mà có thể tăng trưởng chánh pháp, vậy thì cứ theo ý của ngài vậy!

Rồi long vương liền dẫn họ hàng nhà rồng đến nơi vắng vẻ, lìa xa sự dâm dục, sân nhuế, thực hành pháp từ bi với mọi loài, lấy công đức của sự nhẫn nhục để trang nghiêm tự thân, mở đạo bồ-đề. Tất cả bọn họ đều thọ trì Bát quan trai giới, trì trai thanh tịnh. Thời gian lâu sau đó, do vì tiết chế ăn uống nên cơ thể họ trở nên suy nhược, vô cùng đói khát, mệt mỏi và buồn ngủ. Long vương tu Bát quan trai, đầy đủ hạnh nhẫn nhục, ông không hề khởi một ý niệm xâm phạm và làm tổn thương đến các chúng sinh khác.

Lúc ấy, có một đám ác nhân đến chỗ của họ hàng nhà rồng, tuy trong cơn mê ngủ, nhưng từ xa,



long vương đã nghe thấy tiếng bước chân của họ và đã giật mình thức giấc. Bọn ác nhân nhìn thấy thân thể của long vương, ai nấy đều hết sức mừng rỡ, họ hỏi nhau:

- Đây là bảo vật gì mà trời lên từ lòng đất vậy?

Long vương trông thấy đám người này, lòng nghĩ rằng: “Ta đến nơi này là vì phước đức của việc tu tập, không ngờ trong núi non này lại xuất hiện lũ xấu xa phá hoại việc tu hành như thế này. Nếu để cho họ nhìn thấy thân hình thật sự của mình e rằng họ sẽ kinh sợ mà chết giấc ngay! Nếu như họ chết đi chẳng phải là làm mất đi ý tưởng tu hành chánh pháp của ta sao? Xưa kia ta do nhân duyên sân hận mà nhận lấy thân rồng với ba loại khí độc, kiến độc và xúc độc. Những người kia nay đã đến đây, chắc chắn là muốn mưu đồ trên thân thể của ta, muốn đoạn lấy sinh mạng của ta mà thôi”.

Lúc đó, đám ác nhân bàn với nhau:

- Chúng ta vào trong núi này với mục đích đi

tìm của báu, nhiều năm rồi mà chưa từng gặp được thân rồng với thân sắc trang nghiêm, nhìn sừng mắt như thế này. Nếu lột da nó ra để dâng lên nhà vua của chúng ta, chắc chắn sẽ được ngài trọng thưởng!

Thế rồi họ rút dao bén lột lấy da rồng.

Do trong thời gian dài, long vương đã từng nhất tâm nghĩ đến lợi ích của tất cả chúng sanh trên thế gian, nên đã khởi tâm từ bi với những kẻ này. Bởi do hành hạnh từ bi nên ba thứ kịch độc là khí độc, kiến độc, xúc độc đều theo đó mà tự tiêu diệt cả. Long vương an ủi chính mình: “Ta không nên luyến tiếc tấm thân này, dù ta có muốn tham đắm kéo dài tuổi thọ thêm vài năm nữa, nhưng khi tai họa kéo đến thì vẫn không thể nào cứu vãn được. Bây giờ, những kẻ kia đã vì phần thưởng của nhà vua mà mưu đồ làm hại thân thể ta, chắc chắn sau này sẽ bị đọa vào địa ngục. Ta thà tự chết chứ không làm cho họ chịu thống khổ sau này!”.

Bọn ác nhân cầm dao xẻ lấy da rồng, lúc đó long vương lại nghĩ: “Nếu như có một người không có tội và không xâm hại người khác, nhưng lại bị người khác lột da xẻ thịt mà vẫn nhẫn chịu, không hề báo thù hay khởi tâm oán hận, thì nên biết rằng kẻ đó chính là vị đại bồ-tát vậy. Nếu như nhẫn chịu với cha mẹ, anh em, vợ con thì không kể làm gì, còn nhẫn chịu được với kẻ oán địch thì đó mới thật sự đáng quý. Ta vì chúng sanh nên cần phải nhẫn nhục, ta muốn nhẫn nhục được với những người này, thì nên coi họ như những người thân thuộc, là thiện tri thức, là cha mẹ thật sự của mình. Tuy trong quá khứ, từ vô lượng đời ta từng xả bỏ thân mạng, nhưng chưa hề hành động như bây giờ. Những kẻ ác này muốn lột da rồng để đạt được vô lượng trân bảo, vàng bạc quý giá, chỉ mong tương lai ta sẽ luôn trao cho họ vô lượng pháp tài”.

Do bị lột da, nên khắp mình long vương đều thọ thương, máu chảy không ngừng, đau đớn tột

cùng khó lòng không chế được. Lúc đó, có rất nhiều loại côn trùng nhỏ ngửi thấy mùi máu tanh, nên đều tụ tập đến ăn thịt long vương. Long vương lại nghĩ: “Những côn trùng ăn thịt ta bây giờ, ta chỉ nguyện sau này sẽ cho chúng ăn pháp thực cam lồ”.

Khi bồ-tát tu hành trì giới ba-la-mật, thì cho dù bị lột da xẻ thịt cũng không khởi tâm oán hận, huống hồ là chuyện khác.

**Qua câu chuyện trên, có một vài điểm mà chúng ta cần quan tâm:**

Đức Phật dạy: Lấy oán báo oán thì không thể làm cho oán ngưng được, mà chỉ có nhẫn nhục mới có thể làm cho oán hận chấm dứt. Nếu lấy sân hận báo sân hận thì khác nào như lấy củi khô bỏ vào lò lửa, lửa sẽ càng cháy mạnh thêm.

Từ bi và trí huệ là những món thuốc hay làm tiêu trừ sân nhuế phiền não. Nếu coi từ bi và trí huệ là tấm thẻ thông hành thì oán địch, phiền não không thể nào bước vào cổng được.

Người đời, thường thì khi bị xâm hại sẽ nổi giận, nhưng bồ-tát Thích-ca, đời trước khi đầu thai làm kiếp độc long, tuy bị thợ săn lột da, toàn thân đau đớn vô hạn, nhưng không những không khởi tâm sân hận kẻ hại mình, mà còn phát nguyện: “Những kẻ lột da ta là vì tham cầu nhà vua ban thưởng vàng bạc, tiền tài, hy vọng sau này ta thường đem đến cho họ pháp tài”.

Ngoài ra, còn có rất nhiều côn trùng nhỏ bu đến ăn thịt long vương, long vương sợ phương hại đến chúng nên đã không dám chuyên mình, lại còn phát nguyện: “Thân ta nay bố thí cho côn trùng là vì cầu Phật đạo! Nay dùng thịt để bố thí là để lợi lạc cho thân của chúng, sau này, khi ta thành Phật, sẽ dùng pháp bố thí, để làm lợi ích cho tâm của chúng”.

Nghĩa là ta vì muốn thành Phật đạo mà dùng thịt trên thân này bố thí cho các loại côn trùng nhỏ, nuôi dưỡng sắc thân của chúng, sau này ta thành Phật, sẽ dùng Phật pháp bố thí cho chúng (pháp

thí), làm cho chúng trưởng dưỡng tâm thanh tịnh, đồng thời thành tựu pháp thân, đạt đến giải thoát hoàn toàn.

Trên đây là vài điều sách tấn cho mọi người vậy!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 15.11.2014*

## **11. NGƯỜI GIỎI ĐIỀU PHỤC TÂM SÂN HẬN MỚI CHÍNH LÀ BẠC ĐIỀU NGỰ SƯ**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, chuyện này có nguồn từ *kinh Biệt thích tạp A-hàm* số 75, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 400.

Một thời, đức Phật ở tại vườn của ông Cấp-cô-độc, rừng cây của ông Kì-đà, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó, có một thanh niên tên là Ti-nghi đến chỗ đức Phật, trong lòng hấn ôm mối bất thiện, dùng lời lẽ độc ác chửi mắng đức Phật, hòng khơi dậy sự phẫn nộ của Ngài.

Lúc đó, đức Thế Tôn thấy vậy bèn nói với hấn:

- Ví dụ như vào ngày lễ trọng đại, họ hàng thân thích của người đều tập trung lại với nhau,

vậy tối ngày đó, người có dùng y phục, các chuỗi anh lạc hoặc các thứ đồ ăn ngon để chia sẻ với họ không?

Ti-nghi đáp:

- Có chứ! Đương nhiên là tôi sẽ chia sẻ với họ.

Phật bảo:

- Nếu như họ không tiếp nhận những lễ vật mà người tặng, vậy thì những lễ vật đó sẽ thuộc về ai?

Ti-nghi đáp:

- Nếu họ không nhận, thì đương nhiên tôi sẽ mang về lại cho mình rồi chứ sao!

Phật nói:

- Đúng vậy, Ti-nghi này! Người nhục mạ, ác ý, phỉ báng, hãm hại đấng Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, đều không ngoài ý muốn làm cho Như Lai nổi giận. Tuy người có ý đó, nhưng Ta không hề tiếp nhận nó. Cũng giống như người thế gian vậy, đem vật phẩm tặng cho đối phương, nếu đối phương tiếp nhận thì mới được gọi là người cho và kẻ nhận. Nếu có người cho, nhưng đối phương



không nhận, tuy có thể gọi là cho, nhưng lại không thể được gọi là nhận; nếu có người dùng lời nói để nhục mạ, cùng phần nộ đánh đập, ác ý phỉ báng... mà đối phương cũng có sự phản đối trả đũa thì mới được gọi là “người nhục mạ” và “kẻ bị nhục mạ” (người nhục mạ đã thành hành động, mà đối phương cũng đã tiếp nhận rồi, bởi vì họ có sự phản ứng trả đũa); nếu như có người nhục mạ, phần nộ đánh đập, ác ý phỉ báng, mà người bị nhục mạ có thể chịu đựng không phản ứng trả đũa, thì lúc này có thể gọi là kẻ nhục mạ, nhưng người bị nhục mạ lại không tiếp nhận.

Ti-nghi nói:

- Này ông Cù-đàm! Trước kia, tôi có nghe các trưởng lão đại đức đều nói rằng: “Nếu người nào nhục mạ hay có bất kỳ hành động gì với Phật, Vô thượng sĩ, Chánh biến tri, thì các vị ấy cũng sẽ không tức giận”, sao hôm nay tôi mới chửi ông chút xíu, ông đã tức giận rồi vậy?

Đức Phật bèn đọc một bài kệ, đại ý như sau:

“Người đã đoạn sân nhuế, làm sao khởi tâm sân? Người nên biết rằng, người biết điều phục thân tâm, sống đúng với chánh mạng thì không có tâm sân hận.

Nếu như có người nào lấy tâm sân hận mà nhục mạ người khác, nhưng đối phương lại không lấy tâm sân hận trả đũa lại, thì người kia không thể nào được coi là đã thắng cuộc<sup>7</sup>; người không khởi sân hận thì mới thực sự là người cao thượng.

Không sân nhuế hơn hẳn kẻ sân nhuế, hành động thiện hơn hẳn hành động bất thiện, lời nói chân thật hơn hẳn lời vọng ngữ.

Người không sân nhuế, không có tâm hại người khác là người có thể gần gũi với người hiền thiện; kẻ thân cận người ác, sẽ tích lũy cái ác của sự sân nhuế như núi đồi.

Sân nhuế giống như con ngựa điên, cần phải

---

<sup>7</sup> Bạn muốn chọc giận người khác, nhưng đối phương lại không tiếp nhận, không phản ứng, thì người chủ động nhục mạ rất khó chiến thắng trong trận chiến ấy được.

có dây cương để chế ngự, nhưng chỉ dựa vào dây cương không thôi thì chưa đủ, mà cần phải điều phục tâm niệm thì mới thật sự đáng tin.

Vì vậy, có thể nói, Ta là người chế ngự giỏi nhất”<sup>8</sup>.

Sau khi đức Phật nói xong, các vị ti-kheo nghe rồi đều rất hoan hỷ, vâng theo giáo pháp mà thực hành.

**Nội dung đoạn kinh đề cập đến là:** Khi bạn tặng đồ cho người khác, mà đối phương không tiếp nhận thì đồ vật ấy đương nhiên sẽ trở về với bạn. Cũng vậy, ở phương Tây, người ta rất sùng bái các vị anh hùng, còn ở Ấn Độ thì người ta lại sùng bái thánh hùng. Anh hùng khác với thánh hùng ở điểm nào? Anh hùng là kẻ chinh phục đối phương, còn thánh hùng là người chinh phục chính bản thân mình; đặc biệt là điều phục được phiền não tham, sân, si ngay nơi tự thân. Phật nói,

---

<sup>8</sup> Trong mười đức hiệu của đức Phật, có một hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

người thật sự giỏi điều khiển không phải là người giỏi cầm dây cương, mà chính là người khống chế được thân tâm, hàng phục được thân tâm của mình.

Xin chia sẻ vài vấn đề trên để mọi người cùng nhau cố gắng thực hành!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 27.12.2014***

## 12. SÂN OÁN NHỤC MẠ NGƯỜI NHƯ NÉM BỤI NGƯỢC GIÓ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ đến mọi người hai mẩu truyện ngắn, truyện này được trích từ *kinh tạng A-hàm* số 1153-1154, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 307.

Có một thời, đức Phật cư ngụ tại nước Xá-vệ, phía đông giảng đường Lộc Mẫu.

Lúc đó, vào buổi chiều, đức Thế Tôn tĩnh tọa xong, Ngài khởi thân đi đến khu đất trống, bên cạnh rừng cây phía đông của giảng đường để đi kinh hành.

Có Bà-la-môn tên Kiện-mạ-bà-la-đậu-bà-già đi đến chỗ đức Phật đang kinh hành, hấn đứng trước Phật, dùng những lời thô lỗ để nhục mạ, chửi mắng đức Phật. Mặc cho hấn chửi mắng, đức Thế Tôn vẫn điềm nhiên tiếp tục kinh hành, do

vậy, vị Bà-la-môn đành lẻo đẹo đi theo phía sau của Ngài. Sau khi kết thúc buổi kinh hành, đức Phật dừng lại một chỗ.

Bà-la-môn nói:

- Nay Cù-đàm, ông đã đầu hàng rồi phải không?

Lúc đó, đức Thế Tôn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Người thắng lợi thì càng tăng thêm nhiều kẻ oán thù, người thất bại thì luôn chìm đắm trong sự sợ hãi. Thắng lợi hay thất bại đều không nghĩ tới, thì mới thật sự ngu yên”.

Nghe đức Phật nói như vậy, người Bà-la-môn bỗng tỉnh ngộ:

- Thưa Cù-đàm! Con xin sám hối lỗi lầm con đã tạo. Con là một kẻ ngu si, không phân lý lẽ, làm những việc bất thiện. Sao con lại dám đứng trước Ngài mà buông những lời cực kỳ thô lỗ nhục mạ, trách mắng Ngài thế này!

Sau khi nghe được những lời khai thị của đức

Thế Tôn, người Bà-la-môn vui sướng, tùy thuận theo những lời dạy của Ngài, đánh lễ mà đi.

Ngoài ra, số 1154 của kinh cũng nói, có một lần, đức Phật cư ngụ tại nước Xá-vệ, phía đông của giảng đường Lộc Mẫu. Một hôm, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp ca-sa, cầm bình bát, lần lượt đi vào thành Xá-vệ khát thực.

Lúc đó, có một người bà-la-môn tên Kiện-ma-bà-la-đậu-bà-già từ xa trông thấy đức Thế Tôn, hấn liền dùng những lời thô lỗ, phẫn nộ chửi mắng Ngài. Hấn vừa mắng, vừa hốt một bụm đất cát ném vào đức Thế Tôn, chẳng dè, đột nhiên có một luồng gió từ đâu đến thổi đến, hất ngược trở lại, khiến cho người Bà-la-môn này hứng trọn bụi dơ.

Lúc ấy, đức Thế Tôn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Nếu người không có tâm sân hận, dù cho có bị người bên ngoài mắng nhiếc, thì người bị mắng vẫn rất thanh tịnh, chẳng chút phiền não nhiễm ô, mà những việc ác ấy sẽ quay trở lại nơi tự thân

người đã mắng; cũng vậy, như người hốt bụi đất ném vào đối phương, nào ngờ bị gió thổi ngược trở lại làm cho tất cả bụi đất dính hết vào thân mình”.

Bấy giờ, người Bà-la-môn thưa với đức Phật:

- Thật hổ thẹn cho những lỗi lầm sai trái của con! Kính thưa đức Cồ-đàm! Con là một người ngu si, không phân biệt rõ ràng lý lẽ, nên đã làm các hành vi sai trái. Tại sao con có thể đứng trước Ngài mà nói những lời lỗ mắng, nhục mạ, trách mắng Ngài như vậy?

Người bà-la-môn sau khi được nghe những lời khai thị của đức Phật, vui mừng tùy thuận theo những lời dạy của Ngài, rồi đánh lễ mà đi.

Có một số người rất thích tranh hơn thua, nhưng trong *Đại trí độ luận* có nói:

**Thắng giả đọa kiêu khanh,**

**Phụ giả đọa ưu ngục,**

**Thị cố hữu trí giả,**



## **Bất tùy thử nhị pháp.**

*Kẻ thắng thường kiêu mạn*

*Người thua thường ưu sầu*

*Cho nên người có trí*

*Chẳng luận bàn thắng thua.*

Ý muốn nói: Người thắng thì thường hay khởi tâm ngạo mạn, như rơi vào trong vực thẳm sâu hun hút; người thất bại thì rơi vào trạng thái buồn rầu giống như đang ở trong lao ngục, nên bất luận là thắng hay thua, đều rơi vào phiền não. Người có trí thì không rơi vào hai pháp này, không cùng người tranh biện thua hay thắng. Có một số người thích tranh đấu hơn thua, nhưng thật ra, phải biết rằng người cao còn có người cao hơn, trời cao nhưng vẫn còn mấy tầng trời cao hơn, núi cao nhưng vẫn còn có những ngọn núi khác cao hơn. Không nhất định mỗi lần tranh luận đều phải giành thắng lợi, cho dù có giành được thắng lợi thì sự thắng lợi đó cũng chẳng phải là vĩnh cửu,

nên càng không nên kiêu mạn. Người hay nhục mạ người khác, người ta có tính an nhĩn không làm tổn hại đến ta, nhưng vì ta tạo ác khẩu, nên bản thân phải chiêu cảm ác báo.

Qua những mẫu chuyện trên, xin mọi người cùng nhau cố gắng tu tập!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 27.12.2014***

### **13. GÂN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIÊN NÃO (1)**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo, được trích từ *kinh Đại trang nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 323-326.

Trong kinh dạy, người thân cận thiện hữu tri thức, gân gửi thầy lành bạn tốt, có thể khiến cho lửa phiền não được tiêu trừ.

Nghe nói xưa kia, có con của vua Tố-tì-la tên là Sa-la-na. Lúc bấy giờ, nhà vua đã băng hà, vì thái tử Sa-la-na không chịu kế thừa ngôi vua, nên nhường ngôi cho em trai kế vị, còn thái tử đi đến chỗ của tôn giả Ca-chiên-diên cầu xin xuất gia. Sau khi Sa-la-na xuất gia, ông theo tôn giả Ca-chiên-diên đi về lãnh thổ của vua Ba-thụ-đề,

chuyên tâm tu hành trong một khu rừng thuộc lãnh thổ này.

Có một lần, vua Ba-thụ-đề dẫn theo các cung nữ cùng tùy tùng đến săn bắn tại khu rừng mà tì-kheo Sa-la-na đang cư ngụ. Sau buổi săn bắn, nhà vua mệt mỏi, nằm ngủ dưới một tán cây.

Lúc đó, tì-kheo Sa-la-na sau khi khát thực trở về, liền ngồi bên một gốc cây để tĩnh tọa. Những cung nữ và tùy tùng của vua Ba-thụ-đề rất thích các loại hoa quả, nhân dịp vua ngủ say, họ liền tản mác vào rừng dạo chơi.

Do thầy Sa-la-na là vị xuất gia trẻ tuổi, tướng mạo rất đoan chánh, nên khi những cung nữ nhìn thấy vẻ trẻ trung, cường tráng, dung mạo tuấn tú của vị tì-kheo, họ cảm thấy thật hiếm có, liền xông vào bàn tán:

- Trong Phật pháp mà có được người như thế xuất gia học đạo sao?

Do đó, mọi người ngồi vây quanh tì-kheo Sa-la-na.

Lúc này, vua Ba-thụ-đề thức dậy, không thấy cung nữ và những tùy tùng bên cạnh, nhìn khắp bốn phía cũng không thấy ai. Vua Ba-thụ-đề liền đứng dậy đi tìm, ông nhìn thấy những cung nữ của mình đang ngồi vây quanh một vị tì-kheo trẻ, chăm chú lắng nghe vị này thuyết pháp. Vua Ba-thụ-đề liền nói bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi tuy mặc quần áo cực kỳ trắng sạch, là vị vua tôn quý nhất trong đất nước này, nhưng lại thua kém vị xuất gia khéo tài biện luận kia (những cung nữ này không ở cạnh tôi, mà đều đến bên vị tì-kheo ấy), hàng nghìn cung nữ ngồi vây quanh vị đó, họ tôn sùng, mến mộ dung mạo của thầy đó đến vậy sao?”.

Lúc ấy, vua Ba-thụ-đề nổi tâm sân giận, hỏi tì-kheo Sa-la-na rằng:

- Ông đã chứng được tứ quả a-la-hán chưa?

Thầy Sa-la-na trả lời:

- Tôi vẫn chưa chứng đắc.

Vua lại hỏi:

- Ông chứng được tam quả a-na-hàm chưa?

Thầy đáp:

- Vẫn chưa chứng đắc.

Vua hỏi tiếp:

- Còn nhị quả thì sao?

- Tôi vẫn chưa chứng.

- Thế thì sơ quả tu-đà-hoàn, ông đắc chưa?

Đáp:

- Tôi vẫn chưa chứng đắc.

Vua lại tiếp tục hỏi:

- Ông chứng được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên chưa?

Vị tì-kheo trả lời:

- Tôi đều chưa chứng.

Sau khi vua Ba-thụ-đề nghe thầy Sa-la-na trả lời, ông ta càng thêm căm phẫn, tiếp tục cất vấn:

- Ông chưa phải là người xa lìa dục vọng, tại sao lại cùng với nhiều cung nữ tụ tập một chỗ?

Nói xong, vua liền ra lệnh tùy tùng bắt giữ tì-kheo Sa-la-na, cởi hết y phục của thầy, chỉ chừa

lại một chiếc áo mỏng, rồi lấy những cây gậy có gai, đánh tới tấp vào người thầy.

Lúc này, các cung nữ đều khóc lóc, nói với vua Ba-thụ-đề:

- Tôn giả không có lỗi làm gì, tại sao lại đánh ngài ấy?

Vua Ba-thụ-đề nghe cung nữ của mình nói như vậy, lại tức giận gấp bội, liền sai người ra sức đánh thêm.

Vì tì-kheo Sa-la-na trước kia vốn là thái tử, nay tuy xuất gia nhưng da dẻ vẫn mịn màng mềm mại, không chịu đựng nổi những đau đớn dày vò này, máu tuôn chảy khắp thân. Các cung nữ nhìn thấy tình cảnh này, không có người nào không khóc.

Sau khi tì-kheo Sa-la-na bị đánh đập tàn khốc như thế, tính mạng giống như nghìn cân treo sợi tóc, thầy nằm mê man trên đất, một hồi lâu mới tỉnh lại. Toàn thân thầy đầy thương tích, giống như bị chó dữ cắn gặm, lôi kéo; cũng như có

người bị mãng xà nuốt vào trong miệng, khó có thể thoát khỏi, dù có thể từ trong miệng mãng xà thoát ra được, nhưng muốn tiếp tục sống cũng rất khó, tì-kheo Sa-la-na từ trong hoạn nạn này muốn thoát ra cũng như vậy. Thầy mở to mắt, kinh hoàng run rẩy, toàn thân máu chảy không ngừng, ngay cả mặc áo quần cũng khó khăn. Sợ lại bị đánh đập, thầy vội vàng lấy áo quần chạy trốn, vừa chạy vừa nhìn xung quanh, e rằng còn có người muốn đến bắt mình.

Những vị tì-kheo đồng phạm hạnh thanh tịnh nhìn thấy hoàn cảnh của Sa-la-na như vậy, liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Kẻ nào không có tâm từ bi, lại đem vị tì-kheo này đánh đập, làm tổn thương đến như vậy? Tại sao đối với một vị xuất gia lạng lẽ tu hành mà cố ý ra tay độc ác, rồi lại tự cho mình là dũng cảm, oai hùng? (vì sao đối với người xuất gia lại cậy thế, ỷ quyền, ức hiếp, xúc phạm như thế?)

Tại sao không bớt phóng túng, mà tàn nhẫn



hãm hại người khác như thế? Vị tì-kheo này không có lỗi lầm gì mà lại tùy tiện làm hại, quả thật là người không biết đạo lý!

Người xuất gia từ bỏ vinh hoa phú quý, một thân một mình không cất giữ dư thừa. Cuối cùng là ai tàn nhẫn, nỡ đem vị thầy này đánh đập, hại thành như thế?”.

Những bạn đồng học dìu tì-kheo Sa-la-na đến chỗ tôn giả Ca-chiên-diên. Vừa nhìn thấy Sa-la-na, tôn giả liền lớn tiếng khóc than, trong tâm tràn đầy thương cảm, liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Thân thể của Sa-la-na bây giờ giống như quả Diêm-phù-đề, các màu hồng, xanh, trắng... đan xen lẫn nhau; những vết bầm tím, thậm chí máu đỏ tươi vẫn còn chảy khắp thân. Ai thô bạo ngang ngược mà xúc phạm, tổn thương đến thân thể tì-kheo như thế, đánh đập thầy ấy ra nông nổi như vậy?”.

Lúc đó, tì-kheo Sa-la-na hướng đến tôn giả,

chỉ vào chỗ máu chảy, nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Con đây vốn không nhận được sự bảo hộ nào, một thân một mình tự khát thực để sống lây lất qua ngày, xét lại bản thân mình không có lỗi lầm sai trái gì, nhưng lại bị người khác khinh thường bắt nạt, vô cớ bị đánh đập một trận tàn nhẫn.

Vua Ba-thụ-đề bản tính phóng dăng không biết kiềm chế, làm chủ một đất nước, có tài cao nghiệp lớn, ông ta đột nhiên sanh khởi tâm hung ác, tàn nhẫn, dùng roi đánh đập con khóc liệt, giống như lửa cháy liên tục không ngừng, muốn thiêu hủy, đốt phá thân thể của con.

Con đâu có lỗi lầm sai trái gì mà ông ấy lại thô bạo, ngang ngược đánh đập con tổn thương đến thế này”.

Tôn giả Ca-chiên-diên biết tì-kheo Sa-la-na trong tâm đang sân hận, ngài liền nói:

- Ông xuất gia học pháp không phải vì bảo vệ thân thể của mình, mà là vì diệt trừ phiền não

trong tâm.

Tôn giả nói tiếp bài kệ, nội dung như sau:

“Thân thể của ông đã bị tai nạn khốn khổ rồi, vì sao trong tâm lại sinh khởi oán hận? Dù sao ông cũng không nên sinh tâm oán giận, phẫn nộ, bởi vì tâm trí rối loạn, kiêu ngạo sẽ làm thương tổn bản thân mình (thân đã chịu khổ rồi, nhất thiết không nên sinh khởi tâm sân hận, khiến cho tự mình càng khổ thêm)”.

Lúc đó, trong tâm của tì-kheo Sa-la-na sinh khởi rất nhiều phiền não thống khổ, nên biểu hiện sự sân hận, phẫn nộ ra cả bên ngoài như thế. Giống như con rồng trong cuộc chiến, phun ra ánh sáng, cũng như sấm sét đùng đùng liên tục. Tì-kheo Sa-la-na nói bài kệ, nội dung đại khái như sau:

“Hòa thượng! Ngài nên biết, lửa dữ của sân hận, kiêu ngạo, thiêu đốt nội tâm của chúng ta, giống như cây cối khô héo, thân cây trống rỗng bên trong mà sinh ra lửa dữ mãnh liệt (ví dụ như

từ trong tâm mà sinh khởi lửa sân hận).

Con xuất gia tu hành đã được một thời gian rồi, nhưng bây giờ con muốn trở về nhà thế tục. Thông thường người khiếp nhược đều không chịu nổi sự đau khổ này, huống gì là con. Làm sao con có thể chịu đựng những thống khổ mãnh liệt như thế?

Bây giờ con muốn trở về nhà thế tục, lấy lại ngôi vua, triệu tập tướng mã, quân binh, con sẽ khiến cho khắp đại địa đều bao phủ bởi màu đen.

Tâm sân hận của con đang hùng hực cháy mãnh liệt, bất luận ban ngày hay ban đêm đều không dừng nghỉ, chẳng khác gì lửa mạnh thiêu đốt núi rừng đồng ruộng, đến con đom đóm nhỏ cũng bị thiêu rụi, vua Ba-thụ-đề cũng như vậy (sẽ bị thiêu đốt bởi lửa dữ sân hận)”.  
Sau khi nói xong bài kệ, Sa-la-na liền lấy ba y giao cho bạn đồng phạm hạnh thanh tịnh. Thầy rơi nước mắt, nghẹn ngào đánh lễ dưới chân Hòa thượng để từ biệt, rồi nói một bài kệ, đại ý như

sau:

“Bạch Hòa thượng! Xin ngài cho phép con hướng về ngài sám hối để diệt trừ những lỗi lầm đã qua, bây giờ con nhất định phải về nhà. Nếu như nổi oán hận này không được trừ bỏ, thì dù con ở trong pháp xuất gia, tâm cũng không được vui vẻ hạnh phúc, (tâm của con đã không còn thích xuất gia nữa rồi, vì tuy ở trong pháp xuất gia, nhưng không biết cách diệt trừ cơn oán giận này)”.

Lúc đó, tôn giả Ca-chiên-diên là người thiện xảo phân biệt đệ nhất đối với pháp nghĩa trong kinh, nhạo thuyết biện tài cũng đệ nhất, ngài nói với Sa-la-na:

- Ông không nên làm như vậy! Thân thể này không kiên cố, cuối cùng cũng suy yếu, sẽ hư hoại, hủy diệt. Ông không nên vì thân thể này mà xa lìa Phật pháp, cần phải quán sát sắc thân này là vô thường, bất tịnh.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói tiếp mấy bài kệ, đại

ý như sau:

“Thân thể chúng ta rất nhơ nhớp không sạch sẽ, chín lỗ ở trên thân (đó là hai mắt, hai tai, lỗ mũi, miệng, đường đại tiểu và đường đại tiện) thường chảy ra những thứ dơ dáy, đã hôi hám lại còn bản thủ, quả thật khiến cho người chán ghét. Chín lỗ trên thân của chúng ta thường chảy ra những thứ không sạch, thân thể này chỉ là đồ đựng, được trang hoàng lộng lẫy bởi các thứ phiền não mà thôi.

Thân thể này hết sức xấu xa, là nơi tích tụ các bệnh quái ác, nếu có tiếp xúc, va chạm, sẽ nảy sinh rất nhiều khổ não.

Tâm ý của ông không nhận ra những điểm này, quả thật là người không đủ trí huệ, ông cần phải bỏ đi những ý nghĩ đê hèn này.

Như Lai từng nói bài kệ tụng, ông cần phải ghi nhớ trong lòng, không được quên mất: Khi có oán hận, khổ não, người nào có thể ràng buộc, chế ngự, kiểm soát được nó thì chính là kiểm soát

được bản thân mình, giống như dùng dây cương buộc quanh đầu ngựa, điều khiển, chế ngự ngựa dữ chưa được điều phục.

Nếu ai có thể kiềm chế, kiểm soát được tâm hành của mình thì mới đáng được gọi là người giỏi chế ngự, nếu không có cách kiểm soát ràng buộc, thì gọi là phóng dật.

Tại gia giống như bị trói buộc trong lao ngục, xuất gia thì được giải thoát khỏi trói buộc, ông đã được thoát khỏi sự ràng buộc của gia đình, tại sao lại muốn khoác thêm gông xiềng, trói buộc trong lao ngục?

Sân hận là giặc cướp của tâm, dù thế nào, thì ông cũng không được thuận theo sân hận, để cho sân hận điều khiển.

Bởi thế, đức Phật thường tán thán người học rộng nghe nhiều. Đức Phật là vị Đạo sư được bậc Thánh tôn quý nhất, ông cần phải vâng theo lời dạy bảo Ngài. Bây giờ, ông nên nhớ nghĩ đến lợi ích của việc được học rộng nghe nhiều chánh

pháp, không nên đuổi theo sân hận nữa.

Đức Phật từng khai thị giáo pháp điều phục tự tâm cho tôn giả Phú-lâu-na, cho dù có người dùng cưa cắt lia thân thể, chân tay, cũng không nổi lên sân hận; ông cần phải thường tư duy, nghe nhiều pháp như vậy.

Cũng nên nhớ lại tôn giả Xá-lợi-phất đã nói ra năm pháp không nào hại:

1. Nếu có người thân không hành thanh tịnh, nhưng miệng lại nói lời thanh tịnh, thì chúng ta không nên học theo thân không hành thanh tịnh của người này, mà học theo người này nên nói lời thanh tịnh.

2. Nếu có người miệng không nói lời thanh tịnh, nhưng thân lại làm những việc thanh tịnh thì chúng ta không nên học người này miệng không nói lời thanh tịnh, mà nên học người này thân làm việc thanh tịnh.

3. Nếu có người thân không làm việc thanh tịnh, miệng cũng không nói lời thanh tịnh, mà tâm



có chút hành thanh tịnh, thì chúng ta không nên học người này thân không làm việc thanh tịnh, miệng không nói lời thanh tịnh, mà chỉ nên học người này tâm có chút thực hành thanh tịnh là tốt rồi.

4. Nếu có người thân miệng ý đều không thực hành thanh tịnh, thì chúng ta nên sinh khởi tâm thương xót, đừng khởi niệm mong rằng người này vì thân miệng ý không hành thanh tịnh mà đọa trong ba ác đạo; cần phải suy nghĩ: “Nếu người này gặp được thiện tri thức khuyên bảo chỉ dạy, xả bỏ hành động không thanh tịnh của tam nghiệp, tu tập thực hành pháp thanh tịnh của thân miệng ý, thì khi chết liền được sanh về cõi lành của trời người”.

5. Nếu có người thân miệng ý đều hành thanh tịnh, thì chúng ta nên tùy hỷ tán thán, không nên khởi tâm tật đố mà tự sinh ra ưu não.

Ông nên khéo quán sát tám pháp ở thế gian (lợi lộc, suy tôn, hủy báng, khen ngợi, tán thưởng,

châm biếm, khổ bức, sung sướng). Ông nên cố gắng suy xét lỗi lầm do sân hận gây nên.

Ông nên quán sát tướng mạo đặc trưng của xuất gia, tự kiểm điểm lại bản thân xem mình đã phù hợp hay chưa phù hợp với tướng xuất gia.

Chánh pháp của từ-kheo là cầu xin thức ăn nơi người khác để duy trì sự sống; sao có thể thọ nhận sự cúng dường của tín chúng, mà lại còn sinh tâm sân hận nặng nề như vậy?

Thức ăn người khác cúng dường đã ăn vào trong bụng của mình, làm sao có thể khởi tâm sân hận? Vì sao chỉ bị người tại gia đánh mà ông đã tổn thất đạo tâm của mình như thế?

Nếu ông muốn thực hành chánh pháp, thì không nên khởi tâm sân hận; người có thực hành Phật pháp, thì nên lấy thân làm mẫu mực, với mục đích làm gương tốt cho đại chúng, nếu sinh khởi tâm sân hận là việc không nên làm. Bởi vì sân hận, phần nộ chẳng những nã hại tự tâm mà miệng còn thốt ra lời ác, bị người trí cơ hiềm trách mắng,

ông không nên có những hành vi như thế.

Những người xuất gia cần phải giữ gìn thân miệng ý thanh tịnh, tì-kheo cần nên điều phục, hòa thuận, tu nhẫn nhục, không khởi tâm sân hận.

Kiên định trì giữ giới luật thanh tịnh, nói lời chân thật, quyết không nói dối, cần nên cố gắng tu học nhẫn nhục, không nên sinh khởi tâm sân hận.

Người xuất gia không nên nói lời ác, mà nên mặc áo nhẫn nhục nhu hòa.

Người xuất gia không nên khởi tâm sân hận rồi thốt ra lời thô bạo, nếu như thế, thì khác nào vị tiên tuy đang ngồi thiền, nhưng lại rút thanh gươm ra ôm vào trong ngực.

Bình bát, y phục... của tì-kheo, tất cả đều khác với người thế tục, nếu còn khởi tâm sân hận, phẫn nộ giống như kẻ thế tục, thì thật không nên.

Nếu người xuất gia mà còn phát ngôn ra lời thô tục giống như người tại gia, thế thì sao có thể được gọi là tì-kheo?

Tì-kheo cạo bỏ râu tóc, tháo gỡ những thứ

trang sức đẹp, tự hạ thấp mình, xin người cho phẩm thực; sao có thể bên ngoài biểu hiện vẻ khiêm hạ nhún nhường, nhưng trong tâm lại không có pháp đoạn trừ ngạo mạn? Nếu muốn lìa ngạo mạn, thì nên trừ bỏ tâm niệm tà ác dơ bẩn, nhanh chóng tìm cầu giải thoát.

Sắc thân này phải dùng vào mục đích giống như mục đích của môn bắn cung, chỉ cần có mục đích và mũi tên thì có thể đạt được mục tiêu. Nếu như có sắc thân thì sẽ có các loại khổ não, ví bằng không cảm thấy được khổ báo trong tam giới của thân thì sẽ không có những khổ não này.

Giống như ở ngay nơi cổng thành có để một cái trống, có người từ nơi xa đến, rất mệt mỏi muốn được nghỉ ngơi, nhưng những ai muốn vào thành, trước tiên đều phải đánh trống thì cửa mới mở, thế nên, hết người này ra, lại có người kia vào, tiếng trống vẫn vang lên không dừng nghỉ, khiến cho người này không có cách nào ngủ được, do đó, anh bỗng nổi giận với những người đánh trống.

Sau khi tranh cãi với rất nhiều người, anh ta lại suy nghĩ: “Vấn đề là ở nơi cái trống này, không phải do lỗi của mọi người”, vì vậy, anh ta đập vỡ cái trống, từ đó, anh có thể yên ổn ngủ một giấc ngon.

Sắc thân của tì-kheo cũng giống như cái trống, vì muốn đạt được an vui cho nên xuất gia; không luận là ruồi, muỗi, gián, cho đến cỏ độc đều có thể đốt, cắn làm tổn thương người ấy. Vì vậy, tì-kheo phải luôn luôn siêng năng tinh tấn, khiến sắc thân này xa lìa sự trói buộc, không được đam mê, ở lâu dài trong tam giới.

Cần phải quán sát nguồn gốc của khổ, đó là năm uẩn, lục trần, lục giới hòa hợp bởi sắc thân này. Nếu như có thể giải thoát khỏi năm uẩn, lục trần, lục giới, thoát khỏi các khổ trói buộc thì mới có thể chứng được niết-bàn an vui”.

(Đây là câu chuyện rất dài, phần sau còn một đoạn nữa, muốn biết thêm cụ thể, xin mọi người vui lòng đợi lần sau, chúng tôi sẽ tiếp tục phân

- 184 - Phước Huệ tập 6

tích).

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiê, ngày 28.03.2015*

## 14. GÀN GỬI THẦY LÀNH BẠN TỐT CÓ THỂ DIỆT TRỪ ĐƯỢC CÁC PHIÊN NẢO (2)

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ tiếp đoạn sau của câu chuyện òi-kheo Sa-la-na. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 323-326.

Trước tiên, chúng ta tóm tắt sơ qua nội dung nửa đoạn đầu của câu chuyện.

Òi-kheo Sa-la-na vốn là thái tử, nhưng ông từ chối kế thừa ngôi vị, xin xuất gia theo tôn giả Ca-chiên-diên. Sau khi xuất gia, thầy tu hành trong một khu rừng thuộc lãnh thổ của vua Ba-thụ-đề. Một hôm, vua dẫn các cung nữ đi đến khu rừng này để dạo chơi, nhà vua mỗi một chợp mắt nghỉ ngơi một lúc. Sau khi thức dậy, phát hiện không thấy các cung nữ đâu, ông liền tìm

kiếm khắp nơi, rớt cuộc nhìn thấy các cung nữ của mình đang vây quanh một thầy òi-kheo, chăm chú lắng nghe thầy thuyết pháp. Vua Ba-thụ-đề bực tức, chất vấn òi-kheo Sa-la-na là đã chứng quả, hay đã đạt được mức thiền định nào chưa. Òi-kheo Sa-la-na trả lời rằng thầy chưa chứng đắc. Nghe vậy, vua Ba-thụ-đề vô cùng tức giận, liền sai người lột y phục của thầy, lấy gậy có gai ra sức đánh đập.

Òi-kheo Sa-la-na trong lòng rất oán hận, muốn hoàn tục trở về ngôi vua, để dẫn binh đến tiên đánh, trả thù vua Ba-thụ-đề. Nghe vậy, tôn giả Ca-chiên-diên ra sức khuyên bảo thầy:

- Thân thể của ông đã bị trận đòn hiểm mà tạo thành vết thương đau đớn, bây giờ, cho dù ông trả thù được, thì đối với những vết thương và sự khổ sở từ trận đánh tàn nhẫn mà ông đã nhận, lẽ nào nhờ vào sự trả thù của ông mà trở lại bình thường được sao? Phải biết, chúng ta có sanh già bệnh chết, đói khát nóng lạnh, thọ nhận sự đánh giết



của người khác, hoặc là vết thương do côn trùng cắn v.v., mọi sự thống khổ đó đều từ thân năm uẩn này sinh ra.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói một thí dụ:

- Giống như ở cạnh cổng thành có đặt một cái trống, có một người từ phương xa đến, rất mệt mỏi, muốn ngủ tạm bên thành. Nhưng những ai muốn ra vào cổng thành đều phải đánh trống mới đi qua được, nên người nào cũng phải đánh mấy hồi trống: “Tùng, tùng, tùng, tùng, tùng, tùng”. Như vậy, cứ hết người ra, lại có kẻ vào, nên tiếng trống kêu mãi không thôi, làm cho người này không tài nào ngủ được, anh ta trở nên cáu kỉnh, bực bội với những người đánh trống. Nhưng sau khi tranh cãi với nhiều người, anh ta chợt phát hiện nguồn gốc của vấn đề là ở cái trống, chứ không phải tại người đi đường qua lại, cho nên anh liền đứng dậy đập nát cái trống, từ đây, anh có thể yên ổn ngủ ngon. Cũng vậy, sắc thân của chúng ta chẳng khác nào cái trống lớn, chỉ cần có

trống, thì có người muốn đến đánh; cũng giống như mục tiêu, chỉ cần có mục tiêu, thì mũi tên sẽ bắn đến hướng đó; sắc thân này cũng thế, đã có thân, thì làm sao tránh được sự đánh đập, hành hạ, phi báng của kẻ khác, hoặc bị trùng muỗi đốt cắn? Do đó, tất cả nguồn gốc của khổ đau thật ra đều là do thân năm uẩn của chúng ta gây nên, đây mới là căn bản sinh ra các thứ khổ. Thân của chúng ta đã thọ khổ rồi, sao lại để cho tâm phát sinh phiền não, tự mình đã khổ, lại càng khổ hơn? Nếu ông muốn tránh khỏi bị đánh đập đau đớn, xa lìa sự sợ hãi chết chóc, thì phải diệt trừ tâm sân hận, phiền não..., không trở lại trong sanh tử luân hồi, mới là con đường giải thoát cứu cánh!

Nói xong, tôn giả lại bảo Sa-la-na:

- Bây giờ, ông phải xả bỏ tâm sân hận, phẫn nộ, não hại! Nếu nghĩ muốn não hại người khác, trước hết, ông nên nghe tôi nói:

Tất cả chúng sanh trong thế gian đã khổ não lắm rồi, tại sao ông lại muốn làm não hại chúng

sanh? Hết thấy chúng sanh cuối cùng cũng đều trở về với cái chết, tôi với ông và cả vị vua kia, không bao lâu sau đều phải chết, bây giờ vì sao ông lại muốn giết chết đối phương? Tất cả chúng sanh, hễ có sanh thì đều có tử, đâu cần ông phải ra tay làm hại? Có sanh ắt có tử, đây là vấn đề không có gì phải nghi ngờ, cũng giống như mặt trời mọc rồi, ắt phải có lặn, đã có thân thể thì cuối cùng cũng phải chết, tại sao ông còn muốn làm hại vị vua kia? Nếu làm hại ông ấy, bản thân ông có an vui không? Ông đã phát tâm xuất gia thọ trì giới pháp, bây giờ lại muốn làm hại kẻ khác, sau này nhất định sẽ nhận ác báo rất nghiêm trọng, phải chịu vô lượng thống khổ; vị vua kia trước sau gì rồi cũng sẽ nhận lấy ác báo, ông ta tự làm tự chịu, ông còn muốn trả thù ông ấy làm gì? Hơn nữa, vị vua kia làm hại ông, khiến cho ông nổi tâm sân hận, do vì sân hận nên đời này ông tạo ra rất nhiều khổ đau cho mọi người, do ác nghiệp như vậy, đến đời sau, quả báo khổ đau mà ông phải nhận sẽ càng nhiều

gấp bội. Vì vậy, ông nay phải nên dẹp bỏ tâm sân hận, vì sao lại muốn làm hại vị vua kia? Nếu ông ở trong khoảng sát-na sanh khởi tâm sân hận, thì sẽ bị sự phẫn nộ bức não thân tâm. Nay tôi giải nói yếu nghĩa của Phật pháp cho ông nghe, ông phải chăm chú lắng nghe thí dụ này:

Làm cho người khác bị thương thì cũng giống như chính mình tự đốt tay của mình, người khác chưa bị hại thì tự mình đã bị khổ não đốt cháy trước.

Lòng sân hận phẫn nộ cũng giống như thế, muốn làm hại người khác thì chính mình sẽ bị hại và chịu đau khổ trước; thân thể giống như củi khô, lòng sân hận giống như ngọn lửa, người khác chưa bị thương vì bỏng, mà tự bản thân mình đã bị đốt cháy.

Khởi tâm sân hận muốn hại người khác, có thể thành công, cũng có thể thất bại; nhưng việc này chắc chắn sẽ làm tổn thương đến chính mình.

Khi đó, Sa-la-na yên lặng lắng nghe những lời

tôn giả Ca-chiên-diên dạy về yếu nghĩa của Phật pháp. Những bạn đồng phạm hạnh của thầy nhìn thấy như vậy đều rất vui mừng, họ bảo nhau:

- Sau khi Sa-la-na nghe Hòa thượng khai thị yếu nghĩa Phật pháp xong, thì sẽ không đòi hoàn tục nữa.

Thế nhưng, Sa-la-na vẫn không chịu nghe lời khuyên giải, thầy lớn tiếng nói rằng:

- Người vô tâm còn không thể chịu đựng được việc này, huống gì tôi là người có tâm, làm sao có thể chịu được?

Sa-la-na lại nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ánh chớp lóe sáng trong hư không, giống như một sợi roi vàng, hư không là vật vô tình mà còn phát ra tiếng sấm động, huống gì, nay tôi với thân phận là con vua, địa vị có thua gì vua ở nước kia đâu, làm sao có thể chịu đựng sự sỉ nhục của ông ta mà không trả thù được?”.

Sau khi nói xong đoạn kệ tụng này, Sa-la-na lại thưa với tôn giả Ca-chiên-diên:

- Hòa thượng nói đúng, nhưng tâm con bây giờ vững chắc như tảng đá, nước không thể lay chuyển được. Nhìn thấy toàn thân mình rách da chảy máu, con lại khởi tâm sân hận, bất mãn. Con không xin xỏ cái gì, không nhờ sự giúp đỡ vua Ba-thụ-đề, không phải là nô lệ của ông ta, không phải là người làm thuê của ông ta, càng không phải là nhân dân của ông ta. Con không phải là người trộm cướp, cũng không hãm hại ai, lại không có tâm tranh đấu, quấy nhiễu vua Ba-thụ-đề. Nói tóm lại, con có lỗi lầm sai trái gì đâu, mà ông ấy lại làm tổn thương con như thế này?

Ba-thụ-đề ở ngôi vua, ý mình có quyền lực, phú quý, còn con nay là kẻ tu hành bần cùng nghèo khổ, mỗi người có một tướng mạo và chí hướng không giống nhau, chẳng qua, con ngày ngày duy trì mạng sống bằng việc khát thực, ngồi một mình trong rừng cây vắng vẻ để tu hành, nhưng vua Ba-thụ-đề lại mặc tình làm tổn hại con.

Con sẽ làm cho ông ta cũng gặp phải đau khổ như con, làm cho ông ấy không dám phá hoại người tu hành. Con nhất định phải trả thù, làm cho ông ấy không thể ngủ yên!

Con là một người tốt, mà vua lại tùy tiện hãm hại, sỉ nhục. Hôm nay, con nhất định phải trả thù, làm cho ông ấy phải chịu đau khổ hơn con, khiến cho hạng người hung bạo, ngang ngược như ông ta không dám tiếp tục tùy ý làm tổn hại người khác nữa.

Nói xong những lời nói này, Sa-la-na liền quỳ gối trước mặt tôn giả Ca-chiên-diên, xin được xả giới. Lúc đó, những người bạn đồng học cùng thờ tôn giả Ca-chiên-diên làm thầy và cùng tu học phạm hạnh thanh tịnh với tì-kheo Sa-la-na đều khóc to thành tiếng:

- Vì sao hôm nay thầy lại từ bỏ Phật pháp?

Các bạn đồng học nắm tay Sa-la-na, có người thân thiết ôm chặt thầy; cũng có người nắm vóc sát đất, đánh lễ Sa-la-na, nói với thầy:

- Dù sao thầy cũng phải thận trọng, dè dặt giữ gìn, không nên từ bỏ Phật pháp!

Rồi vị này nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Vì sao thầy một mình đơn độc xa lìa đại chúng, muốn thoát đạo tâm, xả bỏ những giới pháp đức Phật chế ra?

Vì sao lại khởi ác tâm nói: ‘Đức Thế Tôn không phải là đạo sư của tôi’? Sau khi xả giới về nhà, nếu có tì-kheo đến nhà thầy xin ăn, thầy không cảm thấy xấu hổ sao?

Lần đầu tiên, khi thọ giới, thầy đã từng tự mình lập lời nguyện, cho đến khi kết thúc thọ mạng này, sẽ luôn trì giữ giới tì-kheo. Tại sao thầy nói mà không làm, lại muốn xả bỏ giới hạnh thanh tịnh?

Thầy mặc ca-sa, cầm bát đi khát thực nuôi dưỡng sự sống đã lâu lắm rồi. Tại sao hôm nay lại muốn cởi áo giáp, cầm dao gậy đi đánh nhau?

Cây roi của vua Ba-thụ-đề hủy hoại sắc thân của thầy, thầy liền muốn xả bỏ pháp sa-môn. Tại



sao thầy không nghĩ kỹ đến việc quá khứ, đức Thế Tôn là vị tiên nhân, đã từng trải qua tu hạnh nhẫn nhục khi bị vua Ca-lợi cắt đứt tay chân? Lẽ nào chỉ có vị tiên nhân nhẫn nhục mới là sa-môn xuất gia, còn thầy không phải là sa-môn xuất gia hay sao? Chẳng lẽ chỉ có vị tiên nhân mới biết tu hạnh nhẫn nhục, còn thầy không biết tu pháp nhẫn nhục hay sao?”.

Tôn giả Ca-chiên-diên thấy Sa-la-na vẫn không lay chuyển, ngài nói với mọi người:

- Tâm ý của ông ấy đã định, thôi thì các thầy nên rời khỏi đây, tôi sẽ giải quyết việc này.

Sau khi đợi các tì-kheo đi khỏi, tôn giả Ca-chiên-diên liền lấy tay xoa đầu Sa-la-na và nói:

- Con thật sự muốn về sao?

Sa-la-na trả lời:

- Hòa Thượng! Con nay nhất định phải về.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Tối nay, con tạm thời ngủ ở đây, ngày mai

liền có thể đi về, không nên xả giới vội.

Sa-la-na trả lời:

- Dạ! Hôm nay là lần cuối cùng con nghe lời Hòa thượng dạy, tối nay con xin nghỉ lại bên cạnh ngài, đợi ngày mai sau khi xả giới xong, con sẽ trở về, lấy lại ngôi vua, sau đó chống cự lại với vua Ba-thụ-đề.

Tối đó, Sa-la-na trải cỏ làm nệm lót ngủ ở bên chân ân sư lần cuối, trước khi xả giới hoàn tục. Tôn giả Ca-chiên-diên vận dụng thần thông, đưa Sa-la-na chìm vào giấc mộng.

Sa-la-na thấy mình đã hoàn tục, về đến quốc gia của mình, lên ngôi vua và tập hợp đội quân hùng hậu, rầm rộ kéo đến khiêu chiến với vua Ba-thụ-đề. Khi đó, vua Ba-thụ-đề cũng kết tập kết quân đội nghênh chiến. Bất hạnh thay! Toàn bộ quân đội của Sa-la-na đều bị đánh bại. Quân địch lòng bắt được Sa-la-na, dẫn đến trước mặt vua Ba-thụ-đề. Vua nói:

- Đây là một người đại ác, hãy đem đi giết.

Lính hầu và hộ vệ của vua liền đeo vòng hoa Mạn-la-ti-la lên cổ của Sa-la-na. Bọn giết người ngênh ngang quát tháo, ra lệnh mọi người và hộ vệ cầm dao, gậy bao quanh bốn phía, dắt Sa-la-na đi về hướng phần mộ.

Trên đường đi đến mộ, Sa-la-na nhìn thấy tôn giả Ca-chiên-diên cầm y bát đang chuẩn bị vào thành khát thực, Sa-la-na không thể kìm lòng, bỗng rơi lệ khóc nức nở, hướng về tôn giả nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Vi con không nghe lời chỉ dạy của Sư trưởng, khởi tâm sân hận, làm nhiễm ô chính mình, bây giờ bị chém đầu để đền tội, con là người tội tệt làm hư hại Phật pháp.

Bây giờ con sắp phải chết rồi, rất nhiều kẻ cầm đao gậy vây quanh con, giống như con hươu bị nhốt trong chuồng, nay con cũng giống như thế.

Lát nữa đây, con sẽ không còn nhìn thấy cảnh thế gian Diêm-phù-đề nữa; trong khoảnh khắc cuối cùng này, con có thể nhìn thấy Hòa thượng,

tuy trong tâm con vẫn còn ác niệm, nhưng Sư trưởng vẫn từ bi bảo vệ cho con giống như bò mẹ bảo vệ bò con”.

Lúc đó, tên đao phủ cầm thanh đao lớn bén ngọt, nói với Sa-la-na:

- Đây là thanh đao dùng để chém ông, cho dù ông có Hòa thượng, cũng làm gì được nào?

Sa-la-na đau khổ cầu xin tôn giả Ca-chiên-diên. Ông khóc to và nói:

- Bây giờ con xin quy y Hòa thượng.

Ngay lúc đó, Sa-la-na bừng tỉnh giấc, vội vàng chạy đến bên tôn giả, đánh lễ thưa:

- Thỉnh cầu Hòa thượng rộng lòng tha thứ cho con, con vì ngu si đã không vâng theo lời dạy của ngài.

Sa-la-na lại nói:

- Trước kia, con quá ngu muội không biết gì, định xả bỏ giới pháp của đức Thế Tôn. Bây giờ, xin ngài cho phép con xuất gia, con không muốn trả thù, cũng không muốn làm vua nữa. Vì con

cảm nhận được con người ta sống ở đời, hưởng được mùi vị của hạnh phúc thì rất ít, mà khổ não, tai họa lại quá nhiều! Con đã hiểu được toàn bộ tội lỗi của oán hận rồi, bây giờ con chỉ muốn được học pháp giải thoát mà thôi. Do chí hướng của con không kiên định, nông nổi hời hợt đối với chúng sanh, không khéo quan sát, đã vậy mà lại không muốn nói chuyện với người có trí huệ, không tiếp nhận lời dạy bảo, khuyên nhủ của người khác, trở thành một người bị đại chúng khiển trách, quở mắng. Chỉ hy vọng Hòa thượng có thể độ cho con xuất gia thêm lần nữa. Con bây giờ rất ưu sầu khổ não, xin Hòa thượng từ bi thương xót mà tế độ cho con!

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Yên tâm đi! Ông vẫn chưa xả giới, ta chỉ dùng thần lực hiển bày một số cảnh trong mộng cho ông thấy mà thôi.

Lúc đó, Sa-la-na vẫn không thể tin. Tôn giả Ca-chiên-diên liền phóng ra ánh sáng từ cánh tay

phải, nói với Sa-la-na rằng:

- Ông vẫn chưa xả giới, không tin thì ông hãy nhìn vào dáng vẻ của chính mình.

Sa-la-na rất vui mừng:

- Tốt quá! Nhờ bậc thiện tri thức dùng phương tiện thiện xảo khuyên bảo, khiến cho con chưa thật sự phạm lỗi lầm, chỉ hiện ra cảnh trong mộng, dẫn dắt chỉ đường cho con. Đức Phật từng nói: “Thiện tri thức là bậc đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh”. Đây là câu nói chân thật không hư vọng. Ai có thể đắc quả giải thoát mà không cần nương tựa thiện tri thức? Chỉ người ngu si mới không nương tựa thiện tri thức, như thế làm sao có thể đạt được giải thoát?

Tôn giả Ca-chiên-diên từ bi cứu độ ti-kheo Sa-la-na thoát khỏi nạn, làm tiêu trừ độc hại sân hận của thầy đối với vua Ba-thụ-đề. Vì vậy, người có trí huệ cần phải thân cận thiện tri thức.

**Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:**

Nếu bị người khác mắng chửi, sỉ nhục, cần

phải học theo vị tiên nhân tu hạnh an nhẫn, không nên khởi tâm sân hận; nên khởi tâm từ bi, thương xót, thậm chí nhẫn nhục giống như vị tiên nhân, ngài phát nguyện tương lai khi thành Phật, sẽ hóa độ kẻ hãm hại mình trước nhất. Tất cả chúng sanh có sinh ắt phải có tử, tại sao bạn lại muốn ra tay làm tổn thương họ? Nếu khởi tâm sân hận muốn báo thù, làm cho người bị thương thì cũng giống như chính mình tự đốt tay mình vậy. Bạn có thể hại được họ, cũng có thể không, nhưng điều chắc chắn là chính bản thân sẽ bị thương tổn trước; không chỉ tạo thành đau khổ lớn ngay trong hiện đời, mà đời sau còn phải chịu những khổ báo lớn hơn.

Chủ yếu của việc tu hành là ở chỗ ‘hộ tâm’, chứ không phải ‘hộ thân’. Thân thể của chúng ta chứa đầy những thứ bất tịnh, chỉ là đồ chứa đựng đầy phiền não mà thôi, cho dù chúng ta giữ gìn thân thể kỹ lưỡng thế nào đi nữa, vẫn không tránh khỏi già yếu, bệnh tật và chết chóc. Giống như cái

trống, chỉ cần có trống, thì sẽ có người muốn đánh, cũng vậy, chỉ cần có sắc thân, thì không tránh khỏi sự đánh đập, phỉ báng của người khác, cũng như tất yếu phải đón nhận sự khổ của sanh già bệnh chết... Thật ra, tất cả nguồn gốc của khổ đau là do thân năm uẩn của chúng ta gây ra. Nếu muốn thoát khỏi thống khổ sanh già bệnh chết và sự đánh đập, phỉ báng của người khác, chúng ta cần phải diệt trừ tâm sân hận phiền não. Được vậy thì không còn trở lại trong sanh tử luân hồi, đây mới là con đường giải thoát cứu cánh!

Trên thế gian này, kẻ thù lớn nhất không phải là người khác, mà là tâm phiền não sân giận của chính mình.

Kẻ thù ở thế gian chỉ có thể phỉ báng, sỉ nhục, áp bức, đánh đập, giết hại, nhiều nhất cũng chỉ làm thương tổn sắc thân như bản hôi thối này, chứ không làm tổn thương pháp thân của chúng ta được; nhưng nếu để giận phiền não nổi lên, sinh khởi tâm muốn báo thù thì sẽ tổn hại pháp thân



thanh tịnh lương thiện của chính mình.

Vả lại, kẻ thù ở thế gian, nhiều nhất chỉ tổn thương một đời này của chúng ta thôi; nhưng nếu chúng ta khởi oán thù phiền não, thì sẽ giết hại vô lượng kiếp của chúng ta, khiến cho chính mình đời đời kiếp kiếp đều ở trong biển khổ luân hồi.

Câu chuyện còn nhắc đến sự quan trọng của thiện tri thức. Như trong *kinh Tăng nhất a-hàm* có nói: Thiện tri thức là bậc đầy đủ phạm hạnh. Đây không phải nói người đầy đủ phạm hạnh mới có thể làm bậc thiện tri thức của chúng ta, mà ý muốn nói, ai thân cận gần gũi bậc thiện tri thức, sẽ được dẫn dắt đi đúng theo con đường chánh, làm cho chúng ta phát khởi tín tâm, học rộng biết nhiều, chánh niệm, bố thí, trí huệ, v.v., đều có thể tăng trưởng; theo ý nghĩa này mà nói, thiện tri thức là người đầy đủ phạm hạnh.

Bản thân của đức Thế Tôn cũng nhờ sự dẫn dắt của thiện tri thức mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi thành Phật, Ngài

hóa độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh thoát ly biển khổ sanh tử. Do đó, đức Thích Tôn cũng là thiện tri thức. Nếu như lúc xưa, đức Thích Tôn không gần gũi thiện tri thức, thì cuối cùng đâu thể được Phật Nhiên Đăng thọ ký.

Hy vọng mọi người đều có thể thân cận thiện tri thức, nghe chánh pháp, như lý mà tư duy, nương theo pháp mà hành trì.

Qua câu chuyện này, mong mọi người cùng cố gắng tu tập.

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 11.04.2015***

## 15. VÍ DỤ VỀ BỐN NGƯỜI VỢ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với mọi người một mẩu truyện trong kinh Phật, câu chuyện này được trích từ *kinh Tạp A-hàm*, thuộc Đại Chánh tạng quyển 2, trang 495-496.

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn của ông Cấp-cô-độc, cây của thái tử Kì-đà, nước Xá-vệ, Ngài bảo các vị tì-kheo:

- Này các tì-kheo! Chú ý lắng nghe.

Các vị tì-kheo trả lời:

- Chúng con xin vâng theo lời dạy bảo của đức Thế Tôn.

Đức Phật nói:

- Này các tì-kheo! Con người có bốn loại nhân duyên, tham ái có nhẹ có nặng, có cạn có sâu, một khi có tham ái thì nó sẽ thừa dịp làm cho chúng ta rời xa đạo giải thoát.

Này các ti-kheo! Ví dụ như một người đàn ông có bốn người vợ, trong đó, người vợ thứ nhất được ông rất xem trọng, cung chiều hết mực. Bất luận đi, đứng, ngồi, nằm đều không rời xa ông; thậm chí, có nhu cầu tắm rửa thì liền đáp ứng, hoặc có đồ trang sức đẹp, đồ ăn thức uống ngon ngọt, năm loại ngũ dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, ông đều cho người vợ lớn dùng trước; không luận là thời tiết lạnh lẽo hoặc nóng bức, thậm chí đói khát, việc lớn việc nhỏ gì cũng đều thuận theo và luôn động viên quan tâm nhau. Mọi việc đều tùy thuận vào tâm ý của bà vợ lớn, cho nên từ trước đến nay chưa hề có cuộc tranh cãi nào.

Người vợ thứ hai thì trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, thường ở một bên, bầu bạn với ông ta, có việc gì ông cũng đều tâm sự với bà. Hễ ở cạnh người vợ thứ hai thì ông rất vui vẻ, nên một khi bà đi vắng thì ông cảm thấy rất ưu sầu, có khi vì ưu sầu mà dẫn đến già yếu, sinh bệnh; có khi vì bà mà phát sinh ra đủ các thứ tranh luận.

Người vợ thứ ba thì thỉnh thoảng cũng có lúc gặp gỡ, hai bên thăm hỏi sức khỏe nhau, chia sẻ những việc đắng cay ngọt bùi, thế nhưng, gặp lúc nghèo khổ thì có khi đôi bên cảm thấy chán nản, phiền hà, thành ra oán ghét nhau, nhưng hễ xa nhau một thời gian thì lại bắt đầu nhớ nghĩ đến nhau.

Còn người vợ thứ tư thì mặc cho người chồng sai khiến, cả ngày bận rộn đủ các loại việc trong nhà, việc khó đến thế nào, bà cũng tìm cách xử lý, nhưng người chồng này đối với người vợ thứ tư lại khước từ, không quan tâm, không nói chuyện với bà ấy, đã chẳng quan tâm bảo vệ, cũng chẳng giúp đỡ lo lắng gì.

Một ngày nọ, người đàn ông biết mình sắp chết, ông hỏi từng người vợ, xem ai đồng ý theo ông mà rời xa nhân thế. Ông hỏi người vợ thứ nhất:

- Bà sẽ cùng tôi qua bên kia thế giới chứ?

Bà vợ thứ nhất đáp:

- Không! Tôi chưa muốn chết, tôi không thể đi với ông được!

Người chồng hết sức thất vọng:

- Tôi yêu thương bà hết mực, ai cũng không sánh bằng, bất luận là nhiều hay ít, việc lớn nhỏ gì tôi cũng tùy thuận theo ý của bà; cung cấp những thứ cần dùng trong sinh hoạt, yêu thương che chở, bảo vệ bà mọi lúc để cho bà được hài lòng, tại sao bà không đi cùng với tôi?

Bà dứt khoát trả lời:

- Tuy ông rất yêu thương bảo vệ tôi, xem trọng tôi, nhưng xin lỗi! Tôi không thể đi cùng với ông.

Người đàn ông này đành ôm hận, quay sang hỏi người vợ thứ hai:

- Bà nên đi cùng với tôi qua bên kia thế giới!

Người vợ thứ hai trả lời:

- Ông rất mực yêu thương người vợ thứ nhất, mà bà ấy có đi chung với ông đâu? Sao tôi lại phải đi theo ông chứ? Tôi không đi!

Người chồng nài nỉ:

- Ngẫm lại thời gian trước đây tôi theo đuổi bà, gian nan vất vả biết bao, không thể dùng lời nào mà hình dung cho đủ, bất chấp thời tiết lạnh giá của mùa đông, oi bức của mùa hạ, chịu đựng những cơn đói khát, lũ lụt, hỏa hoạn, quan lại, trộm cướp; đủ thứ bức bách, phải tranh giành, cãi cọ, thật không dễ gì mới đến được với bà, tại sao bà không chịu đi cùng tôi?

Bà này đáp:

- Ông vì mưu đồ lợi ích cho chính mình nên mới theo đuổi tôi, nhưng tôi không cần ông làm như vậy, thì hà cớ gì ông lại đi kể khổ với tôi?

Người đàn ông này càng thêm ô m hận, quay sang bảo người vợ thứ ba:

- Bà đi cùng với tôi chứ?

Người vợ thứ ba trả lời:

- Tôi thọ nhận ân đức bố thí của ông, nên việc tôi có thể làm là tiễn đưa ông đến ngoài thành, chứ không thể đi cùng ông qua bên kia thế giới

được.

Người chồng càng cay đắng hơn, ông quay sang người vợ thứ tư, nói:

- Tôi sắp phải từ bỏ nơi này, bà sẽ đi cùng tôi chứ?

Người vợ thứ tư gật đầu:

- Tôi sau khi rời xa cha mẹ để về với ông, ông bảo thế nào, tôi nghe thế ấy, nguyện một lòng cùng ông đồng cam cộng khổ. Dù sống hay chết, tôi cũng sẽ đi cùng với ông!

Người đàn ông này không cách nào để ba người vợ kia không xem trọng bản thân họ mà tự nguyện đi theo ông ta, chỉ có người vợ thứ tư què mùa, cục mịch là chịu đi với ông qua bên kia thế giới mà thôi.

Đức Phật dạy:

- Từ mẫu truyện trên, người đàn ông đó được ví như là thân thức<sup>9</sup>; người vợ thứ nhất là thân thể,

---

<sup>9</sup> Còn gọi là căn bản thức.



thân thể này nhận được sự yêu quý che chở chăm sóc quan tâm cao nhất, chẳng ai sánh bằng, thế mà, một khi kết thúc sinh mệnh, thần thức chỉ có thể tùy theo ác nghiệp hay phước nghiệp mà thôi, thân thể rồi cũng cứng đờ nằm dưới đất, rốt cuộc là một nắm tro tàn, không cách nào đi theo ta được.

Đức Phật lại dạy:

- Nay các tì-kheo! Nếu không thể tùy thuận theo bốn loại chánh hạnh thì không thể nào đắc được giải thoát. Thế nào là bốn loại chánh hạnh? 1. Tri khổ, 2. Đoạn tập, 3. Chứng diệt, 4. Tu đạo<sup>10</sup>. Tu đạo cần đầy đủ tám chánh đạo<sup>11</sup> cần chân thành tu hành mới có thể thể chứng bốn thánh đế.

Người vợ thứ hai được ví như tài sản. Thông thường, con người ta có được tài sản thì rất vui mừng, còn khi không có thì liền ưu sầu, thế nhưng,

---

<sup>10</sup> Đó là bốn thánh đế: Tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo.

<sup>11</sup> Tức là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

một khi mạng chung, tiền bạc châu báu đều phải để lại nhân gian, nó chẳng thể nào đi theo ta được, càng nhớ nghĩ đến nó thì càng đau khổ mà thôi.

Người vợ thứ ba thì đại biểu cho năm loại người thân: Cha, mẹ, vợ, con, anh em, cho đến bạn bè và những người ăn kẻ ở. Thời gian còn chung sống với nhau thì rất thân thiết, nhớ nghĩ về nhau. Thế mà một khi sinh mạng này kết thúc, họ chẳng qua là khóc sụt mướt để tiễn đưa ta đến nơi an táng, xong việc thì tự ai về nhà nấy như không có chuyện gì, có buồn thương tưởng nhớ cũng không quá mười ngày, rồi họ lại tụ tập ăn uống tiệc tùng, quên đi người đã chết.

Người vợ thứ tư thì đại biểu cho tâm niệm. Thế giới ngày nay rất ít người có sự quý trọng, canh giữ tâm niệm của mình, phần đông người ta đều buông thả tâm niệm, phát sanh tham dục, sân oán, không tin chánh đạo. Sau khi thân này chết đi thì sẽ đọa lạc vào ác đạo, có người đọa vào địa ngục, có người thì chuyên sanh làm súc sanh hoặc

ngạ quỷ. Đây đều là do con người buông thả tâm niệm mà phải lãnh chịu hậu quả như vậy.

Này các tì-kheo! Người tu đạo, tâm niệm cần phải ngay thẳng, phải loại bỏ tâm ngu si, không làm những việc ngu si, đừng các ác niệm, không tạo tác ác hạnh; không tạo tác ác hạnh thì sẽ không chiêu cảm họa hoạn, không phải lãnh thọ họa hoạn thì không bị thác sanh trong ba cõi, không đầu thai trong ba cõi thì không già, không già sẽ không bệnh, không bệnh sẽ không chết, không chết mới đắc đạo niết-bàn vô vi.

Sau khi nghe đức Phật khai thị, các tì-kheo đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

Ví dụ này của đức Phật rất thiện xảo, rất sâu sắc, khiến cho chúng ta lãnh hội rất nhiều.

Tại sao nói người vợ lớn rất được sủng ái? Người vợ này là ví dụ cho thân thể chúng ta. Chúng ta cho nó ăn ngon, mặc đẹp, còn giúp cho nó tắm rửa, xoa bóp... đối với thân thể này quan tâm đủ kiểu, nhưng con người sau khi đã chết rồi,

thân này chỉ còn là một vật cứng đơ, nằm trên mặt đất, thậm chí còn trương sinh, phát ra mùi hôi thối. Nó có thể đi cùng với chúng ta được hay không? Tất nhiên là không thể rồi!

Tại sao nói người đàn ông này lúc theo đuổi người vợ thứ hai, gian khổ trăm cay nghìn đắng mới đạt được? Người vợ thứ hai này ví dụ cho tiền tài. Vì theo đuổi tiền tài, chúng ta phải chịu đựng thời tiết khắc nghiệt, có khi cực lạnh, có khi cực nóng; thậm chí có lúc vì để đạt được nó mà đối với bạn bè đối bạn thành thù, hơn nữa, tài sản luôn bị thiên tai rình rập như hỏa hoạn, lũ lụt, trộm cướp,... bức bách, không dễ dàng gì để đạt được nó. Một khi đã đạt được rồi thì cảm giác rất vui mừng, mà hễ mất đi thì hết sức ưu sầu, buồn khổ. Phải vất vả ngược xuôi mới có được chút của cải, thế mà một khi mạng chung, đành phải để lại hết cho thế gian, tùy ý người khác sử dụng, ta không cách nào mang theo được. Tại sao nói rằng, người này thường thủ thủ tâm sự cùng người vợ

thứ hai? Vì người đời hễ mở miệng ra là “tiền, tiền, tiền”, mà rớt cuộc thì nó có theo ta đến bên kia thế giới được đâu!

Tại sao nói thường cùng người vợ thứ ba hỏi han ân cần, lại có khi buồn vui ly hợp? Người vợ thứ ba này ví như bạn bè, hay những người thân thích của chúng ta, thỉnh thoảng tụ họp cùng nhau rất vui vẻ. Thế nhưng, gặp mặt nhau mãi lại sanh ra cảm giác phiền chán, nhưng cách một thời gian lâu không gặp thì lại bắt đầu nhớ nghĩ đến nhau. Một khi chúng ta mạng chung, thân bằng quyến thuộc cũng chỉ có thể tiễn đưa chúng ta đến bên huyệt mộ. Sau khi lo xong việc an táng rồi thì mỗi người ai cũng tự về nhà nấy, ai có thể đi cùng với bạn? Một thời gian sau, mọi người lại cùng nhau tụ tập ăn uống vui chơi, quên đi người đã chết, một chút thương nhớ cũng không còn. Nếu khi còn sống, bạn không làm được lợi ích chân chính cho mọi người, thì còn ai nhớ đến bạn?

Người vợ thứ tư với dáng vẻ thô kệch, què

mùa là ai? Đó là thí dụ cho tâm niệm của chúng ta. Nó cả ngày bận bịu hết chuyện này tới chuyện kia, nhưng chúng ta dành rất ít thời gian để quan tâm lo lắng cho nó, không biết quý trọng nó.

Tại sao nói nó thô kệch? Vì tâm niệm của chúng ta chất chứa đầy tham, sân, si, mạn, nghi, như bản không thể nào chịu được. Tuy tâm của chúng ta thô lậu nhưng nó lại rất trung thành với chúng ta, thậm chí sau khi chết, còn thân thiết đi theo, vì các thứ ác nghiệp mà ta đã tạo, luôn đi theo chúng ta như bóng theo hình.

Chúng ta cần phản tỉnh một chút: Phải chăng chúng ta đã quá xem trọng thân thể, tiền tài của mình? Có lúc chúng ta không chú ý đến những người thân, thiếu sự quan tâm bạn bè? Còn đối với tâm niệm của bản thân, chúng ta đã chăm sóc, quan tâm đúng mức hay chưa? Nếu chúng ta biết chăm sóc tốt cho những ý niệm của mình, khiến cho nó biến thành một nơi rất tinh khiết; những thiện nghiệp, phước đức, trí huệ đã được tạo tác sẽ

luôn đi theo chúng ta. Trái lại, nếu chúng ta tùy tiện buông lung tâm niệm thì nó sẽ biến thành tâm niệm xấu, khi mạng chung, ác nghiệp đã tạo sẽ đồng hành cùng ta như bóng với hình.

Bình thường, chúng ta không những đối với người thân, với thầy, hay bạn, cần nên quan tâm, mà còn phải dùng tâm từ bi đối đãi với tất cả chúng sanh; cho đến tiền tài, cũng không phải không cần, mà chúng ta nên đem tiền tài thế tục để chuyển hóa thành pháp tài công đức. Và thân thể, chúng ta không nên lợi dụng nó để ăn uống, chơi đùa, vui mừng, làm xằng làm bậy, mà phải lợi dụng sắc thân này để bồi công lập đức, làm nhiều điều lợi ích cho chúng sanh.

Hy vọng mọi người đừng quên dụng công tu hành, phải thường chăm sóc tự tâm, luôn luôn giữ gìn chánh niệm, chánh tri.

Mọi người chúng ta cùng nhau nỗ lực cố gắng!

- 218 - Phước Huệ tập 6

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 22.12.2014***



## **16. NẪM TRÊN CHÔNG GAI CHỈ KHỔ MỘT ĐỜI, BỊ GAI NHỌN CỦA THAM SÂN ĐÂM KHỔ VÔ LƯỢNG KIẾP**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 265-266.

Một người tin theo tà đạo, họ phải chuốc lấy đủ các loại khổ não, tai ương; chỉ có người tu hành chánh đạo, mới làm cho tín tâm ngày càng tăng trưởng và tiếng tăm ngày một vang xa; chính vì thế, người có trí huệ phải biết quán sát, phân biệt rõ ràng đâu là tà đạo, đâu là chánh đạo.

Câu chuyện kể rằng: Có một người ở ven đường tu khổ hạnh, hễ thấy có người đi ngang qua, ông ta liền nằm trên chông gai; khi không thấy ai,

lập tức đứng lên đi đến nơi khác.

Có người thấy như thế, nói với người tu khổ hạnh:

- Ông có thể nằm mãi trên chông gai, đâu cần phải vội vàng đứng dậy, xong lại nằm xuống? Ông cứ nằm xuống rồi đứng lên mãi như thế, thân thể của ông sẽ bị tổn thương rất nặng!

Người tu khổ hạnh nghe xong, then quá hóa giận, ông ta nhẫn tâm hơn nhún người thật mạnh trên chông gai, cú sau nhảy cao hơn cú trước, thân thể của ông đương nhiên phải chịu đau đớn một cách dữ dội.

Lúc bấy giờ, người tu khổ hạnh nhìn thấy có một vị cư sĩ đang đứng bên cạnh, nên ông càng làm cho chông gai lắc qua lắc lại khủng khiếp hơn, tàn hại thân thể của mình.

Vị cư sĩ nói với ông:

- Trước kia, vết thương của ông chẳng qua chỉ bị mũi nhọn nhỏ của chông gai chích vào mà thôi, nhưng bây giờ, ông lại dùng mũi nhọn của

ngu si và sân hận để tàn hại chính ông. Trước kia, cây gai chích vào chỉ làm ông bị tổn thương, trầy xước bên ngoài, còn bây giờ, mũi nhọn sắt bén của tham lam, sân hận đã đâm sâu vào bên trong. Nằm trên chông gai, chịu đau chỉ một đời mà thôi, còn như bị các thứ tham, sân tàn hại, sự nhức nhối đó tiếp nối đến vô lượng kiếp. Chông gai chỉ làm cho thân thể bị thương tích, vết thương đó rất dễ lành; thế nhưng, một khi đã bị mũi nhọn của tham sân tàn hại, trải qua vô số kiếp cũng không dễ xóa sạch được, ông cần phải cấp tốc nhổ bỏ cây gai độc bám sâu trong tâm của ông ra.

Sau đó, cư sĩ nói bài kệ, có nội dung như sau:

“Bây giờ ông nên cố gắng nhổ gai độc bám sâu trong tâm của ông ra, dùng mũi dao sắt bén của trí huệ chặt đứt những cây gai của tham lam, sân hận. Tham lam và sân hận một khi bám vào con người, thì đời đời khó mà nhổ chúng ra được.

Người ngu si có nhiều tà kiến, nên không thể hiểu chánh đạo của chân lý, nằm ở trên chông gai

để hành hạ thể xác, muốn dùng phương pháp khổ hạnh để kết thúc khổ đau.

Mọi người khi thấy ông nằm trên chông gai, không ai chẳng hoảng hốt muốn tránh xa; chỉ có ông mãi ôm chặt loại khổ hạnh này, không dám buông xuống.

Thấy tình trạng như thế, tôi mới hiểu ra sự khác nhau giữa chánh đạo và tà đạo; cho nên, lại một lần nữa trở về nương tựa đức Thế Tôn, đáng đầy đủ Thập lực!

Đức Phật dùng tâm từ bi cứu chúng sanh ra khỏi biển khổ, từng khai thị con đường đúng đắn của bậc giác ngộ, đối với những chúng sanh lầm lạc vào tà đạo, Ngài dùng con đường bát chánh dẫn họ đến giải thoát.

Ngoại đạo do tà kiến, bị khổ hạnh làm mê hoặc, vô cùng tín phụng khổ hạnh, cuối cùng bị sanh tử luân hồi không dứt.

Người có trí huệ khi nhìn thấy tình trạng như thế, đối với chánh pháp tín tâm càng kiên cố, vì

biết rõ ngoại đạo quá si mê, cho rằng trước phải chịu khổ, sau này mới được giải thoát.

Phương pháp đức Phật giáo hóa chúng sanh siêu việt thế gian, Ngài dạy: ‘Muốn tu lương được viên mãn, cần phải tu học bát chánh đạo, chỉ có con đường đạo mới đưa đến giải thoát’.

Từ đó có thể hiểu, thân tâm an lạc mới là giải thoát thật sự, không như ngoại đạo các ông, cho rằng phải chịu sự hành hạ đau đớn thì mới đắc niết-bàn.

Tất cả là do tâm, tâm điều khiển thân và khẩu tạo ra ác nghiệp hay thiện nghiệp; ông nên điều phục chính tâm niệm của ông, chứ tại sao ông lại đi hành hạ thể xác để làm gì? Thân thể chỉ chịu sự thúc giục của tâm phiền não, tùy tiện tu đủ thứ khổ hạnh.

Nếu khổ hạnh là phương pháp tu tập đúng đắn, như thế đến địa ngục chịu khổ, cũng là chánh đạo hay sao? Như chúng sinh ở trong địa ngục chịu đựng sự giết chóc, cắt xẻ thân thể, lợi trong phần

tiểu, bị thiêu đốt nóng bức... chịu đựng đủ kiểu đau đớn thảm thiết; họ cũng gánh chịu đủ các thứ khổ, sao không được gọi là tu khổ hạnh?

Khi dùng trí huệ để trừ bỏ ba loại ác nghiệp của thân, miệng và ý, thì các loại phiền não nhiễm ô mới có thể tiêu trừ!

Giáo pháp mà đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã khai thị, Ngài lại dạy chỉ quán (thiền định, trí huệ) để hướng dẫn loài người tìm cầu niết-bàn giải thoát, người nào biết huệ lấy trí huệ để trang nghiêm tự thân, tinh tấn tu tập không biếng nhác thì mới là khổ hạnh thật sự.

Tại sao ông lại hao phí sức lực làm mệt thân xác như thế? Khổ hạnh mà không có chút lợi ích nào, kết quả phải chịu quả khổ triền miên, không có ngày kết thúc.

Chẳng khác nào cha mẹ nuôi nấng đứa con bất hiếu, không bao giờ nhận được sự phụng dưỡng của nó, thậm chí, nó còn phạm đủ các tội, làm liên lụy đến cha mẹ cũng phải chịu nhiều thống khổ”.

Người tu ngoại đạo lại nói:

- Có nhiều vị tiên nhân, nhờ tu tập khổ hạnh, mà được sanh lên cõi trời.

Cư sĩ lại nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Những vị tiên nhân được sanh vào cõi trời, không phải nhờ nằm trên chông gai, mà do họ biết thực hành bố thí, trì giới, nói lời chân thật, nên mới được tái sanh vào cõi trời.

Còn ông cũng tu khổ hạnh, lại chẳng có chút lợi ích nào; chẳng khác nào người nông phu mùa xuân không chịu gieo hạt giống, đến khi mùa thu về, chắc chắn sẽ không có gì để thu hoạch.

Ông cũng như thế, nếu không chịu gieo trồng hạt giống của thiện căn, chỉ tập trung vào tu khổ hạnh, cuối cùng cũng chẳng có gì để thu hoạch.

Người muốn tu đạo, nên biết chăm sóc thân thể, phải ăn uống đầy đủ, trưởng dưỡng thọ mạng, thể lực phải khỏe mạnh, tinh thần phải sáng suốt, thì mới có thể tu học giới, định, huệ.

Vì không ăn nên đói khát không thể chịu đựng nổi, thân và tâm đều khổ sở, sẽ không thể chuyên tâm tu tập, thì làm sao có thể chứng Thánh quả?

Nếu thức ăn thịnh soạn, cũng không vì ngon mà tham đắm, chỉ vì việc tu tập trì giới, nói lời chân thật, bố thí, nhẫn nhục và thiền định, vun bồi những thiện căn này, trong tương lai sẽ gặt hái được thiện quả.

Tuy hành hạ thân thể phải chịu đói khát, nhưng trong lòng lại nghĩ nhớ đến món ăn ngon, như thế, trong quá trình tu tập đã gieo chủng tử không tốt, thì làm sao gặt hái được quả cho ngon ngọt được?

Nếu có tâm muốn làm tổn thương người khác, khiến người sinh tâm khủng khiếp, lo sợ; để từ bỏ tâm tàn hại này, phải vì chúng sanh hành vô úy thí, đây chính là thực hành chánh pháp; nếu còn sanh tâm tàn hại người, thì gọi là phi pháp.

Một người được ăn uống no nê, sẽ chẳng bao giờ có tâm niệm làm tổn thương người; vì không



có tâm niệm làm người thương tổn, cho nên không thể có hành động sát hại người; nếu sinh khởi được tâm đại từ bi, thì mới có thể thu hoạch được quả báo đại thiện.

Tuy ông chịu đựng sự đói khát, vì không đủ sức nên dẫn đến tinh thần bị uể oải, buồn ngủ, như thế đối với chính bản thân ông, hay đối với mọi người được lợi ích gì?”.

Ngoại đạo đáp:

- Nếu ông chỉ khởi tâm từ bi, không cho người khác lợi ích thiết thực, mà vẫn được quả báo lớn; như thế, tôi chịu đói, nên bị hôn trầm cũng vậy thôi, tuy không cho người lợi ích, nhưng vẫn được quả báo thiện.

Cư sĩ đáp:

- Tâm từ bi có công năng tiêu trừ sự tàn hại, do trừ bỏ được tâm sân hận, nên mới gặt hái được quả báo thiện. Còn ông tu khổ hạnh, mà tâm sân hận ngày càng lớn mạnh, thúc giục thân và khẩu tạo ác nghiệp, thì làm sao đạt được quả thiện?

Tâm từ bi sẽ không như thế, một khi tâm từ bi sinh khởi, thì có thể diệt trừ được sự độc hại của tâm sân hận; nhờ không còn sự độc hại của tâm sân hận, nên thân và khẩu mới có khả năng tu tập thiện nghiệp. Tu khổ hạnh không được lợi ích gì, thì làm sao có thể mang ra thảo luận với thiện nghiệp của tâm từ?

Như khi sư tử cất tiếng rống, thì không có một loài cầm thú nào dám đứng yên trước mặt của chúng; biện tài vô ngại của đức Như Lai Thế Tôn cũng vậy, tất cả các ngoại đạo không có ai dám đối đầu biện luận với đức Thế Tôn. Giáo pháp mà đức Phật nói ra đủ năng lực chiết phục ngoại đạo, hàng ngoại đạo chỉ biết im lặng lắng nghe, không có ngôn từ nào có thể hỏi đáp!

**Câu chuyện này kể rằng:** Có vị ngoại đạo tu khổ hạnh, lúc nhìn thấy có người thì nằm yên trên chông gai, đợi lúc không có ai liền vội vàng đứng lên nghỉ ngơi.

Tu khổ hạnh như ông ta, chỉ làm vẻ bên ngoài,

sự giả tạo đó đã bị cư sĩ thấy tường tận. Người ngoại đạo vì thế mà nổi giận, dùng hết sức nằm xuống thật mạnh, kết quả làm cho thân thể ông ta nhúc nhối hơn.

Người cư sĩ này rất có trí huệ, nói với ông ta rằng:

- Nằm ở trên chông gai, đây chỉ là một cây gai nhỏ; cây gai của sân hận mới là cây gai vừa lớn vừa sắc bén. Bị thương tích ở bên ngoài, chỉ là sự đau đớn của da thịt, vết thương sớm liền như cũ, sự đau đớn của thể xác lâu nhất chỉ một đời mà thôi; thế nhưng, sự tổn thương do tâm sân hận gây nên, vết thương sẽ in sâu trong tâm, muốn nhỏ chúng ra, dễ gì làm được! Sự đau đớn cũng không phải chỉ một đời có thể kết thúc, mà phải chịu đựng đến vô lượng kiếp.

Muốn được quả báo an vui, nên gieo hạt giống an lạc. Cái nhân của an lạc, không phải nhờ tu khổ hạnh. Muốn đạt kết quả lành, tất phải gieo hạt thiện. Hạt giống thiện là gì? Đó là bố thí, trì giới,

nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... Hành vi thân và khẩu của chúng ta, đều do tâm tạo tác, nếu chúng ta không cố gắng chuyển hóa từ nội tâm, lại chỉ biết đọa đày thân thể, thì dầu tu khổ hạnh cũng vô nghĩa, không thể nào đạt được giải thoát.

Nếu ông cho rằng tu khổ hạnh có thể được giải thoát, có thể chứng đạo quả, như thế, những chúng sanh chịu khổ trong địa ngục phải chịu không biết bao nhiêu là đắng cay, cũng phải được chứng đắc chứ? Vì họ chịu hành xác còn nhiều hơn ông mà! Họ lẽ ra phải đắc đạo mới phải chứ?

Chúng ta nên suy nghĩ lại xem, thường ngày chúng ta chung sống với nhau, khó tránh khỏi có những lời nói, hành động xúc phạm nhau, đây chỉ là một cây gai nhỏ; nếu tâm niệm nảy sinh ra sân hận, liền biến thành cây gai lớn rất bén nhọn đâm thẳng vào trong tâm.

Có lúc “ngôn giả vô tâm, thính giả hữu ý”, người nói không có ý ác, nhưng người nghe lại tự chuốc khổ, chẳng khác nào người cố ý nằm trên

chông gai, bị gai chi chít đâm vào thân. Chúng ta nên dùng trí huệ nhỏ bỏ gai tham, sân, không nên để chúng đâm sâu hơn, khiến cho chúng ta phải chịu sự hành hạ đến vô lượng kiếp.

Cầu nguyện cho mọi người có đủ trí huệ để nhỏ gai độc bám sâu ở trong tâm ra.

Chúng ta cùng nhau cố gắng!

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 17.01.2015***

## 17. PHƯỚC HUỆ SONG TU

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 289.

Muốn được hình tướng trang nghiêm, chẳng gì hơn tu thiện hạnh, cho nên, chúng ta cần phải siêng năng tu các thiện hạnh.

Câu chuyện kể rằng một hôm nọ, có một người nông phu rất thông minh và nhanh nhẹn, anh ta cùng những người bạn đi vào thành. Lúc ấy, họ gặp được một người, không chỉ tướng mạo đoan trang mà y phục mặc trên thân cũng rất trang nghiêm. Người này đeo các thứ chuỗi ngọc, xe ngựa cũng được trang trí đều vô cùng hoa lệ, đến cả đoàn tùy tùng theo hầu hạ cũng được trang điểm vô cùng đẹp mắt.

Người nông phu quay sang nói với bạn rằng:

- Không tốt! Không tốt!

Những người bạn nghe vậy cảm thấy thật kỳ lạ, liền hỏi anh ta:

- Đây là người danh tiếng, rất có đức hạnh, dung mạo lại đoan chánh, khiến ai nhìn thấy đều cảm tình và kính trọng, có điểm nào không tốt đâu?

Người nông phu đáp:

- Tôi tự nguyện chính mình không tốt, tôi đâu nói người kia không tốt. Vì trong quá khứ tôi không gieo trồng các công đức, cho nên khiến cho đời này phải sanh trong tầng lớp thấp hèn, không có danh vọng quyền thế, cũng không được người cung kính. Nếu như trong quá khứ tôi siêng năng vun bồi phước đức, thì làm sao tôi không hơn người kia được? Cho nên, bây giờ tôi phải nỗ lực tu các thiện nghiệp, sau này tôi nhất định sẽ vượt trội anh ta.

Rồi anh nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Người kia buông bỏ phóng dật, chuyên tâm tu học thiện pháp, cho nên hưởng được phước đức; còn tôi do tâm phóng dật, biếng nhác vun bồi nghiệp thiện, vì thế phải chịu nghèo cùng, hèn hạ, không có danh vọng cũng như quyền thế.

Giờ đây, tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn, hận mình, cho nên tôi tự trách mình không tốt.

Quan sát sự nghèo cùng thấp hèn của mình, tôi tự thấy thật xót thương, tất cả đều do phiền não lừa gạt, làm mê hoặc, bị phóng dật làm hư hoại.

Từ nay về sau, tôi phải tinh tấn tu học bố thí, trì giới, thiền định, đời sau nhất định phải được sanh vào giai cấp quyền quý, có quyền thuộc tốt đẹp, không những được tướng mạo đoan chánh, mà còn có danh vọng phước đức, tiền tài và người tùy tùng nhiều vô số, những gì mà tôi có được, sẽ không làm cho người ta ganh ghét, được người người đều tôn kính; nhất định sẽ không như đời này, hối hận cũng đã muộn rồi.

Tâm xấu xa là kẻ thù của tôi, chính nó đã lừa



gạt tôi, khiến cho tôi đi đến sự khốn khổ bần cùng như thế này; nay phải phát tâm ăn năn sám hối, tự trách mình, siêng năng thực hành các việc thiện thì mới được an vui.

Trong lúc tạo ác nghiệp, thiện nghiệp không thể sinh khởi; người hay điều phục được tâm niệm, tinh cần tu hành thiện pháp, thì luôn được sống trong vinh hoa an nhàn, không bị thiếu một thứ gì.

Người thế gian nói không sai, khoảng cách giữa quả báo thiện và ác thật sự có sai biệt; đức Phật dạy thực hành bát chánh đạo, có thể đưa ta đạt đến giải thoát niết-bàn. Nếu trong tâm chỉ biết tham luyến của cải, danh lợi, vinh hoa phú quý, truy tìm quả báo cho đời sau, nhưng cuối cùng nào thoát khỏi được nỗi khổ già yếu, bệnh tật. Tôi cần phải chuyên tâm tinh tấn, đạt đến nơi không còn sự sợ hãi. Nơi nào giúp chúng ta không còn lo sợ? Chính là khi chấm dứt sanh tử, xuất ly ra khỏi ba cõi, thì sẽ không còn gì khiến cho chúng ta phải khiếp sợ nữa.

Cũng như người họa sĩ lúc say mèm, anh ta đã vẽ lên nhiều hình tượng, đến khi tỉnh lại, nhìn lại những hình ảnh đã tự tay vẽ, chính anh ta còn cảm thấy không hài lòng, muốn xóa bỏ những hình ảnh xấu xí kia, để họa lên những bức tranh tuyệt đẹp.

Trong quá khứ, do tôi ngu si, tạo các nghiệp bất thiện, cho nên đời này phải chuốc lấy thân hình xấu xí; bây giờ nên từ bỏ các nghiệp ác, vun bồi quả báo thù thắng cho đời sau. Sau khi nhìn thấy quả báo ác, người có trí huệ cần hổ thẹn một cách sâu sắc, biết tự trách mình”.

**Câu chuyện này có nhiều điểm, đáng để chúng ta học hỏi:**

Người nông phu thông minh này, khi nhìn thấy người khác được tướng mạo đoan chánh, ăn mặc sang trọng, anh ta không hề sinh tâm đố kỵ, cũng không chỉ biết hâm mộ mà thôi, đặc biệt, anh ta biết trở về phản tỉnh chính mình: “Tại sao tôi lại xuất thân trong chốn bần cùng, hạ tiện, không được người cung kính? Có thể là do trong

quá khứ không làm việc lành, cũng có thể do đời trước tôi quá cao ngạo, xem thường người khác, cho nên giờ đây phải gánh chịu quả báo ti tiện. Tất cả nhân duyên này, là do trong quá khứ không biết gieo trồng tích lũy phước đức, không thể oán trách người khác”.

Anh ta thấu hiểu được, tâm ác độc chính là kẻ thù của mình. Kẻ thù của ta không phải là người khác, mà chính là tâm bất thiện. Khi ta khởi lên tâm niệm xấu, tâm kia mới là địch thủ của ta, chính nó là nguyên nhân đưa ta đến sự khốn đốn, ti tiện này. Một khi tạo ác nghiệp, tất cả thiện nghiệp đều không thể sinh khởi; chính vì thế, chúng ta cần phải làm chủ được tâm niệm thì mới có thể hành các việc thiện, những thiện hạnh đã làm mới được vững chắc, được tăng trưởng.

Anh nông phu này, ngay từ đầu đã muốn hành thiện tu tập phước đức, vì mong đời sau phước báo của mình được vượt trội người, phát nguyện như thế, ít nhiều cũng giúp tâm của anh trở nên tốt

hơn; hơn nữa, anh ta lại biết tư duy sâu xa hơn, biết rằng vinh hoa phú quý tuy được nhiều hơn, tướng mạo tuy trang nghiêm hơn, nhưng cuối cùng vẫn không thắng nổi sự tàn phá của vô thường, già yếu, mất mát, vẫn phải trở lại chịu luân hồi sanh tử trong tam giới; cần phải tiến thêm một bước, tu tập trí huệ thánh đạo thì mới đích thực đạt được giải thoát vĩnh viễn.

Quý vị có nhớ câu đối phía trước chánh điện của tinh xá Phước Nghiêm không?

Nội dung của câu trên: “*Phước đức dữ trí huệ tề tu thứ hồ trung đạo*”<sup>12</sup>, câu dưới là: “*Nghiêm minh cộng từ bi tương ứng khả vị chân thừa*”<sup>13</sup>. Đây là câu đối do Ngài Ấn Thuận chọn để khắc lên.

Câu “*Phước đức dữ trí huệ tề tu thứ hồ trung đạo*”: Ý muốn nói là: Ngoài việc tu tập phước đức như bố thí, trì giới ra, cần phải tu trí huệ; phước

---

<sup>12</sup> 「福德與智慧齊修庶乎中道」

<sup>13</sup> 「嚴明共慈悲相應可謂真乘」

đức và trí huệ phải tu ngang nhau, thì mới gần với trung đạo. Nếu chỉ biết tu phước mà không tu huệ, chẳng khác nào con voi được chuỗi ngọc; nếu chỉ tu huệ mà không tu phước, như vị a-la-hán đi khát thực trở về chỉ có bát không. Cho nên phước huệ cần phải song tu.

Còn câu “*Nghiêm minh cộng từ bi tương ưng khả vị chân thừa*”: Có nghĩa là cần phải dùng ánh sáng của trí huệ để diệt trừ vô minh phiền não; muốn có được trí huệ, cần phải nghiêm khắc, không được phóng dật, biếng nhác; thế nhưng, nghiêm khắc với tự thân là rất tốt, nhưng đối với chúng sanh không nên quá khắc khe, cho nên “nghiêm minh” và “từ bi ” cần phải tương xứng, nếu biết vận dụng từ bi và trí huệ song song với nhau, thì mới xứng đáng được tôn xưng là Đại thừa chân chính!

Hy vọng mọi người đều có thể phước huệ song tu, bi trí song song vận dụng.

Chúng ta cùng tinh tấn!

- 240 - Phước Huệ tập 6

***Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 14.03.2015***

## 18. NGƯỜI TRÍ SIÊNG NHIẾP TÂM, LÂM CHUNG KHÔNG TÁN LOẠN

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa các Phật tử!  
Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một truyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng quyển 4, trang 302.

Trong kinh có dạy rằng, nếu không tập trung được tâm ý, đến lúc mạng chung thật khó bảo đảm vãng sanh vào cõi lành.

Câu chuyện kể rằng, có một người hầu cận của vua Bà-tu tên là Đa-sí-na-ca, vị đại thần này từng được nhà vua tin cậy. Sau đó, do có người muỗn gây chia rẽ ly gián, nên gièm pha, vì thế ông bị tống vào ngục. Họ vì muỗn hãm hại Đa-sí-na-ca nên dựng lên nhiều tin đồn thất thiệt về ông, truyền đến tai nhà vua, quốc vương nghe

xong vô cùng phần nộ sai người đến giết ông.

Lúc ấy, những người thân quyến của Đa-sí-na-ca đến vây quanh ông, và nói:

- Ông là người rất thông minh, hiểu biết hơn người thường, thế nhưng giờ đây, tâm của ông tại sao lại nóng vội như thế? Bây giờ, đang cận kề cái chết, theo ông thứ gì là khổ nhất?

Na-ca đáp:

- Vì sợ hãi tử vong, nên cảm thấy thật khủng khiếp, vì thế trong tâm không thể an định được.

Tiếp theo, ông nói một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Trước kia, tôi vì ly biệt mẹ cha, người thân và quyến thuộc, luôn cảm thấy vô cùng đau đớn, buồn tủi, nghĩ rằng đây là sự khổ nhất của thế gian. Mãi cho đến hôm nay, khi chính mình đối đầu với cái khổ của chết chóc, mới hiểu ra cái khổ của ái biệt ly thật quá nhỏ bé.

Tôi suy nghĩ, phân tích trong các thứ khổ, thì tử vong vẫn chưa phải là cái khổ lớn nhất, cái khổ



vô bờ bến, là khi không biết chết rồi sẽ sanh về đâu, đây mới là nỗi khổ đích thực. Thân tâm của tôi bất an, sự nóng nảy bứt rứt này không gì có thể sánh bằng, giờ chết cận kề rồi, nhưng không biết sẽ đi về đâu?

Tự thân chưa lìa tham dục, thì có ai mà không sợ hãi, ai mà không hoảng hốt? Tâm ý tôi hoảng loạn, cảm thấy vô cùng khiếp sợ, chẳng khác nào người mù phải lặn lội đường dài, không biết sẽ đi về hướng nào? Bao nhiêu ý chí, nghị lực đều biến mất, chẳng khác nào đồng cát bị sụp đổ, không thể níu kéo được.

Thật đúng như đức Phật từng dạy, phương hướng của tâm, là do tâm niệm thúc đẩy, mà bây giờ tâm tôi điên đảo hỗn loạn, thì càng khó mà được thác sanh vào cõi thiện.

Nếu như tâm niệm được tự tại, sẽ tùy ý vãng sanh vào cõi lành; thế nhưng, tôi bây giờ tâm phiền ý loạn, hoàn toàn không thể làm chủ, không thể điều khiển tâm cho an trụ được.

Trước đây, tôi quả thật quá ngu si nông cạn, say sưa trong thú vui ngũ dục, không biết trở về quán sát nội tâm, không biết đưa tâm về an trú trong thiện pháp.

An trú trong rừng núi, ngồi thiền, nhiếp hộ an trú tâm, những việc làm thù thắng như thế, đến hôm nay tôi mới nghĩ đến, mới mong ước; nếu có thể nhiếp tâm an trú thì sẽ đạt được bảo tạng thiền định, đây là do nội tâm được an lạc, được vắng lặng.

Tôi vẫn còn nhớ ý nghĩa của ba bài kệ mà đức Phật Thích-ca-mâu-ni từng dạy:

Phóng dật, tạo tác ác hạnh, trái phạm giới luật, đây là việc người tu hành không nên làm.

Bỏ chánh hạnh đầy lợi ích, tham đắm cảnh giới đáng yêu; đợi đến lúc muốn tu thiện hạnh, thì bất tri bất giác, cái chết đột nhiên xuất hiện.

Cũng như xa lìa con đường bằng phẳng chánh trực, chạy theo ngõ hẹp nguy hiểm quanh co bất chánh, trục bánh xe bị gãy, xe lập tức dừng lại, chỉ

biết đứng yên buồn bã chờ đợi.

Đi ngược với chánh pháp chân thật, làm việc trái với quy luật, kẻ ngu si chẳng khác nào trục xe đã bị gãy, chỉ còn sa đọa vào cảnh giới âu sầu, ở đó đợi tử vong đến.

Tại sao lại nói như thế? Vì trước giờ không khéo rèn luyện quán tưởng về tử vong, đợi đến lúc lâm chung mới hoảng hốt muốn luyện tập thiền quán, do đó, không thể trừ bỏ được sự chấp trước ngũ dục, không biết sẽ sanh vào nơi nào, nên mới hồi hận, sợ hãi”.

Rồi ông ta nói tiếp một đoạn kệ, có nội dung như sau:

“Người có trí huệ cần phải giữ gìn chánh niệm, trừ bỏ sự tham đắm về năm thứ dục lạc. Nếu người biết tu tập tinh tấn, giữ gìn tâm niệm, thì đến lúc đối diện với cái chết, sẽ không cảm thấy hồi hận.

Tập trung được tâm ý thì ý nghĩ sẽ thanh tịnh, cho nên người có trí huệ luôn nỗ lực giữ gìn

chánh niệm, đến lúc lâm chung sẽ không bị tán loạn.

Nếu bình thường chỉ chuyên chú vào cảnh giới bên ngoài, không thực tập tâm cho chuyên nhất, thì lúc lâm chung tâm niệm chắc chắn sẽ bị loạn động.

Tâm niệm tán loạn cũng giống như huấn luyện ngựa, ngày thường, người chủ chỉ dạy cho nó đi vòng quanh cối để xay lúa, đến lúc ra trận, ngựa chỉ biết đi vòng qua vòng lại, không cách nào đi thẳng về phía của đối thủ.

Người không có khả năng quán sát tâm ý giới, không biết thâm nhiếp năm căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đến lúc kề cận với cái chết thì càng khó mà không chế được chúng, chẳng khác nào đem áo giáp sắt trong kho lâu ngày sinh rỉ sét, đợi đến lúc sắp đối đầu với kẻ địch mới xem tới thì áo giáp đã bị hư hoại thất lạc; người không biết làm chủ tâm ý, đến lúc lâm chung cũng chẳng khác gì.

**Câu chuyện này, có nhiều điểm đáng để**

**chúng ta học hỏi:**

Chúng ta có bảo đảm rằng đời này có thể được giải thoát chăng? Hoặc tin chắc rằng, sau khi mạng chung, sẽ vãng sanh vào cõi lành, hoặc được vãng sanh về quốc độ của chư Phật?

Câu chuyện này có đề cập đến, nếu phát tâm thuần chánh, thì giống như đi trên con đường lớn đầy ánh sáng; nếu còn tâm bất chánh, sẽ đi vào con đường nhỏ lại khúc khuỷu và nguy hiểm, trên con đường nguy hiểm ấy, trục xe lại bị gãy rơi ra, sẽ cảm thấy lo âu, sợ hãi.

Trong *Tứ phần luật tì-kheo giới bốn* có mấy ví dụ cũng tương tự như thế, tất cả có bốn ví dụ, những bài kệ này rất thâm thúy.

Thí dụ thứ nhất:

**Thí như nhân hủy túc,  
Bất kham hữu sở thiệp,  
Hủy giới diệt như thị,  
Bất đắc sanh thiên nhân.**

**Dục đắc sanh thiên thượng,  
Nhược sanh nhân gian giả,  
Thường đương hộ giới túc,  
Vật linh hữu hủy tổn.**

*Ví như người què chân,  
Không thể đi đâu được,  
Người phá giới cũng vậy,  
Không thể sanh trời người.  
Muốn được sanh lên trời,  
Hoặc được sanh cõi người,  
Thường phải giữ chân giới,  
Đừng để bị thương tổn.*

Ý muốn nói giữ giới thanh tịnh là nền tảng sinh ra các công đức, cũng như đôi chân của con người, một khi đôi chân bị thương, thì không thể bước đi được; giữ giới không thanh tịnh cũng như thế, sẽ không thể sanh lên cõi trời, cũng không thể được làm người. Nếu muốn đời sau được sanh lên cõi trời, hoặc thác sanh vào nhân gian để làm

người, cần phải bảo hộ giới thanh tịnh, gặp bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được hủy phạm.

Thí dụ thứ hai:

**Như ngựa nhập hiểm đạo,  
Thất hạt chiết trục ưu,  
Hủy giới diệt như thị,  
Tử thời hoài khủng cụ.**

*Như xe vào đường hiểm,  
Lo hư chốt, gãy trục,  
Phá giới cũng như vậy,  
Khi chết lòng sợ hãi.*

Cũng giống như cưỡi xe ngựa trên đoạn đường nguy hiểm, chốt giữ cho xe được cố định bị rơi mất, một khi xe bị hỏng, chắc chắn vô cùng lo lắng, khổ não (vì xe không còn chạy được nữa); hủy hoại giới hạnh cũng như thế, lúc lâm chung không tránh khỏi buồn rầu, sợ hãi

Thứ ba, thí dụ soi gương:

**Như nhân tự chiếu kính,  
Hảo xú sanh hân thích,  
Thuyết giới diệt như thị,  
Toàn hủy sanh ưu hỷ.**

*Như người tự soi kiếng,  
Đẹp, xấu sanh vui buồn,  
Thuyết giới cũng như vậy,  
Vẹn, hỏng sanh mừng lo.*

Cũng như lúc soi gương, thấy khuôn mặt của mình thật xinh xắn, trong lòng tràn đầy phấn khởi; nếu thấy vẻ mặt xấu xí, sẽ buồn bã chán nản; trì giới cũng như thế, nếu trì giới được thanh tịnh sẽ cảm thấy rất hoan hỷ, nếu hủy hoại giới hạnh sẽ cảm thấy rất sầu muộn.

Thứ tư, là thí dụ hai bên chiến đấu:

**Như lưỡng trận cộng chiến,  
Đông khiếp hữu tấn thoái,  
Thuyết giới diệt như thị,**



**Tịnh uế sanh an úy.**

*Như hai bên đánh nhau,  
Gan, nhất có tiến thoái,  
Thuyết giới cũng như vậy,  
Tịnh, nhiễm sanh vui, sợ.*

Lại như trong cuộc chiến của hai phe, bên nào mạnh thì thắng tiến, còn phe yếu sẽ rút lui. Việc trì giới cũng không khác, nếu giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, thì trong lòng cảm thấy an ổn; nếu hủy phạm giới hạnh, sẽ cảm thấy áy náy, sợ sệt, trong tâm luôn bất an.

Thông thường, chúng ta miêu tả người có tâm thần bất an, không chuyên chú bằng cụm từ “tâm viên ý mã”. Nếu muốn được như nguyện, mong thác sanh vào cõi lành, hoặc vãng sanh về Phật quốc, thì bình thường chúng ta phải điều phục cho được tâm như ngựa của mình, khiến cho tâm chúng ta phải biết lắng nghe, phải nhu nhuyễn. Nếu thường ngày cứ để tâm mãi dong ruổi, thì đến

lúc lâm chung, tâm từ trước đến nay vốn tán loạn có thể tự tĩnh lặng chăng? Không thể có được! Nếu thường ngày chỉ biết khoái lạc trong ngũ dục, chưa một lần để tâm an trú trong thiện pháp, đến lúc lâm chung, tâm sẽ khủng hoảng, ý sẽ loạn động, lúc đó không biết đi về đâu. Kinh dạy: “Trực tâm thị đạo tràng” (Tâm chính trực là đạo tràng)! Cho nên, bình thường chúng ta cần phải có chánh niệm, chánh tri, luôn giữ gìn niệm thiện, niệm thiện này không phải vừa lóe sáng liền tắt mất, mà phải giữ cho nó sinh khởi liên tục thì mới được.

Chúng ta cùng tinh tấn!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 21.03.2015*

# Phước huệ tập 7

## 福慧集（七）

Thích Hậu Quán  
釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Nguyên Minh, Thích Nhuận Nghĩa, Thích Thị Nghĩa  
Thích Nữ Hạnh Tín, Thích Nữ Diệu Pháp, Thích Nữ Đồng Bảo  
Thích Nữ Thuần Trí, Thích Nữ Hạnh Tường, Thích Nữ Đức Minh

越南文翻譯：

釋源明，釋潤義，釋是義  
釋行信，釋妙法，釋同寶  
釋純智，釋行祥，釋德明

**Printed for free distribution by**  
**The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation**  
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.  
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415  
Email: [overseas@budaedu.org](mailto:overseas@budaedu.org)  
Website: <http://www.budaedu.org>  
**This book is for free distribution, it is not to be sold.**  
KINH AN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

# MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	5
1. NHỮNG LÁ CỜ TUY KHÁC MÀU NHƯNG BÓNG CỦA CHÚNG THÌ NHƯ NHAU .....	14
2. LƯƠNG Y TRỊ BỆNH CHO VUA, OÁN TRÁCH VUA BAN THUỞNG ÍT ....	23
3. KINH VUA A-XÀ-THẾ MONG ĐƯỢC PHẬT THỌ KỶ.....	31
4. ĐỨC PHẬT XỎ KIM CHO TÔN GIẢ A-NA-LUẬT.....	46
5. ĐỨC PHẬT ĐỘ ÁC TẶC ƯƠNG-QUẠT-MA-LA .....	57
6. NHÂN DUYÊN KHIẾN CHO CON GÁI CỦA VUA BA-TU-NẶC TRỞ NÊN XẤU XÍ.....	77
7. NHÂN DUYÊN NHỮNG NGƯỜI ẶN XIN ĐƯỢC HÓA ĐỘ .....	91
8. NGƯỜI CÓ LÒNG THAM DỤC SẼ LÀM HẠI CẢ MÌNH VÀ NGƯỜI.....	103
9. HẠNH PHÚC LỚN NHẤT.....	110
10. TÔN GIẢ CA-CHIỀN-DIỀN DẠY BÀ LẶO BẶN NGHỀO .....	120
11. GIEO RUỘNG PHƯỚC THÌ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC, KHÔNG NÊN PHẶN BIỆT NGƯỜI GIẶ HAY TRỄ .....	128
12. ĐỒ TỄ CỨNG DƯỜNG PHẶT, THIỆN ẶC KHÔNG THỂ THAY NHẶU LẶNH THỌ QUẶ BẶO.....	145
13. KINH PHẶT THUYỆT VỀ BẶY NGƯỜI NỮ.....	153
14. HẶI THẶY TỈ-KHEO NHỜ NGHE VỀ NỖI KHỜ CỦA LOẠI SỨC SẶNH MẶ NGỘ ĐẠO.....	174
15. NGHỈ NHỜ CÔNG ĐỨC CỦA TẶNG BẶO, VOI TRẶNG SẶU NGẶ XẶ BỖ THẶN MẶNG, PHẶT KHỜ THIỆN TẶM.....	179
16. NGƯỜI NGU KHÔNG NHẶN ĐƯỢC SỰ MẶNG CHƯỜI PHỄ BẶNG, THÌ CHẶNG KHẶC NẶO TRONG MẶT CỎ HẶI DẶM ĐẶ .....	198

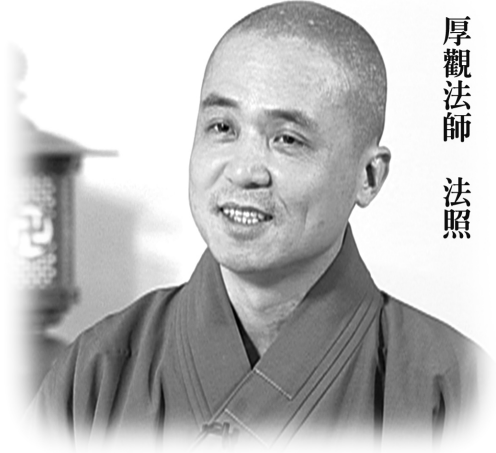


## LỜI TỰA

*Thích Hậu Quán*

Sách *Phước huệ tập*, quyển 7 được phát hành lần này, đã thu thập và ghi chép mười sáu câu chuyện trong kinh Phật.

Trong đó, bao gồm các giáo lý như: Tội lỗi do lòng tham, nghiệp tội do việc hủy báng người khác, nhân quả nghiệp báo, giết người vô số nhờ sám hối mà được giải thoát, thể ngộ vô thường, kịp thời tu phước và huệ, nhẫn nhục v.v., với nội dung rất sinh động và thú vị, ý nghĩa vô cùng sâu sắc.



厚觀法師  
法照

Trong bài *Những lá cờ tuy khác màu, nhưng bóng của chúng thì như nhau*, có kể lại câu chuyện: Có bốn vị vua luôn cho rằng mình là người phước đức lớn nhất, vì việc đó mà cứ tranh luận mãi không ngừng. Sau đó, có viên quan đại thần rất tài trí, lấy bốn lá cờ màu: Xanh, vàng, trắng, đen đem treo trên không, rồi hỏi bốn vị vua rằng:

## **【6】 — Phước huệ tập 7**

- Bốn lá cờ này có gì khác nhau chẳng?

Bốn vị vua đáp:

- Màu sắc của chúng rõ ràng là khác nhau!

Quan đại thần lại hỏi:

- Vậy cái bóng của nó in trên đất có gì khác nhau không?

Bốn vị vua đáp:

- Chúng giống nhau!

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta rằng: Có một số người ham thích so đo hơn thua, kết quả thường là “người thắng thì rơi vào hố kiêu ngạo, kẻ thua thì rớt vào ngục sâu nã”. Thật ra, cho dù bốn màu, xanh, vàng, trắng, đen không giống nhau, nhưng mỗi màu đều có ưu điểm riêng của nó. Cũng vậy, chỉ cần bản thân dốc hết tâm lực, trong lòng cảm thấy an ổn, thoải mái là được, cần chi so đo hơn thua với người khác mà sanh phiền não!

Trong bài *Lương y trị bệnh cho vua, oán trách vua ban thưởng ít*, kể lại câu chuyện: Có một vị lương y trị bệnh cho nhà vua, nhưng nhà vua chưa từng trực tiếp



bày tỏ lòng biết ơn với ông và cũng không ban cho ông chút bổng lộc nào cả. Ngay cả khi lương y từ biệt trở về quê, nhà vua cũng chỉ chuẩn bị cho ông một con ngựa gầy ốm và chiếc xe cũ rích. Trong lòng vị lương y này rất bức bối, nên ông oán trách nhà vua trên suốt cả đoạn đường về nhà. Nhưng lúc sắp đến nơi, thì ông thấy có rất nhiều voi, ngựa, bò, dê,... ngay cả ngôi nhà tồi tàn, cũ kĩ của ông cũng đã được xây dựng lại rất khang trang lộng lẫy. Lúc này, ông mới hiểu ra, những thứ đó đều là sự báo đáp của nhà vua. Ông rất hối hận, vì nếu ban đầu dốc lòng điều trị cho vua, thì nói không chừng, bây giờ bổng lộc còn nhiều hơn nữa.

Phật dạy: “Lương y ví như người tu phước; trị lành bệnh là dụ cho phước đức đã thành tựu viên mãn”. Có người buổi sáng mới tu được chút ít phước đức thì hy vọng tối đến đạt được kết quả lớn; cũng có người, sau một thời gian dài thường làm phước, mà chẳng thấy phước báo đến, nên sanh tâm hoài nghi là không có thiện ác nhân quả. Quả thật, suy nghĩ như vậy là không đúng. Nhân duyên nghiệp báo rõ ràng không chút sai sót. Phước đức là nhân, phước báo là quả. Muốn có được phước báo lớn thì phải siêng năng huân tập ‘phước đức’ mới được; ngược lại, nếu không duy trì tích lũy phước đức, cho dù phước báo lớn, thì cũng có ngày dùng hết!

## 【8】— Phước huệ tập 7

Trong kinh vua A-xà-thế được Phật thọ ký, nói đến việc sau khi vua A-xà-thế cúng dường và đức Phật thọ trai xong, ông hy vọng được nhiều phước đức hơn, nên đã cúng dường thêm dầu đốt đèn. Nhưng không ngờ rằng, một bà lão nghèo dùng hai đồng tiền xin được, mua dầu đốt đèn cúng Phật, thì được Phật thọ ký tương lai sẽ thành Phật; còn vua A-xà-thế tuy cúng dường rất nhiều dầu, nhưng lại không nhận được sự thọ ký của Phật. Xét từ góc độ phát tâm mà nói, bà lão nghèo không có gì cả, chẳng dễ gì xin được hai đồng tiền, nhưng bà không mua đồ ăn để lót dạ, lại đem tất cả đến cúng dường Phật. Sự phát tâm như vậy rất khó có và đáng quý vô cùng!

Vua A-xà-thế lại ra lệnh cho vị cai quản hoa viên, hái những đóa hoa đẹp nhất trong vườn, đem vào cung để dâng lên cúng dường Phật. Không ngờ rằng, vị ấy đang đi được nửa đường thì gặp Phật, ông ta chuyên tâm nghe Phật thuyết pháp, trong tâm vô cùng hoan hỷ, nên đã đem những đóa hoa ấy dâng lên cúng dường Phật, được Phật thọ ký về sau sẽ thành Phật, hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Thấy thế, vua A-xà-thế rất chán nản, sầu não: “Tại sao bà lão ăn xin và người cai quản hoa viên đều được Phật thọ ký, còn bản thân mình thì lại không được”.

Quan đại thần nói với vua rằng: “Tuy ngài cúng dường Phật, nhưng đều là lấy đồ trong quốc khố, chứ chưa xả bỏ lòng tham, vẫn còn tự cao ngạo mạn, phần nộ bất mãn. Như vậy thì làm sao được Phật thọ kí?”. Nghe quan đại thần nói như thế, vua A-xà-thế phát nguyện trì trai, giữ giới trong ba tháng và tự tay mình lấy những hạt ngọc, kết thành hoa báu để cúng dường Phật. Thời gian ba tháng trai giới khó khăn đã kết thúc, nhưng đức Phật lại nhập diệt! Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta rằng: Tu học phước đức và trí huệ cần phải sốt sắng, kéo sau này hối hận thì cũng không kịp nữa rồi!

Trong bài *Đức Phật xỏ kim cho tôn giả A-na-luật*, có kể lại câu chuyện: Tôn giả A-na-luật đang lúc nghe Phật thuyết pháp mà ngủ gật, nên bị Phật quở trách. Tôn giả cảm thấy vô cùng hổ thẹn, do đó, ngài phát nguyện không ngủ, đến nỗi đôi mắt bị mù lòa. Một hôm nọ, y phục của Tôn giả bị rách, ngài muốn vá lại nhưng không cách nào xỏ kim được. Đức Phật biết như vậy, nên Ngài liền nói:

- Ta là người thích tu phước đức, để Ta xỏ kim cho ông.

Chúng đệ tử thưa:

- Phước đức của Phật đã viên mãn, sao lại nói mình

## 【10】— Phước huệ tập 7

là người thích tu tạo phước đức?

Đức Phật đáp:

- Ta thấu rõ được ân của phước đức và sức mạnh lớn lao của nó, nên làm việc ấy mà không biết chán.

Tôn giả nghe vậy rất cảm động và càng tinh tấn tu tập hơn. Cuối cùng, ngài chứng quả A-la-hán và trở thành ‘Thiên nhân đệ nhất’ trong hàng đệ tử Phật.

Đức Phật quan tâm chúng đệ tử như thế đó, tự tay xỏ kim cho đệ tử. Việc làm này càng hiển bày đức độ cao thượng vĩ đại của Ngài!

Trong bài *Đức Phật độ ác tặc Ưong-quật-ma-la*, kể lại câu chuyện: Ưong-quật-ma-la tin theo lời của thầy tà: “Cần phải giết đủ 1.000 người, rồi chặt lấy 1.000 ngón tay của những người đó, khâu lại thành vòng chuỗi, có như vậy thì chú thuật mới thành tựu viên mãn”. Sau khi ông đã giết được 999 người xong, đúng lúc đó, nhìn thấy mẹ đem đồ ăn đến, ông ta lại sanh tâm muốn giết chết mẹ để lấy ngón tay. Thế Tôn muốn hóa độ ông, nên đã hiện ra trước mặt, thấy vậy, ông liền thay đổi ý định, đuổi theo giết Phật, nhưng không cách nào đuổi kịp. Vì thế, ông lớn tiếng hét rằng:

- Dừng lại! Dừng lại!

Phật nói:

*- Ta dừng lại từ lâu rồi, chỉ có ông là chưa dừng mà thôi!*

Ý của đức Phật là, “Ta đã dứt hết tất cả các hạnh ác, nên không còn bị luân hồi trong ba cõi nữa. Tại sao ông vẫn chưa chịu dứt các việc ác, cứ mãi lần quẩn luân hồi trong ba cõi không dứt?”.

Ương-quật-ma-la vừa nghe xong, lập tức sám hối, xin xuất gia với Phật. Sau khi Phật thuyết pháp cho ông nghe, ông liền chứng quả A-la-hán.

Vua Ba-tư-nặc rất nghi hoặc nói:

- Ương-quật-ma-la giết người vô số, tội nghiệp nặng nề, làm sao có thể chứng được quả A-la-hán?

Phật nói:

*- Trước đây tạo ác, nay nhờ thiện diệt nó, như mặt trăng chiếu soi thế gian, mây mù liền tiêu tan.*

Nghĩa là, nếu như có người thối trước, tạo tác nhiều ác nghiệp, ngày nay nhờ làm điều thiện, nên diệt trừ được ác nghiệp xưa. Cũng giống như ánh sáng của mặt trời chiếu rọi khắp thế gian, một khi ánh nắng xuất

**【12】 — Phước huệ tập 7**

hiện, thì mây đen, sương mù đều biến mất. Vì thế, cho dù đã tạo ác nghiệp, cũng đừng buồn rầu sầu não, hãy khẩn thiết sám hối sửa đổi, tinh tấn tu học thì vẫn còn cơ hội được giải thoát.

Đức Phật thuyết pháp, thường khéo dùng những ví dụ thiện xảo. Như trong bài *Người ngu không nhận được sự mắng chửi, hủy báng, thì chẳng khác nào trong mắt có hai dằm đá*, có kể lại câu chuyện: Khi người ngu bị mắng chửi, hủy báng, thì anh ta cảm thấy hết sức khó chịu, giống như trong đôi mắt bị vướng hai dằm đá, không cách nào chịu nổi. Người trí thì có năng lực nhẫn chịu được lời mắng nhiếc và cả những lời hủy báng rất nặng nề. Họ xem việc đó như những cánh hoa rơi rụng trên thân voi, chẳng có chuyện gì to tát cả. Cũng giống như một trận cuồng phong, thổi bùng ngọn lửa đang cháy trong rừng, trong thoáng chốc, những khu vực lân cận đều bị thiêu rụi, cả khu rừng đều bị đốt cháy gần hết. Tâm sân hận cũng giống như ngọn lửa dữ đó, muốn thiêu đốt người khác, nhưng ngược lại thường thiêu rụi bản thân mình. Đức Phật đã từng dạy rằng: ‘Bậc trí thường dùng tâm từ bi để hóa giải lòng sân hận. Nếu như việc hủy báng là sự thật, khiến người ta sinh tâm hờn giận, nhiếc mắng thì chúng ta nên nghĩ rằng: “Người này nói lời chân thật, ta không nên tức giận”; còn như người ta cố ý dựng chuyện để hủy báng,

chúng ta biết rõ đối phương đang cố ý lừa gạt, thì mình xem như lời nói của người kia chỉ là lời nói nhăng nói cuội, không cần tranh luận đó là sự thật hay giả dối. Bậc có trí huệ thì phân biệt rất rõ ràng, nên không bao giờ sanh tâm giận hờn’.

Còn rất nhiều câu chuyện khác, hàm ý rất sâu xa, độc giả nên dùng tâm để cảm nhận.

Những câu chuyện này đã được chuyển thành sách đọc Mp3, mọi người có thể tìm trên trang web “download băng đĩa ở giảng đường Huệ Nhật”, nguồn: ***<http://video.lwdh.org.tw/html/lecture/story/story.html>***

*Phật học viện Phước Nghiêm,  
ngày 25 tháng 12 năm 2017*

## **1. NHỮNG LÁ CỜ TUY KHÁC MÀU NHỮNG BÓNG CỦA CHÚNG THÌ NHƯ NHAU**

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích từ *kinh Tạp thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 507b3-c6.

Thời quá khứ, bên nước Thiên Trúc có ngôi chùa Tùng, trong đó có bốn vị hành giả đều tu chứng được lục thông. Trong nước đó, có bốn vị cư sĩ, mỗi người thỉnh cúng dường mỗi một vị hành giả trong thời gian dài. Sau đó, bốn hành giả này phân chia ra bốn nơi để giáo hóa chúng sanh. Một vị lên cung trời Đê Thích, một vị đến chỗ của Long vương, một vị đến chỗ của đại bàng Kim-sí-điều, vị còn lại đến cung vua.

Bốn vị hành giả đều thọ nhận sự cúng dường từ bốn nơi ấy. Thức ăn còn dư lại trong bát thì đem về cho những vị thí chủ của mình dùng. Những thức ăn này đều đầy đủ trăm món thơm ngon, xưa nay chưa từng thấy. Do đó, bốn vị thí chủ này, hỏi riêng thầy mình là: “Những món ngon này từ đâu mà có?”.

Bốn vị hành giả nói rõ ngọn nguồn cho họ nghe.



Nghe xong, họ liền phát nguyện. Có người nói: “Tôi nguyện đời sau, được sanh vào cung điện của trời Đế Thích”, người khác lại nguyện đời sau được sanh làm rồng, người nữa lại nguyện đời sau được sanh trong loài đại bàng Kim-sí-điều, người còn lại nguyện đời sau sanh làm con vua (tương lai kế thừa ngôi vị vua cha). Sau khi mạng chung, mỗi vị đều tái sanh như nguyện của mình. Về sau, họ chia nhau trở thành Đế Thích thiên vương, Long vương, Kim-sí-điều vương và Đế vương.

Một hôm, bốn vị vua này cùng khởi lên ý niệm muốn tìm một chỗ yên tịnh để thọ trì Bát quan trai giới. Sau khi quán sát xong, họ thấy phía sau hoa viên của vua Ma-kiệt-đà là nơi thích hợp nhất. Do đó, bốn vị này không hẹn mà cùng đến đó. Mỗi vị chọn một góc cây rồi ngồi tĩnh tọa, phát khởi tâm từ bi, phụng trì trai giới và tu Lục niệm<sup>1</sup> trong một ngày một đêm.

Sáng hôm sau, khi khóa tu trai giới kết thúc, mọi người mới hỏi thăm nhau.

Vua Ma-kiệt-đà hỏi:

- Các vị là ai?

---

<sup>1</sup> Lục niệm 六念: Niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

**【16】 — Phước huệ tập 7**

Một vị trong số đó trả lời:

- Tôi là Đế Thích thiên vương.

Vị khác đáp:

- Tôi là Long vương.

Vị nữa đáp:

- Tôi là Kim-sí-điều vương.

Vị còn lại trả lời:

- Tôi là Đế vương.

Bốn vị vua nói lai lịch của mình xong thì mọi người đều rất hoan hỷ.

Thiên vương liền hỏi:

- Chúng ta đều thọ trì Bát quan trai, ai sẽ là người được phước đức nhiều hơn?

Đế vương nói:

- Tôi thích chỗ gần bên ngoài hoa viên, ở đó nên sẽ nghe rất rõ âm thanh của từng điệu hát. Tuy vậy, nhưng tôi vẫn giữ tâm chuyên nhất tu trì, cho nên, tôi

là người được phước đức nhiều nhất.

Thiên vương thì nói:

- Tôi sống trong cung điện thất bảo ở trên trời, chẳng những có ngọc nữ múa hát những điệu nhạc hay, mà y phục, thức ăn cũng tự nhiên tùy tâm hiện ra, nhưng tôi không hề tham luyến những thứ ấy. Tôi vượt qua nghìn dặm xa xôi đến đây, chuyên tâm tu trì viên mãn Bát quan trai, cho nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Kim-sí-điều vương lại nói:

- Món ăn mà tôi thích nhất là thịt rồng, vị ngon của nó vượt hẳn năm món dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Nhưng hôm nay, ngồi chung với món khoái khẩu của mình, đến một mảy ác niệm nhỏ như sợi tơ cọng tóc, tôi cũng không có, cho nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Long vương nói:

- Loài rồng chúng tôi là món ăn ưa thích nhất của đại bàng Kim-sí-điều, nên chúng tôi luôn sợ bị ăn thịt, cứ mãi trốn chạy và ẩn núp. Nhưng hôm nay, khi ngồi chung một chỗ với Kim-sí-điều, tôi nghĩ là chết chắc, nhưng cuối cùng, tôi đã hoàn thành khóa tu này, cho

**【18】 — Phước huệ tập 7**

nên tôi là người được phước đức nhiều nhất.

Vua Ma-kiệt-đà nói:

- Tôi có một vị đại thần rất tài trí tên là Phệ-đà-loại. Tôi sẽ bảo ông ấy đến đây, giúp các vị phán xét việc này cho ra lẽ.

Sau khi đại thần Phệ-đà-loại đến và hiểu rõ đầu đuôi sự việc, ông liền lấy bốn lá cờ có màu khác nhau: Xanh, vàng, trắng, đen, treo trên không, rồi hỏi bốn vị vua rằng:

- Màu sắc của bốn lá cờ này, có gì khác nhau chẳng?

Bốn vị vua nói:

- Rõ ràng là bốn màu khác nhau.

Quan đại thần lại hỏi:

- Bóng của chúng in trên đất thì thế nào?

Mọi người đều trả lời:

- Giống nhau!

Quan đại thần nói:

- Tuy hiện tại hình tướng của các Ngài không giống nhau, như màu sắc và chất lượng của bốn tấm lụa này, nhưng hôm nay, bốn vị cùng chung chí hướng, đến đây tu học Phật pháp, thọ trì trai giới, cũng giống như cái bóng in trên đất, không có gì khác nhau cả. Hôm nay, cả bốn đức vua tôn quý đều phát Bồ-đề tâm, tinh tấn thọ trì trai giới, trưởng dưỡng từ tâm, đến lúc thành Phật thì sẽ được tướng hảo trang nghiêm thanh tịnh, bình đẳng không chút khác biệt.

Bốn vị vua nghe xong, vô cùng hoan hỷ, liền chứng được Đạo nhãn.

Câu chuyện này nhắc đến bốn vị vua là Đế Thích thiên vương, Đế vương, Kim-sí-diêu vương và Long vương, không hẹn mà cùng phát tâm đến sau hoa viên của vua Ma-kiệt-đà để tu trì Bát quan trai giới trong một ngày một đêm. Bốn vị ấy so sánh với nhau xem ai là người có công hạnh đáng quý hơn; ai là người đạt được phước đức nhiều hơn.

Thiên vương nghĩ rằng: “Tôi có thể rời xa thiên cung, chẳng nhớ nghĩ đến dục lạc cõi trời, như ngọc nữ, những món ăn, v.v., mà đi đến nhân gian, thọ trì trai giới, như vậy thì phước đức của tôi sẽ nhiều nhất”.

Đế vương thì cho rằng: “Trong cung vua vang ra

## 【20】— Phước huệ tập 7

những khúc nhạc du dương, trong hoàn cảnh đó mà tâm tôi không chút dao động, chuyên lòng thọ trì trai giới, cho nên phước đức của tôi sẽ nhiều nhất”.

Kim-sí-điều vương lại nghĩ: “Tôi thích nhất là ăn thịt rồng. Món khoái khẩu đang ở bên cạnh, mà tôi có thể kìm chế được sự thèm thuồng, cho nên, tôi đã làm điều khó làm nhất”.

Long vương thì nghĩ rằng: “Tôi vốn dĩ muốn tìm một chỗ yên tĩnh để tu trì Bát quan trai giới, nhưng lại không ngờ gặp phải oan gia là Kim-sí-điều vương. Nó không ăn một bữa thì không sao cả, nhưng nếu tôi trở thành bữa ăn của nó, thì đời tôi coi như xong! Nhưng từ lúc bắt đầu khóa tu, tôi không trốn tránh, cuối cùng cũng hoàn thành viên mãn. Công hạnh đáng quý như tôi, ai mà hơn được?”.

Có thể thấy, công hạnh của bốn vị này đều có chỗ đáng quý riêng. Giống như câu nói của quan đại thần: “Màu sắc và tính chất của bốn tấm lụa xanh, vàng, trắng, đen khác nhau, nhưng cái bóng của chúng in trên đất hoàn toàn giống nhau”.

**Câu chuyện này muốn nhắn nhủ đến chúng ta rằng:**

Có rất nhiều người thường xem trọng vẻ bề ngoài, thích so đo hơn thua, cao thấp, kết quả thường là ‘*người thắng thì rơi vào hố kiêu ngạo, kẻ thua thì rớt vào ngục sâu nã*’ (người thắng thì thường vui vẻ, đắc ý, một khi vui quá thì dễ rơi vào hố hiểm ngạo mạn; kẻ thua thì luôn âu sầu, thảm nã cũng giống như bị đày vào địa ngục). Song, có người thì cho rằng, chỉ cần dốc hết tâm sức để làm là được, cũng như màu xanh, vàng, trắng, đen không giống nhau, nhưng mỗi loại đều có ưu điểm riêng. Mặt khác, tuy màu sắc không đồng, nhưng cái bóng in trên đất giống nhau không khác, như vậy thì có gì đáng để so bì hơn thua?

Bậc trí nhìn nhận sự việc rất sâu sắc. Cho dù pháp lành, cũng là sanh diệt vô thường, không nên chấp chặt. Giống như trong kinh dạy:

*Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp!*

*Kinh Kim cang cũng dạy rằng:*

*Tất cả pháp hữu vi*

*Như mộng, ảnh, bào, huyễn,*

*Như sương mai, sấm chớp*

*Đều phải quán như thế.*

**【22】 — Phước huệ tập 7**

Hy vọng đại chúng có thể thấu hiểu được hàm ý sâu xa qua những hình ảnh thí dụ trong câu chuyện này. Thể hội được hàm ý trong câu chuyện ‘bốn lá cờ khác màu, nhưng bóng của chúng như nhau’ và thâm ý của câu kệ: ‘*Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh...!*’. Hơn nữa, trong kinh thường dạy: ‘Nhân quả, nghiệp báo như bóng theo hình’, nghĩa là người đi đến đâu thì bóng in theo đến đó, nên biết, nhân quả nghiệp báo, rõ ràng không chút sai sót.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 31.10.2015*



## 2. LƯƠNG Y TRỊ BỆNH CHO VUA, OÁN TRÁCH VUA BAN THƯỜNG ÍT

Kính bạch quý Thầy cô! Kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích từ *kinh Tạp thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 526a13-b19.

Thuở xưa, có vị vua ở một nước lớn bị bệnh rất nặng, điều trị suốt mười hai năm mà vẫn không khỏi. Triều đình mời tất cả các lương y giỏi trong nước đến, nhưng bệnh tình của vua vẫn không có dấu hiệu khởi sắc.

Lúc đó, trong một nước nhỏ ở vùng biên địa, thuộc quyền cai quản của đại quốc ấy, có một vị lương y rất tinh thông y thuật, có khả năng đặc biệt chữa trị được mọi loại bệnh. Sau khi biết tin này, nhà vua liền hạ lệnh, truyền ông ta đến hoàng cung trị bệnh. Chỉ trong thời gian ngắn, bệnh lâu năm của vua đã dần dần thuyên giảm.

Nhà vua cảm niệm ân đức của vị lương y này nên nhiều lần phái sứ giả đến chỗ vua nước nhỏ, truyền đạt mệnh lệnh của nhà vua rằng: “Vị lương y này đã trị

**【24】 — Phước huệ tập 7**

lành bệnh của ta, lập được công lớn. Thế nên, hãy trọng thưởng cho ông ấy nhiều voi, ngựa, xe, bò, dê, ruộng đất, nhà cửa, tùy tùng và các món trang sức”.

Vị vua của nước nhỏ đó vâng theo mệnh lệnh của vua nước lớn, liền xây dựng lại cho vị lương y một ngôi nhà mới, lầu gác, lại ban cho vợ ông ta rất nhiều y phục, thức ăn, vàng bạc châu báu, nhiều món trang sức và voi, ngựa, bò, dê, v.v., tất cả đều đầy đủ.

Vị lương y luôn bên cạnh trị bệnh cho nhà vua, nhưng chưa bao giờ nghe thấy nhà vua nói với ông lời nào. Trong lòng ông ấy nghĩ rằng: “Mình đã tốn rất nhiều tinh lực và thời gian để trị bệnh cho nhà vua, bệnh tình đã chuyển biến tốt, không biết ngài ấy có ban thưởng hay báo đáp gì không?”.

Trải qua một thời gian nữa, sức khỏe của nhà vua dần bình phục, vị lương y đó muốn cáo biệt trở về quê. Nhà vua đồng ý và chuẩn bị cho ông ấy một con ngựa gầy và cỗ xe tồi tàn.

Lúc đó, vị lương y này vô cùng ngao ngán và hối hận, ông thầm nghĩ: “Ta đã hao phí rất nhiều tinh lực và công phu để trị lành bệnh cho nhà vua, nhưng ngài ấy lại không biết tri ân, báo đáp hay tiến cử, mà lại để cho ta trở về tay không”. Vì thế, cả đoạn đường về nhà,

trong lòng ông ấy đầy âu sầu, than trách và oán hận.

Thế rồi, ngay lúc ông về đến quốc gia của mình thì trông thấy một đàn voi, ông ta liền hỏi người chăn voi:

- Đây là voi của nhà ai?

Người chăn voi đáp:

- Đây là voi của một vị lương y nào đó.

Ông ta hỏi tiếp:

- Vì sao vị ấy có được đàn voi này?

Người chăn voi đáp:

- Vì ông ta trị lành bệnh cho vua nước lớn, nên được ban thưởng.

Lương y đi tiếp, lại trông thấy một đàn ngựa, ông ta liền hỏi người chăn ngựa rằng:

- Đây là ngựa của nhà ai?

Người chăn ngựa đáp:

- Đây là ngựa của một vị lương y nào đó.

Ông ta lại đi tiếp thì thấy một đàn bò và dê, ông lại

**【26】 — Phước huệ tập 7**

hỏi người chăn bò và dê rằng:

- Số bò dê này là của ai?

Họ đáp:

- Đây là bò và dê của một vị lương y nào đó.

Ông ta tiếp tục đi, nhìn thấy ngôi nhà cũ của mình nay biến thành một ngôi nhà rộng lớn, khang trang, với nhiều lầu gác, khác hẳn với ngôi nhà cũ. Ông ta liền hỏi người gác cửa:

- Đây là nhà của ai?

Người gác cửa đáp:

- Đây là nhà của một vị lương y nào đó.

Ông ta bước vào nhà thì nhìn thấy một vị phu nhân dáng dấp mỹ miều, đoan trang xinh đẹp, khoát trên người nhiều lụa là gấm vóc lộng lẫy. Ông ta cảm thấy rất kì lạ nên hỏi:

- Vị phu nhân này là vợ của ai?

Đứa tớ gái đáp:

- Đây là vợ của một vị lương y nào đó.

Từ lúc nhìn thấy đàn voi, ngựa, bò, dê, cho đến bước vào nhà, thì ông ta biết rằng, tất cả đều do công của ông đã trị lành bệnh cho nhà vua, nên được đền đáp. Lúc đó, ông ta cảm thấy rất hối hận, lúc trị bệnh cho nhà vua, ông không dốc hết tâm lực nên nhận được phước đức không nhiều.

Sự khó khăn và chướng ngại của việc tu phước đức giống như bệnh tình của nhà vua. Vị lương y ví như người đang tu phước đức. Chữa bệnh cho nhà vua ví như những việc mà người đang tu tạo phước đức làm. Bệnh của vua được trị lành ví như việc tu phước đức đã thành tựu viên mãn. Nhà vua hạ lệnh ban thưởng voi, ngựa, nhà lớn v.v., đều là sự báo đáp do tích lũy phước đức mà có được.

Hầu hết, mọi người đều hy vọng sớm đạt được nguyện vọng của mình, nhưng lại thường suy tư, tại sao nguyện vọng của mình chưa thành hiện thực. Điều này cũng như người có lòng tin mỏng manh, buổi sáng mới tu tạo được chút ít phước đức, tối đến đã mong chờ có được sự báo đáp. Một khi rơi vào cảnh bệnh, già, chết thì cho rằng tu tạo thiện pháp không có thiện báo.

Có người sau khi chết được sanh lên cõi trời, đang lúc thân trung ấm còn chưa lên tới đó thì thấy được

## **【28】 — Phước huệ tập 7**

muôn vãn cảnh tượng tốt đẹp hiện bày. Giống như vị lương y chưa về đến nhà, dọc đường đã thấy voi, ngựa v.v.; sau khi thân trung âm lên đến cõi trời và tái sanh, thấy được cảnh thiên đường lộng lẫy, trang nghiêm, lúc đó, họ mới hối hận không thôi. Họ tiếc nuối, tại sao lúc trước không tu tạo phước đức nhiều thêm nữa. Giống như vị lương y, sau khi thấy được ban thưởng bổng lộc, thì mới hối hận, sao lúc đầu không dốc lòng điều trị cho nhà vua!

### **Câu chuyện này nhắn nhủ chúng ta:**

Vị lương y hối tiếc, vì nếu ban đầu tận tâm trị bệnh cho nhà vua thì nhận được phước đức nhiều hơn nữa! Có người bị bệnh thì lương y mới có thể phát huy sở trường của mình, cũng vậy, có người khốn khổ, thì chúng ta mới có cơ hội tu phước đức, cho nên phải cảm ơn họ. Lương y là dụ cho người tu phước đức, việc trị lành bệnh ví như phước đức đã thành tựu viên mãn.

Chúng ta làm việc gì, cũng đừng quá để ý là làm cho quốc gia, cha mẹ, công ty hay cho một ai đó. Thật ra, làm được một việc lành, thì phước đức đó thuộc về bản thân mình, người khác muốn lấy đi cũng không được.

Phước đức và phước báo không giống nhau. Phước đức là nhân, phước báo là quả. Muốn có được phước báo lớn, thì cần phải siêng năng tu tập ‘phước đức’. Ngược lại, nếu không tích lũy phước đức, cho dù có được phước báo lớn, thì sẽ cũng có ngày dùng hết!

Ngoài ra, những vị tu phước đức, mà trong tâm còn nhiều tạp niệm tham lam hay háo thắng, thì sẽ đạt được phước đức là pháp hữu lậu, không thanh tịnh. Và lại, sau khi có phước báo thì chỉ bản thân hưởng thụ, hay cùng lắm là chia sẻ với bà con, bạn bè cùng chung hưởng mà thôi. Nhưng hàng Bồ-tát thì khác, lúc tu tạo phước đức thì tâm các ngài thanh tịnh, không có tham sân si. Phước báo có được đều dùng để làm lợi ích cho chúng sanh. Đây là sự khác biệt giữa Bồ-tát và phàm phu.

*Đại trí độ luận* nói:

*Năm pháp ba-la-mật: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, là để trồng các công đức, còn bát-nhã ba-la-mật có công năng trừ bỏ tâm niệm chấp trước và tà kiến. Giống như có người trồng lúa, thì cũng có người diệt trừ cỏ dại, như vậy thì lúa mới sinh trưởng tốt và bội thu.*

Ý nói: Tuy chúng ta tu phước đức thì có thể hưởng

**【30】 — Phước huệ tập 7**

được phước báo, nhưng cần phải tu thêm trí huệ bát-nhã, để phá trừ tà kiến và vọng niệm chấp trước. Chúng ta cần phải phước huệ song tu, như thế mới được.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.03.2016*



### 3. KINH VUA A-XÀ-THẾ MONG ĐƯỢC PHẬT THỌ KÝ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Vua A-xà-thế mong được Phật thọ ký*, trong Đại Chánh tạng, quyển 14, trang 777a23-778b2.

Thuở trước, có một khoảng thời gian, đức Phật ở tại núi Linh Thứu, nước La-duyệt-kỳ. Lúc bấy giờ, vua A-xà-thế thỉnh đức Phật đến vương cung để cúng dường. Đức Phật thọ trai xong, trở về tinh xá Kỳ Hoàn.

Vua A-xà-thế nói với đại thần Kì-bà:

- Hôm nay, vương cung thỉnh đức Phật cúng dường, bây giờ, Ngài đã thọ trai xong, cần phải chuẩn bị thêm gì nữa?

Kì-bà nói rằng:

- Nên thắp nhiều đèn để cúng dường Phật.

Vua liền lệnh cho thuộc hạ chở một trăm thùng dầu thắp đèn, từ trong cung đến tinh xá Kỳ Hoàn.

**【32】 — Phước huệ tập 7**

Lúc ấy, có một bà lão rất nghèo, có tâm chí thành muốn cúng dường Phật nhưng không có tiền. Bà nhìn thấy vua A-xà-thế làm được công đức như vậy nên rất cảm kích, cũng phát khởi tâm muốn cúng dường Phật. Bà đi xin được hai đồng tiền, liền đem hết số tiền này đến cửa tiệm dầu để mua dầu.

Chủ cửa tiệm dầu hỏi:

- Bà nghèo như vậy, chỉ xin được hai đồng tiền, sao không để dành mua đồ ăn duy trì cuộc sống, mà lại mua dầu làm gì?

Bà lão trả lời:

- Tôi nghe nói gặp được Phật ra đời là rất khó, trải qua trăm kiếp mới có dịp được gặp Phật một lần. Tôi may mắn sinh vào thời đức Phật ra đời, vậy mà tôi chưa có cơ hội cúng dường Ngài. Hôm nay, tôi thấy vua làm được việc đại công đức, vĩ đại vô cùng, nên trong tâm tôi cũng phát khởi ý niệm muốn cúng dường Phật giống như vua. Tuy tôi vô cùng cực khổ nhưng cũng muốn thắp một ngọn đèn để làm tư lương tu hành cho đời sau.

Người bán dầu biết được tâm nguyện chí thành của bà lão. Với hai đồng tiền, vốn chỉ có thể mua được hai

cáp<sup>2</sup> dầu (một cáp bằng 1/10 thăng<sup>3</sup>), nhưng người chủ tiệm lại đặc biệt đong tặng bà lão thêm ba cáp dầu nữa, tổng cộng bà được năm cáp dầu.

Bà lão đi đến trước đức Phật thắp đèn lên, trong lòng nghĩ với số dầu này, đèn sáng không quá nửa đêm là sẽ tắt. Bà bèn nguyện rằng: “Nếu như sau này, con được chứng đạo như đức Phật, thì ngọn đèn này sẽ sáng suốt đêm không tắt”. Phát nguyện xong, bà lễ Phật rồi ra về.

Lúc bấy giờ, các ngọn đèn của vua cúng dường, có ngọn sáng, có ngọn tắt, tuy có người chăm nhưng không chu toàn. Riêng ngọn đèn của bà lão thì sáng hơn các ngọn đèn khác, suốt cả đêm không tắt, đến sáng dầu vẫn không hao. Đến sáng sớm hôm sau, bà lão lại đi đến trước đức Phật đánh lễ rồi lùi về đứng một bên.

Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên:

- Trời đã sáng rồi, ông hãy đi tắt tất cả các ngọn đèn.

Ngài Mục-kiền-liên vâng lời Phật, lần lượt đi tắt

---

<sup>2</sup> Cáp 合: Tức là đêxilit.

<sup>3</sup> Thăng 升: Tức là lít.

**【34】 — Phước huệ tập 7**

các ngọn đèn. Các ngọn đèn khác đều tắt, riêng ngọn đèn của bà lão, tôn giả thổi ba lần vẫn không tắt. Ngài lấy áo ca-sa quạt, thì ngọn đèn này càng sáng hơn. Ngài bèn dùng sức oai thần dẫn gió mạnh vô cùng để thổi đèn, nhưng ngọn đèn của bà lão càng sáng rực hơn, chiếu lên đến trời Phạm thiên, lại chiếu khắp ba ngàn thế giới, tất cả các nơi đều thấy ánh sáng của ngọn đèn này chiếu đến.

Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên:

- Dừng lại! Dừng lại! Ngọn đèn đó được thắp lên từ ánh sáng công đức của một vị Phật tương lai, không thể dùng sức thần thông của ông mà thổi tắt được. Bà lão này đời trước đã từng cúng dường một trăm tám mươi ức đức Phật, từ xưa đã được một đức Phật thọ ký. Bà luôn hết lòng đem kính Phật để hướng dẫn người dân tu học, vì không có thời gian thực hành hạnh bố thí, nên đời này nghèo khó không có của cải. Trải qua ba mươi kiếp về sau, công đức viên mãn, bà sẽ thành Phật hiệu là Tu-di Đăng Quang Như Lai Chí Chân. Cõi nước Phật ấy không có mặt trời, mặt trăng, thân của người dân đều có ánh sáng lớn, cùng với ánh sáng của vô số châu báu trong cung điện chiếu sáng lẫn nhau như cõi trời Đao Lợi.

Bà lão nghe đức Phật thọ ký, lòng rất vui mừng, lập

tức thân nhẹ nhàng bay lên hư không, cách mặt đất một trăm tám mươi trượng, rồi hạ người xuống đất, đầu mặt đánh lễ Phật rồi lui ra.

Vua A-xà-thế nghe được việc này, bèn hỏi Kì-bà:

- Ta làm công đức nhiều như vậy nhưng Phật không thọ ký cho ta, còn bà lão chỉ cúng dường một ngọn đèn lại được Phật thọ ký, tại sao lại như vậy?

Kì-bà đáp:

- Vua tuy cúng nhiều đèn nhưng tâm không chuyên nhất, chẳng bằng bà lão thành tâm cúng dường lên Đức Phật.

Nghe Kì-bà nói vậy, vua quyết định đến thỉnh Phật một lần nữa, để dâng hoa cúng dường. Ngay trong đêm, vua ra lệnh những người giữ vườn hoa, sáng sớm hôm sau phải chọn hái các hoa đẹp nhất, đem vào trong cung.

Vừa sáng sớm, đức Phật đã rời tinh xá Kỳ Hoàn, khoan thai cất bước đến vương cung. Dọc đường đi, Phật thuyết pháp cho dân chúng, đến gần trưa mới tới gần vương cung.

Có một người giữ vườn hoa, ông ta cầm giỏ hoa

**【36】 — Phước huệ tập 7**

vừa ra khỏi vườn trên một lối đi nhỏ thì gặp đức Phật từ trên đường lớn đi tới. Ông được đức Phật thuyết pháp, nên hết lòng chăm chú lắng nghe, lòng rất vui mừng, liền đem bao nhiêu hoa cầm trên tay tung lên đức Phật, hoa đều trụ ở không trung, ngay trên đỉnh đầu của đức Phật.

Đức Phật liền thọ ký:

- Ông đã từng cúng dường chín mươi ức vị Phật, một trăm lẻ bốn kiếp về sau, sẽ thành Phật hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Vị giữ vườn hoa này rất vui mừng, lập tức thân nhẹ nhàng bay lên hư không rồi hạ xuống đất, kính lễ đức Phật. Lúc đó, ông chột nghĩ: “Nhà vua của ta là người tính tình rất nghiêm khắc và nóng nảy, nửa đêm hôm qua ra lệnh ta giữ trai giới, hái hoa để cúng Phật, nhưng ta đã đem tất cả hoa dâng cúng Phật rồi, giờ đi tay không về cung thì chắc chắn sẽ bị giết”. Thế là, ông ta liền đi thẳng về nhà, để giỏ đựng hoa ngoài cửa, vào trong nhà nói với vợ:

- Tôi từ sáng đến giờ chưa ăn gì hết, nhà vua nhất định sẽ giết tôi, bà mau mau làm thứ gì cho tôi ăn với!

Người vợ nghe chồng nói vậy, vô cùng hoảng sợ,

bà hỏi:

- Vì sao ông lại bị nhà vua đem giết?

Người chồng liền kể đầu đuôi sự việc cho vợ nghe.

Người vợ vội chạy vào bếp làm thức ăn. Ngay lúc đó, trời Đế Thích liền đem hoa trời để đầy trong giỏ.

Người vợ đem thức ăn từ nhà bếp ra, thấy cái giỏ trông không lúc nãy chồng bà để ngoài cửa, bây giờ đã đầy tràn những bông hoa, màu sắc rực rỡ khác thường, nên vội vàng báo lại với chồng.

Người chồng ra ngoài cửa xem, biết đây là hoa trời, nên rất vui mừng, ông không ăn nữa, mà liền mang hoa vào cung.

Nhà vua đích thân đi đón đức Phật. Trên đường đi, gặp người giữ vườn mang hoa tới, vua thấy hoa rất đẹp, ở thế gian hiếm có, liền hỏi người giữ vườn:

- Trong vườn của ta có nhiều hoa đẹp như vậy, mà người lâu nay không dâng lên, tội người đáng chết có biết không?

Người giữ vườn thưa:

**【38】 — Phước huệ tập 7**

- Tâu đại vương! Trong vườn không có loại hoa này. Hạ thần vào sáng sớm đem hoa trong vườn về cung, trên đường đi gặp đức Phật, không nén nổi lòng vui mừng, nên hạ thần đã đem hết hoa dâng lên Phật, liền được Ngài thọ ký cho hạ thần. Biết sẽ bị đại vương không tha tội, nên hạ thần về nhà tìm món gì để ăn trước khi chịu chết. Nhưng sau đó, hạ thần ra cửa thì lại thấy trong cái giỏ không trống không trước đó, nay đã có đầy những hoa đẹp, đây chắc là hoa trời, chứ trong vườn chẳng thể có loại hoa này. Đời này, hạ thần sinh ra làm hạng người thấp kém, vâng lời đại vương mà giữ vườn hoa, ít nhiều bị ràng buộc nơi vương cung không thể chuyên tâm tu đạo. Một khi đã được đức Phật thọ ký rồi, dù ngay bây giờ hạ thần có chết, cũng chắc chắn sinh lên cõi trời, ở trước mười phương Phật không bị ràng buộc, có thể tùy ý tu đạo. Nếu bây giờ đại vương muốn giết hạ thần, hạ thần cũng cam lòng!

Nhà vua nghe người giữ vườn hoa đã được đức Phật thọ ký, nên vua vừa hổ thẹn, vừa xúc động vô cùng. Vua sinh tâm cung kính, đứng dậy đánh lễ, quỳ xuống hướng về người giữ vườn hoa mà sám hối.

Đức Phật đến vương cung, sau khi thọ thực, chúc phúc nhà vua xong, Ngài trở về tịnh xá.

Nhà vua lại hỏi Kì-bà:



- Ta lần trước chuẩn bị rất nhiều dầu thắp đèn, thỉnh Phật cúng dường, thì bà lão chỉ cúng dường một ít dầu lại được Phật thọ ký. Hôm nay, ta dùng rất nhiều hoa đẹp trong vương cung cúng dường Phật, muốn tu công đức thì người giữ vườn hoa được Phật thọ ký. Chỉ một mình ta vì có gì không được Phật thọ ký? Trong lòng ta thật sự rất phiền muộn. Ta phải làm những công đức gì thì mới được Phật thọ ký đây?

Kì-bà đáp:

- Đại vương tuy hàng ngày làm phước, nhưng chỉ dùng của cải trong kho của quốc gia, sử dụng sức của dân chúng, trong tâm vẫn còn chứa đầy kiêu ngạo tự đại, hoặc bực tức bất mãn, cho nên chưa được Phật thọ ký. Nay nhà vua nên đem các vật trang sức nơi thân mình làm vật cúng dường và cỡi vòng ngọc bảy báu như anh lạc... để làm hoa báu; cần phải có sự trợ giúp của phu nhân, thái tử, cùng nhau hợp lực tạo những vật do chính mình làm ra, một lòng dâng lên cúng Phật. Phật thấy vua chí thành thì chắc chắn sẽ thọ ký.

Bấy giờ, vua giảm thiểu triệt để sự ăn uống trong cung, cỡi những đồ báu trên mình, ngày đêm giữ gìn trai giới. Vua triệu tập những người thợ giỏi mỗi ngày đến hướng dẫn làm hoa trân bảo. Nhà vua và phu nhân, thái tử đều tự tay mình làm, cho đến chín mươi ngày

**【40】 — Phước huệ tập 7**

sau mới hoàn tất hoa báu. Nhà vua ra lệnh chuẩn bị xe ngựa thật trang nghiêm, để tự mình đem hoa dâng lên cúng dường Phật. Thế nhưng, một cận thần của nhà vua thưa:

- Hạ thần nghe nói mấy ngày trước, đức Phật đi đến nước Cưu-di-na-kiệt và đã nhập niết-bàn ở đó'.

Nhà vua nghe vậy, lòng rất đau buồn, roi lệ nghẹn ngào than:

- Ta thành tâm thành ý, tự tay mình làm những vòng hoa này. Đức Phật tuy đã nhập niết-bàn, ta vẫn đến núi Kỳ-xà-quật đặt vòng hoa lên chỗ Phật ngồi, để dâng lên lòng thành kính của ta.

Kì-bà thưa:

- Pháp thân Phật không có hình tướng cũng không có niết-bàn, chẳng thường trụ cũng chẳng nhập diệt, chỉ có người nào chí thành mới gặp được Phật. Phật tuy hiện hữu ở đời, nhưng nếu người không chí thành thì không gặp được Phật. Đại vương chí thành như vậy, Phật tuy thị hiện nhập niết-bàn, nhưng nếu đại vương đến núi Linh Thứu thì chắc chắn sẽ được gặp Phật.

Nhà vua lập tức đến núi Kỳ-xà-quật. Vừa tới nơi, vua liền thấy Phật, vua vừa buồn, vừa vui, roi lệ khóc

thương tiến về phía trước, đầu mặt đánh lễ đức Phật. Vua dùng hoa bằng bảy báu tung lên, tất cả hoa đều trụ ở giữa hư không, hóa thành lọng báu ngay trên thân đức Phật. Đức Phật thọ ký cho nhà vua:

- Tám vạn kiếp sau, có kiếp tên là Hỷ Quán, đại vương sẽ thành Phật ở cõi ấy, hiệu là Tịnh Kỳ Sở Bộ Như Lai, quốc độ ấy tên là Hoa Vương. Khi đó, dân chúng thọ bốn mươi tiểu kiếp.

Lúc ấy, thái tử con vua A-xà-thế tên là Chiên-đà-hòa-lợi vừa lên tám tuổi, thấy cha được thọ ký nên rất vui mừng, liền cởi những đồ báu trên thân tung lên cúng dường đức Phật, rồi thưa:

- Con nguyện sau khi đức Tịnh Kỳ Sở Bộ thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, được cúng dường Phật. Sau khi đức Phật đó nhập Niết-bàn, con sẽ kế thừa làm Phật.

Bấy giờ, các vật báu mà thái tử cúng dường đều tự kết thành màn anh lạc che phía trên đức Phật.

Đức Phật nói:

- Con chắc chắn sẽ đạt như sở nguyện. Khi nhà vua thành Phật, con sẽ làm Kim luân thánh vương, hết tuổi thọ sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất. Sau khi hết thọ mạng

ở cõi trời này, con sẽ thành Phật, hiệu là Chiên Đàn, giáo hóa ở cõi nước Dược Vương. Thọ mạng của nhân dân, sự trang nghiêm của cõi nước v.v., cũng giống như cõi Hoa Vương của đức Phật Tịnh Kỳ Sở Bộ.

Sau khi đức Phật thọ ký xong, vua A-xà-thế và thái tử Chiên-đà-hòa-lợi đến trước đức Phật đánh lễ, khi ấy bỗng có một luồng ánh sáng bay lên, không ai còn thấy đức Phật nữa.

**Câu chuyện này có đôi chỗ đáng để chúng ta suy ngẫm:**

Việc bố thí không đặt nặng ở tiền tài, phẩm vật bố thí nhiều hay ít, mà quan trọng là ở việc phát tâm. Chẳng hạn như bà lão vô cùng nghèo khổ, không dễ gì mới xin được hai đồng tiền, nhưng bà không dùng tiền này mua đồ ăn sống qua ngày, mà cảm thấy đức Phật xuất hiện ở thế gian trăm nghìn vạn kiếp khó gặp được, nếu không nhân cơ hội này cúng dường, thì lúc nào mới có dịp được cúng dường Phật đây? Dầu thấp đèn mà vua A-xà-thế cúng dường tuy nhiều, nhưng xét theo phương diện phát tâm, thì bà-lão vốn chẳng có gì, lại có thể đem hết tâm thành dâng dầu lên cúng Phật, sự phát tâm như thế thật không gì quý hơn.

Kế đến, vua A-xà-thế lại ra lệnh cho người giữ

vườn hoa chọn ra những bông hoa đẹp nhất đem vào trong cung, để vua dâng lên cúng Phật. Vua không ngờ rằng người giữ vườn hoa giữa đường đã gặp Phật, một lòng nghe Phật thuyết pháp, vô cùng hoan hỷ, liền dâng hoa lên cúng dường Phật. Đức Phật thọ ký cho ông ấy tương lai sẽ thành Phật, hiệu là Giác Hoa Như Lai.

Vua A-xà-thế rất buồn bã, nghĩ rằng vì sao bà lão ăn mày và người giữ vườn hoa đều được Phật thọ ký, mà mình lại không được thọ ký. Đại thần Kì-bà nói với Quốc vương rằng:

- Thưa Quốc vương, ngài tuy cúng dường đức Phật, nhưng đều sử dụng tài sản trong ngân khố quốc gia, lại chưa buông bỏ tâm xan tham, trong lòng lại đầy ắp kiêu ngạo, tự cao, phẫn nộ, bất mãn, như thế thì làm sao được Phật thọ ký?

Vua A-xà thế nghe như vậy, liền giữ gìn trai giới trong ba tháng, đồng thời tự tay mình dùng châu báu làm thành vòng hoa để dâng lên cúng dường Phật. Nhưng khi vừa làm xong vòng hoa, nhà vua nghe nói đức Phật đã viên tịch rồi! Kì-bà nói với vua A-xà-thế rằng:

- Sắc thân của Phật tuy đã nhập diệt, nhưng pháp

## 【44】— Phước huệ tập 7

thân của Ngài luôn luôn hiện hữu, chỉ cần thành tâm muốn gặp Phật thì có thể thấy được pháp thân Phật.

Cuối cùng, vua A-xà-thế đem hết tâm thành, dâng hoa cúng dường, được Phật thọ ký.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta: Có nhân duyên gặp được Tam bảo, thì nên trân quý, phát tâm trồng phước điền.

Ngoài ra, nói đến hương hoa cúng dường, kinh thứ hai trong *kinh Trường A-hàm* là *kinh Du hành*, nhắc đến câu chuyện, lúc đức Thích Tôn sắp nhập niết-bàn bên hai cội cây sa-la. Khi ấy, vốn chẳng phải là mùa trở hoa, nhưng hai cây sa-la bỗng nhiên trở hoa đẹp, cùng lúc ấy, Thiên long bát bộ cũng rải rất nhiều hoa và hương chiên đàn cúng dường Phật. Đức Phật nói với A-nan:

- Nếu thật tâm muốn cúng dường báo ân, thì không phải là cúng dường hoa thế gian hay hoa trời, mà cần cúng dường hoa giác ngộ, cũng chính là trì giới thanh tịnh, đọc tụng kinh điển, thọ trì chánh pháp, y pháp mà thực hành, đây mới là chân thật cúng dường. Hoa giác ngộ thù thắng hơn hoa thế gian và hoa cõi trời, thể hội được vô ngã mới là sự cúng dường tối thượng.

Xin chia sẻ những điều trên đây cùng đại chúng để  
mọi người cùng nhau sách tấn tu học!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 19.12.2015*

## 4. ĐỨC PHẬT XỎ KIM CHO TÔN GIẢ A-NA-LUẬT

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với mọi người một câu chuyện trong kinh điển của Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tăng Nhất A-hàm* trong Đại Chánh tạng, quyển 2, trang 718c17-719b19.

Câu chuyện này mọi người nghe quen tai thì có thể rõ tường tận, có điều là, hàm ý của nó đáng để cho chúng ta phải suy ngẫm nhiều.

Thuở quá khứ, có một thời, đức Phật ở tại nước Xá-vệ, trong rừng Kì-đà, vườn Cấp Cô Độc. Lúc đó, đức Thế Tôn nói pháp cho vô số chúng sanh nghe, tôn giả A-na-luật cũng ngồi tại vị trí của mình để nghe pháp, nhưng Tôn giả lại ngủ gật.

Khi đó, đức Phật nhìn thấy tôn giả A-na-luật ngủ gật, Ngài liền nói một bài kệ, đại ý là:

“Lúc nghe pháp lại buông lung nên ngủ gật, như vậy tâm niệm không thể rời loạn được không? Giáo



pháp của bậc Thánh hiền được tuyên thuyết, khiến cho người trí ưa thích. Như nước trong vực sâu, trong suốt, thanh khiết, không có tạp chất; người nghe pháp cũng vậy, phải dùng tâm thanh tịnh, hoan hỷ tín thọ Phật pháp. Cũng giống như một tảng đá lớn, gió như thế nào cũng không thể xô dịch được nó; người tu hành cũng như thế, bất luận bị phỉ báng hoặc được khen ngợi, tâm cũng không dấy lên một mảy may dao động nào”.

Lúc đó, Thế Tôn hỏi tôn giả A-na-luật:

- Ông vì sợ pháp luật của nhà vua và giặc trộm cướp nên mới tu hành phải không?

Tôn giả trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Không phải như vậy ạ!

Phật lại hỏi:

- Vậy ông vì cái gì mà xuất gia tu hành?

A-na-luật thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con vì chán ghét già, bệnh, chết, ưu sầu, khổ não; vì bị các khổ não ràng buộc, con hy vọng có thể xả bỏ những tội lỗi, cho nên mới xuất gia tu hành.

**【48】 — Phước huệ tập 7**

Thế Tôn nói :

- Thiện nam tử! Ông vì có tín tâm kiên cố nên mới xuất gia tu hành, mà sao hôm nay Thế Tôn thuyết pháp, ông lại ngủ gật?

Lúc đó, tôn giả A-na-luật lập tức từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch y vai phải, quỳ gối, chắp tay, đối trước Thế Tôn thưa rằng:

- Từ nay về sau, dù cho thân thể này thối rữa, mục nát, ở trước đức Thế Tôn, con tuyệt đối không ngủ gật.

Thế là từ đó, suốt đêm tôn giả không ngủ. Nhưng con người thì không thể không ngủ, do vì tôn giả không chịu ngủ nghỉ, cho nên cặp mắt của ngài bị tổn thương và mù.

Lúc đó, Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Tinh tấn quá mức thì dễ tương ưng với trạo cử cái<sup>4</sup>, còn nếu buông lung thì phiền não hôn trầm dễ dấy khởi. Cho nên, ông hãy nương vào trung đạo mà tu hành.

A-na-luật bạch với Phật:

---

<sup>4</sup> Trạo cử cái 掉舉蓋: Là một trong ngũ cái, chỉ sự phiền não bút rút, đứng ngồi không yên.

- Trước kia, đệ tử đã phát thệ ở trước đức Như Lai, nên hôm nay không thể lại làm trái lời thề ban đầu.

Vì thế, đức Thế Tôn liền nói với danh y Kì-vực:

- Ông hãy chữa trị đôi mắt cho A-na-luật!

Kì-vực thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tôn giả A-na-luật chịu ngủ trong chốc lát, chắc chắn con có thể chữa lành đôi mắt cho ngài ấy.

Đức Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Ông hãy nằm xuống nghỉ ngơi một lát! Bởi vì tất cả các pháp đều nương vào y thực mà tồn tại (mỗi một pháp đều cần phải có chất dinh dưỡng để nuôi lớn nó). Nếu như không có y thực để sinh trưởng và hỗ trợ, thì pháp ấy không tồn tại. Giác ngủ là thức ăn của đôi mắt, âm thanh là thức ăn của tai, mùi hương là thức ăn của mũi, vị là thức ăn của lưỡi, xúc chạm trơn mịn là thức ăn của thân, pháp là thức ăn của ý, hiện tại, Ta nói niết-bàn cũng có thức ăn.

Tôn giả liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thức ăn của niết-bàn là gì?

**【50】 — Phước huệ tập 7**

Đức Phật đáp:

- Thức ăn của niết-bàn là không phóng dật, hành giả nhờ không phóng dật mà đắc được Vô vi.

A-na-luật bạch đức Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn! Tuy nói giấc ngủ là thức ăn của đôi mắt, nhưng con cũng không thể ngủ.

Về sau, tôn giả A-na-luật dùng kim vá lại chiếc y đã cũ. Lúc đó, đôi mắt của ngài dường như chẳng thể nhìn thấy được nữa, nhưng ngài đã đắc được thiên nhãn nên không có sai sót gì. Chẳng qua lúc đó, ngài lấy thường pháp của phàm phu để may y phục, nên không cách nào xỏ chỉ qua lỗ kim được. Vì thế, ngài liền nghĩ: “Các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, xin hãy đến đây xỏ kim giúp tôi!”.

Lúc đó, đức Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe biết tâm niệm của tôn giả A-na-luật: “Các bậc A-la-hán đắc đạo trong thế gian, xin hãy đến đây xỏ kim giúp tôi!”.

Thế là, Thế Tôn liền đi đến trước mặt tôn giả, nói với ngài rằng:

- Ông hãy đem kim chỉ ra, Ta sẽ giúp ông.

A-na-luật bạch với đức Phật:

- Con vừa khởi nghĩ như thế, là muốn cho người muốn cầu phước đức ở thế gian hãy đến xỏ kim giúp con.

Vốn dĩ ngài nghĩ: ‘Bậc A-la-hán đắc đạo đến đây giúp tôi’, ý là chỉ bậc A-la-hán bình thường, rốt cuộc là đức Phật đến, do đó, tôn giả cảm thấy rất ngại ngùng, liền đổi giọng, thưa: “Ý nghĩ vừa rồi của con kì thực là chỉ nói: Có ai muốn cầu phước đức thì đến giúp con xỏ kim”.

Đức Thế Tôn nói với A-na-luật:

- Trong thế gian này, người muốn tìm cầu phước đức không có ai hơn Ta. Ta là người yêu thích phước đức đệ nhất. Như Lai ở nơi sáu pháp vĩnh viễn không cảm thấy đầy đủ. Những gì là sáu? Đó là: 1. Bồ thí, 2. Giáo giới (tức là chỉ dẫn, răn dạy), 3. Nhẫn nhục, 4. Pháp thuyết, nghĩa thuyết (‘pháp thuyết’ tức là giải thích nghĩa trọng yếu của chánh pháp; ‘nghĩa thuyết’ tức là giải nghĩa tường tận nội dung của chánh pháp), 5. Hộ niệm chúng sanh, 6. Tìm cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Nay A-na-luật! Đức Như Lai đối với sáu pháp trên, vĩnh viễn không cảm thấy đủ.

**【52】 — Phước huệ tập 7**

Tôn giả A-na-luật thưa :

- Thân Như Lai là pháp thân chân chánh, lại còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển lớn sinh tử luân hồi, thoát ly tham ái, tạp nhiễm, vậy mà hôm nay vẫn còn mong cầu phước đức, trở thành một người có phước đức đệ nhất (Người cầu phước đức trong nhân gian, tôn Như Lai là thượng thủ).

Thế Tôn bảo A-na-luật rằng :

- Phải rồi! A-na-luật! Giống như những gì ông nói, đức Như Lai cũng biết sáu pháp này vĩnh viễn không thể cảm thấy thỏa mãn. Nếu có chúng sinh nào biết căn nguyên của tội ác là do thân khẩu ý tạo ra, như vậy, họ tuyệt đối sẽ không bị đọa lạc vào ba đường ác. Bởi vì chúng sinh không biết căn nguyên của tội ác, cho nên, mới đọa vào đó.

Ngay sau đó, đức Thế Tôn liền nói một bài kệ, đại ý là:

“Dùng tất cả của cải trong thế gian để bố thí khắp chư thiên loài người, nhờ phước đức thù thắng đó mà có thể thành tựu Phật đạo. Do đó, A-na-luật! cần phải tìm kiếm phương tiện thiện xảo để đạt được sáu pháp này. Các tì-kheo! Các ông cũng nên học tập như vậy”.

Lúc đó, các vị tì-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ, vâng làm.

**Câu chuyện này có mấy điểm đáng cho chúng ta suy ngẫm:**

Dùng tâm thanh tịnh để nghe Phật pháp thì được lợi ích lớn, không nên buông lung, ngủ gật khi nghe pháp. Phật pháp tôn quý như thế, sao chúng ta có thể không chuyên tâm, không cung kính, thậm chí còn ngủ gật? Như trong quyển *Con đường thành Phật*, Đạo sư Ân Thuận có nói:

*Nhờ nghe, biết các pháp; nhờ nghe, ngăn các ác; nhờ nghe, dứt vô nghĩa; nhờ nghe, được niết-bàn.*

Nghĩa là: Nghe Phật pháp có thể đạt được bốn lợi ích, đó là: 1. Giúp cho chúng ta biết thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là pháp hữu lậu, thế nào là pháp vô lậu, 2. Sau khi biết được thế nào là thiện ác, thì phải tiến thêm một bước nữa là thực hành thiện pháp, như xả bỏ những hạnh ác của thân và miệng, hơn nữa, phải xả bỏ ác niệm của nội tâm, những ác niệm đã sinh khởi thì đoạn trừ, những ác niệm chưa sinh không cho nó sinh khởi, 3. Nghe thiện pháp còn có thể khiến chúng ta lìa xa kiến thủ, giới cấm thủ, đoạn trừ những hạnh khổ vô nghĩa, 4. Nghe chánh pháp có thể đạt được giải

**【54】 — Phước huệ tập 7**

thoát niết-bàn, thành tựu Phật đạo.

Tôn giả A-na-luật đang nghe pháp mà ngủ gật, nên bị đức Thế Tôn quở trách. Tôn giả cảm thấy rất hổ thẹn nên phát thệ không ngủ, đến nỗi đôi mắt bị mù. Y phục của tôn giả bị rách, ngài muốn vá lại nhưng không có cách nào để xỏ kim, đức Thế Tôn biết được, nên tự mình xỏ kim cho đệ tử. Thế Tôn quan tâm đệ tử như thế, càng hiển lộ sự cao thượng vĩ đại của Ngài!

Nội dung câu chuyện ‘Phật xỏ kim cho vị tì-kheo mù’ cũng được nói đến trong *luận Đại trí độ*.

Có người hỏi: Phước đức và trí tuệ của Phật đều đã viên mãn, tại sao còn xỏ kim giúp đệ tử?

Trong *luận Đại trí độ*, có nêu ra một ví dụ để trả lời:

Có một nghệ nhân, lúc trẻ thường đi các nơi để biểu diễn khiêu vũ, đến khi 100 tuổi mà ông ta vẫn còn khiêu vũ. Có người hỏi ông ấy:

- Ông đã là 100 tuổi rồi, tại sao vẫn còn tiếp tục khiêu vũ như thế?

Ông trả lời:



- Hiện tại tôi không phải khiêu vũ vì nghệ thuật, đây là vì muốn chỉ dạy cho con cháu mà thôi !

Đức Phật cũng như vậy, tuy phước đức đã viên mãn, nhưng vì giáo hóa đệ tử, nên Ngài vẫn không ngừng tích lũy phước đức và dạy chúng đệ tử rằng: “Tuy Ta đã thành Phật rồi nhưng còn phải tu phước đức. Còn các ông, phước đức và trí tuệ đã viên mãn rồi phải không? Nếu chưa viên mãn thì tại sao không tu hành?”.

Trong *kinh Tăng nhất a-hàm* có nói, đức Như Lai thực hành sáu pháp vĩnh viễn không cảm thấy viên mãn, để cho dễ nhớ, tôi phân thành ba nhóm, vì thuận theo thứ tự nên có điều chỉnh một chút:

Nhóm thứ nhất là ‘bồ thí’ và ‘nhẫn nhục’.

Nhóm thứ hai là ‘giáo giới đệ tử’ và ‘giải thuyết chánh pháp’, tức là dạy dỗ đệ tử không bao giờ thấy chán, giảng nói chánh pháp mà không cảm thấy mệt.

Nhóm thứ ba là ‘lấy từ bi hộ niệm chúng sinh’ và lấy ‘trí tuệ cầu đạo Vô thượng Chánh chân’. Chúng ta học Phật cũng nên giống như vậy, tu học thiện pháp thì vĩnh viễn không cảm thấy chán nản và mệt mỏi.

Ngoài ra, đứng trên phương diện đệ tử để nhìn

**【56】 — Phước huệ tập 7**

nhận, tôn giả A-na-luật nghe Phật nói pháp, kết quả chúng được Thánh quả, còn đạt thiên nhãn thông và được tán thán là ‘Thiên nhãn đệ nhất’, hơn nữa, còn là một trong mười vị đại đệ tử của Phật.

Từ câu chuyện của tôn giả A-na-luật có thể biết, cho dù trước đây có buông lung, lười biếng, thậm chí bị sư trưởng trách mắng cũng không có ảnh hưởng gì! Chỉ cần tinh tấn tu hành, vĩnh viễn không buông lung nữa thì vẫn có thể đạt được cứu cánh giải thoát.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người chúng ta cùng cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.12.2015*

## 5. ĐỨC PHẬT ĐỘ ÁC TẶC ƯƠNG-QUẬT-MA-LA

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Xuất diệu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 703a23-704c13.

Trong kinh từng dạy, nếu có ai trước kia đã từng làm sai, sau đó biết dừng lại, không tiếp tục sai phạm, chẳng khác nào như khi ánh trăng chiếu xuống thế gian, một khi ánh sáng xuất hiện thì đám mây u ám liền tiêu tan.

Lúc đức Phật còn tại thế, có một khoảng thời gian, Ngài trú ngụ tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, tại một vùng cách Xá-vệ không xa, có một người con trai của Bà-la-môn, tên là Vô Hại (có nơi dịch là Ương-quật-ma hoặc Ương-quật-ma-la, có nơi lại dịch là Chỉ Man). Anh ta thường nghiên cứu kinh điển Bà-la-môn cùng với thầy giáo và bạn bè, lại được gần gũi hầu hạ người thầy tuổi cao đức trọng. Vị thầy này đã ngoài tám mươi tuổi, nhưng lại có một cô vợ rất trẻ, cô này có dung mạo rất xinh đẹp, hội đủ lễ

tiết và uy nghi của nữ nhi. Còn tướng mạo của anh chàng Bà-la-môn Vô Hại cũng là bậc đại trượng phu, đoan chánh không ai sánh bằng, đúng là độc nhất vô nhị.

Một hôm, vợ của người thầy vì dục vọng bộc phát quá mãnh liệt, không làm chủ được mình nên cô ôm chặt cánh tay của Vô Hại và nói:

- Tôi rất ngưỡng mộ và yêu mến đức tính tốt của anh. Tôi muốn tiến thêm một bước nữa, kết mối quan hệ tình cảm đặc biệt với anh, anh thấy thế nào?

Vô Hại vừa nghe xong, lập tức đưa tay bịt kín hai tai, và nói:

- Tôi thà chết chứ tuyệt đối không làm theo lời cô.

Cô vợ của người thầy nói rằng:

- Trong lúc người ta đang bị đói khát thì cho họ thức ăn nước uống, như thế chẳng lẽ không phải là đang thổ lộ tình cảm hay sao? Bây giờ, ngọn lửa dâm dục hừng hực đang bốc cháy trong tôi, cho nên, tôi mới cần dòng nước dâm dục của anh để dập tắt, tại sao anh không đáp lại sự khao khát của tôi? Nếu vì anh mà hại đến mạng sống của tôi, như thế thì anh học những kinh điển này có ý nghĩa gì?

Vô Hại đáp:

- Nếu tôi làm theo nguyện vọng của cô, tức là vi phạm pháp của Bà-la-môn. Sau khi chết phải đọa vào địa ngục, như thế chẳng phải quá oan uổng sao?

Nói xong, Vô Hại gỡ tay của cô ta ra, rồi đi ra ngoài. Vì không được chàng đáp ứng, nên cô ta liền vò đầu bứt tóc cho rối bời lên, bốc đất chà lên cho mặt mày lấm lem, cố ý xé y áo rách tả toai, xong ngồi bệt xuống đất, ôm mặt gào thét, khóc lóc sụt sùi.

Ngay lúc đó, trưởng lão Phạm chí trở về, nhìn thấy cảnh tượng như thế, ông vô cùng hốt hoảng, vội vã đến dìu nàng lên và hỏi:

- Ai đã đánh nàng ra nông nỗi này?

Người vợ đáp:

- Chính là người đệ tử thân tín của ông đó!

Sau khi nghe xong, ông liền nghĩ: “Bây giờ không phải lúc thích hợp để làm rõ việc này. Nếu hấn ta biết được, chắc chắn sẽ hại mình. Ta phải tính kế một chút, để hấn rơi vào bẫy, đợi đến khi bắt được, ta sẽ giết chết hấn.

**【60】 — Phước huệ tập 7**

Sau đó, trưởng lão Phạm chí liền gọi Vô Hại đến, nói:

- Tất cả những chú thuật con học từ trước đến nay đã thông thạo rồi, không có thiếu sót gì. Nay nên chọn ngày lành tháng tốt để cúng tế thần, như vậy thì chú thuật của con mới được thành tựu viên mãn. Bây giờ, tay trái con hãy cầm lá chắn, tay phải cầm kiếm, đến các con đường hiểm, gặp người thì chém ngay. Con phải giết đủ một nghìn người, mỗi người chỉ chặt lấy một ngón tay của họ, xâu thành vòng tròn. Lúc ấy, chú thuật của con sẽ thành tựu viên mãn.

Lúc này, ác quỷ sai quỷ ăn tinh khí người, đi theo để xúi sử Vô Hại, dung túng cho anh ta tạo ác, khiến anh ta chặn đón những người đi đường, sát hại để chặt ngón tay, làm cho dân làng không còn ai dám đi lại trên đường nữa. Vô Hại chuyên hướng về phía bìa rừng, không kể là thôn xóm hay nơi hoang vắng, người dân khắp nơi đều phải chịu họa chung, thế nhưng đếm lại số ngón tay đã chặt được, thì Vô Hại thấy vẫn còn thiếu một ngón tay, chưa đủ số một nghìn.

Người mẹ của Vô Hại luôn nhớ đến con trai: “Con trai của tôi đã đợi lâu nơi hoang vắng, chắc phải chịu đựng giá lạnh, bị sự đói khát hành hạ, thật là tội nghiệp quá!”. Nghĩ thế, bà liền khăn gói mang lương thực vào

rùng tìm con.

Từ xa, Vô Hại nhìn thấy mẹ, hấn liền nghĩ: “Ta nghe lời của thầy căn dặn phải hoàn thành râu chuối ngón tay, nhưng bây giờ còn thiếu một ngón nên số lượng vẫn chưa đủ. Nay đúng lúc đích thân mẹ mang thức ăn đến, nếu ta ăn cơm xong mới chặt ngón tay của mẹ, thì chú thuật không thể thành tựu, nhưng nếu giết chết mẹ mình, thì sẽ phạm tội ngũ nghịch”.

Vô Hại nhờ gieo trồng duyên lành trong quá khứ, nên được đức Phật đến hóa độ. Trí tuệ của đức Thế Tôn có đủ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lậu tận minh, Ngài quán sát biết được anh ta quyết định giết mẹ, như thế sẽ bị phạm vào tội ngũ nghịch. Đức Phật liền suy nghĩ: “Nếu Vô Hại quyết giết mẹ, thì dù có vài ức đức Phật xuất hiện cũng không thể cứu được. Bây giờ, Ta phải đến cứu anh ta thoát khỏi biển khổ, giúp cho hai mẹ con họ đều được an toàn, không bị tổn hại, như thế chẳng phải là rất tốt sao?”.

Thế là đức Phật liền hóa thành vị từ-kheo, hai tay ôm bình bát, rồi đi từng bước trên con đường Vô Hại thường đi, sau đó rẽ vào viên lâm. Những người trên đường, hay những người chăn trâu thấy vậy liền ngăn:

- Sa-môn! Mau dừng lại! Đừng có đi vào con

**【62】 — Phước huệ tập 7**

đường nguy hiểm đó. Phía trước có kẻ rất tàn nhẫn tên là Chỉ Man, mấy hôm nay hắn đã giết không biết bao nhiêu người. Chúng tôi rất dè chừng, cũng vô cùng sợ hãi, không một ai dám bước đến con đường này nữa. Sa-môn đi một mình, lại ốm yếu như thế, nếu không may bị ác tặc hại, như thế chẳng phải sẽ rất thảm hại sao?

Hóa thân từ-kheo đáp:

- Xin đừng quá lo lắng! Tôi có đủ chú thuật để điều phục ác tặc đó, khiến anh ta không thể nào hại tôi được.

Nói xong, Ngài tiếp tục nhắm hướng viên lâm mà đi.

Từ xa, Chỉ Man nhìn thấy có vị từ-kheo đang đi đến, anh ta vô cùng mừng rỡ, không nén nổi niềm vui trong lòng: “Ước mơ của ta cuối cùng sắp thành hiện thực rồi! Xâu chuỗi ngón tay này chắc chắn sẽ hoàn thành mà ta không cần phải giết mẹ. Chú thuật sẽ được thành tựu viên mãn. Trước hết, mình tạm thời không giết mẹ, cũng không vội ăn, đợi giết vị từ-kheo đó xong rồi hãy ăn cơm”.

Lúc đó, anh ta một tay cầm kiếm, tay kia cầm lá



chấn, chạy đến chỗ vị tì-kheo.

Lâu nay, Vô Hại vốn là người dũng mãnh và cường tráng, tốc độ chạy của anh ta như ngựa Bôn (một giống ngựa hiếm, chạy nhanh như bay), do vậy, anh ta chạy thật nhanh, đuổi theo đức Phật. Lúc đó, đức Phật dùng thần thông, khiến anh ta đột nhiên không bước được, còn bước chân của đức Phật thì cứ sải đều, chính vì thế, Vô Hại mệt lả người nhưng vẫn không đuổi kịp đức Phật.

Chỉ Man hét lớn:

- Dừng lại! Dừng lại! Sa-môn! Tôi có chuyện muốn hỏi.

Tì-kheo đáp:

- Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chính anh mới chưa dừng lại!

Lúc ấy, Chỉ Man dùng một bài kệ nói với thầy tì-kheo, đại ý như sau:

“Thầy cứ đi mãi mà nói mình đã dừng lại, còn tôi đã dừng bước, mà lại nói tôi còn đi. Xin hãy nói rõ nghĩa của ‘dừng’ và ‘đi’. Tại sao Thầy dừng lại, còn tôi không dừng lại được?”.

Lúc đó, đức Phật cũng dùng kệ để đáp:

“Này Chỉ Man! Ta đã dừng lại, vì Ta không còn mang khổ đau đến cho nhân loại; còn anh là người rất tàn nhẫn, tại sao không sửa đổi tội lỗi đã gây nên?”.

Đức Phật nói: ‘Ta sớm đã dừng lại’, không có nghĩa là dừng hành động bước đi của đôi chân, ở đây, ý của đức Phật là Ngài đã chấm dứt việc làm tổn hại tất cả chúng sanh. Câu ‘tự mình chưa dừng lại’ là nói: “Chỉ Man! Tại sao vẫn anh chưa dừng hành động tạo ác lại?”. Nói rộng ra như bài kệ trong kệ kinh.

Lúc ấy, ác tặc Chỉ Man lập tức quăng cây kiếm và lá chắn trong tay, ngay cả chiếc vòng ngón tay đang đội trên đầu cũng xuống vút dưới núi sâu, nước thẳm. Anh chấp hai tay lại, đối trước đức Phật thành tâm sám hối, lại dùng kệ tán thán đức Phật:

“Con xin nương tựa bậc Thánh vĩ đại, mong được đánh lễ bậc Sa-môn tôn kính, giờ này, xin cho con được sám hối những lỗi lầm mà con đã tạo từ trước đến nay”.

Lúc ấy, đức Thế Tôn hiện thân tướng trang nghiêm trở lại, uy nghiêm tột bậc, Ngài nắm lấy tay của Chỉ Man rồi trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Đến nơi, Ngài dạy

chúng đệ tử:

- Các thầy hãy chỉ dạy cho Chỉ Man, để anh ta trở thành tì-kheo!

Chỉ Man nương vào sự giáo hóa của đức Phật và chư tăng, được trở thành một vị sa-môn Thích tử.

Sáng sớm, thầy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc ấy, trong thành có một con voi mẹ mang thai, đã đến lúc sinh nở, nhưng voi con mãi không ra được (trong *kinh Xuất diêu* thì nói có một con voi mẹ khó sanh, lại có kinh nói là bà mẹ khó sinh con, chúng ta đang dựa theo *kinh Xuất diêu*, là voi mẹ khó sanh con).

Từ xa, người chủ của voi nhìn thấy có thầy tì-kheo đang đi đến, vội vàng đứng lên chặn đường, ông ta nói:

- Nếu thầy giúp cho voi mẹ sinh được suông sẻ thì mới được vào trong thành khát thực; bằng không, thì tôi không cho thầy vào thành.

Thầy tì-kheo đáp:

- Tôi chưa từng đọc tụng qua các bài chú nguyện này. Ông đợi tôi trở về thưa hỏi đức Thế Tôn, xong rồi tôi sẽ trở lại chú nguyện cho chúng được mẹ tròn con vuông.

**【66】 — Phước huệ tập 7**

Trở về tịnh xá, thầy Chỉ Man đến đánh lễ đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn! Sáng nay, con đi vào thành khát thực, vừa đến cửa thành thì gặp một con voi mẹ sắp sinh con. Chủ của voi muốn con chú nguyện cho nó, nói là nếu con giúp cho voi mẹ sinh nở được thuận duyên, thì con mới được đi vào thành khát thực. Xin Thế Tôn từ bi dạy cho con bài thần chú, giúp cho voi mẹ sinh nở được suông sẻ, và cũng giúp cho con được vào thành đi khát thực.

Đức Phật bảo thầy Chỉ Man:

- Thầy đi đến nơi đó và nói như vậy: “Giờ đây, lấy tâm chí thành chú nguyện, tôi từ lúc chào đời cho đến nay, chưa một lần sát hại chúng sanh”. Do lời chân thành chú nguyện của thầy như thế, voi con chắc chắn sẽ suông sẻ ra đời.

Lúc ấy, thầy Ương-quật-ma học được chú thuật nơi đức Phật xong, liền đi đến chú nguyện cho voi mẹ. Cuối cùng, nó đã sinh con một cách dễ dàng.

Khi ấy, người dân đều nhón nháo lên:

- Lành thay! Thế gian quả nhiên có chuyện kỳ lạ thế này. Tên Chỉ Man từ trước đến nay giết hại không

biết bao nhiêu sanh mạng, bây giờ lại chú nguyện rằng: “Tôi từ khi sanh ra cho đến nay chưa từng giết hại một chúng sanh”. Chí thành chú nguyện như thế, mà giúp cho voi mẹ sinh con nhẹ nhàng.

Nhờ thế, thầy Chỉ Man mới được vào thành để khát thực. Trong số những người dân đi đường nhìn thấy thầy đi đến, có những người là cha mẹ, hoặc anh em của những người không may trước đây bị Chỉ Man giết hại, đều đến báo thù. Có người cầm dao gậy, ngói đá ra sức ném vào thầy, khiến cho đầu thầy bị chảy máu, thân thể bầm dập, y áo rách nát, đến cả bình bát cũng bị vỡ vụn. Cuối cùng, thầy chỉ còn cách chạy nhanh ra khỏi thành, không thể đi khát thực được nữa.

Thầy Chỉ Man trở về nơi đức Thế Tôn đang cư trú, đánh lễ đức Phật xong, thưa với đức Thế Tôn những gì vừa xảy ra. Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của thầy, liền nghĩ: “Thọ mạng của thầy Chỉ Man này sắp kết thúc rồi!”.

Khi đó, đức Thế Tôn giảng pháp cho Chỉ Man nghe, nhờ thế mà thầy chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đầy đủ sáu món thần thông, thanh tịnh sáng suốt.

Lúc ấy, vua Ba-tu-nặc đã triệu tập bốn loại binh

**【68】 — Phước huệ tập 7**

chúng: Mã binh, tượng binh, xa binh và bộ binh muốn tiến về phía viên lâm để vây bắt Ương-quật-ma. Vừa ra khỏi thành Xá-vệ, đi được nửa đường thì có người báo tin, tên đại tặc Ương-quật-ma đã tiếp nhận sự giáo hóa của Như Lai, trở thành từ-kheo rồi. Nghe vậy, nhà vua bèn rút quân, chuyển hướng về tịnh xá Kỳ Hoàn, bái kiến đức Như Lai.

Lúc ấy, đức Phật biết vua Ba-tư-nặc sắp đến, liền dùng thần thông ẩn kín thân hình của thầy Ương-quật-ma, khiến cho không ai thấy được.

Vua Ba-tư-nặc đến trước đức Phật, sau khi đánh lễ xong, nhà vua ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã biết sự việc, nhưng vẫn hỏi nhà vua rằng:

- Đại vương chuẩn bị binh khí, triệu tập bốn loại binh chủng, để làm gì?

Nhà vua thưa với đức Phật:

- Trong nước có giặc, tên là Ương-quật-ma, hấn trốn trong núi rừng, tìm cách giết hại người dân, bạo ngược không thể nói. Vì thế, con phải triệu tập binh chủng muốn đến trừng trị hấn, nhưng đi được nửa đường thì nghe rằng: “Ương-quật-ma đã tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật, trở thành một thành viên của

Tăng đoàn”. Bạch Thế Tôn! Không biết bây giờ thầy ấy đang ở đâu?

Đức Phật biết được tâm tư của vua, liền thâm nhiếp thần thông, khiến cho nhà vua nhìn thấy thầy Ương-quật-ma. Nhà vua vừa nhìn thấy thầy, thì kinh hãi đến nỗi bị ngất, ngã ra trên đất. Các đại thần vội vã dìu vua dậy, lấy nước rải lên mặt cho nhà vua tỉnh lại.

Đức Phật nói với vua rằng:

- Chỉ nhìn thấy sự khiếp sợ nhỏ nhặt, là may mắn cho nhà vua đó! Hiện giờ thầy ấy đã chứng quả A-la-hán. Nếu trước đây trong viên lâm, ngài nhìn thấy hình tướng của thầy ấy, trên đầu đội chiếc vòng được khâu bằng ngón tay người, trên thân ướt đẫm máu, tay cầm kiếm bén, khuôn mặt hung dữ, lộ rõ nét tàn ác, chỉ cần nhìn thấy, tim gan ngài sẽ tan nát mà chết mất.

Nhà vua bạch đức Phật rằng:

- Hôm nay, đức Như Lai đã điều phục người chưa từng được điều phục, độ người khó hóa độ. Thế Tôn! Kẻ giết người không gớm tay, tại sao có thể chứng được quả A-la-hán?

Đức Phật dạy:

**【70】— Phước huệ tập 7**

- Không nên ưu sầu khổ não! Chúng sanh tạo nghiệp báo có trước, có sau; có nghiệp báo đã chín mùi, có nghiệp báo chưa đến lúc thọ báo; có nghiệp báo vừa mới tạo, lại có loại đã kết thúc.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn quán sát nhân duyên quá khứ, liền vì đại chúng nói một bài kệ. Đại ý như sau:

“Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó, như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất hiện, mây mù liền tiêu tan”.

Nghĩa là người trước đây tạo ác, bây giờ cần phải làm thiện để diệt ác; ánh sáng chiếu xuống thế gian, chẳng khác nào ánh trăng vừa soi sáng, xóa tan đám mây đen.

‘Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó’, cũng giống như thầy Chi Man, từng sát hại vô số người; ‘nhờ thiện diệt nó’ có ý nghĩa như thế nào? Tức sau đó dùng Bát chánh đạo của bậc Thánh hiền để diệt ác. Vô số tội lỗi đều được rửa sạch, đến cả gốc tạo tội cũng được bứng lên, hoàn toàn thanh tịnh, chứng đắc Vô sanh pháp (không còn tái sanh trong tam giới nữa). Vì thế nói: ‘Trước đây tạo ác, nhờ thiện diệt nó’.

‘Như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất



hiện, mây mù liền tiêu tan’, ý nghĩa của thế gian có ba: Một là chúng sanh thế gian; hai là quốc độ thế gian; ba là ngũ ấm thế gian. Chẳng khác nào ánh trăng của mùa thu, được các vì sao bao quanh, mặt trăng nằm giữa các vì sao, vô cùng sáng rõ. Ánh sáng của nó có thể soi rọi xa muôn vạn dặm. Cũng vậy, những nghiệp ác mà thầy tì-kheo đã tạo trong quá khứ, đã được dứt sạch, tu hành tịnh hạnh, có thể độ khắp chúng sanh. Do đó nói: Như mặt trăng chiếu soi thế gian, một khi vừa xuất hiện, mây mù liền tiêu tan.

‘Trước đây tạo ác, tu thiện để diệt nó; ái nhiễm ở thế gian, nên nhớ đều là Không’, ý muốn nói là người trước kia làm ác, bây giờ cần phải tu thiện để tiêu trừ nghiệp ác; người thế gian vì tham ái mới bị nhiễm trước, nên nhớ đến đạo lý của tánh Không.

‘Trước đây tạo ác, tu thiện để diệt nó’, chúng sanh do tham ái nhiễm trước nên tạo nghiệp bất thiện. Như vợ của trưởng lão Phạm chí, khởi ý niệm hại anh chàng Vô Hại cũng vì tâm tham ái. Do đó nói: “Trước kia đã tạo ác, giờ đây cần phải tu thiện để tiêu diệt ác”.

‘Ái nhiễm ở thế gian, nên nhớ đều là Không’, vì tâm niệm tham ái sâu nặng, kiên cố, nên khiến chúng sanh lưu chuyển không ngừng trong tam giới, thọ sanh trong bốn loài: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh hoặc

## 【72】— Phước huệ tập 7

hóa sanh; lưu chuyên trong năm ác đạo, đều do không buông bỏ được tham ái, nhiễm trước. Người tu tập cần phải hiểu rõ sự vô thường của thế gian, chỉ là giả tạm không thật có, biết được tất cả là rỗng lặng, không phải nơi nương tựa vững chắc, cho nên nói: “Vì tham ái nhiễm trước nên phải luân hồi trong thế gian. Người tu tập cần phải nghĩ nhớ đạo lý tánh Không, biết thế gian đều là sanh diệt vô thường, không phải nơi có thể nương tựa”.

**Trong câu chuyện này, có nhiều điểm mà chúng ta cần chiêm nghiệm kỹ càng:**

Nguyên nhân chủ yếu khiến chúng sanh tạo ác, phần nhiều là do ba độc tham, sân, si dẫn dắt. Ví như vợ của trưởng lão Phạm chí vì sanh tâm ái nhiễm, nhưng không đạt được mục đích, liền muốn hãm hại Chỉ Man. Người thầy của Chỉ Man vừa mới nghe lời oán trách của vợ, liền đùng đùng nổi giận, chưa tìm hiểu sự thật đúng sai, đã vội tìm cách hãm hại học trò mình. Còn Chỉ Man chỉ biết ngoan ngoãn nghe theo lời thầy mà không phân biệt được thiện ác, giết hại không biết bao nhiêu người vô tội, đến nỗi suýt nữa là phạm vào nghịch tội. Vì vậy, chúng ta cần phải đoạn trừ phiền não tham, sân, si, thì mới không còn tạo nghiệp ác, không phải chịu khổ trong luân hồi. Nếu muốn hết

khô, nên như lý mà tư duy đạo lý của tánh Không.

Sau khi giết hết chín trăm chín mươi chín người, Chỉ Man vốn muốn đuổi theo để giết đức Phật, nhưng không cách gì đuổi theo kịp, liền thét lớn: “Dừng lại! Dừng bước lại!”. Đức Phật đáp: “Ta đã dừng lại từ lâu rồi, chính anh mới chưa dừng lại”. Câu nói này mang ý nghĩa rất sâu sắc.

*‘Ta đã dừng lại rồi’*: Ý muốn nói tôi đã chấm dứt hành động bất thiện, đã kết thúc sự luân hồi sanh tử trong tam giới.

*‘Chính anh mới chưa dừng lại’*: Ý nói tại sao anh không dừng hành động tàn ác lại, cứ phải bị đọa lạc trong tam giới, chịu luân hồi không dứt.

Chỉ Man vừa nghe xong, lập tức hướng về đức Phật cầu xin sám hối, xin được xuất gia. Sau khi thọ lãnh giáo pháp của đức Thế Tôn, thầy Chỉ Man chứng được quả A-la-hán. Vua Ba-tư-nặc sanh tâm hoài nghi, nên thưa hỏi đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Chỉ Man giết chết vô số người như thế, nghiệp chướng sâu dày, tại sao có thể chứng quả A-la-hán?

Đức Phật đáp:

**【74】 — Phước huệ tập 7**

- Nghiệp báo mà chúng sanh đã tạo có trước, có sau, có quả báo đã đến lúc chín muồi, có loại chưa đến lúc, có quả báo chỉ vừa mới bắt đầu, có quả báo đã trả xong.

*Kinh Diêm dụ* trong Trung a-hàm cũng có nói:

*Dù phạm nghiệp ác sâu dày, nhưng chỉ cần có đủ thời gian, hạ quyết tâm khẩn trương tu tập, tu thân, tu giới, tu định và tu huệ thì quả báo đã tạo tuy nặng, nhưng quả báo phải nhận có thể nhẹ. Giống như lượng muối lớn nếu đổ vào sông thì nước sông vẫn không có vị mặn. Ngược lại, tuy tạo tội nhỏ, nhưng không biết tu thân, tu giới, tu định, tu tập trí huệ thì vẫn phải chịu quả báo như thường, cũng như lượng muối tuy ít nhưng thả vào trong một ly nước nhỏ thì vị mặn chát.*

Chính vì thế, nếu biết đã tạo phải nghiệp ác, cần phải biết ăn năn, chí thành sám hối, tận dụng thời gian tinh tấn tu tập.

Ngoài ra, *luận Đại trí độ* cũng có nói:

*Như có người lợi căn, phiền não lại nhẹ, nếu tu tập thì dễ dàng đắc quả, như ngài Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên. Thế nhưng, cũng có người tuy lợi căn nhưng lại bị phiền não ngăn che, dù có tu tập cũng*

*không dễ dàng chứng quả, nhưng nếu nhân duyên đầy đủ, họ cũng được chứng quả, cũng như anh chàng Chỉ Man.*

Trong luận Đại trí độ còn nói:

*Có người tu tập vì muốn được giải thoát, nhưng cuối cùng lại bị đọa vào ác đạo; lại có người tạo nghiệp ác, kết quả lại được giải thoát. Tại sao có người muốn được giải thoát, lại bị đọa vào ác đạo? Như có thầy tà-kheo tu tập chứng được tứ thiên, sau đó khởi tâm tăng thượng mạn, tự cho rằng mình đã chứng đắc Tứ quả, không còn phải tái sanh. Đâu biết lúc lâm chung, tướng nghiệp hiện tiền, vị này sanh tâm đại tà kiến, nói: “Đức Phật nói dối!”. Do sanh tâm đại tà kiến như thế, khiến thầy bị đọa vào địa ngục, cho nên cần phải ghi nhớ, chánh tri, chánh kiến là vô cùng quan trọng.*

*Có người vốn sắp tạo ác, vậy mà nhân duyên chín muồi, giúp họ được giải thoát. Giống như Chỉ Man, ban đầu định giết mẹ mình, hại đức Phật, rồi cuộc, gặp được nhân duyên bất khả tư nghì, được đức Phật giáo hóa nên anh ta được giải thoát.*

Liên quan đến nhân duyên của Chỉ Man trong quá khứ, có viết lại rất chi tiết trong kinh Hiền ngu và kinh

**【76】 — Phước huệ tập 7**

*Tăng nhất a-hàm.* Đại chúng có thể tự tìm đọc.

Qua câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 14.11.2015*

## 6. NHÂN DUYÊN KHIẾN CHO CON GÁI CỦA VUA BA-TU-NẶC TRỞ NÊN XẤU XÍ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 357b10-358b19.

Thời quá khứ, lúc đức Phật ngụ tại thành Xá-vệ, trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, phu nhân của vua Ba-tu-nặc tên là Ma-lợi (có kinh dịch là Mạc-lợi), hạ sanh được một công chúa, đặt tên là Ba-xà-la, nghĩa là Kim Cương. Cô công chúa này có tướng mạo vô cùng xấu xí, da thì thô và dày như da lừa, tóc thì khô và cứng cứ dựng đứng lên như cái đuôi ngựa. Mỗi lần nhìn thấy công chúa là nhà vua không vui, nên vua ra lệnh cho các cung nữ:

- Các người phải canh chừng cẩn thận, không được để người khác nhìn thấy công chúa Ba-xà-la.

Vì sao vậy? Vì cô công chúa xấu xí này không giống ai, nhưng lại do Mạc-lợi phu nhân sanh ra, cho nên, dù xấu đến mấy, nhà vua cũng phải bí mật sai người chăm sóc, nuôi dưỡng công chúa.

**【78】 — Phước huệ tập 7**

Công chúa dần dần trưởng thành, đến tuổi cập kê, phải tính chuyện gả chồng cho nàng. Lúc đó, vua Ba-tư-nặc lo lắng, suy nghĩ mãi nhưng vẫn không tìm ra biện pháp, đành ra lệnh cho các đại thần:

- Các khanh đi tìm thử xem, chàng trai nào vốn thuộc gia đình phú quý, chủng tánh cư sĩ, nhưng nay đang rơi vào cảnh nghèo cùng thiếu thốn. Tìm được người như vậy thì dẫn về đây.

Các đại thần tuân theo lệnh của nhà vua, đi khắp nơi tìm kiếm. Cuối cùng, tìm được một chàng trai xuất thân phú quý, nhưng hiện tại đang bị phá sản. Đại thần dẫn anh ta vào cung để diện kiến nhà vua.

Ba-tư-nặc vừa nhìn thấy, liền dẫn chàng ta đi vào nơi kín đáo, rồi kể lại đầu đuôi sự việc:

- Trẫm có một cô công chúa nhưng dung mạo quá khó xem. Nay trẫm muốn tìm người để gả công chúa, nhưng tìm kiếm mãi vẫn không tìm ra đối tượng phù hợp. Trẫm được biết, khanh xuất thân phú quý nhưng bây giờ đang bị túng thiếu. Trẫm sẽ cung cấp mọi vật dụng, cho đến tiền tài, vàng bạc cho khanh. Hy vọng khanh không từ chối, mà hãy đón nhận công chúa con của trẫm!



Lúc ấy, chàng trai quỳ sụp xuống và tâu:

- Thần nhất định phụng mệnh của đại vương. Dù đại vương cho thần một con chó, thần cũng nhất định tiếp nhận, huống gì là con gái ruột của Ngài? Thần cảm tạ đại vương ban ân. Thần xin tiếp nhận mệnh lệnh của đại vương.

Vua Ba-tur-nặc liền gả công chúa cho chàng trai nghèo này, còn xây cả cung điện riêng cho họ, nhưng phòng xá thì xây đến bảy lớp cửa.

Nhà vua căn dặn con rể:

- Chìa khóa cửa con phải tự giữ lấy, nếu có việc ra ngoài, phải khóa cửa cẩn thận. Con gái của ta quá xấu xí, trên thế gian này chắc không tìm ra được người thứ hai xấu như thế, cho nên con không được để người ngoài nhìn thấy mặt của nó; lúc thường cũng phải khóa cửa thật cẩn thận, phải nhốt nó ở mãi trong cung điện.

Nhà vua cung cấp đầy đủ tiền tài và vật dụng sinh hoạt hằng ngày, khiến cho cuộc sống của gia đình con gái không bị thiếu thốn bất cứ thứ gì.

Sau đó, vua Ba-tur-nặc sắc phong con rể làm đại thần. Cũng kể từ đó, anh ta có vô số tài bảo, nên thường cùng các tầng lớp hào quý tổ chức các buổi tiệc

tùng. Ngày qua ngày, những buổi yến tiệc được mở liên tục, không ngừng nghỉ. Lúc dự tiệc, ai cũng vợ vợ chồng chồng cùng đến dự yến tiệc, nam nữ tụ họp một nơi, nói chuyện cười đùa vui vẻ. Ai cũng có vợ lẽ đẽo theo bên cạnh, riêng một mình vị đại thần này từ trước đến nay, chỉ đơn độc một mình đi dự tiệc.

Mọi người đều lấy làm lạ:

- Vợ của người này chẳng lẽ đẹp đến nỗi không ai sánh kịp, là mỹ nhân tuyệt trần hay sao? Hay là cô nàng xấu xí nhất trần gian, cho nên anh ta mới không dám mang nàng theo. Chúng ta phải tìm cách dò xét xem thử dung nhan nàng ấy như thế nào.

Mọi người đều đồng ý, bí mật bàn tán, dự cho vị đại thần này uống thật nhiều rượu, khiến cho anh ta uống say như như xác chết, sau đó lấy chìa khóa, sai năm người đến mở cửa nhà của đại thần.

Lúc ấy, cô công chúa xấu xí trong lòng rất buồn tủi, tự trách mình: “Tôi đã tạo tội gì mà bị chồng chán ghét, thường bị giam mãi trong chỗ tối tăm, cả đời không bao giờ được nhìn thấy mặt trời, mặt trăng và đến cả con người?”. Nàng lại nghĩ: “Đức Phật hiện còn tại thế, giáo pháp của Ngài mang lợi ích cho chúng sanh, người gặp phải khổ đau, đều nhờ vào sự dẫn dắt của

đức Phật mà vượt qua khổ não”. Nghĩ như thế xong, nàng từ nơi xa, hướng về đức Thế Tôn thành tâm kính lễ: “Nguyện cầu đức Thế Tôn từ bi thương xót, xin Ngài đến giảng dạy giáo pháp, khai thị cho con”. Vị công chúa này một lòng cung kính, vô cùng chân thành cầu khẩn.

Đức Phật biết được lòng thành kính của công chúa, Ngài liền xuất hiện ngay trước mặt nàng. Lúc đó, đức Phật hiện tóc của Ngài biến thành màu đen huyền cho công chúa xem. Lúc công chúa ngược đầu lên, nhìn thấy màu tóc của đức Phật, niềm vui của nàng càng tăng bội phần, do tâm hoan hỷ nên càng cung kính, thành khẩn hơn, ngay khi ấy, mái tóc của công chúa tự nhiên cũng biến đổi vừa óng mượt vừa mềm mại, tóc có màu đen pha chút màu hồng tím.

Kế đến, đức Phật hiện tướng trên gương mặt, công chúa vừa nhìn thấy nét mặt từ bi của đức Phật, trong lòng nàng tràn ngập vui sướng, nhờ đó mà nét mặt của nàng cũng thay đổi thành đoan chánh, tướng mạo xấu xí và làn da thô cứng tự nhiên biến mất.

Đức Phật thị hiện tiếp phần thân tướng, từ hông trở lên, màu vàng chiếu sáng rực rỡ, để cho cô được chiêm ngưỡng. Công chúa vừa nhìn thấy thân tướng của đức Phật, niềm vui sướng tràn ngập cả tâm hồn, nhờ tâm

hoan hỷ mà các tướng xấu của nàng lập tức biến mất, thân thể đoan chánh trang nghiêm, đẹp không khác các tiên nữ trên trời, người ở trần gian không ai có thể sánh bằng. Đức Phật vì thương xót cô gái, liền hiện toàn thân, cô gái quan sát một cách tỉ mỉ, nhìn đến nỗi không nháy mắt, không kiềm chế được sự vui mừng, cô gái bèn hoa chân múa tay vui sướng. Nét đẹp toàn thân của cô bây giờ không ai bằng được, người thường không thể có, thế gian hiếm thấy, những tướng xấu bây giờ đã không còn, đến cả một vết sẹo vẫn không lưu lại.

Đức Phật giảng pháp cho công chúa nghe, công chúa vừa nghe pháp, những nghiệp ác đã tạo từ trước lập tức diệt sạch, ngay lúc ấy, nàng chứng đắc sơ quả. Biết công chúa đã đắc đạo, đức Thế Tôn liền rời khỏi.

Vừa lúc ấy, năm người mở cửa bước vào, nhìn thấy dung nhan của vợ đại thần đẹp tuyệt trần, chưa từng thấy ai có nét đẹp tuyệt vời như thế, có thể nói trần gian này không thể tìm thấy người thứ hai. Mọi người thăm bảo nhau:

- Tôi cảm thấy thật kỳ lạ, tại sao đại thần không lần nào dẫn vợ mình ra ngoài, nguyên do là vì nhan sắc của nàng ấy quá diễm lệ!

Họ nhìn thấy dung nhan của công chúa xong, thỏa mãn sự tò mò từ lâu, liền đóng cửa lại, trả chìa khóa về lại túi áo cho vị đại thần.

Sau khi đại thần tỉnh dậy thì buổi tiệc đã kết thúc từ lâu. Anh ta một mình trở về nhà, vừa mới bước chân vào cửa, liền nhìn thấy một cô gái nhan sắc thật yêu kiều, vô cùng mỹ lệ, từ trước đến nay, anh ta chưa thấy qua người phụ nữ nào đẹp đến thế. Anh ta nhìn say đắm một hồi, cảm thấy rất thích thú, liền hỏi:

- Nàng là ai?

Công chúa đáp:

- Thiếp chính là vợ của chàng!

Người chồng lấy làm ngạc nhiên hỏi lại:

- Trước kia, tướng mạo nàng vô cùng xấu xí, sao giờ đây lại trở thành một cô gái xinh đẹp đoan chánh thế này?

Người vợ liền kể lại đầu đuôi câu chuyện cho chồng nghe:

- Thiếp nhờ được gặp đức Phật, sanh tâm hoan hỷ, tâm cung kính và tâm thanh tịnh đối với Ngài, cho nên

**【84】 — Phước huệ tập 7**

bây giờ có được nhan sắc như thế này.

Nàng lại nói với chồng:

- Thiếp muốn được diện kiến vua cha một lần, xin chàng giúp thiếp chuyển lời đến người.

Người chồng nhận lời xong, liền đến diện kiến tâu lên vua Ba-tư-nặc:

- Tâu đại vương! Công chúa muốn được diện kiến ngài.

Nhà vua đáp:

- Ái chà! Đừng bao giờ nhắc đến việc này, nhanh đóng kín cửa phòng lại, đừng bao giờ để con ta bước ra ngoài.

Người con rề liền thưa:

- Sao phải làm như vậy? Công chúa nhờ ân đức của đức Phật, bây giờ xinh đẹp như tiên không khác.

Nhà vua nghe xong liền đáp:

- Nếu đúng thật như thế thì mau dẫn công chúa đến đây.

Lập tức, vua cho người chuẩn bị kiệu đến đón công chúa vào hoàng cung. Vua cha vừa nhìn thấy sắc đẹp rạng rỡ của công chúa, vui mừng đến không thể đứng yên được. Thật lâu sau, nhà vua mới bình tĩnh trở lại, liền sai người chuẩn bị xe, sau đó, vua Ba-tư-nặc, phu nhân Mạc-lợi và vợ chồng công chúa đến nơi đức Phật đang trú ngụ.

Sau khi đánh lễ đức Phật xong, mọi người đứng qua một bên. Lúc ấy, nhà vua quỳ xuống trước đức Thế Tôn thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Trẫm không biết đời trước công chúa đã gieo trồng phước đức hoặc đã tạo nghiệp báo gì, mà đời này được sanh vào trong gia đình quyền quý? Công chúa cũng đã tạo nghiệp gì, mà đời này phải chịu tướng mạo xấu xí như thế, da dẻ, tóc tai đều thô cứng, thậm chí còn tệ hơn cả loài súc sanh?

Đức Phật trả lời:

Con người sanh ra trong thế gian này, hình tướng đẹp hay xấu đều do hành vi trong quá khứ tạo ra hoặc là quả báo nhờ tu tập phước đức.

Từ nhiều đời trong quá khứ, có một quốc gia tên là Ba-la-nại, trong nước đó, có một vị đại trưởng giả, của

báu nhiều vô số. Cả gia đình ông thường cúng dường cho một vị Bích-chi-phật. Tướng mạo vị Bích-chi-phật này rất thô, không được trang nghiêm, nét mặt lúc nào cũng tiêu tụy, khắc khổ.

Lúc ấy, trưởng giả có một cô con gái, mỗi ngày đều nhìn thấy vị Bích-chi-phật đến thọ nhận cúng dường, cô sanh tâm chán ghét, xem thường bậc Thánh nhân, có lúc lại chửi mắng và chê rằng:

Tướng mạo gì đâu mà xấu xí, da dẻ thì thô cứng, chẳng ai muốn nhìn thấy!

Lúc bấy giờ, Bích-chi-phật đến nhà này rất nhiều lần, nhận cúng dường của họ, trụ ở thế gian này đã lâu, nên nay ngài muốn vào Niết-bàn, bèn thị hiện nhiều loại thần biến như: Bay vào trong không trung, trên thân ra nước và lửa, trong chốc lát bay về hướng đông, ẩn mất ở hướng tây; hoặc từ hướng tây bay lên, ẩn mất ở hướng đông; từ phía nam bay lên, ẩn mất ở phía bắc; hoặc từ phía bắc bay lên, ẩn mất ở phía nam; trong không trung hoặc ngồi hoặc nằm, biến hiện đủ các thứ như thế, khiến cho cả gia đình trưởng giả tận mắt nhìn thấy đủ các món thần biến, sau đó, từ trong không trung xuống, đi đến nhà của họ.

Sau khi nhìn thấy, ông trưởng giả càng sanh tâm



hoan hỷ, còn con gái của ông thì lập tức thành tâm sám hối những lỗi lầm trước đây, rồi tự trách rằng:

Cầu xin Tôn giả khoan dung tha thứ! Trước đây con khởi lên những ý niệm không tốt đối với ngài, đã phạm phải tội lỗi sâu nặng, xin ngài từ bi bỏ qua và tiếp nhận sự sám hối của con, để cho tội lỗi mà con đã tạo, đều được xóa sạch.

Lúc ấy, vị Bích-chi-phật tiếp nhận sự ăn năn, sám hối của cô gái.

Đức Phật bảo nhà vua:

Cô gái ấy nay chính là công chúa. Do kiếp trước khởi tâm bất thiện, chê bai, chửi mắng bậc Hiền thánh, tạo khẩu nghiệp quá nặng, từ đó về sau cô thường phải nhận quả báo thân hình xấu xí. Sau đó, thấy vị Bích-chi-phật hiện thân thông biến hóa, nhờ cô đã biết phát tâm thay đổi, hối cải nên tướng mạo mới thay đổi đoan chánh xinh đẹp như thế, lại được tài trí hơn người, không ai có thể sánh bằng. Nhờ được cúng dường Bích-chi-phật, mà đời đời nàng thường được giàu có, như đời này nhờ được gặp đức Phật, được nghe giáo pháp mà giải thoát.

Cũng như thế, đại vương! Tất cả chúng sanh hữu

tình, cần phải hết lòng giữ gìn và tu tập thân nghiệp cũng như khẩu nghiệp, không nên tùy tiện tạo nghiệp, chê bai người khác.

Lúc bấy giờ, đức vua cùng các đại thần, lắng lòng nghe đức Phật giảng nhân duyên của quả báo, mọi người đều phát khởi tâm cung kính tín ngưỡng, vô cùng biết ơn đức Phật. Nhờ tín tâm kiên cố nên có người chứng được Sơ quả, có người chứng được đến Tứ quả, có người phát tâm tâm Vô thượng bồ-đề, cũng có người đắc được giai vị Bất thoái chuyển. Tất cả đều ngưỡng mộ và tôn kính đức Phật, cung kính tín phụng, hoan hỷ tin nhận, vâng làm theo lời Phật dạy.

### **Nội dung của câu chuyện này là:**

Công chúa của vua Ba-tư-nặc, vì xem thường Thánh nhân, chửi mắng vị Bích-chi-phật, cho nên phải chuốc lấy quả báo thân hình xấu xí. Cũng may, cô ấy kịp thời sám hối, nếu không sẽ bị sa đọa trong ba đường ác. Trong đời này may mắn được gặp đức Phật, sanh tâm hoan hỷ, nhờ tâm thanh tịnh và cung kính nên từ cô gái có tướng mạo xấu xí biến thành xinh đẹp tuyệt trần.

Chúng ta thường nói, không nệ hà con cái xấu xí, chó còn không kén chọn nhà nghèo. Nhưng vua

Ba-tư-nặc vì thể diện, nên đã lén lút gả công chúa cho một anh chàng nghèo.

Trong kinh *Tạp a-hàm*, kinh số 1278 có nói:

*Sĩ phu sanh thế gian, phủ tại khẩu trung sanh, hoàn tự trảm kỳ thân, tự do kỳ ác ngôn*<sup>5</sup>.

Có nghĩa là: Con người sanh ra trong thế gian này, nếu mở miệng nói lời bất thiện, thì chẳng khác gì chiếc búa nằm trong miệng, muốn nói cho người đau khổ đến khắc cốt ghi tâm, nhưng trên thật tế là đang tự hại chính mình. Đó đều là do nghiệp bất thiện của miệng tạo ra.

Trong kinh còn dạy:

*Ứng hủy tiện xưng dự, ưng dự nhi tiện hủy, kỳ tội sanh u khẩu, tử đạo ác đạo trung. Bác dịch vong thất tài, thị phi vi đại cữu, hủy Phật cập Thanh văn, thị tặc vi đại quá*<sup>6</sup>.

Ý muốn nhắc nhở chúng ta: Khi gặp phải người hay sự việc không tốt, đáng lẽ nên quở trách thì chúng ta lại khen ngợi; đối với người hay sự việc tốt phải nên

---

<sup>5</sup> 士夫生世間，斧在口中生，還自斬其身，斯由其惡言。

<sup>6</sup> 應毀便稱譽，應譽而便毀，其罪生於口，死墮惡道中。博奕亡失財，是非為大咎；毀佛及聲聞，是則為大過。

## 【90】— Phước huệ tập 7

hết lòng khen ngợi thì ngược lại, chúng ta lại chê bai, trách móc. Những lỗi lầm như thế đều do nghiệp của miệng gây ra, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục. Vì ham chơi cờ bạc mà bị tán gia bại sản, như thế cũng chưa phải là tội lỗi lớn; nhưng nếu chê bai đức Phật và hàng Thanh văn đệ tử của đức Phật, mới là đại tội lỗi!

Thế gian có câu: “*Lương ngôn nhất cú tam đông noãn, ác khẩu thương nhân lục nguyệt hàn*”<sup>7</sup>, cũng là lời nói, nhưng nếu nói ra một câu nói hay thì mang đến cho người nghe cảm giác ấm áp trong lòng; cũng là lời nói, nhưng có tác dụng tương phản, ví dụ một câu nói độc ác, sẽ khiến cho trong lòng đối phương cảm thấy như băng giá.

Hầu hết chúng ta đều chú trọng hình tướng đẹp xấu bên ngoài, nhưng thật ra, nội tâm chân thật, lương thiện mới đáng quý hơn cả. Chính vì thế, người lương thiện và có tấm lòng từ ái mới xứng đáng được xem là người đẹp nhất, trang nghiêm nhất, có đúng vậy không?

Qua câu chuyện trên, chúng ta cùng cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 14.11.2015*

---

<sup>7</sup> 良言一句三冬暖，惡口傷人六月寒。

## 7. NHÂN DUYÊN NHỮNG NGƯỜI ĂN XIN ĐƯỢC HÓA ĐỘ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 386a5-387a26.

Thời quá khứ, khi đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ-đà, cùng với 1.250 vị sa-môn. Bấy giờ, trong nước có năm trăm người ăn xin thường nương vào đức Phật và theo sau Tăng đoàn vào giờ khát thực để xin ăn sống qua ngày.

Trải qua nhiều năm, một ngày họ chợt cảm thấy chán ghét cuộc sống như vậy, liền nói với nhau rằng:

- Chúng ta nhờ vào phước của chư Tăng mới có thể kéo dài mạng sống, nhưng những nỗi khổ đau trong cuộc đời còn quá nhiều. Chúng ta nên cầu thỉnh Phật cho chúng ta xuất gia thôi!

Do vậy, họ đến nơi Phật ở và cùng bạch với đức Phật rằng:

**【92】 — Phước huệ tập 7**

- Đức Như Lai ra đời rất khó gặp, chúng con xuất thân nghèo hèn, được nương nhờ ân đức của Ngài mới có thể sống qua ngày. Đã nhận được sự cứu giúp của Ngài như vậy rồi, nên giờ đây chúng con muốn xin được xuất gia. Không biết đức Thế Tôn có đồng ý không ạ?

Đức Phật nói với những người ăn xin rằng:

- Pháp của ta thanh tịnh, không phân biệt sang hèn. Giống như dòng nước trong mát có thể gột rửa mọi thứ dơ bẩn, bất luận là kẻ giàu người nghèo, xấu hay đẹp, nam hay nữ, nếu dùng nước gội rửa thì đều được sạch sẽ. Giáo pháp của ta cũng giống như lửa, những nơi mà lửa thiêu đốt, thì dù là núi sông hay vách đá, tất cả muôn vật trong thiên hạ không kể lớn bé, chỉ cần gặp phải lửa thì sẽ đều bị thiêu đốt (ví như các phiền não không luận là nặng hay nhẹ chỉ cần siêng năng tu tập thì đều có thể diệt trừ). Phật pháp của ta cũng lại giống như hư không vậy, bất luận là nam nữ già trẻ, hay giàu nghèo sang hèn, nếu đã phát nguyện vào nhà Phật pháp này thì đều được như ý nguyện, không có gì trở ngại.

Những người ăn xin nghe đức Phật dạy như vậy thì đều rất vui mừng, lòng tin của họ thêm lớn, thành kính quy y Phật, mong cầu xuất gia vào trong tăng đoàn để cùng tu hành. Đức Phật vừa nói: “Thiện lai, tì-kheo!”,

tự nhiên râu tóc của họ liền rơi rụng, ca-sa đắp lên mình, đầy đủ hình tướng của bậc sa-môn. Đức Phật lại nói pháp cho họ nghe, mọi người đều mở lòng đón nhận và lĩnh hội, hết thấy phiền não đều đoạn trừ, cùng chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, những phú hào, trưởng giả trong nước và ngay cả những người dân thường, nghe nói đức Phật cho phép những người ăn xin xuất gia tu hành, đều sinh tâm khinh mạn, nói rằng:

- Vì sao đức Phật lại cho phép những người hạ tiện này gia nhập vào hàng ngũ tăng đoàn? Như vậy, khi chúng ta muốn tạo phước, mà thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến để cúng dường, thì làm sao có thể để những người hạ tiện ấy được ngồi trên tòa ngồi của gia đình chúng ta, sử dụng những đồ dùng để ăn cơm của chúng ta đây?

Thời đó, có vị thái tử tên là Kì-đà, muốn thiết lễ để thỉnh Phật và chư tăng đến cúng dường, bèn sai sứ giả đến bạch Phật:

- Mong đức Phật và chư tăng nhận lời mời thỉnh cúng dường của con vào ngày mai.

Thái tử còn dặn thêm sứ giả bạch Phật:

**【94】 — Phước huệ tập 7**

- Những người ăn xin được Phật hóa độ thành tì-kheo, con xin phép không mời, xin Thế Tôn đừng để họ tới.

Đức Phật nhận lời mời của thái tử. Ngày hôm sau, tới giờ thọ trai, trước khi đi đức Phật dặn dò các vị tì-kheo mà trước từng làm ăn xin rằng:

- Ta và các thầy tì-kheo này nhận lời mời thỉnh cúng dường, còn các thầy không được mời. Bây giờ các thầy có thể đến Bắc Câu Lô châu lấy gạo tẻ mọc tự nhiên ở đó, rồi đến cung thái tử, tùy theo thứ lớp mà ngồi, mỗi người tự thọ dụng phần gạo tẻ mà mình đã lấy được.

Do vậy, các vị tì-kheo ấy đều theo lời Phật dạy, dùng thần túc thông của bậc A-la-hán để đến Bắc Câu Lô châu, mỗi vị tự lấy một phần gạo, đựng đầy bát sau đó theo thứ lớp nương hư không mà trở về, vô cùng trang nghiêm tề chỉnh, giống như Nhạn chúa bay đến cung của thái tử, rồi theo thứ lớp ngồi xuống, mỗi người tự thọ dụng đồ ăn của mình đem tới.

Lúc ấy, thái tử Kì-đà nhìn thấy các vị tì-kheo rất oai nghi, phong thái vô cùng trang nghiêm, đầy đủ thần thông, lại có phước đức, nên ông liền khởi tâm vui mừng, cung kính, khen rằng chưa từng thấy được sự



việc như vậy, bèn bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Các bậc Đại đức Hiền thánh này có sức đại oai thần, đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, không biết các vị ấy từ đâu tới đây khiến người ta khâm phục, kính ngưỡng? Mong đức Như Lai có thể giảng nói rõ nhân duyên của các vị ấy cho chúng con nghe.

Đức Phật nói với thái tử rằng:

- Nếu thái tử muốn biết thì xin lắng lòng, Ta sẽ nói rõ cho ngài nghe. Các vị tì-kheo đây chính là những vị mà hôm qua thái tử không muốn thỉnh mời. Ta và các thầy tì-kheo đến trước vì nhận lời mời của thái tử, còn các vị tì-kheo này do không được mời, nên đã đến Bắc Câu Lô châu, lấy gạo tẻ mọc tự nhiên để ăn.

Thái tử nghe Thế Tôn nói cảm thấy vô cùng xấu hổ và hối hận, tự trách mình rằng:

- Con sao mà ngu si như vậy, vì sao không biết phân biệt đúng sai phải trái?

Thái tử lại nói:

- Công đức của Thế Tôn thật không thể nghĩ bàn. Những người ăn xin ở trong đất nước này là những

**【96】 — Phước huệ tập 7**

người nghèo hèn nhất, vậy mà hôm nay lại có thể được đức Thế Tôn giáo hóa cho giác ngộ, để có được ân đức lớn lao ấy, lại có thể thọ hưởng được hạnh phúc an lạc thật sự ngay đời này và có được niềm vui vĩnh viễn của cõi Vô vi niết-bàn. Đức Phật ngày nay xuất hiện ở đời là vì để cứu độ cho họ. Kính bạch Thế Tôn! Không biết những người ăn xin này đời trước đã tạo duyên lành gì, tu công đức gì mà đời nay được gặp Ngài, tiếp nhận được ân huệ đặc biệt của Ngài như vậy? Con cũng lại không biết họ đã phạm phải tội lỗi gì mà từ khi sinh ra tới nay phải ăn xin để sống khổ sở như vậy? Đức Thế Tôn từ bi, mong Ngài chỉ dạy cho chúng con hiểu.

Đức Phật dạy rằng:

- Thái tử nếu muốn biết xin hãy lắng nghe, Ta sẽ nói rõ ngọn nguồn nhân duyên của những người ăn xin này cho ngài biết.

Khi đó, đức Phật nói với thái tử Kì-đà:

- Thời quá khứ cách đây vô lượng vô số kiếp, ở cõi Diêm-phù-đề này có một nước lớn tên Ba-la-nại, trong nước đó có đỉnh núi tên Lợi Sư (nghĩa là Tiên Sơn), các đức Phật thời quá khứ phần nhiều ở tại đỉnh núi này, khi không có Phật ra đời thì sẽ có những vị Bích-chi-phật, nếu khi nào không có Bích-chi-phật thì

các vị tiên có ngũ thông sẽ ở đó, nên đỉnh núi đó không bao giờ hoang vắng.

Bấy giờ, trên núi có hơn hai nghìn vị Bích-chi-phật ở, gặp lúc trong nước có sao hỏa xuất hiện, đó là điềm báo có tai họa. Khi sao này xuất hiện ở nơi nào, thì trong vòng mười hai năm, nơi ấy sẽ bị khô hạn, không có mưa, không thể trồng cây, khiến cho quốc gia đó dần suy yếu. Bấy giờ, trong nước có một vị trưởng giả tên là Tán-đà-ninh (có chỗ dịch là Tán-đàn-ninh), vô cùng giàu có, của báu vô số, thường cúng dường người tu hành. Do vậy, một nghìn vị Bích-chi-phật đến nhà trưởng giả để mong được cúng dường, liền nói với ông ấy:

- Chúng tôi ở trong núi đó, chẳng may gặp lúc đại hạn, khát thực không được, nếu trưởng giả có thể cúng dường thức ăn thì chúng tôi sẽ ở lại đây, nếu không thì chúng tôi sẽ phải đi nơi khác.

Trưởng giả liền hỏi người quản kho rằng:

- Hiện giờ lương thực trong kho có đủ để cúng dường các vị Bích-chi-phật nhiều như vậy không?

Người giữ kho đáp:

- Mong ngài đúng thời mời thỉnh, lương thực trong

**【98】 — Phước huệ tập 7**

kho rất nhiều, đủ để cúng dường cho các vị ấy.

Do đó, trưởng giả mời một nghìn vị Bích-chi-phật đến để cúng dường thức ăn. Một nghìn vị Bích-chi-phật khác trong núi cũng đến nhà trưởng giả để xin được cúng dường thức ăn. Trưởng giả lại hỏi người giữ kho:

- Trong kho người giữ còn bao nhiêu lương thực? Ta cũng muốn cúng dường một nghìn vị nữa, người coi có đủ không?

Người giữ kho nói:

- Lương thực trong kho tôi thấy là sẽ đủ, nếu ngài muốn cúng dường, có thể mời các vị ấy đến để thọ cúng.

Do đó, trưởng giả lại mời một nghìn vị Bích-chi-phật này và sai năm trăm người hầu mỗi ngày đều chuẩn bị thức ăn để cúng dường cho các vị ấy. Những người hầu này phải chuẩn bị thức ăn cho nhiều người như vậy, một thời gian lâu bền sinh tâm chán ghét, nên nói với nhau rằng:

- Chúng ta vất vả như vậy đều là do những người ăn xin này.

Thời điểm đó, trưởng giả thường sai một người hầu trước giờ thọ trai, đến thông báo với các vị Bích-chi-phật. Người này có nuôi một con chó, mỗi ngày khi anh ta đi thông báo, nó đều đi theo anh ta, không bỏ sót một ngày nào.

Một bữa nọ, người hầu này bất chợt quên đi thông báo giờ thọ trai. Nhưng con chó này đứng giờ vẫn biết tự mình chạy đến chỗ chư Tăng ở, hướng về phía chư Tăng mà sủa vang lên. Các vị Bích-chi-phật nghe tiếng chó sủa biết là đến mời họ đi thọ trai, liền đến nhà trưởng giả như pháp mà đón nhận cúng dường và nói với trưởng giả:

- Trời sắp mưa, ông có thể trông lương thực rồi.

Trưởng giả nghe theo lời của các vị Bích-chi-phật, lập tức sai người làm chuẩn bị đầy đủ nông cụ và bắt tay vào trông lúa và các loại ngũ cốc có thể ăn được đều trông xuống hết. Nhưng trải qua một thời gian, tất cả các hạt giống trông xuống đều biến thành hồ lô. Trưởng giả thấy vậy vô cùng ngạc nhiên, liền đi hỏi các vị Bích-chi-phật và được trả lời rằng:

- Việc này ông không phải lo lắng, chỉ cần chăm chỉ trông trọt, đúng thời tưới nước là được thôi.

Trưởng giả bèn theo lời của các vị Bích-chi-phật siêng năng tưới nước. Đợi đến khi chín, các quả hồ lô đều rất to và số lượng rất nhiều, bỏ ra xem thì thấy bên trong đầy ắp các loại ngũ cốc đã tròng, hơn nữa đều đã chín và rất sạch sẽ, tốt đẹp.

Trưởng giả vô cùng vui mừng, dùng tất cả các phòng để cất chứa, khi nhà mình chứa đầy rồi bèn đem các ngũ cốc còn dư ra chia cho thân tộc. Nhân dân trong cả nước đều cảm động trước ân đức của trưởng giả.

Khi đó, năm trăm người làm hầu chuyên làm cơm kia đều nghĩ rằng: “Những thành quả này đều là nhờ ân đức của các vị Bích-chi-phật mới có, sao chúng ta lại dám nói ra những lời ác với họ?”. Do đó, họ bèn đi đến chỗ các vị Bích-chi-phật cầu xin sám hối và nguyện sửa đổi.

Thái tử nên biết! Trưởng giả Tán-đàn-ninh giàu có khi đó chẳng phải là ai khác, đó chính là Ta, người coi kho đó chính là Tu-đạt bây giờ, còn người hầu ngày ngày đến chỗ Tăng chúng ở thông báo giờ thọ trai chính là vua Ưu-điền. Con chó đó vì nhân duyên từng đến thông báo cho tăng chúng thọ trai, cho nên đòi đòi được âm thanh tốt đẹp đó chính là trưởng giả Mỹ Âm, còn năm trăm người hầu chuyên làm cơm khi ấy chính

là năm trăm vị A-la-hán này.

Thái tử Kì-đà và mọi người có mặt trong pháp hội, nghe được sự thần biến như vậy đều cảm niệm công đức của Phật và khắc ghi trong lòng, tinh tấn tu hành, có người chứng được sơ quả và có người chứng đến quả vị A-la-hán, có người siêng tu hạnh Bích-chi-phật, cũng có người phát tâm cầu Phật đạo. Mỗi mỗi đều hết lòng tinh tấn, mong được thành tựu bản nguyện của riêng mình, mọi người hân hoan vui mừng, cảm niệm đánh lễ Thế Tôn, nguyện y giáo phụng hành.

### **Câu chuyện này nhắc đến việc:**

Vào thời quá khứ, có hai nghìn vị Bích-chi-phật tu hành trong một ngọn núi, bởi vì gặp hạn hán, đi khát thực không dễ dàng, may mà có một vị trưởng giả giàu có phát tâm cúng dường. Trưởng giả sai năm trăm người hầu hàng ngày chuẩn bị cơm canh cho các vị ấy. Trải qua một thời gian lâu, năm trăm người này bắt đầu than trách: “Chúng ta từ sáng tới tối bận bịu vất vả đều do những người ăn xin này hại cả.” Vì họ khởi tâm chán ghét, ác khẩu gọi các vị thánh Bích-chi-phật là ăn xin, cho nên sau khi họ chết thì hết đời này sang đời khác, thường phải tái sinh làm người ăn xin.

Khi chúng ta tổ chức pháp hội, các hoạt động, hoặc

những khi cần thời gian dài để chăm sóc người bệnh, có những người ban đầu tâm rất hoan hỷ vui vẻ ‘nhận vát vả, nhận trách móc’, dù có người chê bai trách móc họ cũng vui vẻ đón nhận. Nhưng trải qua một thời gian, liền biến thành ‘nhận vát vả, nhưng không nhận trách móc’, nghĩa là dù vẫn tiếp tục làm, nhưng không thể nhẫn chịu người khác chê bai, trách móc. Qua một thời gian nữa liền biến thành ‘không nhận vát vả, cũng không nhận trách móc’, không còn phát tâm làm việc nào nữa.

Chúng ta nhìn lại bản thân mình xem, có phải có tình trạng như vậy không? Ban đầu thì ‘nhận vát vả, nhận trách móc’, sau đó ‘nhận vát vả, nhưng không nhận trách móc’ và cuối cùng là ‘không nhận vát vả, cũng không nhận trách móc’ rồi không? Nếu có thì đó là một lời cảnh báo.

Mong tất cả mọi người đồng khởi tâm hoan hỷ để có thể luôn luôn hết lòng phục vụ chúng sinh mà không thoái tâm.

Một vài lời xin được chia sẻ với đại chúng để chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.04.2016*



## 8. NGƯỜI CÓ LÒNG THAM DỤC SẼ LÀM HẠI CẢ MÌNH VÀ NGƯỜI

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ Phật giáo. Câu chuyện được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 602c8-603a22.

Một thời, đức Phật ở tại thành Xá-vệ, trong vườn cây của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kì-đà, Ngài nói pháp cho hàng trời người, thiên long và quỷ thần nghe.

Khi ấy, có một vị trưởng giả giàu có, có rất nhiều của cải. Ông ta có một người con trai khoảng 12, 13 tuổi. Một thời gian sau, vợ chồng ông trưởng giả đều qua đời. Vì còn quá nhỏ, cậu bé không biết tính toán, kinh doanh để quản lý sự nghiệp của gia đình nên chỉ trong vài năm sau của cải trong gia đình đều bị tiêu tán. Dù cậu ta đi khắp nơi để xin ăn, nhưng vẫn không đủ để nuôi sống bản thân.

Cha của cậu có một người bạn là một trưởng giả rất giàu có. Một ngày nọ, trưởng giả này gặp được cậu, ông rất quan tâm hỏi han tường tận về tình cảnh hiện

tại. Ông vô cùng cảm thông với cảnh ngộ của cậu ta liền đưa về nhà nuôi dạy, còn gả con gái, cho nhiều nô tì, xe ngựa và rất nhiều tài sản, lại xây dựng nhà cửa, giúp cậu xây dựng lại gia nghiệp.

Thế nhưng, tính cậu ta vốn lười biếng, làm việc hoàn toàn không có kế hoạch nên không thể kiếm sống, cuối cùng đã dùng hết tất cả của cải mà trưởng giả cho và trở nên nghèo nàn hơn trước. Ông trưởng giả vì lo lắng cho con gái của mình nên một lần nữa lại cho chàng con rể nhiều của cải hơn. Nhưng ông không ngờ chàng con rể của ông ta vẫn như trước, cuối cùng vẫn nghèo rớt mồng tơi. Cứ thế, ông trưởng giả giúp đỡ rất nhiều lần nữa, nhưng chàng rể đều không biết trân trọng mà mặc tình ăn tiêu, không biết tiết kiệm. Trưởng giả thấy chàng rể này bất tài vô dụng, không có tương lai nên tính bắt con gái mình về để gả cho người khác. Vì thế, trưởng giả đã triệu tập bà con, họ hàng để cùng nhau thương lượng. Người con gái biết được chuyện đó, bèn vội vàng về nhà nói với chồng:

- Thế lực của dòng họ nhà thiếp rất lớn, có thể lấy lại tất cả mọi thứ của chàng, bởi vì chàng không biết làm ăn. Chàng nói xem, bây giờ chúng ta phải làm sao? Chàng có cách gì không?

Người chồng nghe vợ nói như vậy thì vô cùng xấu

hồ nghĩ rằng: “Ôi! Là do phước mình mỏng, từ bé đã mất đi sự bảo bọc của cha mẹ, không được học ngành nghề gì để tự kinh doanh kiếm sống, giờ không những mất đi vợ hiền, lại phải sống những ngày cơ cực như trước đây. Nghĩ lại những ngày qua, vợ chồng tình cảm mặn nồng, thật khó phân ly, nếu như giờ đây đột nhiên bị chia cắt, thì nỗi khổ đau này làm sao ta chịu nổi đây!”. Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng anh ta khởi lên tâm niệm ác, liền kéo vợ vào phòng nói:

- Ta muốn chết cùng nàng!

Nói xong liền đâm người vợ chết, sau đó tự vẫn. Hai vợ chồng chết ngay tại chỗ.

Người hầu kẻ hạ hoảng hốt sợ hãi vội vàng chạy đi báo với trưởng giả. Gia đình trưởng giả lớn nhỏ đều vô cùng kinh hoàng sợ hãi, cùng nhau đến xem xét thì thấy hai người đều đã chết, chỉ đành dùng quan tài, đem thi thể hai vợ chồng đi táng liệm và theo tục lệ thời đó mà làm lễ an táng cho họ. Mọi người lớn nhỏ trong nhà trưởng giả vì cảnh ngộ của cô con gái đều cảm thấy vô cùng thương tâm, đau khổ, lưu luyến không dứt. Sau đó, họ nghe nói đức Phật đang giảng pháp giáo hóa, những người có đủ duyên đành lễ Phật đều vô cùng hoan hỷ, có thể nhân đó mà quên được những nỗi đau thương, dứt trừ hết phiền não, do đó, trưởng

giả liền đưa cả gia đình cùng đến trước Phật. Sau khi lễ Phật xong, họ lui sang một bên.

Đức Phật hỏi trưởng giả:

- Ông từ đâu đến? Vì sao ông râu rĩ không vui, nét mặt buồn bã như vậy?

Trưởng giả bạch Phật:

- Gia đình con phước đức mỏng manh, trước đây có gả con gái đi lấy chồng, không ngờ lại gặp phải một kẻ ngu xuẩn, không có khả năng buôn bán làm ăn. Chúng con muốn đưa con gái về nhà để con bé tái giá, nhưng người con rể ấy lại giết chết con gái con, rồi tự sát. Hai đứa chúng nó đã ra đi như vậy. Chúng con vừa an táng cho chúng xong, đang trên đường trở về nhà thì liền ghé qua để đánh lễ Thế Tôn.

Đức Phật nói với trưởng giả:

- Tham dục và sân giận đều là bệnh chung của người thế gian, ngu si không có trí tuệ là cửa ngõ dẫn đến tai họa. Ba cõi, năm đường đều do đây mà rơi xuống vực sâu. (Ba cõi gồm: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; Năm đường chỉ cho: Trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sinh trong năm đường này đều là do tham, sân, si mà rơi xuống vực sâu). Chúng

sinh qua lại trong sinh tử luân hồi vô số kiếp, dù gặp phải bao nhiêu đau khổ nhưng cũng không biết hối lỗi, giác ngộ. Kẻ ngu si làm sao có thể hiểu được đạo lý này? Sự độc hại của tham dục không chỉ hại bản thân mình, cũng sẽ hủy hoại tất cả mọi người trong thân tộc, càng có thể làm hại đến tất cả chúng sinh, huống gì là đôi vợ chồng này?

Do đó, đức Thế Tôn bèn nói bài kệ đại ý như sau:

“Người ngu si lấy lòng tham dục để trói buộc bản thân, không tìm cầu giác ngộ, giải thoát. Vì tham lam tiền tài, tình ái nên không chỉ hại người mà còn trở lại hại chính bản thân mình. Lấy tâm ái dục làm ruộng, lấy dâm, nộ, si làm hạt giống, như thế thì sẽ không thể sinh ra phước đức, đạo quả được. Do vậy, chỉ có thể dùng tâm thanh tịnh để cúng dường cho người đã siêu thoát thế tục mới có thể đạt được phước đức vô lượng.

Cũng giống như người đồng hành thì ít mà hàng hóa đem theo lại nhiều, do đó, người thương buôn sẽ cảm thấy sợ hãi, lo lắng sợ kẻ trộm đến để cướp đoạt. Bởi vì lòng tham dục sẽ dẫn đến trộm cắp, tổn hại đến tính mạng của mình, cũng bởi lòng tham dục mà sẽ nguy hại cho tuệ mạng của mình. Vì thế, người có trí tuệ sẽ không có tâm tham dục và sẽ vĩnh viễn xa lìa tâm tham dục”.

Trưởng giả nghe bài kệ đức Phật khai thị thì vô cùng hoan hỷ, không còn đau buồn nữa, phiền não nhân đó được tiêu trừ. Những người trong gia đình và rất nhiều thính chúng ngồi trong pháp hội đều phá trừ được hai mươi ức tội ác, liền chứng đắc sơ quả Tu-đà-hoàn.

**Câu chuyện này có mấy điểm đáng để chúng ta phản tỉnh lại bản thân:**

Người con trai của trưởng giả trong câu chuyện này bản tính lười biếng, không biết làm nghề gì. Dù cho bạn thân của cha mình hết sức giúp đỡ, còn gả cả con gái cho anh ta, đối với anh ta có thể nói là tận tình tận nghĩa, nhưng anh ta không biết trân trọng, không biết nỗ lực vươn lên, không biết tri ân, báo ân, trái lại còn đem tiền bạc tiêu hết, giết chết cả con gái của ân nhân, bản thân cũng tự vẫn, thật là bi ai. Nhân đây, chúng ta cần biết trân quý sự giúp đỡ, trợ duyên của người khác, hơn nữa, cần nuôi dưỡng khả năng tự lập của bản thân, có một nghề thành thạo, không thể ỷ lại hoàn toàn vào người khác.

Đức Phật dạy: “Người ngu si lấy lòng tham dục để trói buộc bản thân, như thế, không chỉ hại mình mà còn hại cả người khác”. Chúng ta xét lại xem mình đã lìa bỏ tham dục chưa? Nếu tâm tham dục còn nặng thì

không phải người có trí tuệ. Người có trí tuệ sẽ không buông lung theo tham dục mà tự trói buộc mình.

Đức Phật lại dạy: “Nếu có một mảnh ruộng chứa đầy ái dục tạp nhiễm, lại gieo xuống đó những hạt giống tham sân si thì không thể nào sinh ra phước đức, đạo quả được”. Nhân như thế nào thì quả như thế đó. Chúng ta xét lại bản thân xem mảnh đất tâm của chúng ta có phải là thanh tịnh, không ô nhiễm hay không? Những thứ chúng ta đang gieo trồng là những hạt giống tham, sân, si hay hạt giống giới, định, tuệ thanh tịnh? Nếu mảnh đất tâm đầy những ái nhiễm, lại trồng xuống những hạt giống tham sân si, như thế những gì chúng ta gặt hái được nhất định sẽ là quả báo khổ đau của luân hồi sinh tử, làm sao có thể mong đợi gặt hái được quả báo phước đức, đạo quả đây?

Một vài lời xin được chia sẻ với đại chúng để chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.05.2015*

## 9. HẠNH PHÚC LỚN NHẤT

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 595b23-596a3.

Thuở xưa, đức Phật ở tại tinh xá Kỳ-viên, nước Xá-vệ, bấy giờ có bốn vị tân học từ-kheo cùng tọa thiền tu tập dưới gốc cây nài. Lúc đó, hoa nài nở rộ, màu sắc rực rỡ, tỏa hương thơm ngát, bốn vị tân học từ-kheo nhân đó cùng nhau thảo luận: “Vạn vật trên thế gian, điều gì là vui thích nhất khiến lòng người say đắm?”.

Vị thứ nhất nói:

- Tháng thứ hai của mùa xuân, khi muôn hoa đua nở, được dạo chơi ngắm cảnh trên cánh đồng bát ngát, đó là việc vui thích nhất.

Vị thứ hai nói:

- Bà con quyến thuộc sum vầy trong những ngày vui trọng đại, mọi người cùng nhau rót rượu chung vui,



diễn tấu âm nhạc, ca hát nhảy múa, đó là điều vui thích nhất.

Vị thứ ba lại nói:

- Tích trữ được nhiều của báu, muốn gì được nấy. Ngựa xe, y phục, trang sức hiếm lạ hơn người, đi lại xa hoa lộng lẫy, trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, đó là điều vui thích nhất.

Vị cuối cùng nói:

- Thê thiếp dung mạo đoan chính, y phục hoa lệ, hương thơm khắp thân, mọi việc đều như ý, đó là điều vui thích nhất.

Đức Phật nhìn thấy nhân duyên của bốn vị tì-kheo đã hội đủ, nhưng do không tư duy về pháp vô thường, nên tâm ý của họ mãi chìm đắm trong sáu pháp, đam mê sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngài liền gọi bốn vị đến và hỏi rằng:

- Các ông ngồi dưới gốc cây bàn luận về việc gì vậy?

Bốn người họ liền kể lại tường tận về vấn đề họ đang thảo luận.

Đức Phật dạy:

- Điều các ông đang bàn luận, tất cả đều hướng về con đường đau khổ, sợ hãi, nguy hiểm và tàn lụi, vốn không phải là cái vui an ổn lâu dài. Xuân đến, vạn vật tươi tốt, nhưng khi thu sang đông về chúng lại nhanh chóng lụi tàn. Bà con quyến thuộc gặp nhau chỉ là cái vui ngắn ngủi, cuối cùng rồi cũng phải chia ly. Của báu, xe ngựa là tài sản của năm nhà (quốc vương, kẻ trộm cướp, nước, lửa và những đũa con bất hiếu). Thê thiếp xinh đẹp là đầu mối của tham ái và khổ đau, chúng không ngừng tạo ra oán thù và tai họa cho con người, không chỉ nguy hại cho bản thân mà còn khiến thân tộc phải đối mặt với nguy hiểm và diệt vong, cuối cùng chúng đem đến sự đau khổ và sợ hãi không cùng. Con người sau khi chết bị đọa vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hoặc rơi vào tám nạn xa rời Phật pháp, chịu muôn vàn thống khổ, tất cả đều do chúng mà ra. Bởi vậy, các tì-kheo lìa bỏ thế tục, quyết chí đến chỗ vô vi, không tham lam danh lợi, đạt đến tịch diệt. Đây mới là điều an vui nhất vậy.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

“Yêu thương sanh âu lo, yêu thương sanh sợ hãi,  
yêu thương nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?”

Mong cầu sanh âu lo, mong cầu sanh sợ hãi, mong cầu nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?

Tham dục sanh âu lo, tham dục sanh sợ hãi, tham dục nếu chẳng có, sợ hãi lấy gì sanh?

Trì pháp, giới thành tựu, chí thành biết xấu hổ, tu hành gần với đạo, mọi người đều mến thương.

Chẳng phóng túng tham dục, suy nghĩ kỹ mới nói, tâm không tham ái dục, luân hồi ắt chặt đứt”.

Phật bảo bốn vị tì-kheo:

- Thuở xưa, có vị quốc vương tên Phổ An, cùng kết bạn với bốn ông vua ở nước lân cận. Một hôm, ngài mời bốn ông vua bạn cùng dự yến tiệc suốt một tháng, họ ăn uống chơi đùa, vui sướng không gì sánh bằng. Vào ngày sắp từ biệt, vua Phổ An hỏi bốn người bạn của mình: “Con người sống trên thế gian này, điều gì là vui thích nhất?”.

Vị thứ nhất nói:

- Dạo chơi ngắm cảnh là điều vui thích nhất.

Vị thứ hai nói:

**【114】 — Phước huệ tập 7**

- Thân quyền sum vầy, ca hát nhảy múa là điều vui thích nhất. Vị thứ ba nói:

- Tích trữ nhiều của báu, muốn gì được nấy là điều vui thích nhất.

Vị cuối cùng nói:

- Đắm say trong ái dục là điều vui thích nhất.

Vua Phổ An bảo rằng:

- Điều mà các ông nói đều là gốc của khổ đau, là đầu mối của các nỗi lo buồn sợ hãi. Tuy trước có vui, nhưng sau sẽ chịu muôn vàn đau khổ. Đau khổ đều do chúng mà sinh ra. Nếu tịch tĩnh, chẳng cầu chẳng muốn, sống đạm bạc với chánh niệm thì sẽ đạt được an vui.

Nghe xong, bốn vị vua đều hoan hỷ và tin hiểu.

Phật bảo bốn vị tì-kheo:

- Vua Phổ An thuở xưa chính là tiền thân của Ta. Còn bốn vị vua kia chính là bốn ông đây vậy. Đời trước, các ông đã nghe Ta nói về điều này rồi, sao nay còn chưa rõ. Sanh tử triền miên như thế đến bao giờ mới thôi dứt?

Một lần nữa được nghe đức Phật dạy, bốn vị tì-kheo càng thêm hồ thẹn, họ sám hối lỗi lầm, tâm ý khai ngộ, đoạn trừ mọi vọng tưởng, diệt trừ mọi dục niệm, liền chứng quả A-la-hán.

*Kinh Pháp cú thí dụ*, phẩm An ninh và *kinh Tăng già la-sát sở tập* đều có đoạn kinh, nội dung cũng tương tự, nhưng luận bàn về việc trên thế gian này, điều gì là đau khổ nhất.

Thuở xưa, có một vị tì-kheo tu tập dưới gốc cây trong rừng. Lúc ấy, bồ câu, quạ, rắn và nai thường thân cận bên vị tì-kheo nên chúng cũng được an ổn. Một ngày nọ, chúng cùng nhau thảo luận: “Trên thế gian này, điều gì là đau khổ nhất?”.

Quạ bảo:

- Đói khát là đau khổ nhất, đói khát làm cho thân thể suy yếu, do không ngại hiểm nguy tìm kiếm thức ăn nên phải mất mạng. Vì vậy, đói khát là điều đau khổ nhất.

Bồ câu nói:

- Dâm dục là đau khổ nhất, sắc dục lũng lầy thiêu đốt tất cả, che mờ tâm trí, dâm dục làm cho thân thể suy mòn, thậm chí nguy hại đến tính mạng. Vì vậy,

dâm dục là điều đau khổ nhất.

Rấn bảo:

- Sân hận là đau khổ nhất, một khi ý niệm sân hận dấy khởi lên thì không kể gì bà con quyến thuộc đều có thể sát hại. Mọi người đều không thích nhìn thấy tôi. Tâm sân hận cũng như lửa vậy, thiêu đốt tất cả công đức, thêm lớn các tội căn. Vì vậy, sân hận là điều đau khổ nhất.

Nai nói:

- Sợ hãi là đau khổ nhất. Bọn chúng tôi đi trong rừng hoang, tâm luôn bất an, sợ gặp phải thợ săn và lũ sói, hễ nghe tiếng động là bốn phương tám hướng trốn chạy, có khi rơi xuống hố sâu, mẹ con chia lìa, sợ đến nổi tim gan lẫn lộn. Vì vậy, sợ hãi là điều đau khổ nhất.

Vị tì-kheo nghe vậy, bèn bảo với bọn chúng:

- Điều mà các người luận bàn chỉ là ngọn ngành, chưa phải cái gốc của khổ đau. Đau khổ nhất trong đời chính là cái thân ngũ ấm này, thân là món đồ chứa các khổ, là nơi tích tập các phiền não, chính thân này đem đến cho chúng ta cái khổ về đói khát, dâm dục, sân hận, sợ hãi. Muốn chấm dứt gốc khổ, phải đoạn trừ được

các phiền não, đạt đến cảnh giới giải thoát.

Vị tì-kheo ấy chính là tiền thân của Thế Tôn.

Trong *Phật pháp khái luận*, Đạo sư Ân Thuận có dạy: Phật pháp hướng đến hữu tình chúng sanh, nếu bỏ mặc chúng sanh ở trước mắt, mà luận bàn đến xã hội, vũ trụ xa xôi, đồng nghĩa với việc không hiểu rõ ý nghĩa chân thật của Phật pháp.

Cái khổ của chúng sanh thì muôn hình vạn trạng, khoa học kỹ thuật phát triển, sự giúp đỡ các tổ chức phúc lợi xã hội hay từ thiện cứu trợ được lan rộng, nhưng cái khổ của chúng sanh cũng chỉ có thể giảm nhẹ được phần nào. Cho dù sanh, già, bệnh, chết có thể được chữa trị bằng y tế, nhưng cuối cùng chúng ta cũng phải đối mặt với vấn đề sanh tử, tự thân chúng ta vẫn phải giải quyết vấn đề này. Cái thân này là nơi hội đủ các khổ, nào là mong cầu không được toại ý, yêu thương phải xa lìa, oán hận lại gặp gỡ. Chúng ta phải nhận thức được rằng cái khổ của thân ngũ ấm là do phiền não tích tập, do nghiệp lực mà cảm thọ lấy, chỉ có chấm dứt luân hồi trong tam giới, mới là cách dứt khổ chân chính.

Để có thể đoạn diệt khổ đau một cách triệt để, chúng ta cần phải biết cái gốc rễ của khổ đau là ở đâu.

Tại sao chúng ta mãi đau khổ trong luân hồi? Điều quan trọng cần quán xét chính là hành vi, tư tưởng của chúng ta. Nếu chúng ta không có chánh kiến, chạy theo dục vọng tạo nghiệp một cách tùy ý, thì việc chịu khổ luân hồi trong ba cõi là điều đương nhiên. Nếu chúng ta đã biết được cái gốc của khổ rồi, thì nên tùy bệnh mà cho thuốc.

Ấn Thuận đạo sư đúc kết lại rằng, chúng sanh là trung tâm của Phật pháp, cái khổ của chúng sanh thì nhiều vô cùng, nhưng có thể quy thành tám loại, trong đó quan trọng nhất là cái khổ của thân ngũ ấm, gốc của cái khổ này chính là các phiền não trói buộc. Vì vậy, chỉ có thanh tịnh thân khẩu ý, tăng trưởng trí tuệ, đoạn trừ phiền não thì mới có thể dứt khổ hoàn toàn .

Chúng ta nên cùng nhau nhìn lại, tư tưởng, hành vi, ngôn ngữ của chúng ta phải chẳng luôn thanh tịnh, luôn đúng pháp? Mong mọi người có thể thanh tịnh thân khẩu ý, mọi người cùng thanh tịnh thì chúng sanh thanh tịnh, chúng sanh thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh. Chúng sanh hòa hợp không tranh chấp thì mới có được sự an lạc cứu cánh!

Trên đây là những điều tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng, mong chúng ta cùng nhau cố gắng.



**Phước huệ tập 7 — 【119】**

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 26.09.2015*

## 10. TÔN GIẢ CA-CHIÊN-DIÊN DẠY BÀ LÃO BÁN NGHÈO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Hiền ngu*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 383c29-384b19.

Thuở xưa, đức Phật trú tại nước A-lê-đề, trong quốc gia này, có ông trưởng lão vô cùng giàu có, của cải nhiều không kể xiết, nhưng hết sức keo kiệt, tham lam, tính tình hung ác, không có lòng thương người.

Bà lão nữ tỳ trong nhà ông, phải sống hết sức nghèo túng, áo mặc không đủ che thân, cơm ăn không đủ no bụng, đã vậy còn thường xuyên bị hành hạ đánh đập dù đã già yếu. Bà lão muốn chết đi cho thoát khổ mà không chết được.

Một hôm, bà lão mang bình ra bờ sông lấy nước, nghĩ phận mình, bà tủi thân khóc lóc thảm thiết. Lúc đó, Tôn giả Ca-chiên-diên thương xót, bèn đến bên hỏi:

- Có việc gì mà bà lại khóc thương thế này?

- Bạch tôn giả, con nay tuổi tác già yếu, ngày ngày làm việc khổ sai, lại thêm nghèo khổ túng thiếu, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, chết cũng không được, sống cũng không xong, nghĩ vậy nên con khóc!

- Bà nghèo như vậy, sao không bán cái nghèo đi?

- Cái nghèo làm sao mà bán đi được, có ai lại chịu mua cái nghèo chứ?

- Cái nghèo quả thật có thể bán được.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói ba lần như thế.

Bà lão tự nghĩ: “Cái nghèo nếu quả thật có thể bán, thì mình nên hỏi Tôn giả cách bán nghèo”. Nghĩ vậy, bà bèn hỏi:

- Bạch đại đức, làm cách nào để bán cái nghèo?

- Nếu quả thật bà muốn bán cái nghèo đi, thì phải hết lòng tin theo lời ta dạy.

- Dạ!

- Trước khi bán nghèo, bà phải tắm gội cho sạch sẽ.

Bà lão theo lời dạy của Tôn giả. Sau khi bà tắm gội xong, Tôn giả bảo:

- Bà nên thực hành pháp bố thí.

- Thừa tôn giả, con nghèo cùng lắm, không đồng xu dính túi, thì lấy gì mà bố thí. Cả cái bình này cũng là tài sản của chủ nhân, không phải của con, con lấy gì mà bố thí chứ?

Tôn giả Ca-chiên-diên đưa bình bát của mình cho bà lão, dạy rằng:

- Bà cầm cái bát này đi lấy một ít nước sạch.

Bà lão nghe theo lời chỉ dạy của Tôn giả Ca-chiên-diên, đi lấy một ít nước dâng lên cho Tôn giả. Tôn giả Ca-chiên-diên thọ nhận thọ nhận sự cúng dường đó, rồi truyền dạy bát quan trai giới cho bà lão, dạy bà niệm Phật và giảng về công đức niệm Phật. Tôn giả lại hỏi bà lão:

- Bà có chỗ nghỉ ngơi không?

- Bạch tôn giả, con vốn không có chỗ nghỉ ngơi, nếu xay thóc giã gạo thì con ngủ bên cối xay; đi phơi thóc, nấu cơm, làm xong ở đâu thì ngủ ở đấy; lúc không làm việc, thì ngủ bên cạnh nhà xí.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói với bà lão:

- Bà hãy giữ tâm chánh niệm, làm việc chăm chỉ, cung kính hầu hạ chủ nhân, chớ sanh lòng hiềm thù, oán giận, đêm đến, khi mọi người đều đã ngủ, hãy nhẹ nhàng mở cửa ra ngoài, tìm một nơi yên tĩnh, trải cỏ khô mà ngồi, tĩnh lặng và cung kính nghĩ nhớ đến hình tướng đức Phật, chớ có khởi tâm niệm ác.

Bà lão làm đúng theo lời dạy của Tôn giả Ca-chiên-diên, đến quá nửa đêm thì bà lão chết, được sanh lên cõi trời Đao-lợi (cõi trời thứ hai, trong sáu cõi trời Dục giới).

Sáng sớm ngày hôm sau, ông trưởng giả thức dậy, thấy bà lão nằm chết ngoài cửa, tức giận nói:

- Mụ già này vốn dĩ không được ngủ trong nhà, tại sao hôm nay lại chết ở chỗ này?

Bèn cho người dùng dây buộc chân lôi bà lão vứt ngoài bãi tha ma.

Cùng lúc đó, trên cung trời Đao-lợi, vị Thiên tử hưởng hết phước báo cõi trời, chết đi, bà lão sanh thiên, thay thế vị trí của vị thiên tử này, sống trong cung điện tráng lệ trang nghiêm, có năm trăm thiên tử làm quyến thuộc.

Những người lợi căn thông minh sau khi chết sanh

lên cõi trời, họ tự nhiên nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình, còn những người độn căn ngu tối thì quên hết, chỉ biết thọ hưởng dục lạc.

Bà lão cũng vậy, sanh lên cõi trời, chỉ mãi vui dục lạc với năm trăm vị thiên tử, hoàn toàn không nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình.

Lúc đó, ngài Xá-lợi-phất cũng ở tại cõi trời Đao-lợi, biết rõ nhân duyên sanh thiên của vị thiên tử này, bèn hỏi:

- Thiên tử, ngài nhân phước gì mà được sanh lên đây?

- Bạch tôn giả, con không nhớ.

Khi ấy, ngài Xá-lợi-phất bèn dùng thần thông cho vị thiên tử nhớ biết tiền thân của mình, nhân duyên được Tôn giả Ca-chiên-diên chỉ dạy mà được sanh lên cõi trời.

Sau khi nhớ biết nhân duyên sanh thiên của mình, vị thiên tử liền đưa năm trăm vị thiên tử xuống nhân gian, đến bãi tha ma, đốt hương, rải hoa, cúng dường thi thể của bà lão.

Ánh sáng của các vị thiên tử sáng rực cả khu rừng,

ông trưởng giả thấy ánh sáng kì lạ, gọi mọi người cùng nhau đến xem, tới nơi, thấy các vị thiên tử đang cúng dường thi thể của bà lão. Ông bèn hỏi:

- Mụ già này vừa hôi vừa bẩn, lúc còn sống chẳng ai muốn gặp mụ ấy, huống gì nay đã chết. Tại sao các ngài lại cúng dường cái xác chết này?

Vị thiên tử kể lại tường tận nhân duyên sanh thiên của bà lão cho mọi người nghe, rồi cùng mọi người đến đánh lễ Tôn giả Ca-chiên-diên.

Khi ấy, Tôn giả Ca-chiên-diên vì các vị thiên tử và mọi người mà dạy về pháp bố thí, trì giới, pháp sanh thiên, tham dục chính là pháp bất tịnh, chỉ có xuất ly tam giới mới là cái vui chân chánh.

Nghe xong, vị thiên tử cùng năm trăm quyền thuộc liền xa lìa trần cấu, đắc pháp thanh tịnh, từ tạ bay về cõi trời.

Những người còn lại chứng được sơ quả đến tứ quả, mọi người đều hoan hỉ, cung kính thọ trì, đánh lễ lui về.

Câu chuyện này kể về chuyện một bà lão xuất thân nghèo túng bần hàn, lại gặp phải chủ nhân tham lam độc ác, từ sáng đến tối làm việc cực nhọc, ăn không đủ

no, áo không đủ mặc, cuộc sống khốn khổ khôn lường. Nhân duyên lành, được gặp Tôn giả Ca-chiên-diên, được ngài dạy cho pháp bán nghèo.

Bà lão hỏi tôn giả:

- Cái nghèo làm sao mà bán đi được? Ai mà chịu mua lấy cái nghèo.

Tôn giả Ca-chiên-diên dạy bà lão tắm gội sạch sẽ, dùng tâm thanh tịnh mà bố thí, thọ trì trai giới, không khởi niệm ác, niệm sân hận, giữ tâm chánh niệm, chuyên tâm niệm Phật. Bà lão dùng tâm thanh tịnh cúng dường tôn giả, gieo trồng cội phúc cung kính, không khởi tâm niệm ác, sau khi chết được sanh lên cung trời Đao-lợi hưởng phước vui cõi trời.

Người sống ở đời, ai cũng muốn được giàu có, nhưng muốn được quả báo giàu có thì phải gieo trồng hạt giống giàu có. Theo đạo Phật, hưởng được phước báu giàu có là do nhân duyên gieo trồng công đức bố thí, nếu quá khứ đã gieo trồng hạt giống bố thí rồi, thì đời này phải nỗ lực làm việc đúng pháp, trợ duyên làm thêm lớn phước lành. Nhân duyên hội đủ mới có thể hưởng được phước báo. Hiện đời nếu làm việc phi pháp như lừa đảo, trộm cướp, bóc lột... thì phải biết rằng, ta đang gieo hạt giống khổ đau, sau này chắc



chấn sẽ nhận lấy quả báo khổ đau.

Đạo Phật chỉ rõ: Tài có hai loại, một là tiền tài vật chất, hai là pháp tài công đức. Tiền tài vật chất chỉ trợ duyên nuôi sống thân mạng, cải thiện cuộc sống của chúng ta. Pháp tài công đức nuôi dưỡng huệ mạng mới là trợ duyên cho hành giả đạt đến cứu cánh giải thoát. Vậy pháp tài công đức là những gì? Pháp tài công đức chính là tu tập giới định tuệ, là tư lương trên con đường tu tập giải thoát của mỗi hành giả.

Bồ thí gồm có hai loại: Tài thí và pháp thí. Thực hành tài thí thì sẽ được giàu có, thực hành pháp thí thì sẽ được pháp tài công đức. Việc hoằng dương chánh pháp hay hộ trì chánh pháp, làm cho chánh pháp được truyền bá rộng rãi, làm cho chánh pháp trụ lâu dài ở đời, những việc làm này chính là thực hành pháp thí. Muốn đạt được pháp tài công đức, tu tập giới định tuệ, thì chúng ta cần phải thân cận thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ đúng pháp, thực hành đúng pháp, gieo trồng các căn lành như thế thì chắc chắn chúng ta sẽ gặt hái quả báo thù thắng.

Trên đây là những điều tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng, mong chúng ta cùng nhau cố gắng.

*Lớp giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 16.04.2014*

## 11. GIEO RUỘNG PHƯỚC THÌ ĐƯỢC PHƯỚC ĐỨC, KHÔNG NÊN PHÂN BIỆT NGƯỜI GIÀ HAY TRẺ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh điển. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 261a19-262c2, tên là ‘Gieo ruộng phước thì được phước đức, không nên phân biệt người già hay trẻ’.

Từng nghe rằng, trước đây có các thí chủ nhờ những vị tu hành mà họ quen biết, đến chùa cung thỉnh chư tăng về nhà, để cho họ được thành tâm cúng dường. Có điều, họ chỉ thỉnh những vị lớn tuổi, mà không mời những vị tăng trẻ tuổi. Trong lần được tín chủ cung thỉnh dự ứng cúng này, đứng ra là đến lượt các sa-di, nhưng ngặt nỗi, họ không được mời.

Các vị sa-di hỏi:

- Tại sao không mời những sa-di như chúng tôi?

Những vị tu hành đó trả lời:

- Đây là do tín chủ không mời, chứ không phải ý của chúng tôi.

Tiếp đó, các vị tu hành liền nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Những vị tu hành lớn tuổi thường có đức hạnh: Đầu tóc bạc trắng, đầy nếp nhăn, lông mày dài, răng thì cái có cái không, lưng còng, chân tay thì chậm chạp. Các thí chủ họ thích những vị có diện mạo như vậy, chứ họ không muốn nhìn thấy những người trẻ tuổi”.

Lúc này, ở trong chùa có một nhóm sa-di đều đã chứng A-la-hán. Cũng giống như có người muốn chọc gan hùm, muốn leo lên lưng cọp, khiến cho nó gầm gừ dữ dội. Các vị sa-di đó liền nói:

- Vị thí chủ này đúng là ngu muội vô tri, không biết nghĩ đến phước đức cúng dường, chỉ chạy theo tướng mạo bên ngoài của các vị lớn tuổi.

Lúc này, những sa-di liền nói kệ rằng:

“Gọi là trưởng lão, không nhất định là những vị đầu bạc răng long, khuôn mặt toàn nếp nhăn, bởi vì những người như thế này có kẻ là ngu si, không có trí tuệ. Chính những vị có phước đức, đoạn trừ các ác nghiệp, phạm hạnh thanh tịnh, được người đời kính

trọng, các vị đó mới thật sự là bậc trưởng lão. Nếu như có người phỉ báng chúng ta, chúng ta cũng không nên khởi lên tâm xem thường họ. Nếu như có người tán dương chúng ta, chúng ta cũng không vì đó mà khởi lên tâm đặc biệt được cung kính, hoặc vui mừng. Thế nhưng, bởi vì chúng ta còn trẻ mà làm cho thí chủ khởi lên tâm khinh mạn, khiến cho thí chủ mang tội. Thí chủ lại đối với ruộng phước của tăng chúng mà khởi lên tâm phân biệt trên dưới, tốt xấu, rồi hủy báng. Chúng ta nên nhanh chóng đến để thức tỉnh thí chủ đó, đừng để vì chuyện này mà khiến cho họ phải đọa vào ác đạo”.

Các vị sa-di đó liền dùng thân thông biến dung mạo của mình thành những vị lớn tuổi, đầu bạc trắng, mặt đầy nếp nhăn, lông mày dài, răng cái có cái không, lưng còng, tay chống gậy, đi đến nhà của vị thí chủ đó. Vị thí chủ vừa nhìn thấy, lòng rất hoan hỷ, hạnh phúc, liền lên hương đèn, rải hoa để cung thỉnh các vị lớn tuổi an tọa. Chỉ được một lúc sau, những vị lớn tuổi đang an tọa ở trên ghế bồng chốc biến trở về diện mạo của các vị sa-di. Thí chủ nhìn thấy vô cùng kinh ngạc và lo sợ, lòng nghĩ: “Tại sao có thể như vậy được chứ? Chẳng lẽ các vị này uống được nước trời, nên bồng chốc dung mạo trẻ ra?”.

Lúc này, các vị sa-di liền nói:

- Chúng tôi không phải là dạ-xoa, cũng không phải là ác quỷ la-sát. Vì ông chỉ chọn cúng dường các vị lớn tuổi, có tâm phân biệt sang hèn, cao thấp đối với ruộng phước của tăng chúng, như thế sẽ thất tổn thiện căn của ông. Cho nên, chúng tôi mới biến hiện ra như vậy, hy vọng là có thể làm cho ông biết hối cải.

Rồi họ liền nói kệ rằng:

“Không thể dùng miệng của con muỗi để uống hết nước của biển cả; cũng vậy, ở thế gian này, không ai có thể đo lường được công đức của Tăng chúng. Tất cả mọi người ở thế gian này đều không thể đo đếm được công đức của Tăng chúng, huống hồ gì là một mình thí chủ. Vậy ông dám đứng ra làm cái việc đo lường công đức rộng lớn của tăng chúng.

Các sa-di nói tiếp:

- Bây giờ ông không nên so đo hình tướng bên ngoài lớn nhỏ, già trẻ của tăng chúng. Người học đạo, không nên xem hình tướng bên ngoài của người khác, mà nên xem trọng trí tuệ của họ. Có những người tuy tuổi còn trẻ, nhưng đã đoạn trừ được tất cả phiền não, đạt được thánh đạo. Ngược lại, có những vị tuổi tuy

lớn, nhưng lại phóng dật, giải đãi, không tinh tấn, những vị như vậy mới thực sự gọi là trẻ tuổi. Những suy nghĩ và hành động của ông không thỏa đáng chút nào, giống như muốn dùng bàn tay ngăn ngừa để mò tìm xuống tận đáy biển, là việc không thể nào làm được; ông cũng giống như vậy, muốn đem trí tuệ nông cạn của ông mà đo lường về phước điền, hi vọng biết được sự hơn kém về công đức của Tăng chúng. Chẳng lẽ ông chưa nghe qua lời dạy của Như Lai về bốn hạng người không được xem nhẹ hay sao? Đó là: Vị thái tử nhỏ, con rắn nhỏ, đóm lửa nhỏ, và chú sa-di nhỏ, tất cả đều không được xem thường. Thế Tôn cũng đã từng ví dụ về quả đào, có quả bên trong còn sống, nhưng bên ngoài nhìn thì đã chín, có quả nhìn bên ngoài thì sống, nhưng bên trong thì đã chín. Vì vậy, không được tùy tiện đo lường sự sang hèn hay cao thấp của tiền nhân. Chỉ trong vòng một niệm, có thể đắc đạo. Giờ ông đã phạm một sai lầm lớn, nếu mà còn có nghi vấn thì ông cứ nói ra. Từ nay về sau, không được có tâm phân biệt đối xử đối với ruộng phước của Tăng chúng.

Các vị sa-di liền nói kệ rằng:

“Công đức của tăng chúng như biển lớn, không ai có thể đo lường được, ngay đến đức Phật cũng còn khởi tâm hoan hỷ, tôn trọng đối với công đức của tăng

chúng, dùng trăm bài kệ để tán tụng, hướng hồ gì là chúng ta! Như vậy, làm sao chúng ta không xưng tụng và tán dương công đức của tăng chúng được chứ? Trong ruộng phước tốt lành rộng lớn của tăng chúng, gieo giống tuy ít, nhưng thu hoạch thì nhiều vô kể. Chúng Tăng, đệ tử của Phật là một trong Tam bảo, cho nên, chúng ta không nên lấy hình tướng bên ngoài mà nhìn người. Không thể chỉ dựa vào tên tuổi họ hàng, tướng mạo oai nghi, lời nói êm dịu, chưa xét được đức hạnh bên trong, mà chỉ xem vẻ bên ngoài rồi khởi lên tâm sùng kính và ngưỡng mộ.

Có nhiều người, nhìn bên ngoài tuy trẻ trung, nhưng thật ra, họ vô cùng thông minh, có trí tuệ hơn người, có phẩm hạnh cao tốt. Chưa biết được phẩm tính bên trong của họ như thế nào mà đã sinh tâm khinh mạn, như vậy thì không được. Cũng giống như trong rừng rậm, có hương thơm của cây sơn chi, thì cũng có mùi hôi nồng nặc của y lan. Giữa các loài cây còn có cao thấp, lớn nhỏ không đồng đều, nhưng nếu được gọi là ‘rừng’ thì không có khác biệt gì hết. Trong tăng đoàn, tuy có người lớn kẻ nhỏ, nhưng cũng không vì vậy mà sinh tâm phân biệt. Lúc ngài Ca-diếp muốn đi xuất gia, ngài đã vứt bỏ hết áo quần hoa lệ. Trước đó, ngài giàu có đến nỗi, nếu lấy một bộ y phục xấu nhất, tệ nhất trong tủ áo quần của ngài, thì giá trị cũng đã vài

lượng vàng. Ruộng phước của tăng chúng cũng giống như vậy, dù cúng dường cho chúng Tăng một phần, thì cũng đạt được thiện quả gấp mười lần như vậy. Giống như biển lớn không dung chứa nổi một xác trôi, trong tăng chúng cũng vậy, không dung chứa những người hủy hoại cấm giới. Trong lớp phàm tăng, dù cho những người có thân phận thấp nhất, ít giữ gìn giới luật nhất, nhưng nếu có thể cung kính cúng dường cho họ, thì cũng đạt được công đức lớn. Cho nên, đối với tăng chúng, dù cho già trẻ, lớn nhỏ, chúng ta nên cúng dường bình đẳng, không nên khởi lên tâm phân biệt đối xử”.

Sau khi vị thí chủ nghe xong những lời này, toàn thân run rẩy, liền sụp xuống lễ lạy, cầu xin sám hối:

- Kẻ phàm phu ngu muội đã gây ra nhiều lỗi lầm, xin các ngài chấp nhận lời sám hối của con. Tất cả những nghi hoặc, xin các ngài giải đáp cho con.

Rồi ông liền nói kệ rằng:

“Các ngài có đại trí tuệ, có thể đoạn trừ tất cả những nghi hoặc mê lầm, nếu con không nhân cơ hội này mà thỉnh giáo, thì quả thật là thiếu trí tuệ”.

Lúc này, các vị sa-di liền trả lời:



- Thí chủ cứ hỏi, chúng tôi sẽ trả lời.

Thí chủ hỏi:

- Bạch Đại Đức! Kính tin Phật và kính tin tăng, cái nào là thù thắng hơn?

Sa-di đáp:

- Chẳng lẽ ông không biết có Tam bảo hay sao?

Thí chủ hỏi:

- Bây giờ con tuy biết Tam bảo, nhưng trong Tam bảo chẳng lẽ không có cái nào là thù thắng hơn cả sao?

Sa-di trả lời:

- Tôi không khởi tâm phân biệt đối với Phật bảo và tăng bảo!

Liên nói kệ rằng:

“Có một vị thuộc giai cấp Bà-la-môn, tên là Đột-la-xà, thường có những lời lẽ hủy báng hay tán thán Phật, nhưng Phật đối với hai việc trên không hề có một niệm lay động. Ông ấy dâng thức ăn lên cúng dường Như Lai, Như Lai đã không nhận, thì trong tam giới càng không có một chúng sanh nào có thể tiêu thụ

được. Phật bảo vị Bà-la-môn mang thức ăn cúng dường Như Lai vớt xuống dòng nước, lập tức, khói và lửa bốc lên ngàn ngạt. Di mẫu Kiều-đàm-di muốn dâng pháp y cúng dường Phật, Phật bảo hãy mang cúng dường cho tăng chúng. Vì câu chuyện này mà biết được Tam bảo là giống nhau, không hề sai khác.

Sau khi nghe xong, thí chủ liền nói:

- Nếu như Phật và tăng chúng không khác, vì sao lại mang thức ăn vớt xuống dòng nước mà không cúng dường cho tăng chúng?

Sa-di liền trả lời:

- Như Lai không hề có ý luyện tiếc thức ăn, là vì Ngài có ý làm như vậy để hiển bày ra sức công đức của tăng chúng. Vì sao như vậy? Phật quán xét thấy thức ăn cúng dường Như Lai này, trong tam giới không một chúng sanh nào có thể tiêu thụ được, vớt xuống dòng nước, nước phát ra lửa. Nếu Phật đổi sang bố thí cho tăng chúng, tăng chúng ăn vào mà không hề hấn gì, có thể tiêu thụ. Thế nhưng, bà Kiều-đàm-di đặc biệt chuẩn bị một pháp y để dâng cúng Phật, nhưng Phật lại muốn Kiều-đàm-di cúng lại cho tăng chúng, sau khi tăng chúng thọ nhận cũng không hề hấn gì. Vậy mới biết, tăng chúng có công đức lớn, có tiếng thơm lành, nên

Phật và tăng không hề sai khác.

Sau đó, thí chủ nói:

- Từ nay về sau, đối với tăng chúng, dù cho già trẻ lớn nhỏ, con đều cung kính như nhau, không khởi tâm phân biệt.

Sa-di đáp:

- Nếu ông có thể làm được như vậy, ngày thấy đạo của ông sẽ không còn xa.

Sau đó, các vị sa-di liền nói kệ rằng:

“Đa văn và trì giới, thiên định và trí tuệ, có thể hướng đến tam thừa Thanh văn, Duyên giác và Phật, có thể hướng đến đạo quả, đạt được đạo quả (Thanh văn có bốn hướng và bốn quả).

Giống như sông Tân-đầu chảy ra biển lớn, chư Hiền thánh cũng như vậy, cùng nhập vào biển lớn Tăng chúng.

Tỷ như trong núi Tuyết có đầy đủ các loại thảo dược, như trong ruộng tốt có thể làm cho các hạt giống được sinh trưởng và phát triển, cũng vậy, những bậc có trí tuệ đều được hun đúc từ trong Tăng chúng mà ra”.

Sau khi nói kệ xong, các vị sa-di liền nói tiếp:

- Này thí chủ! Chẳng lẽ ông chưa từng được nghe trong kinh có nói đến ba vị thiện nam tử là A-na-luật, Nan-đề, Kim-tì-la sao? Có vị đại tướng quý thần tên là Ca-phù bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tất cả các thế giới, bất luận là trời, người, ma, Phạm, v.v., nếu lúc nào trong lòng cũng nghĩ đến ba vị thiện nam tử này, thì đều có thể đạt được lợi ích và an lạc. Trong tăng chúng chỉ cần nghĩ nhớ đến ba vị này thì đều đạt được lợi ích, hướng hồ là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già!”.

Sau khi nói xong, các sa-di lại nói tiếp kệ rằng:

“Bốn người trở lên mới được gọi là tăng, ba người thì cũng chưa được gọi là tăng-già, lòng nghĩ nhớ đến ba vị này thì đã được lợi ích, giống như vị đại tướng quý thần đã nói: “Chưa cần nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên, chỉ cần nghĩ nhớ đến ba người như A-na-luật thì đã có được lợi ích lớn, hướng hồ gì là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên!”.

Cho nên, ông phải biết tất cả các công đức đều được bắt nguồn từ trong tăng chúng.

Cũng giống như rồng lớn làm mưa, chỉ có biển cả mới dung chứa nổi, tầng chúng cũng như vậy, có thể thừa tiếp được mưa chánh pháp.

Vì vậy, ông nên một lòng nghĩ nhớ đến tầng chúng, vì những tầng chúng như thế, chính là nơi tập hợp của tất cả những con người thiện, là một chúng đã đạt được giải thoát.

Tầng chúng giống như một đội quân hùng mạnh, có thể đánh dẹp tất cả các ác ma, oán tặc, kẻ địch. Những tầng chúng như thế, là nơi tập hợp của trí tuệ thù thắng.

Tất cả mọi điều lành, đều được làm ra trong tầng đoàn, hướng đến Thanh văn, Duyên giác và Phật thừa để được giải thoát, là bạn của kẻ chiến thắng phiền não ma quân”.

Sau khi sa-di nói kệ tán dương tầng chúng xong, thí chủ và quyến thuộc của ông ta trong lòng rất vui mừng và đều đạt được sơ quả Tu-đà-hoàn.

**Trong câu chuyện này, có vài chỗ đáng cho chúng ta thức tỉnh:**

Phật dạy: “Không được xem thường hoàng tử nhỏ, con rắn nhỏ, đóm lửa nhỏ, và chú sa-di nhỏ”. Nếu đắc

tội với vị hoàng tử nhỏ, hoặc bị con rắn nhỏ cắn, tất cả đều có khả năng dẫn đến mất mạng. Một đóm lửa nhỏ cũng có thể thiêu đốt cả cánh rừng, cũng như vậy, không được thấy vị sa-di nhỏ tuổi mà xem thường. Đối với tăng chúng, bất luận là già trẻ, lớn nhỏ, chúng ta cũng không được khởi lên tâm phân biệt, cần phải cúng dường một cách bình đẳng.

Đức Phật cũng đưa ra ví dụ về trái đào, có trái bên trong thì sống mà bên ngoài nhìn thì như đã chín, có trái bên trong tuy đã chín, nhưng bên ngoài thì như còn non. Tăng chúng cũng như vậy, có người trong tâm còn phiền não rất nhiều, nhưng bên ngoài thì vô cùng uy nghi; có người trong tâm thanh tịnh, đã thành tựu được tất cả các công đức, nhưng bên ngoài thì không được trang nghiêm. Cho nên, không được tùy tiện phê bình người khác, mà nên tôn trọng đức hạnh tu tập, chứ không nên chỉ nhìn bên ngoài mà phán đoán. Nếu nhìn bên ngoài mà phê bình này nọ, thì chỉ tự làm tổn đức mình, lỗi lầm sẽ ngày một thêm lên mà thôi!

Trong kinh có nói:

*Nếu có người có thể nghĩ nhớ đến ba vị từ-kheo: A-na-luật, Nan-đề và Kim-tì-la thì đạt được lợi ích an lạc.*

Vì sao đặc biệt nhắc đến ba vị tì-kheo này? Câu chuyện này xuất phát từ *kinh Ngưu giác Ta-la lâm* trong *Trung a-hàm*, nói về ba vị tì-kheo sống hòa hợp không bao giờ tranh cãi. Nếu như có người khát thực về trước, nhìn thấy chậu nước hết thì sẽ tự động đi múc, nếu có nhiều đồ ăn thì sẽ phân cho các tì-kheo khác cùng ăn.

Đức Phật hỏi họ:

- Cuộc sống của các vị an ổn chứ? Có thiếu thốn gì không?

Ba người đồng thanh trả lời:

- Thân, khẩu, ý của chúng con đều hướng về từ bi, nên cuộc sống rất an ổn, không thiếu thốn gì. Chúng con đều có thể làm chủ được bản thân, tùy thuận tất cả các hiện giả.

Vì ba tì-kheo này luôn tán thán các tì-kheo khác, hòa hợp không bao giờ có sự tranh cãi, tu tập cũng rất siêng năng, nên đều chứng được quả vị A-la-hán. Đức Phật dạy: “Bốn người trở lên mới được gọi là tăng. Chỉ cần nghĩ nhớ đến ba người A-na-luật thì có thể đạt được lợi ích lớn. Huống hồ là nghĩ nhớ đến đoàn thể tăng-già có bốn người trở lên”.

Chúng ta nghĩ mà xem, dốc toàn sức lực để tu hành chưa chắc đã thành tựu, huống hồ còn phân tâm đi tranh cãi, như vậy thì càng không có hy vọng.

Trong kinh còn nhắc đến câu chuyện Kiều-đàm-di muốn dâng ca-sa cúng dường Phật, Phật dạy bà mang đi cúng dường chúng Tăng. Kiều-đàm-di là di mẫu của đức Phật, mẹ của Ngài sau khi sinh Ngài ra thì bà đã vãng sanh, nên do một tay di mẫu Kiều-đàm-di nuôi dưỡng. Sau khi Thế Tôn thành Phật, Ngài trở về nơi chôn nhau cắt rốn để hóa độ cho dòng tộc Thích-ca. Di mẫu của Ngài vô cùng vui mừng, chuẩn bị trước một ca-sa bằng tơ vàng để dâng cúng dường Phật. Kết quả, Phật dạy mang dâng cúng cho chúng Tăng. Di mẫu buồn bã, bạch Phật rằng:

- Đây là chiếc áo mà tôi đặc biệt dâng lên cúng dường Ngài, vì sao Ngài không nhận?

Phật trả lời rằng:

- Ta biết di mẫu muốn tốt cho Ta, nhưng dùng tâm yêu thương ràng buộc để bố thí cúng dường, thì phước đức không được rộng lớn. Nếu di mẫu không dùng tâm yêu thương ràng buộc, mà dâng cúng dường chúng Tăng, thì phước đức sẽ rộng lớn hơn rất nhiều.



Những câu chuyện như vậy ở trong *luận Đại trí độ* cũng có nói đến, cụ thể là trong Đại Chánh tạng, quyển 25, trang 224a-225c.

*Luận Đại trí độ* ghi: Ngoài ‘niệm Phật, niệm pháp’ ra, cần phải ‘niệm tăng’, vì chúng Tăng là người dẫn đường và cũng là bạn của chúng ta trên con đường hướng đến niết-bàn. Trước đây, những người bầu bạn với ta thường là bạn ác, hoặc vợ, chồng, con cái, kết quả không hướng đến con đường niết-bàn giải thoát, mà là hướng đến ba ác đạo. Bây giờ có thể làm bạn với chúng Tăng, mọi người cùng nhau tu tập kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, có thể an ổn đạt được niết-bàn, nên phải nên hoan hỷ, vui mừng.

Trong kinh nói:

*Phật như vị lương y, pháp như liều thuốc hay,  
tăng như người chăm bệnh.*

Phật giống như vị y vương, pháp như liều thuốc hay, tăng là người hộ lý, hay nhân viên kỹ thuật. Tăng chúng như người chăm sóc bệnh nhân, có thể giúp đỡ chúng ta đoạn trừ tất cả bệnh phiền não, như thế cũng là một trợ duyên rất tốt, cho nên chúng ta phải trân trọng.

**【144】 — Phước huệ tập 7**

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 09.01.2016*

## 12. ĐỒ TẼ CÚNG DƯỜNG PHẬT, THIỆN ÁC KHÔNG THỂ THAY NHAU LÃNH THỌ QUẢ BÁO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện Phật giáo, câu chuyện này được trích từ *kinh Pháp cú thí dụ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 593c6-594a2.

Vào thời quá khứ, lúc đức Phật ở tại nước Xá-vệ, có năm trăm vị Bà-la-môn thường muốn tìm cơ hội phỉ báng Phật.

Phật đã thành tựu ba loại trí tuệ là thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh, nên có khả năng nhìn thấy rõ tâm người khác. Phật mặc dù với tâm đại bi, muốn hóa độ những vị Bà-la-môn này, nhưng quả báo của họ còn chưa chín muồi, nhân duyên vẫn chưa đến. Khi thời gian kết thành quả của tất cả tội báo, phước báo đã đến, tương ứng với nghiệp nhân mà họ đã tạo, nhất định sẽ nhận lãnh tội báo hoặc phước báo. Những vị Bà-la-môn này trong quá khứ đã có một ít phước đức, nên có thể sẽ được hóa độ, bởi phước đức này sẽ

dẫn dắt họ khiến tạo nhân duyên tương ưng.

Năm trăm vị Bà-la-môn này cùng nhau thảo luận:

- Cần tìm một vị đồ tể, nhờ anh ta sát sanh, và rồi thỉnh mời Phật và chúng Tăng đến cúng dường. Phật nhất định sẽ nhận lời mời thỉnh và khen ngợi đồ tể, chúng ta sẽ đến trước mặt Phật để cười chê, phỉ báng Phật.

Bảy giờ, đồ tể liền nhận lời Bà-la-môn, thỉnh Phật đến cúng dường. Phật tiếp nhận lời mời, đồng thời nói với đồ tể rằng:

- Quả đã chín muối, tự nhiên sẽ rơi rụng; phước báo thành thực, tự nhiên sẽ được hóa độ.

Sau khi về nhà, đồ tể liền chuẩn bị đồ ăn thức uống cúng dường Phật. Đức Phật dẫn các vị đệ tử đến thôn đồ tể, vào trong nhà thí chủ.

Những vị Bà-la-môn này, lớn nhỏ hết thấy đều rất vui mừng, nghĩ: ‘Hôm nay, cơ hội thích hợp cuối cùng đã đến, chúng ta có thể cười chê, phỉ báng Phật rồi! Nếu Phật khen ngợi đồ tể có phước đức, chúng ta sẽ dẫn việc đồ tể từ trước đến nay sát sanh vô số, tạo rất nhiều nghiệp tội để che cười phỉ báng Phật. Nếu Phật nói về các tội ác của đồ tể từ trước đến nay, chúng ta sẽ

đem việc đồ tể cúng dường Phật có được phước đức để hỏi vặn Phật. Hai cách này này đều có thể dùng để cười chê, phỉ báng Phật. Hôm nay, cơ hội thích hợp cuối cùng đã đến’.

Đức Phật đến nhà thí chủ, sau khi Phật ngồi xuống, đồ tể rót nước mời Phật rửa tay, rồi đích thân dâng lên vật thực cúng dường Phật. Bấy giờ, Thế Tôn quán sát tâm niệm của đại chúng, biết được trong chúng có những người nào có thể hóa độ. Ngài bèn hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng lưỡi có thể che trọn khuôn mặt, liếm đến lỗ tai, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp cả thành; tiếp đó dùng Phạm âm thanh tịnh nói một đoạn kệ tụng chúc phúc đại chúng, đại ý như sau:

‘Như lời Thánh nhân dạy, người xuất gia thực hành đạo chân chánh (tu hành, khát thực) để duy trì cuộc sống. Người ngu si lại khởi tâm đố kỵ, thấy người khác làm thiện, tu đạo lại muốn phá hoại.

Làm việc ác, tự nhận lãnh quả báo khổ; như trồng hạt giống đắng chát thì gặt lấy quả đắng chát. Làm việc ác, tự mình phải nhận lãnh tội báo; làm việc thiện, tự mình thọ hưởng phước báo.

Quả báo của tội này và phước này đều tự thành thực, nào ai có thể thay thế ai lãnh thọ. Làm việc thiện

được quả báo thiện, như trồng xuống hạt giống tốt thì được quả ngọt ngon’.

Sau khi Phật nói xong đoạn kệ tụng này, năm trăm vị Bà-la-môn khai mở tâm ý, bước về phía trước, năm vốc gieo sát đất đánh lễ đức Phật, chắp tay bạch Phật:

- Chúng con kém cỏi, ngu độn, không đủ trí huệ, chưa thể hiểu thấu lời Thế Tôn dạy. Xin Ngài thương xót giáo hóa chúng con, cho chúng con được theo Ngài xuất gia làm sa-môn.

Phật từ bi hứa khả, tiếp nhận các vị ấy làm sa-môn.

Người già trẻ trong thôn, thấy được thần thông biến hóa của Phật, đều rất ngạc nhiên, vui mừng; mọi người đều chứng được Kiến đạo<sup>8</sup>, được gọi là Hiền thánh, không còn làm nghề sát sanh, cũng không còn ai gọi là đồ tể.

Đức Phật dùng cơm xong, về lại tinh xá.

### **Câu chuyện này nhắc đến việc:**

Có người thấy người khác làm thiện tích đức, bản thân đã không tùy hỷ khen ngợi, mà lại thích thú phỉ

---

<sup>8</sup> Kiến đạo 見道: Đối với Thanh văn thừa, Kiến đạo tức là quả Tu-đà-hoàn; đối với Bồ-tát thừa, Kiến đạo là giai vị Chánh định tụ, tức Bồ-tát Sơ địa.

báng người khác. Như các vị Bà-la-môn trong câu chuyện này vốn không có ý tốt, tìm một vị đồ tể cúng dường Phật, mượn cơ hội này để hỏi vặn, muốn khiến Phật khó xử. Trong tâm các vị Bà-la-môn nghĩ: “Sau khi Phật tiếp nhận sự cúng dường của đồ tể, nếu Phật khen ngợi đồ tể có phước đức, thì chúng ta sẽ chê cười phỉ báng Phật rằng: ‘Đồ tể sát sanh vô số, vì sao có được phước đức chứ?’. Ngược lại, nếu Phật nói sát sanh là có tội, chúng ta sẽ hỏi vặn Phật: ‘Đồ tể tuy tạo nghiệp sát, nhưng hôm nay cúng dường Phật nên được phước chứ! Chẳng lẽ không có phước đức ư?’.

Sự trả lời của Phật vượt tầm suy tính của những vị Bà-la-môn này. Phật nói:

- Tạo nghiệp ác thì nhận lấy tội báo, tích tập nghiệp thiện thì thọ nhận phước báo; quả báo của tội và phước đều tự thành thực, không thể nào thay thế cho nhau. Giống như những loại hạt giống khác nhau được gieo xuống đất, tùy theo nhân ban đầu mà quả kết thành có sai biệt, hoặc đắng chát, hoặc ngọt ngon.

Nói cách khác, đồ tể tạo nghiệp sát sẽ nhận tội báo; nhưng đồ tể cúng dường Phật cũng có thể được phước báo; thiện ác và tội phước nên phân biệt rõ ràng.

Ngoài ra, *Lục tổ đàn kinh* cũng nói:

*Người mê tu phước không tu thiện,*

*Chỉ nói tu phước chính là đạo;*

*Bồ thí, cúng dường, phước vô biên,*

*Tâm khởi ba ác mãi gây tạo.*

*Nghĩ rằng tu phước tội sẽ tiêu,*

*Đòi sau được phước, tội vẫn theo.*

Ý của bài kinh trên muốn nói: Người ngu si chỉ biết tu phước, ngược lại chẳng hiểu cần phải tu đạo (không biết tu giới, định, huệ); cho rằng tu phước chính là tu đạo, hiểu nhầm rằng tu một ít phước đức có thể tránh trừ quả báo khổ của việc làm ác trong quá khứ. Thí như có người giết người khác, trong lòng nghĩ: “Tôi bồ thí một ít tiền của thì có thể lập công chuộc tội”. Thật sự chẳng biết rằng, bồ thí cúng dường tuy có thể được phước đức, nhưng mà người ngu si vẫn đầy ắp ba độc tham, sân, si, tạo rất nhiều nghiệp ác. Có người muốn tu phước để diệt trừ tội nghiệp đã tạo, đòi sau tuy được phước báo, nhưng tội nghiệp vẫn tồn tại, khi nhân duyên tụ hội vẫn phải chịu quả báo khổ. Quả báo được tạo nên của hai loại nghiệp thiện và ác có sự sai khác, không thể thay thế cho nhau.



Lúc Phật giáo bàn về nhân quả, nghiệp báo, cũng sẽ nhắc đến ‘dẫn nghiệp’ và ‘mãn nghiệp’.

‘Dẫn nghiệp’ là một loại nghiệp lực vô cùng mạnh mẽ, dẫn dắt chúng sanh nhận lấy quả báo nhất định ngay lúc lâm chung, thọ thân vào trong sáu cõi: Trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Năng lực của loại nghiệp này vô cùng mạnh mẽ, nên gọi gọi là ‘dẫn nghiệp’. Năng lực của ‘mãn nghiệp’ không mạnh mẽ như ‘dẫn nghiệp’, nhưng sẽ ảnh hưởng đến thân quả báo chiêu cảm có viên mãn hay không; thí như sáu căn có đầy đủ hay không, tướng mạo có trang nghiêm hay không, âm thanh có ưu mỹ hay không v.v., loại nghiệp này gọi là ‘mãn nghiệp’.

*Luận Câu xá* nêu một thí dụ, thí như có một họa sĩ, trước tiên dùng một màu đơn nhất phát thảo một hình trạng, sau khi hoàn thành phần ngoại hình sẽ thêm vào các sắc màu khác. ‘Dẫn nghiệp’ giống như dùng màu sắc đơn nhất, vẽ nên hình của một người hoặc một loài súc sanh; ‘mãn nghiệp’ giống như việc thêm vào các sắc màu khác nhau, tạo thành các sắc thái đẹp, xấu không giống nhau. Ngay cả mọi người cùng là thân người nhưng tướng mạo, âm thanh, thể lực, cho đến tính cách, tài năng của mỗi một người đều không giống nhau; đây là sự khác nhau do ‘mãn nghiệp’ tạo nên.

Cho nên, chúng ta cần lưu ý rằng tuy làm cùng một công việc, nhưng sự phát tâm, hành vi của thân và miệng, chỉ một sai khác rất nhỏ, đều sẽ chiêu cảm quả báo không giống nhau. Hi vọng mọi người đều có thể giữ gìn chánh niệm, chánh tri, thận trọng trong từng lời nói và việc làm.

Những điều trên đây, xin được chia sẻ cùng mọi người, chúng ta cùng nhau cố gắng!

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 16.05.2015*

### 13. KINH PHẬT THUYẾT VỀ BẢY NGƯỜI NỮ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được rút ra từ *kinh Phật thuyết về bảy người nữ*, trong Đại Chánh tạng, quyển 14, trang 907c10-909b28.

Có một thời, đức Phật du hành ở trong vườn cây Phân-nho-đạt nước Câu-lưu, cùng với một nghìn vị A-la-hán, năm trăm vị Bồ-tát và chư thiên, rồng, quý thần.

Lúc đó, trong nước Câu-lưu có một vị Bà-la-môn tên là Ma-ha-mật rất tham lam keo kiệt, không tin Phật pháp. Ông ta rất giàu có, đủ cả các loại châu báu, trân bảo, trâu ngựa, ruộng vườn nhà cửa nhiều không thể tính đếm được. Do ông ta rất thông minh, không ai có thể sánh bằng, nên ông được làm thầy trong nước, thường xuyên có năm trăm đệ tử đi theo hầu cận, lại nhận được trọng đãi cung kính của các vị quốc vương, đại thần.

Vị Bà-la-môn này có bảy người nữ, mỗi người đều có tướng mạo đoan chánh, thông minh, lại có tài nói

năng lưu loát khéo léo. Các nàng này từ đầu đến chân đều đeo các loại trang sức kim ngân, châu ngọc, anh lạc trắng. Lúc nào cũng có năm trăm người nữ đi theo bên cạnh. Bảy người nữ này tính cách kiêu mạn, tự cao tự đại. Tự cho rằng bản thân mình đoan chánh, nên rất khinh thường người khác. Họ lại ỷ mình sinh trong nhà giàu có, tưởng là có thể sẽ được mãi mãi như vậy. Mỗi khi cùng họ với người dân trong nước tranh cãi đúng sai, thì lúc nào cũng được thắng.

Lúc đó, có một vị trưởng giả tên là Phân-nho-đạt, nghe những người nữ này rất xinh đẹp, đoan chánh, liền đến nhà Bà-la-môn nói :

- Các ông tự rêu rao khoe khoang trong nhà có người nữ rất đẹp, đoan chánh, tuy vậy, các ông phải nên dẫn các cô đó đi khắp cả nước để cho mọi người thấy. Nếu có người đứng dậy trách mắng những người nữ này, thì ông đưa cho tôi năm trăm lượng vàng. Nếu không có một người đứng dậy trách mắng, thì tôi sẽ đưa cho ông năm trăm lượng vàng.

Bà-la-môn trả lời :

- Được!

Sau đó, suốt chín mươi ngày, vị Bà-la-môn này đi

rao khắp cả nước, nhưng không một ai nói người nữ này xấu. Bà-la-môn Ma-ha-mật nhân đó liền nhận được năm trăm lượng vàng. Phân-nho-đạt bảo Ma-ha-mật:

- Hôm nay, đức Phật ở gần vườn Kỳ-thọ, Ngài có thể thấu suốt, thông hiểu tất cả sự việc của quá khứ, hiện tại và vị lai. Với đức tính cao thượng, tuyệt đối không nói lời hư dối của Ngài, chúng ta nên dẫn bảy người nữ này đến chỗ đức Phật xem sao.

Bà-la-môn Ma-ha-mật nghe xong liền nói:

- Tốt lắm!

Ngay sau đó, ông ta liền dẫn theo bảy nàng con gái này, cùng năm trăm quyền thuộc Bà-la-môn và năm trăm nữ quyền đi đến chỗ đức Phật.

Khi đó, đức Phật đang thuyết pháp cho hàng nghìn thánh chúng, mỗi người đều đến trước chỗ đức Phật, đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Bà-la-môn đến trước đức Phật, bạch rằng :

- Thưa Cù Đàm! Ngài thường xuyên đi qua khắp các quốc gia, vậy Ngài có từng thấy qua người nữ nào có tướng đoan chánh bằng những người này không ?

Đức Phật bài bác và quở trách nói:

- Những người nữ này không đoan chánh xinh đẹp, tất cả đều rất xấu xí, không có chỗ nào đẹp cả.

Bà-la-môn bạch hỏi đức Phật rằng:

- Khắp trong cả nước, không ai nói những người nữ này xấu cả, vì sao hôm nay chỉ có một mình Ngài lại chê người nữ này xấu?

Bà-la-môn lại hỏi đức Phật:

- Nếu y theo lời nói của Ngài, thì người thế gian nên lấy gì làm đẹp chuẩn mực?

Đức Phật nói:

- Người thế gian nếu như mắt không tham đắm sắc đẹp, tai không nghe tiếng xấu ác, đó mới là tốt đẹp; mũi không tham đắm hương thơm, miệng không đắm trước mùi vị, đó mới là tốt đẹp; thân không tham đắm mịn màng trơn láng, tâm không còn những niệm xấu ác, đó mới là tốt đẹp; tay không trộm lấy tài vật của kẻ khác, miệng không nói chuyện ác của người khác, đó mới là tốt đẹp. Không kiêu mạn tự cao, không dùng lời nói nịnh hót đâm ô, biết được sanh là do từ đâu mà đến, chết sẽ đi về đâu, đó mới là tốt đẹp; tin tưởng bố thí thì

được phước báo, đó mới là tốt đẹp; tin Phật, tin pháp, tin từ-kheo tăng, đó mới là tốt đẹp.

Đức Phật lại bảo Bà-la-môn:

- Mặt mũi dù đẹp, nhưng cũng không phải là cái đẹp chân thật; vóc dáng dù đẹp, áo quần y phục đẹp, cũng không phải là cái đẹp chân thật; gây ra xích mích thị phi, nói lời đâm ô dua nịnh, cũng không phải là cái đẹp chân thật. Chỉ có giữ tâm đốn chánh, ý niệm thanh tịnh, đó mới là cái đẹp chân chánh.

Khi ấy, Phân-nho-đạt liền nhận lại năm trăm lượng vàng, lại còn được nhận thêm lợi nhuận.

Đức Phật lại bảo Bà-la-môn:

- Quá khứ có thành tên là Ba-la-nại, kể từ đức Phật quá khứ cho đến chư Phật vị lai đều ngồi ở chỗ này mà tu hành, hoằng pháp. Bấy giờ có vị quốc vương tên là Cơ-duy-ni, là một vị ưu-bà-tắc (nam cư sĩ) rất thông hiểu giáo lý Phật giáo, ông đã kiến tạo Tinh xá để cúng dường lên đức Phật. Các người con gái của quốc vương cũng là những ưu-bà-di (nữ cư sĩ) hết lòng cung kính phụng thờ Tam bảo. Những công chúa này đều rất thông minh, trí tuệ, có thể thông suốt giáo lý kinh điển, tướng mạo lại vô cùng xinh đẹp. Trên thân của họ đều

đeo những đồ trang sức bằng kim ngân, hồ phách, trân bảo, y phục mặc làm bằng chất liệu quý giá. Nàng thứ nhất tên là Tu-đam, nàng thứ hai tên là Tu-đam-ma, nàng thứ ba tên Tì-kheo-ni, nàng thứ tư tên Tì-kheo-la-tri, nàng thứ năm tên Sa-môn-ni, nàng thứ sáu tên Sa-môn-mật, nàng thứ bảy tên Tăng-đại-sa-đam. Các vị công chúa này luôn nương theo chánh pháp của đức Phật mà phụng trì trai giới, bố thí, cúng dường.

Một hôm, bảy công chúa cùng nhau đến cung điện của vua cha và thưa rằng:

- Chị em chúng con muốn cùng nhau đến nghĩa địa để tham quan.

Vua nói:

- Ở nghĩa địa rất đáng sợ, đầy cả thi hài xương cốt râu tóc của người chết phân tán rải vụn tản mát trên đất, ngoài ra, còn có rất nhiều những sự bi thương khóc lóc thảm thiết của người sống. Lại có rất nhiều loại cọp sói, kên kên, muông thú đều ở đó để ăn thịt và máu huyết của người chết. Vì sao các chị em con lại muốn đi đến nghĩa địa? Ở trong cung điện vua cha dựng lên công viên phong cảnh, ao tắm, trong đó có chim uyên ương cùng nhau bay nhảy hót múa líu lo. Bên cạnh đó còn có



đủ loại bông hoa khiến người xem tâm trạng vui mừng hớn hờ, cỏ kiết tường linh chi, cây quý, đủ loại cây trái tươi mát, tùy ý các con hưởng dụng. Nhiều thứ có thể tham quan dạo chơi thế này, tại sao các con lại muốn vào trong nghĩa địa làm gì?

Các nàng trả lời:

- Thừa phụ vương! Trái cây, thức ăn ngon ngọt nào có ích gì? Chúng con nhận thấy mạng sống của con người trên thế gian này đều đang từng ngày đi dần về cái chết, tất cả mọi người sau khi sinh ra không ai mà không phải chết. Chúng con đã không còn nhỏ dại. Chúng con trước đây đã từng bị những thức ăn này làm cho mê hoặc, nhưng bây giờ sẽ không còn bị mê hoặc nữa! Phụ vương nếu thương xót chị em chúng con, nên cho phép chị em con ra ngoài thành để quán thầy người chết.

Sau ba lần các nàng thỉnh cầu như vậy, vua nói:

- Thật tốt lắm, vua cha cho phép các con đi.

Sau đó, bảy công chúa cùng năm trăm cung nữ chuẩn bị xe ngựa ra khỏi cung điện. Họ liền tháo bỏ chuỗi ngọc, đồ trang sức để lại trên đất. Nhân dân trong quốc gia đó nhìn thấy, bèn vui mừng nhộn nhịp

theo sau lượm lấy những trăn bảo này. Cả nghìn người lần lượt đến nghĩa địa ở bên ngoài thành, xa xa họ đã ngửi mùi tanh hôi, khi đến nơi, bày ra trước mắt mọi người đều là những thứ như ứ rải rác khắp nơi, chỉ nghe tiếng người khóc la. Các cung nữ và những người dân đi theo đều rất rùng rợn sợ hãi toát cả mồ hôi. Bấy công chúa này liền đi thẳng về phía trước để xem xét những thi thể người chết. Trong đó có người thì mất đầu, có người mất tay chân, có người mất mũi, tai, có người đã chết, cũng có người vẫn đang thở thoi thóp, có người để trong quan tài, có người quấn trong chiếu, có người bị trói bằng dây. Gia đình quyền thuộc của họ đang ở bên cạnh khóc lóc thảm thiết, muốn cho người chết của mình được giải thoát.

Bấy nàng nhìn xung quanh thấy nhiều người chết như vậy, lại có người mới chết từ các nơi khiêng đến, các loài chim thú xông đến giành nhau ăn tử thi. Thi thể của người chết sinh trướng, máu mủ tuôn ra, trong bụng lại có vô số vạ ức côn trùng lúc nhúc chui ra, tanh hôi không thể chịu nổi. Thế mà, các nàng công chúa này lại không bịt mũi, đi thẳng đến trước đó dạo quanh một vòng rồi cùng nhau nói rằng:

- Không bao lâu, thân thể chị em chúng ta cũng sẽ hôi thối và biến thành thế này.

Một nàng nói:

- Mỗi người chúng ta có thể làm một bài kệ tụng, để cứu giúp linh hồn người chết này được giải thoát chẳng?

Sáu công chúa còn lại đều đồng thuận:

- Hay lắm!

Nàng thứ nhất nói:

- Con người khi còn sống, thân thể mặc y phục tốt đẹp, dùng dầu thơm, hương thơm xoa thân, trang điểm tương mạo, rồi cố ý ở giữa đám đông, liếc mắt kiêu diễm, muốn dành sự chú ý của mọi người. Nhưng hôm nay chết đi, chỉ còn thi thể nằm trên đất, mặc cho gió táp mưa sa, bộ dạng yêu kiều khi xưa, bây giờ đã biến đi đâu?

Nàng thứ hai nói:

- Như con chim ở trong lồng, miệng lồng bị đóng kín, làm sao bay được. Nhưng nay lồng đã phá vỡ, chim bay đi, cuối cùng bay đến chỗ nào rồi?

Nàng thứ ba nói:

**【162】 — Phước huệ tập 7**

- Có người lái xe đi đến giữa đường thì bỏ xe, xe không thể tự chạy về phía trước, vậy người lái xe bây giờ ở đâu?

Nàng thứ tư nói:

- Giống như có người lên thuyền, chuyên chở được rất nhiều người cùng qua sông, sau khi qua sông đến được nơi rồi, thì mang thuyền cột bên bờ. Người sau khi xả bỏ thân thể này, cũng như qua sông bỏ lại thuyền vậy.

Nàng thứ năm nói:

- Có tòa thành hết sức kiên cố, trong thành có nhiều nhân dân, tất cả đều sinh sống ở trong thành, nay trong thành không có một người, vậy những người đó nay sống ở đâu?

Nàng thứ sáu nói:

- Người chết rồi thì nằm trên đất, y phục cũng giống như khi còn sống, từ đầu đến chân đều nguyên vẹn không có thiếu sót, nhưng nay người này không thể đi, không thể di chuyển được, vậy người đó cuối cùng đang ở đâu?

Nàng thứ bảy nói:

- Như có người sống một mình, khi rời khỏi căn nhà, trong nhà trống không có người trông coi giữ gìn, nhà sẽ dần dần hư hỏng tổn hại.

Khi bảy công chúa đang nói những lời này, thì tòa ngòai của Thích đề hoàn nhân là vua của tần trời Đạo Lợi thứ hai bỗng nhiên lay chuyển. Như trong khoảng thời gian vị lực sĩ duỗi cánh tay, Thích đề hoàn nhân lập tức liền từ cung trời xuống đến nhân gian, đến chỗ của bảy công chúa, tán thán rằng:

- Các nàng nói pháp rất hay! Các nàng muốn gì? Xin hãy nói ra nguyện vọng của mình, tôi có thể giúp cho các nàng được mãn nguyện.

Bảy công chúa cùng hỏi rằng:

- Xin hỏi ông là trời Đế Thích hay là Phạm thiên? Chúng tôi không thấy ông đến bằng cách nào, sao tự nhiên hiện ở trước mặt chúng tôi, xin cho chúng tôi biết ông là ai?

Thích đề hoàn nhân trả lời:

- Thưa các công nương! Tôi là Thích đề hoàn nhân, vì các nàng nói những lời thiện lành, cho nên tôi đặc biệt đến đây để lắng nghe.

Bảy nàng công chúa nói:

- Ông mới nói muốn làm cho chúng tôi được như sở nguyện. Ông là vị trời thứ hai trên cung trời Đao lợi, là vị thiên chủ tôn quý nhất, thì chắc chắn sẽ làm cho chúng tôi được như ước nguyện của mình, vậy xin cho chị em chúng tôi nói ra nguyện vọng trong tâm của mình.

Nàng thứ nhất nói:

- Tôi muốn được sống ở chỗ cây không có gốc rễ, không có cành lá, đó là sở nguyện của tôi.

Nàng thứ hai nói:

- Tôi muốn sống ở chỗ không có hình tướng, không có giới hạn của âm dương (trời đất, mặt trời mặt trăng).

Nàng thứ ba nói:

- Tôi muốn được sống trong núi sâu, đều nghe được âm thanh của tiếng kêu gào vang dội khắp bốn phương, nhưng không biết thân đang ở đâu.

Thích đề hoàn nơn nói:

- Khoan đã nào! Tôi không cách nào có thể đáp

ứng được nguyện vọng của các nàng. Nếu các nàng muốn làm Đế thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, tối tôn giữa trời đất, thì tôi còn có thể đáp ứng, chứ những điều mà các nàng vừa yêu cầu, thật sự là tôi không biết làm sao mới được!

Bảy công chúa nói rằng:

- Ông là vị thiên chủ rất được kính trọng, có sức oai thần như vậy, vì sao ông không thể làm cho chúng tôi được như sở nguyện? Vậy thì ông có khác nào một con trâu già, không thể kéo xe, không thể cày ruộng, đối với chủ nhân cũng không có lợi ích gì!

Thích đề hoàn nhơn nói:

- Tôi nghe có người đang nói pháp, nên đặc biệt đến đây nghe. Các nàng nói ra mong muốn của mình, nhưng tôi thật không thể đáp ứng cho các cô được như sở nguyện. Đã như vậy thì tôi đành phải xin từ biệt thôi.

Bảy công chúa nghe xong chỉ lặng lẽ không nói lời nào. Lúc đó, trong không trung có vị trời nói rằng:

- Nay có đức Phật Ca-diếp đang ở trong một khu núi gần bên nghĩa địa, sao các vị không đến đó hỏi Ngài?

Bảy công chúa nghe như vậy thì rất vui mừng, liền lập tức dẫn năm trăm cung nữ và những người dân cùng đi đến đó. Trong nghĩa địa lại có thêm năm trăm người của những gia đình đang có tang gia, đang bị thương khóc lóc, cũng phát tâm đi theo.

Khi đó, đức Phật Ca-diếp đang vì vô số người mà thuyết pháp, mọi người đều đến trước chỗ Phật Ca-diếp, đánh lễ đức Phật xong, lui ngồi một bên.

Thích đề hoàn nơn bạch đức Phật rằng:

- Con vừa mới nghe bảy công chúa con của quốc vương đang nói pháp, đặc biệt liền đến để nghe. Bảy công chúa này đề nghị với con những mong muốn của các nàng: “Tôi muốn được sống ở chỗ cây không có gốc rễ, không có cành lá; chỗ không có hình tướng; chỗ không có giới hạn của âm dương (mặt trời mặt trăng); ở trong núi sâu, âm thanh của tiếng gào thét vang dội khắp bốn phương đều nghe, nhưng không biết thân đang ở đâu”, nhưng lúc ấy, con không thể đáp ứng được, xin đức Phật vì bảy vị công chúa này mà giảng giải đạo lý trong đó.

Đức Phật Ca-diếp bảo:

- Những câu hỏi đó rất hay và cũng rất sâu sắc,



vượt xa những hiểu biết bình thường, những việc này, ngay cả hàng A-la-hán, Bích-chi-phật còn không thể biết, huống gì là ông!

Lúc đó, đức Phật Ca-diếp mỉm cười, ánh sáng năm màu từ trong miệng của Ngài phóng ra, chiếu khắp cõi Phật, trở lại nhiều quanh thân Ngài, rồi từ trên đỉnh đầu tiến vào. Thị giả đến trước quỳ gối chấp tay, thưa:

- Đức Phật không bao giờ cười vô cớ, con xin được nghe Ngài khai thị ý nghĩa đó.

Đức Phật Ca-diếp hỏi Tát-bà-la rằng:

- Ông có thấy những người nữ này không?

- Vâng ! Con có thấy.

- Bảy người nữ của quốc vương này cùng phát tâm Vô thượng bồ-đề, từ đó đến nay đã cúng dường năm trăm đức Phật, tương lai sẽ gặp vạn muôn đức Phật, sau khi trải qua mười kiếp số, tất cả đều sẽ thành Phật, đều đồng một hiệu là Phục-đà-la-bôn. Cõi nước của chư Phật đó tên là Thủ-đà-la, chư Phật đó thọ mạng đến ba vạn tuổi. Lúc đó, y phục đồ ăn thức uống của nhân dân cõi này đều giống như ở trên cõi trời Đạo lợi thứ hai. Sau khi chư Phật này nhập Niết-bàn, giáo lý kinh điển lưu ở thế gian đến ba nghìn năm mới biến

mất. Khi chư Phật này thuyết pháp sẽ độ bảy mươi lăm ức vạn người, khiến cho họ đều đắc đạo A-la-hán và Bồ-tát.

Khi đức Phật Ca-diếp thọ ký cho bảy công chúa, các nàng đều rất vui mừng hoan hỉ, liền bay lên hư không, cách mặt đất khoảng hai mươi trượng, rồi từ không trung bay xuống mặt đất, tất cả những người nữ đó đều hóa thành thân nam, liền đắc quả bất thoái chuyển. Năm trăm cung nữ và một nghìn năm trăm vị trời và người nhìn thấy bảy người nữ này đều trở thành thân nam, họ cũng rất hân hoan, vui mừng cổ vũ. Mọi người đều phát tâm Vô thượng bồ-đề, một nghìn người xa lìa trần cấu, đều đắc pháp nhãn.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói với Bà-la-môn:

- Bảy người nữ của quốc vương này, cho dù sung túc an lạc, tướng mạo đoan chánh, địa vị cao quý, nhưng họ đều không ý lại, tự cho thân này là tốt đẹp để kiêu ngạo, vì sao? Bởi vì các cô ấy đã hiểu rõ được các pháp là vô thường, hiểu rõ sắc thân này không thể gìn giữ lâu dài. Tất cả người thế gian vì ngu si nên phải lưu chuyển trong vòng mười hai nhân duyên mà có sanh tử. Đời người đều vì tham ái nên từ sanh đến lão, từ lão đến bệnh, từ bệnh đến chết, vì chết nên khóc lóc bi thảm thống khổ. Con người tất cả đều vì tham ái mà ra,

cho nên cần phải tự quán chiếu thân mình và thân người, đi đứng nằm ngồi cần phải chánh niệm, trong thân chứa đầy những thứ bất tịnh hôi thối, nước miếng, đờm dãi nóng lạnh, nước mắt, nước mũi chảy ra. Không luận là loài nào, một khi thân thể bại hoại đều sẽ có nhiều côn trùng hóa ra để cắn rúc, ăn thịt thân thể, xương cốt tứ chi đều phân tán, biến thành tro đất. Quán lại thân mình: “Thân thể của ta sau khi chết cũng sẽ như vậy”. Không nên tự hào cho rằng thân này là tốt đẹp, mà nên cần phải chánh niệm, nhớ các pháp là vô thường. Nếu người bố thí hành thiện, không kiêu mạn tự cao, không nói lời nịnh hót dâm ô, thì sau khi chết đều được sanh lên cõi trời. Nếu người thường làm việc ác, khi chết sẽ đọa vào địa ngục, vì sao người nữ lại đọa trong địa ngục nhiều như vậy? Là đều vì họ có nhiều tính đố kỵ, ghen ghét, khoe khoang sắc đẹp mà ra.

Khi đức Phật nói pháp này, những người nữ Bà-la-môn rất vui mừng hoan hỷ, gỡ những châu báu trên thân, đem rải cúng dường bên chân đức Phật. Ngài dùng sức oai thần khiến những châu báu trụ giữa hư không hóa thành bảo cái, giữa hư không có tiếng nói rằng:

- Hay thay! Hay thay ! Như lời đức Phật nói không

có gì sai khác.

Lúc đó, đức Phật đang ngồi trên tòa, Ngài dùng sức oai thần ấn ngón chân xuống đất làm cho tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật đều chấn động, ánh sáng chiếu khắp mười phương. Cây khô héo một trăm năm bỗng nhiên sanh ra hoa quả, các muông rãnh khô cạn tự nhiên có nước, các loại nhạc cụ không cần đánh mà tự kêu, những thứ đồ được người nữ trang sức trên thân tự động phát ra âm thanh, người mù được nhìn thấy, người điếc được nghe, người câm ngọng đều nói được, người lưng gù được đứng thẳng, người chân què có thể đi được, người tay chân có tật đều tự nhiên hết tật bệnh, người bị điên cuồng được hồi phục bình thường, người bị nhiễm độc, độc không thể làm hại, người bị bắt nhốt đều được thả tự do, trăm chim muông thú cùng nhau hòa vui múa hát. Bấy giờ, người dân trong nước Câu-lưu không phân nam nữ, hai bên đều rất vui mừng hòa hợp như đấng thiên định vậy.

Khi đức Phật biến hóa đủ thứ thần thông. Vua nước Câu-lưu cúng dường châu bảo vui mừng hoan hỷ cùng trăm vị đại thần, các nữ Bà-la-môn cùng với năm trăm quyến thuộc Bà-la-môn đều phát tâm Vô thượng bồ-đề. Lại có năm trăm vị tì-kheo đắc quả A-la-hán, năm trăm người trong nước đều chứng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Sau khi đức Phật thuyết kinh này xong, Bô-tát, ù-kheo tăng, ưu-bà-di, ưu-bà-tắc, quốc vương, đại thần, trưởng giả, nhân dân, chư thiên, quý thần, rồng đều rất hoan hỷ, đến trước đức Phật cúi đầu đánh lễ Phật xong rồi lui ra.

### **Câu chuyện này nói đến việc:**

Bà-la-môn lấy làm tự hào về bảy người con gái xinh đẹp của mình. Người đời thường cho tướng mạo trang nghiêm, vóc dáng đoan chánh là đẹp đẽ, nhưng đức Phật nói: “Những người nữ đó đều rất xấu, không có một chút gì đẹp. Chỉ có mắt không tham sắc, tai không nghe tiếng ác, mũi không tham ngửi mùi thơm, miệng không tham vị ngon, không nói lỗi đúng sai của người, thân không tham ưa mịn màng trơn láng, tâm không còn ác ý, đó mới là tốt. Tin sâu nhân quả, tin Tam bảo, thân miệng ý thanh tịnh, đó mới thật sự là tốt”.

Lại nữa, bảy nàng công chúa, con gái của quốc vương, tuy tướng mạo đoan chánh, địa vị cao quý, nhưng không hề ỷ lại thân thể xinh đẹp mà kiêu ngạo. Họ còn đặc biệt đến nghĩa địa quán xem tử thi, tỏ ngộ lý vô thường.

Nghĩ lại mạng người thật ngắn ngủi, chúng ta đã

sắp xếp ổn thỏa những kế hoạch đã đề ra chưa? Ví dụ tiền tài của cải rất có hạn, chúng ta có nên yêu quý không? Có tùy ý lãng phí không? Có một kế hoạch quản lý tốt chưa? Phước đức trí tuệ tư lương của chúng ta đã có đủ chưa? Nếu chưa đủ thì sao lại lãng phí thời gian tranh đấu biện luận này kia, làm những việc tổn người lợi mình.

Cũng như công nhân chế tạo sản phẩm, cần phải qua việc kiểm soát chất lượng, để tránh sản xuất ra những sản phẩm không tốt. Cũng vậy, tâm niệm của chúng ta cũng cần phải nên trông nom coi sóc, nếu không trông nom tốt những suy nghĩ cảm xúc của mình thì chúng ta sẽ dễ dàng sanh khởi phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, v.v., làm tổn hại pháp thân huệ mạng của chính mình mà thôi.

Mạng sống vô thường, thời gian thật rất quý báu, cho nên mong tất cả mọi người đối với đạo nghiệp tu tập cũng như sự nghiệp thế tục của chính mình đều nên lên kế hoạch một cách ổn thỏa tốt đẹp. Đồng thời, đem thời gian ngắn ngủi này sắp xếp áp dụng vào những việc làm hữu ích.

Qua câu chuyện trên, mong chúng ta cùng nhau cố gắng!

**Phước huệ tập 7 — 【173】**

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 03.10.2015*

## 14. HAI THẦY TÌ-KHEO NHỜ NGHE VỀ NỖI KHỔ CỦA LOÀI SÚC SANH MÀ NGỘ ĐẠO

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng với quý vị một câu chuyện Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tạp bảo tạng*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 483c18-484a10.

Trước đây, tại miền nam Ấn Độ có hai vị tì-kheo, vì nghe tôn giả Kì-dạ-đa có oai đức lớn, nên liền tìm đến trước Kế Tân ở miền bắc Ấn Độ để thăm hỏi chỗ ở tôn giả. Ở giữa đường, hai thầy nhìn thấy dưới gốc cây có một vị tì-kheo thân thể gầy yếu, sắc mặt tiều tụy, đang ngồi nhóm lửa. Hai thầy liền hỏi:

- Ngài có biết tôn giả Kì-dạ-đa không?

Vị kia trả lời:

- Tôi có biết!

- Xin hỏi tôn giả hiện đang ở đâu?

Đáp:



- Ở trên núi, trong hang động thứ ba.

Hai vị từ-kheo lập tức lên núi, tìm đến hang động, nhưng người mà họ nhìn thấy lại chính là vị từ-kheo lúc nãy.

“Rõ ràng, lúc nãy ở phía dưới kia, vị này đang ngồi nhóm lửa, sao bây chúng ta tìm đến hang động này, lại thấy ngài ở đây?”. Lúc đó, hai vị từ-kheo cảm thấy kỳ lạ, chẳng hiểu ra sao. Họ nghĩ: “Danh tiếng và đức hạnh của tôn giả đã vang xa như thế, ngài ấy cần gì có nãy, sao lại phải tự mình đi nhóm lửa như vậy?”.

Lúc đó, trong lòng hai vị từ-kheo đều thắc mắc không hiểu, một vị thưa:

- Kính bạch Tôn giả! Ngài đã có uy đức lớn như vậy, vì sao lại muốn tự mình nhóm lửa?

Tôn giả Kỳ-dạ-đa đáp:

- Tôi nhớ lại sự đau khổ thuở còn bị luân hồi trong sanh tử, nếu như đầu, tay, chân của tôi có thể dùng làm củi, thì tôi cũng mong sẽ đem chúng đốt lên để cúng dường cho chúng Tăng sưởi ấm, huống gì chỉ là việc nhóm lửa bình thường.

Hai vị từ-kheo liền thưa:

- Bạch tôn giả! Không biết trong thời luân hồi ở quá khứ, ngài đã gặp phải những sự đau khổ gì, mong ngài dạy cho chúng con rõ.

Tôn giả đáp:

- Tôi nhớ lại trong năm trăm đời về trước, tôi đã có lần sanh làm chó, thường ở trong cảnh khốn khổ đói khát. Chỉ có hai trường hợp có thể khiến cho tôi được ăn no đủ. Trường hợp thứ nhất là khi có người uống rượu say nôn mửa đầy trên đất, tôi có thể ăn những thứ nôn mửa này mà cảm thấy no và hạnh phúc. Trường hợp thứ hai là có một cặp vợ chồng sống chung với nhau, khi người chồng đi làm, người vợ ở nhà chuẩn bị thức ăn. Khi đó vì có công việc nên người vợ cần phải đi ra ngoài, tôi liền dụng cơ hội này, chạy vào nhà ăn vụng thức ăn. Nhưng vì miệng giỏ đựng thức ăn quá nhỏ, nên ban đầu có thể thò đầu vào ăn, sau lại rất khó rút đầu ra. Tuy tôi có thể ăn no một bữa, nhưng sau đó hậu quả phải chịu đựng đau khổ không thể trốn thoát. Khi ấy người chồng đi làm về, ông ta một dao chém tôi rút đầu vào trong chiếc giỏ đựng thức ăn.

Bấy giờ, hai vị từ-kheo nghe tôn giả thuyết pháp, chán ghét việc sanh tử, mà chứng đắc Sơ quả.

**Câu chuyện này có một vài chỗ đáng để chúng**

**ta suy ngẫm:**

Ở những kinh điển khác, nói tôn giả Kì-dạ-đa đã chứng đắc quả A-la-hán. Tuy ngài đã chứng đắc thánh quả, có oai đức lớn, danh tiếng truyền khắp, nhưng ngài không tự đại kiêu ngạo. Tôn giả thường tự hạ mình làm những công việc nặng nhọc để phục vụ Tăng chúng. Ngài không chỉ tu trí tuệ để đoạn trừ phiền não, mà còn tích cực tích lũy phước đức.

Tôn giả Kì-dạ-đa năm trăm đời về trước đã từng sanh làm chó, thường xuyên chịu khổ đói khát, chỉ có hai tình huống mới cảm thấy có chút hài lòng no đủ. Một là ăn thức ăn của người say rượu nôn mửa ra. Hai là ăn vụng thức ăn của người khác khi họ không có ở nhà, rút cuộc bị chủ nhà phát hiện chặt đầu và mất mạng.

Trong kinh, đức Phật có dạy: Nếu tập khí phiền não nặng nề, tạo ác nghiệp sẽ đọa làm súc sanh thọ khổ. Điều này đáng để làm bài học cảnh giác chúng ta! Hiện tại, chúng ta may mắn được làm thân người, nên cần phải trân quý, siêng năng tu tập tất cả các thiện pháp, tích lũy phước đức và trí tuệ làm để làm hành trang tu lương cho chính mình. Đời này không chịu độ thân này, thì đời đến đời nào mới độ đây?

**【178】 — Phước huệ tập 7**

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm,  
ngày 12.03.2016*

## 15. NGHĨ NHỚ CÔNG ĐỨC CỦA TĂNG BẢO, VOI TRẮNG SÁU NGÀ XẢ BỎ THÂN MẠNG, PHÁT KHỞI THIỆN TÂM

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ cùng mọi người một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ *kinh Đại tạng nghiêm luận*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 336b11-338a13.

Trong kinh nói, nếu có thể khéo quán chiếu, nghĩ nhớ công đức của tăng bảo thì mặc dù xả bỏ thân mạng, vẫn có thể phát khởi tâm thiện.

Thuở quá khứ, khi đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài đã từng chuyển sanh làm voi trắng sáu ngà.

Lúc bấy giờ, phu nhân của Quốc vương rất oán hận voi trắng. Bà tuyển chọn thợ săn, đồng thời, chỉ nơi ở của voi và ra lệnh họ săn lấy ngà đem về cho bà. Lúc đó, người thợ săn được phái tới nơi ở của voi chúa thì nhìn thấy voi trắng sáu ngà có hình tướng giống như voi Y-la-bát. Voi trắng cùng với voi mẹ ở một nơi khác, cách xa đàn voi. Người thợ săn liền nói một đoạn kệ,

đại ý như sau:

“Như hoa sen Ưu-bát-la sinh trưởng trong hồ nước trong xanh rộng lớn, chỉ ở tại nơi này mới có thể thấy được con voi to lớn, khỏe mạnh như vậy.

Giống như hoa sen trắng, voi có hình dạng giống như tuyết, toàn là màu trắng, giống như ngọn núi trắng to lớn, bốn chân có thể cử động.

Màu da của con voi chúa này giống như ánh sáng của mặt trăng. Sáu cái ngà thật dài, mọc ra từ hai bên miệng của nó.

Ánh sáng của những chiếc ngà phát ra vô cùng trang nghiêm, giống như một đóa sen trắng xóa, nhìn gần thì thấy giống như màu trắng của củ sen”.

Lúc đó, người thợ săn mặc áo ca-sa, ngồi xổm, giữ cung tên, trốn sau gốc cây và từ từ lại gần voi chúa.

Lúc này, voi mẹ nhìn thấy người thợ săn ngồi xổm, tay cầm cung tên, liền nói với voi chúa:

- Người ấy có thể muốn đến hại chúng ta.

Voi chúa hỏi:

- Người đó mặc quần áo gì?

Voi mẹ trả lời:

-Người đó mặc ca-sa.

Voi chúa nói:

- Đã là người mặc ca-sa thì có gì mà phải lo sợ chứ?

Tiếp đó, voi chúa nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Người mặc áo ca-sa, sẽ không làm hại các sinh mạng khác, bởi vì nội tâm họ luôn từ bi, lúc nào cũng luôn cứu độ, bảo vệ tất cả chúng sanh. Vì thế, đối với người mặc áo ca-sa, không cần phải lo lắng.

Nhìn thấy người mặc áo ca-sa, có thể được sự an ổn, thanh tịnh, nhờ đó, đạt được sự thù thắng. Giống như ánh sáng của mặt trăng chỉ đem lại sự mát mẻ chứ không bao giờ đem lại sự nóng bức”.

Voi mẹ nghe bài kệ xong thì không còn cảm giác lo lắng, nghi ngờ nữa.

Lúc đó, người thợ săn trốn trong bụi cây rậm ở gần đó, dùng mũi tên độc bắn vào voi chúa.

Voi mẹ nói với voi chúa rằng:

- Chẳng phải con nói, người mặc áo ca-sa tâm nhất định có từ bi sao? Vì sao bây giờ họ lại làm như vậy?

Lúc đó, voi chúa lại nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Họ mặc y giải thoát mà vẫn dùng tên độc bản tôi, là do trong tâm phiền não, xa lìa tâm từ bi nên họ mới hành động như vậy, chứ chẳng phải là lỗi của chiếc y.

Giống như đồng được mạ bằng vàng thật, qua quá trình tinh luyện mới biết đó là đồng giả tạp, chứ không phải là vàng nguyên chất. Thứ đồng mạ vàng này là để lừa gạt những người bình thường (phàm phu) mê muội, nên người ngu vẫn cho rằng đó là vàng thật.

Người có trí tuệ mới có thể khéo biết rõ ràng, nó chỉ là lớp vàng phủ trên đồng chứ không phải là vàng nguyên chất; con người này khởi tâm ác, nên mới dùng cung tên sát hại tôi.

Áo ca-sa đại diện cho sự thanh tịnh, giải thoát, chỉ là người mặc áo ca-sa đó là một người có tâm ý xấu. Nếu có thể quán sát tốt thì áo ca-sa luôn là y phục giải thoát, lương thiện”.

Lúc đó, voi mẹ vô cùng tức giận nói với voi chúa



rằng:

- Mặc dù con nói rất hay, nhưng ta không thể nhẫn nại được, không thể nghe theo lời của con. Ta muốn bắt người thợ săn đó lại và lần lượt xé chân tay hắn ra.

Voi chúa nói với Voi mẹ rằng:

- Người nào không thể đối trị được phiền não thì tâm sẽ giống như vậy. Mẹ nghìn vạn lần không nên sân giận mà nói những lời như thế, không nên khởi tâm sân hận với người này.

Sau đó, voi chúa nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Giống như một người bị ma quỷ dựa nên phát điên nhục mạ thầy thuốc. Thầy thuốc vốn trị loại bệnh này, nên sẽ không chỉ trích người bệnh đau khổ ấy.

Phiền não giống như loài quỷ, bị vô minh che lấp, có thể sinh khởi tham, sân, si. Ta chỉ cần lìa bỏ phiền não, có gì mà lại trách móc con người này chứ? Nếu như ta có thể thành Bồ-tát, danh tiếng của ta sẽ bao trùm khắp tam giới. Ta sẽ tinh tấn tu hành chánh niệm và thiền định để diệt trừ các phiền não dua nịnh, giả dối...

Ta sẽ dùng trí tuệ sắc bén để chặt đứt tất cả phiền

não, đốt cháy toàn bộ, nhất định khiến cho phiền não khô cạn, không còn lưu lại chút nào. Tương lai, ta chắc chắn sẽ trừ bỏ tất cả khổ não, không còn sót lại chút nào”.

Voi chúa nói bài kệ này xong, voi mẹ liền lặng thinh không nói.

Lúc này, đàn voi nhón nháo đi đến chỗ voi chúa. Voi chúa liền nghĩ thầm: “E rằng đàn voi này sẽ làm hại người thợ săn mất thôi”, nghĩ như vậy, nên voi chúa đi đến trước mặt người thợ săn, nói với người hấn rằng:

- Ông hãy nhanh chóng trốn xuống phía dưới bụng của ta, ta sẽ bảo vệ ông. Ta sợ rằng đàn voi này sẽ làm hại ông.

Sau đó, voi chúa bảo đàn voi rời đi, rồi nói với người thợ săn:

- Ông muốn cái gì, bây giờ có thể tùy ý đem đi!

Lúc ấy, người thợ săn nghe được những lời nói ấy liền nghĩ rằng: “Ôi! Hôm nay tôi đã không có tâm từ bi, thật sự tệ hơn một con voi”. Vì thế, người thợ săn không kiềm chế được nên gào khóc.

Voi chúa hỏi:

- Tại sao ông khóc?

Người thợ săn trả lời:

- Tôi vô cùng phiền não, cho nên tôi khóc.

Voi chúa nói:

- Bởi vì ta sợ đàn voi sẽ làm hại ông nên bảo ông trốn xuống phía dưới bụng của ta. Lẽ nào, thân thể ta đã làm ông bị thương rồi sao?

Người thợ săn trả lời:

- Không phải đâu, cơ thể của voi không làm tôi bị thương.

Voi chúa lại nói:

- Có phải do mẹ ta đã thốt ra những lời độc ác, làm ông phiền não, nên ông khóc phải không?

Người thợ săn trả lời:

- Tuyệt đối không phải những lời nói ác độc làm tôi phiền não, mà thực sự là bởi vì đức hạnh và tâm đại từ bi của voi đã làm tôi cảm động đến đau đớn mà khóc

thôi! Tôi do tâm ác mà đã dùng mũi tên độc làm hại voi, vậy mà voi vẫn dùng tâm từ bi lo lắng, sợ tôi sẽ bị đàn voi làm hại, lại cho tôi trốn xuống phía dưới bụng của voi nữa. Vì sự việc này, trong tâm tôi cảm thấy rất xót xa ân hận và sợ hãi, vì thế mới khóc.

Lúc đó, người thợ săn nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Tôi đã dùng mũi tên độc làm hại thân thể voi chúa, còn voi lại dùng tâm từ bi, đức hạnh cao thượng làm tổn thương trái tim tôi (làm tôi cảm nhận được sự đau khổ, buồn bã, vì chính mình đã làm việc xấu ác).

Voi chúa làm cho trái tim tôi tổn thương, vết thương này có thể trị lành, nhưng tôi đã làm tổn thương đức tính cao thượng của voi, loại tổn thương ngu ngốc này rất khó chữa lành (Mặc dù voi làm trái tim tôi tổn thương, nhưng voi không có tội, loại vết thương này rất dễ trị lành; nhưng cái tâm ngu ngốc của tôi đã làm tổn thương đức tính cao thượng của voi, cái vết thương ngu ngốc của tôi tạo ra giờ rất khó trị lành!).

Đức hạnh của voi rộng lớn như đại dương, ai có thể nói hết được điều đó? Tôi làm hại sinh mệnh của voi, voi vẫn dùng tâm từ bi an ủi và bảo vệ tôi. Thật ra, mặc dù ngoại hình tôi là con người, nhưng hoàn toàn chẳng

có tâm từ bi nhân đức; thân người tuy hơn thân thú vật, nhưng tôi chỉ như là một bộ xương khô trống rỗng mà thôi; mặc dù tướng mạo tôi giống con người, nhưng trên thực tế, tôi tạo nghiệp ác còn nhiều hơn loài súc sanh nữa!

Mặc dù voi sinh ra mang thân thể là một loài thú, nhưng đạo đức mãi mãi vượt hơn loài người; hình tướng của voi mặc dù không phải người, nhưng trên thực tế có đức hạnh của một con người chân chính”.

Voi chúa hỏi người thợ săn:

- Ông mau nói cho ta biết, rốt cuộc vì lẽ gì mà ông muốn giết hại ta?

Người thợ săn trả lời:

- Do quốc vương phái tôi đến, muốn lấy một vật trên thân thể voi, chứ không phải tự tôi muốn đến làm hại voi đâu.

Voi chúa trả lời:

- Nếu ông muốn gì thì mau lấy và đem đi đi!

Lúc bấy giờ, voi chúa nói đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ông cần điều gì, nhanh chóng đem đi đi! Từ lúc ta phát tâm Bồ-tát đến nay, ta chưa từng tham đắm, bủn xỉn với những gì mình có.

Tùy theo ý muốn của ông, toàn bộ ta đều bố thí cho ông, cần ngà voi thì cho ông ngà, ông hãy lấy nó và mang đi đi.

Ta vì muốn cứu độ chúng sanh, cho nên sinh làm thân voi, có tất cả những gì, ta đều bố thí; chúng sanh muốn điều gì, đều có thể tùy ý đến lấy.

Ta vì lợi ích của chính mình, muốn mau chóng đạt đến niết-bàn; vì những chúng sanh đang thọ thân trong tam giới: dục giới, sắc giới, vô sắc giới; vì muốn đầy đủ Nhất thiết chủng trí của Phật, nên ta trồng nhân từ bi cứu độ chúng sanh, hy vọng tương lai đắc quả Nhất thiết trí”.

Người thợ săn rất hối hận, lúng túng nói rằng:

- Tôi bị nhà vua phái đến lấy ngà của voi.

Voi chúa trả lời:

- Ông tùy ý lấy đem đi đi, không cần do dự gì nữa.

Người thợ săn trả lời:

- Bây giờ tôi không thể lấy ngà của voi được.

Tiếp đó, người thợ săn nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Lòng từ bi của ngài đầy khắp, ngài thật sự là đệ tử của Phật, tôi kính sợ Phật-đà là đấng từ phụ của ngài, nếu lấy ngà của ngài, tay của tôi nhất định sẽ gãy”.

Lúc bấy giờ, voi chúa nói với người thợ săn:

- Nếu ông sợ hãi, thì tôi sẽ nhổ cho ông vậy.

Nói xong, voi chúa dùng vòi để tự nhổ cái ngà của mình, nhưng vì ngà của voi rất dài và rất sâu, nhổ rất lâu mới ra được, nên máu tươi của voi phun ra. Voi chúa nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ngay chỗ cái ngà được nhổ ra, máu tươi từ trên vai chảy xuống không ngừng. Voi chúa có phước đức rất lớn, thân thể màu trắng như búp hoa sen, lại giống như tảng đá lớn trên núi được bao phủ bởi tuyết trắng; vậy mà hiện giờ, máu tươi chảy đỏ giống như một con suối chảy từ trên đỉnh cao của núi chảy xuống vậy”.

Lúc bấy giờ, voi chúa cảm thấy vô cùng đau đớn, thân thể không ngừng run rẩy, nhưng vẫn không ngừng an ủi chính mình.

Lúc đó, có một vị thiên nhân nhìn thấy cảnh ấy, bèn nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Tâm ý nhất định phải kiên cường an định, nghìn vạn lần không nên vì ngu si mà cảm thấy phiền não, buồn rầu. Tốt nhất nên quan sát chúng sanh đang khổ não, nên quán tưởng làm cách nào mới có thể giải cứu cho họ (Không nên nghĩ đến cái khổ của chính mình, mà nên quán sát chúng sanh khổ não).

Trên thế giới tất cả chúng sanh đều sẽ phải chết, ông nên vì cứu độ chúng sanh mà kiên trì củng cố ý chí của chính mình, nghìn vạn lần không nên sanh khởi tâm sầu khổ”.

Lúc ấy, thiên nhân, a-tu-la, càn-thát-bà, dạ-xoa, biến khắp cả hư không mà tán thán rằng: “Đây là việc khó làm mà có thể làm, quá khứ chưa từng có”.

Vị thần nói:

- Quá khứ cho đến nay, có thể làm được việc khó làm, vô cùng hiếm có, đó là voi tự nhổ cái ngà của mình, vô cùng đau đớn. Hiện tại tuy chịu đựng sự đau khổ, nhưng nội tâm kiên định hướng về bồ-đề, lập chí truy cầu đạo quả thù thắng, từ lúc ban đầu cho đến cuối cùng đều không khởi tâm niệm thoái chuyển.



Có một thiên thần nói với thiên nhân rằng:

- Bồ-tát như vậy, cho đến cuối cùng, tâm cũng không thoái chuyển.

Rồi nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Biết rằng Bồ-tát nhờ cái ngà thì rất đau đớn, nhưng vẫn từ bi nghĩ nhớ đến chúng sanh đang bị đọa trong địa ngục”.

Voi chúa nhờ lấy ngà xong, an tịnh không động.

Lúc bấy giờ, người thợ săn nghĩ: “Voi chúa nhờ cái ngà xong bỏ trên mặt đất chẳng lẽ là hối hận về việc mình làm rồi sao? Tại sao không đưa cho tôi?”.

Voi chúa biết được ý nghĩ của người thợ săn, vì muốn an ủi người thợ săn, nên voi nói đoạn kệ, đại ý như sau:

“Ngà voi giống như bông hoa sen trắng, cũng giống màu trắng của củ sen, tất cả sáu cái ngà đều cho ông. Đây là loại ngà tốt nhất trong tất cả các loại ngà, bố thí cho ông, hy vọng ông được an vui.

Trước tiên hãy để ta nghỉ ngơi một lúc, điều phục nội tâm, nghỉ ngơi dần dần dịu bớt cơn đau, để lúc ta

đổi mặt với ông, có thể dùng tâm kính trọng để tiếp đãi.

Nếu trong tâm ông nghĩ: “Tôi là một người thợ săn độc ác; giết hại, trộm cắp, dâm dục, lừa gạt voi chúa, đầy sự xảo trá và cùng nhiều việc làm xấu ác khác”, thì hãy lắng nghe ta trả lời những suy nghĩ của ông. Ông mặc dù khởi tâm ác, dùng tên độc bắn ta, nhưng những việc làm ác của ông, ta đều quên cả, cũng không suy nghĩ tới. Ta chỉ có ý niệm cung kính áo ca-sa, nhìn thấy nó, ta khởi tín tâm cung kính.

Người bố thí và người nhận sự bố thí, có kẻ thanh tịnh, có kẻ không thanh tịnh; hiện tại ta là người bố thí, tất cả đều thanh tịnh.

Chờ ta điều phục tâm mình xong, quả báo có thể càng rộng lớn hơn, lúc đó lại bố thí cho ông”.

Lúc đó, voi chúa lại nói với người thợ săn:

- Chiếc áo ca-sa biểu thị cho sự ly dục, ta dùng tâm tôn trọng, cung kính nhìn nó.

Nói xong, voi dùng vòi để đưa những chiếc ngà cho người thợ săn, đồng thời, voi nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Hiện tại, ta nói những lời chân thật, mũi tên độc đang cắm vào thân thể ta, mà ta không hề khởi tâm tức giận hay muốn báo thù ông.

Do ta nói những lời chân thật, nên có thể sớm ngày chứng đắc vô thượng bồ đề, độ thoát tất cả chúng sanh khổ não”.

Sau khi nói kệ xong, voi liền đưa ngài bố thí cho người thợ săn.

Do nhân duyên gì mà dẫn dụng lời khai thị này? Thời quá khứ, trong vô lượng trăm nghìn thân, Bồ-tát thường làm việc bố thí khó làm như vậy. Quá khứ đã từng phát nguyện, mong được thành tựu đạo quả, muốn cho tất cả chúng sanh đang bị khổ não đều được giải thoát, muốn khiến chúng sanh từ tà đạo chuyển nhập chánh đạo, muốn giúp cho mọi người hiểu rõ để tự bản thân họ giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, tâm sinh tín ngưỡng cung kính, cho nên mới nói thí dụ này.

**Câu chuyện này có một vài chỗ chúng ta cần suy ngẫm:**

Con voi trắng sáu ngà chính là tiền thân đức Thích Tôn của chúng ta. Trong quá khứ, Ngài đã từng tu hạnh Bồ-tát, thường từ bi nghĩ nhớ chúng sanh. Người

thợ săn vì muốn lấy ngà voi, đã dùng mũi tên độc bắn voi chúa; voi chúa vì sợ đàn voi sẽ làm hại người thợ săn, nên đã từ bi bảo vệ người thợ săn. Người thợ săn cảm thấy rất xấu hổ, ông ta nói: “Tôi đã dùng mũi tên độc làm hại thân thể ngài, nhưng ngài lại dùng tâm từ bi làm trái tim tôi tổn thương. Có lẽ, bản thân ngài cũng cảm thấy đau đớn, khó nhỡ, nhưng sự đau đớn của ngài rất dễ chữa lành; mà đức hạnh của ngài cao cả như vậy, tôi lại dùng mũi tên độc làm hại ngài, vết thương ngu si này của tôi rất khó chữa lành”.

Các vị đã từng trải nghiệm qua việc nhổ răng chưa? Ở đây, chúng ta có một vị nha sĩ chuyên giúp mọi người nhổ răng. Chúng ta bị nhổ răng, có thấy đau không? Đương nhiên là rất đau rồi! Lúc voi chúa nhổ cái ngà chắc chắn cũng rất đau đớn, nhưng voi chúa không hề đoái hoài về cơn đau của bản thân, mà vẫn từ bi nghĩ nhớ đến chúng sanh chịu khổ bị đọa lạc trong ba đường ác; voi chúa không vì sự đau đớn của bản thân mà cảm thấy ưu sầu, mà nghĩ rằng chúng sanh ngu si như vậy, mới thật đáng ưu sầu, phải làm như thế nào để cứu độ họ, việc này mới là việc đáng để ưu sầu.

Sau khi voi chúa nhổ cái ngà xong, đem sáu cái ngà cung kính cúng dường người thợ săn và phát nguyện: “Hôm nay ông đã nhổ sáu cái ngà của ta,

tương lai ta thành Phật rồi, sẽ nhờ tam độc cho ông, và cũng sẽ nhờ tam độc cho tất cả chúng sanh”. Tam độc là gì? Chính là những hạt giống độc tham, sân, si.

Lúc chúng ta thọ nhận sự đau khổ, đừng nên chỉ vì đau khổ của hiện tại mà phiền não; nên biết rằng, nếu thân, khẩu, ý không thanh tịnh thì tương lai có thể tự đọa vào ba đường ác, thế thì khổ đau lại càng nhiều hơn! Ngoài ra, lúc bản thân chúng ta chịu đau khổ, tâm chúng ta có suy nghĩ cho người khác không? Thật ra, còn có rất nhiều chúng sanh cũng đang chịu khổ! Phải chăng, chúng ta cũng nên phát tâm từ bi để cứu khổ giúp chúng sanh sao?

Ngoài ra, voi chúa đối với áo ca-sa vô cùng kính trọng, voi nói với người thợ săn rằng: “Mặc dù ông khởi tâm độc ác dùng mũi tên độc bắn ta, nhưng ta một chút cũng không nghĩ nhớ đến việc làm ác đó, tâm ta chỉ cung kính áo ca-sa mà thôi”.

Voi chúa cho rằng, áo ca-sa là biểu tượng của sự tịch tĩnh giải thoát, chỉ là người mặc áo lại không có ý tốt mà thôi, chứ bản thân ca-sa vốn dĩ không có lỗi lầm gì.

Mong quý Phật tử chúng ta thường tôn kính Tăng bảo, như ngài Ấn Thuận có nói trong quyển *Con*

*đường thành Phật:*

*Kính Tăng, chớ mắng Tăng,*

*Cũng chớ đánh giá Tăng,*

*Người tu hành theo Phật,*

*Chánh pháp phải giữ gìn.*

Đoàn thể tăng già cũng như đại hải, có rồng lớn, mà cũng có cá tôm; có rong biển cũng có châu báu. Tăng chúng tuy có cao thấp, tốt xấu, phàm thánh khác nhau, nhưng hợp lại với nhau mới thành một tăng đoàn có sức mạnh, mới có thể duy trì chánh pháp của Như Lai. Hơn nữa, thuở ban sơ chúng ta khởi tín tâm đối với Phật pháp, cũng không nhất định là do Hiền thánh tăng mà phát tâm. Ngoài ra, trong luật, đức Phật có khai thị cho tín chúng: Dù cho tăng chúng có một số vị không xứng đáng, thì chúng ta cũng không nên tùy tiện phê bình, những tăng chúng này đều là Tăng bảo không ngừng truy cầu Phật pháp, chúng ta phải hộ trì bình đẳng. Cũng giống như một sợi dây chuyền bằng vàng ròng, kết thành một chuỗi rất đẹp, chẳng may bị đứt thành ba đoạn, thì đoạn nào cũng đều là vàng cả. Nó không thể biến thành vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc khác nhau. Vì vậy, mong rằng quý vị tín chúng không

nên tùy tiện phê bình Tăng chúng, mà nên hộ trì bình đẳng.

Còn người xuất gia chúng ta cũng nên lưu ý, chúng ta mặc áo ca-sa thanh tịnh, cao thượng, nhưng nội tâm có còn mang những tâm niệm xấu hay không, cần nên tự mình phản tỉnh. Chúng ta đã được ánh sáng của Tam bảo soi chiếu, thì càng nên cung kính hòa hợp với Tăng đoàn, không nên vì những hành vi phi pháp của chính mình mà làm cho người khác khởi lòng chê bai, hiềm nghi đối với Tăng đoàn thanh tịnh, như thế là không nên.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêm  
Ngày 17.10.2015*

## 16. NGƯỜI NGU KHÔNG NHÃN ĐƯỢC SỰ MẮNG CHỬI PHỈ BÁNG, THÌ CHẴNG KHÁC NÀO TRONG MẮT CÓ HAI DẪM ĐÁ

Kính bạch quý Thầy cô, kính thưa quý Phật tử!

Hôm nay, tôi xin chia sẻ với quý vị một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ *kinh Tap bảo tạng*, trong Đại Chánh tạng, quyển 4, trang 461b29-463c12.

Lúc đức Phật ở tại thành Xá-vệ, Đề-bà-đạt-đa đến trước đức Phật, nói những lời thô ác, tùy ý chửi bới lung tung.

A-nan nghe xong vô cùng tức giận, nhanh chóng đuổi Đề-bà-đạt-đa đi. Tôn giả nói với ông ta:

- Nếu thầy còn đến nữa, tôi sẽ làm cho thầy rất đau khổ.

Các vị tì-kheo nhìn thấy như vậy, liền bạch với đức Phật:

- Thế Tôn, thật sự là rất hiếm có ạ! Như Lai thường dùng tâm từ bi, thương xót đối với Đề-bà-đạt-đa,



nhưng Đề-bà-đạt-đa luôn luôn chất chứa những ý niệm độc ác đối với Như Lai. Thầy A-nan rất giận nên đã đuổi Đề-bà-đạt-đa đi rồi.

Đức Phật nói:

- Không phải là hiện tại, mà cả trong quá khứ cũng đều như vậy. Thuở xưa, tại nước Ca-thi, lúc bấy giờ có hai anh em Long vương, anh trai tên là Đại Đạt, em trai tên là Ưu-bà Đại Đạt. Trong quốc gia ấy, mưa hòa gió thuận, nên cỏ cây sinh trưởng rất tốt, mùa màng bội thu, động vật được ăn uống no đủ nên đều to béo và khỏe mạnh, bò và dê sinh trưởng thành bầy.

Vào lúc ấy, nhà vua đã giết số lượng rất lớn bò và dê rồi đem đến chỗ ở của rồng, làm vật hiến tế cho rồng.

Rồng hiện thân nói với vua rằng:

- Ta không ăn loại thức ăn này, tại sao vì hiến tế cho ta mà sát sanh vậy?

Nói mấy lần như vậy, nhà vua vẫn không thay đổi, hai anh em long vương bèn bàn luận với nhau, quyết định đi khỏi nơi này, chuyển đến một nơi khác, nơi ấy có một con rồng nhỏ đang sinh sống ở đó, tên là Truân-độ-tì.

Rồng Truân-độ-tì, không kể là ngày hay đêm đều nóng giận, thường dùng lời thô ác chửi mắng.

Đại Đạt nói:

- Bạn không nên sân giận! Chúng ta sẽ thuận theo ý bạn, bây giờ sẽ quay trở về chỗ cũ.

Nhưng em trai là Ưu-bà Đại Đạt thì vô cùng phần nộ đối với rồng nhỏ Truân-độ-tì, rồng em mắng:

- Mi chẳng qua chỉ là một con rồng nhỏ chỉ biết ăn ếch nhái mà thôi, nếu ta phun ra một hơi độc vào quyển thuộc của ngươi, lập tức sẽ khiến cho lũ các ngươi biến mất.

Đại Đạt khuyên em trai:

- Em không nên nóng nảy! Bây giờ chúng ta sẽ trở về chỗ cũ, vua nước Ca-thi đang mong chờ chúng ta đó!

Lúc bấy giờ, vua nước Ca-thi cầu nguyện rằng:

- Nếu hai con rồng trở về, ta sẽ tùy thuận theo ý muốn của chúng, dùng sữa đặc để cúng tế, tuyệt đối không sát sanh nữa.

Vua rồng nghe được và quay trở lại chôn cũ. Rồi rồng Đại Đạt nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Mọi người hòa hợp dùng tâm thanh tịnh nhất để chuyên chú mà lắng nghe, việc này có liên quan đến việc nhân duyên bốn sanh của BỒ-tát. Hiện tại, Phật khai thị bài kệ tụng của quá khứ.

Lúc đức Thế Tôn Chánh biến tri Nhất thiết Pháp, Như Lai còn ở tại thế gian, các tì-kheo thường nói lời ác độc, ác ý phỉ báng lẫn nhau. Phật-đà từ bi nhìn thấy sự việc ấy, đồng thời nghe thấy những lời ấy, Ngài tập hợp các thầy tì-kheo lại và dạy:

Các vị tì-kheo theo Ta xuất gia, những việc không hợp pháp thì không nên làm, vậy mà các ông nói những lời độc ác với nhau, lại phỉ báng nhau, như vậy chỉ làm tổn hại chính mình.

Các ông chẳng lẽ chưa từng nghe rằng, tìm cầu giác ngộ, nên tu tập tâm từ bi, nhẫn nại, tu những điều khổ hạnh, khó làm hay sao? Nếu các ông muốn nương tựa Phật pháp tu học, phải nên phụng hành lục hòa kính, đó là: “Kiến hòa đồng giải”, “Giới hòa đồng tu”, “Lợi hòa đồng chia”, “Ý hòa đồng vui”, “Thân hòa đồng trụ”, “Miệng hòa không tranh”, cũng chính là thân, khẩu, ý đều vô cùng hòa hợp; vả lại, cái thấy cái

biết của mọi người cũng đều giống nhau, tất cả mọi người hộ trì giới luật cũng đều giống nhau, có lợi ích gì, mọi người đều chia sẻ bình đẳng.

Người có trí tuệ nghe pháp trong niềm vui, tu học theo con đường của Phật, vì lợi ích an vui của chúng sanh, đối với tất cả chúng sanh không nào hại; tu tập, lắng nghe chánh pháp, phải xa lìa tất cả hành vi ác.

Người xuất gia tranh luận trong oán hận, thì giống như trong nước đá mà sinh ra lửa vậy; nếu muốn tùy thuận pháp xuất gia, phải nên đoạn trừ tâm sân hận ưa tranh luận, làm những điều phù hợp với chánh pháp.

Vào thời quá khứ, Ta (Như Lai) đã từng làm thân long vương, có hai anh em chung sống cùng nhau, anh trai tên là Đại Đạt, em trai tên là Ưu-bà Đại Đạt, hai anh em đều không sát sanh, giữ giới thanh tịnh, có uy đức lớn, chán ghét thân hình của rồng, nhất tâm theo con đường thiện, hy vọng có thể làm thân người.

Nếu gặp sa-môn, Bà-la-môn có tu trì giới luật thanh tịnh, học rộng nghe nhiều, thì ta biến thành thân người để đi đến cúng dường cho họ, thường xuyên gần gũi. Mỗi lần đến ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, thì thọ giới bát quan trai, giữ gìn tâm niệm, rời khỏi nơi ở của mình đi đến những nơi khác để tịnh tu.

Có một con rồng nhỏ tên là Truân-độ-tì, nhìn thấy hai con rồng chúng tôi có uy đức lớn, nó tự biết chính mình mãi mãi không được như chúng tôi nên sinh tâm ghen ghét, sân giận thường dùng những lời nói thô lỗ chửi mắng.

Nó giương hàm, há miệng phun khí, tâm vô cùng sân hận, toàn thân giương lên, miệng dùng những lời ác độc mà phỉ báng. Nó dùng những lời lẽ ngu muội, giả dối sai sự thật để xúc phạm, bức bách chúng tôi.

Nghe những lời nhục mạ của con rồng ấy, em trai Ưu-bà Đại Đạt vô cùng phẫn nộ đã thỉnh cầu anh trai Đại Đạt rằng:

- Con rồng ấy dám dùng những lời độc ác phỉ báng chúng ta! Cái thứ sống cạnh bờ suối, thường ngày ăn nuốt các thứ ếch nhái hạ tiện, mà dám chửi mắng ta sao? Con rồng này nếu sống ở dưới nước thì sẽ làm não hại các loài chúng sanh dưới nước, nếu sống trên đất liền thì sẽ làm hại con người.

Phải nghe những lời ác độc thực sự rất khó nhẫn. Bây giờ, chúng ta nên tiêu diệt con rồng ấy và cả quyến thuộc của nó, sau đó chúng ta sẽ trở lại chỗ cũ của chúng ta.

Anh trai Đại Đạt long vương nghe em trai nói như thế, thì liền nói một đoạn kệ rất vi diệu, ngay cả bậc trí giả cũng hết lòng tán thán, đại ý như sau:

“Nếu ngủ trọ tại một nơi nào đó, dầu chỉ được chút tiện nghi nhỏ nhoi, chỉ cần có thể yên tâm ngủ ngon là được, không nên sinh khởi những ý nghĩ không tốt, nên nhớ tri ân báo ân, đó mới là việc mà các bậc Thánh nhân ca ngợi.

Nếu nghỉ ngơi dưới gốc cây, dù chỉ nhận được chút bóng râm của cây, cũng không nên làm tổn hại cành lá và hoa quả; nếu như có người đối với người mình thương yêu mà làm một chút việc ác, thì con người này từ nay về sau sẽ không thể có được an lạc.

Nhận ân huệ cúng dường thức ăn của người khác nhưng lại đáp trả bằng việc làm độc ác, đây là người ác chẳng biết tri ân báo ân, người ác như vậy sẽ không thể có được quả báo lành, dù có được một chút, rồi cũng lập tức tiêu tan; đối với những người đã thi ân, nếu bị người khác dùng việc ác để đáp trả, thì giống như những cành nhánh của rừng rậm bị thiêu cháy, ngày sau sẽ nảy mầm, hồi phục trở lại như xưa.

Con người vong ơn bội nghĩa thì không thể sanh thiện pháp, nếu dùng trăm loại thực phẩm cúng dường

người ác, họ cũng không có ý nghĩ biết cảm ơn, còn dùng oán hận để đáp trả.

Thí như có một con voi mẹ sống bên cạnh một vị tiên nhân tu đạo. Sau khi voi mẹ sanh con xong thì chết, vị tiên nhân thương xót voi con, nên rất quan tâm chăm sóc cho nó. Nuôi từ nhỏ đến lớn, sau đó, có một ngày nó chạy nhảy điên cuồng, đâm chết vị tiên đã nuôi dưỡng nó bấy lâu nay, còn đâm nát hết cây cối và nhà cửa; con người độc ác vong ơn bội nghĩa cũng như vậy.

Sự phù phiếm và kích động bên trong nội tâm không dừng lại, giống như cái cây bị cuốn trong vòng xoáy quay cuồng không ngừng lay động; kẻ không tu hành, đối với người thân không biết báo ơn, thì giống như lấy mực đỏ mà nhuộm lên trên tấm vải trắng làm nó nhiễm ô vậy.

Nên dùng tâm lương thiện mà đáp trả thù hận, không nên dùng tâm độc ác mà đáp trả, làm hại người khác. Người có trí tuệ luôn dùng tâm từ bi để đáp trả thù hận, thậm chí là gánh trời đất hay gánh núi biển, họ đều cảm thấy nhẹ nhàng; ngược lại, nếu vong ơn bội nghĩa thì sẽ cảm thấy nặng nề vạn phần.

Đối với tất cả chúng sanh đều từ bi và bình đẳng, là

sự an lạc thù thắng nhất; giống như bến phà bằng phẳng để giúp người qua sông, cũng vậy, từ bi mang lại hai loại niềm vui là không làm hại người thân và tiêu diệt được tập tính kiêu ngạo của mình.

Người mà nội tâm không có một chút đức hạnh thì thường có biểu hiện ngang ngược, dâm dật; trên thực tế, người không có trí tuệ thì thường kiêu ngạo, thích tranh luận với mọi người, gần gũi những người bạn ác, như vậy không những làm tổn hại danh tiếng mà còn bị mang tiếng xấu.

Người cô đơn không nơi nương tựa, trẻ nhỏ, người già và người bệnh, người vừa bị mất tiền của, người gầy gò, nghèo khổ không có tài sản, người sống trong đất nước không có sự che chở của quốc vương, người đơn độc không có ai để nương tựa... Đối với những trường hợp khốn khổ, nguy nan như trên, nếu chúng ta không sanh khởi tâm từ bi thì không phải là con người tử tế.

Nếu đến một đất nước không có người thân quen, chịu những lời nói thô ác, nhưng vẫn có thể dựa vào an định, nhẫn nhục mà cảm thấy vui vẻ, như vậy có thể ngăn lại tất cả những việc ác, ngừng việc tranh đấu.

Thà rằng ở đất nước khác không quen biết ai, cũng



không muốn ở tại đất nước mình mà bị người khác khinh thường; nếu ở đất nước khác nhận được sự cung kính, mọi người đều gần gũi nhau mà không có sự phần nộ, tranh cãi, thì có thể nói rằng, người ở nước đó cũng giống như người thân của chính quê hương mình.

Phú quý và hạnh phúc ở thế gian rất ít, sự suy tàn và khổ đau thì rất nhiều. Nếu quán chiếu thấy chúng sanh đều đang thoái thất, mà bản thân chúng ta lại không đủ khả năng giúp họ, thì hãy im lặng và chờ đợi nhân duyên thích hợp.

Sức mạnh của kẻ thù rất lớn mà bản thân ta thì yếu ớt, bạn bè thân thiết thì ít ỏi, không có ai để nương tựa; quán chiếu mình đang ở trong tình huống này, thì nên giữ tâm yên định và an lạc.

Người sống trái với pháp luật, tâm tham lam, bủn xỉn, không có lòng tin, không biết xấu hổ, không tiếp nhận những lời khuyên bảo của người khác; khi ở trước mặt những người như vậy, nên giữ im lặng, an định và nhẫn nhịn.

Tâm sân hận sâu nặng, tàn nhẫn và độc ác, chỉ thích làm hại người khác; ở gần những người như vậy, nên giữ im lặng và tu hạnh an định nhẫn nhịn.

Không có niềm tin, hung bạo dữ tợn, tự cho mình là tài ba, điên đảo thị phi, nịnh hót, giả dối, xảo trá, mê hoặc lòng người; đối với hạng người này, không nên nói mà phải giữ im lặng, tu hành hạnh an lạc và nhẫn nhịn.

Phá giới, làm việc ác, chưa bao giờ xem xét đến việc chịu nhục chịu khổ, thực hiện những hành vi bất hợp pháp lừa đảo; ở trước hạng người ấy, không nên nói gì mà phải giữ im lặng.

Nói dối không biết xấu hổ, thích trêu chọc chia rẽ, tà kiến, miệng nói lời độc ác hoặc nói những lời không có ích, kiêu mạn, tự cao, chấp trước rất nặng, vô cùng bủn xỉn, tâm thì tham lam, luôn ganh tỵ với người khác; ở trước hạng người này, không nên nói gì mà nên giữ im lặng.

Nếu đến những nơi khác, mặc dù những người ở đó không quen biết mình, cũng không biết thân phận, đức hạnh của mình, thì cũng không nên tự cho mình là đúng, sinh khởi tâm kiêu ngạo, ngã mạn.

Đến cư ngụ tạm thời ở một nước khác, bất luận y phục, thức ăn đều nương nhờ vào người khác, không được tùy tiện theo ý muốn, nếu bị tổn hại và xúc phạm đều nên an trú nhẫn nhịn.

Cư trú tại đất nước của họ, nương nhờ vào sự cúng dường y phục và thức ăn của họ, nếu vì gia đình yên ổn lập nghiệp, muốn có được an vui, phải nên tu hạnh nhẫn nhịn như trước đã nói.

Cư ngụ ở đất nước họ, nương nhờ vào sự cúng dường y phục và thức ăn, cho đến nếu gặp người hạ tiện đến khinh thị chính mình, người có trí tuệ chỉ nên nhẫn thọ.

Cư ngụ ở đất nước họ, gặp phải người bạn xấu, kẻ tiểu nhân, ngu si, muốn sống chung với ta, người có trí tuệ sẽ che giấu thân phận, giống như che chắn cho ngọn lửa vậy.

Giống như cơn gió mạnh thổi bùng ngọn lửa nơi đồng trống, một khi bị ngọn lửa lan tới, toàn bộ cánh đồng sẽ bị thiêu rụi; tâm sân giận cũng giống như ngọn lửa vậy, đốt cháy chính mình và người khác, đây là sự hủy diệt mãnh liệt nhất; người có trí tuệ luôn đoạn trừ tâm sân si, tham lam; dùng tâm từ bi khiến cho tâm sân hận dần bị dập tắt.

Cần phải gần gũi và sống chung mới biết được người thiện hay người ác, mặc dù không sống chung nhưng lại gần họ và nói họ lương thiện; thường gần gũi kẻ ác, thì đây là người ngu si; không xem xét nguyên

do trong quá khứ của họ mà lại ruồng bỏ họ, nếu làm những việc như trên thì được xem như người không có trí tuệ.

Nếu không có sự ngu si thì trí tuệ không được biểu hiện, giống như con chim không thể bay khi nó gãy cánh; người có trí tuệ cũng giống như vậy, nếu như không có nhiều kẻ tiểu nhân ngu si và không có người có trí giúp đỡ thì không thể nào nhận ra và hiểu rõ được sức mạnh của trí tuệ như thế nào.

Bởi vì đạo lý này, người sáng suốt có trí tuệ học rộng nghe nhiều, vui vẻ tự tại trong đời sống; người có trí tuệ đạt được lợi ích không sanh tâm ngạo mạn; thậm chí lúc mất đi phần lợi, họ cũng sẽ không cảm thấy tuyệt vọng, họ sẽ không có những suy nghĩ ngu si.

Nghĩa lý được lý giải như thật, những lời được nói ra là để ngăn chặn những việc làm ác, vì sự an vui và lợi ích của chúng sanh mà tuyên thuyết, biện luận, vì muốn cho họ hiểu rõ nên mới nói những lời này.

Người có trí tuệ nghe đến việc gì đó thì sẽ không vội vàng hành động, mà sẽ tư duy, phân tích rõ ràng sự thật, hiểu rõ đạo lý rồi mới hành động, như vậy mới đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Người có trí tuệ sẽ không bao giờ vì sự sống của bản thân mà tạo tác những nghiệp ác, không hợp lý; không vì sự khổ vui nhất thời mà làm trái chánh pháp, tuyệt đối không vì bản thân mà từ bỏ chánh hạnh.

Người có trí tuệ sẽ không bủn xỉn, cũng không đố kỵ, sân hận, không hung ác, cũng chẳng ngu si, ngay cả khi đối mặt với nguy hại, họ cũng không căng thẳng sợ hãi, tuyệt đối không bao giờ vì lợi ích riêng tư mà vu cáo làm hại người khác.

Đã không uy mãnh cũng không có yếu đuối; không thấp hèn, thô tục, mà cư xử đúng với trung đạo, có những phẩm hạnh như thế là đặc điểm của người có trí tuệ. Người quá hung dữ, khó khăn thì sẽ làm cho người ta chán ghét; người quá nhu nhược thì sẽ bị khinh rẻ xem thường; người có trí tuệ biết xả bỏ hai hạng người trên, dựa vào trung đạo mà làm.

Có lúc không nói im lặng giống như người câm, có lúc tuyên giảng, dẫn dắt giống như quốc vương, có lúc lạnh lùng giống như băng tuyết, có lúc biểu hiện nhiệt tình như lửa cháy.

Có lúc hiện rõ khí thế cao hùng như ngọn núi Tu-di, có lúc hiện rõ sự hèn mọn thấp kém giống như ngọn cỏ, có lúc hiện rõ sự dũng mãnh như ông vua, có lúc lặng

yên tịch tĩnh giống như giải thoát.

Có lúc có thể chịu đựng được cái khổ đau của sự đói khát, có lúc có thể chịu đựng được các việc vui sướng và khổ đau; nhìn của báu giống như đồng phân đơ bản, có thể tùy tâm điều phục tâm sân hận.

Có lúc vui vẻ thưởng thức âm nhạc và nhảy múa, có lúc xem dường như hoảng loạn sợ hãi giống như một con nai con, có lúc uy mãnh như hổ sói. Quan sát thời cơ nào thích hợp, thời cơ nào không thích hợp, biết lúc nào nên biểu hiện tài năng, lúc nào nên che dấu tài năng

Có thể quan sát thấy phú quý và sự suy bại, có thể nhận được những việc mà người bình thường không nhận được, mới chính là nhận chân chánh; việc nên nhận nhận mà có thể nhận được, đó chỉ là sự nhận bình thường thôi; đối với người yếu ớt cũng phải nhận.

Người đối với những người giàu có, mạnh mẽ thường khiêm tốn, nhẫn nhục, có thể nhận được những việc mà người bình thường không nhận, đó mới là nhận chân chánh; không nên ghét bỏ người ác, sống với những người hay tức giận, thường phải giữ tâm thanh tịnh.

Nhìn thấy người làm việc ác, tự mình không làm; đối với người chiến thắng mình mà có thể nhẫn nại, đây là nhẫn trước sự sợ hãi, bởi vì cảm thấy sợ hãi nên không thể không nhẫn nhục; đối với người có năng lực tương đương với mình mà có thể nhẫn, là vì sợ sanh khởi đấu tranh, đây chỉ là cái nhẫn bình thường; nếu đối với người yếu kém hơn mình mà có thể an nhẫn, đây mới là đại nhẫn nhục.

*Người ngu si khi bị người khác mắng chửi, phỉ báng thì cảm thấy giống như hai cục đá ở trong mắt không thể nhẫn nhịn; người trí có thể nhẫn nhịn những lời chửi mắng độc ác và phỉ báng nặng nề, giống như rải hoa trên thân voi, như chẳng có việc gì xảy ra vậy.*

*Bị nghe những lời mắng chửi độc ác và phỉ báng nặng nề, người hiểu rõ sự lý, có con mắt trí tuệ có thể an nhẫn, giống như trận mưa lớn xối xuống tảng đá to, tảng đá không vì điều ấy mà bị tổn hại hay bị hủy diệt; bất luận là ác ngữ, thiện ngữ cho đến những việc khổ vui, người có trí có thể an nhẫn cũng giống như tảng đá to vậy.*

Nếu là sự thật mà bị nhục mạ, nên tư duy lời nói thành thật của người ấy, không nên tức giận; nếu là việc giả dối mà bị nhục mạ, biết rằng đối phương dối trá thì lời nói đó giống như gió vậy; vì vậy, bất luận

nhục mạ là chân thật hay giả dối, người có trí tuệ biết rõ ràng, đều sẽ không tức giận.

Nếu vì tài sản và các loại lợi ích, phải nhẫn thọ khổ vui, lời chửi rửa độc ác và phỉ báng; nếu không vì tài sản lợi ích, mà có được trăm ngàn châu báu cũng nên lập tức rời xa người ác.

Cành cây bị chặt xong thì không thể nối liền với gốc, người mà đã mất đi nhân tâm thì không nên gần gũi, phải thật sớm chia ra mỗi người một đường mà rời đi thật xa, trong thế gian này còn nhiều người bạn có thể gần gũi.

Người ngu đối với người khác trước mặt thì cung kính, sau lưng thì lại khởi tâm khinh thường, phỉ báng, không cung kính, không tán thán người có đức; người trí thì giống như con thiên nga trắng nhẹ nhàng mà bay đi, xa hẳn những người ngu si này.

Những người thích tranh đấu, tâm ý bất chánh, hòa theo nịnh hót; người thích nhìn lỗi lầm của người khác, kích động sự bất hòa, chia rẽ, nói lời hoang đường, miệng thốt ra lời độc ác, nói những lời không có ý nghĩa; người khinh khi, phỉ báng, nhục mạ chúng sanh, nói những lời tổn thương lòng người, không hộ trì ba nghiệp: thân, khẩu, ý, những người như vậy, người có



trí tuệ sẽ nhanh chóng rời bỏ họ và đi đến nơi khác.

Người ganh ghét làm người khác tổn thương, không có tâm thiện, nhìn thấy người khác có được lợi ích, an vui và danh tiếng thì sanh tâm buồn khổ, tuy miệng thốt ra lời mềm mỏng tốt đẹp, nhưng trên thực tế thì tâm vô cùng ác độc, người như vậy chỉ có người có trí mới có thể hiểu rõ, liền ngay lập tức rời xa, đi đến nơi khác.

Người thích thú những điều không thiện, tham danh tiếng, lợi dưỡng, a dua nịnh hót, tham cầu không biết chán; người không biết xấu hổ, nội tâm không thanh tịnh, biểu hiện ra bên ngoài cũng sẽ như vậy, người có trí tuệ phải nhanh chóng xa lìa, đi đến nơi khác.

Nếu người không có tâm cung kính, kiêu ngạo tự đại, không hợp theo pháp để làm lợi ích chúng sanh, hơn nữa, lại tự khoe khoang là có trí tuệ, nhưng trên thực tế, họ là một người ngu ngốc, người có trí tuệ sẽ sớm xa lìa, đi đến nơi khác.

Ở đây nhận thức ăn, ngoạn cụ, y phục và những vật dụng, nhờ vậy mà thọ mạng được duy trì, nên tư duy, cảm niệm ân đức ấy; người giúp đỡ này cũng giống như người mẹ từ bi, bảo bọc đưa con duy nhất vậy.

Tham ái làm sanh khởi tất cả khổ, trước tiên nên đoạn trừ tham ái mà xa lìa tâm sân hận, tham ái và sân giận đều có thể dẫn dắt con người đọa lạc vào đường ác; cống cao, ngã mạn toàn bộ đều nên xả bỏ.

Khi người khác giàu có thì gần gũi, nhưng khi người ta nghèo đói thì rời xa, người bạn như thế nên nhanh chóng rời xa.

Vì một gia đình mà chấp nhận từ bỏ một người; vì một thôn làng mà chấp nhận từ bỏ một gia đình; vì một đất nước mà chấp nhận từ bỏ một thôn làng; vì bản thân mà chấp nhận từ bỏ thiên hạ, vì chánh pháp mà chấp nhận từ bỏ bản thân.

Vì một ngón tay chấp nhận từ bỏ tài sản hiện có, vì mạng sống mà chấp nhận từ bỏ tay chân, vì chánh pháp mà chấp nhận từ bỏ tất cả.

Chánh pháp giống như một mái nhà có thể che chở mưa gió, người tu hành Phật pháp có thể đạt được sự che chở và bảo hộ của Phật pháp; nhờ sức tu hành Phật pháp mà có thể đoạn trừ ác đạo, giống giữa trưa nắng nóng mà có được bóng râm mát mẻ.

Người tu hành Phật pháp cũng như thế, khi họ cùng một mục tiêu với các bậc hiền nhân, trí giả, thì dù có

đắc vô lượng tài bảo, họ sẽ không cảm thấy vui thích; nếu mất đi châu báu trân quý, họ cũng không cảm thấy lo lắng ưu sầu, thường ngày sẽ chẳng khổ sở để tìm cầu miếng ăn; đây chính là một đại trượng phu kiên định chân thực.

Bồ thí tài sản cho người khác mà vô cùng hoan hỷ, tận lực, nhanh chóng rời bỏ các việc ác ở thế gian, bản thân an nhiên còn hơn biển sâu, đây chính là một đại trượng phu chân chính, dũng mãnh, kiên cường, thù thắng.

Nếu có thể thâm nhập hiểu rõ nghĩa lý, xử lý mọi việc một cách khéo léo, vì người khác mà tâm mềm mỏng, ý vui vẻ đem lại niềm vui, lợi ích cho người khác, mọi người đều tán thán đó là người đại trượng phu có đức hạnh.

Người em trai là Ưu-bà Đại Đạt nói:

- Bây giờ em càng kính trọng, tin tưởng anh, giả sử gặp phải cảnh khổ đau vô cùng, em tuyệt đối sẽ không tiếp tục làm các việc ác.

Bất luận là chết hay là sống, có được tài sản hay mất đi tài sản cũng sẽ không làm việc ác. Bây giờ anh biết rằng em sẽ nghe theo lời chỉ dạy của anh, thà hộ trì

giới thanh tịnh mà chết, chứ tuyệt đối sẽ không phạm giới tùy tiện trộm cắp.

Sao lại đem cuộc đời hết sức ngắn ngủi này mà buông lung, tạo tác ác hạnh? Trong sanh tử luân hồi, nhất thiết không nên buông lung. Ta ở trong sanh tử luân hồi làm những việc không lành, gặp phải những người bạn ác, làm việc phi pháp cho đến ngày nay, khi gặp được bạn tốt mới có thể đoạn trừ”.

Phật có túc mệnh thông, biết nhân duyên bốn sinh ở quá khứ, nên Ngài nói với các vị tì-kheo bài kệ như vậy.

- Lúc đó con rồng Đại Đạt chính là Ta, em trai Ưu-bà Đại Đạt chính là A-nan; con rồng nhỏ Truân-độ-tì lúc đó, nay chính là Đề-bà-đạt-đa.

Các vị tì-kheo nên biết, phải cố gắng tu học, đây là Ta tập hợp những điều liên quan đến giáo pháp rồi dùng kệ tụng tóm gọn mà nói ra. Các vị tì-kheo tăng! Các vị nên thâm nhập hiểu rõ, mọi nơi chốn phải chú ý hành vi của chính mình, nên cung kính, cố gắng tu học cái thiện pháp này.

**Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta:**

Phải tu hạnh nhẫn nhục, phải biết ơn và báo ơn.

Người ngu si khi bị nghe những lời chửi mắng, chê bai, thì giống như có hai cục đá ở trong hai con mắt vậy, không cách gì chịu đựng nổi; còn người có trí tuệ, dù cho có nghe những lời chửi rửa độc ác và phỉ báng nặng nề, họ vẫn có thể an nhiên, giống như đem hoa rải lên thân con voi to lớn, như chẳng có việc gì xảy ra vậy.

Ngoài ra, còn một ví dụ cũng rất hay. Bị người khác nhục mạ, phỉ báng, người có trí tuệ biết biện biệt sự lý, nên có thể an nhĩn, giống như cơn mưa to xối trên tảng đá lớn, tảng đá sẽ không bị tổn hoại; người trí tuệ có thể an nhĩn giống như tảng đá vậy.

Một người biết ơn, thì dù chỉ nhận được một chút bóng mát khi đứng dưới gốc cây, họ cũng biết cảm ơn. Còn người vong ơn bội nghĩa thì thường lấy oán báo ơn, những người này sẽ không sanh khởi được thiện pháp, sẽ không có được quả báo lành.

Từ câu chuyện trên, mong mọi người cùng nhau cố gắng.

*Lớp Giáo dục mở rộng Phước Nghiêın  
Ngày 23.04.2016*